

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG - TẬP 28/5

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 28/5 - No. 1549-1557

SỐ 1549/10

LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP

Tác giả: Tôn giả Tôn Bà Tu Mật.

Hán dịch: Đồi Phù Tần,

Tam Tạng Tăng Già Bạt Trùng, người nước Kế Tân.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

QUYỂN 9

Phẩm thứ 11: KIỀN ĐỘ KIẾN

Hỏi: Nếu các pháp là nhân duyên của pháp kia, từng có khi nào pháp ấy nên nói không phải là nhân duyên của pháp kia?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cũng như pháp kia chưa sinh, bấy giờ pháp kia không phải là nhân duyên.

Hoặc có thuyết cho: Do sự nhân duyên, nên nhân và nhân duyên khác, không phải là nhân duyên. Tiếp theo quyết định tất cả các hành, mỗi mỗi hành đều tự là nhân, tự là quả. Và đạt được quả báo khác, vĩnh viễn không còn sinh nữa. Nếu như nên như vậy thì cảnh giới có sai trái, có pháp hết sức tốt đẹp.

Hỏi: Bậc A-la-hán từ quả vị ấy thoái chuyển trở lại chứng đắc quả A-la-hán. Các thứ căn lực đạo giác ý đã chứng đắc nên nói là vốn đã được nên được hay nên nói là vốn không được nay mới được?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Nếu được đặng giải thoát, nên nói là vốn đã được nên được. Nếu được giải thoát vô ngại, nên nói là vốn không được nay mới được.

Lại nữa, A-la-hán có sáu thứ căn có tăng, giảm. Các A-la-hán đều phân biệt nghĩa ấy. Lúc căn kia tương ưng với căn này, thì căn kia vốn không ở nơi người khác mà được đạo tích. Tư duy có tăng trưởng nhân đầy đủ đoạn. Tư duy có tăng trưởng nên nói là vốn đã được nên được. Đó gọi là có đạo tư duy đoạn. Có tăng trưởng lâu dài, nên nói là vốn không được nay mới được.

Hỏi: Nếu A-la-hán tạo ra tướng bổ thí cho A-la-hán, nếu như không phải là A-la-hán mà tạo ra tướng bổ thí của A-la-hán, thì ai là người được phước nhiều nhất?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu A-la-hán tạo ra tướng bổ thí cho A-la-hán, thì A-la-hán kia được phước nhiều nhất. Vì sao? Vì nghiệp của ruộng phước đã tăng trưởng, xú vọng đã thành ruộng tốt.

Hỏi: Như hành của tâm ý theo niệm đã khởi, vì sao tạo ra thuyết này: Thọ nhận phước rất nhiều. Nếu do ruộng tốt nên được phước nhiều, thì các người có thí cho một vị A-la-hán, họ đều được phước bình đẳng, thế nên sự việc này là không đúng chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cả hai đều cùng thọ nhận phước như nhau. Vì sao? Vì một là do ruộng tốt, hai là do tâm. Nếu do ruộng tốt mà tâm có tăng trưởng thì không phải do tâm, nên làm sao được phước bình đẳng? Lại nữa, nếu không phải A-la-hán mà tạo ra tướng bổ thí cho A-la-hán, thì người kia được phước rất nhiều. Vì sao? Vì tâm công đức của A-la-hán kia là rất vi diệu.

Hỏi: Nếu thí cho ngoại đạo dị học Ni-kiền-tử tạo ra tướng bổ thí cho A-la-hán, thì người kia có được nhiều phước chăng?

Đáp: Người kia không biết công đức của A-la-hán. Nếu người kia lại vì A-la-hán tạo ra tướng bổ thí cho A-la-hán, như thế người ấy

được phước rất nhiều. Người ấy không có lực này để duyên nơi công đức của A-la-hán. Nếu biết được công đức của A-la-hán, người ấy không thí cho dị học Ni-kiền-tử.

Lại nữa, nói tóm lại cũng như cây cột khô mục bị cháy. Tạo ra tướng A-la-hán để tuệ thí, người ấy cũng được công đức lớn.

Hỏi: Không được là những gì? Là quả Tu-đà-hoàn. Nếu như được liền mất chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Như Tu-đà-hoàn kia, bảy lần qua lại nơi nhân gian, có tín giải thoát. Tu-đà-hoàn kia thuộc về quả kiến đế nhưng không được quả Tu-đà-hoàn. Người kia nếu được kiến đế, thì thuộc về quả của tín giải thoát, nên bỏ quả Tu-đà-hoàn. Lại nữa, Tu-đà-hoàn kia phải bảy lần xoay vòng nơi sinh tử, thuộc về Tu-đà-hoàn phẩm hạ, vì các người độn căn không được phẩm thượng, trung. Như Tu-đà-hoàn đi đến bậc Gia gia, hoặc hai, hoặc ba. Nơi sự đi đến ấy, đã diệt hết gốc của khổ. Tu-đà-hoàn đó thuộc về căn phẩm hạ, tiếp theo tức đã được phẩm thượng trung. Nếu Tu-đà-hoàn đi đến Gia gia, vòng khắp hai nhà, thì dứt hết nguồn gốc của khổ. Tu-đà-hoàn đó thuộc về quả Tu-đà-hoàn trung hạ, liền dứt bỏ, không phải do quả Tu-đà-hoàn vô vi hoặc được hoặc bỏ.

Hỏi: Nếu các pháp thành tựu, pháp kia cùng thành tựu. Nếu như các pháp cùng thành tựu thì pháp kia cũng thành tựu chẳng?

Đáp: Nếu các pháp thành tựu, thì pháp kia cùng thành tựu, các tướng bên ngoài không thành tựu. Nếu tự tướng của các pháp thành tựu, thì pháp kia thành tựu.

Hỏi: Nếu các pháp không thành tựu thì pháp kia cùng không thành tựu chẳng?

Đáp: Hoặc pháp cùng không thành tựu, pháp kia không phải là không thành tựu. Các tướng bên ngoài không thành tựu, nhưng tự tướng của pháp kia thành tựu.

Hỏi: Thành tựu, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Tương ứng với tự tướng, đó gọi là thành tựu.

Hỏi: Không thành tựu, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Không tương ứng với tự tướng, đó gọi là không thành tựu.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Gọi là sinh tức sự sinh ấy. Tạo ra thuyết như thế này: Mạng khác, thân khác. Nếu như tạo ra thuyết như thế, thì hai thân, mạng kia đều đồng một nghĩa, phân biệt có từng ấy tướng.

Hỏi: Thế nào là đồng một nghĩa?

Đáp: Nếu tự dựa vào mình thì được nghĩa của duyên kia. Tức tạo ra thuyết này: Nên thân cận Đức Thế Tôn.

Nhiều người tạo ra kiến này: Thân kia, mạng kia

Hỏi: Thế nào là sinh kiến này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Sinh ra thân, tức sinh ra kiến này, cho đến có căn, thân cùng tương ứng. Hiện nay cũng lại như thế, ở trong ấy lại có mạng, lại có thân.

Hoặc có thuyết cho: Quán căn của chúng sinh, tướng của chúng sinh. Chúng sinh: Là chúng sinh căn, chúng sinh tánh, chúng sinh loại, chúng sinh chủng, trong đó tức có mạng của chúng sinh kia, thân của chúng sinh kia. Như thế là đã nói: Thân nữ có sức, ở đây không có mạng ngắn. Người có thân lớn không nhận biết xúc khổ, thì ý căn đoạn dứt.

Hỏi: Các kiến đã sinh mạng khác, thân khác, vì sao sinh khởi kiến này?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Lân lượt quán thân, tâm. Về tâm: Cũng lần lượt cùng quán tâm pháp của tâm kia tạo ra tướng ngã, mạng khác, thân khác nên có kiến này.

Hoặc có thuyết nói: Các người có thiên, quán về oai nghi của họ, tạo thành nhân duyên. Quán về nhân duyên kia liền tạo ra ý này: Thân khác, mạng khác. Thân đã tạo hành khi xoay chuyển.

Hoặc có thuyết cho: Thân không hư hoại liền mạng chung, nên khởi suy nghĩ này: Thân khác, mạng khác. Nếu thân chưa trụ liền mạng chung.

Hoặc có thuyết nêu: Trong giấc ngủ say, mộng thấy thân du hành, ở đây có thân, người ấy liền khởi suy niệm: Mạng khác, thân khác, nếu trong mộng có nơi chốn du hành.

Hoặc có thuyết nói: Do tam muội nên tự nhớ lại thọ mạng đời trước của mình, ở nơi xứ xứ kia mạng chung, sinh trong cõi này. Người kia thấy thân trụ trong ấy liền tạo ra thuyết này: Thân khác, mạng khác.

Hoặc có thuyết cho: Nghe thấu suốt, do thiên nhãn quán về loại chúng sinh: Lúc chúng sinh sinh, khi chúng sinh chết, thân ở nơi trung âm bị trói buộc, nên thấy sự sống chết kia, liền khởi suy nghĩ: Thân mạng này đều cùng du hành.

Lại nữa, trung gian của thân, nhớ lại đời trước của mình đã từng trải qua, liền khéo xoay chuyển, nên khởi suy nghĩ: Mạng khác, thân khác. Hoặc về sau này, người khác cũng nói: Mạng khác, thân khác.

Hỏi: Các kiến đã sinh, không nhân, không duyên. Chúng sinh bị cấu uế buộc chấp, không phải là có nhân, không phải là có duyên. Chúng sinh bị nhiễm buộc làm sao sinh ra kiến này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu ở nơi chốn vắng lặng.

Hoặc có thuyết cho: Quán các thứ cấu uế khởi. Quán ở trong cung, hoặc thấy thanh tịnh, người kia liền có suy nghĩ: Không có nhân, khởi các cấu uế chấp trước. Lại nữa, do hai lực nên sinh các cấu uế chấp trước. Hoặc do sức của nhân, hoặc do sức của cảnh giới.

Do nhân duyên này nhưng không biết nên nói là không nhân, không duyên. Chúng sinh nhiễm chấp nơi các kiến. Hoặc như người khác nói: Các kiến đã sinh không nhân, không duyên, là chúng sinh thanh tịnh. Không phải là có nhân, không phải là có duyên, là chúng sinh thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao sinh khởi kiến ấy?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Ở đây quán đến chôn vắng lặng nhưng không thanh tịnh. Ở trong cung sâu, hoặc có thanh tịnh, nơi ấy liền khởi suy nghĩ này: Không nhân nhưng có thanh tịnh.

Lại nữa, do ba sức nên thanh tịnh: Sức của nhân, sức của cảnh giới, sức của phương tiện. Sức của nhân, sức của cảnh giới của thời gian tương ưng kia, pháp thiện như xoay chuyển có thanh tịnh sinh. Do đây nên không nhận biết cho là không nhân, không duyên. Chúng sinh thanh tịnh được kiến này, hoặc do người khác nói.

Hỏi: Các kiến đã sinh, không nhân, không duyên, chúng sinh không trí, không kiến, không phải là có nhân, không phải là có duyên, chúng sinh không trí không kiến, vì sao sinh khởi kiến này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người kia tức không có siêng năng, ân cần, vì sao khởi không trí, không kiến? Nếu lại sinh, như thế là không trí. Ở đây lại khởi suy nghĩ: Không nhân, không duyên, là chúng sinh không trí, không kiến. Lại nữa, nhân duyên của hành sinh tử, không có hành tạo phương tiện, cũng không siêng cầu trụ, trong không trí, không kiến, không tư duy về nhân kia cùng với pháp tương ưng khác, tương ưng với không trí không kiến. Có lúc không tương ưng, có lúc tương ưng với trí. Không nhân, không duyên, chúng sinh không trí, không kiến mà được các kiến, hoặc do người khác nói.

Hỏi: Các kiến đã sinh, không nhân, không duyên, trí kiến của chúng sinh không phải là có nhân, không phải là có duyên, trí kiến của chúng sinh vì sao là kiến này?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Người quán ân cần, không khởi trí kiến. Do ít ân cần, hoặc khởi trí kiến. Ở đây liền tạo suy nghĩ: Pháp kia do không có nhân, nên chúng sinh có trí kiến.

Lại nữa, có năm sự nên trí kiến xoay chuyển: Là gian trá thuộc về nghĩa, thuộc về danh. Nhận biết nhân kia cùng với pháp tương ưng khác, tương ưng, không tương ưng với trí kiến. Như thế là lúc không nhân, không duyên, trí kiến của chúng sinh được các kiến, hoặc do người khác nói.

Hỏi: Các kiến đã sinh, không sức, không tinh tấn, vì sao sinh khởi kiến ấy?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Hoặc thấy dung mạo của người có được nghiệp làm ruộng, có người không được nghiệp làm ruộng. Hoặc lại có dung mạo của người ít có nghiệp làm ruộng, ở đây là dung mạo của người không có quả, không sức, không tinh tấn, nên khởi các kiến. Lại nữa, có rất nhiều pháp tương ưng với đời nay, đời sau, hoặc có được quả báo. Đối với người kia hoặc do sự nên không được quả báo. Người ân cần ở trong ấy, khi không được quả, là do không sức, không tinh tấn, nên có các kiến, hoặc do người khác nói.

Nhân khác vốn đã duyên

Tu-đà-hoàn thành tựu

Bốn thứ cùng hai thứ

Nhân mạng, bốn thứ lực.

Hỏi: Các kiến đã sinh, không có kẻ thí, không có người nhận, vì sao Khế kinh nói sinh khởi kiến này?

Đáp: Quả của hành thiện, hành ác đã sinh. Nếu lúc thân cận, ở trong ấy không thể nhận biết quả thật không có hành thiện, hành ác, vì có các kiến, hoặc do người khác nói. Không có đời nay, không có đời sau, cũng không có loại chúng sinh. Người có sinh, như thế là có,

người kia quán không có cha mẹ, nhân nơi sự mà có. Đời không có A-la-hán, người tu hành đạo, nhưng không có đạo.

Hỏi: Các kiến đã sinh ở trong cõi này có mạng sống, đời sau lại không còn chết, vì sao sinh khởi kiến này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đó gọi là con người có thân của ngã, ngã sở. Người kia nếu khi mạng chung, thân của đất trở về với đất, nước trở về với nước, lửa trở về với lửa, gió trở về với gió. Các căn trở về với hư không.

Hoặc có thuyết cho: Khi âm vượt qua đời, không thấy trở về, ở nơi cõi này, mạng sống có được các kiến. Lại nữa, ở trong thai, hoặc sau cùng ở trong thai, quán xét mạng mình, người kia cũng thấy có trước sau. Ở đây mạng sống có được các kiến, hoặc do người khác nói.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Có sáu sinh.

Hỏi: Thế nào là có sáu sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Như Khê kinh đã nói: Người sinh theo màu đen là do ở nơi pháp đen sinh. Lại nữa, nhóm dị học ngoại đạo nói: Có sáu sinh: Sinh ra theo màu đen, màu xanh, màu vàng, màu trắng, màu đỏ, màu trắng vi diệu. Sinh theo màu đen: Là kẻ giết mổ heo, đánh bắt cá, săn nai, thả chim ung, giết bò và hành ác khác. Sinh theo màu xanh: Người học đạo Ni-kiền-tử. Sinh theo màu vàng: Cư trú ở nhà, thọ giáo với Phạm chí. Sinh mang màu đỏ: Như Sa-môn Thích-tử và các người tu phạm hạnh. Sinh mang màu trắng: Là lừa hình học đạo. Sinh mang màu trắng vi diệu: Nan-đa, Bà-tha, Ngật-lê, Xá-tăng, Ngật-lật, Đố-cù, Xá-lô-vị, Ca-Lê-tử.

Hỏi: Các kiến đã sinh là thật có. Thân bảy đại này không tạo tác, không nên tạo tác, không hóa hiện, không nên hóa hiện, tụ ít, lia trụ rất sâu, vì sao sinh khởi kiến ấy?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tánh của bốn đại, tánh khổ vui lần lượt xoay chuyển, không quán hữu vượt hơn. Người kia dựa vào thức cùng tướng của mạng. Bảy thân này không tạo tác, không nên tạo tác được các kiến.

Hoặc có thuyết cho: Bốn đại có khổ vui, bốn đại do sinh quán. Thời gian kia có bảy thân không tạo tác, không nên tạo tác. Như thế nên có được các kiến. Lại nữa, tâm cùng với sắc lựa chọn đối tượng kiến, ở trong đó không mang giữ tự giác, bảy thân không tạo tác, không nên tạo tác. Như thế là có được các kiến. Hoặc lại có lúc do người khác nói.

Hỏi: Các kiến đã sinh không có gió, vì sao sinh khởi kiến ấy?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Gió có tướng mạng, người kia lại khởi suy nghĩ: Không có gió, đây là loại chúng sinh. Lại nữa, có tướng thường, tướng hoại. Dựa vào tướng ấy không có gió nên được các kiến, hoặc do người khác nói.

Hỏi: Làm sao nhận biết được kiến này không phải được tạo nên do giàu sang?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu như tạo nên nhân nơi giàu có, thì kiến kia tức giàu có. Tất cả các vật đều cùng có xoay chuyển, nối tiếp sinh không dứt. Thế nên giàu sang không phải là nhân của kiến kia.

Lại có thuyết cho: Nếu giàu sang là nhân, thì tất cả vật tức cùng giống nhau, cùng với trước là nhân, lần lượt là vật tinh diệu. Thế nên là nhân của giàu sang.

Lại nữa, nếu giàu sang là nhân, thì bên trong không có vật, sự không tụ tập, không ở nơi sự trung gian, không tụ tập, không có vật. Thế nên giàu sang không phải là nhân.

Hỏi: Vì sao nhận biết được giàu sang này không phải là nhân?

Đáp: Nếu như không phải là nhân tạo ra, thì tụ tập nên có tất cả vật nối tiếp sinh không đứt đoạn, khi quán nhân kia bị trói buộc nối tiếp không sinh lại.

Lại tạo ra thuyết này: Nếu không có nhân xoay chuyển vật, thì tất cả các vật đều nên giống nhau. Nhân có tăng nên quả có tăng, quả ấy không phải là nhân. Lại nữa, nếu vật không có nhân xoay chuyển, thì không ở nơi trung gian có tiến triển, có tụ tập. Sự vật không ở nơi trung gian, không tụ tập, ở đây nhận biết được không phải có nhân xoay chuyển vật.

Hỏi: Vì sao nhận biết được tướng kia không phải là mạng, tướng kia không phải là thân?

Đáp: Tự tướng của từng ấy thứ thân hư hoại, tướng không tan hoại là đối tượng yêu mến của mạng, ở trong đó nhận biết được tướng kia không phải là mạng, không phải là thân.

Hoặc có thuyết nêu: Nhân duyên của thân đã trói buộc, lần lượt sinh, không phải mạng lần lượt được yêu mến, ở trong đó nhận biết được tướng kia không phải là mạng, không phải là thân.

Lại nữa, thân đã gây tạo hoặc tự làm, hoặc bảo người khác làm. Như thế là không yêu mến mạng, ở trong đó nhận biết được không phải là mạng, không phải là thân.

Hỏi: Vì sao nhận biết được không phải là mạng khác, thân khác?

Đáp: Mạng khác, thân khác là không thể được, cũng không có thời gian nào có thể đạt được, cũng không thể nói, ở trong đó nhận biết được không phải là mạng khác, thân khác.

Lại có thuyết nói: Nghĩa của thân khác với vô số, tự nhiên không có đối tượng hành tác, nhưng có vô số ái. Ở trong đó nhận biết được không phải là mạng khác, thân khác. Về nghĩa đã tạo ra sự việc của ngã, từ xưa đã có lần lượt, mạng không phải lần lượt là ái, nên ở trong đó nhận biết được không phải là mạng khác, thân khác.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Người kia tạo tác, người kia tự được, vô ký không thể nói, người khác tạo tác, người khác tự được. Điều này không thể ngôn thuyết.

Hỏi: Nghĩa của lời nói này là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Người kia tạo tác, người kia tự được: Đây là thuận theo có thường. Người khác tạo tác, người khác tự được: Đây là thuận theo đoạn diệt. Hai vật này cùng tìm cầu, trong xứ Như Lai thuyết pháp, ở đây không ghi nhận.

Hoặc có thuyết nêu: Người kia tạo tác, người kia tự được. Đây là nghĩa tối đệ nhất của vô ký, nhận biết các hành. Người khác tạo tác, người khác tự được, là vô ký này được các đế, nên hiện hành không thể hoại, không phải nguyên do để nhận hành báo.

Lại nữa, người kia tạo tác, người kia tự được, mình tạo tác, mình tự được, Đức Thế Tôn nói không, ở đây là không nói. Người khác tạo tác, người khác thọ nhận báo, là sự giàu có đã tạo ra, người khác thọ nhận. Như thế là Đức Thế Tôn đã nói về nhân duyên, vì vậy không ghi nhận.

Hỏi: Vì sao nhận biết được sự của hành khác đã gây tạo?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu như có sự của hành đã gây tạo, thì tất cả hành của sự kia là hành, cả hai đều cùng đã tạo ra hành nối tiếp nhau sinh. Thế nên sự không tạo ra hành.

Lại có thuyết cho: Nếu như sự tạo ra hành, thì tất cả hành tức không phải là tinh diệu. Hành tinh diệu lần lượt ở trong một sự, nhân đây nhận biết được không phải sự tạo ra hành.

Lại nữa, nếu như sự tạo ra hành, thì ở nơi trung gian có hành tụ tập, không ở nơi trung gian hành tụ tập xoay chuyển. Ở trong đó nhận biết được không phải sự tạo ra hành.

Hỏi: Vì sao nhận biết được có xứ khác là sau cùng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Thấy tâm bị tâm mềm mỏng xoay chuyển, ở giữa liền thấy tâm sau cùng bị tâm mềm mỏng xoay chuyển. Như thế là ở trong đó nhận biết được xứ khác là sau cùng. Về sau tạo ra thuyết: Căn của đối tượng nương dựa là căn vốn đã sinh, nên có ý căn rộng lớn, nhân quán ý căn kia, nếu đã ở trong thai mẹ, thì không ở nơi ý căn gốc của trung gian. Ý căn kia cũng không là căn gốc ở trung gian. Thế nên nơi thọ mạng đời trước, ý căn kia ở đây đến trong kia, nhận biết được có xứ khác là sau cùng. Lại nữa, không ở nơi tâm của trung gian, tâm có chỗ hành tác, thấy tâm sắc dựa vào sắc kia để có tâm ấy. Tướng cấu uế là tâm thấy sắc xoay chuyển, ở trong đó nhận biết được kiến có xứ khác, có các vật từng bước, từng bước sinh. Vì sao? Vì lúc trước kia không sinh.

Hoặc có thuyết nêu: Vì sự không đầy đủ.

Hỏi: Hoặc không có hai sự chẳng?

Đáp: Đều có thời gian đạt được nên có quả thật.

Hỏi: Từng có không có hai thời chẳng?

Đáp: Đều có thời hiện bày ở nơi nhân.

Hỏi: Đây cũng là điều tôi nghi: Vì sao không sinh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các vật nơi thời gian gốc thì sinh, chúng hiện bày ở nhân. Lại nữa, ở nơi nhân vị lai, cũng như không nhân, nếu ở thời gian gốc của nhân kia không sinh. Lại nữa, các vật vốn sinh, nay đều từ nhân sinh, nhưng gốc không tận, quả của thời gian gốc không sinh, ở trong ấy tức nên có, hướng chi lại là hành nơi thời gian gốc không tận cùng. Nên tạo ra quán ấy. Vì trung gian của luận, không phải do tận sự nên nói.

Như học hoặc tạo ra thuyết này: Vật có hư hoại, nhưng không mất đi.

Hỏi: Vì sao nhận biết được vật tận nhưng không tan hoại?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Nếu như vật tan hoại thì ở nơi xứ kia cũng có vật đi đến. Như đứa con ở nơi thai mẹ, cùng một lúc đến, hoặc từng bước từng bước nhận biết thì ở trong đó biết được vật có tận nhưng không tan hoại.

Hoặc có thuyết nêu: Nếu vật tan hoại thì vật ấy cũng sẽ đến. Đứa con ở nơi thai mẹ, hình tướng hiện bày đoạn dứt, thường xoay chuyển, ở trong đó biết được vật có tận nhưng không tan hoại. Lại nữa, kiến là sự kia tương ưng cùng tư duy mà sinh. Thế nên vật tụ tập đều là phương tiện tan hoại. Giận dữ có tăng, đã có thể được trụ, ở trong đó nhận biết vật có tận nhưng không tan hoại.

*Nếu có sinh ở đây
Giàu sang cũng không nhân
Mạng tạo xứ khác trọn
Vật tận và tan hoại.*

Kiên độ Kiến thứ mười một xong.

Phẩm thứ 12: KIÊN ĐỘ CĂN

Khế kinh Uất-đà-la-da nói rộng.

Hỏi: Nói lời như thế, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cảnh giới của năm thức thân cùng ý có xoay chuyển ở nơi giữa, tức tạo ra thuyết này: Cảnh giới du hành của ý này có từ bỏ.

Hỏi: Như Khế kinh Lục Trùng nói: Vô số từng ấy chủng loại. Tất cả cảnh giới là ý. Năm thức thân kia thấy cảnh giới liền có oai nghi chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Thanh của căn thuộc năm thức thân đã nói, ý thức là ý thanh. Năm thức thân, mỗi mỗi thức đều cùng giữ lấy nghĩa kia là ý thức. Tất cả cảnh giới đã được duy trì ghi nhận mạnh mẽ không quên. Cũng như năm thợ chuyên, mỗi người đều có kỹ thuật cùng đến hỏi han để thợ nhận một người.

Hoặc có thuyết nêu: Cảnh giới của năm thức thân là hiện tại, là oai nghi của năm thức thân. Quá khứ, vị lai là ý. Đây là yếu chỉ của Khế kinh này.

Lại có thuyết nói: Cảnh giới của năm thức thân là tự tướng của năm thức thân, hiện bày ý thức tụ tập điều từng trải qua.

Lại có thuyết cho: Cảnh giới của năm thức thân gồm thâu năm thức thân cùng với sự giống nhau khác.

Lại có thuyết nêu: Năm thức thân duy trì, ý thức thân thì đi đến, pháp của chủng loại nhân quả tương tự kia là ý thức. Năm thức thân tức có cảnh giới, là nghĩa ấy.

Lại có thuyết nói: Ý thức thân có hai thứ: Có diễn giải rộng và không diễn giải rộng. Có diễn giải rộng được gọi là cảnh giới của ý.

Lại nữa, đây là lời răn dạy của Đức Thế Tôn. Nếu nói nhân duyên là năm thức thân của Ưu-đà-la-da-da, ở nơi thứ nghĩa này để diễn giải rộng. Thế nên đương tri căn, dục tri căn nên nhớ nghĩ về thân thức.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới?

Đáp: Các căn nên nói là cảnh giới oai nghi của ý. Ý có tận. Ý có niệm. Ý vốn nhớ nghĩ về sự việc. Ý vốn nhớ nghĩ về sự việc đã qua.

Muốn nhận biết phương tiện của ý, nên nhớ nghĩ về đối tượng đã suy niệm.

Hỏi: Thế nào là ý kia truyền đi khắp hy vọng?

Đáp: Là bốn ý chỉ gốc đã xoay chuyển, thế nên là phương tiện của niệm.

Muốn nhận biết phương tiện của ý, nên nhớ nghĩ về bốn ý chỉ.

Hỏi: Thế nào là bốn ý chỉ kia có niệm?

Đáp: Nên nói là nghĩ đến Bà-la-môn, nên nhớ nghĩ về bốn ý chỉ. Bốn ý chỉ là gốc khiến xoay chuyển bảy giác ý. Thế nên muốn nhận biết phương tiện của bốn ý chỉ, nên ghi nhớ bảy giác ý.

Vì sao có được bốn ý chỉ này? Vì vậy nói bốn ý chỉ của Bà-la-môn nên nhớ nghĩ về bảy giác ý. Tu bảy giác ý, trụ nơi minh giải thoát, thế nên muốn nhận biết phương tiện của giác ý, nên nhớ nghĩ về minh giải thoát.

Hỏi: Thế nào là có bảy giác ý này?

Đáp: Bảy giác ý của Bà-la-môn, nhớ nghĩ về minh giải thoát, cũng như tạo ra minh giải thoát. Bảy giác ý của Bà-la-môn kia được hai căn đoạn kết, thế nên muốn nhận biết minh giải thoát.

Vô minh, hữu ái nơi ái đã đoạn, nên tạo ra nhớ nghĩ này. Thế nào là trụ nơi minh giải thoát? Vì thế Bà-la-môn không có minh giải thoát để nhớ nghĩ về Niết-bàn. Uất-đà-la-da nhớ đến Luận lâu xa để vượt qua luận này. Đức Thế Tôn cũng nói: Đây gọi là giới cấm của Hiền Thánh đã xoay chuyển. Hoặc có đối tượng nhận biết, ít có đối tượng nhớ nghĩ. Vô minh kia đã đoạn, ái hết, công việc làm đã xong, nên nói là đi đến Niết-bàn, phạm hạnh của ta đã lập.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của vị tri căn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người chưa vượt qua thứ lớp, không tu hành các học trí tuệ, căn trí tuệ, pháp kiên cố của các căn hiện có, chưa tu hành bốn đế thì nên tu hành bốn đế, đó gọi là vị tri căn. Vì sao? Vì người kia không là tất cả giác trí.

Hỏi: Tất cả chỗ không nhận biết của Tu-đà-hoàn cũng lại do tất cả nhận biết này để nhận biết?

Đáp: Người kiến đế tức nhận biết các căn. Lại nữa, vị trí căn là có tướng như thế. Cũng như nhãn căn, người này không có tướng ấy, thế nên phải quán tướng của A-tỳ-đàm.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của dĩ tri căn?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Người kiến đế được các học trí tuệ, căn trí tuệ và tín giải thoát của căn khác. Kiến đế thân chứng, tu hành bốn đế trên, đó gọi là dĩ tri căn. Vì sao? Vì người không nhận biết tất cả.

Người kia hướng đến liền nhận biết, là muốn khiến cho người kia có căn trí tuệ chăng? Lại nữa, ta đã nhận biết đó gọi là dĩ tri căn, cũng như nhãn căn. Nhãn căn đó gọi là dĩ tri căn. Cũng như vua, quan, như nương dựa nơi Hiền Thánh. Do đấy nói là dĩ tri căn. Như dựa vào quả nơi cây có quả, không có tất cả tướng. Vì thế nên quán tướng của A-tỳ-đàm.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của vô tri căn?

Đáp: Bậc A-la-hán dứt hết lậu, đạt được các thứ trí tuệ vô học, căn trí tuệ cùng căn đã thành tựu, giải thoát, trí tuệ giải thoát. Nếu A-la-hán thấy rõ trú xứ của pháp thiện, đó gọi là vô tri căn. Vì sao? Vì những căn này tạo ra các sự việc.

Hỏi: Vì sao Niết-bàn nói là vô lậu?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Vì Niết-bàn kia không sinh khởi hữu lậu.

Lại có thuyết nói: Không thể sinh khởi hữu lậu.

Lại có thuyết cho: Niết-bàn kia không cùng với hữu lậu tương ưng. Lại nữa, Niết-bàn kia không gây tạo hữu lậu, cũng không mong cầu hữu lậu. Thế nên Niết-bàn được gọi là vô lậu.

Hỏi: Vì sao Niết-bàn nói là vô trí?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Thế nào là A-la-hán vô trí của đệ nhất nghĩa? Điều này cũng là chỗ nghi của tôi: Vì sao tạo ra thuyết này: Quả vô trí nói là vô trí. Cũng như quả của hành, sáu tình nói là hành gốc. Tôn giả tạo ra thuyết: Các hữu cung kính vô trí này là Niết-bàn. Người kia liền có Niết-bàn tự nhiên của vô trí. Thế nên cần xả bỏ, vì đây không phải là luận.

Hỏi: Vì sao tướng không nói là căn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì nghĩa tăng thượng là nghĩa của căn, còn tướng không phải là loại tăng thượng.

Hỏi: Như đã nói: Tất cả các pháp, mỗi mỗi pháp đều tăng thượng, vì thế tướng cũng có tăng thượng chăng?

Đáp: Lại có thuyết cho: Tướng không thể đoạn trừ kiết.

Hỏi: Như đã nói: Tu tướng vô thường đoạn hết dục ái, thế nên tướng cũng đoạn trừ kiết chăng?

Đáp: Lại có thuyết nêu: Tướng không được căn gồm thâm. Như đã nói: Tu tướng vô thường, đoạn trừ tất cả dục ái. Tôn giả nêu ra thuyết này: Tạo tướng của tướng là thâm giữ tự tướng, như quán đối tượng giữ gìn.

Hỏi: Các thứ khổ thì tất cả khổ kia đều tạo thành khổ căn chăng? Nếu như tạo thành khổ căn thì tất cả khổ căn kia đều là khổ chăng?

Đáp: Các thứ khổ thì tất cả khổ kia đều tạo thành khổ căn. Hoặc có khi tạo thành khổ căn nhưng khổ căn kia không phải là khổ. Vì đã được khổ căn nhưng không mất cùng những căn khác hiện ở trước.

Hỏi: Các thứ vui thì tất cả vui kia đều thành tựu lạc căn chăng? Nếu như thành tựu lạc căn thì tất cả lạc căn kia đều là vui chăng?

Đáp: Các thứ vui thì tất cả chúng đều thành tựu lạc căn. Hoặc có khi thành tựu lạc căn nhưng lạc căn kia không phải là vui. Tức đạt được lạc căn nhưng không mất cùng những căn khác hiện ở trước.

Hỏi: Vị tri căn gồm thâu bao nhiêu căn? Lại có bao nhiêu căn gồm thâu vị tri căn?

Đáp: Vị tri căn thuộc về một ít nhập của một căn. Một căn của trí tuệ căn gồm thâu trí tuệ căn của vị tri căn.

Hoặc có thuyết nói: Vị tri căn là một ít nhập của chín căn. Năm căn thiện như ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn, chín căn gồm thâu vị tri căn. Đây cũng là thuyết của Tôn giả Đàm-ma-đa-la đã tạo ra: Vị tri căn thuộc về một căn là vị tri căn.

Lại nữa, một căn gồm thâu vị tri căn tức là vị tri căn. Dĩ tri căn, vô tri căn cũng lại như thế.

Hỏi: Vị tri căn tương ưng với bao nhiêu căn? Có bao nhiêu căn tương ưng với vị tri căn?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Vị tri căn tương ưng với tám căn và năm căn thiện như lạc căn, hỷ căn, xả căn. Tám căn cũng tương ưng với vị tri căn như trên không khác.

Hoặc có thuyết nêu: Vị tri căn tương ưng với chín căn như nghĩa trên. Chín căn tương ưng với vị tri căn.

Tôn giả cũng tạo ra thuyết này: Vị tri căn không tương ưng với các căn. Các căn không tương ưng với vị tri căn. Dĩ tri căn và vô tri căn cũng lại như thế.

Hỏi: Từng có do nương vào hư hoại nên các ái chấp vương, trước là tụ tập, sau đây là sinh quả chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Từng có nhãn căn hủy hoại, nhãn thức không hủy hoại.

Hỏi: Vì sao không nương dựa nơi nhãn thức?

Đáp: Sự sinh không có nương dựa nơi các dục, do một thời cùng tụ tập tạo nên quả thật. Người kia nói: Không có nhãn căn, nhãn thức đều cùng do bốn đại sinh, đều cùng có bốn đại của sắc, thanh, hương, vị, dựa vào bốn đại của sắc, thanh, hương, vị, tức là nghĩa ấy.

Hỏi: Điều này cũng ở trong đó có nghi. Từng có dựa vào hoại hay dựa vào không hoại? Các ái trên là do ái sắc nên trụ chẳng?

Đáp: Người kia nói thế này: Có. Hoặc nhãn thức hoại, nhãn căn không hoại.

Nếu nhãn căn có nhãn thức, thì nhãn căn ấy hiện nay không có, vì sao nay nói mười hai nhân duyên nhưng có trái nhau? Cũng nhân nơi nhãn căn kia mà có, không có nhãn căn kia thì không có. Nếu người của cõi dục không sắc, thì họ nói là không có, vì đối tượng nương dựa đã hoại thì sự nương dựa kia đều hoại.

Hỏi: Từng có nhãn căn cùng với nhãn thức đều cùng sinh chẳng?

Đáp: Như nghĩa trên đã nói.

Hỏi: Vì sao năm căn đều là thiện? Sau đây ba căn là thiện, bất thiện, vô ký?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Năm căn là vô lậu. Ba căn cũng là hữu lậu, cũng là vô lậu.

Tôn giả nói thế này: Năm căn thiên về phần cùng tương ưng với biện biệt đại sự. Ba căn thì không có lý nhất định.

Hỏi: Vì sao báo của ưu căn là không thể đạt được?

Đáp: Sự ân cần của hiện tại liền có ưu căn. Ưu căn này không thể đạt được, vì cũng mất. Thế nên ưu căn kia không có báo.

Tôn giả nói thế này: Vì ưu căn thiên về nhiễm chấp, không giống với báo kia, nên nói ưu căn không có báo.

Hỏi: Vì sao nghi của cõi dục cùng với hai căn tương ưng là ưu căn, xả căn. Còn nghi của cõi sắc thì tương ưng với ba căn là lạc căn, hỷ căn, xả căn?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Ở cõi sắc không có ưu căn, thế nên không cùng với ưu căn kia tương ưng.

Hỏi: Trong cõi dục cũng có lạc căn, hỷ căn, nên cõi dục tương ưng với hai căn đó chăng?

Đáp: Tôn giả nói như thế này: Nghi không có vấn nạn cùng với ưu căn tương ưng. Ưu căn thì ở bên trái, nên có số của xả căn, ưu căn, không có nghi, có lạc có hỷ.

Hỏi: Từng có pháp đệ nhất thế gian không ở nơi trung gian của khổ pháp nhãn làm duyên duyên chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Có. Trừ trí tuệ của khổ pháp nhãn kia và trí tuệ của pháp đệ nhất thế gian khác, duyên theo trung gian của trí tuệ.

Tôn giả nói thế này: Trung gian thức của thức, duyên nơi tâm tâm pháp, ở nơi tánh của tâm kia xoay chuyển, trung gian ít có nhiều, trung gian nhiều có ít, thế nên không ở nơi trung gian có duyên.

Hỏi: Từng có pháp đệ nhất thế gian không cùng với lạc căn, hỷ căn, xả căn tương ưng chăng?

Đáp: Có. Như ba căn trên, như tương ưng của pháp đệ nhất thế gian này.

Hỏi: Như đã nói: Dựa vào thiên thứ ba cùng vượt qua thứ lớp để thủ chứng. Nếu pháp đệ nhất thế gian hiện ở trước, đó là pháp đệ nhất thế gian cùng với lạc căn tương ưng. Như thế là pháp kia có trái nghịch. Vì sao nam căn, nữ căn gọi là hữu hình?

Đáp: Ở trong đó có tên gọi là nam, là nữ.

Hỏi: Nếu cùng có hai hình, cũng gọi có hai hình. Các người nữ, tất cả người nữ ấy đều thành tựu nữ căn chăng? Nếu như thành tựu nữ căn thì tất cả nữ căn ấy đều là người nữ chăng?

Đáp: Các người nữ đều thành tựu nữ căn.

Hỏi: Từng có thành tựu nữ căn, người kia không phải là người nữ chăng?

Đáp: Cũng như có hai hình là thành tựu hai căn. Cũng như gấu đực, gấu cái và chủng loại sinh khác.

Hỏi: Các người nam, tất cả người nam ấy đều thành tựu nam căn chăng? Nếu như thành tựu nam căn thì tất cả nam căn ấy đều là người nam chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các người nam, tất cả người nam ấy đều thành tựu nam căn.

Từng có thành tựu nam căn, nam căn ấy không phải là người nam chăng? Cũng như có hai hình.

Lại nữa, hoặc là người nam, người nam ấy không thành tựu nam căn chăng? Cũng như trời cõi sắc, vô sắc.

Từng có thành tựu nam căn, nam căn ấy không phải là người nam chăng? Cũng như có hai hình thành tựu hai căn. Cũng như gấu đực, gấu cái và chủng loại sinh khác. Cũng như hình đổi thay của bán nguyệt ở trên. Ganh ghét, hy vọng là hình ngoài. Hoặc người nam thành tựu nam căn, nếu người sinh trong cõi dục. Hoặc không phải là người nam không thành tựu nam căn. Người nữ sinh ít tạo ra bệnh, ít ở nơi chốn. Chúng sinh của mô trứng và thứ sinh khác hoặc có lúc dày dần.

Hỏi: Các người phi nam, phi nữ, tất cả người ấy đều không thành tựu nam căn, nữ căn chăng? Nếu như không thành tựu nam căn, nữ căn, thì tất cả người ấy đều là phi nam căn, phi nữ căn chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Các người không thành tựu nam căn, nữ căn, thì tất cả người ấy không phải là nam, không phải là nữ.

Tùng có là phi nam, phi nữ, những người ấy thành tựu nam căn, nữ căn chăng? Cũng như có hai hình.

Lại nữa, hoặc không thành tựu nam căn, nữ căn, thì những người ấy không phải là nữ, không phải là nam, cũng như trời nơi cõi sắc, vô sắc.

Tùng có thành tựu nam căn nữ căn, không phải là nam, không phải là nữ. Cũng như có hai hình, thành tựu hai căn. Cũng như gấu đực, gấu cái và chủng loại sinh khác.

Tùng có thành tựu nam căn, không phải là nữ căn, nhưng không phải là nữ, không phải là nam căn. Cũng như hình đối thay của bán nguyệt, bệnh ganh ghét.

Tùng có không thành tựu nam căn nữ căn, những người ấy không được nói là nam căn, là nữ căn. Cũng như sinh ra chứng bệnh thũng, chúng sinh ở thai, mô trứng dày dần cùng chúng sinh không lẫn lộn của chủng loại khác?

*Năm, ba trí vô lậu
Tướng, phương tiện khổ vui
Không hoại có hai ý
Nghĩ nam, nữ thế gian.*

Kiền độ Căn thứ mười hai xong.

✽

Phẩm thứ 13: KIỀN ĐỘ NHẤT THIẾT HỮU

Hỏi: Nên nói tất cả đều là hữu chăng?

Đáp: Nên nói tất cả đều là hữu. Vì sao? Vì cũng như mười hai nhập, có mười hai nhân duyên này, thế nên tất cả đều là hữu.

Nếu tất cả đều là hữu thì vì sao là không cũng nên có? Không vật cũng thấy đều có?

Vì sao đối với không nói không lại là có? Nếu nói có tất cả, thì tất cả nói không cũng là có?

Vì sao nhận biết được cũng như không, cũng có, là muốn khiến cho hiện tại cũng có, không? Vì hiện tại có, là ở giữa có, không chẳng? Nếu như tất cả, tất cả có, thì cũng nên có không này? Thế nào là được tất cả có? Nếu không tất cả có, thì cũng nên hư giả là không. Không là không vật, tất cả đều có?

Lại có thuyết nói: Nên nói tất cả là hữu. Như tất cả này, cho đến hữu vi, vô vi, pháp ấy tức có. Thế nên tất cả là hữu.

Hỏi: Xét tính so sánh, tất cả nhân tương ưng là không, thế nên không tương ưng tất cả có chẳng?

Đáp: Như hữu vi hiện tại, xét tính so sánh hiện tại. Hiện tại không có nhân tương ưng là muốn khiến hữu vi đều là hiện tại chẳng? Nếu có tất cả thì tất cả biệt biệt là không nhân, vì sao trở lại là tất cả có? Không có tất cả nhân tương ưng như thật. Tất cả không nhân tương ưng, như đã nói có. Tất cả không, tất cả nhân kia là không.

Lại có thuyết cho: Nên nói tất cả là hữu. Vì sao? Vì nói tất cả không, cũng không có ba tất cả: Tất cả đối tượng giữ gìn, chủ thể giữ. Thế nên tất cả là hữu.

Hỏi: Thế nào không là tất cả giữ gìn, trở lại tự nhiên giữ gìn tất cả nội có?

Đáp: Nếu tất cả giữ gìn, trở lại tự nhiên giữ gìn tất cả bên trong có, là muốn khiến cho hiện tại có giữ gìn chẳng? Trở lại tự nhiên giữ gìn bên trong hiện tại đã có. Nếu có tất cả giữ gìn, trở lại giữ gìn, trở lại giữ gìn tự nhiên, vì sao trở lại tất cả giữ gìn? Vì sao trở lại tất cả giữ gìn không có tự nhiên giữ gìn? Nếu xét kỹ có tất cả giữ gìn, có

tự nhiên giữ gìn, như đã nói có tất cả giữ gìn, có tự nhiên giữ gìn, thì giữ gìn ấy cũng không có.

Lại có thuyết nêu: Nên nói tất cả là hữu. Vì sao? Vì như từng ấy nhận biết, không như có kia. Không có nên xứ xứ kia là không, thế nên tất cả là hữu, tất cả là có khắp tất cả chăng? Không được nói có. Vì sao? Vì cũng như có sắc xanh, thì sắc xanh ấy không có sắc vàng.

Tôn giả tạo ra thuyết này: Không nên nói. Vì sao? Vì không do vật có vượt hơn, có dư, không do trụ nơi vượt hơn, có dư. Nếu vật kia có, thì vật này không phải tốt, không đồng oai nghi.

Hỏi: Nên nói là có tất cả chăng?

Đáp: Không được tạo ra thuyết này. Vì sao? Vì không do vô thường nói là có thường, cũng không do có thường nói vô thường.

Tôn giả nói thế này: Tất cả là danh, vì tướng này không có xứ sở, thế nên đều không được nói là có.

Hỏi: Tất cả đều nên có tất cả chăng?

Đáp: Không được nói là không, vì đều có tất cả. Vì sao? Vì không do vô thường nói có thường, do có thường nói vô thường.

Tôn giả nói thế này: Không nên tạo ra lời ấy. Vì sao? Vì duyên là có giới đức của các pháp. Các pháp hao tổn, lẫn lộn, do các pháp hao tổn, lẫn lộn, nên chúng không có xứ sở nhất định. Vì thế không nên tạo ra thuyết này.

Hỏi: Một nên nói là tất cả có chăng?

Đáp: Không nên tạo ra thuyết ấy. Vì sao? Vì người phạm phu cũng không trở lại học pháp vô học. Học pháp vô học, không học pháp học, vô học, vì thế không nên tạo ra thuyết ấy.

Tôn giả nêu thuyết này: Không nên tạo ra thuyết ấy. Vì nếu thành tựu thì người kia tức có, nhưng vì không có tất cả thành tựu, vì thế không nên tạo ra thuyết ấy.

Hỏi: Một nên nói là tất cả thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không nên tạo ra thuyết ấy. Do người phạm phu không thành tựu việc học, không học pháp vô học, vì thế không nên tạo ra thuyết ấy. Lại nữa, không nên tạo ra thuyết ấy. Vì sao? Vì nếu có pháp đã được nhưng không quên mất, thì pháp ấy nên thành tựu, pháp ấy cũng không đều được không mất. Vì thế không nên tạo ra thuyết ấy.

Hỏi: Nhất thiết trí, nghĩa ấy là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhận biết rõ tất cả, đó gọi là Tát vân nhiên (Nhất thiết trí). Cũng như thấu rõ về sách thì gọi là thầy sách. Lại nữa, đối với tất cả sự việc đều nhận biết tự tại, đó gọi là Tát vân nhiên. Các nhất thiết trí thấy đều nhận biết tất cả.

Hỏi: Nếu như đều nhận biết tất cả, thì trí nhận biết kia đều là Tát vân nhiên chăng?

Đáp: Như thế đều nhận biết tất cả, đó gọi là Tát vân nhiên.

Lại nữa, không được tạo ra lời này: Điều nhận biết tất cả nói là Tát vân nhiên. Cũng như thầy sách làm rõ về phần giải thích của sách, nhưng nhất thiết trí thì không như vậy. Nhận biết khắp về tất cả có thường, vô thường, nhưng không phải là nhất thiết trí.

Hỏi: Tất cả có tất cả. Tất cả căn tất cả. Tất cả một tất cả. Nhất thiết trí là trí, vì sao có tướng có?

Đáp: Trí là tướng của trí đó. Pháp là tướng của pháp đó. Có là tướng của có đó. Không là tướng của không đó. Thật là tướng của thật đó.

Lại nữa, có ba có: Quán có, như ngọc báu hiện có, như cái đã có, đó gọi là có. Có trong đây, có trong kia, thật có như đã có, đó gọi là có.

Hỏi: Vì sao không là không tướng. Không tướng trí là không có tướng. Không tướng vật là không có tướng. Không tướng pháp là không có tướng?

Đáp: Lại có thuyết cho: Như không kia, tức là tướng của không ấy. Lại nữa, có hai không là hai quán như đã có, đó gọi là không. Không ngọc báu, như đã có. Trong đây không, trong kia không.

Hỏi: Thế nào là hữu lậu là tướng hữu lậu?

Đáp: Vô lậu đã sinh, sinh là tướng hữu lậu.

Lại có thuyết nêu: Vô lậu đã sinh là tướng hữu lậu.

Lại có thuyết nói: Có hữu lậu đã khởi là tướng hữu lậu.

Lại có thuyết cho: Tương ứng của vô lậu là tướng hữu lậu.

Lại nữa, không ở trung gian có hữu lậu, thế nên là vô lậu. Vì vậy nên quán tướng hữu lậu. Hữu lậu kia nên có như thế.

Vì sao hiện nay không khởi vườn rừng? Nhân duyên nơi hành báo của chúng sinh kia, hành kia nên quán về hữu lậu đã khởi.

Hỏi: Thế nào là vô lậu là tướng vô lậu?

Đáp: Như trên đã nói. Lại nữa, hoặc hành đã chinh đốn của hữu lậu trung gian là không, hành ấy nên quán là vô lậu.

Hỏi: Thế nào là hữu vi là tướng hữu vi?

Đáp: Ba là tướng hữu vi, tức sinh khởi tạo ra biến dịch và hoại diệt.

Lại có thuyết nói: Tướng vô thường là tướng hữu vi.

Lại có thuyết cho: Tướng diệt của nhân duyên là tướng hữu vi.

Lại có thuyết nêu: Tướng được tạo tác là tướng hữu vi.

Lại có thuyết nói: Tướng rơi vào lâu xa là tướng hữu vi.

Lại nữa, nếu có chúng sinh tụ tập là tướng hữu vi.

Hỏi: Thế nào là vô vi là tướng vô vi?

Đáp: Nên nói như trên không khác.

Hỏi: Thế nào là quá khứ là tướng quá khứ?

Đáp: Tướng hủy hoại là tướng quá khứ. Tướng diệt tận là tướng quá khứ.

Lại nữa, ý xoay chuyển đã vượt qua là tướng quá khứ. Nên tạo ra quán này.

Hỏi: Thế nào là vị lai là tướng vị lai?

Đáp: Tướng chưa sinh là tướng vị lai. Tướng chưa khởi là tướng vị lai.

Lại nữa, ý xoay chuyển không trở lại là tướng vị lai. Nên tạo ra quán này.

Hỏi: Thế nào là hiện tại là tướng hiện tại?

Đáp: Sinh không hủy hoại là tướng hiện tại.

Lại có thuyết nói: Sinh không tận là tướng hiện tại.

Lại nữa, khi ý xoay chuyển nên quán hiện ở chỗ kia nay sinh.

Hỏi: Nếu tướng và hữu vi, hữu lậu cùng vô lậu, hữu vi vô vi, ba đời quá khứ, vị lai và hiện tại sinh, nên nói là quá khứ, nên nói là vị lai, nên nói là hiện tại chăng?

Đáp: Đời quá khứ nên nói là đời quá khứ. Đời vị lai nên nói là đời vị lai. Đời hiện tại nên nói là đời hiện tại. Hành lâu xa càng sáng rõ nơi ba chương luận nghị này.

Hỏi: Năm ấm nên nói là quá khứ, nên nói là vị lai, nên nói là hiện tại chăng?

Đáp: Năm ấm nên nói là quá khứ, vị lai, hiện tại. Nói tóm tắt, năm thành ấm cũng như thế.

Mười hai nhập, mười tám tri cũng như thế. Ý thân hiện có các thứ quá khứ thì chúng là tất cả có. Nếu như có tất cả quá khứ kia?

Hoặc có thuyết nói: Các quá khứ thì tất cả quá khứ kia là có.

Tùng có pháp kia không phải là quá khứ. Như đã nói: Tôn giả Tỳ-kheo Năng Tích Xiển Đầu, từ nhà thí chủ, nhà thân thuộc, nhà tri thức, nhưng các nhà kia không phải là quá khứ.

Lại nữa, hoặc quá khứ, quá khứ ấy không phải là có. Như đã nói: Tất cả kiết sử quá khứ, quá khứ ấy không là kiết sử khởi mà là diệt. Hoặc có quá khứ kia không phải là quá khứ. Như đã nói: Tôn giả Tỳ-kheo Năng Tích Xiển Đầu từ nhà thí chủ, nên vào lúc ấy là cùng đi. Hoặc có cũng là quá khứ, các chúng tu hành xuất thế mà diệt độ. Hoặc không phải có không phải quá khứ, là trừ từng ấy sự việc trên, tức là nghĩa ấy.

Các thứ vị lai thì tất cả vị lai kia là có chăng? Nếu như là có thì có ấy là tất cả vị lai chăng? Hoặc có thuyết cho: Các thứ có thì tất cả có kia là vị lai.

Tùng có vị lai, vị lai ấy là không có chăng? Hành của pháp chưa sinh. Lại nữa, hoặc có vị lai, vị lai ấy không phải là có, vì hành của pháp chưa sinh. Hoặc có, cái có ấy không phải là vị lai. Như Đức Thế Tôn nói: A-nan kia làm nên Tỳ-kheo. Hoặc lớn hoặc nhỏ, ý không thông sáng, tuổi trẻ bất thiện, ý không có trí, nên ở vào thời bấy giờ đều cùng hành.

Hoặc vị lai cùng có các hành chưa sinh tất nên sinh. Hoặc không phải là vị lai, không phải là có. Tức trừ từng ấy sự việc trên, là nghĩa kia.

Các thứ hiện tại thì tất cả hiện tại kia là có chăng? Nếu như là có thì tất cả có kia là hiện tại chăng? Hoặc có thuyết nêu: Các thứ hiện tại tất cả chúng đều là có.

Tùng có tất cả, tất cả có ấy không phải là hiện tại chăng? Là hành quá khứ, vị lai và vô vi. Lại nữa, hoặc là hiện tại không phải là có. Như đã nói:

*Ta không có gia trưởng
 Cũng lại không thân thuộc
 Không vợ con, tôi tớ
 Đã được lìa, giải thoát.*

Hoặc có chúng sinh thuộc về nhà, lúc ấy là như nhau, đều cùng hành cũng như thế. Ở trong đây là không, xứ khác cũng không. Hoặc có hoặc không, pháp kia không phải là hành hiện tại, quá khứ, vị lai. Vô vi hoặc là hiện tại cùng có các sắc sinh liền diệt, nên cũng không có, cũng không là hiện tại. Nếu sắc quá khứ, như sắc kia hiện có, sắc ấy là quá khứ chăng? Nếu như có quá khứ thì sắc quá khứ ấy là có chăng?

Hoặc có thuyết nói: Là các vật quá khứ.

Hỏi: Như đã nói, các thứ quá khứ chúng là tất cả sắc chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Các vật sắc chúng là vật quá khứ.

Hỏi: Các sắc hiện có, tất cả sắc ấy đều là quá khứ chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Vật sắc khác, vật quá khứ khác.

Một tức có hai?

Lại nữa, vật quá khứ của sắc là sắc đã sinh, cũng tự nhiên, cũng lại đã sinh, như thế là có. Vật vị lai, hiện tại cũng lại như thế.

*Hai âm, chương đời
 Các trì, hai nhập
 Vật quá khứ lai
 Sắc hữu cùng ba.*

Cũng như sắc vô thường, như vật của sắc kia cũng lại vô thường. Nếu vô thường thì đều không có sở hữu. Sở hữu kia như trên không khác. Khổ không vô thường cũng lại như thế. Cũng như sắc xanh, dùng nhãn thức nhận biết.

Thế nào là sắc xanh kia, nhãn thức kia là không khác? Nếu như nhãn thức kia nhận biết sắc kia là màu xanh chăng?

Hoặc có thuyết nói: Cũng như sắc xanh, nhãn thức kia là trí.

Quá khứ là sắc xanh, thế nên quá khứ cũng nhận biết. Tạo ra thuyết này: Nhãn thức kia nhận biết tức là sắc xanh.

Hỏi: Quá khứ không nhận biết, thế nên quá khứ không phải là có màu xanh chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Màu xanh khác, nhận biết khác.

Hỏi: Nhãn thức tức điên đảo chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Màu xanh kia khác, nhận biết khác.

Nhãn thức tức có điên đảo. Lại nữa, trí là cùng với đế. Lại nữa, biện minh về sự việc của vật tự nhiên.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Công dụng của thức là nhận biết vật, thế nên gọi là thức.

Hỏi: Nghĩa của lời nói này là thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Đây là tướng thức, vì dụng để nhận biết vật, nên nói là thức.

Hỏi: Không có thức của quá khứ vị lai, pháp kia không phải là thức chẳng?

Tôn giả tạo ra thuyết này: Đây là câu Khế kinh lâu xa. Lại nữa, nói tóm tắt, nên tạo ra thuyết này: Nếu nhận biết chúng sinh, nên quán thức kia. Cũng như thức ấy, chúng sinh kia là nhận biết chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Cũng như thức kia, thức ấy là nhận biết.

Hỏi: Thức quá khứ, vị lai nhận biết chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cũng như thức kia các thức ấy là nhận biết.

Hỏi: Quá khứ, vị lai không nhận biết, thế nên thức kia không phải là thức?

Lại nữa, thức không biết duyên nơi đối tượng nhân theo thức đã sinh nhận biết. Có chúng sinh tức có các đấng.

Các đối tượng của thức, tất cả chúng đều nhận biết chăng? Nếu như nhận biết thì tất cả đối tượng của thức ấy là thức chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Các hữu thức, tất cả chúng đều nhận biết.

Hỏi: Thức quá khứ, vị lai nhận biết chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nêu: Các đối tượng của thức, tất cả chúng đều là nhận biết.

Hỏi: Từng có thức, thức đó không phải là nhận biết chăng?

Đáp: Là thức quá khứ, vị lai. Như đã nói: Thức là nhận biết, đó gọi là thức, đó gọi là Khế kinh nói về mê lầm. Lại nữa, thức nhận biết duyên đã tạo tác khiến thức đã sinh nhận biết. Chúng sinh tức có phương tiện thiện xảo của đẳng đấng.

Hỏi: Vì sao nhận biết tất cả tâm là duyên?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tất cả tâm duyên nơi bốn nhân duyên sinh.

Hoặc có thuyết cho: Cảnh giới nơi tâm có chỗ gồm thâu.

Hoặc có thuyết nêu: Đức Thế Tôn cũng nói: Duyên nơi hai nhân duyên, thức liền sinh.

Hoặc có thuyết nói: Nếu tâm không duyên, thì tâm kia tức là thức. Nhận biết là thức.

Tôn giả nói thế này: Tánh đã hành tác nói là tâm xoay chuyển, duyên xoay chuyển. Ở đây nhận biết nói, trong ấy được nhận biết tất cả tâm có duyên.

Vô thường, khổ, không

Vô ngã, tri thức

*Các việc làm biết
Tâm nhân duyên kia.*

Kiên độ Nhất thiết hữu thứ mười ba xong.

**

Phẩm thứ 14: KIỀN ĐỘ KÊ, phần 1

*Đẳng nhị không cùng xa
N hư Lai vô lượng trí
Không nhiễm giữ nội ngoại
N hư thật kính cúng dường.*

Đẳng nhị: Là nhất thiết trí, mười lực, bốn vô sở úy v.v... của bậc Đẳng giác. Phật-bích-chi tự tính ngộ v.v..., A-la-hán giải thoát v.v..., do tất cả hướng đến cùng đối tượng nhận biết, nên nói là Đẳng đẳng (Đẳng nhị).

Không cùng xa: Hoặc có thuyết nói: Sự này là đẳng đối với đẳng trong đẳng. Cũng như La-vân, Điều-đạt vốn không có.

N hư Lai: Là như như. Đạo không như như đến, đó gọi là Như Lai. Vì lời nói không có khác, nên gọi là Như Lai.

Thành tựu đại trí tuệ là *vô lượng trí*. Thành tựu trí tuệ vô hạn, đó gọi là vô lượng trí tuệ. Vô lượng cảnh giới trí tuệ thành tựu, đó gọi là vô lượng trí tuệ. Vô lượng Niết-bàn đó gọi là vô lượng trí tuệ. Lại nữa, vô lượng trí tuệ thành tựu vô lượng đại trí tuệ. Đức Thế Tôn trừ câu trí của giác trí tuệ kia, đó gọi là vô lượng trí tuệ.

Không nhiễm ô: Nghĩa là ở trong đây là nội thọ, có ngoại là vật khác.

Lại có thuyết nói: Ở trong đây là nội thọ có ngoại là hương tới xứ thiện.

Lại có thuyết cho: Ở đây là yêu kính thuyết pháp, hóa độ, không khởi người ngoài. Ở kia là yêu kính thuyết pháp, không khởi các kiết.

Như thật kính cúng dường: Là như thế nên cúng dường.

Nơi chấp không vương chấp
Nơi mạn không vương mạn
Biết khổ tự nghiệp ruộng
Như thật kính cúng dường.

Nơi chấp không vương chấp: Các kiến là vương chấp. Nếu đối với kiến của ba cõi đã dứt hết, thì kiến ấy nói là quá khứ.

Nơi mạn không vương mạn: Tức đối với ba thứ mạn thế tục vương chấp nhưng mình không vương chấp.

Biết khổ tự nghiệp ruộng: Là nhẫn đối với các nhập ngoài của khổ kia.

Lại có thuyết nói: *Nơi chấp không vương chấp*: Là đã vượt qua vương chấp của mạn, đó gọi là không vương chấp. *Nơi mạn không vương mạn*: Là ở trong bảy thứ mạn, đối với chỗ nhiễm chấp kia nhưng mình không nhiễm chấp. *Biết khổ tự nghiệp ruộng*: Là khổ nhận biết. Thọ nhận biết, trụ xứ là nghiệp ruộng nhiễm chấp.

Lại có thuyết cho: *Nơi chấp không vương chấp*: Nghĩa là kiết đã được hiện kiến để đoạn trừ hết. *Nơi mạn không vương mạn*: Nghĩa là hiện tư duy đã đoạn trừ kiết hết. *Biết khổ tự nghiệp ruộng*: Nghĩa là hành nghiệp ruộng của năm thanh âm khổ là kiết.

Lại nữa, nơi tất cả kiết, người kia đã vượt qua tất cả vương chấp, đó gọi là *không vương chấp*. *Nơi mạn không vương mạn*: Nghĩa là nhiễm chấp các mạn, nhiễm nhưng không vương chấp các mạn. *Biết khổ tự nghiệp ruộng*: Đối với khổ kia là khổ đế. Nhận biết là nhận biết đạo đế. Ruộng nghiệp kia là tập đế. Kiết vốn đã có được diệt hết là tận đế (diệt đế).

*Không dựa mong chán quán
Cùng giúp khởi các kiến
Nhân duyên không hiện có
Như thật kính cúng dường.*

Không dựa mong chán quán: Nghĩa là tham mong, mạng mong, không nên nương dựa. Tham mong, mạng mong có hai thứ là ái, kiến. Các thứ *cùng giúp* ái, mạng kia là ái giúp kiến. Chán quán có hai thứ là đạo và quả của đạo. Được *khởi các kiến* khác. Chán quán khác có hai kiến là kiến đoạn diệt và kiến có thường. Tự mình đều đã vượt qua chúng.

Nhân duyên không hiện có: Có hai nhân duyên là ái, kiến, chúng đều đã diệt hết.

Lại có thuyết nói: *Không dựa mong:* Là có ái, kiến. *Chán quán:* Là đối với hiện xuất yếu kia. *Khởi các kiến khác:* Là ở trong tất cả các kiến, cũng nhận biết về chỗ xuất yếu khác, đã vượt qua kiến kia. *Nhân duyên không hiện có:* Là thức, thức xứ trụ đã hết.

Lại có thuyết cho: *Không dựa mong:* Là hiện kiết ái đều dứt hết. *Khởi các kiến khác:* Là hiện các kiết đã hết. *Nhân duyên không hiện có:* Là nếu ái kiết duyên nơi kiết hết, thì ái kiết kia không có đối tượng duyên.

Lại nữa, *Không dựa mong chán quán:* Là tư duy đã đoạn kiết hết. *Khởi các kiến khác:* Là khởi các kiến khác được hiện để đoạn trừ hết. *Nhân duyên không hiện có:* Là đã vượt qua tất cả các kiết. Tư duy cùng kiến để đã đoạn kiết hết, nên chúng không có đối tượng duyên.

*Nơi nhà nên diệt ý
Nhà khác không nhiễm chấp
Không khởi do đây kia
Như thật kính cúng dường.*

Nơi nhà nên diệt ý: Có hai nhà là ái, kiến. Diệt ý là do nhà này dựa vào ý. Nếu có được hoan hỷ, rồi thì dựa vào hai nhà ái kiến kia, tức dựa vào ý để tương ưng. Ở đây, đoạn trừ, hoặc là phần tương ưng của ý dùng đạo để đoạn.

Nhà khác không nhiễm chấp: Có hai nhà khác là nhà ái, nhà kiến. Đối với hai nhà ấy không nhiễm chấp.

Không khởi do đây kia: Vì ái được khởi do kiến. Các ái kiến này đã dứt hết, nên tâm ý kia không có đối tượng khởi.

Lại có thuyết nói: *Không khởi do đây kia*: Là cũng nêu bày như trên không khác.

Lại có thuyết cho: *Nơi nhà nên diệt ý*: Tức tất cả kiết là hành, khiến tất cả kiết đều dứt hết. *Nhà khác không nhiễm chấp*: Nghĩa là đối với vợ, con gái con trai của người khác không nhiễm chấp. Nếu ái, hoặc kiến không khởi, thì ở trong bốn thọ khởi hiện đã diệt hết ái kiến kia.

Lại có thuyết nêu: *Nơi nhà nên diệt ý*: Là chỉ cho kiết dục. Đối với nhà người khác, ý không nhiễm chấp. Không khởi là không ái. Không khởi là đối với dục không khởi, dục ái đều dứt hết.

Lại có thuyết nói: Nhà là tập đế. Ý là đạo đế. Đối với nhà người khác không nhiễm là khổ đế. Không khởi là tận đế (Diệt đế).

Lại có thuyết cho: *Nơi nhà nên diệt ý*: Nghĩa là kiến kiết hiện có đã được đoạn. *Nhà khác không nhiễm chấp*: Là ái, kiết hiện tại đều hết. *Không khởi*: Nghĩa là các kiết ái, kiết kiến đều dứt hết. Các thứ ấy không còn đối tượng gây tạo.

Lại nữa, nơi nhà không nhiễm chấp: Là do hiện kiến đế đã đoạn trừ kiết hết. Đối với nhà khác không nhiễm chấp: Nghĩa là hiện tư duy đã đoạn trừ kiết hết. Không khởi: Nghĩa là các kiến đế, tư duy đã đoạn kiết hết, chúng không có nơi chốn để gây tạo.

*Mong nhiều miệng vẫn tự
 Từ bỏ, diệt không có
 Giác, tất cả giải thoát
 Như thật kính cúng dường.*

Mong nhiều miệng vẫn tự: Mong nhiều là mong tu. Miệng vẫn tự là cũng mong như thế.

Hoặc có thuyết nói: *Mong nhiều*: Tức trông mong nhiều là ái. *Miệng vẫn tự*: Là miệng được nói năng, bày tỏ.

Lại có thuyết cho: *Mong nhiều*: Là các kiến. *Vẫn tự*: Là ái.

Lại nữa, *mong nhiều* nghĩa là tư duy đã đoạn. *Vẫn tự* nghĩa là kiến đế đoạn. *Từ bỏ* là đã diệt hết. Không có đối tượng vướng chấp, đó gọi là pháp không khởi. Chủ thể giác là nhận biết tất cả các pháp, đó gọi là *giác*. Nhận biết về ba thọ, đó gọi là *giác*. Thông đạt các trí thấy đều thành tựu, đó gọi là *giác*. Đối với *tất cả giải thoát* tức là ở nơi ba cõi được giải thoát, đối với ba thứ trói buộc đều được giải thoát: Trói buộc của ái, trói buộc của cấu uế và trói buộc của kiến.

*Si không được phương tiện
 Soi sáng tất cả pháp
 Do thân mà nâng giữ
 Đạt bậc giác tối thượng.*

Si không được phương tiện: Si là vô minh, duyên tương ưng với ngu trung gian của ngu vô minh bên trong.

Lại có thuyết nói: Ngu là vô minh, các kiến là trung gian của ngu, cùng với ngu tương ưng.

Lại có thuyết cho: Vô minh là ngu, kiết là trung gian của ngu cùng với ngu tương ưng.

Lại nữa, vô minh là ngu. Vô minh duyên nơi hành là trung gian của ngu cùng với ngu tương ưng. Không có tận này, tức đối với tất

cả các pháp hiện bày các trí, hiện rõ nhân duyên của trí kia, hiện rõ phương tiện ấy, hiện rõ về đạo tích ấy.

Do thân mà nâng giữ: Là trụ nơi cảnh giới Niết-bàn hữu dư, đạt được giác ngộ tối thượng. Do nhân này nên nhận biết bậc vô học sáng suốt, đủ mười lực, nhất thiết trí, bốn vô sở úy. Vượt qua trên hết là nơi chốn dừng nghỉ yên ổn.

Đây là lời nói của quý tối tịnh (Dạ xoa). Quý này rất tinh diệu, làm thanh tịnh môn vô học ấy.

*Kệ nói không nên ăn
Cùng quán nơi pháp kia
Kệ nói chư Phật vui
Các pháp gốc Phạm chí.*

Kệ nói không nên ăn: Hoặc có thuyết nói: Đức Thế Tôn không vì việc ăn uống nên trụ. Bây giờ, Đức Thế Tôn vì muốn giáo hóa Bà-la-môn, nên trụ ở đây. Về sau lại nói thế này: Hoặc không vâng nhận lời nói của ta, lại e ngại Bà-la-môn khởi suy nghĩ: Sa-môn Cù-đàm vì việc ăn uống nên nói pháp.

Lại có thuyết cho: Vì muốn hiện bày thần túc của mình, nên không thọ thực. Bà-la-môn kia nên thọ nhận Phật hóa độ. Nếu khi quán pháp ấy tức nên quán rõ. Cùng với Thanh văn và các đại trượng phu là hành oai nghi của chư vị.

Kệ nói chư Phật vui: Nghĩa là đoạn dứt hết nhưng không nhận lấy.

Các pháp gốc Phạm chí: Là ở trong ấy có pháp Sa-môn của Hiền Thánh. Như thế là Hiền Thánh giáo hóa.

*Các khác đại thân tiên
Lậu dứt quán hổ thẹn
Dùng cỗ ngon cúng dường
Trông đức phước điền nhất.*

Các khác: Là các thức ăn uống uế tạp, hiện nhận thỉnh cúng dường. *Đại thân tiên:* Là trở lại pháp lớn, đó gọi là đại thân tiên.

Lậu dứt: Là các hữu vô minh, ái ở trong thân đều có thể trừ bỏ, đó gọi là lậu hết. *Quán hỏ thẹn:* Là dừng nghỉ. Nếu trộm giới (giới cấm thủ) dứt hết, thì hỏ thẹn kia dừng nghỉ.

Dùng cỗ ngon cúng dường, Trồng đức phước điền nhất: Vì sao gieo trồng đức là phước điền bậc nhất? Vì ở đây ý chuyện tinh được hiện rõ. Mầm mống càng tăng trưởng, đó gọi là phước điền.

Hoặc có thuyết nói: Chư vị kia liền có kệ. Do sự việc này để tạo thứ khác. *Đại thân tiên* ấy đã dứt hết lậu, nên các hỏ thẹn dừng nghỉ, tức *Dùng cỗ ngon cúng dường, Trồng đức phước điền nhất*.

Hoặc có thuyết cho: Bà-la-môn kia đã nói kệ này. Các đại thân tiên khác đều dứt hết lậu, nên hỏ thẹn dừng nghỉ, dùng cỗ ngon cúng dường, trồng đức là phước điền.

*Giáo hóa người chìm mắt
Vượt sinh, lão, bệnh, tử
Năng nhân lậu đầy đủ
Các nguyện đều đến khắp.*

Giáo hóa người chìm mắt: Là các kiến, kiết đã chìm mất, do người kia trừ bỏ.

Vượt sinh, lão, bệnh, tử: Là vượt qua các nẻo sinh, lão, bệnh, tử.

Năng nhân: Là bậc vô học đoạn dứt các kiết sử. *Lậu đầy đủ:* Là các trí lậu thành tựu đầy đủ, đó gọi là giải thoát. Thành tựu trí vô hạn, đó gọi là năng nhân thành tựu, lậu thành tựu.

Các nguyện đều đến khắp: Tức có công đức như thế, nên vượt qua sinh, lão, bệnh, tử, là vượt qua nguyện của các quả.

Lại có thuyết nêu: Tất cả kiết sử chìm mất là người kia có thể lìa bỏ. Vượt qua sinh, lão, bệnh, tử gọi là Niết-bàn. Đây cũng đều đạt đến nhận biết, đó gọi là vượt qua sinh, lão, bệnh, tử.

Lại có thuyết nói: *Giáo hóa người chìm mất*: Là thấy rõ những thứ cấu nhiễm vương chấp kia. *Vượt sinh, lão, bệnh, tử*: Là kiết ái hiện có đều dứt hết. Lại nữa, nếu giáo hóa người chìm mất là hiện bày kiến đế đã đoạn hết các kiết. Vượt qua sinh, lão, bệnh, tử là hiện bày tư duy đoạn trừ kiết hết. Các thứ còn lại khác cũng như thế.

Năng nhân hành không dâm
Không bị sức mạnh buộc
Nơi dục thân giải thoát
Năng nhân kia bền chắc.

Năng nhân hành không dâm: Là đối với Tôn giả Đại Ca-diếp đã trao truyền quyết định nói rộng. *Năng nhân*: Là bậc vô học. *Hành*: Là đi đến. *Hành không dâm*: Là lìa bỏ phi phạm hạnh.

Không bị sức mạnh buộc: Là hoặc lại có lúc, nếu ít mạnh mẽ, thì không thể cùng với tham dục, hưởng chi là phải già cả. Đối với mạn được giải thoát: Là đối với bốn mạn không tạo tác, ý không tham nhiễm nên phải xa lìa.

Kia bền chắc: Là vứt bỏ các pháp ác, trí tuệ bền chắc thành tựu, đó gọi là bền chắc. *Năng nhân*: Là bậc vô học, biết rõ công việc đã làm.

Lại có thuyết nói: *Năng nhân hành không dâm*: Là hiện bày về nơi chốn yên ổn. *Không bị sức mạnh buộc*: Là hiện bày thiếu sức mạnh nên cùng tận. Đối với dục vĩnh viễn giải thoát: Là nghiệp hiện có nên dứt hết, các thứ tàn dư cũng như thế.

Không hai gấp vượt bờ
Cũng không một gấp sau

*Nghĩa câu lời cao thấp
Là Sa-môn đã truyền.*

Không hai gấp vượt bờ: Là do có các lưới nghi, nên không vượt qua vô lượng bờ sinh tử. Vì lưới nghi chưa dứt hết, nên không thể vượt qua sinh tử. Hai gấp: Là gian trá, huyền hoặc.

Lại có thuyết nói: Các hữu có hai gấp: Là người kia không thể vượt qua, tức không vượt qua. Một gấp bội: Là hành cấu uest được tạo thành, một gấp bội là mất sau cùng.

Nghĩa câu lời cao thấp: Cao: Là hiện thân xuất yếu. Không cao: Là hiện thân tập xuất yếu.

Lại có thuyết cho: Cao: Đó gọi là sinh lên cõi trời. Không cao: Nghĩa là hướng đến trong đường ác.

Là Sa-môn đã truyền: Là nói Đức Thế Tôn đã diễn giải rộng.

*Hoặc người không mặc xiêm
Cũng không ưa trang sức
Hoặc có hương trì giới
Lời thẳng không hung bạo.*

Hoặc có người không hung bạo. Hoặc có người không mặc y, nên phạm các giới cấm hạn định.

Cũng không ưa trang sức: Là không khởi tạo ý này: Trang sức nơi thân miệng. Cũng không xem nghe kỹ nhạc.

Hoặc có hương trì giới: Là hoặc có học sĩ du hành khắp bốn phương, tán dương danh hiệu kia, thường không có tâm mệt mỏi. Hoặc người tu phạm hạnh, không thuyết giới có thiếu sót.

*Quy mạng Phật tối thẳng
Tất cả đều giải thoát
Là dũng mãnh hơn hết
Đi đến trong vô vi.*

Phật: Là nhận biết rõ tất cả các pháp. *Tối thắng*: Nghĩa là đầy đủ các lực. *Quy mạng*: Là nghĩa cung kính.

Tất cả đều giải thoát: Là ở nơi ba cõi đều giải thoát. Đối với hai trói buộc đều được giải thoát, là trói buộc của ái và trói buộc của kiến. Lại có ba thứ trói buộc: Là trói buộc của dục, nộ, si (Tham sân si).

Là dùng mãnh hơn hết: Là thọ nhận lời thuyết pháp giáo hóa của Đức Thế Tôn.

Đi đến trong vô vi: Tức như không có tinh tấn liền hiện có tinh tấn, không phải vì không tinh tấn. Không trở lại sinh tử nữa tức đều đạt được vì công việc hiện đã làm xong. Lại không phải vì không có ý tinh tấn, nên tạo nên sự giữ gìn này, cũng như người không thoái chuyển hiện pháp không thoái chuyển. Tôn giả Bà-na-già bà-tha ở ẩn trong núi sâu, cùng với Uất-đầu-la-ma tử, tự nói kệ:

*Chấp tử chấp bà
Tỷ na đề đế
Tỳ-kheo Kế lại
Lâu đa di già.*

Ý ta không nhiễm chấp. Tâm thường tỉnh sáng rõ.

Chấp tử chấp bà, Tỷ na đề đế: Là tiếng vang của chim bay. Tỳ-kheo Kế lại, Lâu đa di già: Là tiếng vang của hươu, nai. Ý ta không nhiễm chấp: Là không thoái chuyển, cũng không khởi các dục. Tâm thường tỉnh sáng rõ: Là vui thích các đạo, vui thích Niết-bàn. Đó gọi là Tỳ-kheo Kế lại.

*Xử vui năm tháp miếu
Cành lá không hủy hoại
Kiến kia sinh các cành
Năng nhân dùng tuệ đoạn.*

Xứ vui năm tháp miếu: Là ở trong năm âm hữu.

Cành lá không hủy hoại: Nghĩa là cành ái. Ba cõi sinh các cành kiến là vô thường, khổ.

Năng nhân dùng tuệ đoạn: Là trí của người học an trụ, đoạn trừ.

Lại có thuyết nói: *Xứ vui năm tháp miếu:* Là khổ đế. *Cành lá không hủy hoại:* Là tập đế. *Kiến kia sinh các cành:* Là đạo đế. *Năng nhân dùng tuệ đoạn:* Là tận đế.

Lại có thuyết cho: *Xứ vui năm tháp miếu, Cành lá không hủy hoại:* Là các thứ câu uế vương chấp. *Kiến kia sinh các cành, Năng nhân dùng tuệ đoạn:* Là đoạn trừ kiết, được tướng tịnh.

Tôn giả Bà-na-bà-tha ở tại chón núi sâu, lúc trời mưa xuống tâm sinh hoan hỷ, liền nói kệ:

*Núi cao khéo tốt tươi
Nếp dòng nước tắm thân
Ở vắng xứ lìa dục
Người trí càng sinh thiện.*

Núi cao khéo tốt tươi: Là nói về rừng cây nơi núi cao đầm vắng.

Nếp dòng nước tắm thân: Là dùng nước mưa để tắm gội thân.

Ở vắng xứ lìa dục: Là ở nơi chón xa, vui thích tĩnh lặng, sinh các tướng không tham dục, không ở với chúng.

Người trí càng sinh thiện: Là sinh khởi các hỷ và thiện tăng trưởng, ở nơi hỷ giác ý.

*Người ngu tạo sinh tử
Thường thường vào bào thai
Nên người trí không tạo
Đầu vỡ cũng không ngủ.*

Người ngu tạo sinh tử: Là do không trí nên tạo thành vô minh.
Tạo sinh tử: Là các hành hữu lậu, tất cả tạo thành lạc dục.

Thường thường vào bào thai: Là ở trong thai mẹ, nhân đầy trí thành tựu.

Nên người trí không tạo: Là hành hữu lậu thọ nhận các hữu, trong đó cũng không làm.

Đầu vỡ cũng không ngủ: Là cũng như người này.

Hoặc có thuyết nói: *Người ngu tạo sinh tử:* Là tập đế. *Thường thường vào bào thai:* Là khổ đế. *Nên người trí không tạo:* Là đạo đế. *Đầu vỡ cũng không ngủ:* Là tận đế, cũng như người này.

*Cùng thường mong có ngu
 Nghĩa kệ thai không vượt
 Ý thường Phật chấp tỷ
 Chấp bà da già năm
 Ngu hoặc không thông sáng.*

Kiên độ Kệ phân thứ nhất xong.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP

QUYỂN 10

Phẩm thứ 14: KIỀM ĐỘ KỆ, phần 2

Tôn giả Ưu-bà-di suy tính nên đi bằng đường thủy, tìm cách đi rất chậm, cho đến khi nhập tam muội hữu tướng, lại không còn thấy duyên nên có thể theo nhân duyên diệt hữu tướng, vô tướng. Tôn giả kia hỏi Đức Thế Tôn:

*Mình con trái vô lượng
Không dựa, không thể qua
Nói cho con duyên kia
Chón dựa qua bờ giác.*

Mình con trái vô lượng: Tức riêng một, nghĩa là không hai. Không duyên nơi dòng sinh tử thì không thể vượt qua được.

Lại có thuyết nói: Không thể vượt qua: Đây là nói về hữu tướng vô tướng.

Lại có thuyết cho: Một dòng vô minh không thể vượt qua được.

Nói cho con duyên kia: Là phổ nhân hiện bày khắp, nhưng duyên kia không có mắt để vượt qua dòng sinh tử. Đây là nói về hữu tướng vô tướng vượt qua dòng vô minh.

*Quán niệm định bất dụng
Dựa đáy để qua dòng*

Làm sao đoạn dục ái?

Nơi quán kia ái dứt.

Quán niệm định bất dụng: Là khởi định bất dụng vô lậu, vô thường, khổ, không, vô ngã, tạo ra niệm quán như thế. Chuyên tinh về thần túc, trụ nơi xứ sở của chỉ, đó gọi là dừng nghỉ.

Lại có thuyết nêu: Khi quán định bất dụng là quán sự dừng nghỉ của Niết-bàn. Như thế là ông vượt qua dòng, ở nơi đáy để diệt ái. Cũng như ái kia được dứt hết trước tiên.

Hỏi: Các ái của ba cõi nhiễm chấp nơi dục chẳng?

Đáp: Lại có thuyết nói: Trụ nơi ái mà sử hết, cũng nên khiến cho cầu (Thù) dứt hẳn.

Lại có thuyết cho: Ái kia chưa hết, các triền vươngung buộc, không phải do ngoại đạo mà diệt, lia bỏ phi luận. Người kia nghe khéo luận về ái, thường thường khiến thoái chuyển. Do đấy nên Đức Thế Tôn bảo phải xa lia phi luận để ái dứt hết. Đối với quán kia, người ấy đối với Niết-bàn có tướng gắn liền nên tự giữ gìn. Ở đây Đức Thế Tôn nói Niết-bàn không là dừng nghỉ. Tất cả dục không có ái, vì dựa vào định bất dụng khởi tướng tĩnh lặng, đạt được giải thoát tối thắng, an trụ nơi định kia không khởi. Tất cả dục không có ái ở nơi ba cõi, dục đều đã hết. Kiết của cõi dục cũng vĩnh viễn dứt hết. Do đạo của Hiền Thánh đã diệt hết ái. Dựa vào định bất dụng tĩnh lặng, không dựa vào tam muội của định bất dụng để loại bỏ hữu tướng vô tướng và ba xứ khác. Nếu dựa vào tướng Niết-bàn, tức có giải thoát tối thắng, là hữu tướng vô tướng của tướng giải thoát. Nếu trụ nơi Niết-bàn là dừng nghỉ, thì trụ ấy không khởi khiến thoái chuyển đối với giải thoát kia, cũng không có đối tượng sinh khởi. Đức Thế Tôn nói:

Kia trụ nhưng không khởi

Mắt tịnh vô số kiếp

*Nơi hai giải thoát ấy
Thức thề biết chốn truyền.*

Hỏi: Kia trụ nhưng không khởi, Mắt tịnh vô số kiếp là thế nào?

Đáp: Cũng nên trụ lâu nơi hai giải thoát kia, tức ở nơi ấy nhập Niết-bàn. Thức thề biết chốn truyền: Là ngã ở nơi kia thoát chuyền, cũng lại không sinh, không ở nơi sinh nhập mà nhập thế nguyện.

Như lửa bị gió thổi

*Diệt mắt không thể tính
Nhân thoát khỏi danh sắc
Diệt mắt không thể tính.*

Như lửa bị gió thổi, Diệt mắt không thể tính: Như lửa kia không ở trong không diệt, cũng không thể nêu tính, như thổi qua phương đông, phương tây.

Nhân thoát khỏi danh sắc: Danh là bốn ám vô sắc. Sắc là sắc thân, đều cùng nói là danh sắc.

*Tối tăm tắt lại sáng
Nếu mắt như nay không
Tạo ra tướng có thường
Mắt tịnh cùng ta nói.*

Tối tăm tắt lại sáng: Thế nào là sáng? Tức cũng như mặt trời chiếu sáng.

Nếu mắt như nay không: Nếu khởi tướng hữu thường hoặc đoạn diệt thì trở lại xứ nhập nơi tụ tịnh.

Mắt tịnh cùng ta nói: Là cùng với ngã hiện bày khắp. Đức Thế Tôn không gì là không nhận biết.

*Diệt mắt không thể tính
Nguyện nói chỗ không có*

*Lìa bỏ tất cả ái
Cũng bỏ tất cả nghĩa.*

Diệt mất không thể tính: Tức là pháp có hạn lượng. Pháp ấy là không có.

Nguyện nói chổ không có: Các ái đều diệt hết tức các ái có số lượng hạn định. Người kia không có các âm của ái ấy. Do hành sinh nên các âm có hạn định, người kia không còn có âm này.

Lìa bỏ tất cả ái, Cũng bỏ tất cả nghĩa: Là trong ba cõi các ái đã dứt hết.

*Hai hỏi Thích chủng tử
Mất tịnh không trao quyết
Cho đến ba Đại tiên
Trao quyết tôi muốn nghe.*

Hai hỏi Thích chủng tử, Mất tịnh không trao quyết: Người kia bây giờ nêu ra hai câu hỏi: Vì sao quán thế gian cũng không thấy sinh tử? Đức Thế Tôn không trao quyết (Ghi nhận để trả lời). Vì sao? Vì muốn giáo hóa người kia. Người kia cũng nghe ba lời để trao truyền quyết định. Ở đây đã nói lời này: Cho đến ba Đại tiên được ghi nhận giải đáp, tôi cũng muốn nghe.

*Đời nay và đời sau
Phạm thiên trên chư thiên
Thấy cũng không chổ biết
Cù-đàm đức hiện khắp.*

Đời nay: Là chỉ cho người nơi thế gian. *Đời sau:* Tức là nẻo ác.

Phạm thiên: Là cõi trời Phạm ca di. *Chư thiên:* Là chỉ cho các trời thuộc cõi dục.

Thấy cũng không chổ biết: Là vì sao thấy được?

Cù-đàm đức hiện khắp: Là âm thanh của Đức Thế Tôn vang động khắp bốn phương. Như thế là nhất thiết trí của thế đế, cũng như chuyên pháp luân thuyết giảng cho Thanh văn đến trời Phạm thiên.

*Nếu muốn thấy như vậy
Chón quy hướng luận nghĩa
Vì sao quán thế gian
Mà không thấy sinh tử.*

Nếu muốn thấy như vậy: Nghĩa là thành tựu diệu trí như vậy. Thế gian và trời Phạm thiên không thể thấy biết diệu trí này.

Chón quy hướng luận nghĩa: Là nơi chón quay về để muốn nghe lời chỉ dạy, thọ nhận lời giải đáp trao truyền.

Vì sao quán thế gian, Mà không thấy sinh tử: Là nên quán sáu nhập không khởi cảnh giới khác.

*Quán đời thấy đều không
Cũng tự thấy ngu vương
Do dứt trừ ngã kiến
Như thế vượt xứ sinh.*

Quán đời thấy đều không, Cũng tự thấy ngu vương: Nghĩa là bấy giờ Đức Thế Tôn vì người khác giảng nói pháp không thường. Chuyên không đời động niệm là ý luôn dừng trụ, không nghĩ đến chuyện tà vạy.

Ngã kiến: Là thân kiến ngu tối nên phải trừ diệt. Như vậy là vượt qua xứ chết, cũng không sinh trở lại nơi cảnh giới này nữa. Tôn giả Bạt-tô-lư nói như vậy: Nghe đoạn diệt, có thường (Chấp đoạn, thường), bấy giờ Đức Thế Tôn không đưa ra lời trao truyền giải đáp. Người kia cũng nghe được câu thứ ba, liền đi đến thọ nhận lời giáo huấn. Ở đây đã nêu ra thuyết này: Hai hỏi Thích chủng tử.

Đời này và đời sau: Là chỉ cho các trời thuộc cõi dục. *Phạm thiên:* Là trời Phạm ca di. *Cùng trời:* Là chỉ cho các trời khác thuộc cõi sắc. *Thấy cũng không chỗ biết:* Tức nói đến trong trụ trong dấu vết nhưng không biết. Như vậy là vượt khỏi chỗ thấy, là thành tựu diệu trí này. Thế gian cùng cõi trời đều không thể hiểu biết. Như trong đây cũng có chấp đoạn diệt, hữu thường, tức quán thế gian theo đoạn diệt, hữu thường nên không thấy sinh tử. Vì sao dứt trừ biện chấp đoạn diệt hữu thường để trụ trong dấu vết đạo vượt qua bờ sinh tử? Quán thế gian thấy đều không, là tự quay về nơi chốn giác ngộ. Nếu loại bỏ chấp đoạn diệt, hữu thường, thì người kia quán thấy đều không, trụ nơi biên vực tận cùng của sinh tử. Như vậy là quán sáu nhập, tức có thể vượt khỏi bờ sinh tử.

*Chốn thiên nữ vây quanh
Cũng gần gũi yêu mị
Vậy kia gọi ngu hoặc
Làm sao được xử an.*

Chốn thiên nữ vây quanh: Người tu hành kia nghe chúng thiên nữ của trời Ba mươi ba đang vây quanh. Do âm nhạc trời nên cũng gần gũi với yêu mị. Trời Ba mươi ba ở tại đầu của cửa ngõ thông với bốn hướng. Ở hai bên cửa chính ra vào đều có vườn cây ăn trái và ao tắm. Trời Tứ thiên vương có các naga quý sắc diện xấu xí, âm thanh thô ác, ưa thích khùng bố.

Vậy kia gọi ngu hoặc: Tức chỉ cho nhiều vườn cây nơi cõi trời kia, hết sức hoan lạc. Năm thứ nhạc trời tự tạo vui thích, nên có thể làm mê hoặc người.

Làm sao được xử an: Là làm sao đạt được giải thoát.

*Đạo kia gọi là cùng
Phương kia gọi không sợ
Sự cũng gọi không tiếng
Biết pháp gọi đầy đủ.*

Đạo kia gọi là cùng: Nghĩa là đạo ấy không tới cũng không quanh co.

Phương kia gọi không sợ: Niết-bàn gọi là phương. Ở nơi Niết-bàn thì không còn sợ hãi về sinh già bệnh chết.

Sự cũng gọi không tiếng: Chi, quán gọi là sự. Không còn có kiết vướng chấp nên gọi là không tiếng. Hoặc đạt được tam muội vô lậu của bậc Hiền Thánh.

Biết pháp gọi đầy đủ: Là biết rõ pháp tương ứng với giải thoát.

*Hổ cũng không có duyên
Niệm là nên theo người
Trí tuệ điều khiển xe
Đẳng kiến trước dẫn trước.*

Hổ cũng không có duyên: Nghĩa là hổ thẹn nơi các kiết xấu ác. Sự việc kia cũng như thuyền, xe. Như thế là duyên nơi hổ thẹn để khởi đạo ý, không còn tư duy.

Niệm là nên theo người: Cũng như chiếc xe, dùng da cạp che phủ lên trên. Nếu dùng da báo để bao quanh thì sợ không được tiện lợi, lại cũng không thể gần gũi. Hoặc gặp phải kẻ oán đối trộm giặc thì cũng không thể tùy tiện. Như thế là niệm nên theo người, nhưng không được gần gũi với các hành ác.

Trí tuệ điều khiển xe: Là cũng như người hầu theo xe đối với chiếc xe tốt đẹp. Như thế là đạo trí tuệ tối thắng, đạo ấy cũng như người điều khiển xe biết rõ đường nào nên đi, đường nào không nên đi. Người điều khiển xe luôn theo đúng hướng xe cần đi, nên tiến lên thì tiến lên. Trí tuệ cũng như thế, khi hành giả có biểu hiện muốn thoái chuyển thì trí tuệ liền khởi ý dừng mãi. Nếu ý tinh tấn quá mức, thì trí tuệ điều chỉnh khiến dừng nghỉ điều hòa. Như người điều khiển xe, biết lúc nào nên tiến thì tiến tới. Cũng thế, trí tuệ tạo phương tiện để tư duy.

Đẳng kiến trước dẫn trước: Tức đẳng kiến (Chánh kiến) dẫn dắt trước nên đi trước. Đẳng kiến luôn ở trước để tu hành đạo. Đức Thế Tôn cũng nói: Đẳng kiến sinh khởi đẳng chí.

Lại có thuyết nói: Như bậc Hiền Thánh kia chuyên tu tám chánh đạo vốn cũng thuyết giảng để tự quán xét nên gọi là hổ thẹn. Do đây chư vị duyên nơi hành để học giới tăng thượng. Niệm là nên theo người, học tâm tăng thượng nêu bày trí tuệ, như người điều khiển xe và chánh kiến dẫn đường trước nên đi trước.

Lại có thuyết cho: Xe kia là nơi chốn tạo các hành có hổ thẹn đầy đủ. Là duyên kia tức có ba thứ đạo là đẳng ngữ, đẳng nghiệp, đẳng mạng (Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Niệm là nên theo người tức là đẳng niệm (Chánh niệm). Trí tuệ điều khiển xe là đẳng chí, đẳng phương tiện (Chánh tư duy, chánh tinh tấn). Đẳng kiến dẫn dắt trước nên đi trước, tức là chánh kiến.

Lại có thuyết nêu: Các pháp chi, quán là thức ăn, như trên đã nói về chiếc xe. Hổ thẹn cũng là duyên và giới cũng là thức ăn ấy. Niệm là nên theo người, nên chỉ cũng là thức ăn ấy. Trí tuệ điều khiển xe là quán về thức ăn kia.

Các hữu như thừa này

Các mầm, loại nam nữ

Thừa kia như xe này

Đi đến chốn vô trụ.

Các hữu như thừa này, Các mầm, loại nam nữ: Là chỉ cho những người kia đã tu hành đạo. Do thừa nên đi đến chốn vô trụ, tức những người kia đã tu hành đạo, nhưng chưa đạt đến Niết-bàn, nên liền khiến họ đến Niết-bàn.

Năm đoạn, năm đã diệt

Tu hành năm thứ trên

*Năm số Tỳ-kheo qua
Gọi là vượt qua dòng.*

Năm đoạn: Là năm cái. *Năm đã diệt:* Là năm kiết phần dưới.

Tu hành năm thứ trên: Là năm căn.

Năm số Tỳ-kheo qua: Là đã diệt năm kiết phần trên.

Gọi là vượt qua dòng: Là đã vượt qua dòng sinh tử.

Lại có thuyết nói: *Năm đoạn:* Là năm tà kiến. *Năm đã diệt:* Là năm kiết của thân. *Tu hành năm thứ trên:* Là năm loại thiền. *Năm số Tỳ-kheo qua:* Là đã vượt qua số dục kia. Như đã nói: Vương mắc nơi dục, đó gọi là số dục. *Gọi là vượt qua dòng:* Là đã vượt qua dòng chảy của dục.

Lại có thuyết cho: *Năm đoạn:* Là kiết trong năm nẻo. *Năm đã diệt:* Là năm đường. *Tu hành năm thứ trên:* Là năm giải thoát nhập. *Năm số Tỳ-kheo qua:* Tức vượt qua năm nẻo kia. *Gọi là vượt qua dòng:* Là vượt qua dòng sinh tử.

Lại có thuyết nêu: *Năm đoạn:* Là năm tâm trói buộc. *Năm đã diệt:* Tức năm thứ cấu uế của tâm. *Tu hành năm thứ trên:* Là năm kiết của niệম. *Năm số Tỳ-kheo qua:* Là đã vượt qua năm trói buộc của tâm. *Gọi là vượt qua dòng:* Tức vượt qua dòng sinh tử.

*Năm thức và ngủ say
Năm ngủ say và thức
Có năm thọ trần cấu
Năm là hành thanh tịnh.*

Năm thức và ngủ say: Là năm tà kiến ngủ say, năm căn đã tỉnh thức.

Năm ngủ say và thức: Là năm căn ngủ say, năm tà kiến thức giác.

Có năm thọ trần cấu: Là năm kiến.

Năm là hành thanh tịnh: Là năm căn.

Như thế là xứ sở của niệm kiết, lực của năm kiết thân, số thiền trong phần dưới, giải thoát trong phần trên, người phạm phu nhập A-na-hàm.

*Chạy khắp không vui trong
Nuôi buộc vương mắc mới
Cũng chạy hợp lửa đèn
Thấy nghe một chốn tạo.*

Chạy khắp không vui trong: Là giải thoát, đã đoạn dứt việc chạy theo biên chấp hữu thường, đoạn diệt, vì không vui thích đoạn diệt. Lại, lia biên chấp đoạn diệt, hữu thường, vì không vui thích hữu thường.

Nuôi buộc vương mắc mới: Là kiến đã sinh, tăng trưởng các trói buộc.

Cũng chạy hợp lửa đèn: Cũng như loài trùng Bát thắng già (Phi nga: Thiêu thân) có tưởng dừng dứt nơi đèn dầu, tạo ra sự lia bỏ, rơi rớt. Khởi tà kiến như thế, có tưởng dừng nghỉ, tạo ra tưởng lia bỏ, rơi rớt.

Thấy nghe một chốn tạo: Là thấy tịnh có duyên tịnh, nghe tịnh có duyên tịnh. Như thế là tất cả các kiến.

Lại có thuyết nói: *Chạy khắp không vui trong:* Là không vui thích trong năm dục, không vui thích một dục. *Nuôi buộc vương mắc mới:* Là rơi vào chỗ buộc trói của dục ái. *Thấy nghe một chốn tạo:* Là trụ trong năm dục.

Lại có thuyết cho: *Chạy khắp không vui trong:* Là không vui thích cõi dục, chạy khắp trong cõi sắc, vô sắc, pháp khác cũng như thế. Như chạy khắp chốn đã hướng đến, như đối tượng nhận biết rõ hiện nay.

Hoặc có thuyết nêu: Cũng lại là sự việc này, không vui thích chạy khắp nơi kiết, nên chạy theo giải thoát bền chắc, hướng đến giải thoát mới bền chắc.

*Già che ngăn thế gian
Bị chết chóc vây quanh
Bệnh ái, họa chúng sinh
Pháp trụ nơi thế gian.*

Già che ngăn thế gian: Là do bị che lấp nên không được giải thoát.

Bị chết chóc vây quanh: Là cũng không thể tránh chạy, như đã nói.

*Chẳng không chẳng trong biển
Chẳng phải vào núi đá
Không có nơi chốn nào
Dùng thoát không nhận chết.*

Bệnh ái, họa chúng sinh: Bị ái trói buộc nên chúng sinh không thể vượt qua ba cõi.

Pháp trụ nơi thế gian: Là trụ nơi tám pháp của thế gian. Dấu vết hành của mười thiện, hoặc thiện hoặc bất thiện.

Lại có thuyết nói: Trụ nơi mười hai nhân duyên.

Hoặc có thuyết cho: Bị khổ bức hại khiến trụ nơi đạo.

Hoặc có thuyết nêu: Trụ nơi bảy pháp.

Hoặc có thuyết nói: Sự việc này thế nào là trụ nơi thế gian?

*Duyên kệ tụng là sự
Văn tự là vị ngọt
Dựa vào danh có kệ
Người tạo là thân kệ.*

Duyên kệ tụng là sự: Là ý muốn nên tạo kệ, diễn giải rộng để đọc tụng.

Văn tự là vị ngọt: Là chia ra có văn tự, theo thứ lớp phân cách hành rộng khắp.

Dựa vào danh có kệ: Là dựa vào danh để tạo tác, cũng như mười câu kệ.

Người tạo là thân kệ: Tức tạo ra kệ tụng là hàng đầu.

*Do sáu hưng khởi đời
Sáu đã tạo thành nghiệp
Sáu tạo pháp thế gian
Có sáu thọ khổ não.*

Do sáu hưng khởi đời: Là sáu ái thân.

Sáu đã tạo thành nghiệp: Là sáu bệnh thân.

Sáu tạo pháp thế gian: Là tạo ra sáu nhập trong.

Có sáu thọ khổ não: Là sáu nhập.

Lại có thuyết cho: *Do sáu hưng khởi đời:* Là sáu ái thân. *Sáu đã tạo thành nghiệp:* Là sáu nhập ngoài. *Sáu tạo pháp thế gian:* Là tạo ra sáu trần. *Có sáu thọ khổ não:* Là sáu thọ thân.

*Bốn phương, phi bốn phương
Trên dưới cõi tối thẳm
Không nghe, không nhận biết
Nói pháp khiến tôi tỉnh.*

Bốn phương, phi bốn phương, Trên dưới cõi tối thẳm: Nên nói là tiếng vang của kiết.

Không nghe, không nhận biết: Là tướng của tụ tập, nên nói là không có nơi chốn, không có sự việc gì là không nhận biết.

Nói pháp khiến tôi tỉnh: Là nói đạo xét kỹ về nghiệp xuất yếu. Đức Thế Tôn nhận biết căn, nghĩa của việc nói pháp, khiến tôi bấy giờ được tỉnh.

*Gốc hết không tạo mới
Nơi có không ái chấp
Chủng dứt pháp không sinh
Niết-bàn như đèn tắt.*

Gốc hết không tạo mới: Là tham dục của quá khứ hết. Lại không tạo ra mới, nghĩa là tham dục của vị lai hết.

Nơi có không ái chấp: Là tham dục của hiện tại cũng hết.

Chủng dứt: Là thức chủng và đối tượng sinh hữu chủng đều tận. *Pháp không sinh:* Là thức xứ kia không sinh, trừ bỏ hành cấu uế.

Niết-bàn như đèn tắt: Không sinh khởi là Niết-bàn. Cũng như đèn tắt, nghĩa là không thể hạn lượng, trụ đến phương đông, hoặc lại là phương nam. Như thế A-la-hán nhập Niết-bàn là không thể hạn lượng.

Hoặc có thuyết nêu: *Gốc hết:* Là kiết quá khứ đã diệt. *Không tạo mới:* Là cấu uế của vị lai dứt hết. *Nơi có không ái chấp:* Là cấu uế của hiện tại cũng hết. *Chủng hết:* Là chủng loại cấu uế này đã tận. *Pháp không sinh:* Là lại không thọ trụ. *Niết-bàn:* Là sáng rõ, không có cấu uế. *Như đèn tắt:* Là không còn bị hữu được tạo trói buộc nữa.

Lại có thuyết nói: *Gốc hết:* Là hành quá khứ đã hết, không còn thọ nhận báo. *Không tạo mới:* Là không tạo cấu uế mới. *Nơi có không ái chấp:* Là hành chưa trọn vẹn.

Lại có thuyết cho: *Gốc hết:* Là nhân đã hết. *Không tạo mới:* Là ở nơi nhân kia không có quả thật. *Nơi có không ái chấp:* Là đối với ái kia chưa dứt trừ hoàn toàn.

Lại có thuyết nêu: *Gốc hết:* Là sáu nhập đã hết và hành gốc là không. *Không tạo mới:* Là không tạo ra hành mới. Phần còn lại cũng như thế.

*Xe vua này hư hoại
Thân cũng hoại như thế*

*Pháp chân không hư hoại
Nơi mình mà bình quân.*

Xe vua này hư hoại: Xe của vua Ba-tư-nặc hiện còn, vì quá cũ kỹ nên không có sắc sáng.

Thân cũng hoại như thế: Tức thân như thế, ở nơi chốn ẩn giấu, vì bị già, bệnh bức bách, nên không có hình sắc tươi sáng.

Pháp chân không hư hoại: Là pháp thật cũng không suy yếu. Vì sao? Vì đối với mình đã quân bình.

Pháp quân bình là gì? Là đạo đế. Pháp chư Phật giảng nói là pháp quân bình.

*Đạo là tám đẳng diệu
Thánh đế có bốn câu
Pháp không dục là trên
Cùng hai chân làm mắt.*

Đạo là tám đẳng diệu: Tất cả các đạo thì tám Hiền Thánh đạo là trên hết.

Thánh đế có bốn câu: Tất cả các đế thì đế Hiền Thánh là trên hết. Tất cả các pháp thì Niết-bàn dừng nghỉ là vi diệu.

Cùng hai chân làm mắt: Tức nơi tất cả chúng sinh thì Phật là bậc Thánh tối thắng thấy biết tất cả.

Cũng như là thật có đạo Niết-bàn. Vì sao cùng xuất sinh hai sự: Đối với Sa-môn Tôn-nhân-đà-ma-la tạo ra thuyết này: Mong cầu đạo xuất yếu là Niết-bàn, chẳng không là nghĩa của đế.

Tôn giả Tỳ-thư-khư thì tạo ra thuyết này: Cũng như trí ở nơi cảnh giới đã xoay chuyển, đạo cũng như thế. Cũng như trí có cảnh giới, đế như thế là Niết-bàn. Cũng như đoạn trừ kiết. Cũng như trí có cảnh giới, đế cũng như thế.

*Giác thô cũng giác tế
 Ý đầy tràn sợ hãi
 Đây không phải trí biết
 Ý chạy theo các nẻo.*

Giác thô: Là bất thiện. *Giác tế*: Là thiện hữu lậu, thọ nhận các hữu.

Lại có thuyết nói: *Giác thô* là đối tượng đoạn của kiến đế. *Giác tế* là đối tượng đoạn của tư duy.

Lại có thuyết cho: *Giác thô* là cùng với cõi dục tương ưng. *Giác tế* là cùng với cõi sắc tương ưng.

Lại có thuyết nêu: *Giác thô* là giác dục. *Giác tế* là giác trí.

Ý đầy tràn sợ hãi: Là ý mê lầm đã sinh khởi, ý truyền đi, ý dong ruổi. Phần truyền đi dong ruổi cùng với nhận biết tương ưng. Như thế trí cùng với vô minh, trí ấy có giác, mỗi mỗi đều dong ruổi, lần lượt nhận biết tâm ý thường tán loạn.

*Ý nhận biết như thế
 Niệm oai nghi không nã
 Tại tâm ý hưng thịnh
 Chư Phật diệt vô dư.*

Ý nhận biết như thế: Là cùng trụ nơi nhận biết, dần dần làm phương tiện.

Niệm oai nghi không nã: Oai nghi là cũng không giác. Niệm là chuyên chú nghĩ đến oai nghi kia. Tâm không dời động trụ, như niệm không khác.

Hưng thịnh: Là đối tượng diệt đã trọn vẹn. Đức Phật có thể vĩnh viễn diệt.

Hỏi: Nghi, không có nghi, thân dứt hẳn, là muốn khiến cho người kia cũng như Phật chăng?

Đáp: Chư Phật là pháp, gần gũi với chư Phật là nơi Khế kinh này. Lại nữa, các cõi nơi Phật đã diệt, Thanh văn không thể diệt các cõi.

Lại có thuyết nói: Cảnh giới của chư Phật đã diệt tận trọn vẹn.

*Trời xa đất vô biên
Biển cả cũng không bờ
Trời, trăng hiện xứ sáng
Cùng nơi chốn diệt kia
Pháp có thật, không thật
Là bốn thứ rất xa.*

Trời xa đất vô biên: Là kệ nói rộng, cho đến phương xứ diệt xa đều cùng vượt qua.

Pháp có thật, không có: Là bốn thứ rất xa, tự nhiên xa đạo của pháp này. Pháp không thật là câu ứ.

Lại có thuyết cho: Pháp có thật là mười điều thiện. Pháp không thật là mười pháp bất thiện.

Lại có thuyết nêu: Pháp có thật là Niết-bàn. Pháp không thật là sinh tử.

Lại có thuyết nói: Pháp có thật là đế. Pháp không thật là các kiến.

Lại có thuyết cho: Pháp có thật là bảy pháp. pháp không thật là bảy phi pháp.

Lại có thuyết nêu: Pháp có thật là phần chính của chư Phật nhằm diễn nói rộng giáo pháp. Không pháp nào là không xiển dương các pháp tức giáo pháp. Giáo pháp ấy ở đây không lâu, đó là lẽ tự nhiên.

*Ưu-bà-ni ma vương
Đã thức tỉnh chạy khắp*

*Kệ duyên đời diệt tận
Nẻo sinh già hai xa.*

Kiên Độ Kệ phần thứ hai xong.

*

**

Phẩm Kệ, phần đầu

*Sống cả đời ngu si
Gần gũi các người trí
Họ không biết rõ pháp
Như thìa không phân vị.*

Sống cả đời ngu si: Ngu si nghĩa là không có uy lực này, nhận biết nghĩa của lời nói thiện, lời nói ác. Người kia suốt đời thân cận các tri thức, cũng không hiểu rõ pháp. Người trí ở trong giây lát gần gũi các bậc trí, người trí ấy có thể nhận biết rõ về pháp, cũng như lưỡi đều phân biệt vị.

Người trí ở trong khoảnh khắc thân cận các bậc trí, bậc trí giả nói đây là các âm thiện, trì thiện, nhập thiện. Lại nữa, do uy lực này đã hình thành các pháp khí để giáo hóa. Kẻ ngu si gọi là không có uy lực này, không thể hiểu mười hai nhân duyên. Người trí gọi là có uy lực này, nói về mười hai nhân duyên. Kẻ ngu si không thể thành pháp khí của Thánh đế. Người trí nói là số bốn, vì điển nói bốn đế, nên nói người trí ở trong giây lát gần gũi các bậc trí.

*Kia nơi chết, không chết
Người trụ cũng không trụ
Nơi nghèo cũng ưa thí
Pháp này phi vô nghĩa.*

Kia nơi chết, không chết: Là ở trong ganh ghét. Đối với chết do ganh ghét mà chết. Người ưa thí cho, đối với cầu ướ vương chấp không chết, vì lấy mạng trí tuệ để sống.

Người trụ cũng không trụ: Cũng như đuổi theo người lái buôn, lạc đường, bị thú dữ, giặc trộm bức hại. Cũng như người không lạc đường, thì không bị thú dữ, giặc trộm bức hại. Đây thật là thí cho.

Nơi nghèo cũng ưa thí: Là người kia xót thương những kẻ nghèo cùng, cô độc. Đây là pháp thường lâu xa.

Hoặc có thuyết nói: *Kia nơi chết, không chết:* Nghĩa là kẻ keo kiệt, ganh ghét ở trong nẻo ác là chết. Người ưa thí tức được sinh lên cõi trời, lương thực được dự trữ ở trước. Cũng như người lái buôn, thiếu thốn về lương thực, tức gặp phải khốn khó, có thể thí cho. Pháp này là đối với kẻ cô độc, bản cùng, nên là pháp đối với loại cô độc, bản cùng.

*Vốn vui được mạng còn
 Đệ tử Cù-đàm này
 Giữ mạng tự biết ngần
 Vô thường cầu được thí.
 Tọa cụ cũng vô thường
 Biết rõ đời vô thường
 Mạng biết đủ để đầy
 Góc hết nguồn cõi khổ.*

Vốn vui được mạng còn: Bây giờ, chư thiên vì các Tỳ-kheo biếng trễ, bèn nói lời Phật: Vốn vui được mạng còn. Biết đủ thì dễ đầy, dễ nuôi, vui thiên tam muội, khéo ở nơi chỉ quán.

Vô thường cầu được thí: Là cũng không lưu giữ vật khác, lấy việc xin ăn để nuôi mạng.

Tọa cụ cũng vô thường: Ngồi dưới tán cây, nơi chốn trống vắng, tự an vui trong đó, ý không chuyên về một xứ.

Biết rõ đời vô thường, Góc hết nguồn cội khổ: Tức nhận biết sáu nhập là vô thường, vượt qua dòng sinh tử.

Lại có thuyết nói: *Vốn vui được mạng còn*: Là đệ tử của Sa môn Cù-đàm này vốn dùng trí tuệ làm thọ mạng. *Vô thường cầu được thì, Toạ cụ cũng vô thường*: Là dùng tướng vô thường để cầu xin. Lại dùng tướng vô thường để thọ nhận toạ cụ kia. *Biết rõ đời vô thường, Góc hết nguồn cội khổ*: Là tu môn giải thoát vô nguyền, biết rõ không có đối tượng tạo tác mà nhập Niết-bàn.

*Do trí tuệ nào biết
Tuệ tất không có nạn
Do trí tuệ nào biết
Đó được gọi là tuệ.*

Do trí tuệ nào biết, Tuệ tất không có nạn: Là trí nào? Như tướng không khác.

Do trí tuệ nào biết, Đó được gọi là tuệ: Nghĩa là do trí tuệ nào để nhận biết? Đã nhận biết nên cần biết rõ. Nếu pháp không có nạn, thì các pháp không có hai tướng. Ở trong ấy dùng trí tuệ nào để nhận biết, đó gọi là trí tuệ. Các pháp không có hai tướng là không có hai thứ sinh. Dùng trí tuệ nào để nhận biết, đó gọi là trí tuệ. Trí tuệ này nhận biết rồi nên cần biết rõ. Cũng như tất cả trí là vô thường, trí cũng vô thường. Tất cả trí là vô ngã, trí cũng vô ngã. Cũng như có tất cả trí, nên cũng có nhận biết.

*Có ít, có người sinh
Xuất sinh bò, nhập bò
Cũng có bò lớn lên
Người muốn trời liền mưa.*

Có ít, có người sinh: Tức nguyên do của Đản-ni gốc là ít nên không sinh trâu bò cái. Nhớ đến việc dẫn dắt ở trước, về sau thì xua đuổi bò. Bò lớn là bò lớn lên nên không ít, là không có người sinh.

Xuất sinh bò, nhập bò: Là cũng lại không có. Cũng không có bò lớn lên.

Người muốn trời liền mưa: Là không có ít.

Đức Thế Tôn tạo ra thuyết: Tất cả không hiện bày không có đối tượng chấp giữ.

Lại có thuyết cho: Kiệt của cõi sắc, vô sắc là không có không dứt hết. Không có người sinh: Là kiệt của cõi dục cũng không có không dứt hết. Nhớ lại con bò: Nghĩa là vô minh. Nhập là tâm tâm pháp tương ưng với bò kia. Tâm bất tương ưng hành, xoay chuyển cùng với nhập ấy. Bò lớn lên: Là đối với mạn này đã dứt hết, việc đã làm đều xong.

*Không giận dứt trừ ứ
Nước chảy nghiêng một đêm
Nhà lộ ta phủ che
Nếu muốn trời liền mưa.*

Không giận dứt trừ ứ, Nước chảy nghiêng một đêm: Là hiện không có giận. Trừ bỏ ứ: Là hiện bày giận dữ đã hết, cấu ứ lớn đều trừ bỏ hết. Nước chảy nghiêng một đêm: Là liên hệ với đạo nơi đêm kia. Muốn hóa độ người chăn bò, có vô số thứ gian dối, đều là gian dối của thân. Người chăn bò kia thấy căn bất tịnh. Gian dối là thức thân nơi kẻ chăn bò kia cũng dứt hết. Tôi đã dập tắt lửa, là ba thứ lửa đã dứt.

*Tôi đã thấy mái nhà
Lại không khởi ái chấp
Ông dứt bỏ hiếp đáp
Mái nhà đều hư hoại.*

Tôi đã thấy mái nhà: Tức ái nhận lấy các hữu là mái nhà.

Lại có thuyết cho: Mái nhà là mạn của cõi này.

Lại có thuyết nêu: Mái nhà là hành hữu lậu.

Lại có thuyết nói: Mái nhà là sinh khởi các thức.

Lại không khởi ái chấp: Là lại không còn thọ nhận hữu.

Ông dứt bỏ hiếp đáp: Là ái dục đã hết.

Lại có thuyết cho: Hiếp đáp bức bách là đối với pháp tương ưng của mạn này, người kia đã vĩnh viễn dứt hết.

Lại có thuyết nêu: Hiếp đáp là khởi các hành kiết, người kia đã dứt hết.

Lại có thuyết nói: Hiếp đáp là ái nơi người kia đã hết.

Mái nhà đều hư hoại: Là năm thạnh ẩm đã hoàn toàn dứt hết.

Lại có thuyết cho: *Mái nhà đều hư hoại*: Là thân kiến nơi người đã hoàn toàn diệt hết.

Lại có thuyết nêu: Mái nhà là vô minh, người kia đã hoàn toàn diệt trừ hết.

Lại có thuyết nói: Mái nhà là xứ trụ của thức, người ấy đều vĩnh viễn dứt hết.

Người hay khéo ngủ say

Cũng lại lo được giúp

Tâm thường vui trong thiền

Dục khiến vui thích hoại.

Người hay khéo ngủ say: Là nói rộng về việc ghi nhận trao pháp của A-trá-la-bà-thi-khư. A-trá-la-bà tạo ra thuyết này: Người kia cũng không sinh khởi lo âu, như ta đã lo. Đức Thế Tôn nói: Người kia tạo lo âu như Ta đã ưu tư.

Kia không là Tỳ-kheo

Từ người cầu xin kia

*Nhận lấy pháp mái nhà
Như thế phi Tỳ-kheo.*

Khế kinh nói: Tỳ-kheo kia không phải là Tỳ-kheo. Không làm Tỳ-kheo, không tạo pháp hành của Tỳ-kheo. Pháp nhà: Là nhận lấy ngôi nhà, tạo ra các hành của ngôi nhà, không phải lấy việc xin ăn làm Tỳ-kheo.

*Nếu có phước, có ác
Dứt bỏ, tu phạm hạnh
Luyện diệt thọ không khởi
Người ấy là Tỳ-kheo.*

Nếu có phước, có ác: Phước là hành âm hữu lậu thiện. Ác là bất thiện.

Dứt bỏ: Nghĩa là đã đoạn. *Phạm hạnh:* Là tu hành đạo của Tỳ-kheo.

Luyện diệt thọ không khởi: Là hàng phục tất cả chúng ma, hàng phục hết thảy các kiết. Hành là trụ.

Người ấy là Tỳ-kheo: Là thành tựu pháp hành của Tỳ-kheo.

Lại có thuyết cho: Phước là hành của định bất dụng. Ác là không có hành phước. Đã đoạn trừ kiết kia để tu phạm hạnh. Hai là hai tam muội, là hai cùng hội hợp. *Luyện diệt thọ không khởi:* Là trừ bỏ hành kia hợp với ý chỉ của đạo. *Người ấy là Tỳ-kheo:* Là đoạn trừ các kiết.

*Số xanh, trắng đã che
Một bầu xe cùng đi
Không hơn quán biên này
Đoạn các dòng kiết phước.*

Nói rộng như nơi kinh Tạp A-hàm:

*Hăm chín người Tu-bạt-đà
Ta xuất gia hành học đạo*

*Năm mươi tuổi ta đã biết
 Trong đó học Tu-bạt-đà.
 Giới, định cùng thuật tu hành
 Bước một mình tư duy niệm
 Diễn giải rộng nói pháp trí
 Ở đây, không có Sa-môn.*

Giới: Là luật của thân miệng mạng thanh tịnh. *Tam muội:* Là các tâm thiện.

Bước một mình: Là sự của tam muội kia. *Thuật:* Là trí. Bước đi một mình, tâm tư duy tam muội, diễn giải rộng nói pháp trí.

Ở đây, không có Sa-môn: Pháp trí là đạo. Người kia nhập trong, ngoài không có Sa-môn.

Hỏi: Giới, hành có khác biệt gì?

Đáp: Giới là hữu lậu. Hành là vô lậu.

Lại có thuyết nói: Giới là hữu học. Hành là vô học.

Hỏi: Tâm tam muội cùng với xứ riêng lẻ có khác biệt gì?

Đáp: Tam muội là hữu lậu. Xứ riêng của một tâm là vô lậu. Tam muội là hữu học. Xứ riêng của một tâm là vô học.

Lại có thuyết cho: Giới là giới tăng thượng. Tam muội là thuật hành của tâm tăng thượng. Trí tuệ tăng thượng, đó gọi là đạo kiến đế. Nhất tâm là đạo tư duy. Đó gọi là đạo kiến đế, đạo tư duy. Pháp thâm diệu ở đây ít nhập, không ngoài Sa-môn.

Lại có thuyết nêu: Giới, hành là giới tăng thượng. Tam muội, xứ riêng học là thuật của tâm tăng thượng. Học trí tuệ tăng thượng, đây là pháp trí, như ít đối tượng nhập, không ngoài Sa-môn.

Lại có thuyết cho: Giới, tam muội như đã nói. Ở nơi giới là tu hành, gọi là học hành tăng thượng. Thuật của hành là trí tuệ tăng

thượng, đó gọi là học trí tuệ tăng thượng. Xứ riêng, tâm tư duy, đó gọi là học tâm tăng thượng, là nhận biết pháp, ít đối tượng nhập, không ngoài Sa-môn.

*Tập hữu lượng, vô lượng
Năng nhân bỏ các hành
Tự cần thận tình trong
Trúng vô minh tự vỡ.*

Tập hữu lượng, vô lượng: Hữu lượng là sinh, hữu của hành báo.

Các hành: Là hành xả của thọ mạng. *Năng nhân:* Là bậc vô học. An lạc bên trong của tăng nhân, là an vui nơi tam muội của thiền giải thoát. Trong tam muội, tự cần thận dùng không làm hàng đầu. Ba cần thận là tự cần thận thành tựu.

Trúng vô minh tự vỡ: Là cũng như mô trúng vỡ nát, không còn thấy mô trúng nữa. Như thế là Đức Thế Tôn đã xả bỏ thọ mạng, không quán hành của thọ mạng.

Hoặc có thuyết nói: Lượng là con người. Vô lượng là hành khác. Hành là thọ nhận hành của các hữu. Tự an vui bên trong: Là vui thích các đạo. Phần khác cũng như thế.

*Nếu ái không trụ xứ
Ý dân được mở hiểu
Ái kia, Năng nhân trừ
Không biết trời và người.*

Nếu ái không trụ xứ: Là tình phóng dật, dong ruổi. Tình ấy có hai thứ là ái, kiến. Không trú xứ là hoặc do ái, hoặc do kiến.

Ý có hai thứ là ý ái, ý kiến. *Dân* là đều cùng vượt qua hai, ba ái hết.

Hành của Năng nhân thì hàng trời và người không thể nhận biết. Hành của Năng nhân là đối tượng mà hàng trời và người đều không thể nhận biết.

Lại có thuyết cho: *Nếu ái không trụ xứ*: Thì ái là dục ái, trụ xứ là các kiến. *Ý dần được mở hiểu*: Ý là hữu ái. Dần là vô minh. Có hai ái dứt hết. Trời và người đều không thể nhận biết các kiến, vô minh hết.

*Nếu trong không giận dữ
Hữu có được giống lúa
Người kia không sợ buồn
Chư thiên không đến thấy.*

Nếu trong không giận dữ: Là tự vui mừng, không giận dữ.

Hữu có được giống lúa: Trung hữu có đó gọi là có, là ở nơi cõi này có.

Người kia không sợ buồn: Là khéo tu pháp không, khéo nêu rõ về mười hai nhân duyên. Vui: Là an vui của bốn xuất yếu được thành tựu. Không sợ buồn: Là không có bỏ sót thứ khác. Lo sợ về của cải vật dụng, nếu như có bỏ sót vật khác, thì đối với của cải vật dụng ấy hoặc được, hoặc mất, cũng không sầu não.

Chư thiên không đến thấy: Là đã nhận lấy Niết-bàn thì không còn thấy năm nẻo.

Lại có thuyết nêu: *Nếu trong không giận dữ*: Là giận dữ hiện có đã hết. *Hữu có được giống lúa*: Là hiện tại, dục của người kia đã hết. *Người kia không sợ buồn*: Là thiện không có lo âu, ngu si hiện có đều hết. *Chư thiên không đến thấy*: Là không có dục, không có giận dữ, cũng không có ngu si. Đã đến chốn Niết-bàn nên không thấy Niết-bàn.

*Đẳng chánh giác trong người
Tự thuận chuyên chánh chí
Du hành trong dấu phạm
Thường vui tâm tịch diệt.*

Trong người: Là sinh trong loài người. *Đẳng chánh giác*: Là đều nhận biết về các pháp.

Tự thuận: Là tự nhiên gồm đủ. *Chuyên chánh chí*: Là có được ba tam muội.

Du hành trong dấu phạm: Là tâm tôn kính pháp.

Thường vui tâm tịch diệt: Là tâm của các tam muội được dừng nghỉ. Đoạn trừ các kiết nên tâm được dừng nghỉ, được an vui trong ấy.

Được nhiều người kính ngưỡng
Đều vượt tất cả pháp
Chư thiên cũng quy mạng
Là nghe bậc Vô trước.

Được nhiều người kính ngưỡng: Là thừa sự, quy mạng.

Đều vượt tất cả pháp: Là vượt hơn các pháp thiện. Cũng như vượt qua các kê, tụng. Cũng vượt bỏ các pháp bất thiện.

Chư thiên cũng quy mạng: Là chư thiên cũng vâng giữ, phụng sự, quy mạng.

Là nghe bậc Vô trước: Là chư thiên kia được nghe từ Đức Thế Tôn. Phật được hàng trời, người đều cúng dường.

Tất cả kiết quá khứ
Nơi vườn vượt vườn quả
Vui xuất yếu nơi dục
Cũng như luyện vàng ròng.

Tất cả kiết quá khứ: Là qua khỏi chín kiết, đó gọi là tất cả kiết quá khứ.

Lại có thuyết nói: Là vượt bỏ ba kiết quá khứ.

Nơi vườn vượt vườn quả: Năm dục là vườn. Nơi vườn kia, ái đã hết, vượt bỏ các tai hại của ái. Vượt qua các kiết. Vượt bỏ các vui của hữu.

Vui xuất yếu nơi dục: Là đối với dục đạt giải thoát an lạc nơi thiên thứ nhất. Lại nữa, ở trong dục được giải thoát, có an vui của xứ tĩnh lạc. Cùng vui trong ấy, đó gọi là vui xuất yếu nơi dục.

Cũng như luyện vàng ròng: Là như vàng được tinh luyện, không có cầu uế, rất là tinh diệu. Như thế là Đức Như Lai đã vượt khỏi dục, đều không có các lậu.

*Ba Phật danh truyền khắp
Như mặt trời trừ tối
Nơi đời đệ nhất tôn
Cũng như núi An minh.*

Ba Phật danh truyền khắp: Là công đức nơi Thanh văn, Thế Tôn, truyền khắp bốn phương trên dưới, cho đến trời A-ca-ni trá đều nghe tiếng của công đức ấy.

Như mặt trời trừ tối: Là như lúc mặt trời mọc, soi chiếu khắp thế gian, bóng tối đều là ánh sáng, không gì là không nhờ ân ấy. Như thế là Đức Thế Tôn đã đạt được Chánh giác, dùng ánh sáng soi chiếu khắp ba cõi, là bậc tôn quý đệ nhất ở đời, do vậy nên gọi là Tôn. Tất cả ba cõi kia, hiện đều được chiếu sáng.

Cũng như núi An minh: Tức như núi chúa Tu-di đối với các núi là rất cao, rất lớn. Đức Thế Tôn cũng như thế, ở trong tất cả chúng sinh là tối tôn tối thượng, đã nói kệ này để dẫn dắt:

*Ta sẽ nói nghĩa ấy
Cũng không tạo hy vọng
Tất cả danh hiệu rỗng
Thật gọi là Như Lai.*

Ta sẽ nói nghĩa ấy: Là sẽ nói công đức của rỗng.

Cũng không tạo hy vọng: Tôn giả Nhân-đà-ma-na nói thế này: Là lời nói về không nghĩa.

Tôn giả Ma-hê-la nói: Không tạo ra các thứ hành.

Hoặc có thuyết cho: Không tạo ra oán đối, như đã nói: Cũng không giận dữ để có chôn tạo tác.

Lại có thuyết nêu: Cũng không gây tạo hành ác.

Tất cả danh hiệu rỗng, Thật gọi là Như Lai: Các hữu gọi là rỗng, tức ở trong tất cả, Đức Như Lai là rỗng tối diệu.

*Hay nhẫn không ganh kia
Như rỗng có hai chân
Ân cần tu phạm hạnh
Rỗng đã hành dấu khác.*

Hay nhẫn không ganh kia, Như rỗng có hai chân: Đức Như Lai kia cũng như rỗng, voi, chân trước đã được ổn định, sau đẩy thân mới được xoay chuyển. Như thế Đức Như Lai đã dùng pháp thân bền chắc để được xoay chuyển.

Ân cần tu phạm hạnh, Rỗng đã hành dấu khác: Là cũng như rỗng, voi khi chân sau đã được ổn định, sau đẩy thân mới có xoay chuyển. Đức Như Lai cũng thế, đã mặc pháp phục của Hiền Thánh, các Đức Như Lai từ xa xưa đã được pháp thân bền chắc nên có thể xoay chuyển.

*Tín là voi quý lớn
Xả là cặp ngà trắng
Niệm cổ trí tuệ đầu
Oai nghi dùng pháp quán.*

Tín là voi quý lớn: Cũng như voi quý nhận lấy các vật đều do vòi. Đức Như Lai cũng như thế, dùng tín để dứt bỏ pháp bất thiện, gồm thân pháp thiện, cũng như vòi của voi quý rất là quan trọng. Tôn giả Đàm-ma-đa-la đã tạo ra tụng này. Phần lại vượt qua của Khế kinh, là không thể nói về niềm tin của Đức Như Lai. Lại tự có

nhân duyên, tất cả các trí đã tính toán voi là rỗng lớn. Cũng như voi quý nhận lấy vật đều do vòi. Như Lai cũng như thế, gần gũi các pháp số, cũng lại phân biệt quán có sắc thân, Như Lai xả hành thanh tịnh cũng lại như thế. Tám phẩm đạo của Hiền Thánh thanh tịnh không có trần cấu.

Lại có thuyết nói: Cũng như voi quý, ngà không thể dời động, Như Lai cũng như thế, ở trong bốn đẳng nhận lấy các khí vị, tức được tự tại. Răng của Như Lai cũng như thế, dững mãnh có các tướng. Như Lai cũng như thế, ở nơi sáu thiện lai tức có các tướng tốt của hàng đại trượng phu.

Niệm cổ: Cũng như cổ của voi quý đều nhận lấy tất cả các vị, thân tức của Đức Như Lai cũng lại như thế, tất cả các pháp thấy đều đủ khắp.

Lại có thuyết cho: Cũng như cổ của voi quý đã nâng giữ lấy đầu, Đức Như Lai cũng như vậy, niệm là trên hết.

Trí tuệ đầu: Cũng như voi quý dùng đầu làm mạng, Đức Như Lai cũng như vậy, dùng trí tuệ làm mạng.

Lại có thuyết nêu: Cũng như cái đầu trong sắc thân của voi quý là trên hết, Đức Như Lai cũng như vậy, Chánh biến tri trong pháp thân là trên hết.

Oai nghi dùng pháp quán: Hoặc có thuyết nói: Sự việc này cũng như thế, tức hai mắt dùng quán pháp. Cũng như voi quý có hai vai trái phải, Đức Như Lai cũng như vậy, tức có hai thứ: Đẳng thân tập xuất yếu và đẳng thân tận xuất yếu, dấu vết diệt không còn khởi.

Lại có thuyết cho: Cũng như voi quý có các cách xem xét nhanh chóng nhận biết, Đức Như Lai cũng như vậy, có các thứ tướng nhận biết chúng sinh.

Hoặc có thuyết nêu: Cũng như voi quý, tâm ý có các tướng, hoặc bước hoặc đi thấy đều biết rõ, Đức Như Lai cũng như vậy, ở

trong sắc thân đầu là tối thượng. Đức Như Lai cũng như vậy, Chánh đẳng Chánh giác vô thượng ở trong pháp thân là tối thượng.

Hoặc có thuyết nói: Đây cũng là sự việc kia, có nhập pháp quán. Cũng như bên trái, bên phải của voi quý có hai vai, Đức Như Lai cũng như vậy, tức có hai thứ: Thân đẳng tập xuất yếu, thân đẳng tận xuất yếu.

Lại có thuyết cho: Cũng như voi quý có cách xem xét tạo ra các tướng, người điều khiển voi đã nhận biết tướng đó, Đức Như Lai cũng như vậy, cũng nhận biết tướng kia để hiểu rõ chúng sinh.

Hoặc có thuyết nêu: Cũng như voi quý, những chỗ nhớ nghĩ của tâm ý đều có thể thành tựu, hoặc đi hoặc đứng đều có thể nhận biết. Đức Như Lai bản vô cũng lại như thế, luôn nhận biết căn gốc của chúng sinh.

Hoặc có thuyết nói: Cũng như voi quý khi tâm ý khởi các nhớ nghĩ, hoặc đi hoặc đứng đều có thể nhận biết. Đức Như Lai bản vô cũng như vậy, luôn nhận biết tướng căn của các chúng sinh.

Hoặc có thuyết cho: Cũng như thế tức nhận biết căn của chúng sinh.

Hoặc có thuyết nêu: Cũng như voi quý, những suy niệm của tâm ý, hoặc đứng hoặc đi đều có thể nhận biết, Đức Như Lai cũng như vậy, luôn nhận biết tướng của các căn, thân cận các hành, ở trong chúng sinh diễn nói rộng pháp, chúng sinh mặc nhiên vâng nhận phụng hành, lần lượt tương ưng.

*Pháp tạng đều đầy đủ
Soi sáng trừ bỏ hẳn
Vui thiền thở ra vào
Nội tự khéo cẩn thận.*

Pháp tạng đều đầy đủ: Cũng như bụng của voi quý, nhận vào từng ấy các thức ăn, đều dựa vào sự mong cầu thức ăn đó,

Đức Như Lai cũng như vậy, các tạng như pháp v.v... đều dựa vào pháp thực.

Soi sáng trừ bỏ hẳn: Cũng như đuôi của voi quý luôn vung vẩy, các thứ muỗi ruồi v.v... đều có thể xua đuổi. Đức Như Lai cũng như vậy, từ trong thân diễn giải rộng giáo pháp.

Vui thiên thờ ra vào, Nội tự khéo cẩn thận: Cũng như voi quý dùng hơi thở ra vào để nuôi dưỡng thân hình, thường lấy đó làm vui, Đức Như Lai cũng như vậy, thường dùng bốn thiên nhằm nuôi dưỡng thân hình, phương tiện bên trong đều đầy đủ.

*Rông đi tìm cỏ tốt
Rông trụ oai nghi tịnh
Rông nằm oai nghi đủ
Ngồi cũng oai nghi thành
Tất cả uy rông thành
Gọi là oai nghi rông.*

Rông đi tìm cỏ tốt cho đến *Gọi là oai nghi rông*: Tức như Đức Thế Tôn ở trong tất cả oai nghi đều đã thành tựu giới tam muội, hành tam muội cũng thành tựu. Nếu oai nghi đã thành tựu, thì chỉ là ý thực nơi xứ không cấu uế còn thân thì không ăn. Như rông ăn luôn lường xét về bụng chứa, thọ mạng cũng không tham. Ý thực nơi xứ không cấu uế, xứ cấu uế thì không thực. Những gì là thức ăn nơi xứ cấu uế? Là có ý tham khởi, cùng với tà mạng kết hợp. Đây là xứ cấu uế. Xứ không cấu uế là trái với sự việc trên. Đức Như Lai kia dứt bỏ thức ăn cấu uế, chọn lấy thức ăn không cấu uế là nhằm khiến cho các căn đầy đủ, không có các thứ bệnh. Cũng như thuốc cao chuyên trị mụn nhọt. Cũng như mỡ bôi xe, uống các thứ cỏ thuốc, không có tham chấp, nên nói là không tham.

*Do được ăn trừ đời
Không chứa cát dư thừa*

*Nhận thức ăn tín thí
Trừ không cho mà lấy.*

Do được ăn trừ đói: Cỏ làm thức ăn, che chắn làm áo.

Không chứa cát dư thừa: Là không được chứa cát, không để lộ hình thể, được thí cho thức ăn, là muốn cho thân hình tồn tại.

Nhận thức ăn tín thí, Trừ không cho mà lấy: Là dùng pháp đề cầu nhận lấy. Lại nữa, nên nói về chỗ chính của sự việc nhận lấy kia. Nếu được để lại lâu dài, lại muốn cất giữ nhằm làm nghiệp nhà. Đức Như Lai kia thấy đều trừ bỏ phi hạnh, nên nói là đoạn dứt các thứ đói khát.

*Đoạn tất cả các kiết
Cũng đoạn những buộc chấp
Hành ấy ở xứ xứ
Cũng không bệnh lo sợ.*

Đoạn tất cả các kiết: Là diệt hết bảy kiết.

Cũng đoạn những buộc chấp: Là trừ bỏ ba phược.

Lại nữa, Đức Như Lai vốn không có căn kiết, căn sử đã vĩnh viễn dứt hết, không có buộc vương, luôn khởi các chiếu sáng, nên nói là *Đoạn tất cả các kiết*. Đức Như Lai nhận thấy các thứ cấu uế, tâm không hề nhiễm vương, nên nói là *Hành ấy ở xứ xứ*.

*Ngu, mạng chết có hai số
Có, không giận thấy nghiệp nhà
Khéo ngủ nghỉ, hai Tỳ-kheo
Áo cỏ che, tất cả sử.*

Phẩm Kệ, phần hai

*Thấy sắc không vui thích
Không dục và các tham
Như túi da đầy phân
Khiến năm ý dòi động.*

Thấy sắc không vui thích: Vì sao Đức Thế Tôn nói như vậy:
Như túi da đầy phân?

Hoặc có thuyết cho: Hiện bày ái của Đức Thế Tôn đã hết. Thiên nữ, nhạc trời, Đức Phật luôn không khởi dục đối với chúng, Ngài chỉ xem như túi da đựng đầy phân.

Lại nữa, vì Đức Thế Tôn muốn dứt bỏ chỗ liên hệ với Phạm chí Ma-ha Đàm-đề, không muốn ông ta thường đến chỗ mình.

*Phạm chí gánh đầy mạn
Khói giận hại làm tro
Miệng tịnh tâm như lửa
Tâm là kho hầm lửa.*

Phạm chí gánh đầy mạn: Cũng như kẻ gánh nặng, không sợ hãi đối với người nào. Như thế vì bị mạn trói buộc, nên không biết sợ hãi.

Khói giận: Cũng như trước có khói, sau đây lửa mới cháy. Như thế trước có lỗi giận dữ, sau đây mới có giáo hóa. Cũng như khói làm lẫn lộn tất cả sắc, giận dữ cũng như thế, tức tạo lẫn lộn các sắc. *Hại làm tro:* Cũng như tro vô dụng đối với vật, hại như thế cũng là vô dụng đối với vật.

Miệng tịnh: Cũng như vật tịnh được ném vào lửa. Như thế lưỡi làm tăng trưởng lợi ích đối với các pháp.

Tâm là kho hầm lửa: Tức cũng như xứ sở thờ lửa. Tâm như thế là lửa trí đã cháy, tự động soi sáng trong người, cũng như ngọn lửa thứ nhất của mình.

*Giống tín tự phơi bày
Trí tuệ là cày ruộng
Tâm hổ thẹn đã buộc
Tâm tay cầm giữ gậy.*

Giống tín tự phơi bày: Cũng như trước có mầm mộng, như thế tín là đạo, sau đây là hành đạo. Phơi bày: Phơi là ở nơi vắng lặng. Cũng như thân mọc ra, được nước mưa làm thấm nhuần. Như thế sinh công đức thiện, do phơi nắng làm thấm nhuần

Trí tuệ là cày ruộng: Cũng như tự tập để cày đất. Như thế tín tạo thành các công đức thiện. Như vậy là trí tuệ thành tựu các công đức thiện. Người cày là kiết sử. Người hổ thẹn cũng như ách cày. Như thế là hổ thẹn trụ nơi trí tuệ. Tâm ràng buộc: Là ba tam muội. Ý bị ràng buộc cũng như chiếc ách. Tam muội như vậy cũng như vật không dời động.

Tâm tay cầm giữ gậy: Cũng như cày đất, dùng gậy đánh khiến trâu bò bước đi. Nghĩ đến việc cày ruộng như thế là kiết được khéo trừ bỏ.

*Thân ngay miệng cũng thế
Như đến tìm thức ăn
Thật tạo chọn bỏ ướ
Thọ nhận ngữ giải thoát.*

Thân ngay là luật nghi của thân. *Miệng ngay* là luật nghi của miệng.

Như đến tìm thức ăn: Là khiến cho thọ mạng thanh tịnh.

Thật tạo chọn bỏ ướ: Là dùng trí để cày bỏ các thứ cấu ướ.

Thọ nhận ngũ giải thoát: Cũng như người cày ruộng, sự việc đã xong thì bỏ. Như thế đều cùng tương ưng nên xả bỏ hành kia. Những thứ cấu uế đã diệt, nên có ý dũng mãnh.

Dũng mãnh cùng hai ách
Phương tiện được xư yên
Đã qua không trở lại
Chón đến không lo sợ.

Dũng mãnh cùng hai ách: Cũng như đôi bò có sức mạnh, không bỏ chiếc ách của chúng. Như thế theo sức dũng mãnh cũng không xả bỏ ách của mình.

Phương tiện được xư yên: Có bốn phương tiện đã dứt hết, đó gọi là Niết-bàn, cũng là chí dũng mãnh của xư yên ổn.

Đã qua không trở lại: Là có uy lực nên không còn trở lại.

Chón đến không lo sợ: Tức đã đến Niết-bàn thì chúng bệnh lo sợ đều vĩnh viễn dứt hết.

Canh tác ruộng như vậy
Đó là quả cam lộ
Nghiệp như thế nên nhĩn
Giải thoát tất cả khổ.

Canh tác ruộng như vậy: Là tạo tác theo đạo tu hành như thế.

Đó là quả cam lộ: Tức Niết-bàn là quả.

Nghiệp như thế nên nhĩn: Là tu hành đạo ấy.

Giải thoát tất cả khổ: Tức đối với khổ của ba cõi đều được giải thoát.

Hoặc có thuyết nói: Sự giáo hóa của đạo đối với trí tuệ kia là đoạn trừ các kiết sử. *Thân ngay miệng cũng thế, Như đến tìm thức ăn*: Là đẳng ngữ, đẳng nghiệp, đẳng mạng (Chánh ngữ, chánh

ngiệp, chánh mạng). *Dũng mãnh cùng hai ách*: Là đẳng phương tiện (Chánh tinh tấn). Niệm là gây, là đẳng niệm (Chánh niệm). Ý ràng buộc là đẳng tam muội (Chánh định).

Đã nói năm căn: Giống tín kia là tín căn. Dũng mãnh cùng hai ách là tinh tấn căn. Niệm là gây, là niệm căn. Ý ràng buộc là định căn. Trí tuệ xướng ngôn dẫn đường là tuệ căn.

Chuyên niệm tìm phương tiện
Cũng không vui tại nhà
Đàn nhạn chạy đến ao
Dòng chảy trừ giận dữ.

Chuyên niệm tìm phương tiện: Là xuất gia học đạo. *Chuyên niệm*: Là buộc giữ niệm không dời động.

Cũng không vui tại nhà: Là không vui thích ở trong nhà ân ái.

Đàn nhạn chạy đến ao, Dòng chảy trừ giận dữ: Cũng như đàn nhạn đã từ bỏ vùng rừng núi lớn, không còn tình luyện mộ. Như thế, người xuất gia kia đã diệt trừ năm dục, không còn chút tình luyện mộ gì đã có thể dùng đạo để trừ bỏ năm dục. Như đã nói pháp hãy còn bỏ huông chi là phi pháp.

Lại có thuyết nói: *Chuyên niệm tìm phương tiện*: Là thường vui thích ở chốn tĩnh lặng ngòai thiên. *Cũng không vui tại nhà*: Là không ưa thích sinh trong ba cõi. *Đàn nhạn chạy đến ao, Dòng chảy trừ giận dữ*: Dòng chảy là vô minh, đã có thể dùng đạo để trừ vô minh, đạo kia cũng trừ.

Lại có thuyết cho: *Chuyên niệm tìm phương tiện*: Là dốc tu hành đạo, ý thích đi đến chốn núi rừng. *Cũng không vui tại nhà*: Là xa lìa ái chấp. Như đã nói: Ái trong các thọ, đây là ái tức đã có thể dứt bỏ ái ấy, cũng không ưa thích ái chấp. *Đàn nhạn chạy đến ao, Dòng chảy trừ giận dữ*: Dòng chảy là sáu nhập. Như đã nói: Mắt của

trường giả là nguồn gốc tạo dòng chảy của thức. Người ấy có thể diệt sáu nhập, tức đã có thể dùng đạo để diệt sáu nhập, đạo kia cũng diệt.

*Các người qua sông biển
Làm cầu sang bờ kia
Có buộc ta mong qua
Người trí trước rõ bờ.*

Các người qua sông biển: Như đã nói: Như Đức Thế Tôn Cù-đàm, do dị học nên đã đi đến nhận lấy nước sông Hằng. Thần thủy nói kệ này:

*Sông kia hằng tát lao
Tần não tạo các cầu
Nhiều chẳng được thần tức.*

Hoặc có thuyết nêu: Các thọ nhận là tần não. Kiết là tần sinh. Chết là tát lao. Như đã nói: Do tát lao nên có ao này, làm các cầu để tu hành đạo. Từ bỏ núi: Là diệt trừ năm dục, dứt sạch các trói buộc của chúng. Người mong cầu vượt qua: Là ngoại đạo cầu đạo. *Người trí trước rõ bờ:* Là nói vượt qua bờ sinh tử.

Lại có thuyết nói: Các người vượt qua tần não: Là kiết do kiến để đoạn dứt. Tát la: Là kiết do tư duy đoạn dứt. Người làm cầu: Là hưng khởi đạo. Người từ bỏ núi: Là đã diệt các cái. Dứt hết các trói buộc: Là tu học đạo. *Người trí trước rõ bờ:* Là A-la-hán vượt qua bờ sinh tử.

*Không nơi kiến nhanh chóng
Là giới hạn của ta
Không đi nên trừ đến
Không nhiễm lụy nơi nhà.*

Không nơi kiến nhanh chóng: Là đẳng trí thành tựu nhanh chóng. Kiến bất tịnh kia không nghe hiểu về nhanh chóng. Không phải người nhanh chóng, có thể tịnh hóa biên kiến bất tịnh ấy. Ngoại

đạo kia cũng muốn tịnh hóa chỗ ân cần ở dục. Cõi cũng không nghe hiểu việc sắp đến. Vì sao? Vì không nhiễm lụy nơi nhà. Tức người kia không thuận theo kiến này.

*Nếu cột rừng bền chắc
Nơi khác đều lời ấy
Như căn thiện không dục
Năng nhân cũng bền chắc.*

Nếu cột rừng bền chắc: (Nói rộng trong việc trao truyền thọ ký của Tôn giả A-na-luật). Cũng như cây cột rừng không thể dời động. Như thế Tôn giả A-na-luật kia, hoặc bị hủy báng, hoặc được khen ngợi, đều không thể dời động.

Nơi khác đều lời ấy: Là lời nói ở bên trong. Nếu bị hủy báng thì còn có người khen ngợi.

Như căn thiện không dục: Là các kiết sử đều dứt hết. Căn thiện là đối với ba tam muội, là căn tam muội.

Năng nhân cũng bền chắc: Là âm thanh của Phật nói về trí vô học.

*Hành không hai tạo giảng đường
Nuôi vợ con, phi Tỳ-kheo
Nơi chúng sinh không đối giận
Năng nhân luôn giúp muôn loài.*

Hành không hai tạo giảng đường: (Đã nói trong dụ về thọ sấn): Người thọ sấn đã đi trong nhóm nhàn cư. Tỳ-kheo thì đi trong nhóm tu tập. Người thọ sấn ở nơi vắng vẻ đã làm là phi hạnh. Tỳ-kheo thì hộ trì hạnh hiền.

Nuôi vợ con, phi Tỳ-kheo: Tức như người thọ sấn thì cùng với vợ con. Tỳ-kheo thì không phải hành như thế, chỉ tự nuôi dưỡng do nhận lấy pháp.

Nơi chúng sinh không đòi giận: Là người thợ săn không đòi ý sát sinh.

Năng nhân luôn giúp muôn loài: Là Tỳ-kheo không có ý sát sinh.

*Nơi trước trung gian sau
Theo người nhận tín thí
Cũng không tâm oán hận
Năng nhân cũng giúp họ.*

Nơi trước: Là không ăn. *Trung gian:* Là ăn một nửa. *Sau:* Là ăn thứ còn lại chưa hết.

Theo người nhận tín thí: Là Tỳ-kheo có được thức ăn.

Cũng không tâm oán hận: Là cũng không mắng nhiếc, cũng không gây tổn thương nơi tín thí. Không tạo vẻ miễn cưỡng, không nói lời: Ta không có được vật dụng. Tức sau cùng không lia bỏ pháp ấy.

Lại có thuyết nói: *Nơi trước:* Là ưa thích thức ăn vi diệu. *Ở giữa:* Là thức ăn trung bình. *Sau:* Là thức ăn kém. *Theo người nhận tín thí:* Là theo người khác thọ nhận tín thí, không nói lời xấu ác. Ở nơi xứ có được thức kém cũng không tránh. Cũng không chấp lời nói ở nơi chốn được thức ăn dở kém. Cũng không thường đi đến xứ kia để cầu xin khắp.

Lại có thuyết cho: Xấu ác không thể hủy hoại ý của Tỳ-kheo kia. Tốt đẹp cũng không khởi ái chấp.

*Có thuyết đệ nhất ấy
Dạ xoa tịnh, không tịnh
Đâu là giải thoát này?
Rất ráo gọi là thiện.*

Có thuyết đệ nhất ấy: Là Dạ-xoa ấy nói tịnh. Cũng như trời hữu tướng vô tướng ấy.

Đâu là giải thoát này? Như thế tức là trí vô dư, là phương tiện nói tịnh.

*Đói khát bệnh thứ nhất
Hành là khổ thứ nhất
Biết như thật điều ấy
Niết-bàn vui bậc nhất.*

Đói khát bệnh thứ nhất: Trong sách Đoạn Thủ Thọ Quyết đã nói: Người kia chặt bỏ tay, không là khổ lớn. Như người đói khát mới là khổ lớn.

Hành là khổ thứ nhất: Là hành kia có từng ấy thứ là khổ.

Biết như thật điều ấy, Niết-bàn vui bậc nhất: Nếu có thể nhận biết hành như thế, không thành tựu hành do thân miệng đã gây tạo, người kia liền có an vui.

Lại có thuyết nêu: *Đói khát bệnh thứ nhất:* Là thường bị đói khát bệnh tật trời buộc, cho đến không thể chữa trị. *Hành là khổ thứ nhất, Biết như thật điều ấy:* Tức biết như thật về khổ ấy tức có thể nhận biết các hành này. *Niết-bàn vui bậc nhất:* Tức đừng nghĩ là an vui. Không có đối tượng quán là an vui, là an lạc vĩnh viễn.

Lại có thuyết nói: *Đói khát bệnh thứ nhất:* Là khổ đế. *Hành là khổ thứ nhất:* Là nói vô minh duyên hành. Thọ nhận các bệnh đó gọi là tập đế. *Biết như thật điều ấy:* Là đạo đế. *Niết-bàn vui bậc nhất:* Là diệt đế.

*Hồ thẹn áo Phạm chí
Tay Phạm chí là tịnh
Nước thường chảy không dừng
Lưỡi bày là tắm rửa.*

Hồ thẹn áo Phạm chí: Tức đã nói trong phần trao truyền, thọ ký của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Cũng như xiêm y dùng để che khuất

nơi chôn cần ẩn giấu. Hồ thẹn cũng như thế, là để che khuất xứ cần ẩn giấu.

Tay Phạm chí là tịnh: Cũng như đã tịnh, do thờ lửa, ta cũng như thế, tức tu tịnh hạnh, lia bỏ hành nghiệp.

Nước thường chảy không ngừng, Lưỡi bày là tắm rửa: Cũng như dùng tắm gội, rửa ráy là để tẩy sạch vật chứa bất tịnh. Lưỡi của ta cũng như thế, trừ bỏ hành cấu ứ suốt ngày đêm không dừng nghỉ.

*Té lửa có tướng thường
Do dựa trong tâm ý
Ngày đêm siêng cúng tế
Luật nghi không mất thời.*

Té lửa có tướng thường: Là chỉ, quán, khiến Phạm chí kia đốt cháy lửa trí.

Do dựa trong tâm ý: Là tự nương dựa vào tâm, lửa kia có thể tắt. Ngày đêm tu hành luật nghi, không mất thời tiết nơi các căn. Ở bên trong, người kia có thể tư duy, tâm được giáo huấn, đó gọi là ẩn chứa.

Lại có thuyết nói: Xứ ẩn giấu: Là thân, miệng, ý. Luật nghi giáo huấn: Là các giới cụ túc.

Lại có thuyết cho: *Hồ thẹn áo Phạm chí:* Là hiện khởi hành thiện. *Tay Phạm chí là tịnh, Nước thường chảy không ngừng, Lưỡi bày là tắm rửa:* Là nói về hành thiện của lưỡi. Kệ thứ hai là nói về hành thiện của tâm. Nơi ba hành thiện, gọi là Phạm chí.

*Vượt hổ thường trách cứ
Ta cũng sánh với ông
Cũng không tạo phi hạnh
Nên biết đây phi ngã.*

Vượt hổ: Là việc đáng xấu hổ nhưng không xấu hổ. Phạm chí kia nên biết là không tự gàn gũi, hướng chi là còn quán xét người

khác. *Thường trách cứ*: Tức không phải người thân, nên biết là oán đối đã trụ nơi ngã sở.

Ta cùng sánh với ông: Là các hữu uế tạp, tuy thuận theo chúng sinh, nhưng nên biết đây là dối trá uế tạp.

Cũng không tạo phi hạnh: Là sự việc thân dày của các hữu, người kia không khởi ưu não, phương tiện đã tạo nên biết là thuận theo oán đối.

*Nơi dục ý không lia
Niệm cũng không chán đủ
Quán dục phải nên lia
Người kia trí tuệ đủ.*

Nơi dục ý không lia: (Đã nói trong phần trao truyền thọ ký của Bồ-tát). Cho đến ý niệm, tâm dục cũng không chán đủ, không thể lia bỏ ái kia. Người có thể lia dục, là hiện tượng về dục đã hết, trong đó, khi quán về thứ lớp nơi dục kia đã hết là nói về Bồ-tát ấy, tức người có thể lia dục.

Người kia trí tuệ đủ: Là nói về việc quán dục bất tịnh, vương chấp nơi ái dục ấy.

*Đế đế đã khéo thấy
Tôn giả chuyển khen trời.*

Đế đế đã khéo thấy: Đế là khổ đế. Tập đế, tăng thượng đế là đạo đế, là tận đế (Diệt đế).

Lại có thuyết cho: Có ba đế là khổ đế, tập đế, đạo đế. Tăng thượng là tận đế.

Lại có thuyết nêu: Đế là đẳng đế. Tăng thượng là đệ nhất nghĩa đế.

*Giải thoát kia đây thoát
Giải thoát lại thấy buộc*

*Hiền Thánh không thấy thoát
Giải thoát nơi ngu mê.*

Giải thoát kia đây thoát: (Đã nói trong phần trao truyền thọ ký của Nhất tử). Là ở trong vọng ngữ được giải thoát, vì đã bị nhiễm ô do sát hại.

Giải thoát lại thấy buộc: Là ở nơi một phen bị hại được giải thoát, lại bị kẻ khác làm cầu nhiễm.

Hiền Thánh không thấy thoát: Là kiến đế nên được giải thoát khỏi ngu mê. Ở nơi sự trói buộc, người kia không được giải thoát. Như thế, kiến đoạn diệt là được giải thoát, còn kiến hữu thường thì bị trói buộc. Như thế là được giải thoát trong nghe, nghĩ, Như thế là ở trong thân kiến được giải thoát. Vì do dự chấp buộc, nên ở nơi tham dục được giải thoát. Vì bị sắc ái trói buộc, nên được giải thoát đối với sắc, còn ái bị vô sắc ái trói buộc.

*Nếu ở trong dài ngắn
Hành thô tế, tốt xấu
Ở đời không cho lấy
Nên nói là Phạm chí.*

Hỏi: Thế nào là *Nếu ở trong dài ngắn?*

Đáp: Tức dài ngắn không thành tựu. Đối với Phạm chí kia, ít có đối tượng quán nên có dài, ít có đối tượng quán nên có ngắn. Đây là lời răn dạy của Đức Như Lai. Lại như thô cũng không thành tựu.

Hỏi: Thế nào là lường xét cũng không thành tựu?

Đáp: Ở đây không nói về lường xét, vì không thể nắm giữ, cũng không có đi đến. Nếu thọ nhận không cho mà lấy, thì Phạm chí kia tức thô cũng không thành tựu. Đối với Phạm chí ấy, cũng không hoàn toàn có lường xét, có hành thanh tịnh, tức cũng có ít thành tựu.

Hỏi: Hành thanh tịnh của các hữu có thành tựu chăng?

Đáp: Chẳng phải do hành không cho mà nhận lấy sắc, ở trong đó, hành tịnh bất tịnh thì Phạm chí kia tức thành tựu, là lời răn dạy của lười rộng.

Nên nói là Phạm chí: Tức đầy đủ các hành, đó gọi là Phạm chí.

Hoặc có thuyết nói: Khởi lên các kiết không cho mà nhận lấy, các kiết đã hết, đó gọi là Bà-la-môn.

*Bất thiện nhưng có thiện
Nên dựa ba Phật gia
Không trụ ích chúng sinh
Đó là dựa vào hữu.*

Bất thiện nhưng có thiện: Là ở trong bất thiện, chung quy liền sinh nơi xứ khác. Bà-la-môn kia trước diệt tướng gốc, nên lại được tướng khác.

Nên dựa ba Phật gia: Là không dựa vào thai mẹ.

Không trụ ích chúng sinh: Là ở nơi nhà người khác, mạng chung, lớn lên ở nơi thai mẹ.

Đó là dựa vào hữu: Tức sinh hữu là hành thiện.

*Nếu thường nơi đời đời
Không hơn hướng đời sau
Diệt hết không khói ám
Trong đó vui không hại.*

Mãn nguyện tử, ở trong đó là người cầu số, tức nhận biết mà diệt đời. Các nhập khác với ngoài kia. Không khác là bên trong.

Lại có thuyết nói: Khác là trời. Không khác là địa ngục.

Lại có thuyết cho: Khác là tương ưng với cõi sắc, vô sắc. Không khác là tương ưng với cõi dục. Số này là vô thường, khổ, không, vô ngã. Tụ tướng của nhân quả là tướng hiện khắp.

Không hơn hướng đời sau: Là đối tượng nhận biết của kiến, vô minh. Như nói: Nhiễm chấp là bị ma trói buộc. Đã dứt là ba thứ lửa đã tắt diệt, dừng nghỉ, thường vĩnh viễn vắng lặng, hữu đã diệt dứt. Khói ám cũng hoàn toàn diệt. Giận dữ hiện tại đã trói buộc cũng hết.

Lại có thuyết nêu: Duyên nội hiện có là các kiết đã hết, không có khói ám, như đã nói về đối tượng hành của ái. Hữu giác dứt cũng không có khói ám. Như đã nói: Có giác cũng là khói. Không hại: Là ba hại hiện có đã hết. Không hy vọng: Là hy vọng về lợi hiện tại, hy vọng về mạng đều đã hết. Lại nữa, hữu ái hiện có đã hết, chủ thể hữu đã vượt qua.

Giải thoát, đọa lại đọa
Tham chấp nên trở lại
Đã về xứ hoan lạc
Nơi thiện trụ chốn thiện.

Giải thoát, đọa lại đọa: Người giải thoát ở nơi cõi dục thoát khỏi, cũng thoát khỏi kiết sử của cõi dục, nhưng ái của cõi sắc, cõi vô sắc chưa hết, nên ở nơi cõi kia đọa, liền sinh.

Tham chấp nên trở lại: Người giải thoát này không thể lần lượt trừ bỏ hết kiết tương ưng nơi cõi dục, đến trụ nơi cõi sắc, vô sắc kia, nên ở nơi phương tiện ấy đã nhiễm chấp. Các kiết sử của cõi dục không thể được nhổ lia, lại khởi kiết sử của cõi dục, về sau lại đến cõi dục.

Đã về xứ hoan lạc: Nghĩa là Phật, Thanh văn kia đã trở lại xứ yên ổn, không sinh, không có tai họa của bệnh, chết. Xứ hoan lạc: Là tám phẩm đạo của Hiền Thánh.

Nơi thiện trụ chốn thiện: Là vui thích tam muội, ưa thích du hành trong ấy, vĩnh viễn trở lại xứ an lạc.

Lại có thuyết nói: *Giải thoát, đọa lại đọa:* Là ở nơi Tu-đà-hoàn được giải thoát, lại bị đọa địa ngục. Tu-đà-hoàn kia rơi vào chỗ tham

chấp của trời nên trở lại, ái của cõi dục chưa dứt hết nên sinh vào nhân gian. *Đã về xứ hoan lạc*: Là không có nỗi lo sợ vào địa ngục. An vui: Là đạo của Hiền Thánh. *Nơi thiện trụ chốn thiện*: Là vượt qua tất cả các kiết, trở lại với Niết-bàn.

Lại có thuyết cho: *Đọa lại đọa*: Là nói về kiến đoạn diệt. Giải thoát kiến hữu thường, lại rơi vào tham chấp. Còn trở lại: Là nói về địa ngục, ngã quý, súc sinh. Ở nơi kiến chấp hữu, thường, đoạn diệt được giải thoát, nên dốc tu hành đạo. Pháp khác cũng như thế.

*Kiến, mạn khởi ý tín
Thấy kệ cùng trước sau
Đói dựa vào dục để
Giải thoát người mãi nguyện.*

HẾT - QUYỂN 10

SỐ 1550/4
LUẬN A TỶ ĐÀM TÂM

*Tác giả: Tôn giả Pháp Thắng.
Hán dịch: Đời Đông Tấn, Đại sư Tăng Già Đề Bà và Tuệ Viễn.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 1
Phần thứ 1: GIỚI

*Trước đánh lễ Tội Thắng
Từ bi diện lia nã
Cũng kính thuận giáo chúng
Tăng Vô trước, Ứng chân.*

Có thuyết nói: Cần phải nhận biết rõ pháp tướng. Vì sao cần phải nhận biết rõ pháp tướng? Vì thường định nhận biết tướng của thường định.

Thuyết đó nói: Định trí có tướng của định trí, tức là quyết định. Do đây nên nói pháp tướng cần phải nhận biết.

Thế gian cũng nhận biết pháp tướng, đây là rất ngu si. Tức cũng nhận biết tướng cứng chắc là đất, tướng ẩm ướt là nước, tướng nóng là lửa, tướng lay động là gió, tướng không có ngăn ngại là không, tướng không phải sắc là thức. Như thế tất cả không nên nhận biết lại nhận biết. Nếu đã nhận biết lại nhận biết thì đây tức là vô cùng. Vô cùng thì sự việc này là không đúng.

Hỏi: Vì sao nói pháp tướng cần phải nhận biết?

Đáp: Thế gian không nhận biết pháp tướng. Nếu thế gian nhận biết được pháp tướng, thì tất cả thế gian cũng nên quyết định nhưng lại không quyết định. Pháp tướng là thường định, không thể nói nhận biết pháp tướng mà không quyết định. Nếu như vậy thì không quyết định cũng nên quyết định. Song vì không như vậy, do đây thế gian không nhận biết được pháp tướng.

Lại nữa, tướng cứng chắc là đất, còn có tướng vô thường, tướng khô, tướng phi ngã (vô ngã). Nếu không như vậy thì tướng cứng nên có tướng thường, tướng vui, tướng có ngã. Nhưng vì không phải vậy, thế nên tướng cứng chắc tức là tướng vô thường, tướng khô, tướng vô ngã. Nếu thế gian đối với đất nhận biết là tướng cứng chắc, thì ở nơi tướng vô thường, tướng khô, tướng vô ngã, cũng nên nhận biết nhưng lại không nhận biết. Vì vậy thế gian không nhận biết được tướng cứng chắc của đất.

Hỏi: Trước đây đã nói pháp tướng cần phải nhận biết, vậy pháp này như thế nào?

Đáp:

*Nếu biết tướng các pháp
Chánh giác mở mắt tuệ
Cũng vì người hiện rõ
Là nay ta sẽ nói.*

Hỏi: Đức Phật nhận biết pháp gì?

Đáp:

*Có thường, lạc, ngã, tịnh
Là các hành hữu lậu.*

Các hành hữu lậu vì chuyển cùng sinh nên lìa thường. Vì không tự tại nên lìa ngã. Vì hư hoại nên lìa lạc. Vì bị tuệ ghét bỏ nên lìa tịnh.

Hỏi: Nếu có thường lạc ngã tịnh, là đã lìa các pháp hữu lậu, vì sao chúng sinh ở trong ấy nhận được có thường lạc ngã tịnh?

Đáp:

*Chấp thường là đứng đầu
Vọng kiến trong hữu lậu.*

Chúng sinh đối với pháp hữu lậu đã không nhận biết được tướng của chúng, liền thọ nhận là có thường lạc ngã tịnh. Như người đi trong đêm tối thấy có hiện ra tướng giặc trộm. Tướng của pháp hữu lậu kia cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là pháp hữu lậu?

Đáp:

*Nếu sinh các phiền não
Là Thánh nói hữu lậu.*

Nếu đối với pháp, sinh các phiền não như thân kiến v.v... Như phẩm Sử đã nói thì pháp này nói là hữu lậu. Vì sao?

*Gọi là phiền não lậu
Người tuệ cho giả danh.*

Phiền não nói là lậu vì là lậu nơi các nhập, nên tâm lậu tuôn rót liên tục, khiến lưu trụ trong sinh tử, như bị phi nhân nắm giữ, thế nên nói là hữu lậu.

Hỏi: Hữu lậu này còn có tên gì?

Đáp:

*Đó gọi là thọ ám
Cũng là phiền não tranh
Pháp này nói ám thạnh
Nói tranh nói lao nhọc.*

Hỏi: Vì sao như thế?

Đáp:

*Phiền não từ tranh khởi
Vì vậy cần nên biết.*

Các phiền não như thân kiến v.v..., khiến cho chúng sinh lao nhọc nên nói là phiền não. Vì thân nhận lãnh nên nói là thọ. Vì khiến tâm phẫn nộ nên nói là tranh. Từ thân kiến v.v... cùng sinh khởi các pháp hữu lậu là sinh. Vì khiến mệt nhọc nên nói là lao. Vì sinh khởi thọ nhận nên nói là thọ. Vì sinh khởi tranh chấp nên nói là tranh.

Đã nói về thanh âm, tướng âm nay sẽ nói.

*Nếu xa lìa phiền não
Các hữu vi, vô lậu
Tất cả xen thọ âm
Là âm Thánh giảng nói.*

Nghĩa là pháp lìa các phiền não như thân kiến v.v... cũng giải thoát các lậu, hữu vi, từ nhân sinh khởi, là tất cả cùng trước đây đã nói về thanh âm. Đây là nói chung về âm, là năm âm: Sắc, thống (thọ), tướng, hành, thức.

Hỏi: Thế nào là sắc âm?

Đáp:

*Mười thứ gọi sắc nhập
Cũng vô giáo giả sắc
Là phân biệt sắc âm
Đấng Mâu-ni đã nói.*

Mười thứ gọi sắc nhập: Là nhãn sắc, nhĩ thanh, tỷ hương, thiệt vị, thân tế hoạt (xúc).

Cũng vô giáo giả sắc: Là như phẩm Nghiệp đã nói. Sắc này là sắc âm, lúc phân biệt sắc âm là Đức Thế Tôn nói.

*Đã gọi là thức ấm
 Đây tức là ý nhập
 Ở trong mười tám giới
 Cũng lại nói bảy loại.*

Gọi là thức ấm tức là ý nhập. Cũng là bảy loại phân biệt trong mười tám giới: Nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức và ý.

*Ngoài ra có ba ấm
 Ba vô vi, vô giáo
 Nghĩa là nói pháp nhập
 Cũng lại là pháp giới.*

Ngoài ra còn có ba ấm: Là thọ ấm, tưởng ấm và hành ấm.

Ba vô vi, vô giáo: Là hư không, số duyên diệt, phi số duyên diệt (vô giáo là vô biểu). Đây là nói chung về pháp nhập, cũng lại là pháp giới. Như thế pháp này nói về ấm, giới, nhập. Chỉ ấm thì hoàn toàn là hữu vi, còn giới, nhập thì có cả hữu vi, vô vi.

Đã nói về ấm, giới, nhập, về mỗi mỗi tướng nay sẽ nói.

*Trong giới, một có thấy
 Mười tức nói có đối
 Vô ký là tám thứ
 Còn là thiện, bất thiện.*

Trong giới, một có thấy: Là sắc giới. Vì sắc này có thể thấy ở đây, ở kia, cho nên là có thể thấy. Nên biết mười bảy giới là không thể thấy.

Mười tức nói có đối: Là mười giới có đối: Sắc đối với mắt, tiếng đối với tai, hương đối với mũi, vị đối với lưỡi, xúc chạm đối với thân. Mỗi mỗi giới này đều cùng đối nhau, mỗi mỗi giới đều cùng tạo chương ngại. Về xứ sở, nếu có một thì không có hai, thế nên có đối. Nên biết là có tám giới không đối.

Vô ký là tám thứ: Là mắt, tai, mũi, hương, lưỡi, vị, thân, xúc. Vì các pháp này không phải là báo vui có thể ghi nhận, cũng không phải là báo khổ có thể ghi nhận, nên nói là vô ký.

Còn là thiện, bất thiện: Là sắc, thanh, ý, pháp và sáu thức. Hành động của thân thiện là sắc thiện. Hành động của thân bất thiện là sắc bất thiện. Sắc còn lại là vô ký.

Như vậy, miệng động ra tiếng, tâm tịnh là bảy thức giới. Thiện, bất thiện tương ứng với phiền não là bất thiện, còn lại là vô ký. Pháp giới nghĩa là tâm tương ứng với các giới kia như nơi phần Tâm đã nói. Nếu không tương ứng thì như phẩm Tạp đã nói:

*Hữu lậu có mười lăm
Còn hai, ba, ba hữu
Trong dục hữu có bốn
Mười một ở hai hữu.*

Hữu lậu có mười lăm: Là năm nội giới, năm ngoại giới và năm thức giới, vì lậu dừng trụ.

Còn hai: Là ý giới, ý thức giới và pháp giới. Giới này hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Nếu lậu dừng trụ là hữu lậu. Nếu khác là vô lậu.

Ba, ba hữu: Là ý, pháp, thức giới, là trong ba hữu có thể đạt được, tức trong dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

Trong dục hữu có bốn: Là hương, vị, tỷ thức, thiết thức, đều hoàn toàn là dục hữu, trong ấy gồm thân không phải là sắc hữu, vô sắc hữu. Vì lìa bỏ đoàn thực của cõi dục, nên tất cả hương, vị là tánh nơi đoàn thực.

Mười một ở hai hữu: Là dục hữu, sắc hữu có mười một giới là năm giới nội (nhãn nhĩ tỷ thiết thân) và sắc thanh hương vị xúc và là cảnh giới thức. Các giới này không phải ở trong vô sắc do lìa sắc.

*Có giác, có quán năm
Ba hành ba, ngoài không
Có duyên nên biết bảy
Pháp nhập ít chón nhập.*

Có giác, có quán năm: Là năm thức giới cùng với giác quán đều cùng thô nên tương ưng với giác quán.

Ba hành ba: Là ý, pháp và thức giới. Ba hành này, nếu ở cõi dục và thiên thứ nhất là có giác có quán, nếu ở thiên trung gian là không giác, ít quán, nếu ở trên là không giác không quán.

Ngoài không: Là những giới còn lại không phải là giác, đều cũng không phải là quán, đều cùng không tương ưng.

Có duyên nên biết bảy: Là bảy giới có duyên. Vì có duyên này nên nói là có duyên. Như người có con, gọi là có con, các giới kia cũng như vậy. Tức là nhãn thức duyên với sắc, nhĩ thức duyên với tiếng, tỷ thức duyên với hương, thiệt thức duyên với vị, thân thức duyên với xúc, ý thức duyên với các pháp.

Pháp nhập, ít chón nhập: Nếu là tâm tâm số pháp tức có duyên, pháp khác là không duyên.

*Chín không thọ, ngoài hai
Là vô vi cùng một
Hoàn toàn là hữu vi
Nên biết mười bảy giới.*

Chín không thọ: Thọ danh, nghĩa là nếu thuộc về sắc căn, cũng không lìa căn, là tâm tâm số pháp, vì đối tượng hành đã dừng trụ trong đó. Nếu khác thì không thọ. Ở đây có chín giới là không thọ. Thanh, tâm, pháp giới, không phải là tâm tâm số pháp đã dừng trụ trong đó.

Ngoài hai: Là năm giới nội, nếu ở hiện tại là thọ, trong ấy, tâm tâm số pháp đã dừng trụ. Nếu ở quá khứ, vị lai là không thọ, vì không

phải tâm tâm số pháp kia đã dùng trụ. Sắc, hương, vị, xúc, nếu không lìa căn và ở hiện tại là thọ. Như tâm tâm số pháp đã dùng trụ trong căn. Trong tâm tâm số pháp kia cũng vậy, vì không lìa khỏi căn. Ngoài ra là không thọ.

Là vô vi cùng một: Tức một pháp giới là hữu vi cùng vô vi, vì ở đây có ba thứ hữu thường nên không thể nói là hữu vi. Pháp giới khác là vô thường nên là hữu vi. Vì hữu vi và vô vi được hợp lại để nêu bày, nên nói *Là vô vi cùng một*.

Hoàn toàn là hữu vi, Nên biết mười bảy giới: Mười bảy giới là vô thường, nên tất cả là hữu vi, vì thế hoàn toàn là hữu vi.

Như vậy là đã phân biệt pháp tướng xong.

Hỏi: Thế nào là gồm thân pháp? Là tự tánh hay là tha tánh?

Đáp: Là tự tánh.

Hỏi: Vì sao?

Đáp:

Các pháp lìa tha tánh

Đều tự trụ tánh mình

Nên nói tất cả pháp

Đều thuộc về tự tánh.

Các pháp lìa tha tánh: Nghĩa là mắt lìa tai. Như vậy, tất cả pháp không nên nói như thế. Nếu lìa là gồm thân. Do vậy không phải thuộc về tha tánh.

Đều tự trụ tánh mình: Nghĩa là mắt tự trụ nơi tánh của mắt. Như vậy, tất cả pháp nên nói nếu trụ là gồm thân. Vì vậy, nên nói tất cả pháp đều thuộc về tự tánh.

Đã nêu đặt các pháp đều thuộc về tự tánh, trong đó, pháp có thể thấy là thuộc về một giới, một âm, một nhập. Tất cả pháp là như vậy. Lại nữa, về nghĩa này nơi Phẩm Khế kinh sẽ nói rộng.

Phẩm thứ 2: HÀNH

Đã nói tự tướng của các pháp, như pháp sinh nay sẽ nói.

Hỏi: Nếu các pháp đều thuộc về tự tánh thì cũng nên do sức của mình mà sinh chẳng?

Đáp:

*Đến cùng không thể sinh
Dụng lia bạn đồng hành.*

Tất cả pháp đều không thể tự sinh. Vì sao? Vì tánh của các hành là yếu kém, không có thể mạnh. Như người bệnh gầy yếu, không thể tự sức mình đứng lên được.

Hỏi: Nếu không tự sức mình đứng lên thì làm sao dậy khởi?

Đáp:

*Tất cả nhiều duyên lực
Các pháp mới được sinh.*

Như người bệnh gầy yếu, phải nhờ người khác giúp đỡ mới đứng dậy nổi. Pháp kia cũng như vậy. Như tâm do bạn mới sinh nay sẽ nói:

*Nếu tâm có chốn khởi
Tâm ấy tất có cùng
Tâm số pháp cùng tụ
Và hành bất tương ưng.*

Tâm là ý, ý là thức, thật thì đồng, nhưng tên gọi có khác. Tâm này hoặc do nương dựa, hoặc do duyên, hoặc do thời gian nên khởi. Tâm kia đều cùng với tụ của tâm số pháp để sinh khởi.

Hỏi: Tụ của tâm số pháp v.v... là gì?

Đáp:

*Tưởng, dục, cảnh lạc (xúc), tuệ
Niệm, tư cùng giải thoát
Tác ý nơi cảnh giới
Tam-ma-đề và thọ.*

Tưởng: Là lúc sự việc được lập, tùy theo hình tướng, diện mạo của sự việc ấy để nhận lấy.

Dục: Là lúc thọ nhận duyên, muốn nhận lãnh.

Cảnh lạc (xúc): Là tâm dựa vào duyên hòa hợp, không lìa nhau.

Tuệ: Nghĩa là đối với duyên, quyết định, xét kỹ.

Niệm: Là ở nơi duyên thì nhớ nghĩ, không quên.

Tư: Là tâm tạo ra công đức, tội ác, đều cùng trái nhau.

Giải thoát: Nghĩa là ở trong duyên, lúc thọ nhận tướng, thì sự việc ấy tất là có.

Tác ý: Là ở trong duyên phát động dừng mãi.

Định (Tam-ma-đề): Là lúc thọ nhận duyên tâm không tán loạn.

Thọ: Là duyên với vui hay không vui cùng trái nhau cùng thọ nhận.

*Lúc tất cả tâm sinh
Sinh ấy, Thánh đã nói
Đồng cùng một duyên hành
Cũng lại thường tương ưng.*

Lúc tất cả tâm sinh, Sinh ấy Thánh đã nói: Là mười pháp này, lúc tất cả tâm sinh thì đều cùng sinh, nên nói là đại địa.

Đồng cùng một duyên hành: Nghĩa là tất cả tâm đều cùng có một duyên hành không lìa nhau.

Cũng lại thường tương ưng: Nghĩa là mỗi mỗi tâm số pháp này đều cùng với tâm cùng thường tương ưng cùng hành, vì lia tăng giảm, nên gọi là tương ưng.

Đã nói tâm số pháp, nghĩa là thông suốt trong tất cả tâm. Không thông suốt nay sẽ nói.

*Các căn và giác quán
Tín, ý, không phóng dật
Tán, hộ (Xả), các phiền não
Hoặc lúc không tương ưng.*

Các căn: Là các căn thiện không tham, không giận, không si.

Giác: Là ở nơi tâm thô nối tiếp nhau.

Quán: Là ở nơi tâm tế nối tiếp nhau.

Tín: Là thành thật, chân tịnh.

Ý (Kinh an): Là lúc tâm thiện ở nơi thân, tâm lia ác, nên vui vẻ.

Không phóng dật: Nghĩa là lúc làm việc thiện không bỏ phương tiện.

Tán: Là làm việc chuyên chú, gắn bó.

Hộ (Xả): Là làm việc, hành do không hành, cầu do không cầu, tự giữ gìn vô vi.

Các phiền não: Là như nơi phẩm Sử nói.

Pháp này không phải trong tất cả tâm có thể có được, vì hoặc có *lúc tương ưng, hoặc có lúc không tương ưng.*

Hỏi: Vì sao nói là tâm số?

Đáp: Ý nghĩa là tâm. Quyền thuộc của tâm đó nên nói là tâm số.

Đã nói về pháp tướng của các tâm số. Như về chỗ sinh nay sẽ nói.

*Trong phẩm tâm bất thiện
Tâm số hai mươi một
Cấu uế hai tổn giảm
Cõi dục phi bất thiện.*

Trong phẩm tâm bất thiện, Tâm số hai mươi một: Gọi là bất thiện, nếu tâm sinh khởi các phiền não của cõi dục, trừ thân kiến và biên kiến của cõi ấy. Vì đã chuyển thành quả không yêu thích, nên gọi là bất thiện.

Nên biết trong phẩm tâm này có hai mươi một tâm số pháp: Là mười pháp đại địa (Như tưởng dục xúc... đã nói ở trước), giác, quán, hai phiền não, không hổ, không thẹn, thù miên, trạo cử, bất tín, phóng dật, lười biếng.

Cấu uế hai tổn giảm, Cõi dục phi bất thiện: Tức là phẩm tâm là phần cấu uế của cõi dục, không phải là bất thiện, như tâm tương ưng với thân kiến, biên kiến. Trong phẩm này, nên biết có mười chín tâm số pháp, trừ không hổ, không thẹn, vì hoàn toàn là bất thiện.

*Thiện không chung hai mươi
Vô ký có mười hai
Hối cùng tâm thù miên
Là có thể gia tăng.*

Thiện không chung hai mươi: Gọi là không chung tức tâm có riêng một phiền não vô minh, sinh là hai mươi tâm số, trừ một phiền não. Ngoài ra như trước đã nói.

Gọi là thiện, tức là tâm tịnh, có thể chuyển thành quả yêu thích. Tâm này đều có chung, nên biết có hai mươi tâm số pháp: Là mười đại địa, giác, quán, tín, tấn, ý (khinh an), không phóng dật, căn thiện hộ (xả), hổ, thẹn.

Vô ký có mười hai: Nghĩa là trong phẩm tâm không cấu uế, có mười hai tâm số pháp: Là mười pháp đại địa cùng giác, quán.

Hối cùng tâm thù miên, Là có thể gia tăng: Gọi là hối (ăn năn), là sự việc không thành, nên hối hận, gọi là hối. Hối là thiện, bất thiện. Trong phẩm tâm tương ung kia, có thêm hối. Các tâm số pháp khác như trước đã nói.

Thù miên (ngủ nghỉ) gọi là tâm lặng dứt, hoàn toàn khiến người không tự tại, là miên (ngủ say). Trong tất cả năm phẩm ấy sinh khởi miên kia đều tăng trưởng. Các tâm số pháp khác như trước đã nói. Nếu hối, miên không hành trong ba phẩm là tăng hai. Các tâm số pháp khác, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm của cõi dục này nối tiếp nhau, còn cõi sắc là như thế nào?

Đáp:

*Thiền nhất là bất thiện
Khác biết như dục hữu
Thiền trung gian trừ giác
Nơi trên quán cũng vậy.*

Thiền nhất là bất thiện, Khác biết như dục hữu: Nghĩa là thiền thứ nhất đều là thiện. Trong cõi ấy có bốn phẩm (bốn chi): Thiện, cấu uế không chung, vô ký thì như nói về cõi dục. Trong thiện có hai mươi, vô ký có mười hai, cấu uế có mười chín. Đã lia bất thiện, nên biết cũng lia không hổ, không thẹn. Vì hoàn toàn bất thiện, nên không chung có mười tám.

Thiền trung gian trừ giác: Nghĩa là thiền trung gian không có giác. Thiền này hoàn toàn trừ giác, ngoài ra như nơi thiền thứ nhất đã nói.

Nơi trên quán cũng vậy: Nghĩa là nơi thiền thứ hai, thứ ba, thứ tư cũng lại không có quán. Và trong cõi vô sắc tất cả đều trừ quán, giác như trước đã trừ.

Đã nói về tâm số pháp do hỗ trợ sinh, về sắc nay sẽ nói.

*Cực vi ở bốn căn
 Mùi thứ phải nên biết
 Thân căn có chín thứ
 Tám thứ khác là hương.*

Cực vi ở bốn căn, Mùi thứ phải nên biết: Nghĩa là cực vi ở trong mắt là biết có mùi thứ: Chủng loài đất, nước, gió, lửa. Chủng loài sắc, hương, vị, xúc. Chủng loài nhãn căn, thân căn. Cực vi của tai, mũi, lưỡi cũng như vậy.

Thân căn có chín thứ: Nghĩa là cực vi của thân căn khác có chín chủng loại. Thân căn ấy có một chủng loại căn. Ngoài ra, như trên đã nói.

Tám thứ khác: Là pháp khác, ở đây không phải là căn. Cực vi trong sắc có tám thứ.

Hỏi: Cực vi này là nói ở giới nào?

Đáp: Là hương. Trong cõi dục có hương. Trong cõi sắc là hương. Nơi cõi sắc ấy tất cả đều trừ chủng loại hương, vị. Chủng loại khác như nói về cõi dục.

Hỏi: Trước đã nói: Nếu tâm sinh thì trong ấy tâm số pháp tất sinh cùng với tâm bất tương ưng hành. Ở đây đã nói về tâm số pháp, vậy tâm bất tương ưng hành là thế nào?

*Tất cả pháp hữu vi
 Sinh, trụ, biến dị, hoại.*

Tất cả pháp hữu vi, mỗi mỗi pháp đều có bốn tướng sinh, trụ, dị, hoại.

Vi khởi hiện trong đời nên là sinh. Đã khởi tự sự được lập nên là trụ. Đã trụ rồi chuyển suy nên là dị. Đã biến dị rồi diệt nên là hoại.

Tướng ấy nói là tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Nếu tất cả pháp hữu vi đều có bốn tướng, thì tướng ấy lại có tướng nữa chăng?

Đáp: Phải. Cũng có bốn tướng. Bốn tướng khác trong tướng kia đều cùng sinh: Sinh là sinh. Trụ là trụ. Dị là dị. Hoại là hoại.

Hỏi: Nếu như vậy tức là vô cùng?

Đáp: Lần lượt lại cùng là.

Tướng này mỗi mỗi đều cùng là. Như sinh sinh mỗi mỗi đều cùng sinh. Như thế trụ trụ mỗi mỗi đều cùng trụ. Dị dị mỗi mỗi đều cùng dị. Hoại hoại mỗi mỗi đều cùng hoại. Do vậy không phải là vô cùng. Bốn tướng sau mỗi tướng đều hành một pháp. Bốn tướng trước mỗi tướng đều hành tám pháp.

Sinh là sinh tám pháp. Ba pháp trước, bốn pháp sau và pháp kia. Pháp còn lại cũng như vậy.

Đã nói về trợ bạn của các hành. Như do trợ bạn sinh nay sẽ nói.

*Sở tác, cộng, tự nhiên
Phổ biến, tương ưng, báo
Từ sáu thứ nhân này
Chuyển sinh pháp hữu vi.*

Tất cả nhân đều ở trong sáu nhân. Nhân này sinh khởi tất cả hành hữu vi. Trong đó, *nhân sở tác*: Là lúc sinh pháp, không chướng ngại, không lưu trụ, do đó nên pháp sinh không giống nhau, như do đất mà vạn vật được sinh.

Nhân cộng: Nghĩa là các hành, mỗi mỗi hành đều cùng là trợ bạn, do đấy nên sinh. Như tâm tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành và các thứ cực vi.

Nhân tự nhiên: Nghĩa là nhân ấy tự nó đã giống nhau, như hành tập thiện thì sinh thiện, hành tập bất thiện thì sinh bất thiện, hành tập

vô ký thì sinh vô ký. Như gieo trồng vật, tùy chủng loại làm nhân cho nhau.

Nhân nhất thiết biến: Nghĩa là các phiền não đều chuyển biến, nối tiếp sinh. Như kiến ngã, đã xét đoán nhập, chấp trước. Do kiến chấp này, nên đối với ngã, có xét đoán nhập chấp trước là thường, vô thường, hủy báng ám cùng xét đoán nhập, chấp trước. Đối với ám là cùng do dự rồi thọ nhận là có thường, lạc, tịnh cùng sinh. Các phiền não như vậy nói là nhất thiết biến (Biến hành), như nơi phẩm Sử đã nêu.

Nhân tương ưng: Là tâm và tâm số pháp, mỗi mỗi thứ đều có lực ở trong một duyên, một lúc hành cùng lia thì không sinh.

Nhân báo: Nghĩa là hành sinh ở trong sinh, chuyển thành quả. Như thiện thì có quả đáng yêu thích, bất thiện thì có quả không yêu thích. Do đó nên sinh.

Đã nói về các nhân. Các pháp tùy theo trong nhân sinh nay sẽ nói.

*Nếu tâm nhân báo sinh
Tâm số cùng phiền não
Là từ nơi năm nhân
Hưng khởi phải nên biết.*

Nếu tâm tâm số pháp, nhân nơi báo sinh và các phiền não là từ năm nhân sinh.

Nhân báo sinh: Là từ nhân sở tác sinh: Là từ lúc sinh ấy hoặc giống nhau, không giống nhau, vì vật không chướng ngại nên sinh. Từ nhân cộng sinh: Là từ sức trợ bạn nên sinh. Mỗi mỗi pháp sinh ấy đều là trợ bạn với nhau và tâm bất tương ưng hành là cùng trợ bạn. Từ nhân tự nhiên sinh: Nhân đó có sự giống nhau với pháp vô ký sinh trước. Từ nhân tương ưng sinh: Là đều cùng có hành trong một

lúc, một duyên. Từ nhân báo sinh: Là thiện, bất thiện kia, tức quả đó là tâm tâm số pháp cấu uế, trừ nhân báo là vô ký, là từ nhân nhất thiết biến sinh, do đây nên sinh. Bốn nhân còn lại như trước đã nói.

*Là không tương ưng kia
Các pháp tương ưng khác
Trừ vô lậu đầu tiên
Là từ bốn nhân sinh.*

Là không tương ưng kia: Nghĩa là nếu sắc từ báo sinh và tâm bất tương ưng hành từ bốn nhân sinh là nhân sở tác, nhân cộng, nhân báo và nhân tự nhiên, thì sắc cấu uế và tâm bất tương ưng hành cũng từ bốn nhân sinh là nhân sở tác, nhân cộng, nhân tự nhiên và nhân nhất thiết biến.

Các pháp tương ưng khác, Trừ vô lậu đầu tiên, Là từ bốn nhân sinh: Tức tâm tâm số pháp khác, trừ pháp vô lậu đầu tiên kia, cũng từ bốn nhân sinh là nhân sở tác, nhân cộng, nhân tự nhiên và nhân tương ưng.

*Gọi bất tương ưng khác
Nhân sinh nên biết ba
Và các tương ưng khác
Đầu sinh pháp vô lậu.*

Nghĩa là pháp bất tương ưng trước đã nói, trong ấy nếu có nhân tự nhiên, trừ pháp vô lậu ban đầu là từ ba nhân sinh, là nhân sở tác, nhân tự nhiên và nhân cộng. Pháp tương ưng với vô lậu ban đầu cũng từ ba nhân sinh, là nhân sở tác, nhân cộng và nhân tương ưng, là không có nhân tự nhiên như trước.

*Ở đây bất tương ưng
Nên từ hai nhân sinh
Nếu từ một nhân sinh
Sinh ấy tất không có.*

Ở đây bất tương ưng, Nên từ hai nhân sinh: Nghĩa là trong phẩm vô lậu đầu tiên, thì sắc, tâm bất tương ưng hành là từ hai nhân sinh, tức nhân sở tác và nhân cộng. Đã nói tất cả pháp hữu vi, trong đó nếu từ một nhân sinh, tất là không có.

Đã nói về các nhân. Như nhân này, Đức Như Lai nhất định nhận biết các pháp tướng, do diệu lực của giác ngộ vì giáo hóa, nên thuyết giảng.

Đã nói các nhân. Về duyên nay sẽ nói.

*Thứ đệ cũng duyên duyên
Tăng thượng cùng với nhân
Pháp từ bốn duyên sinh
Bậc minh trí đã nói.*

Duyên thứ đệ: Là mỗi mỗi tâm sinh đều nối tiếp nhau không gián đoạn.

Duyên duyên: Là cảnh giới của tâm tâm số pháp. Vì duyên nơi cảnh giới kia, nên tâm tâm số pháp sinh.

Duyên tăng thượng: Là nhân sở tác đối với tất cả vạn vật. Lúc vạn vật sinh đều không gây trở ngại, chỉ tự làm đối tượng tạo tác (sở tác) là chính nên nói là duyên tăng thượng.

Duyên nhân: Là nhân cộng, nhân tương ưng, nhân tự nhiên, nhân báo, nhân nhất thiết biến.

Đã nói các duyên. Các pháp tùy thuận duyên sinh nay sẽ nói.

*Tâm và các tâm số
Là từ bốn duyên sinh
Hai chánh thọ từ ba
Ngoài ra nói nơi hai.*

Tâm và các tâm số, Là từ bốn duyên sinh: Là tâm tâm số pháp đều từ bốn duyên sinh. Vì mở ra, dẫn đường trước nên sinh, là duyên

thứ đệ. Cảnh giới là duyên duyên, trừ chính cảnh giới của mình. Hết thấy các pháp khác đều là duyên tăng thượng cho nó.

Hai chánh thọ từ ba: Nghĩa là hai thứ định vô tướng, định diệt tận là từ ba duyên sinh, ở đây tâm nhập định là duyên thứ đệ. Công đức đã sinh trước ở trong tự địa, là duyên nhân kia và các duyên kia đều cùng sinh: Sinh, trụ, dị, hoại. Cũng là duyên nhân, duyên tăng thượng như trước đã nói.

Ngoài ra nói nơi hai: Nghĩa là lia tâm bất tương ưng hành khác và sắc kia là từ hai duyên sinh, là duyên nhân và duyên tăng thượng.

Hỏi: Vì sao gọi các pháp này là hành?

Đáp:

*Nhiều pháp sinh một pháp
Một cũng hay sinh nhiều
Duyên hành tạo ra hành
Như vậy phải nên biết.*

Nhiều pháp sinh một pháp, Một cũng hay sinh nhiều: Nghĩa là không có một pháp nào có thể tự lực sinh, chỉ có một pháp do nhiều pháp sinh, nhiều pháp cũng do một pháp sinh. Do vậy nên nói là *Duyên hành tạo ra hành, Như vậy phải nên biết.*

**

Phẩm thứ 3: NGHIỆP

Đã nói tự tánh của các hành cùng do các nhân duyên sinh. Nay nói các hành này đều có nhân, có thể tô điểm cho chủng loại quả, chủng loại sinh, sinh khởi khác biệt có thể đạt được, nay sẽ nói.

*Nghiệp hay tô điểm đời
Nẻo nẻo tại xứ xứ*

*Là do chính tư nghiệp
Cầu là thể giải thoát.*

Nghiệp hay tô điểm đời, Nẻo nẻo tại xứ xứ: Nghĩa là ba đời, ở trong năm nẻo vô số thứ thân sai biệt đã được tô điểm, là sự việc trang sức của đời, chính là nghiệp. Vì vậy *Là do chính tư nghiệp, Cầu là thể giải thoát.*

*Nghiệp thân cùng miệng, ý
Gây tạo của hữu hữu
Từ đấy sinh các hành
Trang sức vô số thân.*

Nghiệp thân cùng miệng, ý, Gây tạo của hữu hữu: Nghĩa là nghiệp của thân, miệng, ý từ đời này sang đời khác đã tạo tác. *Từ đấy sinh các hành, Trang sức vô số thân:* Về tướng của nghiệp này, nay sẽ lược nói.

*Nghiệp thân giáo, vô giáo
Nên biết hai cùng có
Nghiệp miệng cũng như vậy
Nghiệp ý chỉ vô giáo.*

Nghiệp thân giáo, vô giáo, Nên biết hai cùng có: Nghĩa là tánh của nghiệp thân có hai thứ: Là tánh có giáo và tánh vô giáo (Có giáo: Hữu biểu. Vô giáo: Vô biểu).

Ở đây: Có giáo: Tức động tác của thân là thiện, bất thiện, vô ký. Thiện là từ tâm thiện sinh. Bất thiện là từ tâm bất thiện sinh. Vô ký là từ tâm vô ký sinh.

Vô giáo: Nghĩa là nếu tạo nghiệp vững chắc, trong tâm có chuyển đổi khác, thì chủng tử này sinh. Như người thọ giới thiện trong tâm bất thiện, vô ký. Giới kia cũng tùy theo nhau. Như người gây nghiệp ác thì giới ác sẽ cũng tùy theo.

Nghiệp miệng cũng như vậy: Nghĩa là tánh của nghiệp miệng cũng có hai thứ.

Nghiệp ý chỉ vô giáo: Nghĩa là tánh của nghiệp ý hoàn toàn là vô giáo (không biểu hiện). Vì sao? Vì ý thức không khởi hiện, vì tư duy là vi tế nối tiếp nhau.

Hỏi: Năm nghiệp này, có bao nhiêu là thiện, bao nhiêu là bất thiện, bao nhiêu là vô ký?

Đáp:

*Giáo nên biết ba thứ
Thiện, bất thiện, vô ký
Ý vô giáo cũng vậy
Khác không nói vô ký.*

Giáo nên biết ba thứ, Thiện, bất thiện, vô ký: Nghĩa là giáo của thân, miệng được nói có ba thứ là thiện, bất thiện và vô ký.

Trong đó, thân giáo thiện: Là tâm thiện hành nơi việc trì giới v.v... Tâm thiện tác động nơi thân.

Thân giáo bất thiện: Là sát sinh, không cho mà lấy, hành phi phạm hạnh v.v... Tâm bất thiện tác động nơi thân.

Thân giáo vô ký: Là tâm vô ký tác động nơi thân, như các thứ oai nghi, công xảo, kỹ thuật.

Như vậy, nghiệp thiện của miệng là như lời nói không hư dối, tương ưng với lợi ích, lời nói đúng lúc v.v... đều từ tâm thiện sinh. Nghiệp bất thiện của miệng là như nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thù dật v.v... đều từ tâm bất thiện sinh. Nghiệp vô ký của miệng là từ tâm vô ký sinh, cũng là nghiệp của miệng.

Ý vô giáo cũng vậy: Nghĩa là nghiệp ý vô giáo cũng có ba thứ là thiện, bất thiện, vô ký. Tâm thiện tương ưng với tư là thiện. Tâm

bất thiện tương ưng với tư là bất thiện. Tâm vô ký tương ưng với tư là vô ký.

Khác không nói vô ký: Nghĩa là còn có hai thân vô giáo và miệng vô giáo. Hai thứ ấy là thiện, bất thiện, không có vô ký. Vì sao? Vì tâm vô ký yếu kém, tâm ấy không thể sinh khởi nghiệp có sức mạnh. Nghĩa là trong tâm có chuyển biến khác biệt thì tâm vô ký kia liền tương trợ và cùng tùy thuộc. Thế nên thân vô giáo, miệng vô giáo và không có vô ký.

Hỏi: Nghiệp vô ký có những tánh gì? Và thuộc xứ nào?

Đáp:

*Sắc có vô ký hai
 Ẩn mắt, không ẩn mắt
 Ẩn mắt thuộc nơi sắc
 Ngoài ra ở hai cõi.*

Sắc có vô ký hai, Ẩn mắt, không ẩn mắt: Nghĩa là nghiệp của thân miệng là tánh của sắc, do nghiệp là tánh của sắc. Hai thứ ẩn mắt và không ẩn mắt. Ẩn mắt là bị phiền não che lấp, cũng từ các phiền não sinh, khác với kia là không ẩn mắt.

Ẩn mắt thuộc nơi sắc: Nghĩa là nếu ẩn mắt thì hoàn toàn thuộc cõi sắc. Vì sao? Vì tư duy đoạn trừ phiền não có thể dấy khởi nghiệp của thân miệng. Tư duy đoạn trừ phiền não của cõi dục này hoàn toàn là bất thiện, không do phiền não bất thiện có thể dấy khởi nghiệp vô ký.

Ngoài ra ở hai cõi: Nghĩa là nghiệp vô ký không ẩn mắt cũng hệ thuộc cõi dục, cũng hệ thuộc cõi sắc.

Nghiệp ý như nơi phần Tâm đã nói, là phân biệt về xứ khác, nên nay không nói.

*Nghiệp thân, miệng vô giáo
 Nên biết thiện, bất thiện*

*Ba tướng, thiên vô lậu
Giới oai nghi Điều ngự.*

Nghiệp thân, miệng vô giáo, Nên biết thiện, bất thiện: Nghĩa là nếu nghiệp là tánh của sắc, trong ấy nếu vô giáo thì tánh là thiện, bất thiện.

Ba tướng, thiên vô lậu, Giới oai nghi Điều ngự: Nghĩa là giới vô giáo có ba tướng, thiên vô lậu sinh khởi oai nghi, Điều ngự.

Vô lậu: Là giới và đạo đều cùng hành, là hành chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

Thiên sinh: Là thiên cùng hành lia ác.

Giới oai nghi Điều ngự: Là giới của cõi dục.

*Vô giáo ở cõi dục
Giáo dựa nơi hai cõi
Nên biết không cùng tâm
Tức tâm khác cùng nói.*

Nghĩa là cõi dục vô giáo, là không phải tâm đều cùng kết hợp. Vì sao? Vì lúc thọ nhận giới, giới ấy tuy có tâm thiện, tâm bất thiện, tâm vô ký tùy hành, nhưng không cùng kết hợp với thiện, bất thiện, vô ký.

Đều cùng giáo: Nghĩa là cũng ở tại cõi dục, cũng ở tại cõi sắc, song không phải tâm cùng có chung. Vì sao? Do thân nên ở cõi sắc là vô giáo và vô lậu đều cùng với tâm kết hợp. Vì sao? Vì tâm nên vô lậu này không phải tùy thuộc vào hành trong tâm khác.

Đã phân biệt các nghiệp, nếu thành tựu nghiệp nay sẽ nói.

*Giới vô lậu, luật nghi
Kiến đế đã thành tựu
Thiên sinh nếu được thiên
Trì giới sinh cõi dục.*

Giới vô lậu, luật nghi, Kiến đế đã thành tựu: Kiến đế nghĩa là kiến vô lậu thấy Thánh đế. Lúc kiến vô lậu mới sinh, là thấy khổ đế nơi cõi dục. Thế nên tất cả Thánh nhân đều thành tựu giới vô lậu.

Thiền sinh nếu được thiền: Nghĩa là được thiền tức thành tựu giới của thiền.

Trì giới sinh cõi dục: Là nếu người thọ nhận giới, thì người đó thành tựu giới của cõi dục.

Đã lược nói về thành tựu. Như quá khứ, vị lai, hiện tại có thể đạt được, nay sẽ nói.

*Gọi trụ giới oai nghi
Vô giáo tại nơi nay
Nên biết luôn thành tựu
Hoặc lại tận quá khứ.*

Gọi trụ giới oai nghi, Vô giáo tại nơi nay, Nên biết luôn thành tựu: Nghĩa là nếu trụ nơi giới, oai nghi, thì ở tất cả thời đều thành tựu giới vô giáo. Người ấy cho đến hết đời cũng không lìa giới, vì đã dứt hết các thứ trói buộc.

Hoặc lại tận quá khứ: Nghĩa là hoặc thành tựu giới vô giáo trong quá khứ, hoặc tận không mất giới. Tức ngay từ đầu đã tận (hoàn thành), là thành tựu quá khứ. Quá khứ giả gọi là tận.

*Nếu có tạo nơi giáo
Tức thời lập đời giữa
Nên biết thành quá khứ
Đã tận nhưng không xả.*

Nếu có tạo nơi giáo, Tức thời lập đời giữa: Nghĩa là nếu tạo nên giáo của thân, miệng, bảy giờ tức đã thành tựu hiện tại hữu giáo. Hiện tại giả gọi là đời giữa.

Nên biết thành quá khứ, Đã tận nhưng không xả: Nghĩa là nếu giáo kia đã tận, không mất, bây giờ tức thành tựu quá khứ.

*Là được thiên vô giáo
Thành tựu diệt vị chí
Giữa nếu nhập chánh thọ
Giáo cũng như trước nói.*

Là được thiên vô giáo, Thành tựu diệt vị chí: Nghĩa là nếu được thiên, thì người kia đã thành tựu quá khứ, vị lai. Vì sao? Vì như thiên kia, thì thành tựu giới cũng lại như vậy.

Giữa nếu nhập chánh thọ: Nghĩa là hiện tại được giả gọi là giữa. Nếu người kia nhập định không thì bây giờ là đã thành tựu hiện tại vô giáo. Vì sao? Vì đã cùng với định kết hợp.

Giáo cũng như trước nói: Nghĩa là như trụ nơi giới oai nghi, nếu tạo nên giáo, bây giờ là thành tựu hiện tại hữu giáo. Nếu không tạo nên giáo, lúc ấy là không thành tựu giáo. Nếu tận cùng không mất thì lúc đó là thành tựu quá khứ. Nếu không tận cùng, hoặc như tận cùng liền mất, bây giờ là không thành tựu. Trụ nơi giới của thiên cũng lại như vậy.

*Đều thành tựu nên biết
Được đạo hoặc chưa sinh
Trung gian tại tâm đạo
Đều không bỏ đời trước.*

Đều thành tựu nên biết, Được đạo hoặc chưa sinh: Nghĩa là tất cả được đạo đều thành tựu vô lậu, vô giáo trong vị lai. Vì sao? Vì như tâm vô lậu kia, thì thành tựu giới cũng lại như vậy.

Trung gian tại tâm đạo: Nghĩa là đã hợp đạo, nếu nhập định, bây giờ tức thành tựu hiện tại.

Đều không bỏ đời trước: Đời trước là quá khứ, người kia ở nơi hiện tại này là vô giáo. Nếu tận cùng không mất, thì như được quả Thánh. Cùng thoái chuyển là thành tựu quá khứ vô giáo.

*Nếu tạo ác, bất thiện
Lập giới thành tựu hai
Đến triền kia trói buộc
Tận đã tận nên biết.*

Nếu tạo ác, bất thiện, Lập giới thành tựu hai: Nghĩa là như trụ nơi giới oai nghi này, hoặc trụ nơi giới thiền, hoặc trụ nơi giới vô lậu, hoặc tạo nên triền bất thiện đục, nặng, bấy giờ ở trong bất thiện khởi vô giáo, tức thành tựu giáo và vô giáo. Nếu không phải là triền đục, nặng, thì không khởi vô giáo.

Hỏi: Có bao nhiêu thời gian để thành tựu?

Đáp: Đến triền kia trói buộc: Nếu triền kia đã trói buộc, thì tùy theo đây có thể được thành tựu.

Tận đã tận nên biết: Là triền kia nếu đã cùng tận, thì giáo và vô giáo cũng theo đây cùng tận.

*Xứ giới không oai nghi
Vô giáo trong thành tựu
Ác nhưng quả không ái
Cũng lại quá khứ tận.*

Xứ giới không oai nghi, Vô giáo trong thành tựu, Ác nhưng quả không ái: Nghĩa là nếu trụ nơi không giới oai nghi, bấy giờ là thành tựu bất thiện, vô giáo. Bất thiện gọi là quả không yêu thích.

Cũng lại quá khứ tận: Nghĩa là diệt, chẳng phải là không diệt.

*Hữu giáo hiện nơi thời
Là nói trong thành tựu*

*Cũng lại tận quá khứ
Thiện nơi trên trái nhau.*

Hữu giáo hiện nơi thời, Là nói trong thành trụ, Cũng lại tận quá khứ: Giáo nghĩa là như trước đã nói.

Thiện nơi trên trái nhau: Như trụ nơi giới oai nghi để nói. Bất thiện như vậy là trụ nơi không oai nghi nên nói thiện là đến nơi tâm thiện kia.

*Nếu ở giữa đã tạo
Tức thành trụ đời giữa
Cũng lại tận quá khứ
Hoặc hai cũng lại một.*

Ở giữa: Là trụ nơi không oai nghi, cũng không phải là không oai nghi, là ở phần giữa. Như trụ nơi thiện kia, nói là thiện. Hoặc lại hai là hữu giáo và vô giáo. Hoặc hoàn toàn là hữu giáo. Hoặc thiện bất thiện, hoặc một.

Hỏi: Thế nào là được giới của cõi sắc? Thế nào là xả bỏ? Là do thiên căn bản được hay là do phương tiện khác được?

Đáp: Không phải hoàn toàn do thiên căn bản được.

*Tâm thiện trong cõi sắc
Được định giới oai nghi
Đây mắt, kia cũng mắt
Vô lậu có sáu tâm.*

Tâm thiện trong cõi sắc, Được định giới oai nghi: Nghĩa là nếu được tâm thiện của cõi sắc, hoặc lìa dục, hoặc không lìa dục, thì tất cả tâm thiện đó đều được giới của cõi sắc. Vì sao? Vì tất cả giới trong tâm thiện của cõi sắc là thường cùng kết hợp.

Hỏi: Thế nào là mắt?

Đáp: Là đây mắt kia cũng mắt.

Hỏi: Thế nào là vô lậu?

Đáp: Vô lậu có sáu tâm là giới vô lậu và tâm của sáu địa vô lậu đều cùng được.

Hỏi: Thế nào là mắt?

Đáp: Là đây mắt kia cũng mắt.

Sáu địa: Là thiên vị lai, thiên trung gian và bốn thiên căn bản.

Hỏi: Giới này đến lúc nào thì xả?

Đáp:

*Giới oai nghi, Điều ngự
Là xả nơi năm thời
Thiên sinh và vô lậu
Hai thời giác đã nói.*

Giới oai nghi, Điều ngự, Là xả nơi năm thời: Nghĩa là giới oai nghi được xả trong năm lúc: Lúc bỏ đạo, lúc phạm giới, lúc chết, lúc tà kiến tăng và lúc pháp mất hết.

Thiên sinh và vô lậu, Hai thời giác đã nói: Nghĩa là giới của thiên có hai lúc xả, là lúc thoái chuyển và lúc sinh lên cõi trên. Giới vô lậu cũng có hai lúc xả, là lúc thoái chuyển và lúc đắc quả.

Hỏi: Còn nghiệp khác thì xả như thế nào?

Đáp:

*Giới bất thiện có hai
Thiện vô sắc cũng thế
Cấu uế nói một lúc
Nếu nghiệp ở nơi ý.*

Giới bất thiện có hai: Nghĩa là lúc không tạo phương tiện và lúc chết.

Thiện vô sắc cũng thế: Nghĩa là nghiệp thiện nơi vô sắc cũng có hai lúc xả: Lúc đoạn căn thiện và lúc sinh lên địa trên.

Câu uế nói một lúc, Nếu nghiệp ở nơi ý: Nghĩa là nghiệp ý câu uế được xả nơi một lúc, là lúc lia dục.

Đã nói tánh và sự tạo thành của các nghiệp. Như nghiệp này, Đức Thế Tôn đã có vô số phân biệt, nay sẽ nói.

*Nếu nghiệp cùng quả khổ
Nên biết là hành ác
Hành ác ý tăng thượng
Tham, giận dữ, tà kiến.*

Nếu nghiệp cùng quả khổ, Nên biết là hành ác: Tức nếu nghiệp là bất thiện, thì đều nói là hành ác. Bất thiện là quả khổ.

Hành ác ý tăng thượng, Tham, giận dữ, tà kiến: Nghĩa là tư, nguyện bất thiện là hành ác của ý. Lại có ba thứ được nói là hành ác của ý là tham, giận dữ, tà kiến.

*Tướng này trái hành diệu
Bậc Tối thắng đã nói
Nếu ở đây tối thượng
Đó gọi là mười đạo.*

Tướng này trái hành diệu, Bậc Tối thắng đã nói: Nghĩa là tướng này trái với tất cả nghiệp thiện và không tham, không giận, chánh kiến.

Nếu ở đây tối thượng, Đó gọi là mười đạo: Nghĩa là nếu ở trong nghiệp bất thiện, nếu nghiệp là trên hết, tức nói là nghiệp đạo. Như sát sinh, không cho mà lấy, hạnh tà, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt, tham, giận, tà kiến.

Ở đây, sát sinh: Là tướng của chúng sinh, xả bỏ ý của chúng sinh, đoạn đứt thân mạng người khác, tìm phương tiện là thành nghiệp.

Không cho mà lấy: Là vật của người khác hiện có, tưởng của người khác, không cho mà liền lấy

Hạnh tà: Như phụ nữ hiện có của người khác mà xâm phạm, là phạm nơi đạo. Nếu là hiện có của mình mà luôn luôn xâm phạm, là không phải đạo.

Nói dối: Là lấy ý tưởng khác để nói nhằm lừa dối người khác.

Nói hai lưỡi: Là vì ghét người khác, nên dùng phương tiện để nói nhằm chia rẽ hai người đang thân nhau.

Nói lời thô ác: Là giận người khác, nên nói lời hung dữ, không đáng yêu thích.

Nói lời thù dật: Là tâm bất thiện nên nói lời vô nghĩa.

Tham: Là tham dục của cõi dục.

Giận dữ: Là phần nộ.

Tà kiến: Là hủy báng nhân quả.

Đây là đạo nghiệp, các thứ khác không phải là đạo nghiệp. Nghĩa là hành này là phương tiện tìm cầu cùng với uống rượu v.v... Tư, nguyện của nghiệp bất chánh là nghiệp căn bản. Nghiệp này lấy mười nghiệp kia làm đạo.

*Nếu nghiệp: báo hiện pháp
Kế đến nhận sinh báo
Hậu báo cũng như vậy
Ngoài ra nói bất định.*

Nghĩa là lúc nghiệp có thể thành quả của hiện pháp thì không nhất định.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn đã nói: Ba nghiệp tạo báo vui, báo khổ, báo không vui không khổ, vậy nghiệp này như thế nào?

*Nếu thiện trong cõi dục
Cùng ba địa cõi sắc
Là nên có báo vui
Người nhận định không định.*

Nếu thiện trong cõi dục, Cùng ba địa cõi sắc, Là nên có báo vui: Nghĩa là nếu nghiệp thiện của cõi dục thì sinh báo là cùng với vui kết hợp. Và các thiên thứ nhất, thứ hai, thứ ba của cõi sắc cũng sinh báo là cùng với vui kết hợp. Đây là nói chung về báo vui.

Hỏi: Báo này cũng là nhất định chăng?

Đáp: Không. Vì người thọ nhận báo thì có nhất định và không nhất định. Hoặc nhất định, hoặc không nhất định là ở trong bốn địa, còn thiện thì tất cả đều có báo vui.

*Sinh không khổ không vui
Tức tại nơi thiện trên
Nếu nhận nơi báo khổ
Là nói nghiệp bất thiện.*

Sinh không khổ không vui, Tức tại nơi thiện trên: Nghĩa là nghiệp thiện nơi địa của thiên thứ tư cùng trong vô sắc là báo không khổ không vui. Đây là sinh báo cùng với không khổ không vui kết hợp, trong đó không có lạc thọ.

Nếu nhận nơi báo khổ, Là nói nghiệp bất thiện: Tức nghiệp bất thiện là báo khổ, tất cùng với khổ thọ kết hợp. Người nhận lấy báo này cũng nhất định và không nhất định như trên.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã nói bốn nghiệp: Nghiệp đen có báo đen. Nghiệp trắng có báo trắng. Nghiệp đen trắng có báo đen trắng. Nghiệp không đen không trắng không có báo. Những nghiệp này là như thế nào?

Đáp:

*Trong sắc có nghiệp thiện
Là trắng có báo trắng
Đen trắng ở cõi dục
Báo đen nói bất tịnh.*

Trong sắc có nghiệp thiện, Là trắng có báo trắng: Nghĩa là nghiệp thiện của cõi sắc là báo trắng, hoàn toàn là tịnh và lia bất thiện, nên báo ấy là hoàn toàn cực diệu. Đó gọi là nghiệp trắng có báo trắng.

Đen trắng ở cõi dục: Nghĩa là nghiệp thiện của cõi dục, là nghiệp đen trắng có báo đen trắng. Vì sao? Vì nghiệp thiện ấy đã bị bất thiện làm suy hoại, yếu kém, nên nói là đen trắng. Vì nhận lãnh báo ấy là xen tạp có yêu thích không yêu thích, nên nói là báo đen trắng.

Báo đen nói bất tịnh: Bất thiện nghĩa là bất tịnh, là đen tăng thêm ác, vì xấu xa thấp kém, nên nói là báo đen.

*Nếu tư hay lia bỏ
Đứt hết không còn sót
Nơi đạo vô ngại kia
Gọi là nghiệp thứ tư.*

Gọi đạo có thể diệt trừ ba nghiệp này là đạo vô ngại. Nếu có tư thì tư này là nghiệp thứ tư. Ở đây, bốn tư là đạo tư duy diệt. Nghiệp thứ hai có mười ba gồm hai đạo: Đạo kiến đế bốn, đạo tư duy chín, đó là tư vô lậu, không tăng thêm ác nên không đen. Vì không thể vui, nên không trắng, vì cùng với vô cùng là trái nhau, nên không có báo.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Thân miệng ý luôn quanh co, cấu uế, vẩn đục. Sự việc này là thế nào?

Đáp:

Quanh co sinh nịnh dối
Cầu uế từ giận sinh
Dục sinh gọi là đục
Đức Thế Tôn đã nói.

Quanh co sinh nịnh dối: Là nếu nghiệp từ lừa dối sinh tức là quanh co dối trá.

Cầu uế từ giận sinh: Là nếu nghiệp từ giận dữ sinh tức là cầu uế hoàn toàn bất tịnh.

Dục sinh gọi là đục, Đức Thế Tôn đã nói: Nghĩa là nếu nghiệp từ dục sinh tức là vẫn đục, là hoàn toàn trần cấu.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn đã nói ba tịnh là thân, miệng, ý. Sự việc này là thế nào?

Đáp:

Tịnh tất cả hành diệu
Viên mãn là thân, miệng
Nghĩa ý vô học mãn
Tức là tâm vô học.

Tịnh tất cả hành diệu: Nghĩa là nếu có hành diệu thì tất cả đều tịnh, vì lìa phiền não bất tịnh.

Hỏi: Thế nào là viên mãn?

Đáp: Viên mãn là nói về thân, miệng, là hành diệu của thân miệng trong ý vô học. Đó gọi là điều thiện viên mãn, trừ bỏ hết thảy chướng ngại.

Nghĩa ý vô học mãn, Tức là tâm vô học: Nghĩa là nếu ý vô học viên mãn thì đó là tâm vô học. Vì sao? Vì tâm vô học là đã đạt được tướng Mâu-ni.

Đã nói về các nghiệp. Về phân giả gọi là quả nay sẽ nói:

*Thiện ác, nghiệp bất thiện
Là cùng có hai quả
Thiện hoặc thành ba quả
Một quả là nói khác.*

Thiện ác, nghiệp bất thiện, Là cùng có hai quả: Nghĩa là nghiệp thiện được thành hai quả là quả sở y và quả báo. Nghiệp vô lậu cũng có hai quả là quả sở y và quả giải thoát. Nghiệp bất thiện cũng có hai quả là quả sở y và quả báo.

Thiện hoặc thành ba quả: Nghĩa là nghiệp thiện hữu lậu có thể trừ bỏ các phiền não, là ba quả: Quả sở y, quả báo và quả giải thoát.

Một quả là nói khác: Nghĩa là nghiệp vô ký khác là một quả, tức quả sở y, không có quả khác.

Hỏi: Tướng của sắc được tạo là nghiệp của thân miệng hay là nghiệp do bốn đại tạo?

Đáp:

*Tự địa nếu có đại
Dựa nơi nghiệp thân miệng
Vô lậu tùy sức được
Gọi quả của địa kia.*

Tự địa nếu có đại, Dựa nơi nghiệp thân miệng: Nghĩa là nếu các nghiệp của cõi dục, là dựa nơi đại của cõi dục, do đại này tạo ra. Nghiệp của cõi sắc cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là các nghiệp vô lậu?

Đáp: Vô lậu tùy sức được, Gọi quả của địa kia: Nghĩa là nếu sắc vô lậu dựa vào bốn đại mà được, tức là dựa nơi địa kia. Nếu trụ nơi cõi dục mà được đạo, thì nghiệp của thân miệng kia là do bốn đại của cõi dục tạo.

Như vậy tất cả địa là tùy sức nơi cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Nếu người kia mạng chung, sinh trong cõi vô sắc, nếu chưa được mà được nghiệp của thân miệng, thì nghiệp của thân miệng này tức do bốn đại của địa vô sắc kia tạo.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói ba chướng, là nghiệp chướng, phiền não chướng và báo chướng. Tướng của chúng là thế nào?

*Nghiệp vô gián không cứu
Hay rộng sinh phiền não
Nẻo ác nhận báo ác
Chướng ngại cũng nên biết.*

Ba pháp này là chướng ngại, tất không thọ nhận Thánh pháp, nên nói là chướng ngại.

Hỏi: Trong ba nghiệp này, nghiệp nào là ác lớn hơn hết?

Đáp:

*Nếu nghiệp phá hoại Tăng
Đã nói là cực ác.*

Nghĩa là nghiệp phá hoại Tăng là nghiệp ác hơn hết, là trụ kiếp trong đại địa ngục A-tỳ.

Hỏi: Nghiệp nào là tốt đẹp hơn hết?

Đáp:

*Tự trong đệ nhất hữu
Nên biết đó hơn hết.*

Ở hữu thứ nhất của xứ phi tướng phi phi tướng, địa kia gồm thân tư là cực diệu cực đại. Quả lớn nơi địa kia là thọ báo sống lâu tám vạn kiếp.

LUẬN A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 2

Phẩm thứ 4: SỬ

Đã nói về các nghiệp. Các phiền não nay sẽ nói.

*Tất cả có căn bản
Bạn nghiệp sinh trăm khổ
Chín mươi tám sử kia
Mâu-ni nói nên xét.*

Ví như kẻ oán đối, vì không nhận biết chúng nên bị hãm hại. Nếu nhận biết tức có thể thoát khỏi. Các phiền não cũng như vậy, nên biết chúng như kẻ oán đối.

Hỏi: Làm sao nhận biết được?

Đáp:

*Tất cả các loại sử
Nên biết lập hai thứ
Thứ do kiến để đoạn
Cũng do tư duy đoạn.*

Nếu có sử là đều do kiến đoạn và tư duy đoạn. Tức từ kiến đạo là do kiến đoạn, từ tư duy đạo (tu đạo) là do tư duy đoạn. Trong đó:

*Nói hai mươi tám sử
Là thuộc ở kiến khổ*

*Là ngay khi kiến khổ
Đoạn dứt hết không sót.
Kiến tập đoạn nên biết
Mười chín, diệt cũng vậy
Thêm ba, kiến đạo đoạn
Mười nói tư duy dứt.*

Trên đây là chín mươi tám sử đã nói. Về chúng giới nay sẽ nói.

*Chúng thứ nhất phiền não
Cõi dục nên biết mười
Hai chúng chúng có bảy
Còn tám, kiến đạo đoạn.
Ở cõi dục nên biết
Bốn do tư duy đoạn
Còn nơi hai cõi kia
Là cũng nên phân biệt.*

Ở cõi dục nên biết, Bốn do tư duy đoạn: Ba mươi sáu sử này là thuộc cõi dục.

Còn nơi hai cõi kia, Là cũng nên phân biệt: Tức sáu mươi hai sử còn lại, trong đó ba mươi một sử thuộc cõi sắc, ba mươi một sử thuộc cõi vô sắc.

Đã nói về giới của sử. Về các loại sử nay sẽ nói.

*Nhận biên kiến, tà kiến
Cùng với năm ngã kiến
Hai trộm phải nên biết
Là phiền não nói kiến.*

Từ nhân cùng nối tiếp, không nhận biết được tánh của các pháp, trong đó, hoặc có tướng thường, hoặc có tướng đoạn. Thường, đoạn là hai biên, Đức Thế Tôn đã nói. Ở đây, nếu kiến chấp nhận lấy một bên đó gọi là *nhận biên kiến*. Hủy báng nghĩa chân thật, kiến này là

tà kiến. Nếu loài hữu tình thức ngu tối ở trong ấy chấp ngã, đó gọi là thân kiến.

Pháp hữu lậu thọ nhận cho là bậc nhất, kiến chấp là *trộm kiến* (kiến thủ), không phải nhân, kiến chấp là nhân, kiến này là *trộm giới* (giới cấm thủ). Năm phiền não này tánh là tuệ, nên nói là kiến.

*Dục, do dự, giận dữ
Mạn, si nói phi kiến
Là sai biệt của giới
Chuyển hành nhiều tên gọi.*

Dục, do dự, giận dữ, Mạn, si nói phi kiến: Dục gọi là ái, niệm tưởng tư, ở trong các hành ưa thích chấp trước, do dự gọi là đã kiến chấp như trước. Tại đây, hoặc tư duy giận dữ, gọi là đã tạo tác, cùng trái với phần nộ. Mạn gọi là tự đề cao. Si gọi là không nhận biết hiện có. Năm phiền não này không phải là kiến, đó gọi là tất cả các phiền não.

Là sai biệt của giới, Chuyển hành nhiều tên gọi: Nghĩa là mười phiền não này, hoặc theo hành khổ, hoặc theo tập, hoặc theo diệt, hoặc theo đạo. Trong ấy, nếu theo hành khổ là do kiến khổ đoạn, như vậy cho đến đạo. Phần còn lại là do tư duy đoạn.

*Khổ cõi dưới tất cả
Lìa ba kiến, hành hai
Đạo trừ nơi hai kiến
Cõi trên không hành giận.*

Khổ cõi dưới tất cả: Nghĩa là khổ của cõi dưới là khổ của cõi dục, trong đó hành tất cả mười phiền não. Đối với khổ của cõi dục, kẻ phàm ngu tối vì không hiểu rõ nhân nên chấp là đoạn, vì không biết rõ quả nên chấp là thường, đã hủy báng quả hủy báng khổ, là tà kiến. Khổ được thọ nhận là trộm kiến thứ nhất. Nghĩa là pháp đối với pháp, không phải nhân mà chấp là nhân, là trộm giới (giới cấm thủ),

là tự chấp, cùng muốn cho người khác chấp. Giận dữ từ trong kiến chấp, hoặc từ nơi tự chấp khởi mạn, không hiểu rõ là vô minh.

Lìa ba kiến, hành hai: Nghĩa là tập và diệt, mỗi thứ đều có bảy hành. Hành của thân kiến được hiện ở năm ám. Tập là vi tế nên không hiện khởi, vì vậy trong đó không hành. Diệt cũng như vậy. Thọ nhận biên kiến cũng hành nơi hiện tại. Trộm giới hành ở quả, quả ấy cũng không phải là tập, diệt.

Đạo trừ nơi hai kiến: Nghĩa là thân kiến, biên kiến không hành nơi cảnh giới hữu lậu của đạo. Trộm giới là hành nơi đạo, vì trông giống như đạo, nên rốt cuộc không hiểu, dẫn đến không thấy chánh đạo.

Cõi trên không hành giận: Nghĩa là như phân biệt về cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc cũng như vậy. Trừ giận dữ vì trong hai cõi đó không có giận, do ý đã dừng trụ nơi nhu hòa mềm dịu. Các kiến và nghi không phải do tư duy đoạn. Ngoài ra, ở cõi dục có bốn sử do tư duy đoạn, cõi sắc có ba sử, cõi vô sắc có hai sử do tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là duyên với cảnh giới nơi các cõi kia?

Đáp:

*Hiện khắp ở nhân khổ
Nghi, kiến và vô minh
Là hết thấy loại sử
Ưu thích trong tất cả.*

Kiến khổ đoạn chủng và kiến tập đoạn. *Nghi, kiến và vô minh:* Phiền não này là hiện có khắp. Tất cả năm thứ đều hành nơi địa mình. Vì sao? Vì tất cả pháp hữu lậu là tánh của khổ, tập.

Hỏi: Vì sao chỉ hành nơi địa mình, không phải ở địa khác?

Đáp: Vì không phải là cảnh giới, nên không hành ở địa trên. Vì lìa bỏ dục, nên không hành ở địa dưới. Đó gọi là mười một thứ phiền

não nhất thiết biến của cõi dục. Cõi sắc, cõi vô sắc cũng như vậy. Ngoài ra, do cảnh giới của tự chủng loại nên không nhất thiết biến.

*Phiền não đầu: năm thứ
Bốn nói là thứ hai
Cảnh giới nơi cõi trên
Chưa là tuệ đã nói.*

Do kiến khổ đoạn trừ tà kiến của cõi dục, hủy báng khổ của cõi sắc, cõi vô sắc là trộm kiến. Thọ nhận trộm giới thứ nhất, thọ nhận phương tiện giải thoát là nghi hoặc vô minh là không hiểu rõ.

Kiến tập đoạn trừ tà kiến, hủy báng nhân của cõi sắc, cõi vô sắc là trộm kiến. Đối với nhân thọ nhận nghi thứ nhất hoặc vô minh là không hiểu rõ.

Tất cả địa của cõi sắc, cõi vô sắc là như vậy, cho đến xứ vô sở hữu.

*Tà, nghi là câu sinh
Và vô minh không chung
Đạo số tức hai đoạn
Nên biết duyên vô lậu.*

Kiến diệt đoạn trừ tà kiến, hủy báng đối với diệt, là duyên với diệt nên là duyên với vô lậu. Như vậy, nghi hoặc đối với diệt và tương ưng với vô minh kia là duyên với vô lậu.

Như vậy, kiến diệt là đoạn trừ vô minh không chung, nghĩa là không muốn ở nơi Niết-bàn. Kiến diệt ấy cũng là duyên với vô lậu. Kiến đạo đoạn cũng lại như vậy. Mười tám sử này là duyên với vô lậu.

Hỏi: Thế nào là chủng loại hữu lậu bị các sử trói buộc?

Đáp:

*Nếu chủng tại cõi dục
Tất cả các sử khắp*

*Duyên buộc nơi địa mình
Ở cõi trên cũng vậy.*

Tất cả các sử hiện khắp, là ở trong tự địa duyên với hết thủy chủng loại sử.

*Các kiết sử khác kia
Nên biết tự chủng duyên
Đã khiến nơi tự cõi
Cùng là phạm tương ưng.*

Các kiết sử khác kia, Nên biết tự chủng duyên, Đã khiến nơi tự cõi: Nghĩa là tất cả sử không hiện khắp, tự ở trong chủng loại duyên với các pháp, tức các pháp kia đã bị sai khiến.

Cùng là phạm tương ưng: Tức các sử nhất thiết biến và sử không nhất thiết biến, là tất cả đều tương ưng trong tự phạm đã sai khiến.

*Nếu vô lậu đã hành
Địa khác duyên phiền não
Là tương ưng sai khiến
Nên cảnh giới giải thoát.*

Nếu vô lậu đã hành, Địa khác duyên phiền não, Là tương ưng sai khiến: Nghĩa là nếu sử duyên nơi vô lậu và duyên nơi địa trên, thì sự tương ưng nơi tự phạm đã bị sai khiến, không phải duyên nơi sử. Vì sao? Vì đây là cảnh giới giải thoát. Sử này không duyên nơi cảnh giới, vì các pháp vô lậu đã giải thoát hết thủy phiền não. Các pháp của địa trên giải thoát phiền não của địa dưới.

Hỏi: Sử này nên nói là bất thiện hay vô ký?

Hỏi:

*Tự thân kiến, biên kiến
Đây tương ưng vô minh*

*Là vô ký trong dục
Sắc, vô sắc tất cả.*

Tự thân kiến, biên kiến, Đây tương ưng vô minh, Là vô ký trong dục: Nghĩa là thân kiến, biên kiến của cõi dục và tương ưng với vô minh là vô ký. Vì sao? Vì thân kiến của mình luôn luôn hành tác.

Nếu hiện là bất thiện, tức chúng sinh của cõi dục, nên không có an vui, vì đa số đều tạo pháp bất thiện. Lại nữa, nếu là bất thiện tức cùng trái với phước. Ở đây, hành phước chấp ta người, khiến ta được an vui. Lại nữa, bất thiện là cùng trái với thiện, do đây thân kiến không phải là bất thiện.

Đoạn kiến là chấp vô thường, chán ghét nơi sinh tử, là cũng không phải bất thiện, thế nên không phải là bất thiện. Chấp có thường, cũng không trái với thiện, như thân kiến, cho nên không phải là bất thiện. Ngoài ra, phiền não của cõi dục hoàn toàn là bất thiện.

Sắc, vô sắc tất cả: Nghĩa là các sử của cõi sắc, cõi vô sắc đều là vô ký. Vì sao? Vì chánh thọ đã bị hủy hoại. Bất thiện là nhận lãnh báo của khổ thọ, trong các cõi kia không có khổ thọ.

Hỏi: Tất cả các phiền não đều trôi buộc cảnh giới hiện có của mình hay là không?

Đáp:

*Tham dục, giận dữ, mạn
Biết hoặc buộc quá khứ
Vị lai nhận tất cả
Hai đời khác đều nhận.*

Tham dục, giận dữ, mạn, Biết hoặc buộc quá khứ: Nghĩa là ái, giận, mạn của quá khứ, thì bắt tất ở trước tất cả cảnh giới của mình đây khởi ái. Không thể ở trước trong tất cả pháp đây khởi, vì không phải do không kiến chấp phát sinh.

Vị lai nhận tất cả: Nghĩa là ái, giận, mạn ở vị lai trói buộc tất cả pháp hữu lậu. Vì sao? Vì duyên nơi tất cả hữu lậu.

Hai đời khác đều nhận: Nghĩa là kiến, nghi và vô minh đều duyên chung nơi tất cả pháp. Thế nên chúng đã trói buộc các pháp hữu lậu của quá khứ, vị lai. Riêng sử của hiện tại, vì không nhất định, nên không nói. Nếu có là thọ nhận tự tướng, thì sử ấy nên nói như quá khứ.

Đã nói về cảnh giới của các sử. Về thứ lớp nay sẽ nói.

Thứ lớp là chuyển sinh

Tự địa nơi tự địa

Địa trên cũng sinh dưới

Việc này nên phân biệt.

Thứ lớp là chuyển sinh, Tự địa nơi tự địa: Nghĩa là tất cả các phiền não đối với phiền não của tự địa đều thứ lớp duyên. Cũng có thể có được mỗi mỗi thứ lớp sinh tất cả.

Địa trên cũng sinh dưới, Việc này nên phân biệt: Nghĩa là ở trên cõi Phạm thiên mạng chung, theo thứ lớp sinh nơi cõi dục là tất cả. Nếu ở trong cõi dục kia có tâm cấu uế mạng chung, thì trong ấy hoàn toàn là tâm cấu uế nối tiếp nhau. Tất cả địa đều như vậy.

Đã nói về tự tướng của các sử. Như phiền não này, Đức Thế Tôn khi giáo hóa đã nói có nhiều thứ. Nay sẽ phân biệt.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có bảy sử: Dục ái, giận, hữu ái, mạn, kiến, nghi và vô minh. Các sử này là thế nào?

Đáp:

Cõi dục năm thứ dục

Đây nói sử dục ái

Sắc, vô sắc như trên

Hữu ái nên phân biệt.

Cõi dục năm thứ dục, Đây nói sử dục ái: Nghĩa là do kiến khổ, tập, diệt, đạo đoạn và do tư duy đoạn.

Sắc, vô sắc như trên, Hữu ái nên phân biệt: Nghĩa là ái của cõi sắc có năm thứ, cõi vô sắc cũng như vậy.

*Sân tức là sử giận
Năm thứ như trước nói
Kiêu, mạn và vô minh
Mười lăm ở ba cõi.*

Sân tức là sử giận, Năm thứ như trước nói: Nghĩa là giận dữ cũng có năm thứ như vậy.

Kiêu, mạn và vô minh, Mười lăm ở ba cõi: Nghĩa là mạn nơi cõi dục có năm thứ. Cõi sắc có năm thứ và cõi vô sắc cũng có năm thứ. Vô minh cũng như vậy.

*Sử kiến ba mươi sáu
Nói khắp ở ba cõi
Sử nghi có mười hai
Bảy này có tên khác.*

Sử kiến ba mươi sáu, Nói khắp ở ba cõi: Nghĩa là cõi dục có mười hai kiến: Năm thứ do kiến khổ đoạn, hai thứ do kiến tập đoạn, hai thứ do kiến diệt đoạn, ba thứ do kiến đạo đoạn. Cõi sắc, cõi vô sắc cũng như vậy.

Sử nghi có mười hai: Nghĩa là cõi dục có bốn: Do kiến khổ, tập, diệt, đạo đoạn. Cõi sắc, cõi vô sắc cũng như vậy.

Bảy này có tên khác: Nghĩa là phiền não này còn được gọi là ách, thọ, lưu, lậu. Vì sao?

Đáp:

*Ách buộc cùng thọ lưu
Lậu tất cả không cùng*

*Các ách và thọ, lưu
Phiền não nói là lậu.*

Vì trời buộc tất cả chúng sinh, nên nói là ách. Vì thọ sinh đủ, nên nói là thọ (thủ). Vì cuốn chìm hết thầy chúng sinh, nên nói là lưu (bộc lưu). Vì lậu nơi tất cả là vô cùng, nên nói là lậu.

Đã nói các thứ tướng của sử. Căn tương ưng nay sẽ nói.

*Các sử tại ba cõi
Đều tương ưng hộ (xả) căn
Theo địa, các căn sử
Tương ưng nơi sắc hữu.*

Các sử tại ba cõi, Đều tương ưng hộ căn: Nghĩa là tất cả chín mươi tám sử đều tương ưng với hộ căn. Các phiền não lúc sau này đều dựa nơi không mong cầu để dùng trụ.

Theo địa, các căn sử, Tương ưng nơi sắc hữu: Trời Phạm thiên và Quang diệu đều có hỷ căn, các sử của địa ấy đều tương ưng với hỷ căn và hộ căn. Trời Biến tịnh có lạc căn, các sử của địa ấy đều tương ưng với lạc căn và hộ căn.

*Tà kiến và vô minh
Lạc, khổ trong cõi dục
Giận, nghi chỉ có khổ
Còn lại hoàn toàn lạc.*

Tà kiến và vô minh, Lạc, khổ trong cõi dục: Nghĩa là tà kiến, vô minh của cõi dục đều tương ưng với lạc căn và khổ căn. Tà kiến là tạo nghiệp ác cho là hỷ nghiệp, tịnh cho là lo sầu. Tà kiến ấy tương ưng với vô minh cũng như vậy.

Giận, nghi chỉ có khổ: Tức nghi gốc là lo buồn, nên không quyết định, không vui mừng. Giận dữ cũng như vậy.

Còn lại hoàn toàn lạc: Nghĩa là các sử còn lại của cõi dục hoàn toàn tương ứng với lạc không phải là khổ, vì chúng đều lấy hoan hỷ làm gốc.

*Hai huân chấp chặt thân
Kiến đoạn chỉ nên ý
Các phiền não cõi dục
Căn này là tương ứng.*

Hai huân chấp chặt thân: Tức hai thứ ấy gọi là các phiền não do tư duy đoạn. Phiền não kia tương ứng với thân thọ và tâm thọ, trong đó: Thân thọ là lạc căn và khổ căn, tâm thọ là hỷ căn và ưu căn cùng có. Hộ căn là tất cả thân thọ, do tư duy đoạn. Ý căn đều cùng có.

Kiến đoạn chỉ nên ý: Là kiến đế đoạn trừ kiết, chỉ tương ứng với ý.

Các phiền não cõi dục, Căn này là tương ứng: Đó gọi là các phiền não của cõi dục.

Đã phân biệt căn tương ứng với phiền não. Các phiền não trên nay sẽ nói.

*Không hổ cũng không thẹn
Thùy, hối cùng với xan
Tật, trạo, miên nhiều thịnh
Nên nói phiền não trên.*

Tám sự việc này nói là phiền não trên. Các sử là phiền não, trong đó, phiền não trên này là từ giữa sinh khởi. Đây là sử cấu ứ, dựa vào sử.

Hỏi: Thế nào là sử cấu ứ?

Đáp:

*Tất cả phiền não hợp
Nói thùy cùng trạo cử*

*Không hổ, bất thiện hợp
Không thẹn cũng như vậy.*

Tất cả phiền não hợp, Nói thùy cùng trạo cử: Trạo cử gọi là tâm không dừng dứt, tương ưng với hết thảy phiền não, nên phiền não là không dừng dứt. Thùy (ngủ nghỉ) tuy gọi là ý chìm đắm, nhưng sử này cũng tương ưng với tất cả phiền não, vì tâm chìm đắm khiến sinh phiền não.

Không hổ, bất thiện hợp, Không thẹn cũng như vậy: Không hổ là lúc làm ác không biết xấu hổ đối với người khác. Không thẹn là tự làm ác không biết chán bỏ, không biết xấu hổ. Hai thứ này là phiền não trên, hoàn toàn tương ưng với bất thiện, không phải là vô ký.

*Gọi khổ ở nơi ý
Hối do tư duy đoạn
Miên chỉ tại ý dục
Ngoài ra tự kiến lập.*

Gọi khổ ở nơi ý, Hối do tư duy đoạn: Hối gọi là tạo tác thiện ác, sự việc không thành nên hối. Không thể nói là hỷ, vì nó hoàn toàn tương ưng với khổ, là ý tương ưng với ưu căn. Vì từ hành ác sinh nên nói do tư duy đoạn. Do tương ưng với khổ nên biết là ở cõi dục.

Miên chỉ tại ý dục: Tức lúc miên (Ngủ say) thì ý đóng kín, nên miên là hoàn toàn ở tại địa ý của cõi dục. Miên kia ở nơi cõi dục tương ưng với tất cả phiền não. Hết thảy các phiền não đều hành tác vào lúc ngủ say (miên).

Ngoài ra tự kiến lập: Nghĩa là ngoài hai phiền não trên (Hối, miên), còn có tật (Ganh ghét) và xan (Keo kiệt). Tật là thấy người khác an vui thì sinh nóng giận. Xan là cố giữ gìn, tiếc chấp. Hai phiền não này đều tự tạo lập, không phải tương ưng với phiền não khác.

Hỏi: Các phiền não tương ưng với bao nhiêu thức?

Đáp:

*Dục, giận dữ, vô minh
Nên biết dựa sáu thức
Dục do tư duy đoạn
Trong sắc theo chỗ được.*

Dục, giận dữ, vô minh, Nên biết dựa sáu thức, Dục do tư duy đoạn: Dục nơi cõi dục do tư duy đoạn. Ái, giận dữ, vô minh đều tương ưng với sáu thức.

Trong sắc theo chỗ được: Nghĩa là ái, vô minh nơi cõi sắc đều tùy theo nơi chốn mà có được, tức thức trên trời Phạm thiên. Trong cõi ấy, hai phiền não này tương ưng với bốn thức. Các phiền não khác đều ở trong ý thức.

Đã nói các phiền não. Như về sự đoạn trừ nay sẽ nói.

*Một lúc đoạn phiền não
Trong ấy được giải thoát
Vô lượng thời gian được
Bậc chánh trí đã nói.*

Một lúc đoạn phiền não, Trong ấy được giải thoát: Phiền não này do đạo vô ngại một lúc cùng đoạn, không phải đã đoạn, lại đoạn nữa.

Vô lượng thời gian được, Bậc chánh trí đã nói: Nghĩa là các phiền não này luôn luôn đều được dứt hết, như nơi cõi dục do kiến đoạn. Năm thời được dứt hết các phiền não là chứng tự phần và bốn quả Sa-môn.

Như vậy, tất cả như trong phẩm Hiền Thánh nói.

*Giải thoát trong cõi dục
Thánh nói bốn trí đoạn*

*Lìa cõi sắc, vô sắc
Nên biết năm trí đoạn.*

Vĩnh viễn dứt hết không còn sót, gọi là trí đoạn. Trong ấy, nếu ở cõi dục do kiến khổ, kiến tập đoạn, nếu đoạn hết thì được giải thoát vô dư, là một trí đoạn. Do kiến diệt đoạn là hai, do kiến đạo đoạn là ba, do tư duy đoạn là bốn. Cõi sắc, cõi vô sắc do kiến khổ, kiến tập đoạn là một trí đoạn. Do kiến diệt đoạn là hai, do kiến đạo đoạn là ba. Cõi sắc do tư duy đoạn là bốn. Cõi vô sắc do tư duy đoạn là năm.

Hỏi: Vì sao ở nơi đoạn gọi là trí đoạn?

Đáp: Vì đây là quả của trí nên nói là trí đoạn. Như sinh trong họ Cù-đàm cũng gọi là Cù-đàm. Trí đoạn này cũng lại như vậy.

Hỏi: Các sử này là tương ưng với tâm hay không tương ưng?

Đáp: Tương ưng. Vì sao?

*Tâm bị phiền não sử
Làm chướng ngại tương tịnh
Các thiện diệu có được
Nên biết tương ưng sử.*

Tâm bị phiền não sử: Nghĩa là nếu tâm không tương ưng với sử thì tâm không bị phiền não. Nếu tâm đã bị phiền não thế nên tương ưng với chướng ngại. Nếu tâm không tương ưng với sử, thì không gây chướng ngại nơi các pháp thiện. Nếu gây chướng ngại thì pháp thiện không sinh. Còn nếu không gây chướng ngại thì pháp thiện liền sinh. Vì vậy tâm tương ưng với các sử.

Làm chướng ngại tương tịnh, Các thiện diệu có được: Nghĩa là nếu sử không tương ưng với tâm thì không cùng với pháp thiện trái nhau. Nếu không cùng với pháp thiện trái nhau thì tâm thiện cũng nên sinh. Nếu không cùng trái nhau thì tánh của phiền não này cũng không nên tạo ra tai hại. Nếu đã trái nhau thì thường tùy thuộc nhau

và không sinh thiện. Vì không tùy thuộc nhau tức sinh khởi thiện. Nhân nơi sự việc này nên nói tâm tương ưng với sử.

**

Phẩm thứ 5: HIỀN THÁNH

Đã nói phẩm Sử, phẩm Hiền Thánh nay sẽ nói.

*Như Thánh đây đoạn Hoặc
Gốc của các sợ hãi
Đẳng phương tiện, chánh trí
Nay nói nên lắng nghe.*

Tâm không dừng trụ thì không thể khởi chánh kiến. Do vậy:

*Đầu xứ sở tự thân
Buộc giữ tâm khiến định
Cũng nhằm buộc chân thức
Diệt hết phiền não oán.
Là phương tiện nơi thân
Tướng chân thật thường định
Các thọ cùng tâm này
Pháp cũng quán như vậy.*

Tướng bất tịnh, tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã của thân này là tướng nhất định chân thật. Tự thân kia phải buộc giữ tâm tại một xứ để lìa tâm tán loạn. Đầu tiên là quán chân thật tướng của thân, tiếp đến là quán thọ, sau là quán tâm. Vì các quán kia đã được tâm hỗ trợ nên đều dựa vào tâm để tương ưng với tâm số pháp khác.

Cũng quán các tâm bất tương ưng hành. Như tánh của chúng, như tướng của chúng hiện có như thế.

Ý chỉ (Niệm xứ) của thân, thọ, tâm, pháp kia đều theo thứ lớp sinh.

*Quán chung trong pháp nhập
 Đồng quán các pháp tướng
 Bốn này là vô thường
 Không, vô ngã, phi lạc.*

Quán chung trong pháp nhập, Đồng quán các pháp tướng:
 Nghĩa là trong ý chỉ (Niệm xứ) của pháp nhập, các Thánh kia đều quán chung các hành tướng. Quán các hành tướng xong thì tăng trưởng nuôi dưỡng tâm, sinh khởi mắt trí không cấu uế để quán tổng quát tất cả thân, thọ, tâm, pháp.

Hỏi: Quán như thế nào?

Đáp:

*Bốn này là vô thường
 Không, vô ngã, phi lạc.*

Thân, thọ, tâm, pháp này lần lượt cùng sinh nên là vô thường. Vì không tự tại nên là không. Vì không phải là chủ nên vô ngã. Vì là tai hại xấu ác nên khổ.

*Từ đây gọi pháp noãn
 Tức là trong ý sinh
 Hành là mười sáu hành
 Chánh quán bốn chân đế.*

Từ đây gọi pháp noãn, Tức là trong ý sinh: Nghĩa là các Thánh kia quán như vậy, sinh pháp noãn thiện, trong đó sẽ sinh khởi lửa trí vô lậu, có thể đốt cháy củi của tất cả hành.

Hỏi: Hành kia là hành gì? Thuộc cảnh giới nào?

Đáp: *Hành là mười sáu hành, Chánh quán bốn chân đế.* Hành quán kia là cảnh giới của mười sáu hành. Tức nơi bốn chân đế: Bốn hành quán khổ đế: Khổ này tánh là yếu kém, vì từ nhân duyên sinh nên *vô thường*. Vì bị sức của vô thường hủy hoại nên

khô. Vì bên trong lia con người nên *không*. Vì không tự tại nên *vô ngã*.

Bốn hành quán tập đế: Tập này tạo thành quả giống nhau nên là *nhân*. Vì hành cùng nối tiếp nên là *tập*. Vì tất cả sinh tử là vô cùng, có thể đạt được, nên là *hữu*. Vì sự việc không giống nhau đã cùng nối tiếp nên là *duyên*.

Bốn hành quán diệt đế: Diệt này che lấp tất cả tai hại khiến chúng dứt hết nên là *diệt*. Vì trừ bỏ hết thấy lửa phiền não nên là *chỉ*. Vì vượt hơn tất cả pháp nên là *diệu*. Vì xả bỏ sinh tử nên là *ly*.

Bốn hành quán đạo đế: Đạo này dẫn đến không phải là phạm loại nên là *đạo*. Vì không phải điên đảo nên là *như*. Vì tất cả Thánh đã đi qua nên là *tích*. Vì tai họa của sinh tử đã chuyển xuất nên là *thừa*.

Đó gọi là hành quán kia tức bốn chân đế là cảnh giới của mười sáu hành. Căn thiện được sinh gọi là pháp noãn.

*Noãn khởi đã thành lập
Sinh Đánh và đến Nhẫn
Được pháp Thế đệ nhất
Nương dựa nơi một tướng.*

Noãn khởi đã thành lập, Sinh Đánh rồi đến Nhẫn: Nghĩa là nếu pháp Noãn đã thành rồi, thì ở trong ấy lại sinh khởi căn thiện của cõi dục như Đánh, cũng có mười sáu hành quán bốn chân đế. Vì vượt hơn pháp Noãn nên nói là Đánh. Đánh đã tăng thượng thì sinh khởi căn thiện gọi là Nhẫn, cũng có mười sáu hành quán bốn chân đế. Do có thể gắng nhận giữ nên nói là nhẫn. Nếu nhẫn đã thành lập thì *Được pháp Thế đệ nhất, Nương dựa nơi một tướng* phát sinh căn thiện tối thắng trong tất cả công đức của thế tục, nên gọi là pháp đệ nhất của thế gian, mở rộng cửa Niết-bàn. Vì là hơn hết trong ý của phạm phu, nên nói là pháp đệ nhất.

Hỏi: Vì sao nói nương dựa nơi một tướng?

Đáp: Vì ở trong ý của phàm phu không có hai thứ công đức này. Nếu có thì công đức của phàm phu kia cũng mở ra cửa Niết-bàn, nhưng không có mở, do vậy nên nói là nương dựa nơi một tướng.

Hỏi: Pháp kia có bao nhiêu hành? Duyên nơi gì? Thuộc về địa nào?

Đáp:

*Kia hành khổ: bốn hành
Nói gồm dựa sáu địa.*

Kia hành khổ: Là pháp kia tức duyên nơi khổ đế. Không phải bốn hành khác: Nghĩa là cảnh giới của hành khổ đế, vô thường là đứng đầu. Vì sao? Vì như tâm vô lậu đầu tiên duyên nơi khổ đế ấy cũng lại như vậy.

Nói gồm dựa sáu địa: Nghĩa là pháp kia gồm sáu địa, là thiên vị lai, thiên trung gian và bốn thiên căn bản, không phải là cõi dục vì đây là cõi bất định, cũng không phải là cõi vô sắc vì ở đây không có kiến đạo.

Hỏi: Căn thiện khác thuộc về địa nào?

Đáp:

*Nhẫn cũng gồm sáu địa
Ngoài ra thì dựa bảy.*

Nhẫn cũng gồm sáu địa: Nghĩa là đế – thuận – nhẫn thuộc về sáu địa, như pháp thứ nhất của thế gian.

Ngoài ra thì dựa bảy: Nghĩa là Noãn và Đảnh thuộc về bảy địa. Sáu địa này và cõi dục chưa trừ dục, hoặc cõi dục đã trừ dục cùng cõi sắc.

*Sau pháp Thế đệ nhất
Tất hưng khởi pháp Nhẫn*

*Sau nhân sinh khởi trí
Đều cùng quán khổ dưới.*

Sau pháp Thế đệ nhất, Tất hưng khởi pháp Nhân: Nghĩa là theo thứ lớp thì tiếp sau pháp thứ nhất thế gian, là sinh khởi pháp nhân vô lậu, gọi là khổ pháp nhân. Pháp nhân ấy chưa từng quán. Nay lúc quán thì có thể nhận giữ, nên gọi là nhân. Đó gọi là đạo vô ngại vô lậu đầu tiên.

Sau nhân sinh khởi trí: Nghĩa là theo thứ lớp thì nhân kia sinh khổ pháp trí, đồng cảnh giới thọ nhận đạo giải thoát của tánh chân thật.

Hỏi: Nhân và trí duyên nơi gì?

Đáp: Cả hai đều cùng quán về khổ của cõi dưới. Khổ của cõi dưới là khổ của cõi dục, nhân, trí kia đồng duyên.

*Khổ trên cũng như vậy
Nhân, diệt, đạo cũng thế
Là chánh quán các pháp
Nói mười sáu tâm tịnh.*

Khổ trên cũng như vậy: Khổ trên là khổ của cõi sắc, cõi vô sắc. Quán về khổ của hai cõi ấy cũng như vậy, là sinh nhân nơi đạo vô ngại, trí nơi đạo giải thoát cùng khổ vị tri nhân và khổ vị tri trí.

Nhân là tập đế. Quán ấy cũng như thế, tức sinh bốn đạo. Như khổ, ở đây là tập pháp nhân, tập pháp trí, tập vị tri nhân, tập vị tri trí.

Diệt là diệt, cũng như thế tức sinh bốn đạo là diệt pháp nhân, diệt pháp trí, diệt vị tri nhân, diệt vị tri trí.

Đạo cũng thế: Tức đạo cũng sinh bốn đạo như vậy: Là đạo pháp nhân, đạo pháp trí, đạo vị tri nhân, đạo vị tri trí.

Là chánh quán các pháp, Nói mười sáu tâm tịnh: Nghĩa là kiến pháp. Kiến pháp gọi là chánh quán, là tên gọi khác của kiến.

*Tùy pháp hành lợi căn
 Đây tại mười lăm ý
 Tùy tín hành nên biết
 Độn kiến cũng ở trong.*

Tùy pháp hành lợi căn, Đây tại mười lăm ý: Nghĩa là trong khoảng mười lăm tâm kia, nếu là lợi căn thì nói là Tùy pháp hành.

Tùy tín hành nên biết, Độn kiến cũng ở trong: Nghĩa là nơi khoảng mười lăm tâm kia, nếu là độn căn thì nói là Tùy tín hành.

*Chưa lia dục cõi dục
 Hướng đến nơi quả đầu
 Bỏ sáu hướng đến hai
 Ba hướng chín vô lậu.*

Chưa lia dục cõi dục, Hướng đến nơi quả đầu: Là Tùy tín hành và Tùy pháp hành kia lúc hướng đến quả Sa-môn, nếu chưa lia dục là cùng hướng đến quả Tu-đà-hoàn.

Bỏ sáu hướng đến hai: Tức phiền não của cõi dục có chín thứ: Vi vi, vi trung, vi thượng. Trung vi, trung trung, trung thượng. Thượng vi, thượng trung, thượng thượng. Nếu lúc phạm phu đã lia sáu thứ phiền não kia thì sau đây nếu hướng đến chứng đắc thì cùng hướng tới quả thứ hai.

Ba hướng chín vô lậu: Nghĩa là nếu đã lia bỏ chín thứ, tức cùng hướng đến quả A-na-hàm.

*Nếu đến mười sáu tâm
 Gọi là trụ nơi quả
 Tín giải thoát, độn kiến
 Kiến đạo nói lợi kiến.*

Nếu đến mười sáu tâm, Gọi là trụ nơi quả: Nghĩa là mười sáu tâm được gọi là đạo vị tri trí, tương ưng với tâm. Tâm kia đã sinh rồi,

nói là trụ nơi quả. Chưa từng lìa bỏ dục của cõi dục là cùng có Tu-đà-hoàn. Đã từng lìa sáu phẩm là cùng có Tu-đà-hàm. Lìa hết chín phẩm là cùng có A-na-hàm.

Tín giải thoát, độn kiến, Kiến đáo nói lợi kiến: Nghĩa là nếu lúc hướng đến quả người kia là Tùy tín hành độn căn thì gọi là Tín giải thoát. Nếu người kia là Tùy pháp hành lợi căn thì gọi là Kiến đáo.

*Chưa tận tư duy đoạn
Cực sinh sinh tử bảy
Gia gia có ba tận
Cùng ở quả Đạo tích.*

Chưa tận tư duy đoạn, Cực sinh sinh tử bảy: Nghĩa là bậc Tín giải thoát và Kiến đáo kia chưa lìa bỏ hết phiền não của cõi dục, thì do tư duy đoạn, là bảy lần sinh trong sinh tử. Người kia có bảy lần sinh lên cõi trời và trong loài người, nên nói là tối đa sinh bảy lần trong sinh tử.

Gia gia có ba tận: Nghĩa là nếu dứt hết ba thứ là thượng vi, thượng trung, thượng thượng, thì nói là Gia gia. Người kia trên cõi trời và trong loài người, hoặc sinh nơi hai nhà, hoặc sinh nơi ba nhà, về sau nhập Niết-bàn nên nói là Gia gia.

Cùng ở quả Đạo tích: Nghĩa là tối đa nơi bảy hữu và gia gia, nên nói là cùng trụ nơi Tu-đà-hoàn (Đạo tích).

*Sáu hết một qua lại
Lìa tám nói Nhất chủng
Chín diệt tận không lại
Ra khỏi bùn dục cấu.*

Sáu hết một qua lại: Nghĩa là nếu dứt hết sáu thứ: Ba thứ trên, ba thứ trung là Tu-đà-hàm. Người kia còn lại một lần sinh lên cõi trời, một lần sinh trong loài người, một lần qua lại, rồi nhập Niết-bàn, nên nói là Tu-đà-hàm.

Lìa tám nói Nhất chủng: Tức nếu tám phẩm đều dứt hết đó là Nhất chủng. Người kia còn lại chỉ có một lần sinh trọn vẹn như thế nên nói là Nhất chủng.

Chín diệt tận không lại: Nghĩa là nếu tất cả chín phẩm đều dứt hết là A-na-hàm, người ấy không còn trở lại cõi dục nữa, nên nói là A-na-hàm. Vì sao? Vì đã *Ra khỏi bùn dục cấu*.

*Chín phiền não như vậy
Nếu tại tám địa trên
Hai đạo kia đã diệt
Đức Thế Tôn đã nói.*

Chín phiền não như vậy, Nếu tại tám địa trên: Nghĩa là như chín thứ phiền não của cõi dục, từ vi vi đến thượng thượng, thì nơi cõi trên cũng như vậy. Tám địa trên là Phạm thế, Quang diệu, Biến tịnh, Quả thật, vô lượng không xứ, vô lượng thức xứ, vô sở hữu xứ và phi tướng phi phi tướng xứ.

Hai đạo kia đã diệt, Đức Thế Tôn đã nói: Nghĩa là tất cả phiền não nơi cõi dục này và hai đạo của cõi sắc, cõi vô sắc đã diệt trừ, là do đạo vô ngại diệt trừ, được chứng đạo giải thoát.

Hỏi: Đạo này là thế tục hay là vô lậu?

Đáp:

*Đạo có cấu, không cấu
Cùng hay lìa tám địa
Trụ đó gọi Thân chứng
Là được định diệt tận.*

Địa của cõi dục có một, địa của cõi sắc có bốn, địa của cõi vô sắc có ba, cũng do đạo thế tục diệt trừ, cũng là đạo vô lậu. Phạm phu từ đạo thế tục hãy còn có thể xa lìa, hướng chi là các Hiền Thánh.

Trụ đó gọi Thân chứng, Là được định diệt tận: Nghĩa là trụ ở trong tám địa không dục, tức người học được định diệt tận đó là Thân chứng. Vì sao? Vì pháp giống với Niết-bàn, thân đã tiếp xúc, nên nói là Thân chứng.

*Sau định kim cang dụ
Tất đạt được tận trí
Sinh ý: Ngã sinh hết
Lìa nơi tất cả lậu.*

Sau định kim cang dụ, Tất đạt được tận trí: Nghĩa là định kim cang dụ gọi là phi tướng phi phi tướng xứ. Lúc lìa bỏ dục nơi tâm học sau cùng của đạo vô ngại thứ chín, ở đây tất cả các phiền não đều vĩnh viễn dứt hết, không còn sót, tất cả hành Thánh đều rốt ráo, nên nói là Tam-ma-đề kim cang dụ. Theo thứ lớp này sinh tận trí, là trí vô học đầu tiên.

Sinh ý: Ngã sinh hết, Lìa nơi tất cả lậu: Nghĩa là người kia sinh khởi định ý, tất cả nẻo sinh tử của ta đã hết. Bây giờ, vị Thánh này là Vô trước (A-la-hán) giải thoát nơi tất cả lậu.

Hỏi: Bạc Vô trước có bao nhiêu loại?

Đáp:

*Vô trước có sáu loại
Là Tùy tín sinh năm
Đạt được nơi hai trí
Nên biết Thời giải thoát.*

Vô trước có sáu loại: Tức Đức Thế Tôn đã nói có sáu loại Vô trước (A-la-hán): Là pháp thoái chuyển, pháp niệm, pháp hộ, pháp đẳng trụ, pháp tất thẳng tấn và pháp bất động.

Ở đây: Nếu trí cùng tinh tấn yếu kém, là có thể thoái chuyển đủ, liền thoái chuyển nên nói là Pháp thoái chuyển. Trí bậc hạ và tinh tấn

bậc hạ luôn luôn chán ghét thân, chán ghét thân rồi thì suy niệm về sự hủy hoại nên nói là Pháp niệm. Trí bậc hạ và tinh tấn thêm rộng, do sức của tinh tấn tức thường tự hộ trì tâm, nên nói là Pháp hộ. Trí bậc trung cùng với tinh tấn là không tăng không giảm, cùng trụ ở quãng giữa nên nói là Pháp đẳng trụ. Có một ít lợi, trí tinh tấn thêm rộng, trí kia tất được bất động, nên nói là Pháp tất thẳng tấn. Trí bậc thượng và sức tinh tấn rộng thì bắt đầu được bất động, nên nói là Pháp bất động.

Là Tùy tín sinh năm, Đạt được nơi hai trí: Nghĩa là trong đó năm từng là Tùy tín hành, có hai trí là tận trí và đẳng kiến vô học (Chánh kiến vô học).

Nên biết Thời giải thoát: Nghĩa là đẳng kiến vô học kia nên biết là Thời giải thoát, tức phải tìm cầu thời gian thích hợp không thể nơi tất cả thời, tùy theo chỗ mong muốn mà chứng đắc giải thoát.

*Pháp bất động lợi căn
Là bất thời giải thoát
Đạt được nơi ba trí
Thành tựu đẳng giải thoát.*

Pháp bất động lợi căn, Là bất thời giải thoát: Tức hoàn toàn là lợi căn là pháp bất động. A-la-hán bất thời giải thoát kia có thể nơi tất cả thời tùy theo chỗ mong muốn của mình đều chứng đắc giải thoát, không cầu tìm thời gian thích hợp.

Đạt được nơi ba trí: Nghĩa là A-la-hán bất thời giải thoát kia có được ba trí, là tận trí, vô sinh trí và đẳng kiến vô học.

Thành tựu đẳng giải thoát: Nghĩa là lúc năm loại Vô trước này được giải thoát, là thành tựu đẳng ý giải thoát, nghĩa là pháp bất động là thành tựu giải thoát bất động.

*Tuệ giải thoát nên biết
Không được định diệt tận*

*Chỉ có Câu giải thoát
Thành tựu định diệt tận.*

Tuệ giải thoát nên biết, Không được định diệt tận: Nghĩa là bậc Vô trước (A-la-hán) thứ sáu này, nếu không thành tựu định diệt tận, thì gọi là Tuệ giải thoát, là do sức của tuệ nên được giải thoát, không phải do sức của định.

Chỉ có Câu giải thoát, Thành tựu định diệt tận: Nghĩa là bậc Vô trước thứ sáu này, nếu được định diệt tận, gọi là Câu giải thoát. Sáu loại Vô trước kia đều kết hợp sức của tuệ cùng sức của định để đạt giải thoát.

Đã nói về Hiền Thánh. Pháp và người nay sẽ nói.

*Các pháp Tùy tín hành
Và pháp Tùy pháp hành
Thánh đạo, kiến đế đạo
Là đều đồng một tướng.*

Pháp Tùy tín hành và pháp Tùy pháp hành là nói về kiến đạo.

*Pháp các căn trong ấy
Gọi là vị tri căn
Là pháp hữu học khác
Phật nói dĩ tri căn.*

Pháp các căn trong ấy, Gọi là vị tri căn: Nghĩa là ở trong pháp kiến đạo, gọi là căn, căn số như tâm cùng năm căn như thọ, tín v.v... là vị tri căn.

Là pháp hữu học khác, Phật nói dĩ tri căn: Nghĩa là lìa pháp học của kiến đạo, trong các pháp học khác, tức căn kia nói là dĩ tri căn.

*Nên biết vô tri căn
Ở ngay trong vô học*

*Đã được quả liền xả
Đạo trước căn nên nói.*

Nên biết vô tri căn, Ở ngay trong vô học: Nghĩa là trong pháp vô học, tức căn kia được gọi là vô tri căn.

Đã được quả liền xả, Đạo trước căn nên nói: Nghĩa là pháp vô lậu này, lúc thăng tấn được quả thì xả bỏ phần thuộc về đạo vô ngại và đạo giải thoát.

*Đã hết là giải thoát
Được gồm thâu một quả
Thứ chín không cấu uế
Diệt tận căn nên nói.*

Đã hết là giải thoát, Được gồm thâu một quả: Nghĩa là từ đạo vô ngại đến đạo giải thoát, ở nơi khoảng trung gian đó, đã dứt hết phiền não, chỉ vào lúc được quả, thì tất cả phiền não đều diệt hết để được một quả giải thoát.

Thứ chín không cấu uế, Diệt tận căn nên nói: Nghĩa là nói chín thứ các phiền não, đã được đạo diệt trừ, chính là do đạo vô ngại thứ chín không cấu uế đã đoạn trừ trong một lúc không phải là đoạn dần dần.

*Nếu có tên tương tự
Là đạt được bất động
Vô trước cùng Tín thoát
Tánh đồng kia thêm đạo.*

Nếu có tên tương tự, Là đạt được bất động: Nghĩa là bậc Vô trước (A-la-hán) không thể tất cả đều được bất động. Chỉ loại thứ năm là pháp tất thăng tấn mới có được bất động, là tên gọi tương tự.

Vô trước cùng Tín thoát, Tánh đồng kia thêm đạo: Nghĩa là hàng Tín giải thoát hoàn toàn là tánh tăng trưởng các căn, đạt được kiến đáo, không phải là thứ khác.

Hỏi: Làm sao nhận biết được là dần dần kiến đế?

Đáp:

*Kiến lập công đức, ác
Thứ lớp kiến chân đế.*

Không phải do lúc thấy công đức mà thấy pháp ác. Cũng không do lúc thấy pháp ác mà thấy công đức. Cũng không phải ban đầu quán chung pháp ác kia. Cũng không phải nơi một lúc đều nhằm chán tất cả. Cũng không phải gồm hợp chung công đức là các công đức. Cũng không phải kết hợp cùng một lúc. Do đấy nên kiến lập công đức, pháp ác, rồi theo thứ lớp thấy chân đế.

Hỏi: Làm thế nào nhận biết quả hữu vi, vô vi?

Đáp: Do sức của đạo vô ngại được quả hữu vi, vô vi. Tức từ sức của đạo vô ngại nên được quả hữu vi và quả vô vi. Vì thế do sức của đạo vô ngại mà được quả hữu vi, vô vi.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 3

Phẩm thứ 6: TRÍ

*Trí tuệ tánh hay tỏ
Quán rõ tất cả hữu
Có không có Niết-bàn
Là tướng nay sẽ nói.*

Nghĩa là ở phẩm Hiền Thánh đã lược nói về trí có không. Cảnh giới có nay sẽ nói.

*Ba trí, Phật đã nói
Ý đệ nhất tối thượng
Pháp trí, vị tri trí
Cùng thể tục, đẳng trí.*

Ba trí này gồm thâu tất cả trí. Ở đây pháp trí được gọi là cảnh giới, tức đối với cảnh giới của trí vô lậu khổ, tập, diệt, đạo thuộc cõi dục, là đầu tiên thọ nhận pháp tướng, nên nói là pháp trí.

Từ căn của pháp trí hiện thấy rồi, không phải căn hiện, cũng thấy là vị tri trí. Vị tri trí được gọi là cảnh giới, tức nơi cảnh giới của trí vô lậu khổ, tập, diệt, đạo thuộc cõi sắc, cõi vô sắc, sau đây trí này thọ nhận pháp tướng, nên nói là vị tri trí.

Đẳng trí được gọi là hữu lậu trí. Trí này phần nhiều nhận lấy sự hiểu biết về các đế, về nam, nữ, dài, ngắn làm đầu.

*Khổ, tập, ngừng dứt, đạo
Hai trí như có được
Đây gọi cùng bốn trí
Thầy giải thoát đã nói.*

Hai trí này là pháp trí và vị trí trí. Nếu hành nơi đế, có tên gọi tương tự như vậy, nên nói: Cảnh giới của khổ đế nói là khổ trí. Cảnh giới của tập đế nói là tập trí. Cảnh giới của diệt đế nói là diệt trí. Cảnh giới của đạo đế nói là đạo trí. Là *Thầy giải thoát đã nói*.

*Nếu trí quán tâm người
Là từ trong ba nói
Tận, vô sinh trí, hai
Cảnh giới ở bốn môn.*

Nếu trí quán tâm người, Là từ trong ba nói: Nghĩa là tha tâm trí là cảnh giới hữu lậu, là cảnh giới của đẳng trí. Đạo của cõi dục là cảnh giới của pháp trí. Đạo của cõi sắc là vị trí trí.

Tận, vô sinh trí, hai: Nghĩa là hai trí vô học là tận trí, vô sinh trí. Trong đó, việc làm đã xong, thọ nhận vô học trí là tận trí. Không còn tạo tác nữa, nhận lấy vô học trí là vô sinh trí, cũng là pháp trí và vị trí trí.

Hỏi: Tận trí, vô sinh trí là cảnh giới của đế nào?

Đáp: Là *Cảnh giới ở bốn môn*. Tức hai trí này là cảnh giới của bốn đế: khổ, tập, diệt, đạo.

Đã nói về mười trí. Về hành nay sẽ nói.

*Hai trí, mười sáu hành
Pháp trí, vị trí trí
Hành như thế hoặc không
Tức nói là đẳng trí.*

Hai trí, mười sáu hành, Pháp trí, vị trí trí: Nghĩa là tánh của pháp trí là mười sáu hành. Bốn hành thọ, khổ bốn hành, tập bốn

hành, diệt bốn hành, đạo là vị trí trí. Cõi sắc và cõi vô sắc cũng như vậy.

Hành như thế hoặc không, Tức nói là đẳng trí: Nghĩa là hành của đẳng trí được gồm thâm trong noãn, đảnh, nhãn và pháp thế đệ nhất. Hành vô lậu thuộc về hai đế, là mười sáu hành. Pháp đệ nhất gồm thâm bốn hành cùng văn, tư và tư duy khác. Mười sáu hành của đẳng trí nếu lià, đẳng trí khác không phải là mười sáu hành, nghĩa là thí, giới, từ. Nên so sánh như vậy.

*Bốn trí có bốn hành
Hành quyết định đã nói
Chánh quán tha tâm trí
Đây hoặc phải hoặc không.*

Bốn trí có bốn hành, Hành quyết định đã nói: Nghĩa là khổ trí có bốn hành như trên đã nói. Tập, diệt, đạo trí cũng như vậy.

Chánh quán tha tâm trí, Đây hoặc phải hoặc không: Nghĩa là tha tâm trí vô lậu có bốn hành, như đạo trí. Hữu lậu thì không phải.

*Tận trí, vô sinh trí
Lìa hành không, vô ngã
Nói có mười bốn hành
Thọ tướng là hơn hết.*

Tận trí, vô sinh trí, Lìa hành không, vô ngã, Nói có mười bốn hành: Tức tận trí, vô sinh trí có mười bốn hành, trừ hành không và hành vô ngã. Vì sao? Vì hành nơi các đế kia, Ta đã tạo tác nên không còn tạo tác nữa. Không, vô ngã không do ở đây hành.

Thọ tướng là hơn hết: Nghĩa là không phải hết thấy trí vô lậu đều ở nơi mười sáu hành. Vì mười sáu hành là hành chung, lại còn có trí vô lậu thọ nhận mười sáu tướng, như thân ý chỉ (Thân niệm xứ) là trí tự tướng, không ở nơi mười sáu hành, do trước đã thọ nhận mười

sáu hành. Vì hành của tự tướng này ở nơi các trí vô lậu, trước đã nhận lãnh nên vượt hơn.

Đã nói mười sáu hành. Như trí này đã có được nay sẽ nói.

*Tâm vô lậu thứ nhất
Hoặc có thành tựu một
Hai hoặc thành tựu ba
Ở trên tăng ích một.*

Tâm vô lậu thứ nhất, Hoặc có thành tựu một: Nghĩa là tâm vô lậu thứ nhất tương ưng với khổ pháp nhẫn. Chưa lia dục thì thành tựu một là đẳng trí. Đã lia dục thì thành tựu tha tâm trí.

Hai hoặc thành tựu ba: Nghĩa là tâm vô lậu thứ hai tương ưng với khổ pháp trí. Chưa lia dục thì thành tựu ba là pháp trí, khổ trí, đẳng trí. Đã lia dục thì thành tựu tha tâm trí.

Ở trên tăng ích một: Nghĩa là ở trong bốn thời trên nói thêm một. Bốn thời được khổ vị tri trí, được vị tri trí, tập pháp trí, được tập trí, diệt pháp trí, được diệt trí, đạo pháp trí, được đạo trí. Trong nhẫn không được trí.

Hỏi: Trí này thuộc về địa nào?

Đáp:

*Chín trí Thánh đã nói
Nương dựa nơi địa trên
Trong thiền có mười trí
Tám trong địa vô sắc.*

Chín trí Thánh đã nói, Nương dựa nơi địa trên: Nghĩa là thiền vị lai, thiền trung gian, không có tha tâm trí vì trí này thuộc về thiền căn bản.

Trong thiền có mười trí: Nghĩa là trong bốn thiền căn bản có mười trí.

Tám trong địa vô sắc: Nghĩa là trong địa vô sắc có tám trí, trừ pháp trí, tha tâm trí. Cảnh giới của pháp trí là ở cõi dục, không lấy cảnh giới của vô sắc. Hành của tha tâm trí là ở nơi cõi dục, chỉ nương theo vô sắc trong địa sắc, vô sắc.

Đã nói về địa. Về phần tu nay sẽ nói.

Tu có hai thứ: Tu đắc và tu hành.

Tu đắc là công đức chưa từng được mà được. Được rồi thì các công đức khác sẽ dựa vào công đức đó nên cũng được. Công đức đã được rồi, thời gian về sau không cầu mong mà vẫn sinh.

Tu hành là công đức đã từng được, nay hành được hiện ra trước.

Hỏi: Các trí trên đây tu như thế nào?

Đáp:

*Nếu đã được do tu
Người trí, các Thánh thấy
Người kia tu vị lai
Các nhĩn cũng như vậy.*

Nếu đã được do tu, Người trí, các Thánh thấy, Người kia tu vị lai: Nghĩa là trí tu được hiện ở trước trong đạo kiến đế, tức người kia nơi vị lai sẽ tu pháp trí cho đến đạo trí.

Các nhĩn cũng như vậy: Nghĩa là nhĩn thì cũng như vậy, cũng tu khổ pháp nhĩn hiện ở trước. Tức tu khổ pháp nhĩn ở vị lai, không phải trí, không phải nhĩn khác. Tất cả là như vậy.

*Là ở trong ba tâm
Tu đắc nơi đẳng trí
Hoặc tu bảy hoặc sáu
Tâm sau cùng đã nói.*

Là ở trong ba tâm, Tu đắc nơi đẳng trí: Nghĩa là ba khoảng tâm trong đạo kiến đế, tu đẳng trí ở vị lai: Khổ vị trí trí, tập vị trí trí, diệt

vị trí trí. Lúc hành ba đế này là tu đắc đẳng trí. Vì sao? Vì ba đế ấy từng đã quán, không phải là đạo đế, nghĩa là kiến đạo của địa, tức đẳng trí của địa ấy và cõi dục.

Hoặc tu bảy hoặc sáu, Tâm sau cùng đã nói: Nghĩa là đạo vị trí lìa dục thì tu bảy trí, tức là thuộc về quả A-na-hàm. Chưa lìa dục thì tu sáu trí, trừ tha tâm trí. Người kia trong đạo của phi tướng phi phi tướng được quả Sa-môn, là do không tu đẳng trí.

*Mười bảy tâm vô lậu
Nơi đạo tư duy trên
Nên biết tu nơi bảy
Sáu tu căn tăng ích.*

Mười bảy tâm vô lậu, Nơi đạo tư duy trên, Nên biết tu nơi bảy: Nghĩa là đạo tư duy trên là quả Tu-đà-hoàn, mười bảy khoảnh tâm, tu bảy trí. Đạo này thuộc về thiên vị lai, là do không có tha tâm trí. Tận trí, vô sinh trí là trí vô học, do không có bảy trí khác cần phải tu. Vì sao? Vì ý kia và công đức này là thường còn, là chẳng không. Nếu người không tu, từng được rồi xả bỏ nên lại chưa được. Nơi trung gian kia tức nên không nhưng chẳng không, do đầy tất tu.

Sáu tu căn tăng ích: Căn tăng tích được gọi là tín giải thoát. Các căn tăng trưởng là đạt được kiến đạo. Ở đây có chín đạo vô ngại, chín đạo giải thoát, là hết thấy đạo vô ngại, hết thấy đạo giải thoát, đều tu sáu trí. Đó là nói chưa lìa dục, do đầy không có tha tâm trí. Bây giờ, học đạo, không học, đều đoạn trừ phiền não. Người kia chưa từng được tu công đức, không phải là đã từng được, là vì không tu đẳng trí.

*Lúc được quả Bất hoàn
Xa lìa nơi bảy địa
Tư học các đạo thông
Giải thoát tu tập tám.*

Lúc được quả Bất hoàn: Nghĩa là nếu được quả Bất hoàn tức tu tám trí. Trong quả đó, chính yếu là được thiên căn bản, do đấy nên tu tha tâm trí. Các trí khác như trước đã nói.

Xa lìa nơi bảy địa: Tức là nơi bốn thiên và ba vô sắc lúc lìa dục, tất cả chín đạo giải thoát đều tu tám trí, trong ấy tất cả đều tu thiên của địa dưới.

Tu học các đạo thông, Giải thoát tu tập tám: Nghĩa là ba thông là Như ý túc, Thiên nhãn, Thiên nhĩ, tất cả chín đạo giải thoát đều tu tám trí. Vì sao? Vì gồm thâm thiên căn bản.

*Trong đạo vô ngại này
Cùng diệt hữu thứ nhất
Tám đạo giải thoát kia
Nói là tu tập bảy.*

Lúc bảy địa lìa dục thì trong tất cả đạo vô ngại tu bảy trí, trừ tha tâm trí. Vì sao? Vì đạo vô ngại này tu diệt trừ kiết, còn hành tập tha tâm trí chẳng phải là diệt bỏ kiết, do đấy không tu hữu thứ nhất của phi tướng phi phi tướng xứ. Hành giả kia lúc lìa dục, trong tám đạo giải thoát tu bảy trí trừ đẳng trí. Vì sao? Vì đẳng trí ở nơi xứ phi tướng phi phi tướng đã chuyển trở lại, do chẳng phải là lìa.

*Lìa nơi hữu thứ nhất
Đạo vô ngại tu sáu
Nương địa trên nên biết
Tu tập nơi địa dưới.*

Lìa nơi hữu thứ nhất, Đạo vô ngại tu sáu: Nghĩa là lúc thứ nhất lìa dục ở trong chín đạo vô ngại đã tu sáu trí trừ tha tâm trí và đẳng trí.

Nương địa trên nên biết, Tu tập nơi địa dưới: Nghĩa là ở đây tu tất cả địa, nên biết là tu các trí của tự địa cùng thuộc về địa dưới, gọi

là dựa nơi thiên thứ nhất để lia đục, tu công đức của hai địa kia, thuộc về tự địa và thiên vị lại, như vậy cho đến xứ vô sở hữu.

*Tất cả lậu, vô lậu
Tu công đức các địa
Trong tâm vô học đầu
Là ý vị tri trí.*

Tất cả lậu, vô lậu, Tu công đức các địa, Trong tâm vô học đầu: Nghĩa là lúc được quả Vô trước (A-la-hán) thì nơi chín địa và tự địa, cũng như trong tất cả địa thấy đều tu. Vì sao? Vì nơi địa của xứ phi tướng phi phi tướng là cùng trái với phiền não. Vì tất cả địa có phiền não thì tâm ý không sáng sủa, không có phiền não thì tâm ý sáng sủa. Do đây nên lia bỏ phiền não và tu tất cả.

Hỏi: Tâm vô học ban đầu này là tương ứng với trí nào?

Đáp: Ý của vị trí trí ấy là tâm vô học ban đầu, tương ứng với vị trí trí. Tâm vô học ban đầu kia khởi suy niệm: Nẻo sinh tử của ta đã hết, là duyên nơi sinh của xứ phi tướng phi phi tướng. Vì sao? Vì là diệt tận sau cùng, thế nên tương ứng với khổ vị trí trí.

Hỏi: Lại như Đức Thế Tôn nói: Kiến, Trí, Tuệ. Ba thứ này là một loại hay là nhiều loại?

Đáp: Ba thứ này là sự sai biệt của tuệ, là tánh hiện có của tuệ. Chỉ do sự tướng nên Đức Thế Tôn hoặc nói là kiến, hoặc nói là trí.

Hỏi: Nghĩa này là thế nào?

Đáp:

*Quyết định có thể biết
Các nhân phi tánh trí
Tận trí tức phi kiến
Vô sinh trí cũng vậy.*

Quyết định có thể biết, Các nhân phi tánh trí: Nghĩa là tu hành tám nhân, có thể cầu đạt nên là kiến, có thể thấy biết nên là tuệ, song không phải là trí, do không quyết định. Vì sao? Vì dụng là duyên ban đầu.

Tận trí tức phi kiến, Vô sinh trí cũng vậy: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí là thấy biết nên là tuệ, vì quyết định nên là trí, song không phải là kiến, vì không mong cầu, nên không có chỗ tạo tác. Ba tánh hiện có của tuệ chủng vô lậu khác là kiến, trí và tuệ.

*Trí hữu lậu tục thiện
 Tại ý và các kiến
 Nên biết đây tức kiến
 Nói tất cả là tuệ.*

Trí hữu lậu tục thiện, Tại ý và các kiến, Nên biết đây tức kiến: Nghĩa là tuệ hữu lậu thiện trong địa của ý thức, là ba tánh kiến, trí và tuệ. Tánh phiền não của năm kiến, vì kiến này hiện có quan sát, nhưng cũng không lia trí và tuệ. Tuệ chủng hữu lậu khác, tánh hiện có không phải là kiến. Vì sao? Vì ý thức vô ký tương ưng với tuệ chủng, tánh hiện có không phải là kiến, vì không quan sát. Tuệ chủng cầu ược, tánh hiện có cũng không phải là kiến, vì bị phiền não hủy hoại. Tuệ chủng tương ưng với năm thức, tánh hiện có cũng không phải là kiến, vì không quan sát, nên cũng không lia tánh của trí.

Nói tất cả là tuệ: Nghĩa là như trước đã nói về việc lia bỏ. Như trong nhân nói lia trí là tận trí, vô sinh trí. Lia kiến là trừ địa của ý thức thiện và năm kiến xong, tuệ hữu lậu khác là lia kiến. Tuệ thì không như vậy. Vì sao? Vì tất cả chủng loại trí, tất cả chủng loại kiến, tức là chủng loại tuệ.

Hỏi: Mỗi mỗi trí có bao nhiêu trí duyên?

Đáp:

*Pháp trí, vị trí trí
 Hiểu rõ nơi chín trí*

*Nhân trí và quả trí
Là hai cảnh giới trí.*

Pháp trí, vị trí trí, Hiểu rõ nơi chín trí: Nghĩa là pháp trí quán chín trí, duyên với chín trí, trừ vị trí trí. Vì sao? Vì vị trí trí không phải là quả của cõi dục, không phải là nhân của cõi dục, không phải là diệt của cõi dục, không phải là đạo của cõi dục. Vị trí trí cũng như thế, tức duyên với chín trí, trừ pháp trí.

Nhân trí và quả trí, Là hai cảnh giới trí: Tức tập trí là nhân trí. Tha tâm trí hữu lậu và đẳng trí kia đồng duyên với tập. Ngoài ra, không phải duyên với vô lậu. Khổ trí cũng như vậy. Khổ trí này tức là quả trí.

*Đạo trí là chín trí
Trí giải thoát không duyên
Tất cả cảnh giới khác
Trí quyết định đã nói.*

Đạo trí là chín trí: Tức chín trí là cảnh giới của đạo trí, không duyên với đẳng trí, vì là hữu lậu. Ngoài ra đều duyên, vì đồng là đạo đế.

Trí giải thoát không duyên: Nghĩa là trí giải thoát là diệt trí, không duyên với trí, vì duyên với vô vi.

Tất cả cảnh giới khác, Trí quyết định đã nói: Nghĩa là còn có bốn trí duyên với tất cả mười trí. Đẳng trí duyên với mười trí, vì cảnh giới là tất cả pháp. Tha tâm trí cũng duyên với mười trí, vì hội đủ cảnh giới của tha tâm. Tận trí, vô sinh trí cũng duyên với mười trí, vì tất cả là cảnh giới hữu vi.

Hỏi: Lại như Đức Thế Tôn nói: Vị trí trí như lìa xứ phi tướng phi phi tướng, được quả vô trước. Vị trí trí là đạo của xứ kia, không phải do xứ này có thể nhận biết. Vị trí trí là đạo của xứ kia, không phải là xứ khác chăng?

Đáp: Cũng có pháp trí là đạo của cõi sắc, vô sắc.

Hỏi: Vì sao?

Đáp:

*Nếu ngừng dứt cùng đạo
Chón hành của pháp trí
Là diệt nơi ba cõi
Phi dục vị tri trí.*

Nếu ngừng dứt cùng đạo, Chón hành của pháp trí, Là diệt nơi ba cõi: Nghĩa là diệt pháp trí và đạo pháp trí ở nơi đạo tư duy là diệt trừ kiết của ba cõi. Hoặc có pháp trí, lia sự dục của cõi sắc, vô sắc, gọi đây là lại thấy pháp ác, là tư duy diệt và đạo của cõi dục. Lia bỏ dục của cõi sắc, vô sắc, không phải là khổ trí, không phải là tập trí. Vì sao? Vì không đồng với khổ, tập mà đồng với diệt, đạo.

Hỏi: Từng có vị tri trí diệt nơi cõi dục không?

Đáp: Vị tri trí không phải là dục, nên không có vị tri trí có thể diệt nơi cõi dục. Vì sao? Vì không có vị tri trí kia thấy lại pháp ác để thương xót cõi dục này.

Hỏi: Tánh của trí thần thông hiện có trí kia. Cũng cần nên nói mỗi mỗi thần thông có bao nhiêu trí?

Đáp:

*Như ý túc, đẳng trí
Thiên nhãn, nhĩ cũng vậy
Sáu ở trong túc mạng
Năm nói tha tâm trí.*

Như ý túc, đẳng trí, Thiên nhãn, nhĩ cũng như vậy: Nghĩa là như ý túc nói là đẳng trí, thiên nhãn, thiên nhĩ cũng như vậy. Trí vô lậu không do nơi hành này.

Sáu ở trong túc mạng: Nghĩa là túc mạng thông có sáu trí. Pháp trí nhớ nghĩ về phần pháp trí. Vị tri trí nhớ nghĩ về phần vị tri trí.

Đẳng trí ghi nhớ về thể tục. Khổ trí ghi nhớ khổ quá khứ. Tập trí ghi nhớ tập quá khứ. Đạo trí ghi nhớ đạo quá khứ.

Năm nói tha tâm trí: Nghĩa là tha tâm trí thông có năm trí. Pháp trí nhận biết pháp trí trong tâm người khác và tâm tâm số pháp, tương ứng với pháp trí đó. Vị trí trí cũng như thế. Đẳng trí nhận biết tâm tâm số pháp thể tục của người khác. Đạo trí nhận biết tâm tâm số pháp vô lậu của người khác. Tha tâm trí là năm.

*Chín trí, lậu tận thông
Là Thánh nhân đã nói
Tám cảnh giới nơi thân
Pháp mười, chín trí hai.*

Chín trí, lậu tận thông, Là Thánh nhân đã nói: Nghĩa là lậu tận thông có chín trí vô lậu, vì đều cùng trái với lậu.

Hỏi: Lại như Đức Thế Tôn nói: Thân thân quán ý chỉ. Quán là tuệ. Vậy ý chỉ này là tánh hiện có của trí nào? (Ý chỉ = Niệm xứ)

Đáp: *Tám cảnh giới nơi thân* là tám trí quán sắc thân giả gọi là thân, là đối tượng nhận biết của tám trí, trừ tha tâm trí và diệt trí. Nếu trí duyên với sắc, là thân ý chỉ (Thân niệm xứ), thì hai trí này không duyên với sắc.

Pháp mười: Nghĩa là pháp ý chỉ (Pháp niệm xứ) có mười trí, lia sắc, tâm thọ và pháp khác. Gọi pháp là cảnh giới, có mười trí là cảnh giới của tự tướng tất cả trí chung, là pháp ý chỉ.

Chín trí hai: Nghĩa là chín trí của thọ và tâm, trừ diệt trí, gọi là trí duyên với thọ là thọ ý chỉ (Thọ niệm xứ). Trí duyên với tâm là tâm ý chỉ (Tâm niệm xứ).

Hỏi: Các Đức Như Lai có trí lực. Thế nào là lực của Như Lai thiết lập trí? Cùng tánh hiện có của trí nơi bốn vô sở úy của Đức Như Lai, như đã nói: Ta là Đẳng chánh giác. Các pháp này khi chưa Đẳng chánh giác thì không thấy tướng ấy.

Như vậy, tất cả pháp này cũng cần phải phân biệt. Mỗi mỗi pháp có bao nhiêu của trí tánh hiện có?

Đáp:

*Lục thị xứ phi xứ
Cùng vô úy thứ nhất
Đây là mười trí Phật
Ngoài ra trong đây khác.*

Lục thị xứ phi xứ, Cùng vô úy thứ nhất, Đây là mười trí Phật: Nghĩa là Đức Phật có mười trí, là lục thị xứ phi xứ. Trí của thị xứ gọi là thọ nhận tướng chân thật, hành chân thật của các pháp. Nhận biết pháp này có tướng như vậy, hành như vậy, đó gọi là trí của thị xứ. Trí của phi xứ gọi là tướng khác, hành khác không thể đạt được của các pháp. Tức nhận biết không phải là pháp này có tướng như vậy, hành như vậy, đó gọi là trí của phi xứ, là pháp vô úy thứ nhất trong mười trí của Phật, cũng gọi là mười trí cùng chánh thọ.

Ngoài ra trong đây khác: Nghĩa là sự sai biệt của lục thị xứ, phi xứ, có mười lục là sự sai khác của pháp vô úy thứ nhất. Có trí xứ phi xứ của bốn pháp vô sở úy, là cảnh giới sai biệt, nên có mười thứ phân biệt. Vì pháp vô úy thứ nhất cũng là cảnh giới sai biệt, nên có bốn thứ phân biệt.

Hỏi: Bốn biện tài cũng là trí tánh hiện có. Vậy pháp này cũng cần phải phân biệt. Mỗi mỗi biện có bao nhiêu trí?

Đáp:

*Pháp biện, Từ biện, một
Ứng Nghĩa biện đều mười
Nguyên trí là bảy trí
Trí tối thắng đã nói.*

Pháp biện, Từ biện một: Nghĩa là pháp biện gọi là giác, các pháp gọi là đẳng trí, không phải do trí vô lậu nhận tên. Trong thể tục

danh là giả hiệu, trí vô lậu không dùng hành này. Từ biện gọi là giác nói đúng. Đây cũng là đẳng trí, là trí giả hiệu trong thế tục.

Ứng Nghĩa biện đều mười: Nghĩa là ứng biện gọi là quán và hiện, là trí phương tiện không có trở ngại, là mười trí. Nghĩa biện gọi là giác các pháp chân thật. Nghĩa biện này cũng do mười trí thọ nhận tướng chân thật.

Hỏi: Nguyên trí có bao nhiêu trí?

Đáp: Nguyên trí là bảy trí, Trí tối thắng đã nói: Tức nguyên trí có bảy trí, trừ tha tâm trí, tận trí và vô sinh trí. Nguyên trí là cảnh giới nhanh chóng nhạy bén, thọ nhận hết thấy các pháp của ba đời, là tánh hiện có của bảy trí (Kinh Sur nói: Một đẳng trí).

**

Phẩm thứ 7: ĐỊNH

Hỏi: Như thế là nhận biết các trí, trí ấy nên như thế nào?

Đáp:

*Trí dựa nơi các định
Hành hạnh không trở ngại
Là do tư duy định
Nhằm cầu chân thật định.*

Trí dựa nơi các định, Hành hạnh không trở ngại: Nghĩa là như ngọn đèn dựa vào dầu, tránh khỏi xú có gió, ánh sáng của đèn rất là rõ. Như vậy trí dựa vào định, ở đó ý lìa các thứ tán loạn, ánh sáng của trí thật sáng tỏ, tất không có nghi ở hành đối với duyên.

Là do tư duy định, Nhằm cầu chân thật định:

*Quyết định nói bốn thiên
Cùng với định vô sắc*

*Trong đây mỗi mỗi nói
Vị tạp, vô lậu tịnh.*

Quyết định nói bốn thiền, Cùng với định vô sắc: Tức có tám định là bốn thiền và bốn định vô sắc.

Trong nay mỗi mỗi nói, Vị tạp, vô lậu tịnh: Nghĩa là thiền thứ nhất có ba thứ là vị tương ưng, tịnh và vô lậu. Tất cả các định đều như vậy.

Hỏi: Thế nào là vị tương ưng? Thế nào là tịnh? Thế nào là vô lậu?

Đáp:

*Thiền hữu lậu là tịnh
Không nóng là vô lậu
Vị khí tương ưng ái
Tối thượng không vô lậu.*

Thiền hữu lậu là tịnh: Nghĩa là vì thiền là tịnh, nên nói tịnh.

Không nóng là vô lậu: Nghĩa là phiền não giả gọi là nóng bức, định thì không có phiền não nên là vô lậu.

Vị khí tương ưng ái: Nghĩa là thiền nơi định vô sắc tương ưng với ái, là do có đầy đủ cùng tương ưng, cùng hành, là nói vị tương ưng.

Tối thượng không vô lậu: Nghĩa là trên hết tức là xứ phi tưởng phi phi tưởng, trong xứ ấy không có vô lậu. Vì hành nơi xứ ấy không nhanh nhẹn nên chỉ có hai thứ. Ngoài ra đều có ba thứ.

Hỏi: Thiền hiện có tánh gì?

Đáp:

*Năm chi có giác quán
Cũng lại có ba thọ
Từng ấy thứ bốn tâm
Gọi là thiền thứ nhất.*

Năm chi: Nghĩa là năm chi thâm nhập thiền thứ nhất khiến được vững chắc. Cũng từ đây nên được gọi là giác, quán, hỷ, lạc, nhất tâm. *Giác* gọi là lúc đang nhập định, bắt đầu sinh công đức thiện, tâm thô mới tư duy. *Quán* gọi là khiến tâm vi tế nối tiếp liên tục. *Hỷ* là ở trong định được vui vẻ. *Lạc* là đã được vui vẻ, nên ở trong thân tâm được an ổn, khoan khoái vui thích. *Nhất tâm* là ở trong duyên, tâm chuyên nhất không tán loạn. Chủng loại này lúc trụ nơi định là chi. Lúc nhận, lúc xả nên nói là năm chi.

Thiền nhất có giác quán: Nghĩa là có giác có quán tức là thiền thứ nhất.

Hỏi: Do thọ nhận năm chi, nay giác quán thì có công dụng gì?

Đáp: Chi nghĩa là thiện, là ở trong năm chi, nói câu uế cùng vô ký, vì cũng có giác, có quán nhưng không là thiện.

Cũng lại có ba thọ: Nghĩa là thiền thứ nhất có ba thọ, là lạc căn, hỷ căn và xả căn. Ở trong thọ, lạc căn là thân thọ, hỷ căn là ý địa, xả căn thì ở nơi bốn thức.

Tùng áy thứ: Nghĩa là trong cõi Phạm thế cũng từng thứ, có trên có dưới, là nói xứ sinh đầy đủ.

Bốn tâm: Nghĩa là thiền thứ nhất có bốn tâm: Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức và ý thức, được gọi là thiền thứ nhất. Tức tất cả các pháp ấy gọi là thiền thứ nhất.

Đã nói thiền thứ nhất xong. Thiền thứ hai nay sẽ nói.

Hai thọ từng áy thứ
Hai thiền có bốn chi
Năm chi là thứ ba
Thiền này nói hai thọ.

Hai thọ: Tức nơi thiền thứ hai có hai thọ là hỷ căn và xả căn.

Tùng ấy thứ: Nghĩa là ở đây, thân có từng ấy thứ. Đã lìa giác quán tức có từng ấy tâm, có lúc nhập hỷ căn, hoặc có lúc nhập xả căn, nhưng hỷ là căn gốc, bên cạnh có xả căn.

Hai thiền có bốn chi: Nghĩa là thiền thứ hai có bốn chi là nội tịnh, hỷ, lạc, nhất tâm. Nội tịnh gọi là tín, tức ở trong phần lìa sinh khởi tín. Đã được phần lìa của thiền thứ nhất liền khởi suy nghĩ: Tất cả có thể lìa bỏ. Chi còn lại như trước đã nói. Chủng loại này ở nơi thiền thứ hai là chi.

Năm chi là thứ ba: Nghĩa là thiền thứ ba có năm chi là lạc, hộ (xả), niệm, trí và nhất tâm. Lạc là lạc căn trong địa của ý thức. Xả là đã lạc thì đối với an vui ấy không cầu tìm thứ khác. Niệm là giữ gìn phương tiện không bỏ. Trí là không khiến quá vui. Nhất tâm là định. Chủng loại này ở trong thiền thứ ba là chi.

Thiền này nói hai thọ: Nghĩa là thiền thứ ba có hai thứ thọ, là lạc căn và xả căn. Lạc căn là căn gốc, xả căn là bên cạnh.

*Lìa hơi thở ra vào
Thiền tư có bốn chi
Chi này nói là thiện
Cũng lại phân biệt chủng.*

Lìa hơi thở ra vào: Nghĩa là thở vào là đến, thở ra là đi, tức trong thiền thứ tư thì không có. Vì sao? Vì hành giả kia do nơi sức của định, nên các lỗ chân lông trên thân đã khép lại.

Thiền tư có bốn chi: Tức thiền thứ tư có bốn chi là không khổ không vui, xả, tịnh, niệm. Nhất tâm mong cầu lìa khổ, vui là không khổ không vui. Các chi khác như trước đã nói.

Hỏi: Thiền nào là chi tương ưng?

Đáp: *Chi này nói là thiện.* Thiện là chi tương ưng với chi thiền, không phải là cấu uế, cũng không phải là vô ký.

Cũng lại phân biệt chủng: Nghĩa là chủng loại theo xứ đã nói, nên biết là nơi xứ khác không nên có. Như thiền thứ nhất có giác, có quán, bốn tâm được nói là chủng loại này, ngoài ra hết thấy địa đều không có.

Thiền thứ tư đã lìa hơi thở ra vào, là trong thiền thứ ba không có nên không nói.

Đã nói bốn thiền, bốn định vô sắc. Các thứ khác nay sẽ nói.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Có căn bản nương dựa, nếu chưa lìa dục thì chưa có được căn bản nương dựa nhưng vẫn có công đức vô lậu. Vậy công đức vô lậu này thuộc về địa nào?

Đáp: Thuộc về thiền vị lai.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Có ba định: Có giác có quán, không giác một ít quán, không giác không quán.

Trong thiền thứ nhất là có giác có quán. Thiền thứ hai là không giác không quán. Vậy định không giác một ít quán là thuộc về địa nào?

Đáp: Là thuộc về thiền trung gian.

Về tướng của thiền vị lai, thiền trung gian, nay sẽ nói.

Có giác, quán tương ưng

Đều tại thiền vị lai

Quán tương ưng trung gian

Bậc trí sáng đã nói.

Có giác, quán tương ưng, Đều tại thiền vị lai: Nghĩa là trong thiền vị lai có giác, có quán.

Quán tương ưng trung gian, Bậc trí sáng đã nói: Nghĩa là thiền trung gian chỉ có một ít quán, không có giác. Người tu thiền này dần dần tâm được ngừng dứt.

*Không dựa mà hai thứ
 Trừ vị tương ưng kia
 Thiền trung gian ba thứ
 Đều là nói một thọ.*

Không dựa mà hai thứ, Trừ vị tương ưng kia: Nghĩa là thiền vị lai hoàn toàn là thiện hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu là tịnh, vô lậu tức là vô lậu.

Thiền trung gian ba thứ: Nghĩa là thiền trung gian có ba thứ là vị tương ưng, tịnh và vô lậu, vì ở trong sinh tử.

Đều là nói một thọ: Tức thiền vị lai và thiền trung gian đều có chung một thọ, là xả căn, không phải là địa căn bản.

Đã nói các định. Công đức khác được gồm thâu trong các định ấy nay sẽ nói.

*Tam-ma-đề có thông
 Vô lượng tu tất cả
 Trừ nhập cùng các trí
 Giải thoát ở trong khởi.*

Tam-ma-đề: Là ba Tam-ma-đề không, vô nguyện, vô tướng, gắn liền với tâm vô lậu.

Có thông: Là có sáu thông: Như ý túc trí, thiên nhĩ trí, tha tâm thông trí, ức túc mạng trí, sinh tử trí và lậu tận thông trí.

Vô lượng: Là bốn vô lượng: Từ, bi, hỷ, hộ (xả). Vì cảnh giới của chúng sinh là vô lượng, nên nói là vô lượng.

Tu tất cả: Nghĩa là mười nhất thiết nhập: Nhất thiết nhập của đất, nhất thiết nhập của nước, lửa, gió, các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Nhất thiết nhập của vô lượng không xứ. Nhất thiết nhập của vô lượng thức xứ. Nhất thiết nhập khiến đều đủ giải thoát. (Nhất thiết nhập = Biến xứ. Trừ nhập = Thắng xứ)

Trừ nhập: Là tám trừ nhập: Bên trong chưa trừ tướng sắc quán bất tịnh về một ít cảnh giới. Quán vô lượng cảnh giới. Trừ tướng sắc, quán một ít cảnh giới. Quán vô lượng cảnh giới. Lại trừ bỏ tướng sắc, quán sắc xanh, vàng, đỏ, trắng.

Trừ nhập: Là trừ cảnh giới khiến tịnh, nên nói là trừ nhập.

Cùng các trí: Là các trí có mùi (Như trước đã nói).

Giải thoát: Là tám giải thoát: Chưa trừ bỏ tướng sắc, tư duy bất tịnh là một. Trừ bỏ tướng sắc, tư duy bất tịnh là hai. Tư duy tịnh là ba. Bốn vô sắc và định diệt tận là tám. Vì trừ bỏ cảnh giới, không hướng tới nữa nên nói là giải thoát.

Ở trong khởi: Là các công đức này, ở trong chín địa có thể đạt được và ở trong ấy sinh khởi.

Đã nói các công đức. Thuận theo địa có thể đạt được nay sẽ nói.

*Một tuệ bi và hộ (xả)
Từ cũng có năm thông
Nói khắp trong bốn thiên
Trong sáu có hiện trí.*

Một tuệ bi và hộ, Từ cũng có năm thông, Nói khắp trong bốn thiên: Nghĩa là một tuệ là tha tâm trí nơi ba vô lượng. Cùng năm thông là tất cả công đức trong bốn thiên căn bản, không phải là thứ khác.

Trong sáu có hiện trí: Hiện trí là pháp trí. Nơi sáu địa có bốn thiên căn bản, thiên vị lai và thiên trung gian.

*Trừ nhập trong nói bốn
Ở giữa cũng có hỷ
Giải thoát một cùng hai
Công đức thiên một, hai.*

Hỷ v.v... của bốn trừ nhập trước cùng giải thoát thứ nhất, thứ hai. Công đức này là trong thiên thứ nhất, thứ hai, không phải là thứ khác.

*Trừ nhập nói hữu dư
Cùng với giải thoát một
Cũng tám, tất cả nhập
Phật nói thiên tối thượng.*

Tịnh, giải thoát của bốn trừ nhập sau cùng, tám nhất thiết nhập trước, công đức này là trong thiên thứ tư, không phải là thứ khác.

*Thoát khác tức gọi nêu
Hai nhất thiết cũng vậy
Diệt tận ở sau cùng
Chín khác là vô lậu.*

Thoát khác tức gọi nêu, Hai nhất thiết cũng vậy: Nghĩa là bốn giải thoát còn lại tự gọi tên như đã nói và hai nhất thiết nhập cũng như vậy. Tức giải thoát của vô lượng không xứ, nhất thiết nhập của vô lượng không xứ là thuộc về ở trong vô lượng không xứ. Như vậy cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Diệt tận ở sau cùng: Nghĩa là định diệt tận, thuộc về phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vì sao? Vì chưa lìa dục kia, cũng nhập định ấy.

Chín khác là vô lậu: Nghĩa là pháp vô lậu khác, thuộc về chín địa. Như ba Tam-ma-đề, bảy trí lậu tận thông là thuộc về chín địa. Bốn thiên, ba vô sắc, đẳng trí của thiên vị lai cùng thiên trung gian là thuộc về mười địa. Đây cũng ở nơi xứ phi tưởng phi phi tưởng có thể đạt được, do thuộc về định.

Hỏi: Công đức này có bao nhiêu là hữu lậu, bao nhiêu là vô lậu?

Đáp:

*Ba giải thoát nên biết
Hữu lậu và vô lậu*

*Định trí đã phân biệt
Thứ khác đều hữu lậu.*

Ba giải thoát nên biết, Hữu lậu và vô lậu: Nghĩa là giải thoát của vô lượng không xứ, giải thoát của vô lượng thức xứ và giải thoát của vô sở hữu xứ là hữu lậu, vô lậu.

Định trí đã phân biệt: Định như nơi phẩm Khế kinh nói. Trí vô lậu và các thông như nơi phẩm Trí nói.

Thứ khác đều hữu lậu: Nghĩa là tất cả công đức khác hoàn toàn là hữu lậu. Như ba thông là pháp oai nghi, nên thọ nhận tướng của sắc, thanh, vì duyên nơi vô lượng chúng sinh, vì nhất thiết nhập là ý giải hy vọng.

Ba giải thoát cũng như vậy. Vì nơi xứ phi tướng phi phi tướng các hành không phải là nhanh chóng, nên tướng trí diệt, lia giác quán. Trừ nhập cũng là ý giải hy vọng.

Đã nói tướng của các công đức. Về sự thành tựu công đức nay sẽ nói:

*Chưa thể vượt nơi dục
Thành tựu vị tương ưng
Vượt dưới chưa đến trên
Thành tựu các định tịnh.*

Chưa thể vượt nơi dục, Thành tựu vị tương ưng: Nghĩa là nếu địa chưa lia dục, thì ở địa ấy tức thành tựu vị tương ưng.

Vượt dưới chưa đến trên, Thành tựu các định tịnh: Nghĩa là đã lia dục của cõi dục, nếu chưa sinh lên địa trên của cõi Phạm thế, người kia tức thành tựu tịnh nơi thiên thứ nhất cùng công đức hữu lậu nơi địa của thiên thứ nhất. Tất cả đều nên biết như vậy.

*Trụ địa trên nên biết
Vô lậu thành tựu thiên*

*Cầu được các công đức
Biết trong phi vô dục.*

Trụ địa trên nên biết, Vô lậu thành tựu thiên: Tức đã lia dục của địa dưới, người kia trụ nơi địa trên cũng thành tựu vô lậu của địa dưới. Như kiến đế lia dục, an trụ nơi địa trên của cõi Phạm thế, thành tựu vô lậu nơi thiên thứ nhất, cùng các công đức vô lậu như định v.v... nơi địa của thiên thứ nhất. Tất cả đều nên biết như vậy. Công đức của thế tục gắn liền với chốn tùy sinh. Vô lậu thì ở trong sự đoạn trừ. Do đấy nơi xứ lia sinh thì xả bỏ công đức hữu lậu, không xả bỏ vô lậu.

Cầu được các công đức, Biết trong phi vô dục: Tức đã nói lia dục của địa dưới, thành tựu công đức của địa trên, nên biết không phải tất cả các công đức đều do lúc lia dục mà có được. Như trí như ý túc, trí thiên nhãn, trí thiên nhĩ, tánh hiện có đều là vô ký kể cả định diệt tận. Các công đức này cầu đạt được không phải đợi đến lúc lia bỏ dục của địa dưới mới có được.

Đã nói về sự thành tựu. Về nhân duyên nay sẽ nói.

Về chủng loại của định có hai mươi ba: Vị tương ưng có tám, tịnh tám, vô lậu bảy.

Hỏi: Mỗi mỗi chủng loại này có bao nhiêu thứ nhân?

Đáp:

*Diệu vô lậu không nhiễm
Bảy thứ nói là nhân
Tịnh vị tương ưng thiên
Nên biết nhân có một.*

Diệu vô lậu không nhiễm, Bảy thứ nói là nhân: Nghĩa là mỗi mỗi vô lậu có bảy thứ nhân tự nhiên, nơi tự địa là nhân tương ưng, nhân cộng.

Tịnh vị tương ưng thiên, Nên biết nhân có một: Nghĩa là vị tương ưng nơi thiên thứ nhất đối với vị tương ưng nơi thiên thứ nhất là nhân, không phải là thứ khác. Không phải là nhân thiện, vì không giống nhau. Không phải là nhân cấu uế của địa khác, vì hành là trái nhau. Tịnh nơi thiên thứ nhất đối với tịnh nơi thiên thứ nhất là nhân, không phải là nhân cấu uế, vì không giống nhau. Không phải là nhân vô lậu, vì cũng không giống nhau. Không phải là nhân của tịnh nơi địa khác, vì là quả báo của tự địa, vì sự hệ thuộc của tự địa. Tất cả như vậy đều nên biết.

Đã nói về nhân duyên. Về thứ đệ duyên nay sẽ nói.

Hỏi: Mỗi mỗi thứ lớp sinh bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Thứ lớp thiên vô lậu
Hưng khởi sáu thứ thiên
Bảy, tám, chín, có mười
Khởi thiên cũng không định.*

Vô lậu nơi thiên thứ nhất theo thứ lớp sinh sáu thứ tịnh và vô lậu của tự địa. Như vậy nơi thiên thứ hai, thiên thứ ba cũng thế.

Vô lậu nơi vô sở hữu xứ theo thứ lớp sinh bảy: Tự địa hai, địa dưới bốn, địa trên một. Vô lậu nơi thiên thứ hai theo thứ lớp sinh tám: Tự địa hai, địa dưới hai, địa trên bốn.

Vô lậu nơi vô lượng thức xứ theo thứ lớp sinh chín: Tự địa hai, địa dưới bốn, địa trên ba. Vô lậu nơi các còn lại theo thứ lớp sinh mười: Tự địa hai, địa dưới bốn, địa trên bốn.

*Tịnh sáu có bảy, tám
Chín mười sinh mười một
Vị tương ưng các thiên
Sinh hai cho đến mười.*

Tịnh sáu có bảy tám, Chín mười sinh mười một: Nghĩa là tịnh nơi xứ phi tướng phi phi tướng theo thứ lớp sinh sáu: Vị tương ưng và tịnh của tự địa, địa dưới bốn. Vô lậu, tịnh nơi vô sở hữu xứ, nơi vô lượng thức xứ, không phải là vị tương ưng, do đã lìa dục. Như vậy tất cả đều nên nhận biết.

Tất cả vị tương ưng của tự địa, *Vị tương ưng các thiên, Sinh hai cho đến mười:* Nghĩa là vị tương ưng nơi thiên theo thứ lớp sinh hai vị tương ưng và tịnh của tự địa, không sinh thứ khác, vì mỗi mỗi thứ đều cùng trái nhau.

Như vậy, tất cả tự địa có hai, tịnh địa dưới một. Tất cả vị tương ưng phát sinh vào lúc chết.

Đã nói về thứ đệ duyên. Duyên duyên nay sẽ nói.

Hỏi: Mỗi mỗi thứ có bao nhiêu thứ duyên?

Đáp:

*Tịnh do thiên vô lậu
Tất duyên tất cả địa
Thiên tương ưng cấu uế
Riêng duyên nơi địa mình.*

Tịnh do thiên vô lậu, Tất duyên tất cả địa: Tức tịnh và vô lậu nơi thiên thứ nhất duyên nơi tất cả địa, tất cả thứ.

Thiên tương ưng cấu uế, Riêng duyên nơi địa mình: Nghĩa là vị tương ưng nơi thiên duyên với vị tương ưng nơi thiên cùng tịnh của tự địa, không phải là vô lậu, vì ái không duyên với vô lậu. Cũng không ưa thích địa khác.

*Vô sắc không có lực
Duyên địa hữu lậu dưới
Thiện có địa căn bản
Cấu uế như vị thiên.*

Vô sắc không có lực, Duyên địa hữu lậu dưới: Nghĩa là định vô sắc không thể duyên với pháp hữu lậu của địa dưới, vì định vô sắc là rất vắng lặng.

Hỏi: Vì sao nói vô sắc không thể duyên với pháp hữu lậu của địa dưới?

Đáp: *Thiện có địa căn bản* là tịnh và vô lậu nơi vô sắc căn bản, là duyên của tự địa. Lại, địa trên không duyên với địa dưới.

Cấu uế như vị thiên: Nghĩa là như vị tương ưng nơi thiên, nói vô sắc cũng như vậy.

*Nói khác nơi cõi sắc
Vô lượng đẳng công đức
Là tất duyên cõi dục
Đức Thế Tôn đã nói.*

Nói khác nơi cõi sắc, Vô lượng đẳng công đức: Nghĩa là các công đức khác của cõi sắc như vô lượng v.v... Nhất thiết nhập, trừ nhập và giải thoát, chỉ duyên nơi cõi dục, duyên nơi vô lượng chúng sinh khổ, cùng các sắc như màu xanh v.v..., thì đầy tức là cõi dục. Vì sao? Vì thân thông duyên nơi hai cõi.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn đã nói, thế nào là huân tập thiên?

Đáp: Là huân tập tất cả vô lậu của bốn thiên. Tức huân tập hữu lậu là do sức của vô lậu, thọ nhận quả báo của cõi Tịnh cư.

Hỏi: Nếu tất cả bốn thiên đều huân tập thì vì sao trong ba thiên dưới không có quả của cõi Tịnh cư?

Đáp:

*Nếu hay huân các thiên
Là dựa thiên thứ tư
Ái ba địa đã dứt
Quả Tịnh cư thật trung.*

Nếu được thiên thứ tư là có thể huân tập thiên, thiên thứ tư đạt được là trước, huân tập các thiên khác là sau. Tức đạt được thiên thứ tư, lia dục của ba thiên, do đây nên ở địa dưới không có quả trung hữu thật của cõi Tịnh cư.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói, có nguyện trí là thế nào?

Đáp:

*Tánh vô trước, bất động
Là được tất cả định
Tức do sức của định
Nên khởi đánh bốn thiên.*

Ở đây, nếu ý của người tu định kia sinh khởi công đức, thì nguyện trí không tranh biện, là các công đức hàng đầu. Nguyện trí là như điều đã nguyện khi nhập định, hoặc trong quá khứ, hoặc nơi hiện tại, vị lai, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, là tất cả đều nhận biết.

Không tranh chấp là muốn khiến ý của người khác không khởi tranh chấp, tức không khởi biện luận. Về nghĩa và vị của các pháp là quyết định, không nghi, không ngăn ngại, không sợ hãi.

Hỏi: Nguyện trí không tranh chấp và không biện luận này thuộc về địa nào?

Đáp:

*Ba địa có nguyện trí
Không tranh dựa năm địa
Pháp từ biện dựa hai
Hai biện dựa nơi chín.*

Ba địa có nguyện trí: Tức nguyện trí thuộc về ba địa là thiên thứ tư, thiên thứ nhất và cõi dục. Nhập thiên thứ tư là nhận biết thiên thứ nhất và cõi dục.

Không tranh dựa năm địa: Nghĩa là năm địa không tranh chấp, có thể đạt được bốn thiên căn bản và cõi dục, cùng muốn khiến tất cả không tranh.

Pháp từ biện dựa hai: Nghĩa là pháp biện gọi là duyên với vị, là cõi dục và trời Phạm thế, không phải là địa trên đã lia giác quán. Từ biện gọi là trí lựa chọn vị, trí ấy cũng có thể đạt được trong hai địa là cõi dục và trời Phạm thế.

Hai biện dựa nơi chín: Tức nghĩa biện và ứng biện có thể đạt được trong chín địa là bốn thiên, bốn vô sắc và cõi dục.

Đã nói thiên thứ nhất, nên biết là cũng đã nói về thiên vị lai và thiên trung gian, vì hai thiên này là quyền thuộc của thiên thứ nhất.

Hỏi: Làm thế nào đạt được định này?

Đáp:

*Đoạn dục cũng lại sinh
Nhưng được nơi tịnh thiên
Cấu ứ thoái cùng sinh
Vô lậu chỉ đoạn dục.*

Đoạn dục cũng lại sinh, Nhưng được nơi tịnh thiên: Nghĩa là tịnh nơi thiên thứ nhất đạt được vào hai lúc là lúc lia dục và lúc mất ở địa trên sinh lên trời Phạm thế. Như vậy, tất cả đều nên biết rõ.

Cấu ứ thoái cùng sinh: Tức cấu ứ nơi vị tương ưng có được là lúc thoái chuyển. Nếu ở nơi cõi dục và trời Phạm thế bị trói buộc rồi thoái chuyển thì bây giờ là có được. Còn vị tương ưng nơi thiên thứ nhất, vào lúc sinh thì được. Nghĩa là nếu ở nơi địa trên mạng chung, sinh vào cõi dục và trời Phạm thế, thì bây giờ là được. Vị tương ưng nơi thiên thứ nhất tất cả đều nên biết như vậy.

Vô lậu chỉ đoạn dục: Nghĩa là vô lậu chỉ vào lúc đoạn trừ dục thì được, tức là Thánh có thể lia dục, lúc ấy là có được. Vô lậu nơi thiên thứ nhất, tất cả đều nên biết như vậy.

Hỏi: Công đức gì có thể đoạn trừ phiền não?

Đáp:

*Vô lậu trừ phiền não
Cũng lại định trung gian
Tất cả định trung gian
Tương ưng nơi xả căn.*

Vô lậu trừ phiền não: Nghĩa là vô lậu nơi thiền thứ nhất thuộc tám địa tức đoạn trừ phiền não. Như vậy tất cả đều nên biết.

Cũng lại định trung gian: Định trung gian được gọi là phần đoạn trừ dục của địa dưới. Vì dùng đạo phương tiện, nên chung quy không được sinh khởi định căn bản. Nếu chưa được lìa dục thì các thứ khác không thể đoạn trừ.

Tất cả định trung gian, Tương ưng nơi xả căn: Nghĩa là tất cả định trung gian đều tương ưng với xả căn, chung cuộc không được hỷ, cho đến không được nghĩa.

Hỏi: Tâm biến hóa có bao nhiêu thứ? Nghĩa là có như ý tức, có thể biến hóa?

Đáp: Có tám: Quả của bốn thiền nơi cõi dục và quả của bốn thiền nơi địa thiền thứ nhất.

Hỏi: Địa nào thành tựu tâm biến hóa ấy?

Đáp:

*Ý biến hóa địa dưới
Thành tựu quả loại kia
Nếu hợp ba thứ tâm
Địa trên cần nên nói.*

Ý biến hóa địa dưới, Thành tựu quả loại kia: Nghĩa là nếu thành tựu thiền là thành tựu tâm biến hóa của địa dưới, tức quả của thiền ấy.

Hỏi: Như nói thiên thứ nhất có bốn tâm, trụ nơi địa trên, muốn nghe, muốn thấy. Tâm ấy làm sao thấy, nghe?

Đáp: Thức nơi địa của cõi Phạm thể luôn hiện ở trước.

Hỏi: Tâm của địa kia được thành tựu vào những lúc nào?

Đáp: *Nếu hợp ba thứ tâm, Địa trên cần nên nói:* Tức nếu vào lúc thức của địa Phạm thể kia hiện ra ở trước: Hoặc là nhãn thức, hoặc là nhĩ thức, hoặc là thân thức, bấy giờ tức thành tựu thức của địa ấy. Nếu thức của địa kia không hiện ở trước, tức là diệt, bấy giờ là không thành tựu.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 4

Phẩm thứ 8: KHẾ KINH

Đã nói về phẩm Định. Phẩm Khế kinh nay sẽ nói.

*Bậc Nhất thiết trí nói
Khế kinh nghĩa vi diệu
Nay đây Ta sẽ nói
Đem tâm thiện lắng nghe.*

Tuy đã có nghĩa của Khế kinh nơi tất cả A-tỳ-đàm, nhưng các Khế kinh cũng nên phân biệt đủ. Sự việc này nay sẽ nói.

Như Đức Thế Tôn nói ba cõi là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

Hỏi: Ba cõi này là thế nào?

Đáp:

*Cõi dục: Mười cư trú
Cõi sắc nói mười bảy
Trong vô sắc có bốn
Ba hữu cũng như vậy.*

Cõi dục: Mười cư trú: Nghĩa là cõi dục này có mười xứ cư ngụ là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người và sáu trời thuộc dục giới: Trời Tứ Thiên Vương, trời Ba Mươi Ba, trời Diệm Ma, trời Đâu Suất Đà,

trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, là nơi chôn chúng sinh sinh khởi tướng dục.

Trong xứ sở này nếu vật có thể đạt được đều là trông mong nơi sự dâm dục hiện có, thế nên nói là cõi dục.

Hỏi: Thế nào là cõi sắc?

Đáp: *Cõi sắc nói mười bảy:* Nghĩa là nói cõi sắc có mười bảy xứ cư trú: Phạm thân, Phạm phú lâu, Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang diệu, Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Vô quái ngại, Thọ phước, Quả thật, Vô tướng chúng sinh, Bất phiền, Bất nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiên và Sắc cứu cánh.

Những xứ sở này không sinh khởi tướng dục, chỉ thành tựu sắc cực diệu. Vì không phải hình nam, không phải hình nữ nên nói là cõi sắc.

Trong vô sắc có bốn: Nghĩa là cõi vô sắc có bốn xứ cư trú: Vô lượng không xứ, vô lượng thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ. Xứ sở này không có sắc, đã liả sắc dục, do vậy nên nói là cõi vô sắc.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Ba hữu là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Ba hữu này như thế nào?

Đáp: *Ba hữu cũng như vậy:* Nghĩa là phân biệt về ba cõi trước, tức là ba hữu.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn đã nói về bảy thức trụ. Thức trụ này là thế nào?

Đáp:

*Néo thiện là cõi dục
Cùng ba địa cõi sắc
Vô sắc cũng như vậy
Tuệ biết các thức trụ.*

Trong cõi dục này, nếu là số nẻo thiện, như nẻo người, sáu trời nơi dục giới, cùng ba địa trước của cõi sắc, ba địa trước của cõi vô sắc.

Trên địa của thiên thứ nhất, địa của thiên thứ hai có ba. Trên địa của thiên thứ hai, địa của thiên thứ ba có ba. Trên địa của thiên thứ ba, địa của thiên thứ tư có chín. Trong đó, ba địa trước và ba địa trước của cõi vô sắc là nói bảy thức trụ. Vì sao? Vì thức không bị hủy hoại. Khổ thọ trong nẻo ác đã hủy hoại thức, nên không lập được thức trụ. Ở thiên thứ tư bị định vô tướng hủy hoại thức, nên cũng không thể lập thức trụ. Xứ phi tướng phi phi tướng thì định diệt tận đã hủy hoại thức, nên không lập được thức trụ. Vì vậy nên không nói.

*Hữu thứ nhất vô tướng
Chúng sinh trụ nói chín
Các hữu lậu bốn ám
Là nói bốn thức trụ.*

Hữu thứ nhất vô tướng, Chúng sinh trụ nói chín: Nghĩa là bảy thức trụ này và chúng sinh vô tướng, xứ phi tướng phi phi tướng, là nói chín nơi chốn cư trú của chúng sinh. Vì ở trong đó chúng sinh đang dừng trụ, nên nói là chúng sinh cư trú.

Các hữu lậu bốn ám, Là nói bốn thức trụ: Nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành hữu lậu, nếu thức nối tiếp nhau luôn có trợ bạn là bốn ám này, nên nói là thức trụ.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói mười hai chi duyên khởi. Về tướng của mười hai chi duyên khởi này cũng cần nên nói chăng?

Đáp:

*Các phiền não và nghiệp
Hữu thể dần dần sinh
Đó gọi là chi hữu
Chúng sinh tất cả sinh.*

Ở đây, phiền não là vô minh, ái, thủ gọi là nghiệp, hành và hữu gọi là thể. Các chi còn lại là sự sinh dần dần của tất cả chúng sinh. Dựa vào thể để lập phiền não. Phiền não đã tạo tác nghiệp, nghiệp tạo tác thể, thể nên có mười hai thứ phân biệt.

Hỏi: Các chi này là cùng một lúc hành tác hay là dần dần?

Đáp: Không phải là một lúc. Mười hai khổ ấm nói là mười hai chi, vô minh là đứng đầu.

*Chi hữu thứ lớp lập
Thọ nhận trong sinh tử
Quá khứ và vị lai
Ở giữa nói có tám.*

Chi hữu kia theo thứ lớp lập, trong đó, trước khi sinh tất cả phiền não đều có cùng với trợ bạn nói là vô minh. Do vô minh này nên tạo ra nghiệp, nghiệp tạo nên quả là hành. Hành sinh chủng tử tâm là thức. Thức đó cùng sinh với bốn ấm nối tiếp nhau là danh sắc. Ở đây, mắt là nơi nương dựa đứng đầu, các căn là sáu nhập. Căn, cảnh giới và tâm hòa hợp là cánh lạc (Xúc). Xúc khiến sinh khởi sự thọ nhận là thống (Thọ). Thọ bị chấp trước là ái. Thọ nhận đủ các phiền nhọc là thọ (Thủ). Thủ đã gây tạo nghiệp là hữu. Nơi hữu đó lại nhận lấy quả là sinh. Từ trong sinh kia lại có vô lượng tai họa đầy khởi là lão tử (già chết).

Như vậy, chi hữu này trong tất cả đời, hai thuộc về đời quá khứ, hai thuộc về vị lai, tám hữu thuộc đời hiện tại.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói sáu giới. Những giới này là thể nào?

Đáp:

*Các đại nói có bốn
Cùng với thức hữu lậu
Cũng sắc trung gian biết
Là giới nói gốc sinh.*

Các đại nói có bốn, Cùng với thức hữu lậu, Cũng sắc trung gian biết: Nghĩa là bốn đại (Đất, nước, lửa, gió), thức hữu lậu và sắc trung gian là có thể nhận biết. Tức là mắt đã thọ nhận sáu pháp này nói là giới.

Hỏi: Vì sao trong rất nhiều các pháp chỉ nói sáu giới?

Đáp: Là giới nói gốc sinh: Tức sáu pháp ấy là gốc của sinh tử, trong ấy có tướng của con người. Ở đây, thân là do từ đất sinh. Nước khiến cho thấm nhuần. Lửa làm cho chín, loại trừ những thứ hư nát. Gió làm khởi động. Trung gian không là sự ăn uống. Do gió vận hành ra vào nên thức được lập. Nơi thức này khởi tướng của con người, là tánh của sinh tử nên nói là giới.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói bốn Thánh Đế. Tướng của bốn Thánh đế này là thế nào?

Đáp:

Các hành nếu có quả

Hữu lậu là nói khổ

Nếu có nhân là tập

Khổ dứt hết là diệt.

Các hành nếu có quả, Hữu lậu là nói khổ: Nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều từ trong nhân sinh khởi, cũng tạo nên tất cả khổ họa, vì thế hết thấy hành nói là khổ đế.

Nếu có nhân là tập: Tức tất cả hành hữu lậu nói là nhân. Do đây nên tất cả hành nói là tập đế. Như một người nữ, cũng nói là mẹ, cũng nói là người nữ, chỉ có trước và sau. Như vậy hành hữu lậu cũng nói là khổ đế, cũng nói là tập đế, vì đã sinh, sẽ sinh.

Khổ dứt hết là diệt: Nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều diệt, dứt nghi, gọi là diệt đế.

Nếu có hành vô lậu

Tức nói là đạo đế

*Đạo đế kia hai sự
Thấy được biết vì tế.*

Nếu có hành vô lậu, Tức nói là đạo đế: Nghĩa là tất cả hành vô lậu nói là đạo đế. Vì sao? Vì lúc khổ dừng dứt đều là đạo.

Hỏi: Vì sao nói là đế?

Đáp: Vì *Đạo đế kia hai sự:* Vì hai sự việc ấy nên nói là đế. Vì tự tướng chân thật, không phải là điên đảo, và vì nhận thấy đế kia tức được ý không điên đảo.

Hỏi: Như nhân trước, quả sau. Vì sao Đức Thế Tôn trước nói quả, sau mới nói nhân?

Đáp: *Thấy được biết vì tế:* Thánh đế tuy có tập trước, khổ sau, là trước tu đạo, sau được diệt. Song nên trước thấy khổ đế, sau thấy tập đế. Như vậy nên trước thấy diệt đế, sau thấy đạo đế. Vì sao? Vì khổ thô tập tế, diệt thô đạo tế. Do đây Đức Thế Tôn trước nói khổ đế sau nói tập đế, trước nói diệt đế sau nói đạo đế.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói bốn quả Thánh Sa-môn. Quả này có bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Quả Thánh có sáu thứ
Hơn hết tại chín địa
Thứ ba ở sáu địa
Hai cùng dựa vị lai.*

Quả Thánh có sáu thứ: Nghĩa là sáu thứ nơi bốn quả Sa-môn là năm ấm vô lậu và số duyên diệt.

Hỏi: Bốn quả Sa-môn thuộc về địa nào?

Đáp: *Hơn hết tại chín địa:* Hơn hết là quả Vô trước (A-la-hán) thuộc về chín địa, tức bốn thiên căn bản, ba định vô sắc, thiên vị lai và thiên trung gian.

Thứ ba ở sáu địa: Nghĩa là quả Bất hoàn thuộc về sáu địa, tức gồm đủ bốn thiên, thiên vị lai và thiên trung gian, không phải là vô sắc, vì không có pháp trí.

Hai cùng dựa vị lai: Nghĩa là quả Tu-đà-hoàn và Tu-đà-hàm đều thuộc về thiên vị lai, do chưa lìa dục.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói bốn đạo: Là khổ bất tốc thông, khổ tốc thông. Lạc bất tốc thông, lạc tốc thông. Tướng của bốn đạo này là thế nào?

Đáp:

Các pháp Tùy tín hành

Tướng không phiền não chậm

Các pháp Tùy pháp hành

Tướng không phiền não nhanh.

Các pháp Tùy tín hành, Tướng không phiền não chậm: Nghĩa là pháp vô lậu của hàng Tùy tín hành là không nhanh chóng, do thuộc về nhóm độn căn nên chậm. Nếu thọ nhận căn này, nên biết là hàng Tín giải thoát. Bạc Thời giải thoát cũng thọ nhận độn độn căn.

Các pháp Tùy pháp hành, Tướng không phiền não nhanh: Nghĩa là pháp vô lậu của hàng Tùy pháp hành là thuộc về nhóm lợi căn nên nhanh. Nếu thọ nhận căn này, nên biết là hàng Kiến đạo. Bạc A-la-hán bất thời giải thoát cũng thọ nhận độn lợi căn.

Trong địa thiên căn bản

Biết giả gọi tướng vui

Nhỏ cùng với khó được

Ngoài ra đều tướng khổ.

Trong địa thiên căn bản, Biết giả gọi tướng vui: Nghĩa là trong bốn thiên căn bản, pháp của lợi căn và độn căn nói là đạo vui. Vì sao? Vì chỉ quán dẫn dắt nên cùng với vui hành.

Nhỏ cùng với khó được, Ngoài ra đều tướng khổ: Nghĩa là địa khác gồm thâu vô lậu là tướng khổ. Vì sao? Vì do nhỏ. Vì đạo chỉ trong thiên vị lai, thiên trung gian là nhỏ, và trong vô sắc quán cũng nhỏ, thế nên rất khổ, vì hoàn toàn khó được và nhỏ, nên nói là khổ.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn tịnh không hoại. Đối với Phật là tịnh không hoại. Đối với Pháp, Tăng và Thánh giới là tịnh không hoại. Sự việc này là thế nào?

Đáp:

*Tự giác, pháp Thanh văn
Giải thoát cũng nhân khác
Tín thanh tịnh không cấu
Thánh giới cùng quyết định.*

Tự giác, pháp Thanh văn, Giải thoát cũng nhân khác, Tín thanh tịnh không cấu: Nghĩa là *Tự giác* là Phật. Đức Phật kia thuộc về quả Vô trước. Công đức vô học là pháp của Phật. Đối với pháp này, nếu khởi tín vô lậu là nói đã được tín không hoại đối với Đức Phật. Đã nhận lấy chánh chứng nơi Thanh văn, nên công đức của học, vô học kia là nói về pháp Thanh văn. Đối với pháp này, nếu khởi tín vô lậu là nói đối với Tăng đã được tín tịnh không hoại. Tín vô lậu trong Niết-bàn và pháp hữu vi khác như tin nơi khổ đế, tập đế. Tin nơi công đức vô lậu của Bồ-tát. Tin vào pháp học, vô học nơi Phật-bích-chi là nói đối với pháp được tịnh không hoại.

Thánh giới là giới vô lậu. Đây là nói đối với giới được tín không hoại.

Hỏi: Vì sao nói tịnh không hoại là hoàn toàn vô lậu, không phải là hữu lậu?

Đáp: *Cùng quyết định*, đây là quyết định. Do từ trong chánh kiến sinh, nên là tín vô lậu, giới vô lậu quyết định là vô lậu.

Tín hữu lậu thì bị bất tín hủy hoại. Giới hữu lậu thì bị phi giới phá hoại, do vậy nên không quyết định. Còn vô lậu thì không hoại cho đến đời sau, do đây nên quyết định, vì thế tịnh không hoại hoàn toàn là vô lậu.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Tu định có bốn: (1) Có tu định, ở trong hiện pháp được sống an lạc. (2) Có tu định, được tri kiến. (3) Có tu định, được tuệ phân biệt. (4) Có tu định, được lậu dứt hết. Tướng của các pháp tu định này là thế nào?

Đáp:

*Thiền thứ nhất nếu thiện
Nói hiện pháp là vui
Nếu biết nơi sinh tử
Đó gọi là tri kiến.*

Thiền thứ nhất nếu thiện, Nói hiện pháp là vui: Nghĩa là tịnh và vô lậu nơi thiền thứ nhất có thể đạt được ở nơi hiện pháp sống an lạc.

Nếu biết nơi sinh tử, Đó gọi là tri kiến: Nghĩa là sinh tử trí thông là nói về tri kiến của tu định, cùng dựa vào năm ấm.

*Tuệ phân biệt nên biết
Cầu được các công đức
Kim cang dụ bốn thiền
Tức gọi là lậu tận.*

Tuệ phân biệt nên biết, Cầu được các công đức: Nghĩa là phương tiện sinh khởi công đức, gọi là giới của cõi dục. Công đức của văn, tư, tu là tất cả pháp thiện của cõi sắc, cõi vô sắc. Tất cả pháp hữu vi, vô lậu là hết thảy tuệ phân biệt của tu định.

Kim cang dụ bốn thiền, Tức gọi là lậu tận: Nghĩa là định kim cang dụ gọi là tâm học sau cuối, cùng tương ưng, cùng có là thuộc về

thiền thứ tư, là nói về lậu tận của tu định. Đây là nghĩa do Đức Như Lai đã tự giảng nói.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói về bốn như ý túc, bốn chánh đoạn và bốn ý chỉ. Các pháp đó cũng cần được nói về tướng?

Đáp:

*Các pháp hữu vi thiện
Cầu khởi các phương tiện
Phật nói như ý túc
Cũng hiện chánh ý đoạn.*

Các pháp hữu vi thiện, Cầu khởi các phương tiện, Phật nói như ý túc: Nghĩa là cầu phát khởi các thứ như phương tiện v.v..., như tuệ phân biệt của tu định ở trước, nói là tất cả như ý túc, là như ý nương theo vật chứa đựng.

Cũng hiện chánh ý đoạn: Tức tất cả công đức này nói là chánh đoạn (Chánh cần).

*Kia cũng là ý chỉ
Bốn Thánh chủng cũng vậy
Nghĩa có tự lực sinh
Lời Thánh ấy đã nói.*

Kia cũng là ý chỉ: Tức pháp này cũng nói là ý chỉ.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói về bốn Thánh chủng. Bốn Thánh chủng này là thế nào?

Đáp: *Bốn Thánh chủng cũng vậy:* Tức pháp này cũng nói là bốn Thánh chủng.

Hỏi: Vì sao hết thảy công đức này đều nói là ý chỉ, chánh đoạn, như ý túc, Thánh chủng?

Đáp: *Nghĩ có tự lực sinh, Lời Thánh ấy đã nói:* Tức các pháp này nói là định, do sức của tư duy sinh khởi, do định trụ, thế nên nói

là như ý túc. Tinh tấn do sức của tư phát sinh, nên nói là chánh đoạn. Niệm do sức của tư sinh khởi, nên nói là ý chỉ. Thiệu dục, tri túc là do sức của tư sinh, nên nói là Thánh chủng.

Đã cùng phân biệt đạo phẩm. Về tự tướng nay sẽ nói.

*Tinh tấn, tinh tấn, niệm
Hỷ, tuệ, và ý giác
Hộ, tư duy, giới, định
Pháp này là đạo phẩm.*

Mười pháp này nói là đạo phẩm, không phải là pháp khác.

Trong đó, *tín* là tín căn, tín lực. *Tinh tấn* là bốn chánh đoạn, tinh tấn căn, tinh tấn lực, tinh tấn giác chi, là chánh phương tiện. *Niệm* là niệm căn, niệm lực, niệm giác chi, là chánh niệm.

Hỷ là hỷ giác chi. *Tuệ* là bốn ý chỉ, tuệ căn, tuệ lực, là trạch pháp giác chi, là chánh kiến. *Ý* (Khinh an) là ý giác chi.

Hộ (Xả) là xả giác chi. *Tư duy* là chánh chí (Chánh tư duy). *Giới* là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. *Định* là bốn như ý túc, định căn, định lực, định giác chi, chánh định.

Hỏi: Vì sao pháp này lại phân biệt có nhiều thứ như vậy?

Đáp:

*Xứ phương tiện, một ý
Độn kém cùng lợi căn
Kiến đạo, tư duy đạo
Phật nói ba mươi bảy.*

Xứ: Là chánh niệm được lập trong duyên nên nói là ý chỉ. *Phương tiện:* Là chánh phương tiện nên nói là chánh đoạn. *Một ý:* Vì lập một ý nên nói là như ý túc.

Độn kém: Ý được nên nói là căn. *Lợi căn:* Ý của lợi căn đạt được nên nói là lực.

Kiến đạo: Vì kiến đạo đạt được nên nói là đạo chi. *Tư duy đạo*: Vì đạo tư duy đạt được nên nói là giác chi.

Đó gọi là phân biệt sự việc.

Phật nói ba mươi bảy: Tức nơi sự việc của mười pháp này, nên Đức Phật nói ba mươi bảy phẩm.

Hỏi: Đạo phẩm này thuộc về địa nào?

Đáp:

*Thiền thứ hai, vị lai
Là nói ba mươi sáu
Ba bốn, ba mươi lăm
Thiền trung gian cũng vậy.*

Thiền thứ hai, vị lai, Là nói ba mươi sáu: Nghĩa là thiền thứ hai không có chánh chí (Chánh tư duy). Thiền vị lai không có hỷ giác chi. Ngoài ra, có *Ba bốn, ba mươi lăm, Thiền trung gian cũng vậy*: Nghĩa là thiền thứ ba, thiền thứ tư và thiền trung gian đều không có hỷ giác chi, không có chánh chí. Ngoài ra thì có.

*Thứ nhất nói tất cả
Ba không, ba mươi một
Trên hết hai mươi một
Cõi dục hai mươi hai.*

Thứ nhất nói tất cả: Nghĩa là thiền thứ nhất có đủ ba mươi bảy.

Ba không, ba mươi một: Nghĩa là trong ba không có ba mươi một. Hỷ, chánh chí (Chánh tư duy), chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, thân ý chỉ, trong ấy không có. Các thứ còn lại thì có.

Trên hết hai mươi một: Tức nơi xứ phi tưởng phi phi tưởng không có bảy giác, tám đạo và thân ý chỉ.

Cõi dục hai mươi hai: Tức trừ giác chi, đạo chi, ngoài ra là có.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Có bốn thứ thực (Ăn): Đoạn thực, xúc thực, ý tư thực, thức thực. Những cách thực này là thế nào?

Đáp:

*Đoạn thực trong các thực
Là ba thứ cõi dục
Thức, tư cùng với xúc
Thực này gọi hữu lậu.*

Đoạn thực trong các thực, Là ba thứ cõi dục: Nghĩa là đoạn thực ở cõi dục có ba thứ là hương, vị, xúc. Do trừ bỏ đói khát, nên nói là ăn.

Thức, tư cùng với xúc, Thực này gọi hữu lậu: Nghĩa là thức hữu lậu, tư hữu lậu, xúc hữu lậu, nói là ăn tức có nghĩa gì? Vì sinh sau cùng nối tiếp nhau không đoạn dứt nên nói là ăn.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói ba Tam-ma-đề là không, vô nguyện, vô tướng. Tam-ma-đề này hành như thế nào, có bao nhiêu hành?

*Vô nguyện có mười hành
Hai hành là định không
Bốn hành trong hành Thánh
Nói là định vô tướng.*

Vô nguyện có mười hành: Tức Tam-ma-đề vô nguyện hành mười hành: Hành vô thường, hành khổ, bốn hành của tập đế, bốn hành của đạo đế.

Hai hành là định không: Nghĩa là Tam-ma-đề không có hai hành là hành không và hành vô ngã.

Bốn hành trong hành Thánh, Nói là định vô tướng: Tức Tam-ma-đề vô tướng có bốn hành của diệt đế.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói bốn diên đảo: Đối với vô thường khởi tướng có thường, là tâm diên đảo, tướng diên đảo, kiến diên

đảo. Khổ có tướng lạc, bất tịnh có tướng tịnh, phi ngã có tướng là ngã, là tâm điền đảo, tướng điền đảo, kiến điền đảo. Những điền đảo này là do kiến nào đoạn trừ? Tánh là gì?

Đáp:

*Hiểu rõ kiến khổ đoạn
Bốn thứ là điền đảo
Ba kiến tánh hiện có
Bỏ kiến nói chánh kiến.*

Hiểu rõ kiến khổ đoạn, Bốn thứ là điền đảo: Nghĩa là tất cả bốn điền đảo do kiến khổ đoạn, vì đều do xứ của hành khổ.

Ba kiến tánh hiện có, Bỏ kiến nói chánh kiến: Tức điền đảo là tánh của kiến chấp. Trong ba kiến chấp nói trên hết, tức là nói điền đảo. Thân kiến là nói chấp ngã, vì ngã là ngã kiến. Biên kiến là chấp có thường và đoạn. Trộm kiến thì bất tịnh chấp là tịnh. Những kiến chấp kia là xứ của tất cả hành khổ. Cùng do tánh của kiến chấp hiện có khiến tâm, tướng, kiến tạo rối loạn nên nói là tâm điền đảo, tướng điền đảo, kiến điền đảo, song không phải là tánh điền đảo.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói có nhiều kiến, sáu mươi hai kiến là đứng đầu. Vậy chúng thuộc về kiến nào?

Đáp: Tất cả kiến đều thuộc về năm kiến, thân kiến là đứng đầu.

Hỏi: Vì sao nhận biết được?

Đáp:

*Hủy báng nơi chân thật
Đấy nói là tà kiến
Không thật chấp là thật
Là hai kiến và trí.*

Hủy báng nơi chân thật, Đấy nói là tà kiến: Nghĩa là kiến chấp hủy báng pháp chân thật cho là không có. Như nói: Không có bố thí,

không có trai giới, không nói về các pháp ấy, tất cả những nêu bày như vậy gọi là tà kiến.

Không thật chấp là thật, Là hai kiến và trí: Tức trong năm ấm, chấp ngã không chân thật, quán ngã là có thật, đó gọi là thân kiến. Không phải là lạc tịnh chân thật mà thấy là lạc tịnh, đó là trộm kiến (Kiến thủ). Trộm kiến và các tà trí khác đều do tư duy đoạn. Như ban đêm thoáng thấy một khúc gỗ hoặc tượng người cho là kẻ trộm.

*Chấp tịnh là trộm giới
Là không nhân chấp nhân
Thọ biên nói kiến này
Là dựa nơi đoạn, thường.*

Chấp tịnh là trộm giới, Là không nhân chấp nhân: Tức pháp đối với pháp, không phải nhân mà chấp là nhân. Kiến chấp như vậy gọi là trộm giới (Giới cầm thủ), như là hành khổ hạnh cho là đạt đến giải thoát.

Thọ biên nói kiến này, Là dựa nơi đoạn, thường: Thấy sự việc vô thường chấp là thường còn, đó gọi là chấp có thường. Nhân duyên nối tiếp nhau, không nhận biết, chấp là đoạn, đó gọi là chấp đoạn. Hai thứ như thế là thọ nhận biên kiến.

*Tạo lập các hủy báng
Nhận dựa nơi hai biên
Nếu có việc chuyển hành
Là chánh kiến nên đoạn.*

Tạo lập các hủy báng: Tức gọi là tà kiến. Tà kiến kia nếu hủy báng khổ thì do kiến khổ đoạn. Nếu hủy báng tập thì do kiến tập đoạn. Nếu hủy báng diệt thì do kiến diệt đoạn. Nếu hủy báng đạo thì do kiến đạo đoạn.

Thân kiến tạo lập nơi ngã khổ là ngã thì do kiến khổ đoạn.

Trộm kiến tạo lập cho khổ là vui thì do kiến khổ đoạn. Nếu chấp tập thì do kiến tập đoạn. Nếu chấp diệt thì do kiến diệt đoạn. Không thọ nhận chánh pháp thì do kiến diệt đoạn. Đạo cũng như vậy.

Trộm giới nếu hành ở xứ hữu lậu thì do kiến khổ đoạn. Nếu hành ở xứ vô lậu thì do kiến đạo đoạn. Chấp đoạn diệt, thường còn cũng do kiến khổ đoạn. Năm ấm là hiện có, không phải là không hiện có để chấp là đoạn, là thường. Trong đây là đã phân biệt về tất cả kiến.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói về hai mươi hai căn. Các căn này là thế nào?

Đáp:

*Các giới ở bên trong
Thân ba cùng mạng căn
Căn này sinh tử dựa
Lời Thánh nhân đã nói.*

Các giới ở bên trong: Là mắt, tai, mũi, lưỡi, ý.

Thân ba: Nghĩa là thân căn có ba thứ: Là thân căn, nam căn, nữ căn. *Cùng mạng căn:* Tức mạng căn là thứ chín.

Căn này sinh tử dựa, Lời Thánh nhân đã nói: Nghĩa là chín căn này làm nơi nương dựa của sinh tử, nên nói là gốc nơi chúng sinh, là tướng của sự sống chết.

*Từ thọ các phiền não
Tín đầu dựa thanh tịnh
Chín căn gọi vô lậu
Là ba dựa nơi đạo.*

Từ thọ các phiền não: Nghĩa là lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn và xả căn, chúng là các thọ, theo đây có các phiền não, nên nói là căn.

Tín đầu dựa thanh tịnh: Nghĩa là tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn, đều dựa vào đây để được giải thoát, nên nói là căn.

Chín căn gọi vô lậu, Là ba dựa nơi đạo: Nghĩa là tín đứng đầu năm căn, ba thọ và ý căn (chín căn), như vô lậu dựa vào đạo, nên gọi là căn. Tùy tín hành, Tùy pháp hành thuộc về đạo là vị trí căn. Thuộc về đạo tư duy là dĩ tri căn. Thuộc về đạo vô học là vô tri căn.

Hỏi: Trong các căn này có bao nhiêu thứ thuộc cõi dục, bao nhiêu thứ thuộc cõi sắc và bao nhiêu thứ thuộc cõi vô sắc?

Đáp:

*Cõi dục bốn, thiện tám
 Chung tánh sắc có bảy
 Các tâm số có mười
 Một tâm, tuệ đã nói.*

Cõi dục bốn: Tức nam căn, nữ căn, khổ căn, ưu căn là hoàn toàn thuộc cõi dục. Ngoài ra, như đã nói trong phẩm Giới.

Thiện tám: Là tín căn đứng đầu trong năm căn và ba căn vô lậu.

Chung tánh sắc có bảy: Nghĩa là sắc căn có bảy: Năm sắc căn và nam căn, nữ căn. Ngoài ra không phải là sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu là tánh tâm, bao nhiêu là tánh tâm số? Có bao nhiêu không phải là tánh tâm, không phải là tánh tâm số?

Đáp: Các tâm số có mười: Tức tín đứng đầu năm căn cùng năm thọ.

Một tâm, tuệ đã nói: Là ý căn. Căn còn lại không phải là tánh tâm, không phải là tánh tâm số.

Hỏi: Có bao nhiêu căn có báo, bao nhiêu căn không có báo?

Đáp:

*Một và mười có báo
 Là tuệ như đã nói*

*Trong mười ba là báo
Thấy thật là phân biệt.*

Một là ưu căn nhất định có báo, vì hoàn toàn là thiện, hoặc bất thiện. Phương tiện hiện tại khởi là không từ báo sinh, không phải là oai nghi, không phải là công xảo, do đây không phải là vô ký, nên hoàn toàn có báo.

Và mười có báo, Là tuệ như đã nói: Nghĩa là tín đứng đầu năm căn, nếu hữu lậu thì có báo, vô lậu thì không có báo. Ý căn và ba thọ nếu là vô ký và vô lậu thì không có báo, nếu là thiện, bất thiện thì có báo. Khổ căn nếu là vô ký thì không có báo, ngoài ra thì có báo.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là báo, bao nhiêu căn không phải là báo?

Đáp: Trong mười ba là báo, Thấy thật là phân biệt: Tức trong mười ba căn thì hoặc tánh là báo, hoặc không phải sắc căn là bảy. Mạng căn, ý căn và bốn thọ (sáu), là pháp vô ký, nếu sinh khởi trong thiện, bất thiện nên có báo.

Hỏi: Lúc sinh có bao nhiêu căn đầu tiên được báo?

Đáp:

*Hai hoặc sáu, bảy, tám
Lúc đầu có thể được
Trong dục có tướng báo
Cũng sáu cùng trên một.*

Hai hoặc sáu, bảy, tám, Lúc đầu có thể được: Nghĩa là dần dần thành căn, như các loài sinh bằng trứng, sinh nơi ẩm ướt, sinh bằng thai. Là lúc đầu có hai căn sinh là thân căn và mạng căn. Loài hóa sinh, không hình được sáu căn, là năm sắc căn và mạng căn. Một hình có bảy, hai hình có tám.

Trong dục có tướng báo: Đây là hoàn toàn nói về chúng sinh của cõi dục.

Cũng sáu cùng trên một: Nghĩa là lúc sinh lần đầu nơi cõi sắc được sáu căn, cõi vô sắc có một căn. Ngay bây giờ, tâm kẻ kia hoàn toàn là cấu uế, do đấy nên hoàn toàn là cấu uế mà được tâm tâm số pháp, không phải là báo.

Hỏi: Lúc mạng chung có bao nhiêu căn được xả bỏ sau cùng?

Đáp:

*Bốn xả tám cùng chín
Hoặc lại xả nơi mười
Lúc chết dần dần diệt
Thiện xả đều thêm năm.*

Bốn xả tám cùng chín, Hoặc lại xả nơi mười, Lúc chết dần dần diệt: Nghĩa là tâm vô ký lúc dần mạng chung sau cùng xả bốn căn là thân, ý, mạng và xả căn .

Không hình: Tâm vô ký trong một lúc mạng chung xả tám căn. Một hình xả chín, hai hình xả mười.

Thiện xả đều thêm năm: Nghĩa là tâm thiện của người ấy tăng thêm năm căn như tín v.v...

Như vậy, cõi sắc, vô sắc tùy theo căn có thể được cũng như vậy.

Hỏi: Có bao nhiêu căn do kiến đoạn, do tư duy đoạn và không đoạn?

Đáp:

*Hai đoạn, không đoạn bốn
Hai thứ căn có sáu
Ba vi diệu không đoạn
Còn lại tư duy đoạn.*

Hai đoạn, không đoạn bốn: Tức bốn căn do kiến đoạn, do tư duy đoạn. Không đoạn là ý căn và ba thọ.

Hai thứ căn có sáu: Là tín đứng đầu năm căn và ưu căn.

Ba vi diệu không đoạn: Tức ba căn vô lậu là không đoạn.

Còn lại tư duy đoạn: Là chín căn do tư duy đoạn, là tám thuộc mạng căn và khổ căn.

Đã nói về các Khế kinh. Về môn nay sẽ nói.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói sáu thức: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức. Những thức này nhận biết về pháp nào?

*Nếu nhận nghĩa các căn
Là giới năm thứ tâm
Nhận tất cả các pháp
Đó là ý thức giới.*

Nếu nhận nghĩa các căn, Là giới năm thứ tâm: Tức nghĩa gọi là năm thứ sắc, là năm thức nhận biết: Nhãn thức nhận biết sắc, cho đến thân thức nhận biết về tiếp xúc.

Nhận tất cả các pháp, Đó là ý thức giới: Nghĩa là ý thức nhận biết hết thấy các pháp. Cảnh giới này là tất cả các pháp.

Hỏi: Có mười pháp tương ưng, không tương ưng với cõi dục. Tương ưng, không tương ưng với cõi sắc. Tương ưng, không tương ưng với cõi vô sắc. Tương ưng, không tương ưng với hữu vi, vô lậu. Vô vi cùng hai thứ thiện và vô ký. Ở đây nên dùng trí phân biệt. Cảnh giới của mỗi mỗi trí có bao nhiêu pháp?

Đáp:

*Năm pháp phải nên biết
Cảnh giới của pháp trí
Vị trí trí là bảy
Cảnh giới tha tâm ba.*

Năm pháp phải nên biết, Cảnh giới của pháp trí: Nghĩa là năm pháp là cảnh giới của pháp trí. Đó là pháp tương ưng, không tương ưng với cõi dục. Pháp tương ưng, không tương ưng với vô lậu và vô vi thiện.

Vị tri trí là bảy: Tức cảnh giới của vị trí trí có bảy pháp: Là pháp tương ưng, không tương ưng với cõi sắc, cõi vô sắc. Pháp tương ưng, không tương ưng với vô lậu và vô vi thiện.

Cảnh giới tha tâm ba: Nghĩa là cảnh giới của tha tâm trí có ba pháp: Là pháp tương ưng với cõi dục, cõi sắc và vô lậu.

*Trí hữu lậu có mười
Cảnh giới nhân quả sáu
Giải thoát trí một pháp
Đạo hai còn lại chín.*

Trí hữu lậu có mười: Trí hữu lậu là đấng trí. Tất cả cảnh giới của mười pháp kia là cảnh giới của tất cả pháp.

Cảnh giới nhân quả sáu: Tức cảnh giới của khổ trí và tập trí là sáu pháp, là pháp tương ưng, không tương ưng với ba cõi.

Giải thoát trí một pháp: Nghĩa là cảnh giới của diệt trí là một pháp tức chỉ có vô vi thiện.

Đạo hai: Nghĩa là cảnh giới của đạo trí có hai pháp, là pháp tương ưng, không tương ưng với hữu vi vô lậu.

Còn lại chín: Còn lại là tận trí, vô sinh trí. Cảnh giới của hai trí này có chín pháp, trừ vô vi, vô ký kia. Đó gọi là trí giải.

*Phiền não tự địa định
Sai khiến nơi tự địa
Nhất thiết biến là chúng
Tùy ở nơi loại kia.*

Phiền não tự địa định, Sai khiến nơi tự địa: Nghĩa là các phiền não của cõi dục đã sai khiến ở cõi dục. Các phiền não của cõi Phạm thể đã sai khiến ở cõi Phạm thể. Như vậy cho đến phi tướng phi phi tướng xứ đều nên biết.

Nhất thiết biến là chung, Tùy ở nơi loại kia: Nghĩa là các phiền não nhất thiết biến (biến hành) chung và không chung đã sai khiến tùy theo chủng loại. Các phiền não nhất thiết biến chung cũng sai khiến chủng loại khác. Như thân kiến do kiến khổ đoạn, ở đây khổ đế đã đoạn tất cả sử sai khiến. Và kiến tập đã đoạn chung tất cả. Như vậy, cho đến mạng căn do tư duy đoạn. Tư duy này đã đoạn tất cả sử sai khiến và chung nơi tất cả.

*Phiền não ba cõi định
Định tại nơi ba cõi
Hai cõi cần nên biết
Một cõi cũng như vậy.*

Phiền não ba cõi định, Định tại nơi ba cõi: Nghĩa là pháp thuộc về ba cõi là định ở nơi ba cõi, ở đây tất cả sử của ba cõi đã sai khiến (Tùy tăng). Như ý căn nhất định ở nơi ba cõi, trong đó tất cả sử đã sai khiến (Tùy tăng).

Hai cõi cần nên biết: Tức pháp thuộc về hai cõi thì nhất định ở nơi hai cõi, trong đó hết thảy sử của hai cõi đã sai khiến, tùy theo cõi có thể được. Như giác quán nhất định ở tại cõi dục, cõi sắc, ở đây tất cả sử của cõi dục, cõi sắc đều đã sai khiến.

Một cõi cũng như vậy: Nghĩa là pháp nhất định ở tại một cõi, trong đây, tất cả sử của một cõi đã sai khiến. Như ưu căn thì nhất định ở tại cõi dục, ở đây tất cả sử đã sai khiến.

*Phật nói Khế kinh này
Chỉ rõ nơi các pháp
Thức, trí và các sử
Phân biệt ba môn ấy.*

Trong Khế kinh Phật này nếu nói các pháp là ba môn nên phân biệt: Là môn thức, môn trí, môn sử. Như nghĩa của năm căn trong

dục hữu, là do sáu thức nhận biết. Cõi sắc có bốn thức, tức trừ tỷ thức, thiệt thức. Về tương ưng, không tương ưng là do bảy trí nhận biết. Do năm chủng loại nên ở cõi dục, cõi sắc các sử đã sai khiến (Tùy tăng).

**

Phẩm thứ 9: TẠP

Đã nói về phẩm Khế kinh. Phẩm Táp nay sẽ nói.

*Đã nói tùy tương ưng
 Mỗi mỗi phân biệt pháp
 Nơi nghĩa nhiều tạp trên
 Nay lược nói khéo nghe.
 Có duyên cũng tương ưng
 Có hành hoặc cùng dựa
 Tâm và tâm số pháp
 Là đồng một nghĩa nói.*

Tâm và tâm số pháp, đây gọi là sai biệt. Một duyên của tất cả hành thể nên nói có duyên. Lại cùng tương ưng nên nói là tương ưng. Vì là hành của cảnh giới, nên nói là hành. Do dựa nơi sinh, nên nói là dựa.

*Từ duyên sinh cũng nhân
 Có nhân cùng hữu vi
 Nói xứ có đạo lộ
 Có quả phải nên biết.*

Trong pháp hữu vi đây gọi là sai biệt: Do dựa vào duyên nên nói là duyên. Vì sinh khác nên nói là nhân. Do dựa vào nhân nên nói là có nhân. Do dựa vào tạo tác mà có nên nói là hữu vi. Vì có nhiều phương tiện, khéo hiển hiện, nên nói là xứ. Vì căn cứ vào đường đi

trong quá khứ, hiện tại, vị lai, nên nói là đạo lộ. Do có chuyển thành quả, nên nói là có quả.

*Có ác cũng ẩn mắt
Cấu uế, thấp kém, đen
Thiện, hữu vi và tập
Cũng gọi là tu học.*

Có ác cũng ẩn mắt, Cấu uế, thấp kém, đen: Nghĩa là bất thiện và pháp vô ký ẩn mắt, đây gọi là sai biệt. Vì không thể nói về tạo lập trong nhóm, nên nói là có ác. Vì bị phiền não che lấp, nên nói là ẩn mắt. Vì bị phiền não làm cấu uế, nên nói là cấu uế. Tâm thường thô bỉ, nên nói là thấp kém. Vì không có trí, tối tăm, rối loạn, nên nói là đen tối.

Thiện, hữu vi và tập: Nghĩa là pháp hữu vi thiện, đây gọi là sai biệt. Vì sinh trong tuệ, nên nói là thiện. Lúc hành có thể đạt được công đức và có thể hành tác, nên nói là tập và tu.

Đã nói tâm tương ưng hành. Tâm bất tương ưng hành nay sẽ nói.

*Không tư tưởng, hai định
Cũng chủng loại chúng sinh
Cú thân, vị, danh thân
Mạng căn và pháp đắc.
Tánh phàm phu hiện có
Và bốn tướng các pháp
Không sắc, không tương ưng
Nói là hành hữu vi.*

Không tư tưởng: Là sinh nơi trời Vô tưởng, tâm tâm số pháp không khởi hiện.

Hai định: Là định vô tưởng và định diệt tận. Định vô tưởng gọi là nhàm chán nơi sinh tử, khởi tưởng đến giải thoát, do tâm nối tiếp

nhau của thiên thứ tư đã đoạn trong một lúc. Định diệt tận gọi là chán ghét việc khó nhọc, nên tưởng đến dừng nghỉ. Do tâm nối tiếp nhau của xứ phi tướng phi phi tướng đã đoạn dứt trong một lúc.

Cũng chủng loại chúng sinh: Nghĩa là nơi xứ sinh thì đã sinh, ở xứ này chúng sinh đã nương dựa cùng với tâm tương tự.

Cú gọi là hợp với điều đã nói. Như nói hành là vô thường, là pháp hưng suy. *Vị* là cú hợp với sự việc, nói rộng như nơi kệ và Khế kinh. *Danh* là chữ đã hợp để nói về nghĩa. Như nói: Mạng căn thường nghĩa là căn và các đại cùng nối tiếp, không gián đoạn.

Đắc: Là thành tựu các pháp không bỏ.

Tánh phàm phu: Là chưa nhận lấy chánh chứng và lìa bỏ Thánh pháp, là tánh của phàm phu.

Hiện có bốn tướng: Là sinh, trụ, lão, vô thường.

Không sắc: Là tất cả các pháp này như trên đã nói, đều không phải sắc, không phải thuộc về sắc.

Không tương ưng: Nghĩa là không có duyên.

Nói là hành hữu vi: Là có làm, có tạo tác, nên nói là hành hữu vi.

Hỏi: Trong hành hữu vi này, có bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là bất thiện và bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp:

Thiện hai, ba thứ năm

Bảy nên là vô ký

Hai tại sắc nên biết

Một ở địa vô sắc.

Thiện hai: Là định vô tướng và định diệt tận.

Ba thứ năm: Là đắc, sinh, lão, trụ, vô thường. Tức thiện trong thiện, bất thiện trong bất thiện, vô ký trong vô ký.

Bảy nên là vô ký: Là bảy vô ký, tức chủng loại của chúng sinh ở trời Vô tướng. Cú, vị, danh, mạng, tánh hiện có của phạm phu.

Hỏi: Trong bảy vô ký này, có bao nhiêu thứ thuộc cõi dục, bao nhiêu thứ thuộc cõi sắc và bao nhiêu thứ thuộc cõi vô sắc?

Đáp: Hai tại sắc nên biết, Một ở địa vô sắc.

Hai tại sắc nên biết: Nghĩa là định vô tướng và trời Vô tướng là ở cõi sắc.

Một ở địa vô sắc: Nghĩa là định diệt tận ở cõi vô sắc.

Hai cõi nói ở ba
Còn lại tại ba cõi
Hữu lậu, vô lậu năm
Ngoài ra định hữu lậu.

Hai cõi nói ở ba: Nghĩa là cú, vị, danh cũng ở nơi cõi dục, cũng ở nơi cõi sắc, không có ở cõi vô sắc, vì lìa bỏ ngôn ngữ.

Còn lại tại ba cõi: Tức là chủng loại của chúng sinh, mạng, đắc, tánh hiện có của phạm phu và bốn tướng là chung tại ba cõi.

Hỏi: Trong đây có bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu?

Đáp: Hữu lậu, vô lậu năm, Ngoài ra định hữu lậu. Năm: Là đắc, sinh, lão, trụ, vô thường. Ở trong hữu lậu là hữu lậu. Ở trong vô lậu là vô lậu. Ngoài ra định rõ là hữu lậu, nghĩa là tất cả các thứ còn lại đều định rõ là hữu lậu.

Hỏi: Đây là lia Thánh pháp, giả gọi là phạm phu, trong ba cõi là vô ký. Ở đây, thế nào là xả, thế nào là đoạn?

Đáp:

*Trong tâm vô lậu đầu
Thánh không thành tựu xả
Phàm phu trôi các cõi
Lúc lia dục diệt hết.*

Trong tâm vô lậu đầu, Thánh không thành tựu xả: Nghĩa là trong tâm vô lậu thứ nhất, lúc được Thánh pháp, là được không thành tựu xả.

Phàm phu trôi các cõi: Tức lúc trôi trong các cõi, là xứ sở mạng chung xả bỏ xứ ấy, nếu là xứ sở sinh thì ở nơi xứ sở ấy đạt được vô ký.

Lúc lia dục diệt hết: Nghĩa là nơi địa phàm phu hiện có, nếu ở tại địa này lia dục, bấy giờ được diệt bỏ tánh phàm phu.

Đã nói về tâm bất tương ưng hành. Vô vi nay sẽ nói.

Ba pháp vô vi là pháp số duyên diệt, phi số duyên và hư không. Ở đây: Số duyên diệt là giải thoát các phiền não. Tức dựa vào số duyên diệt nơi pháp hữu lậu để lia phiền não đạt giải thoát. Do sức của số duyên, sức của trí tính toán, so sánh các sự việc có mà không, đó gọi là số duyên diệt. Tướng không trở ngại, đó gọi là hư không, nghĩa là không trở ngại đối với sắc là hư không.

*Các pháp nhiều duyên khởi
Cũng theo dựa cùng duyên
Không đủ nên không sinh
Diệt này không phải sáng.*

Tất cả pháp hữu vi đều từ các duyên mà sinh. Không duyên thì không sinh. Như nhãn thức phải dựa vào mắt, dựa vào sắc, dựa vào khoảng không, dựa vào ánh sáng, dựa vào đất, dựa vào sự vắng lặng. Nếu tất cả yếu tố này cùng hòa hợp liền được sinh. Nếu các thứ khác

không đủ tức không thể sinh. Như mắt lúc ngủ say xảy ra nơi tất cả thời, bấy giờ các sự việc còn lại không đủ, nên nhãn thức không thể sinh. Nhãn thức kia đáng lẽ nên sinh nhưng không sinh. Mắt đã sinh rồi, rốt cuộc không còn sinh nữa, vì đã lia duyên này, là có vị lai, nên không còn phải sinh. Nhãn thức ấy khởi đủ sự việc sai trái, không hòa hợp, là phi số duyên diệt. Như vậy, tất cả hành đều nên biết.

Đã nói về vô vi. Về nhân nay sẽ nói.

Hỏi: Pháp hữu vi nói là nhân. Trong ấy, thể nào là nhân?

Đáp:

*Nhân trước tương tợ tăng
Hoặc đều nương dựa sinh
Hai nhân và một duyên
Nói hoàn toàn đã sinh.*

Nhân trước tương tợ tăng: Nghĩa là pháp sinh trước sinh sau là nhân tương tợ chuyển tăng. Như thiện bậc hạ nơi tự địa, là nhân của thiện bậc hạ cùng bậc trung, nhân nơi bậc thượng, nhân nơi bậc trung, ở nơi bậc trung nhân cùng bậc thượng nhân nơi bậc thượng, chỉ là nhân của bậc thượng. Lúc pháp hành có trụ có tăng nhưng chung cuộc là không giảm. Do đây nên không phải là nhân bậc hạ

Hoặc đều nương dựa sinh: Nghĩa là hoặc nhân đều cùng sinh, như nhân tương ưng và nhân cùng có.

Hai nhân và một duyên, Nói hoàn toàn đã sinh: Nghĩa là nhân tự nhiên đã sinh nên nói là nhân. Trước chẳng phải là không sinh nhân sau. Nếu chưa sinh là không có trước sau. Nếu là có tức nên tùy lúc sinh, không từ nơi nhân, nhưng không như vậy, thể nên không có tất cả. Nhân biến hành và duyên thứ đệ cũng như thế.

Hỏi: Nói báo này là số chúng sinh hay không phải là số chúng sinh?

Hỏi: Báo này là số chúng sinh. Vì báo là trong pháp của số chúng sinh, tức nói không phải không là số chúng sinh. Vì sao? Vì số chúng sinh là không cùng có. Không phải là số chúng sinh là cùng có, nên không phải là báo.

Hỏi: Pháp của quả này như thế nào?

Đáp: Là quả giải thoát hữu vi, là quả nơi tánh của hết thấy pháp hữu vi hiện có, do nhân duyên nên giải thoát vô vi cũng nên nói là quả của đạo.

Hỏi: Thế nào là pháp có duyên? Thế nào là hành có duyên?

Đáp: Có duyên nghĩa là pháp đều cùng có duyên. Là tương ưng, là đều cùng hành trong một duyên không riêng khác.

Hỏi: Hành ở xứ nào?

Đáp: Hành ở cảnh giới khác. Hành trong cảnh giới khác, không phải là tự tánh, là lìa tự hành và duyên sai biệt.

Hỏi: Tâm tâm số pháp là có xứ sở hay là không có xứ sở?

Đáp: Không có xứ sở. Vì sao? Vì nhân rộng khắp. Tức nhân rộng khắp sinh tâm tâm số pháp. Như nhân hai mắt sinh ra một thức. Nếu có trụ xứ, tức nên trụ trong một mắt, là một thức. Nếu như vậy thì mắt thứ hai không nên thấy sắc. Nhưng đã thấy, thế nên không phải trụ trong một mắt. Như vậy tất cả đều nên biết. Nếu như vậy tức không có trụ xứ.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói về tâm giải thoát. Như vậy tâm giải thoát là quá khứ, là hiện tại hay là vị lai?

Đáp: Lúc sinh tức lúc đạo giải thoát sinh, là tâm giải thoát. Vì sao? Vì lúc đạo giải thoát sinh thì các phiền não diệt, thế nên lúc sinh là tâm giải thoát.

Hỏi: Lúc đạo sinh là đoạn trừ các phiền não chăng?

Đáp:

*Lúc đạo diệt, kiết diệt
Tuệ sáng như đã nói.*

Lúc đạo diệt là đoạn trừ các phiền não, không phải là lúc đạo sinh. Vì sao? Vì lúc đạo sinh là vị lai. Đạo vị lai thì không thể hành sự. Do vậy nên lúc đạo vô ngại diệt là đoạn trừ phiền não. Lúc đạo giải thoát sinh là giải thoát.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói có ái, không có ái. Có bao nhiêu thứ là có ái, bao nhiêu thứ là không có ái?

Đáp:

*Có ái có năm thứ
Không có một tướng riêng.*

Có ái có năm thứ: Có ái gọi là đối với vật sinh, không sinh, nếu ái đó gọi là có ái. Năm thứ ái này do kiến khổ đoạn, do kiến tập, diệt, đạo đoạn và do tư duy đoạn.

Không có một tướng riêng: Là không có ái gọi là đã do kiến đoạn. Vui thích với việc đoạn trừ, đó gọi là không có ái. Đây hoàn toàn là do tư duy đoạn. Vì sao? Vì từ kiến chấp ái là do tư duy đoạn. Đây là hành không chuyển biến trong sự nối tiếp, vì ái chẳng phải là ái kiến nên do tư duy đoạn.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói có ba cõi: Cõi đoạn, cõi không dục và cõi diệt. Tướng của các cõi này là thế nào?

*Xứ ái phiền não khác
Diệt tận là ba cõi.*

Ái đã đoạn là cõi không dục. Xứ đoạn là cõi diệt. Phiền não còn lại đoạn là cõi đoạn.

Hỏi: Mười tâm là tâm thiện, cấu uế, vô ký của cõi dục. Tâm thiện, cấu uế, vô ký của cõi sắc. Tâm thiện, cấu uế, vô ký và vô lậu

của cõi vô sắc. Mười tâm này có bao nhiêu thứ có thể được trong tâm cấu uế? Bao nhiêu thứ có thể được trong tâm thiện? Bao nhiêu thứ có thể được trong tâm vô ký?

Đáp:

*Tâm cấu uế được mười
Bậc Chánh giác đã nói
Trong tâm thiện được sáu
Vô ký tức vô ký.*

Tâm cấu uế được mười, Bậc Chánh giác đã nói: Nghĩa là trong tâm cấu uế, được tất cả cõi cùng địa của mười tâm. Lúc trở lại thiện cấu uế và vô ký của ba cõi, thì tâm này khi tất cả bị thoái chuyển thì được vô lậu.

Trong tâm thiện được sáu: Nghĩa là trong tâm thiện được sáu tâm. Thiện của cõi dục là do cầu học nên được và do hành của thân, miệng, cũng là tâm biến hóa vô ký. Thiện của cõi sắc là tâm biến hóa vô ký. Cùng tâm thiện và tâm vô lậu của cõi vô sắc.

Vô ký tức vô ký: Nghĩa là tâm vô ký chỉ có được vô ký, vì yếu kém.

Hỏi: Trước đã nói về mười pháp của phẩm đạo. Trong phẩm đạo này có bao nhiêu thứ là căn tánh hiện có? Bao nhiêu thứ không phải là căn tánh?

Đáp:

*Phẩm đạo có sáu pháp
Nên biết đây là căn.*

Ở đây sáu pháp là căn tánh hiện có, là tín đứng đầu nơi năm căn cùng hỷ căn. Số còn lại không phải là căn hiện có.

Hỏi: Các pháp là tương ưng với tự tánh hay là tương ưng với tánh khác?

Đáp:

*Tương ưng với các pháp
Đây nói là tánh khác.*

Các pháp tương ưng với tánh khác, không phải với tự tánh, không phải tự tánh đối với tự tánh là trợ bạn.

Hỏi: Nếu tự tánh này giải thoát thì nên như thế nào?

Đáp:

*Trong duyên mở trói buộc
Là lời Đại tiên nói.*

Các phiền não ở trong duyên trở nên ngu tối, tức phiền não kia không khởi ngu tối. Trong duyên bị trói buộc, tức ở trong ấy cõi bỏ. Không thể dùng tương ưng để cõi bỏ tương ưng, Vì sao? Vì đều là không.

Hỏi: Nếu đoạn trừ tức là giải thoát hay là khác nhau?

Đáp: Đúng vậy. Nếu giải thoát tức là đã đoạn trừ phiền não.

Hỏi: Từng có đoạn trừ phiền não không phải là giải thoát chăng?

Đáp: Có. Hoặc đoạn rồi lại bị trói buộc. Như nơi kiến đạo và tư duy. Khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh. Do kiến khổ đoạn trừ phiền não tức đoạn, nhưng kiến tập đoạn trừ thì phiền não lại trói buộc. Như vậy là lại do tư duy đoạn trừ tất cả các thứ. Lại hổ tương nơi duyên.

Hỏi: Thấy bốn chân đế, thế nào là được tịnh không hoại?

Đáp:

*Hai giải nơi ba đế
Bốn do thấy chánh đạo
Hưng khởi tín thanh tịnh
Tu tập ở hai đời.*

Hai giải nơi ba đế: Nghĩa là quán khổ, tập, diệt đạt được tịnh không hoại đối với pháp. Khổ trí, tập, diệt trí tương ưng với tín. Đó gọi là được tịnh không hoại là cùng với Thánh giới.

Bốn do thấy chánh đạo, Hưng khởi tín thanh tịnh: Nghĩa là lúc kiến đạo thì có đủ được bốn thứ tịnh không hoại.

Hỏi: Tu trong bao nhiêu đời?

Đáp: Tu tập ở hai đời. Tức các pháp được tu ở hai đời: Hiện tại là tu hành. Vị lai là tu đắc.

Hỏi: Thế nào là tâm cùng với pháp hành?

Đáp:

*Tất cả tâm số pháp
Nói là tâm cùng hành
Tương này và pháp khác
Tạo tác phải nên biết.*

Tất cả tâm số pháp, Nói là tâm cùng hành: Nghĩa là tất cả tâm số pháp được nói là tâm cùng hành, vì luôn gần với tâm.

Tương này: Tức tâm này có bốn tướng: Sinh, trụ, lão, vô thường, cũng gần với tâm.

Và pháp khác: Là tướng của tâm số pháp khác cũng là tâm cùng hành.

Tạo tác phải nên biết: Là giới không biểu hiện, như trước đã nói.

Hỏi: Thế nào là đoạn pháp?

Đáp: Là đoạn các pháp hữu lậu. Tất cả pháp hữu lậu được đoạn xen lẫn với ác.

Hỏi: Thế nào là nhận biết pháp?

Đáp: Là nhận biết các pháp hữu lậu không cấu uế và vô lậu, là nhận biết tất cả pháp, là cảnh giới của nhất thiết trí.

Hỏi: Thế nào là pháp xa?

Đáp: Quá khứ, vị lai nói là pháp xa, vì sự việc không làm xong.

Hỏi: Thế nào là pháp gần?

Đáp: Pháp còn lại nói là gần, vì gần với hiện tại, vì sự việc đã làm xong và vì nhanh chóng được gần với vô vi.

Hỏi: Thế nào là pháp định?

Đáp:

*Nghiệp vô gián không cứu
Cùng các hành vô lậu
Người tuệ nói là định.*

Năm nghiệp vô gián thì tất định đi đến địa ngục. Hành vô lậu cũng là tất định đưa đến quả giải thoát. Các thứ khác thì không định.

Hỏi: Thế nào là kiến xứ?

Đáp: Kiến xứ tất là hữu lậu. Vì tất cả pháp hữu lậu là kiến xứ, là xứ sở của năm kiến.

Hỏi: Nếu căn thành tựu thì thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp:

*Nói có mười chín căn
Là thành tựu nhiều nhất
Thành tựu ít nhất tám
Hiểu rõ căn đã nói.*

Nói có mười chín căn, Là thành tựu nhiều nhất: Nghĩa là thành tựu mười chín căn là nhiều nhất, như loại hai hình và người đủ căn, chưa lia đục, đã kiến đế.

Thành tựu ít nhất tám, Hiểu rõ căn đã nói: Nghĩa là thành tựu tám căn, như loại không đủ thân căn, loại đoạn thiện căn và phạm phu sinh trong vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ cảnh lạc (Xúc)?

Đáp: Có năm thứ:

*Tăng, có đối, vô minh
Ở giữa nơi xúc minh
Thánh đạo cùng có hai
Có thể hưng khởi quả.*

Xúc tương ưng với ý thức gọi là *xúc tăng* (Xúc tăng ngữ). Xúc tương ưng với năm thức gọi là *xúc có đối*. Xúc cấu uế gọi là *xúc vô minh*. Xúc vô lậu gọi là *xúc minh*. Xúc hữu lậu không phải là cấu uế gọi là *xúc không phải minh không phải vô minh*.

Hỏi: Những đạo nào được quả? Là đạo vô ngại hay là đạo giải thoát?

Đáp: *Thánh đạo cùng có hai, Có thể hưng khởi quả:* Là hai đạo cùng được quả: (1) Cởi bỏ trói buộc. (2) Được giải thoát. Hai đạo này đều thành quả.

Hỏi: Bạc Vô trước (A-la-hán) trụ ở tâm nào để nhập Niết-bàn?

Đáp: Bạc Vô trước ở trong tâm báo đạt được Niết-bàn vô vi. An trụ nơi không vương mắc tất cả sự việc, không tạo, không làm, không mong cầu. Từ trong tâm báo ấy liền nhập Niết-bàn.

Hỏi: Có bao nhiêu hữu?

Đáp:

*Sinh hữu và tử hữu
Căn bản cũng lại trung.*

Sinh hữu: Tức là âm lúc mới sinh, đó gọi là sinh hữu.

Tử hữu: Tức là âm lúc chết, đó gọi là tử hữu.

Căn bản hữu: Tức là trừ sinh hữu và tử hữu, âm ở khoảng trung gian, đó gọi là căn bản hữu.

Trung hữu: Tức là âm có nơi chôn đèn, đó gọi là trung hữu.

Hỏi: Nói có nhàm chán, có lia dục. Thế nào là nhàm chán? Thế nào là lia dục?

Đáp:

*Các trí tại nhân khổ
Nhẫn này tu nhàm chán
Diệt dục được không dục
Nói khắp ở trong bốn.*

Các trí tại nhân khổ, Nhẫn này tu nhàm chán: Nghĩa là nếu trí và nhẫn duyên nơi khổ, tập là nói về hành nhàm chán, xử nhàm chán.

Diệt dục được không dục, Nói khắp ở trong bốn: Tức là trí và nhẫn ở trong bốn để nói là lia dục cùng có thể đoạn dứt dục.

*

**

Phẩm thứ 10: LUẬN

*Oai nghi, không oai nghi
Nếu lia lại đạt được
Không do đầy đến hơn
Có thể quyết định, đáp.*

Đáp: Có. Từ vô sắc sinh nơi sắc.

*Từng lúc được quả Thánh
Tất cả lia các ác
Pháp hữu vi thiện tịnh
Được rồi mà không tu?*

Đáp: Có. Lúc thoái chuyển được quá khứ.

*Đạo là lúc hưng khởi
Chưa xa lia các ác*

*Lúc giải thoát là ác
 Nguyên đáp đã tất nhất?*

Đáp: Có. Nghĩa là tu nơi vị lai.

*Từng chiếu sáng phiền não
 Lúc hưng khởi nơi định
 Thanh tịnh trong thiền nhất
 Đạt được rơi suy thoái?*

Đáp: Có. Quả Vô trước tu cùng huân tu.

*Từng trong đạo kiến đế
 Đạt được các pháp thiện
 Pháp này cũng có duyên
 Thánh giả không thấy duyên?*

Đáp: Có. Trong cõi dục tu hành đẳng trí.

*Từng tuệ quả hữu lậu
 Xa là công đức tịnh
 Không là từ nơi ý
 Đây cũng là quả kia?*

Đáp: Có. Là tâm biến hóa của cõi dục.

*Từng trụ đạo vô ngại
 Thành tựu nơi các diệt
 Các phiền não theo kia
 Không như kiến vô lậu?*

Đáp: Có. Là lúc tu học các đạo.

*Từng kiết không giải thoát
 Người vô cầu đạt được
 Nhưng không đoạn phiền não
 Gọi đấy vô cầu tận?*

Đáp: Có. Là lúc từ trong cõi Quang diệu sinh nơi cõi Phạm thiên.

*Từng địa vô lậu tịnh
Chưa từng được, đã được
Không lìa dục, không thoái
Không dựa nơi kiến đạo?*

Đáp: Có. Là lúc lia sắc nhằm thủ chứng, được đạo tư duy vô lậu của vô sắc.

*Từng chưa được các pháp
Nhưng đạt được pháp này
Không xả kia chẳng được
Nếu có thể biết đáp?*

Đáp: Có. Là phạm tâm vô lậu thứ nhất khác được công đức vô lậu khác, xả bỏ sự việc của phạm phu. Ngoài ra tất cả đều không được.

HẾT - QUYỂN 4

SỐ 1551/6
LUẬN KINH A TỶ ĐÀM TÂM

Tác giả: Tôn giả Pháp Thắng. Tôn giả Ưu Ba Phiến Đa giải thích.

Hán dịch: Đời Cao Tề, Sa môn Na Liên Đề Da Xá.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

QUYỂN 1

Phẩm thứ 1: GIỚI

Trước đánh lễ Tới Thắng

Lìa nóng nói lợi ích

Tương ưng ngôn thuyết kia

La-hán thấy rõ thật.

Trước: Là trước hết. *Đánh lễ:* Là có tịnh tín, cung kính lễ bái.

Tới Thắng: Là Đức Thế Tôn, là bậc Ứng Cúng, tức đã nhận mọi sự cúng dường. Lại, ở trong tất cả pháp là hơn hết, nên gọi là Tới Thắng. Lại nữa, Đức Thế Tôn đối với tất cả pháp, đối với tất cả chúng loại đều được tự tại, nên gọi là Tới Thắng.

Lìa nóng: Là nghĩa lìa thiêu đốt. Nghĩa là phiền não nóng bức có thể thiêu đốt thân tâm. Đức Thế Tôn đã lìa bỏ sự việc ấy, nên gọi là lìa nóng. Đây là phần trí đoạn của chính Ngài đã thành tựu.

Sư kia (Tức chỉ cho Tôn giả Pháp Thắng) nói như thế là nhằm làm rõ phần tự lợi viên mãn nơi Đức Như Lai.

Tiếp theo *nói lợi ích*: Nghĩa là lời nói của Đức Thế Tôn có thể tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Lợi ích: Là an ổn. An ổn và lợi ích là một nghĩa, chỉ khác tên gọi. Đây là làm rõ về hành lợi tha viên mãn của Đức Thế Tôn. Đây là lược nói về công đức tự lợi, lợi tha đã viên mãn của bậc Thiên Nhân Sư. Vì Đức Thế Tôn đã thực hiện rốt ráo hai hành trên, nên là hơn hết trong Ứng Cúng.

Tương ưng ngôn thuyết kia: Tức là nghĩa đạo lý đã được hiển bày, tương ưng với công đức như vậy, tương ưng với lời nói của bậc Thiên Nhân Sư.

Lễ kính nói ở đây gọi là lễ Pháp bảo.

La-hán thấy rõ thật: Nghĩa là nên thọ nhận sự cúng dường của hàng trời, người, A-tu-la v.v... nên gọi là A-la-hán, đây nói là vô học. *Thật*: Nghĩa là bốn Thánh đế. Do tu học mà nhận thấy, nên A-la-hán kia được gọi là thấy rõ thật, đây chính là nói về học. Học, vô học v.v... này được gọi là Tăng đệ nhất nghĩa.

Lễ kính nói ở đây gọi là lễ Tăng bảo.

Hỏi: Vì sao phải lễ kính?

Đáp:

*Phật mở mắt tuệ giác
Như biết các pháp chúng
Cũng vì người khác hiện
Ta nay nói phần ít.*

Phật: Là người nhận biết tất cả pháp, nhận biết tất cả chủng loại, nên gọi là Phật. *Mở mắt tuệ giác*: Là nghĩa mắt của trí vô ngại.

Như: Nghĩa là như Đức Phật đã giảng nói, đã chỉ rõ, đã tuyên thuyết, đã giải thích pháp. *Biết*: Là hiểu. *Pháp*: Nghĩa là gìn giữ. Gìn

giữ nơi tự tánh, vì cái khác tạo duyên nên gọi là pháp. Vì pháp có tích tụ nên gọi là *pháp chúng*. Pháp chúng, quần tụ là cùng một nghĩa chỉ khác tên.

Cũng vì người khác hiện: Nghĩa là tự mình nhận biết, giác ngộ rồi, thì đem lại lợi ích cho thế gian, vì người khác hiển bày chỉ rõ. Hoặc có người đã nhận biết, đã giác ngộ, nhưng lại không vì kẻ khác giảng nói, như kinh Thăng Nhiếp Ba Lâm đã nêu.

Ta nay nói phần ít: Nghĩa là trong pháp do Đức Phật đã giảng nói, nay ta chỉ nói một phần ít về pháp tướng, đâu có thể nói hết nghĩa như vậy.

Hỏi: Pháp nào là do Đức Phật đã giảng nói, nay sắp nói?

Đáp: Đó là pháp hữu lậu, vô lậu, có phiền não, không phiền não, thọ ẩm, có tranh chấp, không tranh chấp, sắc, vô sắc v.v... Nay ta sẽ nói.

*Tất cả hành hữu lậu
Lìa thường, lạc, ngã, tịnh
Nhận lãnh nơi ngã v.v... này
Không thấy được hữu lậu.*

Tất cả hành hữu lậu, Lìa thường, lạc, ngã, tịnh: Nghĩa là các hành hữu lậu đều lìa thường, lìa lạc, lìa ngã, lìa tịnh, trong đó thế gian không thể quán xét, vì trí mờ tối do vô minh ngăn che tức nơi bốn môn này chỉ thấy biết điên đảo, nên gọi là điên đảo.

Hỏi: Do nhân nào nhận biết được các hành hữu lậu đều lìa ngã?

Đáp: Vì việc của ngã là không, vì thuộc về nhân duyên, nên hành gọi là thuộc về cái khác, không phải là tự tánh của ngã. Kẻ chấp ngã nói: Ngã không thuộc về cái khác, trừ bỏ ngã này lại là không. Thế nên tánh của ngã không thể đạt được. Vì không có được nhân của ngã, nên các hành đều lìa ngã.

Hỏi: Do nhân nào nhận biết được các hành hữu lậu đều lia lạc?

Đáp: Vì tạo bức bách, nên các hành hữu lậu là tự tánh của khổ, cũng là duyên của khổ, nên mới bị bức bách. Bức bách gọi là khổ, tức là lia lạc.

Hỏi: Do nhân nào nhận biết được các hành hữu lậu đều lia thường?

Đáp: Vì sinh diệt, vì hiện thấy các hành sinh rồi liền diệt, không nhận thấy là thường, thế nên nói là lia thường.

Hỏi: Do nhân nào nhận biết được các hành hữu lậu đều lia tịnh?

Đáp: Vì sự việc cấu nhiễm. Các sự việc hữu lậu là cảnh giới của phiền não đều là bất tịnh, cấu nhiễm, nên là lia tịnh.

Hỏi: Các hành như vậy đều lia ngã v.v... vì sao thế gian lại nhận lấy ngã v.v...?

Đáp: Nhận lãnh nơi ngã này, Không thấy được hữu lậu: Các hành hữu lậu đều không được thấy biết như thật. Thế gian không thể quán xét, tạo hiểu biết đúng về ngã v.v... Cũng như kẻ oán đối che giấu điều dục ác, chỉ nói ra lời hay đẹp để được đi vào trong nhà. Thật sự kẻ ấy không phải là bạn thân, nhưng đã khiến chúng ta hiểu là bạn thân. Do ngã, ngã sở che lấp, nên không nhận thấy vô ngã. Vì thế hiện chỉ thấy hành v.v... tạo nghiệp là do mê lầm, tức trong sự việc vô ngã mà thấy có ngã. Đối trị với việc che lấp khổ, nên nơi các hành trụ v.v... đều khởi tưởng cho là vui, rồi ở trong ấm khổ thọ lại tạo ra hiểu biết cho là vui. Sự tương tự nối tiếp cũng che lấp sự vô thường. Người kia hiện thấy sắc tương tự nối tiếp rồi ghi nhận, nhớ nghĩ sự việc từ trước, như tụng đọc, hành trì kinh luận, nên ở trong hành vô thường đã tạo hiểu biết là thường. Vì màu sắc da bên ngoài che giấu những thứ bất tịnh, nên người kia đối nơi xứ tóc, lông, móng, răng v.v... của mình lắm khi thấy là tịnh. Tức là trong bất tịnh mà tạo hiểu biết là tịnh. Tuy trông thấy

phân, nước tiểu vốn là bất tịnh vẫn còn sinh khởi mê lầm, cho đây là bất tịnh, nhưng các thứ khác là tịnh. Giống như loài dã can xem hoa Khẩn-thúc-ca.

Hỏi: Vì sao Luận này trước tiên nói đến điên đảo?

Đáp: Vì để nhận biết pháp tướng không điên đảo, nên như trước tôi đã nói, vì muốn khiến cho đệ tử nhận hiểu chân thật. Do tâm không điên đảo, nên an ổn dễ lãnh hội. Thế nên Luận này trước hết nói về điên đảo.

Hỏi: Chỉ có các hành hữu lậu này là lìa ngã v.v... hay là còn có pháp nào nữa?

Đáp: Còn có.

*Nếu xứ sinh phiền não
Thánh nói là hữu lậu
Do tên của lậu kia
Người tuệ nói phiền não.*

Nếu xứ sinh phiền não, Thánh nói là hữu lậu: Nghĩa là nếu nương dựa, hoặc tụ tập, hoặc duyên hợp, hoặc là số chúng sinh hay chẳng phải số chúng sinh, sinh khởi các phiền não như thân kiến v.v..., thì pháp ấy nói là hữu lậu.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Do tên của lậu kia, Người tuệ nói phiền não: Tức quan sát phiền não rồi đặt ra tên gọi lậu, do pháp kia sinh khởi phiền não, tức dựa nơi lậu sinh khởi nên gọi là hữu lậu. Như có người sợ đao có thức ăn độc v.v... nên nói như vậy. Nếu sự việc thuộc về lậu, vì lậu đã gồm thâu thì sự việc ấy gọi là hữu lậu. Ở đây nói vô lậu duyên nơi phiền não sinh, thì không phải là pháp vô lậu thuộc về phiền não hay bị phiền não thâu tóm, vì pháp vô lậu chỉ duyên nơi phiền não sinh.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của lậu?

Đáp: Từ cõi Hữu đánh xuống đến ngục Vô gián, trong khoảng trung gian đó là nẻo ung nhọt lậu của sáu nhập nên gọi là lậu, giống như một thứ ghẻ lậu. Lại, vì lưu trú nơi sinh tử nên gọi là lậu.

Hỏi: Hữu lậu này còn có tên gọi nào nữa?

Đáp: Có.

*Cũng gọi có phiền não
Thủ ám cùng có tranh
Phiền, thủ, tranh chấp sinh
Biết nói tự tánh kia.*

Cũng gọi có phiền não, Thủ ám cùng có tranh: Tức pháp hữu lậu này cũng gọi là có phiền não, cũng gọi là thủ ám, cũng gọi là có tranh chấp.

Hỏi: Vì sao hữu lậu có nhiều tên gọi?

Đáp: *Phiền, thủ, tranh chấp sinh, Biết nói tự tánh kia:* Tức các phiền não, thủ, tranh chấp v.v... là tên gọi khác của lậu. Từ phiền não sinh, lậu kia cũng lại sinh phiền não, nên gọi là có phiền não. Như vậy từ thủ sinh, lậu kia cũng lại sinh thủ, nên gọi là hữu thủ. Từ tranh chấp sinh, lậu kia cũng lại sinh tranh chấp, nên gọi là có tranh chấp.

Hỏi: Ám này Đức Thế Tôn đã nói là thủ ám, tức ám này là lia thủ ám thì riêng có ám khác chăng?

Đáp: Nếu là thủ ám thì ám này tức là ám. Hoặc có khi là ám nhưng không phải là thủ ám.

Hỏi: Vì sao như thế?

Đáp:

*Nếu hành lia phiền não
Đây là ám vô lậu*

*Cùng trước có thủ ám
Là ám Thánh đã nói.*

Nếu hành lìa phiền não, Đây là ám vô lậu: Nghĩa là ám này nêu bày chưa đầy đủ. Tức có hai thứ ám: Vô lậu, hữu lậu. Nếu hành lìa phiền não như thân kiến v.v..., thì đó gọi là vô lậu, là ám, không phải là thủ ám.

Cùng trước có thủ ám, Là ám Thánh đã nói: Nghĩa là nếu ám vô lậu này cùng với thủ ám đã nói ở trước hợp nói là ám thì đó là năm ám như sắc v.v...

Hỏi: Thế nào là nghĩa của ám?

Đáp: Nghĩa tụ tập là nghĩa của ám.

Hỏi: Nếu như vậy thì ám chỉ là giả danh thật sự là không có vì không phải chỉ một vật được gọi là tụ tập mà do hòa hợp nên gọi là tụ tập?

Đáp: Không phải chỉ có tướng mà cũng có sự thật. Có sự việc này nên có tướng kia, vì vậy ám có tướng. Như Đức Phật đã nói tướng ngăn ngại là sắc ám v.v... Thế nên có sự việc như giới v.v... thâm tóm cảnh giới của trí, thức, sử v.v..., như bốn Thánh đế, nên ám có sự việc, không phải chỉ là giả danh.

Hỏi: Âm, giới, nhập có gì sai biệt?

Đáp:

*Mười thứ là sắc nhập
Cũng gọi sắc vô giáo (Vô biểu)
Là phân biệt sắc ám
Đức Thế Tôn đã nói.*

Sắc có hai thứ: (1) Sắc do vi trần tích tụ. (2) Sắc không phải do vi trần tích tụ.

Sắc do vi trần tích tụ tức là mùi sắc nhập: Tức từ nhãn cho đến xúc.

Sắc không phải do vi trần tích tụ: Được gọi là sắc vô giáo (Sắc vô biểu), thuộc về pháp nhập, nơi phẩm Nghiệp sẽ nói đến. Tất cả sắc này đều là số của sắc âm, là cùng nhập của sắc âm, Đức Phật đã nói là sắc âm, do đây tiếp xúc với kia, do kia tiếp xúc với đây, nên gọi là sắc. Do đây xúc nã kia, do kia xúc nã đây, là nghĩa ấy. Như Đức Phật đã nói: Như sự tiếp xúc của tay v.v..., vì tiếp xúc nên gọi là sắc.

Hỏi: Nếu như vậy thì trừ sắc vô giáo ra, các sắc kia không phải là sắc. Vì sao? Vì không phải tay v.v... để có thể tiếp xúc, do không có đối.

Nếu ý của ông cho: Chỗ nương dựa là có thể tiếp xúc thì sắc kia cũng là có thể tiếp xúc, nên không có lỗi, nghĩa là thọ v.v... cũng nên là sắc chẳng?

Nếu ý của ông cho: Vì sắc kia đã dựa vào bốn đại là có thể tiếp xúc, nên thọ kia cũng là có thể tiếp xúc, thì tôi sẽ nói: Hiện thấy những sự việc cần cho tạo tác, như tạo nên bức họa, tạo ra đất nhào để nặn tượng. Nếu như vậy thì các tâm số như thọ v.v... cũng nên là sắc, vậy ông có lỗi, vì thọ v.v... kia cũng dựa vào các căn như mắt v.v... và thọ kia cũng nên có thể tiếp xúc chẳng?

Đáp: Chẳng phải chỉ sinh khởi nhân của tâm tâm số, chẳng phải tâm tâm số dựa vào các căn như mắt v.v... như ánh sáng dựa vào viên ngọc. Lúc tâm tâm số kia sinh thì mắt v.v... làm nhân, như vậy mắt v.v... là xúc, thọ kia không phải là xúc.

Lại nữa, sắc được tạo là dựa nơi đại, như ánh sáng dựa vào viên ngọc, thế nên đại là xúc, sắc được tạo kia cũng là xúc.

Hỏi: Tuy nói như vậy nhưng tướng của ông nêu cũng tự không thành. Vì sao? Vì trừ sắc của vi trần trong quá khứ, vị lai?

Đáp: Tướng không thể hoại, khi xúc của sắc quá khứ đã diệt, sắc vị lai cũng sinh ra tướng như vậy. Như thế, vi trần cũng là có thể tiếp xúc, do vi tế nên không thể được biết. Vì vậy hết thấy các sắc đều là có thể tiếp xúc.

*Chỗ gọi là thức ám
Tức nói là ý nhập
Ở trong mười tám giới
Cũng nói là bảy giới.*

Thức ám đó là sáu thức thân, là trong mười hai nhập nói là ý nhập. Nơi mười tám giới phân biệt là giới của bảy tâm: Nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỉ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý thức giới, ý giới v.v...

Thức là khả năng nhận biết về duyên, nên gọi là thức. Thức là nghĩa có thể nhận lấy duyên.

*Ngoài tức có ba ám
Ba vô vi vô giáo
Nói đó là pháp nhập
Đấy cũng là pháp giới.*

Như trước đã nói, các pháp như thọ v.v... gọi chung là một pháp nhập, là một pháp giới trong mười tám giới.

Nghĩa của nhập đó là nghĩa cửa, là nghĩa vào, như cửa sổ. Như Đức Phật đã nói: Mắt của Bà-la-môn là cửa ngõ cho đến thấy sắc. Nghĩa của chữ nhập là nghĩa chuyên tải, thu nạp, có thể làm tăng trưởng tâm tâm số pháp. Do nghĩa này nên gọi là nhập.

Nghĩa của giới: Nghĩa của tánh là nghĩa của giới, như giới chu sa, giới hùng hoàng v.v...

Nghĩa của chữ giới là có thể giữ lấy tự tướng, cùng với thứ khác tạo duyên nên gọi là giới. Sự việc của giới này có mười bảy, hoặc lại

mười hai. Vì sao? Vì trừ sáu thức giới, lại không có ý giới, thế nên mười bảy tức là sáu thức thân lần lượt nối tiếp, gọi là ý giới. Như tên gọi cha con, người con lần lượt nối tiếp theo thứ lớp được gọi là cha. Như vậy, trừ ý giới, ngoài ra không có sáu thức giới riêng biệt, vì thế mười hai nương dựa cùng nương dựa, là duyên sai biệt nên có mười tám. Sự của giới nhập cùng gồm thấu tất cả pháp, nên ấm ấy hoàn toàn là hữu vi.

Hỏi: Trong ấm vì sao không gồm thấu vô vi?

Đáp: Vì vô vi không có tướng của ấm. Hai thứ tướng của ấm là cộng tướng và biệt tướng.

Cộng tướng là nghĩa tụ tập, là nghĩa của ấm và vô thường v.v... Biệt tướng là sự ngăn ngại của sắc v.v... Hai thứ tướng này trong vô vi không có, vì vậy ấm không gồm thấu vô vi. Ngoài ra còn có nghĩa gì nữa? Nghĩa là các sự việc không phải là điên đảo và phương tiện đoạn trừ. Vô vi không phải là sự việc điên đảo cùng phương tiện đoạn trừ điên đảo. Vì những sự việc điên đảo nên nói là thủ ấm. Vì là phương tiện đoạn trừ điên đảo nên nói là ấm vô lậu. Vậy nên trong ấm không gồm thấu vô vi.

Như thế là đã nói rất rộng về cảnh giới của ấm, giới, nhập, nên kiến lập giới là muốn nói về các thứ nghĩa, nên nói như vậy.

Trong giới, một có thấy

Mười giới nói có đối

Tám giới là vô ký

Ngoài ra thiện, bất thiện.

Trong giới, một có thấy: Nghĩa là trong mười tám giới nên biết một giới có thể thấy, đó là sắc giới. Vì sao? Vì là cảnh giới của nhãn thức nên có thể thấy. Lại nữa, có thể chỉ rõ cái này, chỉ rõ cái kia, nên có thể thấy. Mười bảy thứ còn lại nhất định là không thể thấy.

Mười giới nói có đối: Nghĩa là năm nội giới trong mười tám giới là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Năm ngoại giới là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đó là mười giới nói là có đối. Ba thứ có đối là chướng ngại có đối, cảnh giới có đối và duyên có đối.

Chướng ngại có đối là như tay trái và tay phải đối nhau. Cảnh giới có đối là căn cùng với cảnh giới cùng đối nhau. Duyên có đối là ý thức đối với tất cả pháp. Ở đây chỉ nhận lấy chướng ngại có đối. Lại vì cùng chướng ngại nên gọi là có đối.

Tất cả mười thứ giới kia còn hỗ tương đối nhau. Nếu không như vậy thì mười giới đó tức không tăng trưởng. Như Thượng tọa Cưu-ma-la-đa nói: Nếu tâm lúc muốn khởi mà bị các thứ khác gây chướng ngại, nên biết là có đối, trái lại là không đối. Ngoài ra, tám giới kia nhất định là không đối.

Tám giới là vô ký: Nghĩa là trong mười tám giới nên biết có tám giới là vô ký. Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, hương, vị, xúc. Chúng không có ái, không có quả của ái có thể ghi nhận, nên là vô ký.

Ngoài ra thiện, bất thiện: Tức mười giới còn lại nói là thiện, bất thiện, vô ký. Nghĩa là giới của sắc thanh do thân miệng ý tạo ra, là thiện, bất thiện. Vì sao? Vì từ tâm thiện, bất thiện khởi lên, ngoài ra là vô ký.

Bảy tâm giới như nhãn thức v.v...: Là giới của pháp tương ưng với tâm thiện, bất thiện, vô ký. Là giới của tâm số pháp thiện, bất thiện, vô ký. Là tự tánh tương ưng với thiện, bất thiện, vô ký.

Tự tánh thiện của tâm kia: Là hỗ thẹn cùng ba căn thiện như không tham v.v... Tương ưng với thiện: Nghĩa là cùng với tâm số như thọ v.v... kia tương ưng.

Tự tánh bất thiện của tâm kia: Là không hỗ không thẹn cùng ba căn bất thiện như tham v.v... Tương ưng với bất thiện: Nghĩa là cùng với tâm số như thọ v.v... kia tương ưng. Cùng trái với hai thứ trên là vô ký.

Về pháp giới không tương ứng trong phẩm Tạp sẽ nói.

Trong vô vi: Một thiện, hai vô ký. Số duyên là thiện. Hư không, phi số diệt là vô ký. Ở đây, thiện gồm thân quả ái, do an ổn nên gọi là thiện.

Thiện gồm thân là đạo đế và phần ít của khổ đế, tập đế. Quả ái nghĩa là phần ít của khổ đế, tập đế. An ổn là diệt đế. Trái với đây gọi là bất thiện, là phần ít của khổ đế, tập đế kia. Trừ phần này ra gọi là vô ký. Không có thiện, bất thiện có thể ghi nhận nên gọi là vô ký. Không có quả có thể ghi nhận cũng gọi là vô ký.

*Mười lăm định hữu lậu
Còn hai, ba, ba hữu
Trong dục hữu có bốn
Mười một tại hai hữu.*

Mười lăm định hữu lậu: Tức là năm nội giới, năm ngoại giới và năm thức giới. Mười lăm giới này hoàn toàn là hữu lậu.

Còn hai: Là còn lại có ba giới, là ý giới, pháp giới, ý thức giới. Ba giới này có hai thứ là hữu lậu, vô lậu.

Hữu lậu là sinh khởi lậu cùng tương ứng với lậu. Vì là xứ có đủ dấu vết của lậu, nên gọi là hữu lậu. Cùng trái với hữu lậu này gọi là vô lậu.

Lược nói về vị trí dục tri căn v.v...: Các căn vô lậu đều sinh pháp và đắc pháp đó, được giải thoát xuất thế gian cùng vô vi là vô lậu, ngoài ra là hữu lậu.

Ba ba hữu: Tức ba giới này ở trong ba hữu có thể đạt được.

Trong dục hữu có bốn: Là giới của hương, vị, tỷ thức, thiết thức, hoàn toàn thuộc về cõi dục. Vì dục hữu kia không phải là cõi sắc, vốn lia đoạn thực và ái.

Mười một tại hai hữu: Nghĩa là năm nội giới và giới của sắc, thanh, xúc cùng duyên với ba thức giới kia.

Mười một giới ở cõi dục, cõi sắc này, không phải ở cõi vô sắc, vốn không có sắc.

Các giới kia bị sử cõi dục trói buộc là thuộc cõi dục. Bị sử cõi sắc trói buộc là thuộc cõi sắc. Bị sử cõi vô sắc trói buộc là thuộc cõi vô sắc.

*Có giác có quán năm
Ba thứ ba khác không
Có duyên nên biết bảy
Cũng phần ít giới pháp.*

Có giác, có quán năm: Là năm thức giới hoàn toàn là có giác có quán, vì nghĩa cùng tương ưng với giác, quán.

Ba thứ ba: Là ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Ba giới kia có ba thứ: Là cõi dục và thiên thứ nhất là có giác có quán. Thiên trung gian không giác có quán. Từ thiên thứ hai cho đến cõi trời Hữu đánh là không giác không quán.

Pháp giới có giác có quán, nghĩa là cõi dục và trời Phạm thế, trừ tâm số của giác, quán. Pháp giới không giác có quán, là nghĩa thiên trung gian, trừ tâm số của quán. Pháp giới không giác không quán, nghĩa là từ thiên thứ hai cho đến pháp giới tâm số của trời Hữu đánh. Thiên trung gian quán tất cả pháp vô giáo v.v...

Pháp giới không tương ưng là cõi dục, trời Phạm thế, không gồm thân trong ba giới này. Nếu muốn nói, nên nói là không quán có giác.

Ngoài ra là không: Nghĩa là ngoài mười giới không giác không quán, vì mười giới ấy không tương ưng với giác, quán.

Có duyên nên biết bảy, Cũng phân ít pháp giới: Nghĩa là bảy tâm giới và giới của tâm số pháp là có duyên. Do có duyên này, nên gọi là có duyên. Vì các giới kia có cảnh giới có thể nhận lấy nên nói là có duyên. Lại có duyên khác gọi là như tay duyên với cây gậy. Những thứ đây là ngôn thuyết của thế tục. Nên biết nhất định là không có duyên khác.

*Chín không thọ, khác hai
Hữu vi, vô vi một
Hoàn toàn là hữu vi
Nên biết mười bảy giới.*

Chín không thọ: Nghĩa là chín giới quyết định không nhận lấy tên thọ. Nếu sắc ở tại số căn và không lìa căn, nếu cắt đứt, diệt bỏ, hủy hoại tâm tâm số pháp, thì ở đây thọ trụ nơi chính giữa, nếu khác thì không thọ nhận. Bảy tâm giới, thanh giới, pháp giới, chín giới này gọi là không thọ nhận, vì chúng không phải là nơi chôn dừng trụ của tâm tâm số pháp.

Khác hai: Nghĩa là chín giới khác có hai thứ: Tức năm nội giới, nếu ở trong hiện tại gọi là thọ, hoặc thức hiện tại này tuy là không, cũng gọi là có thọ, vì gồm thân số chúng sinh thuộc chủng loại của thức đó nên nói là thọ. Như vậy, quá khứ, vị lai và phi số chúng sinh đều được gọi là không thọ nhận. Vì sắc, hương, vị, xúc cùng với căn không lìa nhau, nên ở hiện tại gọi là thọ nhận. Như tâm tâm số pháp trong căn, dừng trụ nơi căn đó cũng như vậy, ngoài ra gọi là không thọ nhận.

Lược nói nếu pháp sinh nhưng chưa diệt, thì số chúng sinh có đối, có thể dẫn dắt, có thể xô đẩy, pháp sinh đó gọi là thọ nhận.

Pháp kia sinh nhưng chưa diệt, nghĩa là trừ quá khứ. Số chúng sinh ở vị lai, nghĩa là trừ hiện tại. Phi số chúng sinh có đối, nghĩa là trừ pháp sinh chưa diệt. Tâm tâm số pháp có thể dẫn dắt, có thể xô đẩy, nghĩa là trừ thanh giới.

Hữu vi, vô vi một: Nghĩa là nhân duyên hòa hợp tạo tác nên gọi là vi. Sự hòa hợp tạo tác này có thể sinh khởi nghĩa. Tạo tác là nghĩa gì? Là nghĩa có nhân. Nghĩa có nhân là nghĩa hữu vi, vì hữu vi nên gọi là tạo tác. Một pháp giới dung hợp hữu vi, vô vi. Trong pháp giới này có ba thứ thường nên là vô vi, tức hư không, số diệt, phi số diệt. Ba ám như thọ v.v... và sắc không tạo tác gọi là hữu vi.

Hoàn toàn là hữu vi, Nên biết mười bảy giới: Tức mười bảy giới còn lại vì có nhân nên hoàn toàn là hữu vi.

Hỏi: Như vậy là đã phân biệt về pháp tướng xong. Thế nào là gồm thâm pháp? Là tự tánh hay là tha tánh?

*Các pháp lìa tha tánh
Đều tự trụ tánh mình
Thế nên tất cả pháp
Đều thuộc về tự tánh.*

Các pháp lìa tha tánh: Nghĩa là mắt lìa tai. Như vậy, tất cả sự việc, nếu tánh lìa tánh, cùng gồm thâm là nói về không tương ưng. Thế nên không phải là thuộc về tánh khác. Sự việc ấy có lỗi gì? Nếu một sinh diệt thì tất cả còn lại cũng sinh diệt, điều này không hợp đạo lý, do vậy tánh khác không gồm thâm.

Đều tự trụ tánh mình: Nghĩa là mắt tự trụ vào tánh của mắt. Tất cả pháp đều như vậy, *Thế nên tất cả pháp, Đều thuộc về tự tánh*, do vậy tự tánh gồm thâm tất cả pháp. Ở đây, Sư kia đã nói tự tướng là nghĩa gồm thâm. Tự tướng này cũng có hai thứ là sinh và phần giới hạn sai biệt.

Sinh: Sắc ám gồm thâm mười sắc nhập, cho đến sắc trong pháp nhập. Nhãn giới gồm thâm nhãn giới.

Phần giới hạn sai biệt: Nghĩa là một niệm này gồm thâm một niệm, không gồm thâm niệm khác. Nếu gồm thâm pháp khác mà được

tên gọi, thì như đèn đài, lầu gác gồm thân nền, thêm bực, cột kèo v.v..., đó là ngôn thuyết của thế tục. Nhân giới kia thuộc về một giới, một nhập, một âm. Nên biết là tất cả pháp cũng như vậy.

**

Phẩm thứ 2: HÀNH

Đã nói tướng của các pháp. Sự khác nhau về sinh nay sẽ nói.

Hỏi: Nếu tất cả pháp đều thuộc về tự tánh thì cũng nên do tự lực có thể sinh khởi chăng?

Đáp:

*Trước không một nào sinh
Vi là nơi trợ bạn
Tất cả sức đây kia
Các pháp mới được sinh.*

Trước không một nào sinh, Vi là nơi trợ bạn: Nghĩa là tự tánh của các hành hữu vi là yếu kém, thế nên không pháp nào do tự lực có thể sinh khởi.

Hỏi: Thế nào là được sinh?

Đáp: Tất cả sức đây kia, Các pháp mới được sinh: Tức các pháp hữu vi đều do sức đây kia mới sinh khởi. Như hai người ôm yếu, phải nhờ vào sức của người này người kia mới đứng dậy được.

Hết thầy hành này lược nói có bốn thứ: Đó là sắc, tâm, tâm số pháp và tâm bất tương ưng hành. Sự sinh kia cũng có bốn thứ: Tạo nhận lấy, tạo nương dựa, tạo tăng thượng, tạo trợ bạn.

Tạo nhận lấy: Là dựa vào quả của quả báo và phần ít của quả trượng phu (Quả dị thực, quả sĩ dụng).

Tạo nương dựa: Là các giới, sáu nhập, sắc do bốn đại tạo.

Tạo tăng thượng: Là sự việc sinh khởi nơi tất cả các pháp xảy ra trong một sát-na.

Tạo trợ bạn: Là tâm tâm số pháp đây kia làm trợ bạn cùng với các tướng hữu vi.

Các pháp hữu vi như vậy, tôi nên nói trước là cùng với tâm cùng sinh làm trợ bạn.

*Nếu có xứ tâm sinh
Tất với tâm cùng sinh
Và nhóm các tâm pháp v.v...
Cùng hành bất tương ưng.*

Tâm: Tức tâm, ý, thức là cùng một nghĩa, nhưng tên gọi có khác. Tâm ấy phân biệt về thiện v.v..., phân biệt về giới, phân biệt về chủng loại, phân biệt về nương dựa, phân biệt về vô lậu v.v... có vô lượng thứ sai biệt. Tâm ấy hoặc nương dựa, hoặc duyên, hoặc trong một sát-na sinh khởi, quyết định cùng tâm tâm số pháp và tâm bất tương ưng hành phát sinh.

Hỏi: Thế nào là tâm, tâm số pháp?

Đáp:

*Tướng, dục cùng xúc, tuệ
Niệm, tư và giải thoát
Tác ý nơi cảnh giới
Tam-ma-đề và thọ.*

Tướng là đối với duyên có thể nhận lấy tướng mạo. Nghĩa là nhận lấy các tướng nam, nữ, thô, tế, dài, ngắn v.v...

Dục là yêu thích, như trông thấy sự việc rồi ưa thích v.v...

Xúc là dựa vào duyên cùng với tâm hòa hợp. Như ánh sáng mặt trời và viên ngọc báu cùng hòa hợp sinh ra lửa.

Tuệ là khả năng nhận biết về duyên. Như đây là sắc, không phải vị, là phải, là trái v.v...

Niệm là buộc giữ niệm nơi duyên.

Tu là đối với thiện, bất thiện cùng trái nhau, tâm có chuyển biến.

Giải thoát là tâm ở trong duyên chuyển biến không bị chướng ngại.

Tác ý là nhận lấy duyên một cách mạnh mẽ. Có người nói là nghĩa của tâm chuyên chú.

Tam-ma-đề là lúc nhận lấy duyên tâm không tán loạn.

Thọ là ở trong duyên có vui thích không vui thích cùng trái nhau đều thọ nhận.

*Tất cả tâm lúc sinh
Sinh này Thánh đã nói
Đồng nơi một duyên chuyển
Cũng lại thường tương ưng.*

Tất cả tâm lúc sinh, Sinh này Thánh đã nói: Nghĩa là mười pháp như tướng v.v... cùng với tất cả tâm đều cùng sinh nên gọi là đại địa, là địa của tâm đại nên gọi là đại địa.

Đồng nơi một duyên chuyển: Nghĩa là mười pháp này cùng với tất cả tâm đều cùng ở trong một duyên chuyển, không duyên khác. Có năm thứ đồng: Đó là tướng mạo, duyên, thời, nương dựa, sự việc. Tức là đồng một tướng mạo, một duyên, một thời, một nương dựa, một sự việc. Đồng là nghĩa cùng tương ưng.

Cũng lại thường tương ưng: Nghĩa là ở đây thường cùng với tâm tương ưng đây kia cùng sinh. Do tương ưng nhận lấy duyên nên gọi là tương ưng.

Đã nói pháp tương ưng trong tất cả tâm. Không phải là pháp tương ưng trong tất cả tâm nay sẽ nói.

*Các căn có hổ thẹn
Tín ý, không phóng dật
Không hại, tinh tấn, xả
Hoặc nhiệt cùng giác, quán.*

Các căn: Là hai căn thiện không tham, không giận. Thể của căn thiện không si tức là tuệ. Vì đại địa là chung nên trong đây không nói đến.

Không tham là đối với có hay không có không vướng chấp.

Không giận là đối với số chúng sinh không khởi giận dữ.

Hổ là tôn trọng thân mình, đối với việc ác sinh xấu hổ.

Thẹn là tôn trọng pháp của thế gian.

Tín là không điên đảo đối với nhân quả.

Tín ý (Khinh an) là tâm thiện lìa bỏ xấu ác khiến trong thân thư thái.

Không phóng dật là dùng phương tiện để điều phục, thuận hợp đối với việc nên làm không nên làm, tâm hoàn toàn tạo phương tiện để xả. Đây là nghĩa tu thiện.

Không hại là đối với số chúng sinh tâm không nào hại.

Tinh tấn là lìa bỏ lỗi lầm xấu ác, tu tập công đức, tâm khuyến gắng giữ gìn khiến tăng trưởng.

Xả là tâm bình đẳng nơi tất cả tâm thiện đều cùng thuận đạo lý.

Mười pháp này trong tất cả tâm thiện đều có thể đạt được, nên gọi là đại địa thiện.

Hoặc nhiệt: Các phiền não như ngã kiến v.v... nơi phẩm Sử sẽ nói.

Tâm thô gọi là *giác*, là nghĩa nhanh nhẹn, nhạy bén. Tâm tế gọi là *quán*, là nghĩa vi tế, ít hiện. Pháp này không phải trong tất cả tâm đều có thể có được, tức hoặc có thể được, hoặc không thể được.

Sau đây, hoặc là tự cho đến tâm số sinh khởi nay sẽ nói.

Phân biệt về thiện v.v... của tâm tâm số pháp này có năm thứ tự: Bất thiện, thiện, không chung, vô ký ản mắt, vô ký không ản mắt. Cõi dục thành tựu cả năm thứ. Cõi sắc, cõi vô sắc thành tựu bốn thứ, trừ bất thiện.

Tâm bất thiện trong tự
Tâm số hai mươi một
Trong ba kiến bớt một
Dục hai kiến thiếu ba.

Tâm bất thiện trong tự, Tâm số hai mươi một: Tâm bất thiện là nếu tâm cùng với không hổ không thẹn tương ưng.

Trong tự của tâm này có hai mươi một tâm số: Nghĩa là mười đại địa cùng hai thứ giác, quán, các phiền não tham, giận, mạn, nghi và với trong kia là một vô minh nơi tham cho đến nghi v.v... Đây kia đều không tương ưng với vô minh. Nhưng cùng với kia tương ưng là cùng tương ưng với tất cả phiền não.

Bảy thứ khởi hiện phiền não là không hổ, không thẹn, ngu ngốc, trạo cử, bất tín, phóng dật và lười biếng.

Hỏi: Trong tất cả tâm bất thiện đều có hai mươi một tâm số pháp chăng?

Đáp: Không phải vậy. *Trong ba kiến bớt một, Dục hai kiến thiếu ba:* Nghĩa là trong tự của tâm bất thiện, thì ba kiến là tà kiến, kiến thủ, giới thủ, tương ưng với tâm chỉ có hai mươi tâm số pháp, tức trong số này trừ tuệ.

Dục hai kiến thiếu ba: Nghĩa là hai kiến thân, biên của cõi dục tương ứng với tâm bất thiện chỉ có mười tám tâm số pháp tức trừ tuệ như trước đã nói, lại trừ không hỏ, không thẹn. Vì kiến là tánh của tuệ, nên trong tụ tương ứng với kiến không có tuệ, không phải sự việc trong một tụ có hai tuệ. Hai kiến thân, biên là vô ký. Không hỏ, không thẹn hoàn toàn là bất thiện, nên thiếu ba.

*Tâm thiện hai mươi hai
Không chung có hai mươi
Vô ký có mười hai
Hối, miên cùng được tăng.*

Tâm thiện hai mươi hai: Nghĩa là mười đại địa, mười đại địa thiện cùng giác, quán.

Không chung có hai mươi: Nghĩa là trong hai mươi một thứ của tụ tâm bất thiện trừ một phiền não. Không chung là chỉ có một vô minh, không phải sử khác.

Vô ký có mười hai: Nghĩa là trong tụ vô ký không ẩn mất có mười hai tâm số, tức mười đại địa cùng giác, quán. Ở đây: Có công đức như không tin v.v... và lỗi ác như không tham v.v... Vì sao? Vì là vô ký. Không ẩn mất là không phải nhiễm ô.

Hối, miên cùng được tăng: Nhớ lại, chuyển đổi, gọi là hối. Hối này có ba thứ: Thiện, bất thiện, vô ký, trong đó do hành thiện, bất thiện tạo tác, nên gọi là thiện, bất thiện. Thiện, bất thiện này có bốn thứ sai biệt: Hoặc có thiện lập nên bất thiện, như thực hiện bố thí v.v... rồi lại hối tiếc. Hoặc có bất thiện lập nên thiện, như làm điều ác rồi hối hận, xấu hổ. Hoặc có bất thiện lập nên bất thiện, như làm ác xong hối tiếc cho là ít. Hoặc có thiện lập nên thiện, như làm việc thiện như bố thí v.v... rồi hối cho là còn ít.

Nếu có hối khác như về oai nghi v.v... thì đó là vô ký. Thế nên hối đã tăng trong tụ tương ứng với hối. Các tâm số khác như trước

đã nói. Trong đó, người hồi hận không phải là sử như tham v.v... đã chuyển. Không phải là người không si sinh khởi hồi, thế nên hồi trong tụ tương ưng là bất thiện. Chỉ một vô minh là phiền não, không phải là thứ khác, do vậy nên có hai mươi một thứ.

Hồi thiện tương ưng trong tụ chỉ tăng đối với hồi. Như vậy là hai mươi ba thứ.

Vô ký không ẩn mắt: Mười ba thứ này ở trong ba tụ chuyển đổi, đó là thiện, không chung, vô ký không ẩn mắt.

Miên là ngủ say, thứ này ở trong tất cả năm tụ đều chuyển đổi. Vì sao? Vì ngủ nghỉ có tâm bất thiện, cấu nhiễm và vô ký, thế nên trong tụ ấy thêm một ngủ nghỉ. Những tâm số khác như trước đã nói.

Hai thứ hồi, miên của ba tụ như vậy là cùng chuyển biến nên trong tụ kia thêm hai. Đó là thứ lớp của tâm pháp nơi cõi dục.

Hỏi: Cõi sắc, cõi vô sắc thì như thế nào?

Đáp:

Thiền nhất lià bất thiện

Nên biết như cõi dục

Thiền trung gian trừ giác

Cõi trên quán cũng vậy.

Thiền nhất lià bất thiện, Nên biết như cõi dục: Nghĩa là thiền thứ nhất lià tụ bất thiện, vì đã lià không hổ thẹn. Ngoài ra có bốn tụ, nói như ở cõi dục.

Thiền trung gian trừ giác: Nghĩa là thiền trung gian trừ giác, phần còn lại nói như trong thiền thứ nhất.

Cõi trên quán cũng vậy: Tức từ thiền thứ hai trở lên, cho đến trời Hữu đánh đều trừ giác, quán. Ngoài ra nói như ở thiền thứ nhất.

Đã nói tâm, tâm số pháp do sức của trợ bạn nên sinh khởi. Về sắc pháp nay sẽ nói.

*Vi trần tại bốn căn
Mười thứ cần nên biết
Thân căn chín, ngoài tám
Tức ở nơi địa hương.*

Vi trần tại bốn căn, Mười thứ cần nên biết: Nghĩa là vi trần của nhãn căn có mười thứ. Nên biết mười thứ này nghĩa không lìa nhau. Đó là đất, nước, lửa, gió, sắc, hương, vị, xúc, nhãn căn và thân căn. Mười thứ ấy luôn không rời nhau. Tai, mũi, lưỡi cũng như vậy.

Thân căn chín: Tức trừ nhãn căn v.v... Các thứ khác đều đồng với trước.

Ngoài tám: Tức là tám thứ vi trần trong pháp không phải là căn. Đó là sắc của bốn đại cùng bốn vi trần.

Hỏi: Vi trần của cõi nào cũng đều nói như vậy chăng?

Đáp: *Tức ở nơi địa hương.* Đây là nghĩa trong cõi dục, vì cõi ấy có hương. Vi trần của cõi sắc lìa hương, vị, thế nên trong cõi ấy trừ hương, vị, số còn lại như trước đã nói.

Hỏi: Trước đã nói: Nếu lúc tâm sinh khởi, tâm số pháp và hành bất tương ưng kia cùng sinh. Đã nói tâm tâm số pháp, còn hành bất tương ưng thì thế nào?

Đáp:

*Tất cả hành hữu vi
Sinh, trụ cùng dị, hoại
Là cũng có bốn tướng
Đây kia lại cùng tạo.*

Tất cả hành hữu vi, Sinh, trụ cùng dị, hoại: Nghĩa là tất cả hành hữu vi đều có bốn thứ tướng là sinh, trụ, dị, hoại. Vì chưa sinh mà

sinh nên gọi là sinh. Sinh rồi thì từ sự việc được lập nên gọi là trụ. Trụ rồi thì suy biến nên gọi là dị. Dị rồi thì thế mạnh diệt nên gọi là hoại. Nên nói là sinh trụ cùng dị hoại.

Nếu pháp hữu vi có được tướng như vậy gọi là tâm bất tương ưng hành. Nay sẽ nói về tướng hữu vi. Vì sự việc này có thể nhận biết, nên gọi là tướng, như sinh, trụ, lão, vô thường.

Sinh là sự việc hữu vi sinh. Trụ là an lập. Lão là suy yếu, đổi thay. Vô thường là hư hoại.

Sinh kia không phải cùng một lúc tạo nên sinh, do sinh là nghiệp. Ngoài ra sinh đều là tạo nghiệp. Thế nên sinh, trụ, dị, hoại của pháp hữu vi không phải là một tướng.

Hỏi: Nếu tất cả pháp hữu vi đều có bốn tướng, thì những tướng này cũng là hữu vi. Vậy ở đây lại có tướng khác chẳng?

Đáp: Là cũng có bốn tướng: Tức là cũng có bốn thứ tướng cộng với tướng sinh kia, gọi là sinh sinh, trụ trụ, dị dị, hoại hoại.

Hỏi: Nếu như vậy tức nên là vô cùng chẳng?

Đáp: Đây kia lại cùng tạo: Nghĩa là tướng này đối với tướng kia thì tướng này là sinh. Tức sinh sinh sinh thì đây kia cùng sinh. Như vậy, trụ trụ trụ thì đây kia cùng trụ. Dị dị dị thì đây kia cùng dị. Hoại hoại hoại thì đây kia cùng hoại. nên không phải là vô cùng.

Bốn pháp sau này là một pháp sinh sinh. Sự việc sinh sinh không phải là pháp khác. Như vậy trụ trụ, sự việc của trụ trụ không phải là pháp khác. Pháp còn lại cũng như thế.

Bốn thứ tướng trước, mỗi tướng đều là tám pháp sinh và sinh tám pháp. Nghĩa là ba tướng trước, bốn tướng sau sinh khởi tướng và pháp của tướng đã hiển bày kia. Nên biết pháp khác cũng như vậy.

Đã nói các hành cùng sinh khởi, tùy theo trợ bạn nên sinh. Không trợ bạn không sinh khởi nay sẽ nói.

*Sở tác, cộng, tương tợ
 Phổ biến, tương ưng, báo
 Từ sáu thứ nhân này
 Chuyển sinh pháp hữu vi.*

Sáu thứ nhân này chuyển sinh pháp hữu vi.

Nhân sở tác: Là nếu pháp ở trong pháp khác sinh không làm chướng ngại, do sức này nên pháp kia được sinh. Như lúc mắt sinh tất cả pháp, trừ tự tánh. Như vậy, tai v.v... trừ tự tánh, không phải tự tánh cùng với tự tánh làm nhân.

Nhân cộng sinh: Là các hành cùng với trợ bạn cùng sinh khởi. Như tướng hữu vi của tâm tâm sở pháp và tâm bất tương ưng hành. Vi trần của bốn đại như vậy là tùy theo giới của tâm.

Nhân tương tợ: Là nếu nghĩa có thể sinh pháp tương tợ. Như hành tập thiện sinh thiện, hành tập bất thiện sinh bất thiện. Như hành tập công xảo có thể nhận biết công xảo. Như gieo trồng giống lúa mạch tức sinh lúa mạch. Tất cả đều như vậy.

Nhân nhất thiết biến: Là như các phiền não tất nối tiếp nhau sinh. Như người chấp trước ngã kiến, do sức của kiến chấp nên ở nơi ngã chấp trước về đoạn, thường, hủy báng ám cùng khởi nghi, hoặc nhận lấy thanh tịnh và lỗi lầm do kiêu mạn quá mức sinh. Pháp khác cũng như thế, tức nhất thiết biến cần phải biết.

Nhân tương ưng: Là tâm tâm sở pháp, do sức của đây kia nên cùng trong một thời, một duyên chuyển biến.

Hỏi: Nếu tâm tâm sở pháp chuyển biến trong cùng một thời, thì nhân cộng sinh với nhân tương ưng kia khác nhau như thế nào?

Đáp: Nghĩa không lìa nhau là nhân tương ưng. Nghĩa đồng một quả là nhân cộng sinh. Ví như cầm gậy thì theo hành tác của gậy. Như bơi qua sông thì tay phải vẩy đập bơi liên tục.

Nhân báo: Là thể gian thọ nhận sự sinh trong đời sống, quả của sự việc nối tiếp nhau, gọi là sự sinh. Như hành thiện được quả đáng yêu, hành bất thiện tức nhận quả không đáng yêu.

Đã nói pháp của các nhân. Nếu pháp từ nhân sinh nay sẽ nói.

*Báo, sinh tâm, tâm pháp
Cùng phiền não tạp khác
Đều từ năm nhân sinh
Cùng sinh cần nên biết.*

Nếu báo sinh tâm tâm số pháp cùng tâm tâm số pháp cấu uế v.v... đều từ năm nhân sinh, tức báo sinh tâm tâm số pháp. Năm nhân: Là nhân sở tác, nhân cộng sinh, nhân tương tợ, nhân tương ưng và nhân báo.

Nhân sở tác: Nghĩa là pháp kia lúc sinh, thì những sự việc tương tợ, không tương tợ đều không gây trở ngại.

Nhân cộng sinh: Nghĩa là đây kia trợ bạn sinh, tức pháp kia sinh, cùng tâm bất tương ưng hành do sức của trợ bạn sinh.

Nhân tương tợ: Nghĩa là trước sinh pháp vô ký, hoặc tạo ra hiểu biết này: Nhân của báo ấy sinh, không phải là oai nghi v.v... Vì sao? Vì nhân kia là hơn, nên không phải là hơn cùng với kém làm nhân.

Nhân tương ưng: Nghĩa là sức của đây kia trong một thời, một duyên cùng chuyển biến.

Nhân báo: Nghĩa là nhân kia, hoặc là nghiệp thiện, bất thiện. Đây tức là nhân không có báo của tâm tâm số pháp cấu uế nơi quả kia. Vì sao? Vì ẩn mất không phải là tánh của quả báo vô ký.

Nhân nhất thiết biến thứ năm do sức kia nên đây được sinh. Bốn nhân còn lại như trước đã nói.

*Là bất tương ưng kia
Cùng pháp tương ưng khác*

*Trừ vô lậu đầu tiên
Từ bốn nhân kia sinh.*

Là bất tương ưng kia: Nghĩa là như báo sinh sắc và báo sinh tâm cùng hành bất tương ưng đều từ bốn nhân sinh là nhân sở tác, nhân cộng sinh, nhân tương tợ, nhân báo. Sắc cấu uế và tâm cấu uế cùng hành bất tương ưng cũng từ bốn nhân sinh là nhân sở tác, nhân cộng sinh, nhân tương tợ, nhân nhất thiết biến.

Cùng pháp tương ưng khác, Trừ vô lậu đầu tiên, Từ bốn nhân kia sinh: Nghĩa là tâm tâm số pháp khác, trừ vô lậu đầu tiên, cũng từ bốn nhân sinh, là nhân sở tác, nhân cộng sinh, nhân tương tợ, nhân tương ưng. *Khác* nghĩa là vô ký không ẩn mất, trừ báo.

*Nếu bất tương ưng khác
Tương tợ nên biết ba
Cùng các tương ưng khác
Pháp vô lậu đầu tiên.*

Nếu bất tương ưng khác, Tương tợ nên biết ba: Nghĩa là trước đã nói tâm bất tương ưng cùng khác, thì tâm bất tương ưng khác ấy gọi là khác. Bất tương ưng khác ấy là thiện, vô ký không ẩn mất, trừ báo. Nếu nhân tương tợ kia thành tợ, trừ vô lậu ban đầu, thì từ ba nhân sinh là nhân sở tác, nhân cộng sinh, nhân tương tợ.

Cùng các tương ưng khác, Pháp vô lậu đầu tiên: Nghĩa là pháp tương ưng với vô lậu mới sinh kia cũng từ ba nhân sinh, là nhân sở tác, nhân cộng sinh và nhân tương ưng. Không có pháp tương tợ kia, vì trước đã sinh vô lậu nên không có nhân tương tợ.

*Trong bất tương ưng kia
Là từ hai nhân sinh
Nếu từ một nhân sinh
Nhất định không việc ấy.*

Trong bất tương ưng kia, Là từ hai nhân sinh: Là sắc trong tụ vô lậu mới sinh kia cùng tâm bất tương ưng hành đều từ hai nhân sinh, là nhân sở tác và nhân cộng sinh.

Đã nói tắt cả pháp hữu vi, *Nếu từ một nhân sinh, Nhất định không việc ấy:* Là hết thấy pháp nhất định từ nhân sở tác, nhân cộng sinh sinh, nhân khác thì không nhất định. Thế nên không pháp nào từ một nhân sinh.

Đã nói về sự khác nhau của nhân. Đức Thế Tôn đã dùng nhân như thế để hóa độ chúng sinh. Về duyên nay sẽ nói.

*Thứ đệ cũng duyên duyên
Tăng thượng cùng với nhân
Pháp từ bốn duyên sinh
Đức Thế Tôn đã nói.*

Bốn duyên như vậy sinh khởi tất cả pháp hữu vi.

Duyên thứ đệ: Nghĩa là mỗi mỗi tâm sinh đều theo thứ lớp nối tiếp nhau nhằm tạo phương tiện để dung nạp.

Duyên duyên: Nghĩa là cảnh giới của tâm tâm sở pháp, vin dựa kéo giữ phương tiện, duyên với cảnh giới đó, nên có thể sinh khởi.

Duyên tăng thượng: Nghĩa là lúc pháp sinh không gây chướng ngại, như vị vua tự tại. Tức như trước đã nói về nhân sở tác.

Duyên nhân: Nghĩa là trừ nhân sở tác, năm nhân còn lại đó là duyên nhân.

Hỏi: Nhân và Duyên có gì khác nhau?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có khác nhau.

Tôi nói nhân như pháp chủng tử. Duyên là điều kiện gìn giữ phương tiện, như đất, phân v.v...

Đã phân biệt duyên. Như pháp theo duyên sinh nay sẽ nói.

*Tâm cùng các tâm pháp
Là từ bốn duyên sinh
Hai chánh thọ từ ba
Pháp khác nói nơi hai.*

Tâm cùng các tâm pháp, Là từ bốn duyên sinh: Nghĩa là tâm tâm số pháp từ bốn duyên sinh khởi. Trước tức thân nhận pháp này là *Duyên thứ đệ*. Cảnh giới là *Duyên duyên*. Trừ tự tánh, ngoài ra tất cả pháp là *Duyên tăng thượng*. Nhân cộng sinh nơi nhân tự phần và nhân tương ưng là *Duyên nhân*. Hoặc có khi còn có nhân nhất thiết biến và nhân báo.

Hai chánh thọ từ ba: Nghĩa là chánh thọ (Định) vô tướng, chánh thọ diệt tận từ ba duyên sinh. Tâm nhập định của hai chánh thọ đó là duyên thứ đệ. Duyên thứ đệ ấy trước là sinh khởi niệm chánh thọ và tâm chánh thọ. Giới, địa thiện nơi tự phần gọi là nhân tương tự. Cùng sinh với sinh trụ dị hoại gọi là nhân cộng sinh. Hai nhân như vậy là duyên nhân kia. Duyên tăng thượng như trước đã nói.

Pháp khác nói nơi hai: Nghĩa là tâm bất tương ưng hành khác và sắc từ hai duyên sinh là duyên nhân và duyên tăng thượng.

Hỏi: Pháp này vì sao gọi là hành?

Đáp:

*Nhiều pháp sinh một pháp
Cũng có thể sinh nhiều
Duyên nơi hành tạo tác
Gọi là hành nên biết.*

Nhiều pháp sinh một pháp, Cũng có thể sinh nhiều: Nghĩa là một pháp do sức của nhiều pháp nên sinh, là cũng có thể sinh nhiều pháp.

Duyên nơi hành tạo tác: Như vậy tất cả sức của pháp kia đây đã duyên với hành đã tạo tác.

Gọi là hành nên biết: Nghĩa là hành này cũng là duyên, cũng là hành, nên gọi là duyên hành. Duyên nơi đối tượng tạo tác của hành nên gọi là duyên. Đối tượng tạo tác của hành này cũng có thể tạo hành của duyên, nên gọi là hành. Nói như vậy thì hành này là đối tượng tạo tác của cái khác, cũng là chủ thể tạo tác của cái khác, nên gọi là hành.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN KINH A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 2

Phẩm thứ 3: NGHIỆP

Đã nói các hành do sức của nhân duyên sinh. Tiếp theo là quán xét về sinh diệt của thế gian có sai biệt.

Do nơi phiền não là nhân của nghiệp nên sinh. Tức tư duy về nghiệp kia, Sư muốn nói rộng về nghiệp, thế nên nói kệ:

*Nghiệp tô điểm thế gian
Nẻo nẻo mỗi mỗi khác
Do đây nên xét nghiệp
Cầu lìa thế, giải thoát.*

Nghiệp tô điểm thế gian, Nẻo nẻo mỗi mỗi khác: Nghĩa là năm nẻo của tất cả thế gian như vậy, vô số thân sinh nghiệp đều có thể tô điểm. Nên suy xét về nghiệp kia là nhân của thế gian sinh đủ các thứ thân. Như Đức Thế Tôn nói: Chúng sinh có sai biệt là do nghiệp đã tạo ra nên mới có cao thấp, hơn kém.

Do đây nên xét nghiệp, Cầu lìa thế, giải thoát: Nghĩa là do đây nên suy xét nghiệp để cầu lìa khỏi thế gian đạt được giải thoát. Chung loại, địa, tự tánh của nghiệp ấy đã thành tựu về thiện, bất thiện có khác nhau. Để nhận biết nghiệp ấy, nên phải siêng năng tư duy.

Hỏi: Thế nào là nghiệp kia? Thế nào là tư duy? Là nhân của thế gian sinh khởi vô số thứ thân?

Đáp:

*Thân, miệng, ý tập nghiệp
 Tại nơi hữu, trong hữu
 Từ nghiệp sinh các hành
 Cùng nhận vô số thân.*

Thân, miệng, ý tập nghiệp, Tại nơi hữu, trong hữu: Nghĩa là có ba thứ nghiệp, là nghiệp của thân, miệng, ý. Thân kia đã tạo, hoặc nghiệp dựa nơi thân, gọi là thân nghiệp. Nếu miệng đã gây tạo gọi là khẩu nghiệp. Ý tương ưng gọi là ý nghiệp. Chúng sinh nơi đời đời đã gây tạo nghiệp thân, miệng, ý.

Từ nghiệp sinh các hành, Cùng nhận vô số thân: Nghĩa là nghiệp ấy sinh các hành và các vật dụng bên ngoài như nhà cửa, sắc lực, uy thế, giàu sang, thọ mạng v.v... cùng thọ nhận đủ các thứ thân của chúng sinh.

Hành này có hai thứ, đó là số chúng sinh, phi số chúng sinh nơi chung, không chung.

Không chung là mỗi mỗi nghiệp của chúng sinh đều được sinh tăng thượng.

Chung là nghiệp của hết thảy chúng sinh đều được sinh tăng thượng.

Như vậy năm nẻo như địa ngục v.v... là tịnh, bất tịnh, có vô số nghiệp khiến thân thọ nhận khổ vui với vô số sai biệt.

Vì nghiệp kia đã tạo vô số loại chúng sinh, cho nên người cầu giải thoát nhất định phải nhận biết nghiệp này.

*Thân nghiệp cần nên biết
 Hữu giáo và vô giáo (Hữu biểu, vô biểu)*

Khẩu nghiệp cũng như vậy
Ý nghiệp chỉ vô giáo.

Thân nghiệp cần nên biết, Hữu giáo và vô giáo: Nghĩa là thân nghiệp có hai thứ, là số hữu giáo và số vô giáo. Hữu giáo là thân có động (Biểu lộ). Vô giáo là phần động của thân đã diệt. Cùng với thức khác tương ứng, sự tương ứng kia nối tiếp nhau chuyển biến. Như sau khi thọ giới, tuy là tâm bất thiện, vô ký, nhưng giới thiện vẫn theo đây sinh. Như bắt chim v.v..., tuy là tâm thiện, vô ký, nhưng giới ác cũng vẫn theo đây sinh.

Khẩu nghiệp cũng như vậy: Nghĩa là khẩu nghiệp cũng có hai thứ, tức tánh hữu giáo, tánh vô giáo.

Ý nghiệp chỉ vô giáo: Nghĩa là ý nghiệp chỉ có tánh vô giáo (Vô biểu), không phải như sắc giáo. Vì nghiệp này không thể chỉ rõ cho người khác thấy, nên gọi là vô giáo, vì có ngôn từ nên gọi là giáo. Trong năm nghiệp này:

Hữu giáo nên biết ba
Thiện, bất thiện, vô ký
Ý nghiệp cũng như vậy
Khác không nói vô ký.

Hữu giáo nên biết ba, Thiện, bất thiện, vô ký: Nghĩa là thân giáo, khẩu giáo nên biết có ba thứ là thiện, bất thiện, vô ký.

Thiện là hành thí, thọ giới v.v..., do tâm thiện khởi động thân.

Bất thiện là như sát sinh v.v..., do tâm bất thiện khởi động thân.

Vô ký có hai thứ là ẩn mật và không ẩn mật. Ẩn mật (Hữu phú) là tâm vô ký cấu uế khởi động thân. Không ẩn mật (Vô phú) là tâm vô ký không cấu uế khởi động thân, đó là oai nghi, công xảo.

Khẩu giáo cũng như thế, cần nên biết.

Ý nghiệp cũng như vậy: Nghĩa là ý nghiệp cũng có ba thứ. Việc thiện kia tương ứng với tâm gọi là thiện. Việc bất thiện tương ứng với tâm gọi là bất thiện. Cấu uế tương ứng với tâm vô ký gọi là vô ký ần mắt. Không phải cấu uế tương ứng với tâm vô ký gọi là vô ký không ần mắt.

Khác không nói vô ký: Nghĩa là còn có hai nghiệp tức nghiệp thân, khẩu vô giáo. Nghiệp ấy có hai thứ là thiện và bất thiện, không có vô ký. Vì sao? Vì yếu kém. Do tâm vô ký yếu kém, nên không thể sinh khởi nghiệp mạnh. Nếu cùng với thức khác, tức đều cùng với sự việc kia nối tiếp. Như cầm cành hoa Tu-ma-na, tuy bỏ hoa lại đằng sau vẫn còn phảng phất mùi thơm theo. Vì sao? Vì sức của mùi hương sinh khởi nối tiếp, không phải như cầm miếng gỗ, viên đá v.v...

Đã nói về các nghiệp.

*Sắc, vô ký, hai thứ
 Ần mắt, không ần mắt
 Ần mắt thuộc nơi sắc
 Ngoài ra ở hai cõi.*

Sắc, vô ký, hai thứ, Ần mắt, không ần mắt: Nghĩa là nếu tánh của sắc gọi là nghiệp vô ký hữu giáo, như trước đã nói, thì nghiệp này có hai thứ nên biết là ần mắt và không ần mắt.

Ần mắt thuộc nơi sắc: Nghĩa là nếu ần mắt thì thuộc trời Phạm thể của cõi sắc, không phải ở địa trên. Vì sao? Vì vô ký kia tạo tác ở tâm, không phải là phiền não của địa trên, địa dưới khởi hiện ở trước. Vì sao? Vì địa trên đã lìa dục, nên cũng không ở nơi cõi dục. Do tu đạo đoạn trừ phiền não, có thể khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp. Vì sao? Vì chuyển ở môn ngoài. Còn kiến đạo đoạn trừ phiền não là hành của môn trong, không thể khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp. Tu đạo của cõi dục đoạn trừ phiền não, chỉ là bất thiện, không phải phiền não bất thiện, có thể sinh khởi nghiệp vô ký.

Ngoài ra ở hai cõi: Nghĩa là nếu vô ký không ản mắt, thuộc nơi hai cõi dục, sắc thì ý nghiệp như nói về tâm. Vì sao? Vì sự ản mắt, không ản mắt kia là chung nơi ba cõi nên ở trong đó.

*Nếu giới giáo, vô giáo
Lược nói có ba thứ
Vô lậu cùng thiên sinh
Dựa thuận giới giải thoát.*

Nếu giới giáo, vô giáo, Lược nói có ba thứ: Nghĩa là giới vô giáo lược nói nên biết là có ba thứ.

Hỏi: Ba thứ đó là gì?

Đáp: Vô lậu cùng thiên sinh, Dựa thuận giới giải thoát.

Giới vô lậu: Là giới này đều cùng sinh với đạo, tức chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

Giới thiên sinh: Là giới cùng với thiên đều cùng sinh, đó là phàm phu cùng Thánh nhân lìa dục, không lìa dục.

Dựa thuận giới giải thoát: Là các tụ hòa hợp ở bên cạnh sĩ phu kia thỉnh bạch để nhận được. Ba thứ giới này gồm thâu hết thủy giới.

Hỏi: Như thế là đã phân biệt giới hữu giáo, vô giáo xong. Thế nào là giới cùng với tâm cùng sinh và giới không cùng với tâm cùng sinh?

Đáp:

*Vô giáo tại cõi dục
Giáo dựa nơi hai hữu
Nên biết chẳng tâm cùng
Tức tâm khác cùng nói.*

Cõi dục vô giáo, nếu tùy thuận thì thuộc về giới giải thoát cùng không gồm thâu nên tất cả giới kia đều không phải là tâm cùng sinh, không tùy theo nghĩa chuyển biến của tâm.

Hỏi: Vì sao không tùy theo tâm chuyển biến?

Đáp: Vì người kia thọ giới xong thì tâm bất thiện, vô ký cũng theo giới phát sinh, không cùng với tâm thiện, bất thiện, vô ký tùy chuyển. Vì sao? Vì không có tâm cũng tùy chuyển.

Hữu giáo là hai cõi dục, sắc, không tùy tâm chuyển. Vì sao? Vì thuộc về thân. Vì tâm khác cũng có.

Tức tâm khác cùng nói: Khác là giới vô lậu, thiên. Hai thứ giới này đều tùy tâm chuyển. Vì sao? Vì tâm khác không tùy chuyển, nhưng do sức của tâm kia sinh hai thứ giới. Hai giới kia thường tùy theo tâm để tạo nghĩa tùy thuận. Do vậy nên hai thứ giới ấy là quá khứ thành tựu quá khứ, vị lai thành tựu vị lai và hiện tại thành tựu hiện tại.

Đã nói về sự sai biệt của nghiệp. Về nghiệp thành tựu nay sẽ nói.

*Luật nghi giới vô lậu
Thấy thật tức thành tựu
Thiên sinh nếu được thiên
Giữ giới sinh cõi dục.*

Luật nghi giới vô lậu, Thấy thật tức thành tựu: Tức là từ khổ pháp nhãn ban đầu và tất cả Thánh nhân thành tựu giới vô lậu. Giới này ở tại sáu địa là bốn thiên căn bản cùng thiên trung gian, thiên vị lai. Địa cõi sắc này cũng vô lậu. Người kia chưa lìa dục, kiến đế, thành tựu giới của địa vị lai. Nếu lìa dục thì tất cả bậc hữu học ít nhất là thành tựu ba địa. Hoặc có sáu địa thì hết thầy bậc A-la-hán đều thành tựu sáu địa.

Thiên sinh nếu được thiên: Nghĩa là nếu được thiên, tức thành tựu giới của thiên, không phải thứ khác. Giới này ở tại sáu địa, nghĩa là địa gần với thiên, thiên trung gian và bốn thiên. Nếu là người, nếu được các địa, hoặc là phàm phu, hoặc là Thánh nhân, đều thành tựu được giới của địa ấy.

Giữ giới sinh cõi dục: Tức nếu người thọ giới thì người ấy thành tựu giới thuận giải thoát. Giới này là người của cõi dục được, không phải nẻo khác thọ nhận.

Đã lược nói về thành tựu có sai biệt. Tùy thuận thành tựu giới của quá khứ, hiện tại, vị lai, nay sẽ nói.

Có ba loại người: Người trụ giới. Người trụ phi giới. Người trụ phi giới phi phi giới.

Người trụ giới cũng có ba hạng, do giới có ba thứ, nên người trụ giới kia:

*Nếu trụ giới giải thoát
Vô giáo kia hiện tại
Nên biết luôn thành tựu
Hoặc đều thành quá khứ.*

Nếu trụ giới giải thoát, Vô giáo kia hiện tại, Nên biết luôn thành tựu: Nghĩa là nếu trụ thuận nơi giới giải thoát thì người kia ngay từ sát-na ban đầu đã thọ nhận giới vô giáo, thì nơi tất cả thời trong hiện tại đều thành tựu. Người kia hiện tại là vô giáo, thường theo thứ lớp nối tiếp nhau, cho đến thọ mạng chưa hết. Vì sao? Vì thời hạn chính yếu có sai biệt.

Hoặc đều thành quá khứ: Tức hoặc có người trụ thuận giới giải thoát, thành tựu giới vô giáo trong quá khứ, nghĩa là đã diệt không xả. Về xả có năm nhân duyên, sẽ nói sau.

*Nếu có tạo nơi giáo
Thành tựu ở đời giữa
Kia hết nhưng không xả
Nên biết thành quá khứ.*

Nếu có tạo nơi giáo, Thành tựu ở đời giữa: Tức đời giữa gọi là hiện tại. Nếu người tạo thân khẩu hữu giáo, lúc cầu thọ giới là đã thành tựu giới hữu giáo của hiện tại.

Kia hết nhưng không xả, Nên biết thành quá khứ: Hết là nghĩa quá khứ. Lúc giáo kia hết, nếu không xả là đã thành tựu giới hữu giáo quá khứ. Về nhân duyên xả giới này như trước đã nói. Như vậy, lược nói lúc ban đầu niệm về hữu giáo là đã thành tựu hữu giáo và vô giáo trong hiện tại. Người kia sau đây cho đến hữu giáo chưa hết ở vị lai, là đã thành tựu hữu giáo và vô giáo trong quá khứ, hiện tại. Giáo ấy đã hết nhưng không xả, là đã thành tựu vô giáo của quá khứ, hiện tại. Người kia chỉ thành tựu hữu giáo nơi quá khứ, không phải hữu giáo của hiện tại.

*Nếu được thiên vô giáo
Thành tựu diệt vị lai
Giữa nếu nhập chánh thọ
Giáo cũng như trước nói.*

Nếu được thiên vô giáo, Thành tựu diệt vị lai: Nghĩa là nếu người được thiên là đã thành tựu được giới của thiên quá khứ, vị lai. Như người kia thành tựu thiên vô giáo, tuy quyết định diệt, nhưng do sức của thiên kia, nên lúc đầu người kia đã được thiên quá khứ như vậy. Như niệm thứ hai của thiên cùng ba đời thành tựu, cho đến chưa khởi thiên. Nếu khởi nhưng không xả thì thành tựu giới vô lậu trong quá khứ, vị lai. Vì cùng với thiên là đồng, nên trong đây không nói.

Đã nói giới của thiên, cũng là nói giáo kia. Vì sao? Vì nếu có người kiến đế hữu giáo, người đó quyết định được giới của thiên, nên nói giới thiên, tức là nói giới hữu giáo kia.

*Nếu tạo nghiệp bất thiện
Trụ giới thành tựu hai
Cùng phiền não triền kết
Nên biết kia dứt hết.*

Nếu tạo nghiệp bất thiện, Trụ giới thành tựu hai: Nghĩa là nếu người trụ thuận giới giải thoát, hoặc trụ nơi giới thiên, người kia

không kiến đế, nên làm điều bất thiện, lúc triền tăng thượng thì điều bất thiện vô giáo liền khởi. Bây giờ, người ấy thành tựu hữu giáo và vô giáo bất thiện.

Hỏi: Thế nào là trụ nơi giới thiền tạo tác bất thiện?

Đáp: Nếu người chưa lìa dục, dựa nơi thiền vị lai, có thể tạo bất thiện.

Hỏi: Có bao nhiêu thời thành tựu vô giáo?

Đáp: Lúc cùng với phiền não triền đều cùng có, người này cho đến lúc chưa xả triền bất thiện, nên biết người kia đã xả hết. Nếu xả được triền kia thì hữu giáo, vô giáo kia cũng xả.

*Nếu trụ xứ phi giới
Thành tựu trong vô giáo
Nên biết quả không ái
Hoặc lại hết quá khứ.*

Nếu trụ xứ phi giới, Thành tựu trong vô giáo, Nên biết quả không ái: Tức người trụ nơi phi giới: Đó là kẻ đồ tể về dê, giết gà, mổ heo, bắt cá, bắt chim v.v..., người này nơi tất cả thời trong hiện tại cũng gây tạo bất thiện vô giáo. Người ấy lúc sát-na đầu tiên tạo nghiệp, tức đối với tất cả chúng sinh gây tạo giới bất thiện gồm thân vô giáo. Nếu người lúc mới sát sinh, tức đã được sát sinh gồm thân vô giáo. Về sau tùy theo chỗ sát sinh, lại được sát sinh gồm thân vô giáo. Phi luật nghi gồm thân giới trước đã được rồi, nên lại không được lần nữa.

Hoặc lại hết quá khứ: Là niệm thứ hai trở đi thì sát sinh và phi luật nghi gồm thân vô giáo, thành tựu quá khứ, hiện tại, cho đến không xả sát-na, trừ bỏ quá khứ gọi là hết.

*Nếu sát-na trụ giáo
Là nói trong thành tựu*

*Cũng lại hết quá khứ
Thiện với trên trái nhau.*

Nếu sát-na trụ giáo, Là nói trong thành tựu: Nghĩa là lúc tùy thuận trụ nơi hữu giáo, là đã thành tựu hữu giáo trong hiện tại. Sát-na hiện tại gọi là sát-na trụ.

Cũng lại hết quá khứ: Tức là tùy thuận giáo, sát-na chấm dứt quá khứ, chưa đoạn trở về sau, bấy giờ là thành tựu quá khứ, hiện tại. Nếu đã hết nhưng chưa xả thì chỉ thành tựu quá khứ.

Thiện với trên trái nhau: Là như trụ nơi luật nghi nói là bất thiện, như vậy trụ nơi phi luật nghi nói là thiện, tâm tín của thanh tịnh làm việc thiện như bố thí v.v... Lúc đó là thiện vô giáo sinh khởi, nên kia bỏ thì đây cũng bỏ.

*Nếu trong xứ đã tạo
Là nói trong thành tựu
Cũng lại hết quá khứ
Hoặc hai cũng lại một.*

Nếu trong xứ đã tạo, Là nói trong thành tựu: Nghĩa là trong xứ tức không phải là luật nghi, không phải là không luật nghi. Nếu người kia hành thiện thì thành tựu thiện hữu giáo nơi hiện tại. Nếu hành tác bất thiện thì thành tựu bất thiện hữu giáo trong hiện tại.

Cũng lại hết quá khứ: Nghĩa là hữu giáo này nếu diệt nhưng chưa đoạn dứt, thì cũng thành tựu quá khứ, hiện tại. Nếu dứt hết rồi không xả thì chỉ thành tựu quá khứ.

Hoặc hai: Tức là hoặc hữu giáo, vô giáo nơi quá khứ, hiện tại. Nếu hết sức muốn tạo tác, nhất định phải dùng phương tiện không xả bỏ.

Cũng lại một: Nghĩa là phương tiện đã dứt hết thì chỉ thành tựu vô giáo trong hiện tại. Có người cho đến thân mạng chưa dứt, lại thành tựu vô giáo nơi hiện tại không muốn dùng nghỉ.

Hỏi: Đã nói hữu giáo thuận nơi giới giải thoát. Giới vô lậu thiên làm thế nào đạt được?

Đáp:

*Tâm thiện trong cõi sắc
Được giới luật nghi thiên
Đây xả kia cũng xả
Vô lậu có sáu tâm.*

Tâm thiện trong cõi sắc, Được giới luật nghi thiên: Nghĩa là nếu có người được tâm thiện của cõi sắc, hoặc có lúc lia dục, hoặc không lia dục, người kia được tất cả giới luật nghi của thiên. Tất cả giới nơi tâm thiện của cõi sắc thường tùy thuận, chỉ trừ sáu tâm, là nhãn nhĩ thân thức, tâm văn tuệ, tâm lúc lâm chung và tâm khởi tạo nghiệp.

Hỏi: Thế nào là đây xả?

Đáp: *Đây xả kia cũng xả.* Nếu xả tâm thiện của cõi sắc thì cũng xả nơi cõi kia.

Vô lậu có sáu tâm: Nghĩa là sáu tâm của giới vô lậu kia cùng được, đó là thiên vị lai, trung gian và bốn thiên căn bản. Tâm kia xả thì sáu tâm thiên này cũng xả.

Hỏi: Các giới như vậy đó là giới gì? Có bao nhiêu lúc xả?

Đáp:

*Thuận giải thoát, điều phục
Là xả nơi năm lúc
Thiên sinh giới vô lậu
Hai lúc trí đã nói.*

Thuận giải thoát, điều phục, Là xả nơi năm lúc: Nghĩa là xả vào những lúc: Lúc xả chủng loại của tự phần. Lúc xả giới. Lúc đoạn căn thiện. Lúc hai căn sinh. Lúc chánh pháp ẩn mất.

Hoặc có người nói: Xả vào lúc phạm giới thuộc phạm hạnh căn bản.

Phái Kế Tân nói: Có bốn lúc xả, trừ hai thứ sau.

Thiền sinh giới vô lậu, Hai lúc trí đã nói: Tức giới của thiền có hai lúc xả: Là lúc thoái chuyển và lúc vượt qua địa giới. Giới vô lậu cũng có hai lúc xả: Lúc thoái chuyển và đắc quả. Căn kia theo thứ lớp được quả giống nhau nên không nói riêng. Có người nói căn kia có ba lúc xả riêng.

Hỏi: Phi luật nghi thì xả như thế nào?

Đáp:

*Phi luật nghi bốn lúc
Như vậy thiền vô sắc
Cấu nhiễm chỉ một lúc
Là nói ở nơi ý.*

Phi luật nghi bốn lúc: Là lúc thọ giới, lúc được giới thiền, lúc hai căn sinh và lúc xả bỏ chủng loại của tự phần. Giới, phi giới kia xả trong ba lúc: Uy lực gốc đã qua, hy vọng đã dừng, phương tiện liền dứt, là nói xả giới, phi giới, cần phải quán xét.

Hỏi: Đã nói nghiệp tự tánh của cõi sắc. Nghiệp tự tánh của cõi vô sắc chung quy là như thế nào?

Đáp: Như vậy thiền vô sắc: Tức nghiệp của vô sắc thiền cũng có bốn lúc xả: Là lúc đắc quả, lúc thoái chuyển, lúc đoạn căn thiền, lúc vượt qua địa giới.

Cấu nhiễm chỉ một lúc, Là nói ở nơi ý: Nghĩa là ý nghiệp cấu uế chỉ ở nơi một lúc xả, là lúc lìa dục, tùy ở xứ xứ lìa dục thì ở những nơi chốn ấy xả bỏ.

Đã nói về tự tánh cùng sự thành tựu của nghiệp. Tùy theo nghiệp kia, Đức Thế Tôn đã dùng vô lượng pháp môn để phân biệt, nay sẽ nói.

*Nếu nghiệp cho quả khổ
Nên biết là hành ác
Lại có hành ý ác
Tham, giận và tà kiến.*

Nếu nghiệp cho quả khổ, Nên biết là hành ác: Tức nếu nghiệp chiêu cảm quả không yêu thích, nên biết là hành ác, như là sát sinh v.v... Đã có nghiệp của thân, miệng, ý bất thiện và quyền thuộc của nghiệp bất thiện ấy, đó gọi là hành ác. Vô ký ần mất không có quả báo nên không nói là hành ác.

Lại có hành ý ác, Tham, giận và tà kiến: Nghĩa là tư duy bất thiện kia là hành ác của ý, như trước đã nói.

Lại có phần nghiệp của tham, giận, tà kiến, nên biết như nghiệp, do quả thành nhân. Như người nữ phạm hạnh bị cấu uế. Những sự việc như vậy v.v... là đã nói.

*Hành thiện cùng trái ác
Bậc Tối thắng đã nói
Trong ấy nếu tăng thượng
Thánh nói mười nghiệp đạo.*

Hành thiện cùng trái ác, Bậc Tối thắng đã nói: Nghĩa là cùng với hành ác trái nhau, nên nên đều là hành thiện. Nghiệp ý của tất cả nghiệp thiện là không tham, không giận và chánh kiến.

Trong ấy nếu tăng thượng, Thánh nói mười nghiệp đạo: Nghĩa là trong nghiệp của hành thiện, hành ác kia, nếu nghiệp tăng thượng hơn lên thì nói là nghiệp đạo. Tăng thượng trong hành ác kia gọi là nghiệp đạo bất thiện. Nếu tăng thượng trong hành thiện gọi là nghiệp đạo thiện.

Nghiệp đạo bất thiện là bảy thứ như sát sinh v.v... cùng tham, giận, tà kiến v.v...

Nghiệp đạo thiện là lia bỏ bảy thứ như sát sinh v.v... cùng không tham, không giận và chánh kiến. Hoặc chú trọng về phương tiện nhưng không phải là nghiệp đạo. Hoặc chú trọng về nghiệp đạo nên nói như vậy.

Sát sinh: Là đối với người kia khởi tưởng là chúng sinh khác, tạo ý muốn giết hại, muốn tìm cách hại mạng sống. Nghiệp này được hoàn thành gọi là sát sinh.

Không cho mà lấy: Là đối với vật dụng của người khác đã tạo hiểu biết, người khác có tưởng không cho nhưng có ý muốn cướp đoạt lấy làm của mình, đó gọi là không cho mà lấy.

Hạnh tà: Là ở xứ đã hành tác đều là phi đạo, phi xứ, phi thời. Ở nơi chốn không nên làm mà đã làm. Đó gọi là hạnh tà.

Nói dối: Là đem tưởng khác biệt, lời nói khác biệt để lừa dối người khác, đó gọi là nói dối.

Nói lời hai lưỡi: Là ngữ nghiệp của tâm nhiễm ô, muốn phá hoại người khác, đó gọi là nói lời hai lưỡi.

Nói lời thô ác: Là đem tâm giận dữ nói ra lời lẽ khiếm nhã, không đáng yêu đối với kẻ khác, đó gọi là nói lời thô ác.

Nói lời thêu dệt: Bị vấp vấp như mềm lòng lúc gặp tham v.v..., rồi vội dùng lời nói không tốt đẹp, lời nói vô ích, lời nói phi pháp, đó gọi là nói lời thêu dệt.

Tham: Là yêu thích tiền của, tài sản của người khác, sinh khởi tưởng ham muốn xấu xa, đó gọi là tham.

Giận: Là phiền não tăng thêm, khởi tâm xấu ác nhằm hủy hoại người khác, đó gọi là giận.

Tà kiến: Là hủy báng, cho là không có nhân quả, đó gọi là tà kiến.

Trên đây là mười nghiệp đạo bất thiện. Cùng trái với mười nghiệp đạo này gọi là mười nghiệp đạo thiện. Nghiệp khác không gọi là nghiệp đạo, nghĩa là sau nghiệp đạo này là phương tiện, cùng các hành ác như uống rượu, đánh đập, vả tát v.v... các hành thiện như là lễ bái v.v..., lo nghĩ đến việc lia bỏ uống rượu, những hành như vậy là nghiệp, không phải là nghiệp đạo.

Hỏi: Nghiệp đạo có nghĩa gì?

Đáp: Vì nghiệp này là đạo, nên gọi là nghiệp đạo. Lại là đạo của nghiệp, nên gọi là nghiệp đạo. Vì là nghiệp đạo của nghiệp đạo, nên gọi là nghiệp đạo. Bảy nghiệp cũng là nghiệp, cũng là đạo, vì là đạo của tư duy. Ba nghiệp đạo này không phải là nghĩa nghiệp.

Hỏi: Vì sao trong các phiền não ba thứ như tham v.v... này, nói là nghiệp đạo, không phải là thứ khác?

Đáp: Vì ác tăng thượng, vì tự gây phiền não cho người khác. Đây là hết mực ác, tội bậc ác, các thứ khác thì không như vậy. Đối trị với chúng là các đạo thiện như không tham v.v... Đối với nghiệp đạo gồm thân không gồm thân nghiệp này lược nói có hai thứ là định và bất định. Định có hai thứ: Báo định và thời định. Thời định có ba thứ.

Hỏi: Ba thứ ấy là gì?

Đáp:

*Là nghiệp quả hiện pháp
Kế nhận nơi sinh quả
Quả sau cũng như vậy
Nên biết thời đều định.*

Nếu nghiệp đã gây tạo nơi đời này, tức ở đời này là đã chín, gọi là hiện pháp thọ nghiệp. Nếu nghiệp nơi đời tiếp theo đã chín, gọi là sinh thọ nghiệp. Quả đời tiếp theo sau, là chín ở đời khác, gọi là hậu thọ nghiệp. Ba thứ này gọi là *Thời quyết định*.

Báo quyết định: Tức là báo quyết định thành thực không phải là thời quyết định. Nếu được nhân duyên liền thành thực. Các thứ còn lại không định.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói có ba nghiệp như lạc thọ v.v... Chúng khác nhau như thế nào?

Đáp:

*Nghiệp thiện trong cõi dục
Và ba địa cõi sắc
Là nói về lạc thọ
Đây cũng định, không định.*

Nghiệp thiện trong cõi dục, Và ba địa cõi sắc, Là nói về lạc thọ: Nghĩa là nghiệp thiện trong cõi dục có thể sinh báo cùng hành ban cho vui. Trong địa của thiên thứ nhất, thứ hai, thứ ba thuộc cõi sắc, cũng sinh báo cùng hành ban cho vui. Đây là nói chung về lạc thọ.

Hỏi: Nghiệp này cũng là định chăng?

Đáp: Nghiệp này cũng định và không định, hoặc định, hoặc không định. Tức nghiệp thiện trong bốn địa này đều gọi là lạc thọ. Đây là quả báo thuộc về lạc thọ, nên gọi là lạc thọ.

*Sinh không khổ không vui
Kia tại trên là thiện
Nếu nhận nơi báo khổ
Là nói nghiệp bất thiện.*

Sinh không khổ không vui, Kia tại trên là thiện: Nghĩa là nếu nghiệp thiện của thiên thứ tư và của cõi vô sắc thì gọi là thọ không khổ không vui. Nghiệp đó có thể sinh khởi báo cùng hành không khổ không vui.

Nếu nhận nơi báo khổ, Là nói nghiệp bất thiện: Nghĩa là nghiệp bất thiện gọi là khổ thọ. Nghiệp ấy có thể sinh báo cùng hành khổ thọ, nên nghiệp này cũng là định, không định.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Bốn nghiệp như nghiệp đen báo đen v.v... Phân biệt như thế nào?

Đáp:

*Nếu nghiệp thiện trong sắc
Là trắng, là báo trắng
Đen trắng trong cõi dục
Hai đen nói bất tịnh.*

Nếu nghiệp thiện trong sắc, Là trắng, là báo trắng: Nghĩa là nghiệp thiện trong cõi sắc là trắng, hoàn toàn không có phiền não, nên báo kia cũng trắng, vì hoàn toàn đáng yêu thích.

Đen trắng trong cõi dục: Nghĩa là nghiệp thiện của cõi dục xen lẫn với bất thiện, nên gọi là đen, trắng. Nơi cõi kia không có một nghiệp phải thọ nhận xen tạp hai báo đen trắng.

Hỏi: Nếu báo không phải là đen thì vì sao gọi là đen?

Đáp: Do không yêu thích nên gọi là đen. Yêu thích gọi là trắng.

Hai đen nói bất tịnh: Nghĩa là nghiệp bất thiện gọi là đen, tức không đáng yêu thích. Nghiệp đen kia lại sinh báo đen.

*Nếu tư có thể hoại
Các nghiệp tạo thành kia
Tương ưng đạo vô ngại
Là nói nghiệp thứ tư.*

Nếu đạo có thể đoạn trừ ba thứ nghiệp kia, tức là đạo vô ngại gồm sáu mươi bảy tư học, là nghiệp thứ tư. Nghiệp này vì không thể quả trách, nên gọi là không đen. Vì không có chấp trước, nên gọi là không trắng. Vì cùng với lưu chuyển trái nhau, nên gọi là không báo. Trong kiến đạo kia, phần pháp trí gồm sáu. Tương ưng với bốn tư và lìa tám đạo vô ngại của cõi dục tương ưng với tám tư. Mười hai tư duy này, đoạn trừ nghiệp báo đen đen. Đạo vô ngại thứ chín, tương ưng với một

tư đoạn trừ nghiệp báo đen trắng. Thiên thứ nhất lia dục cho đến thiên thứ tư lia dục, gồm thâm đạo vô ngại thứ chín, tương ứng với bốn tư đoạn trừ nghiệp báo trắng trắng. Ngoài ra không phải là nghiệp báo. Nghiệp thiện của vô sắc, ở đây không tính. Vì sao? Vì không có sự việc hai trắng. Nghĩa là thuộc thứ trắng tươi sạch, thứ trắng có thể mừng vui, nên không nói là trắng. Trong kinh, Đức Thế Tôn nói là trung hữu.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Quanh co, lỗi lầm, vương mắc v.v... là nghiệp của thân, miệng, ý. Sự việc này là thế nào?

Đáp:

*Nịnh sinh gọi quanh co
Lỗi từ giận dữ sinh
Dục sinh gọi vương mắc
Đức Thế Tôn đã nói.*

Nịnh sinh gọi quanh co: Nghĩa là tìm phương tiện để đua nịnh người khác, nhằm che giấu sự việc của mình, tâm quanh co gọi là đua nịnh. Sự việc này ở tại cõi dục và trời Phạm thế, không phải ở địa trên. Nó thuộc ở địa ý, do tu đạo đoạn trừ. Nếu nghiệp từ đua nịnh sinh khởi, do quả thành nhân, nên Đức Thế Tôn nói là quanh co. Đây không phải là tánh quanh co.

Lỗi từ giận dữ sinh: Là từ giận dữ do quả thành nhân, nên Đức Thế Tôn nói là lỗi lầm.

Dục sinh gọi vương mắc: Nghĩa là nếu nghiệp từ dục sinh tức trong quả nói nhân, nên Đức Thế Tôn nói là vương mắc.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Ba thứ thanh tịnh, ba thứ tĩnh lặng. Tướng của chúng là thế nào?

Đáp:

*Tất cả hành diệu tịnh
Thân, miệng vô học tịnh*

*Nói là ý tĩnh lặng
Tức là tâm vô học.*

Tất cả hành diệu tịnh: Nghĩa là tất cả hành diệu hữu lậu, vô lậu của thân, miệng, ý hiện có đều nói là tịnh.

Hỏi: Hành diệu hữu lậu ở xứ sở bất tịnh, vì sao nói là tịnh?

Đáp: Vì cùng trái với phiền não bất tịnh, vì một phần ít tịnh của hành diệu kia có thể dẫn dắt đến tĩnh lặng đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Thế nào gọi là tịnh?

Đáp: Thân, miệng vô học tịnh: Tức hành diệu của thân miệng vô học, gọi là thân miệng tịnh.

Nói là ý tĩnh lặng, Tức là tâm vô học: Tức tâm vô học kia gọi là ý tĩnh lặng, được tướng Mâu-ni, lia lời nói của phiền não, đoạn dứt hết các thứ hệ thuộc của ba cõi, diệt bỏ mọi sự nương dựa nơi tự phiền não của cõi Hữu đảnh. Do thân khởi tác ý không vắng lặng, nên không nói là Mâu-ni. Mâu-ni là nghĩa tĩnh lặng. Vì đoạn tuyệt nước vui, rửa sạch các hữu giáo, nên nói là tịnh, vì đoạn hữu giáo của Mâu-ni, nên nói là thân, miệng, ý Mâu-ni.

Đã nói nghiệp hòa hợp có sai biệt. Về nghiệp quả sai biệt nay sẽ nói.

*Nghiệp thiện, nghiệp bất thiện
Là cùng nói hai quả
Thiện hoặc thành ba quả
Còn một quả nên biết.*

Nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, Là cùng nói hai quả: Tức nghiệp thiện có hai thứ quả. Thiện hữu lậu kia có quả y và quả báo. Quả y: Là sinh trước, sinh sau nơi tự phần thiện của địa, cõi. Quả báo: Là vô ký.

Nghiệp vô lậu đoạn trừ phiền não có quả y và quả giải thoát. Quả y: Là đời trước sinh Thánh đạo, đời sau sinh Thánh đạo, tất cả đều giống nhau, tăng trưởng, không giảm. Quả giải thoát: Là đạo vô ngại đoạn trừ các phiền não.

Nghiệp bất thiện kia cũng có hai quả: Quả y và quả báo.

Thiện hoặc thành ba quả: Nghĩa là nếu thiện hữu lậu đoạn trừ phiền não, thiện ấy tức có ba quả: Quả y, quả báo và quả giải thoát, như đạo thế tục đoạn trừ kiết.

Còn một quả nên biết: Nghĩa là nghiệp vô ký và vô lậu khác không đoạn trừ kiết, tức nghiệp ấy có một quả là quả y.

Hỏi: Nghiệp thân miệng kia là tự tánh của sắc tạo hay do bốn đại sinh khởi? Nghiệp ấy là nghiệp gì? Do bốn đại nào tạo?

Đáp:

*Tự địa nếu có đại
 Chỗ dựa nghiệp thân miệng
 Vô lậu tùy sức được
 Trở lại dựa sức kia.*

Tự địa nếu có đại, Chỗ dựa nghiệp thân miệng: Tức nếu là nghiệp thân miệng của cõi dục, thì nghiệp ấy chỉ do bốn đại của cõi dục tạo. Cõi sắc cũng như vậy.

Vô lậu tùy sức được, Trở lại dựa sức kia: Nghĩa là nghiệp thân miệng vô lậu tùy sức mà được, trở lại dựa vào địa kia, tức bốn đại như vậy sinh. Nếu đạo vô lậu của cõi dục khởi, đạo ấy trở lại dựa nơi cõi dục. Nghiệp thân miệng vô lậu do bốn đại tạo như vậy cần nên biết. Như thế, cõi sắc trở lại dựa vào địa kia. Nghiệp vô lậu do bốn đại tạo như vậy cần nên biết.

Hỏi: Nếu sinh nơi cõi vô sắc là đã xả giới học, được giới vô học. Người kia xả là dựa vào giới của địa nào và được là dựa vào giới của địa nào?

Đáp: Tùy thuộc dựa vào địa kia sinh, tùy thuộc dựa vào địa kia diệt. Dựa vào giới quá khứ của địa kia cùng dựa vào giới vị lai của năm địa v.v... thấy đều xả hết. Lại được dựa vào giới vị lai của năm địa. Năm địa là cõi dục và bốn thiên.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói ba chướng. Tướng ấy như thế nào?

Đáp:

*Nghiệp vô gián không cứu
Sinh rộng các phiền não
Nẻo ác nhận báo ác
Chướng ngại cần nên biết.*

Có ba thứ chướng, đó là nghiệp chướng, phiền não chướng và báo chướng. Do chướng ngại Thánh đạo và phương tiện của Thánh đạo, nên gọi là chướng.

Nghiệp chướng: Tức năm nghiệp vô gián, đó là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, đem tâm ác phá hoại Tăng và làm thân Phật chảy máu. Tạo nghiệp này rồi, nhất định đời tiếp theo bị đọa vào địa ngục vô gián, nên gọi là vô gián. Vì giết cha, giết mẹ là dứt bỏ ân nghĩa, nên bị đọa vào địa ngục vô gián. Ba thứ còn lại là phá hoại phước điền.

Phiền não chướng: Là gồm cần phiền não và lợi phiền não. Cần phiền não là phiền não thường hành tác. Lợi phiền não là phiền não tăng thượng. Phiền não hiện hành như vậy gọi là chướng, không phải là tạo thành. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều bình đẳng để cùng tạo thành các phiền não.

Báo chướng: Là tùy thuộc vào báo đã trụ, không phải là báo của pháp khí thuộc Thánh đạo mà là lỗi lầm xấu ác.

Hỏi: Ba chướng kia vì sao là như thế?

Đáp: Vì tất cả đạo ác hoàn toàn là địa phàm phu, ở châu Bắc Uất-đơn-việt và chúng sinh cõi vô tướng.

Hỏi: Trong ba nghiệp này, nghiệp nào là ác lớn nhất?

Đáp:

*Nói dối phá hoại Tăng
Nên biết tội cực ác
Tu trong đời Hữu đảnh
Quả lớn nhất trong thiện.*

Nói dối phá hoại Tăng, Nên biết tội cực ác: Nghĩa là trong tất cả nghiệp, thì nói dối phá hoại Tăng là tội lỗi cực ác. Người ấy bị đọa vào địa ngục A-tỳ, trải qua một kiếp trụ, có mười ba đồng lửa bao quanh thân họ. Vì sao? Vì người ấy đối với pháp có tướng phi pháp, đối với phi pháp có tướng pháp. Cũng phá hoại tướng kiến pháp. Vì phá Tăng, khởi xướng dị đạo, nên là phá hoại pháp luân. Vì vậy nghiệp này là nghiệp tội cực ác trong tất cả nghiệp.

Có hai thứ phá Tăng: Phá pháp luân và phá yết-ma. Phá yết-ma nghĩa là đồng một giới nội, nhưng lại ở nơi xứ riêng để bố-tát, hành pháp yết-ma v.v...

Hỏi: Nghiệp thiện nào đạt được quả lớn nhất?

Đáp: Tu trong đời Hữu đảnh, Quả lớn nhất trong thiện: Tức tư duy chánh thọ của cõi Hữu đảnh là quả vô cùng lớn trong tất cả thiện. Quả ấy thọ tám vạn kiếp hết sức là tĩnh lặng. Do nhân duyên của quả báo, nên tư duy trong cõi Hữu đảnh được nói là quả lớn. Ngoài ra, tất cả quả lớn của tư duy này tương ứng với định kim cang dụ, tức hết thảy quả kia đều khiến kiệt hoàn toàn dứt hết.

Phẩm thứ 4: SỬ, phần 1

Nghiệp cùng nhân duyên lưu chuyển của phiền não đã nói rộng. Do nghiệp và sức phiền não của nghiệp kia, nên thọ nhận vô số các

thứ sinh không lia bỏ phiền não. Vì vậy Sư (Tôn giả Pháp Thắng) muốn phân biệt phiền não, nói như vậy:

*Tất cả hữu căn bản
 Bạn nghiệp sinh trăm khổ
 Chín mươi tám thứ sử
 Mâu-ni nói nên xét.*

Tất cả hữu: Là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Ba hữu này có chín mươi tám sử dùng làm căn bản. Vì sao? Vì đây là nghiệp bạn có thể sinh ra vô số thứ khổ như thọ sinh v.v... Nghiệp kia do nơi sức của phiền não, nên thọ sinh nơi hữu. Sức ấy không là phiền não. Do vậy, người muốn cầu giải thoát phải nên nhận biết về phiền não. Nhận biết là đã xa lia. Vì sao? Vì như không nhận biết kẻ oán đối, tức bị chúng hại.

Trong kinh, Đức Phật nói có bảy thứ sử. Giới, hành chủng loại của các thứ sử ấy được phân biệt làm chín mươi tám sử. Nghĩa là sử *tham* về giới được phân biệt làm ba thứ, phân biệt làm năm giới chủng, tức phân biệt thành mười lăm. Sử *mạn*, *vô minh* cũng lại như vậy.

Sử *giận* về giới được phân biệt làm một chủng, tức phân biệt thành năm.

Sử *nghi* về giới được phân biệt làm ba thứ, phân biệt làm bốn giới chủng, tức phân biệt thành mười hai.

Sử *kiến* về giới được phân biệt làm ba thứ, tức phân biệt thành bốn.

Hành phân biệt làm năm, chủng loại của hành phân biệt thành mười hai. Hai kiến thân, biên, vì đồng do kiến khổ đoạn, nên làm một chủng loại. Giới thủ do kiến khổ, kiến đạo đoạn, nên làm hai chủng loại. Tà kiến, kiến thủ làm bốn chủng loại.

Như vậy là mười hai sử. Giới, hành chủng loại được phân biệt làm ba mươi sáu sử. Thế nên có chín mươi tám sử.

Hỏi: Làm sao nhận biết được?

Đáp:

*Tất cả các phẩm sử
Nên biết lập hai phần
Là phần kiến đạo đoạn
Phần do tu đạo đoạn.*

Kiến đạo đoạn cho đến tu đạo đoạn, chỉ có các sử này, lại không có sử nào khác.

Kiến nghĩa là nhìn thấy. Người kia do kiến đạo nên gọi là kiến đạo đoạn. Đây là nói về nghĩa do nhãn loại trừ. Tu là nghĩa thường hành tập, do tu đoạn nên gọi là tu đạo đoạn. Đây là nói về nghĩa đạo của trí tánh đoạn.

*Phiên nào hai mươi tám
Nên biết chương kiến khổ
Lúc người kia kiến khổ
Đoạn dứt hết hoàn toàn.*

Trong chín mươi tám sử, do kiến đạo, tu đạo kia đoạn, thì hai mươi tám sử gây chướng ngại việc kiến khổ, nên do kiến khổ đoạn. Sau đây sẽ nói.

*Kiến tập đoạn mười chín
Nên biết diệt cũng vậy
Thêm ba kiến đạo đoạn
Mười nói tu đạo diệt.*

Kiến tập đoạn mười chín: Là mười chín sử, vì ngăn che kiến tập, nên do kiến tập đoạn.

Nên biết diệt cũng vậy: Tức kiến diệt cũng đoạn mười chín sử.

Thêm ba kiến đạo đoạn: Nghĩa là hai mươi hai sử do kiến đạo đoạn.

Mười nói tu đạo diệt: Nghĩa là nên biết mười sử do tu đạo đoạn.

Đã nói về sự sai biệt của chủng loại sử. Về giới của sử có sai biệt nay sẽ nói.

*Đầu tiên phiền não chủng
Cõi dục nên biết mười
Trong hai đều có bảy
Tám chủng kiến đạo đoạn.*

Đầu tiên phiền não chủng, Cõi dục nên biết mười: Như trước đã nói: Đầu tiên do kiến khổ đoạn trừ chủng loại phiền não, trong đó có mười sử thuộc cõi dục, đó là: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ, tham, sân, mạn, nghi, vô minh.

Trong hai đều có bảy: Nghĩa là như trước đã nói: Kiến tập, diệt đoạn chủng loại phiền não, trong đó mỗi thứ đoạn đều có bảy sử cũng thuộc cõi dục. Nên biết trong mười sử đã nêu, trừ thân kiến, biên kiến, giới thủ là còn bảy.

Tám chủng kiến đạo đoạn: Nghĩa là trong bảy sử thuộc cõi dục cộng thêm giới thủ.

*Cõi dục cần nên biết
Bốn là tu đạo đoạn
Còn nơi hai cõi trên
Nên biết cùng có được.*

Cõi dục cần nên biết, Bốn là tu đạo đoạn: Đó là tham, sân, mạn, vô minh v.v.... Như vậy, ba mươi sáu sử kia là thuộc cõi dục, cần nên biết.

Còn nơi hai cõi trên: Tức sáu mươi hai sử còn lại là thuộc cõi sắc, cõi vô sắc.

Nên biết cùng có được: Như vậy là ba mươi một sử thuộc cõi sắc, ba mươi một sử thuộc cõi vô sắc, tức trong ba mươi sáu sử đã nêu trừ năm sử sân.

Đã nói về số lượng giới, chủng loại của sử có sai biệt. Về tự tánh của sử nay sẽ nói.

*Gọi là có thân kiến
Biên kiến và tà kiến
Hai thủ phải nên biết
Năm kiến này phiền não.*

Năm phiền não này tánh đều là kiến.

Thân kiến: Là ở trong năm thọ ấm kia chấp cho là ngã, ngã sở, đó gọi là thân kiến.

Biên kiến: Là đối với năm thọ ấm kia chấp trước về đoạn, thường, đó gọi là biên kiến.

Tà kiến: Là hủy báng bốn đế, nhận xét như vậy rồi chấp trước, đó gọi là tà kiến.

Giới thủ: Là đối với tự tánh như tự tại v.v... theo trí trung gian của trượng phu v.v..., chúng thật sự không phải là giải thoát, vì trong nhân khổ đã chấp sai lạc là nhân. Nhận lấy giới v.v... nhưng trong đây đã trừ bỏ các tên gọi chỉ chấp giữ lấy giới, nên gọi là giới thủ.

Kiến thủ: Là đối với pháp hữu lậu chấp cho là hơn hết. Chấp giữ nơi kiến, tức đây cũng là trừ bỏ các tên gọi, nên gọi là kiến thủ.

Vì các kiến này tánh của trí tuệ, nên gọi là kiến. Năm kiến như thế là gồm thấu hết thấy các kiến. Một tà kiến này là chấp trước tà vậy. Do hành có sai biệt nên nói năm thứ kiến.

*Tham dục cùng nghi, sân
Mạn, vô minh, phi kiến
Cảnh giới sai biệt chuyên
Nói có các thứ tên.*

Tham dục cùng nghi, sân, mạn, vô minh, phi kiến: Tham: Là người kia ở trong hữu có tưởng ái nên vui thích chấp trước. Đó gọi là tham.

Nghi: Là đối với nghĩa thật của đế, chấp cho là thật. Hoặc hủy báng nghĩa thật kia, trong ấy hiện bày do dự. Đó gọi là nghi.

Sân: Là nếu bị người khác lấn hiếp, nhục mạ, không thể chấp nhận, liền sinh dục ác, đối với nơi chốn của chúng sinh tạo sự bức bách phá hoại dữ. Không phải nơi chốn nhưng sinh tâm náo hại người khác. Đó gọi là sân.

Mạn: Tức ở trong tự địa là ngang nhau, nhưng tâm tự đề cao. Đó gọi là mạn

Vô minh: Là ở trong tướng của đế, không hiểu biết cho là bất tịnh. Đó gọi là vô minh.

Năm phiền não này không phải là tánh của tuệ, nên không nói là kiến.

Như vậy, hết thảy các phiền não đều theo *Cảnh giới sai biệt chuyển, Nói có các thứ tên:* Nghĩa là mười phiền não này, tùy theo cảnh giới có sai biệt chuyển, nên lập vô số thứ tên gọi. Ở đây, nếu duyên nơi khổ chuyển thì nói là kiến khổ đoạn. Như vậy, kiến tập đoạn v.v... cũng như thế.

*Dưới khổ nơi tất cả
Lìa ba kiến hai chuyển
Đạo trừ nơi hai kiến
Cõi trên không hành sân.*

Dưới khổ nơi tất cả: Nghĩa là khổ trong cõi dục đó gọi là dưới khổ. Tất cả mười sử kia đều cùng với kiến khổ là trái nhau.

Hỏi: Thế nào là trái nhau?

Đáp: Vì thế gian không thể quán xét được, người kia đối với khổ ấm đã không nhận biết như thật. Nghe nói về khổ ấm thì không

mừng, không vui. Ở đây không quán xét như thế gọi là ngu si. Do ngu si nên đối với điều ấy sinh nghi: Chỉ là âm hay là có ngã chẳng? Sinh khởi tâm như vậy, gọi là *nghi*. Vì nghi nên ngôn thuyết tà vạy, hoặc do tập gốc nên hủy báng cho là không có âm. Đó gọi là *tà kiến*. Chấp có đối với ngã, đó gọi là *thân kiến*. Vì thấy thân năm ấm kia giống như nối tiếp nhau không đứt đoạn, nên sinh *thường kiến*. Nhận thấy nhân quả kia nối tiếp nhau hoại diệt, do sự mê lầm nên sinh *đoạn kiến*. Vì chấp nơi đoạn, thường nên gọi là *biên kiến*. Ở trong kiến chấp này nhận lấy cho là tịnh, đó gọi là *giới thủ*. Đối với kiến chấp ấy, nhận cho là hơn hết, đó gọi là *kiến thủ*. Nếu yêu mến kiến chấp của mình, đó gọi là *tham*. Nếu tức giận về kiến của người khác, đó gọi là *sân*. Do đầy nên tự đề cao, đó gọi là *mạn*.

Mười phiền não ấy cứ theo thứ lớp như vậy đều cùng với khổ trái nhau.

Lìa ba kiến hai chuyển: Nghĩa là trừ thân kiến, biên kiến, giới thủ, bảy sự còn lại chuyển biến theo tập và diệt.

Người kia đối với nhân của khổ không nhận biết, đó gọi là vô minh. Vì ngu si nên sinh nghi, nghi nơi nhân của khổ là có hay không, đó gọi là nghi. Vì nghi nên ngôn thuyết tà vạy, hoặc nhân nơi tập gốc, lại hủy báng cho không có nhân của khổ, đó gọi là tà kiến. Ở nơi kiến chấp ấy, nhận giữ cho là hơn hết, đó gọi là kiến thủ. Ngoài ra như trước đã nói.

Như vậy, đối với diệt đế, Niết-bàn không nhận biết, đó gọi là vô minh. Vì ngu si nên mê lầm nơi Niết-bàn là có, là không, đó gọi là nghi. Phần còn lại như trước đã nói.

Đạo trừ nơi hai kiến: Tức là đạo trừ hai kiến là thân kiến và biên kiến, tám thứ còn lại thì chuyển theo đạo đế. Đối với đạo kia không tin nhận đạo, đó gọi là vô minh. Tất cả các thứ khác như trước đã nói.

Giới thủ: Là do nơi các kiến chấp ấy đối với những giới của ngoại đạo lại tin cho là tịnh.

Hỏi: Vì sao thân kiến v.v... kia không chuyển biến nơi các đế tập, diệt, đạo?

Đáp: Vì thân kiến đối với hành trong quả vốn chuyển biến theo ngã ngã sở đã không có được sự hiểu biết như vậy, nên đối với nhân của khổ này cùng diệt, đạo đều chấp nơi ngã. Do vậy thân kiến chuyển biến ở trong khổ, nên khi kiến khổ thật thì đều đoạn dứt hoàn toàn. Biên kiến từ thân kiến sinh, nên duyên với khổ. Nếu thấy đoạn thân kiến, thì duyên kia và kiến kia cũng đoạn dứt biên kiến.

Hỏi: Nếu giới thủ không tin nơi nhân, nên chấp nhân của tự tại là đạo, làm sao do kiến khổ đoạn?

Đáp: Vì người kia ngu tối nơi quả, chấp tên âm như tự tại v.v... rồi khởi phân biệt, cho tự tại kia là thường còn. Đối với tự tại v.v... đã tạo tướng về nhân. Người kia bấy giờ có thể dùng các hành như vô thường v.v... để quán xét về khổ đế, nên tưởng chấp tự tại v.v... là nhân liền được đoạn dứt, tức là do kiến khổ đoạn. Hoặc cũng không tin nơi đạo, người kia lại chấp phi đạo là đạo. Vì là đạo nên do kiến đạo đoạn, tức khi thấy chân đạo. Trong diệt không có sự việc này. Vì sao? Vì đạo của nhân như vậy không có trong diệt đế.

Cõi trên không hành sân: Nghĩa là cõi sắc, cõi vô sắc đã trừ bỏ sân. Ngoài ra như nói về cõi dục. Vì sao? Vì nơi hai cõi kia không có tướng tổn hại, có dục thiện, có tánh tĩnh lặng, có tâm nhuần thấm, thế nên không có sân hận.

Đã nói về tự tánh của các sự có sai biệt. Duyên có sai biệt nay sẽ nói.

*Hiện khắp ở nhân khổ
Nghĩ, kiến cùng vô minh*

*Sử ấy tất cả phạm
Tức tại nơi một địa.*

Trong phạm do kiến khổ, kiến tập đoạn, nghi, kiến cùng vô minh tương ưng và vô minh không chung. Nên biết mười một sử này về giới, tự giới, địa là nhất thiết biến (Biến hành). Các sử này, ở trong tất cả năm phạm của tự địa, là duyên với sử cõi trên, không duyên với sử cõi dưới. Vì sao? Vì tánh đã lia dục. Do cõi dưới không sai khiến cõi trên. Vì sao? Vì không phải là cảnh giới. Thế nên nói là sai khiến nói tự địa.

Hỏi: Thế nào là nghĩa nhất thiết biến (Biến hành)?

Đáp: Vì nghĩa duyên nơi tất cả sự việc hữu lậu, nên gọi là nghĩa nhất thiết biến. Nhất thiết biến là tất cả chúng sinh, là trong tất cả sự việc hữu lậu, trước nay đã sinh khởi. Đó gọi là nghĩa nhất thiết biến. Không có một pháp hữu lậu nào, nếu người phạm phư xưa nay không chấp giữ ngã và ngã sở v.v...

Hỏi: Vì sao trong phạm do kiến khổ, kiến tập đoạn nói là nhất thiết biến không phải là diệt, đạo?

Đáp: Vì duyên nơi tất cả hữu lậu, là đồng một ý, do đây là vững chắc, đối với tất cả sự việc hữu lậu gồm thân khổ, tập đế. Còn kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ các sử, là duyên với phần ít hữu lậu, duyên với phần ít vô lậu, không phải đồng một ý, không phải là vững chắc, cũng không phải là duyên nơi tất cả.

Hỏi: Vì sao tham, sân, mạn không phải là nhất thiết biến?

Đáp: Vì ba thứ ấy là sử của tự tướng, đối với phần ít của một chúng sinh cũng sinh khởi. Còn sử nhất thiết biến thì không như thế. Sử nhất thiết biến thì duyên với tất cả cõi, tất cả địa. Còn như tham v.v... thì khi tác ý khởi là cầu tìm vật dụng tham dục. Sử nhất thiết biến thì chỉ đối với kẻ khác, sinh hành ác trong hiện tại, cũng như dòng sông chảy.

Đã nói về nhất thiết biên của tự giới, tự địa. Nhất thiết biên của địa, giới khác nay sẽ nói.

*Phiền não đầu năm thứ
Bốn nói là thứ hai
Nơi cảnh giới trên chuyển
Trí phổ biến đã nói.*

Trước đã nói mười một sử là nhất thiết biên, trong ấy trừ hai kiến là thân kiến, biên kiến. Chín phiền não còn lại được nói là nhất thiết biên trong giới, địa khác.

Cõi dục kia do kiến khổ đoạn trừ tà kiến, tức hủy báng quả khổ của cõi sắc, vô sắc.

Kiến thủ là chấp giữ cho là hơn. Giới thủ là đối với không phải nhân khổ đã chấp giữ cho là nhân khổ. Nghi là trong nhân khổ kia đã do dự. Vô minh là mê lầm.

Như vậy là kiến tập đoạn trừ tà kiến nơi cõi dục, tức đã hủy báng nhân của ám nơi cõi sắc, vô sắc.

Kiến thủ là đối với sự việc của nhân chấp giữ cho là hơn. Nghi là ở nơi sự việc của nhân sinh do dự. Vô minh là mê lầm.

Như thế là tà kiến của cõi sắc đã hủy báng quả khổ của cõi vô sắc. Như vậy là nên nói rộng. Địa cũng như vậy. Địa của thiên thứ nhất đã hủy báng khổ của thiên thứ hai. Như vậy là nên nói rộng. Cho đến Bất dụng xứ đã hủy báng phi tướng phi phi tướng xứ.

Lại nữa, cõi vô sắc khác với cõi dục, cõi sắc, vì cõi vô sắc không có nhất thiết biên nơi giới khác. Vì sao? Vì trên cõi vô sắc không có giới. Phi tướng phi phi tướng xứ không có nhất thiết biên của địa khác, vì trên xứ ấy không có địa.

Hỏi: Vì sao hai kiến thân kiến, biên kiến không phải là nhất thiết biên của giới địa khác?

Đáp: Vì không phải là sinh của giới, địa khác. Vì ở nơi giới, địa khác âm sinh khởi ngã và ngã sở, thì không có lý này.

Không có việc của hai thân hành tác, vì đây không phải là điều hiện thấy. Vì vô ngã nên không sinh ngã sở là hợp lý.

Biên kiến là ở trong âm của mình, chấp giữ là đoạn, thường.

*Tà kiến cùng với nghi
Đều sinh vô minh riêng
Kiến diệt, đạo hai đoạn
Nên biết duyên vô lậu.*

Kiến diệt đoạn trừ tà kiến đã hủy báng diệt đế. Nghi là nghi nơi diệt đế. Hai thứ ấy đều tương ưng với vô minh cùng vô minh riêng một. Vô minh không là tướng của kiến, nên ở nơi xứ diệt chuyển. Ba phiền não này duyên nơi diệt đế, thì vô lậu ấy duyên nơi đạo cũng như vậy. Như thế, ba cõi có mười tám sử nhất định là duyên với vô lậu.

Hỏi: Vì sao do kiến diệt đoạn trừ phiền não như tham v.v... không phải là duyên với vô lậu?

Đáp: Nếu như phiền não kia duyên với vô lậu, tức không thấy lỗi lầm của tham, thế nên sử tham không phải duyên với vô lậu. Nếu tham nơi diệt, đạo là pháp dục thiện, không phải là sử tham.

Không phải giận là vì chê bai tướng không sinh, vì hành tác yếu kém của tự tánh, vì vô lậu không phải có thể khởi mạn. Vì thanh tịnh tối thắng là đạo Niết-bàn, nên không phải là hai thủ.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN KINH A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 3

Phẩm thứ 4: SỬ, phần 2

Hỏi: Sử là gì? Sử ở nơi xứ nào?

Đáp:

*Cõi dục tất cả chúng
Sử nhất thiết biến sử
Duyên buộc nơi tự địa
Địa trên cũng như vậy.*

Cõi dục tất cả chúng, Sử nhất thiết biến sử, Duyên buộc nơi tự địa: Nghĩa là sử biến hành nơi cõi dục. Sử duyên nơi tất cả chúng loại của cõi dục, trôi buộc nơi tự địa.

Địa trên cũng như vậy: Nghĩa là tự địa của cõi sắc, cõi vô sắc cũng như vậy.

*Ngoài ra các kiết sử
Nên biết nơi tự chúng
Sử duyên ở tự địa
Hết thủy phẩm cùng dựa.*

Ngoài ra các kiết sử, Nên biết nơi tự chúng, Sử duyên ở tự địa: Nghĩa là sử không phải nhất thiết biến (Biến hành) thì ở trong pháp

của địa mình, của chủng loại mình, duyên với sử đã sai khiến theo cảnh giới đây kia.

Hết thủy phâm cùng dựa: Nghĩa là sử nhất thiết biến và sử không nhất thiết biến ở trong pháp tương ưng của tự chủng loại, tự phâm, đều tương ưng với sử.

*Nếu vô lậu đã hành
Địa khác duyên phiền não
Nơi sử tương ưng kia
Vì cảnh giới giải thoát.*

Nếu vô lậu đã hành, Địa khác duyên phiền não, Nơi sử tương ưng kia: Nghĩa là nếu sử duyên với vô lậu và địa giới khác duyên với phiền não, thì nơi sử tương ưng kia, không phải là duyên với sử.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì cảnh giới giải thoát. Vì sử này ở nơi cảnh giới giải thoát. Vì các pháp vô lậu đã giải thoát tất cả phiền não.

Hỏi: Thế nào là duyên nhưng không là sử?

Đáp: Vì không có trụ xứ. Vì vô lậu đối trị sử kia, cho nên không được trụ xứ. Ví như ngọc lưu ly bùng lên ánh lửa, các loại sâu bọ, muỗi ruồi thì thích bay lên trên ánh lửa nhưng không thể đậu lại. Như người giẫm chân lên chỗ đất nóng, vì tiếp xúc nóng nên không thể dừng chân. Duyên kia cũng như vậy. Vì các pháp của địa trên giải thoát cho địa dưới, thế nên chỉ duyên mà không là sử.

Hỏi: Sử này như thế nào? Là bất thiện hay vô ký?

Đáp:

*Thân kiến cùng biên kiến
Vô minh câu sinh kia
Là vô ký trong dục
Sắc, vô sắc, tất cả.*

Thân kiến cùng biên kiến, Vô minh cấu sinh kia, Là vô ký trong dục: Nghĩa là hai kiến biên và thân của cõi dục cùng vô minh tương ứng với chúng là vô ký. Vì sao? Vì cùng với thí, giới v.v... là không trái nhau. Vì thân kiến, thường kiến đối với tu thí giới không trái nhau. Vì sao? Vì muốn thọ nhận quả khả ái ở vị lai, nên làm những việc như bố thí v.v... Còn bất thiện thì cùng với bố thí v.v... là trái nhau nên không phải là vô ký.

Lại nữa, các chúng sinh thường hành tác kiến chấp này. Nếu phiền não ấy là bất thiện thì ở cõi dục, tức nên không có một chúng sinh nào được thọ lạc. Vì sao? Vì thường hành bất thiện.

Lại nữa, vì kiến chấp này là ngu si đối với những sự việc của mình, không gây bức bách cho người khác, nên thân kiến không phải là bất thiện.

Đoạn kiến thì tùy thuận vào sự lìa dục, gần với vô ngã, có thể tạo sự chán lìa hành vô thường, nên cũng không phải là bất thiện. Các phiền não còn lại của cõi dục đều là bất thiện.

Sắc, vô sắc, tất cả: Nghĩa là các sử hiện có nơi cõi sắc, vô sắc đều là vô ký. Do tam muội của bốn chi, năm chi đã chế phục, nên không thể sinh báo. Ví như kẻ khéo dùng chú thuật để chế phục rắn độc, khiến rắn kia không thể làm hại. Các sử nơi hai cõi ấy cũng như vậy.

Lại nữa, vì vô ký không thể làm nhân cho báo, còn bất thiện thì có thể sinh khởi báo của khổ thọ. Vì cõi trên không có khổ thọ nên không thể thọ nhận quả của cõi dục.

Hỏi: Tất cả phiền não đều quyết định ở trong cảnh giới của mình là trói buộc chằng hay là không phải?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Vì sao?

Đáp:

*Tham, sân, mạn nên biết
Đòi quá khứ duyên buộc
Vị lai nói tất cả
Ngoài hết thấy ba đời.*

Tham, sân, mạn nên biết, Đòi quá khứ duyên buộc: Nghĩa là nếu tham, sân, mạn v.v... của đời quá khứ thì chúng không phải là tất cả, tức chúng chỉ trói buộc đời quá khứ trong cảnh giới của mình. Vì sao? Vì không phải là không thấy, không nghe, không phân biệt sự việc, để sinh khởi tham, sân, mạn. Vì sao? Vì duyên có giới hạn sai biệt. Hoặc có khi có người chỉ đối với mắt sinh tham, không phải là nơi các phần thân khác. Vì sao? Vì là sử của tự tướng, không phải là sử như tham v.v... cùng nhận lấy một cảnh giới như thân kiến v.v...

Vị lai nói tất cả: Tức nếu tham, sân, mạn v.v... ở đời vị lai thì duyên buộc nơi pháp hữu lậu của ba đời, trong đó nếu là năm thức thân thì nhất định pháp sinh hệ thuộc nơi vị lai. Nếu pháp sinh không thì hệ thuộc ba đời, cùng pháp sinh, không sinh của ý địa, cũng duyên buộc nơi các pháp hữu lậu của ba đời. Vì sao? Vì pháp kia duyên nơi tất cả pháp hữu lậu.

Ngoài hết thấy ba đời: Tức kiến, nghi, vô minh, đó gọi là trừ, vì chúng cùng trói buộc với nhau. Nếu duyên với quá khứ, vị lai, thì duyên buộc nơi các pháp hữu lậu của ba đời. Vì sao? Vì các thứ ấy là sử của cộng tướng. Còn sử của hiện tại thì không định, nên không nói đến. Nếu có thì sử của tự tướng kia tùy thuộc hiện ở trước, sử đó trói buộc hiện tại, vị lai. Trói buộc vị lai nghĩa là ý địa và năm thức thân v.v... không sinh. Đời quá khứ là sử kia sinh khởi rồi diệt, không đoạn dứt trói buộc nơi đời quá khứ ấy. Nếu sử của cộng tướng hiện ở trước, thì sử ấy tức trói buộc các pháp hữu lậu của ba đời.

Đã nói về sự sai biệt nơi đời của sử. Thứ lớp chuyên biến nay sẽ nói.

*Phiền nào thứ lớp chuyển
Tự địa nơi tự địa
Địa trên cũng sinh dưới
Thứ lớp phải nên biết.*

Phiền nào thứ lớp chuyển, Tự địa nơi tự địa: Nghĩa là tất cả sử đối với sử của tự địa đều theo thứ lớp duyên chuyển. Mỗi mỗi thứ lớp sinh nơi tất cả.

Địa trên cũng sinh dưới, Thứ lớp phải nên biết: Túc ở nơi địa cõi Phạm thể mạng chung, theo thứ lớp sinh nơi cõi dục. Tất cả tâm cấu uế trong đó đều mạng chung. Trung âm của cõi dục theo thứ lớp sinh tâm cấu uế. Như vậy cho đến sinh khởi trong cõi Hữu đảnh, hoặc sinh cũng sinh như vậy, như sinh nơi cõi vô sắc, trở lại sinh nơi cõi vô sắc.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói bảy sử như tham v.v... vì sao có sai biệt là chín mươi tám sử?

Đáp:

*Cõi dục năm thứ tham
Đây nói sử dục ái
Sắc, vô sắc cũng vậy
Hữu ái phải nên biết.*

Cõi dục năm thứ tham, Đây nói sử dục ái: Nghĩa là năm thứ dục tham nói là sử dục ái do kiến khổ, tập, diệt, đạo cùng tu đạo đoạn. Sử này như trước đã nói.

Sắc, vô sắc cũng vậy, Hữu ái phải nên biết: Túc nơi cõi sắc có năm thứ, trong cõi vô sắc cũng có năm thứ, nói là sử hữu ái.

*Giận tức là sử giận
Năm thứ như trước nói*

*Kiêu mạn cùng vô minh
Mười lăm ở ba cõi.*

Giận tức là sử giận, Năm thứ như trước nói: Nghĩa là giận của cõi dục có năm thứ, do kiến khổ đoạn v.v..., nói là sử giận.

Kiêu mạn cùng vô minh, Mười lăm ở ba cõi: Nghĩa là kiêu mạn của cõi dục cũng có năm thứ, do kiến khổ đoạn v.v... Cõi sắc, vô sắc cũng có năm thứ. Mười lăm thứ kiêu mạn này nói là sử mạn. Vô minh cũng như vậy.

*Sử kiến ba mươi sáu
Nên biết ở ba cõi
Sử nghi có mười hai
Lược nói là bảy thứ.*

Sử kiến ba mươi sáu, Nên biết ở ba cõi: Nghĩa là ba mươi sáu sử kiến nên biết có mười hai thuộc cõi dục, đó là do kiến khổ đoạn năm, kiến tập đoạn hai, kiến diệt đoạn hai, kiến đạo đoạn ba. Cõi sắc, vô sắc cũng vậy.

Sử nghi có mười hai: Bốn thứ thuộc cõi dục, nghĩa là do kiến khổ, tập, diệt, đạo đoạn. Cõi sắc, vô sắc cũng vậy. Mười hai thứ này nói là sử nghi.

Lược nói là bảy thứ: Nghĩa là sự khác nhau về cõi, tánh chủng loại là chín mươi tám sử. Trong kinh, Đức Thế Tôn lược nói là bảy thứ.

Hỏi: Sử có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa vi tế là nghĩa của sử. Hành vi tế ấy, nếu thô thì gọi là triền. Nghĩa thường nhập theo gọi là sử, như hồn ma tùy theo đất nước. Nghĩa bám dính gọi là sử, cũng như trẻ con đeo dính theo vú nuôi. Nghĩa nối tiếp nhau gọi là sử. Cũng như nọc độc của chuột. Như bệnh sốt rét kéo dài đến bốn ngày. Như ngày nợ nần đã chấm dứt. Như thanh sắt có màu đen không bỏ. Như độc tưng tích lũy dần.

Các phiên nào như vậy, Đức Thế Tôn nói là ách, lưu, thủ, lậu, phược. Vì sao?

Đáp:

*Ách, thủ và nổi trôi
Lậu tiết với trôi buộc
Do nghĩa này nên nói
Ách, lưu, thủ, lậu, phược.*

Nghĩa bị khổ trôi buộc gọi là ách. Ách này có bốn thứ: Ách dục, ách hữu, ách kiến và ách vô minh.

Nhận lấy sinh, sinh đầy đủ nói là thủ. Thủ này cũng có bốn thứ: Dục thủ, kiến thủ v.v...

Vì khiến chúng sinh bị nổi trôi, nên nói là lưu. Lưu (Bộc lưu) này cũng có bốn thứ, như đã nói trong ách.

Nghĩa chảy ra là nghĩa của lậu. Hành lậu trong tất cả sự sinh có ba thứ: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Nghĩa có thể trôi buộc thế gian nên gọi là phược.

Hỏi: Thế nào gọi là kiết?

Đáp: Kiết có chín thứ: Kiết ái, kiết giận, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết tha thủ, kiết nghi, kiết keo kiệt, kiết ganh ghét.

Đã nói về tên gọi phiên nào có sai biệt. Tương ưng với căn này sẽ nói.

*Các sử ở ba cõi
Đều tương ưng xả căn
Tùy địa các căn sử
Tương ưng đến sắc hữu.*

Các sử ở ba cõi, Đều tương ưng xả căn: Nghĩa là tất cả phiên nào của ba cõi đều tương ưng với xả căn. Vì sao? Vì vô minh tương

ung với xả căn. Vô minh kia tùy thuận nơi tất cả phiền não cùng tùy thuận với phiền não riêng. Hết thấy phiền não về sau đều được chấm dứt ở trong đó.

Tùy địa các căn sử, Tương ưng đến sắc hữu: Như nơi cõi Phạm thể có hỷ căn, lạc căn, các sử nơi cõi đó cùng với căn này tương ưng. Như trời Quang Diệu có hỷ căn, các sử của địa nơi cõi đó cùng với hỷ căn tương ưng. Trời Biến Tịnh cũng có lạc căn, các sử trong cõi đó đều cùng với lạc căn tương ưng.

*Tà kiến cùng vô minh
Khổ vui trong cõi dục
Giận, nghi chỉ là khổ
Cái khác hoàn toàn vui.*

Tà kiến cùng vô minh, Khổ vui trong cõi dục: Nghĩa là tà kiến của cõi dục tương ưng với khổ căn, lạc căn. Tà kiến đối với việc tạo nghiệp ác thì mừng, tạo nghiệp thiện thì buồn. Vô minh thì cùng với tất cả căn tương ưng.

Giận, nghi chỉ là khổ: Tức sử nghi của cõi dục là không định, nên là không hỷ, tức tương ưng với ưu căn. Giận dữ đối với không yêu thích cùng chuyển nên cùng với khổ căn, ưu căn tương ưng.

Cái khác hoàn toàn vui: Nghĩa là các phiền não khác của cõi dục đều cùng tương ưng với hỷ căn, lạc căn, trừ tà kiến, tức các kiến còn lại và tham, mạn cùng chuyển với hỷ.

*Gọi huân hai thứ thân
Kiến đoạn chỉ ý địa
Các phiền não cõi dục
Nói tương ưng các căn.*

Gọi huân hai thứ thân: Nghĩa là tu đạo đoạn trừ phiền não gọi là huân. Huân ấy tương ưng với thân thọ, tâm thọ, trừ mạn, vì mạn chỉ ở nơi ý địa. Khổ căn, lạc căn kia là nói thân thọ. Ưu căn, hỷ căn là

nói tâm thọ. Xả căn nhận hai thứ. Tất cả thân thọ đều do tu đạo đoạn. Tâm thọ có hai thứ đoạn.

Kiến đoạn chỉ ý địa: Tức phiền não do kiến đoạn cùng tương ưng với các căn của tâm thọ, vì tất cả phiền não do kiến đoạn đều ở nơi ý địa.

Các phiền não cõi dục, Nói tương ưng các căn: Tức pháp phiền não của cõi dục này nhất định là như vậy. Địa trên tùy theo địa tương ưng với căn cũng như vậy. Nghi thì trong cõi sắc chỉ tương ưng với hỷ căn, lạc căn. Do nghi kia khéo hỗ trợ cho tướng đạo, tức tương ưng với hỷ căn.

Đã nói về phiền não. Phiền não dấy khởi nay sẽ nói.

*Không hổ và không thẹn
Thùy, hối cùng xan, tật
Trạo, miên, phiền não trên
Nên nói phiền não khởi.*

Sử cũng nói là phiền não, sử ấy tăng thượng là phiền não dấy khởi. Vì tám pháp này sinh trong sử kia nên gọi là phiền não dấy khởi, cũng gọi là triền.

Ba thứ thùy, miên và không thẹn trong tám thứ kia đều dựa vào si dấy khởi. Ba thứ trạo, xan (Keo kiệt), không hổ đều dựa vào tham dấy khởi. Hối thì dựa vào nghi sinh khởi. Tật (Ganh ghét) dựa vào giận sinh khởi.

Tự thân làm điều ác không giận, trách, gọi là không hổ. Không nghĩ đến người khác, không biết xấu hổ, gọi là không thẹn. Lúc ngủ (Thùy) khiến tâm không thể nhận giữ hoạt động. Do miên (Ngủ say) nên khiến cho năm căn không thể chuyển, ý không tự tại, đối với cảnh giới đáng yêu mến, không đáng yêu mến sinh khởi phân biệt. Tâm không vắng lặng, đó gọi là trạo cử. Đối với việc có thể làm khởi tướng không làm, đối với việc đáng làm khởi

tướng không thể làm, về sau nhớ nghĩ hồi tiếc, đó gọi là hồi. Thấy của cải người khác, trong tâm không vui, đó gọi là ganh ghét (Tật). Đối với pháp, của cải, phước đức của mình tâm luôn bủn xỉn, luyến tiếc, tâm keo kiệt cùng với bố thí luôn trái nhau, đó gọi là keo kiệt (Xan).

*Bạn tất cả phiền não
Nên biết thù cùng trạo
Không hổ và không thẹn
Tất cùng bất thiện hợp.*

Bạn tất cả phiền não, Nên biết thù cùng trạo: Nghĩa là hai thứ này (Thù, trạo) đã sinh khởi phiền não và cùng tương ưng với hết thấy phiền não. Vì sao? Vì chúng chung nơi cả ba cõi. Tất cả phiền não nếu không vắng lặng, nên biết đây là do trạo cử. Lúc phiền não hiện tiền, đối với điều thiện không thể phát khởi, nên biết là do thù (Ngủ nghĩ).

Không hổ và không thẹn, Tất cùng bất thiện hợp: Hai thứ này đây khởi phiền não, cùng với sự bất thiện tương ưng, vì chúng ở cõi dục hoàn toàn là bất thiện.

*Hối tại ý nói khổ
Do tu đạo đoạn trừ
Ngủ chỉ ở ý dục
Còn lại đều tự lập.*

Hối tại ý nói khổ: Nghĩa là hối ở nơi ý địa, từ chôn thấp kém phát sinh, nên tương ưng với ưu căn. *Nói khổ:* Nên biết là ở cõi dục, không phải ở cõi trên.

Hỏi: Hối này do gì đoạn dứt?

Đáp: Do tu đạo đoạn trừ. Vì hối ở trong hành thiện, hành ác, nên do tu đạo đoạn.

Ngủ chỉ ở ý dục: Nghĩa là ngủ say ở nơi ý địa của cõi dục. Vì lúc ngủ say thì tất cả phiền não đều cùng hành, thế nên tất cả phiền não đều tương ưng với ý địa của cõi dục.

Còn lại đều tự lập: Còn lại là keo kiệt (Xan), ganh ghét (Tật) đều tự lực chuyển, không tương ưng với phiền não khác, trừ vô minh, nhất định do tu đạo đoạn, cùng với sử vô minh không chung tương ưng.

Hỏi: Sử này cùng với bao nhiêu thức thân tương ưng?

Đáp:

*Tham dục, giận dữ, si
Nên biết dựa sáu thức
Là dục, tu đạo đoạn
Địa trên tùy chỗ đạt.*

Tham dục, giận dữ, si, Nên biết dựa sáu thức, Là dục, tu đạo đoạn: Nghĩa là do tu đạo đoạn, ái giận vô minh tương ưng với sáu thức ở cõi dục. Nếu do kiến đạo đoạn thì chỉ ở nơi ý địa.

Địa trên tùy chỗ đạt: Nghĩa là ái vô minh của cõi sắc, vô sắc đều tùy ở thức thân đã có được, tức cùng tương ưng. Như ở cõi Phạm thế có bốn thức thân có thể đạt được. Trong cõi ấy hai sử kia tức tương ưng với bốn thức thân. Trên đây thì chỉ tương ưng với ý thức, vì những sử khác trong các cõi kia chỉ hoàn toàn ở nơi ý địa.

Đã phân biệt phiền não. Phân biệt về đoạn nay sẽ nói.

*Tất cả phiền não đoạn
Phương tiện trí đã nói
Như vậy được giải thoát
Nên biết chẳng một lúc.*

Tất cả phiền não đoạn, Phương tiện trí đã nói: Nghĩa là các phiền não này ở trong đạo vô ngại được đoạn tức khắc cùng một lúc,

không đoạn nhiều lần. Sự đoạn ấy có bốn thứ: Nhận biết duyên, trợ bạn đoạn, đoạn duyên, tự thanh tịnh.

Nhận biết duyên: Là do kiến khổ tập đoạn, duyên nơi tự giới và duyên nơi vô lậu. Trợ bạn đoạn: Là duyên với cảnh giới khác. Đoạn duyên: Là do diệt đạo đoạn, duyên nơi hữu lậu. Tự thanh tịnh: Là do tu đạo đoạn, tùy thuận mỗi mỗi thứ duyên kia để đoạn. Như thế tự thân được thanh tịnh.

Như vậy được giải thoát, Nên biết chẳng một lúc: Nghĩa là được giải thoát này là tùy theo sự đoạn trừ thường xuyên kia mà được. Như ở cõi dục kiến đoạn năm thời tác chứng. Nghĩa là lúc đối trị tự phần như do kiến khổ đoạn là khổ pháp trí. Như thế, cho đến do kiến đạo đoạn là đạo pháp trí và bốn quả Sa-môn. Bốn quả này trước đây đã nói về đoạn: Quả Tu-đà-hoàn gồm thấu một giải thoát được sinh. Quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán cũng đều gồm thấu như thế.

Ba đế của cõi sắc, vô sắc cũng như vậy. Ở đây nói đối trị tự phần là phần tử trí do kiến đạo đoạn. Đoạn tác chứng quyết định là phàm phu. Thánh giả thì ở trong cõi sắc, vô sắc, do kiến đạo đoạn tức đoạn nơi một lúc. Thế nên ở đây không có đối trị tự phần.

Kiến khổ, tập đoạn trong địa Hữu đánh, nghĩa là quyết định nơi năm thời như trước đã nói. Pháp thứ lớp của Hiền Thánh là do kiến đạo đoạn. Nghĩa là chỉ nơi bốn quả Sa-môn là có đối trị tự phần. Tức quả Tu-đà-hoàn quyết định là do tu đạo đoạn. Ba thời của cõi dục, nghĩa là địa phàm phu, quả A-na-hàm cùng quả A-la-hán, tất cả đều là pháp đoạn. Đây là đối trị tự phần.

Trong quả Tu-đà-hoàn không nói về hai thứ thuộc cõi sắc, là đối trị tự phần và quả A-la-hán.

Đối trị tự phần: Nghĩa là tất cả cõi sắc là lia dục. Còn nơi cõi vô sắc thì chỉ quả A-la-hán là tất cả pháp đoạn.

Đã nói về tác chứng diệt. Về đoạn tri nay sẽ nói.

*Giải thoát trong cõi dục
Phật nói bốn đoạn tri
Giải thoát sắc, vô sắc
Nên biết năm đoạn tri.*

Nhân đều đoạn dứt, đắc giải thoát vô lậu, được vượt qua cõi là kiến lập đoạn tri. Vì sao? Vì giải thoát trọn vẹn, theo đây được mang tên là đoạn tri. Đoạn tri này có chín thứ, trong ấy cõi dục do kiến khổ, kiến tập đoạn. Đoạn nghĩa là được giải thoát hoàn toàn. Vì sao? Vì mở ra nhân nhất thiết biến, nên đoạn dứt. Một đoạn tri này là do kiến diệt đoạn. Thứ hai là do kiến đạo đoạn. Thứ ba là do tu đạo đoạn. Thứ tư là đoạn sự phân biệt phần dưới. Cõi sắc, cõi vô sắc cũng vậy. Do kiến đoạn có ba, như trước đã nói. Cõi sắc do tu đạo đoạn là thứ tư. Đoạn này là rất ráo, vì lìa dục của cõi sắc. Phân biệt nơi cõi vô sắc do tu đạo đoạn là thứ năm, tất cả kiết ở đây đều phân biệt. Đối với đoạn tri này phân biệt có hai, là được quả A-na-hàm và quả A-la-hán. Do hai xứ này nên vượt qua cõi là được quả.

Hỏi: Các sử là cùng với tâm tương ưng hay là không tương ưng?

Tỳ-bà-xà-bà-đề (Phân Biệt Luận) nói: Tâm không tương ưng thể nên sinh nghi.

Đáp: Nhất định tương ưng. Vì sao?

*Vì tâm tạo phiền não
Chướng ngại trái với tịnh
Các diệu thiện có được
Không phải không tương ưng.*

Vì tâm tạo phiền não: Nghĩa là nếu sử quyết định không tương ưng với tâm, thì không nên vì tâm tạo phiền não, nên như cảnh giới như sắc v.v... Nhưng đã vì tâm tạo phiền não, như nói tâm tham dục, cấu uế, do lời nói này nên biết là tương ưng.

Chướng ngại: Nghĩa là nếu sử không tương ứng với tâm thì lúc trí thiện phát sinh, sử không nên gây chướng ngại, nên như hư không, không tạo chướng ngại. Nay vì bị chướng ngại nên biết là tương ứng.

Trái với tịnh: Tức là nếu sử cùng với tâm không tương ứng thì nên cùng với thiện không trái nhau. Không trái nhau tức nên không có lỗi, nhưng vì đã có lỗi nên biết là trái nhau. Nếu đã trái nhau nên biết là cùng với tâm tương ứng.

Các diệu thiện có được: Nghĩa là nếu sử của ông cùng với thiện trái nhau, nhưng không tương ứng với tâm, thì sử luôn nối tiếp, trong ấy thiện tức nên không thể được dậy khởi. Nhưng hiện thấy pháp thiện đã có thể sinh khởi. Vì vậy các sử không phải là không tương ứng mà là tương ứng với tâm.

*
**

Phẩm thứ 5: HIỀN THÁNH

Đã nói về thứ lớp lưu chuyển. Thứ lớp không lưu chuyển nay sẽ nói.

*Hiền Thánh bỏ như đây
Phiền não, các sợ hãi
Trí phương tiện tinh tấn
Phương tiện kia khéo nghe.*

Hiền Thánh: Là bậc ở trong hàng người trời đáng được thọ nhận sự cúng dường, nên gọi là Hiền Thánh. *Bỏ:* Là nghĩa lia bỏ. *Như:* Là nghĩa nếu theo phương tiện là như vậy. *Đây:* Là nói về sử theo thứ lớp, là làm rõ về tướng mạo của sử.

Phiền não: Là chúng sinh luôn nối tiếp trong phiền nhọc, nên gọi là phiền não. *Các sợ hãi:* Là nghĩa nhân của tất cả khổ não.

Chánh tinh tấn: Là nghĩa tinh tấn như pháp. *Trí phương tiện:* Là nghĩa trí của Xa-ma-tha (Chỉ) lúc chế ngự phát khởi xả.

Phương tiện: Là nghĩa phương tiện của trí kia. *Khéo nghe:* Là chí tâm lắng nghe, là nghĩa lắng nghe, nhận biết và thấu giữ.

Phương tiện: Tức căn cứ nơi nghiệp ban đầu. Người của địa cho đến người của địa vô học, tức hành giả đã tạo phương tiện như giới v.v... Về nghiệp ban đầu nay sẽ nói.

Bắt đầu một phần thân
Hành giả buộc tâm mình
Kết buộc nơi chân thức
Giết thù của trí tuệ.

Bắt đầu một phần thân, Hành giả buộc tâm mình: Xin hỏi: Buộc giữ tâm ở xứ nào?

Đáp: Hoặc ở vị trí đầu sống mũi, hoặc khoảng giữa chân mày. Theo ba phương tiện quán là bất tịnh, sở tức, giới nhập. Nói buộc giữ tâm trong phần thân mình, không phải là pháp bên ngoài, tuy có phương tiện duyên với bên ngoài nhưng không nói.

Hỏi: Thế nào là buộc giữ tâm?

Đáp: *Kết buộc nơi chân thức:* Tức buộc giữ tâm nơi chân thức, do tánh thô tháo, loạn động, chuyển biến không dừng trụ, như vượn khi kinh hoảng. Đó là nghĩa buộc giữ trong một duyên.

Hỏi: Thế nào là buộc giữ trong một duyên?

Đáp: Vì *Giết thù của trí tuệ.* Kẻ oán đối của thật trí đó là phiền não. Vì nghĩa đoạn trừ phiền não kia nên nhất tâm được quán như thật, không phải là tâm tán loạn. Vì nhận thấy như thật, nên có thể đoạn trừ phiền não. Do nghĩa này nên nói như vậy.

Phương tiện này ở thân
Tướng chân thật quyết định

*Các thọ cùng tự tâm
Pháp cũng tùy thuận quán.*

Vì tâm buộc giữ nơi một duyên, nên quán thật tướng của thân. Thật tướng của thân: Là như nghĩa tướng không điên đảo.

Hỏi: Thế nào là thật tướng của thân?

Đáp: Là tự tướng và cộng tướng. Tự tướng là mười sắc nhập và phần ít sắc trong pháp nhập. Cộng tướng là vô thường, khổ, không, vô ngã. Các thứ nghĩa như vậy v.v... là nói về tâm không loạn. Hành giả trong ba phương tiện ấy tùy ý hiện tiền. Hành phương tiện theo thứ lớp thì thật tướng của thân được quyết định.

Hành giả này quán sắc nơi vi trần, niệm niệm tan hoại. Bây giờ, quán thân niệm xứ đầy đủ. Như pháp của dòng nước chảy vào vùng ruộng, tức từ thân niệm xứ vào thọ niệm xứ. Vì trong pháp vô sắc thọ là thô nhất, nên sau khi quán thân kế đến là quán thọ, người này quán tự tướng và cộng tướng của thọ. Lúc này, thọ niệm xứ đã đầy đủ. Thọ này dựa vào tâm, nên sau thọ tiếp đến là quán tâm. Xứ này cũng là quán tự tướng và cộng tướng. Ý quyết định hiểu biết về tâm niệm xứ đầy đủ. Khi ấy, quán pháp còn lại, nhập pháp niệm xứ. Pháp còn lại là hai ấm và pháp vô vi. Pháp ấy cũng quán về tự tướng và cộng tướng. Bây giờ, pháp niệm xứ đầy đủ.

*Quán chung trong pháp nhập
Được tướng pháp chân thật
Bốn này là vô thường
Không, vô ngã và khổ.*

Quán chung trong pháp nhập, Được tướng pháp chân thật: Nghĩa là nhập pháp niệm xứ còn lại xong, hành giả nhận biết phần giới hạn sai biệt, nên duyên với phương tiện tu niệm xứ. Đối với cộng tướng còn lại của hết bảy pháp là hoại duyên niệm xứ, thường xuyên tập quen tu thân thọ niệm xứ, duyên nơi cộng tướng thuộc

pháp niệm xứ. Thân tâm như vậy duyên nơi ba, hai như thế, nên biết như thế là hoại duyên là thường xuyên tập quen tu trị xong, tất cả lại quán chung một thứ niệm xứ gồm thân, thọ, tâm, pháp.

Hỏi: Vậy là thế nào?

Đáp: Bốn này là vô thường, Không, vô ngã và khổ: Nghĩa là quán tổng quát về tất cả các pháp hữu vi với nghĩa vô thường v.v... như vậy. Vì các pháp kia niệm niệm lần lượt hoại diệt nên là vô thường. Vì hư giả không thật nên là không. Vì không tự tại nên là vô ngã. Vì ba khổ thường theo đuổi nên là khổ. Người tu hành kia muốn hủy trừ phiền não phải tìm được đầu mối của chúng. Như nhân quả có sai biệt của pháp đã thấy rõ.

Phân biệt về đế, trong đó có hai thứ nhân quả là hữu lậu, vô lậu. Hữu lậu tức nhân tập cùng quả khổ. Vô lậu tức nhân đạo cùng quả diệt. Người tu hành kia phân biệt về đế như vậy rồi, đầu tiên phát hướng theo thứ lớp văn, tư (Nghe, suy xét) về tự tướng và cộng tướng của niệm xứ, thâm nhận phần giới hạn có sai khác, duyên với sự phân bày khắp trong đế. Lúc này, tư duy về mười sáu hành quán nơi bốn đế theo hoại duyên pháp niệm xứ.

*Từ đây gọi là Noãn
Nơi pháp giác mà sinh
Mười sáu hành cùng khởi
Quán sát bốn Thánh đế.*

Từ đây gọi là Noãn, Nơi pháp giác mà sinh: Nghĩa là hành giả tư duy về pháp niệm xứ chung. Sự việc tu lúc đầu và về sau, pháp niệm xứ chung được nối tiếp kiến lập, Thánh giả gọi là căn thiện noãn.

Hỏi: Pháp ấy có bao nhiêu hành và thuộc cảnh giới nào?

Đáp: Mười sáu hành cùng khởi, Quán sát bốn Thánh đế: Tức hành giả dùng mười sáu hành để quán sát bốn đế. Hành giả dùng bốn

hành quán sát khổ đế. Khổ này xưa không nay có, có rồi lại lìa bỏ nên là *vô thường*. Ba khổ luôn theo đuổi nên là *khổ*. Bên trong lìa người nên là *không*. Vì không tự tại nên là *vô ngã*.

Như vậy cũng dùng bốn hành quán sát tập đế. Tập này vì sự sinh tương tự như quả nên là *nhân*. Vì có thể sinh khởi lưu chuyển nên là *tập*. Vì có thể lôi kéo tất cả sinh tử nên là *hữu*. Vì có thể hòa hợp những sự việc không giống nhau nên là *duyên*.

Cũng dùng bốn hành quán sát diệt đế. Diệt này cùng với tất cả nẻo sinh tử là trái nhau nên là *diệt*. Vì lìa khỏi lửa của tất cả phiền não nên là *chỉ*. Ở trong tất cả pháp là hơn nên là *diệu*. Có thể dứt bỏ sinh tử nên là *ly*.

Cũng dùng bốn hành quán sát đạo đế. Đạo này có thể dẫn đến phi phàm nên là *đạo*. Vì không điên đảo nên là *chánh*. Vì là nơi chốn của tất cả bậc Thánh đã đi qua nên là *tích*. Vì vượt ra khỏi sinh tử nên là *xuất*.

Hỏi: Noãn có nghĩa gì?

Đáp: Noãn là đối tượng nhận biết của trí. Như cái dùi và đồ dẫn lửa cọ sát vào nhau. Noãn này có khả năng dẫn đến tận cùng các hữu, sinh lửa của trí vô lậu, vì noãn là tướng, nên gọi là Noãn.

*Pháp ấy tăng trưởng rồi
Sinh Đảnh cùng với Nhân
Tiếp Pháp thế đệ nhất
Dựa nơi một sát-na.*

Pháp ấy tăng trưởng rồi, Sinh Đảnh cùng với Nhân: Nghĩa là hành giả nhập chánh tinh tấn, nên được trợ đạo thiện, tùy thuận các vật dụng tăng trưởng cho sức thắng tấn, nên sau khi Noãn đã được thêm lớn và thành tựu, người kia tu tất cả pháp niệm xứ chung, sinh khởi căn thiện thù thắng gọi là Đảnh.

Hỏi: Đảnh là nghĩa gì?

Đáp: Là căn thiện bất động. Lúc hành giả trụ nơi Đảnh này, là lia bỏ các lỗi lầm nên có thể nhập trong Nhẫn. Hành giả không như thế thì lùi lại, trụ nơi Noãn. Như người đi lên núi, nếu không đến đỉnh tức rơi xuống bốn bên. Như vậy hành giả theo chánh phương tiện nối tiếp, Đảnh tăng trưởng rồi sau đấy sinh khởi căn thiện, gọi là Thuận để nhẫn, là tu tất cả pháp niệm xứ chung. Nơi hai pháp kia được thăng tấn, hành giả dùng mười sáu hành để quán sát bốn đế.

Hỏi: Nhẫn có nghĩa gì?

Đáp: Hành giả đối với các hành như vô thường v.v... của bốn đế vui muốn tăng trưởng, nên gọi là Nhẫn, do vậy nói là Thuận để nhẫn, có thể loại trừ phần ngu tối tăng thượng nơi bốn đế. Noãn, Đảnh có thể trừ bỏ phần ngu tối phạm hạ, trung nơi bốn đế, không phải là phần tăng thượng. Nhẫn tăng trưởng rồi, kế tiếp là Pháp thế đệ nhất dựa vào một sát-na. Nhẫn đã tăng trưởng thì tất cả pháp niệm xứ chung đều thăng tấn, nên sinh căn thiện tối thắng trong tất cả công đức của thế gian như vậy. Vì pháp kia là đầu tiên mở cửa Thánh đạo, nên gọi là Pháp thế đệ nhất.

Có thuyết nói: Vì là tối thắng trong thế gian, nên gọi là Pháp thế đệ nhất. Pháp này khởi hiện trong một sát-na. Hành giả của pháp kia đã mở cửa Niết-bàn rồi, là diệt cùng với khổ pháp nhẫn theo duyên thứ đệ. Nơi một niệm, Noãn, Đảnh, Nhẫn cùng công đức tối thượng kia đã hội đủ. Tất cả căn thiện này đều là tánh của năm ấm.

Hỏi: Ông nói Pháp thế đệ nhất cùng với Thánh đạo làm duyên thứ đệ. Vậy thế nào là tánh của năm ấm?

Đáp: Vì tâm tâm số pháp cùng với sắc và tâm bất tương ưng hành làm duyên thứ đệ, đều tùy thuận một quả, thế nên không lỗi.

Hỏi: Pháp thế đệ nhất này duyên nơi gì?

Đáp: Duyên nơi khổ đế, là nghĩa pháp kia duyên nơi khổ đế.

Hỏi: Có bao nhiêu hành?

Đáp: Có bốn hành. Nếu cảnh giới của khổ đế là bốn hành, như trên đã nói, thì pháp kia hành theo bốn hành này.

Hỏi: Thuộc về bao nhiêu địa?

Đáp: Sáu địa sinh. Nên biết đó là thiên vị lai, trung gian và bốn thiên căn bản.

Hỏi: Căn thiện của phần đã đạt được khác thuộc về bao nhiêu địa?

Đáp: Phần căn thiện khác cũng dựa vào sáu địa, các căn thiện kia cũng thuộc sáu địa, như pháp thế đệ nhất.

Hỏi: Vì sao căn thiện của phần đã đạt được thuộc về sáu địa?

Đáp: Vì từ căn thiện ấy có thể phát sinh kiến đạo. Địa kia có kiến đạo, có xứ sở của kiến đạo, tức là có các căn thiện này. Vì sao? Vì chúng là quyến thuộc của kiến đạo, nên là như vậy.

*Pháp đệ nhất thế gian
Kế tiếp tất khởi Nhẫn
Sau nhẫn sinh khởi trí
Biết rõ khổ ở dưới.*

Pháp đệ nhất thế gian, Kế tiếp tất khởi nhẫn: Nghĩa là Noãn v.v... theo thứ lớp phát sinh phần nhân như trên, cho đến có thể sinh khởi Pháp thế đệ nhất. Pháp thế đệ nhất theo thứ lớp sinh khởi pháp vô lậu. Nơi cõi dục do kiến khổ đoạn trừ mười sử, đối trị chúng gọi là khổ pháp nhẫn. Vì xưa kia chưa thấy pháp, nay vui thích muốn nhận biết, nên gọi là Nhẫn. Nhẫn này là đạo vô ngại, vô lậu trước nhất.

Sau nhẫn sinh khởi trí: Nghĩa là theo thứ lớp khổ pháp nhẫn sinh khởi khổ pháp trí, là tự tánh của đạo giải thoát.

Hỏi: Nhẫn trí này duyên với pháp nào?

Đáp: Nhẫn trí này *Biết rõ khổ ở dưới*. Khổ ở dưới là khổ của cõi dục. Nghĩa là hai thứ này (Nhẫn trí) đều duyên như vậy.

Gọi khổ sắc, vô sắc
Tập, diệt, đạo cũng vậy
Pháp vô gián đẳng này
Từ nơi mười sáu tâm.

Gọi khổ sắc, vô sắc: Tức là khổ của cõi sắc, cõi vô sắc cũng như vậy. Đạo vô ngại sinh nhẫn. Đạo giải thoát sinh trí. Thánh giả cũng nói là khổ tử nhẫn, khổ tử trí.

Tập, diệt, đạo cũng vậy: Nghĩa là tập, diệt, đạo cũng sinh khởi bốn thứ như thế. Hai nhẫn với nghĩa khác là đạo vô ngại, hai trí là đạo giải thoát.

Pháp vô gián đẳng này, Từ nơi mười sáu tâm: Nghĩa là mười sáu khoảnh tâm này đã thành tựu vô gián đẳng. Vô gián đẳng là nghĩa kiến. Mười lăm khoảnh tâm này là kiến đạo. Một tâm sau cùng là thuộc về tu đạo. Từ đây gọi là địa tu, cho đến định kim cang dục. Sau đó được gọi là địa việc làm đã xong.

Lược nói về ba địa: Địa kiến, địa tu, địa vô học. Tùy theo địa này để kiến lập người, nay sẽ nói.

Tùy pháp hành lợi kiến
Đây ở mười lăm tâm
Tùy tín hành phi lợi
Nên biết cũng trong ấy.

Tùy pháp hành lợi kiến, Đây ở mười lăm tâm: Nghĩa là người của mười lăm tâm thuộc về kiến đạo. Nếu là người lợi căn, nói là Tùy pháp hành. Vì trí tuệ tùy theo pháp hành, nên gọi là Tùy pháp hành. Là nghĩa pháp này ngăn chặn, không tin nơi người khác.

Tùy tín hành phi lợi, Nên biết cũng trong ấy: Nghĩa là người của mười lăm tâm này, nếu là hạng tuệ yếu kém, nói là Tùy tín hành, là nghĩa tin vào pháp của người khác mà được hành. Người này tin tưởng, tùy thuận vào tuệ hiện ở trước. Cùng với hành đó trái nhau nói là Tùy pháp hành.

*Chưa lìa dục cõi dục
Hướng đến nơi quả đầu
Xả thứ hai ở sáu
Chín vô cấu thứ ba.*

Chưa lìa dục cõi dục, Hướng đến nơi quả đầu: Nghĩa là người của Tùy tín hành, Tùy pháp hành này, trước chưa lìa dục tức có đủ tất cả trói buộc, đã tiến đến phần quyết định, gọi là Hướng quả Tu-đà-hoàn.

Xả thứ hai ở sáu: Tức là nơi cõi dục, do tu đạo đoạn trừ phiền não, phân biệt có chín thứ, là hạ hạ, hạ trung, hạ thượng. Trung hạ, trung trung, trung thượng. Thượng hạ, thượng trung, thượng thượng. Người của Tín hành, Pháp hành kia ở nơi địa phàm phu đã đoạn dứt sáu thứ phiền não, nhập quyết định, lúc này được gọi là Hướng quả Tu-đà-hàm.

Chín vô cấu thứ ba: Nghĩa là sau khi đoạn trừ chín thứ phiền não, nhập quyết định, bấy giờ được gọi là Hướng quả A-na-hàm.

*Nếu đến mười sáu tâm
Là nói trụ ở quả
Kiến kém, Tín giải thoát
Kiến tịnh gọi Kiến đáo.*

Nếu đến mười sáu tâm, Là nói trụ ở quả: Tức ở nơi mười sáu tâm, đạo tỷ trí tương ưng với tâm ấy phát sinh. Hoặc lợi căn, hoặc căn yếu kém, đều gọi là trụ nơi quả. Quả Tu-đà-hoàn trước chưa lìa dục, nếu lìa sáu thứ dục là quả Tu-đà-hàm, lìa chín thứ dục là quả A-na-hàm.

Kiến kém, Tín giải thoát: Tức người căn yếu kém hướng đến trong địa gọi là Tín hành. Người đó trụ nơi ba quả, gọi là Tín giải thoát.

Kiến tịnh gọi kiến đáo: Tức người lợi căn trụ nơi quả gọi là Kiến đáo.

*Chưa hết tu đạo đoạn
Nên biết bảy qua lại
Gia gia có ba tận
Kia trụ Tu-đà-hoàn.*

Chưa hết tu đạo đoạn, Nên biết bảy qua lại: Nghĩa là người này trụ nơi quả, vì chưa đoạn trừ nên do tu đạo đoạn. Nên biết có bảy lần qua lại nơi sinh tử. Tức thọ nhận bảy lần sinh trong nẻo người, bảy lần sinh trong trời cõi dục và hai mươi tám lần sinh trung âm, cùng thọ nhận bảy đời, nên gọi là bảy lần sinh, như bảy lá cây, như bảy xứ thiện.

Gia gia có ba tận: Nghĩa là nếu trụ nơi quả, người phạm phu có ba thứ dứt hết ở cõi dục, do trong tu đạo đoạn là thượng thượng, thượng trung, thượng hạ. Người ấy gọi là Gia gia.

Gia gia: Là từ nhà đến nhà, qua lại rồi nhập Niết-bàn, nên nói là Gia gia. Trong nẻo người có hai ba nhà. Trong cõi trời có hai ba nhà đều qua lại. Ở đây có hai loại: Gia gia của người và Gia gia của trời. Do nghiệp căn đoạn trừ phiền não có khác nhau, nên gọi là Gia gia.

Nghiệp nghĩa là ở trong phần phạm phu thọ nhận hai ba hữu tập nghiệp. *Căn* là được căn vô lậu. *Đoạn trừ phiền não* là đoạn ba, bốn thứ phiền não.

Kia trụ Tu-đà-hoàn: Tức người này đã bảy lần qua lại và gia gia, gọi là trụ nơi quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Vì sao gọi là Tu-đà-hoàn?

Đáp: Tu-đà gọi là dòng Thánh đạo. Hoàn gọi là vào. Nếu người nối tiếp nhau, đầu tiên đạt kiến, tu đạo, vào trong dòng Thánh thì

người này được quả Tu-đà-hoàn, nên gọi là Tu-đà-hoàn. Như người nữ mang thai do pháp gọi là người.

*Sáu hết, Tur-đà-hàm
Lìa tám, một chủng tử
Chín phẩm hết, Bất hoàn
Ra khỏi bùn ái dục.*

Sáu hết, Tur-đà-hàm: Tức người đoạn hết sáu thứ, là ba thứ thuộc phẩm thượng và ba thứ thuộc phẩm trung, là Tur-đà-hàm. Từ đây mạng chung, sinh lên cõi trời, lại sinh trong nẻo người rồi nhập Niết-bàn, được gọi là Tur-đà-hàm.

Lìa tám, một chủng tử: Nghĩa là một đời là nghĩa của chủng tử. Người kia còn lại chỉ có một đời. Nếu người hoặc trời có hai thứ một chủng tử, tức là một chủng tử người, một chủng tử trời. Hoặc phiên nào có sai khác, gọi là một chủng tử. Người kia còn lại chỉ có một hữu chưa dứt hết, nên gọi là một chủng tử. Người này là hướng quả A-na-hàm, nên biết là trong quả Tu-đà-hàm đã gồm thâm thắng đạo.

Chín phẩm hết, Bất hoàn: Nghĩa là người nơi cõi dục, nếu đoạn tất cả chín thứ phiền não, gọi là A-na-hàm, vì không còn sinh trở lại nơi cõi dục nữa, nên gọi là A-na-hàm.

Hỏi: Vì sao không còn sinh trở lại?

Đáp: Vì *Ra khỏi bùn ái dục:* Tức ra khỏi bùn ái dục, thế nên không còn trở lại cõi dục.

*Chín phiền não như vậy
Ở nơi tám địa trên
Hai đạo kia đã đoạn
Lời Đức Thế Tôn nói.*

Chín phiền não như vậy, Ở nơi tám địa trên: Tức là ở nơi cõi dục do tu đạo đoạn trừ phiền não như trước đã nói. Chín thứ phiền

não từ hạ hạ cho đến thượng thượng, nên biết tám địa cũng như vậy. Đó là bốn thiên, bốn định vô sắc.

Hai đạo kia đã đoạn, Lời Đức Thế Tôn nói: Tức phiền não của ba cõi, nên biết là do đạo vô ngại, đạo giải thoát đoạn. Đạo vô ngại đoạn trừ kiết, đạo giải thoát đắc chứng. Đạo giải thoát hạ hạ, đoạn chủng thượng thượng, cho đến đạo thượng thượng đoạn chủng hạ hạ.

Đây là lược nói về một trăm bảy mươi tám đạo và kiến đạo.

Hỏi: Thế nào là quyết định đạo xuất thế gian đoạn trừ phiền não hay là không đoạn?

Đáp: Không đoạn.

Hỏi: Vì sao?

Đáp:

*Đạo có cầu, không cầu
Đều hay thắng tám địa
Trụ kia nói Thân chứng
Là được chánh thọ diệt.*

Đạo có cầu, không cầu, Đều hay thắng tám địa: Tức có cầu là đạo thế gian, không cầu là đạo vô lậu. Tám địa kia là cõi dục và bốn thiên cùng ba định vô sắc. Đạo thế gian, xuất thế gian đều có thể vượt qua cõi Hữu đảnh kia, trong ấy tất đạo xuất thế gian có thể vượt qua đạo thế tục. Cũng là đạo vô ngại, đạo giải thoát. Đạo vô ngại kia có ba thứ chuyển biến là khổ, thô, ngăn. Đạo giải thoát cũng có ba thứ là trên, diệu, chỉ. Đạo xuất thế gian như trước đã nói về các hành như vô thường v.v...

Trụ kia nói Thân chứng, Là được chánh thọ diệt: Tức là người học trụ trong tám địa kia đã lìa dục, nếu là người được định diệt tận, người ấy gọi là Thân chứng. Thân chứng là pháp tương tự của Niết-bàn, đó gọi là Thân chứng.

Tam muội kim cang dụ
Tiếp tắt sinh tận trí
Sinh ý đời ta hết
La-hán lia các lậu.

Tam muội kim cang dụ, Tiếp tắt sinh tận trí: Nghĩa là đạo vô ngại thứ chín lia dục sinh nơi Hữu đánh, tâm học sau cùng gọi là Tam muội kim cang dụ, cũng như kim cương không gì là không thể phá trừ. Tiếp sau tắt sinh tận trí, tức là tâm vô học ban đầu này khác với hai trí kia, là khổ tử trí, hoặc là tập tử trí. Như người kia từ tận trí khởi, tạo duyên như thế, đều tùy thuận sinh tuệ.

Sinh ý đời ta hết: Nghĩa là bốn âm của xứ phi tướng phi phi tướng, nên biết trong đây là sinh. Vì sao? Vì đây là đoạn sau cùng.

La-hán lia các lậu: Nghĩa là khi tận trí kia sinh khởi thì tất cả lậu đều dứt hết, gọi là A-la-hán. Vì ở trong hàng người trời tức nên nhận cúng dường, vì thế gọi là A-la-hán.

Hỏi: A-la-hán có bao nhiêu loại?

Đáp:

Sáu loại A-la-hán
Năm từ nơi tín sinh
Loại kia được hai trí
Nên biết khi lia cấu.

Sáu loại A-la-hán: Là pháp thoái chuyên, pháp tư duy, pháp thủ hộ, pháp trụ, pháp tắt thẳng tấn, pháp bất động.

Trong đây, nếu là người trí kém, phương tiện kém, trước hết là cùng với thoái chuyên tương ưng đủ nhất định thoái chuyên, nên gọi là pháp thoái chuyên.

Nếu là người căn trí, phương tiện đều kém, thường có tướng nhàm chán thân xấu ác, nhớ nghĩ mong muốn về hoại diệt, sau khi mạng chung tức thành tựu pháp tư duy.

Nếu là người căn trí kém, nhưng tinh tấn tăng thượng, dùng sức tinh tấn để tự giữ gìn, đó gọi là pháp thủ hộ.

Nếu là người căn trí trung bình cùng tinh tấn, người kia trụ đạo này, không tiến, không thoái, nên gọi là pháp trụ.

Nếu là người căn trí ít nhanh nhạy, nhưng rất tinh tấn, tất có thể tiến đến bất động, đó gọi là pháp tất thăng tấn.

Nếu là người căn trí nhanh nhạy, tinh tấn rộng, đầu tiên là được bất động, đó gọi là pháp bất động.

Năm từ nơi tín sinh, Loại kia được hai trí: Nghĩa là trong sáu loại A-la-hán ấy, năm loại trước vốn là tín hành. Năm loại ấy có hai trí là tận trí và chánh kiến vô học. Năm loại ấy hoặc có khi thoái chuyển, nên không sinh vô sinh trí. Tận trí kia hoặc sinh trong một sát-na, hoặc theo thứ lớp sinh. Còn chánh kiến vô học thì hiện ở trước, hoặc tăng trưởng. Nếu chánh kiến này được hiện ở trước, *Nên biết khi lia cầu:* Đó là thời giải thoát. Do quán xét hoặc cõi nước, hoặc thời gian, hoặc trợ bạn, hoặc nói pháp, hay ăn mặc v.v... đều tận tu căn thiện. Phần căn thiện này, không phải nơi tất cả thời đều theo chỗ mong muốn tận tu, nên gọi là Thời giải thoát.

*Pháp bất động lợi căn
Là phi thời giải thoát
Người kia được ba trí
Tự giải thoát thành tựu.*

Pháp bất động lợi căn, Là phi thời giải thoát: Nghĩa là nếu người hoàn toàn là lợi căn, là pháp bất động, nên biết là phi thời giải thoát. Người kia đã khéo phân biệt về tất cả thời, đều tùy theo chỗ mong muốn để tận tu, không quán xét về thời gian, nên gọi là Phi thời giải thoát.

Người kia được ba trí: Là tận trí, vô sinh trí và chánh kiến vô học. Phi thời giải thoát này là pháp không thoái chuyển, thế nên sinh vô sinh trí. Tận trí của vị kia nơi một sát-na sinh. Vô sinh trí thì hoặc

nơi một sát-na, hoặc theo thứ lớp sinh. Chánh kiến vô học thì hiện ở trước, hoặc lúc được thăng tấn, chánh kiến đó liền hiện ở trước.

Tự giải thoát thành tựu: Nghĩa là người kia tự thành tựu tương tự gọi là giải thoát.

Nên biết là thời giải thoát: Nghĩa là người ấy đã quyết định chờ đợi thời gian mới được giải thoát.

Thành tựu bất động: Tức vị kia không có phiền não nào có thể làm cho động loạn. Cũng như ấn tín của vua, nên gọi là bất động.

*Nên biết Tuệ giải thoát
Không được định diệt tận
Chỉ có Câu giải thoát
Thành tựu định diệt tận.*

Nên biết Tuệ giải thoát, Không được định diệt tận: Nghĩa là trong sáu loại A-la-hán, nếu người nào không được định diệt tận nên biết là Tuệ giải thoát. *Tuệ giải thoát*: Nghĩa là người đó chỉ dùng sức của tuệ mà được giải thoát, nên gọi là Tuệ giải thoát.

Chỉ có Câu giải thoát, Thành tựu định diệt tận: Tức trong sáu loại A-la-hán kia, nếu người được định diệt tận, nên biết là bậc Câu giải thoát. Do sức của tuệ nên đối với chướng phiền não đã được giải thoát. Do sức của định nên đối với chướng giải thoát đã được giải thoát. Vì nghĩa này nên gọi là Câu giải thoát. Như trên đã nói, sĩ phu, Hiền Thánh là lược nói về hai hạng: Học, vô học. Vì đoạn trừ phiền não nên gọi là học. Vì không phải đoạn trừ phiền não nên gọi là vô học. Vì sao là không học? Vì học đã hoàn tất.

Đã phân biệt về người của Hiền Thánh. Về pháp có sai biệt nay sẽ nói.

*Nếu pháp Tùy tín hành
Và pháp Tùy pháp hành*

*Đạo kiến đế như vậy
Là cùng đồng một tướng.*

Nếu pháp Tùy tín hành, Và pháp Tùy pháp hành, Đạo kiến đế như vậy, Là cùng đồng một tướng: Nghĩa là trong đạo kiến đế, tín hành và pháp hành có sai biệt, tức là dùng pháp đặt tên người.

*Số các căn trong kia
Là nói vị tri căn
Các pháp hữu học khác
Người trí nói tri căn.*

Số các căn trong kia, Là nói vị tri căn: Nghĩa là nếu căn số pháp thuộc về trong đạo kiến đế kia tức là ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn. Năm căn như tín v.v... đó gọi là vị tri căn. Vì chưa nhận biết, muốn nhận biết, nên gọi là vị tri căn. Nếu hành giả thuộc về kiến đạo nên biết về căn như thế.

Các pháp hữu học khác, Người trí nói tri căn: Nghĩa là từ kiến đạo trở lên, tức các căn số pháp này, gọi là tri căn. Vì đã nhận biết rồi lại nhận biết nữa, nên gọi là tri căn. Nếu là hành giả thuộc về tu đạo nên biết về căn như thế.

*Ở trong pháp vô học
Nên biết tri dĩ căn
Được quả, bỏ đạo trước
Nghĩa này cần phải biết.*

Ở trong pháp vô học, Nên biết tri dĩ căn: Nghĩa là ở trong pháp vô học, thì các căn số pháp này gọi là tri dĩ căn. Vì nhận biết rồi lại không còn đối tượng để nhận biết nữa, nên gọi là tri dĩ căn. Nếu là hành giả thuộc về vô học nên biết về căn như thế.

Hỏi: Mỗi mỗi vị Hiền Thánh này đều theo thứ lớp như trên đã nói, tất cả chư vị đều thành tựu đạo đã được ở trước hay là không được?

Đáp: Được quả, bỏ đạo trước, Nghĩa này cần phải biết: Nếu hành giả này vào đạo rồi, nên biết là hành thắng tấn. Được quả này là do xả bỏ đạo trước. Vì sao? Vì không muốn khiến cho quả kia hướng về một. Nếu là căn thoái chuyển và căn thêm tinh tấn thì người ấy cũng xả bỏ đạo trước. Trong đây không nói là được quả Tu-đà-hoàn xả bỏ kiến đạo được quả Tư-đà-hàm. Hoặc xả bỏ kiến đạo, hoặc xả bỏ thắng đạo của quả Tu-đà-hoàn để được quả A-na-hàm. Hoặc xả bỏ kiến đạo, hoặc xả bỏ thắng đạo của quả Tư-đà-hàm để được quả A-la-hán, xả bỏ quả A-na-hàm, xả bỏ thắng đạo của quả A-na-hàm. Nếu căn tinh tấn thêm có sai biệt thì xả bỏ thắng đạo của quả cũng được quả, vì hàng hữu học vô học đều thuộc về lợi căn, nên xả bỏ quả cũng được quả. Nếu thoái chuyển là bỏ phần hơn, nhận lấy phần kém.

Hỏi: Như người được quả xả bỏ nơi hướng đạo, người kia cũng xả bỏ đoạn chãng?

Đáp: Xả bỏ đạo, không phải đoạn.

*Đã hết là giải thoát
Được dựa nơi một quả
Không cấu nhiễm thứ chín
Trừ đoạn cần nên biết.*

Đã hết là giải thoát, Được dựa nơi một quả: Nghĩa là trước đã đoạn trừ phiền não, một giải thoát đạt được gồm sáu quả có được, thế nên không bỏ đoạn. Trong hướng đạo, đạo giải thoát hiện có đã được giải thoát như vậy.

Hỏi: Về đoạn trừ phiền não như trước đã nói, hành kia không cấu nhiễm, vì sao đoạn?

Đáp: Không cấu nhiễm thứ chín, Trừ đoạn cần nên biết: Tức đã nói chín thứ phiền não, chín thứ đạo đoạn, hành không cấu nhiễm kia, tức quyết định lúc đạo vô ngại thứ chín hiện tiền là đoạn tức

khắc, không phải đoạn dần dần. Không câu nệ: Là hành thiện hữu lậu, hành vô ký không ỉn mát. Câu nệ nơi sắc cũng quyết định đoạn sau cùng.

Hỏi: Vì sao phiền não do chín thứ đoạn không phải là thiện?

Đáp: Vì thiện là cùng trái với phiền não. Thánh đạo cùng với phiền não là trái nhau. Thánh đạo không cùng với thiện trái nhau. Vì Thánh đạo nhằm chán phiền não xấu ác, nên cũng xả bỏ hành thiện vì đồng một hệ thuộc.

Hỏi: Đã nói căn thẳng tắn của A-la-hán. Thế nào là A-la-hán được bất động?

Đáp:

*Nếu có tên tương tự
Kia đạt được bất động
Người này cũng tin thoát
Tánh kia cũng tăng đạo.*

Nếu có tên tương tự, Kia đạt được bất động: Nghĩa là không phải tất cả A-la-hán đều có thể đạt được bất động. Nếu tên gọi của công đức là tương tự, người kia có thể đạt được, nghĩa là tất phải thẳng tắn.

Người này cũng tin thoát, Tánh kia cũng tăng đạo: Lời nói này là chưa trọn vẹn. Nếu tin giải thoát là tánh của thẳng tắn, tức có thể đạt được kiến đáo, không phải là thứ khác. *Tăng đạo:* Nghĩa là căn gia tăng, nghĩa ấy là như vậy.

Hỏi: Đã nói về thứ lớp kiến đế, nhưng chưa nói đến nhân của kiến đế. Vậy nên nói về nhân ấy?

Đáp:

*Công đức, ác sai biệt
Thứ lớp kiến chân đế*

*Lực đạo vô ngại được
Quả hữu vi, vô vi.*

Công đức, ác sai biệt, Thứ lớp kiến chân đế: Nghĩa là ở đây, hai đế lỗi ác có sai biệt và hai đế có công đức sai biệt. Người không thấy lỗi ác thì thấy nơi công đức. Người không thấy công đức thì thấy nơi lỗi ác. Vì sao? Vì hành, duyên có khác nhau. Vì không phải không ở nơi đế thấy chân thật nhưng đế là vô gián. Không phải một trí này có thể quán chung về lỗi ác và công đức của đế có sai biệt. Do nghĩa ấy nên đã kiến đế theo thứ lớp.

Hỏi: Kiến đế là được quả Sa-môn. Sự việc ấy như thế nào? Là hữu vi hay là vô vi?

Đáp: *Lực đạo vô ngại được, Quả hữu vi, vô vi:* Nếu đoạn trừ phiền não là vô vi. Nếu được đạo giải thoát là hữu vi. Hai thứ này đều do lực của đạo vô ngại nên được, vì thế cả hai cùng được nói là quả Sa-môn.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN KINH A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 4

Phẩm thứ 6: TRÍ

Nay muốn phân biệt về phần trí của Niết-bàn. Vì sao? Vì trí có thể đoạn dứt các phiền não. Nên muốn giải thích rộng về trí, trước là nói kệ này:

*Nếu tánh trí biết rõ
Quán xét tất cả hữu
Có, không có, Niết-bàn
Tướng ấy nay sẽ nói.*

Có, không có: Đó gọi là Niết-bàn. Thế nên người trí quán có, không có. *Có*: Là hết thảy pháp hữu lậu, là nghĩa của khổ, tập. *Có, không có*: Là diệt đế. Vì tất cả có không có, nên gọi là có không có. Ở đây, nghĩa *không có*: Đây là nói đối trị với *có*, gọi là *diệt*, nên diệt chẳng phải là không có.

Vật không phải là không là để đối trị với *có*. Như chánh thọ diệt tận thì tâm tâm số pháp không hành, để đối trị nói là diệt. Là có vật, tức Niết-bàn như vậy là đối trị với tất cả có, thế nên có sự việc, như chữa khỏi bệnh thì được không bệnh. Tướng của Niết-bàn kia gọi là tịch diệt, là tướng tịch diệt.

Trí duyên dựa nơi pháp kia, người trí quán xét nơi Niết-bàn, chẳng phải là không cảnh giới mà có trí chuyên, thế nên nếu trí quán xét thì đây tức là đạo.

Hỏi: Trí kia như thế nào?

Đáp:

*Ba trí Phật đã nói
Đệ nhất giác tối thượng
Pháp trí, tùy thuận trí
Cùng do thế tục trí.*

Ba trí này gồm thâm tất cả trí. *Pháp trí:* Nếu trí có cảnh giới là cõi dục. Hoặc diệt là đối trị cõi dục. Hoặc cảnh giới vô lậu. Trí ấy đầu tiên giữ lấy pháp, quyết định hành, nên gọi là Pháp trí.

Tùy thuận trí: Nghĩa là nếu trí có cảnh giới là cõi sắc, vô sắc. Hoặc diệt là đối trị cõi sắc, cõi vô sắc. Hoặc cảnh giới vô lậu. Tiếp sau pháp trí là thuận theo thứ lớp, nên gọi là Tùy thuận trí.

Thế tục trí: Tức là nếu trí hữu lậu phần nhiều thọ nhận số thế tục, nghĩa là nam, nữ v.v... nên nói là thế trí. Tất cả như vậy v.v... gọi là Thế tục trí.

*Khổ, tập cùng diệt, đạo
Hai trí tùy thuận sinh
Bốn thứ trí như vậy
Mâu-ni tùy tên nói.*

Pháp trí, tùy thuận trí là theo Thánh để chuyên, Đức Thế Tôn đã tùy tên gọi nói là cảnh giới của khổ đế, nên nói là khổ trí. Như vậy, vì là cảnh giới của tập, diệt, đạo đế, nên nói là tập, diệt, đạo trí.

Ở đây, hành của hai trí khổ, tập có sai biệt, nếu chuyển theo hành khổ, gọi là khổ trí. Nếu chuyển theo hành tập, gọi là tập trí. Về duyên thì không khác nhau tức đồng duyên nơi năm ấm. Hành duyên của hai trí diệt, đạo thì khác nhau.

*Nếu trí quán tha tâm
Là từ trong ba nói
Tận, vô sinh trí hai
Nên biết ở bốn môn.*

Nếu trí quán tha tâm, Là từ trong trí nói: Nghĩa là tha tâm trí hữu lậu trong ba trí là thế trí. Nếu cảnh giới đối trị là cõi dục, thì đó là pháp trí. Nếu cảnh giới đối trị là cõi sắc, vô sắc, thì đó là tùy thuận trí. Nếu cảnh giới là tâm tâm số pháp, là phương tiện của tâm tâm số ấy được thành tựu, nên gọi là tha tâm trí.

Tận, vô sinh trí hai: Nghĩa là tận trí và vô sinh trí là hai trí, tức là pháp trí, tùy thuận trí. Hai trí này nếu thọ nhận sự việc đã làm rốt ráo là tận trí. Nếu không còn tạo tác và thọ nhận nữa là vô sinh trí.

Hỏi: Tận trí, vô sinh trí duyên với cảnh giới của đế nào?

Đáp: *Nên biết ở bốn môn:* Đây là nghĩa duyên nơi bốn đế. Trừ tận trí đầu chỉ duyên với hai đế.

Đã phân biệt mười trí. Phân biệt về hành nay sẽ nói.

*Hai trí, mười sáu hành
Pháp trí, tùy thuận trí
Trên đã nói và khác
Là nói thế tục trí.*

Thế trí có mười sáu hành chuyển, trước sau đều có mười sáu hành ấy, gồm thân noãn, đánh, nhả. Ba tuệ văn tư tu còn lại là thuộc về pháp thế đế nhất. Bên cạnh bốn hành vô gián v.v... là mười hai hành. Ngoài các thứ kia còn có hành, là thí, giới, từ v.v...

*Bốn trí có bốn hành
Hành quyết định đã nói
Nếu biết tha tâm trí
Hành như thế hoặc không.*

Bốn trí có bốn hành, Hành quyết định đã nói: Nghĩa là khổ trí có bốn hành. Tập, diệt, đạo trí cũng như vậy.

Nếu biết tha tâm trí, Hành như thế hoặc không: Nghĩa là nếu tha tâm trí vô lậu thì trí ấy có bốn hành, như đạo trí là phần ít của đạo trí. Nếu hữu lậu thì hành tức khác, vì chỉ gồm thân tâm tâm số pháp hữu lậu.

*Tận trí, vô sinh trí
Lìa hành không, vô ngã
Nói có mười bốn hành
Tướng thọ là trên hết.*

Tận trí, vô sinh trí, Lìa hành không, vô ngã, Nói có mười bốn hành: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí là chuyên theo đệ nhất nghĩa, cũng thân cận với thế trí để tác ý: “Sự sinh tử của Ta đã hết”. Như vậy là cùng nhận lấy hành tương tự của ngã, chúng sinh. Còn hành không, hành vô ngã, nhất định là chuyên theo đệ nhất nghĩa, không phải duyên với thế tục. Thế nên tận trí, vô sinh trí đối với hành không, hành vô ngã, là không chuyển nên chỉ có mười bốn hành.

Hỏi: Vô lậu trí hiện có đã gồm thân tất cả mười sáu hành chăng?

Đáp: Không phải. *Tướng thọ là trên hết:* Tức mười sáu hành kia là hành chung. Nếu lại nhận lấy tự tướng nơi trí vô lậu thì như thân niệm xứ v.v..., trí ấy không gồm thân mười sáu hành.

Đã nói về các hành có sai biệt. Về chúng đặc nay sẽ nói.

*Tâm vô lậu đầu tiên
Hoặc có thành tựu một
Hai hoặc thành tựu ba
Nơi bốn trên thêm một.*

Tâm vô lậu đầu tiên, Hoặc có thành tựu một: Nghĩa là tâm tương ứng với khổ pháp nhãn đầu tiên, chưa lia dục thì thành tựu một trí là thể trí. Lia dục thì thành tựu tha tâm trí, không hiện ở trước. Chẳng phải là tha tâm trí hiện ở trước theo thứ lớp của kiến đạo. Vì sao? Vì cùng với sự lưu chuyển là trái nhau.

Hai hoặc thành tựu ba: Nghĩa là tâm tương ứng với khổ pháp trí vô lậu thứ hai, chưa lia dục thì thành tựu ba là pháp trí, khổ trí và thể trí. Nếu lia dục thì thành tựu tha tâm trí.

Nơi bốn trên thêm một: Nghĩa là ở trong sát-na của bốn tâm trên, nên biết mỗi mỗi tâm đều thêm khổ tử trí, là được tử trí nơi tập pháp trí, được tập trí nơi diệt pháp trí, được diệt trí nơi đạo pháp trí, được đạo trí nơi tập diệt đạo tử trí và nhãn. Tức không được trí chưa từng được.

Hỏi: Các trí này ở tại địa nào?

Đáp:

*Chín trí Thánh đã nói
 Đây dựa nơi hai địa
 Nên biết thiên có mười
 Trong địa vô sắc tám.*

Chín trí Thánh đã nói, Đây dựa nơi hai địa: Nghĩa là chín trí này dựa nơi thiên vị lai, thiên trung gian, trừ tha tâm trí.

Nên biết thiên có mười: Tức bốn thiên căn bản, mỗi thiên đều có mười trí.

Hỏi: Vì sao trong thiên trung gian, thiên vị lai không có tha tâm trí?

Đáp: Vì cảnh giới vi tế. Tức cảnh giới này là vi tế, vì ở trong thân của người khác. Tâm tâm số pháp nơi thiên vị lai là đạo thiếu kém. Không phải đạo thiếu kém có thể nhận lấy nghĩa vi tế. Còn đạo

của thiền căn bản kia là chỉ quán song hành, là đạo có sức mạnh, nên thiền kia có thể nhận lấy.

Trong địa vô sắc tám: Tức trừ pháp trí và tha tâm trí. Pháp trí là cảnh giới của cõi dục. Cõi vô sắc dựa vào hành duyên đối trị, đều xa đối với cõi dục. Vì vậy ở cõi vô sắc không có pháp trí. Tha tâm trí duyên với sắc có thể phát sinh, thế nên ở nơi cõi sắc chuyển không phải trong cõi vô sắc. Ngoài ra, vị lai nơi cõi Hữu đảnh có một thế trí. Vì sao? Vì là hữu lậu.

Đã nói về địa có sai biệt. Về tu có khác nhau nay sẽ nói.

Tu có sáu thứ: Tu đắc, tu tập, tu đối trị, tu xuất ly, tu giới và tu quán sát.

Tu đắc: Là nếu đối với pháp thiện không đạt được thì sẽ đạt được nơi hiện tại, vị lai.

Tu tập: Là đối với công đức trước đã được, hiện tiền đang tu tập.

Tu đối trị: Là tu đạo đối trị các pháp hữu lậu.

Tu xuất ly: Là lúc tu đạo lìa bỏ pháp cấu uế.

Tu giới: Là như đạo có thể điều phục các căn.

Tu quán sát: Là như quan sát thân v.v...

Trong đây, chỉ nhận lấy hai thứ tu là tu đắc và tu tập.

*Nếu tu đắc các trí
Là ở kiến đạo Thánh
Kia tức tu vị lai
Các nhân cũng như vậy.*

Nếu tu đắc các trí, Là ở kiến đạo Thánh, Kia tức tu vị lai: Nghĩa là nếu các trí của kiến đạo hiện tiền đang tu, thì người kia tức tu ở vị lai. Tức là khổ pháp trí hiện tại tu, người ấy cũng tu vị lai, không phải nhân, không phải là trí khác. Như vậy cho đến đạo pháp nhân.

Các nhân cũng như vậy: Nghĩa là trong nhân cũng như vậy. Khổ pháp nhân hiện tại tu, nhân ấy cũng tu ở vị lai, không phải trí, không phải nhân khác và tất cả nhân cũng như thế.

Hỏi: Vì sao kiến đạo chỉ tu đạo của tự phần, còn tu đạo có tu tự phần hay không tu tự phần?

Đáp: Vì chưa tu trí nên trong kiến đạo trí chưa tập chưa luyện. Trong tu đạo thì cả hai thứ ấy cùng hành tác.

*Ở trong ba tâm kia
Tu đắc nơi thế trí
Hoặc tu bảy hoặc sáu
Nên biết tâm sau cùng.*

Ở trong ba tâm kia, Tu đắc nơi thế trí: Nghĩa là trong ba tâm của kiến đạo kia, đã tu đắc thế trí, được khổ, tập, diệt tử trí. Tùy thuận kiến đạo của địa đó, tức nơi địa ấy có thế trí cùng tu thế trí của cõi dục. Nếu trí kia dựa vào địa của vị lai được quyết định thì trí ấy tu ở vị lai và thế trí của cõi dục. Như vậy, dựa vào thiên thứ tư được quyết định, người kia tu trí thế tục của bảy địa.

Hỏi: Vì sao đạo tử trí không tu?

Đáp: Vì trí ấy là vô biên. Vì vô gián đẳng biên của đế đã thành tựu, nên gọi là đẳng biên vô gián, không thể tu tất cả đạo. Đối với đạo của người khác không thể tu, chỉ tu nơi tự thân, cho đến vị lai. Hành giả kia về tự phần không hiện tiền. Đối với ba đế, mình, người khác đều cùng có thể nhận biết, có thể đoạn trừ và có thể chứng đắc, vì tùy thuận được biên nên có thể tu, tức người kia có thể tu, không phải thứ khác. Do vậy pháp trí cũng không tu. Vì sao? Vì vô gián đẳng của đế chưa được rốt ráo, vì ở nơi đế này thế tục trí vốn từng tác chứng, vì thế tu trí này chỉ có tên gọi thiện, về phương tiện vẫn chưa được.

Hoặc tu bảy hoặc sáu, Nên biết tâm sau cùng: Nghĩa là nếu đạo tử trí lia dục của cõi dục, thì hành giả kia tu bảy trí thuộc về quả

A-na-hàm, trừ thế tục trí, tận trí, vô sinh trí. Nếu chưa lia dục thì tu sáu trí, trừ tha tâm trí. Xứ phi tướng phi phi tướng là đối trị, người đó được quả Sa-môn. Do đây nên không tu thế trí.

*Nơi tu đạo trên kia
Mười bảy tâm vô lậu
Nên biết tu bảy thứ
Căn tăng ích tu sáu.*

Nơi tu đạo trên kia, Mười bảy tâm vô lậu, Nên biết tu bảy thứ: Nghĩa là nếu chưa lia sáu thứ dục, từ quả Tu-đà-hoàn trở lên trong tu đạo có mười bảy sát-na, nên biết tu bảy trí, vì đạo này thuộc về thiên vị lai, không có tha tâm trí, cũng không có tận trí, vô sinh trí, do là vô học. Thế nên trong đạo kia tu bảy trí khác. Nếu hành giả ấy do đạo thế tục tiến đến thế tục trí kia, thì bảy thứ vị lai hiện ở trước. Nếu là đạo xuất thế gian thì bốn thứ pháp trí, mỗi mỗi trí được hiện ở trước. Bảy trí còn lại là vị lai.

Căn tăng ích tu sáu: Căn tăng ích nghĩa là hoặc Tín giải thoát, các căn luyện tập đối trị tiến tới được kiến đạo. Căn kia thêm tinh tấn, nên trong tất cả đạo vô ngại, đạo giải thoát tu đắc sáu trí. Vì chưa lia dục, nên không có tha tâm trí. Lại nữa, tu đạo tinh tấn, không phải là đoạn trừ phiền não. Tinh tấn là người chưa tu đắc, đã tiến đến được công đức, nên không tu thế trí.

*Lúc được quả Bất hoàn
Vượt khỏi bảy địa trên
Huân tu các thần thông
Giải thoát tu tập tám.*

Lúc được quả Bất hoàn: Nghĩa là nếu lúc được quả A-na-hàm, tất được thiên căn bản, thế nên tu tha tâm trí và bảy thứ trước đã nói.

Vượt khỏi bảy địa trên: Nghĩa là bốn thiên và ba định vô sắc. Lúc lia bỏ dục của bảy địa, trong chín đạo giải thoát cũng tu tám trí.

Nếu dùng đạo thể tục để tu tinh tấn thì thể tục trí kia hiện ở trước, vị lai tu tám. Nếu là đạo xuất thế gian tu tinh tấn thì vào lúc đó bốn tử trí và diệt, đạo pháp trí, mỗi mỗi trí đều được hiện ở trước và vị lai tu tám.

Huân tu các thần thông, Giải thoát tu tập tám: Nghĩa là huân tu khởi hiện một đạo giải thoát, trong đó có tám pháp trí, tử trí, mỗi mỗi trí đều được hiện ở trước và vị lai tu tám. Khởi cảnh giới thần thông, trí túc mạng trong đạo giải thoát, thể tục trí được hiện ở trước, tám trí ở vị lai, tha tâm trí nơi đạo giải thoát có pháp trí, tử trí. Nếu tha tâm trí trong thể trí, mỗi mỗi trí đều hiện ở trước và vị lai tu tám. Thiên nhĩ thông, sinh tử trí thông nơi đạo giải thoát là vô ký nên không tu.

*Trong đạo vô ngại này
Cùng ra hữu thứ nhất
Tám đạo giải thoát kia
Nên biết tu nơi bảy.*

Bảy địa lia dục, tức trong tất cả đạo vô ngại đều tu bảy trí. Nghĩa là trong đạo vô ngại tu trí đối trị, nên không tu tha tâm trí, vì trí ấy không phải là đối trị. Huân tu khởi hiện hai tâm, giống như đạo vô ngại: Trước là vô lậu, hai là thể tục.

Trong tâm vô lậu có tám pháp trí, tử trí, mỗi mỗi trí hiện ở trước, vị lai có bảy trí, trừ tha tâm trí. Tất cả đạo vô ngại, không tu tha tâm trí. Thể tục trí của đạo thể tục hiện ở trước, vị lai cũng có bảy trí. Khởi hiện bốn thần thông trong đạo vô ngại, thể tục trí hiện ở trước, vị lai định rõ tu bảy trí. Tha tâm trí hữu lậu cũng như vậy. Tha tâm trí vô lậu nơi đạo pháp tử trí, mỗi mỗi trí đều hiện ở trước, vị lai định rõ tu bảy trí.

Cõi Hữu đánh lia dục, có tám đạo giải thoát, bốn tử trí, hai pháp trí, mỗi mỗi trí đều hiện ở trước, ở vị lai cũng có bảy trí. Thể tục trí ở trong đạo vô ngại kia thoái chuyển, vì không phải là đối trị. Thể tục

trí chưa từng đạt đến nơi Hữu đánh, trí ấy hoặc có khi tạo phương tiện không quyết định.

*Qua khỏi hữu thứ nhất
Đạo vô ngại tu sáu
Thượng thừa cần nên biết
Tu tập ở địa dưới.*

Qua khỏi hữu thứ nhất, Đạo vô ngại tu sáu: Nghĩa là hữu thứ nhất liả bỏ dục, chín đạo vô ngại tu sáu trí, trừ tha tâm trí, thể tục trí, các trí khác đều hiện ở trước. Đạo giải thoát như trước đã nói: Sáu trí gồm bốn tỷ trí, hai pháp trí.

Thượng thừa cần nên biết, Tu tập ở địa dưới: Nghĩa là trong tất cả địa, nên biết là tu trí của tự địa và trí của địa dưới. Nếu thiên thứ nhất tăng tiến, người kia tu công đức của tự địa, cũng tu thiên vị lai gồm thân công đức. Như vậy cho đến Bất dụng xứ theo thứ lớp cũng như thế. Nếu người cho đến Bất dụng xứ liả dục, dựa vào thiên thứ nhất cho đến cõi Hữu đánh liả dục, thì người đó do vô lậu trí của chín địa tu thắng tấn, như vậy tất cả cần biết.

*Vô học tâm đầu tu
Các địa sinh công đức
Tất cả lậu, vô lậu
Đây là tùy thuận trí.*

Vô học tâm đầu tu, Các địa sinh công đức, Tất cả lậu, vô lậu: Nghĩa là được quả A-la-hán thì công đức hữu lậu, vô lậu của tất cả địa, tất cả đều tu thắng tấn.

Hỏi: Vì sao địa này tu tất cả công đức?

Đáp: Vì đoạn dứt tất cả trói buộc như được sống lại. Pháp cởi mở các trói buộc của Đức Như Lai là hàng phục phiền não, chúng lực sĩ đều hân hoan vui thích, vì tâm được tự tại, sợi dây trói buộc đứng đầu đã được giải thoát. Như vua mới lên ngôi, muôn họ ở bốn

phương đều đem các thứ châu báu không gì hơn dâng lên vua. Phiền não như kẻ oán đối đã được tiêu trừ, nên tất cả người dân trong cõi nước đều quy phục. Hành giả kia trước tuy đã được công đức của địa dưới, nhưng còn có phiền não nổi tiếp, nên không sáng sạch. Nay vì đoạn trừ hết phiền não, công đức sáng sạch và tâm nhập xuất định thành tựu, nên huân tu. Nếu trụ nơi cõi dục, được quả A-la-hán, thì pháp hoặc là như vậy. Nếu trụ nơi cõi sắc, được quả A-la-hán, thì nơi công đức của hai cõi kia đều tu thắng tấn đầy đủ, nên sinh ở một cõi, các địa như vậy cần phải nhận biết.

Hỏi: Tâm ban đầu của vô học tương ưng với trí nào?

Đáp: Đây là tùy thuận trí. Tương ưng với tùy thuận trí này, người kia tác ý như vậy: Nẻo sinh tử của ta đã hết. Âm của phi tướng phi phi tướng xứ nhận lấy sự sinh trong ấy, người kia duyên nơi sự sinh đó. Vì sao? Vì đây là phần đoạn dứt sau cùng, nên người kia được khô tử trí, hoặc tập tử trí.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Hoặc kiến trí tuệ thì chúng là một hay là khác?

Đáp: Chúng là tánh của tuệ, Đức Thế Tôn vì quán nhân duyên nên nói như vậy.

*Các nhãn tức phi trí
Tận, vô sinh, phi kiến
Nếu các Thánh tuệ khác
Nên biết ba thứ tánh.*

Các nhãn tức phi trí: Nghĩa là tám nhãn như vô gián v.v... không phải là trí. Vì sao? Vì là không quyết định. Nghĩa quyết định là nghĩa của trí, còn nhãn thì không quyết định. Khi đối trị với phẩm của mình, thì nghi theo đây sinh khởi. Người nhãn thì cầu dục chuyên. Người trí thì cầu dục đoạn dứt. Vì vậy nhãn không phải là trí.

Tận, vô sinh, phi kiến: Nghĩa là hai trí tận và vô sinh đều có thể thấy, chỉ rõ là tuệ quyết định, nên là trí. Vì sao không phải là trí? Vì không tìm cầu, vì là trung bình.

Nếu các Thánh tuệ khác, Nên biết ba thứ tánh: Nghĩa là sự việc của tuệ vô lậu khác tánh của kiến trí tuệ.

*Nếu trí hữu lậu thiện
Ở ý tức là kiến
Kiến phiền não là trí
Đây cùng khác nói tuệ.*

Nếu trí hữu lậu thiện, Ở ý tức là kiến: Nghĩa là trí hữu lậu thiện nơi ý địa có thể tìm cầu, nên cũng nói là kiến.

Kiến phiền não là trí: Nghĩa là nếu kiến tự tánh của phiền não như là thân kiến v.v..., thì thân kiến đó từ nơi lường xét, suy nghĩ, hiểu biết chuyên, tức suy cầu, nên gọi là kiến. Kiến kia có tính quyết định nên gọi là trí.

Đây cùng khác nói tuệ: Tức nếu đã nói là sự việc của kiến, sự việc của tuệ. Cùng thứ khác chưa nói, như năm kiến của ý địa là vô ký. Ngoài ra, ý địa cấu uế, cùng năm thức thân tương ưng với trí hiện có, tất cả là tuệ. Nên biết trong ấy chưa nói là nói. Nơi năm kiến kia, nếu là vô ký thì không thể lường tính, không thể xét biết, không thể tìm cầu, nên không phải là kiến. Bị cấu uế là do phiền não làm nhiễm ô. Tương ưng với năm thức thân thì không thể phân biệt cảnh giới hiện bày, hoàn toàn rơi rớt. Các kiến thì không như vậy.

Hỏi: Mỗi mỗi trí duyên với bao nhiêu trí?

Đáp:

*Pháp trí, tùy thuận trí
Quán xét nơi chín trí*

*Nhân trí và quả trí
Cảnh hai trí nên biết.*

Pháp trí, tùy thuận trí, Quán xét nơi chín trí: Nghĩa là pháp trí duyên với chín trí, trừ tử trí. Tử trí cũng duyên với chín trí, trừ pháp trí. Đạo pháp trí duyên với tất cả. Phần kia của pháp trí cũng duyên với trí khác, như khổ, tập, pháp trí duyên với thể trí của cõi dục. Như vậy, đạo tử trí duyên với tử trí của phần mình. Khổ tập tử trí duyên với thể trí của cõi sắc, cõi vô sắc cùng tha tâm trí của thể tục.

Hỏi: Vì sao pháp trí và tử trí không cùng duyên với nhau?

Đáp: Vì duyên trên dưới có sai biệt. Như hai người cùng ngắm xem đất và hư không.

Nhân trí và quả trí, Cảnh hai trí nên biết: Nghĩa là tập trí duyên với tha tâm trí hữu lậu và thể tục trí. Vì sao? Vì là phần số của tập để nên không duyên với trí khác. Trí khác là vô lậu, khổ trí cũng như vậy.

*Đạo trí duyên chín trí
Diệt trí không cảnh giới
Tất cả cảnh giới khác
Trí đã nói quyết định.*

Đạo trí duyên chín trí: Nghĩa là đạo trí duyên với chín trí, trừ thể tục trí. Vì sao? Vì là hữu lậu nên duyên với chín trí còn lại. Vì sao? Vì là phần số của đạo để.

Diệt trí không cảnh giới: Tức diệt trí không duyên với trí. Vì sao? Vì trí ấy duyên với vô vi.

Tất cả cảnh giới khác, Trí đã nói quyết định: Nghĩa là bốn trí còn lại duyên với mười trí.

Thể trí duyên với mười trí. Vì sao? Vì là cảnh giới của tất cả pháp. Như vậy tha tâm trí là cảnh giới của tất cả tha tâm, tâm số, vì

tha tâm trí hữu lậu này duyên với trí hữu lậu. Như thế vô lậu duyên với vô lậu. Trong kia, pháp trí và phần của pháp trí là phần của tùy thuận trí. Căn, địa, người, sự vượt qua đều không duyên. Tận trí, vô sinh trí cũng như vậy, vì tất cả là cảnh giới hữu vi.

Hỏi: Như Đức Phật đã nói: Tùy thuận trí nếu ở nơi cõi Hữu đánh lia đục tức được quả A-la-hán, không hoàn toàn là tùy thuận trí chăng?

Đáp: Vì phân đôi trị của tùy thuận trí kia do pháp trí đã đoạn dứt, nên cũng có pháp trí nơi phân đôi trị kia.

Hỏi: Sự việc này là thế nào?

Đáp:

*Nếu trong diệt, đạo kia
Pháp trí đã chuyển đổi
Đôi trị ba cõi ấy
Phi đục, tùy thuận trí.*

Nếu trong diệt, đạo kia, Pháp trí đã chuyển đổi, Đôi trị ba cõi ấy: Nghĩa là pháp trí của diệt, đạo trong tu đạo, cũng là đôi trị cõi sắc, vô sắc, nếu người kia sinh nơi cõi đục, dứt bỏ kiết của cõi sắc, vô sắc. Âm của tự địa nơi cõi kia đã bị bức nã. Trong cõi ấy đã thấy rất nhiều lỗi lầm. Vì nhằm lia chúng nên cầu tìm đôi trị. Nơi ba cõi lia đục trừ bỏ chúng. Còn nơi Hữu đánh lia đục chỉ là pháp trí nơi đạo vô ngại. Tùy thuận trí kia là đạo giải thoát.

Hỏi: Vì sao không phải là khổ, tập mà là pháp trí đã trừ bỏ?

Đáp: Vì khổ, tập không như nhau. Vì khổ, tập của cõi đục thì thấp kém, còn cõi sắc, vô sắc thì hơn hẳn, tức không nên quán xét nơi thấp kém để nhằm chán lia bỏ đối với cõi trên. Đâu có lỗi gì, vì ở xứ khác bức nã, ở xứ khác chán lia, tương tự như diệt đạo. Thế nên quán xét cõi kia, chán lia đục của ba cõi. Đạo lý này được nói đến.

Hỏi: Tùyn có tùy thuận trí cũng ở nơi cõi dục là đối trị chăng?

Đáp: Không phải tùy thuận trí của cõi dục, vì không có tùy thuận trí làm việc đối trị cõi dục. Tức không có một người ở nơi cõi kia thấy lỗi lầm tăng thượng, vì không có đạo lý này. Nếu ở nơi cõi sắc, vô sắc lia dục, sau đây mới ở nơi cõi dục lia dục, là không có lý như vậy. Hoặ lúc đầu thật khó đoạn dứt tự địa, vì không thể lia bỏ. Ví như quốc vương không thể hàng phục ở nước mình mà muốn hàng phục nước khác. Như vua thì hàng phục nước mình, sau đây mới có thể hàng phục nước khác. Pháp trí cũng như vậy.

Hỏi: Thần thông là tánh của trí nào?

Đáp:

*Thần túc, thiên nhãn, nhĩ
Nên biết một thể trí
Sáu trí nhớ túc mạng
Năm nói tha tâm trí.*

Thần túc, thiên nhãn, nhĩ, Nên biết một thể trí: Nghĩa là thần túc, thiên nhãn, thiên nhĩ là một thể trí, không phải là vô lậu trí chuyên như vậy. Vì trí của thần túc thông kia có thể thị hiện vô số sự việc. Thị hiện vô số sự việc là khả năng của trí tuệ. Thiên nhĩ thông là thiên nhĩ thức tương ưng với tuệ. Sinh tử trí thông là thiên nhãn thức tương ưng với tuệ.

Sáu trí nhớ túc mạng: Nghĩa là sáu trí của thần thông nhớ nghĩ về nơi chốn của quá khứ. Đó là: Pháp trí thì nhớ lại phần của pháp trí. Tùy thuận trí thì nhớ lại phần của tùy thuận trí. Thế trí thì nhớ nghĩ về phần của thế trí. Khổ trí thì nhớ lại các khổ trong quá khứ. Tập trí cũng như vậy. Đạo trí là hành xuất thế gian. Luận sư nước Kế Tân nói: Chỉ là một thể trí.

Năm nói tha tâm trí: Nghĩa là tha tâm trí thông thì có năm trí là pháp trí, tùy thuận trí, thế trí, đạo trí và tha tâm trí.

*Chín trí lậu tận thông
Trí quyết định đã nói
Tám trí trong thân chuyển
Pháp mười, chín trí hai.*

Chín trí lậu tận thông, Trí quyết định đã nói: Nghĩa là lậu tận trí của lậu tận thông gồm sáu chín trí vô lậu.

Hỏi: Như tha tâm trí, tận trí, vô sinh trí là không gồm sáu, vì sao nói là gồm sáu?

Đáp: Vì chánh kiến vô học gồm sáu, nên tất cả ba thứ trí kia nói là lậu tận thông.

Hỏi: Niệm xứ là tánh của trí nào?

Đáp: *Tám trí trong thân chuyển:* Tức nếu có sắc thân, gọi là tám trí chuyển trong sắc thân ấy, trừ tha tâm trí và diệt trí.

Pháp mười: Là trừ sắc, thọ, tâm. Pháp còn lại gọi là pháp niệm xứ. Mười trí chuyển trong ấy như trước đã nói.

Chín trí hai: Là trong thọ tâm, trừ diệt trí, còn chín trí chuyển.

Hỏi: Mười lực và bốn pháp vô sở úy của Đức Như Lai là tánh của trí. Trí ấy vì sao có sai biệt?

Đáp:

*Lực thị xứ phi xứ
Cùng do vô úy đầu
Nên biết mười trí Phật
Khác trong đây sai biệt.*

Lực thị xứ phi xứ, Cùng do vô úy đầu, Nên biết mười trí Phật: Tức nếu lực của thị xứ phi xứ kia là mười trí thì vô úy đầu cũng như vậy, là chánh biến trí. Như vậy nói rộng thì vô úy này cũng là mười trí. Vì sao? Vì nhận lấy chân chánh.

Khác trong đây sai biệt: Tức lực của thị xứ phi xứ có sai biệt với lực khác. Vô úy đầu có sai biệt với vô úy khác.

Hỏi: Vì sao Đức Phật tạo lập nhiều thứ sai biệt?

Đáp: Đức Phật tùy thuận xứ sở để giáo hóa chúng sinh, theo chỗ mong muốn nên có nhiều chủng loại khác nhau. Có người tin ưa nói rộng, không thích nói chung. Có người ưa thích nói tóm lược.

Nghĩa của lực là thuận theo điều ưa thích mong muốn của mình. Nghĩa có thể thành tựu là nghĩa của lực. Nghĩa không chướng ngại là nghĩa của lực. Nghĩa có thể chế ngự là nghĩa của lực. Nghĩa không thể xâm hại khi dễ là nghĩa của lực. Nghĩa có thể lần đoạt kẻ khác là nghĩa của lực.

Lực của xứ phi xứ là quyết định vô ngại trong nhân quả, đó gọi là lực của xứ, phi xứ. Tự nghiệp trí lực là báo nhân của sự việc nơi xứ nghiệp thiện, bất thiện. Hoặc nhiều, hoặc ít, hoặc định, hoặc không định. Trong các nghĩa như thế, nếu có trí vô ngại, thì đó gọi là tự nghiệp trí lực.

Thiền giải thoát kia là tam muội chánh thọ trí lực. Thiền này cùng với tự tánh, danh tự đạt được phương tiện, gồm thâm hữu vi, tịnh, vô lậu và phần thoát trụ thắng đạt. Trong các nghĩa như thế, nếu có trí vô ngại, thì đó gọi là định lực.

Căn sai biệt trí lực là đối với căn hạ trung thượng có thể nhận biết, nếu có trí vô ngại thì đó gọi là căn sai biệt trí lực.

Chủng chủng giải trí lực: Nghĩa là đối với các chúng sinh hạ trung thượng đều tự nhận biết, hiểu rõ, không hề bị chướng ngại. Đó gọi là chủng chủng giải trí lực.

Chủng chủng tánh trí lực: Nghĩa là nhận biết về tánh của chúng sinh, về tánh sai biệt của các pháp. Nếu có trí vô ngại, thì đó gọi là chủng chủng tánh trí lực,

Nhất thiết chí xứ đạo trí lực: Nghĩa là trí đối với tất cả nghiệp sinh tử chuyển biến, đều có thể dứt bỏ hết thấy pháp sinh, nhận biết không chướng ngại, đó gọi là chí xứ đạo trí lực.

Ức tức mạng trí lực: Nghĩa là trí đối với sinh tử nơi quá khứ của mình và người khác, lần lượt nhớ nghĩ, nhận biết không chướng ngại. Đó gọi là ức tức mạng trí lực.

Sinh tử trí lực: Nghĩa là trí đối với chúng sinh nơi vị lai nối tiếp nhau đều thấy biết không chướng ngại. Đó gọi là sinh tử trí lực.

Lậu tận trí lực: Nghĩa là nếu lậu dứt hết, phương tiện của lậu cũng dứt hết, nếu là trí vô ngại, thì đó gọi là lậu tận trí lực.

Mười lực, pháp vô sở úy của Đức Như Lai, như trong kinh đã nói rộng: Nghĩa không khiếm nhược là nghĩa của vô úy. Nghĩa không sợ hãi là nghĩa của vô úy. Nghĩa không trốn tránh là nghĩa của vô úy. Nghĩa không thấp kém là nghĩa của vô úy. Như sư tử, sức của mình dũng mãnh đầy đủ, không phải nhờ nơi trợ bạn. Như sư tử không sợ hãi là nghĩa của vô úy.

Hỏi: Kiến vô ngại biện cũng là tánh của trí. Kiến ấy sai biệt như thế nào?

Đáp:

*Pháp biện, Từ biện một
Lạc nghĩa biện đều mười
Nguyên trí là bảy trí
Lời người trí đã nói.*

Pháp biện, Từ biện một: Nghĩa là pháp vô ngại kia, câu, vị đều hiện ở trước, nếu có trí vô ngại, thì đó gọi là pháp vô ngại, là thế trí.

Từ vô ngại: Nghĩa là ngôn âm chánh hay không chánh, phương tiện tùy theo ngôn ngữ của phong tục địa phương, nếu có trí vô ngại, thì đó gọi là từ vô ngại. Đây cũng là thế trí.

Lạc nghĩa biện đều mười: Nghĩa là lạc thuyết vô ngại. Tức nghĩa của pháp từ đều tương ứng với nhau, tự tại phát ngôn liên tục, không khiếm khuyết, nêu bày vô số thứ, nếu có trí vô ngại, thì đó gọi là lạc thuyết vô ngại. Ở đây có mười trí.

Nghĩa vô ngại: Nghĩa là đối với tự tướng và cộng tướng của các pháp, nếu có trí vô ngại, thì đó gọi là nghĩa vô ngại, cũng là mười trí, vì có thể thọ nhận tướng chân thật.

Hỏi: Nguyên trí có bao nhiêu trí?

Đáp: Nguyên trí là bảy trí, Lời người trí đã nói. Lời nguyện được chuyển đầu tiên, vì nghĩa ưa thích mong muốn chuyển biến, nên gọi là nguyện trí. Bảy trí kia theo Luận sư nước Kế Tân nói, là trừ tha tâm trí, tận trí và vô sinh trí.



Phẩm thứ 7: ĐỊNH, phần 1

Như vậy là đã nhận biết các trí. Về nghĩa nương dựa của trí nay sẽ nói.

*Trí dựa nơi tam muội
Chuyển biến không trở ngại
Thế nên tư duy định
Cầu tìm tướng chân thật.*

Trí dựa nơi tam muội, Chuyển biến không trở ngại: Nghĩa là như ngọn đèn dựa vào tim đèn, dầu sạch, tránh nơi chốn có gió động, thì ánh sáng không động và rất sáng sạch. Như thế trí dựa vào tam muội liả các thứ gió tán loạn, chuyển biến không chướng ngại, thì tâm ấy bất động, là nghĩa như vậy. Chuyển hành nơi duyên không có nghi hoặc.

Thế nên tư duy định, Cầu tìm tướng chân thật: Nghĩa là nếu không có định thì không thể sinh khởi trí chân thật. Không có việc lìa trí chân thật mà có thể hướng đến Niết-bàn. Thế nên người cầu tìm tướng chân thật, tất phải nhận biết tam muội. Tam muội kia là gì? Là khéo đạt nhất tâm, là nghĩa của căn tối thắng. Như vậy một căn chuyển biến, tâm thiện của mình nối tiếp, gọi là nhất tâm. Tối thắng hoặc gọi tên là cảnh giới. Như vậy một duyên chuyển biến, tâm thiện nối tiếp, gọi là nhất tâm.

Hỏi: Thế nào là tam muội? Làm sao nhận biết được?

Đáp:

*Quyết định nói bốn thiền
Cùng với định vô sắc
Trong ấy mỗi mỗi nói
Có vị tịnh vô lậu.*

Quyết định nói bốn thiền, Cùng với định vô sắc: Nghĩa là lược nói về tám thứ tam muội gồm thấu tất cả tam muội.

Trong ấy mỗi mỗi nói, Có vị tịnh vô lậu: Nghĩa là trong mỗi mỗi tam muội ấy đều có ba thứ là vị tương ưng, tịnh, vô lậu.

*Hữu lậu thiện gọi tịnh
Không nóng bức: vô lậu
Có vị tương ưng ái
Hữu đánh không vô lậu.*

Hữu lậu thiện gọi tịnh: Nghĩa là trong tam muội kia, nếu là thiện hữu lậu, nên biết gọi là tịnh.

Không nóng bức: vô lậu: Tức nếu đã lìa phiền não, nên biết là vô lậu.

Hỏi: Nếu vô lậu là đệ nhất nghĩa tịnh, thì vì sao phiền não của thế gian nối tiếp được dứt hết nói là tịnh, không nói vô lậu là tịnh?

Đáp: Vô lậu, không đợi ngôn thuyết mà tự biết là tịnh. Tịnh của pháp thế gian không làm rõ thì người khác không biết. Vì muốn thành tựu pháp tịnh ấy, nên nói lìa phiền não, vì thế là không trái nhau. Do có thể dẫn dắt đến vô lậu, nên nói là tịnh.

Có vị tương ưng ái: Nghĩa là nếu tam muội tương ưng với ái, đó là vị tương ưng. Cũng có thiền v.v... cùng với phiền não khác tương ưng. Người tu định còn có kiến chấp, nghi và tăng thượng mạn, nghĩa là duyên với sức trói buộc, nên thiền v.v... tương ưng với ái, không phải là phiền não khác cùng tương ưng, không phải là phiền não khác có thể duyên với tâm trói buộc như vậy, như ái là tam muội duyên với trói buộc.

Hữu đánh không vô lậu: Nghĩa là Hữu đánh có tịnh, vị tương ưng, không có vô lậu, vì cõi này không nhanh nhẹn, nhạy bén. Thánh đạo thì nhanh nhẹn, nhạy bén.

Hỏi: Thiền này có những tánh gì?

Đáp:

*Năm chi có giác quán
Cũng lại có ba thọ
Vô số kia bốn tâm
Đây nói thiền thứ nhất.*

Năm chi: Vì trừ bỏ năm chi kia, nên gọi là năm chi.

Hỏi: Loại trừ chi thì còn có thiền chăng?

Đáp: Không như vậy. Vì mỗi mỗi chi kia là thiền, mỗi mỗi thiền đều cùng có nghĩa với chi, cần phân biệt: Nghĩa từng phần là nghĩa của chi, như chi của xe, như chi của vua.

Hỏi: Thế nào là chi?

Đáp: Giác, quán, hỷ, lạc và nhất tâm. *Giác* kia là nghĩa nhanh nhạy của tâm thô phân biệt đầu tiên nơi chánh thọ. *Quán* là tâm thô tùy thuận pháp nối tiếp, nói là tâm vi tế. Vi tế có nghĩa là ít.

Hỷ là tâm nhập định vui thích. *Lạc* là thân, tâm an vui, do lia các thứ thô trọng. Tâm dựa vào hơi thở tạo phương tiện điều hòa, thuận hợp. *Nhất tâm* là buộc giữ tâm vào một duyên có giác, có quán.

Hỏi: Trước nói năm chi, vì sao nay lại nói có giác, có quán?

Đáp: Vì chi là thiện. Còn có giác có quán ở đây nói là cầu ướ.

Ba thọ: Trong đây có ba thọ, là lạc căn của ba thức thân, hỷ căn của ý địa và xả căn của bốn thức thân.

Vô số kia: Nghĩa là các thức thân của cõi Phạm thế, là thân trên dưới của Phạm thế. Do sức của giác quán nên sinh khởi. *Bốn tâm:* Nghĩa là nơi cõi Phạm thế kia có bốn tâm: Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức và ý thức.

Đây nói thiền thứ nhất: Tức các pháp này là nói về thiền thứ nhất đều cùng sinh chánh thọ, gồm thấu trong thiền này.

*Thứ hai có bốn chi
Vô số cùng hai thọ
Thứ ba có năm chi
Thiền này nói hai thọ.*

Thứ hai có bốn chi: Nội tịnh là nghĩa của tín. Lia bỏ dục của thiền thứ nhất là quyết định vượt qua cõi, địa. Chánh tín, hỷ, lạc và nhất tâm. Thiền kia không có vô số thân chung. Vì sao? Vì không có giác quán. Thành tựu các thứ tâm. Hoặc có lúc hỷ căn hiện ở trước, có khi xả căn hiện ở trước. Hỷ căn là căn bản, xả căn ở vị lai.

Hai thọ là hỷ căn, xả căn, nhất định thuộc về ý địa. Những sự việc như vậy là nói thiền thứ hai.

Thứ ba có năm chi, Thiền này nói hai thọ: Nghĩa là thiền thứ ba có năm chi: Xả, niệm, an, tuệ, lạc. Lạc của nhất tâm, vì gắn liền với an vui, không cầu thứ khác, nên gọi là xả. Vì dùng hỷ làm thức ăn, nên gọi là niệm. Vì sợ hỷ nơi địa của thiền thứ hai lôi kéo vượt qua tự

địa, nên cần đối trị tất cả thắng lạc của thế gian, cùng lạc của chánh trí là lạc căn của ý địa. Hai thọ là lạc căn, xả căn, trong đó hai thọ là lạc căn, xả căn. Những pháp như thế là nói thiền thứ ba.

*Lìa hơi thở vào ra
Thứ tư có bốn chi
Chi nghĩa là nói thiện
Theo việc như trước nói.*

Lìa hơi thở vào ra, Thứ tư có bốn chi: Nghĩa là thiền tư không có hơi thở ra vào, do sức của tam muội nên nơi thân của hành giả, các lỗ chân lông đều lấp kín. *Bốn chi* của thiền này là thọ không khổ không vui, xả, niệm thanh tịnh và nhất tâm.

Hỏi: Ba thứ như vị tương ưng v.v... nơi thiền đều thành tựu chăng?

Đáp: *Chi nghĩa là nói thiện.* Thiền thiện cùng với chi tương ưng nên biết, không phải là câu ứ.

Hỏi: Trong câu ứ vì sao không có?

Đáp: Trong thiền thứ nhất không có, vì đã có ly sinh hỷ lạc.

Hỏi: Trong câu ứ cũng có hỷ, vì sao nói là không?

Đáp: Vì dựa vào lạc, thiền kia ly sinh cùng với hỷ tương ưng, nên nói là ly sinh hỷ lạc. Đây hoàn toàn là thiện, nên thiền kia không có câu ứ. Ngoài ra có hỷ, nhưng ở đây có hỷ, không phải là phần câu ứ của chi.

Thiền thứ hai nếu không có nội tịnh, thì phiền não sẽ đục loạn. Do dựa vào lạc và xả trước, nên trong thiền thứ ba nếu không có niệm, an tuệ, thì lạc tối thắng kia làm mê hoặc tâm. Nếu như thế thì không có niệm. Niệm kia chỉ là thất niệm. Thất niệm nên không phải là chi. Không phải là an ổn, vì không an ổn nên không phải là chi. Xả cũng không hoàn toàn là thiện, nên trong thiền thứ tư đã trừ bỏ. Vì sao? Vì hai thứ là như nhau. Thiền thứ tư nếu không có xả thì niệm

thanh tịnh không phải là thiện nên không xả. Vì phiền não cấu nhiễm, nên niệm không thanh tịnh, vì thế không phải là chi. Hoặc khi mất niệm nên cũng không phải là chi.

Theo việc như trước nói: Tức như sự việc thiện trong thiên đã nói, cấu uế trong thiên không trừ, thì cấu uế trong thiên kia cũng nói. Như giác quán nhất tâm trong thiên thứ nhất kia, người khác muốn lập hỷ, vì thế là cấu uế nơi bốn chi của thiên thứ nhất. Hỷ, nhất tâm của thiên thứ hai, người khác muốn lập tín, vì thế thiên này có ba chi. Lạc, nhất tâm của thiên thứ ba, người khác muốn lập niệm tuệ, nên thiên này có bốn chi. Thiên thứ tư có thọ không khổ không vui và nhất tâm, cũng có người muốn lập niệm, vì vậy thiên này có ba chi. Vì gồm thấu tất cả nên nói chi là thiện.

Hỏi: Đã nói thiên thứ nhất có giác có quán. Thiên vị lai, thiên trung gian do thiên thứ nhất gồm thấu, vì sao trong thiên kia có giác quán?

Đáp:

*Tương ưng có giác quán
Trí nói thiên vị lai
Quán tương ưng trung gian
Bậc minh trí đã nói.*

Tương ưng có giác quán, Trí nói thiên vị lai: Nghĩa là thiên vị lai dựa vào có giác quán.

Quán tương ưng trung gian, Bậc minh trí đã nói: Nghĩa là thiên trung gian có quán, không có giác. Vì sao? Vì là địa dừng nghỉ. Theo thứ lớp nơi phương tiện, sự nối tiếp của con người đã dừng nghỉ.

Hỏi: Tự tánh của thiên vị lai là gì?

Đáp:

*Vị lai hai tự tánh
Hoặc là vị tương ưng.*

*Thiền trung gian ba tánh
Hai cùng có một thọ.*

Vị lai hai tị tánh, Hoặc lia vị tương ưng: Nghĩa là thiền vị lai chỉ có hai thứ là tịnh, vô lậu, không có vị tương ưng. Yêu mến chánh thọ nên nói là vị. Đạo thì chán lia dục, trong đó không có chấp trước, nên không trừ bỏ vị, thọ sinh ái. Vì sao? Vì các thứ ấy là nối kết trói buộc, nên thiền vị lai cũng bị liên hệ.

Thiền trung gian ba tánh: Nghĩa là tịnh, vô lậu, vị tương ưng.

Hai cùng có một thọ: Nghĩa là thiền vị lai, thiền trung gian nhất định có một thọ, là xả căn.

Hỏi: Vì sao thiền vị lai không có hỷ?

Đáp: Vì còn có sợ hãi. Vì còn gắn với cõi dục. Hành giả kia còn sợ hãi nên trong thiền ấy hỷ không sinh. Do việc làm chưa rốt ráo, đã lia cõi dục, nên thiền vị lai chưa sinh khởi được hỷ. Vì việc làm chưa xong, nên người này không sinh hỷ. Lại, do chỉ ít. Thiền trung gian cũng chỉ ít, thế nên trong thiền kia không có hỷ.

Đã nói các địa. Công đức trong các địa ấy nay sẽ nói.

*Tam muội, thông, vô lượng
Nhất thiết nhập xứ tu
Trừ nhập và các trí
Giải thoát trong ấy khởi.*

Tam muội: Là ba tam muội: Không, vô nguyện, vô tướng. Không kia có hai thứ là hữu lậu, vô lậu. Hữu lậu là tư duy về không, vô ngã của pháp hữu lậu, vô lậu. Vô lậu là tư duy về không, vô ngã của pháp hữu lậu.

Tam muội vô nguyện cũng có hai thứ là hữu lậu, vô lậu. Hữu lậu là tư duy về các hành như nhân, đạo, vô thường, khổ của pháp hữu vi. Vô lậu là tư duy về các hành như nhân, đạo, vô thường, khổ của pháp hữu lậu.

Tam muội vô tướng là tư duy về các hành như diệt v.v... Nếu là tam muội hữu lậu, vô lậu, thì ở đây hoàn toàn nhận lấy vô lậu, nên biết.

Thông: Là sáu thông, như nơi phàm Trí đã nói.

Vô lượng: Là bốn vô lượng: Tì, bi, hỷ, xả. Duyên với vô lượng chúng sinh này, nên gọi là vô lượng.

Tì là muốn khiến cho tất cả chúng sinh được an vui. Tâm tướng như vậy là chuyên, đối trị giận dữ, tánh là căn thiện không giận, nên gọi là Tì.

Chúng sinh khổ làm sao thoát khỏi? Tưởng như vậy là chuyên, đối trị hại, tánh là căn thiện không giận, nên gọi là Bi.

Chúng sinh vui mừng, theo tưởng như thế chuyên, hỷ căn đối trị ganh ghét, gọi là Hỷ.

Xả là xả bỏ tướng của chúng sinh, theo tâm như vậy chuyên, đối trị dục, ái, giận dữ, tánh là căn thiện không si, đó gọi là Xả.

Tất cả bốn thứ ấy là cùng trợ bạn, cùng phương tiện. Trong cõi dục là tánh của bốn âm. Trong cõi sắc là tánh của năm âm.

Nhất thiết nhập xứ tu: Nghĩa là mười nhất thiết nhập (Mười biến xứ), như trong Tu-đa-la đã nói. Ở đây có tám thứ, tánh là căn thiện không tham, đối trị nơi tham, hai thứ là trợ bạn, phương tiện, tánh là năm âm. Ở nơi cõi trên, tánh là bốn âm, nối tiếp không gián đoạn, không hề trống thiếu, ý giải rộng tạo là nói nhất thiết nhập xứ.

Trừ nhập: Nghĩa là tám trừ nhập (Tám thắng xứ), như trong kinh đã nói. Tất cả tám thứ kia, tánh là không tham, đối trị với tham, cùng tánh là trợ bạn và phương tiện. Cõi dục là bốn âm, cõi sắc là năm âm. Do có thể lần đoạt duyên, nên gọi là trừ nhập. Hết sức tăng thượng, rất sáng chói, rất tối thắng, duyên với căn thiện này, nên nhanh chóng được trừ nhập. Như kẻ tội tở, tuy có trang sức cũng bị

chủ xem thường. Hoặc nói không phải tất cả Thánh nhân đều có thể xem thường duyên. Hành giả kia dựa vào duyên khiến phiền não không thể sinh khởi, nên gọi là trừ nhập.

Trí: Nghĩa là mười trí, như phẩm Trí đã nói.

Giải thoát: Nghĩa là tám giải thoát, như kinh đã nói. Ba giải thoát đầu tánh là căn thiện không tham, đối trị với tham, cùng trợ bạn, cùng phương tiện, tánh là năm ám. Năm thứ giải thoát còn lại gồm bốn giải thoát vô sắc, tánh là bốn ám. Định diệt tận tánh là hành ám không tương ưng.

Hỏi: Giải thoát có nghĩa gì?

Đáp: Tâm sau không hiện ở trước nhưng đoạn trừ nên gọi là giải thoát. Ba giải thoát đầu là *bối xả* nơi sắc tham, là *bối xả* tịnh bất tịnh. Đối với bốn thứ của cõi trên, là *bối xả* nơi tất cả hành chuyển. Còn tướng thọ diệt là *bối xả* tất cả duyên chuyển cùng đoạn sau.

Trong áy khởi: Tức biên công đức của giải thoát như tam muội v.v... đã sinh khởi trong thiền, cần phải biết.

Đã nói về biên công đức của giải thoát, nay tùy thuận nơi công đức kia khiến địa ấy có thể đạt được nay sẽ nói.

*Năm thông trong bốn thiền
Cùng thấy tha tâm trí
Trong sáu có pháp trí
Trong năm ba vô lượng.*

Năm thông trong bốn thiền: Nghĩa là năm thông thâm nhận chỉ nơi Tam-ma-đề.

Cùng thấy tha tâm trí: Nghĩa là tha tâm trí cũng như vậy.

Trong sáu có pháp trí: Nghĩa là pháp trí có nơi sáu địa là bốn thiền căn bản và thiền trung gian, vị lai.

Trong năm ba vô lượng: Nghĩa là ba vô lượng trừ hỷ vô lượng có trong năm địa là trong bốn thiên và cõi dục.

*Trong trừ nhập nói bốn
Cùng với hỷ vô lượng
Cũng hai thứ giải thoát
Thiên thứ nhất, thứ hai.*

Bốn trừ nhập đầu cùng hỷ vô lượng cũng là giải thoát đầu và giải thoát thứ hai. Thiên thứ nhất, thứ hai là đối trị tham của cõi dục, cõi sắc. Trong thiên thứ nhất lập hai giải thoát. Bốn trừ nhập là đối trị sắc tham của địa thiên thứ nhất.

Thiên thứ hai lập hai giải thoát. Bốn trừ nhập là đối trị vô sắc tham của thiên thứ hai. Vì sao? Vì nhãn thức thân không có.

Thiên thứ ba không lập giải thoát. Thế nên trong thiên này cũng không lập trừ nhập và nhất thiết xứ. Muốn nhập trong giải thoát thì nhập trừ nhập. Muốn nhập trừ nhập tức nên nhập nhất thiết xứ.

Thiên thứ ba bị mê hoặc do lạc tối thắng, nên ở đây không thể sinh căn thiện như vậy. Hỷ căn cũng như thế, nên trong thiên thứ nhất, thiên thứ hai là có hỷ, không phải thiên khác.

*Ngoài có bốn trừ nhập
Cùng với một giải thoát
Cũng nhập nhất thiết nhập
Phật nói thiên sau cùng.*

Bốn trừ nhập sau là tịnh giải thoát cùng tám nhất thiết xứ là ở nơi thiên thứ tư, không phải là thiên khác.

*Thoát khác tự tên nói
Hai, tất cả cũng vậy
Diệt tận ở sau cùng
Chín địa vô cầu khác.*

Thoát khác tự tên nói: Nghĩa là giải thoát của vô biên hư không xứ, cho đến giải thoát của phi tướng phi phi tướng xứ.

Hai, tất cả cũng vậy: Nghĩa là số còn lại là tự theo tên nói, như vô biên hư không xứ, vô biên thức xứ.

Diệt tận ở sau cùng: Tức quyết định là Hữu đánh gồm thâu. Tùy thuận đoạn biên sau, theo thứ lớp là tâm tâm số pháp của địa dưới đã đoạn xong, cho đến địa của phi tướng phi phi tướng, đầu tiên là đoạn thượng thượng, kế tiếp là đoạn thượng trung, sau là đoạn hạ hạ. Tất cả đoạn rồi, địa kia là định diệt tận.

Chín địa vô cấu khác: Nghĩa là như công đức vô lậu khác, đó là ba tam muội, bảy trí và lậu tận thông đều có nơi chín địa kia. Tức trong bốn thiên, ba định vô sắc, thiên vị lai, thiên trung gian. Thế trí nơi xứ Hữu đánh cũng có. Thế nên nói là khắp tất cả địa.

*Ba giải thoát nên biết
Hữu lậu và vô lậu
Định trí thông đã nói
Ngoài ra đều hữu lậu.*

Ba giải thoát nên biết, Hữu lậu và vô lậu: Nghĩa là giải thoát của vô biên hư không xứ, vô biên thức xứ và bất dụng xứ, nên biết là hữu lậu cùng vô lậu.

Định trí thông đã nói: Nghĩa là phần Định nơi phẩm Tu-đa-la sẽ lại nói rộng. Thần thông của trí vô lậu đã nói trong phẩm Trí.

Ngoài ra đều hữu lậu: Nghĩa là oai nghi của ba thông như vậy, vì thọ nhận tự tướng của sắc thanh, vì duyên với vô lượng chúng sinh, nên tất cả trừ nhập, ba giải thoát đầu, tất cả tín giải, niệm xứ kia, vì phi tướng phi phi tướng không phải là hành nhanh nhạy và vì tướng thọ diệt không có tuệ, nên đều là hữu lậu.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN KINH A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 5

Phẩm thứ 7: ĐỊNH, phần 2

Đã nói tự tánh của công đức, cũng nói hữu lậu, vô lậu. Về thành tựu công đức nay sẽ nói.

*Nên biết chưa lìa dục
Thành tựu vị tương ưng
Lìa dưới chưa đến trên
Thành tựu tịnh các định.*

Nên biết chưa lìa dục, Thành tựu vị tương ưng: Nghĩa là nếu người như nơi địa này chưa lìa dục thì thành tựu vị tương ưng của địa ấy.

Lìa dưới chưa đến trên, Thành tựu tịnh các định: Nghĩa là lìa dục của cõi dục, chưa sinh nơi cõi Phạm thế trong thiên thứ hai v.v..., nếu lìa dục hoặc không lìa dục đều thành tựu tịnh nơi thiên thứ nhất cùng công đức thiện khác của địa đó.

*Trụ trên cần nên biết
Thành tựu vô lậu dưới
Phương tiện sinh công đức
Nên biết không lìa dục.*

Trụ trên cần nên biết, Thành tựu vô lậu dưới: Nghĩa là Thánh nhân sinh lên cõi Phạm thế, thành tựu vô lậu nơi thiên thứ nhất và vô

lậu khác. Thần thông của tam muội cùng các công đức như trí v.v... Công đức hữu lậu của địa kia trói buộc xứ sinh. Vô lậu thì đoạn dứt trói buộc, nên lìa xứ sinh, xả bỏ hữu lậu, không phải là vô lậu. Như vậy, tất cả địa đều tùy theo nghĩa đã nói kia.

Phương tiện sinh công đức, Nên biết không lìa dục: Nghĩa là đã nói lìa dục của địa dưới, thành tựu các công đức, nên biết nói được thành tựu không hiện ở trước. Phương tiện thì hiện ở trước, nên địa ấy không phải lìa dục. *Phương tiện được:* Là như thiên nhãn, thiên nhĩ, vì chúng vô ký nên không gồm thân vô lậu, tịnh, vị tương ưng. Thế nên lúc được ba thứ thiên kia, thì không được định diệt tận. Định diệt tận là phương tiện. Định này được hai mươi ba thứ chánh thọ hiện ở trước gồm tám vị tương ưng, tám tịnh, bảy vô lậu.

Hỏi: Trong định kia mỗi mỗi có bao nhiêu thứ nhân?

Đáp:

*Gọi là định vô lậu
Mỗi mỗi bảy thứ nhân
Vị tịnh tương ưng thiên
Nên biết nhân có một.*

Gọi là định vô lậu, Mỗi mỗi bảy thứ nhân: Nghĩa là mỗi mỗi vô lậu trong bảy thứ vô lậu, là trong nhân tự phần làm nhân cho tự địa, cũng là nhân tương ưng, nhân cộng sinh.

Vị tịnh tương ưng thiên, Nên biết nhân có một: Nghĩa là vị tương ưng nơi thiên thứ nhất làm nhân cho vị tương ưng nơi thiên thứ nhất, không phải thứ khác. Vì nhân của thiên thứ nhất là không giống nhau. Không phải là nhân cấu uế của địa khác, vì hành là trái nhau. Không phải là trái nhau với hành cấu uế, cũng không phải là tự phần. Như vậy, tịnh nơi thiên thứ nhất làm nhân cho tịnh nơi thiên thứ nhất. Không phải là cấu uế, không phải là vô lậu. Vì sao? Vì không giống

nhau. Không phải là nhân cho tịnh của địa khác, vì là quả báo của tự địa và vì tự địa bị trôi buộc. Tất cả đều như vậy.

Hỏi: Nơi mỗi mỗi thứ lớp sinh bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Vô lậu thiên vô sắc
Nghịch thuận vượt thứ lớp
Thứ lớp sinh sáu thứ
Nên biết cho đến mười.*

Vô lậu nơi thiên thứ nhất theo thứ lớp sinh sáu thứ. Tịnh và vô lậu của tự địa. Như vậy là thiên thứ hai, thiên thứ ba đã vượt quá chánh thọ. Vô lậu nơi vô sở hữu xứ theo thứ lớp sinh bảy thứ: Tự địa hai, địa dưới bốn, địa trên một. Vô lậu nơi thiên thứ hai theo thứ lớp sinh tám thứ: Tự địa hai, địa thiên thứ nhất hai, địa trên bốn. Vô lậu nơi vô biên thức xứ theo thứ lớp sinh chín thứ: Tự địa hai, địa dưới bốn, địa trên ba. Vô lậu khác theo thứ lớp sinh mười thứ: Tự địa hai, địa dưới bốn, địa trên bốn.

*Hoặc sáu đến mười một
Là tịnh thứ lớp sinh
Từ hai cho đến mười
Nên biết nói có vị.*

Hoặc sáu đến mười một, Là tịnh thứ lớp sinh: Nghĩa là tịnh nơi phi tướng phi phi tướng xứ theo thứ lớp sinh sáu thứ. Là vị tương ưng và tịnh của tự địa, địa dưới có bốn. Tịnh và vô lậu không phải là vị tương ưng, vì đã lìa dục. Tịnh nơi thiên thứ nhất theo thứ lớp sinh bảy: Tự địa ba, địa trên bốn. Tịnh và vô lậu, tịnh nơi Bất dụng xứ, theo thứ lớp sinh tám: Tự địa ba, địa trên một, địa dưới bốn. Tịnh nơi thiên thứ hai theo thứ lớp sinh chín. Vô biên thức xứ theo thứ lớp sinh mười. Thiên còn lại sinh mười một. Như vậy tất cả nên biết, lúc chánh thọ tức nói như thế, không phải là lúc chết. Thế nên trong thiên

kia, vị tương ưng của địa trên dưới không gồm nhau nên không sinh. Chỉ được tịnh theo thứ lớp nơi vị tương ưng của địa trên dưới sinh.

Từ hai cho đến mười, Nên biết nói có vị: Nghĩa là vị tương ưng nơi thiên thứ nhất theo thứ lớp sinh hai là vị tương ưng và tịnh của tự địa, vì địa kia và thiên này không trái nhau. Vị tương ưng của Hữu đánh theo thứ lớp sinh mười: Vị chánh thọ ba, tự địa hai và tịnh của địa dưới, vì phiền não của tự địa đã xúc não, nên dựa vào tịnh địa của Bất dụng xứ để tự cứu hộ. Như thế tất cả địa thì tịnh của địa dưới là ba. Và lúc chết, địa trên thoái chuyển tất cả vị tương ưng của địa dưới.

Hỏi: Trước đã nói chánh thọ, về phiền não nay sẽ nói chăng?

Đáp: Theo thứ lớp của tịnh cùng phiền não của chánh thọ là nói vị tương ưng và phiền não thọ sinh. Vì sao? Vì sức của phiền não sinh, không phải là sức của định. Vì vậy trong đây nói tất cả phiền não tịnh, tất là do sức của định, nên nói phiền não cùng chánh thọ.

Hỏi: Trong thiên kia mỗi mỗi duyên với bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Tịnh cùng vô lậu thiên
Trong tất cả địa chuyển
Pháp hữu lậu tự địa
Vị tương ưng sở duyên.*

Tịnh cùng vô lậu thiên, Trong tất cả địa chuyển: Nghĩa là tịnh và vô lậu thiên duyên với hết thấy sự việc của tất cả địa.

Pháp hữu lậu tự địa, Vị tương ưng sở duyên: Nghĩa là vị tương ưng nơi thiên duyên với vị tương ưng của tự địa cùng với tịnh không phải là vô lậu. Vì sao? Vì không phải duyên với vô lậu. Hữu ái cũng không phải là ái địa khác.

*Vô sắc tức không hành
Sự hữu lậu ở dưới*

*Nếu căn bản kia thiện
Cầu uế như vị thiên.*

Vô sắc tức không hành, Sự hữu lậu ở dưới: Nghĩa là chánh thọ của cõi vô sắc không duyên với pháp hữu lậu của địa dưới. Vì sao? Vì địa dưới là không vắng lặng. Cũng duyên với vô lậu của địa dưới, như phần của tỷ trí.

Hỏi: Tất cả hữu lậu đều không duyên với địa dưới chăng?

Đáp: Không phải vậy. Vì *Nếu căn bản kia thiện*, tức nếu tịnh và vô lậu của thiên căn bản, thiên vô sắc là thiện thì pháp đó duyên với tự địa và địa trên, không duyên với địa dưới. Thiên vị lai nếu duyên với địa dưới, thì thiên ấy ở nơi địa dưới khởi tương thô duyên nơi chán lia.

Cầu uế như vị thiên: Nghĩa là như nói về vị tương ưng nơi thiên. Cầu uế của cõi vô sắc cũng như vậy.

*Cõi sắc nếu hữu dư
Công đức như vô lượng
Cảnh giới cõi dục kia
Lời Thế Tôn đã nói.*

Nếu công đức của cõi sắc, nghĩa là như bốn vô lượng, nhất thiết xứ v.v..., tức các pháp ấy duyên với cõi dục. Vì sao? Vì trừ thân thông, nói là vô lượng v.v..., tức năm thân thông kia duyên với cõi dục, cõi sắc.

Hỏi: Như trước đã nói huân tu trí trong thiên. Vậy sự việc ấy là thế nào?

Đáp:

*Nếu huân tu các thiên
Là dựa thiên thứ tư
Ba địa ái dứt hết
Tịnh cư chỉ Quảng quả.*

Nếu huân tu các thiên, Là dựa thiên thứ tư: Nghĩa là đạt được thiên thiên tư tức có thể huân tu các thiên, không phải là xứ khác. Người tu thiên kia thường nhập nơi vô lậu của thiên thứ tư, khởi hiện vô lậu, thường xuyên nhập thiên hữu lậu, trở lại nhập vô lậu, lại nhập hữu lậu, dần lược bớt cho đến trụ trong hai sát-na. Theo phương tiện như vậy, hoặc một tâm vô lậu, hoặc một tâm hữu lậu. Lúc này là một niệm hữu lậu, một niệm vô lậu. Hai niệm, một hữu lậu một vô lậu, là nói thành tựu.

Hỏi: Xứ nào được quả này?

Hỏi: Trong trời Tịnh cư. Vì sao? Vì *Ba địa ái dứt hết, Tịnh cư chỉ Quảng quả:* Là nếu đạt được thiên thứ tư, lia ái của ba địa, cho nên người này được thiên thứ tư. Phạm phu trong Tịnh cư, Quảng quả cùng huân tu thiên, không cùng chung với phạm phu. Năm thứ là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Như vậy năm thứ kia đó trời Bất quang, trời Vô nhiệt, trời Thiện kiến, trời Thiện hiện và trời Sắc cứu cánh. Thế nên là được quả trong các xứ đó.

Hỏi: Như trước đã nói về bảy thứ nguyện trí. Trí này là thế nào?

Đáp:

*Vô trước, pháp bất động
Được tất cả chánh thọ
Sức trí tam muội kia
Hay khởi đánh bốn thiên.*

Người kia phiền não không thể bức bách, tâm luôn nối tiếp, nên sức của tất cả chánh thọ khiến tâm tương tục sinh khởi tức đạt được ba công đức, là nguyện trí, vô tránh và vô ngại.

Nguyện trí: Là nếu muốn nhận biết quá khứ, vị lai, hiện tại và vô vi, lúc ấy là biên vực tận cùng của nguyện trí, trụ nơi chánh thọ của thiên thứ tư, tức có thể nhận biết.

Vô tránh: Là ở trong sự nối tiếp của người khác không muốn đẩy lên phiền não tranh chấp. Tức người ấy ở trong sự nối tiếp của người khác không đẩy khởi phiền não tranh chấp.

Vô ngại: Như trước đã nói.

Hỏi: Nguyên trí do địa nào gồm thâm?

Đáp:

*Ba địa có nguyên trí
Vô tránh trong năm địa
Hai địa pháp từ biện
Hai biện dựa chín địa.*

Ba địa có nguyên trí: Tức trong thiên thứ tư, thiên thứ nhất và cõi dục, quyết định là trong thiên thứ tư đạt được. Cõi dục thì chỉ có trong loài người mới có thể khởi tâm tương ưng với cõi dục và trời Phạm thế, nên nói là khởi lời nói tâm, xứ kia có nguyên trí, vì vậy nói là ba địa.

Vô tránh trong năm địa: Tức là bốn thiên căn bản và cõi dục. Vô tránh này nhất định ở trong bốn thiên đạt được. Trong nẻo người có thể sinh khởi vô tránh, không phải là xứ khác.

Hai địa pháp từ biện: Nghĩa là pháp biện ở cõi dục và trời Phạm thế. Năm địa này là bốn thiên căn bản và cõi dục. Đây chỉ gọi là duyên tức lời nói theo tên gọi chuyển. Thế nên khởi đường ngôn ngữ, xứ có giác quán nói là từ biện ở cõi dục và trời Phạm thế. Vì sao? Vì duyên với ngôn ngữ.

Hai biện dựa chín địa: Tức là nghĩa biện và lạc thuyết biện trong cõi dục và bốn thiên cùng bốn định vô sắc. Thiên vị lai, thiên trung gian do thiên thứ nhất trong thiên căn bản gồm thâm.

Hỏi: Thế nào là đạt được chánh thọ này?

Đáp:

*Lìa dục và thọ sinh
Mà được nơi tịnh thiên
Cầu uế thoái cùng sinh
Vô lậu chỉ lìa dục.*

Lìa dục và thọ sinh, Mà được nơi tịnh thiên: Nghĩa là tịnh nơi thiên thứ nhất có hai lúc được: Là lúc lìa dục được và lúc từ địa trên mất, sinh nơi Phạm thế, xả bỏ lỗi của địa kia. Tất cả là như thế.

Cầu uế thoái cùng sinh: Nghĩa là vị tương ứng nơi thiên thoái chuyển nơi địa trên được địa dưới. Hoặc trong thiên thứ hai, nếu từ triền của cõi dục hoặc từ triền của Phạm thế thoái chuyển, bấy giờ được vị tương ứng nơi thiên thứ nhất là sinh đấng. Như ở địa trên mất, sinh nơi cõi dục và Phạm thế, bấy giờ được vị tương ứng nơi thiên thứ nhất. Tất cả là như thế.

Vô lậu chỉ lìa dục: Tức vô lậu nơi thiên do lìa dục mà được. Nghĩa là Thánh nhân lìa dục nơi cõi dục, nên đạt được vô lậu nơi thiên thứ nhất, xưa kia chưa được thì nay được. Tất cả đều như vậy.

Hỏi: Công đức này là gì? Có thể diệt trừ phiền não không?

Đáp:

*Vô lậu trừ phiền não
Chánh thọ là trung gian
Tất cả định trung gian
Tương ứng với xả căn.*

Vô lậu trừ phiền não: Nghĩa là vô lậu nơi thiên vô sắc trừ diệt phiền não, không phải là thế tục.

Hỏi: Vì sao thế tục không đoạn trừ phiền não?

Đáp: Vì đồng một trời buộc. Thế tục cùng một trời buộc của phiền não, thế nên không thể đoạn dứt phiền não của tự địa. Như

người bị trói chặt lần nữa thì không thể tự cởi trói được. Nếu trong việc đối trị cùng đoạn trừ phiền não kia đã sinh khởi.

Hỏi: Tất cả thế tục đều không thể đoạn trừ phiền não chẳng?

Đáp: Có thế tục có thể đoạn trừ phiền não.

Hỏi: Điều này là thế nào?

Đáp: Chánh thọ là trung gian: Nghĩa là thiên vị lai do chưa được thiên căn bản. Nếu tạo phương tiện thì được lìa dục của địa dưới. Thiên thứ nhất kia có vị lai là hữu lậu, vô lậu. Thiên vị lai khác hoàn toàn là hữu lậu, vì thiên căn bản là chánh thọ của vô sắc, thế nên nói thế tục không đoạn trừ phiền não.

Hỏi: Ở đây thì xứ nào gần với thiên?

Đáp: Tất cả định trung gian, Tương ưng với xả căn: Tức trong tất cả chánh thọ đều tương ưng với xả căn. Do chưa được điều mong cầu nên không sinh hỷ.

Hỏi: Tuy đã nói trí chứng thần thông của cảnh giới thần túc, nhưng chưa nói là có bao nhiêu thứ tâm biến hóa. Nay sẽ nói chẳng?

Đáp: Mười bốn. Quả thiên thứ nhất của cõi dục. Quả thiên thứ nhất của địa thiên thứ nhất. Cõi dục có hai quả thiên. Địa thiên thứ nhất có hai quả thiên. Địa thiên thứ hai có hai quả thiên. Cho đến thiên thứ tư cũng như vậy.

Hỏi: Thiên kia thành tựu cái gì?

Đáp:

*Tâm biến hóa địa dưới
Thành tựu thứ quả đó
Thuộc tương ưng thức kia
Địa trên ấy thành tựu.*

Tâm biến hóa địa dưới, Thành tựu thứ quả đó: Nghĩa là nếu người thành tựu thiền, người đó thành tựu tâm biến hóa của địa dưới thuộc quả của thiền ấy. Như đạt được thiền thứ nhất, là quả của thiền thứ nhất trong cõi dục và địa thiền thứ nhất. Thành tựu tất cả là như vậy cần nên biết.

Hỏi: Ông trước đã nói về thiền thứ hai v.v... không có năm thức thân. Như sinh lên địa trên, nếu muốn thấy, nghe thì người kia làm sao thấy, nghe?

Đáp: Thức của Phạm thể khởi hiện ở trước.

Hỏi: Vì sao ở địa trên không có thức này?

Đáp: Vì không có giác quán.

Hỏi: Thức kia vào lúc nào thì thành tựu?

Đáp: Tùy theo pháp tương ưng của thức ấy thì nơi địa trên thức kia được thành tựu, cho đến pháp tương ưng với thức kia hiện tiền bấy giờ mới thành tựu. Hoặc nhãn thức, hoặc nhĩ thức, hoặc thân thức, đều tùy theo sự khởi hiện ở trước, lúc ấy là thành tựu. Lúc thức này diệt gọi là xả. Vì sao? Vì hệ thuộc ở căn.

**

Phẩm thứ 8: TU ĐA LA, phần 1

Miệng của bậc Nhất thiết trí đã giảng nói nhiều nghĩa lý rất sâu xa, tinh tế. Phần ít của nghĩa ấy nay sẽ nói.

Nhất thiết trí miệng nói

Nghĩa thâm diệu, vi tế

Nay tôi nói phần ít

Tu-đa-la: Lắng nghe.

Hỏi: Như Đức Phật nói ba cõi. Ba cõi ấy là gì?

Đáp:

*Cõi dục mười xứ trú
Cõi sắc nói mười bảy
Cõi vô sắc có bốn
Quyết định chỉ hữu kia.*

Cõi dục mười xứ trú: Nghĩa là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người và sáu trời thuộc cõi dục. Chủng loại nơi mười xứ trú này nên biết là nói về cõi dục. Chúng sinh của cõi này có tướng dục chuyển. Nếu ở xứ này, có đầy đủ tướng dục, thì tương ưng với tất cả ái dục, thế nên nói là cõi dục.

Cõi sắc nói mười bảy: Nghĩa là các trời Phạm thân, Phạm phú lâu, Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang diệu, Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Vô âm, Phước sinh, Đại quả, Vô tướng chúng sinh, Bất quang, Bất nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện và Sắc cứu cánh. Mười bảy xứ cư trú này, nói là cõi sắc. Nơi xứ cư trú này tướng dục không chuyển. Ở đây, sắc là cực lớn, không có tướng nam, nữ, thế nên nói là cõi sắc.

Cõi vô sắc có bốn: Nghĩa là cõi vô sắc có bốn xứ cư trú: Vô biên hư không xứ, vô biên thức xứ, vô sở hữu xứ và phi tướng phi phi tướng xứ. Trong xứ cư trú này, sắc không sinh. Vì sao? Vì đã lìa sắc dục. Lại, vì theo thứ lớp diệt. Nếu trong vô sắc sinh khởi sắc thì không có diệt theo thứ lớp. Nhưng đã có thứ lớp diệt, nếu không tức nên trong sắc sinh khởi lỗi của dục. Vì vậy trong cõi vô sắc không sinh sắc. Như thế nói là cõi vô sắc.

Hỏi: Như Đức Phật nói ba hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Hữu này là thế nào?

Đáp: *Quyết định chỉ hữu kia.* Trước đã nói cõi, cõi này tức là hữu.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói bảy thức trụ. Thức trụ ấy là gì?

Đáp:

*Nẻo thiện là cõi dục
Và ba địa cõi sắc
Vô sắc cũng ba địa
Nên biết là thức trụ.*

Sở nẻo thiện của cõi dục là nẻo trời, người. Ba địa trước của cõi sắc. Ba địa trước của cõi vô sắc. Bảy địa này nói là xứ của thức trụ.

Hỏi: Vì sao ba nẻo ác và Hữu danh của thiên thứ tư không nói là thức trụ?

Đáp: Nếu địa là do kiến đoạn, do tu đoạn. Nếu không đoạn thì sinh thức tức địa ấy nói là thức trụ. Vì trong ba nẻo ác không có sự việc không đoạn. Vô tướng chúng sinh cùng trời Tịnh cư trong thiên thứ tư thì không có việc do kiến đoạn, nên thiên thứ tư không gồm thân. Còn Hữu danh là hoàn toàn hữu lậu. Nếu thức ưa trụ, nên nói là thức trụ. Trong ba nẻo ác thì thức không ưa trụ. Vì sao? Vì bị khổ đau bức bách. Vì trời Tịnh cư hướng về Niết-bàn, nên thức không ưa trụ. Vô tướng chúng sinh cũng hoàn toàn không có tâm, nên thiên thứ tư không gồm thân. Hành của Hữu danh thì không nhanh nhạy, nên thiên kia cũng không gồm thân. Ba loại chúng sinh hoặc ưa thích cảnh giới vui, ưa thích tướng vui. Trong đó, chúng sinh ưa thích cảnh giới vui là nẻo người và các trời cõi dục. Ưa thích tướng vui là địa của ba thiên, ba vô sắc. Vì vậy nên các địa kia được nói là thức trụ.

Hỏi: Thế nào là chín nơi cư ngụ của chúng sinh?

Đáp:

*Hữu danh cùng Vô tướng
Là nơi chúng sinh ngụ
Bốn thứ ám hữu lậu
Nên biết thức trụ xứ.*

Hữu đánh cùng Vô tướng, Là nói chúng sinh ngu: Nghĩa là trước đã nói về bảy thức trụ cùng Hữu đánh và trời Vô tướng, ở đây là nói chín nơi cư trú của chúng sinh.

Hỏi: Vì sao ngoài nẻo ác, Vô tướng chúng sinh nơi thiên thứ tư không nói là nơi chốn chúng sinh cư trú?

Đáp: Vì tùy theo xứ nào vui thích trụ thì không muốn đi, xứ ấy gọi là nơi chúng sinh cư trú. Trong nẻo ác không có hai thứ ấy. Trong trời Quảng quả, tuy muốn vui thích trụ, nhưng cũng muốn vui thích đi.

Hỏi: Như Đức Phật nói bốn thức trụ. Bốn thức trụ ấy là thế nào?

Đáp: *Bốn thứ ám hữu lậu, Nên biết thức trụ xứ:* Tức bốn ám sắc, thọ, tưởng, hành hữu lậu, đó gọi là thức trụ. Vì nhận lấy cùng với thức sinh, trụ chấp trước, nuôi lớn, nên gọi là thức trụ. Vì vậy vô lậu không phải là thức trụ, vì vô lậu đã hủy hoại hữu, vô lậu cũng không nhận lấy, hòa hợp với xứ của thức trụ.

Hỏi: Vì sao thức không phải là xứ của thức trụ?

Đáp: Nhân kia do không thành. Như nói đạo của vua thì vua không phải là đạo. Không có phần trụ cùng sinh với thức để gọi là xứ trụ. Ba hòa hợp gọi là xứ trụ. Thức này thì không như vậy.

Hỏi: Không có thức của người khác duyên hiện ở trước chẳng?

Đáp: Vì tự hòa hợp không sinh, nên thức kia cũng không thành trụ, thức kia cũng là số chúng sinh, cũng là phi số chúng sinh.

Hỏi: Thế nào là việc làm ngoài thức trụ xứ?

Đáp: Hòa hợp cùng sinh, dựa nơi duyên trụ nhiều nên không có lỗi. Thức kia cũng duyên trụ nơi địa, giới của tự phần, không phải là địa, giới của phần khác.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói mười hai duyên khởi. Duyên khởi này có tướng gì?

Đáp:

*Các phiền não và nghiệp
Hữu sự thứ lớp sinh
Nên biết là hữu chi
Chúng sinh tất cả sinh.*

Vô minh, ái, thủ là phiền não. Hành và hữu là nghiệp. Chi còn lại là sự việc. Như vậy phiền não nghiệp, sự việc này theo thứ lớp khởi trong sự sinh của ba thứ kia, nên nói là chi duyên khởi. Ở đây, phiền não dựa nơi sự việc, phiền não tạo nghiệp, nghiệp tạo sự việc. Như vậy là vô thủy mà có luân chuyển.

*Các phần kia kiến lập
Gọi chúng sinh thọ sinh
Quá khứ và vị lai
Trung gian nên biết tám.*

Các phần kia kiến lập, Gọi chúng sinh thọ sinh: Nghĩa là sự khác nhau của phần này nói là mười hai chi.

Hỏi: Mười hai chi này là thế nào?

Đáp: Quá khứ và vị lai, Trung gian nên biết tám: Tức trong đây: *Vô minh* là phiền não của quá khứ. *Hành* là nghiệp của quá khứ. *Thức* là tâm nối tiếp và quyền thuộc.

Danh sắc là đã thọ sinh, nối tiếp nhau, chuyển biến liên tục, không diệt mất. Bốn thứ sắc căn chưa sinh, sáu nhập chưa đủ, đó gọi là danh sắc. *Sáu nhập* là đã sinh bốn thứ sắc căn, nhưng chưa thể là xúc tạo chỗ dựa. Lúc này gọi là sáu nhập. *Xúc* tức các căn này đã có thể tạo tiếp xúc làm chỗ dựa, nhưng chưa thể phân biệt khổ vui, không thể phân biệt lợi hại hơn kém. Lúc ấy gọi là xúc.

Thọ là có khả năng phân biệt nhân của khổ vui, lợi suy, có thể nhận biết phân biệt sự khác nhau về ăn, tiếp nhận, không dấy khởi

dâm dục. Lúc này gọi là thọ. *Ái* là ở trong các vật dụng của dục luôn yêu thích cầu dục, nhưng không thể phân biệt với cầu hữu. Lúc ấy gọi là ái. *Thủ* là có thể phân biệt nhận lấy hữu. Lúc này gọi là thủ.

Hữu là ở đây, đối với cảnh giới kia, mong cầu, hướng đến mau chóng. Sinh rộng nơi các hữu, hướng tới vị lai sinh. Lúc này gọi là hữu. *Sinh* là đối với sự chết kia, theo thứ lớp nối tiếp, liên kết trôi buộc. Lúc này gọi là sinh. *Già, chết* nghĩa là kế tiếp sau danh sắc, thọ v.v..., đó gọi là già, chết.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói sáu giới. Sáu giới này là thế nào?

Đáp:

*Gọi là bốn đại chủng
Và các thức hữu lậu
Cũng thấy sắc trung gian
Giới này nói gốc sinh.*

Gọi là bốn đại chủng, Và các thức hữu lậu, Cũng thấy sắc trung gian: Nghĩa là bốn đại và năm thức thân cùng ý thức hữu lậu. Nếu khoảng trống của sắc là số hư không là đối tượng nhận lấy của mắt, đây nói là sáu giới.

Hỏi: Vì sao trong mười tám giới đã nói riêng về sáu giới?

Đáp: Vì *Giới này nói gốc sinh:* Tức pháp kia là gốc của sinh. Ở đây, tướng tượng phu do đất đã thành lập. Nước hòa hợp làm thấm nhuận. Lửa nấu chín trừ bỏ những thói xấu. Gió xua vào khoảng trống trong không trung. Ăn uống vào ra, tương ứng với sức của thức, nên kiến lập được tên là tướng tượng phu. Thế nên đây gọi là tướng của giới. Vì sao? Vì là tánh của sinh. Như Đức Thế Tôn nói: Nhân nơi nhân duyên sáu giới nên nhập thai mẹ. Câu kinh nói như vậy. Đại kia cũng sinh, gọi là đại sinh, như đại nơi chúng sinh, như đại nơi các loài. Ở đây đất là tướng cứng chắc. Nước là tướng ẩm ướt. Lửa là tướng nóng ấm. Gió là tướng cử

động nhẹ nhàng. Biên của sắc nhận lấy tướng của sắc, gọi là hư không giới. Sắc là việc cùng với tư duy khác. Thức là tướng nhận biết rõ.

Hỏi: Thánh đế có tướng gì?

Đáp:

*Quả tương tợ các hành
Hữu lậu là nói khổ
Nhân tương tợ là tập
Diệt đế các khổ hết.*

Quả tương tợ các hành, Hữu lậu là nói khổ: Nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều từ nhân sinh, tương bức não thế nên nói là khổ.

Nhân tương tợ là tập: Nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều tương tợ với nhân của cái khác, vì thế nhân kia nói là khổ, tập. Như gieo một hạt giống lúa, trước sau đều cùng đối chiếu, nên cũng nói là quả, cũng nói là nhân. Như vậy quán về hành hữu lậu đã sinh, sẽ sinh, nên cũng nói là khổ, nói là tập.

Diệt đế các khổ hết: Nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều hoàn toàn diệt hết, nên nói là diệt đế.

*Nếu các hành vô lậu
Đây nói là đạo đế
Vì hai thứ danh kia
Từ thô thứ lớp thấy.*

Nếu các hành vô lậu, Đây nói là đạo đế: Nghĩa là tất cả hành vô lậu nói là đạo đế, vì tất cả khổ kia đã diệt nên nói là đạo.

Hỏi: Vì sao nói là đế?

Đáp: *Vì hai thứ danh kia:* Tức vì hai thứ sự việc nên gọi là đế, đó là tự tướng không hư giả và nhận thấy sự sinh kia là không điên đảo, là chánh giác.

Hỏi: Vì sao hư không phi số diệt không phải thuộc về đế?

Đáp: Vì không phải là nhân quả. Vì đây là quán sát về khổ dứt hết. Quán sát về Thánh đế, nhưng sự việc kia không phải là khổ, không phải là nhân khổ, không phải là phương tiện lìa khổ. Đây chỉ vì muốn dứt hết khổ, nên quán sát. Ví như bệnh, nhân của bệnh, thuốc chữa bệnh và bệnh khỏi. Như vậy là quan sát bệnh.

Hỏi: Thánh đế có nghĩa gì?

Đáp: Thánh nghĩa là đã giác ngộ như thật rồi, vì kẻ khác hiển bày chỉ rõ, nên gọi là Thánh. Đế là thấy đúng tướng bức bách là khổ, tướng sinh là tập, tướng tịch tĩnh là diệt, tướng xuất ly là đạo.

Hỏi: Như thấy nhân biết có quả, vì sao Đức Phật trước nói quả, sau nói nhân?

Đáp: *Từ thô thứ lớp thấy:* Tức là từ thô theo thứ lớp nhận thấy. Như vậy chính là nhận thấy vô gián v.v... nên Đức Thế Tôn trước nói quả. Hành giả trước biết về khổ vô gián v.v... sau là biết nhân của khổ. Trước diệt, sau đạo. Vì sao? Vì trước nhận biết quả rồi, sau đoạn trừ nhân, là tu trí sinh. Hành giả kia ở nơi tự tánh của khổ không gián đoạn đã nhận biết rồi. Đến lúc sau, vì đoạn trừ nhân của khổ, nên trí quyết định sinh, đó là nhân của lỗi lầm tai hại.

Như vậy, hành giả kia trước nhận thấy tướng diệt, lúc sau vì muốn chứng diệt, nên tu phương tiện sinh trí quyết định, vì thế trước nói quả. Như thế là trước thấy thô, sau thấy tế. Khổ là thô, tập là tế, nên thiết lập, tìm cầu tin tưởng. Diệt thì thô, đạo là tế, thế nên trước nói diệt, sau nói đạo. Như Tu-đa-la nói: Tỳ-kheo này vì nói diệt là hướng đến diệt nên nói đạo. Như vậy v.v... do đây trước cầu tìm diệt, sau tu đạo. Như con đường hướng đến thành, trước phải tìm ra con đường, sau đây mới đi vào. Tất cả đều tin nơi diệt, không tin nơi đạo, vì thế muốn dễ nhận biết, nên từ thô theo thứ lớp giảng nói.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn quả Sa-môn. Vậy quả ấy có bao nhiêu sự việc?

Đáp:

*Sự quả Thánh có sáu
Tối thắng ở chín địa
Thứ ba tại sáu địa
Hai thứ dựa vị lai.*

Sự quả Thánh có sáu: Nghĩa là có sáu sự việc nói về quả của Sa-môn, đó là năm âm vô lậu và số duyên diệt.

Hỏi: Quả Sa-môn là nghĩa gì?

Đáp: Thánh đạo nói là Sa-môn, vì Sa-môn kia tinh tấn thành tựu, nên gọi là quả Sa-môn.

Hỏi: Đạo thế tục cũng do trượng phu tinh tấn mà được. Vậy trượng phu kia cũng được quả Sa-môn chăng?

Đáp: Được. Do người kia đã nhận thấy được quả của Thánh đạo có sai biệt.

Hỏi: Đây là quả gì? Gồm thâm địa nào?

Đáp: Tối thắng ở chín địa: Tức quả A-la-hán gồm thâm chín địa là thiên vị lai, thiên trung gian, bốn thiên và ba vô sắc.

Thứ ba tại sáu địa: Tức quả A-na-hàm gồm thâm sáu địa, là trừ ba vô sắc.

Hai thứ dựa vị lai: Tức hai quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm gồm thâm vị lai. Vì sao? Vì chưa lìa dục.

Hỏi: Đạo tịch có tướng gì?

Đáp:

*Các pháp Tùy tín hành
Tướng độn không phiền não*

*Các pháp Tùy pháp hành
Tướng nhanh không phiền não.*

Các pháp Tùy tín hành, Tướng độn không phiền não: Nghĩa là pháp vô lậu nơi tự thân của người Tùy tín hành thuộc về phần yếu kém. Nên biết độn căn là thuộc Tùy tín hành. Tín giải thoát, Thời giải thoát cũng gồm thân như thế, nên biết là căn yếu kém.

Các pháp Tùy pháp hành, Tướng nhanh không phiền não: Vì tự thân của Tùy pháp hành là thuộc về pháp lợi căn, nên biết tướng nhanh nện là gồm thân căn đó, Kiến đạo và Bất thời giải thoát cũng gồm thân như thế. Vì sao? Vì là lợi căn.

*Trong thiên căn bản kia
Nên biết là lạc thông
Vĩ nhỏ và khó được
Tức biết khác nói khổ.*

Trong thiên căn bản kia, Nên biết là lạc thông: Nghĩa là bốn thiên căn bản, nếu là pháp của độn căn và pháp của lợi căn, nên biết đó là lạc tích, vì có được đạo chỉ, quán v.v... nên cùng với lạc hành.

Vĩ nhỏ và khó được, Tức biết khác nói khổ: Khác là địa vô lậu gồm thân đạo, gọi là khổ, do ít. Thiên vị lai, trung gian kia, đạo chỉ ít. Trong vô sắc thì quán ít. Vô lậu nơi thiên vị lai khó được. Vì sao? Vì thế gian từ trước đến nay chưa được, nên được thiên kia thì dễ tu thiên. Tâm, tâm số trung gian của một địa nơi thiên trung gian đã đoạn trừ nên hiện tiền. Nghĩa là giác đoạn dứt còn quán hiện ở trước được thành tựu, như dùng cây đoạn dứt cây. Cõi vô sắc vi tế khó thành tựu, nên năm âm chuyển đoạn, bốn âm chuyển hiện ở trước. Cõi kia khó như thế là khó được, nên nói là khó, không phải Thánh đạo nói tự tánh của khổ, cũng không phải tương ưng với khổ thọ, vì trong đây đã kiến lập thắng đạo. Vì nghĩa nhập vào thành Niết-bàn, nên gọi là nghĩa của tích.

Hỏi: Thế nào là tịnh không hoại?

Đáp:

*Pháp Phật và Thanh văn
Giải thoát cũng nhân khác
Tín thanh tịnh không cầu
Giới Thánh nói quyết định.*

Pháp Phật và Thanh văn, Giải thoát cũng nhân khác, Tín thanh tịnh không cầu: Nghĩa là nhất thiết chủng, chánh giác trí, Bồ-đề Phật. A-la-hán kia gồm thâm công đức nơi pháp Phật. Nên biết trong số công đức kia, nếu là tín vô lậu, thì pháp ấy gọi là tịnh không hoại Phật.

Người khác truyền dạy, đạt được Thanh văn chánh quyết định, nên biết hàng hữu học, vô học trong số ấy đều được pháp Thanh văn. Nếu chư vị kia được tín vô lậu thì gọi là tịnh không hoại Tăng.

Đối với Niết-bàn, nếu có được tín vô lậu, chuyên biến trong pháp hữu vi khác, như tin về khổ đế, tập đế v.v..., như vậy là vô lậu. Hàng hữu học, vô học, pháp của Phật-bích-chi, công đức của Bồ-tát, trong tất cả pháp ấy đều có được tín không hoại, đó gọi là tịnh không hoại Pháp.

Nếu trong khổ, tập kia có chánh tín thanh tịnh, trong diệt, đạo thì mong cầu tin tưởng, thì giới vô lậu nơi Thánh đạo cùng sinh tịnh bất hoại thứ tư, tức tịnh không hoại Giới.

Thế nào gọi là không hoại? Vì nhận biết rồi thì quyết định tín thanh tịnh nên gọi là tín không hoại.

Hỏi: Những gì được nhận biết là không hoại?

Đáp: Là trong bốn Thánh đế.

Hỏi: Vì sao vô lậu là tín không hoại?

Đáp: Vì quyết định nên thật trí kia cùng sinh khởi tín vô lậu và giới quyết định. Tín hữu lậu thì có thể gây trở ngại, khiến khi dễ, chê trách, không tin, nên đối với trì giới, phá giới đều chê trách xem thường, gây trở ngại. Còn vô lậu thì không sinh các pháp như thế. Vì vậy quyết định vô lậu là tín không hoại vì có sai biệt.

Hỏi: Tu định có tướng gì?

Đáp:

*Thiền thứ nhất có thiện
Nên biết hiện pháp lạc
Là được trí sinh tử
Đó gọi là tri kiến.*

Thiền thứ nhất có thiện, Nên biết hiện pháp lạc: Nghĩa là tịnh và vô lậu nơi thiền thứ nhất là trụ nơi hiện pháp lạc. Đó gọi là tu định được hiện pháp lạc.

Là được trí sinh tử, Đó gọi là tri kiến: Tức sinh tử trí thông là nói tu định được tri kiến.

*Tuệ phân biệt nên biết
Phương tiện sinh công đức
Kim cang dụ, bốn thiên
Đó gọi là lậu tận.*

Tuệ phân biệt nên biết, Phương tiện sinh công đức: Nghĩa là phương tiện hiện có sinh khởi công đức, cho đến công đức văn tự tu, giới hữu giác (Giới hữu biểu) của cõi dục, trong ba cõi theo đầy đủ hiện có. Nếu là hữu vi, vô lậu, thì tất cả pháp kia gọi là tu định được tuệ phân biệt.

Kim cang dụ, bốn thiên, Đó gọi là lậu tận: Nghĩa là định kim cang dụ là tâm học sau cùng. Định ấy cùng tương ưng với quyền thuộc. Địa thiên thứ tư đã dứt hết lậu, nên nói là tu định. Đây là Đức

Thế Tôn tự nói về công đức của mình. Khi còn là Bồ-tát an tọa dưới bóng cây Diêm-phù-đề đạt được chánh thọ của thiền thứ nhất, đã thấy cùng trụ nơi pháp lạc. Mười một lần khởi thiền nào trở thành thiên nhãn trí kiến thanh tịnh, như kinh Diệt Kỳ La nói: Nhận biết thọ sinh như vậy v.v... là tuệ có sai biệt. Dựa nơi thiền thứ tư nên đạo Chánh Chân Vô thượng chứng đắc lậu tận.

Hỏi: Tự tánh của như ý túc là gì?

Đáp:

*Các pháp thiện hữu vi
Đã đầy khởi phương tiện
Phật nói như ý túc
Là cũng nói chánh thiện.*

Các pháp thiện hữu vi, Đã đầy khởi phương tiện, Phật nói như ý túc: Nghĩa là nếu pháp đã đầy khởi phương tiện kia thì nói tất cả pháp ấy là vật chứa đựng như ý, nên gọi là như ý túc. Tâm mình tự tại, khởi vô số các công đức, thành tựu như ý túc, gọi là như ý túc. Chi túc đủ nhân là một nghĩa. Vì sao gọi đó là tam muội? Vì bốn thứ tăng thượng kia có sai biệt. Như dục tăng thượng phát sinh tam muội, gọi là tam muội dục. Như vậy tâm tinh tấn tăng thượng sinh, gọi là tam muội giận trạch. Vì đầu tiên khởi dục nên dục tăng thượng. Dục đã sinh thì mong muốn đạt được điều mong cầu, nên tinh tấn quyết định tăng thượng. Khởi tinh tấn rồi, không bỏ tinh tấn mà tùy thuận hướng đến tâm, gọi là tâm định. Đạo lý của tâm dục tinh tấn này đã hiện ở trước. Như ý túc đã hoàn toàn có đủ trong thân, nên gọi là tam muội tuệ. Nếu không phân biệt lựa chọn thì ngoài một tâm này, tất cả đều thành tựu. Trong tất cả tâm kia đã sinh nên phương tiện có sai biệt. Phương tiện kia đã tăng trưởng, nên nói là công đức khác. Công đức ấy cũng được nói là chánh thiện (Chính thức đốt cháy).

Ở đây, công đức đã nói như vậy cũng gọi là chánh thiêu. Nghĩa là dựa vào đạo lý có thể đốt cháy cỏ phiền não, nên gọi là chánh thiêu. Hoặc do có thể đoạn trừ phiền não nên gọi là chánh đoạn. Vì nhập chánh quyết định, nên gọi là chánh thắng. Vì đã dứt bỏ lỗi lầm xấu ác, nên công đức được phát sinh. Do giữ gìn làm tăng trưởng hành nghiệp sách tấn siêng năng nên gọi là tinh tấn chánh thắng. Vì bốn thứ nghiệp kia có sai biệt, nên nhất tâm được kiến lập, tức tinh tấn có thể tác động nơi bốn nghiệp: Phiền não trong hiện tại được đoạn, vị lai không sinh, ở nơi pháp thiện dung nạp sinh khởi. Sinh rồi thì nối tiếp, sức phương tiện không mất. Tức bốn thứ ấy cũng có sai khác.

*Kia cũng nói niệm xứ
Cũng nói bốn Thánh chủng
Tùy uy lực phát sinh
Do tên kia nêu bày.*

Kia cũng nói niệm xứ, Cũng nói bốn Thánh chủng: Tức trước đã nói về công đức kia, là nói về niệm xứ, như nơi Tu-đa-la đã nói. Trong ngoài của thân, thọ, tâm, pháp cùng cộng tướng, tự tướng đó gọi là niệm xứ. Vì duyên của bốn thứ kia (Thân thọ tâm pháp) có sai biệt, nên hết thảy những duyên đều có hạn lượng sai khác. Thân niệm xứ duyên với thân, không phải là pháp khác. Như vậy thọ niệm xứ nói là thọ niệm xứ, không phải là thứ khác. Tâm niệm xứ nói là tâm niệm xứ, không phải là thứ khác. Pháp niệm xứ duyên với hai thứ pháp khác. Do tướng ấm, hành ấm duyên với hữu vi và duyên với pháp hoại. Do thân thọ nên thân tâm thọ. Như vậy v.v... cho đến duyên với tất cả pháp.

Hỏi: Thế nào là Thánh chủng?

Đáp: Thánh chủng cũng như vậy. Công đức kia đã nói cũng là nói về Thánh chủng. Vì Thánh lấy công đức này làm chủng, nên gọi là Thánh chủng. Vì tự tánh của pháp này là chủng tử của Thánh, nên nói là Thánh chủng. Vì sinh trong chủng loại của Thánh này, nên gọi

là Thánh chủng. Vì đối trị với bốn thứ ái sinh khởi, nên nói bốn thứ có khác nhau. Vì nhân nơi y phục nên tham ái phát sinh. Nói rộng về bốn thứ như nơi Tu-đa-la đã nói.

Hỏi: Vì sao cho công đức này là như ý túc cho đến bốn chánh đoạn v.v...?

Đáp: Vì *Tùy uy lực phát sinh, Do tên kia nêu bày:* Tức là pháp này do sức của định phát sinh, nên gọi là *Như ý túc*. Do sức của tinh tấn sinh khởi, nên nói là *Chánh đoạn*. Do niệm tăng thượng xuất sinh, nên nói là *Niệm xứ*. Do tri túc tăng thượng phát sinh, nên nói là *Thánh chủng*.

Đã nói về pháp trợ Bồ-đề phần. Về cộng tướng và tự tướng của chúng nay sẽ nói.

*Tịnh tín, tinh tấn, niệm
Trí tuệ cùng hỷ, ý
Phân giác cùng với xả
Tư giới Tam-ma-đề.*

Như Đức Phật đã giảng nói về ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề phần, nghĩa là *tên gọi* của pháp ấy có ba mươi bảy, về *sự* thì có mười. Trong số này, tín v.v... như nơi phần kệ đã kiết tập, thì tín căn, tín lực gọi là tín. Chánh đoạn, tinh tấn căn, tinh tấn lực, tinh tấn giác chi, chánh tinh tấn, đây là tinh tấn. Niệm căn, niệm lực, niệm giác chi, chánh niệm, gọi là niệm nơi bốn niệm xứ. Tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi, chánh kiến, những pháp này gọi là Tuệ. Hỷ, ý (Khinh an), xả giác chi, chánh tư duy. Giới là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Như ý túc, định căn, định lực, định giác chi, chánh định, tám chi là định chi.

Hỏi: Vì sao phải nói nhiều thứ như vậy?

Đáp:

*Xứ, phương tiện, nhất tâm
Độn cùng lợi cũng vậy*

*Kiến đạo cũng tu đạo
Nên nói ba mươi bảy.*

Xứ là nơi chôn duyên đúng đắn, nên nói là *Niệm xứ*. *Phương tiện* là chánh phương tiện, nên nói là *Chánh đoạn*. *Nhất tâm* là trụ xứ trong một tâm, nên nói là *Như ý túc*. Căn yếu kém thấy biết nối tiếp gọi là *Căn*. Sự việc nhanh nhạy đầy cũng là căn. Căn nhạy bén thấy biết nối tiếp nên gọi là *Lực*. Ở đây, nghĩa tăng thượng là nghĩa của căn. Các thứ khác không thể xâm lấn gọi là lực. Kiến đạo được thấy biết nên gọi là *Đạo phần*. Tu đạo thấy biết nên gọi là *Giác chi*, tức nói ba mươi bảy. Vì mười pháp này mỗi mỗi pháp đều có hành nghiệp sai biệt như vậy, nên Đức Phật nói ba mươi bảy thứ, trong đấy, giác chi hoàn toàn là vô lậu. Số còn lại là hữu lậu, vô lậu.

Hỏi: Về đạo phẩm vì sao vô lậu?

Đáp: Bò-đề là vô lậu. Vì là vật chứa đựng Bò-đề, là quyền thuộc của Bò-đề, nên gọi là Bò-đề phần. Như vậy, trong phần này là cách xa với hữu lậu, vì tùy thuận Bò-đề, gọi là Bò-đề phần, nên không có lỗi.

*Hai thiên ba mươi sáu
Thiên vị lai cũng vậy
Ba, bốn và trung gian
Là đều ba mươi lăm.*

Hai thiên ba mươi sáu: Nghĩa là trừ tư duy. Vì sao? Vì địa này không có giác quán.

Thiên vị lai cũng vậy: Nghĩa là cũng ba mươi sáu, trừ hỷ giác chi. Vì sao? Vì chưa thành tựu nên không có hỷ như trước đã nói.

Ba, bốn và trung gian, Là đều ba mươi lăm: Nghĩa là thiên thứ tư, thiên thứ ba, thiên trung gian đều có ba mươi lăm, trừ hỷ, trừ chánh tư duy.

*Thiền một nói tất cả
Ba không, ba mươi hai
Hữu đánh hai mươi hai
Cõi dục cũng như vậy.*

Thiền một nói tất cả: Nghĩa là trong thiền thứ nhất có tất cả ba mươi bảy thứ Bồ-đề phần.

Ba không, ba mươi hai: Nghĩa là trừ hỷ, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Hữu đánh hai mươi hai: Nghĩa là tất cả không có giác chi (bảy), đạo chi (tám), nên chỉ có hai mươi hai. Tùy theo giác chi của xứ nào thì tiếp đến nói đạo phần, trong ấy nên biết là hữu lậu, vô lậu.

Cõi dục cũng như vậy: Tức cõi dục cũng có hai mươi hai, hoàn toàn là hữu lậu. Tức hai xứ hoàn toàn là hữu lậu.

Hỏi: Bốn cách ăn ở địa nào thuộc tánh gì?

Đáp:

*Đoạn thực trong các ăn
Cõi dục nói ba nhập
Ăn bằng thức, tư, xúc
Ăn này nói hữu lậu.*

Đoạn thực trong các ăn, Cõi dục nói ba nhập: Nghĩa là đoạn thực là ba nhập: Hương, vị, xúc của cõi dục. Sự có mười ba, mười một sự là xúc. Bốn đại, bảy thứ sắc được tạo, đó là nhám, trơn, nặng, nhẹ, lạnh, đói khát và hương vị.

Hỏi: Vì sao sắc, thanh không phải là ăn?

Đáp: Vì thấy, nghe không phải tăng trưởng. Nghĩa đem lại lợi ích khiến căn đại đầy đủ là nghĩa của ăn. Hoặc thấy, hoặc nghe, thì do sức phân biệt hư giả nên sinh lạc thọ. Tiếp xúc sinh hỷ, thì hỷ này có thể làm thấm nhuần, giúp ích cho căn đại. Thế nên tiếp xúc là thức

ăn có thể đem lại lợi ích, không phải là sắc, thanh. Hương vị lia phân biệt cũng có thể giúp ích cho thân.

Ăn bằng thức, tư, xúc, Ăn này nói hữu lậu: Nghĩa là thức, tư, xúc là hữu lậu. Do chúng đã giữ lấy đời sống, nối tiếp hệ thuộc có thể lôi kéo hữu, nên gọi là ăn. Xúc vô lậu v.v... tuy có tạo lợi ích cho các căn đại, nhưng nó không thể lôi kéo hữu mà lại đoạn trừ hữu, nên không phải là ăn. Vì có ba thứ sự việc, nên gọi là ăn: Là có thể dẫn dắt đến hữu sau. Dẫn dắt rồi lại dẫn dắt cũng thâm giữ tự thân nên gọi là ăn. Ý tư thức kia thì dẫn dắt hữu vị lai. Đoạn thực, xúc thực thì thâm giữ các hữu đã sinh. Lại nữa, tất cả các thứ ăn đều có thể lôi kéo dẫn dắt hữu và đều có thể thâm giữ các căn.

Hỏi: Trước đã nói các tam muội. Những tam muội ấy có bao nhiêu thứ chuyên?

Đáp:

*Vô nguyện có mười hành
Không, hai hành nên biết
Bốn hành nói vô tướng
Đấy nói là Thánh hành.*

Vô nguyện có mười hành: Nghĩa là tam muội vô nguyện nói chung có mười hành. Vì duyên với ba đế nên có mười hành chuyên. Tức hai hành là vô thường, khổ trong khổ đế. Bốn hành trong tập đế, như trước đã nói. Bốn hành trong đạo đế, cũng như trước đã nói.

Hỏi: Vì sao không duyên với diệt đế?

Đáp: Vì không nguyện cầu, nên gọi là vô nguyện, là nghĩa không ưa thích mong cầu.

Không nguyện mong những gì? Là nhân của khổ kia dứt hết tức là không, thế nên nhân của khổ kia cũng xả bỏ. Nhân của khổ ấy do tu đạo đoạn hết, nên duyên với đạo. Vì vậy định này duyên với nhân của khổ và đạo không duyên với diệt.

Hoặc lại nói vì đối với hữu vi không nguyện nên duyên với ba đế. Trong đây tu đạo như uống thuốc đắng. Như vậy, *Không, hai hành nên biết*: Là vì đối trị gần thân kiến nên tam muội không có hai hành, là không và vô ngã. Thân kiến là hành chấp giữ ngã và ngã sở. Vì đối trị chấp ngã nên nói hành vô ngã. Để đối trị ngã sở nên nói hành không. Như pháp kia không có ngã nên nói là vô ngã.

Bốn hành nói vô tướng: Nghĩa là tam muội vô tướng có bốn hành chuyển như diệt v.v... Trừ hành hữu vi nên chỉ duyên với pháp. Hành nói vô tướng ở đây là nhằm chỉ rõ về môn giải thoát, nên hoàn toàn là tam muội vô lậu.

Hỏi: Tự tánh của điên đảo là gì? Làm sao đoạn trừ điên đảo?

Đáp:

*Nói bốn điên đảo kia
Nên biết kiến khổ đoạn
Nơi kia kiến tăng thượng
Người thấy thật không lập.*

Nói bốn điên đảo kia, Nên biết kiến khổ đoạn: Nghĩa là tất cả bốn thứ điên đảo đều dựa nơi khổ chuyển. Vì vậy do kiến khổ đoạn trừ, như đã nói trong ba kiến.

Nơi kia kiến tăng thượng: Nghĩa là bốn thứ điên đảo này là phần ít trong ba kiến, tự tánh của chúng là kiến. Trong kinh nói tâm tướng bị vắn đục, nên gọi là tâm tướng điên đảo.

Người thấy thật không lập: Vì sao? Vì trong kiến đã tăng thượng. Nếu được sức tăng thượng như vậy thì kiến lập điên đảo. Như ngã kiến điên đảo, không phải là ngã sở kiến. Như thế biên kiến là thường kiến điên đảo, không phải là đoạn kiến. Kiến thủ là kiến tịnh lạc điên đảo.

Hỏi: Cái gì là tăng thượng?

Đáp: Suy cầu kiến lập hoàn toàn là điên đảo, thế nên điên đảo là tướng như vậy về điên đảo. Do đấy, không phải tất cả kiến đều là điên đảo. Tà kiến, đoạn kiến tuy suy cầu và hoàn toàn điên đảo, nhưng sự việc hoại lại chuyển đổi để kiến lập giới thủ, nên suy cầu kiến lập không phải hoàn toàn là điên đảo, vì chỉ nhận lấy một ít tịnh, nên không phải là thắng kiến, cũng không phải là thắng thủ, vì chỉ một ít thắng. Sức của ngã kiến đã kiến lập ngã sở, do vậy ngã sở kiến không lập điên đảo.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói có nhiều kiến chấp, như sáu mươi hai kiến. Những thứ kiến ấy do kiến nào gồm thâu?

Đáp: Do năm kiến gồm thâu.

Hỏi: Điều này là như thế nào?

Đáp:

*Hủy báng nơi chân thật
Kiến này nói tà kiến
Không phải thật mà lập
Hai kiến cùng là trí.*

Hủy báng nơi chân thật, Kiến này nói tà kiến: Nghĩa là nếu kiến chấp hủy báng chân thật, có nghĩa nói là không có gì, như nói không có bố thí v.v... đấy là tà kiến.

Không phải thật mà lập, Hai kiến cùng là trí: Nghĩa là ở trong ám, không phải thật là ngã sở mà kiến lập thân kiến. Không phải là lạc, tịnh chân thật mà kiến lập kiến thủ. Hoặc kiến lập những thứ không phải thật khác, như thoáng thấy gốc cây khô mà kiến lập tưởng là con người, đó là tà trí, không phải là tà kiến.

*Lại thủ giới oai nghi
Không phải nhân chấp nhân*

*Nếu thấu nhận biên kiến
Dựa thường kiến, đoạn kiến.*

Lại thủ giới oai nghi, Không phải nhân chấp nhân: Nghĩa là như cho trời Tự Tại là nhân. Hoặc có kẻ chấp giới của bò v.v... cho đó là nhân để được sinh lên cõi trời, giải thoát khỏi nẻo lưu chuyển ở thế gian.

Nếu thấu nhận biên kiến, Dựa thường kiến, đoạn kiến: Nghĩa là nếu chấp các hành là thường còn, thì đó gọi là thường kiến, như nói thường còn. Người ấy không nhận biết về nhân quả liên tục, thế nên ở trong sự việc đã lập tướng đoạn, đó gọi là đoạn kiến. Hai kiến chấp này gọi là thọ nhận biên kiến. Trừ chúng ra thì không còn kiến chấp nào khác. Vì vậy tất cả kiến chấp đều nhập trong kiến này, nên biết như vậy.

Hỏi: Kiến ấy do gì đoạn và không đoạn?

Đáp:

*Hủy báng mà kiến lập
Nhân kiến dựa hai biên
Tùy nơi sự này chuyển
Nếu kiến kia tức đoạn.*

Tà kiến hủy báng như đã nói. Nếu tà kiến kia hủy báng về khổ thì do kiến khổ đoạn. Như vậy, tập v.v... đã kiến lập không thật là nói về hai kiến. Như thân kiến kia là ở nơi khổ kiến lập, nên do kiến khổ đoạn. Còn kiến thủ hoặc do kiến khổ đoạn. Nếu ở nơi lạc kiến lập, thì cũng do kiến khổ đoạn, nên biết.

Như vậy, giới thủ là do kiến tập đoạn v.v... Nếu dựa vào hữu lậu chuyển, thì giới thủ ấy do kiến khổ đoạn. Nếu dựa nơi vô lậu chuyển thì giới thủ ấy do kiến đạo đoạn, nên biết. Đoạn kiến, thường kiến dựa nơi khổ chuyển, nên do kiến khổ đoạn.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN KINH A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 6

Phẩm thứ 8: TU ĐA LA, phần 2

Hỏi: Đức Thế Tôn nói hai mươi hai căn. Những căn ấy là thế nào?

Đáp:

Là bốn căn như nhãn v.v...

Thân căn có ba thứ

Như ý căn cùng mạng

Căn này sinh tử dựa.

Là bốn căn như nhãn v.v...: Đó là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt (Mắt, tai, mũi, lưỡi). Nhãn căn kia là sắc tịnh, là chỗ dựa của nhãn thức, đối với sắc đã thấy, nay thấy, vị lai hoặc sẽ nhận biết sắc này, hoặc lại có sắc khác, tự phần khác.

Hỏi: Thế nào là tự phần?

Đáp: Là nghĩa tương tự với sắc kia. Như sắc không từng thấy, nay không thấy, sẽ không thấy. Vì sao? Vì thức là không. Như vậy tất cả đều nói là như thức tự nương dựa.

Thân căn có ba thứ: Nghĩa là thân căn cũng như thế. Nói ba thứ là thân căn, nam căn, nữ căn.

Như ý căn: Thế nào là ý căn? Nếu tâm ý thức thì ý căn kia là sáu thức thân. Nếu đã nhận biết pháp, nay nhận biết pháp, sẽ nhận biết pháp, thì hoặc lại là tự phần, hoặc căn kia là pháp vô sinh, như vậy là thuộc về đương lai.

Cùng mạng: Mạng căn là thứ chín, căn kia là thọ mạng của ba cõi. Vì *Căn này* nói là *sinh tử dựa*, nên nói là căn, tức sự sống chết của chúng sinh.

Thọ là bạn phiền não
Tín v.v... dựa nơi Niết-bàn
Chín căn nếu vô lậu
Ba này dựa nơi đạo.

Thọ là bạn phiền não: Nghĩa là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, thọ nhận phiền não xen tạp, phiền não trợ bạn dựa vào đất nên nói là căn.

Tín v.v... dựa nơi Niết-bàn: Nghĩa là nói tinh tấn, niệm, định, tuệ, vì dựa vào bạn của tịch diệt nên nói là căn.

Chín căn nếu vô lậu, Ba này dựa nơi đạo: Nghĩa là năm thứ như tín v.v... cùng hỷ, lạc, xả, ý căn v.v... là hữu lậu, vô lậu, ở đây nếu vô lậu thì căn kia dựa nơi đạo. Nói ba căn như nơi phẩm Hiền Thánh đã nói: Như vậy tên của các căn có hai mươi hai, về sự có mười bảy. Nam căn, nữ căn và phần ít của thân căn. Ba vô lậu không khác.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của căn?

Đáp: Nghĩa tăng thượng là nghĩa của căn. Như chủ của con người, vua của loài thú, tất cả pháp đều có chủ tăng thượng, chủ tăng thượng tối thắng kia gọi là căn. Pháp ấy nhận lấy chủ tăng thượng của sáu cảnh giới. Hai căn nam, nữ là chủ tăng thượng, phân biệt sự khác nhau của chúng sinh. Lúc đầu không có sai biệt. Mạng căn duy trì thân tăng thượng của chúng sinh. Thọ có sự tăng thượng của phiền

não. Tín v.v... là sự tăng thượng của Niết-bàn, là sự tăng thượng có sai biệt của đạo vô lậu.

*Cõi dục bốn thiện tám
Căn sắc chủng có bảy
Các tâm số có mười
Nhất tâm bậc trí nói.*

Cõi dục bốn: Nghĩa là ở cõi dục có bốn căn như vậy. Đó là nam căn, nữ căn, ưu căn, khổ căn, quyết định tương ưng với cõi dục.

Hỏi: Vì sao ở cõi sắc không có nam căn, nữ căn?

Đáp: Vì không có sự thọ dụng. Hai căn tử, thiết cũng nên không có, vì được thân đoan nghiêm nên sinh khởi không trở ngại. Lại, vì hai căn nam và nữ khiến thân thô xấu nên không có. Không khổ căn, vì không bị quả bức bách. Người khác không bị não hại nên không có ưu căn. Vì sao? Vì không nhận biết về sinh. Trí của căn kia nhận biết cõi dục. Các sắc căn còn lại và ý căn thì như phẩm Giới đã nói. Xả căn, năm căn như tín v.v... thì tương ưng và không tương ưng với ba cõi. Hỷ căn, lạc căn thì tương ưng và không tương ưng với cõi dục, cõi sắc. Ba căn vô lậu thì quyết định không tương ưng. Mạng căn thì nơi phẩm Tạp sẽ nói.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là thiện?

Đáp: *Thiện tám.* Tức năm căn như tín v.v... và ba căn vô lậu nhất định là thiện, không phải là bất thiện. Ngoài ra, ưu căn nơi thọ v.v... hoặc thiện, bất thiện, vô ký. Ưu căn, mạng căn, phần sau sẽ nói. Phần còn lại thì như nơi phẩm Giới đã nói. Như vậy nhận lấy sắc có bảy là năm căn như nhãn v.v... cùng nam căn và nữ căn. Những căn này đều là sắc, ngoài ra không phải sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là tánh của tâm? Bao nhiêu căn không phải là tánh của tâm? Như vậy nên nói rộng.

Đáp: Các tâm số có mười: Tức năm căn thọ và năm căn như tín v.v...

Nhất tâm bậc trí nói: Tức một loại ý căn là tự tánh của tâm. Về vô lậu như trước đã nói là chín căn vô lậu. Ba thứ còn lại quyết định không phải là tâm, tâm số.

Hỏi: Bao nhiêu căn có báo và bao nhiêu căn không có báo?

Đáp:

*Một và mười có báo
Nghĩa này cần nên biết
Trong mười ba là báo
Bậc thấy thật đã nói.*

Một và mười có báo, Nghĩa này cần nên biết: Nghĩa là ưu căn thì hoàn toàn có báo. Vì sao? Vì là thiện, bất thiện.

Hỏi: Vì sao ưu căn không có vô ký?

Đáp: Vì ưu căn cùng với hành hỷ thấp kém là trái nhau. Không tương ưng với thân kiến, biên kiến, không phải là vô ký ẩn mất phân biệt chuyên, không phải là vô ký không ẩn mất, cũng không phải là công xảo báo sinh oai nghi cùng phân biệt sinh. Nếu căn kia phân biệt sinh, thì cái gì ở nơi sau chẳng phải lìa dục vì diệt lìa dục, vì không đoạn nên không phải là vô ký không ẩn mất. Do đó ưu căn không phải là vô ký không ẩn mất. Trong năm căn như tín v.v..., nếu là hữu lậu thì những căn ấy có báo, nếu vô lậu thì chúng không có báo. Ý căn và ba thọ, nếu là bất thiện hoặc thiện hữu lậu thì chúng có báo, nếu là vô ký vô lậu thì chúng không có báo. Khổ căn nếu là thiện, bất thiện thì có báo, nếu là vô ký thì không có báo. Căn còn lại thì không có báo.

Hỏi: Vì sao bất thiện, thiện hữu lậu thì có báo?

Đáp: Vì trụ vững chắc nơi sức hỗ trợ. Như nước trong ruộng thấm vào lớp phân được ủ mục, nhân đầy hạt giống cứng chắc sinh

khởi mầm. Nếu là vô lậu thì không hỗ trợ duyên. Như hạt giống cất giữ trong kho lẫm, tuy rắn chắc nhưng không sinh khởi mầm, vì nước ái không thấm nhuần. Các phiền não khác như phân, nếu không có thì không thể làm mục nát, do đó không phải vô ký thì có báo. Như hạt giống hư nát, tuy có đặt trong thửa ruộng nhưng cũng không sinh khởi mầm.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là báo?

Đáp: Trong mười ba là báo, *Bậc thấy thật đã nói:* Tức bảy sắc căn, ý căn, mạng căn, trừ ưu căn còn bốn thọ là có báo. Cũng có sắc không phải là báo, vì nuôi lớn không phải là báo, ngoài ra là báo. Mạng căn là số hành thọ mạng của quả chánh thọ, nên căn này không phải là báo. Số còn lại là báo. Ý căn và thọ thiện, cấu uế, không phải là báo. Oai nghi, công xảo thuộc tâm biến hóa đều không phải là báo, ngoài ra là báo. Những căn khác quyết định không phải báo.

Hỏi: Có bao nhiêu căn lúc sinh đầu tiên được báo?

Đáp:

*Hai, hoặc sáu, bảy, tám
Lúc niệm đầu sinh được
Trong dục có tướng báo
Sắc sáu và trên một.*

Nếu căn của chúng sinh theo thứ lớp sinh: Sinh bằng trứng, sinh nơi ẩm ướt, sinh bằng thai, thì các loài này, lúc niệm đầu sinh, có hai căn được báo là thân căn và mạng căn. Ý căn kia là cấu uế, thế nên không nhận lấy. Không phải tâm cấu uế là có báo liên hệ. Không phải cấu uế nên không báo. Xả căn cũng như vậy. Hóa sinh không căn có sáu là năm sắc căn và mạng căn. Tất cả hóa sinh không thiếu nhãn căn v.v... Một căn có bảy, hai căn có tám.

Trong dục có tướng báo: Tức pháp này là áp dụng cho chúng sinh của cõi dục, nên biết.

Sắc sáu và trên một: Nghĩa là cõi sắc được sáu, cõi vô sắc một, tức chỉ là mạng căn.

Hỏi: Lúc chết sau cùng là bỏ bao nhiêu căn?

Đáp:

*Bỏ bốn, tám cùng chín
Cũng nói bỏ nơi mười
Chết dần và mất ngay
Thiện bỏ đều tăng năm.*

Bỏ bốn, tám cùng chín, Cũng nói bỏ nơi mười, Chết dần và mất ngay: Tức tâm vô ký chết dần thì bỏ bốn căn là thân, ý, mạng và xả căn. Không căn thì một thời, tâm vô ký chết xả bỏ tám căn là năm căn như nhãn v.v... cùng mạng, ý, xả căn. Một căn thì có chín, hai căn thì có mười, tâm bất thiện cũng vậy.

Hỏi: Tâm thiện bỏ bao nhiêu căn?

Đáp: Thiện bỏ đều tăng năm: Tức ở trong đó thêm năm căn như tín v.v... Cõi sắc, cõi vô sắc tùy theo chỗ đạt được cũng như vậy.

Hỏi: Có bao nhiêu căn do kiến đoạn? Như vậy v.v... phải nên nói rộng.

Đáp:

*Hai đoạn, không đoạn bốn
Sáu căn thì hai thứ
Ba vô lậu không đoạn
Khác thì tu đạo tận.*

Hai đoạn, không đoạn bốn: Nghĩa là ý căn và ba thứ thọ thì chúng do kiến đạo đoạn và tu đạo đoạn. Nếu chúng là vô lậu thì không đoạn.

Sáu căn thì hai thứ: Nghĩa là ưu căn thì do kiến, tu đoạn trừ. Năm căn như tín v.v... thì do tu đạo đoạn và không đoạn trừ.

Ba vô lậu không đoạn: Vì chúng hoàn toàn là vô lậu.

Khác thì tu đạo tận: Nghĩa là chín căn còn lại là do tu đạo đoạn. Vì tám căn như nhãn kia là không cấu ứ, nên do tu đạo đoạn. Vì còn rơi vào sinh tử nên không phải là không đoạn. Khổ căn thuộc năm thức thân, nên do tu đạo đoạn.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sáu thức thân thì nhận lấy pháp nào?

Đáp:

*Nếu lấy nghĩa thức căn
Cảnh giới năm thứ tâm
Nếu lấy tất cả pháp
Tức là ý thức giới.*

Nếu lấy nghĩa thức căn, Cảnh giới năm thứ tâm: Nghĩa là năm thức thân nhận lấy năm cảnh giới như sắc v.v...: Nhãn thức nhận lấy sắc, là hình tướng của sắc. *Sắc:* Nghĩa là vô lượng thứ như màu xanh v.v... *Hình tướng:* Tức có vô lượng thứ như dài v.v... Mắt v.v... kia không nhận lấy trực tiếp sắc, như mắt áp sát vào viên thuốc thì không thấy. Nhĩ thức đối với tiếng cũng không nhận lấy trực tiếp. Mũi đối với mùi hương, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc thì nhận lấy trực tiếp. Tất cả năm thức thân đều có thể nhận lấy cảnh giới hiện tại.

Hỏi: Ý thức thì nhận lấy thế nào?

Đáp: *Nếu lấy tất cả pháp, Tức là ý thức giới:* Tức như đối tượng nhận lấy của năm thức thân, nếu chúng không nhận lấy pháp quá khứ, vị lai, hiện tại và vô vi, thì tất cả đều do ý thức nhận lấy, trừ pháp tương ưng cùng sinh của tự thể nơi sát-na kia.

Hỏi: Đầu tiên nhận biết cảnh giới không hoại rồi, nên nói về cảnh giới này. Vì sao mười thứ có sai biệt?

Đáp: Pháp tương ưng, không tương ưng của cõi dục là như vậy. Pháp vô lậu, hữu vi, vô vi, thiện và vô ký của cõi sắc, cõi vô sắc là như thế.

Hỏi: Mười trí, mỗi mỗi trí có bao nhiêu pháp là cảnh giới?

Đáp:

*Năm pháp cần nên biết
Cảnh giới của pháp trí
Bảy thứ tùy thuận trí
Cảnh giới tha tâm ba.*

Năm pháp cần nên biết, Cảnh giới của pháp trí: Đó là pháp tương ưng, không tương ưng của cõi dục cùng vô lậu, vô vi và thiện.

Bảy thứ tùy thuận trí: Là sắc, vô sắc, vô lậu, tương ưng, không tương ưng, thiện và vô vi.

Cảnh giới tha tâm ba: Là cõi dục, cõi sắc tương ưng với vô lậu.

*Hữu lậu nên biết mười
Trí nhân quả có sáu
Trí giải thoát một pháp
Đạo trí hai, khác chín.*

Hữu lậu nên biết mười: Nghĩa là thế tục trí, tất cả có mười thứ pháp làm cảnh giới.

Trí nhân quả có sáu: Nghĩa là khô, tập trí là pháp tương ưng, không tương ưng của ba cõi.

Trí giải thoát một pháp: Nghĩa là một vô vi thiện trong diệt trí.

Đạo trí hai: Nghĩa là đạo trí có hai pháp là tương ưng, không tương ưng với hữu vi, vô lậu.

Khác chín: Nghĩa là cảnh giới của tận trí, vô sinh trí có chín pháp trừ vô vi.

Cảnh giới của sử vô ký, như trước đã nói.

Lại muốn nêu tổng quát, nên nói như thế.

*Các phiền não tự địa
Định sử nơi địa mình
Tự chủng nhất thiết biến
Ở trong chủng loại kia.*

Các phiền não tự địa, Định sử nơi địa mình: Nghĩa là tất cả sử của cõi dục, sai khiến từ cõi dục cho đến địa Hữu danh. Địa kia cũng như vậy. Vì vượt hơn, vì đối trị, nên địa dưới không sai khiến địa trên. Vì lìa dục hiện tiền nên địa trên không sai khiến địa dưới.

Tự chủng nhất thiết biến, Ở trong chủng loại kia: Nghĩa là pháp của tự chủng loại bị sử của tự chủng loại sai khiến. Loại khác là nhất thiết biến (Biến hành), cũng sai khiến như thân kiến. Kiến khổ đoạn trừ sử sai khiến. Kiến tập đoạn trừ v.v... tức những loại khác cũng sai khiến.

Như vậy, nói sử nhất thiết biến (Tùy miên biến hành) cho đến do tu đạo đoạn, tức tu đạo đoạn trừ tất cả sử sai khiến, là sử nhất thiết biến.

*Ba cõi định phiền não
Ba cõi định như vậy
Như thế nói hai cõi
Một cõi sinh cũng thế.*

Ba cõi định phiền não, Ba cõi định như vậy: Nghĩa là những phiền não gồm thân trong ba cõi bị sử của ba cõi sai khiến. Tùy theo phương tiện như ý căn, nơi ba cõi, trong đó bị tất cả sử của ba cõi sai khiến.

Như thế nói hai cõi: Nghĩa là những pháp thuộc về hai cõi bị sử của hai cõi sai khiến. Như phương tiện, như giác quán trong cõi dục và cõi sắc, ở đây bị sử của cõi dục, cõi sắc sai khiến.

Một cõi sinh cũng thế: Nghĩa là pháp thuộc về một cõi bị sử của một cõi sai khiến. Như ưu căn nơi cõi dục bị sử của cõi dục sai khiến.

*Kinh này Phật đã nói
Hoặc việc tôi đã nêu
Thức, trí và các sử
Quan sát ba môn ấy.*

Trong kinh này Đức Phật đã nói như pháp tôi đã nêu bày, thì ba môn này nên tuyên thuyết. Đó là môn Thức, môn Trí và môn Sử.

Như sự căn trong cõi dục tất cả là có, vì thế sáu thức thân của cõi dục nên biết là tương ưng, hoặc không tương ưng. Bảy trí nhận biết, trừ tỷ trí, diệt trí, đạo trí, vì chúng thuộc về năm chủng loại, nên bị tất cả sử của cõi dục sai khiến.

Sự ba căn của cõi sắc có bốn thức nhận biết, bảy trí nhận biết. Những thứ này bị tất cả sử của cõi sắc, cõi vô sắc sai khiến. Không có năm cảnh giới của cõi vô sắc, chỉ một thức nhận biết, sáu trí nhận biết, trừ tha tâm trí, pháp trí, diệt trí, đạo trí. Chúng đều bị tất cả sử của cõi vô sắc sai khiến. Tất cả đều như vậy cần nên biết.

*
**

Phẩm thứ 9: TẠP

*Đã nói định nói tiếp
Vô số các pháp khác
Nhiều tạp nghĩa ở trên
Nay tôi sẽ lược nói.*

Đã nói định nói tiếp, Vô số các pháp khác: Nghĩa là đã nói về vô số tụ của các pháp đây kia nối tiếp nhau.

Nhiều tạp nghĩa ở trên, Nay tôi sẽ lược nói: Tức trên đây đã nói nghĩa rộng, nay nói tóm tắt.

*Có duyên, có tương ưng
Có hành cùng có dựa*

*Tâm cùng với tâm số
Là nói nghĩa tổng, lược.*

Đó là tên gọi của tâm tâm số pháp, ở trong vô số pháp đã duyên dựa để chuyển, nên gọi là *có duyên*. Đồng cùng đồng hành, đồng phương tiện, nên gọi là *trương ung*. Vì ở nơi cảnh giới hành tác nên gọi là *có hành*. Do dựa vào căn chuyển, nên gọi là *có dựa*.

*Từ duyên sinh cũng nhân
Có nhân và hữu vi
Nói sự và thế đạo
Có quả đây quyết định.*

Đây là tên gọi của pháp hữu vi. Các pháp hữu vi kia duyên nơi hòa hợp mới được sinh nên gọi là *duyên sinh*. Vì pháp khác sinh nên là *nhân*. Do sức của nhân nên nói là *có nhân*. Các pháp hòa hợp tạo tác nên gọi là *hữu vi*. Do nhiều nhân có sai biệt đã hiển bày, nên gọi là *nói sự*. Chưa có hành của tự tướng chuyển, nên gọi là *thế gian*. Vì pháp kia có quả nên gọi là *có quả*.

*Có tội cũng ản mắt
Cấu uế, hạ tiện, đen
Thiện hữu vi và tập
Cũng lại gọi tu học.*

Có tội cũng ản mắt, Cấu uế, hạ tiện, đen: Đó là các thứ tên gọi của pháp bất thiện, vô ký ản mắt. Vì đáng nhàm chán, xấu ác, nên gọi là *có tội*. Vì bị phiền não che lấp nên gọi là *ản mắt*. Vì bị phiền não làm cấu uế nên gọi là *cấu uế*. Vì tầm thường, thô bỉ, nên gọi là *hạ tiện*. Vì không có trí, tối tăm, nên gọi là *đen*.

Thiện hữu vi và tập, Cũng lại gọi tu học: Nghĩa là pháp hữu vi thiện, như tên gọi ấy. Trong trí có hoặc nối tiếp nhau, pháp này gọi là trí, cho nên là *thiện*. Như thế gian nói: Người ca múa thiện xảo thì tay chân rất khéo léo. Hoặc thiện là tên của tuệ. Vì tuệ kia khéo nói

năng, nên gọi là thiện, tức thâm nhận nghĩa như vậy. Vì công đức tăng thượng được thành tựu, nên nói là *tập*, cũng nói là *tu tâm*.

Về hành bất tương ưng, trong đây sẽ nói.

*Vô tướng hai chánh thọ
Cũng chủng loại chúng sinh
Cú, vị cùng danh thân
Mạng căn và pháp đắc.
Gọi kia tánh phạm phu
Và bốn tướng các pháp
Phi sắc, bất tương ưng
Nói là hành hữu vi.*

Vô tướng gọi là chúng sinh sinh vô tướng, tâm tâm số pháp không chuyên.

Hai định (Chánh thọ) không tâm là định vô tướng, định diệt tận. Định vô tướng gọi là tướng giải thoát, tức nhằm chán nơi sinh tử. Do sức của thiền thứ tư nên tâm nối tiếp nhau theo thứ lớp trung gian diệt. Định diệt tận gọi là tướng tịch diệt, nhằm chán tâm tán loạn. Tâm, tư, niệm ban đầu trụ nơi tướng. Tâm tâm số lỗi xấu của phi tướng phi phi tướng theo thứ lớp diệt.

Chủng loại của *chúng sinh* gọi là chúng sinh sinh nơi một nẻo, thân căn dài ngắn, đến đi, đứng ngồi, uống ăn theo tự phần cộng phần.

Cú là nghĩa danh tự tập hợp theo chỗ muốn nói, giới hạn sai biệt rất ráo gọi là *cú*. Như pháp Bà-già-la-na gọi là ngôn thuyết. *Vị* là chữ sinh khởi. *Danh* là tên gọi theo nghĩa, như nói bò, ngựa v.v..., như ngôn, cú của Luận Tỳ Già La.

Mạng nghĩa là tùy chỗ đạt được căn đại, tâm hòa hợp với sự việc, theo thứ lớp nối tiếp không hoại. Nhân đắc gọi là đắc pháp, dẫn đến thành tựu là một nghĩa đắc.

Tánh phạm phu nghĩa là chưa đạt đến tự chánh quyết định, xa lìa pháp sĩ phu Thánh.

Bốn tướng là sinh, lão, trụ, vô thường, như nơi phẩm Hành đã nói.

Phi sắc là pháp này không phải là tự tánh của sắc.

Bất tương ưng là không tương ưng, không có duyên.

Nói là hành hữu vi là thuộc về hành âm.

Hỏi: Hành âm này có bao nhiêu là thiện nên nói rộng như vậy v.v...?

Đáp:

Hai thiện, năm thứ, ba

Nên biết bảy vô ký

Hai ở nơi cõi sắc

Một ở địa vô sắc.

Hai thiện: Là chánh thọ vô tướng và chánh thọ diệt tận, hoàn toàn là thiện nên có báo. Chánh thọ vô tướng là báo vô tướng. Chánh thọ diệt tận trừ mạng căn là bốn âm của Hữu đảnh.

Năm thứ, ba: Là đắc, sinh, lão, trụ, vô thường v.v... Trong thiện là thiện, trong bất thiện là bất thiện, trong vô ký là vô ký.

Nên biết bảy vô ký: Là vô tướng, chủng loại cú, vị, danh, mạng căn và tánh phạm phu.

Hỏi: Có bao nhiêu nơi cõi dục v.v... như vậy cần nên biết?

Đáp: Hai ở nơi cõi sắc: Là chánh thọ vô tướng và địa Quảng quả.

Một ở địa vô sắc: Nghĩa là định diệt tận, thuộc về phi tướng phi phi tướng xứ.

Hai cõi, ba nên biết

Còn lại ở ba cõi

*Hữu lậu, vô lậu năm
Ngoài ra định hữu lậu.*

Hai cõi, ba nên biết: Nghĩa là danh, cú, vị ở nơi cõi dục, cõi sắc, không phải cõi vô sắc, vì lia lời nói.

Còn lại ở ba cõi: Nghĩa là chủng loại, đặc, mạng, tướng phạm phu.

Hỏi: Có bao nhiêu là hữu lậu, bao nhiêu là vô lậu như vậy?

Đáp: *Hữu lậu, vô lậu năm.* Là các tướng: Đặc, sinh, lão, trụ, vô thường v.v... Trong hữu lậu là hữu lậu, trong vô lậu là vô lậu. Đặc tức trong hữu lậu thì hữu lậu, vô lậu đều là vô lậu. Số diệt, Thánh, phạm phu là hữu lậu vô lậu, không phải số duyên vô vi, chỉ có hữu lậu.

Ngoài ra định hữu lậu: Nghĩa là nên biết các hành khác quyết định là hữu lậu.

Hỏi: Lìa pháp Thánh gọi là phạm phu. Pháp ấy xả như thế nào? Đoạn như thế nào?

Đáp:

*Tâm vô lậu đầu tiên
Là Thánh không được xả
Phàm ngu lưu chuyển cõi
Lúc lìa dục diệt tận.*

Tâm vô lậu đầu tiên, Là Thánh không được xả: Nghĩa là bậc Thánh đạt khổ pháp nhãn thì xả bỏ tánh phạm phu, xả ấy là đối trị phạm phu.

Phàm ngu lưu chuyển cõi: Nghĩa là phạm phu này thuận theo cõi lưu chuyển, xả bỏ tùy xứ kia mất, xả địa sinh, theo địa được, vì không phải vô ký ẩn mất, nên một sát-na đạt được như vậy.

Lúc lìa dục diệt tận: Nghĩa là tùy theo địa lìa dục, hoặc là phạm phu hoặc là Thánh, sự phạm phu của địa kia dứt trừ.

Hỏi: Ba vô vi như đã nói, chúng có tướng gì?

Đáp:

*Đoạn phiền não xa lìa
Đó gọi số duyên diệt
Không các tướng ngăn ngại
Đó gọi là hư không.*

Đoạn phiền não xa lìa, Đó gọi số duyên diệt: Nghĩa là nếu các phiền não như thân kiến v.v... nơi sức số duyên đã diệt, thì đoạn kia theo thứ lớp dứt trừ. Nếu xa lìa dục mà được, thì số phần kia gọi là số diệt.

Không các tướng ngăn ngại, Đó gọi là hư không: Nghĩa là dung nạp nhận lấy sắc, không có ngăn ngại, nên các sự việc như dừng trụ, đến, đi v.v... đều được, đó gọi là hư không.

*Dựa nơi pháp các duyên
Có dựa cùng duyên vịn
Nếu không đủ, không sinh
Diệt này không phải trí.*

Pháp hữu vi dựa vào sức của duyên mới có thể sinh ra, nên chúng không có pháp nào là không sinh. Như nhãn thức thì nhãn, sắc, ánh sáng, khoảng không, do nhớ nghĩ nên sinh khởi hòa hợp với ý khiến nhãn thức sinh. Ngoài ra nếu thiếu một thì không sinh. Nếu cùng với thức khác tương ưng, thì niệm niệm nhãn sinh diệt hòa hợp, thiếu sự việc này thì nhãn thức không sinh. Nếu nhãn kia dựa vào thức sắp sinh, thì thức ấy không sinh. Nếu nhãn kia sinh diệt rồi, thì thức ấy nhất định không còn sinh nữa.

Như vậy sắc thiếu duyên kia, nhãn thức ấy diệt ở vị lai, không còn sinh nữa. Như thế các thức thân còn lại như nói về được sinh. Nếu thức thân ấy sinh diệt, thì ngay từ đầu không phải là trí duyên.

Những sự việc như vậy đã không thường xuyên mà diệt, nên gọi là phi số diệt.

Lược nói trong pháp không sinh ở vị lai, duyên thiếu thì hoàn toàn không sinh. Tự nhiên diệt gọi là phi số diệt.

Hỏi: Đã nói về nhân của pháp hữu vi. Vậy là pháp nào, nhân nào?

Đáp:

*Nhân trước tương tự tăng
Hoặc cùng nương dựa sinh
Hai nhân và một duyên
Nói hoàn toàn đã sinh.*

Nhân trước tương tự tăng: Nghĩa là pháp trước nơi trước đã tương tự như vậy, nên nhân vị lai cũng là nhân tăng, không phải là nhân giảm. Như căn thiện hạ đối với căn thiện của tự địa hạ trung thượng là tăng trong nhân. Tăng là nhân tăng, pháp tu tập trụ tăng không phải là giảm, không phải pháp hơn làm nhân cho pháp thấp.

Hoặc cùng nương dựa sinh: Nghĩa là như nhân tương ưng, nhân cộng hữu.

Hai nhân và một duyên, Nói hoàn toàn đã sinh: Nghĩa là nói nhân tự phần đã sinh, không phải là chưa sinh, nói nhân tự phần sinh trước, sinh sau, không phải là chưa sinh, có trước sau.

Như vậy, nhân nhất thiết biến cũng nói là nên biết duyên thứ đệ nơi quá khứ, hiện tại, trừ tâm, tâm số sau cùng của A-la-hán, còn lại là tâm, tâm số quá khứ, hiện tại. Tất cả những thứ ấy gọi là một loại duyên thứ đệ. Một loại không khác nhau về tự trước, tự sau, vì duyên theo thứ lớp, nên gọi là duyên thứ đệ.

Hỏi: Vì sao sắc, tâm bất tương ưng hành, không phải là duyên thứ đệ?

Đáp: Vì có nhiều sự xen tạp. Sắc xen tạp như vậy, nên trong một lúc nơi cõi dục, cõi sắc hiện tiền không tương ưng. Như phạm phu cùng Thánh nhân thọ giới cũng là hành không tương ưng. Bất tương ưng của ba cõi cùng một lúc hiện tiền, vì không có các sự việc xen tạp của tâm, tâm số nên được gọi là duyên thứ đệ.

Hỏi: Báo là số chúng sinh hay không phải là số chúng sinh?

Đáp:

*Báo là số chúng sinh
Quả giải thoát hữu vi
Có duyên nói cùng chuyển
Tức nơi tướng khác chuyển.*

Báo là số chúng sinh: Nghĩa là pháp của số chúng sinh nhất định được gọi là báo. Vì sao? Vì không chung, nên không phải là chung với phi số chúng sinh.

Hỏi: Số nghĩa là gì?

Đáp: Vì thọ nhận không giống nhau, như thiện, bất thiện, vô ký.

Hỏi: Thế nào là nói pháp của quả?

Đáp: *Quả giải thoát hữu vi.* Là quả của tất cả pháp hữu vi thiện, bất thiện, vô ký. Vì nhân duyên cùng nương dựa nên số duyên diệt. Vô vi là nói đến quả của đạo diệt kia.

Hỏi: Thế nào là pháp có duyên ở trong duyên chuyển?

Đáp: *Có duyên nói cùng chuyển.* Tức nếu pháp có duyên thì pháp ấy nơi một lúc liền duyên chuyển, không dị biệt.

Hỏi: Duyên chuyển nơi xứ nào?

Đáp: *Tức nơi tướng khác chuyển:* Là duyên vin vào người khác, không phải là tự tánh duyên với tự tánh. Vì sao? Vì tự tánh là

tự tánh. Trong tất cả sự việc, như mắt không tự trông thấy. Các đầu ngón tay không tự tiếp xúc. Dao không tự cắt lấy nó. Chỉ là tương ưng không phải là duyên. Vì sao? Vì một duyên đều cùng sinh nên cũng không duyên, vì rất gần nhau. Như đặt viên thuốc sát vào mắt, mắt như bị ghèn, mắt nháy nhiều vì quá gần nên không thấy. Vì tự nương dựa nên không thể duyên.

Hỏi: Pháp kia là có trụ xứ hay không có trụ xứ?

Đáp:

*Nhân biến không xứ sở
Lúc sắp sinh giải thoát
Phiền não trong tâm trí
Lúc đạo sắp diệt bỏ.*

Nhân biến không xứ sở: Nghĩa là tâm tâm sở của nhân này là nhân của hai mắt sinh một thức. Như vậy, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức cũng thế. Nếu có xứ sở tức nên trong một mắt sinh. Nếu vậy thì nên chỉ một mắt thấy, không phải hai mắt thấy, hoặc hai thức sinh thì không đúng, do đây là không có xứ sở.

Hỏi: Tâm nào giải thoát? Là quá khứ, hiện tại, vị lai?

Đáp: *Lúc sắp sinh giải thoát:* Tức lúc sắp sinh, đạo diệt phiền não, thế nên lúc sắp sinh là được giải thoát, là được giải thoát trong chương ngại của tâm vô học.

Hỏi: Lúc đạo sinh là đoạn trừ phiền não chăng?

Đáp: *Phiền não trong tâm trí, Lúc đạo sắp diệt bỏ:* Tức lúc đạo sắp diệt thì đoạn trừ phiền não, còn lúc sắp sinh là vị lai. Đạo ở vị lai thì không thể tạo tác sự việc. Thế nên lúc đạo vô ngại sắp diệt thì xả bỏ phiền não. Lúc đạo giải thoát sắp sinh là giải thoát được phiền não. Tiếp theo là nói đến tên của phiền não.

Hỏi: Hữu ái có bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Hữu ái có năm thứ
Không hữu, chỉ một tướng
Sự ái, phiền não khác
Đoạn lìa là ba cõi.*

Hữu ái có năm thứ: Nghĩa là hữu ái gọi là tham đắm trong hữu. Hữu ái ấy có năm thứ: Túc do kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn.

Không hữu, chỉ một tướng: Nghĩa là không có hữu ái, gọi là đoạn kiến, là tự thân đoạn trừ lạc. Phiền não này cũng do tu đạo đoạn. Vì sao? Vì kiến ái là do kiến đạo đoạn. Vì đây cũng là ái chuyên, thế nên do tu đạo đoạn. Tu-đà-hoàn này tuy không đoạn, nhưng cũng không hành chung. Vì sao? Vì đoạn kiến đã được nuôi lớn. Vì đoạn kiến ấy đều hiện tiền ở trên và Tu-đà-hoàn kia đã đoạn hết, vì tướng nhân duyên, nên biết.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Cõi đoạn, cõi lìa và cõi diệt, chúng là thế nào?

Đáp: Sự ái, phiền não khác, Đoạn lìa là ba cõi: Tức đoạn trừ ái là cõi lìa, là đoạn sự việc tương ưng với nhiễm vương của ái kia. Cõi diệt thì đoạn trừ ái kia cũng nhiễm vương cũng tương ưng. Nếu đoạn trừ phiền não khác thì cõi ấy là cõi đoạn, vì chúng chỉ tương ưng không phải là nhiễm. Do đối trị gần nên kiến lập như vậy. Như thế, tất cả là một tướng, có mười một tâm, là thiện, bất thiện, vô ký ẩn mất, vô ký không ẩn mất của cõi dục. Cõi sắc có ba, trừ bất thiện. Cõi vô sắc có ba cũng như vậy và vô lậu.

Hỏi: Ở đây có bao nhiêu tâm cấu uế, được bao nhiêu tâm thiện, bao nhiêu tâm vô ký?

Đáp:

*Tâm cấu uế có mười
Bậc trí nói như vậy*

*Tâm thiện tất được sáu
Vô ký tức vô ký.*

Tâm cầu uế có mười, Bạc trí nói như vậy: Nghĩa là cõi địa và địa tới lui nơi hai cõi dục và sắc, được tâm nối tiếp của tâm thiện, tâm cầu uế, tâm vô ký ẩn mất. Ngoài ra là tâm thiện, cầu uế, vô ký không ẩn mất của cõi vô sắc. Sự việc kia được hiện tiền.

Hỏi: Thế nào là vô ký không ẩn mất của cõi dục, cõi sắc?

Đáp: Là tâm biến hóa lúc sắp sinh của cõi sắc đạt được. Do sức của thiền nơi cõi sắc kia được, không phải là thứ khác, thế nên không phải do vô ký được. Vì thoái chuyển không phải là vô lậu, như thoái chuyển vô học được hữu học. Những sự việc như vậy, đạt được như thế, nên nói là duyên theo thứ lớp, không phải một người trong một sát-na đạt được mười.

Tâm thiện tất được sáu: Nghĩa là tâm thiện được sáu, như tận trí trong tâm vô lậu thiện của cõi dục. Tâm biến hóa cũng vô ký. Như vậy, tâm thiện và vô lậu là của cõi sắc, cõi vô sắc.

Vô ký tức vô ký: Nghĩa là chỉ được tâm vô ký là tâm vô ký không ẩn mất, không phải những hiện tiền khác cũng được, như trước đã nói, không phải là tâm chưa được của sát-na kia đạt được.

Hỏi: Trong mười pháp Bồ-đề phần kia có bao nhiêu thứ là tánh của căn?

Đáp:

*Sáu pháp phần Bồ-đề
Nên biết là tánh căn
Các pháp nếu tương ưng
Nên biết là phần khác.*

Sáu pháp phần Bồ-đề, Nên biết là tánh căn: Nghĩa là năm căn như tín v.v... và giác chi hỷ. Ngoài ra không phải là tự tánh của căn.

Hỏi: Là pháp tương ưng với tự tánh của căn hay là pháp tương ưng với tánh khác?

Đáp: Các pháp nếu tương ưng, Nên biết là phần khác: Tức tương ưng với phần khác, nên biết không phải tự tánh là trợ bạn của tự tánh, vì một lúc không có hai.

Hỏi: Nơi xứ nào được giải thoát?

Đáp:

*Trong duyên được giải thoát
Đại Tiên nói như vậy
Cũng đoạn ít mà buộc
Kiến đạo cùng tu đạo.*

Trong duyên được giải thoát, Đại Tiên nói như vậy: Nghĩa là ở trong duyên lia phiền não thì không thể ở nơi tương ưng được giải thoát. Vì sao? Vì là một sát-na, tâm phiền não duyên trong một niệm. Chúng sinh ngu lắm nhưng không ngu đối với duyên, nên giải thoát phiền não được thành tựu.

Hỏi: Nếu không tương ưng thì cũng đoạn hay không đoạn? Chỗ được đoạn là tương ưng hay không tương ưng?

Đáp: Nếu không tương ưng cũng đoạn. *Cũng đoạn ít mà buộc, Kiến đạo cùng tu đạo:* Tức có đoạn phần ít, cũng không phải là giải thoát. Như khổ trí sinh, tập trí chưa sinh. Nếu kiến khổ đoạn, phiền não đoạn, thì kiến tập kia đoạn hết thấy trói buộc của phiền não biến hành. Trong tu đạo cũng một thứ đoạn, tức nơi tu đạo kia, tám thứ trói buộc cho đến tám thứ đoạn trừ rốt ráo mọi trói buộc của phẩm hạ hạ.

Hỏi: Thế nào là kiến đế để đạt được tịnh không hoại?

Đáp:

*Hai giác ở ba đế
Bốn do kiến chánh đạo*

*Hay khởi tịnh không hoại
Tu tập nơi hai đời.*

Hai giác ở ba đế, Bốn do kiến chánh đạo, Hay khởi tịnh không hoại: Nghĩa là khổ, tập, diệt không gián đoạn thì được pháp tịnh không hoại và giới Thánh yêu thích, vì là tự tánh của ba pháp kia. Kiến đạo thì được tất cả bốn thứ tịnh không hoại là Phật, Pháp, Tăng và có trong giới ấy.

Hỏi: Có bao nhiêu đời tu pháp?

Đáp: *Tu tập nơi hai đời:* Đời hiện tại tu hành, đời vị lai tu đắc.

Hỏi: Pháp nào tùy theo tâm chuyển?

Đáp:

*Tất cả tâm số pháp
Nói cùng với tâm chuyển
Nếu tướng tâm cùng khác
Tạo tác cũng nên biết.*

Tất cả tâm số pháp, Nói cùng với tâm chuyển: Nghĩa là tất cả tâm số pháp, nói là cùng với tâm cùng hành. Vì sao? Vì cùng một duyên với tâm.

Nếu tướng tâm cùng khác: Nghĩa là tướng của tâm ấy sinh khởi v.v..., thì chúng cũng tùy theo tâm chuyển, vì cùng một sinh diệt với tâm. *Cùng khác:* Tức tướng của tâm số khác cũng tùy theo tâm chuyển như vậy, vì là một thứ phương tiện an ổn.

Tạo tác cũng nên biết: Nghĩa là tên gọi của nghiệp này, trong ấy nói là xứ của tâm số.

Đã nói về nghiệp thân, miệng, tư chưa xong. Nay sẽ nói về giới vô giáo của thiền đạo kia. Vì do sức của thiền kia sinh, nên nói là tạo tác. Thiền ấy tùy theo tâm chuyển, vì cùng một quả với tâm. Tâm tạo tác một sự việc, nói là tất cả tùy theo tâm chuyển.

Hỏi: Thế nào là pháp đoạn?

Đáp:

*Đoạn các pháp hữu lậu
 Người biết cũng vô cấu
 Diệt vị lai nói xa
 Khác này nói là gần.*

Đoạn các pháp hữu lậu: Nghĩa là tất cả pháp hữu lậu đều đoạn trừ, vì có lỗi, thế nên vô lậu không đoạn. Vì pháp kia là vô cấu, nên không có lỗi, tức thì bỏ cấu ứ nên gọi là đoạn. Như chiếc áo có cấu bẩn mới có chuyện giặt giũ.

Hỏi: Thế nào là pháp biết?

Đáp: Người biết cũng vô cấu: Tức nếu pháp hữu lậu và pháp vô lậu là tất cả pháp biết và tất cả cảnh giới của pháp trí, thì tùy theo trí phương tiện, như nơi phạm Trí đã nói.

Hỏi: Thế nào là pháp xa?

Đáp: Diệt vị lai nói xa. Vì sự việc làm không xong, nên có bốn thứ xa: Sự việc làm xa, xứ xa, tướng xa, tự phần xa.

Sự việc không làm xong xa: Nghĩa là đạo của đời quá khứ, vị lai.

Xứ xa: Là biển bên này, bờ bên kia.

Tướng xa: Như mặt đất so với hư không, chất ẩm ướt khác với hơi ẩm áp.

Tự phần xa: Là pháp thiện, bất thiện. Cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc tuy là một tướng, tướng ấy cũng là xa.

Khác này nói là gần: Nghĩa là còn lại hiện tại và vô vi nên biết là gần. Vì hiện tại có thể làm xong công việc, nên là gần. Vô vi tùy theo nơi chốn chóng được. Số duyên diệt, phi số duyên diệt, tùy theo xứ đạt được. Hư không thì hiện hữu khắp tất cả xứ.

Hỏi: Thế nào là pháp quyết định?

Đáp:

*Gọi là nghiệp vô gián
Cùng các hành vô cấu
Bậc tuệ nói quyết định
Kiến xứ là hữu lậu.*

Gọi là nghiệp vô gián, Cùng các hành vô cấu, Bậc tuệ nói quyết định: Nghĩa là nghiệp vô gián, tà định, các pháp như vậy quyết định dẫn tới địa ngục. Ngoài ra các hành ác cũng quyết định có thể đi đến địa ngục. Hành kia thì bất định, nhưng nghiệp vô gián thì không bất định. Đã nói quyết định nên hành vô cấu thì chính thức quyết định được quả giải thoát. Trừ năm nghiệp vô gián, ngoài ra là bất định. Hữu lậu và vô vi là bất định.

Hỏi: Thế nào là pháp kiến xứ?

Đáp: Kiến xứ là hữu lậu: Tức hết thấy pháp hữu lậu là kiến xứ. Vì tương ưng với năm kiến. Nếu pháp cấu uế ấy duyên nơi kiến, tương ưng với sử cùng sinh, trụ trong pháp bạn thì pháp ấy gọi là kiến xứ.

Hỏi: Có bao nhiêu căn chúng sinh được thành tựu?

Đáp:

*Nói có mười chín căn
Là thành tựu tối đa
Tối thiểu thành tựu tám
Hiểu rõ căn đã nói.*

Nói có mười chín căn, Là thành tựu tối đa: Nghĩa là nếu tất cả căn được thành tựu nhiều thì tối đa là mười chín. Như hai căn là căn thiện không đoạn và căn không thiếu, thì ở đây phạm phu thành tựu tuy không có căn vô lậu nhưng căn không thiếu. Như vậy, Thánh nhân chưa lia dục thì chư vị ấy thành tựu một căn và hai căn vô lậu.

Tối thiểu thành tựu tám, Hiếu rõ căn đã nói: Nghĩa là nếu tất cả căn thành tựu ít, thì tối thiểu chỉ có tám. Như thân căn khác đoạn căn thiện, thì thân căn kia thành tựu có thân căn, ý căn, mạng căn, năm căn thọ v.v... và phàm phu sinh nơi cõi vô sắc thì thành tựu có ý căn, mạng căn, xả căn, năm căn như tín v.v...

Hỏi: Có bao nhiêu thứ xúc?

Đáp:

*Tăng ngữ cùng có đối
Trong xứ minh, vô minh
Được gọi là đắc quả
Tức là việc hai đạo.*

Tăng ngữ cùng có đối, Trong xứ minh, vô minh: Nghĩa là ý thức kia tương ưng với xúc là tăng ngữ xúc. Vì sao? Vì tăng ngữ dựa vào đây để chuyển. Do tăng ngữ chuyển, nên xúc kia gọi là tăng ngữ. Nhờ ý thức nên ngữ chuyển, vì thế ý thức cùng với xúc tương ưng, gọi là tăng ngữ xúc. Hoặc tăng ngữ gọi là cảnh giới phân biệt của ý thức kia, không phải là năm thức còn lại, nên cảnh giới của tăng ngữ tương ưng với xúc, gọi là tăng ngữ xúc. Năm thức thân tương ưng với xúc, gọi là xúc có đối. Vì sao? Vì có đối dựa vào đây duyên. Năm thức thân dựa vào có đối và duyên với có đối, nên xúc tương ưng với năm thức thân đó gọi là xúc có đối. Xúc vô minh thì cấu uế, xúc minh là vô lậu, nên không cấu uế. Hữu lậu không phải là xúc minh, không phải là xúc vô minh.

Hỏi: Thế nào là đạo vô ngại đắc quả? Là đạo vô ngại hay là đạo giải thoát?

Đáp: *Được gọi là đắc quả, Tức là việc hai đạo:* Nghĩa là cả hai đạo đều cùng được quả. Đạo vô ngại đoạn trừ kiết sử nên được. Đạo giải thoát thì chứng đắc giải thoát. Như bắt được rắn độc, dùng một tay cầm bỏ vào hũ, một tay bịt miệng hũ lại. Như đối với oán địch, một tay đẩy kẻ ấy ra ngoài, một tay đóng cửa ngõ lại.

Hỏi: A-la-hán trụ nơi tâm nào để nhập Niết-bàn?

Đáp:

*Vô trước trụ tâm báo
Được nhập nơi Niết-bàn
Sinh hữu và hoại hữu
Bản hữu cũng lại trung.*

Vô trước trụ tâm báo, Được nhập nơi Niết-bàn: Nghĩa là trong tất cả sự việc đã làm, tâm tự nhiên an trụ nơi bình đẳng. A-la-hán trụ trong tâm báo sinh để nhập Niết-bàn. Cũng trụ nơi tâm oai nghi mà nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì hành tự nhiên. Nói trụ nơi tâm báo nhập Niết-bàn, vì tâm tự nhiên của A-la-hán kia đã đoạn mọi thứ tùy thuận, nên trụ nơi tâm vô ký nhập Niết-bàn. Trong tâm thiện nối tiếp nhau, nên tâm thứ lớp kia tự dứt bỏ tâm bất thiện. Khi thân lìa dục thì xả tâm cấu uế. Lúc ở cõi Hữu đánh lìa dục thì xả thiện, vô ký hiện ở trước, cho nên tâm sau cùng của A-la-hán kia mới trụ nơi tâm vô ký như thế mà nhập Niết-bàn.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ hữu?

Đáp: Có bốn thứ hữu: *Sinh hữu và hoại hữu, Bản hữu cũng lại trung.* Tức *Sinh hữu* nghĩa là như âm sinh trong sát-na sinh. *Hoại hữu* nghĩa là âm sau cùng lúc mạng chung. *Bản hữu* gọi là sinh hữu, tử hữu. Âm trung gian gọi là hữu trung gian của bản hữu, tức là sau khi chết rồi, cho đến khi chưa thọ sinh hữu. Âm của xứ sở trung gian này gọi là *Trung hữu*.

Hoặc có thuyết nói: Không lập trung hữu, vì xứ sở trung gian của người kia là không tương tục. Thuyết ấy nói là không tương ưng. Vì sao? Vì tâm số dựa nơi xứ kiến để chuyển. Tâm số này dựa nơi xứ kiến, không phải xứ nào khác. Đâu là chỗ dựa cùng thân báo của trung hữu kia? Ở đây nếu không còn trung âm, thì xứ của cõi dục nối tiếp, tâm số chuyển cùng trái với kiến, hành nên không sinh sự

tương tục. Nếu còn trung âm thì trung âm ấy tức dựa vào xứ. Như vậy, âm của trung hữu sinh kiến, pháp cùng với tâm số chuyển không trái nhau, tương ưng với xứ thành tựu, vì có nối tiếp, thế nên tất có trung âm.

Hỏi: Như Đức Phật nói có chán, lia. Thế nào là chán? Thế nào là lia?

Đáp:

*Các trí tại nhân khổ
Cùng nhãn tu nơi chán
Lìa dục được không dục
Là nói ở trong bốn.*

Các trí tại nhân khổ, Cùng nhãn tu nơi chán: Nghĩa là khổ, tập duyên nơi trí và nhãn, nói là nhằm chán, tức nhằm chán nơi sự chuyển.

Lìa dục được không dục, Là nói ở trong bốn: Nghĩa là trong khổ, tập, diệt, đạo thì trí và nhãn được nói là lìa dục, vì có thể hủy hoại dục. Ở đây: Nhãn, trí nơi kiến đạo hủy hoại phiền não. Còn đạo vô ngại của tu đạo thì đoạn trừ phiền não, không cần đến trí nơi kiến đạo. Do đạo vô ngại trong tu đạo có bốn trí.

**

Phẩm thứ 10: VẤN LUẬN

*Lìa luật không luật nghi
Nhưng được nơi luật nghi
Không nhân kia được hơn
Như bậc Năng Tri nói?*

Đáp: Có. Là pháp phạm phu ở cõi vô sắc mắt, sinh nơi cõi sắc. Cõi của người kia, lúc lưu chuyển xả bỏ giới vì hệ thuộc vào cõi.

Người này lúc sinh lên cõi sắc, được phân thoái chuyển nơi giới của thiên kia. Vì thế nên không tăng.

*Từng được quả Sa-môn
Hiền Thánh lìa các lỗi
Được pháp thiện hữu vi
Không gọi là tu tập?*

Đáp: Có. Như vốn đã được, lại thoái chuyển rồi được phần quá khứ, Sa-môn kia chỉ được nhưng không tăng, thế nên gọi là không tu tập. Sự tu tập khác không thể hiện ở trước. Vốn đã được nghĩa là lại được.

*Từng lúc đạo hưng khởi
Chưa lìa các lỗi lầm
Lúc giải thoát lìa dục
Bậc năng quyết định nói?*

Đáp: Có. Như tu vị lai, như đời trước hiện tiền. Tận trí loại trừ, hoặc là tận trí của vị lai khác. Lúc dục kia sinh, khi được dục đó là chưa giải thoát. Vì sao? Vì lúc xưa đã gây trở ngại cho giải thoát. Tất cả bậc vô học ở vị lai, vì tâm nổi tiếp nên giải thoát.

*Từng phiền não Quang diệu
Khởi rồi tương ưng định
Thanh tịnh trong thiên nhất
Mà được ở pháp thoái?*

Đáp: Có. Triền nơi trời Quang diệu sinh thoái chuyển A-la-hán được tận trí. Là sức của tận trí nơi thiên thứ nhất thanh tịnh, lúc được thiên đó, xả bỏ hữu học, vô học kia, hoặc huân tu thiên thứ nhất.

*Từng có kiến đế đạo
Được nơi các pháp thiện
Pháp kia là có duyên
Người trí không thấy duyên?*

Đáp: Có. Biên của vô gián v.v... trong cõi dục được thể trí. Âm của cõi dục không thấy tỷ trí. Biên của vô gián kia được thể trí, thế nên lúc ấy không thấy âm của cõi dục.

*Tùng quả tuệ hữu lậu
Tương ưng công đức tịnh
Không tương ưng trí tuệ
Lúc ấy được quả kia?*

Đáp: Có. Như ở cõi dục lìa dục, không phải ở nơi Phạm thế lìa dục. Quả của thiền thứ tư nơi cõi dục kia, vì tâm biến hóa không tương ưng với đoạn nên thành tựu sự việc lìa dục. Ở trong thiền này, quả kia không tương ưng trong thiền ấy, vì tuệ không đoạn trừ. Như vậy là nói về tâm biến hóa của cõi sắc đối với địa dưới, trên đã lìa dục, không lìa dục.

*Tùng trụ đạo vô ngại
Thành tựu ở các diệt
Chướng ngại phiền não kia
Không phải kiến vô lậu?*

Hỏi: Có. Như hữu lậu sinh trụ chung nơi đạo vô ngại, tùy theo địa có thể sinh chung ở địa lìa dục. Địa kia có lìa dục chung để đoạn trừ, nên địa ấy trụ nơi đạo vô ngại. Sự xa lìa của địa ấy đã thành tựu nên thường nói tiếp để được xa lìa.

*Tùng có phiền não diệt
Bậc vô cầu đạt được
Chẳng xả phiền não kia
Vô cầu kia dứt hết?*

Đáp: Có. Như trong trời Quang diệu sinh nơi Phạm thế, lúc sắp sinh, phiền não của cõi dục được xa lìa. Như vậy, địa kia trước đã đoạn, nên địa ấy do xa lìa nên được. Vì thế tục hệ thuộc địa ấy, nên

xả bỏ sự lưu chuyển của địa. Lại nữa, vì còn được trở lại địa ấy, nên phần được này gọi là do xa lìa nên được.

*Tùng địa tịnh vô cấu
Chưa từng được mà được
Chẳng lìa dục, chẳng thoái
Không dựa nơi kiến đạo?*

Đáp: Có. Như nơi cõi sắc lìa dục, quyết định chứng vô lậu, trong tu đạo của cõi vô sắc, do phương tiện nên được.

*Trong pháp từng chưa được
Mà được nơi thắng lợi
Không bỏ bất lợi kia
Như từng hữu học chẳng?*

Đáp: Có. Người kia mới sinh phạm vô lậu, trừ công đức vô lậu khác. Lúc được, người ấy không xả bỏ sự việc của phạm phu. Nơi khổ pháp nhãn, người đó đã thoái bỏ tất cả công đức vô lậu, không được sự việc của phạm phu.

Đại đức Ưu Ba Phiến Đa, vì muốn đem lại lợi ích cho các đệ tử, nên soạn ra Luận A Tỳ Đàm Tâm này.

HẾT - QUYỂN 6

SỐ 1552/11
LUẬN TẬP A TỖ ĐÀM TÂM

*Tác giả: Tôn giả Pháp Cú.
Hán dịch: Đời Lưu Tống,
Tam tạng Tăng Già Bạt Ma, người Thiên Trúc.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 1
Phẩm MỞ ĐẦU

*Thuở xưa các Đại sư
Nơi các pháp sâu xa
Đa văn kiến Thánh tích
Đã nói tất cả nghĩa.
Tinh tấn phương tiện cầu
Chưa từng được phần khác
Luận A Tỳ Đàm Tâm
Bậc Đa văn đã nói.
Hoặc có rất tổng lược
Hoặc lại rộng vô lượng
Vô số thuyết như vậy
Không thuận Tu-đa-la.
Sáng rõ khéo tùy thuận
Chỉ luận này là hơn
Không dựa Hư không luận*

*Người trí còn không rõ.
Rất lược khó hiểu biết
Quá rộng khiến trí thoái
Tôi nay ở giữa nêu
Nói rộng nghĩa trang nghiêm.*

Nói rộng tiếng Phạm là *Tỳ-bà-sa*. Do trong Tỳ Bà Sa (Luận A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa) nghĩa trang nghiêm đã được nêu rõ ở trong ấy. Các Sư giải thích như Pháp Thắng nơi Luận A Tỳ Đàm Tâm, thì nghĩa rộng lược không đồng. Tức Sư Pháp Thắng đã giải thích rất là tóm tắt. Sư Ưu Bà Phiến Đa đã đem tám ngàn kệ để giải thích. Lại có một Sư đã dùng đến một vạn hai ngàn kệ để giải thích hai bộ luận này, được gọi là rộng. Sư Hòa Tu Bàn Đầu dùng sáu ngàn kệ để giải thích. Về pháp vi mật sâu rộng huyền diệu, không vương chấp nơi ba Tạng là vì không dựa vào Hư không luận.

*Kính lễ Pháp Thắng tôn
Đã nói tôi kính nhận
Đạt Ma Đa La, Tôi
Nói điều chưa từng nói.
Đệ tử đều khuyến thỉnh
Tỳ-đàm Tỳ-bà-sa
Chuyên tinh tư duy nghĩa
Chúng Hiền đều nên học
Chánh yếu dễ hiểu rõ
Lìa não độ quần sinh.*

Lại nữa, vì hiển hiện pháp thanh tịnh, đối trị phiền não, vì dựa vào A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa là việc rất thích hợp, nên Đại đức Pháp Thắng và Tôi là Đạt Ma Đa La đã cùng trang nghiêm bộ Tập A Tỳ Đàm Tâm, lìa các thứ rộng lược để nêu bày về nghĩa chân thật.

Hỏi: Hãy tạm gác lại nghĩa chân thật, xin hỏi thế nào gọi là A-tỳ-đàm? Thế nào gọi là Tỳ-bà-sa?

Đáp: Đấng Mâu-ni đã thuyết giảng về nghĩa vị thâm diệu của các đế, như đệ nhất nghĩa đế, tuyên dương làm rõ về nghĩa của tánh chân thật, gọi là A-tỳ-đàm. Lại có thể hiển hiện về nghĩa của Tu-đà-la, như đèn chiếu sáng là tánh của tuệ căn. Nếu nhận lấy tự tướng tức là hiểu biết pháp. A-tỳ-đàm này nếu nhận lấy các vật dụng là tánh của năm ấm, thì gọi là tối thắng trong các luận. Do hướng đến giải thoát, đó gọi là A-tỳ-đàm.

Lại nữa, Tỳ-bà-sa là như đấng Mâu-ni đã giảng nói về nghĩa của tánh chân thật. Sự phân biệt hỏi đáp nhằm nghiên cứu thông suốt chỗ chân yếu, tùy thuận nơi Khế kinh, khai mở an vui cho muôn người. Đó gọi là tánh, tướng, danh tự, địa, nương dựa, hành, duyên, niệm, trí, căn, định, thể thiện cùng nghĩa giới học, kiến đế đoạn trừ, duyên nơi phương tiện đắc, cũng là lìa dục đắc. Sinh khởi đầu tiên ở xứ nào, gồm thân nhân tương ưng, duyên với quả, có quả v.v... Vô lượng các thứ nghĩa của các pháp sinh, thuyết có vô số loại, vô số thuyết. Đó gọi là Luận Tỳ-bà-sa.

Như Đức Phật Thế Tôn đã lược nói về hai trí là pháp trí và tỷ trí, Tỳ-bà-sa thì luận về vô lượng phân biệt. Nghĩa là pháp trí kia là tánh của tuệ vô lậu, là tướng của trí, gọi là đầu tiên nhận biết pháp, nên gọi là pháp trí. Ở nơi sáu địa, dựa vào mười sáu hành nơi cõi dục làm cảnh giới, cùng bốn đế, bốn niệm xứ, trí ẩn, trí tướng, ba căn, ba tam muội tương ưng (Ba căn: Là hỷ, lạc, xả. Ba tam muội: Là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán) gắn liền với ba đời, duyên nơi ba đời và lìa ba đời. Là khéo duyên nơi ba thứ (Thiện, bất thiện, vô ký) là không hệ thuộc, duyên nơi cõi dục và không hệ thuộc. Là học, vô học, duyên nơi ba thứ (Học, vô học, phi học phi vô học), là bất đoạn duyên nơi ba loại (Kiến đế đoạn, tu đạo đoạn và không đoạn).

Duyên danh và duyên nghĩa, phương tiện đắc, lìa dục đắc, từ cõi dục khởi pháp của pháp giới, nhập, thuộc về hành ấm, ý giới, pháp giới, ý thức giới tương ưng.

Tự tánh của ba nhân, ba nhân đã sinh ra bốn duyên. Tự tánh nơi bốn duyên đã sinh là bắt đầu sinh quả y vô lậu và quả công dụng.

Câu sinh là chỉ có quả công dụng. Có quả nghĩa là ba quả, tức hai quả trước và quả giải thoát, không nói quả tăng thượng. Tất cả pháp như thế cần nên biết.

Hỏi: Đã nhận biết căn bản của duyên khởi lâu xa, A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa đều nói đến sự đối trị của duyên khởi kia, vì sao nói là nghĩa chân thật?

Đáp: Vì nhận biết nghĩa chân thật. Nếu không phân biệt các luận, thì khó có thể hiểu biết rõ. Do không nhận biết nên thật trí không sinh. Vì thật trí không sinh nên không nhận biết chân thật. Vì không nhận biết chân thật nên không thấy lỗi ác của các hành phiền não. Do không nhận thấy lỗi lầm nên phải rơi vào nẻo ác. Trái với các thứ trên là sinh vào cõi giải thoát.

Hỏi: Đã nói về lý do nêu bày sự chân thật, tức cũng nên nói về nghĩa chân thật?

Đáp: Luận này ở trong các luận là hết sức thù thắng, vì đã hiển bày chỉ rõ đầy đủ về tất cả cảnh giới, khiến đối với Luận A-tỳ-đàm, trí tuệ thêm rộng. Lúc đời có năm thứ ô trược tăng chính là lúc thọ mạng, trí tuệ và niệam đều tổn giảm. Quán xét những sự việc như vậy, nên nơi luận rộng lớn mọi thứ nghe nhận đều phải biết.

Vì tạo lợi ích cho mình và người, nên tôi trong ba thời đã cố gắng lược nói về điều chân thật. Vì thương xót ngoại đạo, các sư của tà luận, từ xa vẫn ngưỡng mộ bậc Pháp chủ của chánh luận vượt hơn hẳn trước cùng các Thánh chúng khắp trong đây, luôn sinh khởi nhiều tin kính lớn. Vì nhằm khai phát khiến chúng sinh nhớ nghĩ đến Phật, Pháp, Tăng, đồng thời hiển thị công đức chân thật của Tam bảo, vì thế mới tạo phần mở đầu của luận, nói kệ ấy.

Phẩm thứ 1: GIỚI

*Trước đánh lễ Tội Thắng
Lìa não an giáo tôn
Thuyết giảng đều đầy đủ
A-la-hán kiến chân đế.*

Đánh lễ: Là khởi tâm thiện, chuyên quả ái, cất thân kính lễ. *Tiền* là trước hết. Vì sao gọi là trước hết? Vì là tội thắng, vì chỉ rõ xứ cúng dường. Tội thắng có nghĩa gì? Là hàng phục các phiền não, nên gọi là Tội thắng. Như kệ đã nói: “Ưu-ba-già nên biết! Như chư Phật của chúng ta đều đã lìa các lậu”, thế nên gọi là *Tội thắng*.

Lìa não: Là các triền của phiền não thiêu đốt thân tâm của chúng sinh. Đức Thế Tôn trong vô số kiếp đều đem lại an lạc cho chúng sinh. Vì sự thiêu đốt của phiền não đã dứt hẳn nên gọi là lìa não. Nói an lạc tức nên biết là lìa não, do đây tiếp theo là nói *an giáo*. *An* nghĩa là an ổn. *Giáo* là ngôn thuyết. Vì giáo có đối tượng được an ổn nên gọi là *an giáo*. Lược nói là tự an và an cho người khác. Lìa não là tự an. An giáo là an cho người khác.

Vì không điên đảo nên nhận biết an giáo, thế nên thứ đến là nói những điều đã thuyết giảng đều đầy đủ. *Thuyết* là ngôn thuyết tức là an giáo. *Đầy đủ* là biện giải đúng đắn về chỗ thâm diệu, hiển hiện và quyết đoán. Nói không điên đảo là đạt đến nghĩa chân thật, vì không trái với hai đế nên nói là đầy đủ. Do vậy lễ pháp ấy gọi là cúng dường pháp.

A-la-hán là đạt đến xứ cứu cánh, pháp tướng đầy đủ, nên tiếp theo là nói về A-la-hán. Phước điền chân thật, xứng đáng thọ nhận mọi sự cúng dường, nên nói là A-la-hán. Đây là hoàn toàn nói về bậc vô học.

Nói vô học xong, kể đến nói học kiến chân thật. Chân thật là đối với bốn Thánh để không điên đảo. Nghĩa là đã học tám nhãn, tám trí, thấy rõ chân đế kia nên gọi là *kiến chân thật*. Tuy trụ nơi kiến đạo, chưa quán khắp bốn đế, tất cần phải thấy rõ, nên cũng gọi là kiến chân thật.

Hỏi: Vì sao phải kính lễ?

Đáp:

*Mâu-ni Tôn đều biết
Hai thứ tướng pháp tụ
Cũng vì người hiện rõ
Tôi nay nói phần ít.*

Mâu-ni: Nghĩa là thân, miệng, ý đều viên mãn, nên gọi là Mâu-ni. *Đều* nghĩa là bậc Nhất thiết trí đã nói Tu-đa-la, Tỳ ni và A-tỳ-đàm truyền bá rộng khắp đến nay. *Biết* là nghĩa thấy biết hiểu rõ.

Pháp là nắm giữ, vì nắm giữ tự tánh nên gọi là pháp. Vì pháp có chứa nhóm nên gọi là *pháp tụ*. Pháp thiện kia là pháp thiện tụ. Pháp bất thiện, vô ký cũng như thế. *Hai* là danh số. *Tướng* là tướng mạo.

Hỏi: Thế nào là hai tướng?

Đáp: Là tự tướng và cộng tướng. Tự tướng là không chung, tức thứ này không phải là thứ khác, như tướng ngăn ngại là sắc. Như vậy nên so sánh. Cộng tướng là chung, tức thứ này và thứ khác, như sắc là vô thường. Như vậy nên so sánh.

Hỏi: Nếu tướng ngăn ngại là tự tướng của sắc thì đây cũng là cộng tướng. Vì quán bốn âm nên là tự tướng, quán mười thứ sắc nên là cộng tướng. Như thế, quán tự tướng tức là quán cộng tướng, nên có hai thứ tự tướng, cộng tướng là không thành?

Đáp: Một là vì tự, nên ngăn ngại là tướng của sắc, vì thế gọi là tự tướng của sắc. Các sắc có sai biệt nên nói có mười thứ. Ông nói

quán nên tự tướng và cộng tướng không thành thì không đúng. Vì sao? Vì không hoại. Như cha con, như quả và hạt giống, như khổ tập đế, như cho phép, ngăn cấm.

Nếu quán về tự tướng thì không phải là cộng tướng. Nếu quán về cộng tướng thì không phải là tự tướng. Như một người cũng gọi là cha, cũng gọi là con. Do có cha nên gọi là con, do có con nên gọi là cha. Nếu quán cha thì không quán con. Nếu quán con thì không quán cha. Vậy nếu nói không thành thì không đúng. Vì sao? Vì đã thành. Đây là nghĩa cha con đã thành. Nếu là thiện hoặc ác, chánh kiến, tà kiến, trong ấy nói rộng là khởi nghiệp vô gián. Nếu không có nghĩa cha, thì cũng không có không cha là tà kiến và có cha là chánh kiến.

Nếu sự việc này không có thì tịnh uế cũng không có. Tịnh uế đã không có thì giải thoát cũng không có. Nếu không có nghiệp vô gián thì cũng không có nhân quả. Nhân quả không có thì tất cả pháp cũng không có. Chớ nên nói điều sai trái có lỗi. Thế nên nghĩa cha con đã thành tức không thể đã thành lại thành nữa. Nếu đã thành lại thành nữa thì tức là vô cùng. Vì vậy nghĩa tự tướng và cộng tướng được thành.

Hỏi: Những pháp là đối tượng nhận biết của Đức Phật, tất cả đều nên nói chẳng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Vậy nên nói những gì?

Đáp: Cũng vì người khác hiển hiện, Tôi nay nói phần ít. Hiển hiện là nghĩa khai thị. Người khác là người thọ nhận sự giáo hóa. Hoặc nghĩa tạo lợi ích, tùy thuận phạm hạnh. Như Khế kinh Thân Thứ Lâm nói: Ở trong pháp của Đức Phật đã vì người khác giảng nói. Ta nay chỉ nói phần ít. Đối tượng nhận biết của Đức Như Lai là sâu rộng vô lượng. Như Tôn giả Xá-lợi-phất hãy còn không thể nói hết, huống chi là người khác.

Hỏi: Vậy Đức Thế Tôn đã nói pháp gì?

Đáp: Hữu lậu, vô lậu, tất cả như thế.

*Tất cả hành hữu lậu
Lìa ngã lạc thường tịnh
Vì không thấy hữu lậu
Chấp ngã cùng vọng nhận.*

Các hành hữu lậu này, vì không tự tại nên lìa *ngã*. Vì ba khổ đã thành nên lìa *lạc*. Do sức của duyên nên lìa *thường*. Vì là xứ phiền não nên lìa *tịnh*.

Hỏi: Những gì là hành hữu lậu?

Đáp: Là các phiền não đã sinh năm âm.

Hỏi: Nếu hành hữu lậu đã lìa ngã, lạc, thường, tịnh, thì vì sao chúng sinh ở trong đó lại thọ nhận?

Đáp: *Vì không thấy hữu lậu, Chấp ngã cùng vọng nhận.* Do chúng sinh đối với hành hữu lậu không nhận biết tướng hữu lậu rồi liền thọ nhận là ngã, lạc, thường, tịnh. Vì nghiệp tạo đã che lấp nên không nhận biết phi ngã (Vô ngã). Vì oai nghi đã che lấp nên không nhận biết là khổ. Vì sự nổi tiếp tương tự đã che lấp nên không nhận biết về phi thường (Vô thường). Vì lớp da mỏng che phủ nên không nhận biết là bất tịnh. Vì không nhận biết như vậy nên thọ nhận ngã, lạc, thường, tịnh.

Hỏi: Tướng nào là hành hữu lậu?

Đáp:

*Nếu các phiền não tăng
Là Thánh nói hữu lậu
Do vì tên lậu kia
Bậc tuệ nói phiền não.*

Hoặc nương dựa, hoặc duyên làm tăng trưởng các phiền não như thân kiến v.v..., như nơi phàm Sử nói. Vì các hành kia từ lậu sinh, nên sinh ra lậu, vì là xứ của lậu, nên nói là hữu lậu. Duyên nơi vô lậu không tăng trưởng. Hạ trung thượng thì không như vậy. Vì tăng nương dựa, không phải là không tăng, tăng nương dựa, không tăng duyên.

Hỏi: Vì sao như thế?

Đáp:

*Do vì tên lậu kia
Bậc tuệ nói phiền não.*

Phiền não nói là lậu. Vì tất cả nhập, xứ thường xuyên rỉ chảy (Lậu), vì tâm lậu liên tục rơi xuống. Thế nên các hành phiền não tăng tức biết là hữu lậu.

Hỏi: Hữu lậu kia còn có tên gì nữa?

Đáp:

*Cũng gọi là phiền não
Thọ ám và tranh chấp
Phiền não nhận tranh khởi
Là các Hiền Thánh nói.*

Tức hành hữu lậu này còn gọi là *phiền não, thọ ám, tranh chấp*. Vì sao? Vì *Phiền não nhận tranh khởi, Là các Hiền Thánh nói*. Tức các phiền não như thân kiến v.v..., vì não hại chúng sinh nên gọi là phiền não. Vì tự thân thọ nhận nên gọi là thọ. Vì tâm bị nhiễu loạn nên gọi là tranh chấp. Tranh chấp có ba thứ: *Phiền não tranh chấp, ám tranh chấp và đấu địch tranh chấp*.

Phiền não tranh chấp là một trăm lẻ tám phiền não. *Ám tranh chấp* nghĩa là mạng chung. *Đấu địch tranh chấp* là mỗi mỗi thứ đều trái nhau. Nên biết trong đây là nói *phiền não tranh chấp*, tức các

phiền não như thân kiến v.v... sinh khởi các hành hữu lậu. Vì từ phiền não sinh khởi nên nói là phiền não. Vì từ thọ sinh ra nên nói là thọ ấm. Do từ tranh chấp sinh khởi nên nói là tranh chấp.

Đã nói về tướng của thọ ấm, tướng của ấm nay sẽ nói.

*Nếu hành lìa phiền não
Cũng giải thoát các lậu
Đây cùng thọ ấm trước
Ấm này Thánh đã nói.*

Nếu hành lìa các phiền não như thân kiến v.v... cùng các lậu, nên biết đó là hành vô lậu. Các hành vô lậu này cùng với thọ ấm đã nói ở trước, đó gọi là tướng của ấm.

Thọ ấm và ấm có sai biệt. Nghĩa là chuyển và không chuyển. Hợp là ấm, chuyển là thọ ấm.

Hỏi: Sự việc này là thế nào?

Đáp:

*Gọi là sắc, thọ ấm
Tướng hành cùng với thức
Là thứ lớp năm ấm
Thô tế tùy thuận nói.*

Năm ấm này là sắc, thọ, tướng, hành, thức ấm.

Hỏi: Thế nào là sắc ấm?

Đáp: Tất cả các sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, nói rộng như thế. Các sắc ấm này đã khởi rồi diệt là nói quá khứ. Chưa khởi, chưa diệt là nói vị lai. Đã khởi, chưa diệt là nói hiện tại. Ở nơi tự thân gọi là trong. Ở nơi thân người khác và phi số chúng sinh gọi là ngoài.

Lại nữa, nơi nghĩa trong ngoài như nói về nhập, xứ. Thô gọi là có đối. Tế gọi là không đối. Nếu nói không thành thì không đúng.

Nói quán nếu nói quán không thành là không đúng. Nếu quán thô thì không phải tế. Nhiễm ô gọi là sắc xấu, không nhiễm ô gọi là sắc tốt. Quá khứ, vị lai gọi là xa. Hiện tại gọi là gần. Nghĩa xa có bốn thứ, như nơi phẩm Hành nói. Tất cả những thứ ấy hoàn toàn là nói tóm lược. Về sắc ấm, đây là danh tóm lược không phải là sự tóm lược. Như sắc ấm, thì các ấm thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Trong ấy có sai biệt: Nghĩa là tự thân thọ nhận gọi là trong, thân người khác thọ nhận gọi là ngoài. Nội duyên, ngoại duyên, lực của phương tiện khởi, lực của cảnh giới khởi. Thô là năm thức thân, tế là ý địa. Giới địa nhiễm ô, không nhiễm ô cũng như thế, cho đến thức ấm cũng như vậy. Hành là hành ấm. Bên ngoài là số chúng sinh, phi số chúng sinh, nên biết.

Hỏi: Sắc cho đến thức có tướng gì?

Đáp: Tướng ngăn ngại là tướng của sắc. Theo đây nhận biết rõ là tướng của thọ. Thuận với nhận biết là tướng của tướng. Tạo tác là tướng của hành. Phân biệt là tướng của thức. Sắc quá khứ kia tuy không ngăn ngại nhưng đã từng ngăn ngại. Sắc vị lai tuy chưa ngăn ngại nhưng sẽ ngăn ngại. Mỗi mỗi cực vi tuy không ngăn ngại, nhưng rất nhiều cực vi tụ tập thì ngăn ngại. Sắc vô tác tuy không ngăn ngại, nhưng do sắc tạo tác là ngăn ngại, nên sắc kia cũng ngăn ngại. Như cây lay động thì bóng cây cũng lay động. Như sắc ấm quá khứ vị lai, bốn ấm còn lại cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao trước nói sắc ấm, cho đến thức ấm?

Đáp: Là thứ lớp năm ấm, *Thô tế tùy thuận nói:* Trong năm ấm kia thì sắc ấm là rất thô, vì năm thức nương dựa nơi sắc ấm, vì là cảnh giới của sáu thức, nên nói trước hết. Thọ ấm tuy không phải là sắc, nhưng vì hành thô nên như nói về sắc. Cũng như đầu chân v.v... của ta, thọ theo đây chuyển. Như vậy cho đến thức ấm là rất vi tế nên nói sau.

Lại nữa, từ lúc không thể nhận biết về bản tế đến nay, nam là sắc của nữ, nữ là sắc của nam, vì là xứ nhiễm đấm nên nói trước. Vì vui thích thọ nhận tham nên khởi sắc dục. Vì tưởng điên đảo nên khởi tham lạc thọ. Vì phiền não nên đẩy khởi tưởng điên đảo. Vì dựa vào ý nên khởi phiền não.

Lại nữa, vì quán hai thứ sắc nên nhập vào pháp Phật là cửa cam lộ. Nghĩa là quán bất tịnh và niệm an ban (Quán số tức). Quán bất tịnh là quán sắc được tạo. Niệm an ban là quán bốn đại, vì vậy nên trước là quán về sắc âm. Quán sắc rồi thì thấy lỗi làm của thọ. Thấy lỗi làm của thọ thì tưởng không điên đảo. Tưởng không điên đảo rồi thì phiền não không hiện hành. Phiền não đã không hiện hành thì tâm có thể nhẫn. Đây là nói thuận về năm ấm. Nay sẽ nói về nghịch.

Vì sinh khởi tịnh uế đều do tâm làm gốc nên trước là quán thức âm. Quán thức âm xong thì phiền não mỏng dần. Phiền não đã mỏng thì đẩy khởi tưởng về pháp. Đã khởi tưởng về pháp thì tham thọ không sinh. Tham thọ không sinh nên quán về sắc. Do đẩy trước nói sắc âm cho đến thức âm.

Hỏi: Thế nào là phân biệt nói về sắc âm?

Đáp:

*Mười thứ là sắc nhập
Cùng vô tác giả sắc
Là phân biệt sắc âm
Đấng Mâu-ni đã nói.*

Mười thứ là sắc nhập: Nghĩa là sắc - mắt, âm thanh - tai, hương - mũi, vị - lưỡi, xúc chạm - thân.

Cùng vô tác giả sắc: Như nơi phẩm Nghiệp nói. Các sắc này mỗi mỗi thứ nói là sắc âm.

*Đã gọi là thức ám
 Đây tức là ý nhập
 Ở trong mười tám giới
 Cũng lại nói bảy thứ.*

Nói thức ám tức là ý nhập, là nói bảy tâm giới trong mười tám giới.

*Ngoài ra có ba ám
 Vô tác, ba vô vi
 Tức là nói pháp nhập
 Cũng lại nói pháp giới.*

Ngoài ra có ba ám: Là thọ ám, tưởng ám và hành ám.

Vô tác, ba vô vi: Là hư không, số diệt, phi số diệt. Bảy pháp này nói là pháp nhập, cũng nói là pháp giới.

Hỏi: Vì sao thọ, tưởng được lập riêng làm ám? Còn tâm pháp khác chỉ lập một hành ám?

Đáp:

*Luân chuyển nơi sinh tử
 Nên biết hai căn tranh
 Thế nên thọ, tưởng riêng
 Kiến lập hai thứ ám.*

Vì hai sự việc nên chúng sinh luân chuyển trong sinh tử, đó là tham lạc thọ và tưởng điên đảo. Vì tham lạc thọ nên hành ái, vì tưởng điên đảo chấp trước nên hành kiến.

Hai căn tranh: Nghĩa là tập dục ái, tham dục buộc từ thọ sinh, kiến dục buộc từ tưởng sinh. Thọ tu các thiền, tưởng tu vô sắc. Lại nữa, tâm pháp hoặc là căn, hoặc là phi căn. Căn pháp là thọ, phi căn pháp là tưởng. Thế nên tùy theo nghĩa mà nói.

Hỏi: Tất cả năm âm đều là hành, vì sao nói một hành âm?

Đáp:

*Năm âm tuy là hành
Nhưng tên một thọ hành
Vì pháp hữu vi nhiều
Nói hành âm là đủ.*

Do trong hành âm có nhiều hành hữu vi tương ưng, không tương ưng. Tương ưng nghĩa là tư nguyện v.v... Không tương ưng nghĩa là đắc v.v...

Hỏi: Tất cả đều là hành âm, vì sao Khế kinh nói một tư là hành âm, không phải là thứ khác?

Đáp: Vì vượt hơn, vì tăng thượng, vì trước hết. Do tạo tướng là tướng của hành, còn tư kia là tánh tạo tác. Nếu có âm khác thì đều nhập trong năm âm. Nay sẽ nói như thật.

*Nói rộng các pháp âm
Số ấy có tám vạn
Giới cùng với âm khác
Đều thuộc về năm âm.*

Tám vạn pháp âm đều thuộc về sắc âm, là lời Đức Phật nói về tánh. Có thuyết cho: Gọi là tánh là thuộc về hành âm. Giới khác cùng năm âm. Giới âm kia là thuộc về sắc âm. Âm định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến đều thuộc về hành âm. Nếu có tên âm khác đều nhập trong năm âm.

Hỏi: Ngang đến đâu tức nên nói là số pháp âm?

Đáp:

*Pháp âm là kinh luận
Mỗi mỗi nói như vậy*

*Cùng các hành đối trị
Đều gọi số pháp âm.*

Có thuyết nói: Mỗi mỗi kinh luận gọi là pháp âm, số lượng của kinh luận như vậy có đến sáu ngàn.

Lại có thuyết nói: Mỗi mỗi xứ âm là xứ pháp âm. Lại nói xứ âm, xứ giới v.v... đều là số pháp âm. Nói như vậy nghĩa là chúng sinh có tám vạn hành. Thế nên Đức Thế Tôn tùy theo đối tượng hành kia, vì chúng sinh giảng nói pháp đối trị, đều là số pháp âm.

Hỏi: Trước đã nói về mười thứ gọi là sắc nhập, cũng là vô tác giả sắc, đó gọi là sắc âm. Vậy những gì là nhập?

Đáp:

*Gọi là nhãn, nhĩ, tỷ
Thiệt, thân cùng với ý
Sắc, thanh, hương, vị, xúc
Ngoài ra nói pháp nhập.*

Nhãn nhập là chỗ dựa của nhãn thức, là sắc tịnh do bốn đại tạo ra, không thể thấy, có đối.

Nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng như vậy.

Có sai biệt: Là tùy theo chỗ dựa của thức. Ý nhập là tâm, ý, thức. Theo danh, nghĩa, nghiệp, đời, nêu đặt để phân biệt. Những danh v.v... kia đã tạo nên sự sai biệt, cần nên biết.

Về danh: Gọi là tâm, gọi là ý, gọi là thức. Về nghĩa: Tập khởi là nghĩa của tâm. Lường xét là nghĩa của ý. Phân biệt nhận biết là nghĩa của thức.

Về nghiệp: Nhận biết xa là tâm. Nhận biết trước là ý. Nối tiếp sinh khởi là thức. Về đời: Đời quá khứ là ý. Đời vị lai là tâm. Đời hiện tại là thức.

Về nêu đặt: Nêu đặt giới là tâm. Nêu đặt nhập là ý. Nêu đặt âm là thức.

Lại nữa, phân biệt theo tham, sân, si v.v... tức có vô lượng cảnh giới. Tâm định gọi là không tán loạn. Tâm nhiễm ô trái với tâm định này gọi là tán loạn. Tâm tương ưng với lười biếng gọi là dưới, thấp. Tâm tương ưng với tinh tấn gọi là trên, cao. Tâm ít hành tập tịnh và tâm nhiễm ô gọi là ít. Tâm hành tập nhiều tịnh gọi là nhiều.

Ít căn dễ được vì ít đối trị, ít tùy chuyển. Các tâm nhiễm ô gọi là nhỏ. Tâm thiện trái với tâm nhiễm ô này gọi là lớn. Ở nơi tâm kia nếu tu đắc, tu tập là không tu tập. Tâm nhiễm ô như vậy gọi là không tu. Tâm thiện trái với tâm này gọi là tu.

Tự tánh giải thoát và tại giải thoát, ở nơi tâm nhiễm ô kia gọi là không giải thoát. Tâm thiện trái với tâm này gọi là giải thoát. Hoặc có tâm là tự tánh giải thoát không phải là tại giải thoát. Hoặc có tâm là tại giải thoát không phải là tự tánh giải thoát. Hoặc có tâm là tự tánh giải thoát cũng là tại giải thoát. Hoặc có tâm không phải là tự tánh giải thoát cũng không phải là tại giải thoát.

Tự tánh giải thoát không phải là tại giải thoát: Là tâm hữu học vô lậu. Tại giải thoát không phải là tự tánh giải thoát: Là tâm vô học vô lậu. Không phải là tự tánh giải thoát cũng không phải là tại giải thoát: Là tâm hữu học hữu lậu và tâm phàm phu.

Sắc nhập có ba thứ: Là sắc, xứ và đều cùng có. Sắc: Là các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, nói rộng như vậy. Xứ: Là thân sắc tạo. Đều cùng có: Là như tạo ra bức họa v.v...

Thanh nhập có ba thứ: Là nhân thọ nhận tiếng của bốn đại, nhân không thọ nhận tiếng của bốn đại, nhân cùng có với tiếng. Nhân thọ nhận bốn đại: Là nhân duyên của yết hầu, môi, lưỡi, phát ra tiếng. Nhân không thọ nhận bốn đại: Là nhân duyên của gió, chuông, cây v.v..., phát ra tiếng. Nhân cùng có với tiếng: Là nhân duyên đánh

trông, thổi tù và v.v..., phát ra tiếng. Mỗi mỗi tiếng đó đều có hai thứ là vừa ý, không vừa ý.

Hương nhập có ba thứ: Là hương tốt, hương xấu và hương không phải tốt xấu.

Vị nhập có sáu thứ: Là cay, chua, ngọt, đắng, mặn, lạt.

Hỏi: Nếu lúc nếm vị, vị riêng là thiết thức, vậy vị giác nhận biết trước tiên là thân thức chăng?

Đáp: Nếu nhận biết về nóng lạnh trước là thân thức trước, thiết thức sau. Nếu phân biệt về vị cay v.v... riêng thì thiết thức trước, thân thức sau.

Xúc nhập có mười một thứ: Là bốn đại và bảy thứ sắc tạo. Bảy thứ sắc tạo là nhám, trơn, nhẹ, nặng, lạnh, đói, khát. Nhám là thô cứng. Trơn là mềm nhỏ, nhuyễn. Nhẹ là không thể cân. Nặng là thuần dày. Lạnh là tìm kiếm ấm nóng. Đói là muốn ăn. Khát là muốn uống.

Hỏi: Đại nào đã tăng nên có nhám, trơn, cho đến đói khát?

Đáp: Hoặc có thuyết cho: Không tăng thêm riêng. Do nghiệp báo của người kia nên trước được quả bốn đại cùng nhám cho đến đói khát.

Lại có thuyết nói: Vì nước, lửa tăng nên trơn. Vì đất, gió tăng nên nhám. Do đất, nước tăng nên nặng. Do gió, lửa tăng nên nhẹ. Vì nước, gió tăng nên lạnh. Do gió tăng nên đói. Do lửa tăng nên khát.

Hỏi: Có bao nhiêu xúc để có thể sinh khởi thân thức?

Đáp: Có thuyết nêu: Từ nhám cho đến khát, mỗi mỗi thứ đều có thể sinh khởi.

Lại có thuyết nói: Năm xúc có thể khởi bốn đại cùng với nhám. Như vậy cho đến đói khát.

Lại có thuyết cho: Có mười một thứ xúc đẩy khởi thân thức v.v..., vì là cảnh giới của thân thức nên không có lỗi.

Có hai thứ tự tướng: Là sự tự tướng và xứ nhập tự tướng. Sự tự tướng là đồng cảnh giới. Xứ nhập tự tướng là cảnh giới của tự tướng. Trong mười một thứ này, có hai thứ thuộc về cõi dục, tức đói và khát, không phải thuộc cõi sắc. Chín thứ còn lại là thuộc cõi dục, cõi sắc.

Y phục của cõi sắc tuy không thể cân, nhưng các thứ khác thì cũng có thể cân, cũng có thể tích tụ, tuy không có tai hại của lạnh nóng, nhưng vẫn có nuôi lớn, điều hòa, thích hợp.

Đói khát: Hoặc nói dựa vào quả, do thức uống ăn có thể đoạn. Phái A-tỳ-đàm nói: “Sắc báo không thể đoạn, vì đoạn rồi lại nối tiếp”. Phái Kế Tân nói: “Đói khát là chướng của báo thiện, bất thiện, nên không thể nhận biết. Thức ăn đã tiêu hóa rồi lại còn có thể nhận biết. Thế nên người giàu có bị đói khát là báo thiện, còn kẻ nghèo bị đói khát là báo bất thiện”.

Pháp nhập có bốn thứ sắc vô tác, như nơi phẩm Nghiệp nói. Tâm pháp như nơi phẩm Hành nói. Tâm bất tương ưng hành như nơi phẩm Tạng nói. Về vô vi thì phần sau của phẩm này sẽ nói. Trong nội nhập, do cảnh giới của nhãn nhập là thô nên nói trước. Trong ngoại nhập, vì tự tánh của sắc nhập là thô nên nói trước. Vì là cửa vào của khổ vui, nên nói là xứ nhập. Lại nữa, nghĩa sát hại là nghĩa của xứ nhập, tâm tâm pháp ở trong xứ nhập này bị diệt.

Hỏi: Xứ nhập và xứ xúc nhập có sai biệt gì?

Đáp: Xứ xúc nhập tức là xứ nhập. Hoặc xứ nhập không phải là xứ xúc nhập. Đó là ngoại nhập. Nếu nội xứ nhập không phải là phần thì xứ nhập này không phải là xứ xúc nhập. (Duyên khác không khởi xúc gọi là không phải phần). Do là chỗ trụ của xúc nên gọi là xứ xúc nhập.

Xúc không: Tức chỉ là xứ nhập. Vì là cửa vào của xúc, nên như cửa sổ. Vì là chỗ trụ của xúc nên như Thánh trụ. Cũng nên nói là thọ

xứ nhập. Vì xúc đã nuôi lớn tâm, tâm pháp, vì xúc đã đem đến, xúc đã chuyển biến, do sức của xúc nên các pháp kia hiện ở trước, vì thế gọi là xứ xứ nhập. (Thánh trụ, Trung Quốc gọi là Thánh ở biên địa, gọi là chỗ ở của Di-ly-xa).

Hỏi: Thế nào là một thân có đủ mười hai nhập?

Đáp:

*Tuy ở trong một thân
Việc đã làm đều khác
Tự tánh dựa nơi duyên
Mười hai thứ phân biệt.*

Ở trong một thân có đủ mười hai nhập, song mỗi sự đều khác. Nếu sự là nhãn nhập, thì sự này cho đến không phải là pháp nhập. Nếu sự là pháp nhập, thì sự này cho đến không phải là nhãn nhập.

Hỏi: Những gì là sự nhãn nhập cho đến sự pháp nhập?

Đáp: Mắt do thấy sắc là sự. Sắc do mắt làm đối tượng hành là sự. Như thế cho đến pháp nhập. Ví như một nhà có mười hai người ở, nhưng việc làm đều khác. Pháp kia cũng như vậy. Lại, vì chỗ dựa và duyên có sai biệt nên nói là mười hai. Nghĩa là sáu thức thân có sáu chỗ dựa, sáu duyên. Lại vì tự tánh phân biệt nên nói là mười hai. Như tự tánh của nhãn cho đến không phải tự tánh của pháp. Hoặc tự tánh của pháp cho đến không phải tự tánh của nhãn.

Hỏi: Mười hai xứ nhập và phần ít của pháp nhập là sắc, vì sao nói riêng một xứ nhập là sắc nhập?

Đáp:

*Tuy có rất nhiều sắc
Chỉ nói một sắc nhập
Nên biết một sắc nhập
Là cảnh giới ba mắt.*

Ở trong nhập kia cảnh giới của ba mắt gọi là sắc nhập: Tức nhục nhãn, thiên nhãn, Thánh tuệ nhãn. Do sắc thô nên nói có hai mươi loại. Đó là xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, ngay, không ngay, vuông, tròn, cao, thấp, mây, khói, bụi, sương mù, quang, ảnh, sáng, tối. Nơi tám loại như dài v.v... kia có ba loại (Thiện, bất thiện, vô ký) phân biệt, ngoài ra đều vô ký.

Hỏi: Tất cả mười hai nhập đều là tánh của pháp, vì sao chỉ nói một pháp nhập?

Đáp:

*Tất cả các pháp kia
Tuy đều là pháp nhập
Do trong pháp rất nhiều
Một pháp nhập không khác.*

Tất cả pháp kia tuy đều là pháp nhập, nhưng chỉ trong một nhập đã có rất nhiều pháp. Đó là pháp sắc, pháp vô sắc, pháp tương ưng, pháp không tương ưng, pháp hữu vi, pháp vô vi. Thế nên chỉ nói một pháp nhập.

Lại nữa, ba tướng hữu vi và tướng của pháp ấy không trái nhau, vì tướng ấy nhập trong pháp nhập, nên chỉ nói một pháp nhập. Lại, tất cả các pháp đều dùng danh để hiển bày. Danh của pháp ấy đã nhập trong pháp nhập. Pháp là tướng chân thật, nghĩa là môn giải thoát không. Do pháp trước là pháp giác, là không đã nhập trong pháp nhập. Thân kiến có thể tự nhận biết là không đúng, vì chuyên theo điên đảo. Pháp là đệ nhất nghĩa, nghĩa là Niết-bàn vắng lặng, là pháp nhập trong pháp nhập.

Hỏi: Đức Thế Tôn trong Khế kinh nói vô lượng nhập, vì sao chỉ nói mười hai nhập?

Đáp:

*Mười tất cả nhập kia
Tám nhập, hai, bốn nhập*

*Và năm giải thoát nhập
Thấy đều thuộc mười hai.*

Mười trong tất cả nhập, tám nhập trước và tám thắng xứ tánh là căn thiện không tham, đều nhập trong pháp nhập. Nếu nhận lấy quyền thuộc tức tánh là năm âm đều nhập trong ý nhập, pháp nhập. Mười trong tất cả nhập, hai nhập sau và bốn vô sắc nhập tánh là bốn âm, đều nhập trong ý nhập, pháp nhập.

Hai nhập là nhập của chúng sinh vô tướng và nhập của chúng sinh phi tướng. Nhập của chúng sinh vô tướng tánh là mười nhập, trừ hương, vị nhập. Nói bốn vô sắc tức đã nói nhập của phi tướng. Nói nhập của năm giải thoát tánh là tuệ, quyền thuộc tánh là năm âm, đều nhập trong ba nhập là thanh nhập, ý nhập, pháp nhập. Năm giải thoát nhập: (1) Phật nói tức được giải thoát. (2) Nghe xong tư duy được. (3) Nhân tự tụng kinh được. (4) Nhân vì người khác nói pháp được. (5) Do quán nhân duyên được.

Hỏi: Đã nói mười tám giới, là chủng loại có mười tám hay là danh có mười tám?

Đáp:

*Chủng giới nói mười bảy
Hoặc nói là mười hai
Cảnh giới nương dựa nương
Phân biệt mười tám thứ.*

Mười tám giới: Hoặc mười bảy thứ (Chủng), hoặc mười hai thứ. Nếu lấy ý giới thì mất sáu thức, nếu lấy sáu thức thì mất ý giới. Ví như lấy riêng từng cây thì mất rừng, nếu lấy rừng thì mất cây. Các dụ về ngón tay, nắm tay v.v... cũng như vậy. Nếu lấy ý giới thì mất sáu thức, nếu lấy sáu thức thì mất ý giới.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao nói mười tám giới?

Đáp:

*Cảnh giới nương dựa nương
Phân biệt mười tám giới.*

Vì ba sự nên nói mười tám giới: Tức là nương dựa, người nương dựa và cảnh giới. Nương dựa nghĩa là sáu nương dựa: Nhãn giới cho đến ý giới. Người nương dựa nghĩa là sáu thức giới: Từ nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Cảnh giới nghĩa là sáu ngoại giới. Nếu nói tâm sau cùng của A-la-hán không sinh thức sau, không phải là ý giới, điều này là không đúng, vì duyên khác, nên thức sau không nối tiếp, như đất không có hạt giống.

Lại nữa, vì nhân nơi xúc nên lập mười tám giới. Nhãn xúc có ba nhân duyên sinh là nhãn, sắc, thức. Như vậy cho đến ý, vì vật chứa đựng, vì thức ăn, vì người ăn. Vật chứa đựng là nhãn giới. Thức ăn là sắc giới. Người ăn là nhãn thức giới.

Hỏi: Nên nói hai mươi một giới: Tức hai nhãn, hai nhĩ, hai tỷ là sáu, thiệt giới, thân giới, bảy tâm giới, sáu ngoại giới?

Đáp:

*Hai nhãn nói một giới
Vì hai chỉ là tự
Nhĩ, tỷ cũng như vậy
Hai nói chung một giới
Vì khiến thân đoan nghiêm
Kia đều không một một.*

Tuy có hai nhãn nhưng nói một giới, do một tự, vì cùng một bốn đại tạo, vì có một tự thấy, không phải một tự có hai căn, vì là chỗ dựa của một thức. Hai nhãn một thức nương dựa cũng không nên là hai căn, vì một thức dựa vào một xứ nhập. Cảnh giới của một nhập cũng cùng thọ nhận cảnh giới của một nhập. Hai nhãn cùng nhận lấy

một sắc, do một mắt thấy sắc thì không sáng rõ, hai mắt thấy sắc thì sáng rõ. Hai tai, hai mũi thành một giới cũng nói như mắt. Vì trang nghiêm thân nên sinh hai mắt, hai tai, hai mũi. Do vì kẻ một mắt, người ta không yêu kính, thế nên mắt v.v... sinh hai. Thân, lưỡi sinh có một. Như Đức Phật Thế Tôn tuy nói vô số thứ giới đều nhập trong mười tám giới. Nay sẽ theo thứ lớp nói.

*Nếu có các giới khác
Khế kinh Thế Tôn nói
Đều tùy tự tánh kia
Thấy nhập mười tám giới.*

Nếu Đức Thế Tôn nói giới khác tức đều nhập trong mười tám giới. Vì ba sự: Nương dựa, người nương dựa và duyên. Như Đức Thế Tôn nói: “Này Kiều-thi-ca! Thế gian có vô số giới. Nghĩa là các kiến dùng tên giới để nói. Các kiến ấy đều nhập trong pháp giới. Nếu các kiến kia được nói là sáu mươi hai giới, như nơi kinh Đa Giới và Khế kinh khác nói, là đã dùng tên giới để nói, là đều tùy theo nghĩa của kiến kia, đều nhập trong mười tám giới”.

Hỏi: Giới, nhập, âm có sai biệt gì?

Đáp:

*Giới nói tất cả pháp
Pháp tức mười hai nhập
Trừ ba pháp vô vi
Còn lại nói năm âm.*

Tất cả pháp nói là mười tám giới, vì không lia chỗ dựa, vì người dựa và duyên. Tất cả pháp kia tức nói mười hai nhập. Bảy tâm giới là ý nhập, đây tức là nghĩa sai biệt. Trừ ba pháp vô vi, pháp còn lại nói là năm âm, vì năng lực tích tụ.

Hỏi: Nếu tất cả pháp nói là giới, giới tức là nhập, trừ ba pháp vô vi nói là âm, vì sao Đức Thế Tôn nói có ba loại?

Đáp:

*Mâu-ni quán chúng sinh
Dục, giải, căn không đồng
Tánh hành ngu khác nhau
Nên nói âm, giới, nhập.*

Ba loại mong muốn (Dục), hiểu biết (Giải) của chúng sinh là rộng, lược, vừa. Rộng là nói về giới. Vừa là nói về nhập. Lược là nói về âm. Căn hạ, trung, thượng cũng như vậy.

Đối với kẻ dựa vào tánh nên kiêu mạn, vì họ nói giới, do nghĩa của tánh là nghĩa của giới. Người cậy nơi của cải để kiêu mạn, vì họ nói nhập, vì nghĩa của cửa thấu nạp là nghĩa của nhập. Kẻ dựa vào thân mạng để kiêu mạn, thì vì họ nói về âm, do âm là pháp tử.

Đối với người mới hành, vì họ nói giới. Đối với kẻ hành một ít, vì họ nói nhập. Đối với người đã hành, vì họ nói âm.

Đối với kẻ ngu về sắc tâm thì vì họ nói giới. Ngu về sắc vì họ nói nhập. Ngu về tâm pháp vì họ nói âm.

Hỏi: Âm, nhập, giới có nghĩa gì?

Đáp:

*Tích tụ là nghĩa âm
Nghĩa cửa thấu nạp nhập
Nghĩa chúng tánh nói giới
Ba thứ này sai biệt.*

Mười một thứ vô lượng sắc v.v... nói chung là sắc âm, như kho tàng, như đoàn quân. Ví như bốn thứ quân binh, mỗi loại như thế đều mang tên khác biệt, gọi là quân chúng. Sắc cũng như vậy, tuy có mười một thứ nhưng đồng một sắc tướng, gọi là sắc âm. Như A-tỳ-đàm nói: Người khéo quán sắc âm, là một cực vi gồm thấu phần ít của một giới, một nhập, một âm. Người không khéo quán thì nói một

cực vi gồm thấu một giới, một nhập, một âm. Như sắc âm, thì thọ, tưởng, hành, thức âm cũng như vậy.

Nghĩa cửa thấu nạp là nói về nhập, vì chung cho cả khổ vui. Nghĩa chủng tánh là nói về giới, như trong một ngọn núi có nhiều tánh: tánh vàng, tánh bạc v.v... Như vậy trong một thân có các thứ tánh, mỗi mỗi đều khác biệt, nên nói là mười tám giới.

Hỏi: Vì sao nói mười tám giới, mười hai nhập và năm âm, không tăng, không giảm?

Đáp:

*Cảnh giới người dựa, dựa
Ứng hợp pháp lường xét
Thế nên giới, nhập, âm
Không tăng cũng không giảm.*

Chỗ ứng hợp lường xét của giới là sáu chỗ dựa, sáu người dựa và sáu duyên. Chỗ dựa kia nếu tăng thì không phải là chỗ dựa, vì không có người dựa. Nếu giảm thì người dựa không có chỗ dựa. Tất cả nhập như vậy cũng đều dùng chỗ dựa và duyên để lường xét. Về âm vì sao nhiễm đẩm sắc? Vì nhiễm chấp lạc thọ. Vì sao nhiễm chấp lạc thọ? Vì tưởng điên đảo. Vì sao tưởng điên đảo? Vì tương ưng với phiền não, phiền não dựa nơi ý, ý tức dựa vào ý, như đã nói ý duyên nơi pháp sinh ý thức. Là chỗ dựa này thì không có chỗ dựa khác.

Đã nói tự tánh và nhân duyên của giới, nhập, âm. Nay sẽ nói rộng về giới.

*Trong giới một có thấy
Lại nói tất cả giới
Vô ký có tám thứ
Còn lại thiện bất thiện.*

Trong giới một có thấy: Nghĩa là trong mười tám giới sắc giới là có thể thấy, có thể nhìn ngắm ở chỗ này, nơi khác, nên là có thể thấy.

Lại nữa, chỉ rõ về tâm hành của con người nên nói là có thể thấy.

Lại nữa, vì tự hiện, nghĩa là đối tượng hành của mắt. Nên biết mười bảy thứ kia là không thể thấy, vì không có hành tướng.

Lại nói tất cả giới đều có thể thấy, vì là cảnh giới của mắt tuệ, như kệ đã nói:

*Tất cả các pháp kia
Bậc tuệ thấy vô ngã.*

Như A-tỳ-đàm nói: “Hàng học kiến tích, thấy tích của bốn chân đế”. Thế nên tất cả mười tám giới đều có thể thấy.

Vô ký có tám thứ: Nghĩa là tám giới là vô ký, tức năm tình (Căn) và hương, vị, xúc. Vì không có quả ái, chẳng ái có thể ghi nhận nên nói là vô ký. Mười giới còn lại tức có thể ghi nhận là thiện và bất thiện. Nghĩa là sắc, thanh, pháp giới và bảy tâm giới.

Thân thiện khởi động là sắc thiện, thân bất thiện khởi động là sắc bất thiện, sắc còn lại là vô ký. Như vậy âm thanh nơi miệng động tịnh, tâm nơi bảy thức giới là thiện. Tâm tương ưng với không hồ không thẹn là bất thiện, ngoài ra là vô ký. Pháp giới nếu tương ưng với tâm thì nói như tâm. Nếu không tương ưng thì như nơi phẩm Tạp nói.

Thiện có bốn thứ: Tự tánh, tương ưng, cộng khởi và đệ nhất nghĩa. Tự tánh thiện là hồ thẹn và ba căn thiện. Tương ưng tức tâm tâm pháp tương ưng với thiện kia. Cộng khởi tức là thiện kia đã khởi nghiệp thân khẩu và tâm bất tương ưng hành. Đệ nhất nghĩa là Niết-bàn. Đây là bốn thứ thiện.

Tự tánh bất thiện nghĩa là không hồ, không thẹn và ba căn bất thiện. Tương ưng tức là tâm tâm pháp tương ưng với điều bất thiện kia. Cộng khởi tức là điều bất thiện kia đã khởi nghiệp thân, khẩu và

tâm bất tương ưng hành. Đệ nhất nghĩa là luân chuyển trong những nẻo đầy nguy hiểm. Đều cùng trái với hai thứ kia là vô ký.

Hỏi: Tất cả pháp là mười hai nhập, tức là do Đức Thế Tôn đã ghi nhận, vì sao nói là vô ký?

Đáp: Không do hoàn toàn không nói, nên gọi là vô ký. Thiện thì ghi nhận là thiện. Bất thiện thì ghi nhận là bất thiện. Vì không ghi nhận thiện, bất thiện nên nói là vô ký. Nếu là thời của nhân quả thì ghi nhận nhân quả, lúc khác thì vô ký. Hoặc có trường hợp không nói gọi là vô ký, như Khế kinh Ký Luận nói:

*Tất cả đều sẽ chết
Luận này hoàn toàn ghi
Tất cả chết lại sinh
Đây gọi Luận phân biệt.
Nếu hỏi sinh thù thắng
Đây gọi Luận cật vấn
Năm ám chúng sinh khác
Đây gọi Luận chỉ ký.*

Luận hoàn toàn ghi: Nếu có người hỏi: Tất cả chúng sinh đều sẽ chết chăng? Nên đáp toàn bộ: Tất cả chúng sinh thay đều phải chết.

Luận phân biệt: Nếu có người hỏi: Tất cả đều sẽ chết, chết rồi lại sinh chăng? Nên phân biệt đáp: Người có phiền não thì chết rồi lại sinh. Người không có phiền não thì chết rồi không sinh.

Luận cật vấn: Nếu có người hỏi: Người sinh là thù thắng chăng? Tức nên hỏi ngược lại: Ông từ đâu đến? Nếu nói vừa từ cõi trời đến thì nên đáp là thấp kém. Nếu nói vừa đến từ nẻo ác đến thì nên đáp là vượt hơn.

Luận chỉ ký: Nếu có người hỏi ám cùng với chúng sinh là khác hay là đồng, thì cần phải dừng lại. Vì sao? Vì không ứng hợp. Ví

như có người hỏi con của thạch nữ có cung kính không? Vì thạch nữ không có con thì đâu được đáp là con của thạch nữ có cung kính hay không cung kính. Như vậy có ám nhưng không chúng sinh, làm sao có được là đồng, khác? Vì không ứng hợp nên không đáp.

Phái A-tỳ-đàm nói: *Luận hoàn toàn ghi*: Nghĩa là nếu có người hỏi: Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác khéo nói giáo pháp chẳng? Đệ tử của Đức Thế Tôn luôn khéo hướng đến chẳng? Sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường chẳng? Là khéo phân biệt về khổ, tập, diệt, đạo chẳng? Tức nên hoàn toàn đáp vì nghĩa lợi ích.

Luận phân biệt: Nếu có người nói: Nên vì tôi giảng nói pháp. Tức nên hỏi: Pháp có rất nhiều, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, ông muốn tôi nói pháp nào? Nếu nói hãy vì tôi giảng nói pháp trong quá khứ. Tức nên hỏi: Pháp quá khứ cũng nhiều: Hoặc sắc âm, hoặc thọ, tưởng, hành, thức âm, tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Nếu nói sắc âm, tức nên hỏi: Sắc âm cũng nhiều: Hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký, tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Nếu nói sắc thiện tức nên hỏi: Sắc thiện có bảy thứ từ không sát sinh cho đến không nói lời thêu dệt, tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Nếu nói không sát sinh tức nên hỏi: Không giết hại có ba thứ là do không tham, không sân, không si, tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Nếu nói xin giảng nói pháp không tham tức nên hỏi: Không tham có hai thứ là tạo tác và không tạo tác, vậy tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Các thứ lý luận như vậy gọi là Luận phân biệt ký.

Luận cật vấn: Nếu có người hỏi pháp thì nên cật vấn ngược lại: Pháp có rất nhiều, ông hỏi về pháp nào? Không vì phân biệt hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại cho đến tạo tác, không tạo tác. Nếu người này có tâm dục dằn thì nên vì họ phân biệt nói. Nếu là kẻ đua nịnh, không ngay thẳng, thì nên hỏi ngược lại, khiến họ tự đáp. Đó gọi là Luận cật vấn.

Luận chỉ ký: Nếu có người hỏi thế gian là hữu biên chăng? Thế gian là vô biên chăng? Những câu hỏi như vậy, như tràng hoa nơi hư không, không thể ghi nhận là thơm cùng không thơm. Đó gọi là *Luận chỉ ký*.

Đã nói về ký, vô ký. Mười hai thứ có đối nay sẽ nói.

*Mười hai giới có đối
 Một giới nói phần ít
 Mười giới, bảy có đối
 Một phần ít cũng vậy
 Nói cảnh giới có đối
 Chương ngại cùng với duyên.*

Các giới của nhãn nhĩ tỷ thiết thân và bảy tâm giới, mười hai giới này nói là có đối. Phần ít trong pháp giới cũng nói là có đối, nghĩa là tâm pháp. Lại, mười sắc giới nói là có đối, bảy tâm giới và phần ít của pháp giới cũng nói là có đối.

Hỏi: Ở đây nói những gì là có đối?

Đáp:

*Nói cảnh giới có đối
 Chương ngại cùng với duyên.*

Ba thứ có đối: Là cảnh giới có đối, chương ngại có đối và duyên có đối.

Cảnh giới có đối: Như Kinh Thi Thiết (Túc Luận A Tỳ Đạt Ma Thi Thiết Túc) đã nói: Mắt cùng với sắc đối cho đến ý cùng với pháp đối. Đã nói ý giới nên biết là đã nói bảy tâm giới và phần ít pháp giới, vì vậy nên biết mười hai giới và phần ít một giới, là có đối. Năm ngoại giới và phần ít pháp giới là không đối. Như các kinh kia nói, nếu quán đất liền thì không quán nước, nói rộng như vậy.

Chương ngại có đối: Nghĩa là mỗi mỗi đều cùng đối, mỗi mỗi xứ đều chương ngại. Nếu chương ngại kia có một thì không có trụ thứ hai, vì cực vi tụ tập, vì chương ngại, vì có thể phân biệt, nên căn cứ vào xứ sở tức nhận biết. Tám thứ không đối trong đây nên nói rộng.

Duyên có đối: Nghĩa là tâm tâm pháp ở nơi cảnh giới chuyên, nên nói như thế này: Nếu cảnh giới của pháp có đối thì pháp ấy tức chương ngại có đối chăng? Nên tạo ra bốn trường hợp:

(1) Hoặc cảnh giới có đối không phải là chương ngại có đối: Nghĩa là bảy tâm giới và pháp giới tương ưng với tâm.

(2) Hoặc chương ngại có đối không phải là cảnh giới có đối: Nghĩa là năm ngoại giới.

(3) Hoặc cảnh giới có đối cũng là chương ngại có đối: Nghĩa là năm nội giới.

(4) Hoặc không phải là cảnh giới có đối cũng không phải là chương ngại có đối: Nghĩa là sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành thuộc về pháp nhập.

Nếu cảnh giới của pháp có đối thì duyên kia là có đối chăng? Nghĩa là duyên có đối là cảnh giới có đối. Hoặc cảnh giới có đối không phải là duyên có đối, nghĩa là năm nội giới.

*Hữu lậu có mười lăm
Khác hai, ba ba hữu
Trong cõi dục có bốn
Mười một ở hai hữu.*

Hữu lậu có mười lăm: Nghĩa là mười lăm giới hoàn toàn là hữu lậu, tức là năm nội giới, năm ngoại giới và năm thức giới. Vì là chỗ sinh của lậu, nên sinh ra lậu, vì là xứ lậu, tức lậu ở trong ấy khởi nên nói là hữu lậu. Như trước có sợ hãi, vì cùng có với lậu nên nói là hữu lậu. Như thức ăn trộn lẫn với chất độc.

Khác hai: Là ý giới, pháp giới, ý thức giới. Ba giới này có hai thứ: Hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Nếu lậu đã sinh là hữu lậu, trái lại là vô lậu.

Ba ba hữu: Là ý giới, pháp giới và ý thức giới, trong ba hữu có thể đạt được là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Vô lậu là không bị trói buộc, tuy trong thân của ba cõi đạt được, nhưng không phải là tự tánh đạt được.

Trong cõi dục có bốn: Là hương giới, vị giới và thức của cảnh giới này. Không phải là cõi sắc, cõi vô sắc, vì đã lìa đoạn thực nơi cõi dục. Ba nhập là tánh của đoạn thực. Cõi sắc, vô sắc kia tức cũng nên không có xúc. Điều này thì không đúng. Tánh của xúc nhập có hai thứ: Hoặc là tánh đoạn thực, hoặc không phải là đoạn thực, vì ở cõi sắc không có tánh của đoạn thực, do thân vi diệu. Hương, vị hoàn toàn là tánh của đoạn thực, thế nên nơi cõi kia không có. Vì cảnh giới không có, nên thức nơi cõi kia cũng không có.

Hỏi: Cõi sắc kia không có hương vị, cũng không có thức của hương vị ấy, thì tỷ giới, thiết giới cũng nên không có chăng?

Đáp: Vì đủ các căn, nên các căn lần lượt cùng nắm giữ.

Mười một ở hai hữu: Nghĩa là dục hữu, sắc hữu có năm nội giới, sắc, thanh, xúc giới và thức của cảnh giới nơi này. Mười một giới ấy không phải ở cõi vô sắc, vì lìa tánh sắc.

*Có giác có quán năm
Ba hành ba, khác không
Có duyên nên biết bảy
Pháp nhập nói phân ít.*

Có giác có quán năm: Nghĩa là năm thức giới có giác có quán, vì thô, cho đến cõi Phạm thế, không phải địa trên.

Ba hành ba: Nghĩa là ba giới có ba thứ: Ý giới, ý thức giới và tâm tương ưng với pháp giới. Cõi dục và thiên thứ nhất có giác có

quán. Thiền trung gian không giác có quán. Địa trên và tất cả pháp giới không tương ưng thì không giác không quán.

Hỏi: Pháp của địa có giác có quán có bốn thứ: Hoặc có giác có quán. Hoặc không giác có quán. Hoặc không giác không quán. Hoặc không phải có giác có quán, không phải không giác có quán, không phải không giác không quán.

Hỏi: Thế nào là có giác có quán?

Đáp: Cõi dục và thiền thứ nhất, trừ giác quán, còn lại là các tâm tâm pháp khác.

Hỏi: Thế nào là không giác có quán?

Đáp: Là giác.

Hỏi: Thế nào là không giác không quán?

Đáp: Là sắc, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Thế nào là không phải có giác có quán, không phải không giác có quán, không phải không giác không quán?

Đáp: Là quán.

Khác không: Nghĩa là phần còn lại không phải là có giác, không phải là có quán, vì không có duyên.

Có duyên nên biết bảy, Pháp nhập nói phần ít: Nghĩa là bảy tâm giới nói là có duyên. Vì có duyên này nên nói là có duyên. Như người có con nói người ấy là có con.

Phần ít của pháp giới có duyên: Nghĩa là phần ít của tâm pháp không có duyên không phải là tâm pháp, tức là nhãn thức và pháp tương ưng duyên với sắc cho đến thân thức và pháp tương ưng. Xúc duyên với ý thức cùng pháp tương ưng duyên với tất cả pháp.

Chín không thọ, khác hai

Vì vô vi chung một

*Hoàn toàn là hữu vi
Nên biết mười bảy giới.*

Chín không thọ: Nghĩa là chín giới không nhận lấy tên thọ. Nếu căn số của sắc hiện tại và không lia căn, nếu căn này bị đoạn hoại, phá vỡ, bức bách, thì tâm tâm pháp thọ dừng trụ ở nơi kia. Nếu khác thì không thọ, nghĩa là chín giới không thọ, là bảy tâm giới cùng thanh giới, pháp giới vì không đoạn hoại.

Khác hai: Nghĩa là năm nội giới ở hiện tại là thọ, vì khởi đoạn cùng nhận biết. Quá khứ, vị lai là không thọ, vì tâm tâm pháp không trụ. Sắc, hương, vị, xúc nếu ở hiện tại và không lia căn là thọ. Như tâm tâm pháp dừng trụ trong căn, các giới kia cũng như vậy, vì không lia căn.

Vì vô vi chung một: Tức một pháp giới là hữu vi, vô vi. Ở đây, có ba thứ: Vì là thường nên là vô vi. Vì pháp khác là vô thường nên là hữu vi. Thế nên hữu vi, vô vi chung một.

Hoàn toàn là hữu vi, Nên biết mười bảy giới: Nghĩa là mười bảy giới là vô thường, nên hoàn toàn là hữu vi sinh diệt. Vì ba tướng hữu vi đã thành, vì có nhân, vì rơi vào ám, vì gắn liền với đời, vì hạ trung thượng. Cùng với các thứ trên trái nhau là vô vi.

*Có tội cùng có báo
Nhiễm ô và ẩn mất
Tu tập tức có mười
Trong một giới có kiến
Cũng nói có tâm pháp
Một giới là tánh kiến.*

Bảy tâm giới, sắc, thanh, pháp giới có hai thứ: Hoặc có tội, hoặc không tội. Nhiễm ô là có tội, không nhiễm ô là không tội. Như có tội, như không tội, như thế thì nhiễm ô, ẩn mất cũng vậy. Năm thức giới, sắc giới, thanh giới nếu là thiện, bất thiện là có báo, nếu vô

ký là không báo. Ý giới, ý thức giới, pháp giới, nếu bất thiện, thiện hữu lậu là có báo, nếu vô ký, vô lậu thì không báo.

Hỏi: Vì sao bất thiện, thiện hữu lậu là có báo, còn vô ký, vô lậu thì không báo?

Đáp: Ví như hạt giống bên ngoài do ba sự hòa hợp mới sinh mầm. Tức có hạt giống chắc, dùng nước tưới đủ, do đất cỏ phủ lấp, sức của tự tánh cùng các vật dụng, nên mầm lá được sinh. Tuy có hạt giống cứng chắc, nhưng không dùng nước để tưới, không dùng cỏ đất phủ lấp, tức các duyên không đủ nên hạt giống không sinh mầm, lá. Có hạt giống không chắc, tuy có tưới nước, dùng cỏ đất phủ lấp, nhưng vì tự tánh của hạt giống không chắc thật nên mầm chồi không sinh.

Như hạt giống bên ngoài có ba sự sai biệt như vậy, duyên khởi bên trong cũng có ba sự sai biệt. Như chủng tử ban đầu, pháp hữu lậu thiện, bất thiện kiên cố như thế, dùng nước ái tưới thấm, dùng các kiết khác để che phủ, do sức nơi các duyên của tự tánh nên mầm hữu được sinh. Như chủng tử thứ hai là pháp vô lậu bền chắc như vậy, nhưng không có nước ái tưới thấm và kiết khác che phủ, tức nhân duyên không đủ nên mầm không sinh khởi. Như chủng tử thứ ba là pháp vô ký như vậy, tuy có dùng nước ái để tưới thấm, dùng kiết khác để che phủ, nhưng vì tự tánh không thật nên mầm hữu không sinh.

Tu tập tức có mười: Nghĩa là bảy tâm giới, sắc giới, thanh giới, thiện là tu. Bất thiện, vô ký là không tu. Pháp giới thiện, hữu vi là tu. Bất thiện, vô ký cùng số diệt là không tu.

Hỏi: Vì sao bất thiện, vô ký cùng số diệt là không tu?

Đáp: Vì quả ái nên tu. Do bất thiện, vô ký không có quả ái nên không tu. Tánh của số diệt là quả không nối tiếp sinh khởi nên không tu. Nên biết tám giới không tội, không báo, không nhiễm ô, không ẩn mất, nên là không tu.

Trong một giới có kiến: Nghĩa là trong pháp giới có tám thứ kiến là năm kiến như thân kiến v.v..., đẳng kiến của thế tục, học kiến, vô học kiến. Kiến nghĩa là quán xem, là quyết định, là thọ nhận vững chắc, là duyên vào sâu. Như đêm tối phủ khắp, thấy sắc cấu uế, tuệ thấy pháp cũng như vậy. Như đêm tạnh thấy sắc, đẳng kiến của thế tục cũng như thế. Như ban ngày râm mát thấy sắc, học kiến cũng như vậy. Như ban ngày tạnh ráo thấy sắc, vô học kiến cũng như thế.

Cũng nói có tâm pháp: Tức pháp giới này có tâm pháp, là thọ, tưởng v.v..., vì có tâm pháp ấy nên nói là có tâm pháp. Nên biết mười bảy giới và phần ít của một giới không phải là tâm pháp.

Một giới là tánh kiến: Nghĩa là nhãn giới vì có thể ngắm nhìn. Nên biết mười sáu giới và phần ít của một giới không phải là kiến.

Hỏi: Thế nào là thấy? Là mắt thấy hay là nhãn thức thấy? Là nhãn thức tương ưng với tuệ nên thấy hay là do hòa hợp nên thấy? Tất cả những chỗ nghi gì là có lỗi. Vì nếu nói mắt thấy thì vì sao thức khác trong cùng một lúc sinh khởi lại không thấy? Vì sao không cùng có được tất cả cảnh giới? Nếu nói nhãn thức thấy, thì tướng của thức không phải là tướng của kiến, và người không có mắt cũng nên thấy. Nếu nói vì nhãn thức tương ưng với tuệ nên thấy, thì lại do nhĩ thức tương ưng với tuệ nên nghe chẳng? Nếu nói do hòa hợp nên thấy thì điều này không nhất định, vì hoặc có khi nhãn thức có hai mươi hai pháp, hoặc hai mươi một pháp, hoặc mười hai pháp?

Đáp:

*Tự phần mắt thấy sắc
Không phải nhãn thức thấy
Không phải tuệ hòa hợp
Không thấy sắc gần ngại.*

Vì *Tự phần mắt thấy sắc*, thế nên thức khác cùng lúc tức không thấy. Vì thức khác đều cùng với *không mắt* hiện ở trước, không phải

là tự phân. Do nhân này nên không cùng có được tất cả cảnh giới. Vì tự phân nơi các căn không đều cùng với thức trụ nơi căn, nên gọi là tự phân. Không có hai thức đều cùng hành, không có duyên thứ đệ thứ hai.

Hỏi: Nếu mắt lia thức không thấy sắc, tức là thức thấy không phải là mắt thấy, vậy đâu cần dùng đến mắt?

Đáp: Thức thành mắt kia thì mắt kia thành, vì không phải là phân, tức nhân nơi không phải là phân. Như thọ không lia tướng, tướng không lia thọ. Mắt kia cũng như vậy.

Nếu nhãn thức thấy thì cái gì lại nhận thức? Nếu tuệ thấy thì cái gì lại hiểu biết? Nếu do hòa hợp nên thấy thì sự việc hòa hợp của các pháp này đều khác biệt. Nghĩa kia đã có gián đoạn thì không có hòa hợp. Nếu do hòa hợp nên thấy thì tức nên có hai quyết định nơi tự pháp. Nghĩa này là không đúng.

Nếu nhãn thức thấy thì nên thấy sắc chướng ngại, do không đối. Tuệ cùng hòa hợp cũng lại như vậy. Do nhãn thức không đối nên không nhận thức được sắc ngăn ngại, lại cho là không thấy thì không đúng, tức nên phân biệt. Phân biệt nghĩa là nên nói vì sao nhãn thức không nhận biết sắc ngăn ngại? Nên nói vì một cảnh giới của mắt chuyên, cho nên nhãn thức không nhận biết được sắc ngăn ngại. Do mắt có đối, vì có đối tức không thấy sắc ngăn ngại, thế nên nhãn thức không nhận biết. Vậy thức phải có hai tự tánh hoặc biết hoặc thấy. Thứ khác cũng như vậy.

Lại nữa, nếu nhãn thức thấy thì vì sao không nhận biết? Đã biết nhãn thức không nhận biết sắc ngăn ngại, lại nên biết, vì một cảnh giới của mắt chuyên, tức lại phải nói là chướng ngại, vì có đối nương dựa, nên không nhận biết được sắc ngăn ngại, nói như thế là không đúng. Do có đối, không đối và nương dựa, tức nhãn thức có hai thứ nương dựa là mắt và thứ lớp diệt ý. Nếu vì có đối nương dựa

nên không thấy sắc ngăn ngại, thì không đời không nương dựa, tức phải thấy sắc ngăn ngại. Nói khác là có lỗi. Vì mắt là không cùng nương dựa, còn ý là cùng nương dựa nếu không thấy sắc ngăn ngại thì không đúng. Nương dựa là ở nơi tướng như sắc v.v... không phải là phần. Cũng không phải mắt là sắc, nên nhãn thức là sắc, cũng không phải mắt không duyên, không duyên cũng không phải mắt không tương ưng. Những thứ không tương ưng như vậy v.v... đều có lỗi.

Lại nữa, ý cũng nhận biết là không cùng nương dựa. Nếu nương dựa vào ý, nhãn thức sinh, thì chưa từng nương dựa vào ý kia khiến thức khác sinh, vì tâm mỗi mỗi nối tiếp chuyển biến, thế nên ý cũng là không cùng nương dựa, nên kiến và thức không gián cách, thức tức là kiến thì không đúng. Vì có bốn thứ không hoại, nên Đức Thế Tôn đã nói bốn thứ kiến, văn, giác, thức đều không hoại. Nếu thức tức là kiến, thì chỉ có ba thứ: văn, giác và thức, vì kiến tức là thức tức nên không như vậy. Do thế nên biết là mắt thấy và thức dùng phân biệt để kiến lập thành bốn loại thì không đúng. Vì không thấy sắc ngăn ngại là lỗi trước đã nói, do thức và kiến có gián đoạn nên danh nghĩa đều khác. Nhãn quang chiếu soi gọi là kiến. Tâm theo đây phân biệt gọi là thức.

Nếu lại nói mắt thấy thì sắc kia tức nên cân xứng với nhãn lượng, là phạm lỗi tự sinh, vì thức không có hạn lượng. Thức không có hạn lượng như Đức Thế Tôn đã nói. Như Đức Thế Tôn nói mắt có thấy nhưng cho là thức thấy tức không đúng. Như nói pháp của ý thức, lại có pháp trong ấy có thức chăng? Nếu nói tức là pháp của ý thức, nên biết mắt cũng như vậy. Như Đức Thế Tôn đã nói: “Này Phạm chí! Mắt là cửa ngõ, vì trông thấy sắc, đây là dị danh của thấy. Ông đã hiểu sai về lời Ta đã nói, vì tâm tâm pháp đều không có phương hướng, nơi chốn, lại nói có ra vào là không đúng”. Tức Khế kinh kia nói ý là cửa ngõ, là pháp của thức, lại không có pháp khác

ở trong pháp của thức. Thế nên trong mắt tức là thấy. (Từ câu: Nhãn thức không phải là thấy, đến đây gồm có bảy chương: Chương một là gạn hỏi biện biệt về chỗ không phải. Sáu chương còn lại là biện luận, phân tích, giải thích về thức không phải là thấy, vì vật khác người khác, nên dẫn chỗ chấp của kẻ kia. Sau cùng là kiểm nghiệm sự thật, nhằm bác bỏ sự sai trái để thành lập nghĩa của mình).

*Số cực vi có mười
Chín giới bốn đại tạo
Hai giới nói phần ít
Nội giới nói mười hai
Đây là tánh của căn
Trong một giới có căn.*

Số cực vi có mười: Nghĩa là mười sắc giới là tụ của cực vi, vì có phần, vì ngăn che, vì trở ngại lớn, vì căn cứ nơi xứ sở, nên biết tám giới không phải là tụ của cực vi.

Chín giới bốn đại tạo: Nghĩa là trừ xúc giới, chín sắc giới còn lại là do bốn đại tạo, vì chúng do bốn đại sinh ra, nên bốn đại là nhân. Bốn đại cùng với các giới này làm năm nhân sinh khởi: Là nhân sinh, nhân nương dựa, nhân kiến lập, nhân nuôi dưỡng, nhân tăng trưởng.

Hai giới nói phần ít: Nghĩa là hai giới nên phân biệt là xúc giới và pháp giới. Hoặc do bốn đại tạo, hoặc không phải do bốn đại tạo. Trong xúc giới là tánh của bốn đại không phải do bốn đại tạo, như bảy thứ sắc được tạo là do bốn đại tạo. Trong pháp giới thì nghiệp thân, nghiệp miệng là do bốn đại tạo. Pháp giới khác thì không phải do bốn đại tạo. Như bảy tâm giới không phải do bốn đại tạo. Mười một thứ là bốn đại tức chỗ dựa của nhãn nhập cho đến chỗ dựa của pháp nhập, không phải là ý nhập. Sắc được tạo cũng có mười một thứ, là từ nhãn nhập cho đến pháp nhập, không phải là ý nhập.

Hoặc có thuyết nói: Chỗ dựa của nhãn nhập là bốn đại sinh nhãn nhập, số còn lại cũng như vậy.

Có thuyết cho: Chỗ dựa của nhãn nhập là bốn đại sinh ba nhập, là nhãn nhập, thân nhập và xúc nhập. Như vậy cho đến chỗ dựa của thiết nhập.

Ở đây, có sai biệt: Tự căn nơi chỗ dựa của thân nhập sinh hai nhập là thân nhập và xúc nhập. Chỗ dựa của sắc, thanh, hương, vị nhập cũng như vậy. Chỗ dựa của xúc nhập chỉ sinh ra xúc nhập.

Lại có thuyết nêu: Tất cả bốn đại sinh ra sắc, thanh. Tất cả sắc của cõi dục đều không lia hương, vị. Chỗ dựa của pháp nhập cũng như vậy. Chỗ dựa của nhãn nhập sinh bảy nhập là nhãn nhập, thân nhập và năm cảnh giới. Như vậy cho đến chỗ dựa của thiết nhập, chỗ dựa của thân nhập sinh sáu nhập, trừ bốn căn như nhãn v.v... Chỗ dựa của pháp nhập cũng như thế. Chỗ dựa của sắc nhập sinh năm nhập, cho đến chỗ dựa của xúc nhập cũng như thế.

Lại có thuyết nói: Chỗ dựa của nhãn nhập sinh mười một nhập, cho đến chỗ dựa của pháp nhập cũng như vậy. Đối với nhân duyên của bốn đại này, phân biệt bốn đại của tướng khác, khởi sắc tạo của tướng khác, nên tạo ra bốn trường hợp:

- (1) Có bốn đại của tướng đồng khởi sắc tạo của tướng khác.
- (2) Có bốn đại của tướng khác khởi sắc tạo của tướng đồng.
- (3) Có bốn đại của tướng khác khởi sắc tạo của tướng khác.
- (4) Có bốn đại của tướng đồng khởi sắc tạo của tướng đồng.

Thế nào là bốn đại của tướng đồng khởi sắc tạo của tướng khác? Nghĩa là bốn đại của tướng xúc sinh khởi mười một thứ sắc tạo.

Thế nào là bốn đại của tướng khác khởi sắc tạo của tướng đồng? Nghĩa là bốn đại của tướng cứng chắc, ẩm ướt, ẩm áp, lay động khởi sắc tạo của tướng xúc.

Thế nào là bốn đại của tướng khác khởi sắc tạo của tướng khác? Nghĩa là bốn đại của tướng cứng chắc, ẩm ướt, ấm áp, lay động khởi mười một thứ sắc tạo.

Thế nào là bốn đại của tướng đồng khởi sắc tạo của tướng đồng? Nghĩa là bốn đại của tướng xúc khởi sắc tạo của tướng xúc.

Hỏi: Bốn đại và sắc tạo có sai biệt gì?

Đáp: Bốn đại là nhân, sắc tạo là quả. Tướng cứng chắc, ẩm ướt, ấm áp, lay động là bốn đại. Nếu sắc nhân nơi bốn đại sinh nhưng không có tướng của bốn đại, thì sắc ấy là sắc tạo.

Lại nữa, không thể thấy là bốn đại, có thể thấy, không thể thấy là sắc tạo. Các thuyết là như vậy v.v...

Nội giới nói mười hai: Nghĩa là năm sắc giới trong và bảy tâm giới. Mười hai giới này là nội giới, nên biết sáu giới là ngoại giới.

Hỏi: Vì pháp nên nói là nội hay là vì người nên nói là nội? Nếu vì pháp nên nói là nội, thì tất cả pháp không có tự nó. Nếu vì người nên nói là nội thì pháp không có người?

Đáp: Vì pháp nên nói là nội, song không phải là tất cả pháp, vì là đối tượng nương dựa của tâm tâm pháp nên nói là nội, ngoại. Ý giới cũng là chỗ nương dựa, cũng là người nương dựa, còn năm sắc giới kia là chỗ nương dựa, không phải là người nương dựa. Tâm pháp tuy là người nương dựa nhưng không phải là chỗ nương dựa. Ngoài ra, không phải là chỗ nương dựa cũng không phải là người nương dựa.

Đây là tánh của căn: Tức mười hai thứ này nói là căn.

Trong một giới có căn: Nghĩa là trong pháp giới mười một pháp là căn, số còn lại không phải là căn, tức nên biết năm ngoại giới và phần ít của một giới không phải là căn.

Phân khác phân mười bảy

Một giới nói có phần

*Mười bảy giới gần đời
Một phần ít ba nghiệp.*

Phần khác phân mười bảy: Nghĩa là trừ pháp giới, giới còn lại nói là có phần và có phần khác. Nhãn giới kia *có phần*: Nghĩa là phân biệt ba loại đời: Quá khứ đã thấy sắc, hiện tại nay thấy sắc và vị lai sẽ thấy sắc.

Có phần khác: Nghĩa là bốn loại: Quá khứ không thấy sắc đã diệt. Hiện tại không thấy sắc đang diệt. Đời vị lai có hai thứ: Pháp không sinh và pháp sinh. Pháp sinh nghĩa là không thấy sắc sẽ diệt. Sắc giới khác cũng thế. Bảy tâm giới, nếu pháp vị lai không sinh, thì chúng là có phần khác. Ngoài ra là có phần.

Một giới nói có phần: Nghĩa là pháp giới hoàn toàn là có phần, không phải có phần khác, vì tất cả pháp giới đều là cảnh giới của ý thức. Nếu nói giới khác tức cũng nên không phải là có phần khác, sự việc này là không đúng, vì giới kia không do ý thức, nên lập có phần và có phần khác. Nghĩa là mắt thấy sắc là có phần, không thấy sắc là có phần khác. Sắc do mắt đã trông thấy là có phần, chỗ sắc không trông thấy là có phần khác.

Về sai biệt: Nghĩa là nếu mắt là một có phần thì tất cả căn khác cũng là có phần. Nếu một căn là có phần khác thì tất cả căn khác cũng là có phần khác. Sắc nếu trông thấy là có phần, không phải là thứ khác. Tai, mũi, lưỡi, thân, tiếng, hương, vị, xúc cũng như vậy. Đệ nhất nghĩa như nói về mắt. Số tục như nói về sắc.

Hỏi: Từng có pháp cùng có, hoặc là có phần, hoặc là có phần khác chăng?

Đáp: Có. Mười sắc nhập hoặc là có phần, hoặc là có phần khác. Tướng như sinh v.v... của sắc kia là có phần, vì thuộc về pháp giới. Nếu pháp ý không sinh là có phần khác. Pháp cùng có tương ưng với ý kia là có phần, vì thuộc về pháp giới.

Hỏi: Có phần và có phần khác có nghĩa gì?

Đáp: Lúc có phần nói là có phần. Nhân giới có hai thứ: Phần có nghiệp và phần không nghiệp. Mắt kia là phần có nghiệp hay là phần không nghiệp? Do là đối tượng của phần nên nói là có phần. Phần không nghiệp của mắt kia cũng là phần có nghiệp. Vì là đối tượng của phần nên cũng nói là có phần. Hai phần đều cùng được tướng có phần.

Hỏi: Vậy những số phần nào được gọi là phần?

Đáp: Phần không nghiệp là phần có nghiệp, vì là đối tượng của phần nên nói có phần khác. Vì sao? Vì được sức của phần có nghiệp. Như người có con, nghiệp kia cũng như vậy.

Mười bảy giới gắn đời: Nghĩa là mười bảy giới gắn liền nơi sự việc của ba đời nên nói là ba đời, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại. Nếu sinh khởi rồi diệt là quá khứ. Nếu chưa sinh khởi là vị lai. Đã sinh khởi chưa diệt là hiện tại.

Lại nữa, nếu chưa tạo tác nói là vị lai. Nếu đang tạo tác nói là hiện tại. Nếu tạo tác rồi diệt mất nói là quá khứ.

Một giới nên phân biệt: Là pháp giới, nếu hữu vi thì rơi vào ba đời, nếu vô vi thì không rơi vào ba đời.

Nghiệp là ba giới có nghiệp, tức sắc, thanh và pháp giới. Nơi sắc giới thân tạo tác là nghiệp, sắc giới khác không phải là nghiệp. Về thanh giới miệng tạo tác là nghiệp. Thanh giới khác không phải là nghiệp. Thân, khẩu nghiệp và tư của pháp giới là nghiệp, pháp giới khác không phải là nghiệp. Tướng của nghiệp nơi phẩm Nghiệp sẽ nói rộng.

*Phi học phi vô học
Nên biết mười lăm giới
Kia đều tu đạo đoạn
Giới khác cùng ba thứ*

*Ở trong ba giới ấy
Nói trì giới, phạm giới.*

Phi học phi vô học, Nên biết mười lăm giới: Nghĩa là mười sắc giới, năm thức giới là phi học phi vô học. Vì hữu lậu nên tức các giới này do tu đạo đoạn trừ vì trí đối trị.

Giới khác cùng ba thứ: Tức ba giới khác là ý giới, pháp giới, ý thức giới đều cùng có ba thứ: Hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Ý tương ưng với học là học. Nghĩa là ý tương ưng với khổ pháp nhẫn cho đến tương ưng với tam muội kim cang là học. Ý tương ưng với vô học là vô học. Nghĩa là ý tương ưng với tận trí, vô sinh trí và đẳng kiến vô học là vô học. Ý tương ưng với phi học phi vô học là phi học phi vô học. Nghĩa là thiện, nhiễm ô, vô ký. Thiện có ba thứ là phương tiện đắc, lìa dục đắc và sinh đắc. Nhiễm ô có hai thứ là bất thiện và vô ký ẩn mất. Vô ký có bốn thứ là oai nghi, công xảo, sinh báo và biến hóa.

Như ý giới, ý thức giới cũng vậy.

Pháp giới hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Nghĩa là của nghiệp thân khẩu của hàng hữu học cùng thọ, tưởng, hành ẩm là học. Đây cũng tức là vô học. Pháp giới gồm thân nghiệp thân khẩu hữu lậu cùng thọ, tưởng, hành ẩm và vô vi là phi học phi vô học. (Về nghĩa học, vô học nơi phẩm Nghiệp sẽ nói rộng).

Ba giới này do nhẫn đối trị, tức là kiến đạo đoạn trừ. Trí đối trị là tu đạo đoạn trừ. Vô lậu là không đoạn trừ. (Về nghĩa do kiến đạo đoạn trừ, tu đạo đoạn trừ, trong phẩm Sử sẽ nói rõ).

Ở trong ba giới ấy, Nói trì giới, phạm giới: Tức nơi sắc giới, thân tạo tác thiện là trì giới, thân tạo tác bất thiện là phạm giới. Thanh giới là do miệng tạo tác. Pháp giới chỉ là vô tác. (Về tướng của trì giới, phạm giới, trong phẩm Nghiệp sẽ nói rộng).

*Mười bảy nói có trên
 Một giới nói hai thứ
 Quả có quả mười bảy
 Một ba giác đã nói.*

Mười bảy nói có trên: Nghĩa là trừ pháp giới, mười bảy giới kia là có trên, vì hữu vi.

Một giới nói hai thứ: Là pháp giới, hoặc là có trên, hoặc là không trên (Vô thượng). Pháp giới hữu vi và hư không phi số diệt là có trên. Số diệt là thiện, là thường, nên nói là không trên.

Quả có quả mười bảy: Nghĩa là trừ pháp giới, mười bảy giới còn lại là quả là có quả. Vì pháp hữu vi tánh yếu kém, nên lần lượt cùng làm nhân mới sinh khởi.

Một ba giác đã nói: Là pháp giới có ba thứ: Hoặc là quả không phải là có quả. Hoặc là quả là có quả. Hoặc không phải là quả không phải là có quả. Quả không phải là có quả: Nghĩa là số diệt. Quả là có quả: Nghĩa là pháp giới hữu vi. Không phải là quả không phải là có quả: Nghĩa là hư không phi số diệt.

*Ba giới ba thứ duyên
 Một dựa cũng như vậy
 Năm một, hoặc phân biệt
 Duyên khác chỉ nói một.*

Ba giới ba thứ duyên: Nghĩa là nhãn, nhĩ và ý thức giới có ba thứ duyên là thiện, bất thiện và vô ký.

Một dựa cũng như vậy: Tức chỗ dựa của ý thức giới cũng có ba thứ là thiện, bất thiện, vô ký.

Năm một: Nghĩa là năm thức dựa vào một thứ. *Hoặc phân biệt:* Nghĩa là đều cùng khởi năm căn và thứ lớp diệt ý. Nếu nhận lấy cùng sinh khởi và nương dựa tức là một vô ký, do năm căn chỉ là vô ký.

Nếu nhận lấy thứ lớp diệt ý thì có ba thứ, do ý giới là thiện, bất thiện, vô ký.

Lại nữa, phần nương dựa và phần duyên thứ đệ của nhãn thức nên phân làm bốn trường hợp: (1) Hoặc là phần nương dựa không phải là phần duyên thứ đệ. (2) Hoặc là phần duyên thứ đệ không phải là phần nương dựa. (3) Hoặc là phần nương dựa cũng là phần duyên thứ đệ. (4) Hoặc không phải là phần nương dựa cũng không phải là phần duyên thứ đệ.

Phần nương dựa không phải là phần duyên thứ đệ: Nghĩa là nhãn thức cùng sinh khởi với nhãn căn.

Phần duyên thứ đệ không phải là phần nương dựa: Nghĩa là tâm pháp của thứ lớp diệt kia.

Phần nương dựa cũng là phần duyên thứ đệ: Nghĩa là thứ lớp diệt ý.

Không phải là phần nương dựa cũng không phải là phần duyên thứ đệ: Nghĩa là trừ ba trường hợp trên.

Cho đến thân thức nương dựa cũng như vậy.

Hỏi: Ý thức nương dựa là duyên thứ đệ chăng?

Đáp: Đúng vậy. Ý thức nương dựa là duyên thứ đệ.

Hỏi: Từng có duyên thứ đệ không phải là ý thức nương dựa chăng?

Đáp: Ý thức nương dựa tương ưng với tâm pháp.

Hỏi: Nếu nhãn thức lấy ý giới làm sự nương dựa, thì vì sao gọi là nhãn thức mà không gọi là ý thức?

Đáp: Vì mắt là không cùng nương dựa. Như mầm của hạt giống, như tiếng trống. Mắt là không cùng nương dựa với nhãn thức, còn ý là cùng nương dựa, vì sáu thức thân lần lượt theo duyên thứ đệ sinh.

Duyên khác chỉ nói một: Nghĩa là tỷ thức, thiết thức, thân thức giới, ba giới này chỉ duyên nơi vô ký, do hương, vị, xúc hoàn toàn là vô ký. Ý giới tức sáu thức thân, vì lia chúng thì không có giới nào khác, nên không nói là pháp giới. Nếu tương ưng với tâm thì nói như tâm.

*Nếu mắt tùy sinh thấy
Nhĩ giới tùy sinh nghe
Ba giới tùy sinh giác
Ý giới tùy sinh thức.*

Nếu mắt tùy sinh, gọi là thấy. Tai tùy sinh gọi là nghe. Ba việc tùy sinh gọi là giác. Ý tùy sinh gọi là thức. Ba giới kia do phương tiện đắc, do lia dục đắc, do tu đắc tánh thần thông, là quả của định bốn chi, năm chi. Thế nên mắt và tai kia tùy sinh đều kiến lập riêng biệt. Ba căn còn lại tùy sinh, nhưng vì chúng không có tướng phần nên cùng kiến lập một.

Hỏi: Giác có nghĩa gì?

Đáp:

*Cảnh giới chỉ vô ký
Tâm giác ở trong chuyên
Tùy sinh ba thứ thức
Đấy tức gọi là giác.*

Hương, vị, xúc hoàn toàn là vô ký, vì vô ký nên nói là giác. Vì thế tùy sinh ba thức gọi là giác.

*Hai cảnh không thọ gần
Cảnh giới xa gần một
Khác hoàn toàn thọ gần
Chỗ dựa và cảnh giới.*

Hai cảnh không thọ gần: Nghĩa là cảnh giới của nhãn thức, nhĩ thức là không thọ gần. Như áp sát mắt vào sắc tức không thấy. Tai

cũng như thế, đặt gần sát thì không nghe. Tuy ở sâu bên trong nhưng vẫn nghe âm thanh xa từ bên ngoài.

Cảnh giới xa gần một: Nếu nói xa cũng không thấy nghe, thì đây tức là ý thức, bất luận cảnh giới xa hay gần cũng đều thọ nhận, trừ chính mình và những pháp tương ưng, cùng có, tất cả pháp khác đều thọ nhận.

Khác hoàn toàn thọ gần: Nghĩa là cảnh giới của tử, thiết, thân thức là thọ nhận gần, vì dựa vào duyên vô gián.

Chỗ dựa và cảnh giới: Nghĩa là tử thức, thiết thức, thân thức, ba thức này là cùng dựa, nhận lấy cảnh giới. Tử căn tiếp xúc với mùi hương vi tế, đồng đều mới sinh thức. Thiết căn, thân căn đối với vị xúc vi tế cũng như vậy. (Nghĩa là ở xứ căn trần hòa hợp mới sinh thức).

Hai giới nói bất định
Cảnh một giới cũng vậy
Năm giới dựa hoặc cùng
Một giới dựa nói xa.

Hai giới nói bất định: Là nhãn thức, nhĩ thức, chỗ dựa, duyên cùng bất định. Nhãn thức giới hoặc chỗ dựa lớn mà duyên nhỏ, như trông thấy đầu sợi lông. Hoặc chỗ dựa nhỏ mà duyên lớn, như trông thấy ngọn núi. Hoặc chỗ dựa và duyên đồng nhau, như trông thấy quả bò đào. Nhĩ thức cũng như thế.

Cảnh một giới cũng vậy: Tức cảnh giới của ý thức là cảnh giới bất định, hoặc lớn hoặc nhỏ. Vì là cảnh giới của tất cả pháp, vì dựa nơi vô hình, vì lớn nhỏ đều không thể nói, vì lìa ý giới, thì sáu thức không có thể riêng nên không nói. Tâm pháp thì như nói về tâm.

Năm giới dựa hoặc cùng: Nghĩa là năm thức thân, hoặc cùng với chỗ dựa kết hợp. Kết hợp nghĩa là năm căn. Cách xa là thứ lớp diệt ý.

Một giới dựa nói xa: Tức ý thức giới, chỗ dựa được nói là xa, nghĩa là thứ lớp diệt ý của giới kia.

*Mười một giới có hai
Sáu ba, một bốn thứ
Sự và báo nuôi lớn
Sát-na cùng dựa chũng.*

Mười một giới có hai: Nghĩa là năm nội giới, thanh giới và năm thức giới có hai thứ.

Sáu ba: Là sắc, hương, vị, xúc, ý giới, ý thức giới. Sáu giới này có ba thứ. *Một bốn thứ:* Là pháp giới có bốn thứ.

Hỏi: Vì sao chũng loại nói là hai, ba, bốn?

Đáp: *Sự và báo nuôi lớn, Sát-na cùng dựa chũng:* Tức nhãn giới kia có hai thứ là báo và nuôi lớn. Báo sinh kia là quả báo của nghiệp thiện, bất thiện. Ba đường ác là quả của nghiệp bất thiện, người trời là quả của nghiệp thiện. Mắt và các vật dụng, phạm hạnh, chánh thọ đã nuôi lớn. Vì sự nuôi lớn này không có tánh nương dựa riêng, nên không nói đến. Sự nương dựa vào sát-na cũng như vậy.

Như nhãn giới, thì nhĩ, tỷ, thiệt, thân giới cũng như thế.

Thanh giới cũng có hai thứ là nuôi lớn và nương dựa.

Hỏi: Vì sao âm thanh không phải là báo?

Đáp: Vì do phương tiện trong hiện tại sinh. Âm thanh là phương tiện của hiện tại sinh. Báo nghĩa là nghiệp của đời trước đã khởi. Âm thanh nghĩa là tùy theo dục sinh, còn báo không phải tùy theo dục sinh.

Lại nữa, âm thanh đối với âm thanh là có gián đoạn. Báo đối với báo không có gián đoạn. Nếu âm thanh là báo, tức nên như sắc, nơi tất cả thời không đứt đoạn, nhưng âm thanh thì có đứt đoạn, thế nên không phải là báo.

Năm thức giới có hai thứ là báo và chỗ dựa. Sắc, hương, vị, xúc giới có ba thứ là báo, chỗ dựa và nuôi lớn.

Ý giới có ba thứ là báo, chỗ dựa và sát-na. Sát-na là khổ pháp nhãn cùng sinh với ý giới. Ý thức giới cũng như vậy.

Pháp giới có bốn thứ là sát-na, báo, chỗ dựa và sự. Báo kia là quả báo của nghiệp thiện, bất thiện. Sát-na là quyền thuộc của khổ pháp nhãn. Chỗ dựa là trừ quyền thuộc của khổ pháp nhãn, còn lại là pháp giới hữu vi. Trừ báo, còn lại là pháp giới hữu vi vô ký không ẩn mất, pháp giới nhiễm ô. Pháp giới vô vi chỉ có sự.

*Sinh thân nhãn sắc giới
Tự địa và tha địa
Nếu nhãn thức kia sinh
Tự tha địa cũng vậy.*

Sinh cõi dục, thân cõi dục, mắt cõi dục, sắc cõi dục, nhãn thức cõi dục sinh. Như vậy sinh ở địa thiên thứ nhất, thân của địa thiên thứ nhất, mắt của địa thiên thứ nhất, sắc của địa thiên thứ nhất, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh. Đó gọi là tự địa.

Tha địa là sinh cõi dục, mắt của địa thiên thứ nhất thấy sắc cõi dục. Thân cõi dục kia, mắt của địa thiên thứ nhất, sắc cõi dục, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh.

Thấy thiên thứ nhất: Nghĩa là thân cõi dục kia, mắt, sắc của địa thiên thứ nhất, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh. Sinh cõi dục, mắt của địa thiên thứ hai thấy sắc cõi dục. Thân cõi dục kia, mắt của địa thiên thứ hai, sắc cõi dục, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh.

Thấy địa thiên thứ nhất: Nghĩa là thân cõi dục kia, mắt của địa thiên thứ hai, sắc của địa thiên thứ nhất, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh.

Thấy thiên thứ hai: Nghĩa là thân cõi dục kia, mắt, sắc của địa thiên thứ hai, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh. Sinh cõi dục, mắt

của địa thiên thứ ba thấy sắc cõi dục. Thân cõi dục kia, mắt của địa thiên thứ ba thấy sắc cõi dục, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh.

Thấy thiên thứ nhất: Nghĩa là thân cõi dục kia, mắt của địa thiên thứ ba, sắc của địa thiên thứ nhất, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh.

Thấy thiên thứ hai: Nghĩa là thân cõi dục kia, mắt của địa thiên thứ ba, sắc của địa thiên thứ hai, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh.

Thấy thiên thứ ba: Nghĩa là thân cõi dục kia, mắt, sắc của địa thiên thứ ba, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh.

Sinh cõi dục, mắt của địa thiên thứ tư thấy sắc cõi dục. Thân cõi dục kia, mắt của địa thiên thứ tư thấy sắc cõi dục, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh.

Thấy thiên thứ nhất: Nghĩa là thân cõi dục kia, mắt của địa thiên thứ tư, sắc của địa thiên thứ nhất, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh.

Thấy thiên thứ hai: Nghĩa là thân cõi dục kia, mắt của địa thiên thứ tư, sắc của địa thiên thứ hai, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh.

Thấy thiên thứ ba: Nghĩa là thân cõi dục kia, mắt của địa thiên thứ tư, sắc của địa thiên thứ ba, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh.

Thấy thiên thứ tư: Nghĩa là thân cõi dục kia, mắt sắc của địa thiên thứ tư, nhãn thức của địa thiên thứ nhất sinh.

Như nói sinh cõi dục, cho đến sinh nơi thiên thứ tư cũng như vậy.

Có sai biệt: Nghĩa là mắt của địa dưới không thấy sắc của địa trên. Sinh địa trên, mắt của địa dưới không hiện ở trước.

*Nhĩ giới như trước nói
Tỷ, thiệt giới tự địa
Thân xúc tức địa nói
Ý thức thì rất nhiều.*

Nhĩ giới như trước nói: Nghĩa là như trước đã nói về nhãn thức, nhĩ thức cũng như vậy.

Tỷ, thiết giới tự địa: Nghĩa là sinh cõi dục, thân cõi dục, mũi cõi dục, hương cõi dục sinh, tỷ thức của cõi dục sinh. Thiết giới cũng như vậy.

Thân xúc tức địa nói: Nghĩa là thân thức có khác biệt: sinh cõi dục, thân cõi dục, xúc cõi dục, thân thức của cõi dục sinh. Thiền thứ nhất cũng như vậy. Sinh thiền thứ hai: Thân, xúc của thiền thứ hai, thân thức của địa thiền thứ nhất sinh. Do biết xúc của tự địa nên không phải là tha địa sinh. Thiền thứ ba, thứ tư cũng như thế.

Ý thức thì rất nhiều: Hoặc là ý của tự địa, pháp của tự địa, ý thức của tự địa sinh, hoặc tha địa. Tự địa kia nghĩa là sinh cõi dục, ý của cõi dục, pháp của cõi dục, ý thức của cõi dục sinh. Cho đến sinh nơi xứ hữu tướng vô tướng cũng như thế. Tha địa nghĩa là sinh cõi dục, lúc chánh thọ, tâm thiện của cõi dục kia theo thứ lớp đạt chánh thọ của thiền thứ nhất, khởi ý của cõi dục kia, ý thức của địa thiền thứ nhất sinh pháp, hoặc hệ thuộc ba cõi, hoặc không hệ thuộc. Tâm thiện cõi dục theo thứ lớp của thiền thứ nhất được hiện ở trước. Ý của thiền thứ nhất kia, ý thức của cõi dục sinh pháp, hoặc hệ thuộc ba cõi, hoặc không hệ thuộc. Theo thứ lớp của thiền thứ nhất, hành chánh thọ của thiền thứ hai. Ý của thiền thứ nhất kia, ý thức của thiền thứ hai sinh pháp, hoặc hệ thuộc ba cõi, hoặc không hệ thuộc.

Như vậy, thiền thứ hai nơi thiền thứ nhất, thiền thứ nhất nơi thiền thứ hai, thiền thứ nhất nơi thiền thứ ba, thiền thứ ba nơi thiền thứ nhất, cho đến xứ hữu tướng vô tướng theo thứ lớp nghịch thuận siêu vượt nên nói rộng.

Có sai biệt: Nghĩa là chánh thọ này là ý giới, chánh thọ kia là ý thức. Nếu thiền là ý thức, là pháp thì hoặc hệ thuộc ba cõi, hoặc không hệ thuộc. Nếu vô sắc là ý thức, thì pháp kia ở nơi tự địa, địa trên và không hệ thuộc.

Lại nữa, chánh thọ tịnh nơi thiền thứ nhất theo thứ lớp là quả của cõi dục và thiền thứ nhất, nên tâm biến hóa được hiện ở trước. Ý của thiền thứ nhất kia sinh ý thức của cõi dục.

Pháp nghĩa là cõi dục biến hóa, tức là quả của cõi dục và thiền thứ nhất kia, theo thứ lớp khiến tịnh nơi thiền thứ nhất hiện ở trước. Ý của cõi dục kia khiến ý thức của thiền thứ nhất sinh pháp, hoặc hệ thuộc ba cõi, hoặc không hệ thuộc. Cho đến thiền thứ tư cũng như vậy.

Sinh nghĩa là mất ở cõi dục kia, sinh lên địa thiền thứ nhất, ý của cõi dục kia khiến ý thức của địa thiền thứ nhất sinh pháp, hoặc hệ thuộc cõi sắc, cõi vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Mất ở địa thiền thứ nhất, sinh vào cõi dục, ý của địa thiền thứ nhất kia khiến ý thức của cõi dục sinh pháp, hoặc hệ thuộc ba cõi, hoặc không hệ thuộc. Cho đến xứ hữu tướng vô tướng cũng như thế.

Mất là ý thọ. Sinh là ý thức, chỉ vì pháp của ý thức kia ở nơi tự địa, địa trên cùng không hệ thuộc.

*Như kia đắc nhãn giới
Hoặc kia nương dựa thức
Hai cùng đắc, không đắc
Cũng sắc cùng với xả.*

Như kia đắc nhãn giới: Tức hoặc nhãn giới không thành tựu thì được thành tựu, không phải là nhãn thức giới. Nghĩa là mất ở cõi vô sắc, sinh nơi các thiền thứ hai, thứ ba, thứ tư, hoặc sinh vào cõi dục, dần được nhãn căn.

Hoặc kia nương dựa thức: Tức hoặc là nhãn thức giới không thành tựu thì được thành tựu, không phải là nhãn giới, nghĩa là mất ở địa của ba thiền trên, sinh nơi cõi dục và thiền thứ nhất. Nếu trụ ngay thì nhãn thức kia hiện ở trước.

Hai cùng đắc: Nghĩa là hoặc nhãn và nhãn thức giới cùng đắc. Tức mất ở cõi vô sắc, sinh nơi cõi dục và thiền thứ nhất.

Cùng không đắc: Nghĩa là không phải nhãn giới không thành tựu thì được thành tựu, cũng không phải là nhãn thức giới không thành tựu thì được thành tựu. Nghĩa là sinh nơi cõi dục không mất nhãn căn và ở trên cõi Phạm thiên, hoặc mạng chung sinh nơi Phạm thiên và cõi dục. Ở nơi các thiên thứ hai, thứ ba, thứ tư mạng chung sinh trở lại nơi các thiên ấy. Hoặc mất ở vô sắc, sinh lại nơi cõi vô sắc.

Cũng sắc: Nghĩa là nếu sắc giới không thành tựu thì được thành tựu, thì đây tức là nhãn giới không thành tựu, được thành tựu.

Hoặc nhãn giới không phải là sắc giới. Nghĩa là sinh nơi cõi dục dần được nhãn căn, nếu sắc giới không thành tựu thì được thành tựu, là nhãn thức giới kia chăng? Nên nêu ra bốn trường hợp:

(1) Sắc giới không thành tựu được thành tựu không phải là nhãn thức giới: Nghĩa là mất ở cõi vô sắc sinh trong ba thiên trên.

(2) Nhãn thức giới không thành tựu được thành tựu không phải là sắc giới: Nghĩa là tức mất ở ba thiên kia, sinh nơi cõi dục và thiên thứ nhất. Nếu trụ ngay nơi thiên ấy thì nhãn thức hiện tiền.

(3) Sắc giới không thành tựu được thành tựu cũng là nhãn thức giới: Nghĩa là mất ở cõi vô sắc, sinh nơi cõi dục và thiên thứ nhất.

(4) Không phải là sắc giới cũng không phải là nhãn thức giới: Nghĩa là trừ từng ấy sự việc trên.

Cùng với xả: Nghĩa là như nói về đắc, xả cũng nói rộng như thế.

*Hai thức, thức sắc giới
Cho đến xúc cũng vậy
Nơi mười ba giới khác
Hoàn toàn ý thức duyên.*

Hai thức, thức sắc giới: Nghĩa là sắc giới có hai thức nhận thức là nhãn thức và ý thức. Tự tướng của nhãn thức giới, tự tướng của ý thức giới và cộng tướng.

Cho đến xúc cũng vậy: Tức thanh giới có hai thức nhận thức là nhĩ thức và ý thức. Tự tướng của nhĩ thức giới, tự tướng của ý thức giới và cộng tướng. Cho đến xúc giới có hai thức nhận thức là thân thức và ý thức, là tự tướng của thân thức, tự tướng của ý thức và cộng tướng. Do là cảnh giới nơi tự tướng của năm thức thân, vì không tư duy, vì cảnh giới hiện tại, vì nhất niệm.

Nơi mười ba giới khác, Hoàn toàn ý thức duyên: Nghĩa là năm sắc căn, bảy tâm giới và pháp giới. Mười ba giới này hoàn toàn là ý thức, là tự tướng và cộng tướng của thức. Ý thức này có hai thứ là duyên hoại và duyên không hoại. Duyên không hoại tức là duyên của mười ba giới này. Duyên hoại nghĩa là mười ba giới với năm cảnh giới, mỗi mỗi đều duyên hợp, cho đến duyên chung nơi mười tám giới.

*Thức tư duy ba thứ
Là ý trong dục hữu
Sắc, vô sắc phân biệt
Một chủng là giới khác.*

Thức tư duy ba thứ, Là ý trong dục hữu: Nghĩa là ý thức của cõi dục có ba thứ tư duy: Tư duy tự tánh, tư duy tùy ức và tư duy phân biệt. Tư duy tự tánh: Là giác. Tư duy tùy ức: Là niệm của ý địa. Tư duy phân biệt: Là tuệ bất định của ý địa. Ba tư duy này là tư duy của ý thức nơi cõi dục.

Sắc, vô sắc phân biệt: Nghĩa là ý thức của cõi sắc, cõi vô sắc hoặc có ba thứ: Địa thiên thứ nhất bất định. Nhập định có hai. Bất định có ba. Ý thức của ba thiên trên bất định có hai, trừ tư duy tự tánh. Nếu định là một, là tư duy tùy ức.

Có thuyết nói: Cõi vô sắc không có bất định. Nghĩa là cõi ấy chỉ có một thứ là tư duy tùy ức. Nếu nói có bất định thì định có một, bất định có hai.

Một chủng là giới khác: Tức năm thức thân nói là giới khác, chỉ có tư duy tự tánh, vì bất lợi.

Hỏi: Như vậy là đã phân biệt về pháp tướng. Thế nào là gồm thân pháp, là tự tánh hay là tha tánh?

Đáp: Là tự tánh. Vì sao?

*Các pháp lia tha tánh
Đều tự trụ tánh mình
Nên nói tất cả pháp
Đều thuộc về tự tánh.*

Các pháp lia tha tánh: Nghĩa là nhãn giới lia mười bảy giới, vì tánh khác. Giới còn lại cũng như vậy. Không nên nói, nếu lia tánh là gồm thân, vì tướng khác. Nên nói là thuộc về tự tánh, không phải là tha tánh.

Đều tự trụ tánh mình: Nghĩa là tất cả tánh đều trụ nơi tự tướng, vì tánh này không phải là tướng khác. Nên nói nếu trụ là gồm thân, không phải là thứ khác.

Nói nghĩa gồm thân là thuộc về tự tánh của tất cả pháp. Tức tự tánh của tự tánh là chẳng không, không phải thứ khác, như sắc của sắc là chẳng không.

Lại nữa, nói nghĩa cùng nắm giữ là gồm thân. Như Khê kinh nói: “Như ở giữa lầu quán, các cây gỗ đã nương dựa để làm cho lầu quán thêm nổi bật”. Như đã nói: Như chỉ tơ giữ lấy áo. Như then cửa giữ lấy cánh cửa. Như búa giữ lấy củi.

Hoặc nói về phương tiện gồm thân, như đã nói: Trong năm căn này, tuệ là hàng đầu, nghĩa là gồm thân. Hoặc nói hòa hợp gồm thân: Nghĩa là bốn nghiệp sự có thể gồm thân các chúng sinh.

Hoặc nói tùy thuận gồm thân. Như đã nói: Đẳng kiến, đẳng chí, đẳng phương tiện đều là thân của tuệ. Hoặc nói vì thân nhận nên gọi là gồm thân, nghĩa là hòa với trên, do thuộc tài pháp.

Những lời ấy là ngôn thuyết của thể tục, không phải là gồm thâu rốt ráo. Tụ tánh gồm thâu tụ tánh là đệ nhất nghĩa rốt ráo. Có ba đoạn gồm thâu. Ở đây nói là tụ tánh gồm thâu. Tụ tánh gồm thâu như vậy là không bỏ đệ nhất nghĩa. Đã nói tụ tánh gồm thâu. Như nhãn giới gồm thâu một giới, một nhập, một âm, không gồm thâu mười bảy giới, mười một nhập, năm âm.

Lại nữa, mắt bên phải gồm thâu mắt bên phải. Mắt bên trái gồm thâu mắt bên trái. Mắt có hai thứ là nuôi lớn và báo. Nuôi lớn gồm thâu nuôi lớn. Báo gồm thâu báo.

Báo lại có hai thứ là báo của nghiệp thiện và báo của nghiệp bất thiện. Báo của nghiệp thiện gồm thâu báo của nghiệp thiện. Báo của nghiệp bất thiện gồm thâu báo của nghiệp bất thiện.

Báo của nghiệp bất thiện có ba thứ là ba nẻo ác: Súc sinh gồm thâu súc sinh. Ngạ quỷ, địa ngục cũng như vậy.

Báo của nghiệp thiện có hai thứ là người, trời. Người gồm thâu người, trời gồm thâu trời. Quá khứ gồm thâu quá khứ, vị lai, hiện tại cho đến sát-na gồm thâu sát-na.

*Trong giới nói một giới
 Âm nhập cũng như vậy
 Như thế âm nhập giới
 Gồm thâu tất cả pháp.*

Một giới là pháp giới. Một nhập là ý nhập. Một âm là sắc âm.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN TẠP A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 2

Phẩm thứ 2: HÀNH

Đã nói các pháp trụ nơi tự tướng, pháp sinh nay sẽ nói. Nếu do các pháp gồm thân tự tánh để cho là chúng do tự lực sinh thì không đúng. Vì sao?

*Rốt ráo không thể sinh
Vi dụng là đồng bạn
Sức tất cả các duyên
Các pháp mới được sinh.*

Rốt ráo không thể sinh, Vi dụng là đồng bạn: Nghĩa là vì tự tánh của các hành là yếu kém nên không thể tự sinh.

Hỏi: Nếu không tự sinh thì làm sao để sinh?

Đáp:

*Sức tất cả các duyên
Các pháp mới được sinh.*

Như người và thuyền nhờ nhau mới được qua đến bờ bên kia. Do sức của tất cả các duyên kia, nên tâm tâm pháp lần lượt sinh. Thân nhận cảnh giới cũng như vậy. Trước nên nói tâm tâm pháp do trợ bạn sinh.

*Nếu lúc tâm kia khởi
Tâm ấy tất cùng có
Các tụ như tâm pháp
Cùng hành bất tương ưng.*

Các hành lần lượt làm nhân cho nhau sinh ra tâm kia. Hoặc nương dựa, hoặc duyên, hoặc sát-na sinh, các tụ như tâm pháp v.v... kia sinh.

Hỏi: Thế nào là các tụ như tâm tâm pháp v.v...?

Đáp:

*Tướng, dục cùng xúc, tuệ
Niệm, tư và giải thoát
Úc, định cùng với thọ
Đây nói tụ như tâm...*

Tướng là ở nơi cảnh giới giữ lấy hình tượng, diện mạo. *Dục* là ở nơi duyên dục thọ nhận. *Xúc* là ở nơi nương dựa, duyên kết, tâm hòa hợp sinh ra cảnh giới xúc. *Tuệ* là đối với duyên quyết định xét kỹ chắc chắn.

Niệm là đối với duyên ghi nhớ không quên. *Tư* là công đức và lỗi ác đều cùng trái nhau, tâm tạo tác chuyển biến. *Giải thoát* là đối với duyên dấy khởi tưởng nhận lấy hạn lượng kia, vì sự việc ấy tất như vậy.

Úc là đối với duyên phát sinh tỏ ngộ. *Định* là thọ nhận duyên không tán loạn. *Thọ* là đối với cảnh giới đáng vui thích, không đáng vui thích, cùng trái nhau đều thọ nhận.

*Lúc tất cả tâm sinh
Thánh đã nói là sinh
Đồng chung một duyên hành
Cũng lại thường tương ưng.*

Tất cả tâm thiện, bất thiện, vô ký của mười pháp này đều cùng sinh nơi đại địa có thể đạt được, nên nói là đại địa.

Đồng chung một duyên hành: Nghĩa là tất cả tâm đồng nơi một duyên chuyển, không lìa nhau, không có hai quyết định.

Cũng lại thường tương ưng: Nghĩa là lần lượt đều cùng kết hợp và cùng với tâm đều luôn tương ưng để làm xong một công việc.

Hỏi: Tương ưng có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa như nhau là nghĩa của tương ưng.

Hỏi: Tâm pháp hoặc nhiều, hoặc ít, vì sao nghĩa như nhau là nghĩa của tương ưng?

Đáp: Vì sự việc như nhau. Nếu trong một tâm có hai tướng, hai thọ, thì không phải là nghĩa tương ưng, vì một tâm, sinh một tướng. Tâm pháp khác cũng như vậy. Do vậy nên nghĩa như nhau là nghĩa của tương ưng.

Lại nữa, các nghĩa như nhau về thời, nương dựa, hành, duyên là nghĩa của tương ưng. Thời như nhau: Là thời gian một sát-na sinh ra. Nương dựa như nhau: Là như tâm dựa vào mắt sinh tâm, pháp cũng như vậy. Hành như nhau: Là như tâm hành nơi màu xanh sinh thì tâm pháp cũng như vậy. Duyên như nhau: Là nếu tâm duyên nơi sắc sinh thì tâm pháp cũng duyên nơi sắc. Cho nên nói là thường tương ưng.

Đã nói tâm pháp chung nơi tất cả. Tâm pháp không chung nay sẽ nói.

*Các căn có hổ thẹn
Tín, ý, không phóng dật
Không hại, tinh tấn, xả
Tất cả tâm thiện hợp.*

Các căn: Nghĩa là hai căn thiện tức không tham và không sân. Đối với đời sống và các thứ tiền của, vật dụng dứt bỏ tâm tham đắm,

gọi là *không tham*. Đối với số chúng sinh và phi số chúng sinh, trừ diệt mọi giận dữ, gọi là *không sân*.

Đối với các thứ lỗi làm xấu ác, tự thấy chán lia, gọi là *hổ*. Đối với các lỗi làm xấu ác cảm thấy xấu hổ đối với người khác gọi là *thẹn*.

Đối với Tam bảo, bốn đế, tâm luôn tịnh gọi là *tín*. Thân, tâm đều lia ác gọi là *ỷ tức* (Khinh an). Hành tác phương tiện thiện, lia bỏ việc xấu ác không làm, gọi là *không phóng dật*.

Không bức bách người khác gọi là *không hại*. Đoạn dứt điều ác đã khởi, chưa khởi, phát sinh điều thiện đã khởi, chưa khởi, mong muốn dùng phương tiện để siêng năng tu tập không dừng, gọi là *tinh tấn*. Tâm bình đẳng gọi là *xả*.

Mười pháp thiện này chung cho tất cả tâm thiện. Nếu năm thức hữu lậu, vô lậu cùng tương ưng với ý thức, nên nói là đại địa thiện.

Đã nói đại địa thiện. Về đại địa phiền não nay sẽ nói.

*Hiểu tà, nhớ bất chánh
Trí không thuận, thất niệm
Bất tín, biếng nhác, loạn
Vô minh, trạo, phóng dật.*

Hiểu biết điên đảo gọi là *hiểu tà* (Tà giải). Thọ nhận cảnh giới tà vạy gọi là *nhớ bất chánh*.

Quyết định điên đảo gọi là *trí không thuận*. Ghi nhận sai quấy, quên nhận lãnh gọi là *thất niệm*.

Đối với Tam bảo, bốn đế tâm bất tịnh gọi là *bất tín*. Không dứt trừ điều ác đã khởi, chưa khởi, không phát sinh việc thiện đã khởi, chưa khởi, không siêng năng hành tác phương tiện, gọi là *biếng nhác*. Bị cảnh giới lôi cuốn, phân tán theo các duyên gọi là *loạn*.

Biên vực trước v.v... không nhận biết gọi là *vô minh*. Tâm lay động không dừng gọi là *trạo* (Trạo cử). Lìa phương tiện tạo thiện gọi là *phóng dật*.

*Đại địa phiền não mười
Tất cả tâm cấu uế
Không hổ và không thẹn
Gọi đại địa bất thiện.*

Đại địa phiền não mười, Tất cả tâm cấu uế: Nghĩa là mười pháp như tà giải này là cùng kết hợp với tất cả tâm cấu uế, tức ở nơi năm thức thân và địa ý thức của cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc. Thế nên nói là đại địa phiền não.

Hỏi: Thùy miên cũng cùng kết hợp với tất cả tâm cấu uế, vì sao không lập là đại địa phiền não?

Đáp: Vì thùy miên thuận với chánh thọ. Nghĩa là chúng sinh thùy miên được trừ bỏ thì mau phát khởi định, nên không lập. Như đại địa và đại địa phiền não kia nên tạo ra bốn trường hợp: (1) Hoặc có đại địa không phải là đại địa phiền não: Nghĩa là thọ, tưởng, tư, xúc, dục. (2) Hoặc có đại địa phiền não không phải là đại địa: Nghĩa là bất tín, biếng nhác, vô minh, trạo, phóng dật. (3) Hoặc có đại địa cũng là đại địa phiền não: Nghĩa là ức, giải thoát, niệm, định, tuệ. (4) Hoặc không phải là đại địa cũng không phải là đại địa phiền não: Nghĩa là trừ từng ấy sự việc trên.

Đã nói đại địa phiền não. Đại địa bất thiện nay sẽ nói.

*Không hổ và không thẹn
Gọi đại địa bất thiện.*

Nghĩa là đối với các lỗi làm xấu ác không tự chán lìa gọi là không hổ. Đối với các thứ lỗi làm xấu ác, không hổ thẹn với người khác, gọi là không thẹn. Hai pháp này hoàn toàn là bất thiện, tương ưng với tất cả tâm bất thiện, cho nên lập trong đại địa bất thiện.

Đã nói đại địa bất thiện. Đại địa tiểu phiền não nay sẽ nói.

Phẫn, hận, cuồng, xan, tật
Não, siểm, phú, cao, hại
Các phiền não như vậy
Nói là đại địa tiểu.

Đối với việc tạo lợi ích thì không tạo lợi ích, nên làm thì không làm, không nên làm lại làm, giận dữ nối tiếp nhau sinh, gọi là *phẫn*. Đối với việc đáng mong muốn thì không thể mong muốn, việc nên làm thì không làm, việc không nên làm lại làm, phẫn uất nối tiếp nhau sinh gọi là *hận*. Vì khi dễ người kia nên hiện bày tướng thừa sự gọi là *cuồng* (Dối gạt). Tiếc chấp nơi của cải, giáo pháp gọi là *xan* (Keo kiệt). Đối với lợi dưỡng, sự cung kính, danh dự, công đức của người khác, tâm không nhận chịu, luôn đổ ky, gọi là *tật* (Ganh ghét).

Đối với sự việc không mong muốn, lại gặp sự việc đã mong muốn, trái với tư duy, tâm nóng nảy, gọi là *não*. Che giấu tự tánh quanh co, thuận theo thời để thích nghi gọi là *siểm* (Dua nịnh). Vì danh lợi nên tự che giấu lỗi ác gọi là *phú* (Che giấu). Gây trở ngại cho người khác bằng cách nói về tộc họ, phô bày về của cải giàu có, sắc lực, phạm hạnh, giữ giới, trí tuệ, chánh nghiệp, tâm tự thị, gọi là *cao*. Muốn bức bách người khác gọi là *hại*.

Mười pháp trên đây nói là đại địa tiểu phiền não, vì không có chung nên do tu đạo đoạn trừ, không phải do kiến đạo đoạn trừ. Ở ý địa không ở nơi năm thức, không phải một tâm đều cùng sinh, hiện hành đều khác, tức có một thì không có hai.

Hỏi: Đại địa, đại địa thiện, đại địa phiền não, đại địa bất thiện, đại địa tiểu phiền não có những sai biệt gì?

Đáp: Đại địa có bốn loại là thiện, bất thiện, vô ký ần mắt (Hữu phú vô ký) và vô ký không ần mắt (Vô phú vô ký). Đại địa thiện chỉ

có thiện. Đại địa phiền não có hai thứ: Bất thiện và vô ký ần mất. Đại địa bất thiện chỉ có bất thiện. Trong đại địa tiểu phiền não, thì công, siểm, cao có hai loại bất thiện và vô ký ần mất, số còn lại hoàn toàn là bất thiện.

*Trong phẩm tâm bất thiện
Tâm pháp hai mươi một
Dục ba kiến giảm một
Hai kiến trừ ba thứ.*

Trong phẩm tâm bất thiện, Tâm pháp hai mươi một: Tức bất thiện nghĩa là phiền não của cõi dục tương ưng, trừ thân kiến, biên kiến. Do chuyển thành quả không yêu thích nên gọi là bất thiện. Bất thiện có tám thứ: Tham, sân, mạn, nghi, tà kiến, kiến thủ, giới thủ, vô minh không chung và vô minh tương ưng với bảy thứ ấy. Tâm tham, sân, mạn, nghi kia có hai mươi một pháp sinh chung với mười đại địa cùng mười pháp như biếng nhác v.v... Nghĩa là biếng nhác, vô minh, bất tín, phóng dật, trạo cử, thù miên, giác, quán, không hổ, không thẹn.

Dục ba kiến giảm một: Nghĩa là tà kiến, kiến thủ, giới thủ của cõi dục. Tâm tương ưng với các kiến ấy có hai mươi một pháp cùng sinh, trừ tuệ.

Hai kiến trừ ba thứ: Nghĩa là thân kiến, biên kiến của cõi dục. Tâm tương ưng với các kiến ấy có mười tám pháp cùng sinh, trừ tuệ và không hổ, không thẹn. Các pháp khác như trước đã nói. Trừ không hổ, không thẹn vì hoàn toàn là bất thiện, không có hai tuệ, vì sử kiến tức là tuệ.

*Dục thiện hai mươi hai
Bất cộng có hai mươi
Vô ký nói mười hai
Hối miên cùng tức tăng.*

Dục thiện: Nghĩa là tâm tịnh của cõi dục chuyển thành quả yêu thích có ba loại là sinh đắc và vãng, tư. Tâm kia có hai mươi hai pháp cùng sinh là mười đại địa, mười đại địa thiện và giác, quán.

Bất cộng có hai mươi: Tức bất cộng gọi là tâm kia chỉ riêng một, phiền não vô minh có hai mươi tâm pháp cùng sinh, trừ một phiền não.

Vô ký nói mười hai: Nghĩa là tâm vô ký không ẩn mất của cõi dục có bốn loại là báo sinh, oai nghi, công xảo và tâm biến hóa. Bốn loại tâm vô ký kia có mười hai tâm pháp cùng sinh là mười đại địa và giác, quán.

Hối miên cùng tức tăng: Nghĩa là tâm theo đuổi, biến đổi gọi là hối, là thiện, bất thiện, vô ký. Trong phẩm tâm kia là hối tiếc, ghét bỏ. Ngoài ra như trước đã nói. Nên biết hối có ba loại là thiện, bất thiện và vô ký không ẩn mất. Không phải là thứ khác, vì là tự lực. Phái Tỳ-bà-sa nói: Không muốn khiến hối có vô ký, do hối vốn nhanh nhẹn, nhạy bén. Miên là thân tâm mờ tối, duyên sơ sài nơi cảnh giới, gọi là miên. Tất cả năm phẩm tâm kia đều cùng sinh, tức nơi phẩm tâm kia tăng miên, hoặc hối, miên cùng sinh, ở trong ba phẩm tăng hai.

Hỏi: Đây là nói tâm của cõi dục, còn cõi sắc thì thế nào?

Đáp:

*Thiền nhất là bất thiện
Ngoài biết như dục hữu
Thiền trung gian trừ giác
Ở trên quán cũng vậy.*

Thiền thứ nhất không có bất thiện. Thiền ấy có bốn phẩm tâm: Thiện, bất cộng, vô ký ẩn mất và vô ký không ẩn mất. Các phẩm tâm này trừ không hổ, không thẹn, phần còn lại như nói về cõi dục.

Phẩm thiện kia có hai mươi hai. Ái, mạn, nghi cùng sinh có mười chín. Năm kiến và bất cộng cùng sinh có mười tám. Vô ký không ẩn mất có mười hai. Không hổ, không thẹn hoàn toàn là bất thiện. Cõi sắc, cõi vô sắc kia không có hối, miên cũng như vậy.

Thiền trung gian trừ giác, ngoài ra như đã nói về thiền thứ nhất.

Ở trên quán cũng vậy: Nghĩa là ở nơi thiền thứ hai, thứ ba, thứ tư và cõi vô sắc đều không có quán.

Đã nói về tâm tâm pháp do sức của trợ bạn sinh. Về sắc nay sẽ nói.

*Cực vi tại bốn căn
Mười thứ cần phải biết
Thân căn chín, khác tám
Nghĩa là địa có hương.*

Cực vi tại bốn căn, Mười thứ cần phải biết: Nghĩa là bốn căn có mười thứ cực vi cùng sinh bốn đại: Là sắc, hương, vị, xúc. Nhãn căn, thân căn, nhĩ, tỷ, thiệt căn cũng như vậy.

Thân căn chín: Nghĩa là thân căn khác có chín loại, tức chỉ có chủng loại của thân căn kia, ngoài ra như trước đã nói. *Khác tám*: Nghĩa là lia tám loại cực vi của căn sắc, hương, vị, xúc.

Hỏi: Các cực vi này là nói ở giới nào?

Đáp: *Nghĩa là địa có hương*. Tức trong cõi dục, cực vi cùng với hương hòa hợp. Hương và vị không lia nhau, có hương tức có vị. Cực vi của cõi sắc vì không phải là tánh của đoạn thực, nên lia hương, vị. Cực vi của bốn căn nơi cõi sắc có tám loại. Cực vi của thân căn khác có bảy loại. Cực vi ngoài có sáu loại.

Hỏi: Nếu cực vi của nhãn căn có mười loại thì vì sao không phải mất tức là sắc mà tức là thứ khác. Như vậy thì tánh của pháp là tạp loạn, cùng trái với A-tỳ-đàm, vì A-tỳ-đàm nói nhãn căn gồm thâu một giới, một nhập và một ám?

Đáp: Có hai thứ cực vi là Sự cực vi và Tự cực vi.

Sự cực vi nghĩa là cực vi của nhãn căn, tức là cực vi của nhãn căn ở nơi cực vi khác đều nói là từ sự cực vi. Do sự cực vi nên A-tỳ-đàm nói nhãn căn gồm thâu một giới, một nhập, một âm.

Tự cực vi là rất nhiều sự, ở đây là nói về tự cực vi, vì trụ nơi tự tướng nên pháp tướng không tạp loạn. Như pháp tương ưng với tâm, nhưng tướng kia đều khác, không phải là tạp loạn. Tự cực vi kia cũng như vậy. Về bốn loại nghĩa xa, sau phẩm này sẽ nói.

Hỏi: Trước đã nói nếu tâm sinh, tất tâm pháp cùng sinh cùng với hành bất tương ưng. Đã nói tâm pháp, còn tâm bất tương hành thì thế nào?

Đáp:

*Tất cả pháp hữu vi
Sinh, trụ và dị, diệt
Đây cũng có bốn tướng
Lần lượt lại cùng tạo.*

Tất cả pháp hữu vi, Sinh, trụ và dị, diệt: Nghĩa là tất cả pháp hữu vi có bốn tướng là sinh, trụ, dị, diệt. Vì khởi trong đời nên sinh. Đã khởi lập sự việc của mình nên trụ. Đã trụ nhưng uy lực suy nên dị (Đổi khác). Đã đổi khác nên uy lực hư hoại tức diệt. Tướng này nói là tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Nếu tất cả pháp hữu vi có bốn tướng tức nên tướng lại có tướng nữa chăng?

Đáp: Đây cũng có bốn tướng: Tức tướng này đều cùng sinh, là sinh sinh, trụ trụ, dị dị, diệt diệt.

Hỏi: Nếu như vậy tức là vô cùng chăng?

Đáp: Lần lượt lại cùng tạo: Nghĩa là cùng tùy thuận, cùng lần lượt, cùng sinh, nên không phải là vô cùng. Sinh trước, sinh của sinh

nơi sinh, là sinh của sinh nơi sinh theo sinh trước. Như thế, trụ của trụ nơi trụ, mỗi mỗi đều cùng trụ. Dị của dị nơi dị, mỗi mỗi đều cùng dị. Diệt của diệt nơi diệt, mỗi mỗi đều cùng diệt.

Hỏi: Cùng tùy thuận, cùng lần lượt, cùng tạo, thì tướng trước tạo bao nhiêu pháp?

Đáp:

*Nên biết bốn tướng trước
Tướng đều tạo tám pháp
Tùy tướng cũng nên biết
Tướng tướng chỉ cùng một.*

Nên biết bốn tướng trước, Tướng đều tạo tám pháp: Tức bốn tướng trước, mỗi mỗi tướng tạo tám pháp. Nghĩa là sinh trước, trừ tự mình, sinh khởi tám pháp. Ba tướng, bốn tùy tướng và pháp kia. Trụ: Là trừ tự mình, trụ nơi tám pháp. Dị: Là trừ tự mình, dị nơi tám pháp. Diệt: Là trừ tự mình, diệt nơi tám pháp. Ba tướng, bốn tùy tướng và tự tánh của pháp kia, không tự tạo, vì tự tánh không tự diệt, như đầu ngón tay không tự xúc chạm.

Hỏi: Tùy tướng tạo bao nhiêu pháp?

Đáp: *Tùy tướng cũng nên biết, Tướng tướng chỉ cùng một:* Tức bốn tùy tướng này mỗi tướng đều tạo một pháp. Tùy theo sinh của sinh và sinh trước. Tùy theo trụ của trụ và trụ trước. Tùy theo dị của dị và dị trước. Tùy theo diệt của diệt và diệt trước.

Đã nói các hành lần lượt cùng sinh. Như cùng một lúc sinh không tạp loạn, nay sẽ nói.

*Dị tánh, tướng nói xa
Xứ sở, thời cũng vậy
Giới, chủng cùng đại địa
Phân biệt tánh các thức.*

Dị tánh, tướng nói xa, Xứ sở, thời cũng vậy: Nghĩa là xa có bốn loại: Dị tánh xa, tướng xa, xứ sở xa và thời xa.

Hỏi: Những gì là pháp xa?

Đáp: Giới, chủng cùng đại địa, Phân biệt tánh các thức.

Dị tánh xa: Là như trong một thân, có giới thiện, giới ác, vô tác nối tiếp sinh, tuy ở trong một thân, cùng một lúc khởi, đồng là tánh vô tác, nhưng tánh đều khác, nên nói là xa.

Tướng xa: Là bốn đại chủng lần lượt cùng nuôi dưỡng, cùng trụ nơi một xứ, hợp làm một thể, nhưng tướng của chúng đều khác, nên nói là xa.

Xứ sở xa: Như Chấn đán đối với Thiên trúc, về đất đai tuy cùng một lúc sinh, hợp thành một thể, nhưng vì xứ sở kia là khác, nên nói là xa.

Thời xa: Là mắt sinh ra nhãn thức, nhãn thức ấy sinh sau sinh trước, thời gian là xa, nên nói là xa.

Đã nói các hành cùng một lúc sinh khởi không tạp loạn. Các hành từ nơi nhân sinh, nhân ấy nay sẽ nói.

*Sở tác, cộng, tự phần
Nhất thiết tương ưng báo
Từ sáu thứ nhân này
Chuyển sinh pháp hữu vi.*

Nghĩa là nhân sở tác, nhân cộng hữu, nhân tự phần, nhân nhất thiết biến, nhân tương ưng và nhân báo, sáu nhân này gồm thấu tất cả nhân. Sáu nhân này sinh ra tất cả hành hữu vi.

Đã nói tên của nhân. Mỗi mỗi tướng của nhân nay sẽ nói.

*Tương tự, không tương tự
Đều trừ tự tánh kia*

*Tất cả là nhân tác
Lúc sinh không chướng ngại.*

Tương tự không tương tự, Điều trừ tự tánh kia, Tất cả là nhân tác: Nghĩa là nếu pháp giống nhau, không giống nhau, trừ tự tánh của chúng, đều lần lượt làm nhân, nói là nhân sở tác. Vì sao? Vì lúc sinh không có chướng ngại. Tức lúc pháp sinh, trừ tự tánh, tất cả tánh đều tự trụ nơi phần khác, cùng sinh ra không chướng ngại. Như nhân nơi địa, nên tạo nghiệp tịnh, bất tịnh. Do nhân nơi không nên được tới lui qua lại. Như nhãn thức lúc sinh, vì mười bảy giới không chướng ngại, nên sinh ra tất cả giới như vậy.

Hỏi: Vì sao tự tánh đối với tự tánh không phải là nhân sở tác?

Đáp: Vì tự tánh không tự tạo. Vì tự tánh đối với tự tánh là không tự nương dựa, vì không nuôi dưỡng, không hao tổn, không thọ nhận, không hại, không nắm giữ, không hư hoại, không tăng không giảm, không thành, không bại, không chướng ngại, gọi là nhân sở tác. Vì tự tánh đối với tự tánh không là không chướng ngại nên không lập làm nhân sở tác.

Hỏi: Nếu không chướng ngại là nhân sở tác, thì vì sao tất cả pháp không trong một lúc cùng sinh và cùng diệt mà là lúc sinh rồi diệt, diệt rồi sinh?

Đáp: Vì không hòa hợp, nên tuy có nhân sở tác, nhưng cần phải có hòa hợp mới sinh. Cũng không phải tất cả pháp trong cùng một lúc hòa hợp sinh, hòa hợp diệt. Cũng không phải một hòa hợp sinh hai quả.

Hỏi: Nếu như vậy thì như có một người giết chúng sinh, các chúng sinh khác không bị chướng ngại. Vì sao kẻ giết kia có tội, không phải là các chúng sinh khác?

Đáp: Vì không có phần tâm ác, lại vì không tạo nghiệp. Đối với trộm cắp v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Nếu vật bên ngoài là chỗ sinh khởi tăng thượng của tất cả chúng sinh, thì vì sao không cho mà lấy không đối với tất cả chúng sinh bị tội trộm cắp?

Đáp: Vì không có phần thọ nhận, vì không có công sức của người. Nếu hết thảy chúng sinh đối với người kia đều có phần thọ nhận và công sức của người thì kẻ nhận lấy đối với người kia tức bị tội trộm cắp. Cũng không phải một vật nơi tất cả chúng sinh thọ nhận cùng công sức của người đều có ba loại tăng thượng là tự tăng thượng, pháp tăng thượng và thể tăng thượng.

Tự tăng thượng: Là người kia khởi lên cảnh giới phiền não hiện ở trước, có thể tự giữ gìn, không bị nghiệp tội, chớ khiến ta phải thọ nhận khổ.

Pháp tăng thượng: Là như có người hiểu biết rộng, người ấy khởi lên cảnh giới phiền não hiện ở trước, nhưng vì giữ gìn pháp nên không tạo tội.

Thể tăng thượng: Là như có một Đại đức danh tiếng, vị này khởi lên cảnh giới phiền não hiện ở trước, nhưng vì hộ trì thể gian nên không tạo tội.

Đã nói về nhân sở tác. Nhân cộng hữu nay sẽ nói.

*Một khởi tánh có dựa
Cũng lại nói không dựa
Nên biết nhân cộng hữu
Lần lượt làm nhân quả.*

Một khởi tánh có dựa, Cũng lại nói không dựa, Nên biết nhân cộng hữu: Nghĩa là cùng một lúc sinh tâm tâm pháp, tùy theo tâm chuyển. Đạo của tâm bất tương ưng hành cùng định, cùng giới và bốn đại cùng sinh. Các pháp này được nói là nhân cộng hữu.

Lần lượt làm nhân quả: Nghĩa là nếu khởi cùng một lúc lần lượt làm quả thì nhân cộng hữu này có mười một nhập, tuy cùng một lúc sinh, nhưng chúng không lần lượt làm quả.

Nhân tự phần nghĩa là khác thời nhưng cùng chung một quả.

Nhân cộng hữu nghĩa là sức của các hành lần lượt cùng một lúc sinh. Tức tâm ở nơi tâm pháp tùy tâm chuyển và tâm bất tương ưng hành tùy tâm chuyển. Sắc này cũng ở nơi tâm. Mắt đối với sinh v.v... Sinh v.v... đối với mắt cùng bốn đại chủng lần lượt là nhân cộng hữu. Vì sắc tạo có đối không phải lần lượt làm quả nên không phải là nhân cộng hữu.

Hỏi: Tùy chuyên có nghĩa gì?

Đáp: Nếu có tâm tức có pháp kia. Nghĩa là tâm phạm hạ thì pháp kia là hạ, trung thì trung, thượng thì thượng. So sánh như vậy, pháp kia có mười tùy chuyên. Đó là một khởi, một trụ, một diệt, một quả, một dựa và một báo. Thiện tức thiện, bất thiện tức bất thiện, vô ký tức vô ký, đều gắn liền với một đời sinh.

Đã nói mười thứ tùy chuyên. Trong đó, đạo hữu lậu đoạn trừ kiết có tám thứ tùy chuyên, tức trừ bất thiện, vô ký. Đạo phương tiện của thế tục, đạo giải thoát, đạo thắng tấn và các tâm hữu lậu thiện khác có bảy thứ tùy chuyên, tức trừ bất thiện, vô ký và quả giải thoát.

Đạo vô lậu đoạn trừ kiết, có bảy thứ tùy chuyên, tức trừ bất thiện, vô ký và báo. Đạo phương tiện, đạo giải thoát, đạo thắng tấn vô lậu có sáu thứ tùy chuyên, tức trừ bất thiện, vô ký, quả giải thoát và báo. Tâm bất thiện có bảy thứ tùy chuyên, tức trừ thiện, vô ký và quả giải thoát. Tâm vô ký có sáu thứ tùy chuyên, tức trừ thiện, bất thiện, quả giải thoát và báo.

Có cộng hữu cũng là nhân cộng hữu. Có cộng hữu không phải là nhân cộng hữu. Mắt kia ở nơi tám pháp cộng hữu cũng là nhân cộng hữu, tức là bốn tướng, bốn tùy tướng. Tương đối với mắt cộng

hữu là nhân cộng hữu. Tùy tướng đối với mắt cộng hữu không phải là nhân cộng hữu. Sinh ở nơi tám pháp cộng hữu là nhân cộng hữu, trừ tự tánh của sinh. Mắt và tướng khác tùy tướng sinh. Năm pháp này đối với sinh cộng hữu là nhân cộng hữu. Tùy tướng khác là cộng hữu, không phải là nhân cộng hữu. Như thế tùy tướng của tướng khác cũng như vậy, cho đến xúc nhập cũng như thế.

Ý nhập ở nơi năm mươi tám pháp cộng hữu là nhân cộng hữu. Đó là mười đại địa, tướng đại địa, bốn mươi ý nhập tướng tùy tướng. Tám pháp đối với những cộng hữu khác không phải là nhân cộng hữu. Có năm mươi bốn pháp ở nơi ý nhập cộng hữu là nhân cộng hữu, tức trừ bốn tùy tướng. Lại có thuyết nói mười bốn pháp ở nơi ý nhập cộng hữu là nhân cộng hữu, tức là mười đại địa và bốn tướng tâm. Tám mươi bốn pháp cộng hữu khác không phải là nhân cộng hữu. Đại địa cũng nói như vậy. Năm mươi tư pháp đối với tâm cộng hữu là nhân cộng hữu, trừ tùy tướng của tâm. Thuyết này là đúng, nếu khác với thuyết này thì trái với Phần Chúng Sự trong A-tỳ-đàm, nên nói như thuyết kia. Trừ các pháp như thân kiến v.v... sinh, trụ, di, diệt, các thứ cấu uế khác nơi khổ đế, tất cả pháp như vậy đều nên biết.

Đã nói về nhân cộng hữu. Nhân tự phần nay sẽ nói.

*Sinh trước cùng sinh sau
Cũng nói kia chưa sinh
Tự địa tương tự nhân
Hoặc nói nơi địa khác.*

Sinh trước cùng sinh sau: Nghĩa là quá khứ là sinh trước, đối với quá khứ sinh sau cùng với hiện tại là nhân tự phần.

Hỏi: Vì đã sinh là nhân đã sinh, lại còn có nhân chưa sinh chăng?

Đáp: *Cũng nói kia chưa sinh.* Chưa sinh là vị lai. Như thế, nhân sinh trước, sinh sau nên biết quá khứ, hiện tại đối với vị lai là nhân tự phần. Vị lai đối với vị lai không có nhân tự phần, vì không có trước sau.

Hỏi: Vì sao tất cả sinh trước đối với sinh sau và chưa sinh là nhân tự phần?

Đáp: Cõi dục của tự địa là nhân của cõi dục, không phải là địa khác. Cho đến phi tướng phi phi tướng là nhân của địa phi tướng phi phi tướng, không phải là địa khác. Vì sao? Vì địa đoạn nhân quả.

Hỏi: Tất cả tự địa có làm nhân cho tất cả tự địa không?

Đáp: Nhân tự phần tương tự, tự địa cũng là nhân tự phần tương tự, không phải là không tương tự, như thiện làm nhân cho thiện, cấu uế làm nhân cho cấu uế, vô ký làm nhân cho vô ký. Do tương tự nối tiếp với pháp tương tự. Nghĩa là hành tập thiện sinh thiện, hành tập bất thiện sinh bất thiện, hành tập công xảo sinh công xảo, hành tập oai nghi sinh oai nghi. Đây là nói nội phần, ngoại phần, tùy chủng sinh cũng như vậy.

Hỏi: Hoàn toàn là nhân tự phần của tự địa hay lại còn địa khác?

Đáp: Hoặc nói về địa khác thì địa khác nên phân biệt. Nếu là pháp vô lậu thì tất cả chín địa lần lượt làm nhân. Vì lia ái, vì không rơi vào giới, vì địa dưới làm nhân cho địa hơn, không phải địa hơn làm nhân cho địa dưới. Hữu lậu là vì bị ái trói buộc, vì rơi vào giới nên chỉ có tự địa.

Đã nói vô số thứ nhân tự phần. Pháp thiện không phải là nhân của tất cả pháp thiện nay sẽ nói.

Cấu uế có chín thứ

Lần lượt lại cùng nhân

Là thọ sinh đã được

Phương tiện sinh chẳng dưới.

Cấu uế có chín thứ: Tức chín thứ cấu uế này là từ phẩm hạ hạ cho đến thượng thượng. *Lần lượt lại cùng nhân*, do lần lượt nối tiếp nhau hiện tiền cùng mỗi mỗi địa kia thọ sinh, vì tất cả đều tức khắc đạt được.

Hỏi: Chín thứ câu uế đều lần lượt cùng làm nhân, còn thứ khác thì thế nào?

Đáp: Là thọ sinh đã được: Tức nếu vì thọ sinh được thiện thì thiện ấy cũng có chín thứ lần lượt cùng làm nhân.

Hỏi: Còn phương tiện sinh thì thế nào?

Đáp: Phương tiện sinh không phải của địa dưới. Nếu là phương tiện sinh tức do văn, tư, tu sinh, nên phương tiện kia ở nơi bằng nhau và nhân tăng thêm, không phải của địa dưới. Nghĩa là nhân hạ hạ cho đến nhân thượng thượng. Thượng thượng chỉ làm nhân cho thượng thượng, cho đến không phải làm nhân cho hạ hạ.

Lại nữa, văn làm nhân cho văn, làm nhân cho tư, làm nhân cho tu. Tư làm nhân cho tư và làm nhân cho tu, không phải làm nhân cho văn, vì văn ở địa dưới. Tu chỉ làm nhân cho tu, không phải làm nhân cho thứ khác, do các thứ ấy ở địa dưới.

Lại nữa, tu tuệ có bốn loại là noãn, đánh, nhẫn, pháp đệ nhất thế gian. Pháp noãn kia có bốn thứ nhân, đánh có ba, nhẫn có hai, pháp đệ nhất thế gian chỉ làm nhân cho pháp đệ nhất thế gian, không phải pháp khác. Đây là nói pháp hữu lậu thiện.

Vô ký không ần mất có bốn loại là sinh báo, oai nghi, công xảo và tâm biến hóa. Sinh báo ấy có bốn loại nhân, oai nghi có ba, công xảo hai, tâm biến hóa chỉ làm nhân cho biến hóa. Đây là nói về hữu lậu.

Pháp vô lậu: Nghĩa là khổ pháp nhẫn làm nhân cho khổ pháp nhẫn, cho đến làm nhân cho vô sinh trí. Vô sinh trí chỉ làm nhân cho vô sinh trí, không phải thứ khác.

Đã nói về nhân tự phần. Nhân này nhận quả cho quả nay sẽ nói.

Nhân tự phần là thiện v.v...

Nhận quả nhưng không cho

*Hoặc cho nhưng không nhận
Hoặc nói cùng chẳng cùng.*

Có nhân tự phần thiện nhận quả nhưng không cho, nên nêu ra bốn trường hợp: (1) Thọ nhận nhưng không cho: Nghĩa là lúc đoạn dứt căn thiện, sau cùng xả mới được. (2) Hoặc cho nhưng không nhận: Nghĩa là lúc căn thiện nối tiếp sinh khởi đầu tiên đạt được. (3) Hoặc cùng nhận cùng cho: Nghĩa là không đoạn căn thiện, phần còn lại trụ nơi tự tánh. (4) Cùng không nhận không cho: Nghĩa là trừ từng ấy sự việc trên.

Lại nữa, thọ nhận cầu uế nhưng không cho: Nghĩa là lúc sẽ được quả A-la-hán, cầu uế đắc sau cùng xả. Cho nhưng không thọ nhận: Nghĩa là lúc thoái chuyển quả A-la-hán, lần đầu tiên được. Điều cùng có: Nghĩa là chưa lia dục, ngoài ra trụ nơi tự tánh. Điều cùng không: Nghĩa là trừ từng ấy sự việc trên.

Đã nói pháp không duyên, có duyên. Thọ nhận nhưng không cho: Nghĩa là tâm thiện theo thứ lớp cùng tâm cầu uế và tâm vô ký hiện tiền. Cho nhưng không nhận: Nghĩa là tâm cầu uế và tâm vô ký theo thứ lớp cùng tâm thiện hiện tiền. Điều cùng có: Nghĩa là tâm thiện thứ lớp cùng tâm thiện hiện tiền. Điều cùng không: Nghĩa là trừ từng ấy sự việc trên.

Tâm cầu uế và tâm vô ký cũng nói như vậy.

Đã nói về nhân tự phần. Nhân nhất thiết biến nay sẽ nói.

*Khổ, tập ở tự địa
Nghĩ, kiến cùng vô minh
Nói nhân nhất thiết biến
Các phiền não trước khởi.*

Khổ tập ở tự địa, Nghĩ, kiến cùng vô minh, Nói nhân nhất thiết biến: Nghĩa là vì nuôi lớn cảnh giới, vì hoàn toàn quyết định, vì hai thứ sử, vì tất cả phiền não đều gồm thâu trong khổ, tập đế. Kiến khổ, tập

đoạn trừ, chủng tử phiền não nơi kiến nghi. Tức là phiền não kia do kiến khổ, tập đoạn trừ tương ưng với vô minh và vô minh không chung. Các sử này tuy không siêng tạo phương tiện nhưng cũng bùng cháy và vì phiền não hiện có khắp nên nói là nhân nhất thiết biến, vì phân biệt đoạn nhận biết, vì phân biệt giới là tự địa, không phải là địa khác.

Hỏi: Những gì là nhân biến? Phần nào là nhân biến?

Đáp: Các phiền não trước khởi, làm nhân nhất thiết biến cho quá khứ, hiện tại, vị lai. Làm nhân nhất thiết biến cho hiện tại, vị lai.

Lại nữa, các phiền não nơi tâm nói tiếp sinh khởi. Như ngã kiến, xét kỹ để chấp trước như thế do sức của kiến nên sinh khởi. Luôn suy xét kỹ để chấp trước như thế nên hủy báng chân đế cùng thọ nhận đệ nhất và thanh tịnh. Đối với đế sinh ra các lầm lỗi sai biệt như do dự, tham, sân, si, mạn v.v... Tất cả nhất thiết biến như vậy cần nên biết. Về nhất thiết biến nơi phạm Sử sẽ nói.

Đã nói về nhân nhất thiết biến. Nhân tương ưng nay sẽ nói.

*Là pháp đồng một hành
Một dựa cũng một thời
Cùng một cảnh giới chuyển
Là nói nhân tương ưng.*

Hoặc hành, hoặc nương dựa, hoặc thời gian, hoặc cảnh giới theo tâm chuyển. Tức hành ấy, chỗ dựa ấy, thời gian ấy, cảnh giới ấy là tâm pháp như thọ v.v.. chuyển. Nếu tâm pháp kia chuyển tức tâm kia chuyển, vì tánh yếu kém, do sức lần lượt sinh khởi, như bó lau. Thế nên nói tâm đối với tâm pháp là nhân tương ưng. Tâm pháp đối với tâm pháp và tâm làm nhân, không phải là tâm đối với tâm làm nhân. Vì sao? Vì ba sự việc: Không có nơi một sát-na có hai tâm cùng sinh. Tâm trước không chờ đợi tâm sau. Tự tánh của tất cả các pháp là không tự nhìn xét. Sắc, tâm bất tương ưng hành không có nhân tương ưng, vì không duyên.

Đã nói về nhân tương ưng. Nhân báo nay sẽ nói.

*Bất thiện, thiện hữu lậu
Là thuộc về ba đời
Vì pháp kia có báo
Nên gọi là nhân báo.*

Nếu pháp hữu lậu thiện và bất thiện đều rơi vào hành của ba đời, thì ở trong sinh tử, đời đời nối tiếp nhau, đều có quả báo sinh, như quả thiện đáng yêu thích, quả bất thiện không đáng yêu thích.

Có nghiệp một nhập sinh quả báo đó là mạng căn. Nếu được ý nhập tức hai nhập là ý nhập và pháp nhập. Xúc nhập cũng như vậy. Nếu được thân nhập tức ba nhập là thân nhập, xúc nhập và pháp nhập. Sắc, hương vị nhập cũng như thế. Nếu được nhãn nhập tức bốn nhập, nghĩa là nhãn nhập, thân nhập, xúc nhập, pháp nhập. Nhĩ, tỷ, thiệt nhập cũng như vậy.

Có nghiệp sinh báo hoặc năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một nhập. Do các nghiệp là vô số nên biết quả báo cũng có vô số. Như hạt giống bên ngoài là vô số, nên quả cũng là vô số, như cây lúa, mía, bồ đào v.v... Không phải là vô số, như các loại lúa mạch v.v... Nên biết duyên khởi bên trong cũng như vậy.

Có nghiệp của một đời sinh báo của ba đời. Không có nghiệp của ba đời sinh báo của một đời. Vì quả ở nơi nhân không giảm. Như thế, nghiệp của một sát-na sinh quả của nhiều sát-na, không phải nghiệp của nhiều sát-na sinh quả của một sát-na.

Nhân báo của một ấm nơi cõi dục được một quả, nghĩa là đắc. Nhân báo của hai ấm được một quả, nghĩa là thân nghiệp, khẩu nghiệp. Nhân báo của bốn ấm được một quả, nghĩa là tâm tâm pháp thiện, bất thiện.

Nhân báo của một ấm nơi cõi sắc được một quả, nghĩa là đắc và chánh thọ vô tướng. Nhân báo của hai ấm được một quả, nghĩa là tạo

sắc của thiên thứ nhất. Nhân báo của bốn âm được một quả, nghĩa là tâm tâm pháp thiện không có nghiệp tùy chuyển. Nhân báo của năm âm được một quả, nghĩa là tâm tâm pháp thiện có nghiệp tùy chuyển.

Nhân báo của một âm nơi cõi vô sắc được một quả, nghĩa là đắc và chánh thọ diệt tận. Nhân báo của bốn âm được một quả, nghĩa là tâm tâm pháp thiện nơi một nghiệp chủng, một chủng loại thân, không phải là nhiều. Nghĩa là hiện báo nơi nghiệp v.v... đều khác. Nếu cho cùng với Khế kinh A Na Luật Đà là trái nhau thì không đúng. Vì kinh ấy thuyết giảng từ đầu, nói như vậy: Vì báo của một lần thí nên sinh vào nhà thuộc tộc họ lớn. Vừa mới sinh là đã biết được thọ mạng từ kiếp trước. Tự nhận thấy quả của thí rồi, lại tăng thêm nghiệp tịnh, nên quả báo rộng thêm, cho đến lậu tận. Nói báo kia là căn bản như chủng tử của một hạt lúa.

Lại nữa, nói là người kia lúc một lần thí có rất nhiều hành, ở trong một duyên phát nguyện, hoặc nguyện được sinh lên cõi trời, hoặc nguyện được sinh trong nẻo người.

Đã nói tự tánh của nhân là như thế. Nhân thọ nhận quả và cho quả nay sẽ nói.

*Năm đời giữa nhận quả
Cũng nói hai cho quả
Đã hết cho quả một
Hai nhân nên phân biệt.*

Năm đời giữa nhận quả: Nghĩa là hiện tại gọi là năm nhân của đời giữa, tức trụ nơi đời hiện tại thọ nhận quả.

Cũng nói hai cho quả: Tức nếu là nhân tương ưng, nhân cộng hữu, thì trụ nơi đời hiện tại cho quả. Ở nơi lúc này nhận quả tức cũng ở nơi lúc này cho quả, nên nói là *Hai cho quả*.

Đã hết cho quả một: Đã hết là nhân báo của quá khứ, trụ nơi đời quá khứ cho quả.

Hai nhân nên phân biệt: Nghĩa là nhân tự phần và nhân nhất thiết biến, hoặc trụ nơi đời hiện tại cho quả, hoặc ở nơi đời quá khứ. Nhân sở tác không nói đến vì tạp loạn.

Đã nói nhân thọ nhận quả, cho quả. Về kiến lập đời nay sẽ nói.

*Nhân tác tất cả pháp
Hai nhân nói hai đời
Ba khác nói ba đời
Tăng y báo công quả.*

Nhân tác tất cả pháp, Hai nhân nói hai đời, Ba khác nói ba đời: Nghĩa là tất cả pháp hữu vi, vô vi đều được nói là nhân tác. Nhân tự phần, nhân nhất thiết biến nói là quá khứ, hiện tại. Ba nhân còn lại nói là ba đời. Đã phân biệt các nhân của ba đời. Nếu là nhân của quả có quả, nay sẽ nói.

Tăng y báo công quả: Tức nhân sở tác có quả tăng thượng. Nhân tự phần, nhân nhất thiết biến có quả y. Nhân báo có quả báo. Nhân tương ưng, nhân cộng hữu có quả công dụng.

Đã phân biệt các nhân. Các pháp từ nhân sinh nay sẽ nói.

*Báo sinh tâm tâm pháp
Cùng với các phiền não
Đều từ năm nhân sinh
Nghĩa ấy cần phải biết.*

Báo sinh tâm tâm pháp, Cùng với các phiền não, Đều từ năm nhân sinh: Nghĩa là báo của nhân kia sinh ra tâm tâm pháp cùng với phiền não. Tức tâm tâm pháp đều từ năm nhân sinh. Báo nơi năm nhân sinh khởi tâm tâm pháp là nhân sở tác, nhân cộng hữu, nhân tự phần, nhân tương ưng và nhân báo.

Nhân sở tác: Nghĩa là pháp kia lúc sinh, pháp trụ tương tự, không tương tự đều không chướng ngại.

Nhân cộng hữu: Nghĩa là do sức lần lượt sinh, lần lượt làm trợ bạn và tâm bất tương ưng hành làm trợ bạn sinh ra.

Nhân tự phần: Nghĩa là pháp của tự phần đã sinh trước kia.

Nhân tương ưng: Nghĩa là nhân kia đều cùng trong một duyên chuyển.

Nhân báo: Nghĩa là pháp thiện, bất thiện kia ở đây tức là quả của nhân kia.

Trừ nhân biến, vì báo là vô ký. Phiền não nơi tâm tâm pháp trừ nhân báo vì nhiễm ô, hoặc từ nhân biến sinh. Bốn nhân khác như trước đã nói.

*Nếu bất tương ưng kia
Các pháp tương ưng khác
Trừ vô lậu đầu ấy
Là từ bốn nhân sinh.*

Sắc báo cùng tâm bất tương ưng hành từ bốn nhân sinh, trừ nhân biến vì vô ký, trừ nhân tương ưng vì không có duyên. Sắc nhiễm ô cùng tâm bất tương ưng hành từ bốn nhân sinh, trừ nhân tương ưng vì không có duyên, trừ nhân báo vì nhiễm ô.

Các pháp tương ưng khác, Trừ vô lậu đầu ấy: Nghĩa là tâm tâm pháp hữu lậu thiện, tâm tâm pháp oai nghi, công xảo, biến hóa, trừ khổ pháp nhãn tương ưng, các tâm tâm pháp vô lậu khác, từ bốn nhân sinh tức trừ nhân biến và nhân báo.

*Gọi bất tương ưng khác
Tự phần nên biết ba
Cùng các tương ưng khác
Mới sinh pháp vô lậu.*

Nghĩa là báo sinh nhiễm ô, ngoài ra nếu có nhân tự phần, trừ vô lậu ban đầu, là từ ba nhân sinh: Nhân sở tác, nhân cộng hữu, nhân

tự phần, không phải là nhân tương ưng, vì không có duyên, nên hai nhân trước đã trừ.

Cùng các tương ưng khác, Mới sinh pháp vô lậu: Nghĩa là như pháp tương ưng với khổ pháp nhãn, cũng có ba nhân sinh: Nhân sở tác, nhân cộng hữu và nhân tương ưng, vì không có vô lậu sinh trước nên không có nhân tự phần, cũng không có nhân biến, nhân báo.

*Ở trong bất tương ưng
Là từ nơi hai nhân
Nếu từ một nhân sinh
Nên biết tất không có.*

Ở trong bất tương ưng, Là từ nơi hai nhân: Nghĩa là sắc, tâm bất tương ưng hành, trong phẩm vô lậu ban đầu, đều từ hai nhân sinh là nhân sở tác và nhân cộng hữu.

Đã nói tất cả pháp hữu vi, ở trong phần kia đã nói rộng. Các pháp từ một nhân sinh, tất là không có. Vì sao? Vì tự tánh của các pháp hữu vi là yếu kém, cho đến một cực vi sinh ra, cũng trừ phần của tự mình.

Nhân sở tác của tất cả các pháp khác và sinh, trụ, dị, diệt cùng sinh cũng có nhân cộng hữu. Đây là nói chung về nghĩa, tức lược nêu về bốn loại pháp báo sinh ra pháp nhiễm ô, trừ báo và pháp vô lậu ban đầu.

Các pháp không nhiễm ô khác và vô lậu ban đầu kia, báo ấy sinh tương ưng, bất tương ưng, cho đến pháp vô lậu ban đầu. Báo kia sinh tương ưng là từ năm nhân sinh, tức trừ nhân biến. Báo sinh bất tương ưng là từ bốn nhân sinh, tức trừ nhân biến, nhân tương ưng. Như thế nhiễm ô, tương ưng, bất tương ưng có khác nhau là chỉ trừ nhân báo. Hoặc từ nhân nhất thiết biến sinh, trừ báo và pháp vô lậu ban đầu.

Các pháp tương ưng không nhiễm ô khác là từ bốn nhân sinh, trừ nhân biến, nhân báo. Pháp bất tương ưng từ ba nhân sinh, tức trừ nhân biến, nhân tương ưng, nhân báo.

Pháp tương ưng với vô lậu ban đầu từ ba nhân sinh là nhân tương ưng, nhân cộng hữu và nhân sở tác. Pháp bất tương ưng từ hai nhân sinh là nhân sở tác và nhân cộng hữu.

Đã nói về các nhân. Như nhân này, Đức Thế Tôn vì lực giáo hóa cùng diệu lực nhận biết rõ tướng chân thật nên giảng nói về duyên, nay sẽ nói.

*Thứ đệ cũng duyên duyên
Tăng thượng cùng với nhân
Pháp từ bốn duyên sinh
Đức Thế Tôn đã nói.*

Tánh của tất cả pháp là do lực của duyên, lực của cảnh giới thân nhận sinh ra, vì tánh yếu kém. Tất cả duyên đều thuộc về bốn duyên. Nếu duyên kia ở nơi phương tiện là mở bày, dẫn dắt là Duyên thứ đệ. Nhận giữ phương tiện là Duyên duyên. Phần không chướng ngại là Duyên tăng thượng. Phương tiện của pháp chủng tử là Duyên nhân.

*Trừ tâm sau A-la-hán
Các tâm tâm pháp khác
Thường có hành đã sinh
Là nói duyên thứ đệ.*

Trừ tâm tương ưng sau cùng của A-la-hán, các tâm tâm pháp của quá khứ, hiện tại khác, mỗi mỗi đều nối tiếp nhau sinh. Vì các tâm kia mỗi mỗi đều nối tiếp nhau sinh không gián đoạn, nên gọi là duyên thứ đệ. Tâm tương ưng sau cùng của A-la-hán kia không phải là duyên thứ đệ, vì không có tâm khác nối tiếp nhau. Do tâm tâm pháp ở vị lai chưa khởi, nên không có tâm khác nối tiếp nhau, tức cũng không có duyên thứ đệ.

Cũng không phải lập phương tiện theo thứ lớp trước sau ở vị lai. Nếu lập phương tiện theo thứ lớp trước sau ở vị lai là làm hoại nghĩa tu của chánh phương tiện. Tu chánh phương tiện, tu tà phương tiện, nên tùy theo phần thứ lớp sinh. Hoặc nói một tâm theo thứ lớp kiến lập hai tâm là thiện và nhiễm ô. Hoặc lúc chánh tư duy, tâm thiện sinh tâm nhiễm ô là phi số diệt. Hoặc lúc tư duy về tà phương tiện, tâm nhiễm ô sinh tâm thiện là phi số diệt, như hạt giống cũng là mầm, cũng là cháo nhuyển. Nếu mầm gồm đủ sự hòa hợp thì sinh ra, còn cháo nhuyển thì không sinh. Nếu cháo nhuyển có đủ sự hòa hợp thì cháo nhuyển sinh, còn mầm mộng thì không sinh. Điều này tức không đúng. Vì sao? Vì trước đã nói là trước sau không phải phần. Do tâm sau cùng của A-la-hán là ý giới, nên cho là duyên thứ đệ, tức không đúng vì phần duyên khác.

Nếu nói tâm sau cùng của A-la-hán không là chỗ dựa của ý thức thì cũng gọi là ý giới, vì được tướng nương dựa. Tâm sau cùng của A-la-hán như vậy là nối tiếp không gián đoạn, nên cũng gọi là duyên thứ đệ, điều này cũng không đúng. Vì sao? Vì phần duyên là khác, vì tướng nên lập giới. Như không có phần mắt thì không thấy, vì nhãn thức không nên cũng gọi là nhãn giới, vì cũng được tướng nương dựa. Tâm sau cùng của A-la-hán như trước đã nói. Duyên là nghiệp nên kiến lập tâm sau cùng của A-la-hán làm duyên thứ đệ, nơi nghiệp nối tiếp nhau không gián đoạn sinh ra, chẳng phải là phần nơi tâm pháp cũng nói như vậy. Thường nghĩa là không phải như nhân tự phần, nhân biến.

Hỏi: Vì sao sắc và tâm bất tương ưng hành không phải là duyên thứ đệ?

Đáp: Do tạp loạn. Không tạp loạn là nói duyên thứ đệ. Do sắc, tâm bất tương ưng hành là tạp loạn, nên không phải là duyên thứ đệ, vì cùng một lúc hành thiện, bất thiện, vô ký, hữu lậu, vô lậu hiện tiền ở giới khác.

Cõi dục có ba thứ tư duy là văn tuệ, tu tuệ sinh tuệ, không phải là tu tuệ, vì cõi dục là bất định. Văn tuệ, tu tuệ của cõi dục kia theo thứ lớp nơi Thánh đạo hiện ở trước. Ba loại tư duy của Thánh đạo cũng theo thứ lớp hiện ở trước.

Cõi sắc có ba thứ tư duy là văn tuệ, tu tuệ sinh tuệ, không phải là tu tuệ, vì cõi sắc là cõi định. Văn tuệ, tu tuệ của cõi sắc kia theo thứ lớp nơi Thánh đạo hiện ở trước. Thánh đạo theo thứ lớp nơi văn tuệ, tu tuệ hiện ở trước.

Cõi vô sắc có hai thứ tư duy là tu tuệ và sinh tuệ. Tu tuệ kia theo thứ lớp nơi Thánh đạo hiện ở trước. Thánh đạo cũng theo thứ lớp nơi tu tuệ hiện ở trước. Về nghĩa này trong phẩm Trạch sẽ nói rộng.

*Hoặc thứ lớp pháp, tâm
Không phải tâm vô gián
Vô gián không thứ lớp
Cùng, không cùng nên biết.*

Hoặc thứ lớp pháp, tâm, Không phải tâm vô gián: Nghĩa là trừ sát-na của chánh thọ đầu, các sát-na của chánh thọ khác nối tiếp cùng khởi tâm định không gián đoạn, không phải là theo thứ lớp. Sát-na của chánh thọ đầu, sinh, trụ, dị, vô thường kia cùng các tâm nối tiếp nhau.

Sinh, trụ, dị, vô thường kia đều cùng có, nghĩa là sát-na của chánh thọ đầu, trừ khởi tâm định, còn lại là các tâm nối tiếp nhau. Không đều cùng có, nghĩa là trừ sát-na của chánh thọ đầu, sinh, trụ, dị, vô thường kia là các sát-na của chánh thọ nối tiếp nhau khác, cùng với sinh, trụ, dị, vô thường kia. Nếu theo thứ lớp của pháp tâm cùng chánh thọ vô gián kia nên nêu ra bốn trường hợp:

(1) Hoặc theo thứ lớp của pháp tâm không phải là chánh thọ vô gián: Nghĩa là sát-na của chánh thọ đầu, trừ khởi tâm định, còn lại là các tâm nối tiếp nhau.

(2) Chánh thọ vô gián không phải là thứ lớp của pháp tâm: Nghĩa là trừ sát-na của chánh thọ đầu, còn lại là các chánh thọ nối tiếp nhau của sinh, trụ, dị, vô thường kia.

(3) Điều cùng có: Nghĩa là trừ sát-na của chánh thọ đầu, còn lại là các chánh thọ nối tiếp nhau và khởi tâm định.

(4) Điều cùng không: Nghĩa là sát-na của chánh thọ đầu nơi sinh, trụ, dị, vô thường kia, trừ khởi tâm định. Tức sinh, trụ, dị, vô thường nơi các tâm nối tiếp nhau khác. Là sinh, trụ, dị, vô thường nơi chánh thọ diệt tận. Vì tâm dẫn dắt, tâm tạo tác, vì tâm thứ lớp, tâm trái nhau, không phải là tâm nơi duyên thứ đệ đã khởi tâm định ở trước, tuy có định nối tiếp không gián đoạn, nhưng do không phải tâm, nên trở lại dùng tâm làm duyên thứ đệ.

Đã nói duyên thứ đệ. Duyên duyên nay sẽ nói.

*Cảnh giới nơi tất cả
Tâm và các tâm pháp
Thế nên tất cả pháp
Được gọi là duyên duyên.*

Tất cả pháp là duyên của tâm tâm pháp, tùy theo sự việc kia. Nghĩa là nhãn thức và pháp tương ưng cùng dùng sắc làm duyên. Cho đến ý thức và pháp tương ưng cũng dùng tất cả pháp làm duyên.

Đối với một sắc, nhãn thức sinh khởi một quyết định nhận biết, nói là điều cùng thấy các sắc, điều này thì không đúng, do nhanh chóng, nên không phải nói là điều cùng thấy.

Điều cùng có: Nghĩa là tăng thượng mạn. Như vòng tròn lửa không phải là bánh xe mà tưởng là bánh xe, là tăng thượng mạn. Nếu như không thấy rõ, hoặc rõ là sắc có sai biệt thì có thể thọ nhận chung. Như ngửi xem khu rừng rậm, âm thanh, hương vị, xúc chạm cũng nên nhận biết như vậy.

Đã nói về duyên duyên. Duyên tăng thượng nay sẽ nói.

*Nếu nhân sở tác kia
Đây tức duyên tăng thượng
Đó gọi là nhân duyên
Nên biết nói nhân khác.*

Trước đã nói về nhân sở tác, nên biết tức là duyên tăng thượng, trừ tự tánh, vì tất cả tánh không chướng ngại. Lúc pháp sinh, tự làm công việc của mình, do vượt hơn nên gọi là duyên tăng thượng.

Đã nói về duyên tăng thượng. Duyên nhân nay sẽ nói.

Gọi là duyên nhân, nên biết nơi phần khác nói là nhân. Tức trừ nhân sở tác, các nhân còn lại nói là duyên nhân.

Đã nói duyên. Các pháp tùy theo duyên sinh khởi nay sẽ nói.

*Tâm và các tâm pháp
Là từ bốn duyên sinh
Hai chánh thọ từ ba
Là khác nói nơi hai.*

Tâm và các tâm pháp, Là từ bốn duyên sinh: Nghĩa là tâm tâm pháp từ bốn duyên sinh. Vì mở bày dẫn dắt ở trước nên sinh, là duyên thứ đệ. Cảnh giới là duyên duyên. Tức trừ tự mình, còn lại là tất cả pháp, là duyên tăng thượng. Còn nhân khác tùy theo chỗ hợp của nó, nên nói là duyên nhân.

Hai chánh thọ từ ba: Nghĩa là chánh thọ vô tướng và chánh thọ diệt tận từ ba duyên sinh. Tâm tâm pháp trước của hai chánh thọ là duyên thứ đệ kia. Pháp thiện sinh trước của tự địa và cùng khởi bốn tướng ấy là duyên nhân. Duyên tăng thượng kia như trước đã nói.

Là khác nói nơi hai: Nghĩa là trừ định vô tướng, định diệt tận, còn lại là tâm bất tương ưng hành và sắc, các pháp này có hai duyên sinh là duyên nhân, duyên tăng thượng.

Đã nói các pháp từ duyên sinh. Giới hạn của pháp hữu vi nay sẽ nói.

*Giới hạn có ba thứ
 Danh, sắc cùng với thời
 Phần đầu nói một chữ
 Cự vi sát-na khác.*

Giới hạn có ba thứ, Danh, sắc cùng với thời: Nghĩa là tất cả pháp hữu vi được lập làm ba thứ giới hạn sai biệt, tùy theo sự việc kia gọi là giới hạn sai biệt của danh, giới hạn sai biệt của sắc và giới hạn sai biệt của thời.

Hỏi: Sự việc ấy là thế nào?

Đáp: Phần đầu nói một chữ, Cự vi sát-na khác: Tức danh ít nghĩa là một chữ, gọi đó là hết sức ít nơi một chữ, nên nói một chữ gọi là giới hạn sai biệt của danh.

Sắc ít nghĩa là một cự vi. Nếu trí hành chân thật, phân tích tướng của sắc thì sắc ấy là hết sức nhỏ nơi một vi trần, nên nói một vi trần là giới hạn sai biệt của sắc.

Thời ít nghĩa là một sát-na, một khoảng thời gian hết sức ngắn nơi một niệm, nên nói sát-na là giới hạn sai biệt của thời.

Về lượng của sát-na: Có thuyết nói: Như tráng sĩ đã nhanh chóng xoay chuyển để nhìn qua các vì sao. Theo chỗ trải qua kia, cứ nhìn một ngôi sao là một sát-na. Tất cả là như thế.

Lại có thuyết cho: Như khoảnh khắc của tráng sĩ búng ngón tay là trải qua sáu mươi bốn sát-na.

Lại có thuyết nêu: Như tráng sĩ dùng dao cự bén cắt đứt sợi tơ nhỏ Ca thi, cắt đứt một sợi tơ là một sát-na. Tất cả là như vậy.

Lại có thuyết cho: Đức Thế Tôn không nói sát-na. Như Ngài đã nói: Tỳ-kheo nên biết! Bốn kẻ thiện xạ đều giương cung cùng bắn. Như nơi kinh kia đã nói rộng.

Đã nói về cực vi là như vậy. Về sắc tăng trưởng nay sẽ nói.

*Bảy vi thành A nậu
Bảy nậu thành đồng trần
Thủy thố dương mao trần
Nên biết từ bảy khởi.*

Bảy cực vi thành một A nậu. A nậu ấy là sắc rất nhỏ, thiên nhãn có thể thấy Bồ-tát, Chuyển luân vương thì thấy. Bảy A nậu là một Đồng thượng trần. Bảy Đồng thượng trần là một Thủy thượng trần. Bảy Thủy thượng trần là một Thố hào thượng trần. Bảy Thố hào thượng trần là một Dương mao thượng trần.

*Ngưu mao hộ hướng trần
Chấy, rận, cùng men gạo
Nhỏ, lớn là chuyển tăng
Đều từ bảy số khởi.*

Bảy Dương mao trần thành một Ngưu mao trần. Bảy Ngưu mao trần thành một Hướng du trần. Bảy Hướng du trần hợp thành một con chấy. Bảy con chấy hợp thành một con rận. Bảy con rận hợp thành men gạo tẻ.

*Bảy men lúa như vậy
Chuyển tăng một ngón tay
Hai mươi bốn ngón tay
Gọi là một khuỷu tay.*

Bảy men gạo tẻ hợp thành một ngón tay. Hai mươi bốn ngón tay thành một khuỷu tay.

*Bốn khuỷu là một cung
Năm trăm câu-lũ-xá
Cách thôn câu-lũ-xá
Đó gọi là xứ không.*

Như vậy cần nên biết, số kia tức là lượng của thân: Bốn khuỷu thành một cung. Cách thôn năm trăm cung gọi là xứ không, là một câu-lũ-xá của nước Ma-kiệt-đề, phương Bắc gọi là một nửa câu-lũ-xá.

Hỏi: Đã biết về sát-na cho đến câu-lũ-xá. Tám câu-lũ-xá gọi là một do-tuần. Nên nói về lượng của thân. Vậy dùng gì để làm lượng của thân?

Đáp: Số kia tức là lượng của thân, trước đã nói về lượng của khuỷu tay và câu-lũ-xá, nên biết tức là lượng của thân. Khuỷu tay của nhân gian kia làm lượng của thân. Người châu Diêm-phù-đề, về chiều cao là ba khuỷu tay rưỡi, hoặc bốn khuỷu tay. Người châu Phất-bà-đề cao tám khuỷu tay. Người châu Cù-đa-ni cao mười sáu khuỷu tay. Người châu Uất-đơn-việt cao ba mươi hai khuỷu tay.

Do trước nói câu-lũ-xá là lượng của thân trời. Thân của trời Tứ Thiên vương bằng một phần tư câu-lũ-xá. Thân trời Tam thập tam bằng một phần hai câu-lũ-xá. Thân của Đế Thích bằng một câu-lũ-xá. Thân của trời Dạ-ma bằng ba phần tư câu-lũ-xá. Thân của trời Đâu-suất-đà bằng một câu-lũ-xá. Thân của trời Hóa Tự Tại bằng một câu-lũ-xá và một phần tư. Thân của trời Tha Hóa Tự Tại bằng một câu-lũ-xá rưỡi. Đây là lượng của thân các trời cõi dục.

Nơi cõi sắc: Thân của Phạm thiên bằng một nửa do-diên. Thân của trời Phạm phước lâu bằng một do-diên. Thân của trời Đại Phạm là một do-diên rưỡi. Thân của trời Thiểu quang bằng hai do-diên. Thân của trời Vô lượng quang là bốn do-diên. Thân của trời Quang âm bằng tám do-diên. Thân của trời Thiểu tịnh bằng mười sáu do-diên. Thân của trời Vô lượng tịnh là ba hai do-diên. Thân của trời Biến tịnh là sáu mươi bốn do-diên. Thân của trời Phước ái là một trăm hai mươi lăm do-diên. Thân của trời Phước sinh là hai trăm năm mươi do-diên. Thân của trời Quảng quả là năm trăm do-diên. Thân của trời Vô tướng cũng như vậy. Thân của trời Vô hy vọng là

một ngàn do-diên. Thân của trời Vô nhiệt là hai ngàn do-diên. Thân của trời Thiện kiến là bốn ngàn do-diên. Thân của trời Thiện hiện là tám ngàn do-diên. Thân của trời Sắc cứu cánh là một vạn sáu ngàn do-diên. Trên đây là nói về thân lượng của các trời cõi sắc. Đó gọi là giới hạn sai biệt của sắc.

Hỏi: Như trước đã nói về giới hạn sai biệt của thời là một sát-na. Các thời khác nay sẽ nói.

*Trăm hai mươi sát-na
Gọi là Đát-sát-na
Sáu mươi gọi La-bà
Ba mươi Ma-hầu-la.*

Một trăm hai mươi sát-na gọi là một Đát-sát-na. Sáu mươi Đát-sát-na gọi là một La-bà, tức bảy ngàn hai trăm sát-na. Ba mươi La-bà gọi là một Ma-hầu-la-đa, tức hai mươi một vạn sáu ngàn sát-na.

*Ba mươi Ma-hầu-la
Gọi là một ngày đêm
Hoặc ngày đêm cõi dục
Ở trên dùng kiếp số.*

Ba mươi Ma-hầu-la-đa là một ngày một đêm tức có sáu trăm bốn mươi tám vạn sát-na.

Đã biết số sát-na trong ngày đêm. Về thọ mạng nay sẽ nói.

Hoặc ngày đêm cõi dục, Ở trên dùng kiếp số: Nghĩa là thọ mạng của chúng sinh nơi cõi dục, tức lấy số ngày đêm trên để làm thọ lượng của cõi dục.

Về thọ lượng của người ở châu Diêm-phù-đề, hoặc là số kiếp, hoặc là vô lượng tuổi, hoặc là mười tuổi. Người của châu Phát-bà-đề thọ lượng là hai trăm năm mươi tuổi. Người châu Cù-đà-ni là năm trăm tuổi. Người châu Uất-đơn-việt là một ngàn tuổi.

Năm mươi năm trong nhân gian là bằng một ngày một đêm trên trời Tứ Thiên vương, tức là lấy ba mươi ngày này làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Số của ngày tháng năm là như vậy.

Thọ lượng của trời Tứ Thiên vương là năm trăm năm, trong nhân gian là chín trăm vạn năm, là một ngày một đêm trong địa ngục Đẳng hoạt, tức lấy ba mươi ngày này làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Số của ngày tháng năm là như vậy.

Thọ lượng của địa ngục Đẳng hoạt là năm trăm năm, bằng một trăm năm của nhân gian, là một ngày một đêm ở trời Tam thập tam. Số của ngày tháng năm là như vậy.

Thọ lượng của trời Tam thập tam là một ngàn năm, là ba ức sáu trăm vạn năm của nhân gian, là một ngày một đêm của đại địa ngục Hắc thăng. Số của ngày tháng năm là như vậy.

Thọ lượng của đại địa ngục Hắc thăng là một ngàn năm, bằng hai trăm năm của nhân gian, là một ngày một đêm ở trên trời Diệm ma. Số của ngày tháng năm là như vậy.

Thọ lượng của trời Diệm ma là hai ngàn năm, bằng mười bốn ức bốn trăm vạn năm của nhân gian, là một ngày một đêm của đại địa ngục Chúng hợp. Số của ngày tháng năm là như vậy.

Thọ lượng của đại địa ngục Chúng hợp là hai ngàn năm, bằng bốn trăm năm ở nhân gian, là một ngày một đêm của trời Đâu-suất-đà. Số của ngày tháng năm là như vậy.

Thọ lượng của trời Đâu-suất-đà là bốn ngàn năm, là năm mươi bảy ức sáu trăm vạn năm ở nhân gian, bằng một ngày một đêm của địa ngục Hô. Số của ngày tháng năm là như vậy.

Thọ lượng của địa ngục Hô là bốn ngàn năm, bằng tám trăm năm ở nhân gian, là một ngày một đêm trên trời Hóa lạc. Số của ngày tháng năm là như vậy.

Thọ lượng của trời Hóa lạc là tám ngàn năm, bằng hai trăm ba mươi ức bốn trăm vạn năm ở nhân gian, là một ngày một đêm ở địa ngục Đại Hô. Số của ngày tháng năm là như vậy.

Thọ lượng của địa ngục Đại Hô là tám ngàn năm, bằng một ngàn sáu trăm năm ở nhân gian, là một ngày một đêm ở trời Tha hóa tự tại. Số của ngày tháng năm là như vậy.

Thọ lượng của trời Tha hóa tự tại là một vạn sáu ngàn năm, bằng chín trăm hai mươi một ức sáu trăm vạn năm ở nhân gian, là một ngày một đêm trong đại địa ngục Nhiệt. Số của ngày tháng năm là như vậy.

Đại địa ngục Nhiệt có thọ lượng là một vạn sáu ngàn năm. Thọ lượng của đại địa ngục Chúng nhiệt là nửa kiếp. Đại địa ngục Vô trạch có thọ lượng là một kiếp. Thọ lượng cao nhất của nẻo súc sinh cũng là một kiếp, như Long vương Trì địa. Thọ lượng tối đa của nga quý là năm trăm năm.

Hỏi: Đã nói về thọ lượng của cõi dục, còn thọ lượng của cõi trên thì thế nào?

Đáp: Ở cõi trên dùng kiếp số.

Ở cõi sắc: Như trời Phạm thân có thọ lượng là nửa kiếp. Trời Phạm phước lâu có thọ lượng là một kiếp. Trời Đại phạm có thọ lượng là một kiếp rưỡi. Trời Thiếu quang có thọ lượng là hai kiếp. Trời Vô lượng quang là bốn kiếp. Trời Quang âm là tám kiếp. Trời Thiếu tịnh là mười sáu kiếp. Trời Vô lượng tịnh là ba mươi hai kiếp. Trời Biến tịnh là sáu mươi bốn kiếp. Trời Phước ái là một trăm hai mươi lăm kiếp. Trời Phước sinh là hai trăm năm mươi kiếp. Trời Quảng quả là năm trăm kiếp. Trời Vô tướng cũng như vậy. Trời Vô hy vọng có thọ lượng là một ngàn kiếp. Trời Vô nhiệt là hai ngàn kiếp. Trời Thiện kiến là bốn ngàn kiếp. Trời Thiện hiện là tám ngàn kiếp. Trời Sắc cứu cánh là một vạn sáu ngàn kiếp.

Nơi cõi vô sắc: Không xứ có thọ lượng là hai vạn kiếp. Thức xứ là bốn vạn kiếp. Vô sở hữu xứ là sáu vạn kiếp. Phi tướng phi phi tướng xứ là tám vạn kiếp.

Tất cả ba cõi đều có số thọ lượng trung bình và yếu, chỉ trừ châu Uất-đơn-việt và trời Đâu-suất-đà là trụ xứ của Bồ-tát với thân sau cùng cùng trời Vô tướng.

Hỏi: Do đâu các pháp này nói là hành?

Đáp:

*Nhiều pháp sinh một pháp
 Một cũng có sinh nhiều
 Duyên hành đã tạo hành
 Hành ấy cần nên biết.*

Không có pháp nào do tự lực sinh, vì một pháp phải do sức của nhiều pháp mới sinh. Nhiều pháp cũng do sức của một pháp nên sinh.

Tất cả pháp hữu vi đều như thế, cho nên nói là *Duyên hành tạo ra hành, Hành ấy cần nên biết*, vì duyên nơi hành ấy, vì có đối tượng tạo tác, nên nói là duyên hành. Vì hành đã tạo ra, vì tạo nên hành ấy, nên nói là hành tạo tác.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN TẠP A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 3

Phẩm thứ 3: NGHIỆP

Đã nói về các hành lần lượt do sức của nhân duyên sinh ra. Các hành kia đã khởi lên vô số các thứ sinh của sinh nơi sinh có sai biệt, vượt hơn hết chỉ có nghiệp. Nghiệp ấy nay sẽ nói.

*Nghiệp hay tô điểm đời
Nẻo nẻo đều xú xú
Do đấy nên tư nghiệp
Cầu lìa thế giải thoát.*

Nghiệp hay tô điểm đời, Nẻo nẻo đều xú xú: Nghĩa là tất cả các thứ chủng tánh của năm nẻo như thế đã sinh khởi vô số thứ nghiệp tô điểm. Do nghiệp làm chủng tử, nên chủng tử kia có mầm sinh. Do nghiệp sai biệt nên sinh cũng sai biệt. Như hạt giống khác nhau nên mầm khác nhau. Do đấy cần nên tư duy về nghiệp, cầu xa lìa thế gian đạt được giải thoát. Đối với thọ sinh, nghiệp là hơn hết, thế nên muốn dứt trừ sinh tử phải khéo quán xét nghiệp.

Hỏi: Nghiệp là gì?

Đáp:

*Thân, khẩu, ý tập nghiệp
Ở nơi hữu trong hữu*

*Nghiệp kia là các hành
Tô điểm vô số thân.*

Thân khẩu ý tập nghiệp, Ở nơi hữu trong hữu: Nghĩa là nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý, ba nghiệp này sinh ra vô số thứ quả. Chúng sinh trụ ở trong bản hữu, tử hữu, trung hữu và sinh hữu tu tập các nghiệp.

Hỏi: Vì sao lập ba nghiệp? Vì tự tánh, vì nương dựa hay vì đẳng khởi? Nếu vì tự tánh thì nên là một nghiệp, nghĩa là ngũ nghiệp. Nếu vì nương dựa thì tất cả đều nương dựa vào thân, cũng nên là một nghiệp, tức thân nghiệp. Nếu vì đẳng khởi thì hết thảy đều từ ý khởi, cũng nên là một nghiệp, tức ý nghiệp?

Đáp: Nghiệp này cũng như vậy tức vì ba sự việc. Vì tự tánh là ngũ nghiệp, do ngũ tức là nghiệp. Vì nương dựa là thân nghiệp, vì nghiệp dựa vào thân, vì thân tạo tác, vì thân tập hợp, vì thân vận động. Vì đẳng khởi là ý nghiệp. Tuy thân, khẩu, ý nghiệp đã khởi nhưng không cùng thọ nhận tên như nhãn thức.

Hỏi: Như đã nói thì nghiệp kia đã hành tác như thế nào?

Đáp: Nghiệp kia là các hành và thọ nhận các thứ thân. Đây là nói về quả tăng thượng của tất cả chúng sinh. Nghĩa là các vật dụng bên ngoài gọi là hành, hoặc là hình tướng, thọ mạng v.v... của chúng sinh, là quả của nghiệp kia.

Hỏi: Nếu vô số thứ tướng của phần trong ngoài kia thì ở đây vì sao nói là vô số thứ tướng của bốn đại? Là vô số thứ tướng của sắc tạo hay là vô số thứ tướng của nghiệp?

Đáp: Cả ba thứ đều có nhân sinh, nhân nương dựa, nhân kiến lập, nhân nuôi dưỡng, nhân tăng trưởng, là vô số thứ tướng của bốn đại. Vì là nhân tự phần nên là vô số thứ tướng của sắc tạo. Vì là nhân báo nên là vô số thứ tướng của nghiệp. Tuy là phần ngoài không có nhân báo, nhưng chúng sinh tạo ra hành thiện nên có được sắc đẹp,

xứ sở đẹp. Nếu gây tạo hành xấu ác thì phải nhận lấy sắc xấu ác, xứ sở xấu ác. Do vô số thứ nghiệp nên phân trong ngoài cũng có vô số. Về tướng của nghiệp này nay sẽ lược nói.

*Thân nghiệp nên biết hai
Là tác và vô tác
Khẩu nghiệp cũng như vậy
Ý nghiệp nên biết tư.*

Thân nghiệp nên biết hai, Là tác và vô tác: Tức thân nghiệp có hai thứ là tánh tác và tánh vô tác. Tác nghĩa là thân động, thân tìm phương tiện, thân tạo tác. Vô tác nghĩa là thân động đã diệt, cùng với các thức khác kết hợp, tánh vô tác kia theo đầy sinh khởi. Như người thọ giới thiện, tâm nhiếp ô, vô ký hiện ở trước, giới thiện theo đầy sinh. Như kẻ thọ giới ác, tâm thiện, vô ký hiện ở trước, giới ác theo đầy sinh.

Khẩu nghiệp cũng như vậy: Nghĩa là khẩu nghiệp có hai thứ là tánh tác và tánh vô tác, như trước đã nói.

Ý nghiệp nên biết tư: Tức ý nghiệp là tự tánh của tư. Có người muốn khiến ý nghiệp là tánh vô tác. Điều này tức không đúng, vì ý không phải là tánh của tạo tác. Vì không phải là sắc và do ba thứ nên vô tác cũng gọi là không ưa thích, cũng gọi là lia, cũng gọi là xả, cũng gọi là chẳng tác. Vì không có hành tác gọi là vô tác. Nhưng nói không phải là nghiệp thì cũng không đúng. Vì sao? Vì có tạo ra. Như thiện không tạo bất thiện, hoặc bất thiện không tạo thiện, cũng gọi là tạo tác. Như giác chi xả, không do tên xả để xả tu đạo. Vì dùng dứt các sự việc khác nên gọi là xả. Ý nghiệp kia cũng như vậy.

Lại nữa, vì nhân tác, vì quả tác, vì thấy nhân nên nói là quả. Như Đức Thế Tôn nói, vì hình chất nên là sắc, vô tác cũng không phải là sắc. Do tác là sắc, nên vô tác kia cũng gọi là sắc. Nghiệp ấy cũng như vậy.

Đã nói về năm nghiệp. Như nghiệp này có vô số thứ sai biệt nay sẽ nói.

*Tác nên biết ba thứ
Thiện, bất thiện, vô ký
Ý nghiệp cũng như thế
Khác không nói vô ký.*

Tác nên biết ba thứ, Thiện, bất thiện, vô ký: Nghĩa là thân tác, khẩu tác có ba loại là thiện, bất thiện, vô ký.

Thiện: Là thân, khẩu hành động theo tâm tịnh như thí, giới v.v...

Bất thiện: Là thân, khẩu hành động theo tâm bất thiện như sát sinh v.v...

Vô ký: Là thân, khẩu hành tác theo tâm vô ký.

Ý nghiệp cũng như thế: Tức ý nghiệp cũng có ba thứ: Tương ưng với tâm thiện là thiện. Tương ưng với tâm bất thiện là bất thiện. Tương ưng với tâm vô ký là vô ký.

Khác không nói vô ký: Nghĩa là hai nghiệp còn lại là thân vô tác và khẩu vô tác, hai thứ ấy là thiện, bất thiện, không có vô ký. Vì sao? Vì tâm vô ký yếu kém. Tâm mạnh mẽ mới có thể khởi nghiệp thân, khẩu. Tâm khác đều cùng với hành nối tiếp nhau sinh. Như tay cầm hoa thơm, tuy đã bỏ hoa rồi nhưng hơi thơm còn lại vẫn tiếp tục sinh, không phải như cầm gỗ, đá v.v...

Hỏi: Đã biết năm nghiệp. Tư không phải là tánh của sắc như đã nói trong đại địa. Vậy nghiệp khác có tánh gì?

Đáp:

*Tánh sắc, nhiễm, không nhiễm
Không nhiễm ô năm địa
Ẩn mất thuộc cõi sắc
Bất thiện ở cõi dục.*

Sắc: Tức tất cả thân nghiệp, khẩu nghiệp là tánh của sắc, vì nhân nơi bốn đại. Thân kia tạo tác có thể thấy, có đối. Khẩu tạo tác không thể thấy, có đối. Vô tác đều cùng không thể thấy, không đối.

Hỏi: Nghiệp thân, khẩu có bao nhiêu thứ?

Đáp: Nhiễm ô, không nhiễm ô. Sắc kia có hai thứ là nhiễm ô, không nhiễm ô.

Nhiễm ô là phiền não đã khởi lên. Phiền não này có hai thứ là vô ký ẩn mắt và bất thiện. Vô ký ẩn mắt: Là không báo, không tương ưng với không hổ không thẹn, có một quả phiền não cùng khởi. Bất thiện: Là có báo, tương ưng với không hổ không thẹn, có hai quả phiền não cùng khởi.

Không nhiễm ô cũng có hai thứ là thiện và vô ký không ẩn mắt. Thiện là được quả yêu thích. Thiện ấy cũng có hai thứ là hữu lậu và vô lậu (Sau phẩm này sẽ nói rộng). Vô ký không ẩn mắt là tâm vô ký không ẩn mắt cùng khởi, đó là oai nghi, công xảo, không phải báo sinh. Tâm mạnh mẽ có thể khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp. Tâm báo sinh thì yếu kém nên không khởi, vì thế nghiệp thân khẩu không phải là tánh của báo. Nếu tâm báo sinh có thể khởi nghiệp thân khẩu, thì nghiệp thân khẩu kia cũng nên là báo này, song vì không như vậy, vì do phương tiện hiện tại sinh. Nếu tâm báo sinh không nên gọi là oai nghi, công xảo, thì nghiệp thân khẩu không phải là báo.

Hỏi: Các nghiệp kia thuộc về những địa nào?

Đáp: Không nhiễm ô thuộc về năm địa là cõi dục và bốn thiên. Đây là nói chung. Nếu tạo tác thiện thì chỉ đến thiên thứ nhất, không phải ở địa trên.

Hỏi: Vì sao thân khẩu hành tác thiện chỉ đến thiên thứ nhất, không phải là địa trên?

Đáp: Vì tâm thô khởi tạo nghiệp thân khẩu. Vì tâm kia vi tế nên tâm hướng về bên ngoài khởi tạo nghiệp. Vì tâm kia hướng về bên trong nên giác quán khởi tạo nghiệp, nơi địa kia không có.

Thiện vô tác thuộc về năm địa là cõi dục và bốn thiên. Có luật nghi của thiên vô tác là luật nghi vô lậu. Thân vô ký không ẩn mất tạo tác cũng thuộc về năm địa như trước đã nói. Có sai biệt: Là ở cõi dục, tạo tác là tâm oai nghi, công xảo cùng khởi. Ở cõi sắc tạo tác là tâm oai nghi cùng khởi. Vì nơi cõi sắc không có tâm công xảo.

Hỏi: Đã nói ở địa trên không khởi tâm tạo tác, vì sao có tạo tác?

Đáp: Vì lực của thiên thứ nhất kia đã khiến tâm khởi tác hiện ở trước nên khởi. Nếu nói là thiện cũng như vậy thì không đúng. Do sinh lên địa trên, tâm thiện của địa dưới không hiện ở trước, vì tâm thiện ấy yếu kém.

Ẩn mất thuộc cõi sắc: Nghĩa là như nghiệp thân khẩu vô ký ẩn mất ở tại cõi sắc là thiên thứ nhất, không phải ở địa trên, vì không khởi tâm tạo tác. Không phải sinh nơi địa trên mà tâm nhiễm ô của địa dưới hiện ở trước, do đã lìa dục. Cũng không phải ở cõi dục, tu đạo đoạn trừ phiền não cùng khởi với nghiệp thân khẩu. Mà nơi cõi dục, tu đạo đoạn trừ phiền não hoàn toàn là bất thiện. Còn kiến đạo thì đoạn trừ tâm không khởi nghiệp thân khẩu (Sau phẩm này sẽ nói).

Bất thiện ở cõi dục: Nghĩa là nếu trong nhiễm ô là bất thiện thì ở cõi dục, không phải nơi cõi sắc. Vì sao? Vì tâm thiện ở cõi sắc kia là dễ được, vì chánh thọ đã nuôi lớn, vì không có không hổ không thẹn và vì không có khổ thọ. Bất thiện là thọ nhận báo quyên thuộc của thọ khổ, ở cõi sắc, vô sắc không có. Không có nghiệp của cõi sắc thọ nhận báo của cõi dục, vì khác cõi, vì nhân quả là đoạn dứt cõi.

Đã nói về tự tánh của nghiệp thân, khẩu. Về chủng loại địa, nghĩa là luật nghi vô tác có sai biệt, nay sẽ nói.

*Nếu trụ giới vô tác
 Lược nói có ba thứ
 Vô lậu và thiên sinh
 Dựa giới biệt giải thoát.*

Nếu trụ giới vô tác, Lược nói có ba thứ: Nghĩa là giới vô tác, nếu thuộc về luật nghi thì lược nói, nên biết có ba thứ.

Hỏi: Ba thứ đó là gì?

Đáp: *Vô lậu và thiên sinh, Dựa giới biệt giải thoát:* Giới vô lậu kia cùng với đạo cùng hành một quả đạo, là thiên của học, vô học phát sinh, nghĩa là giới của thiên kia cùng với thiên cùng hành một quả thiên là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Chánh mạng nghĩa là kiến lập nghiệp thân khẩu, vì không có thể riêng khác. Nghiệp thân khẩu từ nơi vô tham, vô sân, vô si phát sinh.

Vô sân, vô si phát sinh gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp. Vô tham phát sinh gọi là chánh mạng. Tuy trong một tâm nhưng có ba căn thiện, do tăng thượng nên nói như tham v.v... Hành như gió lay động, thuốc như âm của chữ.

Dựa giới biệt giải thoát: Nghĩa là thọ giới Thức-xoa thì Thi-la tùy chuyển, cũng có luật nghi đoạn. (Nơi phẩm Khế kinh sẽ nói rộng).

Hỏi: Nghiệp thân khẩu này những gì là không tùy tâm chuyển? Những gì là tùy tâm chuyển?

Đáp:

*Vô tác tại cõi dục
 Tác dựa nơi hai hữu
 Nên biết không tâm cùng
 Là tâm khác cùng nói.*

Vô tác của cõi dục không tùy tâm chuyển, nghĩa là thọ giới rồi thì tâm bất thiện, vô ký cũng tùy chuyển, cũng không cùng với tâm

thiện, bất thiện, vô ký tùy chuyển, vì tướng khác. Lại nữa, vì che giấu giới ác, lại do tạo tác, do bất định.

Tạo tác thì nơi cõi dục, cõi sắc cũng không tùy tâm chuyển, tức do thân, do không phải một quả của tâm.

Là tâm khác cùng nói: Nghĩa là luật nghi thiên, luật nghi vô lậu gọi là tâm khác. Luật nghi này tùy tâm chuyển, vì là một quả của tâm, là do tâm.

Đã nói về kiến lập nghiệp. Thành tựu giới nay sẽ nói.

*Luật nghi giới vô lậu
Được đạo tức thành tựu
Thiên sinh nếu đắc thiên
Giữ giới sinh cõi dục.*

Luật nghi giới vô lậu, Được đạo tức thành tựu: Được đạo nghĩa là tất cả Thánh đạo, từ khổ pháp nhẫn cho đến vô sinh trí, đã thành tựu luật nghi vô lậu. Luật nghi vô lậu này ở tại sáu địa là thiên vị lai, thiên trung gian và bốn thiên căn bản. Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm hương và quả thành tựu giới vô lậu của một địa. A-na-hàm hương hoặc thành tựu một địa, hoặc sáu địa. Quả A-na-hàm hoặc thành tựu ba địa cho đến sáu địa. A-la-hán thành tựu sáu địa.

Thiên sinh nếu đắc thiên: Nghĩa là nếu được thiên thì thành tựu luật nghi thiên, tức là được rồi không mất, đây cũng thành tựu sáu địa.

Giữ giới sinh cõi dục: Nghĩa là nếu thọ giới thì thành tựu luật nghi biệt giải thoát. Luật nghi này là dành cho người cõi dục, không phải cõi khác, vì không có phần thọ.

Đã lược nói về giới thành tựu. Phân biệt về đời nay sẽ nói.

*Trụ nơi biệt giải thoát
Vô tác ở lúc chuyển*

*Nên biết luôn thành tựu
Đều không xả quá khứ.*

Trụ nơi biệt giải thoát, Vô tác ở lúc chuyển, Nên biết luôn thành tựu: Nghĩa là luật nghi biệt giải thoát, hiện tại là giới vô tác luôn thành tựu, niệm niệm được pháp chưa từng được.

Đều không xả quá khứ: Nghĩa là trụ nơi luật nghi biệt giải thoát vô tác, nếu diệt mà không xả thì thành tựu quá khứ (Về việc xả, sau phẩm này sẽ nói).

*Nếu có tác nơi tác
Tức thì lập đời giữa
Đã hết nhưng không xả
Nên biết thành quá khứ.*

Nếu có tác nơi tác, Tức thì lập đời giữa: Đời giữa nghĩa là hiện tại, trụ nơi thân khẩu cầu thọ giới, bấy giờ là thành tựu thân khẩu tạo tác ở hiện tại.

Đã hết nhưng không xả, Nên biết thành quá khứ: Nghĩa là nếu tạo tác hết nhưng không xả, bấy giờ là thành tựu tạo tác của quá khứ không phải là hiện tại, do tạo tác không có niệm niệm nối tiếp nhau sinh.

*Nếu được thiên vô tác
Thành tựu diệt vị chí
Giữa nếu nhập chánh thọ
Tác cũng như trước nói.*

Nếu được thiên vô tác, Thành tựu diệt vị chí: Nghĩa là nếu được thiên thì người kia tức thành tựu luật nghi thiên của quá khứ, vị lai. Nếu lần đầu mới được thiên, thì thiên ấy trong sinh tử từ vô thủy đã diệt nơi quá khứ, nay đều đạt được.

Giữa nếu nhập chánh thọ: Nghĩa là như thiên chánh thọ hiện tại, vô tác của thiên kia cũng như thế, vì tùy tâm phát sinh.

Tác cũng như trước nói: Nghĩa là như biệt giải thoát ở trước, lúc hành tác mong cầu đã thành tựu hiện tại. Nếu diệt rồi không xả, bây giờ là thành tựu quá khứ không phải là hiện tại. Người trụ thiền tạo tác cũng như vậy.

Hỏi: Nếu sinh nơi cõi sắc thì thế nào là thành tựu tạo tác?

Đáp: Khi Đức Thế Tôn đến cõi sắc, chur thiên nơi cõi sắc đều lễ kính, đi vòng quanh theo phía bên phải, cho đến chưa xong, bây giờ là đã thành tựu tạo tác quá khứ.

*Đều thành tựu nên biết
Được đạo nếu chưa sinh
Trung gian đạo ở tâm
Đều không bỏ đời trước.*

Đều thành tựu nên biết, Được đạo nếu chưa sinh: Nghĩa là tất cả Thánh nhân nơi hết thấy thời đều thành tựu luật nghi vô lậu ở vị lai.

Trung gian đạo ở tâm: Nghĩa là nếu đạo ở hiện tại, bây giờ là thành tựu luật nghi vô lậu vô tác.

Đều không bỏ đời trước: Đời trước là quá khứ. Nếu luật nghi vô tác kia diệt rồi không xả là thành tựu quá khứ.

*Nếu tạo nghiệp bất thiện
Lập giới thành tựu hai
Đến triền kia trói buộc
Hết rồi đều nên biết.*

Nếu tạo nghiệp bất thiện, Lập giới thành tựu hai: Nghĩa là trụ nơi thiền biệt giải thoát, sinh khởi luật nghi vô lậu. Nếu do phiền não bất thiện tội bực trói buộc, khởi các bất thiện như hơn cả trói buộc, là tạo tác vô tác, thì đó tức thành tựu hữu tác vô tác. Đây là nói về bất thiện của hành chưa lìa dục.

Hỏi: Vào thời gian nào thì thành tựu?

Đáp: Đến triền kia trói buộc: Tức cho đến triền chưa xả bỏ, trụ nơi phi luật nghi.

Hết rồi đều nên biết: Nghĩa là nếu triền kia đã dứt hết thì hữu tác, vô tác cũng hết.

*Nếu trụ bất luật nghi
Trong thành tựu vô tác
Nên thọ quả không ái
Hoặc lại hết không xả.*

Nếu trụ bất luật nghi, Trong thành tựu vô tác, Nên thọ quả không ái: Trụ bất luật nghi nghĩa là hàng đồ tể, thái thật v.v... Bất luật nghi ấy nơi tất cả thời đều tạo thành bất thiện vô tác trong hiện tại. Bất thiện vô tác này nơi niệm niệm sinh khởi.

Hoặc lại hết không xả: Là vô tác kia diệt không xả tức thành tựu quá khứ.

*Nếu sát-na trụ tác
Tức thì nói đời giữa
Đã hết nhưng không xả
Thiện nơi trên cùng trái.*

Nếu sát-na trụ tác, Tức thì nói đời giữa: Nghĩa là người kia trụ nơi bất luật nghi, lúc thọ nhận bất luật nghi là thành tựu tạo tác của hiện tại.

Đã hết nhưng không xả: Nghĩa là tạo tác của bất luật nghi kia đã diệt nhưng không mất, tức là thành tựu quá khứ, không phải là hiện tại, vì không nối tiếp nhau.

Thiện nơi trên cùng trái: Nghĩa là như trụ nơi luật nghi nói là bất thiện. Trụ nơi bất luật nghi lại nói là thiện.

*Nếu đã tạo trong xú
Đây tức lập đời giữa*

*Nếu hết nhưng không xả
Hoặc hai cũng lại một.*

Nếu đã tạo trong xứ, Đây tức lập đời giữa: Trong xứ tức không phải là luật nghi, không phải là bất luật nghi. Nếu lúc thọ nhận thiện, tâm không thuần tịnh, thì thành tựu tạo tác thiện của hiện tại. Nếu lúc trụ nơi bất thiện, phiền não không tốt bực trói buộc, là tạo thành tạo tác bất thiện của hiện tại.

Nếu hết nhưng không xả: Nghĩa là diệt rồi không xả, là thành tựu tạo tác của quá khứ kia, không phải là hiện tại, vì không nối tiếp nhau sinh.

Hoặc hai: Nghĩa là nếu nói tâm thuần tịnh, thì phiền não bất thiện tốt bực trói buộc thọ nhận hiện tại, là thành tựu hữu tác và vô tác.

Cũng lại một: Nghĩa là khởi sát-na thứ hai, chỉ có vô tác hiện tại. Như phân biệt quá khứ, hiện tại, nếu phân biệt thiện, bất thiện cũng như vậy.

*Ẩn mắt, không ẩn mắt
Hai tác đều không hết
Cùng với tịnh, bất tịnh
Tất cả nói không sinh.*

Ẩn mắt, không ẩn mắt, Hai tác đều không hết: Nghĩa là nếu vô ký ẩn mắt và vô ký không ẩn mắt tạo tác không thành tựu thì tâm yếu kém của quá khứ cùng khởi, do uy lực khác không mạnh. Nếu lúc thọ nhận tạo tác của hiện tại thì thành tựu hiện tại, vì thành tựu trong sát-na nên cũng không nói là vô tác, vì vô ký không cùng kết hợp.

Cùng với tịnh, bất tịnh, Tất cả nói không sinh: Nghĩa là nếu thiện, bất thiện, vô ký ẩn mắt và vô ký không ẩn mắt tạo tác thì đều không thành tựu, vị lai do vô trụ, vì nơi đời vị lai thọ nhận tạo tác.

Hỏi: Những gì là luật nghi, bất luật nghi?

Đáp:

*Chảy rót nối tiếp thành
Giới thiện và bất thiện
Nơi tất cả chúng sinh
Luật nghi, bất luật nghi.*

Luật nghi biệt giải thoát kia nghĩa là thọ giới đối với tất cả chúng sinh, nơi tất cả thời, giới không đoạn, hoặc mười hai thứ, hoặc hai mươi một thứ tùy chuyên.

Bất luật nghi nghĩa là trụ nơi không luật nghi, đối với hết thảy chúng sinh nơi tất cả thời giới ác không đoạn.

Hỏi: Những gì là trụ nơi bất luật nghi?

Đáp: Có mười hai thứ trụ nơi bất luật nghi. Đó là đồ tể dê, nuôi gà, nuôi heo, bắt chim, bắt cá, thợ săn, làm kẻ trộm, chủ hàng làm nem, cai ngục, dùng chú thuật điều khiển rồng rắn, đồ tể chó, rình rập săn bắn.

Đồ tể dê: Là giết hại dê, đem tâm sát hại, hoặc nuôi lớn, hoặc mua bán, hay giết hại, đều gọi là đồ tể dê. Nuôi gà, nuôi heo cũng như vậy.

Bắt chim: Là như giết chim để tự sinh sống. Bắt cá, thợ săn cũng như thế.

Làm kẻ trộm: Là thường hành các việc trộm cướp, sát hại. Chủ hàng làm nem: Là người chủ việc giết mổ súc vật để tự sinh sống. Cai ngục: Là lấy nghề cai ngục làm kế sinh nhai.

Dùng chú thuật điều khiển rồng rắn: Là luyện tập chú thuật điều khiển rồng rắn làm trò vui chơi để tự kiếm sống. Đồ tể chó: Là hàng Chiên-đà-la. Kẻ rình rập săn bắn: Là chủ săn của nhà vua.

Như đồ tể dê tuy không sát hại các loài chúng sinh khác, nhưng đối với tất cả chúng sinh là đã tạo nên bất luật nghi. Vì sao? Vì nếu tất cả chúng sinh là hình tượng dê hiện ở trước, thì đối với hết thảy chúng sinh kia gã đồ tể dê đều khởi tâm sát hại. Do tất cả chúng sinh đã có lý của việc tạo tác làm dê. Nếu lại không có lý ấy thì đối với kẻ kia cũng có tâm giết hại nên đã tạo thành bất luật nghi. Như trụ nơi tâm từ, thì tưởng về lòng nhân hiện bày rộng khắp. Nên biết trụ nơi bất luật nghi khác cũng như vậy. Hoặc là vua, hoặc là quan coi về phép tắc, hoặc là quan nghe kiện tụng mà có tâm hãm hại, cũng đều rơi vào nghĩa bất luật nghi.

Hỏi: Phần hạn được luật nghi là vào thời gian nào?

Đáp:

*Là thọ giới luật nghi
Suốt đời hoặc ngày đêm
Bất luật nghi suốt đời
Hai đều không thọ thêm.*

Là thọ giới luật nghi, Suốt đời hoặc ngày đêm: Nghĩa là thọ luật nghi biệt giải thoát có hai thứ: Hoặc là *suốt đời*, tức là bảy chúng. Bảy chúng là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. *Ngày đêm:* Nghĩa là thọ trai giới có hai thứ thời gian là ngày đêm và suốt đời.

Hỏi: Bất luật nghi lại là thế nào?

Đáp: Bất luật nghi suốt đời: Nghĩa là bất luật nghi thì suốt cả đời không phải ngày đêm.

Hỏi: Vì sao luật nghi thì được ngày đêm không phải là bất luật nghi?

Đáp: Vì bất luật nghi kia không có tánh thọ nhận, không có nói “Tôi thọ nhận bất luật nghi trong ngày đêm”. Là do đáng xấu hổ, chán nản. Còn luật nghi thiện thì có tánh thọ nhận, có thể vui mừng.

Hai đều không thọ thêm: Nghĩa là luật nghi, bất luật nghi đều cùng không có thọ thêm, như nửa tháng, một tháng hay sáu tháng. Do mong cầu thiện ác không hoàn toàn xả bỏ. Giới ngày đêm cũng như vậy. Vượt quá là không đúng, vì không có tánh của giới hạn sai biệt. (Hai thứ giới hạn sai biệt trước đã nói). Do nhân duyên kia nên bất luật nghi không có thọ nhận trong ngày đêm. Về nhân duyên này, phần trước đã nêu.

Hỏi: Thế nào là được luật nghi biệt giải thoát?

Đáp:

*Thọ giới biệt giải thoát
Nên biết từ người dạy
Tùy tâm hạ, trung, thượng
Được ba phẩm luật nghi.*

Thọ giới biệt giải thoát, Nên biết từ người dạy: Nghĩa là luật nghi biệt giải thoát từ nơi người khác dẫn dạy nên được. Hoặc là chúng, hoặc người, hoặc pháp. *Chúng* nghĩa là bạch tứ yết-ma thọ giới cụ túc. *Người* nghĩa là thiện lai. *Pháp* nghĩa là Đức Phật và năm Tỳ-kheo v.v...

Lại hỏi về vui thích. Nghĩa là luật Tu-đà-da Tỳ-bà-sa nói có mười loại thọ cụ túc, là *Tự khởi*, tức Đức Phật vượt lên trên. *Ly sinh* tức là năm Tỳ-kheo. *Thiện lai* nghĩa là các Sư như Da-xá v.v... *Thọ nhận* đó là Ma ha Ca-diếp

Hỏi: Người vui thích: Nghĩa là Tu-đà-da. Thọ nhận pháp trọng: Tức là bà Ma ha Ba-xà-ba-đề. Sai sứ: Nghĩa là pháp cùng với luật sư v.v... Người thứ năm: Là vùng biên địa. Mười chúng: Là tam quy, tam thuyết của vùng giữa nước .

Hỏi: Những loại người nào được luật nghi?

Đáp: *Tùy tâm hạ, trung, thượng, Được ba phẩm luật nghi:* Nếu thọ giới biệt giải thoát với tâm phẩm hạ, người kia tức được giới

phẩm hạ, vì là quả của tâm thuộc phẩm hạ. Nếu hành thiện theo phương tiện tối thắng, cho đến lia đục của cõi sắc, cõi vô sắc, gieo trồng chủng tử của ba thừa, chủng loại chúng sinh luôn nối tiếp, người kia cũng vẫn tùy chuyển theo phẩm hạ.

Nếu thọ giới với tâm phẩm trung, tức được luật nghi phẩm trung. Nếu hành thiện theo phương tiện tối thắng, hoặc không xả giới, nhưng tạo ra các hành ác, người kia cũng vẫn tùy chuyển theo phẩm trung.

Nếu thọ giới với tâm tăng thượng, tức được luật nghi phẩm thượng, cho đến chủng loại luôn nối tiếp, người kia cũng vẫn tùy chuyển theo tăng thượng.

Hoặc có Tỳ-kheo trẻ tuổi được luật nghi tăng thượng, tuy lại là A-la-hán, nhưng cũng thành tựu giới tâm phẩm hạ.

Có giới biệt giải thoát từ phẩm hạ đến phẩm trung, từ phẩm trung đến phẩm thượng. Nghĩa là trước đã đem tâm phẩm hạ để thọ luật nghi Ưu-bà-tắc. Thứ đến đem tâm phẩm trung để thọ luật nghi Sa-di. Về sau đem tâm phẩm thượng để thọ luật nghi Tỳ-kheo.

Từ phẩm trung hạ thượng, từ phẩm thượng hạ trung: Nghĩa là trụ nơi luật nghi, có người đối với tất cả chúng sinh phát khởi không phải tất cả chi, không phải tất cả nhân. Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả chi, không phải tất cả nhân. Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả chi, tất cả nhân. Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả nhân, không phải tất cả chi, là không có. Chúng sinh là loài cựa động (Bò bay máy cựa). Chi nghĩa là từ không sát sinh cho đến không nói lời thô dật. Nhân nghĩa là tâm phẩm hạ, trung, thượng.

Lại nói về vô tham, vô sân, vô si. Có người đối với tất cả chúng sinh khởi không phải tất cả chi, không phải tất cả nhân: Nghĩa là theo tâm phẩm hạ thọ giới Ưu-bà-tắc, theo tâm phẩm hạ thọ giới Sa-di.

Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả chi, không phải tất cả nhân: Nghĩa là theo tâm phẩm hạ thọ ba loại giới, hoặc trung, hoặc thượng, hoặc cả hai. Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả chi, tất cả nhân: Nghĩa là theo ba loại tâm thọ nhận ba loại giới. Thế nên, đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả nhân, không phải tất cả chi, là không có. Hoặc lần đầu dùng tâm phẩm hạ để thọ giới ngày đêm, thứ đến là dùng tâm phẩm trung thọ giới Ưu-bà-tắc, về sau là đem tâm phẩm thượng thọ giới Sa-di. Có chỗ cho nên nói đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả nhân, không phải tất cả chi, thì nghĩa này là không đúng, vì giới kia nên nói là suốt đời.

Hỏi: Trụ nơi những tâm nào để được luật nghi biệt giải thoát?

Đáp: Là đối với tất cả chúng sinh khởi tâm từ. Nếu nói: “Tôi thọ ở đây, không thọ ở kia, nên không được luật nghi”, là đã tùy theo tâm ác. Như nói “Tôi thọ không săn thú”, do phần ít nên là nghiệp thiện, không được luật nghi. Vì giới biệt giải thoát là hiện hữu khắp tất cả, vì có thể được hoặc không thể được luật nghi. Nếu khác với điều này thì luật nghi tức nên có tăng giảm. Do pháp có thể sinh thì không thể ở. Pháp không thể sinh thì có thể ở. Như vậy thì có lỗi gì? Tức không phải lúc xả nên xả luật nghi biệt giải thoát nên tức khắc được xả riêng, tức nên không thọ nhận mà được luật nghi biệt giải thoát.

Đối với ám giới nhập hiện tại có được xứ sở chúng đấng của chúng sinh, không phải là quá khứ, vị lai, vì rơi vào pháp số. Do đây nên tạo ra bốn trường hợp:

(1) Có ám giới nhập được luật nghi biệt giải thoát không phải là luật nghi vô lậu của thiên: Nghĩa là ở nơi hiện tại khởi quyền thuộc trước sau cùng chế tội.

(2) Có ám giới nhập được luật nghi vô lậu của thiên không phải là luật nghi biệt giải thoát: Nghĩa là ở nơi quá khứ, vị lai khởi nghiệp đạo căn bản.

(3) Có ảm giới nhập được luật nghi biệt giải thoát cũng được luật nghi vô lậu của thiên: Nghĩa là ở nơi hiện tại khởi đạo nghiệp căn bản.

(4) Có ảm giới nhập không được luật nghi biệt giải thoát cũng không được luật nghi vô lậu của thiên: Nghĩa là ở nơi quá khứ, vị lai khởi quyền thuộc trước sau.

Nếu cho ở nơi cỏ tươi v.v... là được và khi cỏ khô là bỏ, thì không đúng. Vì sinh khởi ở nơi cỏ tươi. Nếu cho do có thể không có thể nên nói như thế, thì cũng không đúng. Vì chúng sinh trước sau là đồng tánh. Còn cỏ tươi v.v... thì về sau là không phải tánh.

Ở đây thì luận về A-la-hán bát Niết-bàn đồng với thuyết này, vì về sau không phải là tánh. (Về nghĩa này trong phẩm Trạch sẽ được nói rộng)

Hỏi: Đã nói về luật nghi biệt giải thoát. Làm thế nào đạt được luật nghi thiên?

Đáp:

*Được tâm thiện cõi sắc
Được giới luật nghi thiên
Đây xả, kia cũng xả
Vô lậu có sáu tâm.*

Được tâm thiện cõi sắc, Được giới luật nghi thiên: Nghĩa là nếu có người được tâm thiện của cõi sắc, người kia tức được luật nghi thiên, vì giới thường tùy theo tâm thiện của cõi sắc, trừ sáu tâm: Tâm nơi ba thức thân của thiên thứ nhất, tâm của văn tuệ, tâm khởi tạo nghiệp, tâm lúc mạng chung do không nhất định, nên tâm định thì giới thường tùy chuyển. Do tâm của ba thức thân khởi hướng bên ngoài, nên khởi tâm tạo nghiệp cũng như vậy. Vì tâm của văn tuệ gọi là xứ khởi, do tâm lúc mạng chung thì yếu kém. Nơi các thiên thứ hai, thứ ba, thứ tư có hai tâm bất định là tâm của văn tuệ và tâm lúc mạng chung.

Hỏi: Vì sao nơi cõi vô sắc không có giới?

Đáp: Vì nơi cõi kia, tánh là vô sắc. Do giới là sắc. Do trong cõi vô sắc là không có sắc, không có tánh của bốn đại. Nếu cõi vô sắc kia có bốn đại thì nên có giới, nhưng cõi vô sắc không có bốn đại. Giới là đối trị giới ác. Chẳng phải đối trị với giới ác là ở cõi vô sắc. Giới ác là ở nơi cõi dục.

Cõi vô sắc có bốn thứ xa nên cách xa: Chỗ dựa xa, hành xa, duyên xa và đối trị xa. Tất cả phẩm tỷ trí của thiền căn bản tuy không phải là đối trị đoạn, nhưng có đối trị duy trì và đối trị phân xa. Như khổ pháp trí, tập pháp trí có đối trị hoại, thuộc về thiền căn bản. Thiền vị lai có đối trị đoạn. Như diệt, đạo pháp trí thuộc về thiền căn bản nên không phải là đối trị hoại vì duyên nơi vô lậu.

Hỏi: Thế nào là xả?

Đáp: *Đây xả, kia cũng xả:* Tức nếu mất tâm cõi sắc thì luật nghi kia cũng mất, vì do tâm.

Hỏi: Làm thế nào đạt được luật nghi vô lậu?

Đáp: *Vô lậu có sáu tâm:* Là luật nghi vô lậu ở nơi tâm của sáu địa cùng được. Sáu địa là thiền vị lai cho đến thiền thứ tư do sáu địa có kiến đạo, không phải là địa trên, vì nơi địa trên cảnh giới là không rộng. Nếu dựa vào thiền vị lai vượt lên trên ly sinh thì tu một địa. Còn đẳng biên vô gián của kiến đạo là đẳng trí thì tu hai địa, là thuộc về thiền vị lai và cõi dục. Cho đến dựa vào thiền thứ tư, vượt lên ly sinh, thì tu sáu địa. Còn đẳng biên vô gián của kiến đạo là đẳng trí thì tu bảy địa.

Hỏi: Vì sao cõi vô sắc không có kiến đạo?

Đáp: Vì không có tánh của nhãn và tánh của pháp trí, vì không có căn thiện của Câu-xá-la (Câu-xá-la nói là hành nghiệp), vì không có giới, vì không duyên nơi cõi dục.

Hỏi: Luật nghi thiên và luật nghi vô lậu có sai biệt gì?

Đáp: Luật nghi thiên có cấu uế. Luật nghi vô lậu thì lia cấu uế. Lại có chỗ nói: Luật nghi thiên là giới của thiên căn bản. Luật nghi vô lậu là tất cả giới vô lậu.

Ở đây nên nêu ra bốn trường hợp: (1) Hoặc là luật nghi thiên không phải là vô lậu: Nghĩa là giới thế tục của thiên căn bản. (2) Hoặc là luật nghi vô lậu không phải là thiên: Nghĩa là giới vô lậu của thiên vị lai, thiên trung gian. (3) Cũng là luật nghi thiên cũng là vô lậu: Nghĩa là giới vô lậu của thiên căn bản. (4) Không phải luật nghi thiên cũng không phải luật nghi vô lậu: Nghĩa là giới thế tục của thiên trung gian, thiên vị lai. Bốn trường hợp được cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là được bất luật nghi?

Đáp:

*Nếu tác cùng nhận sự
Mà được bất luật nghi
Tùy tâm hạ, trung, thượng
Sinh ba phẩm giới ác.*

Nếu tác cùng nhận sự, Mà được bất luật nghi: Nghĩa là có hai nhân duyên nên thành bất luật nghi là tác và thọ nhận sự. *Tác:* Là sinh vào nhà bất luật nghi. Cho đến chưa sát sinh thì chưa gọi là bất luật nghi, nếu sát sinh thì người ấy thành bất luật nghi. *Thọ nhận sự:* Nếu sinh vào gia đình khác, người kia nói như vậy: “Tôi tạo nghiệp này để tự sống, tức người ấy *được* bất luật nghi”.

Hỏi: Do đâu gọi là trụ nơi bất luật nghi? Là vì đủ hay là không đủ?

Đáp: Có thuyết nói: Không đủ cũng gọi là trụ nơi bất luật nghi. Nghĩa là sinh vào nhà bất luật nghi. Kẻ kia tánh không thể nói nhưng sát sinh nên được tánh của thân nghiệp, không phải là khẩu nghiệp.

Luận Tỳ-bà-sa nói: Như luật nghi không đầy đủ thì không gọi là trụ nơi luật nghi. Bất luật nghi cũng như vậy. Chỉ vì trông mong điều ác đầy đủ nên sinh vào nhà bất luật nghi. Tuy tánh không thể nói nhưng do thân biểu thị ngữ nghĩa nên tùy theo đấy có được bất luật nghi.

Hỏi: Nếu trụ nơi bất luật nghi nhưng thọ pháp của luật nghi ngày đêm, bấy giờ là được luật nghi, xả bất luật nghi. Đến sáng sớm hôm sau, khi minh tướng xuất hiện, người kia lại xả luật nghi trở lại có được bất luật nghi chăng?

Đáp: Có thuyết nói: Được. Vì xả bất luật nghi được luật nghi, xả luật nghi có được bất luật nghi. Có thuyết nói: Không được. Vì nếu chủng loại của một thân không sát sinh, thì cho đến toàn bộ chủng loại thân đều không được bất luật nghi. Vì không tác, không thọ nhận. Xả bất luật nghi được luật nghi, còn xả luật nghi được bất luật nghi thì cũng không phải là bất luật nghi.

Hỏi: Thế nào là có được bất luật nghi?

Đáp: *Tùy tâm hạ, trung, thượng, Sinh ba phẩm giới ác:* Nếu từ đầu dùng tâm phẩm hạ để giết hại chúng sinh và nếu còn thọ nhận sự thì người kia tức được sát sinh bậc hạ cùng bất luật nghi vô tác và bậc hạ. Nghĩa là đối với tất cả chúng sinh khác là được thuộc về bất luật nghi. Về sau, nếu người kia lại dùng tâm phẩm trung, phẩm thượng để sát sinh, thì có được bất luật nghi vô tác cùng sát sinh bậc trung, thượng. Do trước đã được từ bậc trung thượng khởi nên cũng như vậy.

Có người trụ nơi bất luật nghi, đối với tất cả chúng sinh khởi không phải tất cả chi, không phải tất cả nhân. Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả chi, không phải tất cả nhân. Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả nhân, không phải tất cả chi. Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả chi, tất cả nhân.

Có người đối với tất cả chúng sinh khởi không phải tất cả chi, không phải tất cả nhân: Nghĩa là do triền bậc hạ giết chết chúng sinh, hoặc bậc trung, hoặc bậc thượng nhưng không tạo nghiệp đạo khác.

Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả chi, không phải tất cả nhân: Nghĩa là dùng triền bậc hạ giết hại chúng sinh, cho đến nói lời thù dật, không phải là bậc trung, thượng.

Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả nhân, không phải tất cả chi: Nghĩa là dùng triền bậc hạ, trung, thượng để sát hại chúng sinh, không phải là nghiệp đạo khác.

Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả chi, tất cả nhân: Nghĩa là dùng triền bậc hạ, trung, thượng để giết hại chúng sinh, cho đến nói lời thù dật, người kia nói là bất luật nghi không đầy đủ nên không gọi là kẻ trụ nơi bất luật nghi, vì người kia nói là đối với tất cả chúng sinh đã khởi cùng tất cả chi nhưng nhân không nhất định.

Hỏi: Các luật nghi được xả vào những thời gian nào?

Đáp:

Biệt giải thoát điều phục

Là xả nơi bốn thời

Nếu xả và mạng chung

Đoạn hai căn thiện sinh.

Biệt giải thoát điều phục, Là xả nơi bốn thời: Nghĩa là biệt giải thoát được điều phục, nên biết là xả trong bốn lúc.

Hỏi: Là những lúc nào?

Đáp: Nếu xả và mạng chung, Đoạn hai căn thiện sinh: Nghĩa là xả chủng loại thân của giới, diệt căn thiện, đoạn hai hình sinh.

Phái Trì Luật nói: Lúc pháp mất hết, tất cả việc thuyết giới, kiết giới, yết ma đều dứt.

Phái A-tỳ-đàm nêu: Lúc pháp mất hết, luật nghi đã thọ nhận trước đây vẫn nối tiếp phát sinh nên không xả. Người chưa từng được luật nghi thì không được, thế nên nói tất cả đều dứt.

Có thuyết cho: Phạm các tội lần đầu, gọi là xả luật nghi, điều này là không đúng. Vì nếu người xả luật nghi là đã phạm tội căn bản, đã hoàn tục, nên được xuất gia lại, vì đã xả luật nghi. Đức Phật nói người này không phải Tỳ-kheo, tức không phải là Tỳ-kheo đệ nhất nghĩa. Thuyết này không có lỗi.

Người phạm các tội lần đầu, đối với luật nghi biệt giải thoát là Tỳ-kheo, nhưng đối với luật nghi vô lậu thì không phải là Tỳ-kheo. Luật nghi thọ nhận suốt đời có bốn lúc xả. Luật nghi trai giới cho đến lúc mặt trời mọc là xả. Nếu như người trụ nơi luật nghi mà phạm luật nghi, là phạm giới không phải là xả giới. Nên biết người kia trụ nơi trì giới đã phạm giới. Nếu người ấy biết ăn năn, tức là xả phạm giới, trụ nơi trì giới. Như người giàu mắc nợ gọi là người giàu, cũng gọi là người mắc nợ. Nếu trả nợ hết rồi thì chỉ gọi là người giàu. Sự việc xả giới, trì giới kia cũng như vậy.

*Là luật nghi thiên sinh
Nên biết xả hai lúc
Nếu khởi phiền não thoái
Sinh địa trên, địa dưới.*

Luật nghi thiên xả vào hai lúc.

Hỏi: Tức vào những lúc nào?

Đáp: Nếu khởi phiền não thoái, Sinh địa trên, địa dưới: Nghĩa là lúc thoái chuyển thiên thì xả luật nghi kia, do thiên nên cùng với lúc sinh địa trên, địa dưới thì xả.

*Luật nghi giới vô lậu
Là nói xả ba thời*

*Thoái cùng được Thánh quả
Căn tăng ích nên biết.*

Luật nghi vô lậu xả trong ba lúc.

Hỏi: Là những lúc nào?

Đáp: Nên biết là xả vào lúc thoái chuyển, lúc đắc Thánh quả và lúc căn tăng ích.

Thoái chuyển: Là mất công đức thù thắng. Đắc quả: Là được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Căn tăng ích: Là tín giải thoát được kiến đáo, thời giải thoát đạt được bất động.

Hỏi: Thế nào là xả bất luật nghi?

Đáp:

*Bất luật nghi bốn thời
Thọ giới và mạng chung
Đạt được các thiền định
Hai căn sinh cũng vậy.*

Bất luật nghi thì xả nơi bốn thời: Lúc thọ giới, lúc bỏ chủng loại thân, lúc được luật nghi thiên và lúc hai căn sinh.

Hỏi: Người trụ nơi bất luật nghi, nếu bỏ dụng cụ sát sinh gọi là xả bất luật nghi chăng?

Đáp: Gọi là đình chỉ nghiệp. Nếu không thọ luật nghi thì không gọi là xả bất luật nghi, vì không phải là đối trị. Như không uống thuốc mà muốn dứt bỏ nhân của bệnh, thì bệnh tức theo đấy sinh.

Hỏi: Đã nhận biết lúc xả luật nghi, bất luật nghi. Người kia cùng lia bỏ đã tạo giới thiện, giới ác thì lúc xả là thế nào?

Đáp:

*Người kia thế hạn quá
Cùng với hy vọng dứt*

*Cũng xả nơi phương tiện
Là nói xả thiện, ác.*

Người kia cùng lia bỏ: Nghĩa là nếu giới thiện, giới ác tức cùng xả trong ba thời. Nghĩa là vượt quá uy thế giới hạn, hy vọng dứt, xả phương tiện.

Vượt quá uy thế giới hạn: Nghĩa là nếu lúc muốn làm các việc theo giới thiện, giới ác, trước hết phải tạo ra giới hạn, nếu vượt quá giới hạn thì dừng. Như thế mạnh nơi bánh xe quay của thợ đồ gốm, nếu quay hết mức thì dừng.

Hy vọng dứt: Nghĩa là người ấy khởi tâm suy nghĩ: Sau này không còn làm nữa.

Xả phương tiện: Nghĩa là dứt các hành của thân, khẩu. Người ấy cùng lia: Là tạo hành thiện, ác. Điều là chủng loại của thân, vô tác theo đầy sinh. Nghĩa là nói lên lời thệ: “Không cúng dường Phật thì trọn không ăn trước”. Nếu dùng hương hoa để tán thán, kính lễ và vô số thứ khác, ngày ngày cúng dường, thì đều là chủng loại của thân, vô tác theo đầy sinh.

Có người khởi thệ nguyện: “Không thí cho người khác, cho đến một nắm cơm, thì trọn không ăn trước”. Người kia cũng đều là chủng loại của thân, vô tác tùy sinh.

Nếu làm việc bố thí có kỳ hạn nhất định, hoặc hàng ngày, hoặc tháng, hoặc năm, phát lời thệ: “Tôi thề làm việc bố thí suốt đời”, tức bỏ ra một ít vật dụng, đem cung cấp cho người khác dùng, người ấy cũng đều là chủng loại của thân, vô tác tùy sinh.

Hoặc xây tháp, hoặc làm nhà ở cho tăng bốn phương, hoặc phòng nhà cho tăng, hoặc phòng riêng, hoặc vườn gác, ao tắm, hoặc cầu thuyền. Những sự việc như vậy đều có ba nhân duyên: Vô tác không đoạn, hoặc hy vọng, hoặc thân, hoặc sự.

Giới ác nghĩa là người kia cũng khởi lời thệ: “Tôi sẽ ngày ngày đối với oan gia kia luôn tạo sự việc không lợi ích”. Hoặc một lần đánh, hoặc một lời nói ác, người ấy là cả đời, vô tác bất thiện tùy sinh.

Đã nói về xả bỏ nghiệp của sắc. Vô sắc nay sẽ nói.

*Thiện vô sắc lúc xả
Đoạn thoái sinh các địa
Cấu uế chỉ lìa dục
Nên biết là ý nghiệp.*

Thiện vô sắc lúc xả, Đoạn thoái sinh các địa: Nghĩa là pháp thiện hữu lậu vô sắc được xả vào ba thời là lúc đoạn căn thiện, lúc thoái chuyển và lúc sinh nơi các địa.

Cấu uế chỉ lìa dục: Nghĩa là lúc lìa dục là xả pháp cấu uế vô sắc. Nếu đối trị phẩm này sinh, tức là xả phẩm này.

Đã nói về tự tánh và sự thành tựu của các nghiệp. Như nghiệp này, Đức Thế Tôn đã có vô số phân biệt, nay sẽ nói.

*Nếu nghiệp cho quả khổ
Nên biết là hành ác
Lại có ý hành ác
Tham, sân hận, tà kiến.*

Nếu nghiệp cho quả khổ, Nên biết là hành ác: Nghĩa là nếu nghiệp của thân, khẩu và tư sinh quả báo không yêu thích, nên biết đó là hành ác.

Hỏi: Chỉ có hành ác này chăng?

Đáp: *Lại có ý hành ác, Tham, sân hận, tà kiến:* Tức tư bất thiện là hành ác của ý, như trước đã nói. Lại có tham, sân, tà kiến.

*Là trái với hành diệu
Bậc Tối Thắng đã nói*

*Nếu trong đây tăng thượng
Gọi là mười nghiệp đạo.*

Là trái với hành diệu, Bạc Tối Thắng đã nói: Nghĩa là cùng trái với hành ác đều là hành diệu. Nếu là nghiệp thiện của thân tức đều là hành diệu của thân. Nếu là nghiệp thiện của khẩu tức đều là hành diệu của khẩu. Nếu là nghiệp thiện của ý cùng không tham, không sân, chánh kiến, tức đều là hành diệu của ý. Nghiệp vô ký ản mất, không ản mất, vì không có báo nên không phải là hành ác, không phải là hành diệu. Nếu vô ký không ản mất kia là phương tiện khéo léo, nghĩa là làm như làm, nói như nói, trái với vô ký không ản mất này là vô ký ản mất, gọi là không có phương tiện khéo léo.

Hỏi: Tất cả hành thiện, hành ác đều thuộc về nghiệp đạo chăng?

Đáp: *Nếu trong đây tăng thượng, Gọi là mười nghiệp đạo:* Tức nghiệp tăng thượng vượt hơn trong các hành thiện hành ác này gọi là nghiệp đạo. Hành diệu kia tăng gọi là nghiệp đạo thiện. Hành ác tăng gọi là nghiệp đạo bất thiện. Nếu nói không nhất định thì không đúng, vì nghiệp đạo căn bản phần nhiều tăng thượng, vì rất bức bách, vì quá sợ hãi, vì sự việc rất ráo, nên nói tăng thượng là nghiệp đạo căn bản.

Hỏi: Những gì là nghiệp đạo?

Đáp: Từ sát sinh cho đến tà kiến. Sát sinh kia nay sẽ nói.

*Có tâm muốn sát sinh
Tưởng sát sinh chúng sinh
Đó gọi là sát sinh
Trộm, dâm cũng như thế.*

Có tâm muốn sát sinh, Tưởng sát sinh chúng sinh: Nghĩa là muốn giết chúng sinh khác, chúng sinh định, bất định, đều khởi tưởng chúng sinh, giết hại chúng sinh kia, gọi là tác, vô tác, hoặc lại hoàn

toàn gọi là vô tác. Thân nghiệp này sát sinh, không phải là nghiệp khác. Không đủ tự tại: Là miệng nói và ý của tiên nhân đã ngờ vực mà giết. Nếu cho là tự tánh của khẩu nghiệp, ý nghiệp là không đúng, vì tự tánh của nghiệp là khác, vì sự việc không rõ ràng.

Nếu cho có tâm, không tâm mà giết chúng sinh kia, thì cùng nên mắc phải tội sát. Như người chạm phải lửa, ăn nhầm chất độc là không đúng, vì không phải là thí dụ. Hoặc tay cầm dao, hoặc tay quăng dao, hoặc có tâm, hoặc không tâm xúc chạm lửa không bị đốt cháy. Hoặc chú thuật độc, hoặc uống thuốc lẫn lộn chất độc, hoặc có tâm hoặc không tâm, nhưng vì sát sinh không chết thì không như vậy. Thế nên không phải là thí dụ.

Nếu lại cho đối với lửa, thuốc độc, được nhân duyên không đốt cháy, không chết mà sát sinh, không được nhân duyên không giết hại thì không đúng, vì được tâm không ác. Như người kia dùng dao, chú thuật, các thứ thuốc v.v... là nhân duyên không đốt cháy, không chết. Tâm không ác là nhân duyên không giết hại cũng như vậy. Do tâm không ác thì sát sinh không phải là sát sinh, như cầm dao chạm với lửa không bị đốt cháy.

Hỏi: Không có tâm hại thì chúng sinh không chết chẳng?

Đáp: Là chết. Tuy sát sinh không mắc phải tội sát, vì không có tâm ác. Tuy bức bách người khác nhưng không mắc tội sát, rồi cho sự việc này không phải là người nói thì không đúng. Như không bức bách người khác, không dẫn dắt người khác, nhưng tội phước được nuôi lớn, nghĩa là đoạn căn thiện, được tâm từ, thế nên chẳng phải là chẳng nói.

Trộm cắp: Nghĩa là vật sở hữu của người khác, khởi tướng là vật của người khác, nhận biết người kia không cho nhưng muốn lấy làm của mình. Do có tướng được gọi là tác, vô tác, hoặc hoàn toàn gọi là vô tác. Đây là thân nghiệp hành trộm cắp.

Tà dâm: Là đối với người nữ được cha mẹ v.v... bảo hộ, khởi tưởng bảo hộ, hành đúng chỗ, không đúng chỗ. Đối với kẻ không được bảo hộ, không phải xứ, không phải lúc, là điều không nên làm mà làm, gọi là tác, vô tác. Đây là thân nghiệp tà dâm.

Là nói kia tưởng khác
Biệt ly, lời không dụ
Nói vô nghĩa, không thành
Đây là khẩu nghiệp đạo.

Đối với những việc thấy nghe v.v... điên đảo, không điên đảo, khởi tưởng che giấu, gọi là tác, vô tác, hoặc hoàn toàn gọi là vô tác, là khẩu nghiệp nói dối. Hoặc thân động, hoặc im lặng, như nơi sự việc bố tát, đó cũng gọi là nói dối.

Nếu nói đây là tánh của nghiệp thân ý thì không đúng, vì tánh của nghiệp là khác, vì vướng mắc vào nghiệp thân, khẩu. Ví như vướng mắc nơi thân. Nếu thân cố tạo ra là thân nghiệp. Ví như mắt từng nhìn qua sau đó thân tiếp xúc biết được vật dài ngắn v.v... Ví như lúc thọ nhận giới, miệng hành tác được thân nghiệp. Ví như lúc thọ giới cụ túc, hoặc im lặng, hoặc vô tâm, được thân nghiệp.

Biệt ly: Là hoặc hoại, hoặc không hoại, khởi tưởng sắp hoại. Nếu đã hoại thì không khiến hòa hợp, gọi là tác, vô tác, hoặc hoàn toàn gọi là vô tác, là nói lười đời chiều của khẩu nghiệp.

Lời không dụ: Là tâm não loạn, hoặc não loạn, không não loạn, gọi là tác vô tác, hoặc hoàn toàn gọi là vô tác, là lời nói thô ác của khẩu nghiệp.

Nói vô nghĩa, không thành: Là tâm bất thiện, phi nghĩa, không phải lúc, là lời nói không thích hợp, tùy nhập vào tất cả hành ác của miệng, như vô minh theo phiền não, như âm thanh tùy theo chữ.

*Chúng sinh cùng trái hại
Đó gọi là sân hận
Vật người, tưởng mình: tham
Tà kiến là kiến nào.*

Chúng sinh cùng trái hại, Đó gọi là sân hận: Nghĩa là khởi tâm ác đối với chúng sinh khác, muốn giết, muốn đánh đập, cùng trái với từ bi, đó gọi là sân hận.

Vật người, tưởng mình tham: Nghĩa là có tưởng yêu thích vật của người khác, muốn lấy làm của mình, là tham của tất cả cõi dục.

Tà kiến là kiến nào: Nghĩa là đối với việc bố thí v.v... khởi tạo vô kiến (Kiến chấp cho là không có), gọi là tà kiến.

Hỏi: Nghiệp đạo nào là cứu cánh?

Đáp:

*Sát sinh và ác khẩu
Cùng sân hận nghiệp đạo
Đều do sân hận thành
Xứ chúng sinh sinh khởi.*

Sát sinh và ác khẩu, Cùng sân hận nghiệp đạo, Đều do sân hận thành: Nghĩa là sát sinh, ác khẩu, sân hận nên biết là từ sân hận thành, lúc hoàn tất chính là cùng với sân hận kết hợp.

Hỏi: Từ nơi xứ nào sinh?

Đáp: *Xứ chúng sinh sinh khởi:* Tức ba nghiệp đạo này nên biết là từ nơi xứ chúng sinh khởi.

*Hai nghiệp thân và tham
Cứu cánh của tham dục
Đều do tham dục thành
Xứ đông đủ sinh khởi.*

Hai nghiệp thân và tham, Cứu cánh của tham dục, Đều do tham dục thành: Nghĩa là trộm cắp, tà dâm cùng với tham, ba nghiệp đạo này nên biết là cứu cánh của tham.

Hỏi: Đây lại từ xứ nào khởi?

Đáp: *Xứ đông đủ sinh khởi:* Tức ba nghiệp đạo này nên biết là từ nơi xứ đông đủ khởi.

*Tức có khẩu nghiệp khác
Là đều ba chỗ thành
Từ xứ danh sinh khởi
Bậc Minh trí đã nói.*

Tức có khẩu nghiệp khác, Là đều ba chỗ thành: Nghĩa là nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thêu dệt, nên biết là từ tham dục, sân hận và ngu si mà thành.

Hỏi: Chúng lại từ xứ nào khởi?

Đáp: *Từ xứ danh sinh khởi, Bậc Minh trí đã nói:* Tức ba nghiệp đạo của miệng này nên biết là từ nơi xứ danh khởi.

*Tà kiến danh sắc khởi
Cũng từ ngu si thành
Tất cả các nghiệp đạo
Ba thứ làm phương tiện.*

Tà kiến danh sắc khởi, Cũng từ ngu si thành: Nghĩa là tà kiến từ nơi xứ danh sắc khởi.

Hỏi: Gì là cứu cánh của tà kiến ấy?

Đáp: *Cũng từ ngu si thành:* Tức tà kiến này nên biết là từ ngu si làm cứu cánh.

Hỏi: Phương tiện của tất cả nghiệp đạo, như cứu cánh căn bản hay là có khác chăng?

Đáp: Tất cả các nghiệp đạo, Ba thứ làm phương tiện: Tức hết thấy mười nghiệp đạo bất thiện đều dùng tham dục, sân hận và ngu si làm phương tiện.

Tham sát sinh: Nghĩa là vì da thịt, xương gân v.v... nên giết hại. Là vì mình hoặc vì thân hữu nên sát sinh.

Sân hận sát sinh: Nghĩa là giết hại kẻ oán đối cùng bạn thân của kẻ oán đối khiến chúng càng ưu não.

Ngũ si sát sinh: Nghĩa là nói nhân duyên giết hại các loài sâu độc v.v... là không có tội, vì chúng hại người. Nhân duyên giết hại các loài cầm thú v.v... đều không có tội, do chúng là thức ăn của con người. Người nước Ba Tư nói: “Như cha mẹ già, nếu gặp nhân duyên mắc phải bệnh ác thì nên giết, không có tội”.

Tham trộm cắp: Nghĩa là trộm vật cần dùng của người khác làm của mình.

Sân hận trộm cắp: Nghĩa là hoặc trộm lấy vật của kẻ oán đối, hoặc vật thuộc bạn thân của kẻ oán đối, khiến chúng càng sầu não.

Si trộm cắp: Nghĩa là như người Bà-la-môn nói: Tất cả vật từ nơi đất sinh ra đều thí cho Bà-la-môn. Vì Bà-la-môn yếu kém nên Sát-đế-lợi v.v... thọ dụng. Vì thế Bà-la-môn nói lấy vật kia là tự lấy vật của mình nên vô tội. Nhưng lúc họ lấy thì khởi tưởng là vật của người khác nên gọi là trộm cắp.

Tham tà dâm: Nghĩa là đối với chúng sinh tâm đã tham làm phương tiện. Hoặc kẻ khác đã thọ nhận cùng tự mình đã thọ nhận. Nếu của cải, lợi dưỡng không phải là phương tiện tham thì sân hận khởi lên. Nghĩa là đối với kẻ oán đối cùng bạn thân của kẻ oán đối đã thọ nhận.

Si tà dâm: Nghĩa là như nói cầu đường, thuyền bè, ruộng hoang, hoa quả, người nữ đi trên đường, tất cả chúng sinh đều cùng thọ dụng. Như người Bà-la-môn nói: “Bà-la-môn nên có bốn

người vợ. Sát-đế-lợi nên có ba. Tỳ xá nên có hai. Thủ đà la chỉ có một”.

Nếu khẩu nghiệp đầy khởi tham, nên biết là từ tham sinh. Nếu đầy khởi sân, nên biết là từ sân sinh. Nếu đầy khởi si, nên biết là từ si sinh. Tham là nếu theo thứ lớp của tham khởi lên tức là từ tham sinh. Nếu sân đã khởi là từ sân hận sinh. Nếu ngu si đã khởi là từ ngu si sinh. Sân hận, tà kiến cũng như vậy.

Hỏi: Nghiệp đạo nhất định là hữu tác, vô tác, hay là không phải?

Đáp:

*Nghiệp căn bản vô tác
Hoặc lại nói hữu tác
Phương tiện trọn tức khác
Tham, không tham cùng khởi.*

Nghiệp căn bản vô tác, Hoặc lại nói hữu tác: Nghĩa là bảy nghiệp đạo tự tánh là sắc nhất định là vô tác. Hoặc lại tạo tà dâm thì nhất định là hữu tác. Do tự là cứu cánh. Không phải nghiệp đạo còn lại của người khác không nhất định. Nếu tự hành tác tức hữu tác. Nếu khiến người khác hành tác thì hoàn toàn là vô tác.

Hỏi: Từng có không phải thân hành tác nhưng phạm phải sát sinh không?

Đáp: Có. Nghĩa là miệng hành tác.

Hỏi: Từng có không phải miệng hành tác nhưng mắc tội nói dối không?

Đáp: Có. Nghĩa là thân hành tác.

Hỏi: Từng có không phải thân, miệng hành tác nhưng mắc hai tội không?

Đáp: Có. Là trường hợp người tiên khởi tâm ác, là như sự việc bố tát.

Nếu nghiệp đạo thiện thuộc tánh là sắc của cõi dục thì nhất định là hữu tác và vô tác. Luật nghi vô lậu của thiên thì chỉ là vô tác, không phải là hữu tác, vì do tâm.

Phương tiện: Nghĩa là hữu tác. Nếu tâm thuần tịnh cùng với triền rất nhanh nhạy tạo tác thì có vô tác. Nếu tâm không thuần tịnh và triền không nhanh nhạy tạo tác thì chỉ có hữu tác, không có vô tác.

Trọn tức khắc: Nghĩa là nghiệp đạo trọn vẹn thì chỉ có vô tác, vì tạo nghiệp rồi thì dứt.

Hỏi: Những gì là phương tiện của nghiệp đạo? Những gì là chung cuộc?

Đáp: Phương tiện của sát sinh là người đồ tể dê. Hoặc bắt trói, hoặc mua, hoặc lôi kéo đi đến, một lần đánh, hai lần đánh, cho đến mạng sống chưa hết đều gọi là phương tiện. Lúc đoạn dứt mạng sống thì trong khoảnh khắc sát-na hữu tác và vô tác là nghiệp đạo căn bản. Về sau, cho đến ở nơi xứ này, thân bất thiện đã tạo tác và không tạo tác là chung cuộc của sát sinh. Cho đến nói lời thêu dệt cũng như vậy. Đó gọi là chung cuộc.

Tham, sân, tà kiến không có phương tiện hiện tiền, tức là căn bản khởi.

Có thuyết nói: Nghiệp đạo thân khẩu thì tất cả mười nghiệp đều là phương tiện và chung cuộc. Điều này là thế nào? Như muốn giết chúng sinh kia thì giết chúng sinh này làm nhân, sau đấy thì giết chúng sinh kia. Tức sát sinh là để cầu xin sức hỗ trợ để giết chúng sinh kia. Hoặc cướp lấy tài sản của người khác nhằm giúp cho việc giết hại. Hoặc dâm với người nữ của người kia đã yêu, khiến người nữ giết hại người chủ kia. Hoặc dối với người kia đã nhận biết về bạn của kẻ ấy. Lại nói dối, nói lời thô ác, nói lưỡi hai chiều, nói lời thêu dệt, để tách lia tình thân của người kia. Hoặc tham tài sản của người kia. Hoặc giận dữ kẻ kia. Hoặc đẩy khởi tà kiến, nuôi lớn pháp sát

hại để về sau giết chết con của người kia. Lại thông dâm với vợ của người kia. Theo thứ lớp cho đến mười nghiệp đạo bất thiện, nên biết là chung cuộc. Như vậy tất cả đều nên biết.

Tham, không tham cùng khởi: Nghĩa là tham, sân, si của nghiệp đạo bất thiện là phương tiện, cũng là chung cuộc.

Nghiệp đạo thiện do không tham, không sân, không si khởi. Bỏ phương tiện của nghiệp đạo bất thiện, tức là phương tiện của nghiệp đạo thiện. Bỏ căn bản bất thiện, tức là căn bản thiện. Bỏ chung cuộc bất thiện, tức là chung cuộc thiện.

Hỏi: Như vậy là thế nào?

Đáp: Như Sa-di thọ giới cụ túc, lần lượt vào giới tràng đi vòng quanh lễ Tăng, cầu Hòa thượng để nhận lấy y bát, tác bạch một lần yết-ma, cho đến hai lần yết-ma, đều là phương tiện. Đến tác bạch yết-ma lần thứ ba, trong khoảnh khắc sát-na ấy, hữu tác và vô tác của Sa-di kia là nghiệp đạo căn bản. Tiếp đây là nói về bốn sự nương dựa. Như vậy cho đến ở nơi xứ ấy thân khẩu đã tác và vô tác, đó gọi là chung cuộc.

Hỏi: Nơi xứ nào có bao nhiêu nghiệp đạo?

Đáp:

*Địa ngục năm nghiệp đạo
Uất-đơn-việt bốn sau
Phương khác có đủ mười
Cùng trời, nẻo ác khác.*

Địa ngục năm nghiệp đạo: Nghĩa là chúng sinh ở địa ngục có năm nghiệp đạo bất thiện: Miệng nói lời thô ác, lời thù dật, tham, sân và tà kiến. Vì không có tướng sát sinh, nên không có nghiệp đạo sát sinh. Vì không có thọ nhận của cải, nên không có trộm cắp. Vì không có chấp thọ người nữ, nên không có tà dâm. Do tướng khác mà nói, nên gọi là nói dối. Vì người kia không có tướng khác nên

không có nói dối. Vì thường lia bỏ, nên không có nói lười hai chiều. Vì bị khổ bức bách nên có ác khẩu. Vì nói không hợp thời, nên có nói lời thô dẹt. Tham và tà kiến đều thành nhưng không hành. Sân hận là đều cùng có.

Uất-đơn-việt bốn sau: Nghĩa là châu này có bốn nghiệp đạo bất thiện sau: Vì phần thọ mạng nhất định nên không có sát sinh. Vì không thọ nhận của cải nên không có trộm cắp. Vì không có chấp thọ người nữ nên không có tà dâm. Lúc muốn hành dục thì dẫn người nữ kia đến bên cội cây, cành cây tự động cong xuống che khuất hai người. Sau khi hành dục xong cùng bỏ đi, cành cây trở lại như cũ. Nếu cành cây không tự động cong xuống để che khuất, thì cả hai đều hổ thẹn và chia tay. Vì không khi dễ người khác nên không có nói dối. Vì thường hòa hợp nên không có nói lười hai chiều. Vì luôn mềm dịu nên không có nói lời thô ác. Vì có sự khen ngợi nên có lời nói thô dẹt. Nghiệp đạo của ý tuy thành tựu nhưng không hành.

Phương khác có đủ mười: Nghĩa là trừ châu Uất-đơn-việt, ba phương còn lại thì có đủ mười nghiệp đạo, hoặc không thuộc về bất luật nghi, hoặc lia thuộc về bất luật nghi.

Cùng trời, nẻo ác khác: Nghĩa là hai nẻo súc sinh, ngạ quỷ và trời cõi dục có mười nghiệp đạo. Về nghĩa lia bất luật nghi, tuy trời không hại trời, nhưng hại nẻo khác.

Lại có thuyết nói: Trời cũng có chuyện chặt đứt cả tay chân rồi sinh trở lại. Nhưng nếu chặt đầu hoặc chặt đứt phần giữa thì chết. Cũng lần lượt cướp đoạt lẫn nhau, cho đến mười nghiệp đạo, tất cả đều có. Trời nơi cõi sắc, vô sắc không có nghiệp đạo bất thiện.

Hỏi: Nơi xứ nào có bao nhiêu nghiệp đạo thiện?

Đáp:

*Địa ngục, Uất-đơn-việt
Có ba nghiệp đạo thiện*

*Cùng hiện ở vô sắc
Thánh kia thành tựu mười.*

Địa ngục, Uất-đơn-việt, Có ba nghiệp đạo thiện: Nghĩa là địa ngục có vô tham, vô sân, chánh kiến. Châu Uất-đơn-việt cũng như vậy.

Cùng hiện ở vô sắc: Nghĩa là nơi cõi vô sắc ba nghiệp đạo này luôn hiện hành ở trước.

Thánh kia thành tựu mười: Nghĩa là Thánh nhân ở cõi vô sắc thành tựu mười nghiệp đạo thiện vô lậu.

*Như đây cũng lại khác
Tức luật nghi cõi sắc
Súc sinh, ngạ quỷ khác
Còn như vậy cũng khác.*

Như đây cũng lại khác, Tức luật nghi cõi sắc: Nghĩa là thuộc về luật nghi thiên của cõi sắc có đủ mười nghiệp đạo thiện, cũng thành tựu, cũng hiện ở trước. Thánh nhân sinh nơi cõi sắc kia là có nghiệp đạo vô lậu.

Súc sinh, ngạ quỷ khác: Nghĩa là hai nẻo súc sinh, ngạ quỷ cũng có mười nghiệp đạo thiện, lìa luật nghi, cũng lìa bất luật nghi.

Còn như vậy cũng khác: Nghĩa là ba châu Diêm-phù-đề, Phát-bà-đề, Cù-đà-ni và các trời cõi dục nói là còn lại. Các nơi ấy có mười nghiệp đạo thiện, là thuộc về luật nghi, hoặc lìa luật nghi. Các trời cõi dục chỉ có luật nghi vô lậu của thiên.

Hỏi: Có bao nhiêu nghiệp đạo bất thiện cùng một lúc chuyển với tư?

Đáp:

*Nghiệp đạo bất thiện khởi
Một cùng chuyển với tư*

*Hai, ba cho đến tám
Nên biết thứ lớp tăng.*

Đây là ba nghiệp đạo bất thiện, tự tánh là thân, mỗi mỗi nghiệp đạo ấy cùng chuyên với tư. Đó là sát sinh, trộm cắp, tà dâm. *Hai cùng chuyên:* Nghĩa là giết hại chúng sinh khác để trộm lấy. *Ba cùng chuyên:* Nghĩa là sai kẻ khác làm hai việc kia rồi tự hành tà dâm. Do hành này hoàn toàn là của mình, không phải là người khác. Nếu chủng loại kia hòa hợp thì tất cả đều thành.

Nghiệp đạo miệng, *một cùng chuyên:* Nghĩa là nói lời thêu dệt. *Hai cùng chuyên:* Nghĩa là gồm nói dối và nói lời thêu dệt không phải lúc. Gồm muốn nói lời ly biệt và nói lời thêu dệt không đúng lúc. Hoặc gồm nói lời thô ác và nói lời thêu dệt không phải lúc. *Ba cùng chuyên:* Nghĩa là gồm muốn nói lời ly biệt, nói dối và nói lời thêu dệt không phải lúc. Gồm ác khẩu, nói dối, nói lời thêu dệt không phải lúc. Gồm ác khẩu, muốn nói lời ly biệt, nói lời thêu dệt không phải lúc. *Bốn cùng chuyên:* Gồm muốn nói lời ly biệt, nói dối, ác khẩu, nói lời thêu dệt không phải lúc.

Nghiệp đạo của ý là mỗi mỗi đều cùng chuyên. Do hành riêng nên không phải là hai. Như vậy thì năm, sáu, bảy, tám nghiệp đạo cùng chuyên. Tức sai khiến nơi sáu thứ kia là tự hành tà dâm, không do người khác. Nếu chủng loại ấy hòa hợp thì trong một lúc đều cùng thành trọn và tham hiện ở trước. Như thế tám nghiệp đạo bất thiện cùng với tư cùng chuyên.

Hỏi: Có bao nhiêu nghiệp đạo thiện cùng một lúc cùng với tư chuyên?

Đáp:

*Gọi là nghiệp đạo thiện
Hai, ba cùng với bốn*

*Sáu, bảy, chín với mười
Một lúc cùng tư chuyển.*

Năm thức thân thiện của cõi dục hiện ở trước. Ba thức của địa thiên thứ nhất và dựa vào tận trí, vô sinh trí của vô sắc. Hai nghiệp đạo thiện này cùng với tư cùng chuyển, nghĩa là vô tham, vô sân. Ý thức thiện của cõi dục hiện ở trước, cùng với tâm bất định của cõi sắc và cõi vô sắc. Lại, dựa vào chánh kiến vô lậu của vô sắc có ba thức cùng với tư cùng chuyển, tâm nhiễm ô và tâm vô ký của Ưu-bà-tắc cùng Sa-di thọ luật nghi. Bốn tức năm thức trụ thiện này.

Sáu tức ý thức trụ thiện ấy và tâm vô ký, không phải tâm nhiễm ô của Tỳ-kheo. Bảy là năm thức trụ thiện của Tỳ-kheo, hoặc dựa vào thiên có tận trí, vô sinh trí cùng với tâm. Chín tức ý thức trụ thiện của Tỳ-kheo này và tâm định của cõi sắc, dựa vào thiên có chánh kiến vô lậu hiện ở trước. Mười là mười nghiệp đạo thiện cùng với tư cùng chuyển.

Hỏi: Nghiệp đạo nào có bao nhiêu quả?

Đáp:

*Mỗi mỗi quả có ba
Đó gọi là quả báo
Quả y và tăng thượng
Gọi là quả nghiệp đạo.*

Mỗi mỗi nghiệp đạo đều có ba quả, là quả báo, quả y và quả tăng thượng.

Nghiệp đạo kia hành tập, hành tập nhiều sinh trong địa ngục là *quả báo*.

Ra khỏi địa ngục đến sinh trong nẻo người là thọ quả tương tợ. Nghĩa là kẻ sát sinh thì thọ mạng ngắn. Kẻ trộm cắp thì mất của cải. Người tà dâm thì vợ không trinh thuận. Người nói dối thì mang

tiếng xấu và bị người cười chê. Kẻ nói lưỡi đôi chiều thì bạn thân đều lia, chống. Kẻ ác khẩu thì luôn nghe tiếng xấu ác. Người nói lời thù dật thì ngôn ngữ không đúng đắn. Kẻ tham thì thêm tham. Người giận thì thêm giận. Kẻ tà kiến thì càng ngu si thêm. Đó là *quả y*.

Quả tăng thượng của các nghiệp đạo này là những vật dụng thô xấu, không có vẻ sáng tươi, phần nhiều gặp phải sương mù, mưa đá, gió bụi nhiễm đục, xú uế, bất tịnh. Nơi chôn cư trú thì quanh co, gai góc, hiểm trở. Các thứ quả thu được thì bị khô héo, ít ỏi, nhỏ nhặt, tạo nên khổ não lớn, không có quả tốt.

Hỏi: Thế nào là quả tương tự?

Đáp:

*Khổ nẻo ác người khổ
Hại thọ mạng thọ ngắn
Vật dụng ngoài không tươi
Do hoại vật sáng kia.*

Khổ nẻo ác người khổ: Nghĩa là sát sinh tức khiến kẻ kia thọ nhận khổ nơi khổ của nẻo ác, đây là quả tương tự.

Hỏi: Giết hại những âm nào? Là sắc âm hay là năm âm?

Đáp: Có thuyết nói: Là sắc âm. Do sắc có thể đoạn dứt, hủy hoại, còn bốn âm không phải là xúc. Có thuyết cho: Là năm âm. Bốn âm tuy không phải là xúc, nhưng chúng đều dựa vào sắc âm chuyển, nên giết hại sắc âm cũng là giết hại các âm ấy. Như bình vỡ thì sữa chảy hết.

Hỏi: Giết hại vô ký hay giết hại cả ba thứ?

Đáp: Có thuyết nói: Là vô ký. Do vô ký nhận lấy đao, gậy. Vì hai thứ kia không phải là xúc. Lại có thuyết cho: Tất cả ba thứ, như trước đã nói.

Hỏi: Giết hại âm nào? Âm quá khứ, âm vị lai, âm hiện tại chăng? Nếu là quá khứ thì âm kia đã diệt. Nếu vị lai thì âm kia là không thể được. Nếu hiện tại thì âm kia trong khoảnh khắc sát-na đều không dừng.

Đáp: Có thuyết nói: Là đời vị lai, hiện tại thì trụ nơi hoại, vị lai thì hòa hợp.

Có thuyết cho: Là vị lai, hiện tại, vì hiện tại thọ nhận đao gậy, âm diệt không nối tiếp nhau.

Hại thọ mạng thọ ngắn: Nghĩa là kẻ sát sinh kia vì đoạn dứt thọ mạng người khác nên tuổi thọ ngắn ngủi.

Vật dụng ngoài không tươi, Do hoại vật sáng kia: Nghĩa là kẻ giết hại kia đã hủy hoại những thứ tươi sáng nên phải nhận lấy các thứ vật dụng đều không tươi đẹp. Tất cả nghiệp đạo đều tùy vào chỗ ứng hợp với nhân đã tạo kia cần nên biết. Trộm cắp và tà dâm tuy không khiến cho kẻ kia khổ nhưng vẫn khiến các hy vọng bị hủy hoại. Như không biệt ly cũng gọi là lưỡi đôi chiều. Người kia tuy không xúc não cũng gọi là ác khẩu.

Đã nói về nghiệp đạo. Phần sai biệt nay sẽ nói.

Gọi nghiệp quả hiện pháp

Tiếp thọ nhận quả sinh

Quả sau cũng như thế

Nên biết phần đều định.

Ba nghiệp là hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ.

Nghiệp thọ hiện pháp: Nghĩa là nếu nghiệp đã gây tạo ở đời này, tức ở nơi đời này thành thực gọi là *hiện thọ*. Nếu thành thực ở đời thứ hai gọi là *sinh thọ*. Nếu thành thực ở sau đời thứ hai gọi là *hậu thọ*.

Hoặc có người muốn khiến thành bốn nghiệp: Ba nghiệp trước và bất định thọ. Ba nghiệp trước là không chuyển. Bất định thọ là chuyển. Chuyển có sự bảo vệ như trì giới v.v...

Phái Thí dụ nói: Tất cả nghiệp chuyển cho đến vô gián. Thuyết ấy nói, nếu nghiệp vô gián không chuyển thì cũng không có sự vượt qua hữu thứ nhất. Nếu vượt qua hữu thứ nhất nên biết là nghiệp vô gián cũng chuyển. Thuyết ấy còn nói nghiệp hiện pháp không hẳn là hiện báo thành thực. Nếu thành thực là thọ hiện pháp, không phải là pháp khác. Nói như thế nghĩa là nói báo hiện pháp của tám nghiệp, hoặc nhất định, hoặc không nhất định, cho đến nghiệp bất định thọ cũng như vậy. Vì thế thuyết kia nói về phần nhất định thành thực không nhất định nên nêu ra bốn trường hợp: Hoặc phần nhất định thành thực không nhất định. Hoặc thành thực nhất định phần không nhất định. Hoặc phần nhất định thành thực cũng nhất định. Hoặc không phải là phần nhất định cũng không phải là thành thực nhất định.

Hỏi: Bốn nghiệp này có bao nhiêu thứ là chủng loại của một thân?

Đáp: Có ba, trừ hiện pháp thọ. Bốn loại nghiệp chủng của cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc cũng như vậy. Nẻo địa ngục có bốn loại nghiệp chủng bất thiện. Thiện có ba loại, trừ nghiệp hiện thọ. Tức các nẻo còn lại cùng có bốn loại. Phạm phu sinh nơi cõi dục, dục ái chưa dứt hết, thì ở cõi dục có bốn loại. Nếu dục ái đã dứt hết, ái của cõi Phạm thiên chưa dứt hết, hoặc không thoái chuyển pháp chủng tánh, thì nơi cõi dục có ba thứ, trừ sinh thọ. Nơi cõi Phạm thiên cũng có ba loại, trừ hiện thọ. Nếu thoái chuyển pháp chủng tánh, thì nơi Phạm thiên như trước nói. Cõi dục có bốn thứ nghiệp chủng thiện. Như thế tùy theo nghĩa kia là nói phạm phu sinh nơi tất cả địa, Thánh nhân cũng nói như vậy.

Đã nói về hiện thọ v.v... Lạc thọ nay sẽ nói.

*Nghiệp thiện trong cõi dục
Cùng ba địa cõi sắc
Nói tên là lạc thọ
Đây cũng định, bất định.*

Nghiệp thiện trong cõi dục, Cùng ba địa cõi sắc, Nói tên là lạc thọ: Nghĩa là nghiệp thiện của cõi dục có được lạc thọ và các báo đầy đủ. Cõi sắc cho đến nghiệp của thiên thứ ba đều được lạc báo.

Hỏi: Nghiệp của thiên trung gian được những báo gì?

Đáp: Có thuyết nói là được lạc báo của thiên thứ nhất. Đây không phải là thuyết do A-tỳ-đàm nói.

Hỏi: Hoặc nghiệp được tâm thọ không phải là thân thọ chăng?

Đáp: Có. Là nghiệp thiện không giác. Lại có thuyết nói nghiệp của thiên trung gian không được thọ báo, chỉ có sắc, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Phần này cũng là nhất định chăng?

Đáp: *Đây cũng định, bất định:* Tức hoặc nhất định, hoặc không nhất định. Thiện trong bốn địa này đều có lạc báo.

*Được không khổ không vui
 Đây nói là thiện thượng
 Nếu thọ nơi khổ báo
 Là nói nghiệp bất thiện.*

Được không khổ không vui, Đây nói là thiện thượng: Nghĩa là nghiệp thiện của địa thiên thứ tư và nghiệp thiện của địa vô sắc nói là báo không khổ không vui, là do địa ấy được không khổ không lạc thọ cùng các thứ vật dụng.

Hỏi: Vì sao địa dưới không có báo không khổ không vui?

Đáp: Có thuyết nói: Vì địa dưới là thô, còn địa trên thì thọ nhận vi tế. Do địa dưới không tịch tĩnh, còn địa trên thì thọ nhận tịch tĩnh. Nếu địa dưới tạo nghiệp thiện thì đều là thọ lạc thọ, không có mong cầu không khổ không lạc thọ. Tuy không mong cầu khổ báo, nhưng

do mong cầu lạc, nên tạo hành ác. Vì thế tuy không mong cầu nhưng vẫn thọ khổ báo.

Nếu thọ nơi khổ báo, Là nói nghiệp bất thiện: Tức nghiệp bất thiện gọi là khổ báo, vì là quả của khổ thọ không phải là nghiệp riêng thọ báo. Bốn ấm, năm ấm cũng thọ báo, chỉ vì nghiệp là vượt hơn nên nói là nghiệp thọ báo. Nên biết nghiệp này cũng có nhất định và không nhất định.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thọ?

Đáp:

*Gọi là thọ tự tánh
Tương ưng cùng thọ báo
Hiện tiền và cảnh giới
Là nói năm thứ thọ.*

Năm thứ thọ, đó là thọ tự tánh, thọ tương ưng, thọ báo, thọ hiện tiền và thọ cảnh giới.

Thọ tự tánh nghĩa là thọ. *Thọ tương ưng* là pháp tương ưng của thọ. *Thọ báo* là các nghiệp như lạc thọ v.v... *Thọ hiện tiền* là hiện tại thọ. Như kinh Đại Nhân nói: “Nếu lúc lạc thọ hiện ở trước thì hai thọ kia tức diệt”. *Thọ cảnh giới* là mắt tiếp xúc sinh nhận biết, thọ nhận sắc là nghĩa duyên dựa. Trong năm loại thọ này nên biết ở đây là nói *thọ báo*, không phải thọ khác.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn nghiệp như hắc báo v.v... chúng được kiến lập như thế nào?

Đáp:

*Nghiệp thiện trong cõi sắc
Là bạch có báo bạch
Hắc, bạch trong cõi dục
Cùng hắc nói bất tịnh.*

Nghiệp thiện trong cõi sắc, Là bạch có báo bạch: Nghĩa là nghiệp thiện của cõi sắc là hoàn toàn không có sân hận và lia hắc.

Hỏi: Nghiệp của cõi vô sắc là hơn, không phải là cõi sắc, vì sao không nói?

Đáp: Vì hai báo. Cõi sắc thọ nhận trung ấm và sinh ấm, cõi vô sắc chỉ có sinh ấm. Cõi sắc, cõi vô sắc, về thọ báo: Có thể thấy, không thể thấy, có đối, không đối cũng như vậy. Lại vì cõi sắc có thọ báo của ba nghiệp, năm ấm và mười nghiệp đạo thiện, nên nói.

Hắc, bạch trong cõi dục: Nghĩa là nơi cõi dục nghiệp thiện xen tạp với nghiệp bất thiện, nên nói là hắc, bạch. Lại nữa, trong một thân có thể tạo được hai thứ nghiệp, cũng là hai thứ báo, vì thế nói như vậy. Không phải hắc tức là bạch, vì là tướng khác của hắc.

Cùng hắc nói bất tịnh: Nghĩa là nghiệp bất thiện nói là hắc. Nghiệp ấy có hắc báo và nhân của nghiệp ấy là cấu uế, vì cấu uế nên nói là hắc, và vì thô kém đáng ghét nên nói là hắc báo. Chỉ có hắc của thô kém, không phải là hắc của cấu uế, vì không nhiễm ô.

*Nếu có tư hay hoại
Các nghiệp kia trọn đủ
Đây nói đạo vô ngại
Gọi là nghiệp thứ tư.*

Nếu đạo có thể diệt ba nghiệp kia, đạo ấy tương ưng với tư, là nghiệp thứ tư. Vì nghiệp này không nhiễm ô, nên không hắc. Vì không thể vui nên không bạch, không rơi vào cõi, nên không có báo.

Hỏi: Là những nghiệp nào? Có bao nhiêu tư đoạn trừ?

Đáp:

*Nói có mười hai tư
Dứt trừ nghiệp hắc báo*

*Bốn tư hay đoạn bạch
Một tư, hai cùng lia.*

Nói có mười hai tư, Dứt trừ nghiệp hắc báo: Nghĩa là nghiệp hắc báo do mười hai tư dứt trừ. Mười hai tư gồm có bốn pháp nhãn của kiến đạo tương ưng với tư và tám đạo vô ngại của cõi dục đã lia dục tương ưng với tư.

Bốn tư hay đoạn bạch: Nghĩa là bốn tư dứt trừ nghiệp bạch. Bốn tư: Là đạo vô ngại thứ chín đã lia dục của thiên thứ nhất tương ưng với tư. Cho đến đạo vô ngại lia dục của thiên thứ tư cũng vậy, vì đạo vô gián sau cùng dứt trừ pháp hữu lậu thiện.

Một tư, hai cùng lia: Nghĩa là đạo vô gián thứ chín đã lia dục của cõi dục tương ưng với tư, đã diệt trừ nghiệp hắc và nghiệp hắc bạch.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói về khúc (Cong vạy) ướ trược (Ô trược). Sự việc là thế nào?

Đáp:

*Khúc từ dua nịnh khởi
Uế từ sân hận sinh
Dục sinh gọi là trược
Lời Thế Tôn đã nói.*

Khúc từ dua nịnh khởi: Nghĩa là dua nịnh nói là khúc (cong vạy). Đối với pháp của tướng khúc dấy khởi nghiệp gọi là khúc, là quả của sự cong vạy kia. Dua nịnh là không ngay thẳng, nên gọi là cong vạy. Vì dua nịnh đã ngăn ngại nên khó ra khỏi sinh tử để vào Niết-bàn, ví như khúc gỗ cong.

Uế từ sân hận sinh: Nghĩa là hai thứ cấu uế: Tự thân cấu uế và thân người khác cấu uế. Sân hận gọi là cấu uế. Đối với pháp của tướng cấu uế dấy khởi nghiệp gọi là cấu uế, là quả của pháp ấy.

Dục sinh gọi là trước, Lời Thế Tôn đã nói: Dục là tánh nhiễm ô, nên gọi là trước (ô trước). Nếu nghiệp theo dục đầy khởi gọi là trước, là quả của dục kia. Vì quả giống nhân nên nói như thế.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ đẳng khởi?

Đáp:

*Đẳng khởi có hai thứ
Nhân và sát-na kia
Như trước đã hỏi chuyển
Nhân này cũng chuyển theo.*

Đẳng khởi có hai thứ, Nhân và sát-na kia: Tức có hai thứ đẳng khởi. Nhân đẳng khởi: Nghĩa là đối tượng tạo tác của ta nên tạo tác. Sát-na đẳng khởi: Nghĩa là nếu tâm trụ, tức tạo nên nghiệp kia.

Hỏi: Hai đẳng khởi này, những gì là chuyển, những gì là tùy chuyển?

Đáp: Chuyển là đối với nhân đẳng khởi kia trước gọi là chuyển, sau gọi là tùy chuyển, sát-na đẳng khởi nói là tùy chuyển.

Hỏi: Trong sáu thức thân, những gì là chuyển, những gì là tùy chuyển?

Đáp:

*Nếu thức tu đạo đoạn
Ở ý có hai thứ
Năm thứ tâm nói một
Ngoài ra nói hữu lậu.*

Nếu thức tu đạo đoạn, Ở ý có hai thứ: Nghĩa là tu đạo đoạn trừ ý thức cũng là chuyển, cũng là tùy chuyển, do ý thức kia đều cùng có thể khởi nghiệp. Nghiệp ấy cũng gồm thiện, bất thiện, vô ký. Nghiệp thiện ấy chuyển tức là thiện tùy chuyển. Bất thiện, vô ký cũng như

vậy. Vô ký là oai nghi, công xảo. Tâm oai nghi kia chuyển tức công xảo kia cũng tùy chuyển. Tâm thiện, nhiễm ô, hiện ở trước đã trừ bỏ là không đúng, do đã khởi rất nhanh chóng, như quay thành vòng tròn lửa. Tâm công xảo cũng như vậy. Trước đã nói tâm báo sinh không khởi nghiệp của thân khẩu.

Năm thứ tâm nói một: Nghĩa là năm thức thân nói là tùy chuyển thọ nhận tự tạo tác, không phải chuyển, không có tư duy.

Ngoài ra nói hữu lậu: Nghĩa là tâm của kiến đạo đoạn trừ nói là ngoài ra. Tâm ấy là chuyển, vì có thể làm nhân đẳng khởi, nên không phải là tùy chuyển. Không có do tâm của kiến đạo đoạn trừ đẳng khởi nghiệp thân, khẩu, là do vi tế, vì hướng về bên trong. Nếu lại là tâm của kiến đạo đoạn trừ đẳng khởi nghiệp thân khẩu, thì nghiệp ấy là do kiến đạo đoạn trừ, là do tu đạo đoạn trừ, hay là do cả hai đoạn trừ? Nếu nói là do kiến đạo đoạn trừ, thì không có sắc do kiến đạo đoạn trừ, vì minh và vô minh là trái nhau. Nếu nói là do tu đạo đoạn trừ, thì pháp của tu đạo đoạn trừ nhưng tâm của kiến đạo đoạn trừ đẳng khởi, điều này không thích hợp. Nếu nói là cả hai đạo cùng đoạn trừ, thì hữu có thể phân tích, việc này cũng không đúng. Như Khế kinh nói, nghiệp thân khẩu của người tà kiến nói là kiến. Nghiệp ấy cũng được nói là nhân đẳng khởi.

Hỏi: Những gì là tịnh?

Đáp:

*Tất cả hành diệu tịnh
Thân khẩu vô học mãn
Gọi là ý viên mãn
Tức là tâm vô học.*

Tất cả hành diệu tịnh: Nghĩa là nếu hiện có hành diệu thì tất cả nói là tịnh. Nếu thân hành diệu nói là thân tịnh. Cứ so sánh như vậy.

Hỏi: Pháp hữu lậu có cấu uế, vì sao nói là tịnh?

Đáp: Vì cùng trái với phiền não, vì dẫn dắt đến tịnh của đệ nhất nghĩa, nên nói là tịnh.

Hỏi: Thế nào là mãn?

Đáp: *Thân khẩu vô học mãn:* Tức hành diệu của thân khẩu vô học nói là mãn.

Gọi là ý viên mãn, Tức là tâm vô học: Tức tâm vô học nói là ý mãn, vì là tướng của Mâu-ni.

Hỏi: Vì sao sắc ấm, thức ấm nói là mãn, không phải là ấm khác?

Đáp: Vì sự thô, tế. Tâm là đệ nhất nghĩa mãn, vì so sánh với nghiệp thân khẩu nên nhận biết về dừng dứt, tăng rộng. Phiền não nóng bức không làm tổn hại, vì ý ngữ không hủy hoại. Thế nên nói là A-la-hán mãn, không phải quả vị khác.

Hỏi: Hành diệu và tịnh mãn có sai biệt gì?

Đáp: Vì đối tượng tạo tác thiện nên nói là hành diệu. Do thanh tịnh nên nói là tịnh. Do Mâu-ni nên nói là viên mãn. Lại nữa, vì quả ái nên nói hành diệu. Do lia phiền não nên nói là tịnh. Do lia si nên nói là mãn.

Đã nói nghiệp. Quả của nghiệp nay sẽ nói.

Tương tợ nói quả y

Báo thì không tương tợ

Quả tịnh và bất tịnh

Đây tức nói là báo.

Quả y: Nghĩa là thiện sinh thiện. So sánh như vậy nên biết là nói nhân tự phần. *Quả báo:* Nghĩa là quả tịnh, bất tịnh như trước đã nói. Nhân báo cùng với quả tương tợ là *quả y*. Không tương tợ là nhân thiện, bất thiện, quả vô ký.

*Gọi là quả giải thoát
Nói là đục thấy chân
Do công sức đạt được
Là nói quả công dụng.*

Gọi là quả giải thoát, Nói là đục thấy chân: Quả giải thoát nghĩa là đoạn trừ.

Do công sức đạt được, Là nói quả công dụng: Nghĩa là nếu quả do công sức chiêu tập cùng đoạn trừ là nói quả công dụng.

*Các pháp vô số tướng
Quả kia chỉ một tướng
Là nói quả tăng thượng
Trừ pháp đã khởi trước.*

Nếu các pháp có nhiều tướng, giống nhau, không giống nhau, nhưng chỉ có một quả, đó là quả tăng thượng, là nhân sở tác.

Trừ pháp đã khởi trước: Nghĩa là trừ đời trước đối với đời sau, không phải là quả.

Hỏi: Quả tăng thượng với quả công dụng có sai biệt gì?

Đáp: Công việc làm đã thành là quả công dụng. Thọ dụng là quả tăng thượng. Nghĩa là sự gieo trồng có hai quả: Thọ dụng là có quả tăng thượng.

Đã nói chung về quả. Nếu quả kia là nghiệp hữu lậu nay sẽ nói.

*Đoạn kiết nghiệp hữu lậu
Năm quả là có quả
Đạo vô lậu dứt kiết
Kia tức có bốn quả.*

Đoạn kiết nghiệp hữu lậu, Năm quả là có quả: Nghĩa là đạo thế tục đoạn trừ kiết nơi nghiệp kia có năm quả. Nghiệp ấy về sau tương

tợ và tăng thượng là quả y, báo của nghiệp ấy là quả báo. Kiết kia đã đoạn trừ là quả giải thoát. Nghiệp kia đã gây ra và đoạn trừ là quả công dụng. Trừ tự mình, tất cả pháp còn lại là quả tăng thượng.

Đạo vô lậu dứt kiết, Kia tức có bốn quả: Tức đạo vô lậu đoạn trừ kiết nơi nghiệp kia có bốn quả, là trừ quả báo, quả còn lại như trước đã nói.

*Nghiệp bất thiện bốn quả
Cũng thiện hữu lậu khác
Vô lậu khác có ba
Nghiệp vô ký cũng vậy.*

Nghiệp bất thiện bốn quả, Cũng thiện hữu lậu khác: Nghĩa là nghiệp bất thiện có bốn quả, trừ đạo đoạn trừ kiết. Các nghiệp thiện hữu lậu khác nghĩa là đạo phương tiện, đạo giải thoát, đạo thắng tấn và các tuệ như văn v.v... Các nghiệp này cũng có bốn quả, tức năm quả trừ quả giải thoát.

Vô lậu khác có ba, Nghiệp vô ký cũng vậy: Nghĩa là trừ vô lậu đoạn trừ kiết, các nghiệp vô lậu khác và nghiệp vô ký có ba quả, tức trừ quả báo và quả giải thoát.

*Bốn, hai và ba quả
Ba, bốn cũng lại hai
Ba, hai cùng ba tịnh
Đây nói là quả nghiệp.*

Nghiệp thiện: Là dùng pháp thiện làm bốn quả, trừ quả báo, dùng bất thiện làm hai quả là quả công dụng và quả tăng thượng, dùng vô ký làm ba quả, tức trừ quả y và quả giải thoát.

Nghiệp bất thiện: Là dùng pháp bất thiện làm ba quả, là trừ quả báo, quả giải thoát, dùng pháp vô ký làm bốn quả, tức trừ quả giải thoát. Nhân tự phân, nhân biên, lấy thân kiến, biên kiến, pháp vô ký

của cõi dục làm quả y. Dùng pháp thiện làm hai quả là quả công dụng và quả tăng thượng.

Nghiệp vô ký: Là dùng pháp vô ký làm ba quả, tức quả y, quả công dụng và quả tăng thượng, dùng thiện làm hai quả là quả công dụng và quả tăng thượng, dùng bất thiện làm ba quả, tức trừ quả báo và quả giải thoát.

*Quá khứ tất cả bốn
Trung vị lai cũng vậy
Trung nơi trung nói hai
Vị sinh vị sinh ba.*

Quá khứ tất cả bốn: Nghĩa là nghiệp quá khứ dùng tất cả pháp của ba đời làm bốn quả, tức trừ quả giải thoát, vì không rơi vào đời.

Trung vị lai cũng vậy: Nghĩa là nghiệp hiện tại dùng pháp vị lai làm bốn quả như trước đã nói.

Trung nơi trung nói hai: Nghĩa là nghiệp hiện tại dùng pháp hiện tại làm hai quả, là quả công dụng và quả tăng thượng.

Vị sinh vị sinh ba: Nghĩa là nghiệp vị lai dùng pháp vị lai làm ba quả, là quả báo, quả công dụng và quả tăng thượng.

*Tự địa tự địa bốn
Hoặc dùng tha địa hai
Nếu chánh tư duy địa
Cũng có quả giải thoát.*

Tự địa tự địa bốn: Nghĩa là nghiệp của tự địa dùng pháp của tự địa làm bốn quả, là trừ quả giải thoát. Như hệ thuộc cõi dục dùng pháp hệ thuộc cõi dục, cho đến phi tưởng phi phi tưởng cũng như vậy.

Hoặc dùng tha địa hai: Nghĩa là nghiệp của tha địa dùng pháp của tha địa làm hai quả, là quả công dụng và quả tăng thượng. Như nghiệp vô lậu dùng pháp vô lậu của tha dùng địa làm quả y.

Nếu chánh tư duy địa, Cũng có quả giải thoát: Nghĩa là địa định hoặc có quả giải thoát, tức thuộc về đạo vô ngại.

*Đều dùng tất cả ba
Ba, hai, một lại năm
Hai, hai nói thứ lớp
Nói là nghiệp như học v.v...*

Nghiệp học dùng học làm ba quả, là quả y, quả công dụng, quả tăng thượng. Dùng vô học làm ba quả cũng như vậy. Dùng phi học phi vô học làm ba quả, là quả giải thoát, quả công dụng, quả tăng thượng.

Nghiệp vô học dùng vô học làm ba quả, là quả y, quả công dụng, quả tăng thượng. Dùng phi học phi vô học làm hai quả, là quả công dụng và quả tăng thượng. Dùng học làm một quả, là quả tăng thượng.

Nghiệp phi học phi vô học dùng phi học phi vô học làm năm quả. Dùng học làm hai quả, là quả công dụng và quả tăng thượng. Dùng vô học làm hai quả cũng như vậy.

*Là nói ba, bốn, một
Bốn, ba cùng với hai
Bốn lại một cũng hai
Là nói nghiệp như kiến v.v...*

Nghiệp do kiến đạo đoạn trừ dùng pháp do kiến đạo đoạn trừ làm ba quả, là quả y, quả công dụng, quả tăng thượng. Dùng pháp do tu đạo đoạn trừ làm bốn quả, tức trừ quả giải thoát. Dùng pháp không đoạn làm một quả là quả tăng thượng.

Nghiệp do tu đạo đoạn trừ dùng pháp do tu đạo đoạn trừ làm bốn quả, tức trừ quả giải thoát. Dùng pháp không đoạn làm ba quả, là quả giải thoát, quả công dụng, quả tăng thượng. Dùng pháp do kiến đạo đoạn trừ làm hai quả, là quả công dụng và quả tăng thượng.

Nghiệp không đoạn trừ dùng pháp không đoạn trừ làm bốn quả, là trừ quả báo. Dùng pháp do kiến đạo đoạn trừ làm một quả, là quả tăng thượng. Dùng pháp do tu đạo đoạn trừ làm hai quả, là quả công dụng và quả tăng thượng.

Đã nói về nghiệp có quả. Nghiệp thân, khẩu do bốn đại tạo nay sẽ nói.

*Tự địa nếu có đại
Chỗ dựa nghiệp thân, khẩu
Vô lậu tùy sức đắc
Đây tức là quả kia.*

Tự địa nếu có đại, Chỗ dựa nghiệp thân khẩu: Nghĩa là nếu nghiệp thân khẩu của cõi dục, tức là do bốn đại của cõi dục tạo. Nghiệp thân khẩu của địa thiên thứ nhất thuộc cõi sắc, tức do bốn đại của thiên thứ nhất tạo. Cho đến thiên thứ tư cũng như vậy. Do tùy theo cõi, vì phiền não kết hợp.

Vô lậu tùy sức đắc, Đây tức là quả kia: Nghĩa là nghiệp thân khẩu vô lậu, tùy theo sức đã nương dựa nên được, tức là bốn đại của địa kia tạo. Nếu sinh nơi cõi dục, đạt được chánh thọ vô lậu của thiên thứ nhất, cho đến nghiệp thân khẩu kia của thiên thứ tư, tức là bốn đại của cõi dục tạo. Sinh nơi tất cả địa cũng như vậy, vì không rơi vào cõi, vì không phải phiền não kết hợp. Nếu các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm cùng hướng đến phẩm tỷ trí, đạo pháp trí, Ba-la-mật của Thanh văn, Phật-bích-chi, Phật, dựa vào thân cõi dục hiện ở trước, thì tất cả nghiệp kia đều do bốn đại của cõi dục tạo. Nếu dựa nơi thân của cõi sắc hiện ở trước, thì tất cả nghiệp kia đều do bốn đại của cõi sắc tạo. Hàng hữu học sinh nơi cõi vô sắc, dựa vào năm địa thành tựu giới vị lai. Nếu trước ở nơi địa kia khởi đạo vô lậu, tức dựa vào quá khứ của địa kia. Nếu vị kia được quả A-la-hán, tức vị ấy đã xả giới học, được giới vô học vị lai, dựa vào năm địa.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói ba chướng. Ba chướng ấy là thế nào?

Đáp:

*Nghiệp vô gián không cứu
Sinh rộng các phiền não
Nẻo ác thọ báo ác
Chướng ngại cần nên biết.*

Ba chướng là nghiệp chướng, phiền não chướng và báo chướng. Nghĩa là vì chướng ngại Thánh đạo và phương tiện của Thánh đạo nên nói là chướng. Trừ ba chướng này, pháp khác tuy là chướng, nhưng ba chướng này có năm nhân duyên dễ thấy, dễ biết, đó là xứ, nẻo, sinh, quả, người.

Nghiệp chướng: Nghĩa là năm nghiệp vô gián. Đó là hại cha, hại mẹ, hại A-la-hán, phá hoại Tăng và làm thân Phật chảy máu. Báo của nghiệp vô gián này tất sinh trong địa ngục, cho nên nói là vô gián. Vì có hai nhân duyên nên bị vô gián, là phản bội ân nghĩa và làm hoại ruộng phước. Tội kia hại cha mẹ là bội ân, vô gián còn lại là làm hoại ruộng phước. Tội lớn hơn hết đó là phá hoại Tăng, thứ đến làm thân Phật chảy máu, tiếp đấy là hại A-la-hán, thứ đến là hại mẹ hại cha. Về nghĩa này trong phẩm Tạp sẽ nói rộng.

Phiền não chướng: Nghĩa là phiền não công sức và nhanh nhạy. Có chúng sinh có phiền não công sức nhưng không nhanh nhạy, nên nêu ra bốn trường hợp: (1) Nhiều công sức nhưng không nhanh nhạy: Nghĩa là phiền não thường hành thấp. (2) Nhanh nhạy nhưng không nhiều công sức: Nghĩa là phiền não tăng thượng, không thường hành. (3) Nhiều công sức cũng là nhanh nhạy: Nghĩa là phiền não tăng thượng, thường hiện hành. (4) Không nhiều công sức cũng không nhanh nhạy: Nghĩa là phiền não kém không thường hành. Phiền não kia kém không nhanh nhạy.

Đây là nói phiền não chướng, vì dựa vào kiết phẩm hạ liên có kiết phẩm trung, dựa vào kiết phẩm trung liên có gia tăng. Nếu phiền não nhanh nhạy nhưng không nhiều công sức thì không phải là chướng, vì không thường hành. Nếu cùng có, là tất cả ác. Không cùng có, là tất cả vượt hơn. Nên biết căn thiện cũng như vậy. Do phiền não hiện hành nên kiến lập chướng. Không phải là thành tựu, tức do tất cả chúng sinh đều tạo thành phiền não, tùy theo chỗ ứng hợp. Phiền não chướng kia nên biết là hạng huỳnh môn khí hư, Phú-lan-na v.v... Lại nói Nan-đà, Ương-quật-ma, Uất-tỳ-la-ca-diếp. So sánh như vậy để nói là do diệu lực nên các vị kia được kiến đế. Xá-lợi-phất v.v... không phải là cảnh giới ấy.

Báo chướng: Nghĩa là xứ đường ác như châu Uất-đơn-việt, trời Vô tướng.

Hỏi: Vì sao chướng này là ác rất lớn?

Đáp:

Gọi là phiền não chướng

Là nói ác rất lớn

Nghiệp vô gián là trung

Báo chướng tức là nhẹ.

Trong ba chướng, phiền não chướng là điều ác lớn hơn hết, tiếp theo là nghiệp chướng, sau đây là báo chướng. Do phiền não chướng có thể chuyển thành nghiệp chướng, nghiệp chướng chuyển thành báo chướng. Lại có thuyết nói báo chướng là điều ác rất lớn, vì nơi lúc tất cả nhân thì có thể chuyển, lúc là quả thì không thể chuyển, điều này là không đúng. Vì nhân kia, hoặc có phiền não chướng tạo thành, hoặc nghiệp chướng - báo chướng, hoặc phiền não chướng - nghiệp chướng, hoặc phiền não chướng - báo chướng, không có nghiệp chướng - báo chướng đều cùng tạo thành, vì nhân quả không đều cùng có. Nghiệp chướng kia là ở ba phương, còn phiền não chướng và báo chướng thì ở khắp năm nẻo.

Hỏi: Như đã nói về nghiệp vô gián, tội rất lớn của nghiệp ấy là phá hoại Tăng. Vậy phá hoại Tăng có tánh gì?

Đáp:

*Là tánh không hòa hợp
Nên biết là Tăng hoại
Vô ký không ẩn mất
Là hành bất tương ưng.*

Tăng hoại: Là tánh không hòa hợp.

Vô ký không ẩn mất, Là hành bất tương ưng: Tức thuộc về âm. Tội phá hoại Tăng là nói dối.

Hỏi: Những ai thành tựu?

Đáp:

*Bị hoại tức là Tăng
Tội là người hoại Tăng
Kia thọ báo một kiếp
Trong địa ngục Vô trạch.*

Bị hoại tức là Tăng, Tội là người hoại Tăng: Nghĩa là Tăng đã bị phá hoại, thì người phá hoại Tăng đã tạo thành tội.

Kia thọ báo một kiếp, Trong địa ngục Vô trạch: Nghĩa là tội phá hoại Tăng phải nhận lấy báo là một kiếp đọa trong địa ngục Vô trạch. Nếu gây tạo chủng loại hành ác khác thì thọ nhận báo ở địa ngục khác, địa ngục kia hoặc là Vô trạch. Người ấy về sau không thể phá hoại Tăng. Còn như sau khi phá hoại Tăng lại gây tạo hành ác khác, tất cả tội như thế đều là quả của địa ngục Vô trạch. Nếu là kẻ hành nhiều hành ác thì thân được thọ nhận tuy rộng lớn nhưng mềm yếu phải chịu rất nhiều khổ. Nghiệp vô gián khác, về sau không thể phá hoại Tăng. Vì kẻ phá hoại Tăng chủ yếu là thuộc tộc họ đọan nghiêm, có giữ giới, học rộng, có biện tài. Phải là người như vậy mới

có thể phá hoại Tăng, do kẻ ấy tự lập làm Đại sư. Còn người phạm giới không phải là tăng thượng.

Hỏi: Thế nào là phá hoại Tăng?

Đáp:

*Đại sư cùng đạo này
Các Tỳ-kheo nhĩn khác
Phá hoại hòa hợp Tăng
Là kiến hành tăng thượng.*

Đại sư cùng đạo này, Các Tỳ-kheo nhĩn khác, Phá hoại hòa hợp Tăng: Nghĩa là Tỳ-kheo khởi lên ý tưởng như thế này: “Đề-bà-đạt-đa là Đại sư của ta, không phải là Cù-đàm”. Những kẻ kia đặt ra năm pháp là đạo, không phải là tám chánh đạo, nên biết là phá hoại Tăng. Lại có chỗ nói: Thọ nhận thể là khác, còn thấy nghe thì cùng với Tăng.

Hỏi: Những người nào phá Tăng?

Đáp: Là kiến hành tăng thượng: Nghĩa là người kiến hành phá hoại Tăng, do có ý tưởng xấu ác, không phải là người ái hành vốn khinh động.

Hỏi: Người tại gia phá hoại Tăng hay là người xuất gia?

Đáp: Tỳ-kheo thọ nhận giới cụ túc là Tỳ-kheo phá hoại Tăng, không phải là kẻ tại gia, không phải là Sa-di, không phải là Tỳ-kheo-ni. Nếu tâm người ấy trụ nơi phá hoại Tăng, tức tâm ấy là quả có đủ sáu thức thân, mỗi mỗi thức thân đều hiện ở trước. Phá hoại trí giác của Tăng cũng như vậy.

Hỏi: Nơi xứ nào với bao nhiêu người là phá hoại Tăng?

Đáp:

*Ba phương ít nhất tám
Đây tức yết-ma hoại*

*Diêm-phù-đề đến chín
Tức là phá luân hoại.*

Ba phương ít nhất tám, Đây tức yết-ma hoại: Nghĩa là nơi ba châu thiên hạ, có phá hoại yết-ma Tăng.

Ít nhất là tám, tức lấy bốn người gọi là Tăng, không phải là ba người. Nếu ở trong giới nội của một trụ xứ có hai bộ Tăng, mỗi bộ đều hành bố-tát yết-ma riêng, nên biết là phá hoại Tăng (Phá hoại yết-ma Tăng).

Hỏi: Nơi xứ nào gồm bao nhiêu người gọi là phá hoại pháp luân Tăng?

Đáp: *Diêm-phù-đề đến chín, Tức là phá luân hoại:* Nghĩa là phá hoại pháp luân Tăng là ở nơi châu Diêm-phù-đề, không phải là xứ khác, vì ở châu này có đạo thì có dị đạo, ở đây có Đại sư thì có Dị sư.

Ít nhất đến chín người, cho đến hai bộ Tăng, mỗi bộ đều riêng khác. Có một người là chỗ đồng của Tăng, là người giáo huấn Tăng khiến Tăng tùy thuận. Kẻ giáo huấn bộ Tăng không hổ, không thẹn là Đề-bà-đạt-đa.

Hỏi: Phá hoại Tăng là Thánh Tăng hay là phàm phu Tăng?

Đáp: Là phàm phu Tăng phá hoại, không phải là Thánh nhân, do ở nơi tụ chánh định, vì tịnh không hoại. Lại có thuyết nói, phàm phu đắc nhẫn cũng không phá hoại Tăng, vì đã quyết định nhập Thánh tăng, vì Đức Thế Tôn không hoại quyền thuộc.

Hỏi: Trụ nơi phân nào thì Tăng không hoại?

Đáp:

*Không kiết giới trước sau
Mâu-ni đã Niết-bàn
Lúc dứt thịt chưa khởi
Cùng không hai đệ nhất*

*Ở trong sáu thời này
Thì không hoại pháp luân.*

Có sáu thời Tăng không hoại: Nghĩa là không kiết giới. Về nhân duyên kiết giới, trước đã nói. Cũng không phải trước, cũng không phải sau. Vì trong hai phần này Tăng chỉ có một vị. Cũng không phải sau khi Đại sư nhập Niết-bàn, vì không có Sư khác. Cũng không phải lúc chưa khởi giới ác, kiến ác, dứt bỏ thịt. Cũng không phải là lúc chưa kiến lập đôi thứ nhất, do Tăng bị phá hoại không trải qua một đêm biệt trụ, vì đôi thứ nhất đã trở lại hòa hợp.

Hoặc có người muốn khiến có bảy nhân duyên Tăng không hoại: Nghĩa là Đại sư ở trong chúng, vì chúng ấy không có uy quang. Không phải tất cả chư Phật đều có sự kiện phá hoại Tăng, do hành.

Hỏi: Năm nghiệp vô gián này, những nghiệp nào là ác lớn nhất?

Đáp:

*Nói đối phá hoại Tăng
Nơi các nghiệp ác nhất
Tu trong hữu thứ nhất
Là nói quả rất lớn.*

Nói đối phá hoại Tăng, Nơi các nghiệp ác nhất: Tức nói đối để phá hoại Tăng đó là rất ác, do là thân chuyển pháp. Pháp là thứ được Đức Phật trân trọng, do pháp kia là phương tiện rộng để chuyển. Phá hoại Tăng là gây nhiễu loạn đại chúng. Nếu Tăng bị phá hoại thì người chưa vượt lên ly sinh không thể vượt lên ly sinh, cũng không đắc quả, cũng không ngồi thiền, sự việc học hỏi tư duy cũng không phát sinh, trong đại thiên thế giới không chuyển pháp luân. Nếu Tăng trở lại hòa hợp, thì người chưa vượt lên ly sinh tức vượt lên ly sinh và đắc quả, lìa dục, lậu tận, tọa thiền, sự việc học hỏi tư duy phát sinh, pháp luân lại được chuyển khắp đại thiên thế giới.

Hỏi: Ở đây nêu nói dối là tội rất lớn, còn nơi chỗ khác lại nói ý nghiệp và tà kiến là tội rất lớn, vậy chúng có sai biệt gì?

Đáp: Trong năm tội vô gián thì nói dối là tội rất lớn. Nơi ba nghiệp thì ý nghiệp là nghiệp rất lớn. Trong năm kiến thì tà kiến là kiến chấp rất lớn.

Lại nữa, vì báo rộng nên nói dối là tội rất lớn. Vì não loạn đại chúng nên ý nghiệp là tội rất lớn. Vì đoạn dứt căn thiện nên tà kiến là tội rất lớn.

Hỏi: Những nghiệp nào có quả rất lớn?

Đáp: *Tư trong hữu thứ nhất, Là nói quả rất lớn:* Vì tư đó ở nơi xứ phi tướng phi phi tướng có thọ mạng là tám vạn kiếp, do là quả báo nên nói như thế. Quả giải thoát là tam muội kim cang tương ưng với tư nên là rất lớn, vì tư ấy đã vĩnh viễn dứt trừ tất cả phiền não và đắc quả.

Lại có chỗ nói: Một tư đã gieo trồng nơi tám vạn kiếp, sau đầy nhiều tư hoàn thành viên mãn. Như họa sư trước hết dùng một màu sắc để phác thảo mô hình, sau đầy mới bố trí tô đậm các màu sắc sáng rỡ.

Lại có thuyết cho: Một thời chánh thọ, một hành, một duyên, nên rất nhiều tư được hiện ở trước, trong ấy hoặc có tư nhận lấy thọ mạng mười ngàn kiếp. Có thọ mạng ba mươi ngàn kiếp, bốn mươi ngàn kiếp, đây là nói số kiếp lớn.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN TẠP A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 4

Phẩm thứ 4: SỬ

Đã nói rộng về nghiệp. Nghiệp ấy là trợ bạn của phiền não thọ nhận vô số các thứ sinh, không phải là lia phiền não. Về phiền não nay sẽ nói.

*Căn bản tất cả hữu
Bạn nghiệp sinh trăm khổ
Tức kia có bảy sử
Đức Phật nói nên nghĩ.*

Ba hữu là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Ở đây có bảy sử như tham dục v.v... là chủng tử. Do phiền não nên tạo nghiệp, do nghiệp nên thọ sinh. Phiền não kia là trợ bạn của nghiệp sinh trăm khổ, không lia nơi nghiệp. Lúc phiền não chuyển tức tạo nên mười sự việc. Đó là phần gốc rễ vững chắc nối tiếp nhau khởi ở nơi ruộng sinh quả y do gieo trồng nghiệp, có chấp tự gồm đủ ngu tối nơi các duyên, dẫn dắt thức lưu chuyển, vượt qua nghiệp thiện, là nghĩa nhanh chóng trôi buộc, không khiến tạo phương tiện vượt khỏi cõi. Người trí kia nên nhận biết nghĩa ấy. Như bảy sử này là chín mươi tám sử, nay sẽ nói.

*Phân biệt giới, hành, chủng
Nói có chín mươi tám*

*Mười thứ tu đạo diệt
Ngoài ra kiến đạo đoạn.*

Bảy sử này phân biệt về giới, hành, chủng là chín mươi tám sử. Nơi bảy sử kia, sử tham dục ở trong chín mươi tám sử dùng chủng để phân biệt làm năm. Sử sân cũng như vậy. Sử hữu ái phân biệt về giới, chủng là mười. Phân biệt về giới, chủng của sử mạn là mười lăm. Sử vô minh cũng như vậy. Sử kiến phân biệt về hành là năm. Phân biệt về hành chủng là mười hai. Phân biệt về giới hành chủng là ba mươi sáu. Sử nghi phân biệt về giới chủng là mười hai. Đó là bảy sử phân biệt thành chín mươi tám.

Hỏi: Chín mươi tám sử này có bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ, bao nhiêu thứ do tu đạo đoạn trừ?

Đáp: Mười thứ do tu đạo đoạn trừ. Ngoài ra là do kiến đạo đoạn trừ. Ái, mạn, vô minh phân biệt về giới là chín, cùng với sân hận là mười. Tám mươi tám sử còn lại là do kiến đạo đoạn trừ. Sử kia đối với đế vừa thấy thì dứt trừ, nên nói là kiến đạo. Nếu thường hành tập đạo để dứt trừ, nên nói là tu đạo. Nếu do kiến đạo đoạn trừ là nói kiến đoạn. Nếu do tu đạo đoạn trừ là nói tu đoạn.

Như vậy tâm bất giác, tâm giác nơi chín loại có một loại, nơi chín loại có chín loại. Phương tiện phá thạch (Kiến đạo) đoạn trừ, phương tiện ngẫu ty (Tu đạo) đoạn trừ. Chưa thấy quán nhĩ diệm (Cảnh giới). Đã thấy quán nhĩ diệm (Cảnh giới). Khi đoạn trừ, tu bốn hành đạo là kiến đạo đoạn trừ. Lúc đoạn trừ, tu mười sáu hành đạo, là tu đạo đoạn trừ. Đối vô sự, đối hữu sự cũng như thế.

Đã nói đối trị sử có sai biệt. Về chủng loại sai biệt nay sẽ nói.

*Sử có hai mươi tám
Là chướng nơi kiến khổ
Kia nên lúc thấy khổ
Là hoàn toàn dứt hết.*

Kiến đoạn trừ hai mươi tám sử trong tám mươi tám sử. Vì chương ngại kiến khổ, nên do kiến khổ đoạn trừ. Về nghĩa đoạn trừ sau phẩm này sẽ nói đến.

Kiến tập đoạn mười chín
Nên biết diệt cũng thế
Thêm ba, kiến đạo đoạn
Mười nói tu đạo đoạn.

Kiến tập đoạn mười chín: Nghĩa là kiến tập đoạn trừ mười chín sử, vì chúng tạo chương ngại cho kiến tập nên do kiến tập đoạn trừ.

Nên biết diệt cũng thế: Nghĩa là kiến diệt đoạn trừ mười chín sử cũng như thế.

Thêm ba, kiến đạo đoạn: Nghĩa là hai mươi hai sử do kiến đạo đoạn trừ.

Mười nói tu đạo đoạn: Nghĩa là mười sử do tu đạo đoạn, như trước đã nói.

Đã nói về chủng loại của sử có sai biệt. Về giới có sai biệt nay sẽ nói.

Phiền não chủng thứ nhất
Ở dục nên biết mười
Hai chủng, chủng có bảy
Tám khác kiến đạo đoạn.

Phiền não chủng thứ nhất, Ở dục nên biết mười: Nghĩa là như trước nói, đầu tiên do kiến khổ đoạn trừ phiền não chủng, mười sử kia là thuộc cõi dục.

Hai chủng, chủng có bảy: Nghĩa là do kiến tập, kiến diệt đoạn trừ, đều là bảy sử thuộc cõi dục.

Tám khác kiến đạo đoạn: Nghĩa là kiến đạo đoạn trừ tám sử thuộc cõi dục.

*Cõi dục cần phải biết
Bốn là tu đạo đoạn
Nói hai cõi trên khác
Nên biết đồng có được.*

Cõi dục cần phải biết, Bốn là tu đạo đoạn: Nghĩa là nếu do tu đạo đoạn trừ phiền não thì có bốn thứ thuộc về cõi dục. Như thế là nói cõi dục có ba mươi sáu sử.

Nói hai cõi trên khác: Nghĩa là sáu mươi hai sử còn lại là ở cõi sắc, vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu sử thuộc cõi sắc, bao nhiêu sử thuộc cõi vô sắc?

Đáp: *Nên biết đồng có được:* Tức ba mươi một sử thuộc cõi sắc, ba mươi một sử thuộc cõi vô sắc.

Đã nói giới, chủng của sử có sai biệt. Về tự tướng của sử nay sẽ nói.

*Gọi là hữu thân kiến
Thọ biên kiến, tà kiến
Hai thủ cần nên biết
Năm ấy nói là kiến.*

Các hành từ duyên khởi nhưng không nhận biết là tâm loạn. Người ngu đối với năm thọ ám, hoặc riêng, hoặc chung, dấy khởi ngã, ngã sở, suy xét như thế rồi chấp trước, đó gọi là *hữu thân kiến*.

Đối với các hành thọ nhận đoạn, thường, suy xét như thế rồi chấp trước, đó gọi *thọ biên kiến*.

Không có thí v.v..., suy xét như thế rồi chấp trước, đó gọi là *tà kiến*.

Đối với pháp hữu lậu, thọ nhận cho là bậc nhất, suy xét như thế rồi chấp trước. Do giữ lấy kiến, cùng trừ các thứ khác, nên gọi là *thủ kiến kiến* (Kiến thủ).

Đối với hành hữu lậu thọ nhận cho là tịnh v.v..., suy xét như vậy rồi chấp trước. Vì giữ lấy giới v.v..., cùng trừ các thứ khác, nên gọi là *thủ giới kiến* (Giới cấm thủ).

Vì năm phiền não này là quyết đoạn nên nói là *kiến*. Do một tà kiến này là quyết đoạn tà, vì hành khác nhau nên nói là năm kiến (Hai thủ, trong tiếng Phạn, cũng có thể nói là ma, cũng có thể nói là tỳ, đều có nghĩa là trộm lấy, nghĩa lựa chọn. Tuy thật sự là cùng trái với lý, nhưng ý vẫn còn cầu tìm tông, nên nói là lựa chọn. Vì đối tượng thọ nhận không phải là đạo, nên nói là trộm lấy).

*Tham dục, nghi, sân hận
Mạn, si, nói phi kiến
Cảnh giới chuyển sai biệt
Kiến lập nhiều thứ tên.*

Tham dục, nghi, sân hận, Mạn, si nói phi kiến: Nghĩa là đối với cảnh giới kia vui thích, tham đắm gọi là tham dục. Ở nơi để nghỉ hoặc gọi là nghi. Số chúng sinh, không phải số chúng sinh đều phần nộ, gọi là sân hận. Tộc họ, sắc lực, giàu có, quyền thế, các phương như kỹ thuật v.v... đối với kẻ khác là thua, là bằng, là hơn đều khởi ý tự cao, gọi là mạn. Đối với đế thì ngu tối, gọi là si. Vì năm phiền não này không phải tánh của tuệ, nên không phải là kiến. Đây là mười sử.

Cảnh giới chuyển sai biệt, Kiến lập nhiều thứ tên: Nghĩa là các sử này nếu ngăn che kiến khổ thì nói là do kiến khổ đoạn trừ. Như thế ngăn che kiến tập, diệt, đạo thì nói là do kiến đạo đoạn trừ.

*Khổ dưới nói tất cả
Hai hành lìa ba kiến
Đạo trừ nơi hai kiến
Cõi trên không hành sân.*

Khổ dưới nói tất cả: Khổ dưới là khổ của cõi dục. Tất cả mười sử kia vì cùng trái với kiến khổ, nên do kiến khổ đoạn trừ.

Hai hành lia ba kiến: Nghĩa là trừ thân kiến, biên kiến, giới thủ, bảy sử còn lại vì cùng trái với kiến tập, diệt nên do kiến tập, kiến diệt đoạn trừ.

Đạo trừ nơi hai kiến: Nghĩa là trừ thân kiến, biên kiến, tám sử còn lại vì trái với kiến đạo nên do kiến đạo đoạn trừ.

Hỏi: Vì sao thân kiến, biên kiến do kiến khổ đoạn trừ, không phải là pháp khác?

Đáp: Vì ở nơi xứ khổ chuyển, vì ở nơi xứ của quả chuyển. Do kiến kia thì được đoạn trừ không xa, tùy theo căn. Còn kiến này không tùy theo căn, nên kiến để đầu tiên là đoạn trừ.

Hỏi: Vì sao giới thủ do kiến khổ, kiến đạo đoạn trừ, không phải là tập, diệt?

Đáp: Vì ở nơi xứ kia khởi lên dị học, vì đối với hai đế khổ đạo là cùng trái nhau, không phải là tập diệt. Vì sử kia là xứ cấu uế, nên đối với tập để là dục. Vì là xứ tầm gọi nên đối với diệt để là dục. Nếu là pháp trong thì do kiến khổ đoạn trừ, pháp ngoài thì do kiến đạo đoạn trừ.

Hỏi: Sử nghi vì sao không do tu đạo đoạn trừ?

Đáp: Vì đối với sự việc không thấy rõ nên nghi. Do đối với sự việc đã thấy rõ nên dứt trừ. Vì sử kia là kiến chấp mới khởi nên không có kiến, do tu đạo đoạn trừ.

Cõi trên không hành sân: Nghĩa là cõi sắc, cõi vô sắc trừ sân, ngoài ra như nói về cõi dục. Tức nơi cõi sắc do kiến khổ đoạn trừ chín sử, kiến tập, kiến diệt đoạn trừ sáu, kiến đạo đoạn trừ bảy, tu đạo đoạn trừ ba. Cõi vô sắc cũng như thế.

Hỏi: Vì sao hai cõi trên không có sân?

Đáp: Vì nơi hai cõi kia không có tánh của không hổ, không thẹn, keo kiệt, ganh ghét, ưu khổ. Vì đã dừng lặng sự việc nuôi lớn

thân, vì được tâm từ, vì không có tánh của chín não, vì đã lia tướng không tạo lợi ích và vì đã lia toàn bộ pháp bất thiện, vì không có hai quả, nên không có sân hận.

Đã nói giới của sử được kiến lập. Về nhất thiết biến nay sẽ nói.

*Cùng khắp nơi nhân khổ
Nghĩ, kiến cùng vô minh
Là sử nhất thiết chúng
Tức ở nơi một địa.*

Kiến khổ, kiến tập đoạn trừ nghi, kiến, chúng tương ưng với vô minh và vô minh không chung. Mười một sử này nên biết là nhất thiết biến (Biến hành) nơi địa địa. Vì là cảnh giới rộng. Tự địa duyên với năm thứ sử như thế, nên địa trên không sai khiến địa dưới, vì không phải là cảnh giới, vì lia dục, vì đoạn trừ do nhận biết. Địa dưới cũng không sai khiến địa trên, vì yếu kém, vì không phải là sự việc của đối tượng bị sai khiến, vì quả y đã không thể đạt được. Nên biết đối tượng đoạn trừ của kiến đế là nhân của tất cả pháp cấu uế. Pháp kia đã ứng hợp như thế. Vì sao? Vì Thánh nhân không khởi, vì không có ái, triền sân hận, chúng mạn hiện ở trước, nên nói là chuyển không phải là phần.

Không có ái: Nghĩa là ái kia do đoạn kiến nuôi lớn, tùy theo đoạn kiến khởi. Nay thì đoạn kiến kia đã diệt.

Triền sân: Nghĩa là sân hận này đã được tà kiến nuôi lớn, tùy theo tà kiến khởi. Nay thì tà kiến kia đã diệt.

Chúng mạn: Nghĩa là mạn ấy đã được thân kiến nuôi lớn, tùy theo thân kiến khởi. Nay tức thân kiến kia đã trừ diệt.

Đã nói về nhất thiết biến (Biến hành) của tự địa. Địa khác nay sẽ nói.

*Địa khác là cảnh giới
Trừ hai kiến như trước*

*Địa địa chín sử biến
Phi tướng thì không thể.*

Trước đã nói mười một sử nhất thiết biến. Trừ thân kiến, biên kiến, chín sử nhất thiết biến còn lại thì từ cõi dục cho đến vô sở hữu xứ là nhất thiết biến nơi địa khác của chúng. Chín sử này là do kiến khổ ở cõi dục đoạn trừ.

Tà kiến hoặc riêng, hoặc chung, vì hủy báng quả của cõi sắc, vô sắc. Kiến thủ thọ nhận cho là bậc nhất. Giới thủ thọ nhận cho là tịnh, khởi nghi hoặc vô minh do không hiểu rõ, tức do kiến tập nơi cõi dục đoạn trừ.

Tà kiến hoặc riêng, hoặc chung, vì hủy báng nhân của ám nơi cõi sắc, vô sắc. Kiến thủ đối với nhân thọ nhận cho là bậc nhất, nghi hoặc vô minh do không hiểu rõ, như thế là do kiến khổ kiến tập của thiên thứ nhất đoạn trừ.

Tà kiến hoặc riêng, hoặc chung, do hủy báng khổ tập của bảy địa, nói rộng như thế, cho đến vô sở hữu xứ, do kiến khổ, kiến tập đoạn trừ.

Tà kiến hoặc riêng, hoặc chung, vì hủy báng khổ tập của một địa, nói rộng cũng như thế.

Địa của xứ phi tướng phi phi tướng không có nhất thiết biến của địa khác, vì không có địa trên. Cõi cũng nói như thế. Cõi vô sắc không có nhất thiết biến của cõi khác, vì không có cõi trên.

Hỏi: Nhất thiết biến (Biến hành) có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa duyên khắp hết thân chủng hữu lậu, là nghĩa của nhất thiết biến. Nghĩa duyên nơi sức giữ gìn là nghĩa của nhất thiết biến. Vì tất cả khởi, vì tất cả chúng sinh, vì tất cả sự việc nên gọi là nhất thiết biến. Không có phạm phu nào đối với pháp hữu lậu xưa nay không chấp giữ nơi hành của ngã v.v...

Hỏi: Vì sao thân kiến, biên kiến được nói là nhất thiết biến của tự địa, không phải là địa khác?

Đáp: Vì kiến chấp nơi cảnh giới hiện có. Vì kiến này là kiến chấp nơi cảnh giới hiện có. Không phải địa dưới sinh kiến địa trên, tuy địa trên sinh kiến địa dưới.

Trước đã nói sử của địa trên không duyên với ái, sân, mạn của địa dưới, vì tự tướng khởi. Tức không duyên với chủng loại khác, huống gì là duyên nơi địa khác. Người chưa lìa dục tuy ưa thích địa trên là dục không phải là tham.

*Nếu tà kiến duyên khổ
Là trái với kiến khổ
Một địa duyên chín địa
Duyên tập cũng như thế.*

Nếu tà kiến duyên khổ, Là trái với kiến khổ, Một địa duyên chín địa: Nghĩa là kiến khổ đoạn trừ tà kiến ở cõi dục, duyên nơi khổ của chín địa, tức từ cõi dục cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ. Không phải là một lúc, nghĩa là cõi dục, không phải là cõi sắc, cõi vô sắc. Nếu khác tức là đoạn trừ do nhận biết bị hoại và cõi hoại. Thiền thứ nhất duyên nơi tám địa. Thiền thứ hai duyên nơi bảy địa. Cho đến phi tưởng phi phi tưởng duyên nơi phi tưởng phi phi tưởng.

Duyên tập cũng như thế: Nghĩa là như nói kiến khổ đoạn trừ tà kiến, kiến tập đoạn trừ tà kiến cũng như thế.

Hỏi: Vì sao chỉ có sử là nhất thiết biến, còn pháp khác thì thế nào?

Đáp:

*Nếu sử nhất thiết biến
Các hành đồng một quả
Nên biết nhất thiết biến
Không phải là các đắc.*

Nếu sử nhất thiết biến tương ưng với pháp như thọ v.v... và cùng có sinh v.v..., thì pháp kia cũng là nhất thiết biến, vì đồng một quả, vì hòa hợp, vì cùng tùy hành, vì trước sau đều kết hợp, nên gọi là nhất thiết biến. Vì không phải là tánh của một quả v.v..., nên đặc không phải là nhất thiết biến, không phải là sử nhất thiết biến. Do ba việc: Là năm thứ nhân duyên, năm thứ sử, năm thứ chủng loại. Pháp tương ưng với năm thứ nhân duyên, năm chủng loại, không phải là năm thứ sử vì không phải là tánh của sử. Pháp cùng có kia là năm thứ nhân không phải duyên, là năm chủng loại, không phải năm thứ sử, thế nên nói: Nếu sử nhất thiết biến và nhân nhất thiết biến nên nêu ra bốn trường hợp:

(1) Sử nhất thiết biến không phải là nhân nhất thiết biến: Nghĩa là sử nhất thiết biến ở vị lai.

(2) Nhân nhất thiết biến không phải là sử nhất thiết biến: Nghĩa là sử nhất thiết biến của quá khứ, hiện tại tương ưng với pháp cùng có.

(3) Sử nhất thiết biến cũng là nhân nhất thiết biến: Nghĩa là sử nhất thiết biến của quá khứ, hiện tại.

(4) Không phải là sử nhất thiết biến cũng không phải là nhân nhất thiết biến: Nghĩa là trừ các thứ đã nêu.

*Tà kiến tương ưng nghi
Và vô minh không chung
Diệt, đạo đã đoạn trừ
Nên biết duyên vô lậu.*

Kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ tà kiến, nghi tương ưng với vô minh và vô minh không chung, nên biết sáu sử này nơi cõi cõi đều duyên với vô lậu. Kiến diệt kia đoạn trừ tà kiến do hủy báng nơi diệt. Nghi hoặc, vô minh do không hiểu rõ nên ở nơi xứ diệt chuyển. Như thế kiến đạo đoạn trừ là ở nơi xứ đạo chuyển.

Hỏi: Kiến diệt đoạn trừ tà kiến là thấy diệt nên hủy báng hay là không thấy nên hủy báng? Nếu thấy thì không nên hủy báng, vì đã thấy. Nếu không thấy thì không nên duyên với vô lậu.

Đáp: Là thấy nên hủy báng, song thấy ấy là tà kiến. Như người hữu xứ khởi tưởng hủy báng xứ. Người tà kiến kia cũng như thế.

Hỏi: Như nơi cõi dục kiến khổ đoạn trừ tà kiến, duyên nơi khổ của chín địa, cho đến phi tướng phi phi tướng xứ duyên nơi một địa. Kiến diệt đoạn trừ cũng như thế chăng?

Đáp: Không phải như thế.

Hỏi: Vậy là thế nào?

Đáp:

*Nếu kiến diệt cảnh giới
Các hành tự địa diệt
Cảnh giới này không khác
Diệt tận không phải nhân.*

Nếu kiến diệt cảnh giới, Các hành tự địa diệt, Cảnh giới này không khác: Nghĩa là nơi cõi dục kiến diệt đoạn trừ tà kiến, duyên nơi các hành của cõi dục để diệt, không phải địa khác như thiên thứ nhất. Từ thiên thứ nhất cho đến xứ phi tướng phi phi tướng cũng như thế.

Hỏi: Vì sao không phải là địa khác?

Đáp: Diệt tận không phải nhân: Diệt tận là vì vô vi, nên không phải là nhân lần lượt. Vì không phải là nhân lần lượt, nên các hành của tự địa diệt, là cảnh giới của tà kiến, không phải là thứ khác. Nếu cho trí thiện cũng như thế thì không đúng. Vì sao? Vì chuyển sinh là trái nhau. Trí thiện là hành đế cùng với chuyển sinh là trái nhau, thế nên chuyển kia khác, nhiệm ô cũng khác, do nhân quả của địa hữu lậu đã đoạn trừ. Nếu cho kiến khổ đoạn trừ tà kiến, cũng lấy khổ của tự địa làm cảnh giới là không đúng, vì lần lượt lôi kéo nhau, hoặc

sinh khởi, hoặc nương dựa, hoặc kiến lập, hoặc tạo nhân, đều là lần lượt cùng làm nhân.

Hỏi: Kiến đạo đoạn trừ tà kiến chuyên như thế nào? Như kiến khổ, kiến tập đoạn trừ chướng? Như kiến diệt đoạn trừ chướng?

Đáp: Chuyên khác.

Hỏi: Khác như thế nào?

Đáp:

*Nếu cảnh giới kiến đạo
Kiến kia tức duyên đạo
Lần lượt cùng làm nhân
Sáu địa và chín địa.*

Đạo nghĩa là lần lượt cùng làm nhân. Tức nơi cõi dục kiến đạo đoạn trừ tà kiến, duyên nơi phạm pháp trí của sáu địa. Cõi sắc, cõi vô sắc duyên nơi tám địa. Kiến đạo đoạn trừ tà kiến duyên nơi phạm tử trí của chín địa. Chỉ là pháp trí, tử trí lần lượt làm nhân cho nhau. Nếu pháp kia được thấm nhuần do ái của cõi dục, nên chấp thọ ngã, ngã sở thì các pháp đối trị kia ứng hợp với kiến đạo đoạn trừ tà kiến duyên nơi cõi dục, không phải duyên nơi địa khác của thiền nào ấy. Như nơi Luận này phân tử trí cũng nói như thế.

Hỏi: Pháp trí của diệt, đạo không phải pháp đối trị của cõi sắc, cõi vô sắc chướng? Thế nên trí kia ứng hợp với kiến đạo đoạn trừ cảnh giới tà kiến của cõi sắc, cõi vô sắc. Nếu không phải cảnh giới thì cũng không nên nói. Nếu pháp được thấm nhuần do ái của cõi sắc, cõi vô sắc nên chấp thọ ngã, ngã sở, thì các pháp đối trị kia ứng hợp với kiến đạo đoạn trừ tà kiến duyên nơi cõi sắc, cõi vô sắc?

Đáp: Vì đều cùng là bất toàn nên không có lỗi. Không phải pháp trí hoàn toàn là pháp đối trị của cõi kia. Tuy pháp trí của diệt đạo không phải là pháp trí của khổ tập. Cũng không phải pháp trí của

diệt đạo hoàn toàn là pháp đối trị của cõi sắc, vô sắc. Chỉ có pháp trí của tu đạo là đối trị, không phải là kiến đạo, vì phần đầu kia không phải là phần. Thế nên những gì ông đã nói là không đúng. Ví như hành ý của lạc căn. (Ưu, hỷ, xả ở ý địa, vì nhân nơi sáu thức nên lập ra mười tám hành ý. Lạc căn của cõi dục không ở nơi ý địa, nên không lập hành ý)

Hỏi: Vì sao tham, sân, mạn, kiến thủ, giới thủ đều không phải duyên nơi vô lậu?

Đáp:

Tham duyên không nên trách

Không vì không lợi ích

Vắng lặng đệ nhất tịnh

Kia không duyên vô lậu.

Người trí thấy lỗi của tham, nếu duyên nơi vô lậu thì không nên thấy lỗi, nếu không thấy lỗi cũng không nên đoạn trừ. Nếu người muốn đạt Niết-bàn, thì dục của pháp thiện này tức không phải là tham ái. Vì không tạo lợi ích nên khởi sân. Nhưng pháp kia không phải là không tạo lợi ích. Do không vắng lặng nên khởi mạn, nhưng pháp kia thì vắng lặng. Kiến thủ là hành thứ nhất chuyển nơi pháp vô lậu đệ nhất. Nếu pháp kia duyên nơi vô lậu tức nên là chánh kiến, không phải là phiền não vì không điên đảo. Giới thủ cũng như thế.

Hỏi: Các sử sai khiến những gì?

Đáp:

Nhất thiết chủng cõi dục

Sử nhất thiết biến sử

Duyên buộc nơi tự địa

Địa trên cũng như thế.

Nhất thiết chủng cõi dục, Sử nhất thiết biến sử, Duyên buộc nơi tự địa: Nghĩa là sử nhất thiết biến của cõi dục duyên với năm thứ sử của cõi dục.

Hỏi: Cõi sắc, cõi vô sắc thì thế nào?

Đáp: *Địa trên cũng như thế:* Tức sử nhất thiết biến của tự địa ở cõi sắc, cõi vô sắc như thế là duyên với năm thứ sử của tự địa.

*Là các sử khác kia
Nên biết duyên tự chủng
Duyên tự cảnh giới sử
Chỗ dựa tất cả phẩm.*

Là các sử khác kia, Nên biết duyên tự chủng, Duyên tự cảnh giới sử: Nghĩa là sử không nhất thiết biến khác và sử nhất thiết biến, vì là cảnh giới của tự tướng, nên duyên nơi pháp tự chủng của sử.

Chỗ dựa tất cả phẩm: Nghĩa là hoặc nhất thiết biến cùng không nhất thiết biến, hoặc duyên nơi hữu lậu, hoặc duyên nơi vô lậu, chúng đều là pháp tương ưng với tự phẩm của sử.

*Nếu sử duyên vô lậu
Địa khác duyên phiền não
Tự phẩm tương ưng sử
Vì giải thoát cảnh giới.*

Nếu sử duyên vô lậu, Địa khác duyên phiền não, Tự phẩm tương ưng sử: Nghĩa là nếu sử duyên nơi vô lậu và tự phẩm duyên nơi địa khác là tương ưng với sử, không phải là duyên nơi sử. Vì sao? *Vì giải thoát cảnh giới.* Giải thoát cảnh giới của sử này là dùng pháp vô lậu giải thoát tất cả phiền não, vì các pháp của địa trên giải thoát phiền não của địa dưới.

Hỏi: Mỗi mỗi sử có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp:

*Thân kiến của sử kia
Kiến khổ đoạn trừ chúng
Kiến tập nhất thiết biến
Kiến khổ khác cũng thế.*

Thân kiến của sử kia, Kiến khổ đoạn trừ chúng, Kiến tập nhất thiết biến: Tức thân kiến là do kiến khổ đoạn trừ. Đối tượng sai khiến của tất cả sử là do tự chúng. Kiến tập đoạn trừ phân sai khiến của sử nhất thiết biến, vì cảnh giới rộng lớn.

Hỏi: Kiến khổ đoạn trừ sử khác như thế nào?

Đáp: Kiến khổ khác cũng thế: Như nói về thân kiến, nên biết kiến khổ đoạn trừ sử khác cũng như thế.

*Như khổ, tập cũng vậy
Diệt, đạo duyên hữu lậu
Hết sử nơi tự chúng
Tu đạo đoạn cũng thế.*

Như khổ, tập cũng vậy: Nghĩa là như nói kiến khổ đoạn trừ, kiến tập đoạn trừ cũng như thế.

Diệt, đạo duyên hữu lậu, Hết sử nơi tự chúng, Tu đạo đoạn cũng thế: Nghĩa là kiến diệt, kiến đạo cũng như thế, tu đạo đoạn trừ cũng như vậy. Sai biệt: Nghĩa là kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ tự chúng của sử duyên nơi hữu lậu. Sử dứt hết thì tự chúng của sử và sử nhất thiết biến sai khiến cũng duyên nơi vô lậu, tương ưng với sử sai khiến.

Hỏi: Đã nhận biết sử, nơi chôn của các sử, các sử của sử, sử nào sai khiến? Cái gì làm duyên cho sử sai khiến, không phải tương ưng với sử sai khiến? Cho đến cái gì không phải là duyên nơi sử sai khiến, cũng không phải tương ưng với sử sai khiến?

Đáp:

*Kiến khổ tự phạm sử
Duyên sử cùng tương ưng
Kiến tương ưng vô minh
Duyên sử khác cũng thế.*

Thân kiến kia là thân kiến tương ưng với vô minh có hai thứ: Duyên nơi sử sai khiến và tương ưng. Kiến khổ đoạn trừ sử khác và kiến tập đoạn trừ sử nhất thiết biên duyên nơi sử, không phải là tương ưng với sử, vì phạm không đồng. Sử khác cũng không phải duyên nơi sử, cũng không phải tương ưng với sử. Thân kiến tương ưng không phải là pháp của sử, tức thân kiến cùng tương ưng với vô minh, tương ưng với sử, cũng duyên nơi sử. Kiến khổ đoạn trừ sử còn lại và kiến tập đoạn trừ sử nhất thiết biên, duyên nơi sử không phải tương ưng với sử. Sử còn lại cũng không phải là tương ưng, cũng không phải là duyên.

Như thân kiến, như thế biên kiến do kiến khổ đoạn trừ thì tà kiến, kiến thủ, giới thủ, nghi, tham, sân, mạn cũng như vậy. Kiến khổ đoạn trừ vô minh, là ở nơi kiến khổ đoạn trừ vô minh và kiến tập đoạn trừ sử nhất thiết biên duyên nơi sử, không phải tương ưng với sử. Kiến khổ khác đoạn trừ sử, cũng là duyên nơi sử, cũng tương ưng với sử. Ngoài ra cũng không phải là duyên nơi sử, cũng không phải là tương ưng với sử. Như kiến khổ đoạn trừ, kiến tập đoạn trừ cũng như thế. Kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ sử duyên nơi hữu lậu và tu đạo đoạn trừ cũng như thế.

Sai biệt: Nghĩa là nếu sử tương ưng là có thể được, tức sử kia tương ưng với sử sai khiến và duyên nơi sử.

*Nếu kiến diệt cảnh giới
Vô minh cùng sinh kia
Các sử nhất thiết biên
Duyên hữu lậu trái nhau.*

Nếu kiến diệt cảnh giới, Vô minh cùng sinh kia: Nghĩa là kiến diệt đoạn trừ tà kiến, tà kiến ấy tương ứng với vô minh, tương ứng với sử. Vô minh, tà kiến kia tương ứng với sử và pháp tương ứng ấy, cả hai đều cùng tương ứng với sử.

Hỏi: Sử khác lại là thế nào?

Đáp: *Các sử nhất thiết biến, Duyên hữu lậu trái nhau:* Tức nếu sử nhất thiết biến và chủng do kiến diệt đoạn trừ, duyên nơi hữu lậu và duyên nơi sử, ngoài ra thì không phải tương ứng với sử, cũng không phải duyên với sử. Do vì nghĩa này nên biết vô lậu khác duyên nơi sử cũng như thế. Vô minh không chung có sai khác, là vô minh kia không có tương ứng với sử sai khiến.

*Sử kia cùng vi nhập
Tùy nhập cũng tùy trực
Là từ ba sự khởi
Nên biết là không dứt.*

Sử kia cùng vi nhập, Tùy nhập cũng tùy trực: *Sử kia* là tạo tác. *Vi nhập* là tánh. *Tùy nhập* là tương ứng. *Tùy trực* là đắc.

Lại nữa, *sử* như trẻ con bú sữa. *Vi nhập* là hành vi tế. *Tùy nhập* là như dầu trong hạt mè. *Tùy trực* là như người đi trên không, bóng dưới nước đi theo.

Hỏi: Sử kia khởi như thế nào?

Đáp: *Là từ ba sự khởi, Nên biết là không dứt:* Tức vì ba sự nên khởi sử tham: Sức của nhân, sức của cảnh giới và sức của phương tiện.

Sử tham dục kia không đoạn trừ, không nhận biết là sức của nhân. Đối tượng duyên của triền tham dục là sức của cảnh giới. Không chánh tư duy kia là sức của phương tiện.

Ở đây là nói phiền não gồm đủ nhân duyên, không hẳn phải đủ ba sự. Nếu tất phải đủ ba sự để khởi, thì không nên thoái chuyển. Nên biết tất cả sử cũng như thế.

Hỏi: Các sử là bất thiện hay là vô ký?

Đáp:

*Thân kiến thọ biên kiến
Tương ưng vô minh kia
Vô ký trong cõi dục
Tất cả sắc, vô sắc.*

Thân kiến thọ biên kiến, Tương ưng vô minh kia, Vô ký trong cõi dục: Nghĩa là thân kiến, biên kiến nơi cõi dục cùng tương ưng với vô minh là vô ký. Vì sao? Vì đối với thí, giới, tu tập không trái nhau. Nếu người chấp ngã hành bố thí là khiến cho đời sau của ta được an vui, cũng như giữ giới là khiến ta được sinh lên cõi trời, cũng như tu đạo là khiến ta được giải thoát. Kiến đoạn diệt là thuận với giải thoát.

Lại nữa, kiến này ở trong sự của mình thì ngu tối nên khởi, không bị người khác bức bách mà khởi. Người chấp ngã kia, mắt thấy sắc, nói: Ta thấy, không phải mắt thấy, không do ta thấy sắc bức bách người khác, thế nên không phải là bất thiện. Ngoài ra, phiền não của cõi dục là bất thiện.

Tất cả sắc, vô sắc: Nghĩa là sử của cõi sắc, cõi vô sắc tất cả là vô ký, vì chánh thọ đã hoại, vì không có tánh của khổ thọ. Bất thiện là báo của khổ thọ. Cõi sắc, cõi vô sắc kia không có khổ thọ, tức không phải cõi sắc, cõi vô sắc có báo của cõi dục, vì đây là địa đã dứt trừ quả báo.

Hỏi: Sử nào nơi xứ nào chuyển?

Đáp:

*Tham dục, sân hận, mạn
Quá khứ hoặc duyên khởi*

*Vị lai nói tất cả
Hai đời khác đều buộc.*

Tham dục, sân hận, mạn, Quá khứ hoặc duyên khởi: Nghĩa là tham, sân, mạn của quá khứ là tự tướng phiền não, nên không thể ở nơi tất cả pháp hữu lậu đầy khởi. Về tham tức không thể không thấy, không nghe, không tư duy về cảnh giới để khởi. Là do phương tiện nên bùng cháy. Hoặc có khi có người ở nơi mắt khởi ái, không phải phần thân khác. Sân, mạn cũng như thế.

Vị lai nói tất cả: Nghĩa là tham, sân, mạn ở vị lai duyên hệ thuộc nơi ba đời, tất cả pháp hữu lậu do duyên nơi ba đời.

Hai đời khác đều buộc: Nghĩa là kiến, nghi, vô minh là khác, chúng đều cùng khởi. Nếu quá khứ, vị lai hệ thuộc pháp hữu lậu ba đời, sử hiện tại vì bất định nên không nói. Nếu có, nghĩa là nếu tự tướng phiền não hiện ở trước, tức hiện tại vị lai kia buộc quá khứ. Hoặc ở nơi kia khởi rồi diệt, không đoạn trừ.

Hỏi: Không phải là sử quá khứ đoạn trừ, tức vị lai kia đoạn trừ chẳng? Vì sao nói quá khứ khởi rồi diệt không đoạn trừ?

Đáp: Vì không do cùng chủng loại nên nói. Có lúc trong chủng loại tăng thượng nên khởi trước hết. Chủng loại kia nếu quá khứ đoạn trừ, tức ở nơi vị lai đoạn trừ. Ở trong sự việc kia, do phiền não của vị lai trói buộc nhẹ, nên không có lỗi. Nếu cộng tướng phiền não hiện ở trước thì trói buộc tất cả pháp hữu lậu của ba đời, đây là nói chung. Nếu là phiền não của năm thức thân, thì quá khứ trói buộc quá khứ, hiện tại trói buộc hiện tại, vị lai nếu pháp sinh thì trói buộc vị lai, nếu pháp không sinh thì trói buộc sự việc của ba đời. Nếu là ý địa thì quá khứ, vị lai, hiện tại đều trói buộc nơi sự việc của ba đời.

Hỏi: Thế nào là trói buộc?

Đáp: Nếu phiền não của nhãn thức thân trói buộc đối tượng duyên là sắc thì pháp tương ưng kia tương ưng với sự trói buộc. Pháp

tương ưng kia cũng tương ưng với ý nhập, pháp nhập. Cho đến phiền não của thân thức thân trói buộc đối tượng duyên là xúc, pháp tương ưng kia cũng tương ưng với sự trói buộc. Nếu phiền não của ý địa trói buộc đối tượng duyên là mười hai nhập, pháp tương ưng kia cũng tương ưng với sự trói buộc, tức pháp tương ưng kia cũng tương ưng với ý nhập và pháp nhập.

Bộ Bà Ta kia nói: “Người thành, kiết thành, sự thành”. Phái A-tỳ-đàm nói: “Người không thành, kiết thành, sự thành”. Phái Thí Dụ nói: “Kiết thành, người không thành, sự không thành”. Vì cảnh giới không nhất định là có dục, không dục, nên có lúc đối với cảnh giới đó, khởi dục, khởi sân, khởi mạn, khởi ganh ghét, khởi chán lìa, khởi bi, khởi xả.

Đã nói sử theo đời kiến lập. Về thứ lớp nay sẽ nói.

*Phiền não thứ lớp khởi
Tự địa nơi tự địa
Địa trên cũng sinh dưới
Nên biết theo lớp sinh.*

Phiền não thứ lớp khởi, Tự địa nơi tự địa: Nghĩa là tất cả sử của tự địa ở nơi tất cả phiền não của tự địa, theo thứ lớp chuyển, mỗi mỗi theo thứ lớp sinh tất cả.

Địa trên cũng sinh dưới, Nên biết theo lớp sinh: Nghĩa là phiền não của địa trên theo thứ lớp sinh phiền não của địa dưới. Tâm nhiễm ô của địa kia, khi mạng chung khởi trung ấm, sinh ấm của địa dưới. Địa phi tướng phi phi tướng kia theo thứ lớp sinh tám địa, cho đến trời Phạm thế theo thứ lớp sinh nơi cõi dục.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói các phiền não này là ách, lưu, thủ, thọ lậu, phược. Các thứ ấy là thế nào?

Đáp:

*Có ách, lưu, thủ trôi
Tiết lậu cùng kiết buộc*

*Do nghĩa ấy nên nói
Ách, lưu, thủ, lậu, phược.*

Vì khô quàng buộc chặt nên nói là *ách*. Ách kia có bốn thứ: Ách đục, ách hữu, ách kiến và ách vô minh.

Hỏi: Vì sao năm kiến chỉ nói là ách kiến, còn một vô minh lại lập một ách?

Đáp: Vì cùng một gánh nặng.

Hỏi: Vì sao kiết của cõi sắc, cõi vô sắc, trừ kiến vô minh, số còn lại chỉ lập một ách hữu?

Đáp: Vì chúng cùng ở nơi địa chánh định, và vì chúng là vô ký ẩn mật.

Vì khiến chúng sinh trôi nổi nên nói là *lưu* (Bộc lưu). Lưu cũng có bốn thứ như nói về ách.

Vì nhận lấy hữu nên nói là *thủ*, vì chấp giữ hết mức. Thủ kia cũng có bốn thứ: Thủ đục, thủ kiến, thủ giới, thủ thuyết ngã.

Hỏi: Vì sao vô minh nói là ách, lưu, nhưng không nói là thủ?

Đáp: Vì vô minh không phải là hành nhanh nhạy. Nghĩa chấp thọ là nghĩa của thủ, là hành nhanh nhạy. Vô minh kia không phải là hành nhanh nhạy, do ngu tối, nên không nói là thủ.

Hỏi: Vì sao bốn kiến nói là thủ kiến, còn một thủ nói là thủ giới?

Đáp: Vì chúng cùng một gánh nặng. Nghĩa là vì giới thủ kia có thể làm bùng cháy nghiệp và cùng trái với đạo, vì trong ngoài có thể được. Các khổ như không ăn v.v... của ngoại đạo tạo tướng là đạo. Nội đạo thì dùng y phân tảo v.v... để tạo tướng là đạo.

Hỏi: Vì sao kiết của cõi sắc, cõi vô sắc được nói là thủ thuyết ngã không phải là cõi đục?

Đáp: Vì ở nơi nội xứ khởi. Kiệt của cõi sắc, cõi vô sắc vì hướng nội khởi, duyên nơi chính mình. Còn kiệt của cõi dục thì hướng ngoại khởi, cho nên nói là thủ dục.

Vì tất cả xứ nhập là lậu, vì tâm lậu liên tục chảy rót nên nói là lậu. Lậu kia có ba thứ là lậu dục, lậu hữu, lậu vô minh.

Hỏi: Vì sao nói lưu kiến, ách kiến, không nói lậu kiến?

Đáp: Vì nghĩa chảy rỉ là nghĩa của lậu. Vì kiến này là nhanh nhạy đối với sự chảy rỉ kia là không thuận, cho nên lậu kia là không nhanh nhạy, như đã nói về phiền não tạp.

Nghĩa trôi nổi là nghĩa của lưu. Kiến thuận nơi trôi nổi, thế nên kiến lập lưu kiến. Nghĩa hệ thuộc khổ là nghĩa của *phược*.

Hỏi: Ách, lưu, thủ, lậu, phược có tánh gì?

Đáp:

*Số có hai mươi chín
Cũng nói hai mươi tám
Ba mươi sáu, mười lăm
Tánh của ách, lưu, dục.*

Tánh của ách dục kia có hai mươi chín: Tham năm, sân năm, mạn năm, nghi bốn, triền mười (Triền sau phẩm này sẽ nói).

Ách hữu có hai mươi tám: Ái mười, mạn mười, nghi tám.

Ách kiến có ba mươi sáu. Tức phân biệt về giới, hành, chủng của năm kiến có ba mươi sáu. Phân biệt về giới, chủng của ách vô minh có mười lăm. Lưu cũng như thế.

*Nói trước ba mươi bốn
Kể chung nói ba mươi
Thứ ba là nói sáu
Thứ tư, ba mươi tám.*

Tánh của thủ dục có ba mươi bốn: Tham năm, sân năm, mạn năm, vô minh năm, nghi bốn, triền mười.

Thủ kiến có ba mươi, trừ thủ giới. Tánh của thủ giới có sáu. Tức phân biệt về giới chung của thủ giới có sáu.

Tánh của thủ thuyết ngã có ba mươi tám: Ái mười, mạn mười, vô minh mười, nghi tám.

Cõi sắc, cõi vô sắc có hai triền: Thùy miên và trạo, không phân biệt giới, chung, vì trước đã nói, nên ở đây không nói.

*Nói tánh lậu dục kia
Nên biết bốn mươi một
Lậu hữu năm mươi hai
Lậu vô minh mười lăm.*

Tánh của lậu dục có bốn mươi một: Tham năm, sân năm, mạn năm, nghi bốn, kiến mười hai, triền mười. Tánh của lậu hữu có năm mươi hai: Ái mười, mạn mười, nghi tám, kiến hai mươi bốn. Tánh của lậu vô minh có mười lăm.

Nơi một trăm lẻ tám phiền não này, do nghĩa quàng buộc chặt nên nói là *ách*. Vì nghĩa nổi trôi nên nói *lưu*. Do nghĩa chấp giữ nên nói *thủ*. Vì nghĩa rỉ chảy nên nói là *lậu*.

Hỏi: Các chủng loại phiền não khởi như thế nào?

Đáp:

*Không biết nên do dự
Do dự nên tà kiến
Nhân nơi tà kiến này
Chuyển sinh các thân kiến.*

Đầu tiên vì không hiểu biết nên khổ không muốn nhận biết, cho đến đạo không muốn nhận biết, đó gọi là vô minh. Vì vô minh nên do dự, là khổ hay là không phải khổ? Cho đến đạo là phi đạo chăng?

Đây là vô minh chuyển sinh nghi, vì nghi nên mong cầu quyết định. Nếu được chánh phương tiện, sinh chánh quyết định thì có khổ, tập, diệt, đạo. Nếu phương tiện tà sinh quyết định tà thì không có khổ, tập, diệt, đạo, đây là nghi chuyển sinh tà kiến. Nếu đây không phải là khổ thì là ngã, là tà kiến chuyển sinh thân kiến.

*Từ đấy khởi biên kiến
Giới thủ, giới tưởng thủ
Nơi kia quyết định rồi
Thứ lớp sinh kiến thủ.*

Thân kiến kia đối với ngã kiến biến hoại cho là kiến đoạn. Nếu kiến tương trợ nối tiếp nhau liền thành kiến thường, đó là thân kiến chuyển sinh biên kiến. Nếu thấy một bên tịnh là biên kiến chuyển sinh giới thủ. Nếu tịnh ấy là đệ nhất, tức giới thủ chuyển sinh kiến thủ.

*Tự kiến tức sinh dục
Tha kiến thì khởi sân
Tự thấy cao là mạn
Từ sử chuyển sinh triền.*

Tự kiến kia sinh nhiễm, tha kiến thì khởi sân, tự thấy cao là mạn, là từ kiến khởi tham, sân, mạn, từ sử sinh triền phiền não trên.

Hỏi: Đây là thế nào?

Đáp:

*Không hổ cùng không thẹn
Thùy, hối, xan, tật, trạo
Miên, phẫn cùng với phú
Là triền phiền não trên.*

Mười triền đó là không hổ, không thẹn, thùy (Ngủ nghĩ), hối (Ăn năn), xan (Keo kiệt), tật (Ganh ghét), trạo cử, miên (Ngủ say),

phần, phú (Che giấu). Tướng của chúng, như nơi phạm hành đã nói, tức đây là chỗ nương dựa của sử. (Nương dựa tiếng Phạn là Nị sơn địa. Nghĩa của Nị sơn địa nói là tân dịch (Thấm ướt), tức triền là tân dịch của sử, như bình tô mật, tân dịch rỉ chảy ra).

Hỏi: Triền nào là chỗ dựa của sử nào?

Đáp:

*Không then, thù với miên
Ba này dựa vô minh
Trạo, xan và không hổ
Là từ tham dục sinh.*

Không then, thù với miên, Ba này dựa vô minh: Nghĩa là không then, thù, miên, nên biết là dựa nơi vô minh.

Hỏi: Nếu triền kia là dựa nơi vô minh thì tương ưng với vô minh chăng?

Đáp: Nếu dựa nơi vô minh tức tương ưng với vô minh. Hoặc tương ưng với vô minh nhưng không phải nương dựa, nghĩa là bảy triền còn lại.

Trạo, xan và không hổ, Là từ tham dục sinh: Nghĩa là triền trạo cử, xan, không hổ là dựa nơi tham dục.

Hỏi: Nếu triền là dựa nơi tham dục tức tương ưng với tham dục chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp: (1) Nương dựa không tương ưng: Nghĩa là triền xan. (2) Tương ưng không nương dựa: Nghĩa là không then, thù miên. (3) Cũng nương dựa cũng tương ưng: Nghĩa là trạo cử và không hổ. (4) Không phải nương dựa cũng không phải tương ưng: Nghĩa là trừ những thứ trên.

*Triền phú nương hai sử
Hối tức nhân do dự*

*Phẫn, tật dựa sân hận
Bậc minh trí đã nói.*

Triền phú nương hai sử: Nghĩa là hoặc nói triền phú là nương dựa nơi ái, do sức của ái nên che giấu. Có thuyết nói là nương dựa nơi vô minh, do sức của không hiểu biết nên che giấu.

Hối tức nhân do dự: Triền hối là nương dựa nơi nghi.

Phẫn, tật dựa sân hận, Bậc minh trí đã nói: Nghĩa là triền phẫn, triền tật là nương dựa nơi sân hận.

Hỏi: Phiền nào này là cầu có sáu thứ, nương dựa nơi gì?

Đáp: Trói buộc gấp là nghĩa của triền. Trói buộc nhẹ là nghĩa của cầu. Đó là nghĩa khác nhau giữa mười triền và sáu cầu.

*Gọi là phiền nào cầu
Hại hận dựa sân giận
Cuồng, cao dựa tham dục
Nghĩa này cần nên biết.*

Gọi là phiền nào cầu, Hại hận dựa sân giận: Nghĩa là hại và hận là nương dựa nơi sân giận.

Cuồng, cao dựa tham dục, Nghĩa này cần nên biết: Nghĩa là cầu cuồng, cao là nương dựa nơi tham dục.

*Gọi là năm tà kiến
Siểm dựa do đấy sinh
Nói nương quả kiến thủ
Là nào cần nên biết.*

Gọi là năm tà kiến, Siểm dựa do đấy sinh: Nghĩa là siểm nương dựa nơi năm kiến khởi, vì nhanh chóng.

Nói nương quả kiến thủ, Là nào cần nên biết: Nghĩa là cầu nào là nương dựa nơi kiến thủ.

Hỏi: Triền nào cùng với phiền não nào tương ưng?

Đáp:

*Tất cả phiền não hợp
Nói thùy và trạo cử
Không hổ hợp bất thiện
Không thẹn cũng như thế.*

Tất cả phiền não hợp, Nói thùy và trạo cử: Nghĩa là hai triền này tương ưng với tất cả phiền não. Vì tất cả tâm nhiễm ô không vắng lặng, nên biết là trạo cử. Phiền não hiện ở trước, tâm không thể gắng nhận biết nên biết đó là thùy. Tuy trạo cử không tương ưng với trạo cử và thùy không tương ưng với thùy, nhưng vì là tự tánh, vì phần ít, nên không nói. Phải biết sử tức là phiền não, vì triền kia đều cùng có với tất cả phiền não. Năm chủng sáu thức thân nơi ba cõi là bất thiện và vô ký.

Không hổ hợp bất thiện, Không thẹn cũng như thế: Tức hai triền này tương ưng với tất cả sử bất thiện. Là tất cả tâm bất thiện hiện ở trước, hủy hoại sự cung kính, không sợ tội, cho nên triền kia nói là năm chủng sáu thức thân, vì bất thiện nên thuộc cõi dục.

*Hối ở nơi ý khổ
Là do tu đạo đoạn
Miên chỉ ở ý dục
Còn đều tự kiến lập.*

Hối ở nơi ý khổ: Nghĩa là hối ở nơi ý địa, vì nhanh chóng, vì buồn sâu khởi, vì tương ưng với ưu, vì thuộc về khổ thọ, nên ở nơi cõi dục.

Hỏi: Hối này do đạo nào đoạn trừ?

Đáp: Là do tu đạo đoạn: Vì sinh trong hành thiện, hành ác, nên do tu đạo đoạn trừ.

Miên chỉ ở ý dục: Nghĩa là miên ở ý địa của cõi dục. Lúc ngủ say (Miên), tất cả phiền não đều cùng hành, cho nên tương ưng với tất cả phiền não của cõi dục.

Còn đều tự kiến lập: Tức các triền còn lại nơi phiền não trên đều tự kiến lập. Đó là phẫn, phú, xan, tật không tương ưng với sử khác trừ vô minh, nên biết hồi cũng tự kiến lập. Phiền não khác là hành, không phải là tánh.

Hỏi: Vì sao xan, tật được lập trong chín kiết, không phải triền khác?

Đáp:

*Gọi là xan cùng tật
Lập riêng là nơi hai
Thế nên hai triền này
Lập ở trong chín kiết.*

Hai triền xan, tật vì tự lực khởi, vì đứng riêng, vì hoàn toàn bất thiện, vì là nơi cả hai, thế nên lập ở trong chín kiết.

Thùy, trạo cử là vì tất cả phiền não đều cùng có nên không đứng riêng, vì bất thiện và vô ký nên không là hai. Vì miên cũng tương ưng với sử khác nên không đứng riêng, vì thiện, bất thiện, vô ký nên không là hai.

Không hổ, không thẹn tuy là hai nhưng không đứng riêng. Hối tuy đứng riêng nhưng không là hai, vì thiện, bất thiện. Phẫn và phú tuy đứng riêng, cũng là hai. Hoặc có dục thì khiến chúng là tánh của sử, tánh kia ghi có tám triền. Hối, miên nếu là thiện, nên biết không phải là triền, vì triền hoàn toàn là nhiễm ô.

Hỏi: Vì sao ái chỉ lập một kiết nhưng là hai sử, hoặc ba, hoặc sáu?

Đáp: Vì có được một tướng trời buộc nên lập một kiết. Vì ở nơi địa chánh định, địa bất định nên nói hai sử. Vì cõi riêng khác nên nói ba sử, vì chỗ nương dựa có khác biệt nên nói sáu sử.

Hỏi: Vì sao ba kiến được lập là kiết kiến, hai kiến thì lập kiết tha thủ?

Đáp: Vì danh v.v..., vì sự v.v... Thân kiến, biên kiến, tà kiến là nữ, gọi là tự tánh của mười tám sử, thế nên lập một kiết. Kiết tha thủ là nam, cũng gọi đây là tự tánh của mười tám sử, vì lập một kiết. Vậy nên nói như thế. Nếu kiến tương ưng với pháp thì kiết ái trời buộc, không phải là kiết kiến, cũng đều là sử kiến sai khiến.

Nếu tập trí sinh, diệt trí chưa sinh, thì kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ trời buộc của pháp tương ưng với kiết ái, do kiết ái duyên nơi hữu lậu nên không phải là kiết kiến. Vì kiết kiến nhất thiết biến kia đã đoạn trừ, nên tuy tự chủng nơi kiết kiến không đoạn, nhưng không duyên vì kiết kia duyên nơi vô lậu, vì không tương ưng với phẩm khác. Không phải sử kiến không sai khiến, nên dùng năm kiến là sử kiến, ba kiến là kiết kiến.

Đã nói tự tánh của phiền não. Về tương ưng với căn nay sẽ nói.

Các sử ở ba cõi
Đều tương ưng xả căn
Các căn sử theo địa
Tương ưng đến sắc hữu.

Các sử ở ba cõi, Đều tương ưng xả căn: Nghĩa là tất cả sử của ba cõi đều tương ưng với xả căn. Vì sao? Vì tùy thuận nơi tất cả phiền não, cùng với vui, buồn và vị cùng với phiền não chuyển hành. Do tất cả phiền não đều ở trong đó mà được dứt bỏ. Nếu khác là không lìa phiền não, cho nên xả căn được năm chủng, sáu thức thân ở ba cõi.

Các căn sử theo địa, Tương ưng đến sắc hữu: Nghĩa là hỷ căn, lạc căn, cho đến trời Phạm thế, các sử kia tương ưng với hỷ căn,

lạc căn. Trời Quang âm cũng có hỷ căn, sử của địa này tương ưng với hỷ căn. Trời Biến tịnh có lạc căn, sử của địa ấy tương ưng với lạc căn. Trời Quả thật có một xả căn, các sử của trời kia tương ưng với xả căn, không phải căn khác. (Ái v.v... là phiền não vui, sân, si là phiền não buồn. Tà kiến là phiền não kết hợp. Xả căn đều cùng với chúng tương ưng, vì cùng chung một duyên hành).

*Tà kiến và vô minh
Khổ lạc trong cõi dục
Sân hận, nghi chỉ khổ
Ngoài ra hoàn toàn lạc.*

Tà kiến và vô minh, Khổ lạc trong cõi dục: Nghĩa là tà kiến khởi nghiệp ác thì mừng, khởi nghiệp tịnh thì lo. Vô minh tương ưng với tất cả căn.

Sân hận, nghi chỉ khổ: Nghĩa là nơi cõi dục nghi vì không quyết định nên không mừng, thế nên tương ưng với khổ thọ. Thiền thứ nhất, thiền thứ hai không có tánh của căn khác, nên tương ưng với hỷ căn. Hỷ căn của cõi dục vì thô, chúng sinh không nên khởi mà khởi. Như người nghèo kém thường vui đùa theo sự việc kia, không nên khởi mà khởi. Nghi của cõi dục vì vi tế, nên không cùng với hỷ căn tương ưng. Vì sân hận dấy khởi hành lo buồn, nên tương ưng với khổ thọ.

Ngoài ra hoàn toàn lạc: Nghĩa là phiền não khác của cõi dục, vì dấy khởi hành lạc nên tương ưng với lạc thọ.

*Huân tập hai tương ưng
Kiến đoạn chỉ ứng ý
Các phiền não cõi dục
Nói tương ưng các căn.*

Huân tập hai tương ưng: Nghĩa là tu đạo đoạn trừ phiền não gọi là huân, tương ưng với thân thọ cùng tâm thọ. Nếu sáu thức thân

tương ưng với năm căn kia như chỗ khởi, tùy theo nghĩa ấy để nói khổ căn, lạc căn kia thuộc cõi dục. Hỷ căn, ưu căn của năm thức thân tương ưng với xả căn của ý địa. Tất cả thân thọ của sáu thức thân đều do tu đạo đoạn trừ ý đều cùng có.

Kiến đoạn chi ứng ý: Nghĩa là kiến đạo đoạn trừ phiền não ở ý địa. Các căn tương ưng với ý thức, không phải tùy theo sự khởi.

Các phiền não cõi dục, Nói tương ưng các căn: Đây là nói các phiền não của cõi dục. Địa trên tùy theo căn của địa tương ưng cũng nói như thế.

Hỏi: Các triền tương ưng với căn nào?

Đáp: Thùy, trạo cử, không hổ, không thẹn tương ưng với năm căn. Miên tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Phẫn, hối, tật, hận, hại, não tương ưng với ưu căn và xả căn. Phú (Che giấu), cuồng (Dối trá), siểm (Dua nịnh) tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Xan tương ưng với hỷ căn và xả căn. Cao tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Do cao thuộc ý địa, do nơi ba cõi cùng chuyển với hành hỷ.

Hỏi: Có bao nhiêu thức tương ưng với các sử?

*Tham dục, sân hận, si
Nên biết cùng sáu thức
Là dục tu đạo đoạn
Địa trên theo chỗ được.*

Tham dục, sân hận, si, Nên biết cùng sáu thức, Là dục tu đạo đoạn: Nghĩa là ở cõi dục, tu đạo đoạn trừ dục, sân, vô minh tương ưng với sáu thức.

Địa trên theo chỗ được: Nghĩa là cõi sắc, cõi vô sắc không có sân hận. Ái, vô minh tùy theo chỗ có thức thân, tức tương ưng với thức thân đó. Nghĩa là nơi trời Phạm thế bốn thức thân có thể được, tức hai sử của địa kia tương ưng với bốn thức.

*Cõi vô sắc tất cả
Phi sự mạn ý địa
Nên biết bảy sử kia
Tự tánh, quả cùng người.*

Cõi vô sắc tất cả: Nghĩa là sử nơi cõi vô sắc do kiến đạo và tu đạo đoạn trừ.

Phi sự mạn ý địa: Nghĩa là cõi dục, cõi sắc do kiến đạo đoạn trừ mạn. Các sử này là ở ý địa. Tuy ba thiên trên cũng là ý địa, vì giới phân biệt nên không nói địa.

Hỏi: Làm sao nhận biết là sử?

Đáp: *Nên biết bảy sử kia, Tự tánh quả cùng người:* Tức do ba sự nên biết là sử. Nghĩa là tự tánh, quả và người.

Tự tánh: Tức sử tham dục như hưng khởi công sức lớn. Sử sân hận như chùng tử khổ. Sử hữu ái như áo của trẻ con. Sử mạn như người kiêu ngạo. Sử vô minh như người ngu si. Sử kiến như kẻ lạc đường. Sử nghi như người mê lầm hai đường.

Quả: Nghĩa là sử tham dục hành tập, hành tập nhiều tức sinh trong các loài chim như uyên ương, chim sẻ v.v... Sử sân hận hành tập, hành tập nhiều tức sinh trong loài mãng xà. Sử hữu ái hành tập, hành tập nhiều thì sinh nơi cõi sắc, vô sắc. Sử mạn hành tập, hành tập nhiều tức sinh trong hạng thấp kém. Sử vô minh sinh trong chốn tối tăm, nghĩa là trung gian thế giới. Sử kiến sinh vào nhà tà kiến. Sử nghi sinh ở biên địa.

Người: Nghĩa là sử tham dục nên quán như Nan-đà v.v... Sử sân hận như Ương-quật-ma v.v... Sử hữu ái như A-tư-đà, A-la-lan, Uất-đầu-lam-tử v.v... Sử mạn như trẻ con v.v... kiêu ngạo, tự cao. Sử vô minh như Uất-tỳ-la Ca-diếp v.v... Sử kiến như Tu-na-sát-đa-la v.v... Sử nghi như Ma ha Ca-diếp v.v...

Do ba sự việc này nên biết sử tức có thể xa lìa, như nhận biết con đường hiểm trở. Phiền não đầy đủ là sử. Phiền não không đầy đủ là triền, cho nên triền không lập sử. Phiền não cấu cũng như thế. Do năm sự này gồm đủ nên gọi là phiền não đầy đủ.

Năm sự nghĩa là các kiết, phục, sử, phiền não trên và triền. Nếu mỗi mỗi không đủ gọi là phiền não không đầy.

Đã nói phiền não được kiên lập. Đoạn trừ phiền não nay sẽ nói.

*Một thời đoạn phiền não
Bậc chánh trí đã nói
Như các giải thoát này
Cũng chẳng một thời được.*

Một thời đoạn phiền não, Bậc chánh trí đã nói: Nghĩa là các phiền não này đoạn trừ tức khắc, không phải dần dần. Tức lúc tự phân đôi trị khởi mà khổ pháp nhãn khởi, kiến khổ đoạn trừ mười sử của cõi dục là đoạn trừ tức khắc. Khổ vị tri nhãn đoạn trừ tức khắc mười tám sử của cõi sắc và vô sắc. Như thế cho đến đạo vị tri nhãn đoạn trừ tức khắc mười bốn sử. Tu đạo do nơi Thánh đạo dần dần khởi, bốn sử phẩm thượng thượng tức thì đoạn trừ. Cho đến phẩm thượng thượng Thánh đạo khởi dần dần, bốn sử cũng tức thì đoạn trừ. Tất cả địa cũng như thế.

Hỏi: Kiến đạo thì một lúc đoạn trừ nên như thế. Vì dùng một thứ đạo đoạn trừ chín thứ kiết. Tu đạo đoạn trừ là dùng chín thứ đạo đoạn trừ chín thứ kiết, làm sao đoạn trừ cùng một lúc?

Đáp: Tu đạo đoạn trừ nghĩa là nếu loại đối trị này phát khởi, tức loại này tức thì đoạn trừ, không phải dần dần, vì đầu tiên đã đoạn trừ.

Như các giải thoát này, Cũng chẳng một thời được: Nghĩa là các giải thoát kia thường thường được. Tức nơi cõi dục do kiến khổ để đoạn trừ và nơi cõi sắc, cõi vô sắc do kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ.

Sáu thời được: Nghĩa là lúc tự phần đối trị khởi, lúc đắc bốn quả Sa-môn và lúc căn tăng ích. Nơi cõi sắc, cõi vô sắc do kiến đạo đoạn trừ là năm thời được, trừ tự phần đối trị, do đạo vị trí trí mới đạt được. Nơi cõi dục tu đạo đoạn trừ là năm thứ là năm thời được, tức trừ lúc đắc quả Tu-đà-hoàn. Đoạn trừ ba thứ hạ hạ là bốn thời được. Chung loại nơi ba thời được tức bảy địa của cõi sắc, vô sắc và địa phi tưởng phi phi tưởng là đoạn trừ tám thứ nơi ba thời được, tức trừ lúc đắc ba quả Sa-môn trước. Đoạn trừ thứ hạ hạ là hai thời được, là lúc đắc quả A-la-hán và căn tăng ích.

Hỏi: Các phiền não được đoạn trừ như thế nào?

Đáp:

*Tức giác trong duyên kia
Và nói duyên kia đoạn
Cũng nói được đối trị
Lại còn duyên kia diệt.*

Có bốn sự đoạn trừ phiền não, nghĩa là Biết duyên, Duyên đoạn trừ, Được đối trị và Duyên kia diệt.

Biết duyên: Là kiến khổ, kiến tập đoạn trừ duyên của tự giới và duyên vô lậu. *Duyên đoạn trừ:* Là kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ duyên hữu lậu. *Được đối trị:* Là tu đạo đoạn trừ. *Duyên kia diệt:* Là duyên của tha giới.

Lại nữa, có năm sự đoạn trừ phiền não là Nhân vĩnh viễn diệt, Được đoạn trừ, Chuyển y, Biết duyên và Được đối trị.

Đã nói nhân duyên kiến lập việc đoạn trừ phiền não. Đoạn trừ do nhận biết nay sẽ nói.

*Giải thoát trong cõi dục
Thánh nói bốn đoạn biết
Lìa cõi sắc, vô sắc
Nên biết năm đoạn biết.*

Chín đoạn trừ do nhận biết: Là đoạn trừ phiền não của cõi dục thì lập bốn đoạn trừ do nhận biết. Đoạn trừ phiền não của cõi sắc, vô sắc thì lập năm đoạn trừ do nhận biết. Tức tuy trí nhận biết mà đoạn trừ, nhưng vì là quả của trí, nên nói là đoạn trừ do nhận biết, như quả của nghiệp cũng gọi là nghiệp.

*Khổ, tập, phiền não hết
Nói chung một đoạn biết
Diệt, đạo đoạn đều một
Như trên dục cũng ba.*

Nơi cõi dục kiến khổ, kiến tập đoạn trừ hết phiền não đều lập một đoạn trừ do nhận biết. Kiến diệt đoạn trừ lập hai, kiến đạo đoạn trừ lập ba. Như nơi cõi dục, thì nơi cõi sắc, cõi vô sắc kiến khổ, kiến tập đoạn trừ phiền não cũng lập một. Kiến diệt đoạn trừ lập hai, kiến đạo đoạn trừ lập ba. (Sau phẩm này sẽ nói rộng)

*Tu đạo đoạn nên biết
Cõi cõi đoạn nói một
Ba đoạn quả của trí
Khác là quả của nhãn.*

Nơi cõi dục tu đạo đoạn trừ phiền não lập một đoạn trừ do nhận biết. Nơi cõi sắc đoạn trừ lập hai. Nơi cõi vô sắc đoạn trừ lập ba. *Ba đoạn* này nên biết đều là *quả của trí*.

Hỏi: Vì sao nơi cõi sắc, cõi vô sắc kiến đạo đoạn trừ phiền não chỉ lập một đoạn trừ do nhận biết, còn tu đạo đoạn trừ thì lập hai?

Đáp: Kiến đạo đoạn trừ là đồng với đối trị, tu đạo đoạn trừ thì không đồng.

Hỏi: Đoạn trừ do nhận biết khác là quả gì?

Đáp: *Khác là quả của nhãn:* Tức kiến đạo đoạn trừ hết là sáu đoạn trừ do nhận biết, nói là quả của nhãn, vì do nhãn đối trị. Kiến

đạo đoạn trừ hết, nếu nói là quả của nhân không phải là đoạn trừ do nhận biết là không đúng, vì nhân là quyền thuộc của trí nên cùng với trí là đồng một quả. Vì thế kiến đạo, tu đạo đoạn trừ đều cùng được gọi là quả của trí.

Đã nói đoạn trừ do nhận biết là quả của trí. Nghĩa là hoặc địa, hoặc đạo, hoặc pháp trí, vị trí trí, hoặc là quả của phẩm đồng kia nay sẽ nói.

*Địa nhất nói tất cả
Thiền năm cũng lại tám
Vô sắc nói một quả
Quả quyền thuộc cũng thế.*

Địa nhất nói tất cả: Nghĩa là thiền vị chí dựa đủ nơi quả của chín đoạn trừ do nhận biết, vì đối trị nơi ba cõi.

Thiền năm cũng lại tám: Nghĩa là phái A-tỳ-đàm nói: Thiền căn bản là quả của năm đoạn trừ do nhận biết. Nghĩa là thiền nào của cõi sắc, vô sắc được đoạn trừ do nhận biết, như trước đã nói. Tôn giả Cù Sa nói: Có tám, trừ năm kiết phần dưới, đều là đoạn trừ do nhận biết, là quả y của thiền vị chí. Vị ấy muốn khiến nơi cõi dục kiến để đoạn trừ hết, là quả của thiền. Thiền trung gian như nói về thiền.

Vô sắc nói một quả: Nghĩa là ba định vô sắc nói là quả của một đoạn trừ do nhận biết, là tất cả kiết đều dứt hết.

Quả quyền thuộc cũng thế: Nghĩa là như quyền thuộc của không xứ cũng nói là quả của một đoạn trừ do nhận biết, là sắc ái đều dứt. Tuy tu đạo đoạn hết ở bốn địa, kiến lập đoạn trừ do nhận biết, nhưng vì chủng loại hạ hạ của thiền thứ tư đều được mang tên là đoạn trừ do nhận biết, thế nên nói là quả quyền thuộc của không xứ.

*Đạo thế tục quả hai
Thánh chín, pháp trí ba*

*Vị tri trí nói hai
Quả phẩm kia năm, sáu.*

Đạo thể tục quả hai: Tức năm kiết phần dưới hết cùng sắc ái hết, là quả của đạo thể tục. Nghĩa là Thánh nhân dùng đạo thể tục để đoạn trừ kiết của hai cõi.

Thánh chín: Nghĩa là tất cả chín đoạn trừ do nhận biết là quả của Thánh đạo, vì Thánh đạo đối trị hết thấy phiền não.

Pháp trí ba: Nghĩa là ba đoạn trừ do nhận biết là quả của pháp trí. Tức năm kiết phần dưới hết, sắc ái hết và tất cả kiết hết, là do pháp trí của tu đạo đoạn trừ kiết của ba cõi.

Vị tri trí nói hai: Nghĩa là hai đoạn trừ do nhận biết là quả của vị tri trí, tức sắc ái hết và tất cả kiết hết, là do quả của tu đạo nơi cõi sắc, vô sắc.

Quả phẩm kia năm, sáu: Nghĩa là quả của phẩm pháp trí có sáu đoạn trừ do nhận biết, tức nơi cõi dục do kiến đạo đoạn trừ có ba và quả của pháp trí đã nói ở trước có ba. Phẩm vị tri trí có quả của năm đoạn trừ do nhận biết, tức nơi cõi sắc, cõi vô sắc do kiến đạo đoạn trừ có ba và quả của vị tri trí đã nói ở trước có hai.

Hỏi: Ai thành tựu bao nhiêu đoạn trừ do nhận biết?

Đáp:

*Hoặc có các Thánh nhân
Chưa thành tựu đoạn biết
Hoặc thành một, hai, ba
Bốn, năm cùng với sáu.*

Khoảnh khắc năm tâm của kiến đạo không thành tựu đoạn trừ do nhận biết. Tập pháp trí, tập vị tri nhãn thành tựu một. Tập vị tri trí, diệt pháp nhãn thành tựu hai. Diệt pháp trí, diệt vị tri nhãn thành tựu ba. Diệt vị tri trí, đạo pháp nhãn thành tựu bốn.

Đạo pháp trí, đạo vị trí nhẫn thành tựu năm. Tu-đà-hoàn thành tựu sáu.

Hướng quả Tu-đà-hàm, nếu tăng gấp đôi phần dục dứt hết, tức vượt lên ly sinh, như trước đã nói. Nếu theo thứ lớp nơi hướng thì thành tựu sáu. Quả Tu-đà-hàm cũng sáu.

Hướng quả A-na-hàm, nếu dục ái hết, tức vượt lên ly sinh, như trước đã nói. Nếu theo thứ lớp nơi hướng thì thành tựu sáu. Được quả A-na-hàm thành tựu một, tức kiết phần dưới hết.

Hướng quả A-la-hán, nếu sắc ái chưa hết thì thành tựu một, sắc ái hết thì thành tựu hai. Quả A-la-hán thành tựu một, tức tất cả kiết đều đoạn trừ do nhận biết.

Hỏi: Phần vị nào xả bao nhiêu đoạn trừ do nhận biết?

Đáp:

*Xả một, hai, năm, sáu
Như xả, được cũng thế
Được quả và vượt giới
Hai xứ đoạn biết tập.*

Xả một, hai, năm, sáu: Nghĩ là quả A-la-hán lúc thoái chuyển xả một đoạn trừ do nhận biết, là sắc ái hết. A-na-hàm nơi triền của cõi sắc thoái chuyển thì xả một. Nếu sắc ái chưa hết, nơi triền của cõi dục thoái chuyển thì xả một, là sắc ái hết. Quả A-na-hàm ở nơi triền của cõi dục thoái chuyển thì xả hai. Được quả A-la-hán thì xả hai. Nếu dục ái hết, vượt qua A-na-hàm, thì xả năm. Theo thứ lớp thì xả sáu.

Hỏi: Phần vị nào được bao nhiêu đoạn trừ do nhận biết?

Đáp: *Như xả, được cũng thế:* Tức hoặc có được một đoạn trừ do nhận biết. Kiến đạo thứ sáu, thứ tám, thứ mười, thứ mười hai, thứ mười bốn, cho đến tâm của đạo vị trí trí, mỗi mỗi được một theo thứ

lớp. Quả A-na-hàm được một là năm kiết phần dưới hết. Thánh nhân nếu sắc ái hết thì được một, tức sắc ái hết. Quả A-la-hán được một, là tất cả kiết hết. Được hai nghĩa là A-la-hán ở nơi thiền của cõi vô sắc thoái chuyển. Được sáu nghĩa là hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm ở nơi thiền của cõi dục thoái chuyển. Không có được năm, thế nên trong kinh không nói.

Hỏi: Đoạn trừ do nhận biết này ở nơi xứ nào tập hợp?

Đáp: Được quả và vượt giới, Hai xứ đoạn biết tập: Tức đoạn do nhận biết này tập hợp ở hai xứ là quả A-na-hàm, quả A-la-hán, vì ở nơi xứ kia đắc quả, tức ở nơi xứ ấy vượt cõi. Thế nên lúc kiết phần dưới, kiết phần trên đều đoạn trừ là được đạo vị tri trí sinh.

Sáu thứ đoạn trừ, tuy là đắc quả, không phải là vượt giới. Sắc ái hết, tuy là vượt giới, nhưng không phải là đắc quả. Ngoài ra, không phải là vượt giới (cõi), cũng không phải là đắc quả. Vì thế xứ của các đoạn trừ do nhận biết này không gọi là tập.

Đã nói kiến lập tự tánh nơi quả, thành tựu, xả, được tập. Nếu nhân duyên nơi đoạn trừ kia được gọi là đoạn trừ do nhận biết, nay sẽ nói.

*Là hai nhân kia diệt
Lìa buộc cùng vượt giới
Đắc nơi vô lậu đắc
Và thiếu đệ nhất hữu.*

Do bốn nhân duyên, hoặc năm, đoạn trừ kia được mang tên là đoạn trừ do nhận biết. Kiến đạo đoạn trừ có bốn nhân duyên, là đều cùng nhân diệt, cùng lìa buộc, được vô lậu và giải thoát đắc.

Và thiếu đệ nhất hữu: Nghĩa là khổ pháp nhãn, khổ pháp trí và khổ vị tri nhãn kia sinh khởi, không phải là cùng nhân diệt. Tuy kiến khổ đoạn trừ nhân diệt, không phải là kiến tập đoạn trừ, vì nghĩa này nên không phải là cùng lìa buộc. Tuy được vô lậu, giải thoát đắc

nhưng chưa thiếu đệ nhất hữu. Như thế là một nhân duyên hợp, ba nhân duyên không hợp. Khổ vị tri trí, tập pháp nhãn sinh, tuy được vô lậu, giải thoát đắc và thiếu đệ nhất hữu, tức hai nhân còn lại không đủ, thế nên xứ này không lập đoạn trừ do nhận biết.

Tập pháp trí sinh là đều cùng nhân diệt. Nghĩa là trước tức kiến khổ đoạn trừ nhân diệt, nay kiến tập đoạn trừ nhân diệt, nên biết cũng là cùng lia buộc, được vô lậu, giải thoát đắc. Lúc khổ vị tri trí sinh, đã thiếu đệ nhất hữu, cho nên xứ này kiến lập đoạn trừ do nhận biết. Tập vị tri trí sinh gồm đủ tất cả nhân duyên, do vậy xứ này kiến lập đoạn trừ do nhận biết. Như thế tức diệt pháp trí là thứ ba, diệt vi tri trí là thứ tư, đạo pháp trí là thứ năm, đạo vi tri trí là thứ sáu. Đây là nói kiến đạo.

Tu đạo đoạn trừ có năm nhân duyên: Bốn nhân duyên trước và cõi vĩnh viễn đoạn trừ là năm. Tu đạo đoạn trừ chín thứ phiền não của cõi dục đã lần lượt cùng trói buộc, cho đến địa phi tưởng phi phi tưởng cũng như thế. Nơi cõi dục kia một thứ đoạn trừ cho đến tám thứ, đủ cả hai nhân duyên, nghĩa là được vô lậu, giải thoát đắc và thiếu đệ nhất hữu.

Ba nhân duyên không đủ, chủng thứ chín diệt, đủ năm nhân duyên. Vì thế xứ này được kiến lập đoạn trừ do nhận biết. Nơi thiên thứ nhất một chủng đoạn cho đến tám chủng, đủ cả hai nhân duyên, không phải thứ khác như trước đã nói. Chủng thứ chín đoạn trừ, đủ bốn nhân duyên, một nhân duyên không đủ, nghĩa là vượt giới. Các thiên thứ hai, thứ ba và ba vô sắc cũng như thế. Địa thiên thứ tư cho đến tám chủng đoạn, đủ cả hai nhân duyên, không phải thứ khác. Chủng thứ chín đoạn gồm đủ năm nhân duyên, cho nên xứ này được kiến lập đoạn trừ do nhận biết. Xứ phi tưởng phi phi tưởng cũng như thế. Vì nghĩa này, nên phạm phu lia dục không lập đoạn trừ do nhận biết, vì phạm phu không được vô lậu, giải thoát đắc, cũng không thiếu đệ nhất hữu.

Đã nói đoạn trừ do nhận biết. Ba thứ cảnh giới, năm thứ ái sinh nay sẽ nói.

*Cảnh tốt hợp, không hợp
Hai thứ kia ái sinh
Cảnh xấu hai cũng thế
Một tức cho là xả.*

Cảnh tốt hợp, không hợp, Hai thứ kia ái sinh: Nghĩa là tốt gọi là cảnh giới khả ái vui thích. Nếu được cảnh giới ấy là không lia ái sinh. Làm thế nào khiến ta đối với sự việc này không lia? Nếu người chưa được, tưởng được là ái sinh. Làm sao sẽ được?

Cảnh xấu hai cũng thế: Xấu là cảnh giới không đáng yêu thích. Cảnh giới ấy cũng có hai thứ: Ái sinh cùng hợp: Là lia tưởng ái sinh. Ái sinh không cùng hợp: Là không được tưởng ái sinh.

Một tức cho là xả: Tức xả gọi là cảnh giới không đáng yêu thích, chẳng phải là không đáng yêu thích, hoàn toàn ngu tối nơi ái sinh.

Hỏi: Sử kia là tương ưng với tâm hay là không tương ưng? Đây là chỗ nghi gì? Tức dị thuyết của hai phái: Tỳ-bà-xà-bà-đề muốn khiến là không tương ưng, Dục-đa-bà-đề thì muốn cho là tương ưng, nên ở đây có nghi.

Đáp: Là tương ưng. Vì sao?

*Là tâm phiền não sử
Chướng ngại, không trái tịnh
Tâm thiện diệu đạt được
Sử phi không tương ưng.*

Sử có hai sự việc, nên duyên nơi tâm não và tương ưng. Nếu sử tâm không tương ưng, thì không nên ở trong duyên cùng với tâm não, vì tâm kia không duyên. Tất cả pháp không tương ưng của tâm là không duyên cũng không tương ưng, vì không phải là pháp

tương ưng. Tâm bị sử não loạn, như đã nói. Do tham dục não loạn tâm nên tâm không giải thoát. Vì thuyết này nên nhận biết là sử tâm tương ưng.

Chướng ngại: Nghĩa là nếu sử tâm không tương ưng, thì lúc đạo sinh khởi không nên tạo chướng ngại, không trái với tâm nối tiếp nhau. Do đã có chướng ngại nên không phải là không tương ưng.

Không trái tịnh: Nghĩa là nếu sử tâm không tương ưng, thì không nên cùng với tâm thiện trái nhau, tức cùng với tâm thiện một thời cùng sinh, không nên gây tạo lỗi lầm. Do đã tạo nên lầm lỗi, vì thế không phải là không tương ưng.

Lại nữa, *Tâm thiện diệu đạt được*, vì trái với công đức nên gọi là sử. Nếu sử tâm không tương ưng thì vì sử kia thường hiện hành, tâm thiện tức nên không có xứ sinh. Do tâm thiện vẫn sinh, nên biết không phải là không tương ưng.

Lại nữa, vì nói đến tướng vướng mắc. Thế nào là sử tham? Nghĩa là tướng nhiễm đắm. Thế nào là sử sân? Nghĩa là tâm pháp xúc não. Thế nào là sử mạn? Nghĩa là tâm pháp đề cao. So sánh như thế, cho nên sử tâm không phải là không tương ưng. Nếu nói triền và tâm thiện cùng trái nhau, không phải là sử thì không đúng. Vì sao? Vì được tướng của sử. Do tham dục trói buộc nên gọi triền tham dục. So sánh như thế, không nói về nhân khác nhau, vì đều cùng là tham dục, nhưng nói triền tương ưng, sử không tương ưng, là chỉ có ngôn thuyết, hoàn toàn không nói nhân duyên sai biệt. Nếu nói triền dùng sử làm chủng tử thì thuyết đó không thành, vì nhân không tương ưng mà quả tương ưng là có lỗi. Thế nên sử không phải là không tương ưng.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN TẠP A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 5

Phẩm thứ 5: HIỀN THÁNH

Đã nói các phiền não. Về tu hành nay sẽ nói.

Đầu tức gọi thủy nghiệp

Kế tức đã tập hành

Tư duy là đã độ

Nên biết loại thứ ba.

Ba loại tu hành là thủy nghiệp, đã tập hành và tư duy đã độ. *Thủy nghiệp*: Là bất tịnh chuyên, chưa từng được cảnh giới ý giải nơi phần tư duy. *Đã tập hành*: Là thọ nhận tự tướng niệm xứ chuyên, chưa từng được căn thiện của phần quyết định. Trên đây nên biết là *Tư duy đã độ*, do đạo nhất thừa nêu trên.

Lại nữa, quán bất tịnh cũng có ba loại tu hành. Nghĩa là khởi sự từ ngón chân cho đến đỉnh đầu, trừ bỏ ý giải tư duy về da, máu, thịt. Đó gọi là *Thủy nghiệp*. Đối với vòng xương này, khởi tưởng không tạo tác, sinh hiện bày cùng khắp đại địa. Lại quán vòng xương, khởi tưởng không tạo tác, vòng xương kia lần lượt đối nhau nơi trận gió lớn thổi đập tiêu tan thành đồng tuyết. Đó gọi là *Đã tập hành*. Lược quán về vòng xương trở lại đến tự thân. Nơi đối tượng duyên này là thanh tịnh vắng lặng, chỉ quán về một sắc. Đó gọi là *Tư duy đã độ*.

Như vậy cho đến tóm lược cảnh giới, nên biết là căn thiện dần tăng, nên biết là hết thấy căn thiện của phương tiện khác cũng như thế.

Đã nói về tu hành. Pháp khác nay sẽ nói.

*Hoặc sợ phiền não này
Xa lìa các Hiền Thánh
Đầy đủ đúng như thật
Phương tiện nên khéo nghe.*

Hoặc: Nghĩa là hoặc chủng loại, hoặc phương tiện, hoặc phân biệt. *Này*: Nghĩa là thứ lớp nêu bày chỉ rõ về phiền não. *Phiền não*: Nghĩa là nhiệt não. Cũng lìa tất cả hữu lậu, song phiền não là vượt hơn như cơm độc, thế nên nói lìa phiền não. Gốc của các sợ hãi: Là khởi các thứ nghiệp, các thứ sinh.

Xa lìa: Là số diệt diệt. *Hiền Thánh*: Nghĩa là tự chánh định, tức bảy người và phạm phu chân thật.

Đầy đủ đúng như thật: Nghĩa là trụ nơi đạo chân thật.

Phương tiện nên khéo nghe: Nghĩa là đạo phương tiện kia nên nhất tâm lắng nghe. *Phương tiện*: Là tất cả phương tiện của pháp thiện, hướng đến giải thoát, phát khởi hành thí v.v... không phải chỉ có đạo. Ba khổ đã bức bách, thế gian không thể nhận biết rõ, nên muốn khiến tu định.

*Đầu nơi phân tự thân
Buộc giữ tâm khiến định
Muốn buộc nơi chân thức
Là hết trí tuệ oán.*

Đầu: Nghĩa là trước hết. *Phân tự thân*: Nghĩa là một xứ trong tự thân. Hoặc giữa khoảng chân mày, hoặc đầu sống mũi cùng ngón chân.

Buộc giữ: Là an lập trong duyên, khiến không tán loạn. An lập nơi chốn nào? Nghĩa là do lực định của tự tâm nên khởi trí tuệ.

Hỏi: Vì sao buộc giữ như thế?

Đáp: Vì *Muốn buộc nơi chân thức:* Do tâm lưu chuyển không dừng trụ, nên phải buộc giữ trong một duyên. Vì nhất tâm nên nhận biết chân thật, không loạn.

Hỏi: Vì sao buộc giữ trong một duyên?

Đáp: Vì *Là hết trí tuệ oán.* Trí tuệ oán là các phiền não, chúng cần được đoạn trừ. Tuy quán thân người khác như quán tử thi, như Khế kinh nói. Do kia là nhân xa, ở đây nói là quán nhân gần. Lại, vì tùy thuận nơi tất cả môn độ. Nghĩa là quán phần thân xương trắng là tùy thuận ba môn độ. Quán tử thi chỉ tùy thuận một môn độ bất tịnh. Ba môn độ là quán bất tịnh, niệm an ban (Quán sở tức) và quán phương tiện giới.

Người tham dục thì dùng quán bất tịnh độ. Người giác quán thì dùng niệm an ban độ. Người kiến hành tức dùng quán phương tiện giới độ. Như nơi thầy đã truyền trao, theo đây vui thích tu hành. Quán bất tịnh, niệm an ban trong phẩm Khế kinh sẽ nói rộng. Quán phương tiện giới nay sẽ nói.

Do người ngu này không chánh tư duy, nên đã che lấp tuệ nhãn, không quán chân thật về pháp duyên khởi. Nơi túc nghiệp đã gieo trồng vô lượng pháp phiền não, chứa nhóm nơi năm ấm, khởi tướng chứa nhóm, do ngu tối lầm lạc nên ở trong phần duyên khởi đã tạo phát những tà kiến trói buộc như chấp ngã tạo tác v.v... Hoặc lúc tu hành gần gũi bậc thiện tri thức, được nghe chánh pháp, khởi chánh tư duy xong, có thể đối với tự thân quán phương tiện giới, tức nơi thân này có các thứ tự tánh, vô số các thứ nghiệp, vô số các thứ tướng, nghĩa là sáu giới như địa v.v...

Địa giới kia được thủy giới làm thấm nhuần nên không lìa nhau. Thủy giới vì được địa giới nắm giữ nên không chảy tan. Hỏa giới vì đã thành thực nên không ú đọng, hư hoại. Phong giới vì lay động nên

được tăng trưởng. Không giới vì rộng không nên thức ăn v.v... vào ra. Thức giới vì hòa hợp nên có đối tượng tạo tác.

Lại quán thân này từ chân đến đỉnh đầu có vô số các thứ bất tịnh đầy dẫy uế ác. Quán sát sắc này cũng như trận gió dữ thổi tan đồng cát. Đối với pháp vô sắc, quan sát chúng trước sau nối tiếp nhau là phần khác. Người quán như thế tức được chủng tử của môn giải thoát không. Ở nơi sinh tử kia chán lìa không ưa thích là được chủng tử của môn giải thoát vô nguyện. Đối với sinh tử đã không ưa thích rồi thì hướng thẳng về Niết-bàn, tức được chủng tử của môn giải thoát vô tướng.

Nếu ở đây nhận biết được tướng không tạo tác rồi, thì quán tất cả pháp hữu vi thấy đều là tan hoại. Đó gọi là quán phương tiện giới viên mãn.

Hỏi: Quán như vậy rồi lại còn thế nào nữa?

Đáp:

*Phương tiện này ở thân
Tướng chân thật quyết định
Các thọ cùng tự tâm
Pháp cũng quán như thế.*

Người tu hành kia quán bất tịnh, niệm an ban, quán phương tiện giới, mỗi mỗi đều an trụ xong thì thân, thọ, tâm, pháp đều quán chân thật. Chân thật nghĩa là không điên đảo. Tướng có hai thứ: Là tự tướng và cộng tướng. Sắc tướng là tự tướng của thân. Bốn chủng và tướng tùy giác đã được tạo là tự tướng của thọ. Thức tướng là tự tướng của tâm. Pháp niệm xứ có vô số thứ pháp, vô số thứ đều là dị tướng. Theo đây nhận biết là tướng của tướng. Được tạo tác là tướng của tự. Nên so sánh như thế. Về cộng tướng sẽ nói sau.

Hỏi: Niệm xứ này, như kiến lập đại địa nên nói là một. Phân biệt về hữu lậu, vô lậu nên nói là hai. Phân biệt về hạ trung thượng

nên nói là ba. Tức phân biệt nơi hữu lậu, vô lậu này nên nói là sáu. Phân biệt về hữu lậu vô lậu như thân v.v... nên nói là tám. Phân biệt về chín phẩm nên nói là chín. Phân biệt về hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trong ngoài nơi thân v.v... nên nói là mười hai. Phân biệt về chín phẩm hữu lậu, vô lậu nên nói là mười tám. Phân biệt về hữu lậu, vô lậu theo ba phẩm hạ, trung, thượng nơi bốn thứ thân thọ tâm pháp nên nói là hai mươi bốn. Phân biệt về bốn thứ thân thọ tâm pháp hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trong ngoài, hoặc chán lia, hoặc không ưa thích, hoặc quán xét, nên nói là ba mươi sáu. Phân biệt về chín phẩm hữu lậu, vô lậu của thân v.v... nên nói là bảy mươi hai. Nếu niệm niệm phân biệt, nên nói là vô lượng, vì sao chỉ nói bốn niệm xứ?

Đáp: Bốn đảo, bốn thực, bốn thức trụ và ám. Do bốn thứ tu đối trị, nên nói bốn thứ pháp tùy tu. Pháp tu đối trị là bất tịnh, do điên đảo tưởng là tịnh, nên nói là Thân niệm xứ. Pháp tu đối trị là khổ, do điên đảo tưởng là lạc, nên nói là Thọ niệm xứ. Pháp tu đối trị là vô thường, do điên đảo tưởng là thường, nên nói là Tâm niệm xứ. Pháp tu đối trị là vô ngã, do điên đảo tưởng là ngã, nên nói là Pháp niệm xứ. Như thế, các loại pháp khác tùy chỗ ứng hợp nên nói.

Hỏi: Niệm xứ này làm thế nào để đầy đủ?

Đáp: Dùng hai nhân duyên để đầy đủ là cảnh giới hoại và căn thiện tăng. Cảnh giới hoại nghĩa là dùng sát-na cực vi để hoại bỏ cảnh giới tùy theo nghĩa ấy. Căn thiện tăng nghĩa là dựa vào căn thiện phẩm hạ để có phẩm trung, dựa nơi trung để được tăng trưởng. Đó gọi là đầy đủ.

Hỏi: Vì sao trước nói thân niệm xứ cho đến sau cùng mới nói pháp niệm xứ?

Đáp: Vì tùy thuận nơi sự phát khởi. Đức Thế Tôn nói có ba loại tùy thuận: Tùy thuận khởi, tùy thuận thuyết và tùy thuận vô gián đẳng.

Tùy thuận khởi là niệm xứ và thiền. Người tu hành vô sắc, trước là khởi thân niệm xứ, cho đến sau cùng là khởi pháp niệm xứ. Vì thế, Đức Thế Tôn trước nói thân niệm xứ, cho đến pháp niệm xứ. Nên biết thiền vô sắc cũng như thế.

Tùy thuận thuyết là chánh đoạn, như ý túc, căn, lực, giác đạo chi. Nhân nơi một sát-na khởi tinh tấn là gồm đủ bốn chánh đoạn nên nói dễ. Pháp ác bất thiện đã sinh, tạo phương tiện khiến đoạn trừ, cho đến pháp thiện đã sinh, tạo phương tiện khiến trụ, nói rộng như thế. Chánh đoạn như vậy, do đối tượng tạo tác nên nói là bốn chánh đoạn, vì không phải là tự tánh.

Tùy thuận vô gián đẳng là nói về người tu hành chân đế, trước tức nhập nơi khổ vô gián đẳng, cho nên nói trước. Nói rộng như thế.

Hỏi: Vì sao người tu hành trước khởi thân niệm xứ cho đến pháp niệm xứ?

Đáp: Vì thô. Nơi năm ấm thứ gì là thô? Đó là bốn chủng (Bốn đại) và sắc được tạo, cho nên quán thân trước hết. Thọ tuy không phải là sắc nhưng vì hành thô nên nói tiếp theo. Nghĩa là tay, chân v.v... thọ nhận tức tùy chuyển. Tuy tưởng âm, hành âm là thô, không phải là thức, nhưng cùng với Niết-bàn là hợp để nêu đặt pháp niệm xứ, nên pháp ấy rất vi tế, do vậy trước quán tâm, sau quán pháp. Tuy tất cả đều là pháp, nhưng đối với pháp này tưởng đã đầy đủ nên kiến lập. Thế nên nói một pháp niệm xứ, không phải là pháp khác. Như trong phẩm Giới nói pháp nhập, ở đây cũng vậy. (Tưởng đầy đủ: Tức đối với âm thanh là tưởng, đối với nghĩa là danh, gọi là đầy đủ)

Hỏi: Có bao nhiêu thứ niệm xứ?

Đáp:

*Ba thứ nói niệm xứ
Tự tánh cùng với cộng*

*Cũng nói tên là duyên
Tuệ như văn v.v... cũng thế.*

Ba thứ nói niệm xứ, Tự tánh cùng với cộng, Cũng nói tên là duyên: Nghĩa là có ba thứ niệm xứ: Tự tánh niệm xứ, Cộng niệm xứ, Duyên niệm xứ.

Tự tánh niệm xứ: Nghĩa là nói về tuệ không điên đảo. Vì sao? Vì như nói thuận với thân quán thân. Quán nghĩa là tuệ. Niệm nghĩa là sự việc đã làm vì đã trao duyên nên không quên. Do trừ lỗi của tự tánh, nên nói là niệm xứ.

Cộng niệm xứ: Nghĩa là cùng với chánh tuệ là pháp của một quả. Như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo nên chứa nhóm pháp thiện, nghĩa là bốn niệm xứ. Đây là chánh thuyết.

Duyên niệm xứ: Nghĩa là tất cả pháp, như đã nói: Tỳ-kheo! Tất cả pháp nói là bốn niệm xứ. Đây là chánh thuyết. Vì thấu nhận đầy đủ và vì tóm lược duyên.

Cộng niệm xứ đoạn trừ phiền não, không phải là pháp khác. Tự tánh niệm xứ tuy có tóm lược cảnh giới, vì vật dụng của cảnh giới ấy không đủ nên đã thấu nhận đầy đủ đạo để đoạn trừ phiền não. Duyên niệm xứ tuy gồm thấu các thứ vật dụng, nhưng vì cảnh giới tản mát khắp, nên tóm lược cảnh giới theo đạo để đoạn trừ phiền não.

Hỏi: Chỉ có ba loại niệm xứ này, pháp khác cũng như vậy chăng?

Đáp: *Tuệ như văn v.v... cũng thế:* Tức pháp khác cũng có ba loại, nghĩa là văn, tư, tu. *Văn* nghĩa là thường ở nơi xứ danh khởi, theo thầy thọ nhận Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm. *Tư* nghĩa là hoặc ở nơi xứ tư khởi, hoặc lìa tư. *Tu* nghĩa là hoàn toàn lìa danh khởi. Như ba người học bơi lội: Mới học, học nửa chừng, học thành thạo. Người mới học chỉ bơi gần bờ. Người học nửa chừng, hoặc bơi gần, hoặc lìa bờ. Người học thành thạo thì bơi xa bờ. Người thứ

nhất ví như văn tuệ. Người thứ hai ví như tư tuệ. Người thứ ba ví như tu tuệ. Tu tuệ có thể đoạn trừ phiền não, vì vĩnh viễn lìa danh và vì chánh định. Nếu cho hai thứ vô nghĩa là không đúng. Vì sao? Vì chúng đều hướng đến tu tuệ. Tu tuệ có đủ bốn niệm xứ: Thân, thọ, tâm, pháp. Pháp niệm xứ kia đoạn trừ phiền não, không phải là pháp khác, vì cảnh giới chung, vì là cảnh giới của sự, vì khởi pháp niệm xứ nên cũng không phải là vô nghĩa. Pháp niệm xứ có hai thứ: duyên hoại, duyên không hoại. Nếu tuệ duyên nơi sắc là thân niệm xứ. Nếu duyên nơi thọ là thọ niệm xứ. Nếu duyên nơi tâm là tâm niệm xứ. Nếu duyên nơi tưởng, hành và vô vi là duyên không hoại. Pháp niệm xứ còn lại nay sẽ nói.

*Trong pháp nhập quán chung
Được tướng pháp chân thật
Bốn này là vô thường
Không, vô ngã, phi lạc.*

Trong pháp nhập quán chung, Được tướng pháp chân thật: Nghĩa là người tu hành nhập pháp niệm xứ duyên không hoại. Tu mỗi mỗi niệm xứ, quán khắp tự tướng, cộng tướng của tất cả pháp xong, nhập pháp niệm xứ duyên hoại. Sắc duyên nơi thọ niệm xứ. Sắc duyên nơi tưởng. Sắc duyên nơi hành. Sắc duyên nơi thức. Duyên nơi ba, bốn, năm âm như thế là pháp niệm xứ thành tất cả thân, thọ, tâm, pháp niệm xứ. Một giác quán chung về độ, đây là thế nào? *Bốn này là vô thường, Không, vô ngã, phi lạc:* Do hành như vô thường v.v... quán chung về tất cả pháp hữu lậu. Vì pháp kia mỗi mỗi niệm diệt, nên là vô thường. Vì lìa thường v.v... nên là không. Do không tự tại nên là vô ngã. Do thật sự bức bách nên là khổ.

*Từ đây gọi là noãn
Nơi pháp giác mà sinh
Mười sáu hành cùng khởi
Quán xét bốn Thánh đế.*

Từ đây gọi là noãn, Nơi pháp giác mà sinh: Nghĩa là người tu hành kia, đối với pháp niệm xứ duyên hoại theo thứ lớp sinh căn thiện, gọi là noãn.

Hỏi: Nơi cảnh giới nào có bao nhiêu hành?

Đáp: Mười sáu hành cùng khởi, Quán xét bốn Thánh đế: Tức hành của pháp noãn ấy là mười sáu hành như khổ đế v.v... Khổ Thánh đế có bốn hành, cho đến đạo Thánh đế có bốn hành. (Về nghĩa của hành, nơi phạm Trí sẽ nói rộng).

Pháp noãn kia sinh. Pháp niệm xứ duyên nơi ba đế, tu hiện tại, vị lai có bốn. Một hành tu hiện tại, vị lai có bốn. Là tự phần, không phải là không tự phần. Pháp niệm xứ duyên nơi diệt đế, tu hiện tại tức vị lai này tu, không phải đầu tiên lia âm, quán đạo tu đặc duyên nơi âm. Một hành tu hiện tại, vị lai có bốn. Bốn niệm xứ duyên nơi ba đế tăng tiến. Mỗi mỗi niệm xứ tu hiện tại, vị lai có bốn. Một hành tu hiện tại, vị lai có mười sáu.

Pháp niệm xứ duyên nơi diệt đế tăng tiến, tu hiện tại, vị lai có bốn. Một hành tu hiện tại, vị lai có mười sáu. Tu căn thiện chưa tăng, tu hành của tự phần, căn thiện tăng, tu hiện tại, tu tự phần, không hành tự phần. Pháp noãn là tánh của tuệ nơi pháp tùy chuyên, là tánh của năm âm. Noãn nghĩa là sinh ra lửa của Thánh trí, vì noãn là chủng tử nên nói pháp noãn.

*Pháp này tăng trưởng rồi
Sinh đảnh cùng với nhãn
Được pháp thế đệ nhất
Dựa nơi một sát-na.*

Pháp này tăng trưởng rồi, Sinh đảnh cùng với nhãn: Nghĩa là người tu hành theo chánh phương tiện, nhớ nghĩ chân chánh tăng trưởng, vì được tùy thuận nơi các vật dụng của nghiệp thiện, nên pháp noãn được tăng trưởng, thứ đến sinh căn thiện gọi là đảnh.

Đảnh duyên nơi bốn Thánh để hành mười sáu hành. Pháp đảnh kia duyên nơi bốn đế, duyên nơi diệt để tăng tiến pháp niệm xứ, tu hiện tại, vị lai có bốn. Một hành tu hiện tại, vị lai có mười sáu. Bốn niệm xứ duyên nơi ba đế tăng tiến, mỗi mỗi tu hiện tại, vị lai có bốn. Một hành tu hiện tại, vị lai có mười sáu. Căn thiện này cũng là tánh của tuệ nơi pháp tùy chuyển là tánh của năm ấm. Pháp đảnh nghĩa là ở trên noãn, nên nói là đảnh, vì kém so với nhẫn gọi là dưới. Hoặc có khi Đức Thế Tôn nói là tín, như vì Ba-la-diên nói. Hoặc nói là tuệ, như vì các Tỳ-kheo trẻ tuổi nói về việc thọ nhận. Ở nơi đảnh này thoái chuyển gọi là đảnh đọa. Noãn cũng nên có đọa, song không nói.

Đảnh đọa nghĩa là do nhiều ưu não. Có ba xứ khởi nhiều ưu não, như mắt vật báu lớn. Nghĩa là xứ phi tướng phi phi tướng đã lia dục, thoái chuyển lia dục của cõi dục, cùng ở nơi pháp đảnh thoái chuyển. Thoái chuyển gọi là tánh không thành tựu. Người tu hành kia, ở nơi chánh phương tiện này, thành tựu căn thiện đảnh, tăng tiến sinh để thuận nhẫn, duyên nơi bốn đế hành mười sáu hành. Nhẫn thứ nhất cùng pháp niệm xứ tăng tiến tu hiện tại, vị lai có bốn. Một hành tu hiện tại, vị lai có mười sáu.

Nhẫn nghĩa là đối với bốn Thánh để có thể gắng nhẫn để mong muốn vui thích. Nếu cho noãn, đảnh cũng gắng nhẫn thì không đúng, vì nhẫn không thoái chuyển, vì trái với nẻo ác, vì gần với Thánh đạo, cho nên nói là để thuận nhẫn, không phải là noãn, đảnh.

Hỏi: Nhẫn tăng trưởng sinh ra căn thiện nào?

Đáp: Được pháp thế đệ nhất, Dựa nơi một sát-na: Nghĩa là nhẫn tăng thượng theo thứ lớp duyên sinh. Do phạm phu đã đạt được căn thiện tối thắng, nên gọi là pháp đệ nhất thế gian. Pháp này cũng là tánh của năm ấm. Vì pháp ấy là hữu lậu nên gọi là thế gian. Vì vượt hơn noãn v.v... nên nói là đệ nhất. Pháp này cũng là nơi chón tu công đức tối thắng của phạm phu. Vì một sát-na không dừng trụ, vì giống với kiến đạo, vì là sự nối tiếp của noãn, đảnh, nhẫn.

Có thuyết nói: Pháp kia là tuệ, tu pháp niệm xứ quán chung về tất cả, theo thứ lớp sinh phần quyết định là căn thiện của hành thế gian. Căn thiện ấy kiến lập chín phẩm: Phẩm hạ hạ, hạ trung, hạ thượng, gọi là pháp noãn. Phẩm trung hạ, trung trung, gọi là pháp đánh. Phẩm trung thượng, thượng hạ, thượng trung, gọi là pháp nhẫn. Phẩm thượng thượng gọi là pháp thế gian đệ nhất.

Nếu quán âm là vô thường v.v... thì căn thiện ấy gọi là pháp noãn. Quán công đức của Tam bảo gọi là pháp đánh. Quán sát Thánh để gọi pháp nhẫn. Quán khổ Thánh để theo thứ lớp nơi Thánh đạo, gọi là pháp thế gian đệ nhất. Người tu hành kia được pháp noãn xong, hoặc thoái chuyển nên xả bỏ, hoặc mạng chung nên xả bỏ, hoặc vượt qua cõi địa nên xả bỏ, cũng khởi nghiệp vô gián đoạn trừ căn thiện, tức sinh trong nẻo ác. Nếu duyên nơi phước này nên tức được Niết-bàn.

Pháp đánh thoái chuyển cũng như thế, chỉ trừ đoạn dứt căn thiện. Nhẫn thì không thoái chuyển. Có trường hợp mạng chung nên xả và vượt qua cõi địa nên xả, không tạo nghiệp vô gián, không đoạn dứt căn thiện, không rơi vào nẻo ác, do sức lớn của nhẫn. Như vua sư tử, thì các loài thú đều tránh xa. Sức của nhẫn như thế, tất cả tâm ác đều là phi số diệt. Cũng như trụ xứ của đại vương, tâm hành ác của người, trời đều trở nên mềm dẹt.

Hỏi: Pháp thế gian đệ nhất duyên nơi gì? Có bao nhiêu hành?

Đáp:

*Khổ dưới có bốn hành
Nói thâm dựa sáu địa
Pháp nhẫn cũng như thế
Là khác hoặc dựa bảy.*

Khổ dưới có bốn hành: Nghĩa là khổ của cõi dục nói là khổ dưới, khổ ấy là đối tượng duyên của pháp đệ nhất thế gian. Các hành

vô thường, khổ, không, vô ngã, chuyển không phải là pháp khác, vì giống như kiến đạo. Có hai thứ tu hành là ái hành và kiến hành. Ái hành có hai thứ là hành ngã mạn và tăng giải đãi. Kiến hành cũng có hai thứ là chấp trước ngã và chấp trước ngã sở. Hành ngã mạn: Là tu hành vô thường nơi pháp đệ nhất thế gian. Tăng giải đãi: Là tu hành khổ. Chấp trước ngã: Là tu hành vô ngã. Chấp trước ngã sở: Là tu hành không.

Hỏi: Pháp kia thuộc về bao nhiêu địa?

Đáp: *Nói thâm dựa sáu địa:* Là thiên vị lai, trung gian và bốn thiên căn bản. Không phải là cõi dục, vì cõi ấy là không định. Không phải là cõi vô sắc, vì cõi ấy không có kiến đạo.

Hỏi: Căn thiện của phần quyết định khác thuộc về bao nhiêu địa?

Đáp: *Pháp nhãn cũng như thế:* Nghĩa là nhãn thuộc về sáu địa, như pháp thế gian đệ nhất.

Là khác hoặc dựa bảy: Tức noãn, danh cũng thuộc về sáu địa. Tôn giả Cù-sa thì muốn khiến cõi dục cũng có, tức là bảy địa.

Hỏi: Đã nói phần quyết định theo thứ lớp khởi. Còn Thánh đạo theo thứ lớp khởi thì thế nào?

Đáp:

Pháp thế gian đệ nhất
Tiếp sinh khởi pháp nhãn
Nhãn kế sinh nơi trí
Đều quán ở khổ dưới.

Pháp thế gian đệ nhất, Tiếp sinh khởi pháp nhãn: Nghĩa là pháp thế gian đệ nhất theo thứ lớp sinh khởi khởi pháp nhãn. Nơi cõi dục kiến khổ đoạn trừ, đối trị mười sử. Đây là đạo vô ngại vô lậu thứ nhất.

Lại nữa, pháp thể gian đệ nhất theo thứ lớp không tạo tác, không hướng tới, không hành, xả bỏ nghiệp tà, nẻo tà, kiến tà. Nghiệp tà là nghiệp năm vô gián. Nẻo tà là nẻo ác. Kiến tà nghĩa là năm kiến.

Lại nữa, pháp thể gian đệ nhất phân ra khổ pháp nhãn, tạo nên năm thứ định là định địa, định hành, định duyên, định sát-na và định duyên thứ đệ. Định địa: Là nếu pháp thể gian đệ nhất của địa này, tức là khổ pháp nhãn của địa ấy. Định hành: Là nếu pháp thể gian đệ nhất của hành này cũng tức là khổ pháp nhãn của hành ấy. Định duyên: Là chắc chắn đồng với duyên. Định sát-na: Là nếu trái với sát-na này tức sát-na này sinh. Định duyên thứ đệ: Là pháp thể gian đệ nhất lần lượt tắt sinh khổ pháp nhãn. Tăng thượng nhãn phân làm ba thứ định, trừ sát-na và duyên thứ đệ. Vì vậy nên duyên nơi khổ nhãn, về sau được vượt lên ly sinh.

Người tu hành kia, tư duy về khổ nơi cõi dục và khổ của cõi sắc, vô sắc, cho đến đối trị hành của cõi sắc, vô sắc. Đây gọi là hạ nhãn. Người kia lại tư duy về khổ của cõi dục, cho đến đối trị hành của cõi dục, xả đối trị hành của cõi sắc, vô sắc. Đây gọi là trung nhãn. Người kia quán sát mỗi mỗi để, xả trở lại, cho đến nối tiếp tu khổ của cõi dục, sau đây lại xả, nối tiếp cho đến tư duy một sát-na về khổ của cõi dục, là tăng thượng nhãn, sau đây là sinh pháp thể gian đệ nhất.

Nhãn kế sinh nơi trí: Nghĩa là khổ pháp nhãn theo thứ lớp sinh khổ pháp trí, là tự tánh của đạo giải thoát.

Hỏi: Nhãn trí này duyên nơi gì?

Đáp: *Đều quán ở khổ dưới:* Tức đều duyên nơi khổ dưới. Khổ dưới là khổ của cõi dục. Trí kia đều cùng quán.

*Là khổ sắc vô sắc
Tập, diệt, đạo cũng thế
Pháp này vô gián đẳng
Là nói mười sáu tâm.*

Là khổ sắc vô sắc: Nghĩa là khổ của cõi sắc, vô sắc cũng như thế, tức khổ tử nhân là đạo vô ngại, khổ tử trí là đạo giải thoát.

Tập, diệt, đạo cũng thế: Nghĩa là tập, diệt, đạo để cũng dùng hai nhân làm đạo vô ngại, hai trí làm đạo giải thoát.

Pháp này vô gián đẳng, Là nói mười sáu tâm: Nghĩa là mười sáu tâm khoảnh này là pháp vô gián đẳng. Vô gián đẳng là nghĩa của kiến. Mười lăm tâm khoảnh này là kiến đạo, một tâm sau cùng là tu đạo.

Hỏi: Vì sao nhân và trí của ba để thuộc về kiến đạo? Tâm sau cùng của đạo để là thuộc về tu đạo?

Đáp: Vì tu mười sáu hành là đạo. Đạo tử trí tương ưng với tu mười sáu hành, không phải kiến đạo tu mười sáu hành, vì đạo tử trí nối tiếp nhau, nên thuộc về đạo quả. Nếu cho là không ứng hợp thì không đúng. Như tận trí thành thì đạo quả này thành. Nếu đạo quả này không phần thì đạo vô học cũng không phần. Lược nói về ba địa là địa kiến, địa tu, địa vô học. Ở nơi các địa này kiến lập con người. Nghĩa như thế nay sẽ nói.

Tùy pháp hành lợi căn

Đây ở mười lăm ý

Tùy tín hành độn kiến

Nên biết cũng ở trong.

Tùy pháp hành lợi căn, Đây ở mười lăm ý: Nghĩa là người có mười lăm tâm của kiến đạo, nếu là lợi căn thì nói là Tùy pháp hành. Vì tùy theo pháp để hành nên nói Tùy pháp hành, vì không theo người khác để tin.

Tùy tín hành độn kiến, Nên biết cũng ở trong: Nghĩa là người có mười lăm tâm này, nếu là độn căn thì nói là Tùy tín hành, vì tin nơi người khác nên được độ. Người Tùy tín hành thì ít quán xét. Người Tùy pháp hành thì quán xét nhiều.

*Tùy tín, Tùy pháp hành
Hoặc đủ phiền não buộc
Cho đến năm thứ đoạn
Nên biết hướng quả đầu.*

Người Tùy tín hành, Tùy pháp hành này, hoặc có đủ phiền não trôi buộc, nếu đoạn trừ được một, hai, ba, bốn, năm thứ thì gọi là hướng quả Tu-đà-hoàn. Vì phiền não được phân biệt như loại thượng thượng v.v... nên lập ra chín phẩm. Người kia nếu lúc là phạm phu, chưa từng đoạn trừ một phẩm thì gọi là cụ phược. Nếu đoạn trừ một phẩm gọi là không cụ phược. Nếu đoạn trừ năm phẩm thì vượt lên ly sinh, kiến khổ đoạn trừ năm phẩm nơi cõi dục là khổ pháp trí đoạn chứng đắc giải thoát. Cho đến kiến đạo đoạn trừ năm phẩm là đạo pháp trí đoạn chứng đắc giải thoát. Tu đạo đoạn trừ năm phẩm nơi cõi dục là quả Tu-đà-hàm đoạn chứng đắc giải thoát.

*Sáu đoạn cho đến tám
Là hướng quả thứ hai
Lìa dục đến tám địa
Đấy là hướng thứ ba.*

Sáu đoạn cho đến tám, Là hướng quả thứ hai: Nghĩa là người Tùy tín hành, Tùy pháp hành ấy, nếu đã đoạn trừ sáu, bảy, tám phẩm phiền não, thì đây nói là hướng quả Tu-đà-hàm.

Lìa dục đến tám địa, Đấy là hướng thứ ba: Nghĩa là người Tùy tín hành, Tùy pháp hành này, nếu lìa dục cho đến xứ vô sở hữu hết, thì đều cùng là hướng quả A-na-hàm.

*Nếu đến mười sáu tâm
Gọi là trụ nơi quả
Kiến yếu Tín giải thoát
Kiến lợi gọi Kiến đạo.*

Nếu đến mười sáu tâm, Gọi là trụ nơi quả: Nghĩa là đến tâm thứ mười sáu gọi là đạo tử trí, tương ứng với đạo kia khởi, đều cùng nói là trụ nơi quả, hoặc Tu-đà-hoàn, hoặc Tu-đà-hàm, hoặc A-na-hàm.

Kiến yếu Tín giải thoát: Nghĩa là nếu người kiến yếu kém nhập kiến đạo, gọi là Tùy tín hành. Lúc người ấy trụ nơi ba quả gọi là Tín giải thoát.

Kiến lợi gọi Kiến đạo: Nghĩa là nếu người lợi căn nhập kiến đạo gọi là Tùy pháp hành. Lúc người ấy lúc trụ nơi ba quả gọi là Kiến đạo. Tín căn của kiến đạo vượt hơn tín giải thoát, do tuệ đã huân tập, nên nói là kiến đạo.

*Phi sự các phiền não
Tức tất cả kia hết
Cho đến chưa tấn hành
Gọi là Tu-đà-hoàn.*

Nếu kiến đạo đoạn trừ hết tám mươi tám kiết là quả Tu-đà-hoàn. Cho đến chưa tấn hành, đó gọi là trụ nơi quả Tu-đà-hoàn. Nếu theo phương tiện đoạn trừ chủng loại thượng thượng, đó gọi là hướng quả Tu-đà-hàm, tức từ chủng loại này cho đến đoạn năm phẩm, vượt lên ly sinh, đạo tử trí khởi, gọi là Tu-đà-hoàn. Không phải hướng Tu-đà-hàm, vì hướng đến đạo quả kia nhưng chưa một niệm hiện ở trước.

Hỏi: Đoạn trừ rất nhiều phiền não vì sao Đức Thế Tôn nói là ba kiết hết?

Đáp: Mười sử là căn bản, tức năm kiến cùng nghi, ái, sân, mạn, vô minh. Kiến đạo kia đoạn trừ sáu (Năm kiến và nghi). Kiến đạo kia đoạn trừ sáu sử vĩnh viễn hết, sáu sử ấy có ba chuyển và ba tùy chuyển. Thân kiến là chuyển, biên kiến là tùy chuyển. Giới thủ là chuyển, kiến thủ là tùy chuyển. Nghi là chuyển, tà kiến là tùy chuyển.

Đã nói chuyên nên biết là đã nói tùy chuyên. Cho nên Đức Thế Tôn nói ba kiết hết là Tu-đà-hoàn. Lại nữa, các phiền não này, hoặc một thứ, hai thứ, bốn thứ. Đã nói thân kiến nên biết là đã nói một thứ. Đã nói giới thủ nên biết là đã nói hai thứ. Đã nói nghi nên biết là đã nói bốn thứ. Nhất thiết biến, không nhất thiết biến, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi vô lậu đều nên biết như thế. Kiết này đã hết, đã nhận biết, cho đến A-la-hán cũng còn có tùy chuyên tương tự.

*Chưa hết chúng tu đạo
Thọ sinh sinh tử bảy
Nên biết kia đã nói
Tu-đà-hoàn cực mãn.*

Chúng tu đạo của Tu-đà-hoàn kia chưa hết. Cực mãn ấy nên biết là bảy hữu, tức bảy lần sinh vào trung ấm, sinh ấm ở nhân gian cùng trời cõi dục. Đây là nói chung về bảy hữu, là không quá bảy, như bảy lá cây.

Hỏi: Vì sao nói bảy hữu, không thêm không bớt?

Đáp: Như nơi bảy bước thì bị rấn cản. Vì sức của bốn đại nên bước đến bảy bước, vì sức của nọc độc nên không đến tám. Vì sức của nghiệp như thế nên bảy lần sinh, vì sức của đạo nên không đến tám. Tu-đà-hoàn kia lúc trụ nơi tầng thượng nhẫn, trừ bảy lần sinh cõi dục, tất cả sinh còn lại được phi số diệt, hoàn toàn không hiện ở trước. Nếu nhân gian vượt lên ly sinh thì nhân gian đủ bảy, sinh trên cõi trời trở lại đủ bảy lần nơi ấy. Thánh đạo trung gian tuy hiện ở trước, nhưng do sức của nghiệp gìn giữ, nên không nhập Niết-bàn.

Hỏi: Nếu đủ bảy lần sinh rồi nhưng Đức Phật không ra đời, thì vị kia làm sao chứng được quả A-la-hán?

Đáp: Có thuyết nói: Tại gia được quả A-la-hán, được quả rồi không trú nơi nhà. Lại nói thuyết nói: Chính người kia tự xuất gia,

thành tựu tịnh bất hoại, vì hy vọng gồm đủ, vì nhận thấy lỗi nơi hành ác, thế nên pháp Tu-đà-hoàn không đọa vào nẻo ác. Lại, vì sinh trong chủng tánh Phật, vì lửa trí sáng sạch, vì thấy rõ lỗi của cảnh giới, vì chỉ quán đầy đủ, vì được huân tập do thuốc của Thánh đạo, như thái tử của vua, như người được tăng thêm nội lực, như loài cá luôn khéo léo. Vì thế Tu-đà-hoàn không đọa nơi nẻo ác. Phạm phu tuy không đọa nơi nẻo ác, nhưng vì ít và bất định, nên không nói. Vì trụ nơi tụ chánh định, nên nói là định, tất được Niết-bàn nên nói hướng đến chánh giác. Bảy hữu như trước đã nói. Trụ là trung ấm, sinh là sinh ấm, nên nói là trụ sinh. Lại không thọ sinh khác, nên gọi là trụ nơi khổ biên, không hẳn là hết thấy Tu-đà-hoàn đều đủ bảy hữu.

*Nếu đoạn ba, bốn thứ
Thành tựu đối trị kia
Hai sinh ba sinh khác
Đây gọi là Gia gia.*

Do ba nhân duyên nên kiến lập Gia gia: Là phiền não đoạn trừ, thành tựu căn và thọ sinh.

Phiền não đoạn trừ: Nghĩa là nơi cõi dục, do tu đạo đoạn trừ phiền não. Đoạn trừ ba phẩm, bốn phẩm, không có đoạn trừ năm phẩm gọi là Gia gia. Nếu có thể đoạn trừ năm phẩm, vì nhờ uy lực, tất đoạn trừ sáu phẩm, thành Tu-đà-hàm, không phải do sức của phẩm thứ sáu có thể ngăn trở, khiến không đến quả.

Thành tựu căn: Nghĩa là được các căn vô lậu đối trị phiền não kia.

Thọ sinh: Là hoặc còn thọ sinh nơi cõi dục, hai đời ba đời khác.

Nếu trong ba nhân duyên, mỗi mỗi duyên không đủ thì không phải là Gia gia. Có hai thứ Gia gia: Hoặc trời, hoặc người. Thiên gia gia: Nghĩa là trời cõi dục. Hoặc thọ hai đời, ba đời, hoặc thọ một

chúng loại thân ở thiên xứ, hoặc hai, hoặc ba lần sinh. Nhân gia gia: Nghĩa là thân ở nhân gian, hoặc sinh nơi một thiên hạ, hoặc hai, hoặc ba. Hoặc một nhà, hoặc hai hoặc ba.

Hỏi: Gia gia có nghĩa gì?

Đáp: Từ nhà đến nhà mà nhập Niết-bàn nên nói là Gia gia. Vì vượt hơn Tu-đà-hoàn nên gọi là Gia gia.

*Sáu phẩm phiền não đoạn
Kiến đạo đoạn tất cả
Là nói Tu-đà-hàm
Là kia chưa tấn hành.*

Nếu nơi cõi dục tu đạo đoạn ba phẩm thượng, ba phẩm trung và kiến đạo đoạn trừ tất cả đều trụ nơi quả chưa tấn hành, gọi là Tu-đà-hàm.

Hỏi: Tu-đà-hàm có nghĩa gì?

Đáp: Ở đây mạng chung, sinh nơi trời cõi dục, một lần đến nhân gian rồi nhập Niết-bàn, gọi là Nhất lai.

*Nếu bảy, tám phẩm đoạn
Thành tựu căn đối trị
Khác tức thọ một đời
Là gọi một chủng tử.*

Nếu ở nơi cõi dục do tu đạo đoạn trừ bảy phẩm, tám phẩm và kiến đạo đoạn trừ tất cả hết, được căn vô lậu đối trị phiền não kia, một đời còn lại ở cõi dục, gọi là Một chủng tử. Ba nhân duyên, mỗi mỗi nhân duyên không đủ, không phải là Một chủng tử. Nếu một chủng tử trời thọ một thân trời mà nhập Niết-bàn. Nhân gian cũng như thế. Vì chủng tử của một đời còn lại nên nói là Một chủng tử.

Hỏi: Vì sao đoạn trừ tám phẩm gọi là Một chủng tử. Còn đoạn trừ năm phẩm không gọi là Gia gia?

Đáp: Chính là đoạn trừ sáu phẩm sử là Gia gia, là còn sinh nơi cõi dục, nên nghiệp phiền não của cõi dục không bị chướng ngại. Một chủng tử là chín phẩm đoạn hết sinh nơi cõi sắc, nên nghiệp phiền não của cõi dục tạo nhiều chướng ngại. Vì thế nói nghiệp của chúng sinh ở ba xứ gây rất nhiều não loạn. (Ba xứ sau sẽ nói). Một chủng tử là trên Tư-đà-hàm.

*Chín phẩm hết: Bất hoàn
Nên biết có nhiều thứ
Hoặc năm cùng bảy, tám
Hoặc lại nói rất nhiều.*

Chín phẩm hết: Bất hoàn: Nghĩa là kiến đạo đoạn trừ tất cả và tu đạo nơi cõi dục đoạn trừ chín phẩm kiết hết, nên biết là A-na-hàm.

Hỏi: Có từng ấy phiền não được đoạn trừ, vì sao Đức Thế Tôn nói năm kiết phần dưới hết là A-na-hàm?

Đáp: Một, hai, bốn, năm thứ. Như thế tất cả đều thuộc về năm kiết phần dưới. Đáng ghét đồng nghĩa với thấp kém ở dưới. Lại nữa, có hai thứ dưới: Cõi dưới và chúng sinh dưới. Cõi dưới là cõi dục. Chúng sinh dưới là phàm phu, vì bị tham, sân trói buộc. Cõi dưới là vì khó hóa độ, vì bị thân kiến, giới thủ, nghi trói buộc. Chúng sinh dưới như lính giữ cửa canh phòng. Thánh nhân hoặc trước đoạn trừ hai kiết, hoặc ba kiết, vì tập hợp đoạn trừ nên nói là năm. Không trở lại cõi dục gọi là A-na-hàm. Ở đây cũng có nhiều thứ.

Hoặc năm cùng bảy, tám, Hoặc lại nói rất nhiều: Nghĩa là nói A-na-hàm. Năm thứ: Là Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn, Hành bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn và Thượng lưu bát Niết-bàn.

Bảy thứ: Là Trung bát Niết-bàn có ba thứ, như Khế kinh nói. (Trung bát Niết-bàn có ba thứ: Một là như tám bình phong nhỏ trước ngọn lửa to. Hai là như một ít tám phen nhỏ đặt cạnh tám sắt nóng.

Ba là như tám bình phong bị viên sắt nóng đốt cháy. Đây tức là nghĩa Khế kinh nói).

Bốn thứ như trước nói. Tám thứ: Tức năm thứ như trước nói cùng ba thứ Trung bát Niết-bàn. Lại, hiện pháp bát Niết-bàn là A-na-hàm ở cõi vô sắc và bất định. Lại, nếu theo năm thứ căn của cõi sắc để kiến lập thì có mười lăm: Trung bát Niết-bàn có căn thượng, trung, hạ. Cho đến Thượng lưu bát Niết-bàn cũng như thế.

Nếu theo địa để kiến lập thì có hai mươi: Thiên thứ nhất có năm, cho đến thiên thứ tư cũng năm.

Nếu kiến lập theo chủng tánh thì có ba mươi: Trung bát Niết-bàn có sáu loại: Là chủng tánh của pháp thoái, pháp tư, pháp hộ, pháp trụ, pháp thắng tấn và pháp bất động. Như thế cho đến Thượng lưu cũng vậy.

Nếu theo xứ sở kiến lập thì có tám mươi: Trời Phạm thân có năm, như thế cho đến trời A-ca-nị-trá. Nếu dựa nơi chủng tánh căn để kiến lập thì có chín mươi. Theo chủng tánh địa để kiến lập thì có một trăm hai mươi. Kiến lập theo chủng tánh căn của địa thì có ba trăm sáu mươi. Kiến lập theo xứ chủng tánh tức có bốn trăm tám mươi. Kiến lập theo căn của xứ chủng tánh thì có một ngàn bốn trăm bốn mươi. Ký viết:

*Mười lăm có hai mươi
Ba mươi cùng tám mươi
Chín mươi, trăm hai mươi
Và ba trăm sáu mươi
Bốn trăm tám mươi thứ
Ngàn bốn trăm bốn mươi
Nói rộng lược như thế
Thâu nhận A-na-hàm*

*Căn, địa và chủng tánh
Xứ sở kiến lập rộng
Tùy đoạn phiên nào kia
Nay lần lượt sẽ nói.*

Lại nữa, một A-na-hàm nghĩa là Trung bát Niết-bàn. Kiến lập theo căn có ba. Địa bốn. Chủng tánh sáu. Xứ sở mười sáu. Chủng tánh căn mười tám. Địa chủng tánh hai mươi bốn. Địa lia dục ba mươi sáu. Chủng tánh căn của địa có bảy mươi hai. Xứ chủng tánh có chín mươi sáu. Địa chủng tánh lia dục có hai trăm mười sáu. Chủng tánh căn của xứ có hai trăm tám mươi tám. Chủng tánh căn của địa lia dục có sáu trăm bốn mươi tám. Xứ chủng tánh lia dục có tám trăm sáu mươi bốn. Chủng tánh căn của xứ lia dục có hai ngàn năm trăm chín mươi hai. Nên biết là số của Trung bát Niết-bàn, cho đến Thượng lưu cũng như vậy. Tất cả gồm nhận một vạn hai ngàn chín trăm sáu mươi. Ký nêu:

*Một, ba, bốn và sáu
Mười sáu cùng tám mươi
Là nói hai mươi bốn
Lại nói ba mươi sáu.
Bảy mươi có hai thứ
Chín mươi có sáu loại
Hai trăm mười sáu loại
Hai trăm tám mươi tám.
Sáu trăm bốn mươi tám
Tám trăm sáu mươi bốn
Cùng lại nói hai ngàn
Năm trăm chín mươi hai.*

Như vậy A-na-hàm, số ấy gấp năm lần (Tức ở trên có hai ngàn năm trăm chín mươi hai, gấp năm là một vạn hai ngàn chín trăm sáu mươi).

Đã nói về tất cả A-na-hàm. Tướng của năm A-na-hàm nay sẽ nói.

*Phiền não hạ lợi căn
Trụ nơi một loại nghiệp
Là Trung bát Niết-bàn
Phân biệt sáu thứ tánh.*

Phiền não hạ lợi căn, Trụ nơi một loại nghiệp, Là Trung bát Niết-bàn: Tức người này là lợi căn và phiền não loại hạ, tạo nghiệp trung âm tăng trưởng, không tạo nghiệp sinh âm, người ấy mất ở cõi dục, trụ nơi trung âm của cõi sắc, đắc đạo vô lậu, dùng đạo này để xả bỏ các kiết khác mà bát Niết-bàn, đó gọi là Trung bát Niết-bàn. Vì vượt qua cõi dục là khó nên không phải ở nơi trung âm của cõi dục bát Niết-bàn. Nếu muốn khiến bát Niết-bàn, người ấy cần đoạn hai thứ kiết là bất thiện và vô ký, đắc hoặc hai, hoặc ba quả Sa-môn, vượt qua ba cõi, nhưng trung âm của cõi dục đối với điều ấy là không thể. Nếu mạng chung ở cõi sắc là thuộc về phẩm Thượng lưu.

Hỏi: Người này có bao nhiêu chủng tánh?

Đáp: Phân biệt sáu chủng tánh, nên biết Trung bát Niết-bàn có sáu chủng tánh: Pháp thoái cho đến bất động. Nếu cho lợi căn không nên thoái chủng tánh là không đúng, vì người ấy cũng kiến lập chín phẩm căn.

*Phương tiện gắng tinh tấn
Tu tập mau tấn đạo
Là Sinh bát Niết-bàn
Kia cũng có hai thuyết.*

Phương tiện gắng tinh tấn, Tu tập mau tấn đạo, Là Sinh bát Niết-bàn: Nghĩa là người Sinh bát Niết-bàn tạo nghiệp trung âm, sinh âm, sau khi mạng chung thọ nhận trung âm và sinh âm nơi trời cõi sắc. Người ấy lúc mới sinh khởi đạo hữu hành, là phương tiện

siêng năng cùng đạo chóng tấn, đoạn trừ nhanh các kiết khác. Lúc mới sinh liền bát Niết-bàn, nên nói là Sinh bát Niết-bàn.

Kia cũng có hai thuyết: Có thuyết nói: Nếu mới sinh liền đoạn trừ phiền não rồi bát Niết-bàn là không đúng. Có thuyết nói: Vì không xả bỏ phần hành thọ. Không có xả bỏ hành thọ: Nghĩa là trụ cho đến khi thọ mạng hết. Nghĩa này có lý hơn.

*Phương tiện găng thứ ba
Lìa nơi mau tấn đạo
Không siêng cầu thứ tư
Ba cùng nói sáu loại.*

Phương tiện găng thứ ba, Lìa nơi mau tấn đạo: Nghĩa là người kia hành bát Niết-bàn có sai biệt, tức không hành mau chóng tấn đạo, ngoài ra như trước đã nói. Danh là khởi đạo hữu hành đoạn trừ phiền não còn lại mà bát Niết-bàn là Hữu hành bát Niết-bàn. Lại nữa, dựa vào tam muội duyên nơi hữu vi đoạn trừ phiền não mà bát Niết-bàn, cũng là Hữu hành bát Niết-bàn.

Không siêng cầu thứ tư: Nghĩa là không hành bát Niết-bàn này, cũng không siêng cầu, cũng không hành mau chóng tấn đạo, ngoài ra như trước đã nói. Danh là khởi đạo vô hành đoạn trừ phiền não còn lại mà bát Niết-bàn là Vô hành bát Niết-bàn. Lại nữa, dựa vào tam muội duyên nơi vô vi đoạn trừ phiền não mà bát Niết-bàn, cũng là Vô hành bát Niết-bàn.

Ba cùng nói sáu loại: Nghĩa là Hữu hành cùng Vô hành và Sinh bát Niết-bàn, nên biết là cùng nói sáu chủng tánh. Ba loại này tuy đều là Sinh bát Niết-bàn, vì nghĩa có sai biệt nên nói ba không lỗi.

*Vượt, vượt nửa xứ xứ
Đó gọi là Thượng lưu
Đây cũng sáu chủng tánh
Nên biết tấn chẳng tấn.*

Vượt, vượt nửa xứ xứ, Đó gọi là Thượng lưu: Tức Thượng lưu có hai loại: Hoặc trước được huân thiên, hoặc không được.

Trước được: Nghĩa là trước đã huân tu ba thiên nhưng sau lại thoái lui trụ nơi thiên thứ nhất. Mạng chung ở vị tương ứng của thiên thứ nhất sinh trong trời Phạm thiên: Trường hợp này cũng có ba loại là vượt, vượt nửa và tất cả xứ mạng chung.

Vượt: Là sinh ở thiên thứ nhất cho đến lia thiên thứ ba, muốn huân tu đầy đủ, nên vượt thiên thứ tư, ở đó mạng chung, sinh nơi trời A-ca-nị-trá.

Vượt nửa: Là từ nơi Phạm thiên mất, hoặc sinh nơi một, hai, ba xứ, sau đó sinh lên cõi trời A-ca-nị-trá.

Tất cả xứ mạng chung: Là sinh nơi mỗi mỗi xứ cho đến trời A-ca-nị-trá.

Trước không được huân tập: Nghĩa là không sinh nơi trời Tịnh cư mà sinh ở cõi vô sắc. Ngoài ra như trước đã nói.

Hỏi: Nghĩa này có bao nhiêu chủng tánh?

Đáp: *Đây cũng sáu chủng tánh:* Tức Thượng lưu cũng có sáu chủng tánh: Từ pháp thoái cho đến bất động. Đây không phải là chủng tánh căn mới trụ nơi bất động. Nghĩa là chủng tánh của pháp thoái ở nơi huân tu thiên thoái chuyển, sau thì được kiến đạo.

Nên biết tán chẳng tán: Tức nơi Thượng lưu nên biết là có tán chẳng tán. Nên nêu ra bốn trường hợp: (1) Nên tán tu không phải là chẳng tán: Nghĩa là trụ nơi cõi dục, trời Phạm thiên. (2) Chẳng tán không phải là nên tán: Nghĩa là trụ nơi trời A-ca-nị-trá. (3) Cũng tán cũng chẳng tán: Nghĩa là trụ nơi cõi trời khác. (4) Không phải tán cũng không phải chẳng tán: Nghĩa là không có. Nếu hướng đến cõi vô sắc là không phải huân tu, cho nên nói sinh nơi vô sắc giới.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có bảy nơi chốn sĩ phu. Thế nào là kiến lập bảy nơi chốn sĩ phu?

Đáp:

*Tức sinh căn phiền não
Là nói có ba loại
Chẳng sinh cũng như vậy
Cùng hai Thượng lưu một.*

Một A-na-hàm có bốn nhân duyên nên có bảy loại kiến lập là kiến lập căn, kiến lập phiền não, kiến lập sinh chẳng sinh và kiến lập thượng tấn. Sinh, tức: Thứ nhất là lợi căn phiền não hạ. Thứ hai là trung căn phiền não trung. Thứ ba là hạ căn phiền não thượng. Như sinh có ba, chẳng sinh cũng có ba. Thượng lưu là nói về thượng tấn. Vì phạm phu chuyển hoàn nên chẳng phải là thượng lưu. Thượng lưu của cõi vô sắc có năm sự việc là hơn: Cõi hơn, địa hơn, chánh thọ hơn, ẩm giảm hơn và đoạn trừ phiền não hơn. Tuy có năm sự việc vượt hơn nhưng không được huân tu nên không kiến lập nơi chốn sĩ phu.

*Chín phiền não như vậy
Ở tại tám địa trên
Là hai đạo kia diệt
Đức Thế Tôn đã nói.*

Chín phiền não như vậy, Ở tại tám địa trên: Nghĩa là như tu đạo đoạn trừ phiền não của cõi dục có chín phẩm từ hạ hạ cho đến thượng thượng, tám địa trên cũng như vậy, đó là bốn thiên và bốn vô sắc. Kiến đạo khởi ban đầu dùng một thứ đạo đoạn trừ chín loại phiền não.

Hỏi: Nếu phiền não nơi cõi sắc, vô sắc cũng có chín loại, vì sao nơi hai cõi ấy không kiến lập người lìa dục?

Đáp: Do trong một xứ có hai sinh không phải là phần. Cõi dục có các trời như vậy, phương tiện như vậy, nhà như vậy, là Thánh nhân

hai sinh, không phải ở nơi cõi sắc, vô sắc có Thánh nhân hai sinh. Hai sinh là vô sinh bát Niết-bàn cho đến thượng lưu.

Là hai đạo kia diệt, Đức Thế Tôn đã nói: Nghĩa là phiền não của ba cõi này nên biết là do đạo vô ngại, giải thoát diệt trừ. Đạo vô ngại có thể đoạn trừ phiền não, đạo giải thoát chứng đắc giải thoát. Đạo vô ngại đoạn trừ phiền não, đạo giải thoát vì không mất đối tượng tạo tác nên nói là hai đạo diệt trừ. Nếu nói đạo giải thoát đoạn trừ phiền não, thì thế nào là khởi, là chưa khởi? Nếu khởi, thì lúc tận trí mới sinh là nên có phiền não, điều này tức chẳng rõ ràng. Nếu chưa khởi, thì không cần đạo vị lai đoạn trừ phiền não chẳng?

Hỏi: Dùng đạo nào để đoạn trừ phiền não?

Đáp:

*Đạo hữu cầu, vô cầu
Có thể lìa tám địa
Trụ kia nói Thân chứng
Là đắc diệt chánh thọ.*

Đạo hữu cầu, vô cầu, Có thể lìa tám địa: Hữu cầu là đạo thế tục, vô cầu là Thánh đạo. Trừ hữu thứ nhất, các địa còn lại lúc lìa dục, nên biết là đạo hữu lậu vô lậu. Lìa hữu thứ nhất chỉ có vô lậu, vì hữu lậu ở nơi không phải là phần kia, vì đạo thế tục duyên dựa nơi địa trên. Lìa phiền não của địa dưới như trừ bỏ loài trùng ở lầu gác. Phi tướng phi phi tướng xứ (Hữu thứ nhất) không có địa trên để có thể duyên dựa nên có thể lìa kiết ở đây. Tự địa bị trói buộc nên không thể lìa kiết của tự địa. Như người bị trói thì không thể tự mở. Đạo vô ngại của thế tục kia có ba hành: Hoặc thô, hoặc khổ, hoặc thô chướng. Vì đã hiện ra nên nói là thô. Do ba khổ thành lập nên nói là khổ. Do dễ quán nên nói là thô chướng. Đạo giải thoát cũng có ba hành là chi, diệu, xuất. Mỗi mỗi hành nơi đạo vô ngại là duyên dưới, đạo giải thoát là duyên trên. Thánh hành nơi phần sau sẽ nói.

Trụ kia nói Thân chứng, Là đắc diệt chánh thọ: Nghĩa là trụ nơi tám địa do kiến đạo, tu đạo đoạn, một địa do kiến đạo đoạn trụ ở trong ấy được diệt chánh thọ gọi là Thân chứng. Thế nên người học ở nơi hữu thứ nhất, trong mỗi mỗi lia dục đều khởi diệt chánh thọ. Người ấy, hoặc có đủ kiết trói buộc đã đắc diệt chánh thọ, hoặc tám phẩm đã dứt hết đắc diệt chánh thọ. Đức Thế Tôn độ các chánh thọ nên nói là độ tất cả. Phi tướng phi phi tướng xứ nhận biết diệt thân tác chứng, trụ đầy đủ nơi pháp. Do Niết-bàn cùng với thân hòa hợp nên nói là Thân chứng. Diệt chánh thọ nơi phẩm định sẽ nói rộng.

*Định kim cang dụ tiếp
Tất sinh nơi tận trí
Sinh ý ngã sinh tận
Ứng cúng lìa các lậu.*

Định kim cang dụ tiếp, Tất sinh nơi tận trí: Nghĩa là đạo vô ngại thứ chín lìa dục của địa phi tướng phi phi tướng xứ, gọi là Tam-ma-đề kim cang. Không một vật gì là không bị hủy hoại nên gọi là kim cang. Nghĩa này trong phẩm Trạch sẽ nói rộng.

Định kim cang theo thứ lớp tất sinh tận trí, hai trí đầu tiên này hoặc là khổ tử trí, hoặc là tập tử trí. Nghĩa là tận trí kia đã khởi, khởi hành của chính mình.

Sinh ý ngã sinh tận: Tức nơi xứ phi tướng phi phi tướng kia bốn ấm duyên nơi căn bản hữu.

Ứng cúng lìa các lậu: Là khi tận trí kia sinh thì tất cả hữu lậu đều dứt hết, gọi là Ứng cúng. Vì ứng hợp với tất cả sự cúng dường. Vì đã trừ bỏ tất cả phiền não. Vì lại không ở nơi ruộng hữu gieo trồng chủng tử thức nữa. Tận trí của A-la-hán bất động theo thứ lớp khởi vô sinh trí. Tận trí kia hiện bày trong một sát-na. Vô sinh trí hoặc cũng một sát-na, hoặc theo thứ lớp cùng thấy hiện ở trước trong một sát-na. Hoặc vô sinh trí hiện ở trước thì nối tiếp với thời ý giải thoát.

Tận trí hoặc nơi một sát-na, hoặc theo thứ lớp cùng thấy hiện ở trước trong một sát-na. Hoặc tận trí lại hiện ở trước tức nối tiếp nhau.

Hỏi: A-la-hán có bao nhiêu loại?

Đáp:

*A-la-hán sáu loại
Tùy tín hành sinh năm
Vị kia được hai trí
Nên biết thời giải thoát.*

A-la-hán sáu loại: Nghĩa là pháp thoái, pháp tư, pháp hộ, pháp trụ, pháp tất thẳng tấn và pháp bất động. Nếu ở nơi địa mới học, theo phương tiện bất thường, dùng phương tiện không nhanh chóng, đó gọi là pháp thoái. Pháp tư cũng như thế, tức có thể nghĩ đến thế nguyện. Pháp hộ là theo phương tiện thường, phương tiện không nhanh chóng, để tùy thuận giữ gìn nên không thoái lui. Pháp trụ là theo phương tiện nhanh chóng, phương tiện bất thường, không thoái cũng không tiến. Pháp tất thẳng tấn là theo phương tiện thường, phương tiện nhanh chóng, là hàng độn căn có thể đạt được bất động. Pháp bất động là theo phương tiện thường, tức khắc, là hàng lợi căn.

Có thuyết nói: Nếu là pháp thoái tất thoái chuyển, cho đến đạt được thẳng tấn tức tất thẳng tấn.

Thuyết kia nói sáu loại là A-la-hán cõi dục. Cõi sắc, vô sắc có hai loại là pháp trụ và pháp bất động. Có thuyết cho: Pháp thoái không hẳn là thoái. Nếu người thoái lui thì chỉ có nơi chũng tánh này, không phải chũng tánh khác. Thuyết kia nói ba cõi đều có sáu loại A-la-hán.

Tùy tín hành sinh năm: Nghĩa là trong sáu loại A-la-hán ấy năm loại trước là chũng tánh tín. Vị kia thành tựu hai trí là tận trí và đẳng kiến vô học. Vị kia hoặc vì có lúc thoái chuyển nên không nói vô sinh

trí. Đức Thế Tôn do không còn thọ sinh nữa, nên tất cả Khế kinh đều nói không còn thọ thân sau, vì đã nhận biết như thật.

Nên biết thời giải thoát: Nghĩa là nên biết là thời giải thoát này phải thuận theo, nhờ vào thức ăn, y phục, giường nằm, vật dụng, xứ sở thuyết pháp và con người, thì căn thiện mới tăng tấn, không thể ở nơi tất cả thời theo chỗ mong muốn để tăng tấn, nên nói là Thời giải thoát.

*Pháp bất động lợi căn
Là bất thời giải thoát
Vị kia được ba trí
Tự giải thoát thành tựu.*

Pháp bất động lợi căn: Tức nếu là A-la-hán pháp bất động hoàn toàn lợi căn, tức có thể ở nơi tất cả thời, tùy theo chỗ mong muốn tấn tu nghiệp thiện, không chờ đợi các thứ vật dụng kia.

Là bất thời giải thoát, Vị kia được ba trí: Nghĩa là vị kia thành tựu ba trí là tận trí, vô sinh trí và đẳng kiến vô học, là pháp bất thoái.

Tự giải thoát thành tựu: Nghĩa là nên biết người kia tự mình đã có sự tương tự, gọi là giải thoát thành tựu. Thời ý giải thoát: Nghĩa là vì chờ đợi thời gian nên thời ý giải thoát mới thành tựu. Pháp bất động: Bất động là vì không bị phiền não làm nghiêng động nên nói là bất động, là nghĩa bất thoái.

Hỏi: Vì sao thời ý giải thoát gọi là ái, không phải là bất động?

Đáp: Vì thời ý giải thoát kia là hết sức tự giữ gìn, cũng như người chỉ có một mắt nên không tự tại. Vì sợ thoái lui. Như mượn vật của người khác, vật ấy cùng hệ thuộc với căn thiện, không phải phân ly. Bất động giải thoát thì có căn thiện cùng liên hệ, nghĩa là giải thoát kia có Tam-ma-đề khác, thế nên không gọi là ái. Nghĩa là không - không, vô nguyện - vô nguyện, vô tác - vô tác, dùng định để xả định, gọi là cùng liên hệ.

*Tuệ giải thoát nên biết
Không được định diệt tận
Nếu được định diệt tận
Nên biết Câu giải thoát.*

Tuệ giải thoát nên biết, Không được định diệt tận: Nghĩa là sáu loại A-la-hán này nếu không đạt được định diệt tận, nói là tuệ giải thoát, tức do tuệ lực khiến giải thoát chướng phiền não nên gọi Tuệ giải thoát.

Nếu được định diệt tận, Nên biết Câu giải thoát: Nghĩa là sáu loại A-la-hán này nếu đạt được định diệt tận thì gọi là Câu giải thoát. Do tuệ lực của họ nên lìa chướng phiền não, tâm được giải thoát. Do lực của diệt chánh thọ lìa chướng giải thoát được giải thoát, thế nên gọi là Câu giải thoát. Nếu lại là pháp thoái và tất cả câu giải thoát tức nên nêu ra bốn trường hợp: (1) Pháp thoái không phải là câu giải thoát: Nghĩa là pháp thoái không được định diệt tận. (2) Câu giải thoát không phải là pháp thoái: Nghĩa là năm loại A-la-hán được định diệt tận. (3) Cũng là pháp thoái cũng là câu giải thoát: Nghĩa là pháp thoái được định diệt tận. (4) Không phải là pháp thoái cũng không phải là câu giải thoát: Nghĩa là năm loại A-la-hán không được định diệt tận. Cho đến bất động giải thoát cũng như thế.

*Các căn nói chín thứ
Cũng nói chín loại người
Bảy loại các Thanh văn
Duyên giác và Như Lai.*

Đây nói chín thứ căn, nghĩa là từ hạ hạ cho đến thượng thượng. Người A-la-hán cũng có chín loại, nghĩa là năm loại trước và hai bất động giải thoát: Hoặc nhân nơi thời giải thoát được bất động. Hoặc mới được bất động. Bảy loại này là Thanh văn cùng với Duyên giác, Như Lai, đó gọi là chín loại người.

Đã nói căn kiến lập người. Nếu người thành tựu căn nay sẽ nói.

*Căn hạ trung, tối hạ
Là loại người thứ nhất
Cho đến tầng thượng thượng
Người thứ chín nên biết.*

Pháp thoái kia thành tựu căn hạ hạ. Pháp tư thuộc hạ trung. Pháp hộ là hạ thượng. Pháp trụ thuộc trung hạ. Pháp thắng tấn thuộc trung trung. Chủng tánh nhân nơi thời giải thoát thuộc pháp bất động trung thượng. Bất động giải thoát đầu là thượng hạ. Duyên giác là thượng trung. Như Lai là thượng thượng.

*Là do chủng tánh học
Được quả vô học kia
Hoặc tức chủng tánh ấy
Hoặc tiến không thoái chuyển.*

Sáu loại A-la-hán, hoặc do địa học, với chủng tánh như thế, được A-la-hán. Tức chủng tánh A-la-hán kia, hoặc do căn tăng ích được bất thoái chuyển, vì chủng tánh kia đã tu tập căn. Pháp thoái kia có ba sự việc sẽ nói sau. Pháp bất động chỉ có một sự việc, tức trụ bát Niết-bàn. A-la-hán còn lại có hai sự việc.

Đã nói chủng tánh căn bản nơi A-la-hán. Căn tăng tấn nay sẽ nói.

*Gọi là ba, bốn, năm
Sáu, bảy lần lượt tăng
Là các pháp thoái chuyển v.v...
Nói năm sự La-hán.*

Pháp thoái kia có ba sự: Là thoái chuyển trụ nơi học. Pháp thoái nơi căn. Hoặc trụ nơi bát Niết bàn kia. Hoặc là căn thượng tăng tấn.

Pháp tư có bốn sự: Là thoái chuyển trụ nơi học. Căn thoái chuyển tức trụ nơi căn của pháp thoái. Nếu khác tức nên tiến không

thoái. Do trước đã nói chủng tánh kia là bất thoái. Trụ nơi căn của pháp thoái, tức là trụ nơi căn thượng tăng tấn của bát Niết-bàn.

Pháp hộ có năm sự: Là pháp hộ thoái chuyển, căn trụ nơi học. Căn trụ nơi pháp thoái. Căn trụ nơi pháp tư. Tức trụ nơi căn thượng tăng tiến của bát Niết-bàn.

Pháp trụ có sáu sự. Pháp tất thắng tấn có bảy sự, theo nghĩa ấy để nêu bày.

Đã nói kiến lập tướng của người Hiền Thánh. Kiến lập pháp nay sẽ nói.

*Là pháp Tùy tín hành
Hoặc pháp Tùy pháp hành
Cùng với Đạo kiến đế
Đều là đồng một tướng.*

Pháp Tùy tín hành, pháp Tùy pháp hành và Đạo kiến đế, ba loại pháp này đều đồng một tướng. Có sai biệt: Tức người Tùy tín hành là độn căn, người Tùy pháp hành là lợi căn.

*Ở trong pháp các căn
Gọi là vị tri căn
Là pháp hữu học khác
Phật nói dĩ tri căn.*

Ở trong pháp các căn, Gọi là vị tri căn: Nghĩa là căn thuộc về đạo kiến đế kia số lượng có chín pháp: Ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn và năm căn như tín v.v... Đó gọi là vị tri căn. Các căn này là do Tùy tín hành, Tùy pháp hành nên thành tựu. Về tên gọi, do chưa nhận biết sẽ nhận biết, nên nói là vị tri căn.

Hỏi: Khở pháp nhãn sinh quán năm ấm của cõi dục. Về sau khở pháp trí sinh không phải ở nơi năm ấm là đã nhận biết hay sẽ nhận biết? Nếu nói chưa nhận biết, sẽ nhận biết, thì điều này là không đúng.

Đáp: Vì nhĩn không phải là tánh của trí nên không có lỗi. Vì nhĩn là kiến, nên không phải là tánh của trí. Do trí nhận biết nên không phải là không đúng. Tức *Là pháp hữu học khác, Phật nói dĩ tri căn*, tức trừ pháp học của kiến đạo, còn lại là pháp học khác, tức số lượng chín pháp của căn này được nói là dĩ tri căn. Căn này là do Tín giải thoát, Kiến đạo, Thân chứng nên thành tựu. Tuy đạo tử trí sinh quán đạo tử nhĩn là chưa nhận biết, sẽ nhận biết, nhưng vì ít nên không nói. Như một giọt nước của biển cả, một hạt bụi của núi Tu-di, một nơi ruồi muỗi đậu trong hư không.

*Nên biết pháp vô học
Là nói vô tri căn
Được quả bỏ đạo trước
Trí vô ngại đã nói.*

Nên biết pháp vô học, Là nói vô tri căn: Nghĩa là nên biết pháp vô học tức căn này về số lượng có chín pháp, nói là vô tri căn. Căn này là do Tuệ giải thoát và Câu giải thoát nên thành tựu. Sáu địa của kiến đạo kia là bốn thiên căn bản và thiên vị lai, thiên trung gian. Không phải là căn thiện phương tiện của địa trên, vì không phải phần cùng không phải cảnh giới rộng. Pháp học của tu đạo gồm chín địa, tức sáu địa này và ba định vô sắc, tánh là bốn ấm, năm ấm.

Được quả bỏ đạo trước, Trí vô ngại đã nói: Nghĩa là khi đắc quả, nên biết là xả bỏ đạo vô lậu trước để được quả Tu-đà-hoàn. Xả bỏ kiến đạo được quả Tu-đà-hàm. Nếu phần lia dục gấp bội ở trước đã hết, cũng xả bỏ kiến đạo. Nếu theo thứ lớp thì xả bỏ quả Tu-đà-hoàn và Tu-đà-hoàn tiến hướng đạo được quả A-na-hàm. Nếu dục ái ở trước đã hết, cũng xả bỏ kiến đạo. Nếu theo thứ lớp là xả bỏ quả Tu-đà-hàm và Tu-đà-hàm tiến hướng đạo, được quả A-la-hán hoặc xả bỏ quả A-na-hàm và A-na-hàm tiến hướng đạo.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bảy người như Tùy tín hành v.v... Số người ấy được kiến lập như thế nào?

Đáp:

*Phương tiện và các căn
Chánh thọ giải thoát hợp
Nên biết Hiền Thánh bảy
Sự tức nói có sáu.*

Phương tiện và các căn, Chánh thọ giải thoát hợp, Nên biết Hiền Thánh bảy: Nghĩa là do năm nhân duyên nên nói bảy người, danh là bảy, không phải là sự có bảy. Năm nhân duyên là phương tiện, căn, chánh thọ, giải thoát và chánh thọ giải thoát.

Phương tiện: Là Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Tùy tín hành là vì tín nhiều, nên nói Tùy tín hành, trước do đã gieo trồng các nghiệp tín nơi người khác nên làm. Về sau được đạo rồi, lấy tên gốc để gọi. Tùy pháp hành là trước đã tự mình tư duy để khởi tạo các nghiệp. Về sau được đạo rồi thì cũng dùng tên gốc để gọi.

Căn: Là Tín giải thoát, Kiến đạo. Độn căn nói là Tín giải thoát. Lợi căn nói là Kiến đạo.

Chánh thọ: Là Thân chứng. *Giải thoát:* Là Tuệ giải thoát. *Chánh thọ giải thoát:* Là Câu giải thoát.

Sự tức nói có sáu: Nghĩa là các Thánh nhân này có sáu: Kiến đạo có hai là Tùy tín hành và Tùy pháp hành. Tu đạo có hai là Tín giải thoát và Kiến đạo. Đạo vô học có hai là Thời giải thoát và Bất thời giải thoát. Người Tùy tín hành nên nói là một. Nghĩa là căn của bảy người nên nói là ba, tức vì chủng tánh của hạ, trung, thượng. Nên nói là năm, tức pháp thoái cho đến đạo tất thắng tấn. Nên nói là mười lăm, tức từ trụ khổ pháp nhẫn cho đến đạo tỳ nhẫn. Theo lia dục nên nói là bảy mươi ba: Lìa dục của cõi dục có mười, là từ cụ phược cho đến chín phẩm đều hết. Thiên thứ nhất có chín, cho đến vô sở hữu xứ.

Lại nữa, đạo của chúng tánh căn dựa vào để kiến lập tăng lên cũng nên nói rộng. Như thế người Tùy tín hành có mười bốn vạn bảy nghìn tám trăm hai mươi lăm, do đạo kia thâm nhận.

*Một, ba, năm, mười lăm
Cùng với bảy mươi ba
Là đạo chúng tánh căn
Lìa phiền não nên biết.
Gấp ba, kể gấp năm
Mười lăm và gấp chín
Rất nhiều loại như thế
Chỉ nói Tùy tín hành.*

Nên biết Thánh nhân còn lại, tùy theo nghĩa ấy cũng nên nói như thế.

Hỏi: Như Khế kinh nói có tám người như hướng Tu-đà-hoàn v.v... Chư vị ấy là thế nào?

Đáp:

*Do vì có năm sự
Nói có tên tám người
Sự trước sau đều một
Khoảng giữa tức có ba.*

Bốn hướng, bốn quả này nói là tám người, gọi là sự có năm. Hướng Tu-đà-hoàn và A-la-hán, đây gọi là một sự. Cũng một Tu-đà-hoàn và hướng Tu-đà-hàm, đây gọi hai sự. Một Tu-đà-hàm và hướng A-na-hàm, A-na-hàm và hướng A-la-hán cũng như thế.

Bốn người trước ấy là thành tựu Thánh đạo của một địa, tức đây cũng nói Gia gia và Một chủng tử. Hướng A-na-hàm hoặc một địa cho đến sáu địa. Quả A-na-hàm hoặc ba địa cho đến sáu địa. Hướng A-la-hán hoặc ba địa cho đến chín địa. A-la-hán thành tựu chín địa. Đạo của quả Sa-môn kia hoại thì địa hoại, nên nêu ra bốn trường hợp:

(1) Đạo hoại không phải là địa hoại: Nghĩa là quả Tu-đà-hàm. (2) Địa hoại không phải là đạo hoại: Nghĩa là quả A-la-hán. (3) Đạo hoại cũng là địa hoại: Nghĩa là quả A-na-hàm. (4) Không phải là đạo hoại cũng không phải là địa hoại: Nghĩa là quả Tu-đà-hoàn (Xen tạp hữu lậu, vô lậu gọi là đạo hoại. Xen tạp dựa vào các thiên gọi địa hoại).

*Đã hết là giải thoát
Được dựa nơi một quả
Thứ chín không nhiễm ô
Diệt tận nên sẽ nói.*

Đã hết là giải thoát, Được dựa nơi một quả: Nghĩa là các đạo giải thoát trong hướng, đạo đắc quả giải thoát. Lúc được quả, phẩm pháp trí đã đoạn hết phiền não, được một giải thoát. Được phẩm tỷ trí đã đoạn hết phiền não được hai giải thoát. Vì được đạo không hoại nên nói là lúc được một quả. Nói do năm nhân duyên nên được đạo chưa từng được, xả đạo đã từng được, đắc tức thì tám trí. Một lúc tu mười sáu hành được quả giải thoát của một vị.

Hỏi: Đoạn trừ nhiễm ô, trước đã nói không nhiễm ô, làm sao đoạn trừ?

Đáp: Thứ chín không nhiễm ô, Diệt tận nên sẽ nói: Tức trước đã nói đoạn chín phẩm phiền não quyền thuộc. Không nhiễm ô: Là trụ nơi đạo vô ngại thứ chín, đoạn trừ tức thì, không phải dần dần. Không nhiễm ô: Là thiện và vô ký không ẩn mất (Vô phú vô ký) theo thế tục. Sắc của năm ấm nhiễm ô cũng do đạo vô ngại thứ chín đoạn trừ, vì ít nên không nói.

Hỏi: Vì sao đoạn trừ chín phẩm phiền não, còn không nhiễm ô thì do đạo vô ngại thứ chín đoạn trừ?

Đáp: Vì phiền não và Thánh đạo là trái nhau. Thánh đạo cùng với phiền não là trái nhau, còn không nhiễm ô thì không trái nhau, cho nên sự việc kia là như thế.

Như thế đạo khởi, tùy theo chỗ cần đoạn trừ thì phiền não được đoạn trừ. Đạo hạ hạ khởi đoạn trừ phiền não thượng thượng. Cho đến đạo thượng thượng khởi đoạn trừ phiền não hạ hạ. Như ánh sáng nhỏ diệt trừ bóng tối lớn, ánh sáng lớn diệt trừ bóng tối nhỏ. Pháp kia cũng như thế. Người do nhiễm ô thì tự tánh đoạn trừ khiến không thành tựu. Người không nhiễm ô thì xả bỏ lỗi của phiền não như nạn độc.

*Vô trước tên giống nhau
Có thể được bất động
Chủng tánh Tín giải thoát
Thăng tấn cũng tăng đạo.*

Vô trước tên giống nhau, Có thể được bất động: Nghĩa là không phải tất cả A-la-hán kia đều có thể đạt được bất động, chỉ có công đức gọi là tương tự là đạt được. Đó là pháp tất thăng tấn, ở trong năm loại A-la-hán kia, căn tăng tấn là đạt được. Nghĩa là pháp thoái tiến đến pháp tự, theo thứ lớp như thế đều nên biết.

Lại nữa, đạt được bất động có chín đạo vô ngại và chín đạo giải thoát như được A-la-hán. Chín đạo vô ngại, tám đạo giải thoát là thuộc về Thời giải thoát. Đạo giải thoát thứ chín thì thuộc về Bất thời giải thoát. Tất cả quả của đạo kia thuộc về đạo. Đạo phương tiện kia nếu là vô lậu thì thuộc về quả đạo, nếu là hữu lậu thì không gồm thâu.

Chủng tánh Tín giải thoát, Thăng tấn cũng tăng đạo: Nghĩa là Tín giải thoát kia, nếu là chủng tánh tất thăng tấn thì có thể đạt được kiến đáo, không phải là tánh khác. Cho nên năm loại học địa cũng là căn tăng tấn.

Đạo tăng tấn: Nghĩa là căn phát khởi sáng tỏ. Căn tăng tấn: Nghĩa là tăng thêm trong nẻo người, không phải là nẻo khác. Thánh đạo tăng, không phải là đạo thể tục tăng. Học là nương nơi thiền. Vô học là nương nơi thiền và vô sắc. Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm thì nương vào thiền vị lai để căn tăng tấn, tức chư vị ấy xả một địa, được một

địa. A-na-hàm nêu trước nương vào thiền thứ nhất và quyết thuộc vượt lên ly sinh và theo thứ lớp chưa đắc thiền thứ hai, vị kia khiến căn tăng tấn, xả quả của ba địa, được quả của ba địa. Nếu đắc thiền thứ hai không phải thiền thứ ba, về sau nương vào thiền thứ nhất khiến căn tăng tấn, vị kia xả quả của ba địa và đạo quả vượt hơn của bốn địa, tức được quả của ba địa. Như thế cho đến đắc vô sở hữu xứ vô lậu, xả quả của ba địa và xả đạo quả vượt hơn của chín địa, đắc quả của ba địa. Nếu cho xả nhiều đạo được ít đạo nên là thoái chuyển thì không đúng. Vì sao? Vì đắc đạo vượt hơn, vì người ấy được ý giải.

Hỏi: Xả đạo cũng xả đoạn trừ chăng?

Đáp: Đạo thế tục đoạn trừ là không xả.

Nếu phiền não của xứ phi tướng phi phi tướng được đoạn trừ theo mỗi mỗi thứ thì lúc được kiến đạo tức nơi xứ phi tướng phi phi tướng kia do tu đạo đoạn trừ, xả bỏ đoạn và đối trị nhưng không tạo thành phiền não có được, như lúc phạm phu sinh nơi địa trên.

Lại nữa, nếu trước nương vào thiền thứ nhất, vượt lên ly sinh, về sau nương vào thiền thứ hai để căn tăng tấn thì người kia đã xả quả của ba địa và đạo quả vượt hơn của bốn địa, được quả của bốn địa. Như thế, tất cả địa nên nói rộng.

Nếu trụ nơi quả mà căn tăng tấn thì đạo phương tiện, đạo vô ngại và đạo giải thoát kia là thuộc về quả. Nếu trụ nơi đạo quả vượt hơn mà căn tăng tấn, thì hoặc đạo phương tiện, đạo vô ngại kia thuộc về đạo quả vượt hơn, hoặc đạo giải thoát thuộc về quả. Do một đạo phương tiện, một đạo vô ngại cũng là một đạo giải thoát. Như thế kiến đạo cũng có sáu chủng tánh nhưng không có căn tăng tấn, do là đạo nhanh chóng.

Căn thiện của phần quyết định như thế cũng có sáu chủng tánh. Người tu hành theo thứ lớp khiến căn tăng tấn, chỉ có pháp thế gian đệ nhất là không có căn tăng tấn, do chỉ là một niệm.

Đã nói về các căn đủ. Học đủ không đủ nay sẽ nói.

*Hoặc quả hữu học đủ
Hoặc căn, hoặc chánh thọ
Hoặc lại ba cùng đủ
Vô học hai cũng thế.*

Học kia có ba sự đủ: Hoặc quả đủ, hoặc căn đủ, hoặc chánh thọ đủ.

Nếu tín giải thoát là A-na-hàm không được định diệt tận thì chỉ có quả đủ, không phải căn đủ, vì căn bậc hạ, không phải chánh thọ đủ, vì không được định diệt tận.

Kiến đáo là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm chỉ có căn đủ, không phải quả đủ, không phải chánh thọ đủ.

Tín giải thoát là A-na-hàm được định diệt tận thì quả đủ và chánh thọ đủ, không phải là căn đủ.

Kiến đáo là A-na-hàm không được định diệt tận thì quả đủ và căn đủ, không phải là chánh thọ đủ.

Kiến đáo được định diệt tận, ba sự đều đủ.

Vô học hai cũng thế: Nghĩa là tất cả bậc vô học đều có quả đủ, vì tánh không có hai quả. Tuệ giải thoát căn kém thì có quả đủ, không phải là căn đủ. Giải thoát lợi căn thì quả đủ và căn đủ, cùng không phải là chánh thọ đủ. Câu giải thoát căn kém thì có quả đủ và chánh thọ đủ, không phải là căn đủ. Câu giải thoát lợi căn thì ba sự đều đủ.

Hỏi: Ba thứ đủ nghĩa là khéo quán đế. Vậy quán đế như thế nào? Là mau chóng hay dần dần?

Đáp:

*Kiến lập công đức ác
Dần dần thấy chân đế*

*Sức đạo vô ngại được
Quả hữu vi, vô vi.*

Kiến lập công đức ác, Dần dần thấy chân đế: Nghĩa là vì ở nơi chân đế này thấy rõ lỗi ác, nên lập khổ đế, tập đế. Vì thấy rõ công đức nên lập diệt đế, đạo đế. Thế nên, không phải lúc thấy lỗi ác thì cùng thấy công đức. Cũng không phải lúc thấy công đức thì cùng thấy lỗi ác, vì thể khác nhau. Cũng không phải là không kiến đế như thật, gọi là đế vô gián đẳng. Cũng không phải do một trí quán chung về đế, vì đế có rất nhiều tánh. Vì vậy nên dần dần thấy chân đế.

Có thuyết nói hành vô ngã tức thì được vô gián đẳng. Thuyết kia nói hành vô ngã như thế là duyên nơi tất cả pháp, nên tức thì là vô gián đẳng là không đúng. Vì sao? Vì có rất nhiều điên đảo. Vì tự tánh tương ưng với pháp cùng có không phải là cảnh giới. Vì đế khác với tướng.

Vô ngã cùng ở nơi đế này có rất nhiều môn, nên điên đảo không phải là một. Vì vô ngã sinh khởi đoạn trừ rất nhiều tự tánh Hoặc, nên không phải là một. Vô gián đẳng là dần dần. (Vô gián đẳng sẽ nói rộng trong phẩm Trạch).

Hỏi: Đế vô gián đẳng được quả Sa-môn. Quả đặc ấy là quả hữu vi hay là quả vô vi?

Đáp: *Sức đạo vô ngại được, Quả hữu vi, vô vi.* Do phiền não là số diệt và đạo giải thoát đều cùng có sức của đạo vô ngại đạt được, thế nên đều cùng nói là quả Sa-môn. Phiền não diệt là quả giải thoát và quả công dụng. Đạo giải thoát là quả công dụng và quả y.

Hỏi: Vô gián đẳng này có bao nhiêu loại?

Đáp:

*Là ba vô gián đẳng
Duyên sự kiến vô gián*

*Nên biết có ba loại
Hoặc hai cũng lại một.*

Ba loại vô gián đẳng là duyên vô gián đẳng, sự vô gián đẳng và kiến vô gián đẳng. Ba loại vô gián đẳng kia là tuệ.

Duyên vô gián đẳng là hữu duyên. Sự vô gián đẳng là có thể thành sự. Kiến vô gián đẳng là kiến tánh.

Pháp tương ưng của tuệ có hai loại vô gián đẳng là duyên vô gián đẳng và sự vô gián đẳng, còn pháp cùng có kia chỉ có một là sự vô gián đẳng.

Khổ nhãn, khổ trí kia ở nơi khổ đế có ba loại vô gián đẳng, ở nơi diệt đế, đạo đế chỉ có sự vô gián đẳng. Nên biết tập nhãn, tập trí đối với tập đế cũng như vậy.

Diệt nhãn, diệt trí đối với diệt đế có ba loại vô gián đẳng, đối với khổ, tập, đạo đế chỉ có sự vô gián đẳng.

Đạo nhãn, đạo trí đối với đạo đế có ba vô gián đẳng, đối với khổ, tập, diệt đế chỉ có sự vô gián đẳng.

Tu đạo tùy theo nghĩa ấy, nên biết như vậy. Kiến đế vô gián đẳng do nhân duyên này nên biết là lần lượt vô gián đẳng.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN TẠP A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 6

Phẩm thứ 6: TRÍ

Đã nói về kiến lập người Hiền Thánh. Về Trí nay sẽ nói.

*Tánh trí có thể rõ
Soi sáng tất cả hữu
Có, không có Niết-bàn
Các tướng kia nay nói.*

Nếu: Là nêu sự việc kia. *Trí:* Là nghĩa quyết định. *Rõ:* Là phân biệt. *Soi sáng:* Là quán sát. *Tất cả hữu:* Là tận cùng biên vực của ba hữu. Đó là khổ, tập đế. *Hữu:* Là tánh hữu. *Có, không có:* Là có tận. *Niết-bàn:* Là các phiền não diệt. Đây là nói diệt đế. Trong các tướng kia cũng thị rõ về tướng của đạo đế, là tự tánh, tánh tự nhiên. *Nay nói:* Là hiển bày tự tánh.

Hỏi: Những gì là trí?

Đáp:

*Ba trí Phật đã nói
Đệ nhất giác tối thượng
Pháp trí và tỷ trí
Và đẳng trí thế tục.*

Ba trí này gồm thấu tất cả trí. *Pháp trí*: Là hoặc cảnh giới trí, là trí vô lậu của khổ, tập, diệt, đạo thuộc cõi dục. Vì trí này là đầu tiên thọ nhận tướng của pháp nên nói là pháp trí. *Tỷ trí*: Là hoặc cảnh giới trí, là trí vô lậu của khổ, tập, diệt, đạo thuộc cõi sắc, vô sắc. Nếu pháp trí của hành này chuyển, tức hành ấy tùy chuyển. Tỷ trí này là do so sánh nhận biết, nên nói là tỷ trí. *Đẳng trí*: Là hoặc cảnh giới trí, là trí hữu lậu của tất cả pháp. Đẳng: Là thọ nhận nhiều số loại thể tục như nam, nữ, dài, ngắn v.v... nên nói là đẳng trí. (Đẳng là nghĩa nhiều sự việc tụ hội).

*Khổ, tập cùng diệt, đạo
Hai trí từ để sinh
Đó là khởi bốn trí
Mâu-ni theo để nói.*

Pháp trí, tỷ trí này tùy theo để chuyển, Đức Thế Tôn tùy theo âm thanh của để kia để nói: Cảnh giới khổ để nói là khổ trí. Cảnh giới tập, diệt, đạo thì nói là tập trí, diệt trí, đạo trí.

*Nếu trí quán tha tâm
Là từ trong ba nói
Tận, vô sinh trí, hai
Cảnh giới tại bốn môn.*

Nếu trí quán tha tâm, Là từ trong ba nói: Nghĩa là ba trí quán tha tâm, dùng phẩm pháp trí làm cảnh giới nói là pháp trí. Dùng phẩm tỷ trí làm cảnh giới nói là tỷ trí. Dùng tâm tâm pháp hữu lậu làm cảnh giới nói là đẳng trí.

Tận, vô sinh trí, hai: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí là hai trí. Tức pháp trí và tỷ trí. Cảnh giới đã tạo tác của hai trí kia rất ráo, quyết định chuyển là tận trí. Không còn làm nữa, quyết định chuyển là vô sinh trí.

Hỏi: Cảnh giới của đế là gì?

Đáp: Cảnh giới tại bốn môn: Nghĩa là duyên nơi bốn đế kia.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói ba trí vì sao lại nói mười?

Đáp:

*Đối trị cùng phương tiện
Tự tánh, hành, hành duyên
Đã làm, nhân nuôi lớn
Thế nên nói mười trí.*

Do bảy nhân duyên nên nói mười trí: Nghĩa là đối trị, phương tiện, tự tánh, hành, hành duyên, đã làm, nhân nuôi lớn.

Đối trị: Là pháp trí, tỷ trí là trí vô lậu. Đối trị nơi cõi dục nói là pháp trí. Đối trị nơi cõi sắc, vô sắc nói là tỷ trí. Pháp trí tuy có đối trị nơi cõi sắc, vô sắc, nhưng không phải tất cả, cũng không phải là toàn chung, cho nên không nói.

Phương tiện: Là tha tâm trí, cũng là nhận biết tâm pháp, song do phương tiện là muốn nhận biết tâm kia.

Tự tánh: Là đẳng trí, là nhận lấy nhiều số tục, như trước đã nói.

Hành: Là khổ trí, tập trí. Hai trí này hành không hoại nhưng duyên thì hoại, vì là một duyên. Hai trí này là cùng một duyên, vì thế đối với duyên kia là hành vô thường chuyển, tức khổ trí này cũng nên nói là vô thường. Vì trí do khổ tăng thêm rất nhiều khiến chán lìa nên gọi khổ trí. Lại nữa, vì không chung nên hành khổ hoàn toàn duyên nơi hữu lậu. Hành vô thường: Nghĩa là hoặc duyên nơi ba đế hữu lậu, hoặc duyên nơi hữu lậu, vô lậu. Hành không vô ngã: Nghĩa là hoặc duyên nơi tất cả pháp hữu lậu, hoặc duyên nơi hữu lậu, vô lậu. Như thế khổ trí và hành khổ nên nêu ra bốn trường hợp: (1) Hoặc khổ trí không phải là hành khổ: Nghĩa là khổ trí hành nơi hành khác.

(2) Hoặc hành khổ không phải là khổ trí: Nghĩa là pháp tương ứng của khổ trí. (3) Hoặc khổ trí cũng là hành khổ: Nghĩa là khổ trí hành nơi hành khổ. (4) Hoặc không phải là khổ trí cũng không phải là hành khổ: Nghĩa là các pháp tương ứng của khổ trí hành nơi hành khác. Như hành thì đã hành, sẽ hành cũng như thế. Như hành khổ, thì hành vô thường, không, vô ngã cũng như vậy. Như khổ trí mười hai, cho đến đạo trí cũng như thế.

Hành duyên: Là các diệt trí, đạo trí. Vì hai trí kia duyên không hoại, hành cũng không hoại.

Đã làm: Là tận trí với đối tượng tạo tác đã thực hiện.

Nhân nuôi lớn: Là vô sinh trí, vì nhân nơi tất cả trí vô lậu, vì trụ nơi thân không động.

Đã nói nhân duyên kiến lập mười trí. Phân biệt về thiện v.v... nay sẽ nói.

Chín trí chỉ nói thiện
Một trí ba phân biệt
Một kiến, hai phi kiến
Còn tức có hai thứ.

Chín trí chỉ nói thiện: Nghĩa là trừ đẳng trí, chín trí còn lại nói là thiện, vì quả ái.

Một trí ba phân biệt: Nghĩa là đẳng trí hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Một kiến: Nghĩa là tha tâm trí, tánh là kiến, là phân biệt.

Hai phi kiến: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí, vì tánh không phải là kiến, không phải là phân biệt.

Còn tức có hai thứ: Nghĩa là bảy trí còn lại, hoặc là kiến, hoặc không phải là kiến. Tức pháp trí, tỷ trí, khổ, tập, diệt, đạo trí, sáu trí này nếu tận trí, vô sinh trí không gồm thâu là kiến, gồm thâu thì

không phải là kiến. Đẳng trí hoặc là kiến, hoặc không phải là kiến. Nếu đẳng trí tương ứng với năm kiến và chánh kiến thế tục là kiến, do nhanh chóng. Nếu tuệ của đẳng trí tương ứng với nghi, ái, sân, mạn, vô minh thì không phải là kiến. Vì sao? Vì bị hai sử che lấp. Tuệ tương ứng với vô minh, tuy không có hai sử, nhưng một thứ có thể che lấp tốt độ, không phải là phiền não khác. Vì sao? Vì không phải là phương tiện quán sát. Tuệ vô ký không ẩn mất không phải là kiến, vì không nhanh nhẹn. Tuệ tương ứng với năm thức không phải là kiến, vì không phải là tánh lường xét.

*Học cùng vô học sáu
Hai trí nói vô học
Phi học vô học một
Nên biết một, ba thứ.*

Học cùng vô học sáu: Nghĩa là pháp trí, tỷ trí, khổ, tập, diệt, đạo trí, sáu trí này hoặc là học, hoặc là vô học. Nếu là người học thì pháp chúng đắc là học. Nếu là người vô học thì pháp chúng đắc là vô học.

Hai trí nói vô học: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí là vô học, vì lìa phiền não trụ.

Phi học vô học một: Nghĩa là đẳng trí là phi học phi vô học, vì hữu lậu.

Nên biết một, ba thứ: Nghĩa là tha tâm trí hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Nếu chỉ dùng tâm tâm pháp học làm cảnh giới là học. Nếu dùng tâm tâm pháp vô học làm cảnh giới là vô học. Nếu chỉ dùng tâm tâm pháp hữu lậu làm cảnh giới là phi học phi vô học.

*Tánh tám trí không đoạn
Hai trí, hai chủng nói
Hữu lậu, vô lậu một
Một tức nói hữu lậu.*

Tánh tám trí không đoạn: Nghĩa là trừ tha tâm trí và đẳng trí, tám trí còn lại là không đoạn, vì đã lia cầu.

Hai trí, hai chủng nói: Nghĩa là tha tâm trí nếu là hữu lậu thì do tu đạo đoạn trừ, nếu vô lậu là không đoạn trừ. Đẳng trí nếu nhữn đối trí là do kiến đạo đoạn trừ, nếu trí đối trí là do tu đạo đoạn trừ.

Hữu lậu, vô lậu một: Nghĩa là tha tâm trí hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Dùng tâm tâm pháp hữu lậu làm cảnh giới, là hữu lậu. Dùng tâm tâm pháp vô lậu làm cảnh giới, là vô lậu.

Một tức nói hữu lậu: Nghĩa là đẳng trí hoàn toàn là hữu lậu, vì là trụ xứ của phiền não. Nên biết tám trí không đoạn trừ, nói là vô lậu.

*Bốn trí duyên hữu vi
Duyên hữu thường tức một
Năm trí hai cảnh giới
Bậc minh trí đã nói.*

Bốn trí duyên hữu vi: Nghĩa là tha tâm trí, khổ, tập, đạo trí, bốn trí này là duyên nơi hữu vi, do lấy âm làm cảnh giới.

Duyên hữu thường tức một: Nghĩa là diệt trí duyên nơi vô vi, vì dùng Niết-bàn làm cảnh giới.

Năm trí hai cảnh giới: Nghĩa là pháp trí, tỷ trí, tận trí, vô sinh trí, bốn trí này lấy ba để làm cảnh giới là duyên nơi hữu vi, lấy diệt để làm cảnh giới là duyên nơi vô vi. Đẳng trí cũng lấy ba để làm cảnh giới là duyên nơi hữu vi, dùng số diệt và hư không làm cảnh giới là duyên nơi vô vi.

*Pháp trí cần nên biết
Là từ sáu địa khởi
Tỷ trí thì chín địa
Tha tâm trí tại thiên.*

Pháp trí cần nên biết, Là từ sáu địa khởi: Nghĩa là pháp trí nơi sáu địa có thể đạt được, vì tự tánh đạt được. Sáu địa là bốn thiền và thiền vị lai, thiền trung gian, không phải là vô sắc, vì vô sắc không duyên nơi cõi dục.

Tỷ trí thì chín địa: Nghĩa là tỷ trí ở nơi chín địa có thể đạt được. Chín địa là thiền vị lai, trung gian, bốn thiền và ba vô sắc.

Tha tâm trí tại thiền: Nghĩa là thiền căn bản có tha tâm trí, là quả của định bốn chi, năm chi.

*Đẳng trí cần nên biết
Ở nơi mười một địa
Là các trí khác kia
Phẩm phẩm như trước nói.*

Đẳng trí cần nên biết, Ở nơi mười một địa: Nghĩa là đẳng trí ở nơi mười một địa. Là cõi dục, thiền vị lai, trung gian, bốn thiền và bốn vô sắc.

Là các trí khác kia, Phẩm phẩm như trước nói: Nghĩa là các trí khổ, tập, diệt, đạo và tận trí, vô sinh trí, sáu trí này nếu ở nơi sáu địa của phẩm pháp trí thì như pháp trí. Nếu ở nơi chín địa của phẩm tỷ trí thì như tỷ trí.

*Nếu nói các niệm xứ
Một trí nên biết sau
Ba tức nói một trí
Bốn khác minh trí nói.*

Nếu nói các niệm xứ, Một trí nên biết sau: Nghĩa là diệt trí là pháp niệm xứ, vì duyên nơi vô vi.

Ba tức nói một trí: Nghĩa là tha tâm trí, vì duyên nơi tha tâm, tâm pháp, là ba niệm xứ, trừ thân niệm xứ.

Bốn khác minh trí nói: Nghĩa là tám trí còn lại là bốn niệm xứ, vì duyên nơi năm ấm.

Một trí dựa cõi dục
Hai cõi dựa có một
Hai trí ba cõi dựa
Sáu khác một hoặc ba.

Một trí dựa cõi dục: Nghĩa là pháp trí chỉ dựa nơi cõi dục, vì pháp trí là tùy sinh, hoặc do bốn đại của cõi dục tạo.

Hai cõi dựa có một: Nghĩa là tha tâm trí dựa nơi cõi dục, cõi sắc, vì nương dựa vào sắc.

Hai trí ba cõi dựa: Nghĩa là tỷ trí, đẳng trí dựa nơi ba cõi.

Sáu khác một hoặc ba: Nghĩa là sáu trí như khổ trí v.v..., nếu thuộc phẩm pháp trí thì dựa nơi cõi dục. Nếu là phẩm tỷ trí thì dựa nơi ba cõi. (Nương dựa nghĩa là tên khác của thân).

Tên tức mười sáu hành
Sự hoặc nói mười sáu
Lìa nơi mười sáu hành
Trừ ám, phi vô lậu.

Tên tức mười sáu hành: Nghĩa là vô thường, khổ, không, phi ngã, nhân, tập, hữu, duyên, diệt, chỉ, diệu, xuất, đạo, chánh, tích, thừa.

Do nắm giữ các duyên nên là vô thường. Vì bị bức bách nên là khổ. Vì đối trị kiến chấp của ngã sở nên là không. Vì đối trị ngã kiến nên là phi ngã. Vì là pháp chủng tử nên là nhân. Vì là đẳng khởi nên là tập. Do nối tiếp nhau nên là hữu. Do cùng thành thực nên là duyên. Do các ấm hết nên là diệt. Do ba thứ lửa dừng dứt nên là chỉ. Do lìa hẳn ưu não bên trong nên là diệu. Do lìa hết ưu não ngoài nên là xuất. Vì hướng đến nên là đạo. Vì là phương tiện

thiện xảo nên là chánh. Vì cùng đi tới nên là tích. Vì nhằm đạt cứu cánh nên là thừa.

Lại nữa, vì không phải rốt ráo nên là vô thường. Vì là gánh nặng nên là khổ. Do bên trong lìa người nên là không. Do không tự tại nên là phi ngã. Do đi tới phương tiện nên là nhân. Do xuất sinh phương tiện nên là tập. Do tăng trưởng nên là hữu. Do dựa vào nhau nên là duyên. Do không nối tiếp, lìa nối tiếp nên là diệt. Do lìa ba tướng hữu vi nên là chi. Vì là thiện vì là thường nên là diệu. Vì là sự dừng dứt bậc nhất nên là xuất. Vì đối trị nẻo tà nên là đạo. Vì đối trị bất chánh nên là chánh. Vì lên thành Niết-bàn nên là tích. Vì nhằm đối trị tất cả hữu nên là thừa.

Hỏi: Về sự có bao nhiêu hành?

Đáp: *Sự hoặc nói mười sáu:* Tức nơi tên gọi mười sáu hành này cũng là mười sáu sự. Có thuyết nói: Sự chỉ có bảy. Nghĩa là hành khổ về tên có bốn, sự cũng có bốn, vì đối trị điên đảo. Hành tập về tên có bốn, sự có một. Diệt, đạo cũng như thế. Như vậy thì thuyết cho tên có mười sáu, sự cũng mười sáu là tốt.

Hỏi: Lìa mười sáu hành, lại có tuệ vô lậu chăng?

Đáp: *Lìa nơi mười sáu hành, Trừ ám, phi vô lậu:* Tức lìa mười sáu hành, không có tuệ vô lậu. Như Khế kinh nói: “Sự (Nẻo sinh tử) của ta đã hết”. Đó cũng là sự sinh của các hành như khổ v.v... đã hết. Như nói ta chặt cây thì dùng cái gì để chặt? Nghĩa là dùng rìu búa để chặt. Đây cũng như thế.

Hỏi: Các trí này mỗi trí có bao nhiêu hành?

Đáp:

*Hai trí mười sáu hành
Pháp trí và tỷ trí
Hành như thế hoặc phi
Đây nói là đẳng trí.*

Hai trí mười sáu hành, Pháp trí và tử trí: Nghĩa là mười sáu hành như đã nói, tất cả pháp trí, tử trí cùng chuyển.

Hành như thế hoặc phi, Đây nói là đẳng trí: Tức đẳng trí hành mười sáu hành, cũng không phải mười sáu hành. *Mười sáu hành* là căn thiện như noãn v.v... là mười sáu hành và văn tuệ, tư tuệ bất định khác. *Cũng là phi* (Không phải) nghĩa là các hành như bệnh, như ung nhọt v.v... Đây gọi là phi.

Hỏi: Nếu đẳng trí là mười sáu hành thì vì sao không nói tên khổ trí cho đến đạo trí?

Đáp: Vì cảnh giới hoại. Hành vô lậu thì không hoại cảnh giới, vì duyên riêng nơi đế. Còn hành hữu lậu thì hoại cảnh giới. Vì hành vô thường là duyên nơi ba đế hữu lậu. Hành không, phi ngã là duyên nơi tất cả pháp.

*Bốn trí có bốn hành
Hành quyết định đã nói
Nếu trí biết tha tâm
Hành như thế hoặc phi.*

Bốn trí có bốn hành, Hành quyết định đã nói: Nghĩa là khổ trí có bốn hành, cho đến đạo trí cũng như thế.

Nếu trí biết tha tâm, Hành như thế hoặc phi: Nghĩa là nếu tha tâm trí là vô lậu thì có bốn hành của đạo. Do trí hữu lậu không phải là cảnh giới của tự tướng.

*Tận trí, vô sinh trí
Lìa hành không, vô ngã
Nói có mười bốn hành
Tức là gần nơi đẳng.*

Tận trí, vô sinh trí, Lìa hành không, vô ngã, Nói có mười bốn hành: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí có mười bốn hành, trừ hành không, vô ngã.

Hỏi: Vì sao hai trí ấy không có hành không, vô ngã?

Đáp: Tức là gần nơi đấng. Đệ nhất nghĩa của tận trí, vô sinh trí là gần với đấng. Đệ nhất nghĩa của hành không, hành vô ngã thì gần với đệ nhất.

Hỏi: Các hành kia là ai có thể hành, cũng là đối tượng hành của người khác chăng, hay là những tánh nào?

Đáp:

*Tuệ hành có thể hành
Cũng là chốn hành khác
Hữu y có hai thứ
Vô y chốn hành khác.*

Tuệ hành có thể hành, Cũng là chốn hành khác: Nghĩa là tự tánh của tuệ là hành, có thể ở trong cảnh giới kia hành các hành như vô thường v.v... Cảnh giới kia cũng là đối tượng hành của các hành như vô thường v.v...

Hữu y có hai thứ: Nghĩa là trừ tuệ, pháp tương ưng còn lại cũng là chủ thể hành, vì có duyên, vì cũng là đối tượng hành khác, vì là đối tượng duyên khác, vì không phải hành là không phải tánh của tuệ.

Vô y chốn hành khác: Tức như pháp bất tương ưng kia, nghĩa là sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành, không phải là hành nơi đối tượng hành khác, vì không phải là tánh của tuệ, không phải là chủ thể hành, vì không có duyên.

Đã nói về kiến lập hành. Kiến lập đặc nay sẽ nói.

*Là tâm vô lậu đầu
Hoặc có thành tựu một
Hai hoặc thành tựu ba
Bốn thời đều tăng một.*

Là tâm vô lậu đầu, Hoặc có thành tựu một: Nghĩa là tâm tương ưng với khổ pháp nhãn đầu, nếu chưa lia dục thì thành tựu một đẳng trí, nếu lia dục thì thành tựu tha tâm trí.

Hai hoặc thành tựu ba: Nghĩa là tâm tương ưng với khổ pháp trí thứ hai, nếu chưa lia dục thì thành tựu ba trí: Khổ trí, pháp trí, đẳng trí. Nếu đã lia dục thì thành tựu tha tâm trí.

Bốn thời đều tăng một: Nghĩa là ở vào bốn thời trên, mỗi mỗi đều tăng khổ tử trí. Nếu chưa lia dục thì thành tựu bốn trí: Pháp trí, tử trí, khổ trí, đẳng trí. Nếu lia dục thì được tha tâm trí. Tập pháp trí tăng tập trí. Diệt pháp trí tăng diệt trí. Đạo pháp trí tăng đạo trí. Trong nhãn thì không được trí, vì không phải là tánh của trí. Tập, diệt, đạo tử trí không tăng trí, do đã được tên khổ tử trí.

Đã nói thành tựu trí. Về tu nay sẽ.

*Nếu tu đắc nơi trí
Là ở kiến đạo Thánh
Tức tu đương lai kia
Các nhãn cũng như thế.*

Nếu tu đắc nơi trí, Là ở kiến đạo Thánh, Tức tu đương lai kia: Nghĩa là các trí của kiến đạo là tu hiện tại.

Tức tu đương lai kia: Nghĩa là khổ pháp trí tu hiện tại, khổ pháp trí tu ở vị lai, không phải là nhãn, không phải là trí khác. Như thế cho đến đạo pháp trí.

Các nhãn cũng như thế: Nghĩa là khổ pháp nhãn tu hiện tại, tức vị lai kia cũng tu, không phải là trí, không phải là nhãn khác. Tất cả nhãn cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao kiến đạo chỉ tu tự phần, còn tu đạo thì tu tự phần và không phải tự phần?

Đáp: Vì tu đạo kia mới đạt được chủng tánh. Còn kiến đạo thì đầu tiên đã kiến đế, nên chỉ tu tự phần không phải phần khác. Lại, vì đạo không xen tạp, vì nhanh chóng và vì là đạo không có giác (Tâm).

*Ở trong ba tâm kia
Tu đắc nơi đẳng trí
Hoặc tu bảy hoặc sáu
Nên biết tâm sau cùng.*

Ở trong ba tâm kia, Tu đắc nơi đẳng trí: Nghĩa là ba tâm vô gián đẳng biên của kiến đạo là tu đẳng trí, tức là khổ, tập, diệt tử trí. Nếu dựa vào thiền vị lai, vượt lên ly sinh, người kia tu kiến đạo của một địa, tu đẳng trí của hai địa, là thiền vị lai và cõi dục. Nếu dựa vào thiền thứ nhất vượt lên ly sinh thì tu kiến đạo của hai địa, đẳng trí của ba địa, cho đến thiền thứ tư thì tu kiến đạo của sáu địa, đẳng trí của bảy địa.

Hỏi: Đạo tử trí biên vì sao không tu đẳng trí?

Đáp: Vì biên không phải là phân. Vì tu biên vô gián đẳng của đế, nên gọi là biên vô gián đẳng. Vì không thể tu tất cả đạo và biên vực của Phật để nhận biết tất cả khổ, tập, diệt.

Lại nữa, trí thế tục đối với đế kia, vì đã từng là vô gián đẳng, vì tu quyền thuộc của kiến đạo. Đẳng trí của biên vô gián đẳng là quyền thuộc của kiến đạo. Còn đạo tử trí là tu đạo. Sở dĩ nơi cõi vô sắc không tu vì không có kiến đạo.

Hỏi: Vì sao pháp trí không tu?

Đáp: Vì đế vô gián, không là cứu cánh. Nếu tu thì nên nói là vô gián đẳng. Nếu người cõi dục thì tánh là bốn ấm, vì bất định. Nếu người cõi sắc thì tánh là năm ấm, do định (Có định tức có định cùng sắc. Có sắc ấm là vì có năm ấm). Vì trí tăng nên nói là tu đẳng trí. Nếu biên vô gián đẳng của khổ thì có bốn sự: Cõi dục duyên nơi khổ của cõi dục. Cõi sắc duyên nơi khổ của cõi sắc, vô sắc. Biên vô gián

đẳng của tập, diệt cũng như thế. Pháp không sinh này dựa vào tùy tín hành, tùy pháp hành. Tùy tín hành, tùy pháp hành thành tựu nhưng không hiện ở trước.

Hoặc tu bảy hoặc sáu, Nên biết tâm sau cùng: Nghĩa là nếu lìa dục được đạo tử trí, ở vị lai tu bảy trí, trừ đẳng trí, tận trí, vô sinh trí. Nếu chưa lìa dục thì tu sáu trí, tức bảy trí kia trừ tha tâm trí. Tu đẳng trí của đạo đối trị phi tướng phi phi tướng xứ, vì trí kia không phải là đối trị nên không tu.

*Nơi tu đạo trên kia
Mười bảy tâm vô lậu
Nên biết tu ở bảy
Căn tăng ích hoặc sáu.*

Nơi tu đạo trên kia, Mười bảy tâm vô lậu, Nên biết tu ở bảy: Nghĩa là nếu chưa lìa sáu thứ dục, từ quả Tu-đà-hoàn, tiến chín đạo vô ngại, tám đạo giải thoát, tức tu bảy trí. Vì đạo này thuộc về thiên vị lai, không có tha tâm trí, tận trí, vô sinh trí, vì là vô học nên không tu, còn bảy trí khác tất phải tu. Nếu thế tục trí lìa dục, trí ấy nơi hiện tại tu một đẳng trí, vị lai tu bảy. Nếu vô lậu là bốn pháp trí, thì mỗi mỗi hiện tại đều tu, vị lai tu bảy.

Căn tăng ích hoặc sáu: Nghĩa là tín giải thoát cầu kiến đạo, thì nơi đạo vô ngại kia tu sáu trí, không phải là tha tâm trí, vì cùng trái với đạo vô ngại, không phải là đẳng trí, do giống với kiến đạo, không phải là tận trí, vô sinh trí, vì là vô học. Nếu chưa lìa dục, đạo giải thoát cũng tu sáu trí này, nếu lìa dục thì tu bảy trí, thế nên nói như vậy. Hoặc đạo thăng tấn được bất động, tức nơi chín đạo vô ngại tu bảy trí, không phải là tha tâm trí, vì cùng trái với đạo vô ngại. Không phải là đẳng trí, vì không phải đối trị đệ nhất hữu. Không phải là vô sinh trí, vì chưa đắc. Tám đạo giải thoát tu tám trí, tức cũng được tha tâm trí. Đạo giải thoát thứ chín tu mười trí, thế nên nói hoặc là.

*Lúc được quả Bất hoàn
Cùng lìa bảy địa trên,
Huân tu các thần thông
Giải thoát tu tập tám.*

Được quả A-na-hàm tất được thiền căn bản nên tu tám trí, trừ tận trí, vô sinh trí cùng bốn thiền, ba vô sắc. Bảy địa này lúc lìa dục, ở nơi chín đạo giải thoát tu tám trí. Nếu đạo thế tục khi lìa dục, thì nơi hiện tại tu đẳng trí, vị lai tu tám. Nếu đạo vô lậu lìa dục thì tu sáu trí, mỗi mỗi trí nơi hiện tại tu, vị lai tu tám.

Sáu trí là khổ tử trí, tập, diệt đạo tử trí và diệt, đạo pháp trí. Huân tu thiền nơi một đạo giải thoát, hữu học tu tám trí, vô học tu mười trí. Thần túc, tha tâm trí, túc mạng thông nơi một đạo giải thoát cũng tu tám trí, vì thuộc về thiền căn bản.

Thiên nhãn, thiên nhĩ nơi đạo giải thoát, vì vô ký nên không tu (Ba thông trên lúc được và về sau, khi hiện dụng, đều là đạo giải thoát. Đạo giải thoát đều là thần túc vì hàng phục chúng sinh. Hai thông khác vì đối tượng nhận biết là vi tế, xa, vì nhãn nhĩ không có, nên là vô ký).

*Các đạo vô ngại này
Cùng diệt đê nhất hữu
Túc tám giải thoát kia
Nên biết tu nơi bảy.*

Đạo vô ngại của bảy địa lìa dục và hai đạo vô ngại của tu thiền đối trị, năm đạo vô ngại của các thông (Bảy địa lìa dục và huân tu, dùng một đẳng trí, một vô lậu trí làm đạo vô ngại, vì hai niệm nên nói là hai. Do năm thông đều có đạo vô ngại, nên nói là năm), tu bảy trí, trừ tha tâm trí, vì trái với đạo vô ngại. Tám đạo giải thoát của đê nhất hữu lìa dục, tu bảy trí, trừ đẳng trí, vì không phải là đối trị.

*Đệ nhất hữu lìa dục
Đạo vô ngại tu sáu
Thượng thừa cần nên biết
Tu tập nơi địa dưới.*

Đệ nhất hữu lìa dục, Đạo vô ngại tu sáu: Nghĩa là đệ nhất hữu lìa dục, chín đạo vô ngại tu sáu trí, trừ tha tâm trí và đẳng trí. Tất cả đạo phương tiện hữu lậu, vô lậu đều tu tám trí.

Thượng thừa cần nên biết, Tu tập nơi địa dưới: Tức nêu địa này lìa dục, tức là tu trí vô lậu của địa này và địa dưới. Nghĩa là thiền thứ nhất lìa dục, tức tu công đức của thiền thứ nhất và thiền vị lai. Như thế cho đến đệ nhất hữu lìa dục, tức tu công đức vô lậu của tất cả địa. Pháp đối trị trên gọi là thượng thừa.

*Trong tâm đầu vô học
Tu ở tất cả địa
Tu vô học tương tợ
Hoặc khổ, tập tử trí.*

Trong tâm đầu vô học, Tu ở tất cả địa: Nghĩa là tận trí đầu của bậc vô học tương ưng với tâm, tu công đức của chín địa.

Hỏi: Tu những thứ công đức vô học nào?

Đáp: Nghĩa là *Tu vô học tương tợ*. Nếu là người của pháp thoái thì tu công đức hạ hạ của chín địa, cho đến tu công đức thượng thượng Như Lai địa.

Hỏi: Tâm đầu vô học thuộc trí nào?

Đáp: *Hoặc khổ, tập tử trí:* Tức hoặc khổ tử trí, hoặc tập tử trí, vì sinh duyên, nên khởi niệm như thế này “Sự sinh của ta đã hết”. Bốn ấm sinh duyên của phi tướng phi phi tướng xứ này là dứt hết sau cùng.

Đã nói về tu công đức vô lậu. Hữu lậu nay sẽ nói.

*Tận trí, tâm cùng tu
 Công đức thiện hữu lậu
 Chín địa đến một địa
 Thứ lớp tu cũng giảm.*

Lúc đắc quả A-la-hán, hoặc tu công đức thiện hữu lậu của chín địa, cho đến hoặc một địa.

Hỏi: Vì sao nói chín địa cho đến một địa?

Đáp:

*Tức sinh nơi cõi dục
 Tu hữu lậu chín địa
 Nếu sinh đệ nhất hữu
 Tức tu ở một địa.*

Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục, đắc quả A-la-hán, được tận trí là đã tu căn thiện của chín địa. Nếu sinh nơi thiên thứ nhất thì tu tám địa, trừ cõi dục. Như thế cho đến phi tướng phi phi tướng xứ, tức tu căn thiện của địa đó.

Hỏi: Vì sao ở xứ này tu căn thiện của ba cõi?

Đáp: Vì tất cả sự buộc mở đều vĩnh viễn dứt hẳn. Như ba lần buộc mở. Như hàng phục phiền não, chúng lực sĩ đều khen hay. Như vua lên ngôi Quán đảnh giải thoát, tất cả đều dâng lên những vật báu lạ. Trước tuy được công đức của địa dưới, nhưng do phiền não của địa trên nên ánh sáng của trí không tỏa sáng. Được quả A-la-hán, tất cả công đức đã tu thêm chiếu sáng (Nghĩa tu trong phẩm Trạch sẽ nói rộng).

Hỏi: Đức Thế Tôn nói kiến, trí, tuệ, chúng là một hay là khác?

Đáp:

*Các nhãn thì phi trí
 Tận, vô sinh, phi kiến*

*Tất cả Thánh tuệ khác
Nên biết ba thứ tánh.*

Các nhãn thì phi trí: Nghĩa là tám nhãn như vô gián đẳng, không phải là trí, vì không quyết định. Vì đối trị nghi bị trói buộc của tự phẩm, vì nghĩa quyết định là nghĩa của trí. Lại nữa, nhãn nghĩa là hy vọng mong cầu, trí nghĩa là hy vọng chấm dứt. Lại nữa, nhãn là kiến, không phải là tánh của trí.

Tận, vô sinh, phi kiến: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí, không phải là kiến, vì chấm dứt mong cầu, vì trung bình, và vì đã dứt trừ sinh tử.

Tất cả Thánh tuệ khác, Nên biết ba thứ tánh: Nghĩa là trừ nhãn và tận trí, vô sinh trí, các thứ tuệ còn lại vì có thể tìm cầu nên là kiến, vì quyết định nên là trí.

Hỏi: Là những gì?

Đáp: Là tám trí hữu học và đẳng kiến vô học.

*Nếu trí hữu lậu thiện
Ở ý tức là kiến
Phiền não kiến là trí
Đây và khác nói tuệ.*

Trí hữu lậu thiện nơi ý địa có thể tìm cầu, nên là kiến. Có thuyết nói: Không phải tất cả ý thức tương ưng với trí hữu lậu thiện là tánh của kiến. Nghĩa là từ chỗ khởi của thức thân không xét lường nên không phải là kiến (Năm thức thứ lớp sinh ý thức, đây không phải là kiến). Tâm lúc mạng chung không phải là kiến, vì yếu kém. Khởi tâm tạo tác không phải là kiến, vì hướng đến bên ngoài. Thuyết đầu như vậy là tốt. (Phàm nếu được lý gọi là nói như vậy).

Phiền não kiến là trí: Nghĩa là nếu kiến tự tánh, đó là thân kiến v.v..., vì từ xét lường sinh ra nên nói là kiến. Cũng nói là trí, vì quyết định.

Đây và khác nói tuệ: Nghĩa là ở đây nói hoặc là trí, hoặc là kiến, cùng phân khác chưa nói. Nghĩa là ý thức tương ưng với vô ký. Ngoại trừ năm kiến, các ý địa khác là nhiễm ô và tương ưng với tất cả năm thức, nên biết tất cả là tuệ. Nghĩa là thuyết kia chưa nói. Tức nếu tuệ vô ký thì không phải là kiến, vì không nhanh nhẹn. Tuệ công xảo tuy nhanh chóng nhưng không phải là kiến, vì gây trở ngại cho cầu sinh. Nhiễm ô như trước đã nói. Tuệ tương ưng với năm thức không phải là kiến, vì không phân biệt, vì không nhanh chóng, vì chỉ một lần đi qua.

Hỏi: Mỗi mỗi trí duyên với bao nhiêu trí?

Đáp:

*Pháp trí và tỷ trí
Quán xét nơi chín trí
Nhân trí cùng quả trí
Cảnh giới nơi hai trí.*

Pháp trí và tỷ trí, Quán xét nơi chín trí: Nghĩa là pháp trí duyên nơi chín trí, trừ tỷ trí. Tỷ trí cũng duyên nơi chín trí, trừ pháp trí.

Hỏi: Vì sao không lần lượt cùng duyên?

Đáp: Vì cảnh giới dưới trên. Pháp trí duyên nơi dưới, tỷ trí thì duyên nơi trên, cho nên không lần lượt duyên nhau. Như hai người cùng đứng một chỗ, một người nhìn xuống, một người thì nhìn lên. Vì cách nhìn dưới đất và trên không khác nhau, nên họ không cùng thấy mặt nhau. Nếu nói không tự duyên như không tự thấy mặt thì không đúng, vì nhìn liên tục.

Nhân trí cùng quả trí, Cảnh giới nơi hai trí: Nghĩa là khô, tập trí duyên nơi hữu lậu. Tha tâm trí và đẳng trí thuộc về khô, tập đế.

*Đạo trí duyên chín trí
Giải thoát trí không duyên*

*Tất cả cảnh giới khác
Quyết định trí đã nói.*

Đạo trí duyên chín trí: Nghĩa là đạo trí duyên nơi chín trí, trừ đẳng trí. Chín trí còn lại duyên đều thuộc về đạo đế.

Giải thoát trí không duyên: Nghĩa là diệt trí không duyên, vì trí này duyên nơi vô vi.

Tất cả cảnh giới khác, Quyết định trí đã nói: Nghĩa là bốn trí còn lại: Tha tâm trí, đẳng trí, tận trí, vô sinh trí duyên nơi mười trí.

Hỏi: Như trước đã nói, nếu đối trị cõi dục là pháp trí. Tuy có đối trị với cõi sắc, cõi vô sắc, nhưng không phải là tất cả, cũng không phải là hoàn toàn. Vậy những pháp trí nào là đối trị cõi sắc, vô sắc?

Đáp:

*Là diệt và đạo kia
Chón hành của pháp trí
Là đối trị ba cõi
Không tỷ trí cõi dục.*

Là diệt và đạo kia, Chón hành của pháp trí, Là đối trị ba cõi: Nghĩa là có diệt pháp trí và đạo pháp trí của tu đạo đối trị phiền não của ba cõi do tu đạo đoạn trừ. Trí kia ở nơi cõi dục nhận thấy nhiều lỗi lầm, nên tư duy về hành diệt và đối trị cõi dục, được lìa dục của ba cõi.

Hỏi: Vì sao không phải là khô, tập pháp trí?

Đáp: Vì dưới thì kém, trên thì hơn. Đây không phải là quán xú yếu kém có thể lìa dục của xú vượt hơn. Diệt đạo đều là hơn, cho nên quán pháp này để diệt trừ dục của ba cõi.

Lại nữa, nếu duyên nơi cõi dục để lìa cõi sắc, vô sắc, thì đây là sự nhầm chán khác, không ưa thích khác, giải thoát khác, sự việc này là không đúng.

Hỏi: Từng có tỷ trí lia cõi dục?

Đáp: *Không tỷ trí cõi dục:* Tức không có tỷ trí đối trị cõi dục, vì sự việc của mình chưa rõ ráo. Như vua dẹp trừ oán đối trong cõi nước của mình, sau đấy mới chinh phục nước khác. Pháp trí cũng như thế. Không có tỷ trí trước diệt cõi sắc, vô sắc, về sau diệt cõi dục. Lại nữa, pháp trí là trí rất nhạy bén, hãy còn diệt bất thiện, hưởng chi là vô ký.

Hỏi: Thần thông có bao nhiêu tánh của trí?

Đáp:

Thần túc, thiên nhãn, nhĩ
Là nói một đẳng trí
Hoặc sáu trí túc mạng
Năm nói tha tâm trí.

Thần túc, thiên nhãn, nhĩ, Là nói một đẳng trí: Nghĩa là một đẳng trí của các thứ thần túc, thiên nhãn, thiên nhĩ. Vô lậu trí không do hành này. Thần túc nghĩa là thị hiện vô số thứ. Thiên nhĩ thông là thiên nhĩ thức tương ưng với tuệ. Sinh tử thông là thiên nhãn thức tương ưng với tuệ. Thần túc thông thì nơi phẩm khác sẽ nói.

Phương tiện của thiên nhĩ nhằm tư duy về âm thanh lớn. Phương tiện kia tăng dần, được thiên nhĩ thanh tịnh của cõi sắc do bốn đại tạo nên, tùy theo âm thanh xa gần, tất cả đều nghe.

Phương tiện của thiên nhãn tư duy về tướng sáng. Phương tiện kia tăng dần ở nơi mắt tròn khắp, được thiên nhãn thanh tịnh của cõi sắc do bốn đại tạo nên, ở nơi một phương thấy khắp mười phương, tất cả đều thấy nhưng không phải cùng một lúc.

Hoặc sáu trí túc mạng: Nghĩa là như Tôn giả Cù sa nói, sáu trí không phải là tha tâm trí, vì duyên nơi hiện tại. Không phải là diệt trí, vì diệt trí duyên nơi vô vi. Không phải là tận trí, vô sinh trí, vì hai

trí này không phải là tánh của kiến. Người A-tỳ-đàm nói, một đẳng trí vì duyên nơi danh tánh v.v... của chúng sinh. Phương tiện nghĩa là hoặc đối với tự thân, hoặc ở nơi thân khác. Phương tiện ở nơi xứ này tức ở nơi xứ ấy là cứu cánh, hoặc lại ở xứ khác. Thanh văn, Duyên giác từ thân trước khởi, cho đến cứu cánh tùy thuộc vào điều mong muốn. Chỉ có Đức Như Lai là tùy ý tự tại, hoặc trước hay sau, tùy theo những gì thấy nghe thấy đều nhớ nghĩ.

Năm nói tha tâm trí: Nghĩa là năm trí nhận biết tha tâm. Tức như pháp trí nhận biết cảnh giới của tự phần nơi tâm tâm pháp thuộc phẩm pháp trí khác. Tỷ trí cũng như vậy. Đạo trí nhận biết tâm tâm pháp vô lậu khác. Đẳng trí nhận biết tâm tâm pháp thể tục khác. Tha tâm trí là năm.

Phương tiện nghĩa là hoặc từ thân mình, hoặc từ tâm mình, nhận lấy tướng mạo kia. Thân của tướng như thế, có tâm của tướng như thế, do phương tiện này nên căn thiện tăng dần, cho đến nhận biết tâm tâm pháp người khác. Đó gọi là thành tựu phương tiện về sắc, và từ tự tâm khởi, đến khi thành tựu, không duyên nơi sắc và tự tâm, lia nơi hành duyên, nhận biết căn độ, địa độ, nhân độ của tha tâm trí.

Không nhận biết căn độ, nghĩa là căn hạ không nhận biết căn trung, thượng. Cho đến hạ của địa thiên thứ tư nhận biết hạ của địa dưới, vô lậu không phải là pháp khác. Hữu lậu là nhận biết hữu lậu, không nhận biết vô lậu. Địa độ là thiên thứ nhất không nhận biết thiên thứ hai. Nhân độ là người hữu học không nhận biết người vô học. Thế nên tâm tâm pháp của Phật không phải là tất cả cảnh giới của tha tâm trí. Tất cả cảnh giới nơi sự của tha tâm trí, cảnh giới của tự tướng, cảnh giới của tâm tâm pháp, cảnh giới hiện tại, là cảnh giới khác, trừ kiến đạo là do tu đạo đắc nên không, vô tướng, không tương ưng với tận trí và vô sinh trí, vì không thuộc về và lia đạo vô ngại.

Hỏi: Thế nào là thần thông như thuyết mà sinh hay là khác?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Như thuyết mà sinh. Như Đức Thế Tôn trước nói thần túc, cho nên sinh trước, cho đến sau nói về trí sinh tử, cho nên sinh sau, Tôn giả Cù Sa nói ở nơi xứ của cõi dục khởi thần thông, như thuyết mà sinh. Nếu ở cõi sắc thì khác với đây. Người tu hành nghe nói trời nơi cõi sắc nhưng không thấy. Vì muốn thấy nên khởi thiên nhãn. Vì thấy nhưng không thể đi đến, nên khởi thần túc. Đi đến nhưng không nghe nói nên khởi thiên nhĩ. Tuy nghe nhưng không nhận biết tâm trụ như thế nên khởi tha tâm trí. Nhận biết tha tâm nhưng không tự nhận biết trước kia mình từ đâu đến nên khởi túc mạng trí. Nói như thế là thần thông không có thứ lớp theo chánh thọ, không vượt lên chánh thọ, không thuận với chánh thọ, cũng không nghịch với chánh thọ. Nên biết thần thông thuộc về đạo giải thoát, không phải là đạo vô ngại.

Hỏi: Lực, vô sở úy, mỗi mỗi pháp có bao nhiêu tánh của trí?

Đáp:

*Trí lực xú, phi xú
Cùng đệ nhất vô úy
Đây là mười trí Phật
Khác trong đây sai biệt.*

Trí lực xú, phi xú, Cùng đệ nhất vô úy, Đây là mười trí Phật: Nghĩa là lực xú, phi xú và vô úy thứ nhất, tánh của mười trí này là cảnh giới rộng khắp.

Hỏi: Lực, vô úy khác là tánh của trí gì?

Đáp: *Khác trong đây sai biệt:* Tức sự sai biệt của lực xú, phi xú là có lực khác. Sai biệt của vô úy thứ nhất là có vô úy khác. Đức Thế Tôn quán xét người thọ nhận giáo hóa, vì hy vọng nên kiến lập nhiều thứ.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn tự nói công đức?

Đáp: Vì người cầu Phật đạo. Vì người tu tam muội niệm Phật.

Lại nữa, ở nơi đấng giải thoát hiện bày có sai biệt, vì biện tài lạc thuyết là vô tận, không có vương mắc, không có thiếu sót, cho đến trong các sự việc như hàng phục voi say, vẫn có kẻ nghi không biết là do sức của ai? Vì các sự việc kia nên Đức Phật hiển thị lực của mình.

Lại nữa, vì người thọ nhận giáo hóa, nên nói công đức thật, vì không quá lượng, vì lìa pháp không phải của bậc đại nhân.

*Nghiệp tịnh có quả ái
Bất tịnh quả không ái
Đây nói là thị xứ
Khác tức nói phi xứ
Nên nhận biết như thế
Lực thị xứ, phi xứ.*

Nghiệp tịnh có quả ái, Bất tịnh quả không ái, Đây nói là thị xứ: Nghĩa là nhân quả quyết định nên trí kia là không chướng ngại, nhận biết đây là nhân quyết định kia. Đó là nghiệp tịnh có quả ái, nghiệp bất tịnh có quả không ái. Cũng như nhân quả của hạt giống bên ngoài tùy từng loại.

Khác tức nói phi xứ: Nghĩa là cùng với thị trái nhau, gọi là phi xứ.

Nên nhận biết như thế, Lực thị xứ, phi xứ: Tức nghĩa cùng khởi dung nạp là nghĩa của thị xứ. Cùng với thị trái nhau gọi là nghĩa của phi xứ. Không khuất không phục, không có gì vượt hơn, không hề khuynh động nên nói là lực.

*Tự tánh mười trí kia
Ở nơi mười một địa
Quyết định nói Như Lai
Là dựa Diêm-phù-đề.*

Tự tánh mười trí kia: Nghĩa là như trước đã nói, vì cảnh giới rộng khắp. Tức tự tánh của mười trí duyên nơi tất cả pháp, là mười sáu hành, hoặc lia hành, tương ưng với bốn niệm xứ, ba chánh thọ, ba căn.

Ở nơi mười một địa: Nghĩa là cõi dục, bốn thiên, thiên vị lai, thiên trung gian cùng bốn vô sắc.

Quyết định nói Như Lai: Nghĩa là kiến lập lực của Như Lai, không phải là Thanh văn, Duyên giác, do Đức Như Lai đã trừ bỏ hai thứ vô tri: nhiễm ô, không nhiễm ô. Thế nên trí Phật không bị khuất phục do phi trí, là vô học và phi học phi vô học, không phải là học như Thanh văn, Duyên giác chỉ trừ nhiễm ô, không trừ không nhiễm ô. Như Lai đã trừ bỏ hai thứ nghi là nghi xứ sử và nghi phi xứ.

Là dựa Diêm-phù-đề: Nghĩa là thân của châu Diêm-phù-đề hiện ở trước, không phải là thân khác. Vì phương khác không có Phật ra đời. Người châu Diêm-phù-đề là lợi căn, dễ giác ngộ. Thế nên Đức Phật xuất thế tại châu Diêm-phù-đề, không phải là xứ khác.

*Lực thứ hai tám trí
Nơi sự kia chuyển nghiệp
Và pháp thọ phiền não
Ngoài ra như trước nói.*

Lực thứ hai tám trí: Nghĩa là tám trí của trí lực tự nghiệp, trừ diệt trí, đạo trí, vì hai trí này duyên nơi vô lậu, thế nên nói là tám. Hành hoặc lia hành, tương ưng với không, vô nguyên.

Hỏi: Duyên nơi gì?

Đáp: Nơi sự kia chuyển nghiệp, Và pháp thọ phiền não: Sự kia: Là quả của nghiệp, thân, khẩu nghiệp và tư là nghiệp. Pháp thọ: Có bốn pháp thọ là có pháp thọ vui hiện đời, vui đời sau. Nên so sánh như thế. Phiền não: Là nhân của nghiệp. Ở nơi đây chuyển, duyên nơi đây khởi.

Ngoài ra như trước nói: Nghĩa là phần còn lại như nói về lực xứ, phi xứ.

*Các thiền và bối xả
Chánh thọ Tam-ma-đề
Lực thứ ba hồi chuyển
Chín trí khác như trước.*

Các thiền và bối xả, Chánh thọ Tam-ma-đề, Lực thứ ba hồi chuyển: Tức thiền là bốn thiền. Bối xả là tám bối xả. Chánh thọ là định vô tướng, định diệt tận và bốn vô sắc. Tam-ma-đề là không, vô tướng, vô nguyện. Lực thứ ba là ở trong thiền, bối xả, chánh thọ, Tam-ma-đề này chuyển, duyên nơi lực ấy khởi.

Hỏi: Tánh của lực ấy là gì?

Đáp: Là tánh của *chín trí* trừ diệt trí và bốn hành của diệt, tam muội vô tướng, vì duyên nơi vô vi.

Khác như trước: Nghĩa là phần còn lại như nói về trí lực của tự nghiệp.

*Các căn ở trên dưới
Lực thứ tư hồi chuyển
Thứ năm nói giải lực
Thứ sáu duyên nơi giới.*

Các căn ở trên dưới: Trên là hơn, dưới là kém, căn là chủ.

Lực thứ tư: Nghĩa là các căn lực trên, dưới.

Hồi chuyển: Nghĩa là duyên, là duyên nơi ba đế, từ duyên nơi căn theo phương tiện khởi, nên nói các căn lực trên dưới, như tha tâm trí.

Thứ năm nói giải lực: Giải là dục, giải kia cũng có hai thứ: Có hơn, có kém, hơn là dục thiện, kém là dục ác. Lại nữa, dục đạo và quả của đạo là hơn. Dục sinh tử là kém. Dục này cũng duyên nơi ba đế. Vì từ phương tiện của dục khởi, nên nói là lực của dục.

Thứ sáu duyên nơi giới: Giới nghĩa là tự tánh. Có hai thứ như trước đã nói.

*Nơi vô số nẻo kia
Lực thứ bảy hồi chuyển
Nên biết đã nói bốn
Khác đều như trước nói.*

Nơi vô số nẻo kia, Lực thứ bảy hồi chuyển: Nẻo là đường, đường kia cũng có vô số: hướng tới địa ngục, cho đến Niết-bàn. Duyên nơi nẻo kia và các thứ vật dụng nên gọi lực của nẻo.

Nên biết đã nói bốn, Khác đều như trước nói: Nghĩa là đã nói lực của căn, giải, giới, nẻo. Nhân duyên khác nên biết như nói về thiền, bồi xả, chánh thọ, tam muội. Hoặc có thuyết cho trí lực của nẻo là tánh của mười trí.

*Biết túc mạng hữu hành
Là nói lực thứ tám
Là thiền có phiền não
Khác tức như trước nói.*

Biết túc mạng hữu hành, Là nói lực thứ tám: Nghĩa là lực túc mạng, ở nơi chôn thọ nhận của đời trước, hoặc chôn hành, chôn thọ nhận vô số thứ đều nhận biết. Chôn hành kia là trung ấm. Chôn thọ nhận là bản hữu, do bản hữu nên có chôn thọ nhận, hoặc Sát-lợi, hoặc Bà-la-môn, các chúng như thế đều biết là lực của túc mạng. Nói một trí nghĩa là túc mạng trí, có hai thứ là từng được, nay được. Thượng trung hạ nói ba địa. Kiến lập nói bốn. Hạ trung thượng từng được, nay được, nói sáu địa. Từng được, nay được, nói tám. Từ hạ hạ đến thượng thượng, nói chín địa. Cùng hạ trung thượng phân biệt nói mười hai. Hạ hạ v.v... từng được nay được nói mười tám địa. Hạ trung thượng từng được, nay được, nói hai mươi bốn địa. Hạ hạ v.v... phân biệt nói ba mươi sáu địa. Hạ hạ

v.v... từng được nay được nói bảy mươi hai. Đây là nói chung về một túc mạng trí.

Là thiên: Nghĩa là thiên căn bản, không phải là quyền thuộc. Không phải là vô sắc, vì không có thần thông dựa vào Tam-ma-đề, thuộc về bốn chi, năm chi, Tam-ma-đề là chỗ dựa của thần thông. Chỉ là thiên, không phải thứ khác. Nếu dựa vào thiên kia được túc mạng thông tức nhận biết thiên kia và địa dưới. Nếu dựa vào thiên thứ nhất được thần thông, thì biết thiên thứ nhất và thiên trung gian là đồng là một địa.

Có phiền não: Như trước đã nói là đẳng trí. Thế nên không có sự vô lậu là pháp niệm xứ.

Khác tức như trước nói: Nghĩa là như nói về trí lực của nẻo.

*Lực thứ chín nên biết
Xa lìa đối tượng duyên
Mạng chung cùng thọ sinh
Hành nơi số chúng sinh.*

Lực thứ chín nên biết, Xa lìa đối tượng duyên: Nghĩa là trí lực của sinh tử trừ duyên, ngoài ra như nói về túc mạng trí. Thanh văn không phương tiện thấy một ngàn thế giới. Có phương tiện là thấy hai ngàn thế giới. Duyên giác không phương tiện thấy hai ngàn thế giới. Có phương tiện tức thấy ba ngàn thế giới. Phật không phương tiện thấy ba ngàn thế giới. Có phương tiện thấy vô lượng vô biên ức trăm ngàn tam thiên thế giới.

Hỏi: Duyên nơi gì?

Đáp: *Mạng chung cùng thọ sinh, Hành nơi số chúng sinh:* Tức người kia duyên nơi sắc nhập, như đã nêu là tùy theo nghiệp, thọ nhận pháp nơi như thật trí. Nên biết pháp kia là nói về quyền thuộc. Trí sinh tử, đây là nội pháp.

*Lực thứ mười, mười trí
Hoặc sáu, tất cả địa
Thị hiện lực, minh, thông
Khác đều như trước nói.*

Lực thứ mười, mười trí, Hoặc sáu: Nghĩa là nếu nói người đạt được lậu tận, là lậu tận trí, thì lực kia nói là tánh của mười trí. Nếu do duyên nơi lậu tận nên là lậu tận trí, thì lực kia nói là sáu trí, trừ tha tâm trí, khổ, tập, đạo trí.

Tất cả địa: Nghĩa là lậu tận trí ở nơi mười một địa, vì gồm sáu thọ sinh.

Thị hiện lực, minh, thông: Nghĩa là trí lậu tận ấy nói là thị hiện, tức thị hiện răn dạy khiến người kia hoan hỷ. Vì không khuynh động nên nói là *lực*. Vì vĩnh viễn lìa vô minh nên nói là *minh*. Vì thông hợp nơi chủng tánh nên nói là *thông*. Trí lực tức mạng, trí lực sinh tử, là nói về *lực, thông, minh*, không phải là thị hiện.

Hỏi: Lực này không phải là phi học phi vô học? Vì sao Khế kinh nói ba minh hoàn toàn là vô học?

Đáp: Vì vô học là ở trong thân chứng đắc, vì dẫn đến đệ nhất nghĩa minh.

Hỏi: Vì sao trong sáu thông, ba thông được kiến lập làm minh, không phải là thứ khác?

Đáp: Vì nhằm đối trị ba thứ ngu: Minh thứ nhất diệt trừ ngu về biên vực trước. Minh thứ hai diệt trừ ngu về biên vực sau. Minh thứ ba diệt trừ ngu nơi chân đế. Vì dẫn đến ba môn giải thoát, nên trong sáu thông hai thông là thị hiện, không phải là minh, tức là thân tức và tha tâm trí. Hai thứ là minh, không phải là thị hiện, là trí tức mạng và trí sinh tử. Lậu tận thông là cùng có, thiên nhĩ thông thì cùng không.

Khác đều như trước nói: Nghĩa là phần còn lại chưa nói. Nhân duyên thì như trước đã nói.

Đã nói về lực. Vô úy nay sẽ nói.

*Đầu tức như lực đầu
Thứ hai như thứ mười
Hai khác như hai bảy
Gọi là vô úy an.*

Đầu tức như lực đầu: Nghĩa là nói bậc Chánh giác của chúng ta. Đây là vô úy thứ nhất, tức là lực xú, phi xú.

Thứ hai như thứ mười: Nghĩa là nói: Các lậu của ta đã hết. Đây tức là lực lậu tận.

Hai khác như hai bảy, Gọi là vô úy an: Nghĩa là nói: Ta vì các đệ tử nói về pháp chương đạo. Nếu nói không chương đạo, tức không có sợ hãi này. Đây tức là trí lực của tự nghiệp. Nói: Ta vì các đệ tử nói đạo là nẻo xuất ly của Hiền Thánh. Nếu nói không xuất ly, tức không có sợ hãi này. Nên biết đây tức là lực hướng đến.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói Khế kinh này?

Đáp: Vì để chế ngự sự hủy báng của Thiện tinh và Bà la bà nên nói Khế kinh này.

Thiện tinh nói: Sa-môn Cù Đàm không có pháp vượt hơn người. Vì chế ngự sự việc ấy nên Đức Phật nói hai vô úy trước.

Bà la bà nói: Pháp của Sa-môn Thích chủng tử ta đều thấy biết. Vì nhằm chế ngự điều ấy, nên nói hai vô úy sau.

Lại nữa, hai vô úy trước là nói về tự an, hai vô úy sau là nói về an cho người khác. Nghĩa không khuất phục là nghĩa của vô úy, vì lia sợ hãi.

Hỏi: Lực với vô úy có sai biệt gì?

Đáp: Có thuyết nói: Không có sai biệt. Lại có thuyết cho: Trí là lực. Ánh sáng của trí soi chiếu khắp là vô úy. An trụ là lực. Dũng mãnh là vô úy. Trí vô tận là lực. Biện vô tận là vô úy. Sai biệt là như thế v.v...

Lại nữa, mỗi mỗi lực gồm sáu bốn vô úy. Mỗi mỗi vô úy gồm sáu mười lực. Mười bốn pháp này lại cùng với ba niệm xứ, bất cộng và đại bi là mười tám pháp bất cộng của Phật. Vì không chung với tất cả Thanh văn, Duyên giác nên gọi bất cộng. Niệm xứ và đại bi là tánh của tuệ.

Hỏi: Địa nào là vô tránh? Thế nào là hành? Xứ nào hiện ở trước? Duyên nơi gì? Những người nào phát khởi? Những gì là tự tánh?

Đáp:

*Thiền thứ tư hữu cầu
Vô tránh ba phương dựa
Duyên dục chưa sinh nào
Dựa bất động trí tuệ.*

Thiền thứ tư: Nghĩa là vô tránh ở nơi thiền thứ tư, không phải là địa khác. Vì cảnh giới rộng khắp, vì đối với tất cả chỗ nương dựa là tối thắng, vì là hữu cầu, là hành Thánh.

Vô tránh: Nghĩa là trái với phiền não. *Ba phương dựa:* Tức ba phương hiện ở trước, không phải phương khác. Là nói về nơi chốn sinh khởi của lực.

Duyên dục chưa sinh nào: Nghĩa là duyên nơi phiền não vị lai của cõi dục, đó là tự tướng nơi các phiền não tham, sân, si, mạn, không phải là tổng tướng, tổng tướng là cảnh giới rộng khắp. Thế nên được bốn niệm xứ tương ứng với xả căn.

Dựa bất động: Nghĩa là do thân đã được lia phiền não nên là sức của tam muội, chỉ có pháp bất động là nơi chốn có thể dấy khởi, không phải pháp khác.

Trí tuệ: Nghĩa là tự tánh của trí tuệ. Bạc A-la-hán kia vì không hành năm nhân duyên nên có thể khiến chư vị không dấy khởi phiền não. Tức là chánh oai nghi và chánh thuyết, phân biệt nên thọ nhận không nên thọ nhận, khi quán xét về trụ xứ và quán xét về người.

Chánh oai nghi: Nghĩa là thân ngồi ngay ngắn ở một phương. Nếu có người đến liền quán xét tâm họ. Quán xét tâm người kia, có những oai nghi nào khiến không sinh khởi kiết. Nếu ở nơi oai nghi này khiến người ấy không dấy khởi kiết, tức thời liền trụ nơi oai nghi ấy.

Chánh thuyết: Nghĩa là nếu có người đến liền quán xét tâm họ. Nếu nói nhưng người ấy lại khởi kiết thì không nên nói. Nếu không cùng nói nhưng người ấy khởi kiết thì nên nói.

Phân biệt nên thọ nhận không nên thọ nhận: Nghĩa là người khác thí cho các thứ vật dụng liền quán xét. Nếu thọ nhận vật thí ấy mà người kia khởi kiết thì tuy là cần nhưng không thọ. Nếu không thọ nhận mà người ấy khởi kiết thì tuy không cần cũng thọ nhận.

Quán xét về trụ xứ: Nghĩa là nếu trụ nơi xứ này nhưng khiến cho người kia khởi kiết thì tuy có đầy đủ các thứ vật dụng vẫn nên bỏ đi.

Quán xét về người: Nghĩa là trước nên quán xét về con người, sau đấy mới đi vào thôn xóm. Hoặc là nhà, hoặc là nơi lồi ngõ có kẻ khởi kiết thì không nên vào. Vì sao đối với kẻ kia lại tạo ra duyên xấu? Vì muốn dẫn dắt họ nên khởi suy nghĩ thế này: Ngày trước lúc thân tôi có phiền não, người kia đối với tôi khởi phiền não nên thọ nhận quả bất ái. Huống chi nay tôi đã lia dục, tức nên tạo ra phương tiện khiến họ đối với tôi không dấy khởi phiền não. Đức Phật cùng

các Thanh văn Ba-la-mật đã được vô tránh viên mãn nhưng không thường nhập (Vì khiến chúng sinh nhân nơi ưu não được độ, nên có lúc không nhập tam muội vô tránh).

*Gọi là diệu nguyện trí
Xa lìa cảnh giới kia
Nơi sau cùng ấy được
Tánh tự tại sáu trí.*

Gọi là diệu nguyện trí, Xa lìa cảnh giới kia: Nghĩa là diệu nguyện trí cũng ở nơi thiên thứ tư là chỗ dựa hữu lậu. Ba phương bất động tức chỗ đạt được là tánh của trí tuệ duyên nơi tất cả pháp, vì là cảnh giới rộng khắp. Nương dựa vô sắc nghĩa là quán hành có sai biệt như người làm ruộng, thế nên nói bốn niệm xứ. Như vì nguyện trí mà nhận biết nên nói. Nguyện trí muốn nhận biết là nghĩa này.

Nơi sau cùng ấy được: Nghĩa là nếu khi khởi trí kia, thì tâm thiện của cõi dục theo thứ lớp hiện ở trước nơi thiên thứ nhất. Thứ lớp như thế, cho đến xứ phi tướng phi phi tướng. Nghịch với thứ lớp như thế tức cho đến tâm thiện của cõi dục. Lại thuận theo thứ lớp, cho đến thiên thứ tư hiện ở trước. Về sau lại ở nơi thiên thứ tư từ hạ đến trung, từ trung đến tăng. Ở nơi thiên thứ tư tăng thượng kia về sau khởi nguyện trí.

Tánh tự tại sáu trí: Nghĩa là tự tánh của sáu loại trí này, đó là trí của ba vô ngại, trừ từ vô ngại. Lại nữa, trí vô tránh, trí hậu biên và trí diệu nguyện, các trí này do ba nhân duyên nên khởi: Vì dẫn dắt người khác. Vì gồm thâu giáo pháp. Vì giác (Tâm) thế gian an, không an.

*Nghĩa biện lậu, vô lậu
Ở nơi tất cả địa
Phật nói là phương tiện
Ngoài ra như trước nói.*

Nghĩa biện lậu, vô lậu: Nghĩa là biện tài này là tánh của mười trí, do là đệ nhất nghĩa của tất cả pháp. Có thuyết nói: Là tánh của sáu trí, trừ tha tâm trí, khô, tập, đạo trí, do là đệ nhất nghĩa tối thắng của diệt đế, cho nên nói là duyên nơi tam muội hành niệm xứ.

Ở nơi tất cả địa: Nghĩa là biện tài này ở nơi mười một địa, vì là tự tánh đặc.

Phật nói là phương tiện: Tức nghĩa biện này là do Đức Phật theo phương tiện nên đã nói. Nếu trước không có Phật nói, thì không có người có thể phát khởi vì không nhận biết nghĩa.

Ngoài ra như trước nói: Nghĩa là phần khác chưa nói, tức như nói về nguyện trí.

*Đó gọi là ứng biện
Đạo cùng nêu cảnh giới
Phương tiện nhân minh luận
Hoặc ba, khác như trước.*

Đó gọi là ứng biện, Đạo cùng nêu cảnh giới: Nghĩa là ứng biện duyên nơi đạo và ngôn thuyết. Vì thế biện này là tự tánh của chín trí, trừ diệt trí, có mười hai hành.

Phương tiện nhân minh luận: Nghĩa là biện này nếu không dùng nhân minh luận làm phương tiện thì không thể khởi, vì không nhận biết có ứng hợp hay không ứng hợp. Thế nên nói A-tỳ-đàm là phương tiện, do nhân minh luận không bằng A-tỳ-đàm, do trí của A-tỳ-đàm là đầy đủ.

Hoặc ba: Nghĩa là tánh của ba trí nơi biện này, tức biện, nguyện trí, tối hậu trí, cũng nói là nhận biết đệ nhất nghĩa của tất cả pháp. Đệ nhất nghĩa kia cũng là nghĩa nơi biện.

Khác như trước: Nghĩa là phần còn lại chưa nói, tức như nói về nghĩa biện.

Pháp biện duyên thiết lập
Ở đủ trong năm địa
Dùng số làm phương tiện
Khác như nói vô tránh.

Pháp biện duyên thiết lập: Nghĩa là pháp biện duyên nơi giới hạn sai biệt của danh.

Ở đủ trong năm địa: Nghĩa là nơi cõi dục và bốn thiên, không phải là địa trên, vì nơi cõi vô sắc không duyên với danh và địa dưới, vì không phải là phần.

Dùng số làm phương tiện: Nghĩa là pháp biện dùng số luận làm phương tiện.

Khác như nói vô tránh: Nghĩa là phần còn lại chưa nói thì như trước đã nói về vô tránh.

Phương tiện thanh minh luận
Đây tức là từ biện
Cảnh giới nơi ngôn thuyết
Hai địa, khác như trước.

Phương tiện thanh minh luận, Đây tức là từ biện: Nghĩa là từ biện dùng thanh minh luận làm phương tiện. Nếu trước không hành tập thanh minh luận thì không thể khởi, vì lìa chủng tử.

Cảnh giới nơi ngôn thuyết: Nghĩa là biện này duyên nơi ngôn thuyết, cho nên là thân niệm xứ.

Hai địa: Nghĩa là cõi dục và thiên thứ nhất, không phải địa trên, vì lìa giác quán. *Khác như trước:* Nghĩa là ngoài ra như nói về pháp biện.

Hỏi: Thế nào là biện? Như nói sinh hay là khác?

Đáp: Có thuyết cho: Như nói sinh. Nghĩa là trước đối với pháp khởi danh thiện xảo nhận biết danh, chưa nhận biết nghĩa, nên theo

thứ lớp khởi nghĩa biện. Tuy nhận biết nghĩa nhưng không nhận biết từ, nên theo thứ lớp khởi từ biện. Nhận biết từ biện rồi, vì không thể nêu bày một cách trôi chảy liên tục, nên theo thứ lớp khởi ứng biện.

Lại có thuyết nói: Trước khởi nghĩa biện. Vì nhận biết nghĩa không nhận biết danh, nên tiếp đến là khởi pháp biện. Vì nhận biết danh không nhận biết từ, nên theo thứ lớp khởi từ biện. Nhận biết từ nhưng không thể nói lưu loát liên tục, nên theo thứ lớp khởi ứng biện. (Ứng biện như trước nói).

Lại có thuyết nêu: Danh tùy thuyết chuyển. Thế nên trước khởi từ biện sau khởi pháp biện. Nghĩa dựa nơi danh chuyển, nên tiếp theo là khởi nghĩa biện. Ba biện này dẫn dắt ứng biện.

Hỏi: Biện này như thế nào? Là mỗi mỗi được chăng?

Đáp: Không như thế. Nếu được một thì đủ bốn. Như bốn Thánh chủng cùng được một lúc, đây cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN TẠP A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 7

Phẩm thứ 7: ĐỊNH

Đã nói về trí. Định nay sẽ nói.

*Trí nương dựa các định
An bất động mà chuyển
Thế nên phải xét định
Siêng cầu thấy chân thật.*

Nghĩa quyết định gọi là *trí*. Chánh tánh của tâm thiện kia nối tiếp nhau gọi là *định*. Nghĩa kiến lập gọi là *nuơng dựa*. Nuơng dựa có hai thứ: Cùng khởi và duyên thứ đệ. Hai thứ kia được gọi là nuơng dựa, vì nuơng dựa nơi định để lập, nên nói là nuơng dựa. Các trí của định có tám thứ: Bốn pháp trí, bốn tỷ trí.

An bất động: Nghĩa là không lay động, nên nói là bất động. *Chuyển*: Là nghĩa nhận lấy duyên. Như chiếc đèn dựa vào dầu sạch, tim, lia xứ gió thì ánh sáng rất sáng. Như thế, trí nương dựa nơi các định, lia nơi gió loạn động thì không động mà chuyển.

Thế nên: Là nói về nhân duyên. *Định*: Là chỗ dựa của trí (Sẽ nói sau). *Xét*: Là nghĩa tri kiến.

Siêng cầu: Là lúc cầu tìm dục. *Chân thật*: Nghĩa là không điên đảo, là bốn chân đế. *Thấy*: Nghĩa là vô gián đẳng, là nói thấy chân thật. Do không lia định mà khởi thật trí.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ tam muội?

Đáp:

*Quyết định nói bốn thiền
Cùng với định vô sắc
Trong đây mỗi mỗi nói
Vị, tịnh và vô lậu.*

Quyết định nói bốn thiền, Cùng với định vô sắc: Nghĩa là trí quyết định lược nói có tám thứ tam muội gồm thấu tất cả tam muội. Đức Thế Tôn nhận biết sự khác nhau giữa tam muội và chánh thọ. Tất cả Thanh văn, Duyên giác không nhận biết tên của tam muội kia (Như nơi Tu-đa-la đã nói rộng).

Trong đây mỗi mỗi nói, Vị, tịnh và vô lậu: Nghĩa là mỗi mỗi tam muội nói có ba thứ là vị, tịnh, vô lậu.

*Thiện hữu lậu là tịnh
Vô lậu lìa nóng bức
Vị tức tương ưng ái
Trên hết không vô lậu.*

Thiện hữu lậu là tịnh: Tức nếu là thiện hữu lậu nên biết là tịnh.

Hỏi: Thiện hữu lậu là hữu cấu, vì sao nói là tịnh?

Đáp: Vì cùng trái với phiền não, vì không xen tạp với phiền não, vì dẫn đường vô lậu.

Vô lậu lìa nóng bức: Nghĩa là lìa các thứ nóng bức của phiền não nên biết là vô lậu. Tuy vô lậu kia đã vĩnh viễn lìa phiền não, nhưng nơi đệ nhất nghĩa tịnh nên biết là có sai biệt, do đây đã đặt tên.

Vị tức tương ưng ái: Nghĩa là nếu ái tương ưng với định, nên biết là tương ưng với vị.

Hỏi: Vì sao ái tương ưng nói là thiên, không phải là phiền não khác?

Đáp: Vì tương tợ nên hoàn toàn huân tập gắn liền nơi duyên là tam muội. Phiền não khác không có gắn liền nơi duyên như ái kia. Lại nữa, đã nói ái nên biết là đã nói phiền não khác, tức phiền não này đã gồm đủ.

Trên hết không vô lậu: Nghĩa là những lời nói chung kia, nên nói là mỗi mỗi có đủ ba thứ. Nên biết là nơi đệ nhất hữu chỉ có hai thứ: Không có vô lậu, vì xứ ấy không nhanh nhẹn. Có hai biên là cõi dục và đệ nhất hữu. Thánh đạo lia hai biên, gọi là trung đạo. Lia hai hữu căn bản cũng như thế. Nếu vị tương ưng hiện rõ gọi là vị chánh thọ. Nếu vị không hiện rõ thì gọi là tịnh chánh thọ. Nếu tư duy vô lậu về các hành như vô thường v.v... của năm ấm nên biết là vô lậu chánh thọ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ tịnh?

Đáp:

*Tịnh thì có bốn phần
Phần thoái và phần trụ
Phần thắng tấn, quyết định
Tùy thuận các công đức.*

Phần thoái: Là thuận với phiền não. *Phần trụ:* Là thuận với tự địa. *Phần thắng:* Là thuận với địa trên. *Phần quyết định:* Là thuận với Thánh đạo.

Lại nữa, phần thoái là nếu trụ nơi xứ kia thì thoái chuyển. Phần trụ là nếu trụ ở xứ kia thì không tiến cũng không thoái. Phần thắng là nếu trụ nơi chốn ấy thì có thể thắng tiến. Phần quyết định là nếu trụ ở nơi ấy tức có thể thứ lớp vượt lên ly sinh.

Lại nữa, phần thoái là bị phiền não lấn át, lẫn lộn. Từ thiên theo thứ lớp phiền não hiện ở trước. Phiền não theo thứ lớp nơi thiên hiện

ở trước. Phần trụ là kia có thể nhằm chán các hành như thô v.v... của địa dưới, thọ nhận các hành như vắng lặng v.v... của tự địa. Phần thắng là có thể chán lỗi của tự địa, thọ nhận công đức của địa trên. Phần quyết định là noãn, đánh, nhẫn, pháp thế gian đệ nhất.

Như thiên thì nơi định vô sắc cũng như thế, chỉ trừ các công đức như noãn v.v...

Hỏi: Những gì là tánh của thiên?

Đáp:

*Năm chi có giác quán
Cũng lại có ba thọ
Nhiều thứ và bốn tâm
Là nói thiên thứ nhất.*

Năm chi: Nghĩa là năm chi đã được thành. Nghĩa phần là nghĩa của chi. Như chiếc xe có nhiều phần. Nghĩa chúng cụ là nghĩa của chi. Như vua thì có tướng sĩ. Chi hoặc là dị, hoặc là tức.

Nếu là *dị* thì như sáu chi của Tỳ-đà (Kinh Tứ Tỳ Đà nói: (1) Úc lục tỳ đà. (2) A tha tỳ đà. (3) Da huẩn tỳ đà. (4) Tam ma tỳ đà. Tỳ đà là trí, có sáu chi tạo thành: Học. Dục. Tướng. Từ. Ký. Duyên lịch). Hoặc năm thắng chi của Tỳ-kheo (Tỳ-kheo có năm thắng chi thành tựu: Tín. Bất siểm (Không dua nịnh). Không bệnh. Tinh tấn. Trí).

Nếu là *tức* thì như mười sáu chi tán, tám chi Thánh đạo. Năm chi của thiên kia nghĩa là lúc chánh thọ có giác, quán, hỷ, lạc, nhất tâm. Trước là tâm pháp thô khởi tạo tướng, gọi là *giác* (Tầm). Tâm pháp thô nổi tiếp tùy chuyển, gọi là *quán* (Tứ). Lúc chánh thọ tâm vui vẻ, gọi là *hỷ*. Thân tâm vì lìa ác nên an vui thích thú, gọi là *lạc*, là lạc của ý tức (Khinh an) không phải là thọ lạc. Đối với duyên tâm tâm pháp không phân tán gọi là *nhất tâm*.

Có giác có quán: Nghĩa là thiên thứ nhất có giác có quán.

Hỏi: Đã nói năm chi, vì sao còn nói riêng có giác có quán?

Đáp: Chi nghĩa là thiện. Vì câu uest cũng có giác có quán nên phải nói riêng.

Cũng lại có ba thọ: Nghĩa là thiện kia có ba thọ: Ba thức thân có lạc căn. Ý địa có hỷ căn. Bốn thức thân có xả căn.

Nhiều thứ: Nghĩa là Phạm thiên có nhiều thứ thân, có hơn có kém, do sức của giác quán sinh, có xứ tôn trưởng, quyền thuộc.

Và bốn tâm: Nghĩa là thiện kia có bốn tâm: Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức, ý thức.

Là nói thiên thứ nhất: Nghĩa là các pháp này là nói về thiên thứ nhất. Do hơn tất cả phiền não, vì chánh quán tất cả cảnh giới, nên nói là thiên.

*Thứ hai có bốn chi
Nhiều thứ và hai thọ
Thứ ba nói năm chi
Thiên này cũng hai thọ.*

Thứ hai có bốn chi: Nghĩa là nội tịnh, hỷ, lạc, nhất tâm.

Nhiều thứ: Nghĩa là thiên này không có nhiều thứ thân kia, vì không phải là phần giác quán. Có nhiều thứ tâm nghĩa là căn bản có hỷ căn. Hỷ thôi dứt quyền thuộc rồi thì xả căn hiện ở trước. Xả thôi dứt rồi lại nhập hỷ căn.

Và hai thọ: Nghĩa là hỷ căn và xả căn.

Các pháp này là nói về thiên thứ hai.

Thứ ba nói năm chi: Nghĩa là niệm, chánh tri, lạc, hành xả (Hành xả tức hành này như hành thường của hành. Đây là hành xả, không phải là căn xả) và nhất tâm. *Niệm* là đối với duyên ghi nhớ không quên. *Chánh tri* nghĩa là lúc chỉ nêu xả thì phân biệt nhận biết.

Lạc nghĩa là ở nơi duyên tùy thuận thọ nhận. *Hành xả* nghĩa là vì ưa đắm lạc, nên không thọ nhận các thứ tìm cầu khác. *Nhất tâm* là đối với duyên không phân tán.

Thiền này cũng hai thọ: Tức thiền kia cũng có hai thọ là lạc căn, xả căn.

Các pháp này là nói về thiền thứ ba.

Lìa hơi thở vào ra
Thiền tư có bốn chi
Chi là chỉ nói thiện
Theo sự như trước nói.

Lìa hơi thở vào ra, Thiền tư có bốn chi: Nghĩa là thiền thứ tư không có hơi thở vào ra. Thiền kia lúc chánh thọ thì các lỗ chân lông nơi thân hợp với bốn đại rất kín. Bốn chi nghĩa là bất khổ bất lạc, hành xả, tịnh niệm, nhất tâm. *Bất khổ bất lạc*: Nghĩa là đã lìa khổ, lạc. *Hành xả*: Nghĩa là không tìm cầu sự việc khác. *Tịnh niệm*: Nghĩa là vì hộ trì căn thiện nên niệm. Vì lìa tám phiền não trên nên tịnh. Tám phiền não trên là bốn căn giác quán, hơi thở ra vào, lìa loạn động trong ngoài. (Nghĩa của loạn nơi phẩm Trạch sẽ nói rộng). *Nhất tâm*: Nghĩa là đối với duyên tâm không phân tán.

Hỏi: Vì sao nơi thiền thứ nhất, thiền thứ hai không lập chánh tri?

Đáp: Vì hỷ và giác quán loạn động, nên không lập chi theo chủng loại như thế. Do đó cũng không lập niệm. Lại không lập hành xả, vì ý lạc là trái với hành xả (Lạc thì động. Xả thì chìm lặng).

Hỏi: Vì sao thiền thứ ba không lập bất khổ bất lạc?

Đáp: Vì tùy thuận nơi phẩm vô minh. Minh cùng với vô minh là trái nhau. Do nghĩa này nên nơi thiền thứ tư không lập chánh tri.

Hỏi: Ba thứ như vị tương ưng v.v... nơi thiền đều thành tựu chi chãng?

Đáp: Chi là chỉ nói thiện. Nên biết thiền thiện là cùng với chi tương ưng không phải là cấu nhiễm.

Hỏi: Cấu uế không có ở những thiền nào?

Đáp: Thiền thứ nhất không có, vì phiền não của lý sinh hỷ lạc đã cùng hợp. Thiền thứ hai không có, vì các thứ phiền não đục loạn đã được nội tịnh. Thiền thứ ba không có, vì phiền não của niệm và chánh tri đã bị lạc làm mê hoặc. Thiền thứ tư không có, vì tịnh niệm và hành xả là cùng trái với phiền não.

Lại nữa, thiền thứ nhất, thiền thứ hai không có cấu uế, vì ý lạc hoàn toàn là thiện. Thiền thứ ba, thiền thứ tư cũng không có, vì hai thiền đều có hành xả.

Theo sự như trước nói: Nghĩa là nếu sự việc nơi thiền kia trước đã nói rồi, thiền khác lại nói, thì không phải là sự việc chưa từng tăng ích. Như thiền thứ nhất, thiền thứ hai nói hỷ lạc, nên biết hai chi này không phải là bốn. Tất cả địa là như thế.

Hỏi: Chi của thiền này có bao nhiêu thứ?

Đáp:

Chi thiền danh mười tám

Sự tức có mười một

Vô sắc không có chi

Thiền quyền thuộc cũng thế.

Chi thiền danh mười tám: Nghĩa là chi thiền về tên gọi có mười tám. Thiền thứ nhất có năm chi. Thiền thứ ba cũng thế. Thiền thứ hai có bốn chi. Thiền thứ tư cũng thế. Chi như trước đã nói.

Sự tức có mười một: Nghĩa là thiền thứ nhất có năm chi, tên gọi năm, sự cũng năm. Thiền thứ hai thêm nội tịnh. Thiền thứ ba thêm hành xả, niệm, lạc, chánh tri. Thiền thứ tư thêm bất khổ bất lạc.

Chi thiền thứ nhất không phải là chi thiền thứ hai, nên tạo ra bốn trường hợp:

(1) Chi thiền thứ nhất không phải là chi thiền thứ hai: Nghĩa là giác quán.

(2) Chi thiền thứ hai không phải là chi thiền thứ nhất: Nghĩa là nội tịnh.

(3) Là chi thiền thứ nhất cũng là chi thiền thứ hai: Nghĩa là hỷ, lạc, nhất tâm.

(4) Không phải chi thiền thứ nhất cũng không phải chi thiền thứ hai: Nghĩa là trừ những thứ đã nói ở trên.

Như thế, cho đến thiền thứ tư cũng lần lượt nêu dẫn.

Vô sắc không có chi, Thiền quyền thuộc cũng thế: Nghĩa là bốn định vô sắc và thiền quyền thuộc không lập chi, do là hành khổ. Thiền thuộc về chi là hành lạc. Thế nên nói địa kia là đạo khổ. Nếu địa kia lập chi tức nên tất cả địa đều gọi là đạo lạc.

*Có giác cũng có quán
Là nói thiền vị lai
Thiền trung gian có quán
Bậc Minh trí đã nói.*

Có giác cũng có quán, Là nói thiền vị lai: Nghĩa là thiền vị chỉ dựa vào có giác có quán. Vị chí là quyền thuộc của thiền thứ nhất.

Thiền trung gian có quán, Bậc Minh trí đã nói: Nghĩa là thiền trung gian chỉ có quán không có giác, vì người tu hành chuyển biến tịch tĩnh.

Hỏi: Vì sao thiên thứ nhất, thiên thứ hai lập trung gian nương dựa, không phải là địa trên?

Đáp: Vì hai thiên kia lên xuống đều có thể được. Thiên thứ nhất có giác có quán. Thiên thứ hai không có. Thiên trung gian thì có quán không có giác, nên lập riêng chỗ nương dựa. Địa trên vì không có sự việc lên xuống này, nên không lập.

*Vị lai hoặc hai thứ
Là lia vị tương ung
Thiên trung gian ba thứ
Cũng cùng nói một thọ.*

Vị lai hoặc hai thứ, Là lia vị tương ung: Tức có thuyết nói: Thiên vị lai có hai thứ tánh là tịnh và vô lậu, không phải là vị tương ung. Thiên kia tuy có sự hệ thuộc nối kết (Do sức của ái khiến thiên vị lai thọ sinh nơi Phạm thiên, sinh tử liên tiếp do ái nối kết của thiên thứ nhất. Trừ ái này, thì hai thủ ấy thành ba). Thiên kia không có ái của chánh thọ, không trừ ái thọ sinh, nên không có lỗi. Nói như thế nghĩa là có vị tương ung.

Thiên trung gian ba thứ: Nghĩa là thiên trung gian có ba thứ tánh là vị tương ung, tịnh, vô lậu, tức cũng có vị tương ung như địa khác.

Cũng cùng nói một thọ: Nghĩa là thiên vị lai và trung gian cùng có một thọ, là xả thọ. Người vị lai vì có sợ hãi, nên không có lạc thọ, do gần với cõi dục. Người tu hành còn có sợ hãi, nên không khởi lạc thọ, vì các sự việc chưa rõ ráo. Người tu hành hướng về việc lìa dục, vì chưa được nên lạc thọ không khởi, vì thế ưu theo đầy sinh. Vì sự trói buộc của cõi dục chưa trọn đủ. Như người bị trói buộc có cởi mở nhưng chưa đủ, cũng sinh ra nghi sợ, nên không khởi lạc thọ. Thiên kia cũng như thế, vì sự tịch tĩnh còn kém. Như thiên vị lai, thiên trung gian cũng như thế. Tùy theo nghĩa của chúng để nói.

Đã nói về địa. Chỗ khởi công đức nay sẽ nói.

*Tam-ma-đề cùng thông
 Vô lượng tất cả xứ
 Thắng xứ và các trí
 Bối xả ở trong khởi.*

Tam-ma-đề: Nghĩa là ba Tam-ma-đề: Không, vô nguyện, vô tướng. Vì tâm thiện kia bằng lặng, chánh trực, nên nói là Tam-ma-đề.

Không kia có hai thứ: hữu lậu, vô lậu. Nếu hữu lậu thì duyên nơi tất cả pháp. Nếu vô lậu thì duyên nơi hữu lậu. Không này lại có chín thứ: (1) Nội không. (2) Ngoại không. (3) Nội ngoại không. (4) Hữu vi không. (5) Vô vi không. (6) Hữu vi, vô vi không. (7) Vô sự không. (8) Đệ nhất nghĩa không. (9) Không không.

Nội không: Nghĩa là nội nhập không, tạo khởi tư duy vô ngã. Ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, hữu vi vô vi không cũng như thế.

Vô sự không: Nghĩa là không có những vật kia khác.

Đệ nhất nghĩa không: Nghĩa là lúc mất khởi, không có chốn từ đâu đến. Khi mất diệt, không có chỗ đi về đâu. Nên so sánh như thế để nói.

Không không: Nghĩa là hữu lậu không đối với vô lậu không tạo ra tư duy về không không.

Vô nguyện cũng có hai thứ là hữu lậu, vô lậu, đều cùng có hai thứ duyên. Tùy theo nghĩa đó để nói. Vô nguyện kia lại có năm thứ, là ba thứ như nội v.v... và vô nguyện hữu vi, vô nguyện của vô nguyện.

Vô nguyện hữu vi: Nghĩa là đối với pháp hữu vi dùng vô nguyện hữu lậu tạo nên tư duy về các hành như vô thường v.v... Ngoài ra, như nói về không.

Vô tướng có hai thứ là hữu lậu, vô lậu. Vô tướng kia lại có bốn thứ, nghĩa là đối với nội nhập, số diệt, dùng vô tướng hữu lậu, vô lậu

để khởi tư duy về diệt, chỉ, diệu, xuất. Như thế ngoại và nội ngoại vô tướng cũng là vô tướng. Tam-ma-đề vô tướng nơi phẩm Tu-đa-la sẽ nói rộng. Phần Trùng Tam muội nơi phẩm Tạp sẽ nói rộng.

Thông: Là sáu thông như nơi phẩm Trí đã nói.

Hỏi: Nếu tu thần thông tác chứng (Chứng là nghĩa hiển hiện, tức không mất sự việc đã làm, nên việc đã làm hiện rõ). Người tu kia lúc thành tựu thần thông là khởi hay là không khởi?

Đáp: Nếu giải thoát là vô ký, thì người tu kia tức khởi (Xuất định gọi là khởi. Nếu giải thoát là vô ký tức là xuất Tam muội. Nếu là thiện tức là Tam muội). Nếu thiện thì không khởi.

Vô lượng là:

*Hai vô lượng không sân
Sau cùng nói không tham
Thứ ba nói hỷ căn
Tức kia dựa cõi dục.*

Hai vô lượng không sân: Nghĩa là từ và bi tánh là căn thiện không sân, đối trị với sân hận. Sân của thị xứ thì dùng từ để đối trị. Sân của phi xứ thì dùng bi để đối trị. Thị xứ sân dùng từ đối trị. Phi xứ sân dùng bi đối trị.

Lại nữa, vì chúng sinh xả mạng nên khởi sân, thì dùng từ để đối trị. Vì chúng sinh bị trừng phạt nên khởi sân, thì dùng bi để đối trị. Thế nên người mong cầu công đức có thể phát khởi vô lượng, không phải là kẻ tìm cầu lỗi lầm xấu ác. Người kia cho đến đoạn dứt căn thiện cũng cầu tìm công đức, nghĩa là thấy nghiệp vốn tịnh. Kẻ tìm cầu lỗi lầm xấu ác, đâu có đến nơi chốn A-la-hán, cũng tìm cầu lỗi ác, nghĩa là thấy nghiệp vốn bất tịnh.

Sau cùng nói không tham: Nghĩa là xả vô lượng là tánh của căn thiện không tham. Nếu cho không tham không phải là đối trị

với dục ái và sân hận là không đúng. Vì sao? Vì không dứt hẳn với không sân.

Hỏi: Xả là đối trị tham dục. Quán bất tịnh cũng đối trị tham dục. Vậy tham nào dùng xả để đối trị? Tham nào dùng quán bất tịnh để đối trị?

Đáp: Tham sắc dùng quán bất tịnh để đối trị. Tham dâm dùng xả để đối trị.

Thứ ba nói hỷ căn: Nghĩa là hỷ vô lượng là tánh của hỷ căn. Tùy theo pháp sinh là tánh của năm ấm.

Tướng: Nghĩa là dùng an ổn tạo lợi ích là tướng của từ. Trừ bỏ bất an là tướng của bi. Tùy hỷ là tướng của hỷ. Buông bỏ là tướng của xả.

Tức kia dựa cõi dục: (Dựa là thân) Nghĩa là cõi dục hiện ở trước, không phải là cõi khác. Vì sao? Vì an lạc tạo lợi ích cùng chuyển. Tức là thấy khổ của chúng sinh nơi cõi dục, muốn khiến họ được an vui lợi ích, để trừ bỏ khổ. Cõi sắc, cõi vô sắc thì không có khổ.

Lại nữa, vì đối trị sân hận. Từ vô lượng là đối trị lỗi của sân hận. Như đã nói tu tập từ, tu tập nhiều là trừ bỏ sân hận. Bi trừ hại, hỷ trừ không vui, xả trừ dục ái, sân hận. Cõi sắc, cõi vô sắc không có các lỗi này.

Lại nữa, cõi dục có ba phương, trừ châu Uất-đơn-việt.

Hỏi: Vô lượng chánh thọ thì tư duy về những gì?

Đáp:

*Chúng sinh lạc, khổ, hỷ
Chúng sinh tướng vô dư
Theo chỗ ứng hợp chuyển
Duyên chúng sinh vô lượng.*

Đối với chúng sinh kia, muốn khiến họ được an vui. Tư duy như thế là nhập chánh thọ từ. Đối với chúng sinh khổ thì than: “Khổ thay! Muốn khiến họ thoát khổ”. Tư duy như thế là nhập chánh thọ bi. Vui vẻ đối với chúng sinh kia. Tư duy như thế là nhập chánh thọ hỷ. Chỉ chúng sinh kia là không có tướng khác. Tư duy như thế là nhập chánh thọ xả.

Hỏi: Sức của từ không thể khiến chúng sinh khổ được vui. Vì sao không phải là điên đảo?

Đáp: Vì là thiện, vì hy vọng về an ổn đã khởi, vì tương ưng với chánh tư duy, và vì trái với sân hận.

Duyên chúng sinh: Nghĩa là duyên nơi chúng sinh của cõi dục. Như đã nói: Nếu tư duy đầy đủ về một phương thành tựu, an trụ, thì đây là nói đồ chứa và vật được chứa. Do nghĩa này nên biết vô lượng là duyên nơi chúng sinh hữu lậu. Cùng khắp là duyên chung nơi tất cả chúng sinh tức là bốn loài. Lia bốn loài này thì không có chúng sinh nào khác.

Lia dục đắc, theo phương tiện đắc. Lia dục đắc: Nghĩa là lúc lia dục đắc, sau đây thì phương tiện mới hiện ở trước.

Hỏi: Thế nào là phương tiện?

Đáp: Từ nghĩa là từ nơi thân thuộc sinh khởi. Tức là khi muốn khởi tâm từ, đối với tất cả chúng sinh lập ra ba phẩm: Thân, oán, không thân oán. Thân lại phân biệt phẩm hạ, trung, thượng. Trước hết, đối với phẩm thân thượng, khởi hy vọng chân thật. Nghĩa là cha mẹ và các bậc tôn kính khác, cho vì họ đã hành tập lâu theo hy vọng xấu ác, nên tâm lợi ích không đến. Trở lại thân giữ tâm tạo ra tướng lợi ích. Như thế từ thân thượng cho đến oán thượng, được trụ nơi bình đẳng, đó gọi là thành tựu chánh thọ tâm từ. Bi, hỷ cũng như thế. Xả từ phẩm trung khởi, nói rộng như thế. Về danh là duyên nơi vô lượng chúng sinh, nên nói là vô lượng.

*Thắng xử nói có tám
Ba sắc trước bối xả
Cùng tám nhất thiết xử
Tánh căn thiện không tham.*

Các căn thiện này nên biết là tánh không tham, vì đối trị với tham, là tư duy về ý giải hữu lậu.

Hỏi: Đây không phải là tánh của căn thiện không tham. Vì sao? Vì đã nói quán, nói tướng. Như Khế kinh nói: Trong tướng sắc, ngoài quán sắc. Nói rộng như thế.

Quán là tuệ. Thế nên thắng xử là tánh của tuệ (A-tỳ-đàm nơi xử giải thoát nói: Thắng tri, thắng kiến. Kiến tức là tuệ). Bối xả cũng nói là quán sắc. Sắc là bối xả thứ nhất. Thế nên ba bối xả trước là tánh của tuệ.

Như thế, nhất thiết xử được nói là địa có một tướng hiện hữu khắp. Vì thế nên nhất thiết xử (Biến xử) là tánh của tướng mà nói là tánh của không tham thì không đúng.

Đáp: Các căn thiện này tánh là không tham làm tăng tướng về tuệ. Thuyết kia nói kiến và tướng, như niệm túc mạng và tướng về sắc vượt hơn, thế nên không có lỗi. Như trí tùy niệm của xử từng diệt, vì niệm tăng nên nói sự nhớ nghĩ kia đã từng trải qua vô lượng sự việc, đây cũng là trí, như tướng về sắc vượt hơn là tánh của tuệ. Do tướng tăng nên nói là tướng về sắc vượt hơn.

Lại nữa, vì tướng là gần, thế nên nói như vậy, tức nói tướng là không có lỗi. Tuệ không tham và tướng không lìa nhau: Một nương dựa, một hành, một duyên, một quả, một quả y. (Quả y, tức y này cũng là nghĩa thấm ướt. Quả thấm ướt gồm có ba thứ: (1) Từ nhân biến sinh. (2) Từ nhân tự phần sinh. (3) Từ nơi thể mạnh còn sót lại của nhân báo sinh. Nghĩa là sát sinh thì thọ mạng ngắn ngủi). Thế nên nói là một, nên biết là nói về phần còn lại. Vì sao

nhận biết tánh của không tham? Vì đối trị tham. Căn thiện này nên biết là đối trị tham. Nếu là tánh của không si, tức nên nói là tuệ đối trị si. Tuy đối trị tất cả phiền não, vì si là rất gần, nên không phải là tham. Nếu nhất thiết xứ tự tánh là tướng, thì không phải là đối trị phiền não, vì không quyết định. Do thế nên biết căn thiện này là tánh không tham.

*Nếu nói quyền thuộc kia
Tức là tánh năm ấm
Đây nói ba phương dựa
Cảnh giới, sắc cõi dục.*

Nếu nói quyền thuộc kia, Tức là tánh năm ấm: Nghĩa là nên biết các căn thiện này và quyền thuộc là tánh của năm ấm.

Đây nói ba phương dựa: Nghĩa là các căn thiện này, ở nơi ba phương thân khởi, trừ châu Uất-đơn-việt, cũng không phải là phương khác. Vì sao? Vì các căn thiện này là đối trị tham dục, không phải cõi sắc, cõi vô sắc có tham dục. Châu Uất-đơn-việt tuy có tham dục, nhưng vì sức của tuệ kém, nên không thể khởi căn thiện ấy. Các trời thuộc cõi dục, tuy có tham dục, nhưng do tham đắm lạc, nên cũng không thể khởi các căn thiện này.

Cảnh giới, sắc cõi dục: Nghĩa là các căn thiện này duyên nơi sắc của cõi dục: Hai bối xả đầu, bốn thắng xứ trước, tạo ra các hành như tướng xanh bầm v.v... ở nơi chốn sắc nhập chuyển, chuyển theo hành bất tịnh. Ngoài ra là chuyển theo hành tịnh. Thế nên được làm thân niệm xứ.

Hỏi: Vì sao người tu hành kia duyên nơi tướng tịnh của thọ?

Đáp: Vì nhằm thử nghiệm bất tịnh là thành hay không thành. Người quán bất tịnh, tâm biếng trễ sinh khởi, nên muốn khiến thân giữ. Lại muốn tự quán để nhận biết về khả năng của mình, nên khởi suy nghĩ: “Do quán bất tịnh nên không khởi phiền não, chưa là điều

kỳ lạ. Quán tịnh nhưng không khởi phiền não mới là việc kỳ lạ”. Lại vì hiện bày căn thiện còn có chỗ gắng nhận.

*Sau cùng trong bối xả
Tâm bất tương ưng hành
Là nói hai cõi dựa
Trước từ cõi dựa khởi.*

Sau cùng trong bối xả, Tâm bất tương ưng hành: Nghĩa là bối xả của tướng thọ diệt là tánh của tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Tất cả tâm tâm pháp diệt, vì sao nói là tướng thọ diệt?

Đáp: Do hai sức này khiến người tu hành đối với hai cõi sinh khởi một nhọc vô cùng. Vì sức của thọ nên ở nơi thiền sinh một nhọc. Vì sức của tướng nên đối với vô sắc sinh khởi một nhọc (Về nghĩa của thọ, tướng như đã nói trong âm).

Là nói hai cõi dựa: Nghĩa là thân hiện tiền ở cõi dựa, cõi sắc, không phải là cõi vô sắc. Vì sao? Vì nơi cõi vô sắc kia không tâm. Cõi dựa, cõi sắc có sắc, thế nên tâm tâm pháp của người kia diệt, mạng căn dựa nơi sắc chuyển. Trong cõi vô sắc không có sắc. Nếu người kia khi chánh thọ, tâm tâm pháp diệt, thì mạng căn tức nên đoạn dứt, vì không có nơi chốn nương dựa nên chết, không phải là chánh thọ. Sự việc này là không đúng.

Trước từ cõi dựa khởi: Nghĩa là chánh thọ diệt tận, trước là từ cõi dựa khởi, ở nơi cõi ấy thoái chuyển, sinh nơi cõi sắc, lại lia dựa của cõi ấy nên hiện ở trước.

Hỏi: Vì sao cõi sắc, cõi vô sắc được khởi thiền đầu tiên, nhưng cõi vô sắc không phải là chánh thọ diệt tận?

Đáp: Thiền do ba sự nên khởi. Nghĩa là do sức của nhân, sức của nghiệp và sức của phương tiện nơi pháp.

Sức của nhân: Nghĩa là người kia ở nơi thiền đã từng khởi gần.

Sức của nghiệp: Nghĩa là đã tạo ra thọ nghiệp và nuôi lớn (Có bốn pháp thọ nghiệp đã tạo ra và nuôi lớn).

Sức của phương tiện nơi pháp: Nghĩa là như khi kiếp thành hoại, ở cõi vô sắc do hai sự khởi, là sức của nhân và sức của nghiệp, không có sức của phương tiện nơi pháp, vì sức kia không có thành hoại. Chánh thọ diệt tận từ nơi sức *nói* khởi. *Nói* là cõi dục, nghĩa là Đức Phật và Thanh văn Ba-la-mật nói. Thế nên thân của cõi dục kia có thể khởi từ đầu, không phải là thân khác. Ở cõi dục, một lần nhập chánh thọ là không quá bảy ngày, vì thân thọ nhận đoạn thực, nếu quá thì khi xuất định thân tức tiêu tan. Cõi sắc một lần nhập chánh thọ là trải qua kiếp trụ.

Khác tức tánh bốn âm

Nói ba cõi kia dựa

Hoặc cảnh giới vô sắc

Cùng do duyên vô lậu.

Khác tức tánh bốn âm: Nghĩa là các công đức khác tức bốn cõi xả, hai nhất thiết xứ, tánh là bốn âm, trừ sắc âm, vì cõi kia là vô sắc.

Nói ba cõi kia dựa: Nghĩa là công đức này, tức hiện ở trước nơi ba cõi. Bối xả của không xứ là không xứ, nhất thiết xứ. Đầu tiên từ cõi dục, cõi sắc khởi (Vì xả sắc, vì tu không, nên đầu tiên từ sắc xứ khởi).

Hoặc cảnh giới vô sắc, Cùng do duyên vô lậu: Nghĩa là nhất thiết xứ của không xứ, địa của không xứ duyên nơi bốn âm. Nhất thiết xứ của thức xứ, địa của thức xứ duyên nơi bốn âm.

Bối xả của không xứ duyên nơi bốn vô sắc cùng nhân kia. Phẩm tỷ trí diệt tất cả xứ kia. Bối xả của thức xứ duyên nơi ba vô sắc. Ngoài ra như trên nói. Bối xả của vô sở hữu xứ duyên nơi hai vô sắc. Ngoài ra như trên nói. Bối xả của phi tướng phi phi tướng xứ tức duyên nơi địa và nhân kia. Phẩm Tỷ trí diệt tất cả xứ kia.

Đã nói tự tánh của căn thiện. Về thành tựu công đức nay sẽ nói.

*Nên biết hoặc có thuyết
Thành tựu bốn vô lượng
Hoặc lại thành tựu ba
Giảm tức là không đúng.*

Nếu sinh nơi cõi dục, lìa dục của cõi dục và sinh nơi thiên thứ nhất, thiên thứ hai thì thành tựu bốn vô lượng. Nếu sinh nơi thiên thứ ba, thiên thứ tư thì thành tựu ba vô lượng, trừ hỷ. Tánh của hỷ căn ở nơi thiên thứ nhất, thứ hai, không phải là địa trên. Giảm bớt thì không có.

*Hoặc một cho đến tám
Thành tựu nơi cõi xả
Hoặc bốn cũng lại tám
Thành tựu ở thắng xứ.*

Hoặc một cho đến tám, Thành tựu nơi cõi xả: Nghĩa là hoặc có thành tựu một cõi xả, hoặc có thành tựu cho đến tám cõi xả.

Thành tựu một: Nghĩa là nếu sinh nơi trời Biến tịnh, ái của cõi ấy hết, ái của trời Quả thật chưa dứt hết. Hoặc sinh nơi trời Quả thật, đối với ái của cõi ấy chưa dứt hết. Hoặc sinh nơi không xứ, đối với ái của xứ ấy chưa dứt hết.

Thành tựu hai: Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục và sinh nơi thiên thứ nhất, thiên thứ hai, đối với ái của các cõi kia đã dứt hết, ái của trời Biến tịnh chưa dứt hết. Nếu sinh nơi thiên thứ ba, thiên thứ tư, ái của cõi sắc hết, ái của không xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi không xứ, ái của không xứ hết, ái của thức xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi thức xứ, ái của xứ ấy chưa hết.

Thành tựu ba: Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục và thiên thứ nhất, thiên thứ hai, thì ái của trời Biến tịnh hết, ái của trời Quả thật chưa hết. Nếu sinh nơi trời Biến tịnh và Quả thật, thì ái của không xứ hết,

ái của địa trên chưa hết. Hoặc sinh nơi không xứ, thức xứ, (Do vô lậu nên sinh lên trên không mất dưới. Sinh nơi thức xứ, thành tựu bồi xả của không xứ. Tất cả đều như thế), thì ái của thức xứ hết, ái của xứ trên chưa hết. Hoặc sinh nơi vô sở hữu xứ, tức ái của xứ ấy chưa hết.

Thành tựu bốn: Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục và thiên thứ nhất, thiên thứ hai, thì ái của cõi sắc hết, ái của không xứ chưa hết. Nếu sinh nơi thiên thứ ba, thiên thứ tư, thì ái của thức xứ hết, ái của xứ trên chưa hết. Nếu sinh nơi không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, thì ái của Vô sở hữu xứ hết. Nếu sinh nơi phi tướng phi phi tướng xứ thì không được tam muội diệt tận.

Thành tựu năm: Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục và thiên thứ nhất, thiên thứ hai, thì ái của không xứ hết, ái của thức xứ chưa hết. Nếu sinh nơi trời Biến tịnh và trời Quả thật, thì ái của vô sở hữu xứ hết, không được tam muội diệt tận. Nếu sinh nơi phi tướng phi phi tướng xứ thì được tam muội diệt tận.

Thành tựu sáu: Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục và thiên thứ nhất, thiên thứ hai, thì ái của thức xứ hết, ái của xứ trên chưa hết. Nếu sinh nơi trời Biến tịnh và trời Quả thật thì được tam muội diệt tận.

Thành tựu bảy: Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục và thiên thứ nhất, thiên thứ hai, thì ái của vô sở hữu xứ hết, không được tam muội diệt tận.

Thành tựu tám: Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục và thiên thứ nhất, thiên thứ hai, thì được tam muội diệt tận. Đó là nói chung. Nếu là bồi xả hữu lậu, thì ở địa dưới lia dục, chưa sinh lên địa trên, tức đều thành tựu. Nếu vô lậu thì sinh nơi địa trên cũng thành tựu.

Hoặc bốn cũng lại tám, Thành tựu ở thắng xứ: Nghĩa là hoặc có thành tựu bốn thắng xứ, hoặc tám thắng xứ.

Thành tựu bốn: Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục và thiên thứ nhất, thiên thứ hai, thì ái của các cõi ấy hết, ái của trời Biến tịnh chưa hết.

Nếu sinh nơi trời Biến tịnh, thì ái của cõi đó hết cùng sinh nơi trời Quả thật.

Thành tựu tám: Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục và thiên thứ nhất, thiên thứ hai, thì ái của trời Biến tịnh dứt hết.

*Hoặc một cũng lại hai
Tám, chín cùng với mười
Nên biết tu hành kia
Thành tựu nhất thiết xứ.*

Hoặc có thành tựu một nhất thiết xứ, hoặc hai, hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười.

Thành tựu một: Nghĩa là nếu sinh nơi không xứ, tức ái của xứ ấy chưa hết và sinh nơi thức xứ.

Thành tựu hai: Nghĩa là nếu sinh nơi không xứ thì ái của xứ ấy dứt hết.

Thành tựu tám: Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục, cõi sắc, thì ái của trời Biến tịnh hết, ái của trời Quả thật chưa hết.

Thành tựu chín: Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục, cõi sắc, thì ái của trời Quả thật hết, ái của không xứ chưa hết.

Thành tựu mười: Nghĩa là nếu sinh nơi cõi dục, cõi sắc, thì ái của không xứ hết.

Đã nói thành tựu công đức. Tùy theo công đức của địa nay sẽ nói.

*Năm thông ở bốn thiên
Căn bản không địa khác
Các trí như trước nói
Ba vô lượng hoặc sáu.*

Năm thông ở bốn thiên, Căn bản không địa khác: Nghĩa là bốn thiên căn bản thành tựu năm thông, không phải là địa khác, trừ lậu tận thông. Vì sao? Vì thâm nhận chi Tam-ma-đề.

Các trí như trước nói: Nghĩa là như phạm Trí ở trước đã nói, tùy theo địa mà được.

Ba vô lượng hoặc sáu: Nghĩa là trừ hỷ, các vô lượng khác ở nơi sáu địa: Thiên vị lai, thiên trung gian và bốn thiên căn bản. Hoặc có người không muốn khiến ở nơi thiên vị lai. Hoặc lại nói thiên thứ nhất, thiên thứ hai không khởi bi, hỷ, vì cùng trái với căn.

Hỷ căn là tự tánh thọ nhận hành hỷ chuyên, bi là hành ưu chuyên. Thế nên hỷ bi kia không tương ưng, nhưng nếu cho như khổ tập nhãn trí là không đúng. Vì sao? Vì hành chân thật chuyên. Nếu nói khổ tập nhãn trí rất chán mà cùng với hỷ căn tương ưng, hành bi cũng như thế, thì thuyết kia có lỗi. Vì hỷ ấy là tư duy chân thật. Hoan hỷ sinh ra bi, là tư duy của ý giải, thế nên có lỗi.

Nói như thế này: Là dẫn dắt tư duy chân thật thì không có lỗi. Bi tuy không phải là tư duy chân thật, nhưng có thể dẫn dắt tư duy chân thật, cho nên không có lỗi (Vì vui vẻ đối với trừ dứt khổ, nên bi cùng với hỷ đều kết hợp).

Hỏi: Bi và đại bi có sai biệt gì?

Đáp: Bi là tánh không sân. Đại bi là tánh không si.

Lại nữa, bi là chung cho cả Thanh văn, Duyên giác. Còn đại bi thì không chung.

Lại nữa, bi thì có thể bi, không thể cứu độ. Đại bi thì có thể bi, có thể cứu độ.

Lại nữa, bi là duyên theo khổ khổ nơi chúng sinh. Đại bi thì duyên theo ba khổ nơi chúng sinh. Bi duyên nơi thân khổ. Đại bi thì duyên nơi thân tâm khổ.

Hỏi: Vì sao gọi đại bi?

Đáp: Vì cứu độ khổ lớn nơi chúng sinh nên gọi là đại bi. Vì tạo được sự ban phát rộng lớn nên gọi là đại bi. Vì thâm nhận số lượng

lớn chúng sinh nên gọi là đại bi. Vì là bậc Đại sĩ đi vào nơi hiểm nạn lớn nên gọi là đại bi.

*Bốn thắng xứ trước kia
Cùng với hỷ vô lượng
Cũng hai bối xả đầu
Ở nơi thiên một, hai.*

Bốn thắng xứ trước và hỷ cùng hai bối xả đầu là ở trong thiên thứ nhất, thiên thứ hai, không phải xứ khác. Thiên thứ ba, thiên thứ tư tuy có hai bối xả đầu tương tự với căn thiện nhưng không kiến lập. Thế nên cũng có bốn thắng xứ đầu tương tự với căn thiện. Như Tu-đa-la nói: Từ tận cùng là đến trời Biến tịnh. Bi tận cùng là đến không xứ. Hỷ tận cùng là đến thức xứ. Xả tận cùng là đến vô sở hữu xứ.

Có thuyết nói: Kinh này dùng tên vô lượng để nói về Thánh đạo. Người thọ nhận sự giáo hóa kia do nơi tên vô lượng để nhập Thánh đạo.

Lại nữa, đối trị giác chi của thiên kia nên lấy tên vô lượng để nói. Nghĩa là đối trị giác chi của thiên thứ ba dùng tên từ để nói. Như thế cho đến đối trị giác chi của vô sở hữu xứ thì dùng tên xả để nói.

Lại nữa, dùng tên tương tự để nói. Nghĩa là từ là hành vui nơi lạc thọ, cho đến thiên thứ ba. Bi là hành khổ nơi không xứ, quả trách về sắc chuyển. Hỷ là hành vui thích nơi thức xứ là vui thích thức trụ. Xả là hành xả nơi vô sở hữu xứ nói là xả.

*Khác có bốn thắng xứ
Cùng với một bối xả
Cũng tám nhất thiết xứ
Nói ở thiên trên hết.*

Bốn bối xả tịnh, bốn thắng xứ sau, tám nhất thiết xứ trước là ở nơi thiên thứ tư, không phải địa dưới khác. Cũng có bối xả tịnh

giống với căn thiện nhưng không kiến lập, vì bất tịnh làm hoại. Cũng có bốn thắng xứ sau giống với căn thiện, nói là chánh thọ của địa và nhất thiết xứ của địa. Chánh thọ của địa kia ở nơi cõi dục và bốn thiên. Nhất thiết xứ của địa ở nơi thiên thứ tư, không phải là thiên khác. Vì sao? Vì lìa tám sự nhiễu loạn.

Có dục, cõi sắc có hai thứ: Thân dục, tâm dục. Vì đối trị dục kia, nên nơi thiên thứ nhất lập hai bồi xả, bốn thắng xứ. Sắc dục của thiên thứ nhất cũng có hai thứ, nên thiên thứ hai lập hai bồi xả. Vì thiên thứ hai không có hai thứ sắc dục, nên thiên thứ ba không lập bồi xả. Do lạc ở đây là lạc vượt hơn, nên không thể khởi các căn thiện này cùng nhất thiết xứ. Do bồi xả kia nhập nơi thắng xứ, do thắng xứ nhập nơi nhất thiết xứ. Dùng bồi xả đầu nhập nơi hai thắng xứ đầu. Dùng bồi xả thứ hai nhập nơi thắng xứ thứ ba, thứ tư. Dùng bồi xả tịnh nhập nơi bốn thắng xứ sau. Dùng bốn thắng xứ sau nhập nơi nhất thiết xứ.

*Khác tức gọi bồi xả
Hai, nhất thiết cũng thế
Diệt tận ở sau cùng
Chín địa vô lậu khác.*

Khác tức gọi bồi xả: Nghĩa là trừ chín đạo vô ngại của không xứ và tâm khi mạng chung, các thứ thiện khác đều nói là bồi xả của không xứ. Đạo vô ngại hướng đến thiên thứ tư, còn tâm mạng chung thì hướng đến sinh, nên không lập bồi xả. Nên biết vô sắc khác cũng như vậy.

Hai, nhất thiết cũng thế: Nghĩa là nhất thiết xứ của không xứ, thức xứ, cũng tức theo tên để nói.

Hỏi: Vì sao trên thức xứ không lập nhất thiết xứ?

Đáp: Vì người tu hành trước hết nhập bồi xả để quán nhưng không thể vượt hơn. Sau đấy nhập thắng xứ nhưng không thể quán về

vô biên ý giải. Tiếp sau nhập nhất thiết xứ, quán vô biên ý giải xanh. Như vậy, các thứ vàng, đỏ, trắng cũng lại như thế. Tư duy về sắc này nương dựa vào đâu? Quán chỗ dựa là đại chủng địa, sau đấy nhập quán vô biên ý giải của địa. Đại khác cũng như thế.

Người kia lại tư duy như thế này: Thế nào là thăng tấn? Đó là giác tri. Tức trước nhập nhất thiết xứ của không xứ. Người kia giác tri dựa vào gì để quán? Là dựa vào ý thức. Người kia liền nhập nơi nhất thiết xứ của Vô biên thức xứ. Sự nương dựa này lại không có nơi chôn nương dựa. Thế nên trên xứ kia không lập nhất thiết xứ.

Diệt tận ở sau cùng: Nghĩa là chánh thọ diệt tận được gồm thân trong đệ nhất hữu. Vì sao? Vì tùy thuận nơi tâm diệt, vì thứ lớp nhỏ dần nên dễ diệt.

Hỏi: Định diệt tận không nên do đệ nhất hữu gồm thân. Vì sao? Vì như đã nói, tưởng thọ diệt đã vượt qua tất cả phi tướng phi phi tướng xứ, đã thành tựu an trụ?

Đáp: Do đệ nhất hữu gồm thân. Như Đức Thế Tôn đã dùng đệ nhất hữu kia để vượt qua các chánh thọ cùng ái dục nên nói. Người học vì vượt qua chánh thọ trụ nên nói. Người vô học vì vượt qua ái dục nên nói.

Lại nữa, vượt qua tất cả phi tướng phi phi tướng xứ, đây là nói do kiến đạo đoạn trừ. Tưởng thọ diệt đây là nói do tu đạo đoạn trừ. Như vậy từng hành tập, chưa từng hành tập, chung, không chung, lia dục đặc và phương tiện đặc, đều nên nhận biết, vì vượt hơn, vì không chung, vì giới địa là rất ráo.

Hai bối xả nói là thân tác chứng. Chánh thọ diệt tận cùng tâm nhập định là hữu lậu, vì tùy thuận tâm diệt. Tâm xuất định là hữu lậu, vô lậu. Chánh thọ kia là phương tiện đặc, không phải là lia dục đặc. Nếu thoái lui nhưng lại khởi nữa, thì được chưa từng được, không phải là đã từng được.

Chín địa vô lậu khác: Tức nêu là công đức vô lậu khác, đó là lậu tận thông của ba tam muội ở nơi chín địa, tức bốn thiên, ba vô sắc, thiên vị lai, thiên trung gian. Tam muội hữu lậu ở nơi mười một địa, là chín địa này và cõi dục, cùng đệ nhất hữu (Xứ phi tướng phi phi tướng).

*Ba bối xả nên biết
Hữu lậu và vô lậu
Định, trí, thông đã nói
Ngoài ra đều hữu lậu.*

Ba bối xả nên biết, Hữu lậu và vô lậu: Nghĩa là bối xả của không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, nên biết là hữu lậu cũng là vô lậu.

Định, trí, thông đã nói: Nghĩa là định như đã nói ở trước. Các trí, thần thông như nơi phẩm Trí đã nói.

Ngoài ra đều hữu lậu: Nghĩa là ba thông khác, vì giống với công xảo. Vì thọ nhận tự tướng của sắc, thanh. Vì vô lượng là duyên nơi chúng sinh. Vì nhất thiết xứ, thắng xứ, cùng ba bối xả đều đạt được tư duy giải. Vì chánh thọ của đệ nhất hữu là không nhanh nhẹn. Vì cùng trái với tâm tướng thọ diệt, cho nên đều là hữu lậu.

Hỏi: Bối xả, thắng xứ, nhất thiết xứ, có sai biệt gì?

Đáp:

*Là tánh kia bối xả
Hơn hẳn xứ sở duyên
Vô gián đầy cùng khắp
Danh như nói chốn độ.*

Vì không hướng đến, nên nói là bối xả. Vì vượt hơn xứ kia, nên nói là thắng xứ. Vì là xứ thù thắng, nên Đức Thế Tôn nói là thắng xứ. Tuy không phải tất cả người tu hành đều có thể vượt hơn xứ kia, song do phiền não ở trong duyên không đầy khởi, cũng gọi thắng xứ. Vì là vô biên ý giải, nên nói là nhất thiết xứ.

Lại nữa, căn thiện hạng hạ nói là bồi xả. Hạng trung nói là thắng xứ. Hạng thượng nói là nhất thiết xứ.

Lại nữa, nhân nói là bồi xả, quả nói là nhất thiết xứ, nhân quả nói là thắng xứ.

Đã nói tự tánh của các công đức, thành tựu địa hữu lậu, vô lậu. Ba thứ thiên vô sắc thành tựu nay sẽ nói.

*Chưa lia dục nên biết
Thành tựu vị tương ưng
Lìa dưới chưa đến trên
Thành tựu tịnh các định.*

Chưa lia dục nên biết, Thành tựu vị tương ưng: Nghĩa là nếu địa kia chưa lia dục thì thành tựu vị tương ưng của địa ấy.

Lìa dưới chưa đến trên, Thành tựu tịnh các định: Nghĩa là lia dục của cõi dục, không phải là dục của cõi Phạm thiên, thì người kia thành tựu tịnh nơi thiên thứ nhất và công đức khác của địa thiên thứ nhất. Người phạm phu thành tựu vị tương ưng và tịnh. Thánh nhân thì thành tựu cả ba thứ.

*Trụ trên cần phải biết
Thành tựu vô lậu dưới
Phương tiện sinh công đức
Nên biết phi lia dục.*

Trụ trên cần phải biết, Thành tựu vô lậu dưới: Nghĩa là Thánh nhân sinh trên cõi trời Phạm thiên, thành tựu vô lậu nơi thiên thứ nhất và các công đức như thần thông, tam muội vô lậu khác. Các công đức hữu lậu thì hệ thuộc nơi xứ sinh. Vô lậu thì không hệ thuộc. Thế nên lia xứ sinh là xả công đức hữu lậu, không phải là vô lậu.

Phương tiện sinh công đức, Nên biết phi lia dục: Tức là đã nói lia dục của địa dưới, thành tựu các công đức. Nên biết đạt được

không phải là hiện ở trước. Hiện ở trước nghĩa là các thứ kia không phải do lìa dục mà là do phương tiện được. Đó là trí của thiên nhân, thiên nhĩ, các trí này tánh là vô ký, nên không nhập nơi vị tương ưng, tịnh, vô lậu. Vì thế lúc được ba thứ thiên kia, không được tạo phương tiện xong rồi mới hiện ở trước. Hai trong sáu thông là vô ký, vì thuộc về đạo giải thoát. Bốn thông còn lại là thiện.

Hỏi: Những công đức do các phương tiện này đạt được. Những thứ gì đoạn trừ phiền não? Những thứ gì không đoạn trừ phiền não?

Đáp:

*Thiền một tịnh căn bản
Là cũng đồng một buộc
Không thể đoạn phiền não
Vô lượng cũng lại thế.*

Thiền một tịnh căn bản, Là cũng đồng một buộc, Không thể đoạn phiền não: Nghĩa là tịnh căn bản nơi thiền thứ nhất đối với phiền não của tự địa, vì bị buộc do một thứ buộc, nên không thể đoạn trừ phiền não. Lúc đạo thế tục của địa khác hiện ở trước mới có thể lìa bỏ. Như người bị trói, không thể tự mở trói. Các pháp kia cũng như thế. Vì vị của tự địa đã bị ném, nên không thể lìa bỏ. Như bạn thân của người, thì tuy thua kém nhưng không từ bỏ. Các pháp kia cũng như thế. Nếu các phiền não do thiền căn bản đối trị, thì phiền não kia đoạn trừ được. Nếu không đoạn trừ được, thì thiền kia không phải là đối trị. Thế nên vô lậu nơi thiền là đối trị phiền não. Còn hữu lậu thì do phương tiện đoạn. Như thế cho đến phi tướng phi phi tướng xứ.

Vô lượng cũng lại thế: Nghĩa là vô lượng không đoạn trừ phiền não, vì duyên nơi chúng sinh, duyên nơi pháp tướng, là đoạn trừ phiền não.

Lại nữa, vì thuộc về đạo giải thoát, thuộc về đạo vô ngại, nên đoạn trừ phiền não.

Lại nữa, vì duyên nơi hiện tại, nên duyên nơi ba đời, là đoạn trừ phiền não, do đối trị trong khoảnh khắc. Trong Tu-đa-la, Đức Thế Tôn nói: Từ đoạn trừ sân hận, vì đối trị trong khoảnh khắc, các kiết tạm dừng dứt, như kỳ hạn rộng cho kẻ mắc nợ.

*Nên biết năm bối xả
Cùng với tám thắng xứ
Cũng mười Nhất thiết xứ
Không thể đoạn phiền não.*

Nhất thiết xứ của không xứ, thức xứ và bối xả của phi tướng phi phi tướng xứ, các pháp này là thuộc về căn bản nên không đoạn trừ phiền não, như trước đã nói. Bối xả của tướng thọ diệt, vì cùng trái với tâm, nên không đoạn trừ phiền não. Bối xả của sắc, thắng xứ, nhất thiết xứ cũng không đoạn trừ phiền não, vì là cảnh giới của tự tướng. Đạo của cộng tướng mới đoạn trừ phiền não, không phải là tự tướng.

Lại nữa, vì là tư duy về ý giải, tư duy chân thật mới đoạn trừ phiền não, không phải là ý giải.

Lại nữa, vì là tư duy giả tưởng, tư duy không giả tưởng mới đoạn trừ phiền não.

Lại nữa, vì là cảnh giới của sự tư duy, không phải là sự mới đoạn trừ phiền não.

Lại nữa, vì thuộc về đạo giải thoát, thuộc về đạo vô ngại mới đoạn trừ phiền não.

Hai mươi ba thứ chánh thọ gồm tám vị tương ưng, tám tịnh và bảy vô lậu.

Hỏi: Mỗi mỗi tam muội ấy có bao nhiêu thứ nhân?

Đáp:

*Gọi là vô lậu định
Mỗi mỗi bảy thứ nhân*

*Vị tương ưng nhân một
Là tịnh kia cũng thế.*

Gọi là vô lậu định, Mỗi mỗi bảy thứ nhân: Nghĩa là vô lậu nơi thiền thứ nhất đối với vô lậu nơi thiền thứ nhất làm nhân tự phần, cộng hữu, tương ưng. Đối với vô lậu nơi ba thiền, nơi ba định vô sắc làm nhân tự phần. Như thế cho đến vô sở hữu xứ. Đó là nói chung. Đạo thuộc về thiền thứ nhất có sáu thứ: (1) Tùy tín hành. (2) Tùy pháp hành. (3) Tín giải thoát. (4) Kiến đạo. (5) Thời giải thoát. (6) Bất thời giải thoát. Đạo tùy tín hành có sáu thứ nhân. Đạo tùy pháp hành có ba thứ nhân. Đạo tín giải thoát có bốn thứ nhân. Đạo kiến đạo có hai thứ nhân. Đạo thời giải thoát cũng có hai thứ nhân. Bất thời giải thoát tức là nhân của bất thời giải thoát.

Vị tương ưng nhân một: Nghĩa là vị tương ưng nơi thiền thứ nhất làm nhân cho vị tương ưng nơi thiền thứ nhất, không phải là thứ khác. Nhân của thiền thứ nhất, vì không giống nhau, nên không phải là nhân của địa khác, vì nhân quả đã đoạn dứt. Vị tương ưng kia có năm thứ: Tức do kiến khổ đoạn cho đến do tu đạo đoạn. Kiến khổ đoạn làm nhân cho kiến khổ đoạn. Tất cả là như thế.

Là tịnh kia cũng thế: Nghĩa là tịnh nơi thiền thứ nhất làm nhân cho tịnh nơi thiền thứ nhất, không phải là vị tương ưng, không phải là vô lậu, vì không giống nhau. Không phải là nhân cho tịnh của địa khác, vì hệ thuộc nơi địa mình. Tịnh nơi thiền thứ nhất có bốn thứ: Phần thoái, phần trụ, phần thắng, phần quyết định. Phần thoái kia có bốn thứ nhân. Phần trụ ba. Phần thắng hai. Phần quyết định chỉ có phần quyết định, không phải phần khác, vì yếu kém. Nên biết địa khác cũng như thế.

Hỏi: Mỗi mỗi thứ lớp sinh bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Vô lậu, thiền vô sắc
Nghịch, thuận vượt thứ lớp*

*Thứ lớp sinh sáu thứ
Bảy, tám, chín cùng mười.*

Vô lậu nơi thiên thứ nhất theo thứ lớp sinh sáu thứ: Tịnh cùng vô lậu của địa mình. Thiên thứ hai, thứ ba cũng như thế.

Vô lậu nơi vô sở hữu xứ theo thứ lớp sinh bảy: Địa mình hai, địa trên một, địa dưới bốn. Vô lậu nơi thiên thứ hai theo thứ lớp sinh tám: Địa mình hai, địa dưới hai, địa trên bốn.

Vô lậu nơi thức xứ theo thứ lớp sinh chín: Địa mình hai, địa trên ba, địa dưới bốn. Vô lậu còn lại theo thứ lớp sinh mười, thuộc về phẩm Tỷ trí. Thứ lớp của thiên vô sắc hiện ở trước, không phải thuộc về phẩm Pháp trí. Phẩm Pháp trí là địa dưới dựa nơi địa dưới duyên. Thế nên vô sắc theo thứ lớp không hiện ở trước.

*Từ sáu đến mười một
Là tịnh thứ lớp sinh
Tiếp sinh hai đến mười
Vị tương ưng chẳng ba.*

Từ sáu đến mười một, Là tịnh thứ lớp sinh: Nghĩa là tịnh nơi phi tướng phi phi tướng xứ thứ lớp sinh sáu thứ: Vị tương ưng và tịnh của địa mình. Bốn tịnh và vô lậu của địa dưới không phải là vị tương ưng, vì lìa dục.

Tịnh nơi thiên thứ nhất theo thứ lớp sinh bảy: Địa mình ba, địa trên bốn. Tịnh và vô lậu nơi vô sở hữu xứ theo thứ lớp sinh tám: Địa mình ba, địa trên một, địa dưới bốn. Tịnh nơi thiên thứ hai theo thứ lớp sinh chín. Tịnh nơi thức xứ theo thứ lớp sinh mười.

Mười một thứ khác, đây nói là phương tiện đắc, lìa dục đắc, không phải là sinh đắc. Thế nên không nói vị tương ưng của địa trên dưới do sinh đắc.

Tịnh nơi lúc mạng chung theo thứ lớp sinh ra vị tương ưng của tất cả địa.

Hỏi: Những tịnh nào nơi thiên thứ nhất theo thứ lớp sinh Thánh đạo?

Đáp: Đó là phần quyết định. Nếu khác thì không nên kiến lập bốn thứ.

Tiếp sinh hai đến mười, Vị tương ưng chẳng ba: Nghĩa là vị tương ưng nơi thiên thứ nhất theo thứ lớp sinh hai thứ: Vị tương ưng và tịnh của địa mình, không phải là vô lậu, vì cùng trái với phiền não. Không phải địa trên, vì chưa lìa dục.

Chẳng ba: Nghĩa là không sinh ba. Nếu nói ba thì không đúng.

Vị tương ưng của thiên thứ hai theo thứ lớp sinh bốn: Địa mình hai, trừ vô lậu. Địa dưới hai: Vị tương ưng và tịnh sinh đắc. Tức là thiên thứ hai, vì sợ ái nên nương dựa. Tịnh nơi thiên thứ nhất tự bảo vệ. Như Tu-đa-la nói: “Nên nương dựa nơi chỗ chán lìa của thiên thứ nhất để cùng tư duy chánh thọ, không nương dựa nơi thiên thứ hai tư duy yếu kém”.

Thiên thứ ba sinh năm: Địa mình hai, thiên thứ hai hai, thiên thứ nhất một.

Vị tương ưng nơi thiên thứ tư sinh sáu. Không xứ bảy. Thức xứ tám. Vô sở hữu xứ chín. Phi tướng phi phi tướng xứ mười: Tự địa hai. Vô sở hữu xứ hai. Vị tương ưng của địa dưới sáu. Tức là thọ sinh nơi phiền não.

Hỏi: Mỗi mỗi duyên bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Tịnh cùng vô lậu thiên
Duyên nơi tất cả địa
Pháp hữu lậu địa mình
Vị tương ưng sở duyên.*

Tịnh cùng vô lậu thiên, Duyên nơi tất cả địa: Nghĩa là tịnh và vô lậu thiên duyên nơi tất cả chủng loại của tất cả địa vì cảnh giới rộng. Vô lậu kia nơi phẩm tỷ trí duyên nơi tám địa. Phẩm pháp trí duyên nơi một địa. Căn thiện của phương tiện duyên nơi bốn đế.

Pháp hữu lậu địa mình, Vị tương ưng sở duyên: Nghĩa là vị tương ưng nơi thiên thứ nhất duyên nơi vị tương ưng và tịnh của địa mình, không phải là địa khác (Về nghĩa này nơi phẩm Sử đã nói rộng). Không duyên nơi vô lậu và địa khác.

*Vô sắc thì không duyên
 Chủng hữu lậu địa dưới
 Là căn bản thiện hữu
 Cấu uế như vị thiên.*

Vô sắc thì không duyên, Chủng hữu lậu địa dưới, Là căn bản thiện hữu: Nghĩa là tịnh và vô lậu của căn bản vô sắc không duyên nơi pháp hữu lậu của địa dưới, vì lìa tướng sắc. Duyên nơi địa mình và địa trên, nên nói là không phải dưới. Phẩm Tỷ trí duyên nơi vô lậu của địa dưới, nên nói không phải là chủng hữu lậu, do thuộc về phương tiện. Đạo vô ngại duyên nơi địa dưới, nên nói là căn bản (Đạo thể tục đoạn trừ kiết, đạo vô ngại duyên nơi địa dưới, đạo giải thoát duyên nơi địa trên). Vị tương ưng duyên nơi địa mình, nên nói là thiện hữu.

Cấu uế như vị thiên: Nghĩa là như vị tương ưng nơi thiên duyên nơi vị tương ưng của địa mình. Vô sắc cũng như thế.

*Là cõi sắc hữu dư
 Vô lượng các công đức
 Đây là duyên cõi dục
 Bạc tôi thẳng đã nói.*

Các công đức như bốn vô lượng v.v... duyên nơi cõi dục như trước đã nói. Trừ thần thông nên nói các công đức như vô lượng

v.v... Năm thân thông kia duyên nơi cõi dục, cõi sắc. Nghĩa là thiên thứ nhất duyên nơi thiên thứ nhất và cõi dục, không phải là địa trên. Ngoài ra cũng như thế, tùy theo nghĩa kia để nói.

Tịnh nơi thiên có ba thứ: (1) Phiền não xông đốt. (2) Đạo huân tập. (3) Không huân tập.

Phiền não xông đốt: Là phần thoái (Hữu lậu có khí phiền não, nên gọi phiền não xông đốt).

Đạo huân tập: Nghĩa là đạo đã được huân tập, tức là huân tu. Những thứ còn lại không phải là huân tập.

Hỏi: Những thiên nào kia là có thể huân tập?

Đáp:

*Nếu các thiên hay huân
Là dựa thiên thứ tư
Vì ba địa ái hết
Tịnh cư chỉ Quả thật.*

Dựa vào thiên thứ tư huân tập thiên thứ nhất. Vì sao? Vì lìa được tám sự não loạn. Vì đối với tất cả sự nương dựa là hơn hết.

Có năm thứ huân tập: Hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Năm thứ này sinh năm thứ Tịnh cư. Địa dưới cũng có năm thứ huân tập. Vì thiên thứ ba ái hết, nên địa dưới không sinh nơi Tịnh cư, tức chỗ nương dựa kia hoặc khởi, hoặc không khởi huân tập (Khởi, không khởi là xuất định, không xuất định). Phương tiện là do vô lậu nơi thiên thứ tư tuôn chảy đầy đủ nơi chánh thọ. Sau đây là hữu lậu, kể đến lại là vô lậu, đối với sự tuôn chảy kia giản lược dần. Cho đến theo thứ lớp hai sát-na vô lậu, hai sát-na hữu lậu hiện ở trước.

Đây tức là hữu lậu, vô lậu huân tập thiên theo phương tiện thành. Nếu một sát-na vô lậu, một sát-na hữu lậu, lại một sát-na vô

lậu, đó gọi là huân tập thiền thành, có mười lăm tâm: Năm tâm hữu lậu, mười tâm vô lậu.

Hỏi: Vì sao huân tập thiền?

Đáp:

*Hoặc có niệm chánh thọ
Hoặc sợ các phiền não
Hoặc lại ưa thọ sinh
Là đều theo nghĩa nói.*

Huân tập thiền có ba nhân duyên: Niệm chánh thọ: Nghĩa là người tu hành yêu thích niệm chánh thọ, vì được trụ nơi hiện pháp lạc. Sợ phiền não: Nghĩa là sợ thoái chuyển. Ưa thích thọ sinh: Nghĩa là ưa thích sinh nơi Tịnh cư.

Tín giải thoát kia có đủ ba nhân duyên về chánh thọ. Kiến đáo có hai: Không có sợ phiền não, vì không có pháp thoái chuyển. Thời giải thoát cũng có hai: Không có ưa thích thọ sinh, vì đã từ bỏ tất cả sinh. Bất thời giải thoát chỉ có một: Yêu thích niệm chánh thọ. Không có sợ phiền não, vì không có pháp thoái chuyển. Không ưa thích thọ sinh, vì đã từ bỏ tất cả sinh.

Huân tập thiền tánh là năm ấm. Hữu lậu và vô lậu duyên nơi bốn đế. (Dùng vô lậu phân tán hữu lậu, như nghĩa dùng hoa tung rải nơi tháp miếu, nói là huân tập). Như thế nên nói rộng. Tâm vô lậu huân tập tâm hữu lậu, như hoa tung rải nơi tháp miếu.

Hỏi: Đã nói ba thứ chánh thọ. Làm thế nào đạt được chánh thọ kia?

Đáp:

*Lìa dục và thọ sinh
Mà được nơi tịnh thiền
Cầu uế thoái cùng sinh
Vô lậu chỉ lìa dục.*

Lìa dục và thọ sinh, Mà được nơi tịnh thiên: Nghĩa là tịnh nơi thiên thứ nhất có hai thời được: Là lúc lìa dục của cõi dục và lúc ở địa trên mất, sinh nơi Phạm thiên.

Hỏi: Lúc thoái chuyển cũng được. Nghĩa là thiên thứ nhất lúc lìa dục thoái chuyển thì được căn thiện của phần thoái nơi thiên thứ nhất, vì sao không nói?

Đáp: Trong đây là nói về tất cả tịnh, trước không được mà được. Lúc thoái chuyển, căn thiện của phần thoái tuy trước không được mà được. Ba thứ khác thì trước đã thành tựu. (Trước mất một, được ba, nay mất ba, được một. Vì không phải trước đều không có, nên không phải tất cả không được mà được). Thế nên không nói.

Hỏi: Từng có tịnh nơi thiên thứ nhất lìa dục được lìa dục, xả bỏ, thoái chuyển và thọ sinh cũng như thế chăng?

Đáp: Có. Là phần thoái nơi thiên thứ nhất, khi lìa dục của cõi dục thì được, lúc ở cõi Phạm thiên lìa dục thì xả. (Lúc ở cõi Phạm thiên lìa dục, vì được phần thắng nên xả bỏ phần thoái). Lúc ở cõi Phạm thiên lìa dục thoái chuyển thì được. Khi ở cõi dục lìa dục thoái chuyển thì xả. Lúc ở nơi địa trên mất, sinh vào cõi Phạm thiên là được. Khi ở cõi Phạm thiên mất, sinh nơi cõi dục là xả. Cho đến vô sở hữu xứ cũng như thế. Phi tướng phi phi tướng xứ do lìa dục đắc, không phải sinh đắc, vì không có địa trên.

Cấu uế thoái cùng sinh: Nghĩa là vị tương ưng nơi thiên thứ nhất lúc thoái chuyển là được. Nghĩa là thiên thứ nhất lìa dục, cõi dục và cõi Phạm thiên ở nơi thiên thoái chuyển là sinh đắc. Tức ở nơi địa trên mất, sinh vào cõi dục và cõi Phạm thiên. Như thế cho đến vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ chỉ có thoái chuyển là được.

Vô lậu chỉ lìa dục: Nghĩa là vô lậu nơi thiên thứ nhất lúc lìa dục thì được. Tức là Thánh nhân lìa dục của cõi dục. Đây là nói về người

theo thứ lớp. Nếu dựa vào thiên thứ nhất vượt lên ly sinh thì cũng được, cho đến tất cả địa cũng như thế.

Hỏi: Các công đức này những thứ nào thì đoạn trừ phiền não?

Đáp:

*Vô lậu trừ phiền não
Và chánh thọ trung gian
Tất cả định trung gian
Tương ưng với xả căn.*

Vô lậu trừ phiền não: Nghĩa là vô lậu nơi thiên thứ nhất căn bản đối trị phiền não nơi tám địa. Cho đến vô sở hữu xứ đối trị phiền não nơi hai địa.

Và chánh thọ trung gian: Tức chánh thọ trung gian gọi là đạo phương tiện, nghĩa là đoạn trừ phiền não của địa dưới, cho đến chưa lìa dục của địa dưới, không được chánh thọ căn bản. Ngoài ra, không phải là đối trị.

Tất cả định trung gian, Tương ưng với xả căn: Nghĩa là tất cả đạo phương tiện đều tương ưng với xả căn, vì chưa được, nên không sinh khởi vui thích.

Hỏi: Như đã nói địa trên không có thân thức. Nếu lúc địa trên muốn mắt thấy, tai nghe, thân xúc chạm thì chúng sinh ở đây làm sao thấy, nghe, xúc chạm?

Đáp: Ở nơi cõi Phạm thế, thức hiện ra trước.

Hỏi: Vì sao địa trên không có thức này?

Đáp: Như trước đã nói, vì giác quán của địa trên không có phần, nên không có ba thức thân ấy. Địa trên muốn thấy, nghe, xúc chạm, thì nơi thiên thứ nhất thức hiện ở trước, tức thấy, nghe, xúc chạm, không phải là cõi dục, vì không phải là quả của tu.

Hỏi: Vào lúc nào thì thành tựu?

Đáp:

*Theo thức hiện ở trước
Địa trên tức thành tựu
Xả thì không thành tựu
Do tâm lực yếu kém.*

Cho đến thức này hiện ở trước, hoặc nhãn thức, hoặc nhĩ thức, hoặc thân thức, bấy giờ thì thành tựu. Tâm yếu kém vì là vô ký không ẩn mất. Thế nên nơi sát-na thành tựu, từ thức kia khởi rồi thì không tùy chuyển.

Hỏi: Đã nhận biết thiện, cấu uế, lúc chánh thọ được và các thức thành tựu. Tâm hóa kia làm sao được, một lúc, được bao nhiêu tâm?

Đáp:

*Thọ sinh cùng lia dục
Được là các tâm hóa
Hai, ba cùng với bốn
Cũng năm, một lúc được.*

Có hai nhân duyên được tâm hóa: Là thọ sinh và lia dục. Hoặc được tức thì hai, ba, bốn, năm.

Thọ sinh: Nghĩa là ở địa trên mắt, sinh nơi cõi Phạm thiên, bấy giờ được hai tâm của thiền thứ nhất: Là cõi dục và thiền thứ nhất. Nếu sinh nơi thiền thứ hai thì được ba tâm: Là cõi dục, thiền thứ nhất và tức địa mình. Sinh nơi thiền thứ ba thì được bốn tâm: Địa dưới ba, địa mình một. Nếu sinh nơi thiền thứ tư thì được năm tâm: Địa dưới bốn, địa mình một. Đây là nói thọ sinh được.

Lia dục: Nghĩa là lia dục của cõi dục được hai tâm, như trước đã nói. Ở nơi thiền thứ nhất lia dục thì được ba tâm. Ở nơi thiền thứ

hai lia dục thì được bốn tâm. Nơi thiền thứ ba lia dục thì được năm tâm, cho nên nói như thế.

Hoặc một sát-na được tâm hóa nhưng không đoạn. Lúc lia dục của cõi dục, thì sau cùng là đạo vô ngại. Nếu nêu ra bốn trường hợp:

(1) Được nhưng không đoạn: Tức là tâm hóa của quả thuộc thiền thứ nhất nơi địa thiền thứ nhất (Khi lia dục của cõi dục, thì được tâm hóa là quả của thiền thứ nhất. Tâm này bị kiết trói buộc nên không đoạn).

(2) Đoạn nhưng không được: Nghĩa là tâm hóa là quả của cõi dục và các thiền thứ hai, thứ ba, thứ tư. (Tâm hóa của ba địa là pháp cõi dục, nên bị phiền não của cõi dục trói buộc. Khi lia dục của cõi dục thì trói buộc được đoạn trừ. Vì thiền thứ nhất chưa lia dục, nên không được).

(3) Cũng được cũng đoạn: Nghĩa là tâm hóa là quả của cõi dục và thiền thứ nhất.

(4) Không được cũng không đoạn: Nghĩa là những tâm hóa khác. Cho đến thiền thứ ba lia dục, tùy theo nghĩa đó để nói.

Nơi mười bốn tâm hóa này, cõi dục bốn, cõi sắc mười. Tâm hóa của cõi dục kia hóa tác các thứ hóa hiện của cõi dục. Tâm hóa của cõi sắc hóa tác các thứ hóa hiện của cõi sắc, vì là tự phần. Tám thứ tâm hóa kia, sinh nơi dục, giới thì hóa hiện các thứ biến hóa của cõi dục. Nơi thân mình và thân khác là như thế. Ở nơi cõi sắc sinh vào cõi sắc cũng như vậy.

Cõi dục hóa bốn nhập, cõi sắc hóa hai nhập. Vì sao? Vì không có căn hóa, thế nên hóa không tâm. Một tâm một hóa hoặc nhiều, nhưng chỉ một địa.

Trụ nơi thân tức có thể khiến trụ, tuy hóa của Niết-bàn là tùy chuyển. Như Tôn giả Đà Phiêu nhập Niết-bàn xong hóa lửa thiêu đốt

thân. Tôn giả Đại Ca Diếp thì toàn thân trụ lâu. Đức Thế Tôn không hóa tác để giáo hóa, vì Phật sự đã hoàn thành, nên khi nhập Niết-bàn không lưu hóa.

Hỏi: Là hóa của tu tuệ cũng sinh tuệ chẳng?

Đáp: Cũng sinh tuệ (Do thoát chuyển sinh được tâm hóa, nên trước do lia dục đã được là tu tuệ. Tâm hóa của thiên ma là sinh tuệ). Như ma hóa làm thân Phật. Ma hóa thân thiên nữ đi đến chỗ Đức Phật. Hoặc hóa làm con người để dùng thức ăn. Hoặc hóa người chủ vốn muốn tự nuôi thân, thì thức ăn kia liền hiện ra, và được tiêu hóa trong thân của hóa chủ. Nếu vốn không muốn nuôi thân, thì thức ăn kia chỉ tụ lại nơi người biến hóa.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ tâm hóa được thành tựu?

Đáp:

*Hoặc có hai, ba, bốn
Năm, bảy cùng với chín
Thêm ba, hoặc cũng năm
Như thế thành tâm hóa.*

Nếu sinh nơi cõi dục, dục ái hết, ái của cõi Phạm thiên chưa hết, sinh nơi cõi Phạm thiên, ở đây ái chưa hết, là thành tựu hai. Nếu sinh nơi thiên thứ hai, ở đây ái chưa hết, là thành tựu ba. Nếu sinh nơi thiên thứ ba, ở cõi này ái chưa hết, là thành tựu bốn.

Nếu sinh nơi thiên thứ tư là thành tựu năm. Nếu sinh nơi cõi dục và cõi Phạm thiên, ái của cõi Phạm thiên hết, ái của thiên thứ hai chưa hết là cũng thành tựu năm. Nếu sinh nơi thiên thứ hai, ái của thiên thứ hai hết, ái của thiên thứ ba chưa hết, là thành tựu bảy, nói rộng như thế. (Nên nói chín cùng thêm ba, năm. Ái của thiên thứ tư hết, sinh nơi thiên thứ ba, sinh nơi thiên thứ hai, lại thêm ba, sinh nơi thiên thứ nhất lại thêm năm).

Hỏi: Nếu hóa của cõi dục và quả của thiên thứ nhất cùng hóa của địa thiên thứ nhất và quả của thiên thứ nhất, có sai biệt gì?

Đáp: Cõi sắc vì là cõi hơn nên hơn. Lại quả của thiên thứ hai và cõi dục, quả của thiên thứ nhất và cõi sắc, tức cõi dục thì trừ bỏ là hơn, cõi sắc thì cõi hơn. Tất cả hóa đều nói như thế. (Lìa dục được tâm hóa và phương tiện được tâm hóa, đều có mười bốn thứ. Lúc ở nơi địa trên sinh xuống địa dưới là được. Trước do lìa dục đã được mười bốn thứ).

HẾT - QUYỂN 7

LUẬN TẠP A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 8

Phẩm thứ 8: TU ĐA LA

Đã nói về Định. Tu-đa-la (Kinh) nay sẽ nói.

Nhất thiết trí đã nói

Diệu nghĩa Tu-đa-la

Con nay sẽ nói ít

Tu hành nên khéo nghe.

Vì nhận biết tất cả nên nói là Nhất thiết trí. *Tất cả*: Nghĩa là mười hai nhập. Đối với tự tướng, cộng tướng của mười hai nhập kia tất cả đều nhận biết.

Đã nói: Nghĩa là bậc Nhất thiết trí đích thân tự diễn nói.

Diệu nghĩa: Tức là nghĩa vi diệu của tánh tướng rất sâu xa. Nghĩa vi diệu này là do nơi Tu-đa-la nêu bày, nên nói là *Diệu nghĩa Tu-đa-la*.

Nay: Tức là Luận này. *Nói ít*: Nghĩa là đấng Mâu-ni đã nói vô lượng vô biên, nên ở đây nói là nói ít.

Tu-đa-la gồm có năm nghĩa: (1) Xuất sinh, tức xuất sinh các nghĩa. (2) Tuyên dũng, là nghĩa vị vô tận. (3) Hiện thị, tức chỉ bày rõ các nghĩa. (4) Thăng mặc, là biện biệt về các thứ tà, chánh. (5) Kết man, là quán xuyên các pháp.

Năm nghĩa như thế là nghĩa của Tu-đa-la. Tuy nghĩa không ở nơi lời nói, nhưng nhân nơi ngôn thuyết mới hiển hiện. Nghĩa ngôn thuyết là nhân nơi lời nói mà danh chuyển, nhân nơi danh mà hiển nghĩa.

Khéo nghe: Nghĩa là nên nhất tâm quyết định lắng nghe.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói thí, giới, tu. Mỗi mỗi thứ kia có bao nhiêu loại?

Đáp:

*Tuệ thí giữ tịnh giới
Là đều có bốn loại
Tu thiền tức có hai
Nói tên là công đức.*

Sợ ba thứ sợ, muốn có phương tiện khiến vượt qua ba sợ, nên Đức Thế Tôn lược nói ba thứ công đức này. Người sợ nghèo cùng thì sợ là phương tiện khiến vượt qua, nên nói thí. Kẻ sợ nẻo ác thì sợ là phương tiện khiến vượt qua, nên nói giới. Sợ sinh tử thì sợ là phương tiện khiến vượt qua, nên nói tu.

Hỏi: Những gì là tánh của thí?

Đáp:

*Không tham tương ưng tư
Đều khởi đồng một quả
Nơi chốn chúng cụ sinh
Đó tức là tánh thí.*

Căn thiện không tham tương ưng với tư, từ xứ thí vật sinh, cùng với nghiệp thân, khẩu tùy chuyển, tự tánh của thí là năm ấm, do nói sắc, hương, vị cùng đầy đủ. Nếu nói tư nguyện v.v... không phải là người thí thì không đúng. Vì sao? Vì đối với vật nói tên thí, Đức Thế Tôn vì mở bày tâm thí chủ, nên khiến tư nguyện vững chắc. Đối với vật nói tên thí, tức là từ xứ thí vật sinh khởi.

Hỏi: Trước đã nói bốn thứ thí. Những gì là thí chủng?

Đáp:

*Gọi là tự thân nhận
Cũng lại thân nhận khác
Hoặc có hai cùng thân
Hoặc hai cùng không thân.*

Vì có tự thân nhận nên thí. Vì có thân nhận người khác nên thí. Vì có tự thân nhận và thân nhận người khác nên thí. Vì có báo ân nên không vì tự thân nhận, thân nhận người khác nên thí (Nghĩa là A-la-hán cúng dường Phật là báo ân nên không phải vì mình, người khác). Người kia tự gồm thân.

*Nếu người chưa lìa dục
Cúng dường nơi Chi đề
Và phạm phu lìa dục
Đó gọi tự an thí.*

Thánh nhân chưa lìa dục và phạm phu lìa dục, cúng dường Chi đề, thì đây là tự gồm thân thí. Do thí thọ nhận báo của cõi dục. Nghĩa là người chưa lìa dục, sinh nơi cõi dục. Phạm phu tuy lìa dục, sinh nơi cõi sắc, cõi vô sắc, nhưng về sau trở lại thọ nhận hậu báo và báo bất định của cõi dục. Đó gọi là tự gồm thân, không gồm thân người khác. Vì sao? Vì Chi đề không phải là chúng sinh.

*Lìa dục phi phạm phu
Trừ quả hiện pháp kia
Thí cho các chúng sinh
Đó gọi gồm thân khác.*

Nếu A-la-hán, hoặc A-na-hàm, trừ khởi quả hiện pháp thí, nếu thí khác vì các chúng sinh, đó gọi là gồm thân người khác, không phải là tự gồm thân. Do A-la-hán không có phần sinh. A-na-hàm tuy

thọ sinh nơi cõi sắc, cõi vô sắc, nhưng không thọ nhận quả thí. Do nhân quả đoạn nên kiến lập cõi.

*Chưa lìa dục cõi dục
Phàm phu đã lìa dục
Thí cho các chúng sinh
Nên biết hai cùng nhau.*

Nghĩa là Thánh nhân chưa lìa dục và phàm phu đã lìa dục, thí cho chúng sinh, nên biết đó gọi là thí cùng gồm nhau cả hai.

*Lìa dục phi phàm phu
Trừ quả hiện pháp kia
Cúng dường nơi Chi đề
Tức cùng không gồm nhau.*

Nếu A-la-hán, hoặc A-na-hàm, trừ khỏi quả hiện pháp thí, nhưng cúng dường Chi đề, thì đây không phải là tự gồm nhau, cũng không phải là gồm nhau người khác, vì A-la-hán thì không sinh. A-na-hàm tuy có sinh nhưng ở nơi cõi dục không có phần, nên không tự gồm nhau. Vì Chi đề không phải là chúng sinh, nên không gồm nhau người khác. A-la-hán kia nghĩ nhớ ân xưa, vì để báo ân, nên tuy Phật đã nhập Niết-bàn cũng cúng dường Chi đề.

Lại nữa:

*Hoặc có gồm nhau người
Cúng dường nơi Chi đề
Vô lượng chúng thấy nghe
Đều sinh tâm tùy hỷ.*

Hoặc cúng dường Chi đề, cũng là gồm nhau người khác. Dùng cờ phướn, lọng hoa, đốt hương, rải hoa, cúng dường Chi đề, khiến cho vô lượng chúng sinh trông thấy tùy hỷ, là nhân sinh lên cõi trời đạt giải thoát. Thế nên nơi Tu-đa-la Đức Thế Tôn nói: Đối với xứ

chưa từng lập mà kiến lập Chi đề, tức có thể sinh Phạm phước. Do gồm thân vô lượng chúng sinh, nên gọi là Phạm phước.

Hỏi: Ngang với mức nào thì nói là Phạm phước?

Đáp: Có thuyết nói: Trừ Bồ-tát gần Phật địa, tất cả các chúng sinh khác, có thể sinh khởi nghiệp của quả tăng thượng như phú quý lớn, uy lực lớn, đó là lượng của Phạm phước.

Lại có thuyết cho: Lúc thế giới thành, tất cả chúng sinh cùng khí thế giới sinh. Nghiệp có thể sinh khởi khí thế giới này, đó gọi là lượng của Phạm phước.

Lại nữa, thí này:

*Là những hy vọng kia
Bảy thứ thí không trên
Tâm trang nghiêm thứ tám
Đó gọi thí tối thắng.*

Đức Thế Tôn nói tám thứ thí: Là hy vọng thí, bố úy thí, phản báo thí, kỳ báo thí, gia pháp thí, sinh thiên thí, cầu danh thí và vì tâm trang nghiêm, vì tâm điều phục, vì thuận tu hành, vì được nghĩa tối thượng nên thí.

Hy vọng thí: Nghĩa là lựa chọn phước điền nhằm cầu có nhiều quả nên thí cho người đến cầu xin. Thí cho người đến cầu xin thì cụ A-tỳ-đàm nói là hy vọng thí.

Bố úy thí: Nghĩa là vừa ở nơi thí lại quên mất nên thí, do thấy có tướng mất nên thà thí cho để không mất.

Phản báo thí: Nghĩa là từng có được lợi ích kia, sao lại không báo đáp nên thí.

Kỳ báo thí: Nghĩa là nếu thí cho người kia thì mong được họ đền đáp lại.

Gia pháp thí: Nghĩa là có thói quen theo người trước nên thí, không phải tự tin mà thí.

Sinh thiên thí: Nghĩa là vì cầu sinh lên cõi trời nên thí.

Cầu danh thí: Nghĩa là vì muốn được khen ngợi nên thí.

Bảy thứ thí này, do tuệ thấp kém, nên không là trên hết. Không cầu an vui nơi sinh tử mà thí, đó gọi là tâm trang nghiêm thí.

Dùng đạo này làm phương tiện để thí, nên ở trong tài thí là bậc nhất, là hơn hết. Đó gọi là thượng thí.

Đã nói thí. Quả của thí nay sẽ nói.

*Thọ, sắc, lực, an lạc
Biện tài là năm thứ
Báo thí những trăm ngàn
Điều thí chủ đạt được.*

Bồ thí như trên đã nói. Năm thứ báo, như Đức Thế Tôn trong Tu-đa-la đã nói về năm đức của thí. Ăn để sống, không phải là không ăn, thế nên thí thì có được thọ mạng, cho đến biện tài cũng lại như thế. Nhân tương tự sinh quả tương tự, tức được báo là trường thọ cho đến biện tài. Như gieo trồng giống bên ngoài, tùy từng loại, nên thu đạt quả. Thí này cũng như thế.

Tuổi thọ là nơi hàng người trời, không phải là nẻo ác. Đây là do nhân giữ gìn nên nói thí có được tuổi thọ. Như nói: Lìa sát sinh, tu tập nhiều thì được trường thọ. Đó là do nhân chiêu cảm dẫn dắt, nên nói. Ví như hai người mẹ: Mẹ đẻ và mẹ nuôi. Người lìa sát sinh như mẹ đẻ. Người thí thức ăn như mẹ nuôi.

Thí cho súc sinh thì nơi năm thứ báo tức được phước gấp trăm lần, đó là do người hòa hợp mà được. Nói rộng như thế. Trong kiến đạo tuy không ăn nhưng có thể thọ thí.

Đã nói thí cùng quả. Về tức thí tức quả nay sẽ nói.

*Từ, vô tránh, diệt tận
Kiến đạo và vô học
Từ chánh thọ kia khởi
Người thí liền được quả.*

Tam muội tâm từ, vô tránh, tam muội diệt tận, kiến đạo nơi quả A-la-hán, từ đây khởi xong, nếu có người thí tức thì được quả. Vì sao? Vì đối với vô lượng chúng sinh đã dùng tướng an ổn tạo lợi ích là từ, là lấy từ để huân tập thân. Từ đây phát khởi rồi thì người thí liền được quả.

Tam muội vô tránh, tức khiến cho vô lượng chúng sinh không khởi phiền não, do đã gồm thấu rộng công đức để huân tập thân, nên từ đây phát khởi xong thì người thí liền được quả.

Tam muội diệt tận, do công đức rộng lớn huân tập thân nên giống với Niết-bàn. Từ đây khởi rồi thì người thí liền được quả.

Kiến đạo đoạn trừ kiết hết hẳn, dùng Thánh đạo để huân tập thân, nên từ đây khởi rồi thì người thí liền được quả.

Tu đạo đoạn trừ kiết hết hẳn, tâm được tự tại, trụ nơi quả A-la-hán, từ đây khởi rồi thì người thí tức được quả.

Đã nói tức quả. Về quả lớn nay sẽ nói.

*Cha mẹ hoặc người bệnh
Cùng với sư thuyết pháp
Các Bồ-tát gần Phật
Người thí được quả lớn.*

Thí cho năm loại người này thì được quả lớn. Vì sao? Vì cha mẹ có ân sinh thân và nuôi lớn, nên thí tức được quả lớn.

Người bệnh không có nơi nương dựa, tâm bi tăng trưởng, nên thí thì được quả lớn.

Sư thuyết giảng pháp, pháp thân tăng trưởng, chỉ bảo cho mọi người nhận biết thiện ác, nên thí tức được quả lớn.

Chư Bồ tát gần với Phật địa, chứa nhóm công đức, gồm thâm rộng chúng sinh, nên thí thì được quả lớn.

Hỏi: Vì tư nguyện là hơn nên khiến thí thanh tịnh hay vì phước điền là hơn? Nếu tư nguyện là hơn, thì vì sao Đức Thế Tôn tán thán phước điền? Nếu phước điền là hơn, thì vì sao thí một phước điền nhưng quả không được như nhau?

Đáp: Vì tư nguyện là hơn, nên thí thanh tịnh. Phước điền là sức của nhân, thế nên trước nói tư nguyện và quyên thuộc, gọi là bố thí phước. Dùng tâm thuần tịnh để lìa những mong cầu về của cải nơi thân, hành theo trí tuệ. Người thí như thế tức đạt được quả lớn. Nếu khác thì người kia cầu được tiếng khen nên thí, tức phước điền là hơn, như vậy không phải là người bố thí lớn. Nếu do sức của của ruộng sinh tội phước, thì không thành sức của phước điền như nhau, đáng lẽ bị nghiệp vô gián nhưng không bị, nên biết là do sức của tư nguyện. Công đức nơi phước điền có thể khởi tư nguyện thù thắng, thế nên Đức Thế Tôn tán thán phước điền.

Hỏi: Đã nhận biết thí nuôi lớn sinh thân. Còn thí nuôi lớn pháp thân thì thế nào?

Đáp:

*Khéo nói các kinh pháp
Xa lìa những điên đảo
Không hủy báng Mâu-ni
Đó nói là pháp thí.*

Đối với Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, biết phân biệt chân thật, không vướng mắc nơi danh lợi, gồm thâm rộng chúng sinh, đó gọi là pháp thí. Người kia tuy không có tướng tham vướng nhưng ngôn thuyết điên đảo, hủy báng nhân duyên chân thật của Như Lai, khởi

tạo tướng khác, nên biết đây tức là nhân duyên của tâm loạn. Tuy thuyết giảng không điên đảo, nhưng tâm nhiễm chấp như thương nhân kia, vì thế kệ nói “Không biết Mâu-ni nói. Như dao lửa và độc. Nơi đây khéo phân biệt. Cũng như ăn cam lộ”.

Lại nữa, điên đảo có ba thứ: Pháp điên đảo, người điên đảo, thời điên đảo.

Pháp điên đảo: Nghĩa là như có thuyết nói: Tu tập tướng tịnh thì đoạn trừ tham dục.

Người điên đảo: Nghĩa là người tham dục nhưng vì người khác nói là tâm từ.

Thời điên đảo: Nghĩa là đối với người căn chưa thành thực, vì họ giảng nói chân đế.

So sánh như thế, cùng trái với đây thì gọi là thuyết pháp không điên đảo.

Đã nói pháp thí. Vô úy thí nay sẽ nói.

*Dùng lìa các thọ nói
An ủi những sợ hãi
Gọi là vô úy thí
Phá trừ sợ nghèo cùng.*

Nếu thấy chúng sinh đời này, đời sau đều cùng có sợ hãi, dùng giới lìa thọ nhận, đem tâm từ an ủi nói: “Chúng sinh đừng sợ! Tôi sẽ vì ông hành tác giúp, khiến được không sợ hãi. Đó gọi là vô úy thí”. Sự sợ hãi kia như nghèo cùng thí cho họ sự chân thật để đối trị, gọi là vô úy thí.

Đã nói vô úy thí. Về đại thí nay sẽ nói.

*Khắp cả loại quần sinh
Cùng thọ giới luật nghi*

*Công đức truyền thêm rộng
Đây tức là đại thí.*

Đức Thế Tôn nói: Năm giới là đại thí, vì gồm thân vô biên chúng sinh, vì sinh khởi vô biên an lạc. Tài thí thì không thể gồm thân tất cả chúng sinh, chỉ thọ giới thì mới có thể. Thọ trì năm giới xong, đối với tất cả chúng sinh trong suốt đời, nơi mỗi mỗi niệm tức được mười hai thứ luật nghi chưa từng được (Ba căn thiện, mỗi căn thiện khởi hai nghiệp thân khẩu tác vô tác), giới kia nối tiếp tác dụng không dứt.

Hỏi: Đã biết bốn thứ thí. Bốn thứ giới nói trước thì thế nào?

Đáp:

*Cõi dục và thiên sinh
Luật nghi giới, vô lậu
Luật nghi đoạn, từ hai
Là nói luật nghi chúng.*

Bốn thứ luật nghi: Là luật nghi biệt giải thoát, luật nghi thiên, luật nghi vô lậu và luật nghi đoạn.

Luật nghi biệt giải thoát: Là giới của bảy chúng đã thọ. Luật nghi thiên: Là giới hữu lậu tùy sinh. Luật nghi vô lậu: Là giới học, giới vô học. Luật nghi đoạn: Là giới do chín đạo vô ngại đã lìa dục nơi cõi dục tùy sinh. Hoặc hữu lậu là giới thiên. Hoặc vô lậu là giới vô lậu. Luật nghi này như nơi phẩm Nghiệp đã nêu rõ.

Đã nói bốn thứ giới. Bốn thứ còn lại nay sẽ nói.

*Giới do hy vọng thọ
Giới do sợ hãi giữ
Có thuận chi Bồ-đề
Cùng với giới thanh tịnh.*

Có bốn thứ giới: Là giới hy vọng, giới sợ hãi, giới thuận giác chi, giới thanh tịnh.

Giới hy vọng: Là cầu sinh lên cõi trời và những xứ khác nên giữ giới.

Giới sợ hãi: Là do sợ tự trách, sợ người khác trách, sợ bị phạt, sợ nẻo ác, sợ không sống nổi, sợ tiếng xấu nên giữ giới.

Giới thuận giác chi: Là vì tâm trang nghiêm, vì phương tiện gồm đủ, vì cầu nghĩa tối thắng nên giữ giới.

Giới thanh tịnh: Là giới vô lậu, là lìa cầu nhiễm.

Hỏi: Thế nào là giới tịnh trì?

Đáp:

*Căn bản quyền thuộc tịnh
Không bị giác hủy hoại
Thâu nhận nơi chánh niệm
Tùy thuận bát Niết-bàn.*

Có năm nhân duyên khiến giới thanh tịnh: Đó là căn bản tịnh, quyền thuộc tịnh, không bị giác hủy hoại, thâu nhận chánh niệm và chánh hướng giải thoát.

Căn bản tịnh: Nghĩa là lìa vượt nghiệp đạo căn bản.

Quyền thuộc tịnh: Nghĩa là lìa các phương tiện như sát sinh v.v...

Không bị giác hủy hoại: Nghĩa là lìa ba thứ giác (Tâm) là dục, sân, hại gây náo loạn.

Thâu nhận chánh niệm: Nghĩa là thâu nhận ba niệm Phật, Pháp, Tăng, thế nên cũng lìa các tâm vô ký.

Chánh hướng giải thoát: Nghĩa là vì giải thoát nên giữ giới, không vì thân, của cải cùng những việc làm khác, vì thế cũng nói là tùy thuận giác chi.

Năm nhân duyên này khiến giới thanh tịnh, Đức Thế Tôn nói là được quả lớn, vì lìa bỏ tất cả não loạn.

Hỏi: Đã biết giới là chỗ dựa của tất cả chánh hạnh, như bình công đức của trời. Vậy thế nào là hai thứ tu?

Đáp:

*Thiền vô sắc vô lượng
Tu đắc và tu tập
Bất tịnh, niệm an ban
Nghĩa hai tu cũng thế.*

Công đức của các thiền v.v... này đã huân tập tâm, như xông ướp y phục, như hoa ướp hạt mè, như nung chảy vàng, nên nói như thế này: “Tu như xông ướp y phục. Tu như xông ướp hạt mè. Tu như nung chảy vàng”. Hiện tại là tu tập, vị lai là tu đắc. Hiện tại là dụng, vị lai là khởi. Hiện tại là đang làm, vị lai là sẽ làm. Hiện tại là sinh, vị lai là đắc. Hiện tại là phần hiện tiền, vị lai là phần thành tựu.

Thiền vô sắc vô lượng nơi phẩm Định đã nói rộng. Người quán bất tịnh không có tánh tham, vì đã đối trị tham. Lại, vì đối trị bốn thứ tham, nên lại nói bốn thứ. Nghĩa là nhằm đoạn trừ tham oai nghi, nên tu quán tử thi. Đoạn trừ tham sắc, nên tu quán màu xanh bầm v.v... Đoạn trừ tham xúc nên loại bỏ da thịt, tu quán xương vòng. Đoạn trừ tham về xứ sở, nên tu quán đốt xương lìa nát.

Quán bất tịnh này lại có bốn thứ: Phần thoái, phần trụ, phần thắng, phần quyết định. Phần thoái nghĩa là trụ nơi xứ kia thì thoái chuyển. Phần trụ nghĩa là trụ nơi xứ kia thì không tiến, không thoái. Phần thắng nghĩa là trụ nơi xứ kia tất tiến lên. Phần quyết định nghĩa là trụ nơi xứ kia thì thuận với Thánh đạo.

Cõi: Là cõi dục, cõi sắc. Địa: Là mười địa: Là cõi dục, thiên trung gian, bốn thiên căn bản và bốn quyền thuộc.

Chỗ dựa: Là cõi dục. Hành: Là phi hành. Duyên: Là duyên nơi cõi dục. Niệm xứ: Là thân niệm xứ. Trí: Là đẳng trí.

Không phải là tam muội, vì là thọ sinh. Tương ứng với ba căn, gắn liền với ba đời.

Quá khứ: Là duyên nơi quá khứ. Hiện tại: Là duyên nơi hiện tại. Vị lai: Là nếu pháp sinh thì duyên nơi vị lai, nếu là pháp không sinh thì duyên nơi ba đời. Là thiện, duyên nơi vô ký. Là phi học phi vô học, duyên nơi phi học phi vô học. Là do tu đạo đoạn, duyên nơi tu đạo đoạn. Nên nói về nghĩa của duyên.

Hỏi: Do phương tiện đắc hay là lia dục đắc?

Đáp: Cũng phương tiện đắc, cũng lia dục đắc. Nếu lia dục của cõi dục đắc thiên thứ nhất, cho đến lia dục của thiên thứ ba đắc thiên thứ tư. Sau đấy thì phương tiện hiện ở trước.

Hỏi: Quán bất tịnh thì phương tiện là thế nào?

Đáp: Người tu quán bất tịnh kia, đến nơi chón gò mả, phải thật khéo, nhận lấy tướng bất tịnh ấy. Nhận lấy tướng như thế rồi, trở về chỗ ngồi, rửa chân, an tọa, thân tâm hòa dịu, lia bỏ các *cái*. Nhận lấy duyên bên ngoài để chinh đốn thân mình. Buộc giữ tâm ở nơi xương bàn chân, xương ống quyển, xương bắp vế, xương háng, xương sống, xương hông, xương tay, xương cánh tay, xương chân mày, xương cổ, xương trán, xương răng, xương đầu lâu v.v... Nếu buộc giữ tâm ở giữa chân mày, hoặc là người ưa quán tóm lược, thì trước từ thân niệm xứ vượt qua. Nếu là người ưa quán rộng thì từ nơi giữa chân mày quán đầu lâu, cho đến xương bàn chân. Từ nơi một tòa, một phòng, một nhà, một Tăng-già-lam, một thôn xóm, một nước này, nếu cho chỉ từ tướng khởi, thì không có điều ấy. Nếu người quán cùng khắp đại địa, đến ánh sáng của mắt, tức có thể quán xứ kia đầy đầy những xương trắng. Nếu có người lại quán tóm lược, thì theo thứ lớp trở lại đến giữa chân mày, buộc tâm ở nơi ấy. Đó gọi là quán bất tịnh thành tựu.

Hoặc có quán bất tịnh, duyên ít, không phải là tự tại ít, nên nêu ra bốn trường hợp:

(1) Duyên ít không phải tự tại ít: Nghĩa là ở nơi tự thân thường xuyên nhập quán bất tịnh.

(2) Tự tại ít không phải duyên ít: Nghĩa là cùng một lúc quán xét các thứ bất tịnh đầy khắp bốn biển, đại địa, không thể thường xuyên nhập quán bất tịnh.

(3) Duyên ít, tự tại cũng ít: Nghĩa là cùng một lúc quán xét các thứ bất tịnh nơi tự thân không thể thường xuyên nhập quán bất tịnh.

(4) Không phải duyên ít cũng không phải tự tại ít: Nghĩa là các thứ bất tịnh đầy khắp bốn biển, đại địa, nhưng cũng có thể thường xuyên nhập quán bất tịnh.

Lại nữa, quán bất tịnh, duyên vô lượng, không phải là tự tại vô lượng, nên nêu ra bốn trường hợp:

(1) Duyên vô lượng không phải tự tại vô lượng: Nghĩa là các thứ bất tịnh đầy khắp bốn biển, đại địa, nhưng không thể thường xuyên nhập quán bất tịnh.

(2) Tự tại vô lượng không phải duyên vô lượng: Nghĩa là đối với thân mình thường xuyên nhập quán bất tịnh.

(3) Duyên vô lượng, tự tại cũng vô lượng: Nghĩa là các thứ bất tịnh đầy khắp bốn biển, đại địa, nhưng cũng có thể thường xuyên nhập quán bất tịnh.

(4) Không phải duyên vô lượng cũng không phải tự tại vô lượng: Nghĩa là đối với thân mình không thể thường xuyên nhập quán bất tịnh.

Đã nói về quán bất tịnh. Niệm an ban (Quán sở tức) nay sẽ nói.

An na nghĩa là trì đến. *Ban na* nghĩa là trì đi, cũng gọi A thấp bà sa bà thấp bà sa. *Niệm* nghĩa là nhớ nghĩ. Đối với An na ban na xét

kỹ, buộc giữ niệm, tâm không hư vọng, tu tập niệm kia, nên nói là tu. Niệm an ban là tánh của tuệ. Vì ở nơi phàm kia niệm tăng, nên nói là niệm an ban, như niệm xứ, như niệm túc mạng.

Mới khởi nghĩa là từ chỗ rốn trong thai mẹ, đã có nghiệp sinh ra gió khởi, hoặc hướng dưới, hoặc hướng trên. Hướng dưới tạo ra phần thân dưới cùng các lỗ chân lông. Hướng trên tạo nên phần thân trên cùng các lỗ chân lông. Các lỗ chân lông hình thành rồi, thì hơi thở ra là trước nhất. Cho đến khi mạng chung thì hơi thở ra là sau cùng.

Chánh thọ cũng như thế. Nghĩa là thở ra đầu tiên là nhập định, thở vào đầu tiên là xuất định. Do sáu nhân duyên nên được sáu thứ niệm an ban, đó là số, tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh.

Số: Nghĩa là người tu hành dùng phương tiện khéo léo buộc giữ niệm, đếm hơi thở ra vào. Không có một lần thở ra thở vào nào mà không nhận biết. Nếu người tâm loạn, hoặc có khi đếm giảm, có khi đếm tăng, hoặc có khi đếm lộn xộn.

Đếm giảm là lấy hai làm một. Đếm tăng là lấy một làm hai. Đếm lộn xộn là thở ra thì tưởng là vào, thở vào thì tưởng là ra.

Tâm không loạn gọi là đếm đều: Năm lần thở ra, năm lần thở vào, đó gọi là mười số. Nếu người tu hành, lúc đếm đến khoảng giữa mười thì tâm loạn, lại bắt đầu đếm từ một. Nếu đếm đủ mười xong, hoặc loạn, hoặc không loạn, cũng nên đếm lại từ một. Vì sợ tâm phân tán, nên không đếm quá mười. Vì sợ tâm tích tụ, nên đếm không ít hơn mười. Nếu hơn thì không có hoặc chưa từng đếm.

Tùy: Nghĩa là hơi thở ra vào ra đi thì không có chôn hành, chỉ tùy theo hơi thở dài hay ngắn? Là khắp thân hay ở một chỗ? Trở vào là xa hay gần? Tới chỗ nào thì chuyển trở lại?

Chỉ: Nghĩa là tùy theo tâm ưa thích đối với một phần thân, buộc giữ tâm khiến trụ ở đấy để quán xét hơi thở kia đối với thân là tăng, lợi hay là tổn hại, là lạnh hay là ấm, đều đặn như thế.

Quán: Nghĩa là tu tập, tu tập hết mực. Như tự nhớ về tên mình, tùy theo những gì đã mong muốn khiến hiện ở trước.

Hoàn: Nghĩa là nếu dựa vào giác (Tâm) dục thì ít hành, nếu dựa vào giác xuất ly thì siêng hành.

Tịnh: Nghĩa là làm tịnh các thứ cái (Ngăn che).

Người tu hành kia đối với hơi thở ra vào chỉ tạo nên một tướng. Quán thân như ống sáo trúc. Quán hơi thở như râu ngọc, hơi thở ra vào không động. Ở nơi thân, không phát khởi thân thức. Đó gọi là niệm an ban thành tựu.

Có thuyết cho là cũng khởi thân thức, chỉ không làm tổn thương nơi thân. Lại nữa, người tu hành đối với hơi thở ra vào dùng *cực vi hoại*, đó gọi là quán thân. Thọ nhận hơi thở ra vào, đó gọi là quán thọ tức. Thọ kia thì gọi là quán thọ. Nhận biết hơi thở vào ra đó gọi là quán thức tức. Thức kia thì gọi là quán thức. Tưởng về hơi thở ra vào thì gọi là quán tưởng tức. Tưởng kia thì gọi là quán tưởng (Cực vi hoại: Nghĩa là cực vi hoại sắc, sắc hết, diệt hết, sau đó do hỷ và tưởng khởi thức khiến hiện ở trước, nên liền quán ba thứ kia, cho là chủng tử nơi phương tiện của ba niệm xứ). Không phải hơi thở vào chưa diệt mà có hơi thở ra sinh. Không phải hơi thở ra chưa diệt mà có hơi thở vào sinh. Đó gọi là nhân nơi an ban mà lường xét về hành vô thường.

Vì hơi thở vào bức bách nên hơi thở ra diệt, đó gọi là lường xét về hành khổ. Đó gọi là đặc chủng tử của phương tiện nơi môn giải thoát vô nguyện. Hơi thở ra vào có sinh trụ diệt không tự tại, đó gọi là nhân nơi hơi thở ra vào quán lường xét về hành vô ngã. Vì hơi thở ra vào lia các nhân như thường v.v... nên đây là lường xét về hành không. Đó gọi là đặc chủng tử của phương tiện nơi môn giải thoát không. Ở nơi hơi thở ra vào sinh tâm nhàm chán, hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là đặc chủng tử của phương tiện nơi môn giải thoát vô tướng. Trong tam

muội, dựa vào hai phẩm hạ kia, dựa nơi phẩm trung để tăng. Như thế, theo thứ lớp được pháp noãn, cho đến tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói về giới (Cõi), cõi này là thế nào?

Đáp:

*Hai mươi nói cõi dục
Cõi sắc hoặc mười sáu
Cõi vô sắc có bốn
Xứ sở thứ lớp nói.*

Hai mươi nói cõi dục: Đó là tám đại địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, bốn châu thiên hạ và sáu cảnh trời dục. Hai mươi xứ này là cõi dục. Các chúng sinh nơi cõi này lấy dục thọ thân gồm đủ và thứ hai, thế nên nói là cõi dục.

Cõi sắc hoặc mười sáu: Đó là các trời Phạm thân, Phạm phú lâu, Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang âm, Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Vô âm, Phước sinh, Quả thật, Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện và Sắc cứu cánh. Mười sáu xứ này là cõi sắc.

Có thuyết muốn khiến thành mười bảy: Tức mười sáu như trước và Đại phạm. Chúng sinh nơi cõi ấy thọ thân là sắc không phải là gồm đủ, không phải là thứ hai, thế nên nói là cõi sắc.

Cõi vô sắc có bốn: Đó là không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ. Chúng sinh của xứ này không thọ thân sắc, là sắc dục, nên gọi là cõi vô sắc.

Hỏi: Vì sao lập ba cõi? Vì ái đoạn hay là vì xứ sở? Nếu là ái đoạn tức nên có chín. Nghĩa là ái cõi dục đoạn cõi dục. Như thế từ thiên thứ nhất cho đến phi tướng phi phi tướng xứ là chín. Nếu vì xứ sở nên lập, tức nên có bốn mươi như trước nói?

Đáp: Vì ái đoạn chung nên nói. Nghĩa là ái cõi dục đoạn cõi dục. Như thế ái cõi sắc đoạn cõi sắc, ái cõi vô sắc đoạn cõi vô sắc. Vì

cõi dục không định, nên có một sử. Cõi sắc, cõi vô sắc vì định, nên không có một sử.

Hỏi: Kiến lập giới (Cõi) như thế nào?

Đáp: *Xứ sở thứ lớp nói.* Có thuyết cho là từ dưới theo thứ lớp lên trên. Dưới cùng là địa ngục Vô trạch. Kế đó là địa ngục Đại nhiệt. Thứ lớp như thế cho đến trời Sắc cứu cánh.

Trên Sắc cứu cánh lại có địa ngục Vô trạch. Thứ lớp cho đến Sắc cứu cánh. Nếu lia dục của một cõi dục, tức lia dục của tất cả cõi dục. Nếu được thần túc của thiên thứ nhất, thì có thể đến một cõi dục và một Phạm thể.

Lại có thuyết muốn khiến gồm khắp cả các bên để lập cõi.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bảy thức trụ. Thức trụ này là thế nào?

Đáp:

*Nẻo thiện ở cõi dục
Cùng ba địa cõi sắc
Ba vô sắc cũng thế
Đó nói là thức trụ.*

Nẻo thiện của cõi dục là hàng trời và người, ba địa trước của cõi sắc, ba địa trước của cõi vô sắc, bảy địa này nói là thức trụ. Chúng sinh có sắc là thành tựu thân sắc. Vô số thứ thân là vô số thứ hình. Vô số thứ tướng là tướng khổ, vui, không khổ không vui. Đó gọi là thức trụ thứ nhất.

Lại nữa, vô số thứ thân, như trước nói. Một tướng là tướng nhiễm ô. Trời Phạm thân kia, lúc mới sinh suy nghĩ như thế này: “Ta từ trời Đại phạm sinh”. Trời Đại phạm thì suy nghĩ: “Ta có thể sinh ra xứ sở cao thấp hơn kém kia cùng giác quán về thức thân”. Phạm thiên có vô số thứ thân. Đó gọi là thức trụ thứ hai.

Một thân là thân sắc, gồm hình, vị trí, chất lượng v.v... Vô số thứ tướng là tướng vui và tướng không khổ không vui. Hỷ căn vốn chán mệt nơi quyền thuộc thì xả căn hiện ở trước. Xả căn chán mệt thì hỷ căn lại hiện ở trước. Đó gọi là thức trụ thứ ba.

Một thân, một tướng: Một thân, như trước đã nói. Một tướng là lạc. Đó gọi là thức trụ thứ tư.

Chúng sinh ở cõi vô sắc, không thành tựu thân sắc, vì đã lìa sắc dục. Vượt qua tất cả tướng sắc, là hành lìa sắc nên nói, vì tướng sắc tương ưng với nhãn thức. Nếu lìa dục của thiền thứ nhất thì vượt qua hành dục ái. Lìa dục của thiền thứ tư thì vượt qua hành sắc hành. Do nghĩa này nên nói là diệt tướng có đối, vì tương ưng với năm thức thân.

Không nhớ nghĩ vô số thứ tướng, là vô số thứ tướng kia, phân tán khắp ở địa thiền thứ tư, do duyên nơi vô số thứ nhập. Nếu nhiễm ô là duyên nơi mười nhập, không nhiễm ô thì duyên nơi mười hai nhập, vì đã lìa mọi nhiễu loạn của dục.

Không niệm vô lượng, là hành vô lượng, theo phương tiện tư duy về không nhập. Do chánh thọ không, nên nói là không xứ nhập. Không xứ nhập thành tựu, là được thành tựu bốn ấm của địa kia. Đó gọi là thức trụ thứ năm.

Theo phương tiện tư duy về thức nhập, thức xứ. Đó gọi là thức trụ thứ sáu.

Vì không có phần của hành vô lượng, nên nói là vô sở hữu xứ. Đó gọi là thức trụ thứ bảy.

Hỏi: Vì sao kiến lập bảy thức trụ?

Đáp: Nếu thức ở nơi xứ ấy ưa thích trụ nên nói là thức trụ. Vì ở nẻo ác bị khổ bức bách, nên thức không ưa thích trụ. Vì trời Tịnh cư hướng đến Niết-bàn, nên thức không ưa thích trụ. Vì chúng sinh của

trời Vô tướng không có tâm. Các xứ khác ở thiên thứ tư, hoặc vì cầu vô sắc, hoặc vì cầu Tịnh cư, hoặc vì cầu vô tướng, nên thức không ưa thích trụ. Vì hữu thứ nhất (Xứ phi tướng phi phi tướng) không nhanh nhạy nên thức không ưa thích trụ.

Lại nữa, nếu xứ kia có pháp hoại thức, thì không kiến lập thức trụ. Nẻo ác thì khổ căn hủy hoại. Thiên thứ tư thì tam muội vô tướng hủy hoại. Nơi hữu thứ nhất thì tam muội diệt tận hủy hoại, nên không lập thức trụ.

Hỏi: Chín nơi chốn cư trú của chúng sinh là thế nào?

Đáp:

*Hữu thứ nhất, Vô tướng
Là nói chúng sinh ở
Gọi bốn ám hữu lậu
Là nói bốn thức trụ.*

Hữu thứ nhất vô tướng, Là nói chúng sinh ở: Nghĩa là trước đã nói bảy thức trụ. Hữu thứ nhất và trời Vô tướng là chín nơi chốn cư trú của chúng sinh.

Hỏi: Nẻo ác vì sao không nói là nơi chốn cư trú của chúng sinh?

Đáp: Vì không có phần ưa thích trụ. Vì có nhiều khổ não, nên không ưa thích trụ. Trời Tịnh cư vì nhanh chóng hướng đến Niết-bàn, nên không ưa thích trụ. Các tầng trời của thiên thứ tư như trước đã nói.

Hỏi: Bốn thức trụ thì thế nào?

Đáp: *Gọi bốn ám hữu lậu, Là nói bốn thức trụ:* Tức trừ thức ám, bốn ám hữu lậu còn lại nói là thức trụ.

Có thuyết cho: Ám của số chúng sinh nói là thức trụ thì không đúng. Vì sao? Vì dựa vào nghĩa của phần hành duyên tương ưng,

nên gọi là trụ. (Nương dựa là chỗ dựa của thức. Duyên là chủ thể duyên không phải là đối tượng duyên. Phần tiếng Phạn là Hà bà tha da nghĩa là tuôn chảy, tức phần thọ sinh nơi thai nối tiếp quá khứ. Vị lai tuy không phải là sở duyên sinh nhưng cũng có nghĩa này nên được xem là thức trụ). Pháp vô lậu cũng nói thức trụ là không đứng. Vì sao? Vì thức nhiễm ô bị hoại, nên không lập thức trụ. Thức ấm cũng không phải là thức trụ, tức hai thứ ấy không phải là phần, trước sau không cùng hợp, không liên hệ với tự tánh. Do thức của tự phần trụ nơi ấm của tự phần. Nghĩa là cõi dục trụ nơi cõi dục. Nên so sánh như vậy, tức là cõi không khác, địa không khác, thân không khác.

Hỏi: Vì sao ấm của tự phần nói là thức trụ, không phải là không tự phần?

Đáp: Vì ấm của tự phần đã gồm thân thức.

Hỏi: Ấm của tâm không tự phần và ấm của phi tâm vì sao gọi là thức trụ? (Tâm của cõi khác lúc trụ gọi là ấm của tâm phi tự phần. Pháp không tâm lúc trụ gọi là ấm của phi tâm).

Đáp: Vì có được tướng. Tướng được kia cũng là tướng của thức trụ thành tự. Nếu thức của tự phần kia phát sinh, thì thức ấy tức tùy chuyển cùng có nghĩa của thức trụ. Do nhân duyên trung gian gây trở ngại nên thức không sinh, không phải là thức trụ không có phần.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói duyên khởi. Pháp duyên khởi ấy có tướng gì?

Đáp:

*Phiền não cùng nghiệp sự
Theo thứ lớp kia sinh
Nên biết là chi hữu
Chúng sinh tất cả sinh.*

Ba phần chi duyên khởi, đó là phiền não, nghiệp và sự. Phiền não, nghiệp và sự này ở nơi các pháp kia theo thứ lớp sinh khởi, gọi là chi duyên khởi. Nên biết chi duyên khởi ấy:

*Các phần này kiến lập
Là chúng sinh thọ sinh
Quá hai và chưa sinh
Trung gian nói nơi tám.*

Các phần này kiến lập, Là chúng sinh thọ sinh: Tức ở nơi ba phần duyên khởi này nói mười hai chi.

Hỏi: Thế là thế nào?

Đáp: *Quá hai và chưa sinh, Trung gian nói nơi tám:* Nghĩa là thời gian của đời quá khứ kia, các phần phiền não gọi là Vô minh, nghiệp gọi là Hành. Nơi hiện tại hành nối tiếp, gọi là Thức. Thức kia nối tiếp rồi, phần sáu nhập chưa đầy đủ, gọi là Danh sắc. Phần các căn đầy đủ, gọi là Sáu nhập, chưa thể phân biệt về khổ, vui, không khổ không vui. Căn, trần, thức hợp nhau, gọi là Xúc. Phân biệt được giới hạn sai khác của khổ vui, nhưng chưa thể phân biệt được giới hạn sai khác của phiền não gọi là Thọ, là ưa thích thọ nhận. Đối với cảnh khả ái, không khả ái, hoặc lia hoặc hợp kết với thọ sinh gọi là Ái. Hiện tại sinh rộng khắp các phiền não gọi là Thủ. Lại sinh khởi hữu sau, nói là Hữu. Hiện tại có gieo trồng để ẩm vị lai sinh, gọi là Sinh. Ẩm vị lai đã chín muồi nói là Lão. Ẩm vị lai xả bỏ gọi là Tử.

*Ba chi hữu phiền não
Hai nghiệp, sự tức bảy
Bảy gọi chi hữu trước
Năm tức nói phần sau.*

Ba chi hữu phiền não, Hai nghiệp, sự tức bảy: Ba chi hữu là vô minh, ái, thủ, là phiền não. Hai chi hành và hữu là nghiệp. Những chi còn lại là sự.

Bảy gọi chi hữu trước, Năm tức nói phần sau: Nên biết từ vô minh đến thọ là bảy chi, đó gọi là duyên khởi trước. Năm chi còn lại nói là duyên khởi sau.

*Chi trước năm nói quả
Còn hai tức là nhân
Chi sau ba nói nhân
Còn hai tức là quả.*

Duyên khởi trước, từ thức cho đến thọ là quả. Vô minh, hành là nhân. Duyên khởi sau, ba chi trước nói là nhân, hai chi sau nói là quả.

Hỏi: Các chi hữu trước sau có được lần lượt hợp nhau chăng?

Đáp: Được. Sự việc ấy là thế nào?

*Trước si, sau ái thủ
Hành hữu hợp cũng thế
Danh sắc, nhập, xúc, thọ
Là nói đồng lão, tử
Tức mới thọ thân thức
Đấy là đời vị lai.*

Hỏi: Đã biết chi hữu, trước sau lần lượt cùng gồm nhau. Các chi hữu ấy sinh khởi thế nào?

Đáp:

*Phiền não khởi lăm nghiệp
Nghiệp kia chuyển sinh sự
Sự cũng sinh ra sự
Cũng lại sinh phiền não.*

Duyên nơi phiền não sinh phiền não, nghĩa là duyên nơi ái sinh thủ. Duyên nơi phiền não sinh nghiệp, nghĩa là duyên nơi thủ sinh hữu. Duyên nơi nghiệp sinh sự, đó là duyên nơi hữu sinh ra sinh. Duyên nơi sự sinh ra sự, tức là duyên nơi sinh sinh ra lão tử. Duyên

nơi sự lại sinh ra phiền não. Nghĩa là như trước đã nói: Danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ tức là chi sau nơi lão tử. Do đây nên nói duyên nơi thọ sinh ái, cũng nói duyên nơi lão tử sinh vô minh. Đó gọi là vô thủy nhưng có xoay vòng.

Hỏi: Có bốn thứ duyên khởi. Bốn thứ ấy là những gì?

Đáp:

*Là chúng nối tiếp chuyên
Sát-na cùng hệ thuộc
Và trước là phần đoạn
Đây tức nói duyên khởi.*

Nói tiếp chuyên: Là nghĩa vô thủy. Vì nhân quả đều lần lượt hệ thuộc nhau nên nói là duyên khởi xoay vòng. Cũng như mặt trăng tròn đầy khởi đầu là không thể nhận biết. Thế nên nơi Tu-đa-la nói: Bản thể của hữu ái là không thể nhận biết.

Nên nói không, không nên nói là chẳng thể nhận biết. Tự có là có nhưng không thể nhận biết là không đúng. Vì sao? Vì không có nhân của ngôn thuyết, tức ngôn thuyết không có. Nếu có người hỏi: Vì sao không, tức không dung nạp nhân của ngôn thuyết, tức cho lời nói không thể nhận biết. Nếu có người hỏi: Vì sao không thể nhận biết, thì đáp là vì vô thủy. Những gì là như vàng trắng tròn đầy nhưng khởi đầu thì không thể nhận biết. Nhân duyên như vậy nối tiếp nhau là duyên khởi. Như vàng trắng tròn đầy nhưng khởi đầu thì không thể nhận biết. Vì thế nói là không thể nhận biết. Trong khoảng một sát-na, tất cả chi hữu đều hiện ở trước, nên nói là sát-na.

Như Luận Thức Thân nói: Đối với sự trang nghiêm, vì không biết nên khởi tham. Không biết là vô minh. Tham là hành. Ở nơi sự nhận biết là thức. Thức cùng sinh khởi bốn ấm là danh sắc. Danh sắc hình thành các căn, là sáu nhập. Sáu nhập được chấp trước là xúc. Xúc tùy theo giác (tâm) là thọ. Thọ được mừng vui là ái. Ái cùng sinh kết

buộc là thủ. Thọ sinh khởi nghiệp vị lai là hữu. Âm vị lai khởi là sinh. Âm thành thực là lão. Xả bỏ âm là tử. Vì lần lượt cùng trói buộc, nên nói là nhân duyên hệ thuộc liên tục. Căn bản lần lượt là nghĩa lâu xa, không phải chỉ mười hai chi nói là duyên khởi. Hoặc là sinh, hoặc là đối tượng được sinh, tất cả pháp hữu vi đều nói là duyên khởi.

Tôn giả Phú Na Da Xá nói: Hoặc duyên khởi không phải là đã duyên khởi. Nghĩa là pháp vị lai. Đã duyên khởi không phải là duyên khởi: Tức là năm ấm của A-la-hán mạng chung ở quá khứ, hiện tại. Duyên khởi cũng là đã duyên khởi: Nghĩa là trừ năm ấm của A-la-hán mạng chung ở quá khứ, hiện tại, các pháp quá khứ, hiện tại còn lại. Không phải là duyên khởi cũng không phải là đã duyên khởi: Nghĩa là pháp vô vi. Trong phần đoạn có thể đạt được, nên nói là phần đoạn. Phần phiền não của quá khứ kia lúc sinh nói là vô minh. Phần còn lại như trước đã nói.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sinh và nẻo. Thế thì sinh gồm thân nẻo hay là nẻo gồm thân sinh?

Đáp:

*Sinh gồm thân các nẻo
Không phải nẻo gồm thân
Tức trung ấm sinh tăng
Nên biết chẳng phải nẻo.*

Sinh gồm thân nẻo, không phải nẻo gồm thân sinh.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: *Tức trung ấm sinh tăng:* Tức trung ấm là thuộc về sinh, không phải thuộc về nẻo. Do đến nên nói là nẻo.

Trung ấm là đi, không phải là đến, thế nên không phải là nẻo. *Sinh* nghĩa là bốn sinh (Bốn loài): Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh. Cõi dục có đủ bốn loài. Cõi sắc, cõi vô sắc tất cả là hóa sinh. Địa

ngục là hóa sinh. Súc sinh có bốn loài. Ngạ quỷ thì hóa sinh, cũng có thai sinh. Nẻo người có bốn loài. Trời là hóa sinh. Hóa sinh là rộng nhất, vì hoàn toàn là hai nẻo, phần ít của ba nẻo, nên cũng là hơn hết.

Hỏi: Nếu là hơn hết, thì vì sao Đức Thế Tôn không hóa sinh?

Đáp: Vì thời không cùng hợp. Nếu lúc có hóa sinh thì không có Đức Phật ra đời. Lúc Đức Phật xuất hiện ở thế gian thì không có người hóa sinh.

Lại nữa, vì tất cả là hơn hết. Đức Thế Tôn là tất cả đều hơn hết. Nơi chốn sinh, tộc họ, đối với tất cả chúng sinh là hơn hết. Thuyết giảng pháp khiến tín thọ, cùng đoạn trừ các thứ kiêu mạn của tộc họ.

Nẻo là năm nẻo: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời. Vì không thể an vui, nên nói là địa ngục. Vì thân đi ngang, nên nói là súc sinh. Vì theo người khác mong cầu, nên nói là ngạ quỷ. Vì ý vắng lặng, nên nói là con người. Vì có ánh sáng, nên nói là trời. Do có dục nên khiến A-tu-la và trời đồng một nẻo. Vì vậy nên có lời nói: Ông trước kia là trời.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao loài ấy không kiến đế?

Đáp: Là do tánh dua nịnh quanh co đã che lấp. Có thuyết cho: Là ngạ quỷ đại lực nên không nói thuộc nẻo trời.

Hỏi: Nếu vậy vì sao Thiên Đế Thích lại quen gần với?

Đáp: Do tham sắc nên nhờ cậy nhiều.

Cru-bàn-trà, Lặc-xoa, cũng thuộc về nẻo ngạ quỷ. Khẩn-na-la, Tỳ-xá-già, Hê-lỗ-bà, Ca-xà-la, Phả-câu-la là thuộc về nẻo súc sinh.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sáu giới. Sáu giới này là thế nào?

Đáp:

*Đó là bốn đại chúng
Cùng các thức hữu lậu*

*Cũng tương trung gian sắc
Giới này nói gốc sinh.*

Đó là bốn đại chủng, Cùng các thức hữu lậu, Cũng tương trung gian sắc: Tức bốn đại nơi năm thức thân và ý thức hữu lậu, cũng là trung gian của sắc. Nghĩa là đối tượng thọ nhận của mắt là không giới. Đó gọi là sáu giới.

Hỏi: Đã nói mười tám giới, vì sao còn nói riêng sáu giới?

Đáp: Giới này nói gốc sinh: Tức giới này còn gọi là *số sĩ phu*, vì kiến lập phần căn bản của sinh. Do vậy pháp vô lậu không lập trong sáu giới. Bốn đại như trong phẩm Giới đã nói.

Hỏi: Để có tương gì?

Đáp:

*Là các hành, tánh quả
Hữu lậu là nói khổ
Tánh nhân tức là tập
Diệt để các khổ hết.*

Là các hành, tánh quả, Hữu lậu là nói khổ: Nghĩa là tất cả hành hữu lậu là có nhân và tánh trói buộc nên nói là khổ.

Tánh nhân tức là tập: Nghĩa là hành hữu lậu này là tánh của nhân, nói là tập đế. Vì vậy khổ, tập là một vật, do nhân quả nên lập hai đế.

Diệt để các khổ hết: Tức tất cả pháp hữu lậu hoàn toàn tịch diệt, là nói diệt đế.

*Nếu các hành vô lậu
Đó nói là đạo đế
Do hai nhân duyên này
Thô, tế thứ lớp hiện.*

Nếu các hành vô lậu, Đó nói là đạo đế: Nghĩa là tất cả hành vô lậu, nói là đạo đế, vì trái nhau với hữu.

Hỏi: Vì sao gọi là đế?

Đáp: Do hai nhân duyên này: Tức có hai nhân duyên nên nói là đế. Đó là tự tánh không hư giả và kiến. Tự tánh kia đã được nhận biết rõ, không điên đảo. Hư không phi sở duyên diệt tuy tự tánh là không hư giả, nhưng vì vô ký, vì vô lậu, nên không nói là đế. Nếu pháp là khổ, là nhân của khổ, là lìa khổ, là đối trị khổ, thì pháp ấy được lập là đế. Vì pháp kia là vô lậu, không phải là khổ, không phải là nhân của khổ, vì vô ký nên không phải là lìa khổ, vì vô vi nên không phải là đối trị khổ. Thế nên nói bốn đế là bệnh, nhân của bệnh, dứt hết bệnh, thuốc chữa bệnh cũng nói như vậy.

Hỏi: Thánh đế có nghĩa gì?

Đáp: Bậc Thánh đối với các đế này đã khởi những hiểu biết chân thật cùng chỉ rõ cho người khác nhận biết, nên nói là Thánh đế. Tướng bức bách này nói là khổ, tướng sinh gọi là tập, tướng lặng dứt nói là diệt, tướng xuất ly nói là đạo.

Hỏi: Tức nên trước nói nhân sau nói quả. Vì sao Đức Thế Tôn nói quả trước?

Đáp: *Thô, tế thứ lớp hiện:* Tức tuy là như vậy, nhưng do tùy thuận nơi vô gián đẳng nên nói quả trước, vì khổ là thô nên là vô gián đẳng trước.

Nên so sánh như thế. Diệt tuy là vi tế, không phải là đạo vi tế, nhưng nêu đặt trước để nói là đế để cầu đạt diệt là thô không phải là đạo thô.

Lại nữa, vì nghĩa dễ vượt qua. Nghĩa là theo thứ lớp của thô để lập. Thô là khổ của cõi dục nên khổ ấy là vô gián đẳng trước, khổ của hai cõi sắc, cõi vô sắc là sau. Khổ của cõi sắc tuy thô, nhưng chẳng

phải như cõi vô sắc là định, ở đây là bất định. Vì thế cả hai cõi là một vô gián đẳng.

Hỏi: Vô gián đẳng của chân đế là thế nào? Là tự tướng hay là cộng tướng?

Đáp: Theo đế nên là tự tướng. Theo âm nên là cộng tướng.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn quả Sa-môn là có bao nhiêu sự?

Đáp:

*Sự quả Thánh có sáu
Tối thắng nơi chín địa
Thứ ba ở sáu địa
Hai thứ dựa vị lai.*

Sự quả Thánh có sáu: Nghĩa là có sáu sự nói là quả Sa-môn. Đó là năm ấm vô lậu và số diệt. Thánh đạo nói là quả Sa-môn, Thánh đạo kia là quả này. Về quả Sa-môn nơi phẩm Trạch sẽ nói rộng.

Hỏi: Quả Sa-môn ấy gồm thâu những địa nào?

Đáp: Tối thắng nơi chín địa: Tức quả A-la-hán gồm thâu chín địa, là thiên vị lai, thiên trung gian, bốn thiên căn bản và ba vô sắc.

Thứ ba ở sáu địa: Nghĩa là quả A-na-hàm gồm thâu sáu địa, trừ ba vô sắc.

Hai thứ dựa vị lai: Nghĩa là quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm dựa vào vị lai, vì chưa lìa dục.

Hỏi: Đạo có tướng gì?

Đáp:

*Tùy tín hành hành pháp
Tướng là phiền não chậm
Tùy pháp hành hành pháp
Tướng là phiền não nhanh.*

Tùy tín hành hành pháp, Tướng lìa phiền não chậm: Nghĩa là Tùy tín hành đã hành trì pháp vô lậu, là thuộc về loại căn kém, nên biết là chậm. Nếu Tùy tín hành đã thọ nhận nên biết là Tín giải thoát, Thời giải thoát cũng thọ nhận vì đồng một loại căn yếu kém.

Tùy pháp hành hành pháp, Tướng lìa phiền não nhanh: Nghĩa là Tùy pháp hành đã hành trì pháp vô lậu, là thuộc về loại lợi căn, nên biết là đạo nhanh chóng. Nếu Tùy pháp hành đã thọ nhận, nên biết là Kiến đạo, Bất thời giải thoát cũng thọ nhận do đồng với loại lợi căn.

*Trong địa thiên căn bản
Nên biết là đạo vui
Vì giảm cùng khó được
Nên biết là nói khổ.*

Trong địa thiên căn bản, Nên biết là đạo vui: Nghĩa là nơi địa của bốn thiên căn bản, pháp của căn yếu kém và pháp của căn nhạy bén, được nói là đạo vui, vì chỉ quán cùng hành, là hành của đạo vui nơi địa của bốn thiên căn bản kia.

Vì giảm cũng khó được, Nên biết là nói khổ: Nghĩa là dựa nơi đạo của địa khác thì nói là đạo khổ, do giảm bớt. Tức nơi thiên vị lai, thiên trung gian, thì đạo chỉ giảm, còn ở định vô sắc thì đạo quán giảm. Do phương tiện ấy khó được, nên nói là khổ, không phải Thánh đạo có tánh là khổ thọ, cũng không phải tương ưng với khổ thọ. Tuy là đạo dứt hết khổ, nhưng cũng có vô lượng phân biệt. Vì địa này cùng với căn kiến lập nên nói có bốn. Địa của thiên căn bản kia, nếu là lợi căn thì nói là đạo vui và đạo nhanh. Nếu là độn căn thì nói là đạo vui và không phải đạo nhanh. Đạo của địa còn lại, nếu là lợi căn thì nói là đạo khổ và đạo nhanh. Nếu là độn căn thì nói là đạo khổ và không phải đạo nhanh. Vì chánh thẳng tấn nên nói là đạo, vì chánh hướng đến giải thoát nên nói là đạo.

Hỏi: Thế nào là tịnh không hoại?

Đáp:

*Phật và pháp Thanh văn
Giải thoát cũng nhân khác
Tín thanh tịnh không cấu
Giới Thánh là quyết định.*

Phật và pháp Thanh văn, Giải thoát cũng nhân khác, Tín thanh tịnh không cấu: Nghĩa là nếu ở nơi Đức Phật được pháp vô học, khởi tín vô lậu, đó gọi là tịnh không hoại đối với Phật.

Nếu ở nơi trụ xứ của Tăng hành trì pháp học, vô học, khởi tín vô lậu, đó gọi là tịnh không hoại đối với Tăng.

Nếu đối với Niết-bàn, khởi tín vô lậu, trừ pháp đã nói ở trước, nghĩa là đối với khổ, tập để còn lại và công đức vô lậu của Bồ-tát, công đức vô lậu của Phật-bích-chi, phát khởi tín vô lậu, đó gọi là tịnh không hoại duyên nơi pháp không hoại (Vì duyên riêng với Pháp bảo, nên nói là duyên không hoại).

Nếu đối với pháp của Phật, pháp của Phật-bích-chi và pháp của Thanh văn, sinh khởi tín vô lậu, đó gọi là tịnh không hoại duyên nơi pháp hoại (Vì duyên nơi Tam bảo có xen tạp, nên nói là duyên hoại).

Giới Thánh: Là giới vô lậu, là bốn đại tịnh (Tín là tâm tịnh. Giới là bốn đại tịnh).

Hỏi: Vì sao vô lậu nói là tịnh không hoại?

Đáp: Là quyết định: Tức trí chân thật đều cùng sinh khởi tín vô lậu. Giới quyết định là tín hữu lậu, bị bất tín làm hoại. Giới hữu lậu thì bị giới ác làm hoại. Còn giới vô lậu, trải qua nhiều đời không hoại. Do quyết định này nên vô lậu được lập là tịnh không hoại. (Về nghĩa này, nơi phẩm Trạch sẽ nói rộng).

Hỏi: Tu định có tướng gì?

Đáp:

*Thiền một nếu có thiện
Gọi là hiện pháp lạc
Là được trí sinh tử
Đó gọi là trí kiến.*

Thiền một nếu có thiện, Gọi là hiện pháp lạc: Nghĩa là tịnh, vô lậu nơi thiền thứ nhất là trụ nơi an lạc của hiện pháp, đó gọi là tu định được hiện pháp lạc. Nên biết thiền thứ tư cũng như vậy. Thiền thứ nhất cũng nói là trụ nơi an vui của đời sau, nhưng không là tất cả, vì hoặc là thoái chuyển, hoặc sinh lên địa trên, hoặc nhập Niết-bàn. Vì an vui của đời sau không nhất định, nên Đức Thế Tôn nói là trụ nơi an vui của hiện pháp.

Là được trí sinh tử, Đó gọi là trí kiến: Tức sinh tử trí thông, đó gọi là do tu định được. Trí kiến như lục xứ đã nói đều nên biết.

*Nên biết tuệ phân biệt
Phương tiện sinh công đức
Kim cang dụ, bốn thiền
Đó gọi là lậu tận.*

Nên biết tuệ phân biệt, Phương tiện sinh công đức: Nghĩa là nếu phương tiện phát sinh các công đức, tức từ pháp thiện muốn được văn, tư, tu thiện cùng vô lậu của ba cõi. Tất cả các thứ ấy được gọi là tu định được tuệ phân biệt.

Kim cang dụ, bốn thiền, Đó gọi là lậu tận: Nghĩa là định kim cang dụ được gọi là sự tương ưng của tâm học sau cùng, dựa vào thiền thứ tư, đó gọi là tu định được lậu tận. Đây là Đức Thế Tôn đã tự mình nói về tất cả Bồ-tát của thiền thứ tư đã dứt hết ái của vô sở hữu xứ, dựa vào thiền thứ tư vượt lên ly sinh, cho đến dứt hết các lậu.

Hỏi: Những gì là tự tánh của như ý túc?

Đáp:

*Các pháp hữu vi thiện
Đã phát khởi phương tiện
Phật nói như ý túc
Là cũng nói chánh đoạn.*

Các pháp hữu vi thiện, Đã phát khởi phương tiện, Phật nói như ý túc: Nghĩa là trước đã nói phương tiện xuất sinh các công đức. Tất cả phương tiện kia là vật chứa đựng như ý, nên nói là như ý túc. Tâm mình tự tại, phát sinh vô số thứ công đức nên nói là như ý túc. Vì công đức kia đầy đủ như ý, nên nói là như ý túc. Vật dụng của chi đầy đủ là cùng đồng một nghĩa.

Hỏi: Sự việc này là thế nào?

Đáp: Đó là tam muội, tam muội kia lại có bốn thứ phân biệt tăng thượng. Nếu dục tăng thượng khởi tam muội, gọi là dục định. Tuệ của tâm tinh tấn tăng thượng khởi tam muội cũng như vậy. Do định kia trước là dục nên là dục tăng thượng. Dục sinh rồi, vì mong cầu được thành tựu nên tinh tấn tăng thượng. Tạo phương tiện tinh tấn rồi, thì tùy thuận mong cầu nên tâm tăng thượng. Đối với dục tinh tấn tâm chánh hướng đến như ý túc cứu cánh nên tuệ tăng thượng. Do vậy, nếu không có tuệ thì mọi thứ khác đều mất.

Hỏi: Những gì là như ý? Những gì là túc?

Đáp: Định là như ý. Dục v.v... là túc. Tuy có các pháp như thọ v.v... sinh, nhưng chỉ giữ lấy định này sinh nên gọi là túc. (Về nghĩa này trong phẩm Tạp sẽ nói rộng).

Là cũng nói chánh đoạn: Tức là các công đức này được nói là chánh đoạn. Do lừa chánh trí thiêu đốt các thứ cỏ phiền não, nên nói là chánh thiêu (Sự thiêu đốt đúng đắn). Đây cũng là đoạn trừ các phiền não, nên nói là chánh đoạn.

Lại nữa, vì diệt trừ phiền não hơn hết, nên nói là chánh thắng. Pháp kia đối với lỗi ác thì lìa bỏ, đối với công đức thì nuôi lớn. Hoặc đề phòng, hoặc gia tăng, đều có thể thực hiện, nên nói là chánh đoạn. Chánh đoạn ấy lại có bốn thứ sự phân biệt. Như trong một sát-na, chiếc đèn đã làm bốn sự việc. Đó là: Đốt cháy tim đèn, dầu cạn dần, bình đựng dầu nóng và bóng tối được xua tan.

Như vậy, trong một sát-na tinh tấn được hiện ở trước, đã làm bốn sự việc: Đối với pháp ác đã sinh v.v..., như nơi Tu-đa-la đã nói rộng: Căn của chủng đạo dứt trừ phiền não, là đoạn trừ phiền não của quá khứ, vị lai. Phiền não đã được đoạn nói là quá khứ đã diệt, vị lai không khởi. Tuy đoạn trừ tất cả hữu lậu, nhưng do pháp ác là cực ác, cùng trái với Thánh đạo, nên chỉ nói đoạn trừ pháp ác sinh khởi. Một quả nên nói là ác sinh. Hai quả nên nói là bất thiện. Vì pháp thiện đã sinh, nối tiếp nhau trụ, nên nói là trụ. Vì phẩm hạ trung thượng tăng trưởng, nên nói là lại tu thêm rộng. A-la-hán tuy không có pháp bất thiện cùng đối trị đoạn, nhưng có đối trị hoại (Chê bai, quở trách là đối trị hoại), đối trị nắm giữ, đối trị phân xa, nên cũng nói là bốn chánh đoạn.

Cõi sắc, cõi vô sắc cũng như vậy.

*Đây nói bốn niệm xứ
Bốn Thánh chủng cũng vậy
Như kia tăng thượng sinh
Là đều theo tên nói.*

Đây nói bốn niệm xứ: Nghĩa là trước đã nói về công đức, cũng nói niệm xứ. Tức là thân, thọ, tâm, pháp, trong ngoài cùng tự tướng, cộng tướng, đều tùy thuận quán nên nói là niệm xứ, như trong phẩm Hiền Thánh đã nêu bày.

Bốn Thánh chủng cũng vậy: Tức trước đã nói về công đức, cũng nói bốn Thánh chủng. Vì Thánh dùng các pháp ấy làm chủng, nên nói là Thánh chủng. Do Thánh đã từ các pháp ấy sinh, nên nói là Thánh chủng.

Hỏi: Thánh chủng có những tánh gì?

Đáp: Là tánh của căn thiện không tham. Nếu nói về quyền thuộc là tánh của năm ấm. Do đối trị bốn thứ ái thủ, nên nói bốn nhân. Y phục sinh nhân của ái. Nhân khát thực, nhân của dụng cụ ngồi nằm thì có hoặc không có sinh ái (Không có ái, là ái đã đoạn. Diệt trừ ba thứ trên và ái này. Ái khác gọi chung là có ái).

Tùy theo thứ lớp kia để đối trị, nên lập bốn Thánh chủng. Vì y phục, khát thực gồm thân thuốc men, lại không là tất cả, không là tất cả thời, nên thuốc men không lập riêng. Do Thánh chủng là ở nơi cảnh giới hiện tại khởi, nên tri túc (Biết đủ) thì lập Thánh chủng, không phải là thiếu dục (Ít ham muốn). Tri túc là ở nơi xứ hiện tại khởi, còn thiếu dục thì ở nơi xứ vị lai khởi. Hiện tại không lấy một đồng tiền là khó, không phải là Chuyển luân Thánh vương trong vị lai. Thánh chủng đối với người xuất gia có hai thứ hơn hẳn là hy vọng và thọ dụng. Người tại gia chỉ có hy vọng.

Chủng là nghĩa giữ gìn, thế nên luật nghi biệt giải thoát lấy vô tác làm Thánh chủng, không phải là hữu tác. Cõi sắc, cõi vô sắc tuy không có y phục, thức ăn uống, nhưng có Thánh chủng, tức là luật nghi vô lậu.

Hỏi: Vì sao các công đức này nói là như ý túc cho đến Thánh chủng?

Đáp: Như kia tăng thượng sinh, Là đều theo tên nói: Túc nơi các công đức ấy, vì định tăng thượng sinh nên nói là như ý túc. Vì tinh tấn tăng thượng sinh nên nói là chánh đoạn. Vì niệm tăng thượng sinh nên nói là niệm xứ. Vì tri túc tăng thượng sinh nên nói là Thánh chủng.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói ba mươi bảy phẩm giác, vậy chúng có bao nhiêu chủng tánh?

Đáp:

*Tịnh tín, tinh tấn, niệm
Trí tuệ cùng hỷ, ý*

*Giác phẩm tương ưng xả
Tư, giới, Tam-ma-đề.*

Như đã nói về mười sự, phần phẩm Giác khác đều nhập trong ấy. Vậy là thế nào? Tức tín là tín căn, tín lực. Tinh tấn là chánh đoạn, tinh tấn căn, tinh tấn lực, tinh tấn giác chi, chánh phương tiện. Niệm là niệm căn, niệm lực, niệm giác chi, chánh niệm.

Tuệ là niệm xứ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi và chánh kiến. Hỷ là hỷ giác chi. Ý (Khinh an) là ý giác chi.

Xả là xả giác chi. Tư là chánh tư duy. Giới là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Tam-ma-đề là như ý túc, định căn, định lực, định giác chi và chánh định.

Luận Tỳ-bà-sa muốn khiến giới có hai thứ là thân nghiệp, khẩu nghiệp không hoại, nên nói có mười một sự.

Hỏi: Vì sao các pháp này được kiến lập nhiều thứ?

Đáp:

*Xứ phương tiện tự tại
Hạ cùng lợi cũng thế
Kiến đạo cũng tu đạo
Nên nói ba mươi bảy.*

Xứ nghĩa là chánh duyên, theo xứ kiến lập nên nói là niệm xứ. *Phương tiện* nghĩa là chánh phương tiện, nên nói là chánh đoạn. *Tự tại* nghĩa là công đức tự tại, nên nói là như ý túc.

Hạ là năm pháp như tín v.v... *Hạ* là nói về căn. *Cùng lợi cũng thế*: Các căn này nếu tăng thượng là nói lực. Thế nên nghĩa tăng thượng là nói căn, vì khó điều phục nên nói là lực.

Hỏi: Những gì là căn? Thế nào là thứ lớp?

Đáp: Tín, tinh tấn, niệm, định và tuệ là căn. Thứ lớp nghĩa là tin nhân quả, có thể làm căn bản cho tất cả pháp thiện, nên trước là

nói tín. Sau khi tin rồi thì bỏ ác tu thiện, nên tinh tấn là phương tiện. Dùng phương tiện tinh tấn rồi, thì tâm ở nơi cảnh giới liền niệm trụ. Tâm trụ rồi nên đối với duyên không loạn. Không loạn rồi tức có thể quán xét.

Lại nữa, ở nơi pháp quán xét rồi thì tâm định. Tâm định rồi tức theo chánh niệm trụ. An trụ nơi chánh niệm rồi tức có thể quán xét đúng đắn. Có thể quán xét đúng đắn rồi nên tin nghiệp quả. Đó là nói theo thứ lớp nghịch.

Hỏi: Kiến lập năm căn như thế nào?

Đáp: Do địa nên kiến lập căn kia. Địa của nghiệp đầu là tu tín, dẫn dắt tất cả pháp thù thắng. Kiến địa tu tinh tấn, kiến đạo tăng tiến mau chóng. Bạc địa nói là niệm, tức tu niệm trụ, khiến tham sân si trở nên mỏng dần. Địa lìa dục nói là định, vì tu định, tu thiên căn bản. Địa vô học nói là tuệ, do tu tuệ vĩnh viễn lìa vô minh. Nói về lục cũng như vậy.

Kiến đạo: Là kiến đạo nơi chi đạo (Tám chánh đạo), tu kiến đạo tăng tiến nhanh, từ chánh kiến cho đến chánh định.

Kiến đạo kia ở nơi các pháp hiển bày chỉ rõ về tự tướng và cộng tướng, nên nói là chánh kiến. Lường xét về nghĩa chánh, nên nói là chánh tư duy. Lìa tà mạng không gồm thân bốn hành ác của miệng do số diệt, nên nói là chánh ngữ. Lìa tà mạng không gồm thân ba nghiệp ác của thân do số diệt, nên nói là chánh nghiệp.

Lìa tà mạng do số diệt, nên nói là chánh mạng. Vì có thể hành theo phương tiện chân chánh, nên nói là chánh phương tiện. Vì duyên nơi niệm đúng đắn không quên, nên nói là chánh niệm. Vì giữ lấy một tâm niệm đúng đắn, nên nói là chánh định.

Theo thứ lớp như Tu-đa-la đã nói. Chánh kiến tức chánh kiến kia là đạo, cũng là chi đạo. Những thứ còn lại là chi đạo, không phải là đạo. Như định là thiên, cũng là chi thiên. Những thứ khác

là chi thiên, không phải là thiên. Như nói về định thì tám thứ cũng như vậy.

Tu đạo: Là tu đạo nơi giác chi, do tu đạo đã đoạn trừ chín thứ phẩm phiền não. Vì đoạn trừ nên nhận biết rất rõ. Do nghĩa giác nên nói là giác chi. Trạch pháp giác kia là giác, cũng là chi giác. Những thứ còn lại là chi giác, không phải là giác. Theo thứ lớp như nơi Tu-đà-la nói.

Hỏi: Vì sao hỷ, ý (khinh an), xả, lập giác chi, không phải là đạo chi? Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, lập đạo chi không phải là giác chi? Còn tín thì đều cùng không lập?

Đáp: Vì tùy thuận nơi giác, cho đến nhận biết duyên, thường sinh hỷ, cho đến sinh hỷ thường sinh giác. Nghĩa là dứt hết tất cả sự và xả thường sinh giác. Vì đối với tinh tấn không tùy thuận, nên không phải là đạo chi. Tinh tấn là đi đến, là nghĩa đạo. Hỷ là không đi, vì vui nơi trụ xứ. Vì ý, xả cùng với đi đến là hoàn toàn trái nhau, nên không nói là đạo chi. Giới đối với bánh xe đạo là trục giữa, nên lập đạo luân. Vì không tương ưng với chi nên không phải là giác chi. Chánh tư duy là thúc đẩy chánh kiến, tùy thuận với đi tới, không phải là giác, nên lập đạo chi, không phải là giác chi. Tín là mới quen vượt qua, còn giác, đạo là đã vượt qua, thế nên đều cùng không lập.

Nên nói ba mươi bảy: Nghĩa là mười pháp này đều riêng khác, vì phân biệt về sự, nên Đức Thế Tôn nói có ba mươi bảy. Địa của nghiệp đầu kia nói là niệm xứ, vì ở nơi thân v.v... đã phân biệt tu. Pháp noãn nói là chánh phương tiện, vì sinh lửa của Thánh trí là noãn. Pháp đánh nói là như ý túc, vì được pháp đánh là công đức tự tại. Pháp nhẫn nói là căn, vì nhẫn kia ở nơi tinh tấn là tăng thượng. Pháp thế gian đệ nhất nói là lực, vì trụ nơi pháp ấy thì mọi uy thế không thể khuất phục. Kiến đạo nói là đạo chi, vì tăng tiến nhanh chóng. Tu đạo nói là giác chi, vì giác ngộ. Vì thường gia tăng dần,

nên trước là giác chi, kế đến là đạo chi, từ bốn cho đến tám, đây là các phẩm giác.

*Hai thiên ba mươi sáu
Vị lai cũng lại vậy
Ba, bốn và trung gian
Là đều ba mươi lăm.*

Hai thiên ba mươi sáu: Tức trừ chánh tư duy, vì địa này không có tư duy.

Vị lai cũng như vậy: Nghĩa là thiên vị lai cũng có ba mươi sáu phẩm, trừ hỷ, vì khó khởi hiện (Thiên vị lai khó sinh hỷ).

Ba, bốn và trung gian, Là đều ba mươi lăm: Nghĩa là thiên thứ ba, thiên thứ tư và thiên trung gian có ba mươi lăm phẩm, trừ hỷ và chánh tư duy.

*Thiên một nói tất cả
Vô sắc ba mươi hai
Trên hết hai mươi hai
Cõi dục cũng như vậy.*

Thiên một nói tất cả: Nghĩa là thiên thứ nhất có đủ ba mươi bảy phẩm.

Vô sắc ba mươi hai: Nghĩa là ba vô sắc có ba mươi hai, trừ hỷ, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Trên hết hai mươi hai: Nghĩa là xứ phi tướng phi phi tướng không có đạo chi (tám) và giác chi (bảy), nên chỉ có hai mươi hai phẩm. Đạo chi tuy là hữu lậu, nhưng vì nói sau giác chi, nên biết là vô lậu. Do thế Tu-đa-la nói: Ba mươi bảy phẩm giác hoàn toàn là vô lậu. Như Tu-đa-la nói: Tu quán bất tịnh đều cùng có niệm giác chi. Người tu quán kia vì dùng quán bất tịnh để điều phục tâm mình, sau đây giác chi ới hiện ở trước.

Cõi dục cũng như vậy: Tức cõi dục cũng có hai mươi hai phẩm.

Hỏi: Bốn cách ăn ở địa nào và có tánh gì?

Đáp:

*Đoạn thực trong các ăn
Cõi dục nói ba nhập
Thức thực, tư và xúc
Ăn này nói hữu lậu.*

Đoạn thực trong các ăn, Cõi dục nói ba nhập: Nghĩa là đoạn thực trong cõi dục là xứ ba nhập, đó là hương, vị, xúc. Về sự tức có mười ba, nghĩa là mười một xúc cùng hương, vị. Tùy theo chỗ thích hợp mà họ hoặc dùng cỏ, cây, rễ, trái, hoặc dùng ngũ cốc, nước ép, hoặc dùng mùi hương, hoặc dùng hơi ấm áp. Nên so sánh như vậy.

Thức thực, tư và xúc, Ăn này nói hữu lậu: Nghĩa là thức, tư, xúc, nếu là hữu lậu tức do giữ lấy sự sống nối tiếp cùng chiêu cảm hữu, thế nên nói là ăn. Xúc vô lậu v.v... tuy thâm giữ bốn đại của các căn, nhưng không chiêu cảm hữu, lại đoạn trừ hữu, nên không phải là ăn.

Hỏi: Vì sao sắc không phải là ăn?

Đáp: Vì sắc thô nên không phải là ăn. Vì hủy hoại sắc nên gọi là ăn. Sắc không thể gồm thâm hết bốn đại của các căn. Nghĩa gồm thâm là nghĩa của ăn. (Về nghĩa này trong phẩm Trạch sẽ nói rộng)

Hỏi: Ba tam muội, mỗi mỗi tam muội có bao nhiêu hành chuyên?

Đáp:

*Vô nguyện có mười hành
Hai hành là định không
Bốn hành nói vô tướng
Đó gọi là Thánh hành.*

Vô nguyên có mười hành: Nghĩa là tam muội vô nguyên có mười hành chuyển. Đó là hành vô thường, hành khổ, bốn hành của tập và bốn hành của đạo.

Hai hành là định không: Tức là tam muội không có hai hành là hành không và hành vô ngã chuyển.

Bốn hành nói vô tướng, Đó gọi là Thánh hành: Nghĩa là tam muội vô tướng có bốn hành của diệt đế chuyển. (Trong phẩm Định đã nói rộng)

Hỏi: Bốn điên đảo dùng những tánh nào để đoạn?

Đáp:

*Nói bốn điên đảo kia
Nên biết kiến khổ đoạn
Tự tánh ba kiến tăng
Người thấy thật phân biệt.*

Nói bốn điên đảo kia, Nên biết kiến khổ đoạn: Nghĩa là tất cả bốn điên đảo, vì không xa căn bản của tâm, vì sinh khởi ở xứ khổ, nên do kiến khổ đoạn. Phái Tỳ-bà-xà-bà-đề muốn khiến có mười hai thứ điên đảo. Đó là vô thường điên đảo cho là thường, là tướng điên đảo, kiến điên đảo, tâm điên đảo. Ba thứ còn lại cũng như vậy.

Tám thứ kia do kiến đạo đoạn. Vô thường, vô ngã có sáu (Hai thứ này mỗi thứ đều có tâm, tướng, kiến là thành sáu). Khổ cho là có vui là kiến điên đảo. Bất tịnh cho là tịnh là kiến điên đảo. Bốn thứ điên đảo là do kiến đạo, tu đạo đoạn cũng đoạn tướng điên đảo và tâm điên đảo của khổ và bất tịnh.

Nói như vậy thì nghĩa này là không đúng. Vì sao? Vì điên đảo là tánh của kiến, còn tướng, tâm là đối tượng loạn của kiến. Nói tướng tâm là thọ nhận điên đảo, tuy là đối tượng loạn động của kiến, nhưng vì không hệ thuộc với thế gian nên không nói.

Nếu hỏi Tu-đà-hoàn, thế nào là nhiễm chấp, là vì không đoạn trừ phiền não. Như Tu-đà-hoàn tại gia đoạn trừ ngã điên đảo, cũng như khởi sự kết buộc về nam nữ, không phải pháp tương dấy khởi sự kết buộc ấy. Sự việc kia cũng như vậy.

Tự tánh ba kiến tăng, Người thấy thật phân biệt: Tức bốn thứ điên đảo này là tự tánh của ba kiến, nhưng chỉ nói phần ít. Người thấy chân thật đã kiến lập.

Hỏi: Vì sao như thế?

Đáp: Là do tăng thượng. Như phần tăng thượng của kiến kia đã kiến lập điên đảo. Tức là như trong thân kiến lập ngã kiến là điên đảo, vì không phải là đối tượng nhận biết của ngã. Trong biên kiến lập thường kiến là điên đảo, vì không phải là đoạn kiến. Trong kiến thủ lập kiến lạc tịnh là điên đảo, vì không phải là pháp khác (Chấp xấu cho là tốt, chấp kém cho là hơn, tất cả như vậy không lập điên đảo), đều là kiến thủ, chỉ do nhẹ.

Hỏi: Vì sao các kiến khác không lập là điên đảo?

Đáp: Do ba sự nên nói là điên đảo. Đó là quyết đoán, vọng nêu đặt và hoàn toàn đảo ngược. (Hoàn toàn đảo ngược nghĩa là trái hẳn với sự đúng đắn, như chuyển dưới thành trên). Nghĩa là tà kiến và biên kiến kia gồm thân đoạn kiến, tuy quyết đoán và hoàn toàn đảo ngược, nhưng không phải là vọng nêu đặt, vì từ sự hủy hoại sinh. Giới thủ tuy quyết đoán và vọng nêu đặt, nhưng không phải là hoàn toàn đảo ngược, nghĩa là có chút ít sự thật, vì từ chỗ một ít thật ấy khởi. A-tỳ-đàm nói: Thân kiến, kiến thủ hoàn toàn là điên đảo, vì từ vô thủy đã tập quen lâu nơi điên đảo. Phiền não đã đoạn, nhưng Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm cũng còn nhiễm chấp nơi cảnh giới.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có nhiều kiến, vậy những kiến nào gồm thân?

Đáp: Năm kiến gồm thân.

Hỏi: Sự việc này là thế nào?

Đáp:

*Hủy báng nơi chân thật
Kiến này là tà kiến
Không thật mà giả đặt
Là hai kiến cùng trí.*

Hủy báng nơi chân thật, Kiến này là tà kiến: Nghĩa là nếu thấy người hủy báng về chân thật, cho là không có. (Không có, nghĩa là hủy báng về thí, giới v.v...), không có khổ v.v... Đó gọi là tà kiến.

Không thật mà giả đặt, Là hai kiến cùng trí: Nghĩa là đối với âm là không thật, giả đặt về ngã và ngã sở là thân kiến. Giả đặt về lạc, tịnh là kiến thủ. Ở nơi xứ sở không thật khác mà giả đặt về sĩ phu v.v..., tất cả như vậy là tà trí, không phải là kiến.

*Không nhân mà thấy nhân
Tức nói là giới thủ
Nếu thấu nhận biên kiến
Dựa đoạn diệt hữu thường.*

Không nhân mà thấy nhân, Tức nói là giới thủ: Nghĩa là đối với sự việc kia không nhân mà chấp cho là có nhân là giới thủ. Như vị trời Tự Tại mà đoạn dứt việc ăn uống v.v... để cầu sinh lên cõi trời. Có thể biện giải về tánh cùng sĩ phu cho là được giải thoát. (Tánh là thể tánh, là tánh có thể nhận biết thể gian cùng với sĩ phu có sai biệt, đạt được giải thoát)

Nếu thấu nhận biên kiến, Dựa đoạn diệt hữu thường: Nghĩa là nếu từ sự giống nhau cùng nối tiếp che giấu hành vô thường chấp cho là thường, đó là thường kiến. Không biết phần nhân quả nối tiếp nhau mà chấp là đoạn dứt, đó là đoạn kiến. Trừ năm kiến này, thì không còn kiến nào khác. Thế nên nói tất cả kiến đều do năm kiến gồm thấu.

Hỏi: Các kiến này được đoạn trừ như thế nào?

Đáp:

*Hủy báng cùng giả đặt
Nhân kiến và hai biên
Các sự ở đấy chuyển
Hoặc thấy kia tức đoạn.*

Hủy báng: Là tà kiến. Nếu hủy báng khổ, nên biết là do kiến khổ đoạn, vì ở nơi xứ khổ phát khởi. Kiến tập v.v... cũng như vậy. Như khi kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ, kiến thủ, giới thủ là ở xứ khác sinh kiến nên ở xứ khác đoạn. Do nghĩa này nên phiền não của cõi dục duyên nơi trên cũng nói như vậy. Việc không thật mà giả đặt nói là hai kiến. *Thân kiến* kia vì ở nơi xứ khổ khởi nên do kiến khổ đoạn trừ.

Kiến thủ là nếu đối với quả không thật mà giả đặt thì do kiến khổ đoạn. Nếu ở nơi nhân dấy khởi thì do kiến tập đoạn. Nếu ở nơi kiến diệt đoạn mà dấy khởi thì do kiến diệt đoạn. Ở nơi kiến đạo đoạn mà dấy khởi cũng như vậy. Không phải là do tu đạo đoạn, vì quyết đoán.

Giới thủ là không phải nhân chấp cho là nhân. Nếu ở nơi xứ hữu lậu khởi thì do kiến khổ đoạn. Nếu ở nơi xứ kiến đạo đoạn dấy khởi là do kiến đạo đoạn. Đoạn kiến, thường kiến vì ở nơi xứ kiến khổ sinh khởi thì do kiến khổ đoạn.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói hai mươi hai căn, vậy chúng là thế nào?

Đáp:

*Nói bốn căn như mắt v.v...
Thân căn có ba thứ
Ý căn cùng với mạng
Là căn dựa sinh tử.*

Nói bốn căn như mắt v.v...: Tức như trong phẩm Giới đã nêu rõ.

Thân căn có ba thứ: Tức thân căn nói ba thứ là thân căn, nam căn, nữ căn.

Ý căn: Là ý căn như trước đã nói, do ý giới tức ý căn. *Cùng với mạng:* Nghĩa là thọ mạng nói là mạng căn.

Là căn dựa sinh tử: Nghĩa là những căn này dựa vào sinh tử để lập căn.

Hỏi: Căn có nghĩa gì?

Đáp:

Tăng thượng là nghĩa căn

Năm căn nói bốn thứ

Nên biết ngoài bốn căn

Đều có hai tăng thượng.

Tăng thượng là nghĩa căn: Tức nghĩa tăng thượng kia là nghĩa của căn. Nghĩa đoạn nghiêm là nghĩa của căn. Nghĩa vượt hơn là nghĩa của căn. Nghĩa ở trên là nghĩa của căn. Nghĩa chủ là nghĩa của căn. Tuy tất cả pháp hữu vi đều có tăng thượng, nhưng hoặc kém, hoặc hơn. Nên biết là hơn thì kiến lập căn, như nhân chủ hay thiên chủ.

Hỏi: Nghĩa tăng thượng có bao nhiêu thứ?

Đáp: Bốn thứ tăng thượng như mắt v.v... Đó là năm căn như mắt v.v... có bốn thứ duyên tăng thượng. Tức là khiến thân đoạn nghiêm, dẫn dắt nuôi lớn thân mình, làm nơi dựa để sinh thức, sự việc không chung.

Nhãn căn kia khiến thân đoạn nghiêm: Nghĩa là nếu nhãn căn không đủ thì người không ưa thích nhìn, bị nhiều kẻ ghét bỏ, không là tăng thượng. Dẫn dắt nuôi lớn thân mình: Nghĩa là nếu mắt thấy các sự việc an nguy, thì bỏ nguy theo an, khiến thân trụ lâu. Làm nơi dựa để sinh thức: Nghĩa là dựa vào mắt sinh khởi nhãn thức và pháp

tương ưng. Sự việc không chung: Nghĩa là chỉ mắt thấy sắc, không phải các căn khác.

Nhĩ căn khiến thân đoan nghiêm, dắt dẫn nuôi lớn thân mình, như trước đã nói. Làm nơi dựa để sinh thức: Nghĩa là dựa vào tai sinh nhĩ thức và pháp tương ưng. Sự việc không chung: Nghĩa là tai chỉ nghe tiếng, không phải căn khác.

Ba căn còn lại khiến thân đoan nghiêm, như trước đã nói. Dẫn dắt nuôi lớn thân mình: Tức là ba căn này đều chung nơi đoan thực khiến thân trụ lâu. Làm nơi dựa để sinh thức: Nghĩa là ba căn này, mỗi mỗi đều sinh khởi phần thức của mình. Sự việc không chung: Nghĩa là mỗi căn đều hành nơi mỗi cảnh giới.

Nên biết ngoài bốn căn, Đều có hai tầng thượng: Như nam căn, nữ căn có hai sự việc duyên tăng thượng nên là vượt hơn. Đó là tướng riêng của chúng sinh và khởi đầu sự khác biệt. Tức nơi chúng sinh, khi hai căn sinh rồi thì chúng sinh riêng khác và tướng của chúng sinh riêng khác.

Lại nữa, về phiền não và thanh tịnh: Tức hai căn này đầy đủ thì có thể tạo bất luật nghi, cho đến có thể gây nên năm nghiệp vô gián, đoan dứt căn thiện. Về thanh tịnh: Nghĩa là thọ luật nghi, được quả lìa dục, gieo trồng chủng tử của ba thừa. Nếu không có hình, hoặc hai hình, thì không thể khởi các việc thiện ác như thế.

Mạng căn nghĩa là chủng loại được nối tiếp và gìn giữ. Ý căn là nối tiếp hữu đương lai, tự tại tùy chuyển. Hữu nối tiếp: Nghĩa là như đã nói về hương âm có hai tâm lần lượt hiện ở trước, hoặc ái, hoặc giận. Tự tại: Nghĩa là như đã nói tâm lôi kéo thế gian. Nói rộng như vậy.

*Thọ hoặc phân phiền não
Tín cùng dựa thanh tịnh
Chín căn nếu vô lậu
Ba ấy nương nơi đạo.*

Thọ hoặc phần phiền não: Nghĩa là các thứ khổ, lạc, hỷ, ưu, xả, được thọ nhận tùy thuận nơi phần phiền não, làm duyên tăng thượng. Tức thọ nhận huân tập các phiền não, do thọ nhận vướng chấp nơi lạc, nên phiền não cũng vướng chấp nơi lạc.

Lại nữa, thọ là duyên tăng thượng cho phần phiền não và thanh tịnh. Ở phần phiền não: Như đã nói: Lạc thọ là sử tham, khổ thọ là sử sân, xả thọ là sử si. Về phần thanh tịnh: Như đã nói: Lạc là nhân của định nơi tâm mình. Khổ thì hành tập tín, dựa vào sáu pháp xuất ly. Xả thì hành tín v.v...

Tín cùng dựa thanh tịnh: Nghĩa là tùy thuận thanh tịnh, nên năm căn như tín v.v... tu phần thanh tịnh.

Chín căn nếu vô lậu, Ba áy nương nơi đạo: Nghĩa là năm căn như tín v.v... cùng hỷ, lạc, xả và ý căn, chín căn này là hữu lậu hoặc vô lậu. Nếu là vô lậu, tức nương nơi đạo để lập ba căn. Nếu thuộc về đạo tùy tín hành, tùy pháp hành là vị tri căn. Nếu thuộc về đạo tín giải thoát, kiến đáo là dĩ tri căn. Nếu thuộc về đạo vô học là vô tri căn.

Đã nói về sự nơi các căn. Về nhân duyên khác nơi phẩm Trạch sẽ nói rộng.

Hỏi: Các căn này thuộc về cõi nào?

Đáp:

*Cõi dục bốn, thiện tám
Sắc chủng căn có bảy
Tâm pháp thì có mười
Một tâm, ba căn hai.*

Cõi dục bốn: Nghĩa là nam căn, nữ căn, khổ căn, ưu căn đều hệ thuộc cõi dục. Các sắc căn còn lại và ý căn như nơi phẩm Giới đã nói. Như ý căn, tín v.v... và xả căn cũng như vậy. Lạc căn, hỷ căn nếu là

hữu lậu thì hệ thuộc cõi dục, cõi sắc, nếu là vô lậu thì không hệ thuộc. (Về mạng căn trong phẩm Tạp sẽ nói). Ba căn vô lậu, vì không đoạn, nên không hệ thuộc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là thiện?

Đáp: Thiện tám: Gồm năm căn như tín v.v... và ba căn vô lậu, vì thiện này là quả ái. Mạng căn và các thọ có báo sẽ nói. Ngoài ra, như nơi phẩm Giới đã nêu.

Sắc chủng căn có bảy: Nghĩa là bảy căn như nhãn v.v... là sắc, những thứ còn lại không phải là sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ tánh là tâm? Bao nhiêu thứ tánh là tâm pháp? Bao nhiêu thứ tánh không phải là tâm, không phải là tâm pháp?

Đáp: Tâm pháp thì có mười: Tức là năm căn như tín v.v... và năm thọ căn. Các căn này là tâm pháp vì tương ưng với tâm.

Một tâm: Nghĩa là ý căn, là tự tánh của tâm, vì được tướng của tâm. Tám thứ như mạng căn v.v... không phải là tâm, không phải là tâm pháp, vì không có duyên.

Ba căn hai: Nghĩa là ba căn vô lậu có hai thứ là tâm và tâm pháp, vì tánh có nhiều tập hợp.

Hỏi: Có bao nhiêu căn có báo? Bao nhiêu căn không có báo?

Đáp:

*Ở trong các căn này
Một và mười có báo
Trong mười hai là báo
Mạng căn chỉ là báo.*

Ở trong các căn này, Một và mười có báo: Nghĩa là ưu căn là hoàn toàn có báo, vì là hữu lậu, thiện, bất thiện, vì có phương tiện sinh ở hiện tại. Không phải là báo sinh, không phải là oai nghi, không

phải là công xảo, không phải là pháp học tập, cũng không phải vô lậu, vì từ phiền não sinh.

Ý căn nếu là thiện, bất thiện, hữu lậu thì có báo, còn vô lậu, vô ký thì không có báo. Ba thọ cũng như vậy.

Khổ căn nếu là thiện, bất thiện thì có báo, vô ký thì không có báo.

Năm căn như tín v.v... nếu là hữu lậu thì có báo, nếu là vô lậu thì không có báo.

Tám thứ còn lại như mạng căn v.v... là không có báo, vì tánh vô ký. Ba căn vô lậu là không có báo.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là báo? Bao nhiêu căn không phải là báo?

Đáp: Trong mười hai là báo: Nghĩa là bảy sắc căn có khi là báo, có khi không phải là báo, như nơi phẩm Giới đã nói. Ý căn và bốn thọ, hoặc là báo, hoặc không phải là báo. Nếu là quả của nghiệp thiện, bất thiện là báo.

Mạng căn chỉ là báo: Nghĩa là mạng căn hoàn toàn là báo. Có thuyết muốn khiến đây là quả của chánh thọ.

Hỏi: Lúc mới sinh được bao nhiêu căn là báo?

Đáp:

Hai hoặc sáu, bảy, tám

Lúc mới sinh đã được

Nên biết báo cõi dục

Sắc sáu, vô sắc một.

Hai hoặc sáu, bảy, tám, Lúc mới sinh đã được, Nên biết báo cõi dục: Nghĩa là các căn này dần dần sinh, là thai sinh, noãn sinh, thấp sinh. Nơi sát-na của lần sinh đầu kia được hai căn, là thân căn và mạng căn. Ý căn của sát-na kia là cấu uế, không phải là không cấu uế, vì tâm luôn nối tiếp thọ sinh. Xả căn cũng như vậy. Những căn

khác cũng được nhưng không nói, vì không phải là báo. Hóa sinh, không hình có sáu, là năm sắc căn và mạng căn. Một hình có bảy, hai hình có tám. Đó là hoàn toàn nói về cõi dục.

Sắc sáu, vô sắc một: Nghĩa là cõi sắc được sáu căn, vì cõi ấy hoàn toàn là hóa sinh, không có nam căn, nữ căn như trước đã nói. Cõi vô sắc chỉ có một là mạng căn.

Hỏi: Lúc mạng chung có bao nhiêu căn được xả bỏ sau cùng?

Đáp:

*Bỏ bốn, tám cùng chín
Hoặc lại bỏ nơi mười
Mất dần và mất ngay
Thiện bỏ đều thêm năm.*

Bỏ bốn, tám cùng chín, Hoặc lại bỏ nơi mười, Mất dần và mất ngay: Nghĩa là tâm vô ký chết dần thì bỏ bốn căn: Thân, ý, mạng và xả. Nếu không có hình nơi tâm vô ký trong một lúc mạng chung thì bỏ tám căn, là năm căn như mắt v.v... và ý, mạng cùng xả căn. Một hình của tâm vô ký thì có chín căn, hai hình có mười. Tâm bất thiện cũng như vậy.

Hỏi: Tâm thiện bỏ bao nhiêu căn?

Đáp: Thiện bỏ đều thêm năm: Tức nếu tâm thiện mạng chung đều có thêm năm căn như tín v.v... Đây là nói người ở cõi dục mất, trở lại sinh nơi cõi dục. Người ở cõi dục mất, sinh lên cõi trên, ngoại trừ không có hình, hai hình, vì lìa dục đều cùng không có phần. Ở cõi sắc, cõi vô sắc mạng chung, tùy theo căn đã được cũng nói như vậy. Không có mạng chung dần. Đây là nói các căn hiện ở trước xả bỏ không phải thành tựu xả bỏ. Vô ký không ắt mất nói là đặc xả. Thiện, nghĩa là ở nơi này mạng chung, tức sinh ở nơi này, nói là hành xả. Nếu sinh ở xứ khác thì đặc xả.

Hỏi: Có bao nhiêu căn do kiến đoạn, bao nhiêu căn do tu đoạn và bao nhiêu căn không đoạn?

Đáp:

*Hai đoạn, không đoạn bốn
Sáu căn tức hai thứ
Ba vô lậu không đoạn
Căn khác tu đạo đoạn.*

Hai đoạn, không đoạn bốn: Nghĩa là ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn có ba thứ: Hoặc do kiến đoạn, hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn. Nếu do đạo tùy tín hành, tùy pháp hành đoạn thì nói là kiến đoạn. Nếu do đạo tín giải thoát, kiến đạo đoạn thì nói là tu đoạn. Nếu là vô lậu thì nói là không đoạn.

Sáu căn tức hai thứ: Nghĩa là ưu căn do kiến đoạn và tu đoạn. Năm căn như tín v.v... là do tu đoạn và không đoạn, không phải do kiến đoạn, vì không nhiễm ô.

Ba vô lậu không đoạn: Vì chúng hoàn toàn là vô lậu.

Căn khác tu đạo đoạn: Nghĩa là chín căn còn lại là do tu đạo đoạn. Tám căn như mạng căn v.v... vì vô ký không ẩn mất, nên không phải do kiến đoạn. Vì gắn liền với sự sinh, nên không phải là không đoạn. Khổ căn tương ưng với năm thức thân, nên không phải do kiến đoạn. Vì từ phiền não sinh, nên không phải là không đoạn.

Hỏi: Nếu thành tựu căn thì người kia thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp:

*Hoặc thành tựu ba, bốn
Năm, bảy cùng với tám
Mười một và mười ba
Là nói thành tựu định.*

Nếu thành tựu ý căn tất thành tựu ba căn, là ý, mạng, xả. Các căn khác hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Các căn mắt, tai, mũi, lưỡi: Nếu sinh nơi cõi sắc tất là thành tựu. Nếu sinh nơi cõi dục, được mà không mắt thì thành tựu. Nếu sinh nơi cõi vô sắc và cõi dục, ở trong thai dần dần, các căn chưa đầy đặn cùng được mà mắt thì không thành tựu.

Thân căn nếu sinh nơi cõi dục, cõi sắc là tất thành tựu, sinh nơi cõi vô sắc thì không thành tựu. Lạc căn sinh nơi trời Biến tịnh, nếu từ cõi dưới cùng với Thánh nhân sinh lên cõi trên thì tất thành tựu. Phạm phu sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Hỷ căn sinh lên cõi trời Quang Âm tất là thành tựu. Các căn khác đều nói như lạc căn. Khổ căn sinh nơi cõi dục thì tất thành tựu, sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Ưu căn chưa lia dục thì tất thành tựu, đã lia dục thì không thành tựu. Năm căn như tín v.v... không đoạn căn thiện thì tất thành tựu, đoạn thì không thành tựu.

Ba căn vô lậu nơi Thánh nhân tùy theo địa tất thành tựu. (Ba địa là kiến địa, tu địa, vô học địa). Phạm phu thì không thành tựu. Như ý căn, mạng căn, xả căn cũng nói như vậy.

Nếu thành tựu thân căn tất thành tựu bốn căn là thân, ý, mạng, xả. Các căn khác, như trước đã nói.

Nếu thành tựu lạc căn thì cũng thành tựu bốn căn, là mạng, ý, lạc, xả. Nếu thành tựu nhãn căn tất thành tựu năm căn, là thân, ý, mạng, xả và nhãn căn. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu hỷ căn thì cũng thành tựu năm căn là hỷ, lạc, ý, mạng và xả. Nếu thành tựu khổ căn tất thành tựu bảy căn là thân, ý, mạng căn và bốn thọ, trừ ưu căn.

Nếu thành tựu nam căn tất thành tựu tám căn, là bảy căn trước và một hình. Nữ căn cũng như vậy. Nếu thành tựu ưu căn cũng thành tựu tám căn, là thân, ý, mạng căn và năm thọ.

Nếu thành tựu tín căn cũng thành tựu tám căn, là năm căn như tín v.v... cùng ý, mạng và xả căn. Các căn tinh tấn, niệm, định, tuệ cũng như vậy.

Nếu thành tựu dĩ tri căn tất thành tựu mười một căn, là ý, mạng, hỷ, lạc, xả, năm căn như tín v.v... và dĩ tri căn. Vô tri căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu vị tri căn tất thành tựu mười ba căn, là thân, ý, mạng, khổ, lạc, hỷ, xả, năm căn như tín v.v... và vị tri căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn khi được quả Sa-môn?

Đáp:

*Chín căn được quả đầu
Hoặc đạt hai Sa-môn
Là do mười một căn
Cứu cánh quả thứ tư.*

Chín căn được quả đầu: Nghĩa là chín căn thì được quả Tu-đà-hoàn, là ý căn, xả căn, năm căn như tín v.v..., vị tri căn và dĩ tri căn. Vị tri căn là đạo vô ngại, dĩ tri căn là đạo giải thoát, đều cùng có bảy căn.

Hoặc đạt hai Sa-môn: Nghĩa là nếu dứt hết dục gấp bội thì được quả Tư-đà-hàm. Chín căn như trước đã nói. Nếu dục ái dứt hết thì được quả A-na-hàm, cũng chín căn, tám căn như trước đã nói. Ba thọ thì tùy theo dụng để nói. Nếu theo thứ lớp thì được quả Tu-đà-hàm, đạo thế tục có bảy, là ý căn, xả căn và năm căn như tín v.v... Đạo vô lậu có tám căn, là bảy căn trước và dĩ tri căn. Theo thứ lớp được quả A-na-hàm cũng như vậy.

Là do mười một căn, Cứu cánh quả thứ tư: Nghĩa là mười một căn thì được quả A-la-hán, là ý căn và ba thọ, năm căn như tín v.v..., dĩ tri căn cùng vô tri căn. Dĩ tri căn là đạo vô ngại, vô tri căn là đạo giải thoát.

Hỏi: Các đạo này là thế nào? Là phần định hay là dụng định? Nếu là phần định, thì quả A-na-hàm cũng có ba thọ. Nếu là dụng định, thì không có ba dụng này, hãy còn không có hai thọ hiện hành trong cùng một lúc, huống chi là có ba?

Đáp: Dụng định là ở nơi thân, không phải ở nơi sát-na. Nghĩa là do lạc căn mà được quả A-la-hán. Ở nơi định kia thoái rồi, lại từ nơi hỷ căn được. Nếu còn thoái nữa thì lại từ xả căn được, nhưng quả A-na-hàm là do thọ này được. Nếu người kia thoái thì trở lại từ thọ này được, không phải là xứ khác.

Hỏi: Đức Thế Tôn nơi Tu-đa-la đã nói sáu thức thân. Những gì là cảnh giới của các thức này?

Đáp:

*Nếu lấy nghĩa các tướng
Cảnh giới năm thứ tâm
Nếu nhận tất cả pháp
Đây tức nói ý thức.*

Nếu lấy nghĩa các tướng, Cảnh giới năm thứ tâm: Tức năm cảnh giới như sắc v.v... là đối tượng nhận lấy của năm thức. Nhận thức nhận lấy sắc, cho đến thân thức nhận lấy xúc, vì thọ nhận tự tướng và vì cảnh giới hiện tại.

Nếu nhận tất cả pháp, Đây tức nói ý thức: Nghĩa là ý thức duyên nơi tất cả pháp, vì cảnh giới của cộng tướng, vì tư duy, vì thường xuyên nhớ nghĩ. Về nghĩa này, nói rộng như trong phẩm Giới.

Đã nói về cảnh giới của thức. Cảnh giới của trí nay sẽ nói.

*Các ám cõi dục, sắc
Vô sắc và vô lậu
Hữu y, vô y, tám
Cùng hai vô vi kia.*

Có mười pháp tương ưng, không tương ưng của cõi dục. Cõi sắc, cõi vô sắc cũng như vậy. Tương ưng, không tương ưng của hữu vi vô lậu có hai thứ: Là vô vi thiện và vô ký.

Hỏi: Mười đối tượng nhận biết của pháp trí này, mỗi mỗi trí có bao nhiêu pháp làm cảnh giới?

Đáp:

*Năm pháp cần phải biết
Cảnh giới của pháp trí
Tỷ trí bảy làm duyên
Cảnh giới tha tâm ba.*

Năm pháp cần phải biết, Cảnh giới của pháp trí: Đó là pháp tương ưng không tương ưng của cõi dục, pháp tương ưng, không tương ưng với vô lậu và thiện vô vi.

Tỷ trí bảy làm duyên: Nghĩa là pháp tương ưng không tương ưng của cõi sắc, cõi vô sắc, pháp tương ưng, không tương ưng với vô lậu cùng thiện vô vi.

Cảnh giới tha tâm ba: Đó là cõi dục, cõi sắc và cảnh giới của tâm, tâm pháp tương ưng với vô lậu.

*Hữu lậu nên biết mười
Trí nhân quả có sáu
Giải thoát một, đạo hai
Hai khác cảnh giới chín.*

Hữu lậu nên biết mười: Nghĩa là đẳng trí hành nơi tất cả mười pháp, vì cảnh giới rộng.

Trí nhân quả có sáu: Nghĩa là khô, tập trí nhận biết sáu pháp, đó là cảnh giới hữu lậu tương ưng, không tương ưng của ba cõi, là pháp trí, tỷ trí.

Giải thoát một: Nghĩa là diệt trí, duyên nơi một pháp, đó là cảnh giới số diệt của vô vi thiện. *Đạo hai:* Nghĩa là đạo trí duyên nơi hai pháp, tức là cảnh giới học, vô học tương ưng, không tương ưng của hữu vi vô lậu.

Hai khác cảnh giới chín: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí duyên nơi chín pháp, là cảnh giới của bốn đế, trừ vô ký.

Hỏi: Các sử đã có những sai khiến gì?

Đáp:

*Các phiền não tự địa
Định sử nơi địa mình
Tự chủng nhất thiết biến
Tùy sử ở chủng kia.*

Các phiền não tự địa, Định sử nơi địa mình: Nghĩa là phiền não của cõi dục kia tức sai khiến pháp của cõi dục, cho đến đệ nhất hữu cũng như vậy. Vì vượt hơn, vì đối trị, nên địa dưới không sai khiến địa trên. Vì thân hành lia dục, nên địa trên không sai khiến địa dưới.

Tự chủng nhất thiết biến, Tùy sử ở chủng kia: Nghĩa là các pháp của tự chủng, bị sử của tự chủng sai khiến. Là nhất thiết biến (Biến hành), là cũng sai khiến chủng khác. Do có năm thứ cảnh giới.

*Nếu định pháp ba cõi
Sử ba cõi sai khiến
Sinh hai cõi nên biết
Một cõi cũng lại thế.*

Nếu định pháp ba cõi, Sử ba cõi sai khiến: Nghĩa là năm thứ pháp thuộc về ba cõi bị tất cả sử của ba cõi sai khiến. Như thế, tất cả pháp đều tùy theo chỗ ứng hợp mà nói.

Sinh hai cõi nên biết: Nghĩa là pháp thuộc về hai cõi bị phiền não của hai cõi sai khiến, tùy theo chỗ thích ứng kia, đó là giác quán. Năm thứ của cõi dục, cõi sắc bị tất cả sử của cõi dục, cõi sắc kia sai khiến, nghĩa là ý căn. Năm thứ của ba cõi bị hết thảy sử của ba cõi kia sai khiến. Như vậy, tất cả pháp đều tùy theo chỗ thích ứng.

Một cõi cũng lại thế: Tức nếu định rõ là pháp của một cõi, thì bị sử của một cõi ấy sai khiến, tức là ưu căn. Năm thứ của cõi dục bị tất cả sử của cõi dục kia sai khiến. Như vậy, tất cả pháp đều tùy theo chỗ thích hợp.

*Kinh này Mâu-ni nói
Tánh kia đã phân biệt
Thức, trí cùng các sử
Nên biết là ba môn.*

Kinh này do Đức Phật giảng nói, tôi đã phân biệt đầy đủ, nên dùng ba môn để thông hợp. Đó là môn Thức, môn Trí và môn Sử. Như đưa ra tánh năm ấm của cõi dục, do tu đạo đoạn, thì bảy trí kia nhận biết, tức trừ tỷ trí, diệt trí, đạo trí. Vì là cõi dục nên trừ tỷ trí. Vì là hữu lậu nên trừ diệt trí, đạo trí.

Ba thức nhận biết là nhãn thức, nhĩ thức và ý thức. Vì bốn nhập gồm thân. Cõi dục bị sử nhất thiết biến và sử do tu đạo đoạn sai khiến. Về giới là tám trí nhận biết, tức trừ tha tâm trí, diệt trí. Ba thức nhận biết là nhãn thức, nhĩ thức, ý thức. Cõi dục, cõi sắc bị sử nhất thiết biến và sử do tu đạo đoạn sai khiến.

Về tu nghĩa là tánh không phóng dật, chín trí nhận biết, trừ diệt trí. Ý thức nhận biết. Ba cõi bị sử nhất thiết biến và sử do tu

đạo đoạn sai khiến. Tất cả Tu-đa-la đều giảng nói như vậy, tùy theo chỗ ứng hợp. Nếu nói chung về nghĩa, muốn nhận biết về sự gồm thâu, nên quán xét về cõi được kiến lập. Muốn nhận biết môn trí nên xem xét về sự kiến lập của đế. Muốn nhận biết về môn thức, nên xem xét về sự kiến lập của nhập. Muốn nhận biết về môn sử, nên xem xét về chủng loại đã được kiến lập. Nói như vậy thì dễ nhận biết.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN TẠP A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 9

Phẩm thứ 9: TẠP

*Đã phân biệt các pháp
Mỗi mỗi định nối tiếp
Các nghĩa tạp ở trên
Là nay sẽ lược nói.*

Đã phân biệt các pháp, Mỗi mỗi định nối tiếp: Nghĩa là đã nói vô số thứ phẩm loại của các pháp lần lượt nối tiếp nhau. *Các nghĩa tạp ở trên, Là nay sẽ lược nói.*

*Có duyên cũng tương ưng
Có hành và có dựa
Tâm cùng các tâm pháp
Là đồng một nghĩa nói.*

Đây là các tâm tâm pháp có tên gọi khác nhau, vì chỗ duyên hợp của chúng, nên nói là *có duyên*. Vì ở nơi cảnh giới chuyển, cho nên thời gian, chỗ dựa, hành, duyên sự đều cùng chuyển, nên nói là *tương ưng*.

Có hành là tuệ như nơi phẩm Trí đã nói. Tuệ kia ở nơi duyên tạo hành, nên nói là *có hành*. Vì dựa vào người khác chuyển, nên nói là *có dựa*.

*Từ duyên sinh cũng nhân
 Có nhân cũng hữu vi
 Xứ thuyết cùng với đạo
 Có quả phải nên biết.*

Đây là sự khác nhau về tên gọi của các pháp hữu vi. Vì pháp này duyên nơi pháp kia, rồi hòa hợp cùng sinh, nên nói là *từ duyên sinh*. Vì sinh ra pháp khác, nên nói là *nhân*.

Do sức của nhân nên nói là *có nhân*. Do nhân duyên v.v... tạo tác, nên nói là *hữu vi*. Vì có thể sinh khởi ngôn thuyết, nên nói là *xứ thuyết*. Vì thuộc về đạo của quá khứ, vị lai, hiện tại, nên nói là *đạo*. Vì đạo kia có quả, nên nói là *có quả*.

*Có tội cũng ẩn mắt
 Cấu uế thấp kém đen
 Hữu vi thiện nói tập
 Cũng lại gọi là tu.*

Có tội cũng ẩn mắt, Cấu uế thấp kém đen: Đây là các tên gọi khác nhau của pháp bất thiện và vô ký ẩn mắt. Vì cùng với tội đều có, nên nói là *có tội*, là nghĩa đáng chán ghét. Vì bị phiền não chồng chất, che lấp, nên nói là *ẩn mắt*, là nghĩa bị lậu che lấp. Vì bị phiền não làm cấu uế, nên nói là *cấu uế*. Vì rất thô bỉ, nên nói là *thấp kém*. Vì tầm tối, nên nói là *đen*. Có hai thứ đen: Đen vì cấu uế và đen vì không vừa ý. Ở đây là nói thứ đen vì cấu uế, không nói thứ đen vì không vừa ý. Do thứ đen vì không vừa ý cũng có thứ đen của báo bất thiện.

Hữu vi thiện nói tập, Cũng lại gọi là tu: Đây là các tên gọi khác nhau của pháp *hữu vi thiện*. Vì thuộc về pháp thiện kia và quả ái, nên nói là *thiện*. Vì tăng trưởng công đức nên nói là *tập* và *tu*. Đây là nói tu đắc và tu tập (Gần gũi là nghĩa của tập. Nghĩa gieo trồng là nghĩa của tu. Hiện tại gọi là tập. Vị lai gọi là tu), nên nói là hữu vi thiện. Tu đối trị là tu đoạn, tức đối với tất cả pháp hữu lậu cũng nói là tu.

Hỏi: Những gì là tâm bất tương ưng hành?

Đáp:

*Vô tướng hai chánh thọ
Cùng chủng loại chúng sinh
Cú, vị cùng danh thân
Mạng căn và pháp đắc.*

Vô tướng: Nghĩa là chúng sinh của trời Vô tướng kia thọ sinh thì tâm và tâm pháp diệt. Có thuyết nói: Quả của chánh thọ là vô tướng. Có thuyết cho: Đó là quả quyền thuộc của thiền thứ tư. Có thuyết nêu: Cho đến có tâm là quả của có tâm, không tâm là quả của không tâm.

Hỏi: Tâm trước nhiều hay tâm sau nhiều?

Đáp: Có thuyết cho: Tâm sau nhiều, tâm trước ít, vì ưa muốn nhanh chóng nhập vô tướng. Nên nói như vậy: Tâm này không nhất định, hoặc tâm trước nhiều, hoặc tâm sau nhiều. Nếu dùng oai nghi này để nhập chánh thọ vô tướng, tức dùng oai nghi này nhập vô tướng trụ. Từ vô tướng kia khởi rồi hủy báng thừa Niết-bàn, về sau do nghiệp báo nên sinh nơi cõi dục. Nghiệp báo kia hết thì không sinh khởi nghiệp khác.

Hai chánh thọ: Đó là chánh thọ vô tướng và chánh thọ diệt tận.

Chánh thọ vô tướng: Nghĩa là ái của cõi Biến tịnh đã hết, ái của cõi trên chưa hết, trước tiên khởi tướng xuất ly, tư duy về tâm tâm pháp diệt, từ cõi dục khởi, không phải là cõi khác. Đây là hàng lợi căn. Phạm phu khởi, không phải là Thánh nhân, vì không có Thánh nhân ở nơi hữu lại tạo ra tướng xuất ly. Do phương tiện được, không phải lìa dục được, là không thoái chuyển.

Hỏi: Chánh thọ vô tướng và vô tướng có những sai biệt gì?

Đáp: Chánh thọ vô tướng là nhân, vô tướng là quả. Nhân chánh thọ là thiện, quả vô tướng là vô ký. Chánh thọ là có báo, vô tướng là không báo. Chánh thọ có hành, vô tướng không có hành.

Chánh thọ diệt tận: Nghĩa là lia dục của xứ vô sở hữu, trước hết là dứt bỏ tướng, tư duy về tâm tâm pháp diệt.

Hỏi: Chánh thọ này là thế nào?

Đáp: Tâm tâm pháp đều diệt, trung gian nối tiếp nhau, tâm bất tương ưng hành lưu chuyển theo và trụ nơi các căn của bốn đại. Đây là nói chánh thọ diệt tận. Chánh thọ khác như đã nói trong phẩm Định.

Chủng loại: Nghĩa là sự giống nhau về chi tiết nơi các căn của thân chúng sinh, cùng hành nghiệp, sự ăn uống. Chủng loại kia có sáu thứ, là chủng loại cõi, chủng loại nẻo, chủng loại sinh, chủng loại xứ sở, chủng loại tự thân và chủng loại tánh.

Chủng loại cõi: Nghĩa là chúng sinh nơi cõi dục là chủng loại của chúng sinh nơi cõi dục. Cõi sắc, cõi vô sắc cũng như vậy.

Chủng loại nẻo: Nghĩa là ở nơi một nẻo thì sinh ra theo chủng loại của nẻo ấy.

Chủng loại sinh: Nghĩa là thọ nhận một đời thì có chủng loại của một loài ấy.

Chủng loại xứ sở: Nghĩa là sinh ở địa ngục Vô trạch thì có chủng loại của địa ngục Vô trạch. Cho đến đệ nhất hữu cũng như vậy.

Chủng loại tự thân: Nghĩa là đồng sinh nơi một cõi, một nẻo, một loài (Một loài là một trong bốn loài) nên có vô số thứ tự thân, như các loài chim. Nên so sánh như vậy.

Chủng loại tánh: Nghĩa là tánh bản sinh đồng là chủng loại tánh.

Nếu sáu chủng loại tương tự thì đó gọi là chủng loại.

Cú: Là tập hợp các danh, vị, làm rõ nghĩa cứu cánh.

Vị thân: Là thân của chữ (Vị là chữ. Trong tiếng Phạn có vị thanh là khuôn mẫu của chữ, không phải là chữ của hình sắc như ngày nay).

Danh: Là tên gọi các pháp, dùng tên gọi để làm rõ nghĩa, như gọi là nam, nữ.

Mạng: Là thọ mạng, nghĩa là được âm, giới, nhập không hoại.

Hỏi: Hành của mạng và hành của thọ mạng có sai biệt gì?

Đáp: Có thuyết cho: Không có khác nhau. Có thuyết cho: Quả của nghiệp đời trước gọi là thọ mạng. Quả của tu gọi là mạng.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn xả bỏ thọ mạng của phần thứ năm?

Đáp: Vì Phật sự đã hoàn toàn rốt ráo. Những sự khác là cứu cánh của Thanh văn. Lại nữa, vì trụ nơi bốn Thánh chủng, vì hữu và các vật dụng đều đã hoàn toàn dứt hết.

Đặc: Nghĩa là đặc các pháp và được thành tựu, đều đồng một nghĩa. (Phần sau sẽ nói rộng).

*Nói tánh phàm phu kia
Và bốn tướng các pháp
Chẳng sắc, bất tương ưng
Nói là hành hữu vi.*

Tánh phàm phu: Nghĩa là không được pháp của Thánh.

Bốn tướng: Là sinh, trụ, lão, vô thường (Đã nói trong phẩm Hành).

Chẳng sắc: Nghĩa là các pháp này không phải là tánh của sắc, vì chúng không phải là phần của bốn chủng và sắc được tạo. *Bất tương ưng:* Nghĩa là không duyên.

Nói là hành hữu vi: Nghĩa là do cái khác tạo nên và tạo nên cái khác.

Hỏi: Các hành này có bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là bất thiện và bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp:

*Hai thiện, năm thứ ba
Nên biết bảy vô ký
Hai ở trong cõi sắc
Một ở địa vô sắc.*

Hai thiện: Là chánh thọ vô tướng và chánh thọ diệt tận, vì là tánh của tu thiện.

Năm thứ ba: Nghĩa là đắc, sinh, trụ, lão, vô thường, nếu ở trong thiện là thiện, ở trong bất thiện là bất thiện, ở trong vô ký là vô ký. Vì cùng với pháp như sinh v.v... là một quả.

Đắc: Nghĩa là không phải là không có phần của mình.

Nên biết bảy vô ký: Nghĩa là vô tướng, chủng loại, cú, vị, danh, mạng căn, tánh phạm phu.

Hỏi: Trong các pháp này, có bao nhiêu pháp hệ thuộc cõi dục, bao nhiêu pháp hệ thuộc cõi sắc, bao nhiêu pháp hệ thuộc cõi vô sắc?

Đáp: *Hai ở trong cõi sắc:* Đó là trời Vô tướng và chánh thọ vô tướng là hệ thuộc cõi sắc. Do trời Vô tướng là quả của thiền thứ tư. Chánh thọ vô tướng thì thiền thứ tư gồm thâu.

Một ở địa vô sắc: Nghĩa là chánh thọ diệt tận hệ thuộc cõi vô sắc, thuộc về đệ nhất hữu (Xứ phi tướng phi phi tướng).

*Hai cõi nói có ba
Ngoài ra ở ba cõi
Hữu lậu, vô lậu năm
Còn lại đều hữu lậu.*

Hai cõi nói có ba: Nghĩa là cú, vị, danh thân ở cõi dục, cõi sắc, không phải là cõi vô sắc, vì ở đây không có phần của ngôn ngữ.

Ngoài ra ở ba cõi: Nghĩa là chủng loại, đắc, mạng căn, tánh phàm phu. Các tướng của đắc ở nơi ba cõi, vì là phổ biến.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu?

Đáp: Hữu lậu, vô lậu năm: Nghĩa là bốn tướng hữu vi ở trong pháp vô lậu tức là vô lậu, ở trong pháp hữu lậu tức là hữu lậu, và một quả của pháp.

Đắc: Nghĩa là nếu đắc là hữu vi thì cũng như vậy. Nếu đắc là số diệt thì hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu, vì cùng với phàm phu. Nếu đắc là phi số diệt thì là hữu lậu, vì vô ký. Tức do nghĩa này nói là hệ thuộc, không hệ thuộc.

Còn lại đều hữu lậu: Tức trời Vô tướng, chánh thọ vô tướng, chánh thọ diệt tận, cú, vị, danh, mạng căn, chủng loại của chúng sinh, tánh phàm phu hoàn toàn là hữu lậu, vì gồm thân hữu.

Hỏi: Là pháp Thánh gọi là tánh phàm phu. Vậy làm sao xả? Làm sao đoạn?

Đáp:

*Trong tâm vô lậu đầu
Nên biết xả không đắc
Phàm phu trôi các cõi
Khi lìa dục diệt tận.*

Trong tâm vô lậu đầu, Nên biết xả không đắc: Nghĩa là Thánh nhân lúc sinh tâm vô lậu đầu tiên là xả tánh phàm phu. Tâm vô lậu đầu tức tương ưng với khổ pháp nhãn, nên lúc tâm kia sinh là xả tánh phàm phu. Nếu cho là khởi rồi mới xả bỏ, thì khi vị ấy trụ nơi khổ pháp nhãn, tức nên không phải là Thánh nhân, vì không xả tánh phàm phu, thế nên nói là lúc sinh. Do vậy nên Đức Phật đã nói, lúc hai pháp sinh, thì sự việc ấy là trọn vẹn. Sự việc bên trong là quyền thuộc của khổ pháp nhãn. Sự việc bên ngoài tức là các thứ ánh sáng.

Phàm phu trôi các cõi: Nghĩa là lúc phàm phu lưu chuyển trong các cõi, nếu mạng chung ở địa này tức là xả bỏ địa này, nếu sinh nơi địa kia tức là được địa kia. Vì là vô ký không ắc mắt, vì không phải là hoàn toàn xả, vì không được pháp Thánh.

Khi lia đục diệt tận: Nghĩa là nếu lia đục của địa này, như phàm phu và Thánh nhân, bấy giờ, đoạn dứt tánh phàm phu ở địa này, vì là vô ký không ắc mắt.

Hỏi: Ba vô vi có tướng gì?

Đáp:

*Đoạn phiền não lia buộc
Đó gọi là số diệt
Không có tướng chương ngại
Đấy nói là hư không.*

Đoạn phiền não lia buộc, Đó gọi là số diệt: Nghĩa là dùng trí tuệ đoạn trừ phiền não như thân kiến v.v... cùng quyền thuộc. Được ở đây là được lia trôi buộc. Những sự lia trôi buộc này gọi là số diệt. (Chủng loại, số lượng của bệnh, thuốc là đối nhau).

Có thuyết cho: Chỉ một sự việc diệt, không có tự phần, nên có rất nhiều thứ được. Nếu ở đây được diệt được chứng, tức ở đây là Niết-bàn. Thế nên Niết-bàn là không chung.

Tỳ-bà-sa nói: Ở nơi sự trôi buộc này, tức đây là sự lia trôi buộc. Nếu khác là do kiến khổ đoạn trừ, kiết chủng thì phiền não khác cũng nên đoạn vì cùng tác chứng một sự việc. Nếu như vậy, các pháp đối trị sau tức nên vô dụng, chỉ vì chúng chưa được rốt ráo. Do thế sự việc đều riêng biệt, không có nhân của tự phần, nên nói là không có tự phần. Không có nhân của tự phần này, cũng không so với khổ pháp nhãn và quyền thuộc của người khác. Tuy không có nhân của tự phần, nhưng vẫn dựa vào nhân tự phần

của người khác. Do không phải là phần của phẩm kia, nên nói là phi phẩm.

Do phiền não diệt nên nói là Niết-bàn. Vì nói về vô biên nên ngôn thuyết không phải là nêu bày. Vì hơn tất cả pháp nên nói là tối thắng. Vì là quả của trí nên nói là trí. Vì không gieo trồng nên nói là không sinh. Vì ở bên cạnh đạo giải thoát nên nói là biên. Vì ra khỏi tất cả pháp nên nói là xuất. Vì lìa lỗi của vô thường v.v... nên nói là diệu.

Không có tướng chướng ngại, Đây nói là hư không: Nghĩa là không chướng ngại nơi vô số thứ sắc, do có đến, đi v.v... nên nói là hư không. Phái Thí dụ nói: Hư không không phải là sắc, cũng không phải là phi sắc. Nói hư không là tùy thuận thế gian nên nói.

Có thuyết cho: Không phải là không có hư không, vì đã dung nạp cái có. Nếu không có hư không, thì không nên dung nạp cái có. Đã dung nạp cái có, thế nên có sự việc hư không.

Dựa nơi các pháp duyên

Có dựa và cảnh giới

Không đủ thì không sinh

Đây diệt rõ đúng sai.

Tất cả pháp hữu vi đều dựa nơi sức của duyên và cảnh giới để phát khởi, vì chúng yếu kém. Pháp kia không phải phần thì không sinh. Như nhãn thức dựa vào mắt, sắc, ánh sáng, khoảng không và sự nhớ nghĩ của thức kia hòa hợp nên sinh. Mỗi mỗi thứ không đủ thì không sinh. Lúc thức khác hiện ở trước thì trong khoảnh khắc của niệm niệm, mắt khác diệt, mắt khác sinh. Do các duyên không đủ, nên nhãn thức không sinh được. Nếu nhãn thức nên dựa nơi mắt kia để sinh thì không sinh. Vì chỗ nương dựa v.v... đã diệt, nên cuối cùng không sinh. Do trước không có phương tiện mà diệt, nên nói là phi số diệt. Như nhãn thức, tất cả thức thân cũng như vậy. Lại, vô lậu là

đạo Tùy tín hành, do tinh tấn nên được. Đạo Tùy pháp hành là phi số diệt. Tất cả đạo cũng như vậy. Tùy theo nghĩa ấy đều nên nhận biết.

Hỏi: Nếu đạo thắng tấn này đắc thì vì sao không phải quả của đạo gồm thân?

Đáp: Vì sự việc khác. Vì đoạn trừ phiền não. Do siêng tạo phương tiện không là phi số diệt, thế nên không phải quả của đạo gồm thân.

Hỏi: Tất cả pháp hữu vi nói nhân nơi gì, làm nhân cho cái gì?

Đáp:

*Nhân trước tương tợ tăng
Hoặc đều nương dựa sinh
Hai nhân cùng một duyên
Hoàn toàn nói đã sinh.*

Nhân trước tương tợ tăng: Nghĩa là pháp trước làm nhân cho pháp tương tợ sau và nhân tăng không phải là nhân kém. Tức lúc tu pháp, hoặc trụ, hoặc tăng, không phải là giảm.

Hoặc đều nương dựa sinh: Đó là nhân tương ưng và nhân cộng hữu.

Hai nhân cùng một duyên, Hoàn toàn nói đã sinh: Nghĩa là nhân của tự phần nói là đã sinh, không phải là chưa sinh. Trước là nhân cho sau. Chưa sinh thì không có trước sau. Nhân nhất thiết biến cũng như vậy. Duyên thứ đệ cũng nói là đã sinh. Về nghĩa của nhân duyên như trong phẩm Hành đã nói.

Hỏi: Báo nên nói là số chúng sinh hay không phải là số chúng sinh?

Đáp:

*Báo là số chúng sinh
Quả giải thoát hữu vi*

*Có duyên nói cùng hành
Là nơi tướng khác chuyển.*

Báo là số chúng sinh: Nghĩa là báo nói là số chúng sinh, vì không chung, vì không do mắt của người khác thấy, cũng không thành tựu. Nghĩa của báo khác cũng như vậy. Các vật dụng như y phục, thức ăn uống v.v..., nên biết là quả công dụng, quả tặng thượng, không phải là số chúng sinh, vì là chung.

Hỏi: Quả là thế nào?

Đáp: Quả giải thoát hữu vi: Nghĩa là tất cả pháp hữu vi, nói là quả có nhân sinh, nên cùng với số duyên diệt. Cũng nói là quả của đạo. Về nghĩa của quả trong phẩm Nghiệp đã nói.

Hỏi: Thế nào là tâm tâm pháp ở nơi duyên chuyển?

Đáp: Có duyên nói cùng hành: Tức nếu là pháp có duyên thì cùng ở trong duyên chuyển để biện giải xong sự việc.

Hỏi: Ở nơi duyên nào chuyển?

Đáp: Là nơi tướng khác chuyển: Tức tâm tâm pháp duyên với pháp khác, không phải với tự tánh. Vì sao? Vì không có hai quyết định, không tự hành, vì cũng không duyên tương ưng với một hành, một duyên, cũng không duyên nơi cộng hữu, vì đồng một quả. Về nghĩa này nơi phẩm Trạch sẽ nói rộng.

Hỏi: Tâm tâm pháp là có phương xứ hay là không có phương xứ?

Đáp:

*Nhân khắp không phương xứ
Lúc sinh tâm giải thoát
Phiền não ở tâm đạo
Cho đến lúc diệt, xả.*

Nhân khấp không phương xứ: Tức tâm tâm pháp là nhân khấp sinh. Nghĩa là nhân nơi hai mắt phát sinh một thức. Nhĩ, tử thức cũng như vậy.

Nếu có phương hướng, xứ sở, tức nên ở trong một mắt chuyển. Nếu như vậy thì chỉ nên một mắt thấy sắc, không nên đều cùng thấy. Về nghĩa này trong phẩm Giới đã nói.

Nếu nói có hai thức đều cùng sinh là không đúng. Vì sao? Vì không phải là phần của duyên thứ đệ thứ hai.

Một thức trụ ở hai mắt thấy sắc là không đúng, vì không có phần. Nếu một thức trụ trong hai mắt, tức nên có phần sinh. Nếu trụ nơi mắt bên trái thì không phải là mắt bên phải, vì phương xứ riêng khác. Đó là thuyết sai trái, vì không sắc không có phần.

Nếu lại một thức trụ nơi hai mắt, thì trong thân căn giữa hai mắt kia cũng nên sinh. Nếu như vậy thì nhãn thức tức là thân thức. Nếu nơi trung gian không sinh tức nên đoạn tạo thành hai phần, không phải là một như trước đã nói, vì không có hai thức đều cùng sinh.

Hỏi: Tâm giải thoát ở đời nào?

Đáp: *Lúc sinh tâm giải thoát:* Nghĩa là lúc đạo sinh, là lúc phiền não diệt. Thế nên lúc đạo sinh là tâm giải thoát. Như bờ đê bị rò rỉ, thì nước ở gần đấy chảy ra trước. Tâm giải thoát kia cũng như vậy. Lại có thuyết cho: Hết thấy tâm giải thoát là ở vị lai, không phải là riêng lúc sinh, chỉ do giải thoát đầu, nên nói là lúc sinh.

Hỏi: Lúc đạo phát sinh là có đoạn trừ phiền não hay là không?

Đáp: *Phiền não ở tâm đạo, Cho đến lúc diệt, xả:* Tức lúc đạo diệt thì sự diệt trừ phiền não ấy cũng đã trọn vẹn. Lúc sinh là vị lai. Làm sao đạo vị lai lại có thể hoàn thành công việc? Thế nên nói lúc đạo vô ngại diệt là đoạn trừ phiền não.

Hỏi: Hữu ái có bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Hữu ái có năm thứ
Vô hữu chỉ một tướng
Sự ái phiền não khác
Diệt tận là ba cõi.*

Hữu ái có năm thứ: Nghĩa là hữu ái tham đối với hữu có năm thứ. Tức là do kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn. Do năm hành gieo trồng tham nơi hữu.

Vô hữu chỉ một tướng: Nghĩa là vô hữu ái là do kiến đạo đoạn. Đã ở nơi tự báo đoạn trừ, sinh vui thích chấp trước là do tu đạo đoạn. Vì sao? Vì kiến tham là do kiến đạo đoạn. Tham này là tùy theo báo. Vô thường khởi báo là do tu đạo đoạn, vì là vô ký không ẩn mất. Báo nơi vô thường cũng như vậy, vì cùng với báo là đồng một quả nên không phải do kiến đạo đoạn. Tham nơi duyên là do tu đạo đoạn, vì không phải là nhất thiết biến. Vô hữu ái này, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm không đoạn nhưng cũng không hành, do đã đoạn trừ đối tượng nuôi lớn của kiến. Cũng như đối tượng nuôi lớn của hối, nghi. Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm cũng không hành.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói ba cõi: Cõi đoạn, cõi không dục và cõi diệt. Ba cõi này là thế nào?

Đáp: *Sự ái phiền não khác, Diệt tận là ba cõi:* Tức ái kia đã hết là cõi không dục. Sự việc đã hết là cõi diệt. Phiền não khác đã hết là cõi đoạn. Do nhận lấy gần để đối trị.

Luận giả nói như vậy: Trong Tu-đà-la, Đức Thế Tôn nói: Tất cả hành đều hết gọi là cõi đoạn. Cõi không dục và cõi diệt cũng như vậy.

Hỏi: Trong mười hai pháp: Cõi dục có bốn: Là thiện, bất thiện, vô ký ẩn mất, vô ký không ẩn mất. Cõi sắc có ba, trừ bất thiện. Cõi vô sắc có ba cũng như vậy. Cùng với hai pháp học, vô học. Vậy nơi

mười hai pháp này có bao nhiêu thứ *được* trong tâm cấu uế, bao nhiêu thứ *được* trong tâm thiện và bao nhiêu thứ *được* trong tâm vô ký?

Đáp:

*Nếu được chín thứ pháp
Nên biết tâm cấu uế
Tâm thiện được sáu thứ
Vô ký tức vô ký.*

Nếu được chín thứ pháp, Nên biết tâm cấu uế: Nghĩa là lúc cõi và địa lại thoái chuyển, thì nơi cõi dục, cõi sắc được bảy tâm (Ở nơi cõi trên mắt, khi trở lại sinh nơi cõi sắc, được tâm vô ký hóa của cõi dục và ba tâm của cõi sắc) và thiện của cõi dục. Lúc căn thiện nổi tiếp thì được. Lúc thoái chuyển thì được tâm cấu uế và tâm học của ba cõi. Ngoài ra không được là pháp thiện, vô ký không ẩn mắt của cõi vô sắc và vô học. Tuy pháp thiện của cõi vô sắc có một ít do thoái chuyển được, là phần thoái song ở đây nói đều là không thành tựu mà được. Đây tức là nói chung không phải trong một tâm của một người mà được chín pháp.

Tâm thiện được sáu thứ: Nghĩa là trong tâm thiện được sáu tâm: Vô ký không ẩn mắt của cõi dục. Thiện và vô ký không ẩn mắt của cõi sắc. Thiện cùng học và vô học của cõi vô sắc. Đây cũng là nói chung, không phải trong cùng một lúc có được.

Vô ký tức vô ký: Nghĩa là vô ký không ẩn mắt tức được vô ký, không phải là pháp khác, vì yếu kém.

Hỏi: Trong mười pháp của phẩm đạo, có bao nhiêu thứ là tánh của căn? Bao nhiêu thứ không phải là tánh của căn?

Đáp:

*Phẩm đạo có sáu pháp
Nên biết là tánh căn*

*Các pháp nếu tương ưng
Tức nói là tha tánh.*

Phẩm đạo có sáu pháp, Nên biết là tánh căn: Nghĩa là năm căn như tín v.v... và hỷ giác chi, nên biết là tánh của căn, do được tướng của căn. Các thứ khác không phải là tánh của căn.

Hỏi: Pháp tương ưng là tự tánh hay là tha tánh?

Đáp: *Các pháp nếu tương ưng, Tức nói là tha tánh:* Nghĩa là các pháp tương ưng với tha tánh, không phải với tự tánh. Vì không có một tánh, trong hai sát-na đều cùng khởi. Do trước cùng với sau không hợp. Do tự tánh không tự tương ưng được. Về nghĩa này trong phẩm Hành đã nói rộng.

Hỏi: Giải thoát ở đâu?

Đáp:

*Trong duyên được giải thoát
Bậc Đại tiên đã nói
Cũng có đoạn mà buộc
Kiến đạo và tu đạo.*

Trong duyên được giải thoát, Bậc Đại tiên đã nói: Tức nên biết là ở trong duyên được giải thoát, không thể ở nơi tương ưng có được giải thoát. Do nơi một sát-na tâm cùng với phiền não đều cùng sinh. Chúng sinh ở trong duyên trở nên ngu tối, vị kia tức khởi giải thoát, không ngu tối đối với phiền não.

Hỏi: Đoạn tức là giải thoát chăng?

Đáp: Hoặc giải thoát tức là đoạn, nhưng *Cũng có đoạn mà buộc.* Nghĩa là có một ít đoạn không phải là giải thoát. Đó là khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đoạn trừ phiền não do kiến khổ đoạn. Còn kiến tập thì đoạn trừ sử phược nhất thiết biên, nhưng duyên kia chưa đoạn. Tu đạo mới đoạn một phẩm, tám phẩm phược còn lại, cho đến

tám phẩm được đoạn dứt. Do phẩm phục thứ chín là một sử, nên tám phẩm kia thì trước đoạn sau giải thoát. Phẩm thứ chín thì tức đoạn là tức giải thoát. Tất cả các thứ còn lại cũng như vậy.

Hỏi: Kiến đế như thế nào để được tịnh bất hoại?

Đáp:

*Hai giải nơi ba đế
Bốn do thấy chánh đạo
Mà được tịnh không hoại
Tu tập ở hai đời.*

Hai giải nơi ba đế, Bốn do thấy chánh đạo, Mà được tịnh không hoại: Nghĩa là khổ, tập, diệt vô gián đẳng đạt được pháp tịnh bất hoại cùng Thánh giới. Đạo vô gián đẳng thì được bốn tịnh bất hoại. Về nghĩa này trong phẩm Trạch sẽ nói rộng.

Hỏi: Tu trong những đời nào?

Đáp: *Tu tập ở hai đời:* Hiện tại là tu tập, được hiện ở trước. Vị lai là tu đắc, không hiện ở trước, nhưng được nối tiếp theo. Quá khứ không phải là tu, vì không có phần của nhân hiện tại.

Hỏi: Những pháp nào tùy theo tâm đều cùng chuyển?

Đáp:

*Tất cả các tâm pháp
Nói cùng tâm cùng chuyển
Cũng các tướng tâm này
Tướng khác và đã tạo.*

Tất cả các tâm pháp, Nói cùng tâm cùng chuyển: Nghĩa là tất cả tâm pháp đều cùng với tâm cùng chuyển, vì đồng một quả với tâm.

Cũng các tướng tâm này: Nghĩa là các tướng như sinh v.v... của tâm này, cũng cùng với tâm chuyển biến, vì cũng cùng đồng một quả với tâm.

Tướng khác: Tức tướng của tâm pháp này cũng cùng với tâm cùng chuyên. *Và đã tạo:* Tạo tác gọi là giới vô tác, vì là do tâm, cũng cùng với tâm đều cùng chuyên, do cũng cùng đồng một quả với tâm.

Hỏi: Thế nào là pháp đoạn?

Đáp:

*Pháp đoạn là hữu lậu
 Nhận biết cũng không cấu
 Vị lai diệt là xa
 Ngoài ra tức nói gần.*

Pháp đoạn là hữu lậu, vì có lỗi lầm. Như chiếc áo có vết nơ đã được giặt sạch, không phải là không có vết nơ. Pháp đoạn kia cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là pháp nhận biết?

Đáp: Nhận biết cũng không cấu: Tức nếu là pháp hữu lậu, vô lậu, tất cả đều nói là nhận biết tùy theo sự việc kia. Vì sao? Vì đã trừ không nhận biết.

Hỏi: Thế nào là pháp xa?

Đáp: Vị lai diệt là xa: Tức pháp của quá khứ, vị lai nói là xa, vì cách xa với thức của hiện tại. Đây là nói xa về thời gian. Bốn nghĩa của xa đã nói trong phẩm Hành.

Ngoài ra tức nói gần: Nghĩa là hiện tại nói là gần, vì đều cùng có với thân thức. Vô vi nói là gần, vì không hệ thuộc nơi phương xứ. Tùy nơi phương nào thì diệt, ở nơi phương nào thì được là do đạo. Không phải là số diệt, vì lia các thứ dốc sức mong cầu. Về nghĩa của đời trong phẩm Giới đã nói rộng.

Hỏi: Thế nào là pháp định?

Đáp:

*Đó là nghiệp vô gián
Và các đạo vô lậu
Tuệ được nói là định
Kiến xứ là hữu lậu.*

Đó là nghiệp vô gián, Và các đạo vô lậu, Tuệ được nói là định: Nghĩa là nghiệp vô gián được nói là tà định, vì định này dẫn đến địa ngục. Hành vô lậu được nói là chánh định, vì định này hướng đến quả giải thoát. Các thứ khác không là định.

Hỏi: Đức Thế Tôn ở nơi cõi Bồ-đề, đối với tất cả chúng sinh đã kiến lập ba tụ. Vì giới hạn sai biệt của chúng sinh nên kiến lập hay là vì giới hạn sai biệt của pháp nên kiến lập?

Nếu nói là do giới hạn sai biệt của chúng sinh thì vì sao nói không được chúng sinh biên, nhưng chúng sinh là vô biên?

Nếu nói là do giới hạn sai biệt của pháp nên kiến lập thì Thanh văn cũng nên kiến lập, vì sao nói Như Lai là không chung?

Đáp: Có thuyết cho: Giới hạn sai biệt của chúng sinh là tổng tướng, không phải là tự tướng, đó là nói bốn loại sinh. Trừ bốn loại sinh này, thì không còn chúng sinh khác.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thanh văn cũng nên kiến lập. Vậy Như Lai và Thanh văn có khác biệt gì?

Đáp: Có khác nhau. Vì Đức Như Lai là tự lực kiến lập, còn Thanh văn là theo Phật để nghe lãnh hội. Đây tức khác nhau. Lại có thuyết cho: Đức Như Lai kiến lập giới hạn sai biệt của chúng sinh. Còn Thanh văn, Duyên giác thì kiến lập giới hạn sai biệt của pháp. Đức Thế Tôn kiến lập ba tụ chúng sinh rồi, đến nay vì đại bi nên vẫn còn luôn tạo nên an lạc cho chúng sinh. Do trong ba thời của ngày đêm đã dùng Phật nhãn quán xét chúng sinh.

Hỏi: Thế nào là kiến xứ?

Đáp: Kiến xứ là hữu lậu. Tất cả pháp hữu lậu đều là kiến xứ, tức chúng đều cùng có với kiến cấu uế. Nếu pháp là kiến cấu uế duyên với sử và tương ưng với sử, thì pháp ấy nói là kiến xứ. Có thuyết cho: Vì duyên với sức của kiến nơi tự giới, nên pháp hữu lậu được gọi là kiến xứ, không phải duyên nơi sử khác, vì không phải là phần. Như vậy thì nói như thuyết thuyết là tốt.

Hỏi: Nếu chúng sinh thành tựu căn thì chúng sinh ấy thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp:

*Nói có mười chín căn
Là thành tựu nhiều nhất
Ít nhất thành tựu tám
Hiểu rõ căn đã nói.*

Nói có mười chín căn, Là thành tựu nhiều nhất: Nghĩa là Thánh nhân thành tựu nhiều nhất là mười chín căn, tức là gồm đủ các căn chưa lia đục. Nếu trụ nơi kiến đạo, thì trừ dĩ tri căn, vô tri căn và một hình. Nếu trụ nơi tu đạo, thì trừ vị tri căn, vô tri căn và một hình. Phạm phu không đoạn căn thiện, thì có đủ các căn và hai hình, trừ ba căn vô lậu.

Ít nhất thành tựu tám, Hiểu rõ căn đã nói: Tức thành tựu ít nhất là tám căn. Nghĩa là trừ thân căn đã đoạn dần căn thiện, mạng chung sinh vào địa ngục Vô trách, bị núi lớn đè ép, còn lại chỉ có thân căn, mạng căn, ý căn và năm thọ căn. Nếu phạm phu sinh nơi cõi vô sắc, thì có ý, mạng, xả và năm căn như tín v.v...

Hỏi: Có bao nhiêu thứ xúc?

Đáp:

*Tăng ngữ và có đối
Trong xứ minh, vô minh*

*Gọi là có được quả
Tức là việc hai đạo.*

Tăng ngữ (Do có nhiều danh, nên nói là Tăng ngữ) và *có đối*, *Trong xứ minh, vô minh*: Tăng ngữ nghĩa là nếu ý thức thân tương ưng với xúc, duyên nơi tất cả pháp thì nói là tăng ngữ. Lại, duyên nơi nhiều danh nên nói là tăng ngữ. Tuy xúc thứ năm cũng duyên nơi nhiều danh, nhưng vì năm thức kia mới được tên nên không có lỗi. Nếu năm thức thân tương ưng với xúc, dựa vào căn có đối, nên nói là *có đối*.

Vô lậu nói là *minh xúc* vì tương ưng với minh. Cấu uế nói là *vô minh xúc* tức do vô minh sinh. Hữu lậu không cấu uế, nói là *xúc không phải minh không phải vô minh*, vì đều cùng không tương ưng. Năm xúc này do tùy thuận không tùy thuận cùng tương ưng, nương dựa được phân biệt nên nói có mười sáu thứ. Do tùy thuận, không tùy thuận để kiến lập. Tức là xúc tương ưng với ái, sân. Do phân biệt về tương ưng, nên nói xúc khổ, xúc lạc, xúc không khổ không lạc. Do phân biệt về chỗ nương dựa nên nói các xúc của nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý.

Hỏi: Được quả là do đạo vô ngại hay là do đạo giải thoát?

Đáp: *Gọi là có được quả, Tức là việc hai đạo*: Nghĩa là hai đạo đều cùng được quả, là đạo vô ngại và đạo giải thoát. Đạo vô ngại đoạn trừ phiền não, được đạo giải thoát chứng đắc giải thoát. Lại có thuyết nói: Đạo vô ngại được quả. Đạo giải thoát thì bảo vệ những sự việc do đạo vô ngại đã làm khiến không mất. Nên nói như vậy.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói nhàm chán rồi lìa dục. Thế nào là nhàm chán? Thế nào là lìa dục?

Đáp:

*Nếu trí ở nhân khổ
Cùng nhân nói là chán*

*Có thể là tham dục
Nói bốn là lia dục.*

Nếu trí ở nhân khổ, Cùng nhĩn nói là chán: Nghĩa là duyên nơi khổ tập trí cùng nhĩn nói là nhàm chán. Vì duyên nơi sự việc đáng nhàm chán. Vì khổ, tập đế là đối tượng nương dựa của phiền não và hành ác, nên nói là những sự việc nhàm chán.

Có thể là tham dục, Nói bốn là lia dục: Nghĩa là nếu nhĩn và trí ở nơi bốn đế đều chuyên thì nói là lia dục, vì đã hủy hoại tham dục. Tuy lia tất cả phiền não, song tham dục là chân đứng của các phiền não, thế nên nói là lia dục. Người kia ghét nhưng không thích trừ bỏ ác, đó là chỗ sai biệt của nhàm chán. Lia dục là diệt, giải thoát là đoạn trừ hết, đó là chỗ sai biệt của lia dục.

Hỏi: A-la-hán trụ ở tâm nào, lúc nhập Niết-bàn?

Đáp:

*La-hán trụ báo sinh
Cùng với tâm oai nghi
Vì tùy thuận tâm diệt
Hướng đến bát Niết-bàn.*

A-la-hán trụ nơi báo sinh cùng tâm oai nghi mà nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì tùy thuận nơi tâm diệt. Tâm thiện trụ vững chắc, đối với tâm diệt là không tùy thuận. Tâm vô ký yếu kém, vì yếu kém nên đối với tâm diệt thì tùy thuận.

Lại nữa, vì ít lỗi nên tâm thiện gồm đủ môn quả y và môn quả báo. Vô ký chỉ có môn quả y, không có môn quả báo.

Lại nữa, vì dứt bỏ các nẻo. Nếu hướng đến các nẻo, tâm thiện kia tất siêng năng hiện ở trước. Chớ khiến cho ta sinh trong nẻo ác. Thế nên người kia vì dứt bỏ tất cả nẻo, nên trụ nơi tâm tánh thường. Có lúc trong phần thân kia tâm thiện là không, như

khi đoạn căn thiện. Tâm bất thiện cũng không, như khi lìa dục của cõi dục.

Lại nữa, do lìa dần sinh tử. Nghĩa là ở nơi cõi dục lìa dục, lìa tâm bất thiện. Ở nơi đệ nhất hữu thì lìa dục, lìa tâm nhiễm ô. Tâm vô ký hiện ở trước, lìa tâm thiện. Tâm mạng chung hiện ở trước, lìa tâm vô ký.

Tôn giả nói (Đây là Đạt-ma-đa-la cho Đạt-ma-đa-la thời xưa là Tôn giả): Sự siêng năng nối tiếp nhau là tâm thiện. Người kia lúc mạng chung thì không chuyển theo.

Có thuyết cho: Vì muốn khiến cho địa dưới có báo không khổ không vui, nên người kia nói là ở cõi dục, cho đến báo sinh của thiên thứ tư và tâm oai nghi mà bát Niết-bàn. Cõi vô sắc chỉ có báo sinh, không phải là oai nghi, vì không có phần sắc.

Có người muốn khiến cho địa dưới không có báo không khổ không vui, nên người ấy nói ở nơi cõi dục, cho đến thiên thứ ba, chỉ trụ nơi tâm oai nghi mà bát Niết-bàn. Ngoài ra như trên đã nói.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ hữu?

Đáp:

*Sinh hữu và hoại hữu
Bản hữu cũng lại trung
Nên biết hai sát-na
Một nhiễm ba hữu hai.*

Sinh hữu và hoại hữu, Bản hữu cũng lại trung: Nghĩa là *sinh hữu* gọi là phần sinh. Vì năm ấm cùng với sự sinh đều cùng có, nên gọi là sinh hữu, là nghĩa của tâm tương tục cùng sinh.

Hoại hữu: Nghĩa là biên tử, vì năm ấm cùng với sự chết đều cùng có, nên gọi là tử hữu, là nghĩa của tâm chìm mất đều cùng khởi.

Bản hữu: Nghĩa là trừ phần sinh, phần tử nơi năm ấm, là hữu trung gian kia. Do nghiệp trước đã gieo trồng cùng trụ lâu, nên gọi là bản hữu.

Trung hữu: Nghĩa là sau khi chết rồi, cho đến lúc chưa được sinh hữu khác, ở trong khoảng trung gian ấy, là hữu hướng đến sự thọ sinh, năm ấm không bị gồm thâm vào nẻo nào. Vì khởi ở khoảng giữa hai thứ, nên gọi là trung hữu.

Hỏi: Các hữu này có bao nhiêu sát-na? Trụ được bao lâu?

Đáp: Nên biết hai sát-na: Tức tử hữu và sinh hữu chỉ tồn tại trong khoảnh khắc sát-na tức không trụ lâu. Do nghĩa này nên biết bản hữu, trung hữu đều trụ lâu.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ nhiễm ô, bao nhiêu thứ không nhiễm ô?

Đáp: Một nhiễm ba hữu hai: Tức sinh hữu hoàn toàn là nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô nên sự sinh nối tiếp không phải là không nhiễm ô. Phạm phu ở cõi dục có ba mươi sáu sử, mỗi mỗi sử đều khiến sự sinh nối tiếp nhau. Thánh nhân do tu đạo đoạn trừ bốn sử, mỗi mỗi cũng như vậy. Phạm phu ở cõi sắc có ba mươi một sử, mỗi mỗi sử đều khiến sự sinh nối tiếp nhau. Thánh nhân có ba sử. Cõi vô sắc cũng như vậy. Sử khiến cho sự sinh nối tiếp nhau, không phải là triền cấu. Hữu còn lại thì có nhiễm ô, không nhiễm ô.

Hỏi: Người tu hành có bao nhiêu thời gian nhiều nhất bị nghiệp làm chướng ngại?

Đáp:

*Nếu lia dục cõi dục
Vượt qua đê nhất hữu
Cùng với khởi pháp nhân
Bị nghiệp chướng ngại nhất.*

Ở nơi ba thời gian này, người tu hành bị nghiệp làm chướng ngại tối đa. Đó là lúc Thánh nhân lia đục của cõi đục, nghiệp của cõi đục kia tạo ra chướng ngại nhiều nhất. Nghĩa là như nói: Nếu ông lia đục thì tôi ở nơi xứ nào thọ báo? Do Thánh nhân khi lia đục của cõi đục, không còn thọ sinh nơi cõi đục, vì đã dứt hết.

Vì không thoát chuyển quả khi mạng chung. Nghĩa là khi chứng quả A-la-hán, vị ấy thọ báo đời sau, nên nghiệp kia tạo ra chướng ngại tối đa. Nghĩa là như nói: Ông đã vượt qua đệ nhất hữu, không còn xứ sinh, tôi ở nơi chốn nào để thọ báo? Đó còn là lúc trụ nơi pháp đánh, khởi pháp nhân, nghiệp kia thọ báo nẻo ác, do đây nghiệp đã độc sức tạo chướng ngại. Vì khởi pháp nhân là vĩnh viễn lia nẻo ác. Ngoài ra như trước đã nói.

Hỏi: Sự này có bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Nên biết có năm thứ
Tự tánh cùng với nhân
Hệ thuộc hoặc thâm nhận
Sự tất cả cảnh giới.*

Năm thứ sự, đó là sự tự tánh, sự nhân, sự hệ thuộc, sự thâm nhận và sự cảnh giới.

Sự tự tánh: Nghĩa là nếu pháp là tánh của chính mình, thì dùng tên sự để nói. Như nói: Nếu đắc sự là đã thành tựu sự kia.

Sự nhân: Nghĩa là như nói: Thế nào là pháp có sự? Đáp: Là lời nói có nhân.

Sự hệ thuộc: Nghĩa là như nói: Nếu sự này bị kiết ái trói buộc, tức sự kia bị giận dữ trói buộc chẳng? Năm thứ ấy dùng tên sự để nêu (Năm thứ pháp là năm hành).

Sự thấu nhận: Nghĩa là như nói: Sự việc nhà, sự việc ruộng. Nên so sánh như vậy.

Sự cảnh giới: Nghĩa là như nói: Tất cả đối tượng được nhận biết của pháp trí đều tùy thuận vào sự kia. Nếu pháp là duyên của pháp kia thì dùng tên sự để nêu.

Lại có năm thứ sự khác.

*Nói âm tức là sự
Sự giới nhập cũng vậy
Cùng với sát-na đời
Đó gọi năm thứ sự.*

Nếu nói âm tức dùng âm làm sự, không phải thứ khác. Như vậy cho đến nói sát-na, tức là dùng sát-na làm sự, không phải thứ khác. Như vậy là lược nói. Đồng thật nhưng khác tên, đều nên nhận biết.

Hỏi: Như nơi phẩm Nghiệp đã nói năm thứ quả là thể nào? Chi có quả này hay còn có quả khác?

Đáp: Có thuyết muốn khiến lại có bốn quả.

*Dục-đa-bà-đề nói
An lập cùng phương tiện
Cũng nói hòa hợp, tu
Đó gọi là bốn quả.*

Quả an lập: Nghĩa là như nước trụ nơi phong luân. Thủy luân là quả an lập của phong luân. Tất cả đều như vậy.

Quả phương tiện: Nghĩa là từ phương tiện của quán bất tịnh, cho đến khởi tận trí, vô sinh trí. Tận trí, vô sinh trí kia là quả phương tiện của quán bất tịnh. Tất cả phương tiện là như vậy đều nên biết. (Đây là dùng nhân để tìm quả, nên hướng đến phương tiện)

Quả hòa hợp: Nghĩa là các thứ mắt, màu sắc, ánh sáng, niệm, hòa hợp sinh nhãn thức. Pháp như vậy là pháp từ hòa hợp sinh, pháp ấy là quả hòa hợp.

Quả tu: Nghĩa là đạo của cõi sắc giáo hóa cõi dục. Giáo hóa cùng tạo ra ngôn ngữ của cõi dục. Sự giáo hóa và ngôn ngữ kia là quả tu đạo của cõi sắc. Tất cả đều như vậy.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thần túc? (Tiếng Phạn là Túc địa, hoặc nói là Thần túc, hoặc nói là Như ý túc, hoặc nói là Tự tại, hoặc nói là Phú mãn v.v... đều là nghĩa dịch thoát, không hoàn toàn đạt được tên gốc).

Đáp:

*Vận thân và ý giải
Ý niệm tự tại thông
Ý niệm chỉ Như Lai
Nên biết hai túc chung.*

Ba thứ tự tại: Tự tại vận thân, tự tại ý giải và tự tại ý niệm.

Tự tại vận thân: Nghĩa là đưa thân lên hư không như chim bay.

Tự tại ý giải: Nghĩa là xa tạo lý giải gần, chỉ trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay là đã đến cõi trời Sắc cứu cánh.

Tự tại ý niệm: Nghĩa là nhãn thức đến với sắc, chỉ nơi khoảnh khắc là tùy ý đến. Tự tại ý niệm này chỉ có Đức Phật, không phải kẻ khác có được, vì đối tượng nhận biết của nhất thiết trí là đến bờ giác.

Nên biết hai túc chung: Nghĩa là tự tại vận thân và tự tại ý giải, thì Như Lai, Duyên giác và Thanh văn đều có, vì đây là quả của thiền.

Hỏi: Tất cả A-na-hàm đều nhập nơi cõi sắc, cõi vô sắc chăng? Tất cả tín giải thoát đều được kiến đáo chăng? Tất cả pháp thoái đều thoái chuyển chăng?

Đáp:

*Nhập cõi sắc, vô sắc
Cũng là căn tăng ích
Cùng với Hiền Thánh thoái
Trung gian sinh định không.*

Thánh nhân trở lại thọ sinh, nghĩa là như trước đã nói. Nhân duyên khác nhất định là không. (Trở lại thọ sinh nhất định là không đến hai cõi trên, căn cũng không tăng tiến, cũng lại không thoái chuyển).

Trở lại thọ sinh nghĩa là ở cõi dục đạt được quả, trở lại sinh nơi cõi dục. Nhàm chán ở nơi thai là thấy lỗi của hữu, không vào cõi sắc cõi vô sắc, vì ở đây có thọ mạng lâu dài. Vì tu lâu nơi Thánh đạo nhưng căn không thể tiến thêm, vì cõi dưới như bạn thân không thể lìa bỏ. Trở lại thọ sinh kia cũng như vậy. Tu tập Thánh đạo, sinh ở trung gian, nên không thoái chuyển.

Hỏi: Đức Phật xuất hiện ở thế gian vào thời kỳ nào? Chuyển luân Thánh vương ra đời vào thời kỳ nào? Phật-bích-chi ra đời vào thời kỳ nào?

Đáp:

*Kiếp giảm Phật xuất thế
Thời tăng Chuyển luân vương
Hai thời Phật-bích-chi
Như vậy cần phải biết.*

Vào thời kỳ của kiếp giảm, Đức Phật xuất hiện ở thế gian, thuận theo thầy giải thoát, nên Đức Phật là Sư giải thoát, vì đã xả bỏ sinh tử, thuyết giảng pháp xuất thế gian. Vào thời kỳ kiếp tăng, chúng sinh hướng đến sinh tử, kiến giải chuyển theo hướng hoan lạc hơn hết. Nếu bấy giờ Đức Phật xuất thế tức là như không có mặt, vì chúng sinh không thể xả bỏ đường sinh tử, vì đã quá vui thích tham

đám. Thời kỳ kiếp giảm, chúng sinh từ bỏ đường sinh tử, thấy rõ hành ác của phiền não tăng thượng cùng cực, nên có thể liả bỏ sinh tử. Thế nên cho đến thời kỳ thọ mạng của chúng sinh là trăm tuổi, Đức Phật mới ra đời. Không phải là giảm, vì nếu giảm thì bấy giờ chúng sinh tức sinh khởi tham phi pháp, tham bất chính, nghĩa là đều hành theo tà pháp, ưa thích sinh lên cõi trời, siêng làm lợi cho phiền não, nên không phải là vật dụng của pháp thiện.

Chuyển luân Thánh vương phân nhiều ra đời trong thời kỳ kiếp tăng, có thể dùng mười điều thiện để kiến lập chúng sinh. Do vậy vào thời kỳ kiếp giảm, không xuất hiện, do chúng sinh kia hướng về hành ác. Thế nên vào thời kỳ kiếp tăng, thì dễ giáo hóa, vì là thời thuận hậu. Vào thời kỳ kiếp giảm đầu tiên, Chuyển luân Thánh vương cũng ra đời, vì nơi đời còn thuận hậu.

Phật-bích-chi ra đời trong hai thời kỳ để tự hành hóa pháp của mình.

Hỏi: Đắc là có đắc hay đắc là không đắc? Nếu đắc là có đắc thì đắc này lại nên có đắc khác, vì sao không phải là vô cùng? Nếu đắc là không đắc thì đắc ấy làm sao thành tựu?

Đáp:

*Nếu các pháp kia sinh
Hai đắc cùng chung khởi
Hai đắc đều cùng sinh
Nên biết có đắc đắc.*

Nếu các pháp sinh tức pháp kia có hai đắc là câu sinh đắc và đắc đắc. Do sức của đắc kia, nên thành tựu pháp cùng đắc đắc. Vì sức của đắc, nên thành tựu đắc do đắc và đắc đắc, tức cùng trong một tâm lần lượt cùng đắc. Vì vậy không phải là vô cùng. Sắc âm, hành âm kia là một đắc. Âm còn lại cũng như vậy.

Hữu vi, vô vi là một đấng. Giới thiện, giới ác của cõi dục, nếu là quá khứ là đấng của ba đời, nếu là hiện tại là đấng của hiện tại, vị lai, nếu là vị lai tức là đấng của vị lai.

Bốn ấm thiện và cấu uế của cõi dục. Năm ấm thiện và bốn ấm cấu uế của cõi sắc. Bốn ấm thiện và cấu uế của cõi vô sắc. Năm ấm vô lậu với tâm biến hóa cùng sinh bốn ấm.

Ba đời là đấng của ba đời, tùy theo loại nên đấng. Bốn ấm oai nghi phần nhiều do đời đoạn và sát-na đoạn nên đấng. Nếu người tu thiện kia là đấng của ba đời. Công xảo cũng như vậy. Bốn ấm sắc vô ký và báo sinh do đời đoạn và sát-na đoạn nên đấng. Quá khứ của quá khứ, vị lai của vị lai và hiện tại của hiện tại.

Hỏi: Khổ pháp nhãn có bao nhiêu đấng? Cho đến đạo tử nhãn có bao nhiêu đấng?

Đáp:

*Các đấng có mười lăm
Đấng nơi khổ pháp nhãn
Ngoài ra đạo kiến tăng
Nên biết mỗi mỗi giảm.*

Các đấng có mười lăm, Đấng nơi khổ pháp nhãn: Nghĩa là khổ pháp nhãn có mười lăm đấng, do mười lăm tâm của kiến đạo, nên nơi tất cả tâm kia đấng sinh. Một đấng cùng với nhãn kia cùng sinh, còn mười bốn đấng là sinh sau.

Ngoài ra đạo kiến tăng, Nên biết mỗi mỗi giảm: Nghĩa là kiến đạo gọi là kiến tăng, là tuệ tăng thượng. Kiến đạo khác thì dần vượt qua, trong mỗi mỗi tâm đấng chuyển giảm.

Khổ pháp trí có mười bốn đấng, một đấng cùng sinh, còn mười ba đấng là sinh sau, không có sinh trước, vì chưa từng được.

Khô tử nhãn có mười ba đắc, một đắc cùng sinh, còn mười hai đắc là sinh sau.

Khô tử trí có mười hai đắc, một đắc cùng sinh, còn mười một đắc là sinh sau.

Cho đến đạo tử nhãn có một đắc cùng sinh, không có đắc sinh sau, vì kiến đạo là rốt ráo. Cũng không có sinh trước, vì chưa từng được nhãn (Đã không có sau khởi, lại không có trước sinh, nên chỉ có một).

Hỏi: Giải thoát đắc, địa nào gồm thâm?

Đáp:

*Nếu ở trong địa kia
Đoạn cùng hoại đối trị
Tức gồm giải thoát đắc
Phẩm pháp trí, tử trí.*

Nếu ở trong địa kia, Đoạn cùng hoại đối trị, Tức gồm giải thoát đắc: Có thuyết cho: Nếu địa kia là đối trị đoạn, thì địa ấy là giải thoát đắc, tức địa kia gồm thâm, do đối trị đoạn. Nên nói như vậy: Nghĩa là kiến đạo, tu đạo của cõi dục đoạn, tức giải thoát đắc, thiên vị lai gồm thâm. Địa của thiên thứ nhất và thiên vị lai thì thiên thứ nhất và thiên trung gian gồm thâm. Thiên thứ hai gồm thâm bốn địa, tức là ba địa trước và thiên thứ hai. Thiên thứ ba gồm thâm năm địa, tức là bốn địa trước và thiên thứ ba. Kiến đạo, tu đạo đoạn của thiên thứ tư và kiến đạo đoạn của cõi vô sắc gồm thâm sáu địa, tức năm địa trước và thiên thứ tư. Tu đạo đoạn của không xứ gồm thâm bảy địa, tức sáu địa trước và không xứ. Tu đạo đoạn của thức xứ gồm thâm tám địa, tức bảy địa trước và thức xứ.

Vô sở hữu xứ và phi tướng phi phi tướng xứ do tu đạo đoạn, giải thoát đắc gồm thâm chín địa, là thiên vị lai, thiên trung gian, bốn thiên căn bản và ba vô sắc.

Lại có thuyết cho: Nếu địa kia gồm thâm đối trị đoạn và đối trị hoại, thì đó là nói do kiến đạo, tu đạo của cõi dục, cõi sắc đoạn trừ. Do kiến đạo của cõi vô sắc đoạn trừ, nên giải thoát đắc gồm thâm sáu địa. Tu đạo của cõi vô sắc đoạn trừ, như trước đã nói về phẩm pháp trí, tỷ trí.

Lại có thuyết nêu: Nếu là phẩm pháp trí của địa, thì do kiến đạo, tu đạo của cõi dục đoạn trừ nên giải thoát đắc, tức gồm thâm địa kia. Nếu là phẩm tỷ trí của địa, thì do kiến đạo, tu đạo của cõi sắc, vô sắc đoạn trừ, nên giải thoát đắc tức gồm thâm địa kia. Đây là nói giải thoát đắc của cõi dục gồm thâm sáu địa và giải thoát đắc của cõi sắc, cõi vô sắc gồm thâm chín địa.

Hỏi: Nếu đạo đều cùng khởi đắc, thì đắc kia là đều cùng sinh nhân của đạo chăng? (Chỉ trừ nhân sở tác, các nhân còn lại thì hỏi chung).

Đáp:

*Cùng đạo đều khởi đắc
Đều khởi không phải nhân
Đạo không phải nhân kia
Khởi sau hoặc có không.*

Cùng đạo đều khởi đắc, Đều khởi không phải nhân: (Đạo đều cùng khởi cùng với đắc đã không phải là nhân chung, lại không có nhân khác, nên cũng là không nhân) Nghĩa là đạo đều cùng khởi đắc, đắc kia không phải là nhân của đạo, vì không là một quả. Không là một quả thì không có nghĩa của nhân chung. Đạo cũng không phải là nhân của đắc kia, nghĩa là đắc đều cùng khởi đạo, cũng không phải là nhân của đắc, cũng không là một quả.

Hỏi: Thế nào là đắc khởi sau?

Đáp: Khởi sau hoặc có không: Tức trước đạo khởi, ở sau thì khởi đắc, hoặc có nhân, hoặc không nhân, cùng với sau là tương tự,

tăng đạo đắc, tương tự tăng, giải thoát đắc, là nhân, không phải là đạo hạ đắc đạo hạ, nên làm nhân của giải thoát đắc. (Đây là nhân tự nhiên, nên không làm nhân của trung, thượng, không phải là nhân của thượng hạ). Nghĩa là khổ pháp nhãn có một đắc đều cùng sinh, đắc kia không phải là nhân của nhãn. Nhãn cũng không phải là nhân của đắc.

Khổ pháp trí có ba đắc đều cùng sinh là đắc của hai đạo và đắc của một giải thoát. Khổ pháp trí không phải là nhân của các đắc kia. Các đắc kia cũng không phải là nhân của khổ pháp trí.

Khổ pháp nhãn kia là nhân của ba đắc.

Khổ tử nhãn có bốn đắc đều cùng sinh là đắc của ba đạo và đắc của một giải thoát. Khổ tử nhãn không phải là nhân của các đắc kia. Các đắc kia cũng không phải là nhân của khổ tử nhãn.

Khổ pháp trí là nhân của ba đắc, không phải khổ pháp nhãn là nhân của đắc, do nhãn yếu kém (Tỷ nhãn, tỷ trí cùng giải thoát đắc).

Khổ tử trí có sáu đắc đều cùng sinh là đắc của bốn đạo và đắc của hai giải thoát. Khổ tử trí không phải là nhân của các đắc kia. Các đắc kia cũng không phải là nhân của khổ tử trí.

Khổ tử nhãn có ba đắc là nhân, nhãn không phải là nhân của ba đắc. Nghĩa là đắc trong phạm pháp trí. Cho đến đạo tử nhãn có hai mươi hai đắc đều cùng sinh là mười lăm đắc của đạo và bảy đắc của giải thoát. Đạo tử nhãn không phải là nhân của các đắc kia. Các đắc kia cũng không phải là nhân của đạo tử nhãn.

Đạo pháp trí là nhân của ba đắc, không phải là nhân khác. (Pháp trí tự ở nơi vị lai đắc, giải thoát đắc và tử nhãn đắc, làm nhân tự nhiên. Các đắc dưới do yếu kém nên không phải là nhân)

Hỏi: Không không là hành gì? Tự tánh là gì? Do địa nào gồm thấu?

Đáp:

*Hành không trụ có cấu
Tức nói là không không
Nói cảnh giới vô học
Tại nơi mười một địa.*

Hành không sinh rồi, không không khởi sau. Hành không quán năm thanh âm không. Không không kia khởi ở nơi không kia tư duy về không. Như người lúc thiêu đốt tử thi, cầm gậy chuyển trở qua trở lại, sau đấy mới đốt bỏ cây gậy. Hành không kia cũng như vậy.

Có cấu: Là nghĩa hữu lậu, do ràng buộc Thánh đạo. Tức không không hệ thuộc Thánh đạo, không do Thánh đạo hệ thuộc Thánh đạo. Là do vô lậu nhằm chán hành, không duyên nơi vô lậu.

Trụ: Là tự tánh của tam muội.

Không không: Nghĩa là ở nơi không hành theo nghĩa không.

Cảnh giới vô học: Là nghĩa dùng vô học làm duyên, tức hành không của vô học là duyên của pháp kia. Lại nói: Duyên nơi hành không đều cùng sinh năm ấm.

Mười một địa: Nghĩa là vì hữu lậu nên cảnh giới rộng khắp đều không. Mười một địa của không không là từ cõi dục cho đến xứ phi tướng phi phi tướng.

Hỏi: Thế nào là vô nguyện của vô nguyện?

Đáp:

*Hành nơi hành vô thường
Là vô nguyện vô nguyện
Đều ở nơi bất động
Cõi dục, khác như trước.*

Hành nơi hành vô thường, Là vô nguyện vô nguyện: Nghĩa là hành vô thường tương ưng với vô nguyện. Quán năm thanh âm là vô

thường, ở nơi pháp quán kia khởi vô nguyện vô nguyện. Tư duy về vô nguyện là vô thường. Nếu là hành khổ, tức là điên đảo, vì Thánh đạo không phải tánh của khổ, cũng không phải là các hành như nhân v.v... vì cùng với Thánh đạo là trái nhau. (Do vô nguyện - vô nguyện cùng với Thánh đạo là trái nhau, nên không tạo các hành như nhân v.v...). Nếu tạo các hành như nhân v.v... tức nên thuận với Thánh đạo. Nhưng hành kia lại hệ thuộc Thánh đạo, do trái với Thánh đạo nên cũng không tạo các hành như đạo v.v... Do các hành như đạo v.v... thì ưa thích đạo.

Điều ở nơi bất động: Nghĩa là trước đã nói về không không và vô nguyện vô nguyện. Hai thứ này là A-la-hán của pháp bất động, nên có thể khiến tam muội hiện ở trước, do uy lực, do đã lìa phiền não. Kiến đạo tuy là lợi căn, đạt được tam muội tự tại, nhưng chưa lìa phiền não. Thời giải thoát thì tuy lìa phiền não, nhưng không được tam muội tự tại, do là độn căn. Bất thời giải thoát thì được tam muội tự tại, là lợi căn, đã lìa dục của ba cõi, thế nên tam muội có thể hiện ở trước, không phải là loại khác.

Cõi dục: Nghĩa là cõi dục hiện ở trước, phần nhiều nói là từ nơi lực khởi, không phải là thứ khác. Trừ châu Uất-đơn-việt, là ba châu còn lại.

Khác như trước: Nghĩa là những sự việc còn lại như nói về không không.

*Là vô tướng vô tướng
Hành kia ở tịch chỉ
Hành nơi vô ký diệt
Khác tức như trước nói.*

Là vô tướng vô tướng, Hành kia ở tịch chỉ: Vô tướng nghĩa là ở nơi số diệt quán về tịch chỉ. Ở đây về sau thì khởi hành vô tướng vô tướng. Nghĩa là như nói: Ông là phi số diệt, cũng là tịch chỉ (dùng lặng).

Hỏi: Hành kia duyên nơi gì?

Đáp: *Hành nơi vô ký diệt:* Tức phi số diệt, là duyên kia, là vô ký, cũng không khởi phi số diệt. Không khởi thì như trước đã nói. Vì nghĩa này nên không nói là hành diệt, do có hai thứ diệt là phi số diệt và vô thường diệt. Nếu nói là hành diệt thì không biết là những gì diệt. Cũng không phải là hành diệt, xuất, do vô ký không phải là diệt, không phải là xuất, không phải là ba tướng đã được thành lập.

Khác tức như trước nói: Nghĩa là phần còn lại như nói về không không. Lại, nơi tam muội kia hàng lợi căn thì khi tận trí sinh tức được sau tạo phương tiện để hiện ở trước. Đức Phật thì không cần phương tiện, Phật-bích-chi thì tạo phương tiện ít, Thanh văn thì hoặc là trung, hoặc là thượng.

Nơi không không, vô nguyên vô nguyên thì pháp trí, tỷ trí, khổ trí, sau đây tức hiện ở trước. Còn nơi vô tướng vô tướng thì pháp trí, tỷ trí và diệt trí, sau đây đều hiện ở trước.

Nếu là tam muội nơi cõi dục thì thuộc về thiên vị lai, Thánh đạo khởi sau. Nếu là địa phi tướng phi phi tướng thì Thánh đạo của vô sở hữu xứ khởi sau. Ngoài ra là theo thứ lớp của tự địa.

Hỏi: Vượt khỏi tam muội thì chánh thọ như thế nào?

Đáp:

*Vượt khỏi Tam-ma-đề
Trên dưới đến thứ ba
Cùng không niệm tư duy
Nơi duyên vượt cũng vậy.*

Vượt khỏi Tam-ma-đề, Trên dưới đến thứ ba: Nghĩa là lúc vượt khỏi tam muội, chánh thọ thì theo thứ lớp của thiên thứ nhất hữu lậu, thiên thứ hai hữu lậu hiện ở trước. Theo thứ lớp như vậy, cho đến phi tướng phi phi tướng xứ. Sau đây theo thứ lớp trở lại cho đến thiên

thứ nhất. Ở các địa này khéo tu tập xong, khởi thiên thứ nhất vô lậu, theo thứ lớp cho đến vô sở hữu xứ.

Lại nữa, theo thứ lớp trở lại đến thiên thứ nhất, nơi địa này khéo tu tập xong, lại khởi chánh thọ của thiên thứ nhất hữu lậu. Từ thiên thứ nhất khởi, vượt nhập nơi thiên thứ ba hữu lậu. Thiên thứ ba khởi rồi, nhập nơi không xứ. Không xứ khởi rồi, nhập nơi vô sở hữu xứ. Vượt ngược lại cũng như thế. Nơi địa này khéo tu tập rồi, sau đây khởi chánh thọ vô lậu để vượt qua. Đó gọi là phương tiện siêu việt. Sau đây có thể khởi thiên thứ nhất hữu lậu theo thứ lớp, nhập nơi chánh thọ của thiên thứ ba vô lậu. Thiên thứ ba vô lậu theo thứ lớp nhập nơi không xứ hữu lậu. Không xứ hữu lậu theo thứ lớp nhập nơi vô sở hữu xứ vô lậu. Vượt theo nghịch cũng như vậy. Đó gọi là chánh thọ siêu việt thành tựu. Vì cùng cách xa, nên không khởi chánh thọ thứ tư. Ba phương thì bậc Bất thời giải thoát có thể khởi, không phải là thứ khác. Vì sao? Vì đã lia phiền não, vì uy lực của tam muội tự tại. Như trước đã nói.

Cùng không niệm tư duy, Nơi duyên vượt cũng vậy: Nghĩa là nếu không cấu uế mà đoạn cảnh giới, thì nhân kia không nhớ nghĩ, tư duy. (Cảnh giới có gián cách gọi là đoạn. Hoặc có tâm nhiễm nhưng duyên nơi cảnh giới đoạn, nên nêu là không nhiễm để phân biệt về nhân. Không nhớ nghĩ, tư duy là đột nhiên có thể duyên vượt lên đến ba thiên), cũng đến thiên thứ ba. Nghĩa là thiên thứ nhất duyên nơi cõi dục, theo thứ lớp duyên nơi thiên thứ nhất, thiên thứ hai ở trên để chánh thọ (Ở đây là làm rõ về cảnh giới đã vượt nhưng lời văn chỉ nói theo thứ lớp cùng với trước sau vượt qua như trong tam muội trên, nên đơn cử khởi đầu để làm rõ phần sau cùng). Duyên nơi thiên thứ nhất, lần lượt duyên xuống nơi cõi dục. Lần lượt duyên lên trên là thiên thứ hai, thứ ba. Thiên thứ nhất duyên nơi thiên thứ hai, lần lượt duyên xuống cõi dục rồi đến thiên thứ nhất. Lại duyên lên thiên thứ ba, thứ tư. Như thế nơi tất cả địa đều nên biết. Vô sắc không duyên nơi địa dưới, như trước đã nói. Tuy khó pháp trí theo thứ lớp sinh khổ

tỷ nhân, cho đến duyên nơi đệ nhất hữu, vì ở đây là cảnh giới không đoạn. (Vì cùng nối tiếp không đoạn, nên tuy xa, nhưng không phải vượt qua). Bối xả tịnh lần lượt tuy duyên nơi tâm của tự địa khởi, hoặc duyên nơi địa trên, chỉ vì địa kia là nhiễm ô.

Hỏi: Lời Phật nói nên nói là thiện hay là vô ký?

Đáp:

*Lời Phật thiện, vô ký
Nhu tâm đầu kia chuyển
Cứu cánh cũng lại vậy
Vô ký hoặc thanh tịnh.*

Lời Phật thiện, vô ký: Nghĩa là nếu ở xứ điều phục phải theo phương tiện để nói là thiện. Như Phật nói: Tất cả hành là vô thường. Tất cả pháp là vô ngã. Niết-bàn là vĩnh viễn diệt. Nên so sánh như vậy. Nếu Đức Phật không theo phương tiện để nói là vô ký. Như Đức Phật hỏi: “Tôn giả A-nan: Vì sao trong vườn có tiếng lớn kêu vang?”. Nên so sánh như vậy.

Nhu tâm đầu kia chuyển, Cứu cánh cũng lại vậy, Vô ký hoặc thanh tịnh: Nghĩa là Đức Thế Tôn dùng tâm thiện phát ra lời nói, tức là dùng tâm thiện làm cứu cánh. Dùng tâm vô ký phát ra lời nói, thì hoặc dùng tâm vô ký làm cứu cánh, hoặc dùng tâm thiện làm cứu cánh. Không có tâm thiện phát ra lời nói, dùng tâm vô ký làm cứu cánh, vì lúc nói là chuyển tăng không giảm.

Hỏi: Còn Thanh văn thì thế nào?

Đáp:

*Thanh văn thì không định
Cứu cánh cùng với chuyển
Lúc nói không thoái giảm
Chỉ là Phật Thế Tôn.*

Thanh văn thì không định, Cứu cánh cùng với chuyển: Nghĩa là Thanh văn dùng tâm thiện phát ra lời nói, hoặc dùng tâm thiện làm cứu cánh, hoặc dùng tâm vô ký làm cứu cánh. Dùng tâm vô ký phát ra lời nói, hoặc dùng tâm thiện làm cứu cánh, hoặc dùng tâm vô ký làm cứu cánh.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn dùng tâm thiện phát ra lời nói thì dùng tâm thiện làm cứu cánh? Còn Thanh văn dùng tâm thiện phát ra lời nói thì dùng tâm vô ký làm cứu cánh?

Đáp: Vì *Lúc nói không thoái giảm, Chỉ là Phật Thế Tôn:* Tức chỉ Đức Phật Thế Tôn lúc nói thì không thoái chuyển. Người Thanh văn như Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... lúc nói cũng còn thoái chuyển.

Hỏi: Có bao nhiêu nhập có thể đốt được? Bao nhiêu nhập là chủ thể đốt?

Đáp:

*Có bốn trong các nhập
Bị đốt chủ thể đốt
Đáng gọi cũng hay gọi
Đoạn, năng đoạn, không làm.*

Có bốn trong các nhập, Bị đốt chủ thể đốt: Nghĩa là sắc, hương, vị, xúc là bị đốt cháy, cũng là chủ thể đốt cháy, vì chúng không lìa nhau. Có thuyết cho: Bốn nhập này là bị đốt cháy, vì không lìa nhau. Lại có một nhập là chủ thể đốt cháy, đó là hỏa đại, vì được tướng đốt cháy.

Đáng gọi cũng hay gọi: Nghĩa là như trước nói bốn nhập là đáng gọi, cũng là chủ thể xưng gọi, vì không lìa nhau. Có thuyết cho: Bốn nhập là chủ thể nêu gọi, một thứ là đáng gọi, vì được tướng trùng lập.

Đoạn, năng đoạn, không làm: Nghĩa là tức bốn nhập nói ở trước là bị đoạn, cũng là chủ thể đoạn, nên ở đây không có nói làm lạc.

Hỏi: Địa, địa giới khác nhau như thế nào?

Đáp:

*Địa là xứ sắc hình
Địa giới nói tướng cứng
Hai khác cũng hai thứ
Phong tức phong hoặc khác.*

Địa là xứ sắc hình: Tức xứ sắc hình là địa, do sắc nhập gồm thân, nhãn thức nhận biết. Đây là tên gọi theo thể gian.

Địa giới nói tướng cứng: Tức tướng cứng chắc là địa giới, do xúc nhập gồm thân, thân thức nhận biết. Đây tức là đệ nhất nghĩa.

Hai khác cũng hai thứ: Nghĩa là nước (Thủy) và lửa (Hỏa) cũng là hai thứ: Xứ sắc hình là nước, tướng thấm ướt là thủy giới. Xứ sắc hình là lửa, tướng ấm nóng là hỏa giới. Phần còn lại như trước đã nói.

Phong tức phong hoặc khác: Nghĩa là có thuyết nói: Phong (Gió) tức là phong chủng, do phi thể gian để đặt tên. Có thuyết cho: Đây cũng là theo thể gian đặt tên. Có gió bụi, gió không bụi, nên so sánh vậy.

Hỏi: Căn thiện có bao nhiêu loại?

Đáp:

*Phân phước nói một thứ
Cùng với phân giải thoát
Phần quyết định nơi phước
Thứ tư là các lậu.*

Phân phước nói một thứ: Nghĩa là nếu văn, tư tuệ, thí, giới, thắng tấn ở cõi dục v.v... đều cùng sinh thì được báo là ngôi vị Chuyển luân vương, Đế Thích và các thân tự tại có uy lực lớn khác ở cõi dục cùng những căn thiện thắng tấn của cõi sắc, cõi vô sắc, có thể đạt được quả hữu. Đó gọi là phân phước.

Cùng với phần giải thoát: Nghĩa là phần giải thoát cũng là văn, tư, thí, giới v.v... đều cùng sinh nơi cõi dục, từ bỏ các hữu, hướng về giải thoát. Gieo trồng các căn thiện này, thì nơi khoảng giữa tuy đoạn dứt căn thiện cũng được gọi là nghịch lưu. Vì sao? Vì chắc chắn đạt được Niết-bàn. Thế nên có thuyết nói như vậy: Thà làm Điều-đạt, không làm ngoại đạo Uất-đầu-lam-tử. Điều-đạt tuy tạo ba tội nghịch, đoạn dứt các căn thiện, diệt chủng tử thiện, bị đọa vào địa ngục Vô gián (A tỳ chí: A là vô, tỳ chí là trạch, là gián. Do nhân không có chủng tử thiện, nên quả gọi là không có chủng tử. Hai nghĩa khác như cũ).

Tội ở địa ngục hết, ở trong nẻo người có thọ mạng bốn vạn tuổi, được quả Phật-bích-chi, chúng đắc các căn mạnh mẽ, thông lợi, hơn cả Xá-lợi-phất v.v... Uất-đầu-lam-tử, tuy lia tám địa, sinh lên đệ nhất hữu (Xứ phi tưởng phi phi tưởng), khi báo hết, ở nơi ấy mạng chung, sinh lại trong rừng pháp làm loài chồn bay mang cánh để tàn hại các thú chúng sinh sống dưới nước và trên đất liền. Thọ mạng này hết tức bị đọa vào địa ngục Vô gián.

Đức Thế Tôn không thọ ký về thời gian được giải thoát. Người gieo trồng chủng tử giải thoát: Là có xứ tướng như thế khi ngồi nghe pháp. Tức như lúc nghe pháp buồn bã, rơi lệ, lông thân dựng ngược, thấy rõ lỗi lầm của sinh tử cùng thiện lợi của Niết-bàn, kính tin chánh pháp và người nói pháp.

Phần quyết định nơi phước: Nghĩa là quán xét căn thiện như noãn v.v... của chân đế, đối với đế có quyết định, đối với đế đạt đầy đủ. Do tùy thuận hướng đến Thánh đạo, nên gọi là phần quyết định, như trong phẩm Hiền Thánh đã nói.

Thứ tư lia các lậu: Nghĩa là căn thiện vô lậu tức là hàng hữu học, vô học, như trước đã nêu bày.

Hỏi: Vì sao ở nơi nẻo ác đạt được phi số diệt?

Đáp:

*Nên biết những bố thí v.v...
Có thể chuyển nẻo ác
Tắt định cùng nhãn hợp
Thí cùng đồng hoặc khác.*

Nên biết những bố thí v.v..., Có thể chuyển nẻo ác: Nghĩa là hoặc có bố thí không bị đọa nơi đường ác. Hoặc giới, hoặc văn, hoặc tư, hoặc noãn, hoặc đánh, nếu thấy rõ lỗi lầm của sinh tử và thiện lợi của Niết-bàn, từ bỏ sinh tử, hướng đến Niết-bàn, hành trì bố thí. Bố thí như vậy là có thể chuyển đổi nẻo ác. Căn thiện khác cũng như vậy. Bố thí có thể chuyển đổi nẻo ác nhưng không phải là đánh. Nếu cho không phải như vậy là không đúng. Vì sao? Vì đã từ bỏ sinh tử. Hoặc có khi chưa được căn thiện quyết định, nhưng có thể chán ghét tội độ sinh tử, lại không phải là người được căn thiện quyết định.

Lại nữa, bố thí cùng với nghiệp phiền não của nẻo ác là rất trái nhau, không phải là đánh, thế nên không có lỗi.

Hỏi: Nếu các căn thiện không tắt định lia nẻo ác thì cái gì là tắt định?

Đáp: Tắt định cùng nhãn hợp: Tức thì xả bỏ nẻo ác, tắt là ở nơi nhãn. Do nhãn cùng với tắt cả nghiệp phiền não của nẻo ác là trái nhau. Xả nhãn nghiệp phiền não của nẻo ác hãy còn không khởi hiện, huống chi là không xả bỏ.

Thí cùng đồng hoặc khác: Nghĩa là từ bố thí cho đến đánh, hoặc có khi lia nẻo ác, hoặc không lia, do không phải tắt cả bố thí, đều có thể trái với nghiệp phiền não của nẻo ác. Căn thiện khác cũng như vậy.

Đã nói về nhân duyên chuyển nẻo ác. Ý thức không chung nay sẽ nói. (Ý thức có sáu sự việc không cùng với năm thức chung).

*Lìa dục và lúc thoái
Thọ sinh cũng mạng chung*

*Đoạn thiện cùng nói tiếp
Nên biết là ý thức.*

Sáu sự việc này nói là trụ nơi ý thức, do tư duy, do duyên khắp. Đức Thế Tôn tuy nói là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, thân nhận biết xúc, nếu thoái chuyển thì chúng cũng do ý thức hiện ở trước lôi kéo, nên thoái chuyển.

Hỏi: Trụ nơi những thọ nào khi mạng chung và thọ sinh?

Đáp:

*Là tất cả chúng sinh
Đều trụ nơi xả thọ
Mạng chung và thọ sinh
Vì đều không nhanh chóng.*

Là tất cả chúng sinh, Đều trụ nơi xả thọ, Mạng chung và thọ sinh: Nghĩa là hết thấy chúng sinh đều trụ nơi thọ không khổ không vui khi mạng chung và thọ sinh.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: *Vì đều không nhanh chóng:* Tức trong tất cả phần thì phần sống, phần chết là không sáng rõ, không giác ngộ. Vì ở trong các thọ, thì thọ không khổ không vui là hết sức không nhanh nhẹn, không sáng rõ. Thế nên tất cả chúng sinh đều trụ nơi thọ không khổ không vui khi mạng chung và thọ sinh.

Hỏi: Nếu như vậy thì thọ không khổ không vui tức nên không có Thánh đạo vô lậu nhanh chóng?

Đáp: Không phải là thọ không khổ không vui không có sức của Thánh đạo vô lậu để có thể khiến nhanh nhạy. Như nước ở chất cay thì cay, ở chất đắng thì đắng. Ngọt, chua, mặn, lạt cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN TẬP A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 10

Phẩm thứ 10: TRẠCH, phần 1

*Tuy đã nói nhiều pháp
Quyết định các nghĩa tạp
Ở vô lượng xứ kia
Cần chọn phần cốt yếu.
Mâu-ni nói kiến đạo
Nhanh nên gọi pháp luân
Hoặc nói tám chi học
Chuyển đến nơi tâm khác.*

Mâu-ni nói kiến đạo, Nhanh nên gọi pháp luân: Nghĩa là vì diệt trừ hai thứ si, nên nói là Mâu-ni. Vì vắng lặng đầy đủ, nên nói là Mâu-ni.

Nói nghĩa là hiển bày chỉ rõ. Vì sự thấy biết kia gia tăng, nên nói là kiến đạo. Do tuệ tăng trưởng, do cầu đạt cảnh giới, do dẫn đến phi phạm nên nói là đạo.

Nhanh nghĩa là mau chóng tiến tới. Kiến đạo là đạo nhanh chóng, vì không khởi định. Một phẩm đạo tức khắc dứt trừ chín phẩm kiết.

Vì là pháp nên nói là *pháp*, do lìa chúng sinh. Vì bỏ đây đến kia nên nói là *luân*. Nghĩa là bỏ khổ đến tập, cho đến bỏ diệt đến đạo.

Lại nữa, giống như bánh xe nên nói là *luân*. Như bánh xe xoay từ dưới lên trên, hay từ trên xuống dưới, bánh xe kiến đạo cũng như thế: Chuyển hẳn ở dưới đến trí ở trên, rồi lại chuyển tới hẳn.

Lại nữa, vì có nghĩa lên xuống trên dưới, nên nói là *luân*, như bánh xe từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới. Như vậy luân của kiến đạo duyên nơi cõi dục xong, duyên lên đệ nhất hữu. Duyên nơi đệ nhất hữu xong, duyên xuống cõi dục.

Lại nữa, vì hàng phục nơi chôn của đế vương nên nói là *luân*, như Thánh vương luân.

Hoặc nói tám chi học, Chuyển đến nơi tâm khác: Nghĩa là Tôn giả Cù Sa nói: Tám chi học được chuyển đến tâm người khác, gọi là chuyển pháp luân. Thế nên nói: Đức Như Lai chuyển pháp luân nơi trụ xứ của Tiên nhân thuộc thành Ba-la-nại. Do nghĩa này nên Đức Như Lai khác với hai thừa là Thanh văn, Phật-bích-chi, vì tự lực chuyển pháp luân. Tuy Tôn giả Câu Lô v.v... tự chuyển pháp luân, tự tu đạo, không phải người khác, nhưng do nhân duyên khai ngộ, nên nói Đức Thế Tôn chuyển pháp luân. Tuy khổ pháp nhãn khởi rồi chuyển, nhưng chỉ khi đạo tử trí khởi mới gọi là chuyển, do nơi xứ kia gồm đủ năm nhân duyên. Gọi là bỏ đạo đã từng có, được đạo chưa từng có. Kiệt dứt hết là được nhất vị, tức khắc được tám trí, cùng lúc tu mười sáu hành. Năm người như Câu Lô v.v... và tám vạn bốn ngàn chư thiên kiến đế. Do Câu Lô (A Nhã Kiều Trần Như) kiến đế trước nên dùng Câu Lô làm nhân duyên. Đức Thế Tôn và Tôn giả Câu Lô khởi tâm thế tục, địa thần nhận biết được, nên ở nơi Tôn Thiên đại lực nghe được, hết sức hoan hỷ, vì vốn thường bảo vệ. Địa thần ở gần cất tiếng xướng lớn, địa thần ở xa lần lượt tuyên cáo, không phải là tự lực của thấy biết, là tâm thường thắng, không phải là cảnh giới của tâm yếu kém. Như vậy là trong khoảng khắc, thiên thần ở hư không lần lượt xướng tiếng, cho đến cõi Phạm thiên. Không đến địa trên, vì tự địa ấy không có phần nhĩ thức.

Có thuyết cho: Do Phạm danh gọi là âm thanh của trời A-ca-nị-trá, nên tuy niệm niệm diệt nhưng vẫn nối tiếp nhau khởi, nên nói là âm thanh đến cõi Phạm thiên. Chuyển luân vương ra đời, dùng mười nghiệp đạo thiện giáo hóa dẫn dắt chúng sinh. Do mười nghiệp đạo thiện nên thọ báo nơi cõi dục. Vì thế âm thanh của Chuyển luân vương ra đời thấu đến trời Tha hóa tự tại. Vì chưa lìa dục, nên không đến nơi địa lìa dục.

Vì Phạm thiên khuyên thỉnh Đức Thế Tôn chuyển pháp luân, nên âm thanh vang đến Phạm thiên. Vì trời Tịnh cư khuyên phát thành tựu đạo vô thượng nên âm thanh vang tới trời Tịnh cư. Vì thành xứng nghiệp nên âm thanh có giới hạn.

Hỏi: Thế nào là Phạm luân?

Đáp:

*Phật nói đạo đầy đủ
Rộng lớn gọi Phạm luân
Đầy đủ Tề, Bức, Võng
Đổi trị phi phạm hạnh.*

Tất cả tám Thánh đạo, vì cùng nương dựa nơi sự rộng lớn nên gọi là Phạm luân.

Vì chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng kia không hoại, nên gọi là *Tề* (Tề là trục bánh xe).

Vì chánh kiến, chánh tư duy, chánh phương tiện đều dựa vào giới để lập và duyên rộng, nên gọi là *Bức* (Nan hoa).

Vì chánh niệm, chánh định gồm thâu những nan hoa là chánh kiến, chánh tư duy, chánh phương tiện, nên gọi là *Võng* (Vành bánh xe).

Phiền não gọi là phi phạm, vì là quả không yêu thích. *Đạo* là đổi trị phiền não phi phạm, nên gọi là *Phạm luân*.

Đã nói Phạm luân. Tám chi Hiền Thánh thành tựu về trai giới (Âm gốc là Ưu ba bà tổ, như phần tiếp sau giải thích) nay sẽ nói.

*Gọi Ưu ba bà tổ
Lúc thọ khác hai thuyết
Đầy đủ một ngày đêm
Oai nghi lìa trang sức.*

Ưu ba: Là cận (Gần). *Bà tổ:* Là trụ (Ở). Vì ở gần suốt đời nơi Tam-bà-la nên nói là *cận trụ* (Ở gần). *Tam* là đẳng (Cùng). *Bà la* là hộ (Giữ gìn), nghĩa là cùng gìn giữ hết thầy chúng sinh (Trong tất cả Kinh Luận, nói luật nghi, đều nên nói là cùng gìn giữ - Đẳng hộ). Thế nên nói là tùy theo tất cả chúng sinh, trụ nơi tâm từ, được luật nghi. Người kia nếu khởi suy nghĩ: Ở nơi đây thọ không ở nơi kia thọ thì không được luật nghi, do tâm bất tịnh nên thọ riêng là không được luật nghi, vì luật nghi lìa tăng giảm.

Thọ: Nghĩa là thọ nhận lấy, do tạo tác, nên không phải phát tâm mà được.

Thời (Lúc): Là nói lúc mặt trời xuất hiện mới thọ.

Khác: Là thọ nhận từ người khác. Từ nơi chúng sinh, tức không từ nơi số phi chúng sinh. Vì không ngôn thuyết, không phải trẻ con, không phải ngủ say, không phải si ám, không phải cuồng loạn, không hiểu trai pháp. Vì đây kia hòa hợp nên được thọ. Nếu bị phạm giới và phiền não khởi, người có thể nhận thấy lỗi, thì từ người ấy thọ nhận.

Hai cùng nói: Nghĩa là người trao và người nhận, cả hai đều nói. Người trao nói trước, người nhận theo đấy mà nói. Nếu người trao không nói, thì không thành sự truyền trao. Truyền trao không thành nên thọ nhận cũng không thành. Nếu người nhận không nói thì không thành thọ nhận. Vì không có nói là thọ nhận, không phải không nói mà tác nghiệp sinh. Tác nghiệp không sinh thì vô tác cũng không sinh. Vô tác không sinh thì không có công đức của thức khác

cùng sinh. Nếu cả hai người nơi một lúc cùng nói thì cũng không thành thọ nhận, vì không có truyền trao.

Đầy đủ: Nghĩa là tám chi Thánh thành tựu. Như Tỳ-kheo không đầy đủ luật nghi thì không phải là Tỳ-kheo. Ở đây cũng như vậy.

Một ngày, một đêm: Nghĩa là trai giới của phần thứ ba không có, nên có hai phần trai, như trước đã nói. Luật nghi trai thì được phần trai một ngày đêm. Luật nghi khác thì được phần trai suốt đời.

Oai nghi lia trang sức: Nghĩa là các thứ chuỗi ngọc, y phục là đồ trang sức đeo mang đều nên bỏ. Tuy lia trụ nơi oai nghi thọ, nhưng do trang sức là chân đứng của phóng dật, nên trụ nơi điều phục thì không phóng dật. Phóng dật là điều không nên làm mà làm. Phá bỏ oai nghi là không cung kính nên không được luật nghi. Lúc là huỳnh môn, thì huỳnh môn không hình, hai hình đều không sinh luật nghi. Vì sao? Vì tham dục tăng, vì không hổ thẹn tăng. Ở nơi nẻo người thì dựa vào ba phương, không phải phương khác. Do hiểu biết nhanh nhẹn. Về năm thứ nhân duyên thanh tịnh nơi phẩm Tu-đa-la đã nói.

Hỏi: Có bao nhiêu trai là chi thi la? Bao nhiêu là chi không phóng dật? Bao nhiêu là chi trì?

Đáp:

*Chi thi la có bốn
Chi không phóng dật một
Còn tức là chi trì
Chi trai tuệ đã nói.*

Bốn trai trước là chi thi la (Thi la Trung Hoa dịch là tu tập, cũng nói là chánh thuận nơi tam muội, cũng nói là mát mẻ, là ngủ yên), xả tánh tội vì là giới của tự tánh. Không uống rượu là chi không phóng dật. Uống rượu là chân đứng của phóng dật, khiến cho tâm thất niệm. Thế nên xa lìa những thứ kia gọi là chi không phóng dật.

Còn tức là chi trì: Nghĩa là giới tùy thuận. Có thuyết cho: Lìa bỏ ăn phi thời là trai, ngoài ra là chi trai.

Lại có thuyết nói: Lìa bỏ ăn phi thời là trai, cũng là chi trai, ngoài ra là chi. Như đấng kiến là đạo, cũng là chi đạo. Trạch pháp giác là giác, cũng là giác chi. Trai kia cũng như vậy. Nếu nói chín chi thì không đúng. Vì sao? Vì lìa bỏ giường cao rộng, cùng dùng hương hoa thoa nơi thân được lập chung một chi, vì đều cùng từ xứ trang sức khởi. Như già chết được lập chung một chi hữu, vì đều cùng chín muồi. Những thứ kia cũng như thế.

Hỏi: Lìa bỏ nói lưỡi hai chiều, nói lời thô ác, nói lời thù dật v.v... là lìa tánh tội, vì sao không lập luật nghi về trai?

Đáp: Vì khó giữ gìn, vì thường quen gần. Đối với người xuất gia hãy còn khó giữ, do thường hành, hưởng chi là người tại gia. Như vậy điều khó giữ là các oai nghi, trừ không uống rượu, những già tội khác cũng không lập chi trai.

Hỏi: Đã nhận biết là giới ác thiêu đốt, luật nghi về trai là phần thoa chiêm đàn, nay sẽ nói. Vì sao đã có đầy đủ luật nghi Ưu-bà-tắc rồi lại còn hoài nghi là cùng nhận thấy lỗi lầm đó. Nếu có người không đầy đủ luật nghi Ưu-bà-tắc, thì người Ưu-bà-tắc làm sao có đầy đủ luật nghi Sa-di để làm Sa-di? Nếu không vì sao lại nói Ưu-bà-tắc như một hành v.v..., đâu được nói là không phải không có nghĩa?

Đáp:

*Đủ luật Ưu-bà-tắc
Luật nghi Tỳ-kheo một
Do nghĩa thiếu giảm kia
Mâu-ni nói phần ít.*

Đủ luật Ưu-bà-tắc, Luật nghi Tỳ-kheo một: Nghĩa là có hai thuyết cho: Nói đầy đủ luật nghi Ưu-bà-tắc, gọi là Ưu-bà-tắc, chẳng

phải là không đầy đủ. Sa-di, Tỳ-kheo cũng như vậy. Như nói: Con tên là... quy y Phật Lương Túc tôn, quy y Pháp Ly Dục tôn, quy y Tăng Chư Chúng tôn. Con là Ưu-bà-tắc nên chúng biết trọn đời xả bỏ nghiệp chúng sinh, thọ quy y với tâm thanh tịnh. Tác bạch như vậy đến ba lần là được luật nghi Ưu-bà-tắc.

Hỏi: Việc trên đây chỉ mới là miệng tác bạch lia sát sinh làm sao được những luật nghi khác?

Đáp: Nên biết: Vì trừ v.v... nên nói con suốt đời xả bỏ nghiệp của chúng sinh v.v... như nhận lấy giới v.v..., vì trừ bỏ v.v... nên gọi là giới được giữ lấy. Những thứ khác cũng như vậy.

Lại nữa, xả bỏ nghiệp của chúng sinh nghĩa là xả bỏ chúng sinh của chính mình. Từ nay cho đến xả bỏ chúng sinh của chính mình để được thọ giới, trọn không hủy phạm.

Lại nữa, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa từ nơi xứ của chúng sinh có được. Người ấy nói như vậy: Kể từ hôm nay, con không giết hại chúng sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối. Để vâng giữ giới đó, nên không uống rượu. Vì thế trong tất cả già tội, việc lia bỏ uống rượu được kiến lập cho luật nghi Ưu-bà-tắc, do uống rượu là có đủ tất cả sự phóng dật, khiến mình rất khó giữ những giới điều đã thọ. Nên biết lia sự dâm người khác, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt, cũng nói như vậy.

Vì Thánh nhân kia đã từng trải nơi sự sống, vẫn còn cố nhận biết mà không nói vi phạm. Nếu nói, người Ưu-bà-tắc như không có một hành v.v... là không đúng. Thật ra, Ưu-bà-tắc có một hành v.v... được kiến lập.

Việc này là thế nào? *Do nghĩa thiếu giảm kia, Mâu-ni nói phần ít:* Đức Phật lấy người giữ giới thiếu để nói là phần ít nơi Ưu-bà-tắc. Ưu-bà-tắc giữ giới đủ kia, nếu giữ một, không giữ bốn, gọi là một hành. Nếu giữ hai, không giữ ba, gọi là phần ít. Các giới kia cũng

như vậy. Nghĩa là giới đã được phải khiến cho biết, vì người khác nói không phải là không có nghĩa.

Hỏi: Nếu người nào thọ luật nghi Ưu-bà-tắc hồi chín, mười tuổi. Về sau cưới vợ, lấy người con gái kia làm vợ, trước đó đã quan hệ với người nữ ấy thì có được luật nghi không? Nếu được thì sao không phạm giới? Nếu không được thì đâu được là không phải phần ít?

Đáp: Được chi, không phải là được đầy đủ. Không là xú dâm người khác, không được lìa xú phi phạm hạnh, là ngoài phận sự làm vợ rồi, không khởi sự dâm với người khác. Những gì không nên làm cũng như vậy.

Ưu-bà-tắc thọ nhận giới Sa-di, không xả giới Ưu-bà-tắc vẫn được giới Sa-di, vì lấy giới hơn để gọi tên, nên không gọi là Ưu-bà-tắc nữa. Nếu lúc Sa-di kia hoàn tục, nói tôi làm Ưu-bà-tắc, tức nên chứng biết là Ưu-bà-tắc. Nếu khác thì nên thọ lại luật nghi Ưu-bà-tắc. Tỳ-kheo cũng như vậy.

Đã nói luật nghi. So sánh các loại luật nghi nay sẽ nói.

*Hai luật nghi hành diệp
Nghiệp đạo giải thoát đầu
Nói nghiệp và thi la
Bảy thứ tên như vậy.*

Khi hành luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, tức sát-na đó là vô tác, gồm có bảy thứ tên: Là luật nghi. Là luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa. Là hành diệp. Là nghiệp đạo. Là Ba-la-đề-mộc-xoa. Là nghiệp. Là thi la.

Do tất cả đều nhằm đối trị giới ác, nên gọi là Luật nghi. Vì đề phòng, ngăn giữ giới ác nhập vào bảy chúng, nên gọi là Luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa.

Đối với tất cả chúng sinh nhờ đây mà được làm các điều thiện, nên gọi là Hành diệu, do được quả đáng yêu thích. Vì tư duy, mong muốn về đạo, nên gọi là Nghiệp đạo, do tư duy, mong muốn đều từ đạo kia chuyển.

Vì tùy thuận giải thoát của nghiệp đạo ban đầu, nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, do tùy thuận tâm từ của tất cả chúng sinh mà được. Nghiệp là làm, vì đã khởi hành tác. Nói là tư duy thì không đúng, nên nói là Ba-la-đề-mộc-xoa. Do đây nên biết cũng không phải là ba nghiệp đạo sau. Thi la là nghĩa thuận thiện, vì khởi tâm không hại. Về sau các thứ vô tác có năm loại tên, trừ Ba-la-đề-mộc-xoa và nghiệp đạo. Trừ Ba-la-đề-mộc-xoa là vì không phải trước. Trừ nghiệp đạo là vì khởi ở nghiệp, sau khi suy nghĩ, mong muốn.

Đã nói so sánh tên loại của luật nghi. Là thân, nghiệp của thân, thành tựu, không thành tựu, nay sẽ nói.

*Thành tựu thân phi nghiệp
Hoặc nói nghiệp phi thân
Hoặc có thân, nghiệp hợp
Hoặc cũng nói không hợp.*

Thành tựu thân phi nghiệp: Nghĩa là hoặc có người phạm phũ ở trong thai, noãn, dưới dạng Ca-la-la, màng bao bọc khối thịt bào thai chắc dày. Thân trước tạo xong, việc xả thân này chưa thành tựu, nên chưa khởi hành tác, không có tâm thô hiện ở trước. Tâm thô hiện ở trước thì có thể khởi thân nghiệp, nhưng tâm vi tế kia hiện ở trước. Như vậy, hướng trong hướng ngoài, việc trong việc ngoài đều nên biết.

Lại nữa, vì khổ gây bức bách trong phần kia, nên không thể chuyển động, làm sao có thể khởi hành tác. Nếu sinh nơi cõi dục, không trụ nơi luật nghi, cũng không phải ở xứ không luật nghi, thì thân không tạo tác. Hoặc ngủ, hoặc điên cuồng, hoặc say, không

cầu, không có phương tiện xả để tạo nhân duyên (Đã nói trong phẩm Nghiệp).

Hoặc nói nghiệp phi thân: Nghĩa là Thánh nhân sinh nơi cõi vô sắc, Thánh nhân đó thành tựu đạo cùng thân nghiệp, không phải là thân, vì sắc kia không có phần.

Hoặc có thân, nghiệp hơn: Nghĩa là Thánh nhân ở dạng Ca-la-la, khối thịt có màng bao bọc dày chắc trong thai mẹ. Nếu sinh nơi cõi dục, ở luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, thiền vô lậu. Trụ nơi không luật nghi, không trụ luật nghi, cũng không phải thân không luật nghi mà có tạo tác. Có tạo tác thì không mất. Nếu sinh nơi cõi sắc thì các thân sắc này là ở chỗ chúng sinh. Về thân nghiệp, hoặc có thuyết cho là luật nghi, hoặc nói là không luật nghi, hoặc không xả tạo tác.

Hoặc cũng nói không hợp: Nghĩa là phàm phu ở cõi vô sắc không phải là thân, vì không có sắc, không phải là thân nghiệp phàm phu. Khẩu nghiệp cũng như vậy.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn thứ nhập thai. Bốn thứ ấy là thế nào?

Đáp:

*Là nhập không chánh tri
Và trụ cùng xuất thai
Cho đến nhập chánh tri
Trụ xuất cũng lại thế.*

Chúng sinh ít phước kia, vào thai mẹ, từ tưởng điên đảo, chuyển sang hiểu biết điên đảo. Đó gọi là gió thổi, mưa rơi, lạnh lẽo, cực kỳ tăm tối, có nhiều thứ âm thanh nhiễu loạn. Vào đám hoa, trong rừng hay trong hang cỏ, hang hoa, dưới cây, giữa tường. Ở trong thai mẹ cũng có tưởng điên loạn và cũng hiểu biết điên đảo, chỗ nhận thấy như trước đã nói. Lúc ra khỏi thai, cũng có tưởng và hiểu biết điên đảo về những gì đã trông thấy như trước.

Chúng sinh có nhiều phước, lúc vào thai, tức được trông thấy vườn rừng, ao tắm, cung điện, nhà cửa, lầu gác, đang ngồi kiết già đơan nghiêm. Ngoài ra, như trước đã nói. Đây gọi là nhập thai thứ nhất.

Nhập thai thứ hai là tự nhận biết mình nhập thai, không có tưởng điên đảo, không hiểu biết điên đảo, khi trụ và ra khỏi thai thì điên đảo như trước đã nói.

Nhập thai thứ ba nghĩa là tự nhận biết ta đã vào thai như vậy, ở trong thai như vậy, nhưng lúc ra khỏi thai thì điên đảo, như trước đã nói.

Nhập thai thứ tư nghĩa là tự nhận biết ta đã nhập thai như vậy, lúc trụ nơi thai, tự nhận biết ta ở trong thai như vậy, lúc xuất thai, cũng tự nhận biết ta đã ra khỏi thai như vậy.

Hỏi: Các cách nhập thai ấy là nói ở những người nào?

Đáp:

*Người đầu nghiệp bất tịnh
Cũng lại không cầu trí
Trong hai đều thành một
Thứ tư đều thành tựu.*

Người thứ nhất kia là người có nghiệp thiện không thanh tịnh, cũng không cầu trí. Người thứ hai có nghiệp thanh tịnh nhưng không cầu trí. Người thứ ba cầu trí nhưng nghiệp không thanh tịnh. Người thứ tư đều cùng được thành tựu.

Lại nói: Người thứ nhất nhập thai là tất cả chúng sinh. Người thứ hai là Chuyển luân vương. Người thứ ba là Phật-bích-chi. Người thứ tư là Đức Như Lai.

Hỏi: Tu-đà-hoàn có nghiệp bất thiện chăng? Nếu có vì sao không bị đọa nơi nẻo ác? Nếu không thì tức nên lìa dục, người lìa dục thì không có điều ấy?

Đáp:

*Người trụ ở quả đầu
 Một thứ nghiệp bất tịnh
 Nhưng không đọa nẻo ác
 Vì nghiệp không đầy đủ.*

Tu-đà-hoàn chỉ có tu đạo đoạn trừ nghiệp bất tịnh, không có kiến đạo đoạn trừ nghiệp, vì không có sự đối nên không bị đọa nơi nẻo ác, tức gồm đủ không gồm đủ. Ví như chiếc xe có đủ hai bánh mới có thể chuyển vận. Một bánh hư hoại thì không thể kham nổi. Tu-đà-hoàn kia cũng như vậy. Ví như chim bay cũng thế. Người ngu bị đọa nẻo ác không phải là người trí. Phạm phu bị đọa nẻo ác không phải là Thánh nhân. Kẻ phạm giới bị đọa nẻo ác không phải là người giữ giới. Kẻ có tâm xấu ác bị đọa nẻo ác không phải là người có tâm thiện, như nơi phẩm Tu-đà-la đã nói. Về thức ăn nơi phẩm Trạch sẽ nói.

*Bốn cách ăn cõi dục
 Bốn nẻo sinh cũng vậy
 Ba cách, hai cõi trên
 Đoạn thực kia không có.*

Bốn cách ăn cõi dục: Nghĩa là ở cõi dục có bốn cách ăn.

Bốn nẻo sinh cũng vậy: Tức nơi năm nẻo với bốn loài sinh cũng có bốn cách ăn. Trong địa ngục: Nước đồng sôi với những viên sắt nóng, tuy còn thêm là các khổ hư hoại, nhưng vì đói khát nên gọi là ăn. Và như gió lạnh buốt chạm vào thân cũng gọi là ăn.

Ba cách, hai cõi trên, Đoạn thực kia không có: Tức là cõi sắc, cõi vô sắc không có đoạn thực, vì thân rất nhẹ nhàng, vì không có sắc.

Hỏi: Trong các nẻo, mỗi mỗi nẻo có những cách ăn nào tăng?

Đáp:

*Ở nẻo ngạ quỷ kia
 Tăng cách ăn ý tư*

*Và loài sinh từ trứng
Ba vô sắc cũng vậy.*

Ở nẻo ngã quý kia, Tăng cách ăn ý tư: Nghĩa là nơi nẻo ngã quý, ý tư thực tăng vì nơi ấy ý hành là tối đa.

Và loài sinh từ trứng: Nghĩa là nơi loài đó cũng tăng cách ăn bằng ý tư thực, vì loài sinh từ trứng luôn nhớ nghĩ đến mẹ, nên không bị thối rữa.

Ba vô sắc cũng vậy: Nghĩa là trừ xứ phi tướng phi phi tướng, ba xứ vô sắc còn lại cũng tăng ý tư thực, vì ý hành là nhiều.

*Thai sinh tăng đoạn thực
Là nói trong nẻo người
Địa ngục tăng thức thực
Đệ nhất hữu cũng vậy.*

Thai sinh tăng đoạn thực, Là nói trong nẻo người: Nghĩa là ở nơi nẻo người, sinh bằng thai thì tăng cách ăn là đoạn thực, vì cách ăn này tăng nhiều, vì đoạn thực (Cách ăn phân ra từng phần) là để gìn giữ thân.

Địa ngục tăng thức thực, Đệ nhất hữu cũng vậy: Nghĩa là địa ngục tăng thức thực, vì thức giữ lấy danh sắc. Nơi xứ phi tướng phi phi tướng cũng tăng thức thực, do thức giữ lấy danh.

*Trời dục như nẻo người
Cõi sắc tăng xúc thực
Cùng với nẻo súc sinh
Thấp sinh cũng như vậy.*

Trời dục như nẻo người: Nghĩa là các trời thuộc cõi dục thì đoạn thực tăng.

Cõi sắc tăng xúc thực: Nghĩa là các trời thuộc cõi sắc thì xúc thực tăng, do thọ nhận tu thiên.

Cùng với nẻo súc sinh, Thấp sinh cũng như vậy: Nghĩa là trong nẻo súc sinh, thấp sinh thì xúc thực tăng. Nghĩa gìn giữ là nghĩa ăn. Như giữ cho chiếc bình được đứng vững không bị hoại. Như vậy dùng thức ăn để giữ gìn thân, thân không bị hoại, lôi kéo đến hữu, nên nói là ăn.

Hỏi: Nếu như vậy thì hết thấy pháp hữu lậu đều là ăn, vì lôi kéo dẫn đến hữu?

Đáp: Vì tăng thượng nên nói là lực, vì có thể lôi kéo đến hữu nên nói là ăn. Do có hai sự nên gọi là ăn: Trước là phương tiện dẫn dắt. Dẫn dắt xong lại nuôi lớn.

Hỏi: Vì sao chỉ nói bốn cách ăn?

Đáp: Về việc này không nên hỏi, vì tất cả là khó khởi phát, chỉ tùy ở số lượng có sự thích hợp nên nói là bốn. Như cách đoạn thực kia, vì nuôi lớn bốn đại của các căn nên nói là ăn. Tiếp xúc để nuôi lớn tâm tâm pháp nên cũng nói là ăn. Ý tư để nuôi lớn hữu của vị lai nên nói là ăn. Thức vì nuôi lớn danh sắc nên nói là ăn. Thế nên nói có bốn cách ăn.

Hỏi: Nếu người quy y Phật, Pháp, Tăng (Tam bảo tiếng Phạn là Phú hộ – tức che chở, cứu giúp. Quy y nghĩa là hướng về, nên nói là quy hướng Phật, tức được Phú hộ. Pháp, Tăng cũng như vậy) là quy hướng ở đâu? Mỗi Tam bảo đều có hai thứ. Phật có hai thứ thân: Sinh thân và Pháp thân. Pháp cũng có hai thứ: Pháp đệ nhất nghĩa Niết-bàn và tất cả pháp vô ngã. Tăng cũng có hai hạng: Đệ nhất nghĩa Tăng và Đẳng Tăng. Vậy quy y những ai?

Đáp:

*Quy y chư Phật kia
 Chỗ được pháp vô học
 Niết-bàn, pháp vô thượng
 Tăng pháp học, vô học.*

Chư Phật đã thành tựu pháp vô học, gọi là Phật. Quy nghĩa là trở về với pháp vô học do Phật đã đạt được, gọi là quy y Phật. Không trở về với Phật, đã thành tựu các pháp hữu lậu như vô tránh v.v..., vì tự tánh không giải thoát. Do đây nên biết là cũng loại trừ sinh thân.

Nếu nói: Đối với Đức Như Lai, khởi tâm ác, đả thương chân Phật khiến chảy máu mà không mắc tội vô gián là không đúng. Vì sao? Vì khởi tâm ác nghĩa là đối với Phật đã đạt được pháp vô học lại khởi tâm ác, gây thương tích nơi chân tức nên mắc phải tội vô gián.

Lại nữa, làm hư hoại công đức vô học mà Phật đã đạt được, là làm hư hoại chỗ nương dựa. Chỗ nương dựa đã hoại thì người nương dựa cũng hoại. Như chiếc bình bể, thì sữa cũng chảy cạn.

Quy y nơi ái tận gọi là quy Pháp, vì là thiện, vì là thường còn. Nên biết trừ các pháp khác, vì các pháp khác không phải là thiện và không thường còn.

Quy y Tăng là quy y những người đã được pháp học, vô học, gọi là quy Tăng. Không quy y Tăng đã thành tựu pháp phi học phi vô học và sinh thân, do là hữu lậu. Cũng không phải là Đẳng Tăng, vì có thể hư hoại.

Hỏi: Quy y dùng gì làm tự tánh?

Đáp: Có thuyết cho: Dùng khẩu nghiệp làm tự tánh, vì lời nói đã kết hợp. Có thuyết cho: Cũng dùng thân nghiệp, khẩu nghiệp làm tự tánh. Là tự tánh của giới.

Hỏi: Quy y có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa che chở cứu giúp là nghĩa của quy y. Nghĩa an ủi là nghĩa của quy y. Do nhân duyên này nên nói là quy y. Thọ nhận môn luật nghi ấy, phẩm Tu-đa-la nói có bốn lời nói tịnh không hoại. Phẩm Trạch nên nói rộng, nay sẽ nói.

*Đạo Duyên giác, Bồ-tát
Cùng với ba chân đế
Nơi đó tin không cầu
Là pháp tịnh không hoại.*

Phật-bích-chi đã được ba căn và quyền thuộc. Đạo của tất cả Bồ-tát đã tu hành cùng khổ, tập, diệt đế, duyên nơi các pháp này, khởi tín vô lậu, đó gọi là pháp duyên không hoại. Tịnh không hoại và duyên hoại sẽ nói ở sau.

*Theo giới thanh tịnh sinh
Phật, Tăng như nói quy
Sự này có hai thứ
Nói có bốn thứ danh.*

Theo giới thanh tịnh sinh: Nghĩa là vô lậu tùy theo nghiệp thân, miệng sinh, là giới được bậc Hiền Thánh tôn trọng, đó gọi là giới tịnh không hoại.

Phật, Tăng như nói quy: Nghĩa là Phật và Tăng, nên biết là như trước đã nói về quy y. Người kia duyên Pháp Phật theo tín vô lậu, là duyên nơi tịnh không hoại ở Phật, tín vô lậu nơi pháp của Tăng, là tịnh không hoại ở Tăng. Nếu duyên nơi pháp vô lậu của Phật đã được và pháp học của Bồ-tát đã đạt được, đó gọi là tịnh không hoại của pháp duyên hoại. Như vậy, duyên nơi pháp của Phật, Phật-bích-chi, pháp Thanh văn, cho đến tất cả pháp học, vô học, đó cũng gọi là tịnh không hoại của pháp duyên hoại.

Hỏi: Tịnh không hoại có bao nhiêu sự?

Đáp: *Sự này có hai thứ:* Nghĩa là tín và giới. Tín là tâm tịnh. Giới là bốn đại tịnh.

Nói có bốn thứ danh: Nghĩa là vì duyên sự kiến lập nên có bốn. Do tín duyên riêng là ba thứ. Biết tịnh nghĩa là hoặc biết, hoặc được, hoặc gìn giữ thanh tịnh.

Hỏi: Nhận biết về những gì?

Đáp: Là bốn chân đế. Lại có thuyết cho là tịnh không hoại, như trưởng giả Thủ La. Lại nữa, vì dũng mãnh nên không đoạn. Có người cho là tịnh không hoại, như trưởng giả Y. (Hai vị trưởng giả này đều được đạo đầu tiên, ma không thể phá hoại, không thể dứt trừ, đều dựa vào mình, tự nói là danh)

Hỏi: Thế nào là thứ lớp?

Đáp: Phật nhận biết tịnh ở trước. Phật là căn bản vì thế nên nói.

Hỏi: Phật có khả năng gì?

Đáp: Giác ngộ về pháp.

Hỏi: Ai gìn giữ pháp?

Đáp: Tăng.

Hỏi: Tăng kia thế nào là được một vị?

Đáp: Thánh giới.

Lại nữa, người có thể thuyết giảng là Phật. Thuyết giảng những gì? Tức là Pháp. Vì ai mà nói? Là Tăng. Ai giữ gìn pháp? Là giới.

Lại nữa, vị lương y là Phật, thuốc chữa bệnh là Pháp, người xem bệnh là Tăng, thuốc là Thánh giới. Đó gọi là nói theo thứ lớp.

Người kia đối với khổ, tập đế và căn phẩm hạ, ở nơi đạo đế có một nhân duyên được tịnh không hoại, tức là tín. (Ba căn đối với khổ, tập đều sinh khởi tín, chán lìa, đó là căn phẩm hạ, đối với đạo chưa có thể yêu thích, chỉ có tín)

Người kia đối với diệt đế và căn phẩm trung, thượng, ở nơi đạo đế có hai nhân duyên được tịnh không hoại, là tín và ưa muốn. (Ba căn đối với diệt thấy đều ưa muốn căn trung thượng, đối với đạo mới có thể có đủ ưa muốn và tín).

Phẩm Tu-đa-la nói về quả Sa-môn, phẩm Trạch nên nói rộng nay sẽ nói.

*Gọi là quả Sa-môn
Vô vi cũng hữu vi
Quả học hữu vi ba
Quả vô học thứ tư.*

Hai thứ quả Sa-môn: Hữu vi và vô vi. Quả học hữu vi có ba, quả vô học hữu vi là thứ tư. Tất cả vô vi đều là phi học phi vô học.

*Thánh nhân tám mươi chín
Quả Sa-môn vô vi
Cũng nói nơi hữu vi
Tất cả đạo Sa-môn.*

Tám nhẫn của kiến đạo kia, là tám trí của Sa-môn, là quả hữu vi của Sa-môn. Tám thứ phiền não được đoạn là quả vô vi của Sa-môn. Tu đạo lia dục của cõi dục nơi chín đạo vô ngại là chín đạo giải thoát của Sa-môn, là quả hữu vi của Sa-môn. Đoạn chín thứ phiền não là quả vô vi của Sa-môn. Như vậy cho đến xứ phi tướng phi phi tướng lia dục đều nên biết. Vì hiện bày chỉ rõ, nên Đức Thế Tôn nói bốn. Do nơi xứ này có đủ năm nhân duyên, đó là: Bỏ đạo đã từng được, được đạo chưa từng được, kiết đã hết, được một vị giải thoát, được tức thì tám trí, một lúc tu mười sáu hành. Do nơi xứ này mà đạo được quyết định và quyết định rất ráo. Nếu đoạn là đoạn những gì đã làm và những gì đã làm rất ráo.

Hỏi: Từng có trong khoảng một niệm, một trí nhận biết tất cả pháp chẳng?

Đáp: Không. Vì sao?

*Tuy biết tất cả không
Nhưng chẳng biết tất cả*

*Trừ chỗ cùng tương ưng
Tự tánh cũng như thế.*

Nếu trí này sinh nhận biết tất cả pháp không và vô ngã nhưng không nhận biết tự tánh của chính mình, không tự quay nhìn lại, như đầu ngón tay không tự tiếp xúc. Trí này cũng như vậy. Lại, không có hai quyết định, không có một trí có hai quyết định. Tự nhận biết, nhận biết người khác, cũng không nhận biết được cái chung của pháp tương ưng. Vì một hành, một duyên, nên tất cả pháp của phẩm tương ưng đều đồng hành, đồng duyên, không nhận biết pháp cộng hữu, một quả, nên đồng quyết định chuyển. Văn tuệ, tư tuệ của trí này không phải là tu tuệ. Vì sao? Vì tu tuệ là duyên của phần đoạn, thế nên nói là cõi dục, cõi sắc, do cõi vô sắc không có phần văn, tư.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ đối trị?

Đáp:

*Gọi là đoạn đối trị
Hoại trị cùng viễn phần
Bốn thứ này nên biết
Gọi là loại đối trị.*

Có bốn thứ đối trị: Đoạn đối trị, hoại đối trị, trì đối trị và viễn phần đối trị.

Đoạn đối trị: Nghĩa là đạo vô ngại đoạn trừ phiền não mà được.

Hoại đối trị: Nghĩa là ở trong duyên tạo nên hành vượt hơn, tức là vô thường, khổ, không, phi ngã v.v... So sánh như vậy.

Trì đối trị: Nghĩa là cùng đoạn trừ phiền não nên được hợp. Tức là đạo giải thoát và về sau, các đạo khác cũng cùng với phiền não được đoạn nên được hợp.

Viễn phần đối trị: Nghĩa là đạo giải thoát đứng đầu, được khổ pháp nhãn là do kiến khổ đoạn trừ phiền não. Dùng đoạn đối trị và

hoại đối trị, đối với các pháp hệ thuộc cõi dục kia thì dùng hoại đối trị. Nếu ái của cõi dục hết, vượt lên ly sinh khổ pháp nhãn, cũng là viễn phân đối trị.

Như vậy, tất cả đạo tùy theo nghĩa đó đều nên biết.

Phẩm Tu-đa-la nói về nghĩa tu, phẩm Trạch nên nói rộng, nay sẽ nói.

*Đầu đắc hoặc tập hành
Đối trị cùng tu đoạn
Nên biết bốn thứ này
Được gọi là nghĩa tu.*

Bốn thứ tu: Tu đắc, tu tập, tu đối trị, tu đoạn.

Tu đắc: Nghĩa là mới được pháp chưa từng được là công đức hữu vi. Tu tập: Nghĩa là từng được pháp thiện và nối tiếp sinh. Tu đối trị: Nghĩa là tu bốn thứ đối trị, gọi là tu đối trị, là đạo đối trị chống lại pháp hữu lậu. Tu đoạn: Nghĩa là đoạn trừ phiền não. Tu đạo là nghĩa đoạn trừ phiền não đạt được. (Trên là lấy chủ thể đối trị và chủ thể đoạn làm tu. Nay lấy đối tượng đối trị và đối tượng đoạn làm tu, dựa vào bốn trường hợp sau, có thể nhận biết).

Có pháp tu đắc và tu tập, không phải là tu đối trị, tu đoạn, nên nêu ra bốn trường hợp: (1) Pháp hữu vi vô lậu. (2) Pháp bất thiện, pháp hữu vi vô ký. (3) Pháp hữu lậu thiện. (4) Pháp vô vi.

Có thuyết cho: Có sáu thứ tu: Gồm bốn thứ tu trước và tu phân biệt, tu phòng hộ. Tu phân biệt: Nghĩa là như Tu-đa-la nói: Nên phân biệt những thứ như tóc, lông, móng tay, răng trên thân này, so sánh như vậy. Tu phòng hộ: Nghĩa là căn, như đã nói nên khéo điều phục sáu căn, nói rộng như vậy. Như thế là tốt đẹp, nghĩa là bốn thứ tu như trước đã nói. Hai thứ tu sau này thuộc về tu đoạn, tu đối trị.

Đã nói về tướng quyết định của kiến đạo, tu đạo. Về nghĩa sai biệt của kiến đạo, tu đạo, nay sẽ nói.

*Phiền não thông ba cõi
 Nếu kiến đoạn hai thứ
 Hai đoạn tức ba thứ
 Cùng kiến đạo hành trước.*

Nếu phiền não hệ thuộc ba cõi, do kiến đạo đoạn, đó là năm kiến và nghi. Kiến đạo này với hai thứ hành trước. (Năm kiến, nghi, nhất định do kiến đạo đoạn trước, so với việc dứt trừ ái mạn, vô minh và kiến đều cùng diệt. Thật ra, tuy chưa hết phiền não, nhưng gọi là đều gồm thâm theo kiến mang tên, gọi là hành trước. Tu đạo là sau, vì không đợi kiến đạo, nên tu đạo hành trước). Hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do kiến đạo, tu đạo đoạn.

Thế nào là kiến đạo đoạn? Nếu kiết hệ thuộc nơi xứ phi tướng phi phi tướng, thì tùy tín hành, tùy pháp hành dùng vô gián nhẫn đoạn trừ. Sự hệ thuộc nơi xứ phi tướng phi phi tướng kia, đó là lấy định của địa để nói. Tùy tín hành, tùy pháp hành, đó là lấy định của người để nói. Vô gián nhẫn, đó là lấy định đối trị để nói. Đoạn trừ là lấy định của đối tượng tạo tác để nói.

Thế nào là kiến đạo, tu đạo đoạn? Đó là nói về tám địa. Nếu phàm phu đoạn là do tu đạo đoạn. Nếu Thánh nhân đoạn là do kiến đạo đoạn.

Hỏi: Vì sao phàm phu đoạn trừ phiền não hoàn toàn là tu đạo?

Đáp: Vì phàm phu không thể từng bộ phận xả bỏ phiền não, như kiến đạo đoạn như vậy, tu đạo đoạn như vậy. Lại nữa, phàm phu không thể dùng một thứ đạo đoạn trừ chín thứ phiền não. Nếu năm thứ của ba cõi nghĩa là ái, mạn, vô minh, thì kiến đạo này đã hành ba thứ trước, hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc do kiến đạo, tu đạo cùng đoạn. Nếu phiền não kia hệ thuộc xứ phi tướng phi

phi tướng, thì tùy tín hành, tùy pháp hành dùng vô gián nhẫn đoạn là kiến đạo đoạn trừ. Nếu học kiến tích của chín địa dùng tu đạo đoạn thì do tu đạo đoạn. Trong tám địa còn lại, nếu phạm phu đoạn là do tu đạo đoạn. Nếu Thánh nhân đoạn là do kiến đạo đoạn.

Nếu phiền não cõi dục

Năm hành có hai thứ

Vì giới hạn tu kia

Nói tu đạo hành trước.

Nếu năm hành của cõi dục thì tu đạo kia hành trước hai thứ, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc do kiến đạo, tu đạo đoạn. Nếu học kiến tích tu dùng đạo đoạn thì do tu đạo đoạn. Ngoài ra, nếu phạm phu đoạn thì do tu đạo đoạn. Nếu Thánh nhân đoạn thì do kiến đạo đoạn. Do Thánh nhân kia quyết định đoạn trước, thế nên nói là hành trước.

Hỏi: Trước đây nói duyên, các duyên này hành tác vào lúc nào?

Đáp:

Duyên thứ đệ tạo tác

Nói pháp kia lúc sinh

Duyên duyên đã tạo nghiệp

Pháp ấy nói khi diệt.

Duyên thứ đệ tạo tác, Nói pháp kia lúc sinh: Nghĩa là lúc sinh là vị lai, vì đều cùng có chuyển. Cũng nên nói lúc chuyển là lúc pháp kia sinh. Duyên thứ đệ là tạo nghiệp cùng với nghĩa xứ nên gọi là duyên thứ đệ. Pháp kia sinh nghĩa là được xứ. Nếu nói sắc và tất cả tâm bất tương ưng hành cũng được xứ tức sinh, nên nói duyên thứ đệ là không đúng, như nơi phạm sự hành kia đã nói.

Duyên duyên đã tạo nghiệp, Pháp ấy nói khi diệt: Nghĩa là khi pháp diệt, duyên duyên là tạo nghiệp, vì lúc pháp diệt là hiện tại, có thể thâm nhận cảnh giới, không phải là vị lai, vì chưa sinh khởi, cũng không phải là quá khứ, vì đã diệt.

*Ba nhân đã tạo nghiệp
Là lúc pháp kia sinh
Hai nhân đã tạo tác
Nên biết nói lúc diệt.*

Ba nhân đã tạo nghiệp, Là lúc pháp kia sinh: Nghĩa là lúc pháp sinh, có ba nhân tạo nghiệp. Đó là nhân tự phần, nhân nhất thiết biến và nhân báo. Vì sức của nhân tự phần, nên pháp sinh trông giống như đang nối tiếp nhau, thế nên lúc pháp sinh, nhân tự phần tạo nghiệp. Nhân nhất thiết biến, nhân báo đều tùy thuận để kiến lập pháp sinh, nên lúc pháp kia sinh là tạo nghiệp. Vì nói chung, nên nói lúc pháp sinh, ba nhân tạo nghiệp, trừ pháp vô lậu đầu tiên, ngoài ra là thiện, trừ báo, còn lại là vô ký không ẩn mất. Nhân tự phần tạo nghiệp nhiễm ô, nghĩa là nhân tự phần, nhân nhất thiết biến tạo nghiệp. Báo, nghĩa là nhân tự phần và nhân báo tạo nghiệp.

Hai nhân đã tạo tác, Nên biết nói lúc diệt: Nghĩa là lúc có duyên khi pháp diệt. Nhân tương ưng, nhân cộng hữu tạo nghiệp, do nghiệp đồng, vì một quả, pháp bất tương ưng nơi nhân cộng hữu thì không duyên. Duyên tăng thượng nghĩa là nơi tất cả thời đều trụ không chướng ngại, thế nên không nói, vì không đợi nói. Nhân sở tác cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là nơi tất cả chúng sinh tâm bình đẳng khởi, tâm bình đẳng trụ, tâm bình đẳng diệt, là không đồng nhau chăng? Sở dĩ hỏi như vậy vì chúng sinh có thân hoặc lớn, hoặc nhỏ, do thân lớn tức tâm lớn, thân nhỏ thì tâm nhỏ, hay tất cả đều ngang đồng?

Lại, chúng sinh đi đứng chậm nhanh, không đồng, vì đi chậm mà tâm chậm, đi nhanh nên tâm nhanh hay đều bằng nhau?

Lại nữa, chúng sinh hoặc có người yên tĩnh, tri giác như núi. Hoặc có kẻ không đứng yên mà lay động như bụi bay. Người tĩnh lặng nên tâm chậm, người động nên tâm nhanh, hay là đều như nhau?

Đáp:

*Tất cả loài chúng sinh
 Tâm khởi, trụ, diệt đồng
 Tương ưng cùng tham dục
 Không tương ưng cũng vậy.*

Tất cả loài chúng sinh, Tâm khởi, trụ, diệt đồng: Nghĩa là tâm của tất cả chúng sinh đều bình đẳng trong lúc khởi, lúc trụ, lúc diệt, không nhiều ít. Vì sao? Vì sát-na cũng không có lớn nhỏ. Vì không phải là sắc. Vì sự khác nhau của bốn đại đã khởi, nên thân có lớn nhỏ. Thân nhẹ nhàng thì nhanh chóng, thân nặng nhọc thì chậm chạp. Vì tâm chuyên với nhiều duyên, nên tức biết là lay động. Tâm dừng lại nơi một duyên thì sự nhớ nghĩ được yên tĩnh.

Tương ưng cùng tham dục, Không tương ưng cũng vậy: Nếu tâm có tham, không tham, tất cả tâm kia đều cùng khởi, đều cùng trụ và đều cùng diệt. Vì sát-na tâm tham không tạo nghiệp nên hiện ra nặng. Tâm không tham tạo nghiệp nên hiện ra nhẹ, cho đến có giải thoát, không giải thoát đều nên biết. Có tham, không tham, như nơi phẩm Giới đã nói.

Hỏi: Đã nói phân có tâm. Tất cả tâm của chúng sinh đều cùng khởi, đều cùng trụ, đều cùng diệt. Còn phân không tâm thì thế nào? Nghĩa là người nhập chánh thọ vô tướng, diệt tận, tâm này diệt, tâm của chúng sinh khác khởi, trở lại từ định biết tâm này sinh, tâm của chúng sinh khác diệt. Như thế là thế nào?

Đáp: Nên biết ở đây nói có tâm là đúng, vì người không tâm cũng đồng. Nghĩa là người nhập chánh thọ của vô tướng, diệt tận, tâm của chúng sinh khác kia khởi, chánh thọ ban đầu này cũng khởi trong sát-na. Lúc nhận biết từ định, tâm của chúng sinh khác diệt, từ đây về sau chánh thọ cũng diệt. Nếu lúc trụ nơi định, tâm của chúng sinh khác cũng khởi, cũng diệt, tức chánh thọ này cũng khởi, cũng diệt.

Lại có thuyết nói: Tất cả tâm khởi, bất tất đồng, hoặc có tâm khởi không diệt, nên nêu ra bốn trường hợp: (1) Từ chánh thọ vô tướng, diệt tận khởi. (2) Lúc nhập chánh thọ. (3) Người có tâm. (4) Lúc trụ nơi chánh thọ. Ở đây không có nhỏ, lớn, vì không có hình.

Đã nói các tâm khởi, diệt. Về nghĩa tâm rộng nay sẽ nói.

*Trong cõi dục có bốn
Sắc, vô sắc đều ba
Cùng tâm học, vô học
Nói đây sinh thứ lớp.*

Trong cõi dục có bốn, Sắc, vô sắc đều ba, Cùng tâm học, vô học: Nghĩa là có mười hai tâm, đó là: Tâm thiện, tâm bất thiện, tâm vô ký ẩn mất, tâm vô ký không ẩn mất thuộc cõi dục. Tâm thiện, tâm vô ký ẩn mất, tâm vô ký không ẩn mất thuộc cõi sắc. Cõi vô sắc cũng như vậy. Cùng tâm học, tâm vô học.

Hỏi: Mười hai tâm này được kiến lập như thế nào?

Đáp: Kiến lập theo sự hệ thuộc hay không hệ thuộc về cõi, chủng loại. Hệ thuộc và không hệ thuộc kiến lập hai tâm. Hệ thuộc nghĩa là cõi, chủng loại phân biệt lập mười tâm. Không hệ thuộc nghĩa là chủng loại phân biệt lập hai tâm. Thế nên nói là mười hai tâm.

Nói đây sinh thứ lớp: Nghĩa là các tâm này, mỗi mỗi tâm đều theo thứ lớp sinh. Các tâm ấy nay sẽ nói.

*Cõi dục thiện sinh chín
Cũng lại từ tám khởi
Hai cấu uế sinh bốn
Cũng từ mười tâm sinh.*

Cõi dục thiện sinh chín: Nghĩa là tâm thiện của cõi dục theo thứ lớp sinh chín tâm. Vì cõi dục có bốn tự địa. Tâm thiện của cõi sắc, tức

là phương tiện ban đầu khi nhập chánh thọ, tùy thuận tâm thiện kia. Đây là nói chung, không phải cõi sắc mà là tất cả.

Có thuyết cho: Thiện vị lai gồm thân không phải thiện khác. Lại nói: Vị lai và thiện thứ nhất. Lại còn nói là thiện trung gian. Tôn giả Cù Sa nói: Cho đến thiện thứ hai, như vượt qua khỏi chánh thọ, từ thiện thứ nhất khởi, vượt lên thiện thứ hai và quyên thuộc, thiện thứ ba hiện ở trước. Ở đây cũng như vậy. Tâm cấu uế của cõi sắc, nghĩa là lúc thọ sinh, tâm thiện này mạng chung, tâm cấu uế kia nối tiếp nhau sinh. Tâm cấu uế của cõi vô sắc cũng như vậy. Và tâm học, vô học, tâm ấy cũng tùy thuận. Tâm vô ký không ẩn mất của cõi sắc, cõi vô sắc không theo thứ lớp hiện ở trước, vì tâm bị ràng buộc nơi địa của nó. Tâm thiện của cõi vô sắc cũng không hiện ở trước, vì rất xa nhau.

Tâm thiện này, *Cũng lại từ tám khởi*: Nghĩa là tâm thiện của cõi dục cũng từ tám tâm theo thứ lớp sinh. Vì cõi dục có bốn tự địa. Thiện và cấu uế của cõi sắc, thì tâm thiện như trước đã nói, còn cấu uế đó là phiền não của địa thiện thứ nhất đã gây bức não, tức phải dựa vào tâm thiện của cõi dục để phòng giữ, nên từ tâm học, vô học khởi, tâm thiện của cõi dục mới hiện ở trước.

Hai cấu uế sinh bốn: Nghĩa là tâm bất thiện của cõi dục và tâm vô ký ẩn mất theo thứ lớp sinh bốn tâm ở cõi mình, không phải địa trên, vì cùng trái nhau.

Cũng từ mười tâm sinh: Nghĩa là hai thứ tâm nhiễm ô của cõi dục kia theo thứ lớp của mười tâm sinh, bốn sắc của cõi mình. Cõi vô sắc có sáu, tức là lúc thọ sinh.

*Vô ký tiếp sinh bảy
Cũng lại từ năm khởi
Thiện cõi sắc mười một
Cũng từ chín tâm sinh.*

Vô ký tiếp sinh bảy: Nghĩa là tâm vô ký không ẩn mất của cõi dục theo thứ lớp sinh bảy tâm. Tụ cõi bốn, thiện cõi sắc, đó là tâm biến hóa, theo thứ lớp sinh tâm vô ký ẩn mất, nghĩa là lúc thọ sinh. Cõi vô sắc cũng có tâm vô ký ẩn mất.

Cũng lại từ năm khởi: Tức tâm vô ký không ẩn mất của cõi dục từ năm tâm theo thứ lớp sinh. Tụ cõi bốn, thiện cõi sắc, theo thứ lớp sinh, nghĩa là tâm biến hóa.

Thiện cõi sắc mười một: Nghĩa là tâm thiện của cõi sắc theo thứ lớp sinh mười một tâm, trừ tâm vô ký không ẩn mất của cõi vô sắc.

Cũng từ chín tâm sinh: Nghĩa là tâm thiện của cõi sắc từ chín tâm theo thứ lớp sinh, tức trừ hai tâm cấu uế của cõi dục và tâm vô ký không ẩn mất của cõi vô sắc.

*Cấu uế cõi sắc sáu
Cũng từ tám tâm khởi
Vô ký tiếp sinh sáu
Từ ba thứ lớp sinh.*

Cấu uế cõi sắc sáu: Nghĩa là tâm vô ký ẩn mất của cõi sắc theo thứ lớp sinh sáu tâm: Tụ cõi ba, cõi dục ba, trừ tâm vô ký không ẩn mất của cõi dục.

Cũng từ tám tâm khởi: Nghĩa là tâm vô ký ẩn mất của cõi sắc, từ tám tâm theo thứ lớp sinh, trừ hai tâm cấu uế của cõi dục và hai tâm vô lậu.

Vô ký tiếp sinh sáu: Nghĩa là tâm vô ký không ẩn mất của cõi sắc theo thứ lớp sinh sáu tâm: Tụ cõi có ba, cõi dục có hai tâm cấu uế và tâm cấu uế cõi vô sắc.

Từ ba thứ lớp sinh: Nghĩa là từ ba tâm của tụ cõi theo thứ lớp sinh.

*Thiện vô sắc sinh chín
Cũng từ sáu tâm khởi*

Tâm cầu uế sinh bảy
Kia cũng từ bảy sinh.

Thiện vô sắc sinh chín: Nghĩa là tâm thiện của cõi vô sắc theo thứ lớp sinh chín tâm, trừ tâm thiện, tâm vô ký không ẩn mất của cõi dục và tâm vô ký không ẩn mất của cõi sắc.

Cũng từ sáu tâm khởi: Nghĩa là tâm thiện của cõi vô sắc cũng từ sáu tâm theo thứ lớp sinh: Tự cõi ba, cõi sắc có tâm thiện và hai tâm vô lậu.

Tâm cầu uế sinh bảy: Nghĩa là tâm cầu uế của cõi vô sắc theo thứ lớp sinh bảy tâm: Tự cõi ba, tâm thiện của cõi sắc cùng hai tâm cầu uế của cõi dục.

Kia cũng từ bảy sinh: Nghĩa là tâm vô ký ẩn mất của cõi vô sắc cũng từ bảy tâm theo thứ lớp sinh: Tự cõi ba, tâm thiện và tâm vô ký không ẩn mất của cõi dục và cõi sắc.

Tâm vô ký sinh sáu
Cũng lại từ ba khởi
Tâm học sinh nơi năm
Cũng từ bốn tâm sinh.

Tâm vô ký sinh sáu: Nghĩa là tâm vô ký không ẩn mất của cõi vô sắc theo thứ lớp sinh sáu tâm: Tự cõi ba, tâm cầu uế nơi cõi dưới ba.

Cũng lại từ ba khởi: Nghĩa là tâm vô ký không ẩn mất của cõi vô sắc từ ba tâm của tự cõi theo thứ lớp sinh, không phải tâm khác, vì là số của báo.

Tâm học sinh nơi năm: Nghĩa là tâm học theo thứ lớp sinh ra năm tâm: Hai tâm vô lậu và tâm thiện của ba cõi, không phải là cầu uế, vì tánh cùng trái nhau, không phải vô ký không ẩn mất, vì tánh không nhanh nhẹn.

Cũng từ bốn tâm sinh: Nghĩa là tâm học cũng từ bốn tâm theo thứ lớp sinh. Tức tâm học và tâm thiện của ba cõi, không phải là vô học, vì là nhân cũng không phải nhân khác, như trước đã nói.

*Tâm vô học sinh bốn
Cũng từ năm tâm sinh
Đã nói mười hai tâm
Hai mươi tức nên nói.*

Tâm vô học sinh bốn: Nghĩa là tâm vô học theo thứ lớp sinh bốn tâm, tức là tâm vô học và tâm thiện của ba cõi, không phải là học vì là quả, không phải là quả khác, như trước đã nói.

Cũng từ năm tâm sinh: Nghĩa là tâm vô học từ năm tâm theo thứ lớp sinh, gồm hai tâm vô lậu và tâm thiện của ba cõi.

Đã nói mười hai tâm, Hai mươi tức nên nói: Đã nói mười hai tâm theo thứ lớp sinh. Như mười hai tâm này phân biệt làm hai mươi, nay sẽ nói.

*Hai thiện, hai cấu uế
Báo sinh và oai nghi
Công xảo, quả các thiện
Tám tâm trong cõi dục.*

Tám tâm của cõi dục: Đó là tâm thiện phương tiện sinh, tâm bất thiện phương tiện sinh và thiện, bất thiện sinh đắc cùng vô ký ẩn mất vô ký không ẩn mất. Vô ký có bốn thứ: Báo sinh, oai nghi, công xảo và tâm biến hóa.

*Trừ bất thiện công xảo
Còn lại ở cõi sắc
Là thiện quả oai nghi
Bốn khác tại vô sắc.*

Trừ bất thiện công xảo, Còn lại ở cõi sắc: Nghĩa là cõi sắc có sáu tâm, trừ bất thiện và công xảo, ngoài ra, như trước đã nói.

Lìa thiên quả oai nghi, Bốn khác tại vô sắc: Nghĩa là cõi vô sắc có bốn tâm, trừ oai nghi và tâm biến hóa. Cõi sắc, cõi vô sắc trừ công xảo, vì không có sự nghiệp, trừ bất thiện, vì đã lìa không hổ không thẹn. Cõi vô sắc trừ oai nghi, vì không có tới lui, trừ tâm biến hóa, vì không có phần thuộc về chi thiên.

*Tâm học cùng vô học
Đấy tức là hai mươi
Tâm kia thứ lớp sinh
Đều tùy nghĩa kia nói.*

Tâm học cùng vô học, Đấy tức là hai mươi: Nghĩa là tâm học cùng vô học và mười tám tâm trước là thành hai mươi tâm. Nên phân biệt về sự hệ thuộc, không hệ thuộc nơi cõi và chủng loại. Sự sai biệt này, trước đây đã nói tổng quát. Thiện và vô ký không ẩn mất (vô phú vô ký) nay cũng phân biệt về chủng loại.

Tâm kia thứ lớp sinh, Đều tùy nghĩa kia nói: Nghĩa là tâm này lần lượt theo thứ lớp sinh, nay sẽ nói.

*Dục phương tiện sinh mười
Cũng từ tám tâm khởi
Sinh đắc tiếp sinh chín
Cũng từ mười một sinh.*

Dục phương tiện sinh mười: Nghĩa là tâm thiện phương tiện của cõi dục theo thứ lớp sinh mười: Tự cõi bảy, trừ tâm biến hóa, vì thiên tịnh kia theo thứ lớp sinh. Tâm thiện phương tiện của cõi sắc và tâm học, vô học.

Cũng từ tám tâm khởi: Nghĩa là tâm thiện phương tiện của cõi dục kia từ tám tâm theo thứ lớp sinh. Tự cõi hai, tâm thiện và hai tâm cấu uế. Tâm thiện phương tiện cùng tâm cấu uế cõi sắc và tâm học, vô học.

Sinh đắ tiếp sinh chín: Nghĩa là tâm thiện sinh đắ của cõi dục theo thứ lớp sinh chín tâm: Tụ cõi có bảy tâm, trừ tâm biến hóa, tâm cấu ứ của cõi sắc và cõi vô sắc.

Cũng từ mười một sinh: Nghĩa là tâm thiện sinh đắ của cõi dục từ mười một tâm theo thứ lớp sinh: Tụ cõi có bảy tâm, như trước đã nói. Tâm thiện, tâm cấu ứ phương tiện của cõi sắc cùng tâm học, vô học.

*Hai cấu ứ sinh bảy
Cũng từ mười bốn khởi
Báo sinh oai nghi tám
Là cũng từ bảy sinh.*

Hai cấu ứ sinh bảy: Nghĩa là bất thiện và vô ký ẩn mắt của cõi dục theo thứ lớp sinh bảy tâm của tụ cõi, trừ tâm biến hóa.

Cũng từ mười bốn khởi: Nghĩa là hai cấu ứ này từ mười bốn tâm theo thứ lớp sinh, tụ cõi bảy, trừ tâm biến hóa. Cõi sắc có bốn thứ, trừ tâm thiện phương tiện và tâm biến hóa. Cõi vô sắc có ba, trừ tâm thiện phương tiện.

Báo sinh oai nghi tám: Nghĩa là báo sinh và oai nghi của cõi dục theo thứ lớp sinh tám tâm: Tụ cõi sáu, trừ tâm thiện phương tiện và tâm biến hóa, tâm cấu ứ của cõi sắc, cõi vô sắc.

Là cũng từ bảy sinh: Nghĩa là báo sinh và tâm oai nghi của cõi dục này cũng từ bảy tâm của tụ cõi theo thứ lớp sinh, trừ tâm biến hóa.

*Tâm công xảo sinh sáu
Cũng lại từ bảy sinh
Tâm biến hóa sinh hai
Cũng tức từ hai sinh.*

Tâm công xảo sinh sáu: Nghĩa là tâm công xảo của cõi dục, theo thứ lớp sinh sáu tâm của tụ cõi, trừ tâm thiện phương tiện và tâm biến hóa.

Cũng lại từ bảy sinh: Nghĩa là tâm kia cũng từ bảy tâm của tự cõi theo thứ lớp sinh, trừ tâm biến hóa.

Tâm biến hóa sinh hai: Nghĩa là tâm biến hóa của cõi dục theo thứ lớp sinh hai tâm: Tâm biến hóa cõi dục và tâm thiện phương tiện của cõi sắc.

Cũng tức từ hai sinh: Nghĩa là cũng tức từ hai tâm này theo thứ lớp sinh ra.

*Phương tiện sắc mười hai
Là cũng từ mười khởi
Sinh đắc tiếp sinh tám
Cũng từ năm tâm sinh.*

Phương tiện sắc mười hai: Nghĩa là tâm thiện phương tiện của cõi sắc theo thứ lớp sinh mười hai tâm: Tự cõi sáu, cõi dục ba, tâm thiện phương tiện, tâm thiện sinh đắc và tâm biến hóa. Tâm thiện phương tiện của cõi vô sắc và tâm học, vô học.

Là cũng từ mười khởi: Nghĩa là tâm thiện phương tiện của cõi sắc từ mười tâm theo thứ lớp sinh. Tự cõi bốn, trừ oai nghi và báo sinh. Cõi dục hai: Là tâm thiện phương tiện và tâm biến hóa. Cõi vô sắc hai: Là tâm thiện phương tiện, tâm cấu uế cùng với tâm học, vô học.

Sinh đắc tiếp sinh tám: Nghĩa là tâm thiện sinh đắc của cõi sắc theo thứ lớp sinh tám tâm: Tự cõi năm, trừ tâm biến hóa, hai tâm cấu uế cõi dục và tâm cấu uế của cõi vô sắc.

Cũng từ năm tâm sinh: Nghĩa là tâm thiện sinh đắc của cõi sắc từ năm tâm của tự cõi giới theo thứ lớp sinh, trừ tâm biến hóa.

*Cấu uế sắc sinh chín
Cũng từ mười một khởi
Tâm oai nghi sinh bảy
Từ năm thứ lớp sinh.*

Cấu uế sắc sinh chín: Nghĩa là tâm cấu uế của cõi sắc theo thứ lớp sinh chín tâm: Tự cõi năm, trừ tâm biến hóa. Cõi dục bốn: Hai tâm thiện, hai tâm cấu uế.

Cũng từ mười một khởi: Nghĩa là tâm cấu uế của cõi sắc từ mười một tâm theo thứ lớp sinh: Tự cõi năm, trừ tâm biến hóa. Cõi dục ba là thiện sinh đắc, oai nghi và báo sinh. Cõi vô sắc ba, trừ tâm thiện phương tiện.

Tâm oai nghi sinh bảy: Nghĩa là tâm oai nghi của cõi sắc theo thứ lớp sinh bảy tâm: Tự cõi bốn, trừ tâm thiện phương tiện và tâm biến hóa. Hai cấu uế là quả của cõi dục và cấu uế của cõi vô sắc.

Từ năm thứ lớp sinh: Nghĩa là tâm oai nghi của cõi sắc từ năm tâm của tự cõi theo thứ lớp sinh, trừ tâm biến hóa.

*Nên biết sắc báo sinh
Cũng như nói oai nghi
Là các quả thiên kia
Nên biết như cõi dục.*

Nên biết sắc báo sinh, Cũng như nói oai nghi: Nghĩa là tâm báo sinh của cõi sắc theo thứ lớp sinh bảy tâm. Cũng từ năm tâm sinh, như nói về oai nghi.

Là các quả thiên kia, Nên biết như cõi dục: Nghĩa là tâm biến hóa của cõi sắc theo thứ lớp sinh hai tâm, là tâm thiện phương tiện và tâm biến hóa của cõi sắc. Cũng tức từ hai tâm này theo thứ lớp sinh.

*Vô sắc đầu sinh bảy
Là cũng từ sáu sinh
Sinh đắc cũng sinh bảy
Nên biết từ bốn khởi.*

Vô sắc đầu sinh bảy: Nghĩa là tâm thiện phương tiện của cõi vô sắc theo thứ lớp sinh bảy tâm: Tự cõi bốn, tâm thiện phương tiện của cõi sắc và tâm học, tâm vô học.

Là cũng từ sáu sinh: Nghĩa là tâm thiện phương tiện của cõi vô sắc từ sáu tâm theo thứ lớp sinh: Tự cõi ba, trừ báo sinh, tâm thiện phương tiện của cõi sắc cùng tâm học, vô học.

Sinh đắc cũng sinh bảy: Nghĩa là thiện sinh đắc của cõi vô sắc cũng theo thứ lớp sinh bảy tâm: Tự cõi bốn và ba tâm cấu uế của cõi dưới.

Nên biết từ bốn khởi: Nghĩa là từ bốn tâm của tự cõi kia theo thứ lớp sinh.

*Cấu uế sinh tám tâm
Là từ mười tám khởi
Tâm báo sinh ở sáu
Là cũng từ bốn sinh.*

Cấu uế sinh tám tâm: Nghĩa là tâm cấu uế của cõi vô sắc theo thứ lớp sinh tám tâm: Tự cõi bốn, cõi dục có hai tâm cấu uế, cùng tâm thiện phương tiện và tâm cấu uế của cõi sắc.

Là từ mười tám khởi: Nghĩa là tâm cấu uế của cõi vô sắc từ mười tám tâm theo thứ lớp sinh: Tự cõi bốn, cõi dục ba: Thiện sinh đắc, oai nghi và báo sinh. Cõi sắc cũng như vậy.

Tâm báo sinh ở sáu: Nghĩa là tâm báo sinh của cõi vô sắc theo thứ lớp sinh sáu tâm: Tự cõi ba, trừ tâm thiện phương tiện, địa dưới có ba tâm cấu uế.

Là cũng từ bốn sinh: Nghĩa là tâm báo sinh kia từ bốn tâm của tự cõi theo thứ lớp sinh.

*Tâm học tiếp sinh sáu
Từ bốn thứ lớp khởi
Tâm vô học sinh năm
Là cũng từ năm sinh.*

Tâm học tiếp sinh sáu: Nghĩa là tâm học theo thứ lớp sinh sáu tâm: Tâm thiện phương tiện của ba cõi, thiện sinh đắc của cõi dục

(Thiện sinh đặc của cõi dục vừa mạnh vừa nhạy bén, hai cõi kia thì yếu và chậm) cùng tâm học, vô học.

Từ bốn thứ lớp khởi: Nghĩa là tâm học từ bốn tâm theo thứ lớp sinh: Gồm tâm thiện phương tiện của ba cõi và tâm học.

Tâm vô học sinh năm: Nghĩa là tâm vô học theo thứ lớp sinh năm tâm, gồm tâm thiện phương tiện của ba cõi, thiện sinh đặc của cõi dục và tâm vô học.

Là cũng từ năm sinh: Nghĩa là tâm thiện phương tiện của ba cõi cùng tâm học, tâm vô học.

Hỏi: Vì sao tâm thiện phương tiện theo thứ lớp sinh các tâm oai nghi, công xảo và báo sinh? Còn các tâm này vì sao không theo thứ lớp sinh tâm thiện phương tiện?

Đáp: Vì oai nghi, công xảo là tự ưa thích những gì mình đã làm, còn tâm báo sinh thì yếu kém, không có tạo tác. Nghĩa là tâm oai nghi thì ưa hành tập oai nghi, thế nên theo thứ lớp không sinh khởi tâm thiện phương tiện. Vì tâm xuất ly không siêng năng tạo phương tiện, nên tâm thiện phương tiện theo thứ lớp sinh. Tâm oai nghi, tâm công xảo cũng như vậy. Tâm báo sinh thì yếu kém, không có hành tác, nghiệp gốc đã được gieo trồng, thế nên người nhập tâm đó là tâm không thể xuất ly, không siêng năng tạo phương tiện, nên phải theo tâm thiện phương tiện thứ lớp sinh. Nếu nói vì tâm cấu uế ưa thích tham chấp nơi cảnh giới, cùng yếu kém, nên không thể từ cảnh giới của tâm cấu uế theo thứ lớp sinh tâm thiện phương tiện, thì không đúng. Vì sao? Vì cảnh giới không khác, vì thấy rõ lỗi lầm, vì không yếu kém, nên ở nơi cảnh giới kia đã chuyển đổi lỗi lầm xấu ác, tức ở nơi đó khởi công đức. Cho nên cảnh giới kia không khác đối với hành kia, vì phiền não khiến mỏi mệt, nhàm chán. Tức ở nơi cảnh giới kia quan sát sinh nơi đê mê dài sinh tử đã hành tập phiền não. Do tâm cấu uế không yếu kém, thế nên tâm kia theo thứ lớp sinh tâm thiện phương tiện.

Tâm sinh đắc thiện của cõi dục tuy nhanh chóng nhưng không phải là phương tiện. Do nhanh chóng nên từ tâm thiện phương tiện của cõi sắc kia cùng tâm học, vô học theo thứ lớp sinh. Do không phải là phương tiện, nên không thể theo thứ lớp sinh các tâm kia. Tâm thiện sinh đắc ở cõi sắc không nhanh nhen, cũng không phải là phương tiện. Vì không nhanh nhen nên không từ tâm học, vô học cùng tâm thiện phương tiện của cõi vô sắc theo thứ lớp sinh. Vì không phải là phương tiện, nên không theo thứ lớp sinh các tâm đó. Nơi cõi vô sắc cũng như vậy. Tâm cấu uế của cõi sắc theo thứ lớp sinh. Tâm thiện sinh đắc ở cõi dục thì nhanh chóng. Tâm cấu uế của cõi vô sắc không theo thứ lớp sinh. Tâm thiện sinh đắc của cõi sắc thì không nhanh chóng.

Hỏi: Thế nào là chánh pháp?

Đáp:

*Kinh, Luật, A-tỳ-đàm
Đó gọi chánh pháp tục
Ba mươi bảy phẩm giác
Là nói đệ nhất nghĩa.*

Kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Đó gọi chánh pháp tục: Nghĩa là Tu-đà-la, Luật, A-tỳ-đàm là chánh pháp ngôn thuyết, vì căn cứ vào danh, xứ khởi, như trước đã nói. Ngôn ngữ của Phật là tự tánh của ngôn ngữ. Ngôn ngữ tức dựa vào danh chuyển, do chuyển nơi xứ khác nên gọi là số tục. Vì hiển bày đệ nhất nghĩa, nên gọi là chánh pháp, là dùng danh để làm sáng tỏ nghĩa. Ba mươi bảy phẩm giác là nói về đệ nhất nghĩa. Ba mươi bảy phẩm giác là chánh pháp của đệ nhất nghĩa, vì lia danh khởi. Tu tuệ hữu lậu, tuy lia danh chuyển, nhưng vì có cấu uế, nên không nói là chánh pháp của đệ nhất nghĩa. Như chánh pháp có hai thứ, người hành pháp cũng có hai thứ: Tu pháp và tu. Tu pháp là tụng tập. Tu là tu thiền, đó là số thế tục. Chánh pháp là tu. Pháp là nghĩa trì. Chánh pháp của đệ nhất nghĩa là tu. Vì vậy nên nói là

tu. Người hành pháp trụ thì chánh pháp còn. Người tu hành diệt thì chánh pháp diệt. Đức Thế Tôn luôn khuyến phát người tu hành, nên không nói đến giới hạn sai biệt, như trước nói. Tam muội kim cang nơi phẩm Trạch nên nói rộng, nay sẽ nói.

*Năm mươi hai cùng khác
Cũng lại nói tám mươi
Hoặc có thuyết mười ba
Là tam muội kim cang.*

Có thuyết cho: Năm mươi hai tam muội kim cang thuộc về thiền vị lai. Nếu dựa vào khổ tỷ trí của thiền vị lai thì được quả A-la-hán. Đối với bốn âm của xứ phi tướng phi phi tướng, suy nghĩ đó là vô thường, khổ, không và phi ngã. Nếu tập tỷ trí đạt được, là tư duy về mỗi mỗi hành trong bốn hành của tập đế. Nếu diệt pháp trí thì hành hệ thuộc cõi dục diệt, là tư duy về bốn hành của diệt đế. Nếu đạo pháp trí đoạn đạo hành hệ thuộc cõi dục, là tư duy bốn hành của đạo đế. Nếu diệt tỷ trí, hoặc tư duy về hành diệt hệ thuộc địa nơi thiền thứ nhất, hoặc cho đến tư duy về hành diệt hệ thuộc phi tướng phi phi tướng xứ. Nếu đạo tỷ trí, đối với chín địa kia, thì đạo phẩm tỷ trí tư duy về bốn hành, được quả A-la-hán.

Trí hành như vậy, duyên nơi phân biệt là năm mươi hai. (Vì khổ khác nên diệt khác, vì tính cách trở nên quán riêng biệt. Đây là lý do tám địa diệt, có ba mươi hai đạo hành là giống như vậy, thông suốt với địa khác, đồng tánh tình vô ngại, nên quán thông suốt. Quán thông suốt chín địa, chỉ có bốn hành kết hợp với mười sáu hành của bốn đế trước là thành năm mươi hai). Như thiền vị lai, cho đến thiền thứ tư cũng như vậy. Không xứ có hai mươi tám hành (Khổ, tập của tự địa là tám hành. Diệt đế của bốn không là mười sáu hành. Đạo của chín địa có bốn hành. Vì diệt ở địa trên ít dần, nên tùy chỗ diệt có bốn). Thức xứ có hai mươi bốn hành. Vô sở hữu xứ có hai mươi. Do cõi vô sắc không có pháp trí. Pháp trí duyên nơi

cõi dục, không phải cõi vô sắc, duyên nơi hành diệt của địa dưới, khổ của địa dưới không phải là cảnh giới, nên đối trị của địa dưới, lần lượt duyên nơi nhân.

Có thuyết cho: Thiên vị lai có tám mươi tam muội kim cang. Sự sai biệt trong đây là nói về đạo tử trí. Cũng mỗi mỗi địa duyên nơi đối trị, được quả A-la-hán. (Quán đạo của bảy địa, địa tử trí, mỗi địa đều có bốn hành, là có hai mươi tám, cộng với năm mươi hai hành trước, thành tám mươi hành). Như thiên vị lai, cho đến thiên thứ tư cũng như vậy. Không xứ có bốn mươi hành, thức xứ có ba mươi hai, vô sở hữu xứ có hai mươi bốn.

Tôn giả Cù Sa nói: Tam muội kim cang thuộc về thiên vị lai. Mười ba kiến đạo, bốn tử nhãn tương ứng với bốn tam muội. Tu đạo lìa dục nơi xứ phi tướng phi phi tướng, có chín đạo vô ngại tương ứng chín tam muội. Tất cả những thứ ấy là nhằm đối trị với đệ nhất hữu kia. Đạo thế tục nơi tam muội kim cang không phải là cảnh giới, cho đến thiên thứ tư cũng như vậy. Không xứ có chín, cho đến vô sở hữu xứ cũng như thế.

Đây là nói chung. Nếu nói về nhãn trí nơi hành chủng duyên phân biệt là thuộc về thiên vị lai, tức có một ngàn bốn trăm chín mươi hai tam muội kim cang, cho đến thiên thứ tư cũng như vậy. Không xứ có bốn trăm sáu mươi tám, thức xứ có ba trăm hai mươi bốn, vô sở hữu xứ có hai trăm mười sáu.

Hỏi: Phẩm Trí kia đã nói đến thần thông. Vậy thần thông kia là tất cả thiện hay là không phải?

Đáp:

*Ba thông tức nói thiện
Hai khác là vô ký
Nên biết dựa dục, sắc
Thế Tôn nói tánh tuệ.*

Ba thông tức nói thiện: Nghĩa là thân thị trí, tha tâm trí, túc mạng trí, ba thông này nói là thiện. Vì sao? Vì là quả đáng yêu thích, vì phương tiện tốt bậc đã khởi, vì điều phục người khác. Người không tin ưa khiến họ tin ưa. Ba thông này khiến người khác được điều phục hết mực nên hoan hỷ. Tâm hoan hỷ tương ưng với tuệ là thiện, vì tương ưng với tâm tín.

Hai khác là vô ký: Tức là thiên nhãn, thiên nhĩ. Hai thần thông này là vô ký, vì không có quả đáng yêu thích và phương tiện tốt bậc. Lại, vì thọ nhận sắc, thanh để khởi, nên là vô ký.

Hỏi: Ở nơi xứ nào hiện ra trước cũng hiện những tánh gì?

Đáp: *Nên biết dựa dục sắc, Thế Tôn nói tánh tuệ:* Tức thần thông này hiện ở trước nơi cõi dục, cõi sắc, không phải ở cõi khác. Vì dựa vào sắc, thần thông kia khởi hiện trước ở cõi dục, sau mới có thể hiện trước nơi cõi sắc. Thần thông ấy không phải do nghiệp ban đầu gắng nhận, có thể không có phần. Là tánh của trí tuệ từ sự phân biệt khởi, chỗ dựa thành người dựa. (Đây là giải thích thần thông có tên là mắt, do mắt sinh khởi). Như Luận Thi Thiết nói: Bấy giờ, bốn đại của cõi sắc tạo tác khiến nhãn xứ được tròn đầy, nên thiên nhãn thanh tịnh, như nơi phẩm Tu-đa-la đã nói. Sự việc của các căn được nói rộng trong phẩm Trạch, nay sẽ nói.

Nên biết các căn kia

Người tuệ khéo phân biệt

Danh có hai mươi hai

Sự tức nói mười bảy.

Đức Phật nói các căn: Về danh có hai mươi hai. Về sự có mười bảy, do căn nam, nữ và ba căn vô lậu, không có sự riêng nên không lập sự, là thuộc về căn khác. Căn nam nữ lia thân căn thì không có phần nên nói như vậy. Thế nào là nam căn? Là phần ít của thân căn. Nữ căn cũng như thế.

Lại, vì chỉ một thức nương dựa. Nếu thức dựa vào thân căn khởi tức là dựa vào căn nam nữ, cùng sinh căn, không có tướng khác. Vì một thức, ba căn vô lậu, chín căn hợp thành.

Chín căn: Là ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn và năm căn như tín v.v... Trong chín căn này, vì phân biệt về đạo và người, nên lập ba căn.

Phân biệt về đạo: Nghĩa là kiến đạo nói là vị tri căn. Tu đạo nói là dĩ tri căn. Đạo vô học nói là vô tri căn.

Phân biệt về người: Nghĩa là Tùy tín hành, Tùy pháp hành nói là vị tri căn. Tín giải thoát, Kiến đạo, Thân chứng nói là dĩ tri căn. Tuệ giải thoát, Câu giải thoát nói là vô tri căn.

Hỏi: Đẳng và đệ nhất nghĩa có tướng gì?

Đáp:

*Nếu lúc phân biệt sự
Bỏ danh thì nói đẳng
Phân biệt không chỗ bỏ
Tức là đệ nhất nghĩa.*

Nếu lúc phân biệt sự, Bỏ danh thì nói đẳng: Nghĩa là nếu lúc phân biệt về sự, xả bỏ danh, thì đó tức là Đẳng sự (Đẳng sự, tiếng Phạn nói Tam tỷ tức đề, Hán dịch là Đẳng tập, cũng nói là Đẳng tích tụ. Phạm hợp có ba, không có gọi là Đẳng tập), không phải đệ nhất nghĩa quyết định sự việc, vì không thể được. Như lúc phân biệt chiếc bình với sắc, hương, vị, xúc, là bỏ tên bình, không phải là bỏ sắc, hương, vị, xúc mà có tên bình riêng, nên gọi là Đẳng sự. Như vậy, tất cả phân biệt, không còn có đối tượng bỏ, tức là đệ nhất nghĩa. Như lúc phân biệt sự, không bỏ danh, đó là đệ nhất nghĩa. Như năm âm hưng thanh, gọi là khổ đế. Nếu lúc phân biệt năm âm, cũng không bỏ tên khổ, vì sắc là khổ, cho đến thức cũng như vậy. Sắc kia lại có mười một thứ, mỗi mỗi nhập đều là khổ, cho đến sát-na và lúc phân

biệt cực vi cũng không bỏ tên khổ, vì sự phân biệt kia đã được tướng. Như vậy, tất cả như nơi phẩm Tạp đã nói. Về trung âm phẩm Trạch sẽ nói rộng.

Hỏi: Là nhất định hay không nhất định?

Đáp:

*Giới, nẻo, địa tất định
Trung âm năm, vô ngại
Nói tên là Hương thực
Cầu hữu thừa ý hành.*

Giới, nẻo, địa tất định: Nghĩa là cõi, nẻo (Thú), địa của trung âm không chuyển đổi, vì trung âm của cõi dục tất sinh nơi cõi dục, cõi sắc sinh nơi cõi sắc. Như vậy nẻo địa ngục sinh nơi địa ngục, cho đến nẻo người sinh nơi loài người. Bốn Thiên vương sinh nơi Bốn Thiên vương, cho đến trời A-ca-nị-trá cũng như vậy.

Trung âm năm: Nghĩa là tánh năm âm của trung âm, vì có đi lại, không phải lia sắc mà có đi lại. Thế nên ở cõi dục, cõi sắc có trung âm, không phải là cõi vô sắc, vì nơi cõi ấy không có sắc.

Vô ngại: Vì rất nhỏ nhặt, nên tất cả hình tướng che lấp đều không thể ngăn ngại, do sức của nghiệp nên trụ trong thai mẹ. Nếu khác thì không thể trụ nơi thai.

Nói tên là Hương thực, Cầu hữu thừa ý hành: Nghĩa là vì dùng hương làm thức ăn, nên nói là Hương thực. Nếu người có phước mỏng thì ăn các hương uế tạp. Nếu là người đại lực thì ăn các hương tịnh. Vì cầu nơi sinh hữu nên nói là Cầu hữu. Vì từ nơi ý sinh nên nói là Thừa ý hành. Các chúng sinh này hoặc do nghiệp sinh, là nơi địa ngục, như đã nói, các chúng sinh kia bị nghiệp trói buộc. Hoặc phiền não sinh, là nói người và trời thuộc cõi dục. Hoặc báo sinh, là nói về chim bay. Hoặc từ ý sinh, là trời của cõi sắc, vô sắc và con người của

kiếp đầu tiên. Biến hóa và trung âm ở giữa hai hữu, khởi nẻo xen tạp, nên nói là trung âm.

Hỏi: Trung âm trụ trong thời gian bao lâu?

Đáp:

*Bảy ngày hoặc bảy bảy
Cho đến khi hòa hợp
Hoặc lửa hình ăn hương
Các căn đều đầy đủ.*

Bảy ngày: Có thuyết cho là trung âm trụ trong bảy ngày, vì thân yếu kém.

Hỏi: Nếu hòa hợp thì nên như vậy. Còn nếu cha mẹ của người kia đều ở xứ khác, người này mạng chung thì phải làm sao?

Đáp: Nên quán nghiệp của chúng sinh này có chuyên hay không chuyên? Nếu đối với mẹ có thể chuyên, đối với cha không thể chuyên, thì người cha kia tức theo người nữ khác, khiến trung âm được gặp, duyên ở nơi người cha có thể chuyên cũng như vậy. Nếu cả hai người đều không thể chuyên, thì người này chưa chết nhưng người kia trước đó đã hòa hợp, thì đó là nói kẻ thường hành dục. Nếu hành dục theo thời tiết, nghĩa là vì nhân duyên, vì nghiệp của chúng sinh kia, khiến họ phi thời cũng hành dục.

Có thuyết cho: Hoặc ở nơi xứ tương tự sinh. Nghĩa là nếu lúc sinh thích ứng với xứ hành mà trung âm không đến đúng lúc thì sinh ở xứ thường hành dục tương tự, tùy theo từng loại của trung âm mà nói.

Về bảy bảy: Có thuyết cho: Thân trung âm trụ trong bốn mươi chín ngày cho đến lúc nam nữ kia hòa hợp. Có thuyết lại nói: Thân trung âm không nhất định, cho đến thường ở trong khoảng thời gian chưa hòa hợp.

Hỏi: Thân trung âm có y phục hay không?

Đáp: Hoặc lõa hình. Trung âm của cõi sắc có y phục, vì nơi cõi sắc thì sự hổ thẹn tăng. Như pháp thân kia không lõa hình, thì sinh thân cũng như vậy. Trung âm của Bồ-tát nơi cõi dục và trung âm của Tỳ-kheo-ni Bạch Tịnh thì có y phục, còn chúng sinh khác thì không có y phục, vì không có sự hổ thẹn tăng thêm.

Hỏi: Trung âm ăn gì?

Đáp: Ăn hương. Trung âm của cõi dục lấy hương làm thức ăn, như trước đã nói. Cõi sắc liạ đoạn thực, vì tham nơi thân rất nhỏ, nên chỉ có ba cách ăn.

Hỏi: Thân trung âm có đủ các căn không?

Đáp: Các căn đều đầy đủ, tức trung âm đủ các căn. Vì sao? Vì báo của trung âm đã thuận hợp. Lại, vì chúng sinh kia luôn cầu hữu, nên đối với môn sáu nhập thường cầu hữu.

Hỏi: Hình hài của thân trung âm như thế nào?

Đáp:

*Tùy hành lượng không định
Hoặc có thấy, không thấy
Vào thì từ môn sinh
Hoặc sinh tướng diên đảo.*

Tùy hành: Nghĩa là đi đến nẻo nào thì đều giống như nẻo đó. Trung âm của địa ngục như hình của địa ngục, cho đến người trời thì như hình của người trời.

Hỏi: Trung âm đi đứng như thế nào, thân lượng ra sao?

Đáp: Đi đứng và lượng không nhất định. Trung âm đi đứng và thân lượng không nhất định. Trung âm của địa ngục khi đi thì chân đưa lên trên, đầu cúi xuống dưới. Trung âm của trời thì hướng lên

trên như mũi tên bắn vào khoảng không. Trung âm khác thì thân nghiêng, đi ngang, như vẽ hình người đang bay.

Về lượng: Trung âm của cõi sắc thì lượng như vốn có. Trung âm của Bồ-tát nơi cõi dục cũng như vốn có, đủ ba mươi hai tướng trang nghiêm nơi thân. Thế nên trung âm của Bồ-tát có hào quang sáng rỡ, soi thấu trăm ức thiên hạ. Nói thân voi trắng đi vào thai mẹ là không đúng, vì Bồ-tát đã lia súc sinh. Bồ-tát từ nơi chín mươi một kiếp trở lại đã luôn lia súc sinh. Vì thuận theo tướng sách vở, nên khiến mẹ của Bồ-tát nằm mộng thấy như vậy. Thân lượng trung âm của chúng sinh khác, trong cõi dục như hình trẻ con đã có nhận biết, vì các căn mạnh nhanh, do tướng điên đảo lúc vào thai.

Hỏi: Trung âm với trung âm có trông thấy nhau không?

Đáp: *Hoặc có thấy, không thấy.* Hoặc trung âm lấy trung âm làm cảnh giới, nhưng không nhất thiết.

Có thuyết cho: Trung âm của địa ngục trông thấy trung âm của địa ngục, tất cả đều như vậy.

Lại có thuyết nói: Trung âm của địa ngục trông thấy trung âm của địa ngục. Súc sinh thấy hai nẻo. Ngạ quỷ thấy ba nẻo. Người trông thấy bốn nẻo. Trời thấy năm nẻo. Mắt của sinh âm thì không trông thấy. Mắt trời nếu rất thanh tịnh thì có thể trông thấy.

Hỏi: Từ nơi xứ nào nhập thai?

Đáp: *Vào thì từ môn sinh.* Trung âm kia nhập thai từ môn sinh. Thế nên, trẻ con sinh đôi, đứa sinh sau là lớn.

Hỏi: Do tướng gì lúc nhập thai?

Đáp: *Hoặc sinh tướng điên đảo.* Không phải tất cả chúng sinh đều có tướng điên đảo lúc nhập thai mẹ, trừ Bồ-tát gần Phật địa. Bồ-tát gần Phật địa kia đối với mẹ có tướng là mẹ, đối với cha có tướng là cha. Còn chúng sinh khác đều mang tướng điên đảo lúc

nhập thai. Nếu là trung âm nam, thì có tướng nhiễm đối với mẹ và tướng tức giận đối với cha. Trung âm kia khởi niệm như vậy: Nếu không có người nam kia thì ta sẽ cùng với người nữ này giao hợp. Tưởng như thấy người nam kia đi rồi, giao hợp với người nữ nọ. Lúc trông thấy tinh của người nam kia xuất, cho là của mình, liền sinh hoan hỷ. Vì sinh khởi hoan hỷ, nên âm dần dần dày thêm. Âm dần dày thêm rồi quay lưng, dựa vào phía hông phải của mẹ mà ngồi. Nếu là trung âm nữ, thì nói ngược lại. Về nhân duyên của trung âm, sau sẽ nói.

HẾT - QUYỂN 10

LUẬN TẠP A TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 11

Phẩm thứ 10: TRẠCH, phần 2

Hỏi: Biết pháp, nhận thức pháp, làm sáng tỏ pháp, những sự việc này là thế nào?

Đáp:

*Biết là biết các pháp
Thức tỏ cũng như vậy
Trí và ý thức sáng
Kia đều theo sự nói.*

Khổ trí kia biết khổ, cho đến đạo trí biết đạo, trí vô lậu duyên phần đoạn. Đăng trí thiện cũng biết khổ, cho đến số hư không phi số diệt duyên khắp tất cả pháp. Thức cũng nhận thức về tất cả pháp. Nhãn thức kia nhận thức sắc, cho đến thân thức nhận thức xúc, vì thân nhận tự tướng. Ý thức nhận thức mắt, sắc và nhãn thức, vì đều duyên khắp tất cả như vậy. Minh: Là cũng làm sáng tỏ tất cả pháp tùy vào các sự việc ấy. Khổ nhãn, khổ trí kia làm sáng tỏ khổ, cho đến đạo nhãn, đạo trí làm sáng tỏ đạo, vì duyên nơi phần đoạn. Tuệ hữu lậu thiện cũng làm sáng tỏ khổ cho đến hư không phi số diệt.

Hỏi: Thế nào là kiếp có lỗi?

Đáp:

*Đao binh, bệnh, đói khát
Là lỗi của trung kiếp
Trừ địa, ba thứ khác
Là lỗi của đại kiếp.*

Đao binh, bệnh, đói khát, Là lỗi của trung kiếp: Nghĩa là ba thứ lỗi ở trung kiếp, đó là đao binh, bệnh dịch, đói khát.

Kiếp đao binh: Nghĩa là đến lúc thọ mạng của con người giảm xuống chỉ còn mười tuổi, là cảnh giới của tham, thô, ác, hành các pháp tà, đều trụ nơi tâm hại, tay cầm cò cây đều thành gươm đao, sát hại nhau. Như vậy là trải qua bảy ngày. Đó là lỗi về đao binh nơi trung kiếp.

Kiếp bệnh dịch: Cũng xảy ra vào thời thọ mạng của con người chỉ có mười tuổi với nhiều bệnh tật, không có lương y, thuốc men cùng chẩn đoán bệnh. Bảy giờ con người vì phước đức quá mỏng, nên gặp phải bệnh là chết ngay. Như vậy là trải qua bảy tháng, bảy ngày. Đó là lỗi về bệnh dịch của trung kiếp.

Kiếp đói khát: Cũng vào thời thọ mạng của con người chỉ còn mười tuổi, đói khát càng tăng lên, cơ thể càng yếu kém. Hạn hán kéo dài khắp thiên hạ, mọi sự việc gieo trồng không thu hoạch đủ số lượng gạo để ăn, phải hầm nấu xương người để lấy nước húp. Như vậy là trải qua đến bảy năm, bảy tháng, bảy ngày. Đó là lỗi về đói khát của trung kiếp.

Nói chung là như vậy. Nếu vào đời hiện nay, người nào vâng giữ giới không sát sinh, trong một ngày một đêm, thì trọn không sinh trong kiếp đao binh. Nếu dùng một quả Ha-lê-lặc cúng cho phước điền Tăng, thì trọn không sinh trong kiếp bệnh dịch. Nếu bố thí phước điền Tăng một bữa ăn, thì trọn không sinh trong kiếp đói khát.

Trên đây là kiếp ác của châu Diêm-phù-đề cùng sinh khởi. Ở phương khác thì có một ít phần tương tự. Như sinh trong kiếp đao binh, người kia chỉ có tức giận tăng thêm. Như sinh trong kiếp bệnh dịch, người kia chỉ có phần ít sức vì yếu kém. Như sinh trong kiếp đói khát, người kia chỉ tăng thêm đói khát.

Hỏi: Thế nào là lỗi của đại kiếp?

Đáp: Trừ địa, ba thứ khác, Là lỗi của đại kiếp: Ba đại chủng nói là lỗi của đại kiếp, đó là lửa, nước, gió, không phải là địa chủng. Vì sao? Vì bất lợi. Lợi là hủy hoại đại kiếp.

Lại nữa, kiếp hoại của địa chủng: Nghĩa là kiếp hoại tức nên đến cõi thiên thứ tư nhưng chưa từng đến cõi thiên thứ tư.

Hỏi: Vì sao kiếp hoại không đến thiên thứ tư?

Đáp: Vì trời Tịnh cư. Trời ấy không có sinh nơi địa trên, tức ở nơi ấy nhập Niết-bàn. Cũng không sinh xuống địa dưới, vì địa dưới là phi số diệt. Nếu cho kiếp trụ kia trải qua kiếp hoại là cũng không đúng, vì sức của phước tăng thượng nên sinh vào xứ kia, vì sự nhiễu loạn bên trong là không có. Nếu bên trong địa kia có sự loạn động, thì bên ngoài sẽ có tai họa. Trong cõi thiên thứ nhất kia, vì có lửa giác quán nhiễu loạn, nên bên ngoài bị hỏa tai thiêu đốt. Trong cõi thiên thứ hai có nước hỷ nhiễu loạn, nên bên ngoài bị thủy tai cuốn trôi. Trong cõi thiên thứ ba có hơi thở ra vào là gió nhiễu loạn, nên bên ngoài bị phong tai làm cho tan hoại.

Hỏi: Cõi thiên thứ tư chưa từng có nhiễu loạn, sao được chẳng thường còn?

Đáp: Vì bị sát-na vô thường hủy hoại. Nói như vậy nghĩa là địa của thiên thứ tư không nhất định nối tiếp nhau, tùy theo vị trời kia sinh thì cung điện cùng khởi. Nếu vị trời mạng chung, thì cung điện cũng đều mất.

Hỏi: Những kiếp nào hết trước nhất?

Đáp:

*Bảy lửa thứ lớp khởi
Sau đây một thủy tai
Bảy bảy lửa, bảy nước
Sau bảy lửa lại gió.*

Bảy lửa thứ lớp khởi: Nghĩa là kiếp lửa khởi lên trước nhất. Nên nói như thế này: Nếu kiếp lửa sắp khởi, bấy giờ tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi. Người nơi địa ngục chết, không còn sống trở lại nữa, nên biết là kiếp hết, cho đến ở địa ngục cũng không có một chúng sinh nào cư trú. Đó gọi là kiếp của địa ngục hết. Như kiếp của địa ngục hết, thì súc sinh, ngạ quỷ cũng như vậy. Nếu súc sinh đối với con người là hữu dụng, thì cùng tận diệt với con người.

Lúc ấy, ở châu Diêm-phù-đề chỉ có mỗi một người, không có người giáo hóa, có thể nhập thiên thứ nhất. Từ thiên thứ nhất khởi, rồi cất tiếng xưng: Ly sinh hỷ lạc, thật là an lạc! Âm thanh như vậy lần lượt báo cho biết khắp châu Diêm-phù-đề. Các chúng sinh khác cũng không có thầy giáo hóa, cũng đều nhập thiên thứ nhất, cho đến cả châu Diêm-phù-đề, không có một chúng sinh nào ở. Đó gọi là kiếp của Diêm-phù-đề hết, chỉ trừ châu Uất-đơn-việt. Tất cả các nẻo thiện của cõi dục cũng lại như vậy. Châu Uất-đơn-việt mạng chung, không người nào được thiên, vì không có sự lìa dục.

Lại nữa, vào lúc đó, một chúng sinh ở thiên thứ nhất, không có người giáo hóa mà nhập thiên thứ hai. Sau khi xuất thiên, cất tiếng xưng: Định sinh hỷ lạc, thật là an lạc! Âm thanh như vậy vang khắp đến Phạm thiên. Các chúng sinh khác cũng lại như thế. Cho đến nơi thiên thứ nhất, không có một chúng sinh nào cư ngụ. Đó gọi là kiếp của đời chúng sinh hết. Thế giới lúc này là trống rỗng lâu xa, cho đến khi bảy mặt trời xuất hiện.

Hỏi: Mặt trời xuất hiện từ xứ nào?

Đáp: Có thuyết cho: Lúc kiếp thành, do sau núi Càn-đà có bảy vầng mặt trời trụ nơi ấy, tức sẽ từ xứ ấy xuất hiện.

Có thuyết nêu: Một mặt trời phân làm bảy phần.

Lại có thuyết nói: Một mặt trời có sức nóng gấp bảy lần.

Lại có thuyết bảo: Lửa từ địa ngục Vô gián tỏa ra.

Nên nói như vậy: Vì nghiệp lực của chúng sinh làm quá tăng thượng, khiến khí thế giới khởi. Nghiệp kia hết, như vậy là sự nhiễu loạn sinh, cho đến đốt cháy cả cõi Phạm thiên. Bảy hỏa tai như vậy thứ lớp đi qua.

Sau đây một thủy tai: Nghĩa là bảy hỏa tai xảy ra rồi, sau đây mới là một thủy tai, cho đến làm tan hoại cõi thiên thứ hai.

Hỏi: Nước dâng lên từ xứ nào?

Đáp: Có thuyết cho: Từ biên vực của thiên thứ ba nơi nước mưa bị đun nóng.

Có thuyết lại nói: Từ thủy luân nước tuôn ra theo sự nhiễu loạn khởi, như trước đã nói.

Bảy bảy lửa, bảy nước: Nghĩa là bảy hỏa tai theo thứ lớp xảy ra, sau đây là một thủy tai. Như vậy bảy bảy hỏa tai và một bảy thủy tai.

Sau bảy lửa lại gió: Nghĩa là về sau, khi hỏa tai đi qua, sau đây là một phong tai. Thủy tai, phong tai từ hỏa tai theo thứ lớp khởi. Đây tức là nói về thiện. Tịnh cư thiên thọ mạng đến sáu mươi bốn kiếp mới bị thủy tai làm trôi dạt. Cho đến thiên thứ hai bị phong tai làm tan hoại. Cho đến thiên thứ ba, cùng trăm ức bốn thiên hạ, đều trong một lúc cùng tan hoại.

Mười chín trung kiếp không của thế gian, một trung kiếp nơi khí thế giới tan hoại. Một trung kiếp nơi khí thế giới hình thành, mười chín trung kiếp theo thứ lớp dần trụ. Nếu ở nơi kiếp không

trước nhất, là ở nơi kiếp trụ sau cùng. Nếu ở nơi kiếp không sau cùng, là ở tại kiếp trụ trước nhất.

Hỏi: Thế nào là tâm loạn?

Đáp:

*Lẫn lộn, nghiệp báo gốc
Sợ hãi cùng thương hại
Nếu giải chi tiết kia
Thánh nói nước, lửa, gió.*

Lẫn lộn nghiệp báo gốc, Sợ hãi cùng thương hại: Nghĩa là bốn nhân duyên làm cho tâm loạn, đó là bốn đại lẫn lộn, nghiệp báo gốc, sợ hãi và gây tổn hại thân.

Bốn đại lẫn lộn: Nghĩa là ăn uống không thích hợp, nên bốn đại lẫn lộn. Vì bốn đại tạp loạn nên khiến tâm người kia loạn.

Nghiệp báo gốc: Nghĩa là gốc tạo ra tâm tán loạn là nghiệp báo đã chín muồi.

Hỏi: Sự việc này là thế nào?

Đáp: Ưu loan truyền những tai họa suy giảm, làm cho người khác buồn rầu, khổ sở. Hoặc lại mắng nhiếc: Ông là người ngu si, điên rồ, tâm tán loạn. Hoặc đã xua đuổi, bức bách chúng sinh, khiến họ rơi vào chốn nguy hiểm. Đốt núi, đầm, bắt ép người khác uống rượu. Hoặc dùng vọng tưởng, nói ngược lời Phật nói. Những nghiệp như thế dẫn tới quả là tâm loạn.

Sợ hãi: Nghĩa là kinh sợ khi thấy hình phi nhân đến. Vì sợ hãi nên tâm người kia hoảng loạn.

Gây tổn hại thân: Tức bị phi nhân đánh. Vì người kia đã dùng vật bất tịnh làm cầu uế nơi chốn đại chúng hội họp và tháp của Phật, Tăng, khiến phi nhân ở nơi chốn ấy giận dữ nên đánh và tâm người kia tán loạn.

Đó là nói về hàng phàm phu. Thánh nhân không có hành báo của nghiệp gốc làm tâm loạn. Nếu người trước kia đã gieo trồng nghiệp báo nhất định, thì trước hết thọ báo, sau đấy mới vượt lên ly sinh. Nếu như người gieo trồng nghiệp báo không nhất định, nếu vượt lên ly sinh, thì nghiệp của họ sẽ diệt mất.

Tâm loạn là ở cõi dục. Địa ngục kia không có tâm loạn, vì là thường loạn. Súc sinh, ngạ quỷ và người thì tâm loạn, trừ châu Uất-đơn-việt. Trời thuộc cõi dục cũng có tâm loạn.

Hỏi: Những Thánh nhân nào có tâm loạn?

Đáp: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi. Chỉ có Phật là tâm không loạn. Tiếng nói không hư hoại, tóc không bạc, da mặt không nhăn, không dần dần bớt Niết-bàn.

Đức Thế Tôn từ lâu đã diệt trừ hết nghiệp nhiều loạn, vì Phật hành theo hành diệu. Sự rối loạn là ở ý thức, không phải là ở năm thức tâm, vì không phân biệt. Tâm hữu lậu loạn, không phải là vô lậu, vì hành chân thật. Vì thế nếu nói tâm điên loạn là tán loạn chăng? Nên nêu ra bốn trường hợp:

Trường hợp thứ nhất: Nói người điên là tâm hữu lậu thiện, tâm vô ký không ản mất.

Trường hợp thứ hai: Nói tự tướng trụ là tâm cấu uế.

Trường hợp thứ ba: Nói người điên là tâm cấu uế.

Trường hợp thứ tư: Nói tự tướng trụ là tâm thiện và tâm vô ký không ản mất.

Hỏi: Những đại nào có thể giải chi tiết?

Đáp: Nếu giải chi tiết kia, Thánh nói nước, lửa, gió: Nghĩa là ba đại nước, lửa và gió là có thể tách lìa chi tiết, không phải địa đại vì bất lợi.

Hỏa đại tách lia chi tiết: Nghĩa là lúc mạng chung, hỏa đại tăng, đốt cháy khắp gân, đốt gân xong, tách lia từng lóng đốt. Tách lia lóng đốt xong, không lâu sẽ chết.

Thủy đại tách lia chi tiết: Nghĩa là lúc từng lóng đốt rời ra, trước hết làm cho gân thối rữa, gân thối rữa rồi, chi tiết khác như trước đã nói.

Phong đại tách lia chi tiết: Nghĩa là làm cho gân nát vụn, gân nát vụn rồi, chi tiết còn lại như trước đã nói.

Chi tiết đã tách lia rồi, thì không quá ngày đêm là mạng chung, vì bốn đại đã tán loạn. Địa ngục không có sự việc tách lia chi tiết, vì các chi tiết luôn bị tách lia, nhưng do nghiệp báo, nên không chết. Súc sinh, ngạ quỷ và ba châu đều có sự việc tách lia chi tiết, trừ châu Uất-đơn-việt, vì không có nghiệp tội. Các cõi trời cũng như vậy. Phạm phu, Thánh nhân đều có tách lia chi tiết, chỉ trừ Phật. Tội báo là tách lia chi tiết. Đức Phật thì không có tội báo.

Đã nói tách lia chi tiết. Sự thoái chuyển nay sẽ nói.

*Pháp thoái có ba thứ
Đắc, chưa đắc, tập hành
Hoặc một người, một thoái
Chưa đắc thoái nói hai
Là tập hành kia thoái
Ba Thánh đều cũng vậy.*

Pháp thoái có ba thứ: Đắc thoái, chưa đắc thoái và tập hành thoái.

Đắc thoái: Nghĩa là công đức đã được, nhưng gặp phải nhân duyên thoái chuyển, là thoái chuyển.

Chưa đắc thoái: Nghĩa là công đức đáng lẽ đạt được, nhưng vì phóng dật nên không được.

Tập hành thoái: Nghĩa là công đức đã đạt được, vì có nhân duyên nên không được tập hành.

Hỏi: Những người nào thoái chuyển và thoái chuyển việc gì?

Đáp: *Hoặc một người, một thoái:* Nếu người đắc thoái là Thanh văn, thuộc hàng độn căn, không phải là hàng lợi căn. Hàng lợi căn là sức của tam muội, nên nói như vậy.

Hỏi: Làm sao nhận biết có đắc thoái?

Đáp: Do nói có hai hạng A-la-hán. Đó là pháp thoái và pháp không thoái. Nếu nói đạo thoái mà quả không thoái là không đúng. Vì sao? Vì đoạn và chứng đắc cùng hợp với đạo. Sự chứng đắc là thuộc đạo để, thế nên đạo thoái chuyển cho là không phải đoạn thì không đúng. Nếu nói lia chủng tử của phiền não làm sao phát sinh, nên nói như tâm vô lậu ban đầu, không có nhân trước mà sinh, đạo thoái kia cũng như vậy.

Lại nữa, vì có phần tự phần nhân, nên từ nơi sinh tử không biên vực, phần tự phần nhân của phiền não sinh khởi. Nói phiền não ở nơi ba xứ đầy khởi là không đúng. Vì sao? Vì phiền não khởi là có đầy đủ, nên nói là chúng sinh khởi phiền não phải có đủ ba nhân duyên là sức của nhân, sức của cảnh giới và sức của phương tiện. Sở của dục ái kia chưa đoạn, chưa nhận biết là sức của nhân (Đoạn là vô ngại, nhận biết là giải thoát). Triền dục ái buộc vướng nơi pháp là sức của cảnh giới. Tư duy không đúng là sức của phương tiện, là ý của thuyết kia. Nếu theo thuyết kia thì do tư duy không đúng, nghĩa là trước kia không có tư duy không đúng không phân biệt nên không khởi. Nếu tư duy không đúng trước kia là có tức là không cùng.

Lại nữa, tâm thiện, tâm vô ký đã đến chỗ hoàn toàn không sinh. (Nếu tư duy không đúng nối tiếp không cùng thì những niệm khác không thể sinh). Nếu không sinh thì sự giải thoát cũng không có phần. Đã thiêu đốt các phiền não, tức không nên sinh trở lại, như

lửa đốt gỗ thành tro, đến cuối cùng thì tro không còn là gỗ nữa. Như vậy A-la-hán dùng lửa trí để thiêu đốt củi phiền não, không nên lại bị phiền não. Chỗ không ứng hợp kia là như vậy. Vì sao? Vì thí dụ không hợp. Thế nào là như đốt củi có tro? Nếu như vậy, phiền não của A-la-hán chưa trọn vẹn là như tro kia chẳng? Nếu chưa trọn vẹn tức không phải là A-la-hán, vì còn có phiền não. Nếu không thì chẳng như thí dụ trên. Nhưng không phải Thánh đạo kia như lửa thiêu đốt củi. Thánh đạo chỉ dốc khởi sự đoạn trừ phiền não, là được giải thoát, được tác chứng. Nếu vị kia lìa Thánh đạo thì cũng xả bỏ giải thoát, bị trói buộc đầu còn khởi trở lại. Như các thứ thoái chuyển là trái với kinh đã nói. Nên biết nói là bất thời giải thoát.

Chưa đắc thoái nói hai: Nghĩa là nếu vị kia là chưa đắc thoái thì đó là Thanh văn, Phật-bích-chi, không phải là Đức Phật, vì Phật đã an trụ nơi tất cả căn tối thắng. Người Thanh văn không được căn tối thắng của Phật-bích-chi, của Phật. Phật-bích-chi không được căn tối thắng của Phật. Thế nên mới có loại chưa đắc thoái. Nói tóm tắt, tất cả chúng sinh nếu tu hành đều nên được tuệ nhãn của Thánh. Nếu người không tu hành mà nhập nơi danh sắc thì đây là chưa đắc thoái.

Hỏi: Làm sao nhận biết có chưa đắc thoái?

Đáp: Vì tin nơi lời Phật nói. Như Đức Thế Tôn nói: Chư thiên và người đời thoái chuyển về trí tuệ, là nhiễm chấp nơi danh sắc, không nhận thấy Thánh đế, tức *Là tập hành kia thoái, Ba Thánh đều cũng vậy:* Nghĩa là nếu người tập hành thoái, thì đó là Thanh văn, Phật-bích-chi và Như Lai, ba Thánh đều có, do các nhân duyên ở khoảng giữa nên các công đức đạt được, không thể thường hiện ở trước.

Hỏi: Làm sao nhận biết có tập hành thoái?

Đáp: Vì nói tâm tâm pháp thoái chuyển. Như Đức Thế Tôn nói: Bốn thứ tâm tâm pháp này là được trụ nơi hiện pháp lạc. Ta nói vị kia, mỗi mỗi thoái chuyển, như Tu-đa-la nói rõ.

Lại có ý nói: Ý không động, thân giải thoát, tác chứng, thành tựu diệu dụng, những thứ đó là không thoái chuyển. Do vậy nên biết Đức Thế Tôn cũng có tập hành thoái. Vì vậy nói: Đức Thế Tôn phần nhiều là hành diệu dụng vị chí, không phải là địa căn bản. Vì sao? Vì gần với cõi dục. Tuy ý không động, đạt giải thoát, có tập hành thoái, nhưng vì đã thành tựu tu đắc nên tất cả những thứ kia khi ở hiện tại đều luôn được tùy chuyển. Tâm tâm pháp kia là hiện tại tu, nghĩa là những gì không hiện ở trước đều gọi là thoái chuyển. Tập hành thoái nhiều nhất là Đức Thế Tôn. Vì sao? Vì công đức vô biên. Như Chuyển luân Thánh vương thọ nhận cảnh giới rộng lớn.

Lại nói: Vì thân nhận người khác, nên gọi là không động, vì tự thân nhận nên gọi là tâm tâm pháp. Đức Thế Tôn phần nhiều thân nhận người khác, ít tự thân nhận. Như vậy, Đức Thế Tôn là bậc Đại bi, Đại xả.

Hỏi: Nơi xứ nào không thoái?

Đáp:

*Chư thiên thì không thoái
Quả thoái trọn không chết
Cũng không tạo nghiệp kia
Trụ nơi quả không làm.*

Chư thiên thì không thoái: Nghĩa là chư thiên không thoái, vì trời là lợi căn, vì trời là được quả. Người lợi căn thì không thoái. Nếu người độn căn đạt được quả, sau đó sinh lên cõi trời cũng không thoái. Vì không sinh, Thánh nhân không sinh nên không thoái. Sự việc này trước đã nói. Vì vật dụng thoái đều không có phần. Đức Thế Tôn nói năm thứ thoái gồm đủ vật dụng do có nhiều hành nghiệp. Vì năm pháp thoái, chư thiên kia không có nên không thoái. Do trời không thoái, nên biết pháp thoái tất là trong loài người, do vật dụng thoái có thể đạt được.

Quả thoái trọn không chết: Nghĩa là người có quả thoái trọn không chết, phải trở lại đắc quả. Vì sao? Vì sinh ở địa dưới là phi số diệt. Pháp phi số diệt trọn không còn hiện ở trước, vì là pháp không sinh, vì đạo quyết định và quyết định rốt ráo đều thuộc về quả. Vì nơi chốn chết đi sống lại của đạo quả, nên người kia được chết rồi sống. Lại, vì quả nơi xứ thiện được tự giữ gìn, vì xứ sở của quả đủ ba nhân duyên và năm nhân duyên như trước đã nói.

Ba quả kia thoái, không phải là quả Tu-đà-hoàn, vì kiến đạo đoạn trừ phiền não không phải là sự đối trị. Kiến đạo đoạn trừ phiền não dựa vào xứ ngã chuyển nhưng không có ngã. Tu đạo đoạn trừ phiền não là sự đối trị. Tu đạo đoạn trừ phiền não là xứ tịnh chuyển. Vị kia có tướng tịnh và tướng bất tịnh. Vị kia tư duy các hành bất tịnh, do tư duy tịnh nên được lìa dục. Đối với việc thấy bất tịnh thì thoái, tư duy không có pháp của ngã, ngã sở. Ở nơi phi ngã thì thấy thoái chuyển.

Lại nữa, quả Tu-đà-hoàn có phương tiện rộng, trước đã tu như thí, giới v.v... để hướng đến giải thoát, nên so sánh như vậy. Lại, quả Tu-đà-hoàn do kiến đạo đạt được, nên không có kiến đạo thoái chuyển, vì là đạo nhanh chóng, nhạy bén, vì đối trị xứ phi tướng phi phi tướng. Nếu quả A-la-hán thoái đến quả Tu-đà-hoàn, nên biết là thoái ba quả, do sự đối trị phiền não kia được thành tựu.

Cũng không tạo nghiệp kia, Trụ nơi quả không làm: Nghĩa là nếu người được quả không làm, thì người của quả thoái kia cũng không làm. Vì sao? Vì được luật nghi không tạo tác, vì Thánh đạo đã diệt hành ác, như đã từng uống thuốc. Lại nữa, vì hy vọng đầy đủ, vì kia hy vọng ở quả diệt, vì đối trị hành ác.

Hỏi: Đến mức nào nên nói là Bồ-tát?

Đáp:

Nếu tu các tướng tốt

Phương tiện khởi nghiệp kia

*Từ đây chuyển tăng tiến
Được gọi là Bồ-tát.*

Nếu có chúng sinh, dùng một bữa ăn bố thí, khởi tâm quyết định, phát lời nói vô úy: “Ta sẽ làm Phật”, tức có thể khởi tướng báo, làm tăng trưởng nghiệp kia. Ngang bằng như vậy gọi là Bồ-tát, vì có thể từ đây tạo nghiệp nối tiếp, tương tự. Nếu không như vậy là chỉ có danh hiệu suông. Bồ-tát tuy có khởi tâm không thoái chuyển ngay từ lúc đầu, nhưng đây là Bồ-đề quyết định, không phải là sự hướng tới quyết định. Nghĩa là tạo tướng nghiệp báo rồi tức đều cùng có quyết định. Thế nên được mang danh hiệu ngang đồng với nghiệp báo của tướng Phật, vì tướng của Phật là bốn nhân duyên, là lia nẻo ác, lia phi nam, lia dòng họ thấp kém và lia căn không đủ. Được một nhân duyên là sinh tánh nhận biết tức mạng. Do sinh ra nhận biết tức mạng, nên vừa nghe tức thì thọ trì, quyến thuộc tin nhận, là lỗi của chúng sinh, vượt qua ba A-tăng-kỳ kiếp, gieo trồng tướng nghiệp báo trong trăm kiếp, trừ Phật Thích Ca Mâu Ni, vì Thích Ca Mâu Ni là Bồ-tát tinh tấn, trừ chín kiếp, còn lại chín mươi một kiếp.

Có thuyết cho: Hai, ba A-tăng-kỳ, không phải là kiếp A-tăng-kỳ, tức là kiếp A-tăng-kỳ là sinh A-tăng-kỳ và khéo hành A-tăng-kỳ.

Hỏi: Tướng nghiệp báo là những tánh nào?

Đáp: Thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp tăng thượng. Lại nữa, tánh của tư tuệ này không phải là văn tuệ, vì yếu kém. Cũng không phải là tu tuệ, vì cõi dục không nhất định. Là chủng loại của châu Diêm-phù-đề, không phải là phương khác, là người nam, không phải là người nữ. Đức Phật ra đời, không phải là không ra đời, thấy Phật không phải là không thấy Phật, là duyên tạo nghiệp, không phải duyên khác.

Có thuyết cho: Một tư nguyện, gieo trồng nghiệp của ba mươi hai tướng. Về sau vô số các thứ nghiệp viên mãn. Lại có thuyết nói:

Một tâm định, một hành, một duyên, phần nhiều là tư nguyện hiện ở trước, có nguyện dưới bàn chân được quả an bình trụ. Có nguyện cho đến nhục kế, mỗi mỗi tướng kia là quyền thuộc của trăm phước. Về lượng phước, có thuyết nói: Phước của một Chuyển luân Thánh vương đó gọi là lượng của một phước.

Lại nói: Phước của một Đế thích. Có thuyết lại cho: Lúc kiếp thành, nghiệp của tất cả chúng sinh tăng thượng, khí thể giới sinh khởi, đó gọi là lượng của phước. Có thuyết nêu: Trừ Bồ-tát gần với Phật địa, còn lại là các phước lạc tự tại nơi nghiệp của chúng sinh. Đó gọi là lượng của một phước. Pháp vô học của Phật là Bồ-đề, gọi là tận trí, vô sinh trí. Tát đỏa cầu trí này, nên gọi là Bồ-đề. Tát đỏa được Bồ-đề này là giác ngộ tất cả pháp, nên gọi là Phật. Tuy có tướng nghiệp báo, về sau được Chuyển Luân Thánh Vương, nhưng tướng của Thánh vương nên biết là nghiệp báo khác.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ Tát-bà-đa?

Đáp:

*Một thứ phân biệt khác
Hoặc có nói tướng khác
Hoặc nói phần phần khác
Hoặc lại nói khác khác.*

Đây là bốn thứ Tát-bà-đa: *Một thứ phân biệt khác:* Nghĩa là thuyết kia nói lúc các pháp tùy theo thể gian chuyển, là phần khác, không phải sự khác. Như sữa biến thành lạc, là bỏ sức tạo lợi ích của vị không bỏ màu sắc. Như vật dụng bằng vàng bạc, hư rồi làm lại thứ khác, là bỏ hình dáng, không bỏ màu sắc. Pháp từ vị lai đến hiện tại cũng như thế. Nên biết, đây là Tát-bà-đa chuyển biến.

Tướng khác: Nghĩa là pháp quá khứ kết hợp với tướng quá khứ, không là tướng của vị lai, hiện tại. Như người đã vướng mắc một sắc, không phải là không vướng mắc sắc khác. Pháp kia cũng như

vậy. Thuyết này có lỗi. Vì nếu các pháp của quá khứ không lia tương vị lai, hiện tại thì rốt cuộc chúng thành gì? Cũng thành nghĩa hợp. Nếu như vậy thì đời rối loạn. Như người vương mắc một sắc, chỉ yêu thích gắn bó nơi một sắc đó nhưng cũng hành cũng thành tựu nơi sắc khác, thành tựu nhưng không hành. Thế nên thuyết kia chỉ khiến đời rối loạn, thí dụ cũng trái nhau.

Phân phần khác: Nghĩa là lúc các pháp tùy theo thể gian chuyên thì phần phần khác, không phải sự khác. Đây là kiến lập đời không rối loạn. Vì sao? Vì nghiệp riêng khác. Nghĩa là pháp chưa tạo nghiệp nói là vị lai, pháp đang tạo nghiệp nói là hiện tại, tạo nghiệp rồi nói là quá khứ.

Nói khác khác: Nghĩa là các pháp được nói kia, lúc tùy theo thể gian chuyên, trước sau đối đãi nhau, không phải sự khác, cũng không phải phần khác. Như một người nữ, cũng gọi là nữ, cũng gọi là mẹ. Vì thời gian trước sau đối đãi nhau, nghĩa là xem người nữ tức biết là mẹ, nhìn người mẹ thì biết là nữ. Đó là cách kiến lập đời rất là rối loạn, vì một sát-na của đời quá khứ có ba đời, nói là: Quán tướng khởi trước gọi là vị lai, quán tướng khởi sau gọi là hiện tại.

Hỏi: Các Sư nói về đế đẳng vô gián, mỗi mỗi đều khác. Bộ Tát-bà-đa và bộ Bà-sa nói về đế đẳng vô gián theo thứ lớp. Đàm Vô Đắc thì nói một đẳng vô gián. Vậy đâu là thật?

Đáp: Nay nên dùng năm chi để nói như thật. Năm chi là tông, nhân, dụ, hợp, kết. Và nghĩa như nơi kệ sau:

*Thứ lớp đẳng vô gián
Trí đế nơi tướng khác
Thấy bình không thấy áo
Thế nên kia cũng vậy.*

Người tu hành trước là tu khổ đẳng vô gián, sau mới đến đạo.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Vì Trí để nơi tướng khác. Trí của khổ, tập, diệt, đạo, mỗi trí đều có tướng khác, vì hành riêng biệt. Nếu hành là khổ trí, thì hành này không phải là trí khác. Nếu không như thế tức không có bốn trí được kiến lập, để cũng có tướng khác. Sự bức bách kia là tướng khổ. Sự sinh khởi là tướng tập. Sự vắng lặng là tướng diệt. Sự xuất ly là tướng đạo. Không phải trí không khác, tướng khác, là một đẳng vô gián của đế.

Vì như lúc thấy bình thì không thấy áo, vì tướng của bình và áo khác nhau. Vì tướng khác nhau, nên thấy bình thì không thấy áo, thấy áo thì không thấy bình. Sự việc kia cũng như vậy. Đối với tướng khác của đế, lúc thấy khổ thì không thấy tướng khác, tất cả đều như vậy. Thế nên thứ lớp đẳng vô gián nói là một đẳng vô gián. Nghĩa là thuyết kia nói: Một đẳng vô gián đối với đế. Vì sao? Vì tin ở Thánh Hiền. Như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo đối với khổ không nghi, tập cũng không nghi, diệt, đạo cũng như thế. Như chiếc đèn, bốn sự việc cùng có tác động: Bình đựng dầu nóng lên, tim cháy, dầu cạn, phá tan bóng tối. Như vậy, một trí nhận biết khổ, cho đến tu đạo. Do vậy là một đẳng vô gián.

Thuyết kia nói: Trí để nơi tướng khác là không đúng, vì một tướng, tất cả tuệ, một trí tướng đối với cảnh giới của tất cả pháp, làm nên hành vô ngã. Như Đức Thế Tôn nói: Tất cả pháp là vô ngã, người trí tuệ có thể thấy. Người trí tuệ kia, lúc nhàm chán khổ, đẩy tức là đạo thanh tịnh, về tướng của đế cũng nói như vậy.

Thí dụ bình, áo có tướng khác, điều này cũng không đúng. Vì sao? Vì đẳng vô gián không có phần của tự tướng và cảnh giới của cộng tướng. Đẳng vô gián không phải là tự tướng, đó là tướng hư hoại của năm ấm như sắc v.v... (Tướng hư hoại tức là tướng vô thường). Cảnh giới chung là trí nơi một đẳng vô gián. Nếu khác là tự sinh khởi lỗi lầm. Nói thứ lớp vô gián, nghĩa là ông nói là lời của Hiền Thánh,

đây là mật ngữ. Thuyết này có nghĩa khác. Như Đức Thế Tôn nói: Nếu đối với khổ không nghi thì đối với tất cả đều không nghi, vì hành nghi kia nên mới nói. Nếu khổ kia là đẳng vô gián sinh, thì nghi kia rất ráo không hành, vì là phi số diệt. Vì trừ có thuyết khác, nên Đức Thế Tôn nói trong Kinh Cấp Cô Độc như thế này: “Trưởng giả, đối với bốn Thánh đế theo thứ lớp là đẳng vô gián. Nói rộng như vậy”.

Đã nói như chiếc đèn, nghĩa là chiếc đèn có nhiều ánh, nhiều nghiệp dụng nên có lỗi. Tôi không chấp nhận sự việc của chiếc đèn. Vì nếu lúc phân biệt thì chiếc đèn đã bỏ tên của mình, như trước đã nói. Ánh sáng của đèn kia là thuộc sắc nhập, là sức có thể phá tan bóng tối. Sức nóng của đèn kia thuộc về xúc nhập, có thể làm nên sự việc khác. Nếu không như vậy là phá bỏ nghĩa quyết định. Tuệ thì không như vậy. Nếu nói là đồng thì có lỗi. Nếu nói một tướng thì điều này cũng không đúng, vì hành riêng lẻ. Hành vô thường nhưng trí khác. Khổ, không, vô ngã v.v... nơi hành trí cũng đều khác, theo như vậy để so sánh. Nếu không như thế thì không có môn giải thoát. Hành không hoại là môn giải thoát (Lìa quán gọi là hoại. Ba giải thoát vì quán khác nên không hoại).

Như ông nói, duyên nơi tất cả pháp làm nên hành vô ngã, vì quán tức khắc tất cả pháp. Đó là tư duy không định và tư duy phân định, hành đều duyên riêng nơi đế. Do vậy không nên nói, người tu hành kia lúc nhằm chán khổ tức là đạo thanh tịnh. Do không thể đem hành nhằm chán để duyên nơi diệt, đạo, vì diệt, đạo là sự việc đáng ưa thích. Tất cả duyên nghĩa là không chung nơi tất cả, vì trái nhau, do hành vô ngã chẳng tức là hành. Vì hành vô ngã này, nên tự tánh không tự quán xét, cũng không có hai tánh quyết định, cũng không quán tương ưng, vì cùng một hành, một duyên. Cũng không quán chung có chung, vì một quả, một quyết định.

Lại nói: Tất cả hành vô thường, nghĩa là cũng chẳng phải là hành vô thường, vì tạo diệt đẳng vô gián. Diệt nghĩa là thường còn,

nên biết hành kia cách xa do hướng đến chân đế. Như đã nói, quán chúng sinh này nơi đê mê dài sinh tử, đã tạo thành những hành ác của thân, miệng, ý, nói chúng sinh này tức là địa ngục và nẻo ác khác. Thật ra không phải người này tức là địa ngục, vì hướng đến địa ngục, nên nói người kia cũng như vậy.

Lại nữa, là không đặng vô gián tức không phải là vô nguyên, vô tướng, vì cảnh giới của tất cả pháp kia không có, nên chớ nói là có lỗi. Vì thế hành vô ngã của tất cả pháp là tư duy không nhất định. Tư duy nhất định là duyên nơi hữu lậu. Nếu không như vậy thì môn giải thoát giảm. Nếu nói tự tướng đặng vô gián là không phần thì không đúng. Vì sao? Là do quán. Tự tướng, cộng tướng này gọi là tướng bức bách, là tướng khổ. Vì quán ba đế là tự tướng, nên quán âm là cộng tướng. Như vậy, tất cả nên biết, đều do quán nên nói tự tướng, cộng tướng. Nói không như vậy là không đúng. Vì sao? Vì quán không hoại như trước đã nói. Trung âm ở trước đã nói, sau sẽ nói, nay nói.

Hỏi: Có trung âm hay là không có?

Đáp:

Nên biết có trung âm

Đức Thế Tôn đã nói

Ví như đường trong thôn

Kia tức có cùng qua.

Đây nói có trung âm. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn đã nói. Như Đức Thế Tôn nói: Bảy sĩ phu hướng đến có trung bát Niết-bàn. Nếu không có trung âm thì không có trung bát Niết-bàn. Nếu nói có người chết yếu từ kia bát Niết-bàn là không đúng, vì trong cõi trời không nói đến. Đức Thế Tôn nơi Tu-đa-la nói: Trời Bốn Thiên vương cho đến xứ phi tướng phi phi tướng, đều không nói có kẻ chết yếu giữa chừng. Ngoài ra cũng có lỗi vì nếu nói sinh bát Niết-bàn thì còn có

tên là sinh thiên chẳng? Như vậy, tất cả A-na-hàm cũng nên có lỗi là nói như vậy. Thế nên thuyết kia là thuyết vọng tưởng. Nếu nói thọ mạng trung gian là bát Niết-bàn thì không đúng, vì trừ châu Uất-đơn-việt và Bồ-tát ở biên sau, đa số chúng sinh không hết thọ mạng mà chết, đầy đều là trung bát Niết-bàn chẳng? Thế nên các thuyết này đều có lỗi.

Hỏi: Sự việc này là thế nào?

Đáp: Ví như đường trong thôn. Như từ một thôn đến một thôn. Như vậy, tử âm, sinh âm, thì từ tử âm hướng đến sinh âm cũng như thế. Như kinh A Thập Ba La Diên nói: Như từ mỗi mỗi xứ kia đến. Nói rộng như thế.

Nếu không có trung âm, thì không có việc đến đi. Do vậy nên có trung âm. Nếu nói vì trừ Tu-đa-la nêu bày chưa trọn vẹn, Đức Thế Tôn nói Tu-đa-la và kệ: “Năm tội vô gián tạo rồi, tức theo thứ lớp sinh trong địa ngục Vô gián”.

Lại nữa, vì Phạm chí nên nói kệ: ”Trẻ vì già, bệnh, trôi dạt đến chốn Diêm vương”. Phạm chí không có trụ xứ, cũng không có của cải, lương thực, thế nên không có trung âm, điều ấy là không đúng. Vì sao? Vì nghiệp hướng đến vô gián, nên nói Tu-đa-la và kệ. Tức nói: Tạo nghiệp vô gián rồi, tất trước thọ nhận báo vô gián, sau đây là thọ nhận nghiệp báo khác, cũng tất sinh trong nẻo địa ngục, không phải nẻo khác.

Như ông đã giải thích, Đức Thế Tôn nói Tu-đa-la: Năm nghiệp vô gián tạo rồi, theo thứ lớp sinh trong địa ngục, là phải đủ năm nghiệp vô gián mới sinh trong địa ngục hay là chỉ hai, ba, bốn nghiệp? Hay còn tội khác, sinh trong địa ngục? Nên biết kinh này và ý của kệ. Nếu nói như ảnh: Nghĩa là mặt trăng rất xa, ảnh của mặt trăng hiện trong nước, không phải là mặt trăng kia đi đến trong nước. Như vậy, tử âm, sinh âm cũng như ảnh, chúng sinh sinh sống đâu cần gì đến trung âm.

Điều này cũng không đúng. Vì sao? Vì những điều kia đều cùng có lỗi. Mặt trăng và nước đều cùng có. Tử âm, sinh âm không cùng có, thế nên có lỗi. Thí dụ dưới chân nhãn thức là thân thức cũng như vậy. Nếu trước đã nhận lấy sinh âm mà bỏ tử âm như loài trùng Chiết lâu là không đúng. Vì sao? Vì nẻo không riêng lẻ và hai thức kết hợp là có lỗi. Vì vậy nên nói có trung âm, như đã nói ở bốn thứ Tát-bà-đa.

Hỏi: Tất cả hữu vi là có hay là không có?

Đáp:

*Nên biết tất cả hữu
 Chẳng có tất cả tướng
 Tất cả không, tất cả
 Không có pháp tướng khác.*

Hữu này là Tát-bà-đa đã lập. *Tất cả* nghĩa là mười hai nhập. Các nhập kia đều có tự tướng, không phải là thứ khác. Tất cả tướng đã tạo đều riêng lẻ, tạo nên nghiệp riêng lẻ, như trước đã nói.

Tất cả không, tất cả: Nghĩa là trong pháp có pháp học, không có pháp vô học. Trong pháp vô học thì có pháp vô học, cũng không có pháp học. Như trong khoảng không cũng không có dấu vết. Nên so sánh như vậy.

Hỏi: Ở đây nói là có, còn thế nào là không có?

Đáp: *Không có pháp tướng khác.* Như tướng của mắt là nhãn nhập, không có tướng nhập khác, vì tướng riêng lẻ. Do vậy nên nói tất cả pháp không xen tạp.

*Tất cả đời đều có
 Không trái chỗ ứng hợp
 Lời Mâu-ni đã nói
 Tăng Thanh văn không Phật.*

Có ba đời Tát-bà-đa. Đây là do Tát-bà-đa đã lập.

Hỏi: Vì sao nơi đời hiện tại là quá khứ, vị lai để đặt ra?

Đáp: Nếu không có quá khứ, vị lai tức không có đời hiện tại. Đời hiện tại không có, thì cũng không có pháp hữu vi, thế nên có ba đời. Đừng nói là có lỗi. Nếu nói thời gian lâu xa là quá khứ, sẽ có là vị lai, không phải là có, chỉ có hiện tại, điều này không đúng. Vì sao? Vì có nghiệp báo. Đức Thế Tôn nói có nghiệp, có báo, không phải nghiệp báo này, cùng có trong hiện tại. Nếu gây nghiệp ở hiện tại, nên biết báo ở nơi vị lai. Nếu chịu báo ở hiện tại, nên biết là nghiệp đã tạo trong quá khứ. Nếu nói theo tục số để nói, tức cũng nói có tác giả là không thể được. Nếu cho là theo tục số để nói là có nghiệp, có báo, điều này cũng không đúng. Đức Thế Tôn cũng nói có tác giả là không thể được. Thế đây cũng là theo tục số để nói chẳng? Do miệng thần đã nói Tu-đa-la đệ nhất nghĩa không, nhưng ông vọng tưởng nói là đây có nên kia có. Nên so sánh như vậy.

Nên biết, như ông nói: Thời gian lâu xa là quá khứ, sẽ có là vị lai, tức không phải là có, chỉ hiện tại là có. Chớ nên nói như thế, tôi cũng có thể nói về hiện tại: Đối với sự việc đã qua là vị lai, đối với sự việc sẽ có là quá khứ. Điều này không phải là người trí nói.

Như đã nói, nếu không có năm căn như tín v.v... ta nói là chúng phạm phu. Nếu người học còn bị phiền não ràng buộc, nên năm căn như tín v.v... không hiện ở trước, vì đạo với phiền não không cùng hợp. Do vậy nên biết là có quá khứ, vị lai. Nếu nói khác thì Thánh nhân tức nên là phạm phu. Nếu nói chứng đắc là tùy nơi sinh, điều này cũng không đúng, do không có pháp chứng đắc, vì không có nơi chốn nương dựa.

Tăng Thanh văn không Phật: Nghĩa là Tăng Thanh văn không gồm thân Phật. Vì sao? Vì ba ngôi báu không giảm. Nếu Đức Thế Tôn thuộc về Thanh văn, tức nên có hai ngôi báu, không phải là ba, vì Phật không có thể riêng. Quy y và tịnh không hoại, niệm v.v... cũng như vậy. Chớ nói là có lỗi, thế nên Tăng Thanh văn không gồm thân

Phật. Như Đức Thế Tôn đã nói trong Tu-đa-la: “Kiều-đàm-di! Bồ thí cho Tăng cũng là cúng dường Ta”. Nên biết Tăng được Đức Phật nói ở đây là Tăng Tỳ-kheo, Thánh Tăng, Tăng phước điền, Đức Thế Tôn là thuộc về ba Tăng đó, vì đã phá trừ phiền não, vì là Thánh, vì là phước điền đệ nhất nghĩa, không phải là Tăng Thanh văn tự giác.

*Như khiến chương cú rộng
Quần sinh rất sợ hãi
Tướng sâu không gì hơn
Tôi nay chỉ lược nói.*

Nếu nói rộng, chúng sinh tất sợ hãi. Thế nên tôi nay không nói rộng. Vì câu chương sâu xa, A-tỳ-đàm sáng tịnh, trí tuệ đã lãnh hội. Đối với nghĩa vi diệu nơi âm thanh của các luận, ở đây xin lược nói.

*Các Đại sư xa xưa
Diễn nói vô lượng nghĩa
Nay tôi theo chỗ hiểu
Phân biệt nói phần ít.*

Đối với các pháp do Tôn giả Pháp Thắng thuyết giảng, tôi nay xin đem chút ít trí tuệ để suy nghĩ lường xét soạn tập, nhằm tạo lập chương cú, nêu thuật lại để giúp tuyên dương giáo pháp của Phật, không phải vì kiêu mạn, cầu được tiếng khen. Như Tôn giả Pháp Thắng đã nói: Nếu sinh các phiền não là Thánh nói, thì đạo hữu lậu diệt, cũng sinh phiền não, nhưng không phải hữu lậu tăng, vì phiền não không có. Vô lậu duyên nơi phiền não, chỉ có giảm, không tăng, như trước đã nói. Thế nên tôi nói là tăng. Vô lậu duyên nơi hạ trung thượng nói không tăng là không đúng, vì chỗ dựa tăng.

*Quyết định biết luận này
Chương câu nghĩa vi diệu
Nơi chúng trí tuệ kia
Dũng mãnh không sợ hãi.*

Đối với vị nghĩa nơi chương câu của luận này, người trí có thể quyết định khéo phân biệt để nêu bày. Nghĩa là không có tâm khiếp sợ ở trong các chúng trí tuệ, vì khéo hiểu rõ về pháp tướng.

*Tôi nay luận tặng ích
Tâm này không chút tham
Vì khiến người trí thích
Chóng được vui Niết-bàn.*

Nghĩa của Bản kinh nói rất tóm tắt nhưng sâu rộng, khó có thể thọ trì, như luận về hư không khó có thể nhận biết rõ, như trước đã nói. Thế nên Bản luận tặng ích tùy thuận nghĩa của Tu-đa-la, khiến dễ lãnh hội. Vì nhận biết nghĩa thì phiền não đoạn dứt.

**

Phẩm thứ 11: LUẬN

Đã nói xong phẩm Trạch, nay sẽ lược nói về các luận, khiến người trí vui thích.

*Lìa luật, không luật nghi
Nhưng được nơi luật nghi
Không nhân kia hơn hẳn
Người quyết định nên nói.*

Đáp: Có. Là lúc từ cõi vô sắc mất, sinh nơi cõi sắc. Phạm phu ở cõi vô sắc, gọi là phi luật nghi phi bất luật nghi, vì luật nghi thiện ác không có ở cõi vô sắc. Lúc từ cõi vô sắc kia mạng chung, sinh nơi cõi sắc thì được luật nghi thiện, vì luật nghi của cõi sắc đều cùng có với tâm, không phải thắng tấn, vì cõi vô sắc là cõi thù thắng.

*Từng được quả Sa-môn
Hiền Thánh là các lỗi*

*Được pháp thiện hữu vi
Không gọi là tu tập.*

Đáp: Có. Tức là Thánh đạo thuộc về quả. Diệt rồi về sau mới thoái chuyển. Căn không tiến thêm nhưng trở lại đạt được. Căn đó trước kia thuộc về quả của quá khứ, vì đạo diệt trước nên không phải tu, vì nhân của hiện tại không có.

Lìa các lỗi: Nghĩa là không phải thế tục.

Hữu vi: Nghĩa là không phải vô vi.

Thiện: Nghĩa là không phải bất thiện, vô ký.

*Lúc đạo chưa hưng khởi
Xa lìa các lỗi lầm
Lúc giải thoát lìa ác
Người quyết định nên nói.*

Đáp: Có. Nghĩa là người tu hành trụ nơi tam muội kim cang, trừ tận trí đầu tiên và các pháp vô học khác, là lúc chưa khởi, vì không hướng đến.

Lúc giải thoát: Nghĩa là khi tất cả đạo vô học giải thoát tức thì, tận trí đầu tiên sinh, lúc sinh này là lúc giải thoát.

Lìa các lỗi ác: Nghĩa là không phải hữu lậu.

*Tùng Quang Âm triền khởi
Là tương ưng định kia
Thiền một thanh tịnh thoái
Nhưng được nơi pháp thoái.*

Đáp: Có. Đó là lúc A-la-hán ở nơi triền của thiền thứ hai thoái chuyển, tận trí đã được, nơi thiền thứ nhất thoái chuyển cùng với tận trí kết hợp. Có thoái chuyển nơi sự huân tu, vì thiền thứ nhất cùng với thiền thứ tư kết hợp. A-na-hàm cũng vậy. Nói tịnh là làm sáng tỏ chỗ thoái chuyển vì không phải vô học.

*Từng nơi đạo kiến đế
 Được các pháp thiện kia
 Pháp ấy là có duyên
 Thánh trí không thấy duyên.*

Đáp: Có. Là đẳng trí của cõi dục cùng với khổ tử trí kết hợp và khổ đẳng vô gián biên tu, cũng không thấy trí kia duyên, vì trí ấy duyên nơi cõi dục, nhưng khổ tử trí thì không duyên nơi cõi dục. Tập, diệt đẳng vô gián biên cũng như vậy. Đạo tử nhãn được duyên với trí của ba đế nhưng không quán đế ấy do trụ nơi cảnh giới khác. Như trụ nơi pháp học được pháp vô học, được pháp vô học không phải là pháp học. Như thế từ phẩm Pháp trí đến phẩm Tỷ trí, phẩm Tỷ trí lại đến phẩm Pháp trí.

*Từng quả tuệ hữu lậu
 Do tuệ vô lậu đoạn
 Quả kia nơi nhân khởi
 Là tuệ không lia dục.*

Đáp: Có. Là Thánh nhân lia dục của cõi dục, chưa lia dục của thiên thứ nhất. Tâm biến hóa của quả thiên thứ nhất cùng cõi dục đã lia dục, vì ái của cõi dục đã hết. Tuệ của thiên thứ nhất chưa lia dục, vì ái của thiên đó chưa hết. Tất cả tâm biến hóa cũng như vậy, theo nghĩa đó, trừ quả của địa mình.

*Từng trụ đạo vô ngại
 Nhưng được nơi các diệt
 Phiền não cùng trái này
 Không phải kiến vô lậu.*

Đáp: Có. Là lúc người phạm phu tu thần thông. Đạo vô ngại đoạn trừ phiền não, thần thông cùng trái nhau nhưng được các diệt, không phải trái nhau nơi kiến vô lậu. Vì sao? Vì lúc Thánh nhân lia dục thì pháp nhãn hiện ở trước, vì đặc nhãn là cùng trái với phiền não diệt.

*Tùng các phiền não diệt
 Người lia dục đạt được
 Không đoạn nơi phiền não
 Nhưng được toàn vô cấu.*

Đáp: Có. Là lúc ở nơi địa trên mạng chung, sinh vào cõi Phạm thiên, được phiền não của cõi dục diệt nhưng không đoạn trừ phiền não đó, vì trước đã đoạn rồi. Tất cả địa khác cũng như vậy.

*Tùng địa tịnh vô cấu
 Chưa từng được mà được
 Không lia dục, không thoái
 Không dựa nơi kiến đạo.*

Đáp: Có. Là thiên thứ nhất lia dục, dựa vào thiên thứ nhất cùng quyền thuộc vượt lên đạt ly sinh. Đạo tử trí sinh khởi, thành tựu quả A-na-hàm của ba địa. Từ định kia khởi nhập thiên thứ hai, đạt được vô lậu của thiên thứ hai. Lúc được vô lậu của thiên này, không phải do lia dục, vì trước đã lia dục, không phải thoái vì thắng tấn, không phải kiến đạo, vì kiến đạo là rốt ráo. Nên biết địa trên và các căn tăng ích cũng như vậy.

*Tùng được chưa từng được
 Nhưng được nơi tịch diệt
 Không xả không được kia
 Như bậc Năng Tri nói.*

Đáp: Có. Tức là trừ quyền thuộc của khổ pháp nhãn được, được đạo vô lậu khác, xả vô lậu ban đầu kia. Tất cả tánh phạm phu đều không được, những thứ khác không xả, vì trước đã xả.

*Nếu thành tựu tám nhãn
 Cũng thành tựu bảy trí
 Các kiến vô lậu này
 Không thấy vô lậu nào.*

Đáp: Có. Đó là nói người này trụ nơi đạo tử nhĩn, thành tựu tất cả tuệ của kiến đạo, thấy tất cả diệt, tất cả đạo, chỉ trừ quyền thuộc của đạo tử nhĩn. Nhĩn kia không thấy tự tánh, vì không tự quán, không có hai tánh, vì cũng không thấy tương ưng với một hành, một duyên, không thấy có chung một quả, một quyết định.

*Tùng có pháp chưa được
Cảnh giới bên hữu lậu
Chỉ có người không động
Hay kích động pháp thiện.*

Đáp: Có. Là nói về vô tướng của vô tướng, ở nơi sinh tử không cùng, chưa từng được mà được. Vì Thánh đạo rộng lặng, nên nói duyên nơi hữu lậu. Vì là phi số diệt, nên nói cảnh giới biên, ngoài ra là không có, nên nói chỉ không động, vì Thánh đạo rộng lặng, nên nói đã kích động pháp thiện.

*Đã khởi tuệ vô lậu
Nơi người chưa khởi kia
Đời trước không nhân sau
Như bậc Năng Tri nói.*

Đáp: Có. Là sự tăng thêm trước, không phải là nhân kém sau, vì quả kia tương tự và tăng thêm.

*Tùng lìa dục sáu địa
Thánh cũng thành quả kia
Không thành thiên vô lậu
Như bậc Năng Tri nói.*

Đáp: Có. Là ở không xứ lìa dục, dựa vào thiên vị chí, vượt lên đạt ly sinh. Khổ pháp nhĩn sinh, đạo tử trí chưa sinh, do tám mươi chín quả Sa-môn, nên nói là thành tựu quả của địa kia. Vì khổ pháp trí là khổ pháp nhĩn nơi quả y và quả công dụng. Phiền não do kiến

khổ đoạn đã hết, là quả giải thoát và quả công dụng, nhưng không thành tựu thiên vô lậu, vì chưa được.

*Tùng các pháp vô lậu
Nhưng là thuộc về quả
Người hay sinh pháp kia
Không nhập trong cõi ấy.*

Đáp: Có. Tức là giới vô lậu, thuộc về cõi vô lậu kia, không phải thuộc về hữu lậu. Giới là do bốn đại tạo nên, là quả của bốn đại đó. Bốn đại là thuộc về cảnh giới xúc, vì là cảnh giới của thân thức.

*Tùng một đại chủng diệt
Nơi địa thiên không khởi
Hai đại chủng ở trước
Như bác Năng Tri nói.*

Đáp: Có. Là nói về Thánh nhân sinh nơi cõi dục và thiên thứ nhất vô lậu, theo thứ lớp thiên thứ nhất hữu lậu hiện ở trước. Một chủng bốn đại diệt, là bốn đại của cõi dục, do vô lậu tùy chuyển. Nếu ở nơi cõi dục kia sinh, hiện ở trước, tức là địa kia do bốn đại tạo. Hai thứ bốn đại hiện ở trước: Nghĩa là cõi dục và bốn đại của địa thiên thứ nhất. (Đạo cùng với giới gọi là vô lậu tùy chuyển. Nếu ở nơi cõi dục kia sinh, tức là bốn đại tạo cõi dục đó, nên bốn đại này cùng với vô lậu đều có sự khởi diệt).

*Tùng pháp nhân ba đạo
Là ba thứ tự tánh
Nói ba thứ một địa
Cũng lại ở ba địa.*

Đáp: Có. Là tuệ vô học, lấy kiến đạo, tu đạo, đạo vô học kia làm nhân. Tận trí, vô sinh trí, đẳng kiến vô học là tự tánh. Vì phân biệt hạ trung thượng nên nói là ba thứ, vì thuộc về địa vô học nên nói là một địa. Có giác có quán đều phân biệt, nên ở nơi ba địa.

*Tùng có thọ hữu lậu
Hai thành, một không thành
Hai căn, hai chủng thành
Đây nói là thân chúng.*

Đáp: Có. Tức là người Thân chúng, căn cứ vào thiền thứ nhất, quyền thuộc của thiền thứ nhất và căn thắng tấn của thiền thứ hai. Địa trên không hiện ở trước, thành tựu khổ căn, lạc căn hữu lậu. Người này trước đã được lạc căn vô lậu của địa thiền thứ ba. Do chuyển căn nên xả rồi chưa được trở lại, vì dựa vào căn thắng tấn của địa dưới nên không tu học đạo của địa trên. Như được một ưu căn của quả học không thành tựu, vì lia đục. Hỷ căn, xả căn, mỗi căn đều có hai thứ, nghĩa là hữu lậu, vô lậu, tức đều thành tựu, do xả căn thuộc về thiền vị chí, thiền trung gian, thế nên được xả căn. Hỷ căn thuộc thiền thứ nhất, thiền thứ hai, vì vậy được hỷ căn.

*Phiền não chín địa diệt
Nhưng được nơi các thiền
Không được định vô sắc
Hoặc lại được nên nói.*

Đáp: Có. Là A-la-hán có thể được thiền định, không phải là vô sắc. Các thiền cũng được, cũng hiện ở trước. Vô sắc là thành tựu nhưng không hành.

*Một pháp có nhiều tánh
Hoặc một, ba, có không
Đó là pháp vô học
Sức nhân đã nuôi lớn.*

Đáp: Có. Là vô tri căn. Vì kiến lập một căn nên nói là một. Do chín căn hòa hợp nên nói là nhiều tánh. Do nhiều tánh nên nói không phải là một. Vì một địa vô học nên nói là một địa. Do giác quán phân

biệt nên nói là ba địa. Có, nghĩa là có danh. Không, nghĩa là không có sự riêng. Vì vô học đắc nên nói là pháp vô học. Do ba nhân thành lập nên nói là nhân nuôi lớn.

*Tùng pháp là có phần
Cùng kia có phần khác
Sinh, trụ, hoại tương tự
Như bậc Năng Tri nói.*

Đáp: Có. Tức là sắc nhập thì có phần khác. Tướng của sắc kia cùng với nhập đều cùng có sinh, trụ, diệt, vì chung một quả. Sắc nhập: Nghĩa là không tạo nghiệp nên nói là có phần khác. Tướng sắc kia: Nghĩa là thuộc pháp nhập, nên là có nhập.

*Tùng các pháp tương ưng
Hoặc nói có phần khác
Hoặc lại nói có phần
Như bậc Năng Tri nói.*

Đáp: Có. Nghĩa là pháp không sinh ở vị lai, ý nhập là có phần khác, do không tạo nghiệp. Tâm pháp khác là có phần, vì thuộc pháp nhập.

*Tùng hai A-na-hàm
Sinh chung nơi một địa
Pháp thứ nhất hoặc thành
Cùng đắc quả một địa.*

Đáp: Có. Đó là một A-na-hàm, dựa vào thiên thứ hai, vượt lên đạt ly sinh. A-na-hàm thứ hai dựa vào thiên thứ ba. A-na-hàm kia mạng chung, đều cùng sinh nơi thiên thứ ba. Người A-na-hàm kia dựa vào thiên thứ hai, vượt lên đạt ly sinh, là vì thiên tăng tiến, bỏ pháp thế gian thứ nhất, tức dựa vào thiên thứ ba, nghĩa là thành trụ, không bỏ. Các địa trên cũng như vậy. Được quả của địa là thiên không giác, không quán.

*Tùng có pháp bất động
Cùng thọ nơi một hữu
Một thành tựu chín địa
Thiện hữu lậu một vô.*

Đáp: Có. Nghĩa là một sinh nơi cõi dục, một sinh nơi thiên thứ nhất. Người sinh nơi cõi dục tức thành tựu pháp hữu lậu của chín địa. Người sinh nơi thiên thứ nhất có tám địa, trừ địa cõi dục. Tăng thêm và xả bỏ đều cùng thọ một hữu, nên nói là một hữu. Hữu lậu là do vô lậu sinh lên địa trên, thành tựu địa dưới, nên nói là hữu lậu.

*Tùng trụ một sát-na
Được, xả ba môn thoát
Hoặc lại xả nơi hai
Một xả trở lại được.*

Đáp: Có. Là người sinh nơi cõi vô sắc, sẽ được A-la-hán, trụ nơi tam muội kim cương, được môn tam muội vô học, xả ba môn giải thoát học, xả định diệt thọ tướng và xứ phi tướng phi phi tướng, xả tất cả phần thoái chuyển, được tất cả phần thắng tấn. (Vì trong một niệm cũng xả cũng được, nên nói là một niệm. Định diệt thọ tướng và phi tướng được đoạn trừ nhận biết nên nói xả hai. Xả phần thoái, được phần thắng nên nói xả một được một).

*Tùng thành quả Sa-môn
Thành tựu Thánh, phi Thánh
Nhưng không được đoạn biết
Như bậc Năng Tri nói.*

Đáp: Có. Là đẳng vô gián, khổ trí sinh, tập trí chưa sinh. Bây giờ, ở nơi tám mươi chín phần quả Sa-môn thì thành tựu, ở bốn quả Sa-môn thì không thành tựu, cũng không được đoạn trừ do nhận biết.

*Qua biển vô thắng kia
Sức kém không kham được*

Nay tôi theo khả năng
 Tuyên thuyết nghĩa sâu diệu.
 Người nghèo khổ thế gian
 Có thể được giàu có
 Không trí tức chẳng vậy
 Nên cần phương tiện lớn.
 Báu thế gian dễ được
 Tuệ báu thật khó đạt
 Do vậy phải siêng học
 Nhập dần trí thâm diệu.
 Hiểu đúng đường Niết-bàn
 Nẻo tà hoặc sinh tử
 Tuệ hay diệt si ám
 Như mặt trời xua tối
 Vì cầu đạt giải thoát
 Đốc siêng tu trí tuệ.

Bài kệ trang nghiêm A-tỳ-đàm của Tỳ-kheo Tát-bà-đa, là nguyện khiến cho hết thảy chúng sinh, trí tuệ dần tăng, nhanh chóng được giải thoát.

HẾT - QUYỂN 11

SỐ 1553/2
LUẬN A TỶ ĐÀM CAM LỘ VỊ

*Tác giả: Tôn giả Cù Sa (Diệu Âm).
 Hán dịch: Dịch vào đời Tào Ngụy (Mất tên người dịch).
 Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ.*

QUYỂN THƯỢNG
Phần thứ 1: BỐ THÍ, TRÌ GIỚI

Hỏi: Thế nào là bố thí?

Đáp: Tự đem của cải, vật dụng để cho, vì ba thứ tức vì mình, vì người khác, vì cả hai. Cúng dường tháp, chùa, Phật, Phật-bích-chi và A-la-hán, là vì mình thí cho chúng sinh, vì người nên bố thí cho người, cũng là vì cả hai. Ý nghĩ, ruộng vườn, tài vật tốt đẹp, được báo tốt đẹp.

Hỏi: Thế nào là ý nghĩ tốt đẹp?

Đáp: Cúng dường cùng với tâm tin tịnh.

Hỏi: Thế nào là ruộng tốt đẹp?

Đáp: Có ba thứ ruộng: (1) Ruộng có đức lớn. (2) Ruộng có nghèo khổ. (3) Ruộng có đức lớn và nghèo khổ.

Hỏi: Thế nào là ruộng có đức lớn?

Đáp: Là Đức Phật, Bồ-tát, Phật-bích-chi, A-la-hán, A-na-hàm, Tu-đà-hàm và Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Thế nào là ruộng có nghèo khổ?

Đáp: Là súc sinh, kẻ già bệnh, đui, điếc, câm, ngọng. Tức có vô số thứ nghèo khổ như vậy.

Hỏi: Thế nào là ruộng có đức lớn và nghèo khổ?

Đáp: Là gồm cả hai loại trên.

Đối với ruộng có đức lớn, nếu cúng dường bố thí với tâm cung kính thì được báo lớn. Đối với ruộng có nghèo khổ, nếu cúng dường bố thí với tâm thương xót thì được báo lớn. Đối với ruộng có đức lớn và nghèo khổ, nếu cúng dường bố thí với tâm cung kính, thương xót thì được báo lớn. Đó gọi là ruộng phước tốt đẹp.

Hỏi: Thế nào là vật tốt đẹp?

Đáp: Không giết hại người khác, không trộm cắp, không cướp đoạt, không trói buộc, không đánh đập, không khinh thường người khác, không lừa dối. Dem vật trong sạch tùy theo số lượng nhiều ít bố thí đúng lúc. Đó gọi là vật tốt đẹp.

Hỏi: Thế nào là tin?

Đáp: Là nhận biết quả đời sau. Nếu là Niết-bàn thì nhất tâm không động. Đó gọi là tin tịnh.

Hỏi: Thế nào là tự trừ bỏ tham lam, keo kiệt?

Đáp: Là cung kính người. Đó gọi là cúng dường thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là phụng sự, đón tiếp, lễ bái?

Đáp: Tự tay thí cho v.v... Đó gọi là cúng dường.

Hỏi: Thế nào là ruộng khác?

Đáp: Các công đức như làm việc thiện, giữ giới, thiên định, trí tuệ, giải thoát, được quả v.v... Nếu có được như thế đó gọi là ruộng khác.

Cứu giúp những trường hợp tai ách khác, những thứ khổ khác, khiến họ không còn khổ, phát tâm cung cấp, thì được quả báo vi diệu. Bồ thí cho Phật, tức thì tất cả đều được phước. Bồ thí chúng Tăng, nếu được thọ dụng thì được tất cả phước, nếu chưa thọ dụng thì không được tất cả phước. Do cúng dường pháp nên được báo lớn. Nếu người học thông sáng, trí tuệ lớn, đem pháp cúng dường thì đó là cúng dường pháp. Người bố thí thì được giàu có. Người thọ nhận của bố thí tức được các công đức như an vui, sức khỏe, sống lâu v.v... Diệt trừ kiết thì được quả báo lớn hơn. Nếu thí cho súc sinh thì thọ nhận báo trăm đời. Nếu thí cho kẻ bất thiện thì thọ nhận báo ngàn đời. Nếu thí cho người thiện thì thọ nhận báo ngàn vạn đời. Nếu thí cho phạm phu lìa dục thì được thọ nhận báo trong ngàn vạn ức đời. Nếu thí cho người đăc đạo thì thọ nhận báo vô số đời. Nếu cúng dường cho Phật thì được thọ nhận báo cho đến đăc Niết-bàn.

Bồ thí có sáu thứ nạn: (1) Bồ thí với tâm kiêu mạn. (2) Bồ thí vì cầu danh. (3) Bồ thí vì uy lực. (4) Bồ thí vì ép buộc. (5) Bồ thí có điều kiện. (6) Bồ thí nhằm mong cầu được báo. Đó gọi là sáu thứ nạn của bồ thí.

Hỏi: Thế nào là giữ giới?

Đáp: Có hai thứ luật nghi: Luật nghi bất thiện và luật nghi thiện.

Hỏi: Thế nào là luật nghi bất thiện?

Đáp: Nghĩa là sát sinh, trộm cắp, tà dâm, đó gọi là ba thứ luật nghi ác của thân. Nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, đó gọi là bốn thứ luật nghi ác của miệng. Tham lam, giận dữ, tà ác, đó gọi là ba thứ luật nghi ác của ý.

Hỏi: Thế nào là sát sinh?

Đáp: Có sự sống của người khác, nhận biết là sự sống của người khác, nhưng cố tình cướp đoạt mạng sống, như vậy là sát sinh. Có vật

thọ dụng của người khác, nhận biết là vật thọ dụng của người khác, nhưng vẫn cố ý trộm cắp, cướp đoạt, như vậy là trộm cắp. Có phụ nữ là sở hữu của người khác, nhận biết như vậy, nhưng cố ý muốn cùng hành dâm với họ, hoặc đứng chỗ hoặc không đứng chỗ. Tự có vợ nhưng quan hệ không đúng lúc đúng chỗ, như vậy là tà dâm.

Nếu biết nói là không biết, không biết nói là biết, nếu nghi nói là không nghi, không nghi nói là nghi, đó gọi là nói dối. Nếu có thật ý muốn chia cách nhưng nói khác đi, đó gọi là nói hai lưỡi. Vì tâm nhiễm ô, đối với người khác nói lời không nhã nhặn, không đáng yêu, đó gọi là nói lời thô ác. Nói lời vô nghĩa không phải lúc như vậy, đó gọi là nói lời thêu dệt.

Đối với của cải vật dụng của người khác, do tham ái nên cho là của mình, như vậy là tham lam. Thấy người kia vui vẻ, ta muốn cho họ đau khổ, như vậy là giận dữ. Tà ác (Tà kiến) có hai thứ: Vật có thật nhưng nói là không có, đây là thấy nghe điên đảo.

Thế nào là vật có thật nhưng nói là không có? Như nói không có tội, không có phước báo, không có đời nay, đời sau, không có cha mẹ, không có Phật, Phật-bích-chi, A-la-hán, người đắc đạo khác v.v... Như vậy gọi là vật có thật nhưng nói là không có.

Thế nào là điên đảo? Thấy, nghe việc tốt xấu, cho là trời làm, không phải là quả của hành báo, như vậy là tà ác, đó gọi là ba thứ nghiệp bất thiện. Ăn năn, trừ bỏ ba nghiệp này, đó gọi là ba thứ nghiệp thiện. Thường xuyên xa lìa ba hành ác, hành trì ba hành thiện, đó gọi là giữ giới vững chắc.

Bổ thí, giữ giới, thiền định, tư duy tất được ba quả báo tốt đẹp: Đó là của cải giàu có, được sinh lên cõi trời và được giải thoát. Những ruộng phước thế gian: cha mẹ, người già bệnh, người thiện, phạm phu lìa dục, bảy hạng hữu lậu, bốn đạo hướng, bốn đạo quả, người nhập xuất định diệt tận, Phật-bích-chi, Bồ-tát, Phật, Tỳ-kheo, Tăng, người đi lại đói khát.

Phẩm thứ 2: GIỚI ĐẠO

Ba cõi: Cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc. Trong ba cõi này có năm thứ đạo: Đạo địa ngục, súc sinh, quỷ thần, người, trời và trung âm.

Thế nào là đạo địa ngục? Địa ngục lớn có tám thứ: (1) Tăng thời phi. (2) Hắc thăng. (3) Hợp hội. (4) Lỗ lạc. (5) Ma-ha-lỗ-lạc. (6) Bát-na. (7) Ba-đa-bát. (8) A-tỳ. Mỗi mỗi địa ngục lớn đều có mười sáu địa ngục quyền thuộc.

Thế nào là đạo súc sinh? Nghĩa là các loài không có chân, hay hai chân, bốn chân, nhiều chân, hoặc đi dưới nước, đi trên đất liền, bay nơi hư không.

Thế nào là đạo quỷ thần? Quỷ thần có nhiều thứ thân.

Hành bất thiện của cõi dục có ba thứ: thượng, trung, hạ. Địa ngục là báo thượng, súc sinh là báo trung, ngã quỷ là báo hạ.

Thế nào là đạo người? Có bốn thứ người: (1) Người châu Đông Phát-vu-đãi. (2) Người châu Tây Cù-da-ni. (3) Người châu Nam Diêm-phù-đề. (4) Người châu Bắc Uất-đơn-việt.

Cõi dục do bốn thứ báo của hành thiện sinh ra.

Thế nào là đạo trời? Cõi dục có sáu tầng trời: (1) Trời Tứ Thiên vương. (2) Trời Đao lợi. (3) Trời Diêm. (4) Trời Đâu thuật. (5) Trời Ni ma la (Trời Hóa ứng thanh). (6) Trời Tha hóa tự tại. Trong cõi dục có sáu thứ báo thiện sinh.

Mười bảy xứ của cõi sắc là: Phạm ca di, Phạm phú lâu, Ma ha phạm, Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang diệu, Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Quả thật, Đắc đức, Đại quả, Bất phiền, Bất não, Thiện quán, Khoái kiến, A ca nị trá. Bốn thiên có ba thứ báo thượng, trung, hạ. Mười hai xứ sinh báo xen tạp hữu lậu, vô lậu của bốn thiên. Thánh nhân của năm Tịnh cư sinh ở ba xứ. Thánh nhân,

phàm phu cùng sinh ở xứ Đại quả. Phàm phu được định vô tướng, sinh ở trời Vô tướng.

Cõi vô sắc gồm: Không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tướng vô tướng xứ. Do được định vô sắc là theo thứ lớp sinh nơi xứ vô sắc. Tùy theo sức của định nên được xứ sinh. Đó là đạo trời.

Vì muốn thọ nhận, muốn sử dụng, muốn cất giữ, do nhân duyên này nên nói là cõi dục. Không có dục, có sắc, do nhân duyên này nên nói là cõi sắc. Cõi vô sắc có bốn ấm, do nhân duyên này nên nói là cõi vô sắc.

Thọ mạng trong cõi dục: Năm mươi năm trong nhân gian là một ngày một đêm ở cõi trời Tứ Thiên vương. Như vậy ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, trời Tứ Thiên vương thọ mạng là năm trăm năm trên cõi trời, tương đương với số chín vạn năm trong nhân gian, cũng là một ngày một đêm trong địa ngục Tăng thời phi. Như vậy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, địa ngục Tăng thời phi thọ mạng là năm trăm năm.

Lại nữa, một trăm năm trong nhân gian là một ngày một đêm ở cõi trời Đao lợi. Như vậy ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, trời Đao lợi thọ mạng là một ngàn năm trên cõi trời, tương đương với số ba ức sáu vạn năm trong nhân gian, cũng là một ngày một đêm trong địa ngục Hắc thẳng. Như vậy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, địa ngục Hắc thẳng thọ mạng là một ngàn năm.

Lại nữa, hai trăm năm trong nhân gian là một ngày một đêm ở cõi trời Diêm. Như vậy ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, trời Diêm thọ mạng là hai ngàn năm trên cõi trời, tương đương với số mười bốn ức bốn vạn năm trong nhân gian, cũng là một ngày một đêm trong địa ngục Hợp hội. Như vậy ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, địa ngục Hợp hội thọ mạng là hai ngàn năm.

Lại nữa, bốn trăm năm trong nhân gian là một ngày một đêm ở cõi trời Đâu thuật. Như vậy ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, trời Đâu thuật thọ mạng là bốn ngàn năm trên cõi trời, tương đương với số năm mươi bảy ức sáu vạn năm trong nhân gian, cũng là một ngày một đêm trong địa ngục Lỗ lạc. Như vậy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, địa ngục Lỗ lạc thọ mạng là bốn ngàn năm.

Lại nữa, tám trăm năm nơi nhân gian là một ngày một đêm ở cõi trời Hóa ứng thanh. Như vậy ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, trời Hóa ứng thanh thọ mạng là tám ngàn năm trên cõi trời, tương đương với số hai trăm ba mươi ức bốn vạn năm nơi nhân gian, cũng là một ngày một đêm trong địa ngục Ma-ha-lỗ-lạc. Như vậy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, địa ngục Ma-ha-lỗ-lạc thọ mạng là tám ngàn năm.

Lại nữa, một ngàn sáu trăm năm nơi nhân gian là một ngày một đêm ở cõi trời Tha hóa tự tại. Như vậy ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, trời Tha hóa tự tại thọ mạng là một vạn sáu ngàn năm trên cõi trời, tương đương với số chín trăm hai mươi một ức sáu vạn năm nơi nhân gian, cũng là một ngày một đêm trong địa ngục Bát-na. Như vậy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, địa ngục Bát-na thọ mạng là một vạn sáu ngàn năm.

Địa ngục Tăng khát (Ba-đa-bát) thọ mạng là nửa kiếp, địa ngục A tỳ thọ mạng là một kiếp. Thọ mạng trong đạo súc sinh có loài chỉ trong khoảnh khắc búng ngón tay, hoặc nửa ngày, một ngày, một tháng, một năm, mười năm, một trăm ngàn vạn ức năm, cho đến một kiếp. Trong đạo ngạ quỷ, thọ mạng cho đến bảy vạn năm. Thọ mạng của người châu Nam Diêm-phù-đề hoặc vô số năm, hoặc chỉ đến mười năm. Thời nay, con người có thọ mạng trên dưới một trăm năm. Người châu Tây Cù-da-ni có thọ mạng hai trăm năm mươi năm.

Người châu Đông Phát-vu-đãi có thọ mạng là năm trăm năm. Người châu Bắc Uất-đơn-việt có thọ mạng là một ngàn năm, không tăng giảm. Chúng sinh ở xứ khác thọ mạng có tăng giảm.

Đó là thọ mạng của chúng sinh trong cõi dục.

Thọ mạng trong cõi sắc: Trời Phạm ca di thọ mạng là nửa kiếp. Trời Phạm phú lâu thọ mạng là một kiếp. Trời Ma ha phạm thọ mạng là một kiếp rưỡi. Đó là thọ mạng của cõi thiên thứ nhất.

Trời Thiểu quang thọ mạng là hai kiếp. Trời Vô lượng quang thọ mạng là bốn kiếp. Trời Quang diệu thọ mạng là tám kiếp. Đó là thọ mạng của cõi thiên thứ hai.

Trời Ước tịnh (Thiểu tịnh) thọ mạng là mười sáu kiếp. Trời Vô lượng tịnh thọ mạng là ba mươi hai kiếp. Trời Biến tịnh thọ mạng là sáu mươi bốn kiếp. Đó là thọ mạng của cõi thiên thứ ba.

Trời Quả thật thọ mạng là một trăm hai mươi lăm kiếp. Trời Đắc đức thọ mạng là hai trăm năm mươi kiếp. Trời Đại quả thọ mạng là năm trăm kiếp. Trời Vô phiền (Bất phiền) thọ mạng là một ngàn kiếp. Trời Vô não (Bất não) thọ mạng là hai ngàn kiếp. Trời Thiện quán thọ mạng là bốn ngàn kiếp. Trời Khoái kiến thọ mạng là tám ngàn kiếp. Trời A-ca-ni-trá thọ mạng là một vạn sáu ngàn kiếp. Đó là thọ mạng của cõi thiên thứ tư.

Đó là thọ mạng của chúng sinh trong cõi sắc.

Thọ mạng trong cõi vô sắc: Cõi không xứ thọ mạng là hai vạn kiếp. Cõi thức xứ thọ mạng là bốn vạn kiếp. Cõi bất dụng xứ thọ mạng là sáu vạn kiếp. Cõi hữu tướng vô tướng thọ mạng là tám vạn kiếp. Đó là thọ mạng của chúng sinh trong cõi vô sắc.

Số lượng thọ mạng của chúng sinh trong ba cõi là như vậy.

Phẩm thứ 3: TRỤ THỰC SINH

* *Có bốn thức trụ*: Thế nào là bốn? Sắc, thông (Thọ), tướng, hành. Trong cõi dục, cõi sắc, thức phần nhiều duyên với sắc mà trụ. Thức của không xứ, thức xứ phần nhiều duyên với thông (thọ) mà trụ. Thức của bất dụng xứ phần nhiều duyên với tướng mà trụ. Thức của hữu tướng vô tướng xứ phần nhiều duyên với hành mà trụ.

* *Có bốn thứ ăn*: Tức có bốn thứ ăn khiến mạng căn của hữu tình được thêm lớn. Thế nào là bốn thứ ăn (Thực)? (1) Đoàn thực. (2) Lạc thực. (3) Ý tư thực. (4) Thức thực.

Đoàn thực thuộc về ba nhập là hương, vị, tế hoạt (Xúc trong sáu trần) nhập. Vì sao không thuộc về sắc nhập? Đoàn thực là thức ăn mắt thấy được. Mạng căn của hữu tình có lớn nhưng không tăng thêm. Đoàn thực có hai thứ là có thô và có tế. Thế nào là đoàn thực thô? Com, bánh, tất cả là như vậy. Thế nào là đoàn thực tế? Thức uống, những thứ hương xoa thân.

Thế nào là Lạc thực (Xúc thực)? Mắt, cánh lạc (Xúc trong mười hai nhân duyên), tai mũi lưỡi thân cùng tiếp xúc. Ý hữu lậu tiếp xúc, có thể nối tiếp đến đời sau không dứt. Lạc thực phần nhiều là ở chìm để trứng, như ngỗng, nhạn. Tất cả là như vậy.

Ý tư thực phần nhiều là trùng, cá đẻ trứng trong nước, tất cả là như vậy. Thức thực phần nhiều là ở cõi Hữu tướng vô tướng và chúng sinh trung âm.

Đoàn thực phần nhiều ở trong cõi dục. Ba thứ ăn còn lại phần nhiều là trong cõi sắc, vô sắc.

Đoàn thực là thô nhất. Lạc thực tế hơn. Ý tư thực là tế kế tiếp. Thức thực là tế nhất.

* *Bốn thứ sinh*: Thai sinh, noãn sinh, thấp sinh và hóa sinh. Thân trung âm nơi cõi trời, địa ngục, tất cả đều là hóa sinh.

Quyển thân có hai thứ sinh: Thai sinh và hóa sinh.

Chúng sinh khác có bốn thứ sinh. Chúng sinh ở trong hóa sinh cùng một lúc được sáu căn. Những thứ sinh kia trước nhất được thân căn, mạng căn. Các căn khác theo thứ lớp được thành.

* *Bốn hữu*: Sinh hữu, tử hữu, bản hữu, trung hữu. Khoảng giữa sự sống chết là năm ấm vi tế, đó là trung hữu.

Trung hữu và sinh hữu ví như in ra chữ, như cha con giống nhau. Trừ cõi vô sắc, tất cả cõi khác đều thọ thân trung âm. Từ cõi vô sắc mạng chung, sinh nơi cõi dục, cõi sắc và thọ thân trung âm. Ví như Trung A-na-hàm có trung âm. Trung hữu, sinh hữu của đời khác cũng như vậy.

**

Phẩm thứ 4: NGHIỆP

Trong tâm tạp duyên tạp cấu, khởi hành (Nghiệp) tạp. Trong hành tạp thọ nhận báo tạp.

Thế nào là hành tạp? Có ba thứ hành: Hành của thân, hành của miệng và hành của ý. Lại có hành thiện, hành bất thiện và hành vô ký. Hành học, hành vô học và hành phi học phi vô học. Hành do kiến để đoạn trừ, hành do tư duy đoạn trừ và hành không đoạn trừ.

Quả báo cũng có nhiều thứ như: Báo hiện đời, sinh báo, hậu báo. Lạc báo, khổ báo, bất lạc bất khổ báo. Báo đen, báo trắng, báo tạp.

Hành không báo không trắng không đen. Lúc hành hết, có hành tất phải thọ báo, có hành tất không phải thọ báo.

Thế nào là hành của thân? Hành của thân là thân cử động, tác động làm việc. Thế nào là hành của miệng? Miệng cử động, nói ra. Thế nào là hành của ý? Là ý hoạt động, suy nghĩ.

Thế nào là hành thiện? Là thân thiện tạo ra miệng thiện, tạo ra ý thiện. Thế nào là hành bất thiện? Là thân bất thiện tạo ra miệng bất thiện, ý bất thiện. Thế nào là hành vô ký? Là thân vô ký tạo ra miệng vô ký, nghĩ ra ý vô ký.

Thế nào là hành học? Thân học vô giáo, khẩu học vô giáo, ý học nghĩ ra (Vô giáo = Vô biểu). Thế nào là hành vô học? Thân vô học vô giáo, khẩu vô học vô giáo, ý vô học nghĩ ra. Thế nào là hành phi học phi vô học? Thân hữu lậu hành động, miệng hữu lậu hành động, ý hữu lậu nghĩ ra.

Thế nào là hành do kiến để đoạn trừ? Nghĩa là do kiên tín, kiên pháp, kiên nhẫn đoạn trừ tám mươi tám kiết, tương ứng với tư. Thế nào là hành do tư duy đoạn trừ? Nghĩa là tín giải thoát, kiến đáo do tư duy đoạn trừ mười sử tương ứng với tư. Và hành của thân nhiễm ô, hành của miệng, hành hữu lậu thiện, hành vô ký. Thế nào là hành không đoạn trừ? Nghĩa là các hành vô lậu.

Thế nào là báo hiện đời? Nếu tạo hành thiện ác, thì ngay trong đời này tức được báo, không phải đến đời sau mới được. Thế nào là sinh báo? Tùy theo sau khi tạo hành thiện ác, ngay đời thứ nhất là được báo, không phải đến đời khác. Thế nào là hậu báo? Tùy theo sau khi tạo hành thiện, ác, thì đời thứ hai được báo, hoặc đời thứ ba, thứ tư, hoặc hơn nữa mới được báo.

Thế nào là lạc báo? Hành thiện của cõi dục, cõi sắc, cho đến hành thiện của ba thiên là thọ lạc báo. Thế nào là khổ báo? Hành bất thiện tức thọ khổ báo. Thế nào là bất khổ bất lạc báo? Hành hữu lậu thiện của thiên thứ tư và hành hữu lậu thiện của cõi vô sắc.

Thế nào là báo hắc hắc? Hành bất thiện tức thọ nhận báo hắc hắc. Thế nào là báo bạch bạch? Hành hữu lậu thiện tức thọ nhận báo bạch bạch. Thế nào là tạp báo? Hành thiện ác xen tạp của cõi dục tức thọ nhận báo xen tạp.

Thế nào là hành không hắc, không bạch, không báo? Khi hành hết thì lậu của ba cõi hết. Tư duy vô lậu thuộc về đạo vô ngại. Thế nào là hành tất thọ báo? Hành ngũ nghịch tất thọ nhận báo ác, báo hiện đời, sinh báo, hậu báo và tàn dư của chúng. Có duyên, có người, tất thọ nhận báo. Không duyên, không người, không tất thọ nhận báo. Vì tất cả đều là hành hữu lậu, nên tạo nghiệp thành thực thì thọ báo. Nếu không cố ý tạo nghiệp không thành thực thì không thọ báo.

Ba thứ hành: Thân nghiệp có giáo (Hữu biểu), không giáo (Vô biểu), khẩu nghiệp có giáo không giáo, ý nghiệp có giáo.

Thế nào là hành có giáo? Nếu là thân, miệng, ý tạo ra.

Thế nào là hành không giáo? Lúc thân, miệng tạo nghiệp xong, ý sinh khởi tâm khác, thường còn không mất nơi sắc không giáo (Sắc vô biểu). Trong tâm thiện bất thiện sinh khởi, tâm vô ký không sinh nơi sắc không giáo. Vì sao? Vì sức của tâm vô ký yếu kém. Vô ký có hai thứ: Có ẩn mất (hữu phú) và không ẩn mất (vô phú). Bị kiết sử che lấp là ẩn mất (hữu phú). Không bị che lấp là không ẩn mất (vô phú).

Thế nào là pháp vô ký ẩn mất? Là thân tà (thân kiến), biên tà (biên kiến) trong cõi dục. Và vô minh pháp cộng hữu tương ưng với chúng. Tất cả kiết sử của cõi sắc, vô sắc và thân khẩu hành của cõi sắc. Đó gọi là pháp vô ký ẩn mất.

Thế nào là pháp vô ký không ẩn mất? Đi, đứng, nằm, ngồi, pháp báo của kỹ xảo, tâm biến hóa và hư không, phi trí duyên tận. Đó gọi là pháp vô ký không ẩn mất.

Ba thứ không giáo (vô biểu): (1) Vô lậu. (2) Định cộng. (3) Luật nghi giới.

Thế nào là giới vô lậu? Là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Thế nào là giới định cộng? Là đắc thiền, lìa pháp dục ác.

Thế nào là luật nghi giới? Là lúc thọ giới được hành thân, miệng thiện hữu lậu.

Thế nào là được ba thứ luật nghi? Tất cả thành tựu được đạo luật nghi vô lậu. Tất cả thành tựu được luật nghi thiền định cộng. Người cõi dục thọ nhận giới nên luật nghi giới thành tựu. Người thọ luật nghi giới đầu tiên có giáo tác hiện tiền nên thành tựu vô giáo. Nếu cuối cùng không mất thì thành tựu quá khứ. Người đắc thiền thì thành tựu tất cả quá khứ, vị lai, đều thuộc luật nghi định cộng. Nếu nhập định quá khứ, vị lai, hiện tại thành tựu thì luật nghi vô lậu ở vị lai, tất cả đều thành tựu. Nếu nhập đạo hiện ở trước thì thành tựu, nếu cuối cùng không mất thì thành tựu người luật nghi quá khứ.

Nếu tạo điều bất thiện ác nặng thì thành tựu hữu giáo, vô giáo bất thiện. Nếu không tạo điều bất thiện ác nặng thì thành tựu hữu giáo bất thiện, không vô giáo. Nếu tâm ác diệt thì không thành tựu hữu giáo vô giáo.

Người không luật nghi, hiện tại thành tựu vô giáo bất thiện. Nếu hoàn toàn không mất thì thành tựu vô giáo bất thiện trong quá khứ. Nếu làm điều thiện quan trọng thì thành tựu hữu giáo, vô giáo thiện. Nếu không làm điều thiện quan trọng thì thành tựu hữu giáo thiện không vô giáo.

Nếu tâm thiện diệt thì không thành tựu hữu giáo, vô giáo. Nếu người trung gian hoặc làm việc thiện, hoặc bất thiện quan trọng thì cũng thành tựu hữu giáo, vô giáo thiện, bất thiện. Nếu làm việc thiện, bất thiện không quan trọng thì thành tựu hữu giáo không vô giáo. Nếu tâm thiện, bất thiện diệt thì không thành tựu hữu giáo, vô giáo.

Nếu được tâm thiện cõi sắc, thì thành tựu luật nghi thiên. Nếu tâm thoái chuyển thì không thành tựu luật nghi thiên. Tất cả luật nghi trong tâm thiện của cõi sắc đều tương ứng với tâm, trừ tâm của nhãn, tâm của nhĩ, thân tâm nơi văn tuệ lúc chết. Sức của tâm vô lậu nơi sáu địa thành tựu luật nghi vô lậu.

Thế nào là sáu địa? Nghĩa là địa thiên vị đáo, thiên thứ nhất, thiên trung gian, thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư. Tâm của sáu địa thoái chuyển thì không thành tựu luật nghi vô lậu.

Có hai sự làm mất luật nghi vô lậu: Hoặc thoái chuyển, hoặc được đạo quả.

Có hai sự làm mất luật nghi thiên: Hoặc thoái chuyển, hoặc mạng chung.

Có ba sự làm mất luật nghi giới: Phạm giới, xả giới và khởi ác tà. Nếu lúc pháp diệt tận, có người nói là mất luật nghi giới. Có kẻ lại nói không mất. Thật sự thì không mất.

Có bốn việc làm mất không luật nghi: (1) Thọ giới. (2) Không còn tạo nghiệp. (3) Nhất tâm dứt mong cầu. (4) Được sắc thiện của đạo.

Thế nào là làm mất? Hoặc đoạn trừ căn thiện. Hoặc mạng chung. Tâm số pháp nhiễm ô còn thừa lại. Lúc đoạn trừ kiết, sự đoạn trừ ấy có năm thứ quả: (1) Quả báo. (2) Quả sở y. (3) Quả tăng thượng. (4) Quả thân lực. (5) Quả giải thoát.

Pháp hữu lậu thiện hoặc có bốn quả, hoặc có năm quả. Có thể đoạn trừ kiết sử, đó là năm quả. Không thể đoạn trừ kiết, đó là bốn quả, trừ quả giải thoát. Pháp bất thiện có bốn quả, trừ quả giải thoát. Pháp vô lậu hoặc có bốn quả, hoặc có ba quả. Nếu đoạn trừ kiết thì có bốn quả, trừ quả báo. Nếu không đoạn trừ kiết thì có ba quả, tức trừ quả báo và quả giải thoát. Pháp vô ký có ba quả, trừ quả báo, quả giải thoát.

Thế nào là quả báo? Pháp bất thiện, pháp hữu lậu thiện được quả báo.

Thế nào là quả sở y? Pháp thiện, bất thiện, vô ký, thường hành tăng trưởng, tạo lợi ích cho đến cuối cùng đạt được. Đó gọi là quả sở y.

Thế nào là quả tăng thượng? Hoặc tốt đẹp, hoặc không tốt đẹp, đều cùng thọ nhận chung, thọ nhận trên hết. Đó gọi là quả tăng thượng.

Thế nào là quả thân lực? Là thân hành tạo tác. Đó gọi là quả thân lực.

Thế nào là quả giải thoát? Trí diệt trừ kiết. Đó gọi là quả giải thoát.

Có ba thứ căn: Căn thiện, căn bất thiện và căn vô ký. Ba thứ căn thiện: Không tham, không sân, không si. Ba thứ căn bất thiện: Tham dục, giận dữ, ngu si. Bốn thứ căn vô ký: Ái vô ký, vô minh vô ký, kiến vô ký và mạn vô ký.

Có ba thứ pháp: Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký.

Thế nào là pháp thiện? Nghiệp thân, miệng thiện và tâm thiện. Pháp tương ưng với tâm, tâm bất tương ưng hành và trí duyên tận. Đó gọi là pháp thiện.

Thế nào là pháp bất thiện? Nghiệp thân, miệng bất thiện và tâm bất thiện. Pháp tương ưng với tâm và tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là pháp bất thiện.

Thế nào là pháp vô ký? Nghiệp thân, miệng vô ký và tâm vô ký. Pháp tương ưng với tâm và tâm bất tương ưng hành, hư không phi trí duyên tận. Đó gọi là pháp vô ký.

Không uống rượu, bỏ thí, cúng dường, tôn trọng v.v... Đó gọi là thuộc về nghiệp thân, miệng thiện. Uống rượu, đánh đập, kiêu mạn, không tôn trọng v.v... Đó gọi là thuộc về nghiệp thân, miệng bất thiện.

Đây là nghiệp thân miệng của cõi dục không thuộc về mười nghiệp đạo mà là bốn đại tạo của cõi dục,

Như vậy, nghiệp thân, miệng vô lậu của cõi sắc là bốn đại nào tạo? Nếu dựa vào sáu thứ địa, tức bốn đại của địa đó tạo. Nếu sinh nơi cõi vô sắc, như vậy vốn đã được nghiệp thân, miệng vô lậu, tức là bốn đại của địa đó tạo.

Ba thứ mạng chung: Có mạng hết phước không hết. Có phước hết mạng không hết. Có phước hết mạng hết.

**

Phẩm thứ 5: ÁM TRÌ NHẬP

Các pháp hữu lậu có bốn sự việc nên xa lìa. Bốn sự việc đó là gì? Là các lậu, phiền não vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Vì sao? Vì đi đến tất cả xứ sinh. Vì lậu của tâm rót chảy liên tục, rơi vào thế giới. Đó gọi là hữu lậu.

Ba cõi có một trăm lẻ tám phiền não: Chín mươi tám kiết và mười triển là phiền não sinh ở xứ nào? Là nói pháp hữu lậu, cũng gọi là thọ ấm và xứ phiền não. Từ trong phiền não này có hai thứ năm ấm: Hữu lậu và vô lậu. Thọ ấm tất cả đều hữu lậu.

Thế nào là sắc ấm? Các thứ do bốn đại tạo, mười hai nhập trừ ý nhập. Các nhập còn lại và sắc vô giáo thuộc về pháp nhập. Đó gọi là sắc ấm.

Sắc ấm này có hai thứ: Có thể thấy, không thể thấy. Thế nào là có thể thấy? Là một nhập tức sắc nhập. Thế nào là không thể thấy? Là chín nhập và sắc vô giáo thuộc về pháp nhập.

Lại có ba thứ sắc: Sắc có thể thấy, có đối. Sắc không thể thấy, có đối. Sắc không thể thấy, không đối. Sắc nhập là có thể thấy, có đối.

Chín nhập còn lại là không thể thấy, có đối. Pháp nhập và sắc vô giáo là không thể thấy, không đối. Đó gọi là sắc ấm.

Thế nào là thống (thọ) ấm? Thọ ấm sinh ra từ sáu cánh lạc (xúc). Ấm này có hai thứ thọ: Thân thọ và tâm thọ.

Ba thứ thọ: Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Bốn thứ thọ: Thân hữu ký, vô ký, tâm hữu ký, vô ký.

Năm thứ thọ: Là năm thọ căn.

Sáu thứ thọ: Nhãn xúc thọ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc thọ.

Mười tám thứ thọ: Nhãn v.v... có hỷ, lạc, hộ.

Ba mươi sáu thứ thọ: Trong mười tám thứ thọ có thiện, bất thiện.

Một trăm lẻ tám thứ thọ: Mỗi đời quá khứ, vị lai, hiện tại đều có ba mươi sáu thứ thọ. Mỗi mỗi chúng sinh trong khoảnh khắc đã khởi lên vô số thọ. Đó gọi là thọ ấm.

Thế nào là tướng ấm? Ý có vô số duyên nơi tất cả pháp tướng, là ba thứ này: nhỏ, lớn vô số thứ loại gồm vào các thứ ngoại nhập. Do nhân duyên này, tướng gọi là tướng ấm.

Thế nào là hành ấm? Là hành tạo ra vô số các thứ pháp trong pháp hữu vi, là hành ấm. Hành ấm này có hai thứ: Pháp tương ưng với tâm và pháp không tương ưng với tâm. Thế nào là pháp tương ưng với tâm? Có ba thứ: (1) Tư. (2) Cánh lạc (xúc). (3) Các pháp được nhớ lại. Đó gọi là pháp tương ưng với tâm. Thế nào là pháp không tương ưng với tâm? Đó là: (1) Đắc. (2) Vô tướng. (3) Định diệt tận v.v... là những pháp không tương ưng với tâm. Đó gọi là hành ấm.

Thế nào là thức ấm? Là thức phân biệt các pháp xanh, vàng, đỏ, trắng. Thức này có sáu thứ: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Thế nào là nhãn thức? Nhãn căn làm chỗ dựa cho sắc của thức, đó gọi là nhãn thức. Như vậy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn làm chỗ dựa cho pháp của thức, tức là ý thức. Đó gọi là thức ấm.

Mười hai nhập gồm: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập, là sáu nội nhập. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nhập, là sáu ngoại nhập. Lại nữa, mười hai thứ nhập trên hợp với sáu thức, là từ nhãn thức cho đến ý thức, tức thành mười tám trì (mười tám giới).

Bốn đại tịnh tạo ra nhân duyên của sắc, thức, gọi là nhãn nhập. Như vậy, do bốn đại tịnh tạo ra nhân duyên của thanh, hương, vị, xúc và thức gọi là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập.

Tất cả sắc trần của nhãn thức gồm có mười hai loại: dài, ngắn, sáng, tối, xanh, vàng, đỏ, trắng, thô, tế, hư không, thân giáo. Tất cả thanh trần của nhĩ thức bao gồm âm thanh của số chúng sinh và số phi chúng sinh. Tất cả hương trần của tỷ thức: Các mùi hương tốt, mùi hôi v.v... Tất cả vị trần của thiệt thức gồm sáu mươi ba thứ vị: Cay, chua, mặn, đắng, ngọt v.v... Tất cả xúc trần của thân thức: Nhẹ nhàng, cứng, mềm, lạnh, nóng, đói, khát, bốn đại v.v... Tất cả pháp trần của ý thức. Đó gọi là tất cả pháp.

Năm thức không thể phân biệt, chỉ ý thức phân biệt. Tâm, ý, thức không khác nhau mà nói có khác nhau. Căn, trần và thức hòa hợp là sinh cánh lạc (xúc) cùng sinh ra thống (thọ). Mười địa đại, mười phiền não địa đại, mười tiểu phiền não địa là các pháp cùng với tâm sinh ra, cùng duyên, cùng trụ, cùng khởi rồi cùng diệt. Ví như ngọn đèn sáng thì cùng nóng, cùng cháy, cùng trụ, cùng tắt.

Hỏi: Trong mười tám trì, có bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký ?

Đáp: Có tám thứ vô ký. Mười thứ nên phân biệt: Sắc trì, thanh trì, bảy thức trì, pháp trì có thiện, bất thiện, vô ký.

Thế nào là sắc thiện? Là thân giáo thiện. Thế nào là sắc bất thiện? Là thân giáo bất thiện. Thế nào là sắc vô ký? Trừ thân giáo thiện, bất thiện, các sắc trì còn lại là vô ký.

Như vậy thanh trì và nhãn thức trì có thiện, bất thiện và vô ký. Thế nào là thiện? Là ghi nhớ thiện, tương ưng với nhãn thức. Thế nào là bất thiện? Là ghi nhớ bất thiện, tương ưng với nhãn thức. Thế nào là vô ký? Là ghi nhớ vô ký, tương ưng với nhãn thức.

Như vậy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ý thức trì, pháp trì hoặc là thiện, bất thiện, vô ký. Thế nào là thiện? Là nghiệp thân, miệng thiện, thọ, tưởng, hành ẩm thiện và trí duyên tận thuộc pháp trì. Thế nào là bất thiện? Là nghiệp thân, miệng bất thiện, thọ, tưởng, hành ẩm bất thiện, thuộc về pháp trì. Thế nào là vô ký? Là thống (thọ), tưởng, hành ẩm vô ký thuộc pháp trì và hư không phi trí duyên tận.

Hỏi: Trong mười tám trì, có bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu?

Đáp: Có mười lăm trì là hữu lậu, ba trì nên phân biệt.

Những gì là ba? Là ý trì, pháp trì, ý thức trì. Sự ghi nhớ hữu lậu tương ưng với ý trì, nên gọi là hữu lậu. Sự ghi nhớ vô lậu tương ưng với ý trì, nên gọi là vô lậu. Ý thức cũng như vậy

Nghiệp thân miệng hữu lậu, thọ, tưởng, hành ẩm hữu lậu, thuộc pháp trì, đó gọi là hữu lậu. Nghiệp thân miệng vô lậu, thọ, tưởng, hành ẩm vô lậu và pháp vô vi, thuộc pháp trì, đó gọi là vô lậu.

Hỏi: Trong mười tám trì, có bao nhiêu thứ thuộc cõi dục, bao nhiêu thứ thuộc cõi sắc, bao nhiêu thứ thuộc cõi vô sắc và bao nhiêu thứ không hệ thuộc?

Đáp: Có bốn thứ thuộc cõi dục: Là hương, vị, tỷ thức, thiệt thức, do là xứ đoàn thực. Mười bốn thứ nên phân biệt:

Nhãn trì thuộc cõi dục và cõi sắc. Thế nào là nhãn trì thuộc cõi dục? Là do bốn đại tạo hệ thuộc cõi dục. Như vậy, các trì của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, tế hoạt (xúc) thuộc cõi dục, do bốn đại tạo hệ

thuộc cõi dục. Thế nào là nhãn trì thuộc cõi sắc? Là do bốn đại tạo hệ thuộc cõi sắc. Như vậy, các trì của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, xúc thuộc cõi sắc, do bốn đại tạo hệ thuộc cõi sắc.

Nhãn thức trì thuộc cõi dục và cõi sắc. Thế nào là nhãn thức trì thuộc cõi dục? Là sự ghi nhớ của cõi dục tương ứng với nhãn thức trì. Nhĩ, thân thức trì cũng như vậy. Thế nào là nhãn thức trì thuộc cõi sắc? Là sự ghi nhớ của cõi sắc tương ứng với nhãn thức trì. Nhĩ, thân thức trì cũng như vậy.

Ý trì thuộc cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi dục? Là sự ghi nhớ của cõi dục tương ứng với ý trì. Thế nào là thuộc cõi sắc? Là sự ghi nhớ của cõi sắc tương ứng với ý trì. Thế nào là thuộc cõi vô sắc? Là sự ghi nhớ của cõi vô sắc tương ứng với ý trì. Thế nào là không hệ thuộc? Là sự ghi nhớ vô lậu tương ứng với ý trì. Ý thức trì cũng như vậy.

Pháp trì hoặc thuộc cõi dục, hoặc thuộc cõi sắc, hoặc thuộc cõi vô sắc, hoặc không hệ thuộc.

Thế nào là thuộc cõi dục? Là nghiệp thân, miệng hệ thuộc cõi dục, thuộc về pháp trì, và thọ, tưởng, hành ấm của cõi dục thuộc về pháp trì. Đó gọi là thuộc cõi dục.

Thế nào là thuộc cõi sắc? Là nghiệp thân, miệng hệ thuộc cõi sắc, thuộc về pháp trì, và thọ, tưởng, hành ấm của cõi sắc thuộc về pháp trì. Đó gọi là thuộc cõi sắc.

Thế nào là thuộc cõi vô sắc? Là thọ, tưởng, hành ấm của cõi vô sắc thuộc về pháp trì. Đó gọi là thuộc cõi vô sắc.

Thế nào là không hệ thuộc? Là nghiệp thân, miệng vô lậu thuộc về pháp trì, cùng thọ, tưởng, hành ấm vô lậu và pháp vô vi. Đó gọi là không hệ thuộc.

Hỏi: Trong mười tám trì (giới), có bao nhiêu thứ thuộc về nội nhập, bao nhiêu thứ thuộc về ngoại nhập?

Đáp: Có mười hai trì thuộc về nội nhập: Là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý trì. Nhãn thức trì, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức trì. Sáu trì thuộc về ngoại nhập: Là sắc trì, thanh, hương, vị, xúc, pháp trì.

Hỏi: Trong mười tám trì có bao nhiêu thứ có giác có quán, bao nhiêu thứ có giác không quán, bao nhiêu thứ không giác không quán?

Đáp: Có mười thứ trì không giác không quán là năm tình (căn), năm trần (cảnh, nhập). Năm thức thì có giác có quán. Ba thứ cần phân biệt: Là ý trì hoặc có giác có quán, hoặc có giác không quán, hoặc không giác không quán.

Thế nào là có giác có quán? Thiền thứ nhất cõi dục là có giác có quán. Thiền trung gian có giác không quán. Địa trên thì không giác không quán. Ý thức trì cũng như vậy. Nghiệp thân, miệng thuộc pháp trì, các hành bất tương ưng, vô vi là không giác không quán. Ngoài ra như ý trì.

Hỏi: Trong mười tám trì, có bao nhiêu thứ là duyên chung, bao nhiêu thứ là không duyên chung?

Đáp: Có bảy tâm trì duyên chung. Vì sao? Vì tự duyên nơi trần. Mười trì không duyên chung là năm tình (căn), năm trần (cảnh, nhập). Pháp trì nên phân biệt. Nghiệp thân, miệng thuộc pháp trì, các tâm bất tương ưng hành, vô vi là không duyên chung, ngoài ra là duyên chung.

Hỏi: Trong mười tám trì, có bao nhiêu thứ là thọ, bao nhiêu thứ là không thọ?

Đáp: Có chín trì là căn tình hợp. Nếu hiện tại là thọ, trong đó tâm tâm số pháp là dừng trụ. Quá khứ, vị lai thì không thọ, vì không phải tâm tâm số pháp kia dừng trụ. Thanh trì, bảy thức trì, pháp trì là không thọ, vì không phải tâm tâm số pháp kia dừng trụ.

Hỏi: Trong mười tám trì, có bao nhiêu thứ là hữu vi, bao nhiêu thứ là vô vi?

Đáp: Có mười bảy thứ là hữu vi. Pháp trì cần phân biệt: Hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Thế nào là hữu vi? Các thống (thọ) tướng, hành ấm của nghiệp thân, miệng thuộc pháp trì, đó gọi là hữu vi. Trí duyên tận, phi trí duyên tận, hư không, đó gọi là vô vi.

**

Phẩm thứ 6: HÀNH

Tất cả pháp hữu vi đều không có uy lực để tự khởi, phải nhân nơi sức khác để cùng sinh. Các pháp này có bốn tướng: Khởi (sinh), trụ, lão, vô thường.

Hỏi: Nếu có bốn tướng tức chúng nên còn có tướng nào nữa chẳng?

Đáp: Lại có bốn tướng. Bốn tướng khác trong các tướng kia đều cùng sinh: sinh là sinh, trụ là dừng lại, lão là già, vô thường là vô thường.

Hỏi: Nếu như vậy thì không thể tận cùng chẳng?

Đáp: Lần lượt tự tướng là các pháp hành có hai thứ: Có thứ tương ưng với tâm. Có thứ không tương ưng với tâm.

Thế nào là hành tương ưng với tâm? Là thọ, tưởng, tư, cánh lạc (xúc), ức (nhớ nghĩ), dục, giải thoát, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, giác quán, tà hạnh, bất tà hạnh, căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, tất cả sử, nã, kiết, phược, triền, tất cả trí tuệ. Các thứ pháp như vậy gọi là hành tương ưng với tâm.

Thế nào là hành không tương ưng với tâm? Là đắc, sinh, trụ, lão, vô thường, định vô tướng, định diệt tận, vô tướng xứ, các thứ phương đắc, vật đắc, nhập đắc, danh chúng, cú chúng, vị chúng, tánh phạm phu. Các thứ pháp như vậy gọi là hành không tương ưng với tâm.

Nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên, tất cả pháp hữu vi đều từ bốn duyên này sinh khởi.

Thế nào là nhân duyên? Có năm nhân là nhân tương ưng, nhân cộng hữu, nhân tự nhiên, nhân biến và nhân báo. Đó gọi là nhân duyên.

Thế nào là thứ đệ duyên? Tâm, tâm số trong các pháp là pháp diệt, là pháp khởi. Đó gọi là thứ đệ duyên.

Thế nào là duyên duyên? Vì duyên với trần nên tâm, tâm số pháp sinh. Đó gọi là duyên duyên.

Thế nào là tăng thượng duyên? Tất cả muôn vật đều không cùng ngăn cách, trở ngại. Đó gọi là tăng thượng duyên.

Có sáu nhân: Nhân tương ưng, nhân cộng hữu, nhân tự nhiên, nhân biến, nhân báo và nhân sở tác.

Thế nào là nhân tương ưng? Tâm làm nhân cho các tâm số pháp. Các tâm số pháp làm nhân cho tâm.

Thế nào là nhân cộng hữu? Các pháp mỗi mỗi đều làm bạn với nhau. Tâm là nhân của các tâm số pháp. Các tâm số pháp là nhân của tâm.

Lại nữa, bốn đại cùng sinh là nhân cộng hữu. Bốn đại tạo ra sắc, tâm bất tương ưng hành. Tâm, tâm số pháp là nhân của tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là nhân tự nhiên? Nghĩa là nhân có trước kia sinh thiện, về sau sinh thiện. Trước sinh bất thiện, sau sinh bất thiện. Trước vô ký, sau vô ký.

Thế nào là nhân biến? Là thân kiến, chấp ngã, ngã có thường. Các thọ ấm có thường, ngã, lạc, tịnh v.v... sinh ra các phiền não.

Thế nào là nhân báo? Là thiện sinh báo vui, bất thiện sinh báo khổ.

Thế nào là nhân sở tác? Tất cả các pháp mỗi mỗi đều không chướng ngại nhau, không giữ lại, không trụ. Tâm của báo có năm nhân, trừ nhân biến. Tâm số pháp cũng như vậy.

Tất cả phiền não có năm nhân, trừ nhân báo. Báo sinh sắc và hành bất tương ưng có bốn nhân, trừ nhân tương ưng và nhân biến. Sắc nhiễm ô và hành bất tương ưng có bốn nhân, trừ nhân tương ưng, nhân báo.

Tâm, tâm số pháp còn lại có bốn nhân, trừ nhân báo và nhân biến. Tâm bất tương ưng hành khác hoặc có hai nhân, hoặc ba nhân, trừ nhân tương ưng, nhân biến và nhân báo, hoặc trừ nhân tự nhiên, hoặc đều là tâm vô lậu ban đầu.

Pháp tương ưng có ba nhân, trừ nhân tự nhiên, nhân báo và nhân biến. Tâm vô lậu này ở trong tâm sinh sắc và tâm bất tương ưng hành có hai nhân: nhân cộng hữu và nhân sở tác.

Tâm, tâm số pháp là từ bốn duyên sinh. Định vô tướng, định diệt tận là từ ba duyên sinh, trừ duyên duyên. Tâm bất tương ưng hành và các pháp sắc là từ hai duyên sinh, trừ thứ đệ duyên và duyên duyên. Không có pháp từ một duyên sinh, vì phải nhờ vào sức của pháp khác mới sinh.

Một pháp có ba sự: hội hợp, tiếp xúc, cộng sinh. Thọ, tưởng, tư, ức, dục, giải thoát, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, hộ cùng tâm khởi, hợp thành tựu. Cộng tâm của các pháp này đều cùng có ba pháp: Hội, cánh lạc (xúc), thân tâm thọ nhận, thọ duyên phân biệt thức, tưởng tác động tư, tâm ghi nhớ không quên. Ưc, dục tạo tác tâm dục hành, vô ngại giải thoát tín.

Vô số sự siêng năng, tinh tấn, duyên hơn hẳn không quên, niệm tâm định không động. Phân biệt pháp là tuệ, tâm không nhiễm chấp là sự hộ. Duyên khởi tương ưng với tâm pháp, được các pháp thành tựu. Thọ, tưởng, tư, cánh lạc (xúc), ức, dục, giải

thoát, niệm, định, tuệ là mười pháp đại địa. Vì sao? Vì tất cả tâm đều cùng sinh.

Thế nào là hành tương ưng cùng một duyên không tăng không giảm? Đó gọi là tương ưng.

Mười phiền não đại địa cùng sinh trong tất cả tâm bất thiện, là bất tín, giải đãi (biếng nhác), quên, tâm loạn, ám độn, tà ức, tà giải thoát, điều (trạo cử), vô minh, tà hạnh.

Thế nào là bất tín? Là tâm không tin vào pháp.

Thế nào là giải đãi? Là tâm mỗi mệt không làm việc.

Thế nào là quên? Là không nhớ nghĩ.

Thế nào là tâm loạn? Là không nhất tâm.

Thế nào là ám độn? Là không hiểu biết sự việc.

Thế nào là tà ức? Là nhớ nghĩ về phi đạo.

Thế nào là tà giải thoát? Là không từ bỏ điên đảo.

Thế nào là điều (trạo cử)? Là tâm chạy rong không dừng.

Thế nào là vô minh? Là không hiểu biết trong ba cõi.

Thế nào là tà hạnh? Là không trụ nơi pháp thiện.

Mười tiểu phiền não địa: Sân, Ưu-ba-na, bất ngữ (phú), ba-đà-xá, Ma-dạ, Xá-sỉ, xan (keo kiệt), tật (ganh ghét), mạn, đại mạn.

Thế nào là sân? Là tâm hành phần nộ.

Thế nào là Ưu-ba-na? Là tâm chứa độc ở trong.

Thế nào là bất ngữ? Là che giấu tội lỗi.

Thế nào là Ba-đà-xá? Là giữ gấp sự việc phi pháp không bỏ.

Thế nào là Ma-dạ? Là thân, miệng khinh khi người.

Thế nào là Xá-sỉ? Là tâm ganh ghét, mưu hại.

Thế nào là xan? Là tiếc lặn, sợ hết của.

Thế nào là tật? Là thấy việc tốt đẹp của người khác thì nổi giận.

Thế nào là mạn? Là đối với kẻ thấp cho là ta hơn, đối với người trên ta cho là ta bằng.

Thế nào là đại mạn? Là đối với người ngang hàng thì cho là ta lớn, đối với người lớn thì cho mình là lớn hơn.

Mười phiền não địa này tương ưng với ý thức, không phải là năm thức, nên nói là tiểu. Trong đó, có bảy phiền não thuộc cõi dục. Xá-sĩ thuộc cõi dục, cùng Phạm thiên. Mạn, đại mạn thì thuộc ba cõi.

Mười thiện đại địa: Không tham, không sân, tín, ỷ (khinh an), không phóng dật, tinh tấn, hộ, bất nhiễu não, tâm (hổ), quý (thẹn).

Thế nào là không tham? Là đối với tài sản vật dụng của mình và người khác không muốn, không lợi.

Thế nào là không sân? Là đối với chúng sinh, phi chúng sinh, tâm không khởi giận.

Thế nào là tín? Là nhận biết thật sự với tâm thanh tịnh.

Thế nào là ỷ? Là tâm khéo lìa các thứ nặng nề nên được nhẹ nhàng, mát mẻ.

Thế nào là không phóng dật? Là tâm buộc vào pháp thiện.

Thế nào là tinh tấn? Là hành tập gần pháp thiện.

Thế nào là hộ (xả)? Là trụ ở chỗ lìa các pháp.

Thế nào là bất nhiễu não? Là thân, miệng, ý không gây tạo điều ác đối với hết thảy chúng sinh.

Thế nào là tâm? Là xấu hổ về việc mình làm ác.

Thế nào là quý? Là thẹn vì làm việc không thích hợp đối với người.

Mười pháp này tương ứng với tất cả tâm thiện, thế nên nói là đại địa.

Có ba xứ: Xứ ái, xứ không ái, xứ ở giữa.

Xứ ái: Là xứ của các phiền não như dâm dục, keo kiệt, tham lam, luyến tiếc v.v... sinh khởi.

Xứ không ái: Là xứ của các phiền não như giận dữ, tranh chấp, ganh ghét v.v... sinh khởi.

Xứ ở giữa: Là xứ của các phiền não như ngu si, kiêu mạn v.v... sinh khởi.

Tất cả phiền não kiết sử thuộc về ba độc. Vì sao? Vì có ba căn bất thiện. Tất cả phiền não kiết sử đều từ ba độc này sinh, chúng có thể đoạn trừ ba căn bất thiện, có thể gây nhiễu loạn chúng sinh trong ba cõi, thế nên thuộc về ba độc.

**

Phẩm thứ 7: CHỨNG LOẠI NHÂN DUYÊN

Mười hai nhân duyên: Là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, cánh lạc (xúc), thống (thọ), ái, thọ (thủ), hữu, sinh, lão tử. Mười hai nhân duyên này có ba thứ: (1) Phiền não. (2) Nghiệp. (3) Khổ.

Ba thứ phiền não: Là vô minh, ái, thọ (thủ).

Hai thứ nghiệp: Là hành và hữu.

Bảy thứ khổ: Là thức, danh sắc, lục nhập, cánh lạc (xúc), thống (thọ), sinh, lão tử.

Hai thứ thuộc quá khứ. Hai thứ thuộc vị lai. Tám thứ thuộc hiện tại.

Các phiền não là nhân của nghiệp. Nghiệp là nhân của khổ. Khổ là nhân của phiền não. Phiền não là nhân của phiền não. Phiền não là nhân của nghiệp. Nghiệp là nhân của khổ, là nhân của khổ khổ. Những nhân đó theo thứ lớp khởi.

Vô minh quá khứ cùng với tất cả phiền não tương ưng là vô minh. Duyên nơi đây tạo nghiệp. Tạo nghiệp là tạo nên quả thế gian, đó gọi là hành. Do nhân duyên của hành kia khiến tâm nhiễm ô, được thức phân biệt của thân căn. Ví như ghé con biết mẹ là thức. Thức này cùng sinh ra bốn ấm vô sắc, cũng tiếp nối sinh ra sắc, đó gọi là danh sắc. Nương vào cảnh giới của căn như nhãn v.v... là sáu nhập. Căn, trần và tâm hòa hợp là cánh lạc (xúc). Cánh lạc (xúc) sinh ra thọ nhận là thống (thọ). Sự nhiễm chấp của thống (thọ) là ái. Sự khao khát đã gây đủ thứ phiền nhọc là thọ (thủ), khiến vất vả tạo nghiệp là hữu. Quả vị lai là sinh, sinh khởi vô lượng khổ là lão tử.

Lại nữa, vô minh không nhận biết bốn đế, các pháp trong ngoài, quá khứ, vị lai, cùng các nhân duyên của pháp Phật trong hiện nay. Vô số các pháp thật như vậy không nhận biết, đó gọi là vô minh. Người ngu si tạo ra ba thứ hành (nghiệp): hành có đức, hành không đức và hành bất động.

Thế nào là hành có đức? Là thọ nhận báo tốt đẹp.

Thế nào là hành không đức? Là thọ nhận báo xấu ác.

Thế nào là hành bất động? Là sinh nơi cõi sắc, vô sắc.

Lại nữa, bố thí, giữ giới, tu thiền.

Thế nào là bố thí? Có hai thứ bố thí: (1) Tài thí. (2) Pháp thí.

Năm thứ giữ giới: Nếu lãnh thọ giới đến thanh tịnh rốt ráo, trừ bỏ hết cấu uế của tâm ác, thường nghĩ đến giữ gìn, không mong cầu báo của thế gian. Thiền định là ý quán bất tịnh, quán sở tức v.v... Tất cả pháp định hữu lậu thiện là hành có đức.

Thế nào là hành không đức? Là các thứ tội của ba căn bất thiện nơi mười đạo bất thiện. Đó gọi là hành không đức.

Thế nào là hành bất động? Là từ thiên thứ nhất cho đến định hữu tướng vô tướng là hành bất động.

Ba nhân duyên: Thức hữu lậu thọ nhận hữu thứ nhất của bảy hữu, đó gọi là thức. Từ thức có danh sắc, thọ, tưởng, hành, thức ấm, đó gọi là danh. Bốn đại và sắc được tạo, đó gọi là sắc. Hai sự này cùng nói là danh sắc. Từ danh sắc sinh sáu nhập, sáu nhập sinh cánh lạc (xúc).

Cánh lạc (xúc) có sáu thứ: Hai thứ thân, ý khởi có đối và tăng ngữ. Vì sáu thức phân biệt, nên có sáu thứ cánh lạc (xúc). Cánh lạc (xúc) sinh ái, không ái.

Có ba thứ thống (thọ): Khổ thọ, lạc thọ, thọ không khổ không lạc.

Thế nào là khổ thọ? Là sử sân hận sai khiến.

Thế nào là lạc thọ? Là sử dục sai khiến.

Thế nào là thọ không khổ không lạc? Là bị sử vô minh sai khiến.

Khởi vui, trụ nơi vui, vui hết là không vui, đó gọi là lạc thọ. Khởi khổ, trụ nơi khổ, khổ hết là không khổ, đó gọi là khổ thọ. Không trí, không vui lúc trí vui, đó gọi là thọ không khổ không lạc.

Sinh ba thứ khát: Là dục khát, sắc khát, vô sắc khát, cùng tưởng khao khát mong cầu không biết chán đủ.

Sinh bốn thứ thọ (thủ): Dục thọ, kiến thọ, giới thọ và ngã thọ. Thuộc cõi dục, trừ mười hai kiến, các phiền não còn lại, đó gọi là dục thọ (dục thủ). Bốn tà kiến, đó gọi là kiến thọ. Bên ngoài giữ giới, tìm cầu đạo, đó gọi là giới thọ. Thuộc cõi sắc, vô sắc, trừ hai mươi bốn kiến, các phiền não còn lại, đó gọi là ngã thọ. Bốn thọ sinh xứ nghiệp của các kiết sử.

Ba thứ hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

Có năm ấm của sinh đắc, đó gọi là sinh. Hành suy yếu khổ sở là lão.

Có hai thứ lão: Là lão do tiêu hao dần và lão do tuổi già chín muồi.

Có hai thứ chết: Người tự chết và bị người khác giết chết. Khiến sầu lo buồn bã, khổ não.

Thế nào là tâm sầu? Là tâm nóng bức, không cần dùng, không còn mong muốn việc gì đến với mình, đó gọi là sầu.

Thế nào là buồn khóc? Các thứ khóc kể, đó gọi là buồn.

Thế nào là khổ? Là thân khổ não, đó gọi là khổ.

Thế nào là lo lắng? Là tâm sầu não, đó gọi là lo lắng.

Thế nào là não? Là những sự việc cấp bách như: đến cửa quan, các nạn nước, lửa, trộm, giặc v.v... và các sự việc khác, đó gọi là não.

Vô lượng khổ tụ như vậy là nhân duyên của vô minh v.v... Nhân duyên này dứt hết, các quả báo cũng hết. Như vậy là vô lượng khổ tụ dứt hết.

Sáu thứ hợp được thân người. Sáu thứ đó là: Bốn đại và không, thức.

Bốn đại là địa thủy hỏa phong. Ba đại có sắc là địa thủy hỏa, do có thể lường tính về dài ngắn, to nhỏ. Gió, chủng loại gió là một chủng loại. Bốn đại thường xuyên kết hợp không sai biệt. Tướng cứng là đất, tướng ẩm ướt là nước, tướng nóng là lửa, tướng lay động là gió. Bốn đại ngoài thành tựu bốn đại chủng trong. Khoảng không trong sắc, nhãn thức duyên có trong, ngoài, đó gọi là chủng loại không. Năm thức và ý thức hữu lậu, đó gọi là chủng loại thức.

Sự sinh có ba mươi sáu thứ: Đất thì cứng chắc, cao ráo. Nước thì thấm ướt hòa hợp. Lửa có tác dụng nấu nướng, loại trừ chất thối

rữa, mùi hôi. Gió có tác dụng làm lay động. Những động tác ngồi, đứng, sinh trưởng là nhân nơi khoảng không. Thức uống ăn được tiêu hóa là nhờ tác dụng của gió duy trì, loại bỏ. Nhờ sức của thức mà có thân mạng. Đó gọi là con người.

**

Phẩm thứ 8: CĂN TỊNH

Dâm, nộ (giận), si (tham sân si) tương ưng với tâm. Đó gọi là phiền não, là kiết phược. Người muốn trừ bỏ ba thứ này phải chế ngự, trừ bỏ và trí đoạn.

Thế nào là chế ngự? Nếu chưa được tâm vô lậu cần phải giữ giới, tư duy, nhằm loại trừ tâm dâm, nộ, si, không thọ nhận. Đó gọi là chế ngự.

Thế nào là trừ bỏ? Được thiên định là lia pháp dâm ác bất thiện. Đó gọi là trừ bỏ.

Thế nào là trí đoạn? Giác ý duyên nơi khổ, tập đoạn. Đó gọi là trí đoạn.

Hoặc chế ngự, hoặc trừ bỏ, hoặc có lúc tịnh, bất tịnh, trí vô lậu đoạn trừ. Đó gọi là thanh tịnh.

Hai mươi hai căn: Các căn nam, nữ, mạng là ngoại nhập. Khổ, lạc, ưu, hỷ, hộ (xả) tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, vị tri, dĩ tri, đại tri căn và sáu căn nội như trước đã nói. Tướng nam nhận biết là nam, là nam căn. Tướng nữ nhận biết là nữ, là nữ căn. Tướng sinh hoạt trong ba cõi, là mạng căn. Lạc thống (thọ) tương ưng với sáu thức, là lạc căn. Khổ thống (thọ) tương ưng với năm thức, là khổ căn. Lạc thọ tương ưng với ý thức, là hỷ căn. Khổ thọ tương ưng với ý thức, là ưu căn. Không khổ không lạc thọ tương ưng với sáu thức, là hộ căn (xả căn). Tín kính trong các pháp thiện, là tín căn.

Như vậy, các căn tinh tấn, niệm, định, tuệ, thuộc về đạo kiên tín, kiên pháp. Chín căn vô lậu là vị tri căn, thuộc về đạo kiến đáo, tín giải thoát. Chín căn vô lậu là dĩ tri căn, thuộc về đạo vô học. Chín căn vô lậu là đại tri căn.

Thế nào là nghĩa của căn? Có sức, có lợi, đó gọi là căn. Sáu căn như mạng, nam, nữ, chín căn trong thế giới là có sức, có lợi. Năm thọ căn sinh phiền não là có sức, có lợi. Năm căn như tín v.v... là có sức, có lợi trong pháp thiện. Ba căn vô lậu là có sức, có lợi trong đạo. Vì được đạo nên các căn đều tự có sức, có lợi.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu thứ thuộc cõi dục, bao nhiêu thứ thuộc cõi sắc, bao nhiêu thứ thuộc cõi vô sắc, bao nhiêu thứ không hệ thuộc?

Đáp: Có bốn căn thuộc cõi dục là nam, nữ, ưu, khổ căn. Năm căn thuộc cõi dục, cõi sắc là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Hỷ căn, lạc căn hữu lậu thuộc cõi dục, cõi sắc. Hộ căn, ý căn, mạng căn hữu lậu, năm căn như tín v.v... tất cả thuộc ba cõi. Ý căn, hộ căn, hỷ căn, lạc căn, năm căn như tín v.v... vô lậu là không hệ thuộc. Chín căn này hợp lại là ba căn vô lậu: Vị tri căn, dĩ tri căn, đại tri căn.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu thứ là thọ, bao nhiêu thứ là không thọ?

Đáp: Năm căn như lạc v.v..., năm căn như tín v.v... tất cả căn vô lậu là không thọ. Các căn còn lại hoặc là thọ, hoặc là không thọ.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp: Có tám căn thiện là năm căn như tín v.v... và ba căn vô lậu. Tám căn vô ký là năm căn như nhãn v.v... và mạng căn, nam căn, nữ căn. Sáu căn nên phân biệt: Ý căn, năm thọ căn như lạc căn v.v... hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn có bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu?

Đáp: Năm căn như tín v.v..., lạc, hỷ, hộ, ý căn, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Ba căn sau là vô lậu. Mười căn hữu lậu là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ, mạng, u, khổ.

Ba thứ sinh đầu tiên được hai căn là thân căn và mạng căn. Hóa sinh hoặc sáu, bảy, tám. Vô hình: sáu. Một hình: bảy. Hai hình: tám, là năm căn như mắt v.v... và mạng căn, nam căn, nữ căn. Các căn còn lại lần lượt được.

Sinh đầu tiên trong cõi sắc được sáu căn là năm căn, mạng căn. Sinh đầu tiên ở cõi vô sắc được một mạng căn. Tâm vô ký của cõi dục dần dần mạng chung có bốn, hoặc tám, chín, mười căn. Nếu tâm thiện mạng chung thì có chín hoặc mười ba, mười bốn, hay mười lăm thứ căn.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu thứ do kiến đế đoạn, bao nhiêu thứ do tư duy đoạn, và bao nhiêu thứ không đoạn?

Đáp: Có bốn căn hoặc do kiến đế đoạn, hoặc do tư duy đoạn, hoặc không đoạn, là ý căn, lạc căn, hỷ căn, hộ căn. Ưu căn thì hoặc do kiến đế đoạn, hoặc do tư duy đoạn. Năm căn như tín v.v... hoặc do tư duy đoạn, hoặc không đoạn. Ba căn vô lậu thì không đoạn. Các căn còn lại là do tư duy đoạn.

**

Phẩm thứ 9: KIẾT SỬ, THIỀN TRÍ

Chín mươi tám sử do hai thứ đoạn trừ, là do kiến đế đoạn và do tư duy đoạn.

Hai mươi tám thứ do kiến khổ đoạn. Mười chín thứ do kiến tập đoạn. Mười chín thứ do kiến tận đoạn. Hai mươi hai thứ do kiến đạo đoạn. Mười thứ do tư duy đoạn.

Kiến khổ đoạn mười sử thuộc cõi dục. Kiến tập đoạn bảy sử. Kiến diệt đoạn bảy sử. Kiến đạo đoạn tám sử. Tư duy đoạn bốn sử. Đó là ba mươi sáu sử thuộc cõi dục. Trừ sân hận cùng các kiết sử khác trong cõi sắc, vô sắc, mỗi cõi đều đoạn trừ ba mươi một sử.

Nói tóm tắt là mười sử thật: Thân tà (thân kiến), biên tà (biên kiến), tà kiến, trộm kiến (kiến thủ), trộm giới (giới cầm thủ), nghi, ái, sân, mạn và vô minh.

Thế nào là thân tà (thân kiến)? Chấp ngã trong năm ám, thấy biết như vậy là thân tà. Thế giới hữu biên, vô biên v.v... thấy biết như vậy là biên tà. Cho không có quả báo, nhân duyên của bốn đế, thấy biết như vậy là tà kiến.

Chấp thường là thứ nhất trong pháp hữu lậu, thấy biết như vậy là trộm kiến. Cầu đạo tịnh trong nhân duyên phi tịnh, thấy biết như vậy là trộm giới.

Chưa được tâm đạo, si mê không hiểu rõ về phải, không phải, về có, không có, đó là tâm nghi. Nhiệm đằm dục trong các pháp, đó là ái.

Trong tâm si, không muốn đối đáp lại, tâm phần nộ, náo động, đó là sân. Tâm tự đại, cao ngạo, đó là mạn. Không biết được thật tướng của các pháp, đó là vô minh.

Các sử này là thuộc khổ đế của cõi dục. Tất cả tập đế, bảy thứ nơi tận đế cũng như vậy. Đạo đế có tám thứ, tà nghi do kiến đế đoạn. Bốn sử của cõi dục do tư duy đoạn. Sáu sử của cõi sắc, vô sắc do tư duy đoạn. Tham, sân, mạn, vô minh do năm hành đoạn. Nghi, tà kiến, trộm đạo do bốn đế đoạn. Thân tà, biên tà do khổ đế đoạn. Trộm giới do khổ đế, đạo đế đoạn. Khổ đế đoạn sáu sử của cõi dục là năm tà và nghi. Tập đế đoạn ba là hai tà và nghi.

Vô minh có hai thứ do khổ đế đoạn là vô minh hiện khắp và vô minh không hiện khắp.

Thế nào là hiện khắp? Là vô minh tương ưng với sáu sử và vô minh bất cộng, đó gọi là hiện khắp.

Thế nào là không hiện khắp? Là vô minh tương ưng với ba sử, đó gọi là không hiện khắp. Như vậy, tập tương ưng với ba sử và vô minh bất cộng, đó gọi là hiện khắp. Ngoài ra là không hiện khắp.

Các sử, trừ ái, sân, mạn, số còn lại là nhất thiết biến (biến hành). Vì sao? Vì các sử này có năm duyên là hai tà trong sử nhất thiết biến (sử biến hành) và vô minh tương ưng với chúng. Sử nhất thiết biến là ở nơi cõi mình, không phải là cõi khác. Cõi sắc cũng như vậy. Sử nhất thiết biến của cõi vô sắc là nhất thiết biến của cõi mình. Sử nhất thiết biến còn lại thì nhất thiết biến nơi cõi mình, cũng duyên nơi cõi khác. Vô minh là nhân tương ưng của tất cả sử và vô minh bất cộng. Tà kiến, nghi, vô minh của ba cõi do tận đế, đạo đế đoạn trừ.

Mười tám sử này duyên nơi vô lậu, các sử còn lại duyên nơi hữu lậu. Các sử duyên nơi hữu lậu và hữu lậu kia duyên tương ưng với vô minh, ngoài ra vô minh duyên nơi vô lậu. Tất cả kiết sử của ba cõi tương ưng với hộ căn (xả căn). Các sử trong các trời Phạm thiên, Quang diệu tương ưng với hộ căn và hỷ căn. Các sử của trời Biến tịnh tương ưng với hộ căn, lạc căn. Tà kiến, vô minh thuộc cõi dục, tương ưng với ba căn là hỷ căn, ưu căn, hộ căn. Nghi tương ưng với hai căn là ưu căn, hộ căn. Sân tương ưng với ba căn là ưu căn, khổ căn, hộ căn. Các sử còn lại ở cõi dục do kiến đế đoạn tương ưng với hai căn là hỷ căn và hộ căn. Các sử do tư duy đoạn trừ trong cõi dục tương ưng với sáu thức, trừ mạn. Mạn tương ưng với ý thức. Tất cả sử do kiến đế đoạn tương ưng với ý thức.

Mười tiểu phiền não nói là triền: (1) Sân. (2) Sợ tội của mình. (3) Thù (ngũ nghi). (4) Miên (ngũ say). (5) Điệu (trạo cử). (6) Hý (ồ tác, hối). (7) Xan. (8) Tật. (9) Vô tâm (không hồ). (10) Vô quý (không thẹn).

Thế nào là sân? Là tâm ác khởi động mạnh.

Thế nào là sợ tội của mình? Là sợ người thấy nghe.

Thế nào là thù? Là tâm chìm đắm, thân tâm nặng nề, tương ung với tất cả kiết sử.

Thế nào là miên? Là tâm hòa hợp với lúc nằm ngủ, khi thức dậy không tự tại, tương ung với ý thức, thuộc cõi dục.

Thế nào là điệu? Là tâm bất thiện bông bột không dứt, tương ung với tất cả kiết sử.

Thế nào là hý? Là tạo ra việc thiện, bất thiện, về sau lại hối tiếc, tương ung với ưu căn.

Thế nào là xan? Là tâm luyện tiếc, keo kiệt.

Thế nào là tật? Là thấy người khác được việc tốt đẹp, mình không hoan hỷ, muốn cho họ phải đau khổ. Hai kiết này thuộc cõi dục, do tư duy đoạn trừ.

Thế nào là vô tâm? Là tự làm điều ác không biết xấu hổ.

Thế nào là vô quý? Là làm điều ác không thẹn với người khác.

Hai thứ này tương ung với tất cả pháp bất thiện.

Ba kiết: Ái, sân, vô minh, tương ung với sáu thức. Hai thứ ái, vô minh của cõi sắc tương ung với bốn thức. Kiết sử còn lại tương ung với ý thức. Trong một lúc do đạo vô ngại đoạn kiết sử, lúc tác chứng lại tác chứng. Đoạn trừ kiết của cõi dục được ba trí đoạn. Khổ đế, tập đế đoạn trừ kiết sử ở cõi dục được một trí đoạn. Tận đế (diệt đế) đoạn trừ kiết sử được hai trí đoạn. Đạo đế đoạn trừ kiết sử được ba trí đoạn. Kiết sử nơi cõi sắc, vô sắc do bốn đế đoạn trừ hết được ba trí đoạn. Năm kiết sử phần dưới trong cõi dục đoạn trừ hết được bảy trí đoạn. Ở cõi sắc, kiết sử do tư duy đoạn trừ hết được tám trí đoạn. Tất cả phiền não kiết sử đoạn trừ hết được chín trí đoạn. Diệt trừ kiết

hoàn toàn đó gọi là trí đoạn. Có các kiết sử như vậy, tâm không tương ưng trói buộc tâm tương ưng, sự việc này là không đúng với tất cả tâm tương ưng. Vì sao? Vì khởi phiền não kiết sử là hủy hoại pháp thiện. Lúc thấy kiết sử là pháp thiện sinh, thế nên nhận biết tất cả kiết sử đều tương ưng với tâm. Tất cả các kiết sử này đều có hai sự đoạn là tâm tương ưng với trí thiền.

Thế nào là thiền? Là tâm nhu hòa ban đầu đoạn trừ. Thế nào là trí? Là phân biệt các pháp. Nhất tâm nhập định, tư duy là thiền.

Quán xét các pháp vô thường v.v... là trí. Thiền trí đều cùng hành tư duy, được giải thoát. Ba thời khéo tinh tấn là lúc nhất tâm, gìn giữ, tọa thiền, nếu tâm nhu hòa, lúc ấy nên tinh tấn tư duy. Nếu tâm điệu (trạo cử), khi đó phải nhất tâm tư duy theo điều thiện. Nếu cả hai sự việc này đều cùng không nhu hòa, không điều phục, thì lúc ấy là phóng tâm nên trừ bỏ. Ví như thợ luyện vàng, đem vàng đặt trong lửa, luôn thổi lửa để nung, luôn đem nước rưới lên, và cũng luôn tạm ngưng luyện. Vì sao? Vì nếu thường xuyên thổi lửa thì vàng sẽ chảy ra. Nếu thường rưới nước thì vàng sẽ nguội lạnh, không nóng. Nếu tạm dừng thì không điều hợp được. Việc tọa thiền cũng như vậy. Thổi lửa như sức tinh tấn, nhúng vàng vào nước như thiền, buông bỏ như xả. Vì sao? Vì thường tinh tấn thì điều phục tâm. Thường định thì nhất tâm, tâm nhu hòa. Thường xả thì không thọ nhận các tâm. Thế nên luôn siêng năng, tinh tấn, luôn nhất tâm định và luôn xả. Tâm hòa hợp, điều phục như vậy, trong tất cả kiết sử tức được giải thoát.

**

Phẩm thứ 10: BA MƯƠI BẢY NGƯỜI VÔ LẬU

Pháp tọa thiền trước là buộc giữ tâm ở một chỗ. Hoặc ở đỉnh đầu, hoặc ở trán, hoặc khoảng giữa chân mày, hoặc ở chóp mũi, hoặc

ở trong tâm, khiến tâm trụ nơi một chỗ. Nếu niệm chạy đi thì kéo trở lại rồi đặt vào chỗ cũ. Tâm này ví như con vượn, buộc cổ nó vào cây trụ khiến vượn chỉ chạy quanh trụ, không chạy đi được, bắt buộc phải dừng. Tâm chạy rong cũng như vậy. Buộc tâm vào pháp khiến tâm không đi nữa, bắt buộc phải trụ lại. Dần dần quán thân, thọ, ý (tâm), pháp, là trong người, pháp, ý chỉ, thuần thực nhất tâm, được trí tuệ thật. Quán thật tướng của tất cả hành, vì sinh diệt không dừng nên vô thường. Vì chất chứa tai họa nên khổ. Vì bên trong không có người nên không. Vì không tự tại nên phi ngã (vô ngã). Từ đây được pháp noãn khởi trong ý. Ví như dùi lửa trong cây sinh. Căn thiện tín tịnh được sinh trong pháp Phật.

Bốn duyên quán mười sáu hành. Bốn hành quán khổ đế: Từ nhân duyên sinh, vì không trụ nên *vô thường*. Vì sức của vô thường hủy hoại nên *khổ*. Vì không có người nên *không*. Vì không tự tại nên *phi ngã*.

Bốn hành quán tập đế: Vì tướng sinh giống như quả nên là *nhân*. Vì sống chết không dứt nên là *tập*. Vì không thể hết nên là *hữu*. Vì không giống nhau nhưng nối tiếp nhau nên là *duyên*.

Bốn hành quán diệt đế: Vì đóng kín tất cả khổ nên là *tận*. Vì trừ bỏ tất cả lửa kiết sử nên là *chỉ*. Vì hơn tất cả pháp nên là *diệu*. Vì ra khỏi ba cõi nên là *độ*.

Bốn hành quán đạo đế: Vì có thể dẫn đến Niết-bàn nên là *đạo*. Vì không phải là điên đảo nên là *ýng*. Vì là nơi chốn hành hóa của Thánh nhân nên là *trụ*. Vì có thể lìa phiền não của thế gian nên là *xuất*.

Quán mười sáu hành pháp thiện, thường siêng năng tinh tấn, đó gọi là pháp *noãn*. Từ căn thiện noãn này tăng trưởng, đó gọi là căn thiện *đảnh*. Tin Tam bảo, hoặc tin năm ấm là vô thường, hoặc khổ, không, phi ngã (vô ngã). Như vậy, duyên nơi mười sáu hành của bốn đế, vì hơn pháp noãn, nên nói là đảnh. Đảnh đã tăng thượng, tùy theo

để nhãn gọi là căn thiện *nhãn*. Nhãn này có ba thứ: thượng, trung, hạ. Duyên nơi pháp quán của bốn đế, quán mười sáu hành thuận với căn thiện tăng thượng của đế, đó gọi là *pháp đệ nhất thế gian*. Tâm, tâm số pháp lúc nhất tâm, đó gọi là căn thiện thứ nhất thế gian.

Có người nói: Năm căn như tín v.v... là nghĩa như thật của pháp đệ nhất thế gian. Tâm, tâm số pháp lúc nhất tâm là căn thiện thứ nhất thế gian, có thể mở cửa ngõ Niết-bàn, là duyên thứ nhất trong pháp của phạm phu. Quán bốn hành của một đế là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì tâm vô lậu thứ nhất duyên nơi khổ đế. Pháp đệ nhất thế gian cũng như vậy.

Sáu địa thiên: Thiên vị đạo (thiên vị chí), thiên trung gian và bốn thiên, là các căn thiện nhãn, danh, noãn. Trong sáu địa, có pháp đệ nhất thế gian theo thứ lớp khởi nơi người vô lậu, đó gọi là khổ pháp nhãn. Chưa từng thấy, vì mới thấy nhưng có thể nhãn, nên nói là nhãn, là nhãn đầu tiên nơi đạo vô ngại. Theo thứ lớp khổ pháp trí sinh. Nhận biết như thật về tướng khổ là khổ pháp trí nơi đạo giải thoát, hai tâm này duyên nơi khổ thuộc cõi dục. Vị trí nhãn nơi đạo vô ngại, vị trí trí nơi đạo giải thoát, hai tâm này duyên nơi khổ thuộc cõi sắc, vô sắc. Tập, diệt, đạo đế cũng như vậy.

Pháp chánh quán này là mười sáu tâm tịnh. Hàng lợi căn trong mười lăm tâm là nói Tùy pháp hành. Hàng độn căn là nói Tùy tín hành. Hai người này chưa lìa kiết của cõi dục, hướng đến quả thứ nhất. Sáu thứ kiết sử của cõi dục đã đoạn trừ, hướng đến quả thứ hai. Nếu chín thứ kiết đã hết, hướng đến quả thứ ba. Hướng đến quả thứ nhất, nhằm đến người tu hành trong mười lăm tâm, cũng lại là người tu hành của trung gian quả, là hai người Tùy pháp hành, Tùy tín hành này, tiến đến được trụ quả trong mười sáu tâm. Hai người ấy trước đây chưa đoạn trừ kiết, do viên mãn mười sáu tâm nên đều cùng là Tu-đà-hoàn. Nếu đoạn trừ sáu thứ kiết, viên mãn mười sáu tâm, thì cùng là Tu-đà-hàm. Nếu đoạn trừ chín thứ kiết, đầy đủ

mười sáu tâm thì cùng là A-na-hàm, được quả thứ ba và tám mươi tám kiết đoạn hết.

Vì căn thiện nơi giới vô lậu của người ấy thành tựu, nên nói là Tu-đà-hoàn. Hàng lợi căn được quả gọi là Kiến đạo. Hàng độn căn được quả gọi là Tín giải thoát. Nếu hai người này do tư duy đoạn trừ kiết thuộc cõi dục không hết, thì phải trải qua bảy lần chết, bảy lần sinh. Nếu trước diệt hết ba phẩm kiết, thì gọi là Gia gia, trải qua ba lần chết, ba lần sinh. Trong dòng nước tám trực đạo (tám chánh đạo) dẫn đến Niết-bàn hành trong ấy là Tu-đà-hoàn. Sáu thứ kiết đã hết, gọi là Tu-đà-hàm. Tám thứ kiết hết, gọi là Nhất chủng. Sinh lên trời cõi dục, trở lại sinh trong loài người liền bát Niết-bàn, đó gọi là Nhất chủng và Tu-đà-hàm.

Năm A-na-hàm là Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn, Hành bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn và Thượng lưu A-ca-ni đến A-na-hàm. Lại có A-na-hàm sinh nơi cõi vô sắc. Khổ của cõi sắc, vô sắc dứt hết, được bát Niết-bàn, không sinh nơi cõi dưới là nói A-na-hàm.

Chín thứ kiết sử của cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc cũng như vậy. Các kiết sử này do hai đạo đoạn trừ là đạo vô ngại và đạo giải thoát. Trước hết là đạo vô ngại đoạn trừ, đạo giải thoát thành tựu. Ví như bắt được rắn độc bỏ vào trong chiếc bình, rồi bịt miệng bình lại. Đạo thể tục, đạo xuất thế gian đoạn trừ các kiết sử thuộc cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc. Đạo thể tục cũng có thể đoạn trừ sử nơi các cõi trên.

Tám địa lia dục được định diệt tận, là nói A-na-hàm Thân chứng. Nếu pháp của A-la-hán Câu giải thoát tợ như Niết-bàn, thân trụ trong đó, đoạn hết năm kiết phần dưới tức được A-na-hàm. Đoạn hết năm kiết phần trên tức được A-la-hán. Các kiết sử, triền phược còn lại trong cõi sắc, vô sắc này là nói do tâm điều phục, như định kim cương, lần lượt sinh ra diệt trí. Bây giờ, được quả A-la-hán, là đạo vô ngại lia dục trên hết, cũng là tâm học sau cùng, là thứ lớp của định kim cương. Vô học đầu tiên phát sinh diệt trí: Các sự sinh của ta đã hết,

ta đã được A-la-hán, tất cả kiết đã hết, đại tiểu phiền não đều diệt hết, gọi là A-la-hán, người nên được thọ nhận sự cúng dường trong tất cả hàng người, trời. Đó gọi là A-la-hán.

Bậc vô học này có chín thứ: (1) Pháp thoái. (2) Pháp không thoái. (3) Pháp tư. (4) Pháp thủ hộ. (5) Pháp trụ. (6) Pháp năng tấn. (7) Pháp không động. (8) Tuệ giải thoát. (9) Câu giải thoát.

Thế nào là pháp thoái? Là trí kém, tinh tấn yếu, hành đủ năm thoái, là thoái quả đạo. Đó gọi là pháp thoái chuyển.

Thế nào là pháp không thoái? Là trí nhạy bén, siêng năng, tinh tấn, không hành trong năm thoái, được quả đạo bất thoái. Đó gọi là pháp không thoái.

Thế nào là pháp tư? Là trí kém, tinh tấn kém, siêng năng quán thân bất tịnh, đáng ghét bỏ, tư duy tự diệt thân, là pháp tư.

Thế nào là pháp thủ hộ? Là trí kém, siêng năng tinh tấn, gìn giữ thân, là pháp thủ hộ.

Thế nào là pháp trụ? Là trí bậc trung, tinh tấn thuộc phẩm trung, đạo hành bậc trung, không tăng giảm, là pháp trụ.

Thế nào là pháp năng tấn? Là trí ít nhạy bén, siêng năng tinh tấn, có thể đạt được điều thiện không động, là pháp năng tấn.

Thế nào là pháp không động? Là hàng lợi căn, rất siêng năng tinh tấn, lúc trước được điều thiện không động, là pháp không động.

Thế nào là Tuệ giải thoát? Là A-la-hán không được định diệt tận, là Tuệ giải thoát.

Thế nào là Câu giải thoát? Là A-la-hán có thể được định diệt tận, là Câu giải thoát.

Tùy tín hành nơi năm hạng A-la-hán gọi là Thời giải thoát. Các vị A-la-hán này có hai trí, là diệt trí và trực kiến vô học (chánh kiến

vô học). Tùy pháp hành nhất chủng nơi A-la-hán, hàng lợi căn gọi là Bất thời giải thoát. A-la-hán này đạt ba trí là diệt trí, vô sinh trí và trực kiến vô học. Tám A-la-hán ái thời giải thoát, thành tựu pháp không động. Tùy tín hành thành tựu chín căn vô lậu trong mười lăm tâm của đạo kiến đế, đó gọi là vị tri căn. Mười sáu tâm đắc quả, là chín căn vô lậu, đó gọi là dĩ tri căn. Chín căn này đều cùng là pháp vô học, đó gọi là đại tri căn. Lúc đắc quả, làm mất hướng đạo, trong đạo đoạn trừ hết kiết sử.

Có hai thứ thành tựu là hữu vi, vô vi. Lúc được đại quả, tất cả đều làm mất hai thứ gốc, được một thứ thành tựu. Chín thứ đoạn trừ kiết sử và các pháp không ẩn mất là tâm thứ chín, tất cả đều được đoạn trừ.

A-la-hán pháp năng tấn được việc thiện không khuynh động, không phải là pháp khác. Tín giải thoát hữu học đắc lợi căn gọi là kiến đáo, không phải vị khác. Các kiết sử trong đạo kiến đế mỗi mỗi đều khác. Pháp vô lậu mỗi mỗi đều khác. Do đấy nên dần dần kiến đế, không phải kiến đế cùng một lúc. Do sức của đạo vô ngại nên chứng đắc quả. Vì thế nên có hai thứ quả: (1) Quả hữu vi. (2) Quả vô vi.

HẾT - QUYỀN THƯỢNG

LUẬN A TỶ ĐÀM CAM LỘ VỊ

QUYÊN HẠ

Phẩm thứ 11: TRÍ

Mười trí: Pháp trí, vị trí trí (Loại trí), đẳng trí, tri tha nhân tâm trí (Tha tâm trí), khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, diệt trí, và vô sinh trí.

Thế nào là pháp trí? Là trí vô lậu trong các hành khổ thuộc cõi dục. Trí vô lậu trong các hành tập thuộc cõi dục. Trí vô lậu trong các hành tận (Diệt) thuộc cõi dục. Vì các hành đạo đoạn trừ phiền não thuộc cõi dục, là trí vô lậu trong đạo và trí vô lậu trong địa của pháp trí. Đó gọi là pháp trí.

Thế nào là vị trí trí? Là trí vô lậu trong các hành khổ thuộc cõi sắc, vô sắc. Trí vô lậu trong các hành tập thuộc cõi sắc, vô sắc. Trí vô lậu trong các hành tận thuộc cõi dục. Vì các hành đạo đoạn trừ phiền não thuộc cõi sắc, vô sắc, là trí vô lậu trong đạo và trí vô lậu trong địa của vị trí trí. Đó gọi là vị trí trí.

Thế nào là đẳng trí? Tất cả trí tuệ hữu lậu hoặc là thiện, bất thiện, vô ký. Đó gọi là đẳng trí.

Thế nào là tri tha nhân tâm trí? Do sức tư duy trong thiền nên nhận biết được tâm tâm số pháp của người khác nơi cõi dục. Đó gọi là tri tha nhân tâm trí

Thế nào là khổ trí? Là trí vô lậu quán về vô thường, khổ, không, phi ngã (vô ngã) trong năm thọ ấm. Đó gọi là khổ trí.

Thế nào là tập trí? Là trí vô lậu quán về tập nhân hữu duyên của năm thọ ấm. Đó gọi là tập trí.

Thế nào là tận trí? Là trí vô lậu quán về tận, chỉ, diệt, xuất nơi diệt đế. Đó gọi là tận trí.

Thế nào là đạo trí? Là trí vô lậu quán về đạo, ứng, trụ, xuất của bát trực đạo (Bát chánh đạo). Đó gọi là đạo trí.

Thế nào là diệt trí? Là trí vô lậu quán về kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tư duy (tu) đạo trong bốn pháp. Đó gọi là diệt trí.

Thế nào vô sinh trí? Là trí vô lậu quán về: Ta đã thấy khổ, không còn thấy nữa. Ta đã đoạn tập, không còn đoạn nữa. Ta đã tác chứng diệt, không còn tác chứng nữa. Ta đã tư duy (tu) đạo, không còn tư duy nữa, trong bốn pháp. Đó gọi là trí vô sinh.

Trong mười trí này, có hai trí hành mười sáu hành, là pháp trí, vị tri trí.

Đẳng trí trong pháp noãn đẳng nhãn hành mười sáu hành. Đẳng trí trong pháp đệ nhất thế gian hành bốn hành. Phần còn lại không hành.

Tri tha nhân tâm trí vô lậu hành bốn hành, như đạo trí. Tri tha nhân tâm trí hữu lậu là không hành.

Khổ trí hành bốn hành. Tập trí hành bốn hành. Tận trí hành bốn hành. Đạo trí hành bốn hành.

Diệt trí, vô sinh trí, mỗi trí này đều hành mười bốn hành, trừ hành không, vô ngã.

Thiên vị đạo và thiên địa trung gian có chín trí, trừ tri tha nhân tâm trí. Trong bốn thiên còn lại có đủ mười trí. Định vô sắc có tám trí, trừ pháp trí và tri tha nhân tâm trí. Tâm vô lậu thứ nhất thành tựu

một đẳng trí. Tâm vô lậu thứ hai thành tựu ba trí là đẳng trí, pháp trí và khổ trí. Tâm vô lậu thứ ba vượt qua. Tâm vô lậu thứ tư thành tựu bốn trí: Đẳng trí, pháp trí, khổ trí và vị trí trí. Tâm vô lậu thứ năm vượt qua. Tâm vô lậu thứ sáu thành tựu năm trí: Đẳng trí, pháp trí, khổ trí, vị trí trí và tập trí. Tâm vô lậu thứ bảy vượt qua. Tâm vô lậu thứ tám cũng vượt qua. Tâm vô lậu thứ chín thành tựu sáu trí: Đẳng trí, pháp trí, khổ trí, vị trí trí, tập trí và tận trí. Tâm vô lậu thứ mười, thứ mười một vượt qua. Tâm vô lậu thứ mười hai thành tựu bảy trí: Đẳng trí, pháp trí, khổ trí, vị trí trí, tập trí, tận trí và đạo trí. Nếu đã lìa dục, là từng được tri tha nhân tâm trí.

Có hai thứ tu trí là tu đắc và tu hành. Trước chưa được công đức, nay được, đó gọi là tu đắc. Trước đã được công đức, hiện nhập ở trước, đó gọi là tu hành.

Tu hiện ở trước trong đạo kiến đế, tu ấy tức tu vị lai. Như vậy tu các nhân hiện ở trước cũng là tu vị lai.

Khổ vị trí trí, tập vị trí trí, tận vị trí trí là tu đẳng trí trong ba vị trí trí. Trong đạo vị trí trí hoặc tu sáu trí hoặc tu bảy trí. Nếu chưa lìa dục thì tu sáu trí, đã lìa dục thì tu bảy trí.

Tri tha nhân tâm trí vượt qua quả Tu-đà-hoàn. Trong mười bảy tâm tu bảy trí, trừ diệt trí, vô sinh trí và tri tha nhân tâm trí, là tín giải thoát lúc được lợi căn trong mười bảy tâm. Trong hai đạo vô ngại và đạo giải thoát tu sáu trí, trừ tha tâm trí, đẳng trí, diệt trí và vô sinh trí, được quả A-na-hàm. Trong đạo giải thoát tu tám trí, trừ diệt trí, vô sinh trí. Như vậy, lúc bảy địa lìa dục, trong đạo giải thoát tu tám trí, trừ diệt trí, vô sinh trí. Đó gọi là trong đạo vô ngại tu bảy trí, trừ tri tha nhân tâm trí, diệt trí và vô sinh trí.

Lúc ở xứ hữu tướng vô tướng lìa dục, trong tám đạo giải thoát tu bảy trí, trừ đẳng trí, diệt trí, và vô sinh trí. Trong chín đạo vô ngại tu sáu trí, trừ đẳng trí, tri tha tâm trí, diệt trí và vô sinh trí.

Trong tâm vô học ban đầu tu các căn thiện hữu lậu, vô lậu. Tâm vô học ban đầu này tương ưng với khổ vị trí trí. Có thuyết cho là tương ưng với tập vị trí trí. Vì sao? Vì nơi xứ hữu tướng vô tướng tương ưng với sinh duyên. Tâm vô học ban đầu kiến đế, do tám nhãn cầu tìm, nên gọi là kiến, không phải là trí. Diệt trí, vô sinh trí là trí, không phải là kiến. Ngoài ra, tuệ vô lậu cũng là tuệ, cũng là kiến, cũng là trí, trừ tuệ hữu lậu thiện tương ưng với ý thức và năm tà kiến. Tuệ hữu lậu còn lại cũng là trí, cũng là tuệ, không phải là kiến.

Pháp trí duyên nơi chín trí, trừ vị trí trí. Vị trí trí duyên nơi chín trí, trừ pháp trí. Đạo trí duyên nơi chín trí, trừ đẳng trí. Khổ trí, tập trí duyên nơi tất cả pháp hữu lậu. Các trí còn lại duyên nơi mười trí và đẳng trí, tha tâm trí, diệt trí và vô sinh trí.

Hai trí là tận pháp trí và đạo pháp trí có thể diệt trừ kiết của ba cõi.

Sáu thông, bốn thông là đẳng trí. Thân thông, nhĩ thông, nhãn thông, túc mạng thông và tha tâm thông là năm trí, tức pháp trí, vị trí trí, đạo trí, đẳng trí và tha tâm trí. Lậu tận thông là chín trí vô lậu, trừ đẳng trí.

Bốn ý chỉ (Bốn niệm xứ): Thân ý chỉ có tám trí, trừ tha tâm trí, tận trí. Thông (thọ) ý chỉ, tâm ý chỉ có chín trí, trừ tận trí. Pháp ý chỉ có mười trí.

Bốn biện: Pháp biện, từ biện là đẳng trí. Ứng biện, nghĩa biện đều có mười trí. Nguyện trí có bảy trí, trừ tha tâm trí, diệt trí, vô sinh trí.

Trong mười lực: Lực thứ nhất có mười trí nhận biết. Lực thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu có chín trí nhận biết, trừ tận trí. Lực thứ bảy có mười trí nhận biết. Lực thứ tám, thứ chín có một trí nhận biết là đẳng trí. Lực thứ mười có chín trí nhận biết, trừ đẳng trí.

Pháp vô úy thứ nhất có mười trí nhận biết. Pháp vô úy thứ hai có chín nhận biết, trừ đẳng trí. Pháp vô úy thứ ba có tám trí nhận biết, trừ đạo trí, tận trí. Pháp vô úy thứ tư có tám trí nhận biết, trừ khổ trí và tập trí.

*
**

Phẩm thứ 12: THIỀN ĐỊNH

Được thiền định nhất tâm, tâm không phân tán, nên trí tuệ thanh tịnh. Ví như đèn dầu đặt để lìa nơi có gió thì ánh sáng thanh tịnh.

Thế nào là thiền định? Là tám thứ thiền định, tức là bốn thiền, bốn định vô sắc.

Bốn thiền: Thiền thứ nhất, thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư, là các thiền định. Có ba thiền là có vị, tịnh và vô lậu. Tương ưng với ái, đó gọi là có vị. Thiền hữu lậu thiện, đó gọi là tịnh. Không có phiền não, đó gọi là vô lậu.

Trong Hữu đảnh có hai thứ định: Là có vị và tịnh, không có vô lậu là pháp thiện của định. Ở nơi xử tĩnh lặng, trống trải, thư thả, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc đi, hoặc bước đi với ý, trí định, tin sâu trong tâm thiện xảo. Người có tâm như vậy nên nhập thiền định.

Dục, tinh tấn, niệm, tuệ, nhất tâm tương ưng với thiền. Các pháp thiện này hướng đến định của thiền thứ nhất lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh đắc hỷ lạc. Đó gọi là thiền thứ nhất.

Nhiễm vương nơi ngoại nhập, đó gọi là tham dục. Sân hận, thù miên, điệu, hý, nghi, các thứ cái này là pháp ác bất thiện. Đoạn trừ hai thứ pháp ác trong ngoài ấy, đó gọi là lìa. Tâm duyên chuyển xoay lại, đó gọi là giác. Tâm thọ hành tư duy, đó gọi là quán. Đoạn trừ pháp ác, bất thiện, do lực nên được thiền, đó gọi là lìa dục. Tâm

sinh vui vẻ, đó gọi là hỷ. Thân tâm an ổn, đó gọi là lạc. Buộc tâm trong duyên, đó gọi là nhất tâm. Đây là năm chi của thiền thứ nhất. Dâm dục là tội khổ lớn, không vui, vì lìa khỏi lực, an ổn.

Tư duy về dục v.v... như thế thì các pháp thiện sinh khởi trong tâm. Đó gọi là được đạo của thiền thứ nhất. Tương ưng với ba thọ căn này là hỷ, lạc, hộ căn. Lạc căn tương ưng với ba thức thân là nhãn, nhĩ, thân thức. Hỷ căn tương ưng với ý thức. Hộ căn (xả căn) tương ưng với bốn thức.

Thiền thứ nhất này có thân riêng, tướng riêng. Có thân riêng một tướng. Bốn tâm nơi thiền thứ nhất là nhãn, nhĩ, thân, ý. Đó gọi là các giác quán của thiền thứ nhất. Diệt, nội tịnh, nhất tâm, không giác không quán, định sinh đặc hỷ lạc tương ưng. Đó gọi là các giác quán của thiền thứ hai, như trước đã nói.

Đoạn trừ hỷ, đó gọi là diệt. Các địa tin là không cấu uế, đó gọi là nội tịnh. Ý thức buộc nơi duyên không phân tán, đó gọi là nhất tâm. Về chi hỷ, lạc như trước đã nói.

Tương ưng với hai thọ căn này là hỷ căn, hộ căn. Một tướng của thân riêng tương ưng với hỷ căn. Căn bản gần địa tương ưng với hộ căn. Trừ diệt cấu uế của giác quán, trừ diệt công năng của tư duy, là con đường đi đến thiền thứ hai, vì lìa cấu uế của hỷ.

Hành xả thọ thân lạc dưới nơi người vô lậu là nói về lạc. Xả niệm về lạc dưới nhập thiền thứ ba lìa hỷ, như trước đã nói.

Tâm xả, buông bỏ lạc cùng hai thứ thọ lạc không phiền não, là hành niệm được giữ gìn trong thân lạc. Lạc này khó nhận biết pháp thật, thế nên vô lậu nói là lạc, cũng hành xả dục cùng các pháp thiện, là con đường đi đến thiền thứ ba.

Quán hỷ, ghét bỏ tội, không hỷ lạc là quán thiền. Chỉ lạc, xả niệm, trí, nhất tâm, đó gọi là năm chi như trước đã nói. Đây là thiền

thứ ba đoạn trừ lạc khổ. Trước là diệt ưu căn, hỷ căn, xả niệm tịnh nhập thiền thứ tư. Dục cùng các pháp thiện cũng lại quán cấu uế của lạc, khổ, không khổ không lạc, thiện chỉ là con đường đi vào thiền thứ tư.

Bốn chi là xả niệm, trí, thiện, nhất tâm, sức của thiền và diệt hơi thở. Đó gọi là thiền thứ tư, là tất cả chi thiền thiện. Địa của thiền vị đạo có giác có quán. Thiền trung gian không giác có quán. Hai địa này tương ứng với xả căn. Địa của thiền vị đạo có hai thứ là tịnh, vô lậu, không phải là vị. Trong bốn thiền có đủ ba thứ là vị, tịnh và vô lậu. Đó gọi là thiền pháp.

Lìa nhớ nghĩ về sắc, cũng quán vô lượng không, nhập định không. Quán cấu uế của sắc nơi không xứ đạt thiện chí. Quán này là con đường hướng đến định không.

Nhớ nghĩ về vô lượng thức, nhập thức xứ. Quán cấu uế của không xứ nơi thức xứ đạt thiện chí. Quán là con đường hướng đến định thức.

Hành vô lượng thức, đó là khổ. Nhớ nghĩ về hành bất dụng xứ, nhập định bất dụng. Quán cấu uế của vô lượng thức xứ nơi bất dụng xứ đạt thiện chí. Quán là con đường hướng đến định bất dụng.

Xứ hữu tướng là bệnh, xứ vô tướng là si. Tư duy như vậy, nhập định hữu tướng vô tướng. Quán cấu uế của bất dụng xứ nơi hữu tướng vô tướng đạt thiện chí. Quán là con đường hướng đến định hữu tướng vô tướng. Đó gọi là định hữu tướng vô tướng.

Đạo hướng đến Niết-bàn có hai thứ: (1) Quán thân bất tịnh. (2) Niệm sở tức.

Trong thân ý chỉ (Thân niệm xứ) có hai giải thoát thứ nhất, thứ hai, bốn trừ nhập đã nói rộng về pháp bất tịnh. Nhập định sở tức, từ một, hai, cho đến mười niệm, giữ gìn hơi thở ra vào như

người giữ cửa ngõ. Quán tất cả pháp khởi, diệt. Tự tướng của hai tướng này có sáu thứ phân biệt. Quán thân vô thường, khổ, không, phi ngã (vô ngã).

Tất cả các pháp quán như thế về sự sợ hãi nơi thế giới, dần dần diệt hết cấu uế, hành theo pháp thiện, hướng đến Niết-bàn.

Địa của thiên vị đáo, địa của thiên trung gian, địa của bốn thiên, địa của ba định vô sắc có hai thứ: Hữu lậu, vô lậu. Tất cả hữu lậu của Hữu đánh gồm có mười tướng: Tướng vô thường, khổ, khổ - vô ngã, quán thức ăn, tất cả thế gian không thể vui, bất tịnh, chết, đoạn trừ, không có dục và tận.

Nhớ nghĩ về các hành vô thường, đó gọi là tướng vô thường. Nhớ nghĩ về các thứ khổ như sinh, lão v.v... đầy khắp thế gian, đó gọi là tướng khổ. Nhớ nghĩ về trong ngoài đều vô thường, khổ, không tự tại, trống không, đó gọi là tướng khổ - vô ngã.

Nhớ nghĩ về nhiều sự khổ nhọc mới được thức ăn, khi ăn là bất tịnh, đó gọi là tướng quán thức ăn. Nhớ nghĩ về những sự sợ hãi như sinh, già, bệnh, chết v.v... nơi vô số phiền não đầy khắp thế giới, đó gọi là tướng tất cả thế gian không thể vui.

Quán những thứ chứa đựng trong tự thân, đó gọi là tướng bất tịnh. Nhớ nghĩ về hết thảy sự sinh đều phải chết, đó gọi là tướng chết. Nhớ nghĩ về sự diệt trừ tất cả phiền não, đạt thiện chí, đó gọi là tướng đoạn trừ.

Nhớ nghĩ về những sự không thường còn và lia dục, đó gọi là tướng không có dục. Nhớ nghĩ về năm thọ ấm không còn sinh, là tận chỉ diệu ly nơi Niết-bàn, đó gọi là tướng tận.

Mười tướng này thường xuyên nhớ nghĩ, đoạn trừ hết biên vực khổ.

Phẩm thứ 13: TẠP ĐỊNH

Tam muội v.v... chung cho tất cả âm, nhập, trí giải thoát thiên.

Ba tam muội là tam muội không, tam muội vô nguyện và tam muội vô tướng. Vì buộc giữ tâm nơi duyên vô lậu, đó gọi là tam muội. Nhất tâm quán năm thọ âm là không, vô thường, phi ngã, đó gọi là tam muội không. Nhập tam muội này, không mong muốn dâm, nộ, si (tham sân si) còn có sinh ra, đó gọi là tam muội vô nguyện. Tam muội này duyên nơi pháp lìa mười tướng. Thế nào là mười tướng? Là năm trần như sắc v.v..., nam, nữ, sinh, lão, vô thường. Đó gọi là tam muội vô tướng.

Tam muội không có hai hành là hành không và hành vô ngã. Tam muội vô nguyện có mười hành: hành vô thường, khổ, cũng là hành tập, đạo. Tam muội vô tướng cùng đủ bốn hành.

Bốn đẳng (Bốn vô lượng): Là từ, bi, hỷ, hộ (Xả). Tự mình được sự diệu lạc, nhớ nghĩ đem cho tất cả chúng sinh là có ba thứ tâm. Trước là bà con, thân thuộc. Kế đến là người trung bình. Về sau là các loại oán đối.

Nhất tâm tư duy về tất cả thân của chúng sinh trong ba cõi cùng các oán đối đều bình đẳng, không khác biệt, trừ giận dữ bên trong, là thọ, tưởng, hành, thức tương ưng với từ v.v... Có thể khởi chánh ngữ, chánh nghiệp, cũng là các hành không tương ưng. Đó gọi là Từ đẳng (Từ vô lượng).

Nhất tâm tư duy về thân tâm của chúng sinh trong ba cõi, đã gieo trồng sự khổ não, mong muốn được cứu giúp. Tư duy như vậy, có thể trừ bỏ các thứ khổ bên ngoài, là thọ, tưởng, hành, thức tương ưng với bi v.v... Có thể khởi chánh ngữ, chánh nghiệp, cũng là các hành không tương ưng. Đó gọi là Bi đẳng (Bi vô lượng).

Nhất tâm tư duy về chúng sinh của ba cõi đều hoan hỷ, được an vui, có thể diệt trừ ưu khổ, là thọ, tưởng, hành, thức tương ứng với hỷ v.v... Có thể khởi chánh ngữ, chánh nghiệp, cũng là các hành không tương ứng. Đó gọi là Hỷ đẳng (Hỷ vô lượng).

Nhất tâm tư duy về lạc, khổ, hỷ, phóng xả của chúng sinh trong ba cõi, có thể trừ dục, sân, là thọ, tưởng, hành, thức tương ứng với xả v.v... Có thể khởi chánh ngữ, chánh nghiệp, cũng là các hành không tương ứng. Đó gọi là Xả đẳng (Xả vô lượng).

Sáu thông: Là thần túc, thiên nhãn, thiên nhĩ, thức túc mạng, tri tha tâm, lậu tận thông. Trừ thông thứ sáu (Lậu tận), các thứ kia hàng phạm phu cũng đạt được.

Thế nào là thần túc thông? Thần túc thông này có ba thứ: (1) Bay đi. (2) Biến hóa. (3) Thần thông của Thánh nhân. Có ba thứ bay đi: a. Tự thân bay đi, ví như chim bay. b. Ở nơi cõi này bỗng nhiên biến mất và hiện đến phương khác. c. Sức của tâm tự tại như co duỗi cánh tay. Đó gọi là thần thông của chư Phật, không phải là của các đạo khác.

Thần thông thường quán sự rộng lặng của thân, học cất mình lên một cách nhẹ nhàng là con đường hướng đến thần thông. Có thể biến hóa thành lớn, nhỏ. Có thể hóa nhiều thành ít, hóa ít ra nhiều. Có thể chuyển tạo thành các thứ vật dụng. Đó gọi là thần thông biến hóa.

Người phạm phu biến hóa đến bảy ngày, không quá bảy ngày thì diệt. Đức Phật và đệ tử Phật thì biến hóa tự tại. Lúc biến hóa quán thể gian tịnh thành bất tịnh, bất tịnh thành tịnh, trừ niệm tịnh, bất tịnh, tâm niệm xả. Đó gọi là thần thông của Thánh nhân.

Ba thứ thông này từ diệu lực của bốn thần túc sinh khởi. Tất cả chuyên nơi sắc, dần dần được cất mình lên không thật nhẹ nhàng. Chư Phật đều trong một lúc đạt được.

Thiên nhãn thông: Là từ nơi mắt mình, bốn đại tạo cõi sắc thanh tịnh, sinh khởi được thiên nhãn, nhìn thấu suốt cả gần xa, từ tự địa đến địa dưới, thấy tất cả sắc rất vi tế, nhớ nghĩ về mặt trời, mặt trăng, các vì sao, lửa, minh châu, là con đường hướng đến thiên nhãn thông.

Thiên nhĩ thông: Là từ nơi tai mình, bốn đại tạo cõi sắc thanh tịnh, sinh khởi được thiên nhĩ, nhớ nghĩ nhận biết các thứ tiếng nói của các nẻo trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, là con đường hướng đến thiên nhĩ thông.

Thức túc mạng thông: Là nhớ nghĩ về các sự việc của đời trước, những nơi chốn mình đã sinh trải qua, là con đường hướng đến túc mạng thông.

Tri tha tâm thông: Là thường nhớ nghĩ về tâm thanh tịnh và tâm nhiễm ô của người khác, đều nhận biết. Tự tâm sinh diệt, có thể phân biệt nhận biết, là con đường hướng đến tri tha tâm thông.

Lậu tận thông: Là tất cả lậu của ba cõi, ta đều dứt hết. Như vậy là nhớ nghĩ, nhận biết về năm thọ ấm là vô thường v.v..., là con đường đạt được lậu tận thông.

Túc mạng thông và thiên nhãn thông hoàn toàn là minh. Túc mạng thông nhận biết nhân duyên nơi thứ lớp của đời, đó gọi là minh. Thiên nhãn thông nhận biết về nhân duyên như hành nghiệp được báo, đó gọi là minh. Lậu tận thông là lậu của ba cõi dục, sắc, vô sắc đã đoạn hết, “Ta đã diệt hết các lậu”, đó gọi là minh.

Muội nhất thiết nhập (Biến xứ): Là nhớ nghĩ về tất cả địa, không phải nhớ nghĩ thứ khác. Đó gọi là nhất thiết nhập của địa, cho đến nhất thiết nhập của thức cũng như vậy.

Tám giải thoát: Trong có tướng sắc, ngoài quán sắc. Trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc, tịnh giải thoát, tác chứng bốn định vô sắc, định diệt tận. Đó gọi là tám giải thoát.

Duyên nơi quán chuyên tâm được giải thoát, đó gọi là giải thoát. Quán sắc bên trong bất tịnh và quán sắc bên ngoài, đó gọi là giải thoát thứ nhất. Không quán sắc bên trong, quán sắc bên ngoài bất tịnh, là giải thoát thứ hai. Phân biệt quán sắc trong ngoài, tất cả sắc tịnh, là giải thoát thứ ba.

Bốn định vô sắc, bốn giải thoát, giải thoát diệt tận. Bên trong có tưởng sắc, ngoài quán một ít sắc tốt xấu, là duyên nơi tri kiến thù thắng, là Trừ nhập (Thắng xứ) thứ nhất. Bên trong có tưởng sắc, bên ngoài quán vô lượng sắc tốt xấu, là duyên nơi tri kiến thù thắng, là trừ nhập thứ hai. Bên trong không có tưởng sắc, ngoài quán một ít sắc tốt xấu, là duyên nơi tri kiến thù thắng, là trừ nhập thứ ba. Bên trong không có tưởng sắc, ngoài quán vô lượng sắc tốt xấu, là duyên nơi tri kiến thù thắng, là trừ nhập thứ tư. Bên trong không có tưởng sắc, ngoài quán sắc màu xanh, là duyên nơi tri kiến thù thắng, là trừ nhập thứ năm. Các sắc vàng, đỏ, trắng cũng như vậy.

Bên trong không loại trừ tưởng sắc, bên ngoài quán một ít sắc tịnh là: (1) Duyên vô lượng. (2) Bên trong trừ tưởng sắc, bên ngoài quán một ít sắc tịnh. (3) Duyên vô lượng. (4) Nhớ nghĩ đến các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, khác.

Vì duyên thù thắng của bốn thứ trừ nhập tịnh, nên nói là trừ nhập.

Sắc đẹp hình dáng đoan nghiêm, vì trừ bỏ cấu uế, nên là giải thoát. Đó gọi là trừ nhập, gọi riêng là Ba giải thoát, Bốn trừ nhập.

Tám nhất thiết nhập (Biến xứ) thuộc về giải thoát tịnh. Mười trí như trước đã nói. Ba đẳng tâm là từ, bi, xả và năm thông, trong bốn thiền căn bản có. Pháp trí trong sáu địa là thiền vị đạo, thiền trung gian, bốn thiền căn bản có. Hỷ đẳng nơi giải thoát thứ nhất, giải thoát thứ hai có. Bốn trừ nhập đầu trong thiền thứ nhất, thiền thứ hai có. Những trừ nhập còn lại, giải thoát tịnh, tám nhất thiết nhập (tám biến

xứ) trong thiên thứ tư đều có. Các giải thoát còn lại, hai nhất thiết nhập thuộc về tên của mình.

Giải thoát diệt tận thuộc trong Hữu danh. Ba tam muội, bảy trí, lậu tận thông thuộc trong chín địa, trừ đẳng trí trong Hữu danh.

Trong mười địa có ba giải thoát của cõi vô sắc, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Ba giải thoát khác, tám trừ nhập, mười nhất thiết nhập là hữu lậu, tất cả hữu lậu trong Hữu danh, do chậm kém, không nhanh nhẹn, nên là hữu lậu. Vì định diệt tận không có trí tuệ, nên là hữu lậu. Trong năm thông, đa số là tâm vô ký. Bốn đẳng tâm (Bốn tâm vô lượng) vì duyên nơi chúng sinh, nên là hữu lậu.

Ái dục chưa hết, kiết sử của ba cõi đã thành. Ái dục đã hết, kiết sử của cõi sắc, vô sắc đã thành. Ái cõi sắc hết, kiết sử của cõi vô sắc đã thành. Ái của cõi vô sắc hết, kiết sử của ba cõi không thành. Ái cõi dục hết, vô lậu tịnh nơi thiên thứ nhất được thành. Như vậy, vô lậu của Thánh nhân trong tất cả địa đều thành tựu. Thánh nhân sinh ở địa trên hay địa dưới đều thành tựu vô lậu. Cầu được năm thông, bốn đẳng tâm, cầu uế của kiết ở địa dưới không thành.

Đạo thể tục dựa vào địa của thiên vị đáo, lia dục của địa dưới. Như vậy, đạo vô lậu của tất cả địa đều dựa vào địa của thiên căn bản. Tự địa cũng lia dục của địa trên. Vì tất cả địa đều như vậy, nên phạm phu không thể lia dục trong Hữu danh. Các pháp noãn, đánh, nhẫn, pháp đệ nhất thế gian đều lia dục. Người tu thiên định hữu lậu trong hai thời hiện tại, vị lai là tu khổ, tập, tận trong đạo kiến đế, tu trí vô lậu hiện ở trước trong vị trí trí.

Vị lai có hai thứ trí là hữu lậu, vô lậu. Vô lậu của vị lai, vô lậu hiện ở trước trong những tâm còn lại.

Đệ tử của Đức Thế Tôn nếu lia dục ái, dựa vào địa của thiên vị đáo, ở hiện tại tu đạo hữu lậu và ở vị lai tu đạo hữu lậu, vô lậu. Đạo giải thoát thứ chín, tu đạo hữu lậu trong hiện tại, tu hữu lậu, vô lậu

ở vị lai. Thiên thứ nhất cùng thiên vị đạo tu đạo vô lậu. Nếu dựa vào thiên vị đạo để tu đạo vô lậu trong hiện tại, thì ở vị lai tu đạo hữu lậu, vô lậu. Nếu tu đạo vô lậu ở hiện tại trong đạo giải thoát thứ chín, thì ở vị lai tu đạo hữu lậu, vô lậu.

Về thiên thứ nhất, đệ tử của Đức Thế Tôn nếu đã lìa ái dục của thiên thứ nhất, dựa vào địa của thiên thứ hai và thiên vị đạo hiện ở trước tu đạo vô lậu, vị lai tu đạo hữu lậu, vô lậu. Trong đạo giải thoát thứ chín, ở hiện tại thì tu đạo hữu lậu, ở vị lai thì tu ba thứ vô lậu.

Thiên thứ nhất cùng tu tịnh, vô lậu nơi thiên thứ hai. Nếu lìa ái của thiên thứ nhất, dựa vào đạo vô lậu, hướng đến thiên thứ hai. Tu đạo vô lậu ở tự địa, tu đạo hữu lậu, vô lậu ở địa khác.

Trong đạo giải thoát thứ chín, ở hiện tại tu đạo vô lậu, vị lai tu ba thứ vô lậu. Thiên thứ nhất và tịnh vô lậu nơi thiên thứ hai. Cho đến Bất dụng xứ lìa dục cũng lại như vậy.

Trong Hữu đảnh lúc lìa dục thì tu tất cả thiên định vô lậu. Hiện tại tu đạo vô lậu trong đạo giải thoát thứ chín, ở vị lai tu vô lậu và tu hai mươi ba thứ định của căn thiện thuộc ba cõi.

Có vị tám, tịnh tám, vô lậu bảy. Tất cả vô lậu nơi bảy địa là nhân tự nhiên vô lậu nơi vô lậu của tự địa. Vô lậu của tự địa có ba thứ nhân: Nhân tương ưng, nhân cộng hữu và nhân tự nhiên. Vị định của đệ nhất hữu là nhân của vị định nơi đệ nhất hữu, không phải là nhân khác.

Tịnh định thứ nhất là nhân của tịnh định thứ nhất, không phải là nhân khác. Vô lậu định thứ nhất theo thứ lớp khởi sáu thứ định: Thiên thứ nhất có hai thứ là tịnh, vô lậu. Thiên thứ hai, thiên thứ ba cũng như vậy.

Vô lậu nơi thiên thứ hai theo thứ lớp sinh tám địa: Tự địa có hai, địa trên có bốn, địa dưới có hai. Vô lậu nơi thiên thứ ba, thiên

thứ tư, định không xứ, theo thứ lớp sinh mười địa: Địa trên có bốn, địa dưới có bốn và tự địa có hai.

Vô lậu nơi định thức xứ theo thứ lớp sinh chín địa: Địa trên có ba, địa dưới có bốn, tự địa có hai. Vô lậu nơi định bất dụng xứ theo thứ lớp sinh bảy địa: Địa trên có một, địa dưới có bốn, tự địa có hai.

Định vô sắc thứ tư theo thứ lớp sinh sáu địa: Địa dưới có bốn, tự địa có hai. Tịnh nơi thiền cũng như thế. Có vị theo thứ lớp sinh hai thứ. Tự địa có vị cũng lại tịnh.

Như vậy, tịnh, vô lậu của tất cả địa nơi các thiền định, duyên nơi tất cả, là duyên nơi tất cả pháp. Có vị nơi tự địa, có vị của tự địa duyên cũng lại là tịnh. Duyên nơi có vị không thể duyên các tịnh, vô lậu. Vô lậu nơi định vô sắc không duyên nơi địa hữu lậu. Có vị nơi định vô sắc duyên nơi có vị của tự địa và duyên nơi tịnh, không thể duyên nơi vô lậu.

Bốn đẳng, tám trừ nhập, ba giải thoát, tám nhất thiết nhập, tất cả các pháp này đều duyên nơi cõi dục. Năm thông duyên nơi cõi dục, cõi sắc. Tất cả thiền huân, thiền vô lậu, huân tập thiền hữu lậu, được người của bốn thiền, trước huân tu thiền thứ tư, sau huân tu ba thiền dưới, được báo của năm Tịnh cư.

A-la-hán của pháp không động đạt được tất cả thiền định, là có thể được Đánh thiền, có thể trụ nơi thọ mạng, cũng có thể xả bỏ thọ mạng. Nguyên trí từ tâm nguyên nhận biết hết các pháp quá khứ, vị lai và hiện tại, đa số là nhận biết pháp vị lai.

Bốn biện tài: Pháp biện, từ biện, ứng biện, nghĩa biện, khiến tâm người khác không khởi giận. Đó gọi là vô tránh, thuộc trong bốn thiền. Cũng lại là nguyên trí của cõi dục thuộc thiền thứ tư. Cũng lại là pháp biện, từ biện của cõi dục thuộc cõi dục và hai biện tài còn lại trong cõi Phạm thiên thuộc về chín địa, là cõi dục, bốn thiên, bốn vô sắc, về tịnh thiền có hai thời: Lúc được lìa dục và lúc được sinh. Có

vị nơi thiên có hai thời: Lúc bị thoái chuyển và lúc được sinh. Vô lậu nơi thiên có hai thứ được: Hoặc lúc thoái chuyển được, hoặc khi lia dục được, đều thuộc chín địa. Vô lậu có thể đoạn trừ kiết sử.

Biến hóa có mười bốn tâm: Mười tâm của cõi sắc, bốn tâm của cõi dục. Thiên thứ nhất có hai tâm biến hóa: Thiên thứ nhất có một, cõi dục có một. Thiên thứ hai có ba tâm biến hóa: Thiên thứ hai có một, thiên thứ nhất có một, cõi dục có một. Thiên thứ ba có bốn tâm biến hóa: Thiên thứ ba có một, thiên thứ hai có một, thiên thứ nhất có một, cõi dục có một. Thiên thứ tư có năm tâm biến hóa: Thiên thứ tư có một, thiên thứ ba có một, thiên thứ hai có một, thiên thứ nhất có một, cõi dục có một.

Những thiên nào thành tựu quả này? Là tâm biến hóa của địa dưới thành tựu trụ địa của thiên thứ ba. Thứ của cõi Phạm thiên hiện ở trước, có thể thấy nghe, bấy giờ thì thành tựu. Liền diệt, bấy giờ thì không thành tựu.

**

Phẩm thứ 14: BA MƯƠI BẢY PHẨM

Ý chỉ, ý đoạn, thần túc, căn, lực, giác, đạo, là bảy pháp dẫn đến Niết-bàn. Trong ấy bảy giác là vô lậu, sáu thứ còn lại nên phân biệt: Hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu.

Có thuyết nói: Bảy giác ý, tám trực đạo, tất cả đều vô lậu. Những thứ còn lại nên phân biệt. Bốn ý chỉ (Bốn niệm xứ) có trong thiên định của tất cả địa, gồm thấu bốn thứ trí thường niệm giữ. Đó gọi là niệm chỉ (Niệm xứ). Ba thứ hành trí tuệ trong niệm thân, đó gọi là thân niệm chỉ. Như vậy, thọ, tâm, pháp niệm chỉ, đó gọi là bốn niệm chỉ. Vì sao không nói ba niệm chỉ hoặc năm niệm chỉ? Vì muốn phá trừ bốn điên đảo, nên nói bốn niệm chỉ (Bốn niệm xứ).

Thế nào là thân niệm chỉ? Vì diệt trừ sự điên đảo của tướng tịnh. Quán tướng thật của thân có ba mươi sáu thứ bất tịnh. Nếu chết thì trùng sinh ra, thân thể hôi thối, rữa nát, còn trơ lại xương v.v... Quán thân như vậy là diệt trừ tướng tịnh điên đảo về thân. Đó gọi là thân niệm chỉ.

Thế nào là thọ niệm chỉ? Quán sinh trụ diệt của thọ nơi các hữu là khổ. Sử dâm dục trong lạc thọ, sử sân hận trong khổ thọ và sử vô minh trong thọ không khổ không lạc. Quán vô thường, khổ, không, vô ngã. Đó gọi là thọ niệm chỉ.

Thế nào là tâm niệm chỉ? Là quán tâm nhiễm ô, tâm không nhiễm ô. Hoặc nhất tâm, hoặc tâm phân tán, quán về khổ, vô thường v.v... Đó gọi là tâm niệm chỉ.

Thế nào là pháp niệm chỉ? Là quán pháp bên trong, quán pháp bên ngoài cùng quán pháp bên trong và bên ngoài. Hoặc quán pháp quá khứ, vị lai. Hoặc quán các kiết sử, có bao nhiêu thứ đoạn trừ, bao nhiêu thứ không đoạn trừ? Hoặc quán khổ, vô thường, quán nhân duyên của tập, quán sự ngừng dứt của tận (diệt). Đó gọi là pháp niệm chỉ.

Thế nào là bốn ý đoạn (Bốn chánh cần)? Trong tâm đã sinh pháp ác bất thiện, nhằm trừ bỏ nên siêng năng tinh tấn chế ngự tâm, trụ nơi pháp thiện. Lúc pháp ác bất thiện chưa sinh, chớ khiến cho chúng sinh, nên siêng năng tinh tấn, ngăn giữ tâm, trụ nơi pháp thiện. Pháp thiện chưa phát sinh, muốn khiến cho sinh, nên siêng năng tinh tấn, trụ nơi pháp thiện. Pháp thiện đã sinh, nhớ giữ lại đừng để cho mất, càng làm cho lớn rộng thêm, nên siêng năng tinh tấn, trụ nơi pháp thiện. Đó gọi là bốn ý đoạn.

Thế nào là bốn thân túc? Là dục định, tinh tấn định, tâm định và tuệ định, từ các định này được tất cả công đức. Đó gọi là bốn thân túc.

Dục định đoạn trừ các hành, thành tựu thần túc thứ nhất, muốn làm, là dục. Tâm không phân tán, là định. Dục, tinh tấn, niệm, tuệ, hỷ, ý (khinh an), là các hành kết hợp với dục định. Như vậy, tâm tinh tấn, tuệ dục, đại dục, đạt được định, là dục định. Tâm tuệ tinh tấn như vậy, đó gọi là bốn thần túc.

Tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, đó gọi là năm căn. Trong bốn tín không hoại có tín, là tín căn. Bốn ý tinh tấn, là tinh tấn căn. Niệm không quên trong bốn niệm chỉ, là niệm căn. Nhất tâm trong bốn thiền định, là định căn. Tuệ trong bốn đế, là tuệ căn. Căn nhạy bén, nhanh nhẹn thứ nhất, là nghĩa của căn.

Năm lực như tín v.v... Pháp ác, bất thiện không thể hủy hoại được, đó gọi là lực. Nhỏ là căn, lớn là lực.

Niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, ý (Khinh an), định, hộ (xả), đó gọi là bảy giác ý.

Thế nào là niệm? Là nhớ nghĩ đến các thứ tội sinh, diệt của pháp hữu vi và Niết-bàn là cực diệu, đó gọi là niệm giác. Trong ấy tư duy phân biệt là trạch pháp giác. Ở đây tư duy, siêng năng, tinh tấn, đó gọi là tinh tấn giác. Nếu đạt được vui vẻ nơi vị của pháp thiện, đó gọi là hỷ giác. Hoặc tư duy về thân tâm nhẹ nhàng, an ổn tùy theo định, đó gọi là ý giác (khinh an). Nhân duyên ở đây thâm giữ tâm trụ không loạn, đó gọi là định giác. Nếu buông bỏ tâm, dứt dừng, không nghĩ, không muốn, đó gọi là xả giác.

Các thứ trí tuệ được sức của thiền định trừ diệt tất cả phiền não, là quả của bảy giác. Bảy pháp như niệm v.v... đoạn trừ hết thấy phiền não, đó gọi là giác.

Trực kiến (chánh kiến), trực tư (chánh tư duy), trực ngữ (chánh ngữ), trực nghiệp (chánh nghiệp), trực mạng (chánh mạng), trực niệm (chánh niệm), trực phương tiện (chánh tinh tấn) và trực định (chánh định), đó gọi là tám trực đạo (Tám chánh đạo).

Trí tuệ thật trong bốn đế, đó gọi là trực kiến (chánh kiến). Trong đây, ba thứ giác, quán thiện, không giận, không não hại, đó gọi là trực tư (chánh tư duy). Đoạn trừ bốn thứ lời nói bất chính, đó gọi là trực ngữ (chánh ngữ). Đoạn trừ ba thứ nghiệp tà, đó gọi là trực nghiệp (chánh nghiệp). Trừ bỏ tà mạng bất thiện, đó gọi là trực mạng (chánh mạng). Tại đây tư duy siêng năng, tinh tấn, đó gọi là trực phương tiện (chánh tinh tấn). Hoặc tư duy nhớ nghĩ không quên, đó gọi là trực niệm (chánh niệm). Hoặc luôn nhất tâm trụ, đó gọi là trực định (chánh định).

Đó là tám trực đạo (Tám chánh đạo) hướng đến Niết-bàn.

Tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, hỷ, ý (khinh an), xả, tư, giới, mười pháp này phân biệt nói là ba mươi bảy pháp tín. Đó là tín căn, tín lực, tinh tấn, tinh tấn căn, tinh tấn lực, bốn ý đoạn, tinh tấn giác ý, trực phương tiện, niệm căn, niệm lực, niệm giác ý, trực niệm, hỷ, hỷ giác, tuệ, tuệ căn, tuệ lực, bốn niệm chỉ, trạch pháp giác, trực kiến, ý (khinh an), ý giác, định, định căn, định lực, bốn thần túc, định giác, trực định, xả, xả giác, tư, trực tư, giới, trực ngữ, trực nghiệp, trực mạng, và trực nhân duyên.

Trụ trong bốn thứ trí tuệ, đó gọi là niệm chỉ. Trụ tinh tấn, đó gọi là ý đoạn. Nhất tâm trụ trong duyên không phân tán, đó gọi là bốn thần túc. Sinh trong tâm của người độn căn, đó gọi là năm căn. Sinh trong tâm của người lợi căn, đó gọi là năm lực. Ở trong đạo kiến đế, đó gọi là tám trực đạo (Tám chánh đạo). Ở trong đạo tư duy, đó gọi là bảy giác, là mười pháp gồm thân ba mươi bảy phẩm.

Địa của thiên vị đáo có ba mươi sáu phẩm, trừ hỷ giác. Địa của thiên thứ hai cũng có ba mươi sáu phẩm, trừ trực tư duy (chánh tư duy). Các thiên thứ ba, thứ tư và thiên trung gian có ba mươi lăm phẩm, trừ hỷ giác, trực tư duy (chánh tư duy). Thiên thứ nhất có ba mươi bảy phẩm. Ba định không có ba mươi hai phẩm, trừ hỷ giác, trực tư duy (chánh tư duy), trực ngữ (chánh ngữ), trực nghiệp (chánh

nghiệp), trực mạng (chánh mạng). Trong Hữu đảnh có hai mươi hai phẩm, trừ bảy giác, tám đạo. Cõi dục cũng có hai mươi hai phẩm, trừ bảy giác, tám đạo.

**

Phẩm thứ 15: BỐN ĐẾ

Bốn đế: Khổ đế, Tập đế, Tận đế (Diệt đế), Đạo đế.

Thế nào là Khổ đế? Một thứ tướng nào là khổ. Hai thứ là thân khổ, tâm khổ. Ba thứ là khổ khổ, biệt ly khổ (Hoại khổ), hành vô thường khổ (Hành khổ). Bốn thứ là khổ trong ngoài của thân, khổ trong ngoài của tâm. Năm thứ là khổ của năm thanh ấm. Sáu thứ là khổ của ba cõi, khổ của ba độc. Bảy thứ là khổ của bảy thức xứ. Tám thứ là khổ của sinh, già, bệnh, chết, oán ghét gặp nhau, ân ái biệt ly, mong cầu không được. Như thế, tất cả các thứ khổ đó gọi là Khổ đế.

Thế nào là Tập đế? Năm thọ ấm là nhân của vô số các thứ khổ, đó gọi là Tập đế.

Thế nào là Tận đế (Diệt đế)? Khổ tập hoàn toàn dứt hết, trí duyên tận, đó gọi là Tận đế.

Thế nào là Đạo đế? Hành tám trực đạo (Tám chánh đạo), đó gọi là Đạo đế.

Bốn đế này theo thứ lớp nên nhận biết, đoạn trừ, tu chứng. Tự tư duy về thật tướng, người tu tập chắc chắn được quả. Không hư dối, đó gọi là đế. Vì nhận biết về thô, nên theo thứ lớp khổ đế là thô dễ nhận biết. Do vậy nên trước nói Khổ đế. Biết khổ, suy tìm nhân của khổ, từ trong tập sinh, nên Tập đế đứng thứ hai. Khổ đế này ở xứ nào diệt hết để được giải thoát? Nên tư duy trong Niết-bàn. Vì vậy Diệt đế đứng thứ ba. Làm sao được diệt ấy? Phải tư duy hành tám trực

đạo (Tám chánh đạo), đoạn hết kiết sử, được Tận đế. Thế nên Đạo đế đứng thứ tư.

Lúc năm thọ ẩm nhận quả báo, đó gọi là Khổ đế. Lúc năm thọ ẩm làm nhân duyên, đó gọi là Tập đế, cũng gọi là Khổ đế. Ví như một người cũng gọi là con, cũng gọi là cha. Tập đế đa số là kiết sử. Là những thứ kiết sử nào? Có chín kiết là kiết ái, kiết sân, kiết kiêu mạn, kiết vô minh, kiết nghi, kiết kiến, kiết thất nguyện, kiết xan, kiết tật.

Tham dục của ba cõi là kiết ái. Tâm phần nộ trong chúng sinh, khởi động nhanh điều xấu ác là kiết sân. Bậy thứ mạn là kiết mạn. Ngu si trói buộc khắp ba cõi là kiết vô minh. Ba kiến là kiết kiến. Hai kiến là kiết thất nguyện (kiết thủ). Trong bốn đế không quyết định rõ là kiết nghi. Tâm luyến tiếc, bôn sên là kiết xan (keo kiệt). Ganh ghét người khác, ôm lòng tức giận, là kiết tật (ganh ghét).

Tận đế (Diệt đế) có hai thứ: (1) Đạo hữu lậu đoạn trừ hết kiết sử. (2) Đạo vô lậu đoạn trừ hết kiết sử. Hai thứ này là các thứ pháp tịnh.

Bốn biện tài: Pháp, từ, ứng, nghĩa. Nhận biết thật tướng của tất cả danh, tự, là pháp biện. Trí của tất cả lời nói, luận đàm, là từ biện. Biết rõ thật tướng của tất cả pháp, là ứng biện. Thông trí của tất cả trí tuệ, ngôn ngữ, thiền định, là nghĩa biện.

Bốn tín không hoại của Tu-đà-hoàn: Tín Phật không hoại. Tín Pháp không hoại. Tín Tăng không hoại. Tín tịnh giới không hoại.

Quả A-la-hán gồm thâu các pháp vô học, tín vô lậu trong vô số công đức lớn của Phật, đó gọi là tín Phật không hoại.

Vô lậu trong Niết-bàn và pháp học, vô học trong đế vô lậu, là tín tịnh vô lậu trong công đức thật của Bồ-tát, đó gọi là tín Pháp không hoại.

Tín đạt được đạo quả vô lậu, có tất cả công đức của bốn hướng bốn quả (Tứ song bát bối), là tín trong chúng đệ tử của Phật, không phải xứ khác, đó gọi là tín Tăng không hoại.

Giới vô lậu không giáo (vô biểu), tín vô lậu trong đây, đó gọi là tín giới không hoại.

Trí tuệ tịnh thật, cùng hợp tín, nên không gì có thể vượt hơn là giới vô lậu, vì thế tín không hoại. Đó gọi là bốn tín không hoại.

Có bốn sự tu định: Tu định được sống an vui trong hiện pháp. Tu định được trí kiến. Tu định được tuệ phân biệt. Tu định được các điều thiện, đoạn trừ hết lậu.

Thiền thứ nhất có thể đạt được sống an vui trong hiện tại (Hiện pháp lạc trụ). Trí thông sinh tử, đó gọi là trí kiến. Phương tiện cầu công đức là công đức của văn tự tu nơi giới vô giáo (vô biểu) ở cõi dục, tất cả pháp của cõi sắc, vô sắc, tất cả pháp hữu vi, vô lậu, đó gọi là tuệ phân biệt. Định kim cương dụ nơi bốn thiền là tâm học sau cùng, cùng tương ưng với lậu tận, đó gọi là tu định được lậu tận thuộc về thiền thứ tư.

Bốn đạo: Là khổ khó nhận biết, khổ dễ nhận biết, vui khó nhận biết và vui dễ nhận biết. Tùy tín hành là độn căn, đối với pháp vô lậu là khổ khó nhận biết. Tùy tín hành là lợi căn, đối với pháp vô lậu là khổ dễ nhận biết. Trong bốn thiền căn bản, pháp lợi căn cùng độn căn gọi là lạc đạo. Vì sao? Vì đạo chỉ quán cùng song hành. Do trong địa khác chỉ quán hoặc nhiều ít, nên nói là khổ. Hai xứ thiền vị đáo, thiền trung gian, đạo chỉ ít, đạo quán nhiều. Trong định vô sắc thì đạo quán ít, đạo chỉ nhiều. Đó gọi là đạo khổ khó được.

Có bảy thức trụ: (1) Các trời trong cõi dục và loài người, trời Phạm chúng của cõi sắc, trừ trời mới sinh, là thân khác, tướng khác. (2) Trời Phạm chúng mới sinh, thân khác, tướng một. (3) Sinh lên trời thuộc thiền thứ hai, thân một, tướng khác. (4) Sinh lên trời thuộc thiền thứ ba, thân một, tướng một. (5) Sinh lên trời không xứ. (6) Sinh lên trời thức xứ. (7) Sinh lên trời bất dụng xứ (Vô sở hữu xứ). Đó gọi là bảy thức trụ. Vì sao? Vì thức không hoại. Nơi nẻo ác, do

khô thọ đã hủy hoại thức, nên không lập thức trụ. Thiên thứ tư và định vô tướng đã hủy hoại thức, nên cũng không lập thức trụ. Xứ phi tướng phi phi tướng và định diệt tận, thức bị hoại, nên cũng không lập thức trụ.

Chín xứ chúng sinh: Là bảy thức trụ này và chúng sinh nơi trời Vô tướng, chúng sinh nơi xứ phi tướng phi phi tướng, đó gọi là chín xứ cư trú của chúng sinh. Các chúng sinh đã cư ngụ trong đó.

Y phục, thức ăn uống, giường nằm, do sức của duyên tư duy ưa đoạn kiết sử đạt được đạo, nên nói là bốn Thánh chủng. Hoặc tốt đẹp, hoặc không tốt đẹp, các thứ y phục, thức ăn uống, giường nằm có được đều biết đủ, là ba Thánh chủng. Khổ của mong cầu, giữ gìn, mất mát, ba khổ này làm mất đạo thiện. Vì không ăn thì thân mạng không sống, do đó nên khi nhận được thì tri túc, lià dục, được an vui hoan hỷ trong tâm. Đó gọi là Thánh chủng thứ tư.

Một trăm lẻ tám thứ thọ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý sinh ra cánh lạc (xúc), đó gọi là sáu cánh lạc (xúc). Có ba thứ: Mắt trông thấy sắc, ưu, hỷ, xả. Cho đến ý niệm pháp, ưu, hỷ, xả. Trong ấy có thiện, bất thiện: Thiện có mười tám thứ. Bất thiện có mười tám thứ. Đó là ba mươi sáu thứ, nhân với ba thứ (ba thời) thành một trăm lẻ tám thứ. Ba mươi sáu thứ ở quá khứ, ba mươi sáu thứ ở vị lai và ba mươi sáu thứ ở hiện tại.

Vì năm thức không thể phân biệt, nên không có ưu (lo), hỷ (mừng). Trong ý hành tâm số pháp nối tiếp nhau không gián đoạn. Thường nhớ nghĩ là niệm. Nhân duyên nhớ nghĩ tùy thuận nơi pháp ấy. Nhân duyên nhớ nghĩ lần nữa, do sức của thức nhớ nghĩ mạnh, nên không quên pháp quá khứ. Nhân duyên của tâm, tâm số pháp nơi người ngủ nằm mộng thấy có không nhân, không duyên nơi những gì đã thấy trong mộng. Cảnh mộng này hoặc là đời quá khứ, hoặc là đời vị lai. Hoặc mộng thấy nơi đầu người mọc sừng. Là do trước

kia người ấy trông thấy sừng bò, tư duy mạnh mẽ: Vì sao con người không mọc sừng? Suy niệm như vậy rồi, người ấy nằm mộng thấy nơi đầu người mọc sừng.

Tâm phân tán, rối loạn, đó gọi là si. Hoặc vì thân bệnh nên si. Hoặc vì bị quỷ mị mê hoặc nên si. Hoặc do nhân duyên của đời trước nên si.

Ba chi: Là chi giới, chi định, chi tuệ.

Thế nào là chi giới? Giới có giáo (hữu biểu), không giáo (vô biểu) của cõi dục. Giới không giáo (vô biểu) trong cõi sắc.

Thế nào là chi định? Là tu mười bốn thứ định.

Thế nào là chi tuệ? Là ba thứ tuệ: Văn, tư và tu. Cõi dục có hai thứ là văn và tư. Cõi sắc có hai thứ là văn và tư. Cõi vô sắc chỉ có một thứ là tu.

Hai thứ luật nghi: (1) Luật nghi tình. (2) Luật nghi giới.

Thế nào là luật nghi tình? Không được khởi tưởng dâm với mẹ mình v.v... Hoặc có tưởng dâm với chị gái, em gái mình. Trông thấy người nữ, không nên nhớ nghĩ, không sinh tưởng nhớ nghĩ đến nữ căn, vì từ tưởng này gây nên rất nhiều tội lỗi, khổ não. Quán thân tâm xa lìa, đó gọi là luật nghi tình.

Loại trừ hẳn các thứ pháp bất thiện của dâm dục. Không hủy hoại giới, hành không nhiễm ô, tâm không chút cấu uế, là trừ bỏ hẳn hoàn toàn bảy thứ dâm dục. Đó gọi là luật nghi giới.

Phiền não, nghiệp ác và báo của nghiệp ác là có ba chương. Nghiệp trái nghịch, phiền não rất nặng và báo của ba nẻo ác. Nếu có một trong ba việc này thì không được thọ Thánh pháp, nên nói là chương. Giác quán bất thiện có ba thứ là dâm dục, giận dữ, não hại. Ba thứ này hủy hoại ba thứ giác quán thiện là không dâm, không giận, không não hại.

Có ba thứ bệnh: Dâm, nộ, si (Tham sân si). Bệnh này có ba thứ thuốc trị: (1) Quán thân bất tịnh. (2) Tâm từ luôn nhớ nghĩ đến chúng sinh. (3) Quán mười hai nhân duyên. Đó gọi là ba thứ thuốc trị.

Tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ. Pháp này không thọ nhận tất cả báo ác, hoặc thọ nhận một ít báo. Hoặc đời này, đời sau thọ nhận một ít báo.

Thế nào là tu thân? Là quán vô số các thứ là vô thường v.v...

Thế nào là tu giới? Là giữ giới, không phạm, thường thủ hộ.

Thế nào là tu tâm? Là trừ bỏ giác quán ác, hành giác quán thiện.

Thế nào là tu tuệ? Là phân biệt các thứ pháp thiện, làm tăng trưởng trí tuệ. Người hành thiện dễ được đường tốt đẹp. Kẻ hành bất thiện dễ gặp phải đường ác. Hoặc có người thiện bị đọa vào đường ác. Hoặc có kẻ ác sinh vào đường tốt, vì nhân duyên của lực lớn nơi đời trước và báo dư chưa hết. Hoặc đến khi chết, tâm sau cùng của họ có thiện, bất thiện. Vì thế nên người thiện bị đọa vào đường ác, kẻ bất thiện sinh vào đường tốt.

*
**

Phẩm thứ 16: TẠP

Bốn quả Sa môn. Sáu pháp. Năm ám. Trí duyên tận. Đó gọi là phân biệt về bốn quả.

Quả A-la-hán thuộc về chín địa, trừ địa trong Hữu đảnh. Quả thứ ba thuộc về sáu địa, trừ bốn vô sắc, vì không có pháp trí. Quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm thuộc về địa của thiên vị đáo, vì là thân của người chưa lia dục.

Có bốn thứ điên đảo: Vô thường có tướng thường, là tâm điên đảo, tướng điên đảo, kiến điên đảo. Khổ có tướng vui, bất tịnh có

tướng tịnh, phi ngã (vô ngã) có tướng ngã, là tâm điên đảo, tướng điên đảo, kiến điên đảo. Tất cả điên đảo đều do kiến khổ đế đoạn trừ. Vì sao? Vì hành duyên nơi xứ khổ thuộc về ba kiến gồm thân điên đảo, là thân kiến, biên kiến, trộm kiến (kiến thủ).

Tất cả sáu mươi hai kiến thuộc về năm tà kiến.

Trong năm ám ngã không thật nhưng thấy có ngã thật, là thân kiến. Thường, đoạn dựa vào nhân duyên quả báo nhưng không nhận biết, là biên kiến. Đối với pháp chân thật của đế, cho là không có đời này, đời sau, không có Niết-bàn và bốn đế v.v... là tà kiến. Không phải lạc, tịnh chân thật mà quán có lạc tịnh. Ví như cây bị chặt gốc vẫn còn đứng, trong đêm từ xa trông thấy cho là con người, là trộm kiến (kiến thủ). Không phải nhân thấy là nhân, không phải đạo thấy là đạo, là trộm giới (giới cầm thủ).

Thân kiến do kiến khổ đế đoạn trừ, vì trong năm ám chấp ngã. Tướng thường, tướng đoạn, do kiến khổ đế đoạn trừ, vì duyên nơi năm ám hiện tại. Tà kiến hoặc hủy báng khổ thì do kiến khổ đoạn trừ. Như vậy, hủy báng tập, diệt, đạo thì do kiến tập, kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ. Trộm kiến (kiến thủ) nếu trong khổ đế chấp có lạc, tịnh v.v... thì do kiến khổ đoạn trừ. Như vậy, trong tập, diệt, đạo chấp có lạc, tịnh v.v..., thì do kiến tập, kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ. Trộm giới theo không phải đạo để cầu Niết-bàn, không phải là nhân mà thấy nhân là trộm giới (Giới cầm thủ), do kiến khổ, kiến đạo đoạn trừ.

Sáu tu: Tu đắc, tu hành, tu đoạn, tu trừ, tu phân biệt và tu luật nghi.

Thế nào là tu đắc? Là chưa từng được công đức của pháp thiện mà được. Được rồi thì các công đức khác cũng được.

Thế nào là tu hành? Là đã từng được các công đức, hiện đang hành.

Thế nào là tu đoạn? Là dùng pháp thiện đoạn trừ các kiết sử.

Thế nào là tu trừ? Là có thể trừ bỏ các pháp bất thiện.

Thế nào là tu phân biệt? Là quán phân biệt về thật tướng của thân.

Thế nào là tu luật nghi? Là duyên vượt hơn hẳn đối với sáu căn nhiệm ô nơi cảnh.

Năm căn: Thiền thứ nhất diệt hết ưu căn. Thiền thứ hai diệt hết khổ căn. Thiền thứ ba diệt hết hỷ căn. Thiền thứ tư diệt hết lạc căn. Tam muội vô tướng diệt hết xả căn.

Ba cõi: Là cõi đoạn, cõi vô dục và cõi tận. Trừ kiết ái, các phiền não khác đều đoạn trừ, đó gọi là cõi đoạn. Kiết ái đã đoạn trừ, đó gọi là cõi vô dục. Các pháp khác được đoạn trừ, đó gọi là cõi tận.

Diệt dâm dục được tâm giải thoát. Diệt ngu si được tuệ giải thoát. Nhập trong ngoài không hệ thuộc nhau. Dâm dục là chủ thể trói buộc. Ví như hai con bò bị buộc vào chiếc ách. Do đó nên trong trần (cảnh) có ái, không ái, tâm nên xả, tâm không nên có ái, sân hận.

Mười pháp: Cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, vô lậu, tương ưng, không tương ưng, thiện, vô vi, vô ký, vô vi. Đó gọi là mười pháp.

Năm pháp: Pháp trí duyên nơi năm pháp: Là pháp tương ưng, không tương ưng thuộc cõi dục. Pháp tương ưng, không tương ưng với vô lậu và pháp vô vi thiện. Đó gọi là năm pháp.

Vị trí trí duyên nơi bảy pháp. Là pháp tương ưng, không tương ưng thuộc cõi sắc. Pháp tương ưng, không tương ưng thuộc cõi vô sắc. Pháp tương ưng, không tương ưng với vô lậu và pháp vô vi thiện.

Tha tâm trí duyên nơi ba pháp: Là pháp tương ưng thuộc cõi dục, pháp tương ưng thuộc cõi sắc và pháp tương ưng với vô lậu.

Đẳng trí duyên nơi mười pháp: Là pháp tương ưng, không tương ưng thuộc cõi dục. Pháp tương ưng, không tương ưng thuộc cõi sắc.

Pháp tương ưng, không tương ưng thuộc cõi vô sắc. Pháp tương ưng, không tương ưng với vô lậu và pháp vô vi thiện, pháp vô vi vô ký.

Khổ trí, tập trí, mỗi trí đều duyên nơi sáu pháp: Là pháp tương ưng, không tương ưng thuộc ba cõi. Đó gọi là sáu pháp.

Tận trí duyên nơi một pháp, là pháp vô vi thiện. Đạo trí duyên nơi hai pháp là pháp tương ưng, pháp không tương ưng với vô lậu.

Diệt trí, vô sinh trí duyên nơi chín pháp, là mười pháp trừ pháp vô vi vô ký.

Phiền não của tự địa bị sử của tự địa sai khiến. Sử nhất thiết biến là nhất thiết biến trong địa mình và địa khác. Ngoài ra đều bị sử của tự địa sai khiến.

Có hai thứ pháp: Pháp tương ưng và không tương ưng. Thế nào là pháp tương ưng? Là các tâm, tâm số pháp. Thế nào là pháp không tương ưng? Là mười bảy pháp như đắc v.v...

Mười bảy pháp: (1) Thành tựu. (2) Định vô tướng. (3) Định diệt tận. (4) Xứ vô tướng. (5) Mạng căn. (6) Chủng loại (Chủng đồng phận). (7) Xứ đắc. (8) Vật đắc. (9) Nhập đắc. (10) Sinh. (11) Lão. (12) Trụ. (13) Vô thường. (14) Danh chúng (Danh thân). (15) Tụ chúng (Cú thân). (16) Vị chúng (Vãn thân). (17) Tánh phạm phu.

Khi đắc các pháp, pháp không tương ưng với tâm đều đắc, đó gọi là thành tựu.

Tướng ưa chuộng Niết-bàn, nhằm chán sinh tử, lúc lực của bốn thiền nhiều ít đã diệt mất tâm tâm số pháp, đó gọi là định vô tướng.

Tướng chán lia khó nhọc nên ngừng dứt, lúc sức của định hữu tướng, vô tướng nhiều ít đã diệt mất tâm tâm số pháp, đó gọi là định diệt tận.

Sinh trong Vô tướng thiên, tâm tâm số pháp không hành và đoạn dứt, đó gọi là xứ vô tướng.

Các căn v.v... của bốn đại nối tiếp nhau không hoại, đó gọi là mạng căn.

Vô số các xứ sinh, thân tâm, lời nói của chúng sinh khác cùng giống nhau, đó gọi là chủng loại của chúng sinh (Chúng đồng phận).

Đến nơi chốn khác mà đạt được, đó gọi là xứ đắc. Vật xen tạp của các hành, đó gọi là vật đắc. Đắc các nhập trong ngoài, đó gọi là nhập đắc.

Các hành khởi là sinh. Hành chín muồi là lão. Hành này chưa diệt là trụ. Hành diệt là vô thường.

Kết hợp chữ nghĩa lại là danh chúng (Danh thân). Hợp danh để nói sự là cú chúng (Cú thân). Hợp để nói rộng là ngữ chúng (Văn thân). Chưa được đạo vô lậu Thánh là tánh phàm phu.

Đó gọi là mười bảy pháp.

Trong các pháp tâm bất tương ưng này, có bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là bất thiện và bao nhiêu thứ là vô ký? Có hai thiện, bảy vô ký và tám nên phân biệt.

Định vô tưởng, định diệt tận, là thiện.

Xứ vô tưởng, chủng loại, danh chúng, cú chúng, ngữ chúng, mạng căn, tánh phàm phu, là vô ký.

Thành tựu, sinh, lão, trụ, vô thường, trong thiện là thiện, trong bất thiện là bất thiện, trong vô ký là vô ký. Xứ đắc, vật đắc, nhập đắc có thiện, bất thiện, vô ký.

Mười bảy pháp, trong ấy có bao nhiêu thứ thuộc cõi dục, bao nhiêu thứ thuộc cõi sắc, bao nhiêu thứ thuộc cõi vô sắc và bao nhiêu thứ không hệ thuộc? Có ba thứ thuộc cõi dục. Hai thứ thuộc cõi sắc. Một thứ thuộc cõi vô sắc. Mười một thứ nên phân biệt: Hoặc thuộc cõi dục, hoặc thuộc cõi sắc, hoặc thuộc cõi vô sắc, hoặc không hệ thuộc.

Danh chúng, cú chúng, ngữ chúng là thuộc cõi dục. Định vô tướng, xứ vô tướng là thuộc cõi sắc. Định diệt tận là thuộc cõi vô sắc.

Thành tựu, mạng căn, chủng loại, xứ đắc, vật đắc, nhập đắc, tánh phạm phu là thuộc ba cõi. Sinh, lão, trụ, vô thường trong pháp thuộc cõi dục thì thuộc cõi dục, trong pháp thuộc cõi sắc thì thuộc cõi sắc, trong pháp thuộc cõi vô sắc thì thuộc cõi vô sắc, trong pháp không hệ thuộc thì không hệ thuộc.

Mười bảy pháp, trong ấy có bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu? Mười ba thứ là hữu lậu, bốn thứ nên phân biệt: Sinh, lão, trụ, vô thường: Là trong hữu lậu thì hữu lậu, trong vô lậu thì vô lậu.

Khi được tâm vô lậu đầu tiên, lúc ấy là xả bỏ tánh phạm phu. Lúc sinh nơi cõi khác, cũng xả bỏ tánh phạm phu, được tánh phạm phu của cõi khác. Khi lia dục thì trong đạo giải thoát thứ chín đã đoạn trừ.

Thế nào là ba vô vi? Là trí duyên tận, phi trí duyên tận và hư không.

Thế nào là trí duyên tận? Là sức của trí tuệ hữu lậu, vô lậu, đoạn trừ các kiết sử, được giải thoát. Đó gọi là trí duyên tận (Trạch diệt).

Thế nào là phi trí duyên tận? Là nhân của vị lai tức nên sinh lại không sinh. Đó gọi là phi trí duyên tận (Phi trạch diệt).

Thế nào là hư không? Là xứ vô sắc không đối, không thể thấy. Đó gọi là hư không.

Nhân cộng y, nhân tương ưng và nhân cộng hữu trước sinh tự giống nhân, làm nhân của các pháp sau chưa sinh.

Như vậy, nhân biến cũng là thứ đệ duyên, là nhân báo trong chúng sinh. Tất cả pháp hữu vi, quả của pháp hữu vi cũng là quả của Niết-bàn. Vì sao? Vì nhân duyên của tất cả pháp hữu vi sinh ra đạo quả Niết-bàn. Các pháp tương ưng trong một duyên một thời cùng hành, cùng duyên nơi tâm tâm số pháp trong tướng khác không phải

trong tự tướng, không xứ sở, không phương chốn. Vì sao? Vì duyên nơi tất cả xứ. Lúc đạo sinh thì các kiết sử sắp diệt, thế nên lúc đạo sắp sinh là được giải thoát. Lúc đạo diệt, đạo vô ngại thì sắp diệt đoạn trừ kiết sử. Đạo giải thoát sắp sinh là được giải thoát.

Ba thứ ái: Dục ái, hữu ái, bất hữu ái. Tìm cầu các sự vật, đó gọi là dục ái. Lúc được thì tham tiếc, đó gọi là hữu ái. Do kiến đoạn trừ, mong cầu đoạn trừ, đó gọi là bất hữu ái.

Do tư duy đoạn trừ trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, trừ trực tu, trực ngữ, trực nghiệp, trực mạng, ý (khinh an), xả, các pháp còn lại là pháp của căn.

Bốn niệm chỉ, mỗi mỗi niệm chỉ đều hiện ở trước. Vì sao? Vì phân biệt duyên nơi các pháp. Các pháp tương ưng với cái khác, không tương ưng với chính mình. Trong duyên nơi các pháp, kiết sử nên lìa. Đó gọi là đoạn. Có đoạn nhưng chưa lìa.

Thế nào là đoạn nhưng chưa lìa? Là được khổ trí, chưa được tập trí, do tập đế đã đoạn. Khổ đế đã đoạn. Duyên trong ba đế được hai tín không hoại. Là duyên trong khổ đế, tập đế, diệt đế, được tín pháp không hoại và tín giới không hoại. Duyên trong đạo đế thì được bốn tín không hoại. Tất cả tâm số pháp đều hiện hành tùy theo tâm, vì cùng một duyên.

Như vậy, giới vô giáo là sinh, trụ, lão, hư hoại, đều tùy theo tâm hành.

Tất cả pháp hữu lậu nên đoạn trừ. Vì sao? Vì là cấu uế của tội. Tất cả pháp hữu lậu, vô lậu nên nhận biết. Vì sao? Vì trí duyên nơi tất cả pháp. Các pháp quá khứ, vị lai là xa. Vì sao? Vì không thực hiện các sự việc. Các pháp hiện tại là gần. Vì sao? Vì đang thực hiện các công việc. Vô vi cũng gần. Vì sao? Vì nhanh chóng đạt được. Kiến xứ của tất cả pháp hữu lậu, khi duyên nơi năm kiến thì thành tựu hoặc rất nhiều hay rất ít trong mười chín căn không hoại.

Có hai căn cũng lại là người kiến đế, căn không hoại nhưng chưa lia đục. Đó gọi là mười chín. Ít nhất là tám căn đoạn bỏ căn thiện, dần đến mạng chung, có thân căn còn lại. Cũng lại là cánh lạc (Xúc) của phàm phu ở cõi vô sắc, có ba sự việc hợp với tình (Căn), duyên nơi thức là năm thứ cánh lạc (xúc): Có đối, tăng ngữ, minh, vô minh, phi minh phi vô minh. Tương ưng với năm thức, đó gọi là xúc có đối. Tương ưng với ý thức, đó gọi là xúc tăng ngữ. Cánh lạc (xúc) nhiễm ô, đó gọi là xúc vô minh. Cánh lạc vô lậu, đó gọi là xúc minh. Cánh lạc hữu lậu không nhiễm ô, đó gọi là xúc phi minh phi vô minh.

Có hai đạo được quả: (1) Đoạn trừ kiết sử. (2) Được giải thoát.

Báo của A-la-hán là tâm bát Niết-bàn, vì tất cả pháp đều buông xả.

Bốn hữu: Là sinh hữu, tử hữu, bản hữu, trung hữu. Mới sinh được năm ấm, đó gọi là sinh hữu. Năm ấm lúc chết, đó gọi là tử hữu. Trừ năm ấm sinh tử, ở khoảng giữa là bản hữu. Sau khi chết, năm ấm có thể đến các nẻo khác, đó gọi là trung hữu.

Trí nhãn của khổ, tập đế duyên nơi các pháp, đó gọi là chán lia. Chán lia duyên nơi sự vật. Các trí nhãn trong bốn đế là lia đục nên đục diệt.

Ba hữu lậu: Dục, hữu, vô minh. Nơi cõi dục trừ vô minh, các phiền não còn lại, đó gọi là dục hữu lậu. Nơi cõi sắc, vô sắc, trừ vô minh, các phiền não còn lại, đó gọi là hữu hữu lậu. Si hệ thuộc ba cõi là vô minh hữu lậu. Tất cả các lậu này đều diệt hết, lúc ấy tất cả khổ được diệt hết, đặc vị cam lộ của bậc Nhất thiết trí. (Thánh nhân đắc đạo tên là Cù Sa tạo).

HẾT - QUYÊN HẠ

SỐ 1554/2
LUẬN NHẬP A TỶ ĐẠT MA

*Tác giả: A la hán Tắc Kiến Đà La.
 Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.
 Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ.*

QUYỂN THƯỢNG

*Kính lạy Nhất thiết trí
 Vông Phật nhật vô cầu
 Lời sáng mở ngời trời
 Bản tâm ngăn nẻo ác.
 Các lý do đối pháp
 Trừ diệt tướng pháp ngu
 Con đánh lễ như đây
 Tạng Nhất thiết trí nói.
 Tuệ kém vọng nêu tối
 Che lấp lời Phật dạy
 Chiếu soi do đèn sáng
 Kính lạy Bạc thấp đèn.*

Người thông tuệ có thể thọ trì đủ các văn nghĩa giáo huấn tôn quý của đấng Mâu-ni, nhưng do câu nệ nơi sự nghiệp nên có khi chưa được lại thoát chuyển. Người trí tuệ kém nghe danh nghĩa trong đối pháp như rừng rậm liền sinh sợ hãi. Nhưng những người ấy đều

luôn có tâm tìm cầu hiểu rõ. Vì muốn khiến những người đó đối với nơi chốn sâu thẳm trong biện pháp tướng của A-tỳ-đạt-ma, được vui thích dễ vào, nên tôi tạo ra bộ Luận này.

Nói là Tông Thiện Thệ có tám cú nghĩa: (1) Sắc. (2) Thọ. (3) Tưởng. (4) Hành. (5) Thức. (6) Hư không. (7) Trạch diệt. (8) Phi trạch diệt. Đây là gồm chung hết thảy nghĩa.

Sắc có hai thứ: Đại chủng và sắc được tạo.

Đại chủng có bốn thứ: Đất, nước, lửa, gió. Giới có thể gìn giữ tướng riêng, tướng chung, hoặc các sắc được tạo, nên gọi là giới. Bốn đại chủng này, như thứ lớp của chúng, lấy tánh chất cứng chắc, ẩm ướt, ấm áp, lay động làm tự tánh, dùng sự gìn giữ, thâm tóm, thành thực, tăng trưởng làm nghiệp. Vì đại mà là chủng nên gọi là đại chủng. Do đây hư không không thuộc về đại chủng. Vì có thể sinh ra quả của mình là nghĩa chủng. Vì sắc được tạo hiện có cùng khắp nên gọi là đại. Như vậy đại chủng chỉ có bốn thứ. Lại, vì không có công dụng khác, vì không thể kham nhận, như chân của giường tòa.

Sắc được tạo có mười một thứ: (1) Mắt. (2) Tai. (3) Mũi. (4) Lưỡi. (5) Thân. (6) Sắc. (7) Âm thanh. (8) Hương. (9) Vị. (10) Một phần xúc. (11) Vô biểu sắc. Vì ở nơi đại chủng có, nên gọi là được tạo, tức là nghĩa nương dựa nơi đại chủng để khởi.

Trong đây, mắt là chỗ dựa của nhãn thức, do trông thấy sắc là dụng sắc tịnh là thể. Tai, mũi, lưỡi, thân căn cứ theo đây để nói.

Sắc có hai thứ: Hiển sắc và hình sắc. Như Đức Thế Tôn nói: “Hiển xấu thì hình xấu”. Hiển sắc có mười hai thứ: Xanh, vàng, đỏ, trắng, mây khói, bụi, sương mù, bóng sáng, ánh sáng, bóng tối. Hình sắc có tám thứ: Dài, ngắn, vuông, tròn, cao, thấp, ngay, không ngay.

Ở đây: Sương mù là hơi của đất, nước. Ánh sáng mặt trời gọi là ánh sáng. Mặt trăng, tinh tú, lửa, thuốc, ngọc báu, ánh chớp v.v... các thứ ánh sáng ấy gọi là sáng. Che ngăn ánh sáng của mặt trời,

các thứ sáng ấy sinh ở trong đó. Các sắc khác có thể trông thấy, gọi là bóng sáng. Trái với bóng sáng này gọi là bóng tối. Vuông là giới vuông. Tròn là vòng tròn. Hình bằng nhau gọi là ngay. Hình không bằng nhau gọi là không ngay. Vì các màu sắc khác dễ hiểu, nên nay không giải thích.

Hai mươi thứ này đều là cảnh riêng của nhãn thức và ý thức được dẫn theo để phân biệt.

Âm thanh có hai thứ: Có chấp thọ và không chấp thọ. Đại chúng làm nhân vì có sai biệt, nên gắn với tự thể, gọi là có chấp thọ, là nghĩa có giác. Cùng trái với nghĩa này gọi là không chấp thọ. Pháp được sinh trước gọi là có chấp thọ. Đại chúng làm nhân nghĩa là âm thanh như của lời nói, tay chân v.v... Pháp được sinh sau gọi là không chấp thọ. Đại chúng làm nhân nghĩa là âm thanh như gió, rừng cây v.v...

Ở đây, danh hữu tình, danh phi hữu tình sai biệt có bốn: Tiếng nói trong âm thanh trước gọi là danh hữu tình, âm thanh khác gọi là danh phi hữu tình. Tiếng nói giáo hóa trong âm thanh sau gọi là danh hữu tình, âm thanh khác gọi là danh phi hữu tình.

Trong ấy, lại có vừa ý và không vừa ý sai biệt thành tám. Tám thứ như vậy đều là cảnh riêng của nhĩ thức và ý thức được dẫn theo để phân biệt.

Hương có ba thứ: (1) Hương tốt. (2) Hương xấu. (3) Hương bình đẳng. Nghĩa là có thể nuôi lớn đại chúng của các căn, gọi là hương tốt. Nếu có thể gây tổn hại cho đại chúng của các căn gọi là hương xấu. Nếu cùng trái với hai thứ trên gọi là hương bình đẳng. Ba thứ như vậy đều là cảnh riêng của tỷ thức và ý thức được dẫn theo để phân biệt.

Vị có sáu thứ: Ngọt, chua, mặn, cay, đắng, lạt sai biệt. Sáu thứ như vậy đều là cảnh riêng của thiệt thức và ý thức được dẫn theo để phân biệt.

Một phần xúc có bảy thứ: Tánh chất trơn, nhám, nặng, nhẹ cùng lạnh, đói, khát. Mềm mại gọi là trơn, là nghĩa của ý xúc. Thô cứng gọi là nhám. Có thể cân đo gọi là nặng, trái lại là nhẹ. Do chỗ bức bách ở đây nhân muốn ấm gọi là lạnh. Nhân muốn ăn gọi là đói. Nhân muốn uống gọi là khát. Những thứ này đều từ nơi nhân để đặt tên quả, nên nói như thế. Như nói: “Chư Phật xuất hiện đem đến an vui v.v...”.

Trong nhóm đại chủng do nước, lửa tăng nên có tánh trơn. Vì đất, gió tăng nên có tánh nhám. Vì đất, nước tăng nên có tánh nặng. Vì lửa, gió tăng nên có tánh nhẹ. Vì nước, gió tăng nên có tánh lạnh. Vì gió tăng nên có cảm giác đói. Vì lửa tăng nên có cảm giác khát.

Vô biểu sắc: Nghĩa là có thể tự biểu lộ về các tâm tâm sở chuyển biến có sai biệt, nên gọi là biểu. Cùng với kia đồng loại nhưng không thể biểu lộ, nên gọi là vô biểu. Đó là do ở nơi chỗ tương tự để lập lời nói phủ định. Như đối với Sát-đế-lợi v.v... nói không phải là Bà-la-môn v.v...

Vô biểu tướng: Nghĩa là do biểu lộ về tâm đại chủng có sai biệt. Vào lúc ngủ thức, tâm tán loạn, không tán loạn, và ở phần vị vô tâm có sắc thiện, bất thiện chuyển biến nối tiếp, không thể chứa nhóm, là có thể kiến lập nhân như Bí-sô v.v... đó là vô biểu tướng. Nếu không có tướng này thì không nên kiến lập có Bí-sô v.v... Như Đức Thế Tôn nói: “Do có dựa vào nghiệp phước nên phước kia thường xuyên tăng trưởng”. Như vậy, vô biểu nói chung có ba thứ: Luật nghi, bất luật nghi, và đều cùng thuộc về trái nhau.

Luật nghi có ba thứ: Luật nghi biệt giải thoát, luật nghi tinh lự và luật nghi vô lậu.

Luật nghi biệt giải thoát có tám thứ: (1) Luật nghi Bí-sô. (2) Luật nghi Bí-sô-ni. (3) Luật nghi Càn sách (Sa-di). (4) Luật nghi Chánh học. (5) Luật nghi Càn sách nữ (Sa-di-ni). (6) Luật nghi Càn

sự nam. (7) Luật nghi Cận sự nữ. (8) Luật nghi Cận trụ. Tám thứ như vậy chỉ thuộc cõi dục.

Luật nghi tịnh lự: Nghĩa là Tam-ma-địa của cõi sắc chuyển theo sắc. Luật nghi này chỉ thuộc cõi sắc.

Luật nghi vô lậu: Nghĩa là Tam-ma-địa vô lậu chuyển theo sắc. Luật nghi này chỉ có không hệ thuộc.

Bất luật nghi: Nghĩa là các hạng đồ tể, các thợ săn thú, bắt chim, cá, trộm cướp, giữ ngục, trói rồng, nấu chó, đặt bẫy, làm nem thịt thái. Vô biểu sắc bất thiện trong các thân này được nối tiếp chuyển.

Phi luật nghi, phi bất luật nghi: Nghĩa là tạo lập Tỳ-ha-la, Tốt-đồ-ba, Tăng-già-la-ma v.v... cùng lễ nơi tháp miếu, đốt hương, rải hoa, tán tụng, chú nguyện v.v... và đánh đập khởi ra các thứ vô biểu sắc thiện, bất thiện nối tiếp chuyển. Cũng có vô biểu chỉ trong một sát-na. Vì dựa vào chủng loại chung nên nói là nối tiếp.

Luật nghi biệt giải thoát do thệ nguyện thọ nhận được bảy thứ luật nghi trước, cho đến mạng chung, thọ nhận luật nghi thứ tám trong một ngày, đêm. Lại xả bảy thứ luật nghi trước do bốn duyên: (1) Vì xả giới mình đã học. (2) Vì mạng chung. (3) Vì đoạn căn thiện. (4) Vì sinh hai hình.

Luật nghi thứ tám, tức xả do bốn duyên trước và xả do đêm đã tàn.

Luật nghi tịnh lự do được tâm thiện của cõi sắc nên được. Vì bỏ tâm thiện của cõi sắc nên xả, do thuộc về tâm kia. Luật nghi vô lậu được xả cũng như vậy. Vì tùy tâm vô lậu mà được, xả. Được bất luật nghi do tạo ra và thọ nhận.

Do bốn duyên nên xả bất luật nghi: (1) Thọ nhận luật nghi. (2) Mạng chung. (3) Hai hình sinh. (4) Pháp như thế nên được.

Vô biểu trong xứ tâm thiện của cõi sắc, hoặc do tạo ra mà được, là tâm tịnh ân cần, phiền não mạnh mẽ, nhạy bén, lễ tán tháp miếu

và đánh đập v.v... Hoặc do thọ nhận mà được, nghĩa là khởi suy nghĩ như thế này: “Nếu không vì Đức Phật tạo ra Mạn-đồ-la thì trọn không ăn trước”. Lời nguyện như thế hoặc do xả nên được, nghĩa là xây cất chùa, tặng xá, tọa cụ, vườn rừng, bố thí cho Bí-sô v.v... Xả vô biểu này là do tâm cùng khởi và việc đã làm vì đều cùng có tâm đoạn trừ.

Vô biểu như vậy và như trước đã nói năm căn như nhãn v.v... chỉ là cảnh của ý thức đã phân biệt rõ. Ngang với đây được gọi là nghĩa câu sắc ban đầu. Nhưng các pháp tướng tóm tắt có ba thứ: (1) Tự cộng tướng. (2) Phần cộng tướng. (3) Biến cộng tướng

Tự cộng tướng: Nghĩa là như vì biến đổi, hư hoại, hoặc vì đổi thay, trở ngại, nên nói gọi là sắc. Như vậy, tức nói về nghĩa có thể gây khổ não, hư hoại. Như bậc Pháp vương đã nói: “Bí-sô nên biết! Do biến đổi, hư hoại, nên gọi là sắc thủ uân”.

Cái gì có thể biến đổi, hư hoại ? Là vì tay tiếp xúc, tức nên biến đổi hư hoại, cho đến nói rộng. Như vì có thể đi nhanh, nên gọi là ngựa. Do có thể đi chậm, nên nói là bò, trâu v.v...

Phần cộng tướng: Nghĩa là như tánh vô thường và tánh khổ v.v...

Biến cộng tướng: Như tánh vô ngã và tánh không v.v... Do khuôn khổ này tức đối với tất cả pháp, nên biết là ba tướng.

Nghĩa thọ cú: Nghĩa là ba thứ thọ nhận: (1) Vui. (2) Khổ. (3) Không khổ không vui. Đây tức là sự nhận lãnh ba thứ nghĩa theo chỗ tiếp xúc, từ đây sinh ra yêu thích, không yêu thích, hoặc không phải cả hai. Vì phần vị của thân tâm sinh ra tiếp xúc khác nhau, nên đối với cảnh sinh vui, buồn, không phải cả hai, làm tướng hay có thể làm nhân cho ái, nên gọi là thọ. Như Đức Thế Tôn nói: “Xúc duyên thọ, thọ duyên ái”.

Thọ này lại tùy theo sự sai biệt của thức nên có sáu, như nhãn tiếp xúc sinh ra thọ, cho đến ý tiếp xúc sinh ra thọ. Năm thức đều cùng sinh gọi là thân thọ. Ý thức đều cùng sinh gọi là tâm thọ.

Do căn có sai biệt nên kiến lập năm thứ: Là lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn. Các thân nhận lấy vui vẻ và tâm tĩnh lự thứ ba. Nhận lấy sự vui vẻ gọi là lạc căn. Sự vui vẻ là thuộc về nghĩa lợi ích.

Các thân nhận lấy sự không vui, gọi là khổ căn. Sự không vui là nghĩa tổn não. Trừ tĩnh lự thứ ba, tâm khác nhận lấy sự vui vẻ, gọi là hỷ căn. Các tâm nhận lấy sự không vui gọi là ưu căn. Các thân và tâm nhận lấy không phải vui, không phải không vui, gọi là xả căn. Phân biệt rộng về các căn này, như xứ căn v.v...

Nghĩa tướng cú: Nghĩa là có thể giả hợp danh nghĩa của tướng để hiểu, tức là đối với các màu sắc xanh, vàng, dài, ngắn..., tiếng ốc, tiếng trống... mùi hương trầm, hương xạ... vị mặn, đắng... tiếp xúc vật cứng, mềm... pháp tướng như nam, nữ... là giả hợp trong danh nghĩa mà hiểu.

Vì là nhân của tâm, tứ nên gọi là tướng. Tướng này tùy theo thức sai biệt có sáu thứ như thọ.

Sự sai biệt của lớn nhỏ, vô lượng có ba thứ: Nghĩa là duyên nơi cảnh ít, nên gọi là tướng nhỏ. Vì duyên nơi cảnh của các pháp lớn, như duyên nơi Diệu cao v.v... nên gọi là tướng lớn. Tùy theo xứ không vô biên v.v... nên gọi là tướng vô lượng. Hoặc tùy theo ba cõi để lập ba tên gọi này.

Hành có hai thứ: Hành tương ưng và hành bất tương ưng.

Hành tương ưng: Nghĩa là tư, xúc, dục, tác ý, thắng giải, niệm, định, tuệ, tầm, tứ, tín, tinh tấn, tầm, quý, không phóng dật, khinh an, bất hại, xả, hận, yếm, bất tín, giải đãi, phóng dật, căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, lậu, bộc lưu, ách, thủ, thân hệ, cái và trí nhãn v.v... Các pháp tâm sở này đều cùng với tâm có đủ năm nghĩa: Chỗ dựa, đối tượng duyên, hành tướng, thời gian, sự... nên gọi là tương ưng. Cùng trái với tương ưng này gọi là bất tương ưng. Nghĩa là đắc, phi đắc, định vô tướng, định

diệt tận, vô tướng sự, mạng căn, chúng đồng phận, sinh, trụ, lão, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân...

Như vậy, hành tương ưng, bất tương ưng, gọi chung là hành uẩn. Vì thế nên bậc Đại Tiên nói: “Hành uẩn tụ tập như thân cây chuối”.

Tư: Là có thể khiến tâm có tạo tác, tức là ý nghiệp, cũng là nghĩa khiến tâm vận động. Do ở đây thiện, bất thiện, vô ký khác nhau, nên có ba thứ tư sai biệt.

Xúc: Là căn, cảnh, thức hòa hợp sinh khiến tâm tiếp xúc với cảnh, do có thể nuôi sống tâm là tướng. Thuận theo lạc thọ v.v... có sai biệt, nên có ba thứ.

Dục: Là mong cầu, tạo sự việc thuận với tinh tấn, nghĩa là ta nên hành tác sự việc như thế.

Tác ý: Là có thể khiến tâm cảnh giác, tức là nghĩa dẫn tâm hướng đến cảnh, cũng là sự nhớ giữ, đã từng là cảnh của thọ... Tác ý này có ba thứ: Học, vô học, phi học phi vô học. Tác ý vô lậu trong thân bảy hữu học, gọi là học. Tác ý vô lậu trong thân A-la-hán, gọi là vô học. Tác ý của tất cả hữu lậu gọi là phi học phi vô học.

Thắng giải: Nghĩa là có thể đối với cảnh đã chấp thuận, tức là nghĩa khiến tâm ở nơi cảnh của đối tượng duyên không khiếm nhược.

Niệm: Là khiến tâm ở nơi cảnh ghi nhớ rõ không quên, là nghĩa đã tạo ra các sự việc chánh đáng.

Định: Là khiến tâm chuyên chú nơi một cảnh, là nghĩa chế ngự tâm như vượn, khi, chỉ ở nơi một cảnh chuyển. Phái Tỳ-bà-sa nói như vậy: “Như rắn ở trong ống thì bò thẳng không cong. Tâm nếu ở nơi định thì luôn chuyển ngay thẳng”.

Tuệ: Là đối với pháp có thể chọn lựa phân biệt, tức là nghĩa ở nơi sự thành tựu quả của các nhân duyên đã gồm thấu tương ưng.

Trong tám thứ pháp của tự tướng, cộng tướng, tùy theo chỗ ứng hợp của chúng mà quán sát.

Tâm: Là đối với cảnh khiến tâm thô làm tướng, cũng gọi là tư duy phân biệt thuộc về gió tướng, chuyển theo thô động. Pháp này tức là nhân chuyển của năm thức.

Tứ: Là ở nơi cảnh, khiến tâm vi tế làm tướng. Pháp này tức là nhân chuyển của ý thức tùy thuận đối với cảnh.

Tín: Là khiến tâm đối với cảnh lắng sạch. Tức ở nơi tướng nhân quả của Tam bảo, vì thuộc về tánh có v.v..., hiện tiền thừa nhận nên gọi là tín. Tín này có thể loại trừ pháp cấu uế của tâm, như ngọc báu Thanh Thủy đặt trong ao, liền khiến nước đục như trở thành trong lặng. Như vậy viên ngọc tín đặt trong ao tâm, các thứ như đục của tâm đều được trừ bỏ.

Tin Phật chứng Bồ Đề. Tin Pháp là thuyết thiện. Tin Tăng có đủ hành diệu. Cũng tin về chỗ mê lầm của hết thầy ngoại đạo. Pháp tánh duyên khởi là hành nghiệp của tín.

Tinh tấn: Là ở trong sự sinh diệt của pháp thiện, bất thiện, lấy sự dũng mãnh làm tánh. Tức là nghĩa như kẻ đang chìm đắm trong vũng bùn sinh tử, có thể thúc đẩy, dốc tâm, cố sức khiến mình nhanh chóng ra khỏi.

Tàm (Hỗ): Là tùy thuận nơi pháp bạch của chánh lý tăng thượng, sinh khởi tánh tự tại của tâm đẳng lưu trái với ái. Do uy lực này, đối với các công đức và người có đức luôn cung kính mà trụ.

Quý (Thẹn): Là tu tập công đức làm đầu, trái với đẳng lưu si, chê trách pháp yếu kém. Do uy lực này nên đối với tội lỗi luôn thấy sợ hãi.

Không phóng dật: Nghĩa là tu các pháp thiện. Trái với hại, phóng dật tức luôn gìn giữ tâm tánh. Tâm có thể nhận giữ tánh gọi là

khinh an. Trái với hại, hôn trầm, tùy thuận nơi pháp thiện. Tâm vững chắc nơi thiện gọi là bất hại. Do uy lực này, nên không gây tổn não cho người khác. Có thể trái với kẻ khác ưa thích làm việc tổn hại, tâm tánh bình đẳng, gọi là xả. Vì xả bỏ phi lý cùng hướng đến lý. Do uy lực này khiến tâm đối với lý và phi lý, không hướng, không bỏ, bình đẳng mà trụ, như nắm giữ cán cân.

Hân: Là vui thích ham chuộng phẩm hoàn diệt, thấy công đức rồi khiến tâm hân hoan, mến mộ, tùy thuận tu thiện. Tâm có điều ấy nên vui thích Niết bàn. Cùng với pháp này tương ưng nên gọi là hân tác ý.

Yếm: Là nhàm chán các thứ tai hại nơi phẩm lưu chuyển. Thấy lỗi lầm rồi khiến tâm chán lia, tùy thuận lia nhiễm. Tâm có pháp ấy nên chán ghét sinh tử. Cùng với pháp ấy tương ưng gọi là yếm tác ý.

Tâm không lắng sạch gọi là Bất tín, như trước đã nói, là trái với tín.

Tâm không dừng mãnh vượt lên gọi là Giải đãi (Biếng nhác), trái với tinh tấn đã nói ở trước.

Không tu pháp thiện gọi là Phóng dật, trái với tánh không phóng dật đã nói ở trước, tức là nghĩa không thể gìn giữ tâm.

Như vậy là đã nói ba thứ như Bất tín v.v... Chúng không lập tùy miên và triền cấu, vì lỗi lầm nhẹ, vì dễ trừ bỏ.

Căn thiện có ba thứ: Vô tham là trái với pháp tham. Vô sân là trái với pháp sân. Vô si là trái với pháp si, tức là lấy trí tuệ làm tự tánh như trước đã nói.

Ba pháp như vậy là tự tánh của thiện, cũng có thể làm căn sinh pháp thiện khác, nên gọi là căn thiện. Nghĩa an ổn là nghĩa của thiện, vì có thể dẫn đến hữu đáng yêu thích và mầm mống của giải thoát. Hoặc là đã tập học, trở thành nghĩa của phương tiện khéo léo,

là nghĩa của thiện. Do pháp thiện này có thể tạo thành sắc tượng vi diệu, như họa sư tô màu bức tranh vẽ, tạo ra sắc tượng tươi đẹp, thế gian khen là thiện.

Căn bất thiện có ba thứ, tức là tham, sân, si cần đối trị, đối lại với ba thứ trước. Tham là năm bộ tham của cõi dục. Sân là năm bộ sân. Si là ba mươi bốn vô minh của cõi dục, trừ hữu thân kiến và vô minh tương ưng với biên chấp kiến.

Ba pháp như vậy là tự tánh của bất thiện, cũng có thể làm căn sinh ra các bất thiện khác, nên gọi là căn bất thiện. Nghĩa không an ổn là nghĩa của bất thiện, vì có thể dẫn đến mầm mống của các hữu không yêu thích. Hoặc là chưa tập học, không phải là nghĩa của phương tiện khéo léo, là nghĩa của bất thiện. Do bất thiện này có thể tạo thành sắc tượng xấu ác, như họa sư tạo ra bức tranh không đẹp, thế gian gọi là bất thiện.

Căn vô ký có bốn thứ: Ái, kiến, mạn, vô minh. Ái: Là nơi cõi sắc, vô sắc đều có năm bộ tham. Kiến: Là nơi cõi sắc, vô sắc đều có mười hai kiến và hữu thân kiến, biên chấp kiến của cõi dục. Mạn: Là nơi cõi sắc, vô sắc đều có năm bộ mạn. Vô minh: Là tất cả vô minh của cõi sắc, vô sắc và hữu thân kiến, biên chấp kiến của cõi dục tương ưng với vô minh. Bốn căn vô ký này là tự mình đã thừa nhận.

Người tu tĩnh lự có ba loại khác nhau: (1) Loại người ái đối với tĩnh lự cõi trên. (2) Loại người kiến đối với tĩnh lự cõi trên. (3) Loại người mạn đối với tĩnh lự cõi trên. Ba loại người này đều nhân nơi sức của vô minh để dấy khởi. Phái Tỳ-bà-sa lập căn vô ký chỉ có ba thứ: Vô ký ái, vô minh, tuệ. Nghi thì không trụ vững chắc. Mạn thì tánh tự cao, không phải là pháp của căn. Do đối với nghĩa thiện, bất thiện đều không ghi nhận, nên gọi là vô ký.

Lại do không thể ghi nhận quả ái, phi ái, nên gọi là vô ký, cũng là do không thể chiêu cảm quả dị thực. Tánh vô ký này cũng

có thể sinh pháp vô ký nhiễm khác, hoặc các pháp vô ký, nên gọi là căn vô ký

Kiệt có chín thứ: Kiệt ái, kiệt sân, kiệt mạn, kiệt vô minh, kiệt kiến, kiệt thủ, kiệt nghi, kiệt tật và kiệt xan.

Kiệt ái: Là tham của ba cõi, là tướng nhiễm vương, như keo sơn hòa tán nên gọi là ái. Vì ái tức là kiệt, nên gọi là kiệt ái.

Kiệt sân: Là năm bộ sân. Đối với sự an vui của hữu tình v.v... đều khiến tổn hại, tướng không tạo lợi ích, như hạt giống cay đắng, nên gọi là sân. Vì sân tức là kiệt, nên gọi là kiệt sân.

Kiệt mạn: Là mạn của ba cõi. Do tự cho là khác với đức độ của người khác, nên tâm khởi tướng ý thị đề cao gọi là mạn. Như kẻ kiêu ngạo lấn át khinh miệt người khác. Mạn này lại có bảy thứ: (1) Mạn. (2) Quá mạn. (3) Mạn quá mạn. (4) Ngã mạn. (5) Tăng thượng mạn. (6) Ty mạn. (7) Tà mạn.

Nghĩa là nhân nơi những sự việc về dòng họ, tài sản, địa vị, sắc lực, giữ giới, học rộng, công xảo, nên đối với người thua kém thì cho mình là hơn. Hoặc đối với kẻ ngang hàng thì cho mình là ngang đồng. Do đầy nên khiến tâm tự đề cao gọi là Mạn. Nếu đối với người ngang đồng cho là mình hơn, hoặc đối với những người hơn lại cho là mình bằng, do đầy nên khiến tâm tự đề cao, gọi là Quá mạn. Nếu đối với người hơn mình cho là mình hơn, do ý nghĩ này nên khiến tâm tự đề cao, gọi là Mạn quá mạn.

Nếu ở nơi năm thủ uẩn chấp ngã và ngã sở, do sự chấp này khiến tâm tự đề cao, gọi là Ngã mạn. Nếu chưa chứng được các đức thù thắng trong quả Dự lưu mà cho là mình đã chứng được, do đầy khiến tâm thêm tự đề cao, gọi là Tăng thượng mạn. Nếu đối trong tộc họ phần nhiều là vượt hơn, cho mình là thua kém, do đó đã khiến tâm tự đề cao, gọi là Ty mạn. Nếu thật sự không có đức, cho là mình có đức, do đầy khiến tâm tự đề cao, gọi là Tà mạn.

Bảy mạn như thế gọi chung là kiết mạn

Kiết vô minh: Nghĩa là nơi ba cõi không hiểu biết, lấy sự không hiểu rõ làm tướng, như kẻ đui mù. Vì trái diệt đối với minh, nên gọi là vô minh. Lời nói phủ định này là dựa vào nghĩa đối trị, như nói không phải là bạn thân, không thật v.v... tức nói oán gia, lời nói hư dối v.v... Vì vô minh tức là kiết, nên gọi là kiết vô minh.

Kiết kiến: Là ba kiến, tức hữu thân kiến, biên chấp kiến và tà kiến. Trong năm thủ uẩn không có ngã, ngã sở nhưng chấp là thật có tướng của ngã, ngã sở, tuệ nhiệm ô này gọi là hữu thân kiến. Do thân là nghĩa tụ tập, vì có mà là thân, nên gọi là hữu thân. Tức năm thủ uẩn, ở đây khởi lên kiến chấp, gọi là hữu thân kiến. Tức năm thủ uẩn không phải là đoạn, không phải là thường, qua đây lại chấp có hai tướng đoạn, thường. Tuệ nhiệm ô này gọi là biên chấp kiến, vì chấp cả hai bên. Nếu quyết định cho là không có nghiệp, không có quả của nghiệp, không có giải thoát, không có người được đạo giải thoát, bác bỏ cho là không có sự thật thì tuệ nhiệm ô này gọi là tà kiến. Ba kiến như vậy gọi là kiết kiến.

Kiết thủ: Là hai thủ, tức kiến thủ, giới cấm thủ. Nghĩa là ba kiến trước và năm thủ uẩn, thật sự không phải là hơn mà chấp cho là hơn hẳn. Tuệ nhiệm ô này gọi là kiến thủ. Thủ là nghĩa suy cầu và chấp cứng chắc. Giới: Là xa lìa các thứ phá giới xấu ác. Cấm: Là thọ trì các giới của quạ, gà, nai, chó. Hoặc lỏa thể, nhổ tóc, bỏ ăn, nằm trên tro. Hoặc đối với các thứ kia vọng chấp là sinh phước, diệt tội. Hoặc thường xuyên tắm gội trong ao, sông. Hoặc ăn rễ, trái cây, cỏ, rau cải, vật thuốc để tự nuôi sống mạng mình. Hoặc lấy tro bôi trét vào thân, để búi tóc trên đầu v.v... đều gọi là cấm. Cả hai thứ này đều cùng không phải là đạo có thể đạt thanh tịnh mà vọng chấp cho là đạo có thể đạt thanh tịnh. Tuệ nhiệm ô ấy gọi là giới cấm thủ. Các Bà-la-môn có người học rộng, phần nhiều chấp pháp này cho là đạo tịnh nhưng họ không thể đạt được tịnh rốt ráo. Hai thủ như vậy gọi là kiết thủ.

Kiệt nghi: Là đối với bốn Thánh để khiến tâm do dự. Như đến khoảng đường rẽ, trông thấy một người đang bó cỏ thì do dự không quyết định. Như vậy, đối với khổ tâm sinh nổi do dự, không biết là phải hay là trái, cho đến nói rộng. Vì nghi tức là kiết, nên gọi là kiết nghi.

Kiệt tật: Nghĩa là đối với những sự việc vượt hơn của người khác khiến tâm không thừa nhận. Tức đối với người khác được cung kính, cúng dường, có nhiều tài sản, địa vị, hiểu biết rộng và các pháp vượt hơn khác, tâm sinh ganh ghét là nghĩa không nhận chịu. Do ganh tị (tật) tức là kiết, nên gọi là kiết tật.

Kiệt xan: Nghĩa là về của cải, pháp của mình, khiến tâm keo kiệt, luyến tiếc, cho những thứ ta có đừng đến với người khác. Vì keo kiệt (xan) tức là kiết, nên gọi là kiết xan.

Nghĩa của kiết là nghĩa trói buộc. Như Đức Thế Tôn nói: “Không phải mắt buộc lấy sắc, không phải sắc buộc lấy mắt. Ở đây dục tham nói là kiết. Như không phải bò đen buộc với bò trắng, cũng không phải bò trắng buộc với bò đen, cho đến nói rộng”.

Kiệt đã nói ở trước cũng tức là trói buộc, vì chính nghĩa kiết là nghĩa trói buộc. Tuy nhiên trong Khế kinh lại nói có ba sự trói buộc:

Trói buộc của tham: Nghĩa là tất cả tham. Như nói về tướng của kiết ái.

Trói buộc của sân: Là tất cả giận. Như nói về tướng của kiết giận.

Trói buộc của si: Là tất cả si. Như nói về tướng của kiết vô minh

Tùy miên có bảy thứ: (1) Dục tham. (2) Sân. (3) Hữu tham. (4) Mạn. (5) Vô minh. (6) Kiến. (7) Nghi. Về tướng riêng của bảy tùy miên này đã nói trong kiết. Nhưng nên dựa vào bộ riêng của hành tướng nơi cõi. Tức phân biệt bảy thứ tùy miên như vậy. Nghĩa là tham nơi các dục, nên gọi là dục tham. Vì dục tham này tức là tùy

miên, nên gọi là tùy miên dục tham. Tùy miên dục tham này chỉ có năm bộ của cõi dục là năm thứ, do kiến khổ đoạn trừ, cho đến do tu đạo đoạn trừ.

Tùy miên sân cũng chỉ có năm bộ của cõi dục tức là năm thứ. Tùy miên hữu tham chỉ có nơi cõi sắc, vô sắc, mỗi cõi đều có năm bộ là mười thứ. Do môn trong chuyên, do ngăn che tưởng giải thoát của tĩnh lự vô sắc, nên nói tham của hai cõi gọi là hữu tham.

Tùy miên mạn chung cho ba cõi, mỗi cõi đều có năm bộ thành mười lăm thứ. Tùy miên vô minh cũng như vậy.

Tùy miên kiến chung cho ba cõi, mỗi cõi đều có mười hai thứ thành ra ba mươi sáu thứ. Nghĩa là nơi cõi dục do kiến khổ đoạn trừ, đủ năm kiến. Kiến tập, diệt đoạn trừ chỉ có hai là tà kiến và kiến thủ. Kiến đạo đoạn trừ chỉ có ba thứ là tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tổng cộng là mười hai thứ. Hai cõi trên cũng như vậy là ba mươi sáu thứ.

Tùy miên nghi chung cho ba cõi, mỗi cõi đều có bốn bộ thành mười hai thứ, là do kiến khổ, tập, diệt, đạo đoạn trừ.

Trong đây, tùy miên dục tham, tùy miên sân chỉ có bộ riêng, không có hành tướng của cõi riêng biệt. Tùy miên hữu tham, nghi, mạn, vô minh có bộ của cõi riêng, không có hành tướng riêng. Tùy miên kiến có đủ bộ của cõi, hành tướng riêng, hành tướng riêng nghĩa là ngã và ngã sở.

Hành tướng chuyên gọi là hữu thân kiến. Hành tướng đoạn, thường chuyên gọi là biên chấp kiến. Không có hành tướng chuyên gọi là tà kiến. Hành tướng hơn hẳn chuyên gọi là kiến thủ. Hành tướng tịnh chuyên gọi là giới cấm thủ.

Nghĩa vi tế là nghĩa của tùy miên, vì lúc chúng hiện khởi thì khó nhận biết. Hoặc nghĩa tùy buộc là nghĩa của tùy miên, tức là tùy theo sự tiếp nối của thân tâm mà chuyên. Như đi trên khoảng không,

thì bóng nơi dưới nước tức đi theo. Hoặc nghĩa theo đuổi là nghĩa của tùy miên, như dầu ở trong hạt mè, chất nhờn trong nắm tay. Hoặc nghĩa tùy tăng là nghĩa của tùy miên, nghĩa là đối với năm thủ uẩn, do tương ưng với đối tượng duyên nên tùy tăng. Nói tùy tăng nghĩa là tùy theo đối tượng duyên và môn tương ưng mà tăng trưởng.

Bảy thứ tùy miên như vậy đều do nơi cõi, hành tướng, bộ có sai biệt, nên thành chín mươi tám tùy miên.

Nghĩa là cõi dục do kiến khổ đoạn trừ đủ mười tùy miên, tức hữu thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh. Kiến tập đoạn trừ có bảy tùy miên, trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến, giới cấm thủ trong mười tùy miên ở trước. Kiến diệt đoạn trừ có bảy tùy miên cũng như vậy. Kiến đạo đoạn trừ có tám tùy miên, tức bảy tùy miên trước cộng thêm giới cấm thủ. Tu đạo đoạn trừ có bốn tùy miên, tức là tham, sân, mạn, vô minh.

Như vậy, ở cõi dục có ba mươi sáu tùy miên. Cõi sắc có ba mươi một tùy miên. Nghĩa là trừ năm bộ sân trong ba mươi sáu tùy miên của cõi dục. Cõi vô sắc cũng như vậy. Như thế nên có chín mươi tám tùy miên. Trong ấy tám mươi tám thứ do kiến đoạn trừ, mười thứ do tu đoạn trừ.

Có ba mươi ba tùy miên là biến hành. Nghĩa là trong mỗi mỗi cõi do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ kiến, nghi và vô minh bất cộng tương ưng với chúng. Số tùy miên còn lại đều không phải là biến hành.

Mười tám tùy miên là duyên nơi vô lậu. Nghĩa là trong mỗi mỗi cõi do kiến diệt, đạo đoạn trừ tà kiến, nghi và vô minh bất cộng tương ưng với chúng. Vì mười tám thứ này duyên nơi diệt, đạo, nên gọi là duyên nơi vô lậu, ngoài ra đều duyên nơi hữu lậu.

Ở đây, duyên nơi hữu lậu nghĩa là do tương ưng với đối tượng duyên nên tùy tăng. Duyên nơi vô lậu chỉ ở tự mình, do tương ưng nên tùy tăng.

Có chín thứ là duyên nơi vô vi. Nghĩa là trong mỗi mỗi cõi, do kiến diệt đoạn trừ tà kiến, nghi và vô minh bất cộng tương ưng với chúng. Vì duyên nơi diệt đế nên gọi là duyên nơi vô vi. Ngoài ra đều là duyên nơi hữu vi.

Mười thứ tùy miên theo thứ lớp sinh khởi. Nghĩa là trước do vô minh nên đối với đế không hiểu rõ. Tức đối với khổ không mong muốn, cho đến đối với đạo cũng không mong muốn. Do không hiểu rõ nên thứ đến là dẫn sinh nghi. Nghĩa là vừa nghe hai phẩm tà chánh là mang tâm do dự, là khổ hay không phải khổ, cho đến là đạo hay không phải đạo. Từ do dự này dẫn sinh tà kiến. Nghĩa là gặp phải bạn ác, do nghe, suy nghĩ tà, nên sinh quyết định tà, cho là không có bổ thí, không có yêu thích, không có cúng tế, cho đến nói rộng. Từ tà kiến này sinh hữu thân kiến, tức bác bỏ cho không có lý khổ trong năm thủ uẩn, nên chấp là có ngã, hoặc có ngã sở. Từ thân kiến, biên chấp kiến sinh, tức là chấp ngã có đoạn, có thường. Từ biên chấp kiến, giới cấm thủ sinh, cho biên chấp này là có thể tịnh. Từ giới cấm thủ dẫn sinh kiến thủ, cho có thể tịnh là hơn hết. Từ kiến thủ này dẫn sinh tham, nghĩa là từ trong kiến chấp ấy có tình yêu tiếc sâu nặng. Theo tham ái này, sau đây thì dẫn sinh mạn. Nghĩa là từ trong kiến đã chấp trước sâu đậm rồi, thì ý thị sinh cao ngạo, khinh miệt người khác. Từ mạn ấy tiếp sau dẫn sinh giận dữ. Tức cậy vào kiến chấp của mình, đối với kiến chấp của người khác, tình không thể chấp nhận tất nên giận ghét. Hoặc ở nơi kiến chấp của mình trong phần vị lấy bỏ đã sinh khởi giận ghét. Mười thứ tùy miên theo thứ lớp như vậy.

Do ba nhân duyên khởi các phiền não: (1) Chưa đoạn trừ tùy miên. (2) Tác ý phi lý. (3) Cảnh giới hiện ở trước.

Do nhân nơi ba sức của cảnh giới gia hạnh nên phiền não hiện ở trước. Đây là nói đủ: Nghĩa là cũng có trường hợp chỉ dựa vào sức của cảnh giới mà phiền não khởi. Do làm não loạn khắp thân tâm cứ nối tiếp, nên gọi là phiền não. Đây tức là tùy miên.

Tùy phiền não: Tức các phiền não cũng gọi là tùy phiền não. Lại có tùy phiền não. Nghĩa là tâm sở nhiễm ô thuộc về tất cả hành uẩn khác, cùng với các phiền não đều thuộc về uẩn.

Đây lại là thế nào? Nghĩa là có vô lượng thứ, như: Cuồng, kiêu, hại, não, hận, siểm v.v... như Thánh giáo đã nói.

Cuồng: Là mê hoặc người khác.

Kiêu: Là nhiễm chấp nơi tự thân hiện có về sắc lực, dòng họ, tịnh giới, học rộng, biện tài v.v... rồi khiến tâm kiêu ngạo, tánh không biết suy xét nhìn quanh.

Hại: Là đối với kẻ khác có thể tạo bức bách, do đấy có thể hành những việc đánh, mắng.

Não: Chấp chặt những sự việc có tội, do đó không nhận lời can gián như lý.

Hận: Là ở trong sự việc của đối tượng duyên đã sinh tức giận, thường xuyên tìm xét, kết oán không bỏ.

Siểm: Là tâm cong vạy.

Sáu thứ như vậy đều từ phiền não sinh. Tương cấu ứ, thô gọi là cấu ứ của phiền não. Trong sáu thứ cấu ứ của phiền não này, hai thứ cuồng, kiêu là đẳng lưu của tham, là chủng loại tham. Hai thứ hại và hận là đẳng lưu của sân, là chủng loại sân. Cấu ứ của não là đẳng lưu của kiến thủ. Vì chấp kiến thức của mình là hơn nên gây não loạn mình và người khác. Cấu ứ của siểm là đẳng lưu của các kiến. Do các kiến gia tăng là đa phần dua nịnh, tà vạy (siểm khúc). Như nói: “Dua nịnh tà vạy là các ác kiến”.

Những cấu ứ này và triền cùng các nhiễm ô khác thuộc về hành uẩn. Các tâm sở pháp vì từ phiền não sinh, nên đều gọi là tùy phiền não.

Triền có mười thứ: Hôn trầm, thù miên, trạo cử, ô tác, tật, xan, vô tâm, vô quý, phần, phú.

Thân tâm nối tiếp nhau, không có tánh gắng nhận, gọi là hôn trầm. Là nghĩa tối tăm, nặng nề, không thể nhận giữ. Thân tâm nối tiếp nhau khiến tâm tối tăm, yếu ớt, gọi là thù miên. Thù miên này được gọi là triền, vì chỉ dựa vào nhiễm ô.

Trạo cử: Là khiến tâm không vắng lặng. Tự thể ghét bỏ điều đã làm gọi là ô tác. Có tâm sở riêng duyên nơi ô tác sinh, nên lập tên ô tác, là nghĩa nhớ lại, hối hận. Ở đây thể của quả tạm đặt tên nhân. Như duyên nơi hư không gọi là không, duyên nơi bất tịnh gọi là bất tịnh.

Thế gian cũng lấy xứ sở để nói. Dựa nơi xứ, như nói: Tất cả thôn, ấp đến.... Ở đây, được lập tên triền cũng chỉ dựa vào nhiễm ô.

Hai tướng tật và xan, như đã nói trong kiết.

Đối với các công đức và người có đức, khiến tâm không cung kính, gọi là vô tâm (không hổ), tức là pháp đối ngược với cung kính.

Ở trong các tội không thấy sợ hãi gọi là vô quý (không thẹn). Có thể chiêu cảm nẻo ác, bị thiện tri thức quở trách nói là tội.

Trừ sân và hại, đối với tình, phi tình, khiến tâm phát khởi giận dữ, gọi là phần.

Che giấu tội lỗi của mình, gọi là phú.

Mười điều này trói buộc thân tâm nối tiếp nhau, nên gọi là triền.

Ở đây, hôn trầm, thù miên, vô quý là đẳng lưu của vô minh. Ô tác là đẳng lưu của nghi. Vô tâm, xan, trạo cử là đẳng lưu của tham. Tật, phần là đẳng lưu của sân. Phú là đẳng lưu của vô minh và tham.

Hành tướng của các tâm sở pháp là vi tế. Mỗi mỗi nối tiếp, phân biệt hãy còn khó, hưởng chi nơi một sát-na cùng thời mà có. Người

trí tinh tế, vi diệu, dựa vào lời Đức Phật đã nói, quán quả có sai biệt để nhận biết tánh của chúng khác nhau, rồi vì các người học tuyên nói không điên đảo. Người có trí tuệ yếu kém, chưa tự mình thực hiện công việc giải thích thuận hợp những lời Phật đã giảng nói, thế nên tâm bị mê muội, rồi bài bác, hoặc nói chỉ có ba thứ, hoặc cho là hoàn toàn không có.

Lậu có ba thứ: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Phiền não và triền của cõi dục, trừ vô minh, gọi là dục lậu. Có bốn mươi một thứ là ba mươi một tùy miên và mười triền. Phiền não và triền của cõi sắc, vô sắc, trừ vô minh, gọi là hữu lậu. Có năm mươi bốn thứ là ở hai cõi trên, mỗi cõi có hai mươi sáu tùy miên và hôn trầm, trạo cử, vì đồng là vô ký, vì ở nơi môn trong chuyển và vì dựa vào địa của định. Hai cõi kết hợp lập một tên là hữu lậu. Vô minh của ba cõi gọi là vô minh lậu, có mười lăm thứ. Do vô minh là gốc của các hữu nên lập riêng lậu. Do giữ lại khiến hữu tình trụ lâu nơi ba cõi. Do ngăn trở hướng đến sự giải thoát, nên gọi là lậu. Hoặc khiến lưu chuyển từ trời Hữu đánh đến ngục Vô gián, nên gọi là lậu. Hoặc hữu lậu kia tiếp nối nhau ở sáu thứ cửa ngõ bất tịnh tiết ra không cùng, nên gọi là lậu.

Bộ lưu có bốn thứ: Dục, hữu, kiến, vô minh. Trong dục lậu trừ kiến, gọi là bộ lưu dục, có hai mươi chín thứ. Trong hữu lậu trừ kiến, gọi là bộ lưu hữu, có ba mươi thứ. Các kiến của ba cõi gọi là bộ lưu kiến, có ba mươi sáu thứ. Vô minh bất cộng tương ưng với ba cõi gọi là bộ lưu vô minh, có mười lăm thứ làm trôi nổi, cướp đoạt các sự tốt đẹp của tất cả hữu tình, nên gọi là bộ lưu. Tức như nước nơi thác nước.

Ách có bốn thứ, như nói về bộ lưu. Hòa hợp hữu tình khiến ở nơi các nẻo, các loài, ở các địa thọ nhận khổ, nên gọi là ách. Là nghĩa hòa hợp, khiến thọ nhận vô số thứ khổ nhẹ, nặng.

HẾT - QUYỂN THƯỢNG

LUẬN NHẬP A TỶ ĐẠT MA

QUYÊN HẠ

Thủ có bốn thứ: (1) Dục thủ. (2) Kiên thủ. (3) Giới cấm thủ. (4) Ngã ngữ thủ.

Tức bộc lưu dục thêm vô minh, gọi là dục thủ. Có ba mươi bốn thứ là tham, sân, mạn, vô minh, mỗi thứ đều có năm, nghi có bốn, triền có mười. Bộc lưu hữu thêm vô minh, gọi là ngã ngữ thủ. Có bốn mươi thứ là tham, mạn, vô minh, mỗi thứ có mười, nghi có tám thứ và hôn trầm, trạo cử. Trong các kiến, trừ giới cấm thủ, số còn lại gọi là kiến thủ, có năm mươi thứ. Giới cấm thủ gọi là giới cấm thủ, có sáu thứ. Do nơi xứ riêng này là oán đối của Thánh đạo. Do cùng đối gạt cả hai chúng tại gia, xuất gia, nên ở trong năm kiến đã lập riêng thủ. Nghĩa là chúng tại gia do sự đối gạt này, nên chấp tự nhin đối, chỉ hợp không khí và từ đỉnh núi cao gieo mình xuống v.v... là thiên đạo. Các chúng xuất gia, do sự đối gạt ấy nên chấp cho bỏ cảnh đáng yêu thích, được công đức của khổ hạnh, là được đạo tịnh.

Nghĩa củi là nghĩa của thủ. Tức có thể khiến lửa nghiệp đốt cháy nối tiếp nhau mà sinh trưởng. Như vì có củi nên lửa mới được cháy bùng. Như vậy, vì có phiền não nên nghiệp của hữu tình mới được sinh trưởng.

Lại, nghĩa mãnh liệt là nghĩa của thủ. Hoặc nghĩa buộc gói chặt là nghĩa của thủ. Như con tằm ở nơi kén tự trói buộc rồi chết.

Như vậy, hữu tình bị bốn thủ buộc chặt, trôi lăn trong sinh tử, mất hết tuệ mạng.

Sự trôi buộc thân có bốn thứ: (1) Tham dục trôi buộc thân. (2) Giận dữ trôi buộc thân. (3) Giới cấm thủ trôi buộc thân. (4) Chấp thân này có thật trôi buộc thân. Năm bộ tham của cõi dục, gọi là sự trôi buộc thân thứ nhất (Tham dục trôi buộc thân). Năm bộ sân gọi là sự trôi buộc thân thứ hai. Sáu giới cấm thủ gọi là sự trôi buộc thân thứ ba. Mười hai kiến thủ gọi là sự trôi buộc thân thứ tư. Các thứ phiền trôi buộc hữu tình, vì tự trôi buộc lấy mình, nên gọi là trôi buộc thân. Đây là nghĩa như lưới giăng vây buộc thân hữu tình.

Cái có năm thứ: (1) Cái tham dục. (2) Cái sân hận. (3) Cái hôn trầm thù miên. (4) Cái trạo cử ố tác. (5) Cái nghi.

Năm bộ tham của cõi dục, gọi là cái thứ nhất. Năm bộ sân, gọi là cái thứ hai. Hôn trầm và thù miên bất thiện của cõi dục, gọi là cái thứ ba. Trạo cử và ố tác bất thiện, gọi là cái thứ tư. Bốn bộ nghi của cõi dục, gọi là cái thứ năm. Do ngăn che Thánh đạo cùng lia dục nhiễm và hai thứ căn thiện gia hạnh này, nên gọi là cái.

Trước đã nói các cõi, các nẻo, các sinh, các địa. Về sự việc thọ nhận khổ nên nói.

Thế nào là cõi (Giới), nẻo (Thú) sinh (Loài), địa?

Cõi có ba thứ: Cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc.

Cõi dục có hai mươi xứ: Là tám địa ngục lớn: (1) Đẳng hoạt. (2) Hắc thăng. (3) Chúng hợp. (4) Hào khiêu. (5) Đại hào khiêu. (6) Viêm nhiệt. (7) Đại Viêm nhiệt. (8) Vô gián. Cùng với bàng sinh, quý giới là mười. Người có bốn châu: (1) Thiệt bộ châu. (2) Thắng thân châu. (3) Ngưu hóa châu. (4) Câu lô châu. Có sáu trời Dục: (1) Tứ Đại vương chúng thiên. (2) Tam Thập Tam thiên. (3) Dạ Ma thiên. (4) Đổ Sử Đa thiên. (5) Lạc Biến Hóa thiên. (6) Tha Hóa Tự Tại thiên. Hợp chung là hai mươi xứ.

Cõi sắc có mười sáu xứ: Tĩnh lự thứ nhất có hai xứ: Phạm Chúng thiên, Phạm Phụ thiên. Tĩnh lự thứ hai có ba tầng trời: (1) Thiểu Quang thiên. (2) Vô Lượng Quang thiên. (3) Cực Quang Tịnh thiên. Tĩnh lự thứ ba có ba tầng trời: (1) Thiểu Tịnh thiên. (2) Vô Lượng Tịnh thiên. (3) Biến Tịnh thiên. Tĩnh lự thứ tư có tám tầng trời: (1) Vô Vân thiên. (2) Phước Sinh thiên. (3) Quảng Quả thiên. (4) Vô Phiền thiên. (5) Vô Nhiệt thiên. (6) Thiện Hiện thiên. (7) Thiện Kiến thiên. (8) Sắc Cứu Cánh thiên. Hợp chung là mười sáu xứ.

Vì Đại Phạm, Vô Tướng không có xứ sở riêng, nên không phải là mười tám.

Cõi vô sắc tuy không có xứ sở trên dưới nhưng có bốn thứ xứ sinh khác nhau: (1) Không vô biên xứ. (2) Thức vô biên xứ. (3) Vô sở hữu xứ. (4) Phi tướng phi phi tướng xứ.

Nẻo (Thú) có năm thứ: (1) Nại lạc ca (Địa ngục). (2) Bàn sinh. (3) Quỷ giới. (4) Trời. (5) Người.

Sinh (Loài) có bốn thứ: (1) Noãn sinh. (2) Thai sinh. (3) Thấp sinh. (4) Hóa sinh.

Địa có mười một thứ: Cõi dục, tĩnh lự vị chí, tĩnh lự trung gian, bốn tĩnh lự, bốn vô sắc, là mười một địa. Cõi dục và Hữu đánh hoàn toàn là hữu lậu. Chín địa kia thì chung cả hữu lậu và vô lậu. Cõi, nẻo, sinh nói trước hoàn toàn là hữu lậu.

Trí có mười thứ: Pháp trí, loại trí, thế tục trí (Đẳng trí), tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí và vô sinh trí.

Các hành của cõi dục và nhân của các hành kia diệt. Đạo gia hạnh, đạo thắng tấn, đạo vô gián, đạo giải thoát và trí vô lậu hiện có trong địa pháp trí, gọi là pháp trí. Từ thời vô thủy đến nay, thường mang tâm chấp ngã, nay mới được thấy pháp, nên gọi là Pháp trí.

Các hành của cõi sắc, vô sắc và nhân của các hành ấy diệt. Đạo gia hạnh, vô gián, giải thoát, thắng tấn và trí vô lậu hiện có trong địa loại trí, gọi là loại trí. Vì tùy theo pháp trí sinh khởi nên gọi là Loại trí.

Các tuệ hữu lậu gọi là Thế tục trí. Trí này phần nhiều ở nơi các sự việc của thế tục, như bình, áo v.v... chuyển, nên gọi là thế tục trí. Thế tục trí có hai thứ, là nhiệm ô, không nhiệm ô.

Nhiệm ô lại có hai thứ : (1) Tánh kiến. (2) Phi tánh kiến. Tánh kiến có năm loại: Hữu thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ. Phi tánh kiến: Là tuệ tương ưng với nghi, tham, sân, mạn, vô minh, phần, hại v.v...

Không nhiệm ô cũng có hai thứ: (1) Thiện. (2) Vô phú vô ký. Vô phú vô ký: Nghĩa là không phải kiến, vì không suy lường, nên là tuệ và trí. Thiện: Như năm thức đều cùng có, cũng không phải kiến nên là tuệ và trí. Nếu ý thức đều cùng có, là chánh kiến thế tục, cũng là tuệ, cũng là trí.

Các định phát sinh trí, có thể nhận biết rõ về người khác hệ thuộc cõi dục, cõi sắc. Một phần vô lậu hiện tại giống như tâm tâm sở pháp gọi là Tha tâm trí. Trí này có hai thứ: (1) Hữu lậu. (2) Vô lậu. Hữu lậu: Là có thể nhận biết rõ tâm tâm sở pháp của kẻ khác hệ thuộc cõi dục, cõi sắc. Vô lậu có hai thứ: (1) Phàm pháp trí. (2) Phàm loại trí. Phàm pháp trí: Nhận biết tâm tâm sở pháp của phàm pháp trí. Phàm loại trí: Nhận biết tâm tâm sở pháp của phàm loại trí. Trí này không nhận biết sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành và quá khứ, vị lai thuộc về cõi vô sắc. Tất cả tâm tâm sở thù thắng của Bồ-đặc-già-la nơi căn địa đều không thể nhận biết.

Ở phần quả của năm thủ uẩn có trí vô lậu, tạo nên hành tướng vô thường, khổ, không, vô ngã chuyển, gọi là Khổ trí.

Về phần nhân của năm thủ uẩn, có trí vô lậu, tạo hành tướng nhân tập sinh duyên chuyên, gọi là Tập trí.

Ở nơi diệt kia có trí vô lậu, tạo hành tướng diệt, tịnh, diệu, ly chuyên gọi là Diệt trí.

Ở nơi đối trị kia được đạo Niết bàn, có trí vô lậu tạo hành tướng đạo như hành xuất chuyển, gọi là Đạo trí.

Có trí vô lậu dấy khởi suy nghĩ: Khổ ta đã nhận biết. Tập ta đã đoạn. Diệt ta đã chứng. Đạo ta đã tu. Cùng với hết thảy hành tướng chuyên gọi là Tận trí.

Có trí vô lậu dấy khởi suy nghĩ: Khổ ta đã nhận biết, không còn nhận biết nữa. Cho đến đạo ta đã tu, không còn phải tu nữa. Cùng với hành tướng vô sinh chuyên, gọi là Vô sinh trí.

Hai trí sau vì không suy lường, nên không phải là tánh kiến. Tha tâm trí chỉ là tánh kiến. Sáu trí còn lại là chung cả tánh kiến và phi tánh kiến. Thế tục trí chỉ là hữu lậu. Tha tâm trí chung cả hữu lậu, vô lậu. Tám trí còn lại chỉ là vô lậu. Diệt trí chỉ duyên nơi vô vi. Tha tâm trí, khổ, tập, đạo trí chỉ duyên nơi hữu vi. Năm trí còn lại duyên chung nơi hữu vi, vô vi. Khổ, tập trí chỉ duyên nơi hữu lậu. Diệt, đạo trí chỉ duyên nơi vô lậu. Sáu trí còn lại duyên chung nơi hữu lậu, vô lậu.

Pháp trí ở nơi sáu địa, là bốn tĩnh lự, tĩnh lự vị chí và trung gian. Loại trí ở nơi chín địa, là sáu địa trước và ba vô sắc dưới. Tha tâm trí ở nơi bốn địa là bốn tĩnh lự. Thế tục trí ở nơi tất cả địa. Phẩm pháp trí và sáu trí còn lại là ở nơi sáu địa. Phẩm loại trí thì ở nơi chín địa.

Nhẫn có tám thứ: Pháp trí nhẫn khổ, tập, diệt, đạo và loại trí nhẫn khổ, tập, diệt, đạo. Tám nhẫn này có thể dẫn sinh trí quyết định và tuệ thù thắng. Do nhẫn có thể đạt được lý của bốn Thánh đế như khổ v.v... nên gọi là nhẫn. Trong các nhẫn, tám nhẫn này chỉ là nhẫn quán sát pháp, là kiến và tuệ, không phải là tự tánh của trí.

Nghĩa quyết định là nghĩa của trí. Ý lạc suy lường của tám nhãn này chưa dứt. Vì chưa có thể thâm định, quyết đoán, nên không gọi là trí. Khổ pháp trí nhãn cùng với mười tùy miên của cõi dục do kiến khổ đoạn trừ được cùng diệt thì khổ pháp trí được cùng sinh với sự đoạn trừ kia.

Nhẫn là đạo vô gián, trí là đạo giải thoát, cùng đối trị mười thứ tùy miên ở cõi dục do kiến khổ đoạn trừ. Như có hai người: Một người ở trong nhà đuổi giặc ra. Một người thì đóng cửa lại không cho chúng vào nữa. Khổ loại trí nhãn cùng với mười tám thứ tùy miên của cõi sắc, vô sắc do kiến khổ đoạn trừ được cùng diệt, thì khổ loại trí cùng với sự đoạn trừ kia được cùng sinh. Phần còn lại như trước đã nói.

Bốn tâm như vậy có thể ở nơi khổ đế của ba cõi hiện quán. Nơi tập, diệt, đạo đều có bốn tâm, nên biết cũng như vậy. Mười sáu tâm này có thể ở nơi bốn đế của ba cõi hành hiện quán đoạn trừ tám mươi tám kiết do kiến đạo đoạn trừ đắc quả Dự lưu. Mười thứ tùy miên còn lại do tu đạo đoạn trừ. Nghĩa là cõi dục có bốn thứ, cõi sắc, cõi vô sắc, mỗi cõi có ba thứ, thành mười. Bốn thứ của cõi dục ví như bó lau được phân ra làm chín, nghĩa là từ thượng thượng cho đến hạ hạ. Đạo đối trị kia là vô gián, giải thoát cũng có chín phẩm. Tức là đạo của phẩm hạ hạ có thể đối trị tùy miên của phẩm thượng thượng. Cho đến đạo của phẩm thượng thượng có thể đối trị tùy miên của phẩm hạ hạ. Lúc sáu phẩm tùy miên đoạn hết là được quả Nhất lai. Khi chín phẩm tùy miên đoạn hết là được quả Bất hoàn.

Như cõi dục có bốn thứ được phân ra làm chín phần, cũng có chín phẩm là đạo vô gián, đạo giải thoát đều là chủ thể đối trị. Cõi sắc, vô sắc đều có bốn địa, trong mỗi mỗi địa chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị đều có chín phẩm, nên biết cũng như vậy. Lần lượt đoạn trừ tùy miên của tám địa kia, cho đến khi đoạn hết phẩm hạ hạ của cõi Hữu danh là được quả A-la-hán. Ở giữa bốn quả, các đạo

hiện có và kiến đạo ở trước, gọi là bốn hướng. Tùy theo ở nơi quả nào trước, gọi là hướng của quả đó.

Như vậy có tám Bồ-đặc-già-la là hành bốn hướng và trụ bốn quả. Như thế hướng quả là do phần riêng biệt của chủng tánh nên có sáu thứ, là chủng tánh của phàm phu độn căn, lợi căn. Nếu nhập nơi mười lăm khoảnh tâm của kiến đạo, gọi là Tùy tín hành và Tùy pháp hành, tức hai thứ này đã đến vị tu đạo. Nghĩa là từ tâm thứ mười sáu cho đến định kim cang dụ, gọi là Tín thắng giải và Kiến chí, tức hai thứ này đã đến vị vô học. Từ tận trí ban đầu, cho đến tâm sau cùng, gọi là Thời giải thoát và Bất thời giải thoát v.v... Đó là những chủng loại sai biệt của tâm sở nên có vô lượng thứ.

Vì dựa vào tâm mà có, nên gọi là tâm sở pháp, cũng như ngã sở. Tâm sở như vậy gọi là hành tương ưng.

Hành bất tương ưng là cùng với hành tương ưng này trái nhau. Nghĩa là các đặc v.v... Đặc là xung nói pháp có, tức pháp của nhân có ba thứ: (1) Tịnh. (2) Bất tịnh. (3) Vô ký. Tịnh nghĩa là tín v.v... Bất tịnh nghĩa là tham v.v... Vô ký nghĩa là tâm biến hóa v.v... Nếu thành lập pháp này gọi là pháp có. Tức xung nói pháp này là nhân nhất định, gọi là đắc được thành tựu. Nếu đắc không có thì lúc phiên nào như tham v.v... hiện khởi ở trước, hàng hữu học đã không có tâm vô lậu, nên không phải là Thánh. Nếu phàm phu khởi tâm thiện, vô ký, bấy giờ nên gọi là kẻ đã lìa nhiễm. Lại, các Thánh so với các phàm phu không có đắc của Niết bàn, vì cùng giống nhau nên cùng gọi là phàm phu, hoặc cùng gọi là Thánh. Như bậc Pháp vương nói: “Khởi đắc thành tựu mười pháp vô học, nên gọi là Thánh, vĩnh viễn đoạn năm chi”, cho đến nói rộng.

Lại, như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô nên biết! Nếu có người thành tựu pháp thiện, bất thiện, Ta nhận thấy các loại hữu tình như vậy, pháp thiện, bất thiện trong tâm họ cùng nối tiếp được (Đắc) tăng trưởng vô biên”. Và Ngài còn nói như vậy: “Các ông Bí-sô, không

nên so sánh về chỗ sự hơn, kém của hữu tình. Không nên vọng chấp về lượng cạn sâu nơi đức của các Bồ-đặc-già-la”, cho đến nói rộng.

Thế nên biết ngoài pháp nhất định có *đắc* thật. Đắc này có hai thứ: (1) Chưa được, đã mất, nay được. (2) Được rồi không mất, nay thành tựu.

Nên biết phi đắc là trái với đây. Vậy có đắc, phi đắc ở trong pháp nào? Tức ở nơi sự nối tiếp của mình và trong hai diệt thì có đắc, phi đắc, không phải là sự nối tiếp của người khác, vì không có pháp thành tựu ở thân người khác. Không phải là ở nơi không nối tiếp, vì không có sự thành tựu pháp phi tình. Cũng không phải là hư không, vì không có sự thành tựu hư không. Do đắc kia không có thì phi đắc cũng không có.

Đắc có ba loại: (1) Đắc như bóng theo hình. (2) Đắc như bò chúa dẫn đi trước. (3) Đắc như ghé con theo sau.

Pháp đắc thứ nhất phần nhiều như pháp vô phú vô ký. Pháp đắc thứ hai phần nhiều như lúc ở địa trên mắt, sinh nơi cõi dục, lúc kiết sinh, đắc pháp thiện của cõi dục. Pháp đắc thứ ba phần nhiều như tuệ do văn, tư tạo thành v.v... trừ đắc cùng sinh và đắc còn lại.

Trong đây, nên nêu tóm tắt về Tỳ-bà-sa. Nghĩa là sắc thiện, bất thiện thuộc cõi dục, không có đắc của đời trước, chỉ có đắc cùng sinh và đắc theo sau, trừ thông tuệ của mắt, tai và tâm có thể biến hóa, cùng trừ phần ít, hoặc là đường oai nghi, hoặc là xứ công xảo, người thường xuyên hành tập. Tất cả pháp vô phú vô ký khác và biểu sắc của hữu phú vô ký chỉ có đắc cùng sinh. Vì uy lực yếu kém nên không có đắc trước sau. Các pháp khác, mỗi mỗi pháp đều có đắc trước sau và cùng sinh.

Đắc của pháp thiện chỉ là thiện. Đắc của pháp bất thiện chỉ là bất thiện. Đắc của pháp vô ký chỉ là vô ký. Đắc của pháp cõi dục chỉ là cõi dục. Đắc của pháp cõi sắc chỉ là cõi sắc. Đắc của pháp cõi vô

sắc chỉ là cõi vô sắc. Đắc của pháp vô lậu thì chung cho cả ba cõi và pháp vô lậu. Pháp vô lậu nghĩa là đạo đế, ba vô vi, đều cùng không hệ thuộc. Đắc của đạo đế chỉ là vô lậu. Đắc của phi trạch diệt là chung cả ba cõi. Đắc của trạch diệt tức đạo lực của cõi sắc, cõi vô sắc khởi lên, là gắn liền với cõi đó. Sức của đạo vô lậu khởi lên là vô lậu.

Đắc của pháp vô lậu nói chung có bốn thứ. Đắc của pháp học chỉ là học. Đắc của pháp vô học chỉ là vô học. Đắc của pháp phi học phi vô học có ba thứ pháp phi học phi vô học, nghĩa là các hữu lậu và hữu lậu vô vi cùng đắc của phi trạch diệt chỉ có phi học phi vô học. Đắc của trạch diệt do sức của đạo học khởi, chỉ là học. Sức của đạo vô học khởi chỉ là vô học. Sức của đạo thế gian chỉ là phi học phi vô học. Đắc của pháp do kiến đoạn trừ chỉ là kiến đoạn trừ. Đắc của pháp do tu đoạn trừ chỉ là tu đoạn trừ. Đắc của pháp không đoạn trừ có hai thứ: Là do tu đoạn trừ và không đoạn trừ. Pháp không đoạn trừ nghĩa là đạo đế và vô vi.

Đắc của đạo đế chỉ là không đoạn trừ. Đắc của phi trạch diệt chỉ là tu đoạn trừ, vì không nhiễm ô, vì là hữu lậu. Đắc của trạch diệt là sức của đạo thế gian khởi, chỉ là tu đạo đoạn. Sức của đạo vô lậu khởi chỉ là không đoạn.

Tất cả phi đắc đều chỉ thuộc về tánh vô phú vô ký, không phải như đắc trước có nghĩa sai biệt. Nhưng pháp quá khứ, vị lai, mỗi mỗi pháp đều có phi đắc của ba đời. Pháp hiện tại không có phi đắc của hiện tại, vì tánh đắc cùng với tánh phi đắc là trái nhau. Không có pháp hiện tại có thể thành tựu mà không thành tựu. Nhưng có phi đắc của quá khứ, vị lai. Cõi dục, sắc, vô sắc và pháp vô lậu, mỗi mỗi thứ đều có phi đắc của ba cõi.

Không có phi đắc là vô lậu, do trong phi đắc có tánh phạm phu. Như nói: Thế nào là tánh phạm phu? Nghĩa là không được Thánh pháp. Không được tức là tên khác của phi đắc. Lại, các phi đắc chỉ là tánh vô ký, nên không phải là vô lậu. Đã lìa nhiễm của tính lự thứ ba,

chưa lìa nhiễm của tĩnh lự thứ tư, nên tâm tâm sở của địa nơi tĩnh lự thứ tư diệt, có pháp bất tương ưng gọi là định vô tướng. Tuy diệt tất cả tâm tâm sở pháp nhưng khởi định này, chuyên là trừ tướng, nên gọi là vô tướng. Như tha tâm trí, định vô tướng này là thiện, thuộc về tĩnh lự thứ tư, chỉ không phải là Thánh. Trong sự nối tiếp đã khởi tướng cầu giải thoát, nên khởi hiện định này. Bạc Thánh đối với định ấy, như tướng về nẻo ác, thâm tâm chán lìa. Ở đây, chỉ là thuận định thọ. Nghĩa là thuận theo thứ sinh thọ, là gia hạnh đắc, không phải là lìa nhiễm đắc.

Định diệt nghĩa là đã lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, tâm tâm sở pháp của Hữu đánh diệt, có pháp bất tương ưng có thể khiến cho đại chúng bình đẳng nối tiếp, nên gọi là định diệt, là thuộc về gia hạnh thiện của địa Hữu đánh. Hoặc thuận theo thứ sinh thọ, hoặc thuận theo hậu thứ thọ, hoặc thuận theo bất định thọ. Khởi hiện định này rồi, chưa được dị thực liền nhập Niết bàn, nên là bất định thọ.

Định này có thể chiêu cảm dị thực của bốn uẩn trong địa Hữu đánh, vì cõi kia là vô sắc. Thánh giả có thể khởi hiện không phải là các phàm phu, tức do sức của Thánh đạo mới khởi định ấy. Thánh giả vì cầu được hiện pháp lạc trụ nên khởi định này. Phàm phu đối với định ấy thì sợ hãi về đoạn diệt, do không có sức của Thánh đạo, nên không thể khởi. Thánh giả đối với định này do gia hạnh đắc, không phải là lìa nhiễm đắc. Chỉ có Đức Phật Thế Tôn đối với định diệt này gọi là lìa nhiễm đắc. Lúc được tận trí đầu, đã ở nơi định này có thể khởi tự tại, nên gọi là đắc. Công đức của chư Phật không do gia hạnh mà tùy theo tâm mong muốn, tức thì khởi hiện ở trước. Nếu sinh trong cõi trời vô tướng hữu tĩnh, có pháp có thể khiến tâm tâm sở diệt, gọi là sự vô tướng, là vật thực có, là quả dị thực của định vô tướng, gọi là dị thực sinh, thuộc về tánh vô ký. Tức trong trời quảng quả có một xứ thù thắng như tĩnh lự trung gian, gọi là Vô tĩnh thiên, lúc sinh, lúc chết đều cùng có tâm tướng. Vì trung gian không có, nên

lập tên Vô tướng. Lúc vị trời kia sắp chết, như giấc ngủ lâu khi thức dậy thì trở lại khởi tâm tưởng. Khởi rồi không lâu thì mạng chung, sinh ở cõi dục. Người sắp sinh nơi cõi dục kia tất có thuận với nghiệp quyết định của hậu thứ thọ thuộc cõi dục. Như người sắp sinh ở châu Bắc-câu-lô kia tất có thể chiêu cảm nghiệp sinh lên cõi trời.

Nghiệp trước đã dẫn phát nhân của sáu xứ nối tiếp không gián đoạn. Dựa vào nay nên thiết lập bốn thứ sinh trong năm nẻo. Đó gọi là mạng căn, cũng gọi là thọ mạng, nên Đối pháp nói: Thế nào là mạng căn? Nghĩa là thọ mạng của ba cõi. Thọ mạng này có thật thể, có thể duy trì noãn, thức. Như Già-tha nói:

*Thọ, noãn cùng với thức
Lúc ba pháp bỏ thân.
Đã bỏ thân cứng ngã
Như cây không suy biết.*

Khế kinh cũng nói: Thọ nhận dị thực rồi gọi là Na-lạc-ca, cho đến phi tướng phi phi tướng xứ, nên biết cũng như thế. Nếu mạng căn khác thì không có pháp riêng, mà thuộc về căn tánh ở khắp cả ba cõi. Trong một thời kỳ nối tiếp không gián đoạn, có thể dựa vào sự thiết lập bốn sinh trong năm nẻo. Sinh nơi cõi vô sắc, khởi từ tâm thiện nhiễm ô của địa trên, hoặc khi khởi tâm vô lậu của địa dưới, thì dựa vào sự thiết lập nào? Hóa sinh nơi nẻo trời, lúc khởi thiện, nhiễm ô, tức nên gọi là chết? Nếu khởi vô ký, tức nên gọi là sống? Bác bỏ cho không có mạng căn tức có lỗi lớn này.

Các loại hữu tình đồng tạo sự nghiệp, đồng là nhân của sự ưa muốn, nên gọi là Chúng đồng phận. Chúng đồng phận này lại có hai thứ: (1) Không sai biệt. (2) Có sai biệt. Không sai biệt: Nghĩa là các hữu tình đều có ngã ái, đồng nhờ vào thức ăn, sự ưa muốn giống nhau. Nhân bình đẳng này được gọi là chúng đồng phận. Bên trong mỗi mỗi thân đều riêng có một. Có sai biệt: Nghĩa là các hữu tình nơi

cõi, địa, nẻo, sinh, chủng tánh, nam nữ, cận sự, Bí-sô, học, vô học v.v..., theo chủng loại có sai biệt, trong mỗi mỗi thân đều có đồng sự nghiệp, cùng với nhân ưa muốn nhất định gọi là chúng đồng phận. Nếu không có chúng đồng phận này thì Thánh không phải là Thánh, cùng như ngôn thuyết của thế tục nên đều tạp loạn.

Các tánh phạm phu và đồng phận phạm phu có gì sai biệt? Vì đồng nhân ưa muốn v.v... nên gọi phạm phu kia là đồng phận.

Tánh phạm phu: Nghĩa là có thể tạo tất cả nhân không có nghĩa lợi. Như Khế Kinh nói: Bí-sô nên biết! Ta nói ngu phu không đồng với phạm phu. Không có phần ít nghiệp ác bất thiện nào mà chúng không thể gây tạo. Lại như Đức Thế Tôn nói: Nếu đến trong người thì được đồng phận của người không phải là tánh phạm phu, do nơi lúc chết, sống có nghĩa bỏ và được. Vì vậy, tánh phạm phu khác với đồng phận.

Lúc các pháp sinh là đã có lực của nhân bên trong, khiến pháp kia đạt được đều có công năng riêng. Tức nhân bên trong này gọi là tướng sinh. Nghĩa là nhân sinh pháp, gồm có hai thứ: (1) Trong. (2) Ngoài. Trong là tướng sinh. Ngoài là sáu nhân, hoặc là tánh của bốn duyên. Nếu không có tướng sinh thì các pháp hữu vi tức nên như hư không v.v..., tuy có đủ nhân duyên bên ngoài cũng không có nghĩa sinh. Hoặc tức nên hư không v.v... cũng có nghĩa có thể sinh, thành tánh hữu vi, là lỗi lầm lớn. Do đó nên biết, có tướng sinh riêng, có thể dẫn đến quả riêng.

Tạm thời trụ nơi nhân gọi là tướng trụ. Nghĩa là nơi pháp hữu vi lúc tạm trụ đều có uy lực, có thể dẫn đến quả riêng khiến tạm thời trụ. Nhân bên trong của uy lực dẫn đến quả riêng này gọi là tướng trụ. Nếu không có tướng trụ ấy, thì các pháp hữu vi trong lúc tạm trụ, tức nên cũng không thể dẫn đến quả riêng. Do vậy nên biết có tướng trụ riêng.

Lão, nghĩa là sự suy tổn nơi công năng dẫn đến quả, khiến cho công năng kia không thể lần nữa dẫn đến quả riêng. Nghĩa là pháp hữu vi nếu không có tướng khác thì công năng bị suy tổn, do duyên gì mà không thể dẫn đến quả riêng, rồi lại không dẫn nữa? Đã dẫn rồi, lại dẫn nữa, tức nên thành vô cùng. Nếu như vậy lại nên không phải là tánh sát-na. Do đây nên biết riêng có tướng khác.

Vô thường, nghĩa là công năng gây tổn hại rồi, tức khiến pháp hiện tại nhập nơi nhân quá khứ. Nghĩa là có pháp riêng gọi là tướng diệt, khiến từ hiện tại rơi vào quá khứ. Nếu không có tướng diệt này, thì pháp tức nên không diệt. Hoặc hư không v.v... cũng có nghĩa diệt. Tướng hữu vi của bốn hữu vi ấy, nếu có bốn tướng hữu vi này nên gọi là hữu vi, không phải là hư không v.v... Nhưng Đức Thế Tôn nói: Có tướng hữu vi của ba hữu vi. Hữu vi sinh khởi cũng có thể nhận biết rõ. Tận, trụ, dị cũng có thể nhận biết rõ. Vì được hóa sinh nên nhầm chán hữu vi. Như chỉ rõ hắc nhĩ cùng với cát tường kết hợp. Hai tướng trụ, dị hợp lại nói là một. Thế nên nhất định có bốn tướng hữu vi. Không phải tức đối tượng tướng là thể của pháp hữu vi. Vì nếu tức đối tượng tướng là thể của pháp hữu vi, tất như thể của đối tượng tướng cùng với chủ thể tướng là một, và chủ thể tướng cũng nên lần lượt không khác. Nếu như vậy thì khi các pháp diệt tức nên sinh, lúc sinh tức nên diệt, hoặc hoàn toàn không sinh.

Bốn tướng gốc này là hữu vi, như pháp của đối tượng tướng có bốn tùy tướng là sinh sinh, cho đến diệt diệt. Nhưng không phải là vô cùng, do bốn tướng gốc này, mỗi tướng đều có tám pháp tùy tướng của tướng gốc. Vì chỉ có thể mỗi tướng sinh một. Nghĩa là lúc pháp sinh thì cùng với chín pháp tự thể kia đều khởi. Tự thể là một tướng và tám tùy tướng. Trong tướng gốc sinh, trừ tự thể kia, tức sinh ra tám pháp còn lại. Trong tùy tướng sinh thì ở trong chín pháp chỉ sinh ra từ sinh gốc, vì uy lực yếu kém. Tướng trụ, dị, diệt, nên biết cũng như vậy. Tướng gốc dựa vào pháp, tùy tướng dựa nơi tùy tướng. Vì

pháp nhân nơi tướng, nên có được tác dụng. Tướng nhân nơi tùy tướng nên có được tác dụng.

Thế nào là tác dụng? Nghĩa là sinh, trụ, di, diệt.

Đối tượng sinh: Nghĩa là công năng dẫn đến quả, nên thể của pháp hữu vi tuy luôn có nhưng dụng thì không thường còn. Chỉ tạm nhờ sức của nhân trong ngoài của bốn tướng ấy mà dụng được thành, nên gọi là danh thân, cú thân, văn thân v.v... Nghĩa là dựa vào ngôn ngữ sinh khởi như trí mang theo nghĩa và ảnh tượng để hiện bày. Chủ thể giảng giải (Năng thuyết) về tự nghĩa gọi là danh cú văn, tức là đề mục khác của tướng chương tự. Như nhãn thức v.v... dựa vào mắt v.v... sinh, là nghĩa mang theo sắc v.v... và ảnh tượng để hiện bày. Danh v.v... của chủ thể phân biệt rõ về tự cảnh cũng như vậy. Không phải tức ngôn âm gần nơi nghĩa của chủ thể giảng giải. Đừng cho khi nói lửa liền bị cháy ở miệng. Tức cần dựa vào lời nói thì tên gọi như lửa v.v... mới sinh, do tên gọi như lửa v.v... giải thích rõ về nghĩa của lửa v.v...

Thuyết, nghĩa là có thể ở nơi nghĩa làm rõ khiến sinh tuệ hiểu biết của người khác, không phải cùng với nghĩa, vì âm thanh có chất ngại.

Các nhà Ký luận chấp âm thanh là thường còn. Vì lý không thành, tức không nên lìa ngoài ba thứ: Danh, cú, văn này để có thể chấp có pháp là chủ thể giảng giải về nghĩa. Nhưng chỗ giống nhau của bốn thứ pháp là đồng một tướng: (1) Âm thanh. (2) Danh. (3) Nghĩa. (4) Trí.

Trong đây, *danh* là tướng như sắc v.v... *Cú* là nghĩa rất ráo của chủ thể giảng giải. Như nói: Bài tụng: “Các ác chớ làm v.v...”. Thế gian cũng nói: “Đề-bà-đạt-đa lừa bò trắng đến, vắt lấy hết sữa v.v...”.

Văn tức là hợp nhất các chữ lại v.v... Ba thứ này đều tập hợp riêng theo đồng loại, nói là *Thân*. Như bậc Đại Tiên nói: “Bí-sô nên

biết! Như Lai xuất hiện ở thế gian nên có danh thân, cú thân, văn thân, có thể nhận biết rõ. Nghĩa là ý nói uẩn, xứ, giới của đế thật. Các pháp như quả Sa-môn duyên khởi v.v... là danh, cú, văn thân”.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Như Lai đã được các thứ danh, cú, văn thân kia”. Nghĩa là ý nói Như Lai đạt được các thứ pháp bất cộng của Phật như danh, cú, văn thân v.v... kia. Tức nghĩa loại có sai biệt trong đây, là cú nghĩa của các hành, đều như đây nên biết.

Cú nghĩa của thức: Tức phân biệt nhận biết chung về sự việc nơi cảnh như sắc v.v... gọi là thức. Nghĩa là ở trong sáu thứ cảnh như sắc v.v..., do sự giúp đỡ của các căn như mắt v.v... nên khởi tác dụng hiện tại. Chỉ phân biệt chung về sự cảnh như sắc v.v..., gọi là thức. Nếu có thể phân biệt về tướng sai biệt, tức gọi là các tâm sở pháp như thọ v.v... Thức không có dụng kia, chỉ làm nơi nương dựa. Dụng của thức chỉ ở nơi đời hiện tại có một khoảnh sát-na để có thể phân biệt nhận biết. Thức này cũng gọi ý, cũng gọi là tâm, cũng là nêu đặt bản sự của hữu tình, ở nơi cảnh như sắc v.v... phân biệt nhận biết, là dụng.

Do căn cảnh riêng khác nên thiết lập sáu thức, gọi là nhãn thức cho đến ý thức. Trong kinh Đức Phật đã tự nói về tướng của thức kia. Nghĩa là do có thể phân biệt nhận biết nên lập tên thức. Vì vậy nên biết, phân biệt nhận biết là tướng.

Trước ở trong phần xét chọn tướng hữu vi đã nói về nhân của pháp sinh gồm có hai thứ: (1) Trong. (2) Ngoài. Trong là tướng sinh, ngoài là sáu nhân. Hoặc là tánh của bốn duyên. Nay nên xét chọn.

Thế nào là nhân duyên? Nhân có sáu thứ: (1) Nhân tương ưng. (2) Nhân câu hữu. (3) Nhân đồng loại. (4) Nhân biến hành. (5) Nhân dị thực. (6) Nhân năng tác.

Tâm tâm sở pháp lần lượt tương ưng với nhau, đồng nhận lấy một cảnh, gọi là Nhân tương ưng. Như tâm cùng với thọ v.v... Thọ

v.v... cùng với thọ v.v.. Thọ v.v... lại cùng với tâm. Điều trừ tự tánh của chúng.

Các pháp hữu vi lại cùng làm quả lẫn nhau. Hoặc đồng một quả, gọi là Nhân câu hữu, như chủ thể tướng, đối tượng tướng của các đại chủng. Tâm tâm tùy chuyển lại cùng hướng về nhau.

Hai nhân riêng: Như các thương nhân, nhờ ra sức hỗ trợ nhau, nên có thể vượt qua chặng đường nguy hiểm, đó là Nhân câu hữu. Các thức ăn uống đều lần lượt được dùng là nghĩa đồng, là Nhân tương ưng.

Tâm tùy chuyển: Nghĩa là các tâm sở và các tính lự, luật nghi vô lậu, các tướng hữu vi, vì những pháp ấy đều cùng có với tâm, gắn vào một đời, một khởi, một trụ, một diệt, một quả, một đẳng lưu, một dị thực, đồng nhân thiện, bất thiện, vô ký. Do mười nhân này nên gọi là tâm tùy chuyển. Các pháp của đời trước thuộc tự bộ, tự địa, như pháp chủng tử cùng với pháp sau tương tự là Nhân đồng loại. Các pháp biến hành của đời trước kia thuộc tự địa, cùng với pháp nhiệm của đời sau, là Nhân biến hành. Tất cả pháp bất thiện, thiện hữu lậu cùng với dị thực của mình làm Nhân dị thực. Lúc các pháp sinh, trừ tự tánh của chúng, lấy tất cả pháp làm Nhân năng tác, hoặc chỉ là không chướng ngại, hoặc có thể sinh.

Sáu nhân như vậy đều lấy tất cả pháp hữu vi làm quả, vì là đối tượng sinh. Nghĩa là nhân tương ưng, nhân câu hữu được quả Sĩ dụng. Do uy lực này, nên quả kia được sinh. Đây gọi là sĩ dụng, kia gọi là quả.

Nhân đồng loại, nhân biến hành được quả Đẳng lưu. Vì quả giống với nhân, nên nói là đẳng. Vì từ nhân sinh nên lại nói là lưu. Quả tức đẳng lưu, nên gọi là quả Đẳng lưu.

Nhân dị thực được quả Dị thực. Vì quả không giống nhân nên nói là dị thực. Nghĩa là vì thành thực, có thể thọ dụng. Quả tức dị thực nên gọi là quả dị thực, chỉ thuộc về số hữu hình, là tánh vô phú vô ký.

Nhân năng tác được quả tăng thượng. Do sức tăng thượng này nên quả kia được sinh. Như nhân căn v.v... đối với nhân thức v.v... và như nông phu v.v... đối với sự việc gieo cấy thu hoạch v.v... Do tăng thượng trước pháp sau được sinh. Quả của tăng thượng gọi là quả tăng thượng.

Trạch diệt vô vi gọi là quả Ly hệ. Quả này do đạo đạt được, không phải từ đạo sinh. Quả tức lìa mọi hệ thuộc (Ly hệ), gọi là quả Ly hệ.

Duyên có bốn thứ: Nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên.

Ngoại trừ nhân năng tác, năm nhân còn lại gọi là Nhân duyên. Tâm tâm sở pháp trong quá khứ, hiện tại, trừ tâm sau cùng v.v... của A-la-hán, gọi là Đẳng vô gián duyên. Tất cả pháp gọi là Sở duyên duyên. Tánh của nhân năng tác gọi là Tăng thượng duyên.

Dung chứa vật có chướng ngại là tướng của hư không. Nhờ ở sức tăng thượng này nên vật kia được sinh, khả năng có đối tượng dung nạp là tánh của hư không. Nếu không có tánh này thì các vật có chướng ngại, tức nên không được sinh, vì không có chỗ dung chứa. Như Đức Thế Tôn nói: Phạm chí nên biết! Gió dựa vào hư không. Bà-la-môn nói: Hư không dựa vào đâu? Đức Phật lại bảo: Ông hỏi phi lý. Vì hư không không sắc, không thấy, không đối, thì nên dựa vào chỗ nào? Nhưng có hư không sáng tỏ, có thể hiểu được, nên biết là thật có hư không vô vi. Thế này nếu không có thì gió dựa vào đâu để trụ? Như nói vô sắc v.v... thì lời nói dựa vào đâu? Nhân có sáng tỏ thì phân biệt nhận biết những thứ gì? Nhận biết rõ về lông rùa v.v... vì không nhân nơi gì để so sánh.

Các khổ vĩnh viễn đoạn trừ gọi là trạch diệt. Thế nào là các khổ? Là các sự sống, chết. Như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô nên biết! Các hữu nếu sinh tức nói là khổ”. Các hữu tức là tên riêng của sinh tử. Hữu nếu không sinh, gọi là khổ vĩnh viễn đoạn trừ. Như đê ngăn nước, như vách tường chắn gió, khiến khổ không sinh, gọi là trạch diệt.

Trạch nghĩa là lựa chọn, tức là tuệ thiện thù thắng, là ở nơi bốn Thánh đế thường xuyên lựa chọn, phân biệt. Vì khổ kia đã được diệt, nên lập tên Trạch diệt. Trạch diệt này tùy theo thể của đối tượng đoạn có vô lượng, do số lượng của pháp nơi đối tượng đoạn là vô biên. Nếu thể là một, thì đạo ban đầu đã đạt được, tu các đạo sau tức trở nên vô dụng. Nếu nói lần đầu chứng đắc phần ít, không phải toàn phần, tức một thể diệt, nên có nhiều phần. Một thể có nhiều phần là trái với lý. Tùy theo pháp hữu lậu nên có từng ấy số lượng. Trạch diệt vô vi nên biết cũng như vậy.

Nói như vậy là tốt, vì hợp với chánh lý. Ở đây tùy thuận nơi đạo nên lập riêng tám mươi chín thứ. Tùy theo đoạn biến tri để lập thì có chín thứ. Nếu tùy theo năm bộ để lập tức có năm thứ.

Lại nữa, tùy theo quả có sai biệt lập chung bốn thứ, nghĩa là Dự lưu v.v... Do giới (cõi) đoạn, lia, diệt, nên lập riêng ba thứ. Do đoạn trừ khổ, tập và hữu dư y, vô dư y có sai khác mà lập chung hai thứ. Căn cứ theo sinh tử được đoạn trừ lập chung là một.

Như vậy, trạch diệt có nhiều tên khác, nghĩa là tận, ly, diệt, Niết-bàn v.v... Như Nhân Kinh nói: Bí-sô nên biết! Bốn uẩn vô sắc và nhãn, sắc v.v..., gọi chung là người. Trong đó, giả tưởng nói là hữu tình, cũng gọi là ý sinh, cũng gọi là người, Ma-nạp-bà v.v... Nơi số người ấy tự cho là mắt của Ta v.v... trông thấy sắc v.v... rồi phát khởi vô số ngôn luận của thế tục. Nghĩa là Tôn giả này có tên như vậy, tộc họ như vậy, cho đến nói rộng.

Bí-sô nên biết! Điều ấy chỉ có tướng, chỉ có ngôn thuyết. Các pháp như vậy đều là vô thường, hữu vi, duyên sinh, do đấy nên khổ. Nghĩa là lúc sinh khổ, trụ v.v... cũng khổ. Ở đây các khổ đã vĩnh viễn đoạn trừ rốt ráo. Tức trừ bỏ, nhỏ sạch, lia hết nhiễm, hoàn toàn vắng lặng, ẩn mất. Các pháp khác không nối tiếp khởi nữa, gọi là vĩnh viễn không sinh. Đây là sự tĩnh diệu tốt cùng, nghĩa là tất cả chỗ nương dựa đều đã trừ bỏ, ái hết là Niết-bàn lia diệt.

Nói tắt cả chỗ nương dựa đã trừ bỏ: Nghĩa là trong diệt này là đã vĩnh viễn lìa xả bỏ tất cả khổ của năm thủ uẩn.

Nói ái hết: Tức là trong diệt này đã diệt hết các ái. Được diệt này là vĩnh viễn lìa bỏ pháp nhiễm, nên gọi là lìa. Chứng diệt này rồi, thì các khổ đều dứt hết, nên gọi là diệt. Chứng diệt này xong, tức tất cả tai họa nơi lửa phiền não đều dập tắt, nên gọi là Niết-bàn.

Phi trách diệt: Nghĩa là có pháp riêng hoàn toàn ngăn ngại pháp vị lai sinh, đây chỉ do thiếu duyên, không phải do lựa chọn mà được. Như mắt cùng với ý lúc chuyên chú vào một sắc, tức các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... khác đều từ bỏ. Năm thức thân v.v... khi duyên nơi cảnh giới kia cũng như thế. Do đạt được sự diệt này nên có thể vĩnh viễn ngăn chặn, trụ nơi đời vị lai là hoàn toàn không sinh. Duyên thiếu cũng do uy lực diệt này, nên phi trách diệt quyết định là thật có. Như Đức Thế Tôn nói: “Nếu nơi bấy giờ, lạc thọ hiện ở trước, thì hai thọ kia liền diệt”.

Pháp kia nói là diệt: Nghĩa là nếu trừ sự diệt này thì là gì? Nhất định không phải là vô thường và trạch diệt.

Lại như nơi Khê kinh nói: Bí-sô nên biết! Nếu đắc quả Dự lưu thì đã diệt hết địa ngục, đã diệt hết quỷ giới và đã diệt hết bàng sinh. Nói diệt hết ở đây là phi trách diệt. Vì bấy giờ pháp dị thực chưa được trạch diệt.

Vì người mới tu tập nên yêu thích siêng học, lìa các thứ hỏi đáp, nên lược tạo ra Luận này. Những người chưa nhận biết khắp tướng sâu kín của A-tỳ-đạt-ma, đã theo ý mình, gom góp các nhóm hý luận đặt để ở trước, vọng tạo dựng các vấn nạn sai lạc nhằm cùng hủy báng. Những người kia tức đã hủy báng chánh giáo của Đức Phật đã giảng nói. Như Đức Thế Tôn nói: “Có hai hạng người hủy báng chánh giáo của Phật: (1) Không tin sinh ra ganh ghét. (2) Tuy tin nhưng vẫn thọ trì pháp ác”.

HẾT - QUYỀN HẠ

SỐ 1555/2
LUẬN NGŨ SỰ TỶ BÀ SA

*Tác giả: Tôn giả Pháp Cứu.
Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ.*

QUYỀN THƯỢNG
Phẩm thứ 1: PHÂN BIỆT SẮC, phần 1

*Kính lạy Phật, Pháp, Tăng
Con nay theo sức mình
Muốn nơi biển Đối pháp
Chọn ít nghĩa chân thật.
Xót thương các đệ tử
Giải thích hay sinh tuệ
Luận năm sự diệt ngu
Khiến mở bày hiểu rõ.*

Tôn giả Thế Hữu vì nhằm đem lại lợi ích cho hữu tình, nên tạo ra ra Luận Ngũ Sự, con nay sẽ giải thích:

Hỏi: Giải thích Luận Ngũ Sự này để làm gì?

Đáp: Vì muốn mở bày nghĩa sâu ẩ. Nếu chưa mở bày nghĩa sâu ẩ này thì khác nào như có “Kho báu nơi lòng đất” chưa khai phát, khiến thế gian không thể hoan hỷ thọ dụng. Nếu nghĩa sâu ẩ

này được mở bày, tức như có “Kho báu nơi lòng đất” lúc đã được khai phát, thế gian liền có thể hoan hỷ thọ dụng.

Lại, như mặt trời, mặt trăng tuy có đủ ánh sáng uy nghi, nhưng lúc bị mây v.v... che khuất, tức không được chiếu rõ. Nếu trừ bỏ các thứ ngăn che kia, thì sự việc chiếu sáng liền thành. Văn từ của Bản Luận này nên biết cũng như vậy. Tuy đã lược biện về vô số thẳng nghĩa, nhưng nếu không giải thích rộng, thì không sáng tỏ. Vì khiến được sáng tỏ, nên tôi sẽ giải thích.

Hỏi: Đã biết cần phải giải thích nhân của Luận Ngũ Sự. Vậy do đâu Tôn giả tạo ra Luận này?

Đáp: Do có đệ tử lo sợ do phải nghe giữ rộng. Vì muốn khiến dựa vào sự tóm lược để hiểu biết về tự tướng, cộng tướng. Nghĩa là Tôn giả kia thường khởi suy nghĩ: Làm thế nào để khiến các đệ tử v.v... đối với tự tướng và cộng tướng của tất cả pháp nên nương dựa nơi văn tóm lược để hiểu biết rõ. Vì hiểu biết rõ, dụ như núi Kim Cang, các thứ gió ác kiến không thể làm nghiêng động. Nếu không hiểu biết rõ thì như hoa cỏ lau bị gió ác kiến thổi rạp. Các thứ gió ấy thổi xoáy tung trong khoảng không do dự. Như vậy, vì muốn khiến các đệ tử khởi sự hiểu biết vững chắc, nên tạo ra Luận này.

Hỏi: Thế nào là tự tướng, cộng tướng của các pháp?

Đáp: Các thứ cứng chắc, ẩm ướt, ấm nóng v.v... là tự tướng của các pháp. Vô thường, khổ v.v... là cộng tướng của các pháp. Thế gian này tuy ở nơi tự tướng của các pháp có thể nhận biết, nhưng đối với cộng tướng thì đều không thể nhận biết. Như vậy, vì muốn khiến các chúng đệ tử đối với pháp của hai tướng có thể nhận biết như thật, nên tạo ra Luận này.

Hỏi: Đã biết duyên cơ cần tạo Luận Ngũ Sự, vậy vì sao Luận này lại gọi là Luận Ngũ Sự?

Đáp: Do trong Luận này phân biệt về năm sự việc, thế nên luận được mang tên là Luận Ngũ Sự. Tức là dựa vào nghĩa của xứ có thể sinh sự việc, không khác.

Các Đại Luận sư của A-tỳ-đạt-ma đều nói như vậy: Sự có năm thứ: (1) Sự tự tánh. (2) Sự đối tượng duyên. (3) Sự trói buộc. (4) Sự đối tượng nhân. (5) Sự thâm nhận. Nên biết, ở đây chỉ nói đến Sự tự tánh.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao nói có năm pháp?

Đáp: Vì nghĩa của sự so với pháp cũng không khác.

1044

Hỏi: Vì sao Luận này chỉ biện về năm pháp?

Đáp: Có thuyết nói: Câu hỏi này là phi lý, vì hoặc giảm hoặc tăng đều cùng có vấn nạn.

Có thuyết cho: Luận này lược hiển bày về thể loại có sai biệt của các pháp không cùng tạp loạn để gồm thâu tất cả pháp, nên chỉ nói năm. Nếu gồm chung nơi năm để lập tên một pháp, thì tuy là lược nói gồm thâu hết các pháp, nhưng không thể làm sáng tỏ về thể loại có sai biệt của năm pháp như tâm v.v... khiến không cùng lẫn lộn

Nếu nói hữu lậu, vô lậu là hai, thì hữu học, vô học không phải là hai mà là ba. Cõi dục, sắc, vô sắc cùng không hệ thuộc là bốn, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Há không nêu ra tên gọi tức nhận biết có năm. Vì sao phần đầu của luận trước hết là nêu số năm?

Đáp: Như sợi chỉ xuyên suốt hoa, vì dễ để mang giữ. Nghĩa là như dùng sợi chỉ xuyên suốt các hoa, có thể dễ cầm nắm, dễ tổ điểm cho đầu và thân. Như vậy, về nghĩa số hoa được kết liền với nhau, có thể cầm nắm dễ dàng, là để trang nghiêm nơi tâm tuệ. Hoặc trước nêu rõ

về số lượng, sau liệt kê về danh, là theo nghi thức cũ của người tạo luận. Nên biết nghĩa của tiếng pháp có nhiều thứ. Nghĩa là: Hoặc có xứ cho điều giảng nói gọi là pháp. Như Khế kinh nói: “Ông nên lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông giảng nói rộng về pháp diệu”.

Hoặc lại có nơi nói công đức gọi là pháp. Như Khế kinh nói: “Bí-sô nên biết! Pháp là chánh kiến, tà kiến không phải là pháp”.

Hoặc còn có chỗ cho vô ngã gọi là pháp. Như Khế kinh nói: “Các pháp vô ngã”. Nên biết ở đây vô ngã gọi là pháp. Pháp nghĩa là có thể giữ gìn, hoặc có thể nuôi lớn. Có thể giữ gìn là đối với mình. Nuôi lớn là đối với người khác.

Hỏi: Vì sao trong Luận này trước hết là biện về sắc pháp?

Đáp: Vì trong tất cả pháp sắc là rất thô, vì là cảnh nơi đối tượng duyên của tất cả thức, vì là môn cần thiết cho người mới đi vào pháp Phật. Nghĩa là người nhập pháp Phật có hai môn cam lộ: (1) Quán bất tịnh. (2) Trì tức niệm (Quán sở tức). Người dựa nơi Quán bất tịnh để vào pháp Phật thì quán sắc là đối tượng được tạo. Kẻ dựa vào Trì tức niệm để nhập pháp Phật thì quán gió là chủ thể tạo.

Hỏi: Vì dựa vào nghĩa nào nên nói là sắc?

Đáp: Lần lượt chứa nhóm, lần lượt tan hoại, gieo trồng sinh trưởng, oán thân hội ngộ, có thể hoại, có thể thành, đều là nghĩa của sắc. Đức Phật nói về biến hoại nên gọi là sắc. Biến hoại tức là nghĩa có thể nào loạn hủy hoại.

Có thuyết nói: Do biến đổi, gây trở ngại nên gọi là sắc.

Hỏi: Cực vi vô biểu trong quá khứ, vị lai đều không có biến đổi, gây trở ngại, tức nên không gọi là sắc?

Đáp: Cực vi ấy cũng là sắc, vì có được tướng sắc. Các sắc ở quá khứ tuy không có biến đổi, gây trở ngại, nhưng chúng đã từng biến đổi, gây trở ngại, nên lập tên sắc. Các sắc ở vị lai tuy chưa biến

đôi, gây trở ngại, nhưng chúng sẽ biến đôi, gây trở ngại, nên cũng lập tên sắc. Như mắt ở quá khứ, vị lai, tuy không thể thấy, nhưng là đã từng thấy, sẽ thấy, nên lập tên mắt. Vì được tướng kia nên ở đây cũng như vậy. Mỗi mỗi cực vi tuy không có biến đôi, gây trở ngại, nhưng có thể tích tập nên nghĩa biến đôi, gây trở ngại là thành. Các vô biểu sắc tuy không có biến đôi, gây trở ngại, nhưng vì tùy theo đối tượng nương dựa, nên được tên là biến đôi, gây trở ngại.

Đối tượng nương dựa là gì? Là bốn đại chủng. Do bốn đại chủng kia biến đôi, gây trở ngại, nên vô biểu của chúng gọi là sắc. Như lúc thân cây lay động, thì bóng cây cũng lay động theo. Hoặc theo phần nhiều, như gọi là đoạn thực. Hoặc biểu hiện về nội tâm, nên gọi là sắc. Hoặc biểu hiện về nghiệp trước, nên lập tên sắc.

Thế nào là sắc?

Hỏi: Vì sao Tôn giả lại nói lên lời này?

Đáp: Vì trước đã nói tóm tắt, nay là muốn biện luận rộng. Hoặc là sắc có thấy có đối, hoặc là sắc không thấy có đối, hoặc là sắc không thấy không đối, gồm thâu chung gọi là các sắc hiện có.

Nói tất cả, nghĩa là những sắc này đã gồm thâu toàn bộ các sắc.

Bốn đại chủng:

Hỏi: Vì sao đại chủng chỉ có bốn?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: Câu hỏi này là phi lý, vì nếu có giảm hoặc tăng đều cùng có nghi vấn. Ở đây do không trái với pháp tướng, nên nói bốn là không lỗi.

Có thuyết cho: Vì nhằm ngăn chặn ngoại đạo nói đại chủng có năm, nên chỉ nói bốn thứ, vì ngoại đạo kia cho hư không cũng là đại chủng.

Hỏi: Vì sao hư không không gọi là đại chủng?

Đáp: Vì hư không không có tướng của đại chủng. Nghĩa là hư

không là đại, không phải là chủng, do là pháp thường trụ, không có tạo tác.

Đại đức Diệu Âm cũng nói như vậy: Hư không và đại chủng về tướng của chúng đều khác. Hư không tuy là đại, nhưng thể không phải là chủng. Lại, các đại chủng nếu có thể tạo thành thân thì đa số là thuộc về dị thực nơi nghiệp của hữu tình. Hư không không có tướng dị thực của nghiệp kia. Thế nên hư không nhất định không phải là đại chủng.

Hỏi: Đã nói về đại chủng, vậy thể nào là nghĩa của đại chủng?

Đáp: Vì cũng là chủng, cũng là đại, nên gọi là đại chủng. Như thế gian nói đại địa, đại vương.

Hỏi: Ở đây đã nói về chủng là nghĩa gì?

Đáp: Là có thể tích tập nhiều, có thể gây chướng ngại lớn. Là có thể hành tác sự việc lớn, nên gọi là chủng.

Hỏi: Bốn đại chủng này đã hành tác những sự việc gì?

Đáp: Bốn đại chủng này có thể tạo nên các sắc được tạo. Nghĩa là dựa vào các sắc tích tập của bốn đại, sắc chướng ngại lớn đều được sinh trưởng, như vậy gọi là sự việc đã hành tác của đại chủng.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của tạo? Là nhân hay là duyên? Nếu là nghĩa của nhân, thì bốn đại chủng này đối với năm nhân của sắc được tạo đều không có. Vậy làm sao có thể nói sự tạo tác kia là nghĩa của nhân? Nếu là nghĩa của duyên, thì các sắc được tạo, trừ pháp của mình, pháp còn lại đều là tăng thượng duyên. Đây tức là không hợp lý, vì chỉ có bốn đại chủng là có thể tạo?

Đáp: Có thuyết nói: Tạo ra là nghĩa của nhân. Tuy bốn đại chủng đối với sắc được tạo không có nghĩa của năm thứ nhân như tương ưng v.v..., nhưng lại có riêng năm nhân như sinh v.v..., tức là sinh, nương, lập, trì, dưỡng.

Lại có thuyết cho: Tạo ra là nghĩa của duyên. Tuy sắc được tạo, trừ tự tánh của nó, tất cả các pháp khác đều là tăng thượng duyên, nhưng bốn đại chủng là tăng thượng duyên gần của sắc được tạo, không phải pháp khác. Như nói sắc của mắt là duyên của nhãn thức. Ở kia nói tăng thượng duyên đây cũng nên như vậy.

Hỏi: Từng có là sắc không phải là bốn đại chủng, cũng không phải là sắc được tạo của bốn đại chủng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là một, hoặc hai, hoặc ba đại chủng. Vì một, hai, ba này không gọi là bốn. Lại, các đại chủng không phải là đối tượng được tạo.

Hỏi: Vì sao đại chủng không phải là đối tượng được tạo?

Đáp: Vì tướng của sắc nhân sắc quả đều khác nhau. Hoặc các đại chủng nếu thuộc về đối tượng được tạo, là bốn tạo một hay là ba tạo một? Nếu các đại chủng, bốn có thể tạo một, thì đất v.v... cũng nên trở lại tạo ra đất v.v... Tức là các pháp nên đợi tự tánh. Nhưng tất cả pháp không đợi tự tánh, chỉ dựa nơi duyên khác mà có tác dụng. Nếu các đại chủng, ba có thể tạo một, thì số lượng nhân đã thiếu, nên không thể tạo được. Như nhân của sắc được tạo tất phải đủ bốn.

Hỏi: Đã nhận biết rõ chung về đại chủng và đối tượng được tạo. Lại muốn nghe về tướng riêng của hai thứ này. Những gì là đại chủng? Tướng của chúng thế nào?

Đáp: Giới của đất v.v... gọi là đại chủng. Tánh cứng chắc v.v... là tướng của chúng.

Hỏi: Nếu tánh cứng chắc v.v... là tướng của đất v.v... thì đối tượng tướng và chủ thể tướng há không thành một chăng?

Đáp: Nếu như vậy thành một thì cũng không có lỗi. Vì vậy Tỳ-bà-sa nói như vậy: Tự tánh, ngã, vật, tướng, bản tánh v.v... về danh ngôn tuy khác nhưng về nghĩa thì không khác. Nên không thể nói các

pháp lia tự tánh mà có tướng. Như nói: Niết-bàn tịch tĩnh là tướng, tức không phải lia tịch tĩnh mà có riêng Niết-bàn. Đây cũng nên như vậy. Vì thế không có lỗi. Ở đây nói tánh cứng chắc tức là thể cứng chắc của phần cứng chắc, là căn cứ theo chủng loại mà nói. Tánh cứng chắc là giới đất, nhưng tánh cứng chắc này có vô biên sai biệt. Nghĩa là trong nội pháp thì móng, tóc v.v... là khác. Nơi pháp bên ngoài thì có đồng, thiếc v.v... là khác. Lại, trong nội pháp thì tánh cứng chắc của tay, chân v.v... là khác. Pháp bên ngoài cũng như vậy, nên tánh cứng chắc là vô biên.

Hỏi: Nếu như vậy, tánh cứng chắc tức nên thuộc về cộng tướng, vì sao nói là tự tướng của đất v.v...?

Đáp: Tánh cứng chắc tuy có nhiều, nhưng là biểu hiện chung. Như đất có nhiều biến đổi, ngăn ngại, nhưng biểu hiện chung là sắc uẩn. Do đối tượng biểu hiện đã là một nên không phải là cộng tướng.

Có thuyết nói: Tánh cứng chắc gồm thâu chung hai tướng nhưng quán ba đại chủng tức thành tự tướng. Nếu quán về loại cứng chắc, có trong ngoài cùng vô biên sai biệt, lại thành cộng tướng. Như tánh biến đổi gây trở ngại gồm thâu chung hai tướng, nhưng quán bốn uẩn còn lại tức thành tự tướng. Nếu quán về tánh của sắc mười một thứ phẩm loại sai biệt lại thành cộng tướng. Lại như khổ đế, tướng của nó là bức bách, nhưng khi quán ba đế thì tướng ấy thành tự tướng. Nếu quán năm uẩn hữu lậu có sai biệt, tức tướng bức bách này lại thành cộng tướng. Vì tánh cứng chắc cũng vậy nên chung cho hai thứ.

Hỏi: Nếu như thế thì làm sao kiến lập tự tướng, cộng tướng riêng biệt không cùng tạp loạn?

Đáp: Do quán đãi nên không có lỗi tạp loạn. Nghĩa là nếu quán kia lập làm tự tướng, thì chưa từng quán kia để lập làm cộng tướng. Nếu lại quán đây lập làm cộng tướng, thì chưa từng quán đây để lập làm tự tướng. Cho nên tự tướng, cộng tướng theo quán đãi để lập.

Hỏi: Đã nhận biết tướng của đại chủng đều có khác. Vậy đại chủng tạo nghiệp thì khác nhau như thế nào?

Đáp: Giới đất có thể gìn giữ hai loại đi đứng khiến không té ngã. Giới nước có thể gồm thâu những sự việc trái nhau của tánh khiến không lìa tan. Giới lửa có thể nung chín những loại vật không chín khiến không hư nát. Giới gió có thể khiến các vật được tăng trưởng, hoặc lại lưu dẫn. Đó gọi là các đại chủng đều riêng khác về tạo nghiệp.

Hỏi: Đất, nước, lửa, gió đều có hai tánh: Nghĩa là tánh cứng chắc và tánh thuộc về sắc. Vì sao một pháp được có hai tướng?

Đáp: Một pháp có nhiều tướng, điều này đâu có lỗi gì? Như Khê kinh nói: Mỗi mỗi thủ uẩn có vô lượng thứ tướng như bình v.v... Hoặ tánh cứng chắc v.v... là thuộc về tự tướng của giới đất. Trong đó, tánh của sắc là thuộc về cộng tướng của giới đất v.v... Nên ở một pháp có hai thứ tướng: (1) Tự tướng. (2) Cộng tướng, cũng không trái lý.

Hỏi: Như vậy bốn giới có thể cùng lìa nhau chăng?

Đáp: Bốn giới này lần lượt định rõ không cùng lìa nhau. Làm sao nhận biết được? Vì như Khê kinh đã nói. Kinh Nhập Thai viết: Lúc yết-lạt-lam, nếu có giới đất không có giới nước, thì tánh của nó sẽ khô ráo, tức nên phân tán. Đã không phân tán nên biết nhất định có giới nước, có thể gồm thâu.

Nếu có giới nước không có giới đất, thì tánh của nó là tan hòa, tức nên trôi chảy hết. Đã không trôi chảy hết nên biết nhất định có giới đất có thể gìn giữ.

Nếu có giới nước không có giới lửa, thì tánh của nó là nhuần ướt, tức nên hư nát. Đã không hư nát nên biết nhất định có giới lửa có thể nung chín.

Nếu có giới lửa không có giới gió, thì tánh của nó tức nên

không có nghĩa tăng trưởng. Đã tăng trưởng dần nên biết nhất định có giới gió làm lay động.

Hỏi: Nếu như vậy theo Khế kinh nói phải làm sao thông hợp? Như Khế kinh nói: Bí-sô nên biết! Ở trong thân này, giới lửa nếu phát ra, hoặc tức khiến xả bỏ mạng, hoặc sinh khổ cận tử.

Đáp: Kinh ấy dựa vào sự tăng thịnh, không tăng thịnh để nói, không nói Thể của lửa trong thân vốn không.

Hỏi: Giới đất với đất có gì khác nhau?

Đáp: Giới đất là tánh cứng chắc, còn đất là hình tướng được hiển bày. Giới đất là chủ thể tạo, còn đất là đối tượng được tạo. Giới đất là xúc xú, do thân thức nhận biết, còn đất là sắc xú, do nhãn thức nhận biết. Đó là giới đất và đất có sai biệt. Nước, lửa, gió, hoặc giới nước, giới lửa, giới gió cũng như thế.

Hỏi: Đã nhận biết rõ đủ tướng của bốn đại chủng: Cứng chắc, ẩm ướt, ấm nóng, lay động, đều lần lượt trái nhau. Như bốn rắn độc cùng ở trong một chiếc hòm nhỏ, ví như thân. Lại muốn hỏi về tướng của sắc được tạo kia, vậy những gì gọi là sắc do chúng tạo ra?

Đáp: Sắc được tạo kia là nhãn căn v.v... Vì nhãn tức căn, nên gọi là nhãn căn. Như nói hoa sen xanh. Các căn khác cũng như vậy.

Hỏi: Năm thứ như nhãn v.v... cũng thuộc về giới, xú, vì sao trong đây chỉ nói về căn?

Đáp: Vì muốn phân biệt về ngoại cảnh như sắc v.v... Nghĩa là nếu nói giới, xú là nhãn v.v... thì nghĩa của căn có sai biệt, thật khó nhận biết, thế nên trong đây chỉ nói riêng về căn. Đó tức chỉ rõ trong sắc được tạo, bên trong gọi là căn, bên ngoài gọi là nghĩa của căn.

Hỏi: Trong đây đã nói về căn. Vậy nghĩa của căn là thế nào?

Đáp: Tăng thượng, hơn hết, hiện thấy, sáng rõ, vui quán vi diệu đều là nghĩa của căn.

Hỏi: Nếu nghĩa tăng thượng là nghĩa của căn, thì các pháp hữu vi lần lượt tăng thượng, vô vi cũng là hữu vi tăng thượng, tức tất cả pháp đều nên là căn chăng?

Đáp: Vì dựa vào sự vượt hơn để lập căn, nên không có lỗi này. Nghĩa là tăng thượng duyên có hơn có kém, nên biết phần vượt hơn được kiến lập làm căn.

Hỏi: Căn nào ở đâu, có bao nhiêu tăng thượng?

Đáp: Trong năm căn, mỗi căn đều có bốn sự tăng thượng: (1) Trang nghiêm thân. (2) Dẫn dắt nuôi sống thân. (3) Sinh khởi thức v.v... (4) Sự việc không chung.

Trước, biện biệt về nhãn căn: Trang nghiêm thân: Nghĩa là thân tuy có đủ các phần căn khác, nếu thiếu nhãn căn thì trở nên xấu xí.

Dẫn dắt nuôi sống thân: Nghĩa là mắt có thể trông thấy các sắc an nguy để tránh nguy theo an, khiến thân trụ lâu.

Sinh khởi thức v.v...: Nghĩa là dựa vào nhãn căn thì tất cả nhãn thức và pháp tương ưng đều được sinh khởi.

Sự việc không chung: Nghĩa là tác dụng trông thấy sắc, chỉ thuộc về nhãn căn. Hai mươi một căn khác không có tác dụng này.

Tiếp theo là biện về nhĩ căn: Trang nghiêm thân: Nghĩa là kẻ tai điếc thì không đáng yêu thích.

Dẫn dắt nuôi sống thân: Nghĩa là tai có thể nghe tiếng tốt xấu để tránh xấu theo tốt, khiến thân trụ lâu.

Sinh khởi thức v.v...: Nghĩa là dựa vào nhĩ căn, tất cả nhĩ thức và các pháp tương ưng đều được sinh khởi.

Sự việc không chung: Nghĩa là tác dụng nghe tiếng chỉ thuộc về nhĩ căn. Hai mươi một căn khác không có tác dụng này.

Tỷ, thiệt, thân căn, về trang nghiêm thân như nói về nhãn, nhĩ căn.

Dẫn dắt nuôi sống thân: Nghĩa là ba căn này thọ dụng đoạn thực, khiến thân trụ lâu.

Sinh khởi thức v.v...: Nghĩa là dựa vào ba căn thì tỷ, thiệt, thân thức và các pháp tương ưng đều được sinh khởi.

Sự việc không chung: Nghĩa là tác dụng ngửi, ném, nhận biết về hương, vị tiếp xúc thuộc về tỷ, thiệt, thân căn, không phải căn khác.

Hỏi: Năm căn như vậy có những đức tốt đẹp nào? Cái gì là tự tánh? Nghiệp dụng như thế nào?

Đáp: Đức của nhãn căn: Nghĩa là cùng với nhãn thức và pháp tương ưng của nó làm chỗ dựa. Tự tánh của nhãn căn tức là sắc tịnh. Có thể trông thấy các sắc là nghiệp dụng của nhãn. Ba sự việc của bốn căn kia giống như nhãn, nên biết. Trong đây lại nói có nghiệp dụng nơi căn, không phải tất cả căn là chỗ nương dựa của thức. Vì sắc này lắng sạch, nên gọi là sắc tịnh. Hoặc lại trong đây cùng với nhãn thức v.v... làm chỗ nương dựa. Là làm sáng tỏ về chỗ đồng phận nơi căn. Nói sắc tịnh là làm rõ về bỉ đồng phận.

Hỏi: Thế nào là đồng phận và bỉ đồng phận nơi căn? Hai thứ như vậy đều gọi là mắt thì đâu có khác gì nhau?

Đáp: Căn có nghiệp dụng gọi là đồng phận. Căn không có nghiệp dụng gọi là bỉ đồng phận. Như có thể trông thấy sắc gọi là mắt đồng phận, không trông thấy sắc gọi là bỉ đồng phận.

Sự khác nhau của bỉ đồng phận nơi mắt có bốn thứ: (1) Có mắt của bỉ đồng phận trong quá khứ: Nghĩa là không thể trông thấy các sắc đã diệt. (2) Có mắt của bỉ đồng phận trong hiện tại: Nghĩa là không thể trông thấy các sắc hiện nay đã diệt. (3) Có mắt của bỉ đồng

phận ở vị lai: Nghĩa là không thể trông thấy các sắc sẽ diệt. (4) Có mắt ở vị lai nhất định không sinh.

Mắt đồng phận có sai biệt chỉ có ba thứ. Nghĩa là trừ mắt ở vị lai nhất định không sinh. Bốn căn như nhĩ căn v.v... như nhãn căn nên biết. Hoặc lại có năm thức đều có hai chỗ dựa: (1) Đồng cùng thời sinh. Nghĩa là năm căn như nhãn v.v... (2) Là vô gián diệt: Nghĩa là ý căn. Chỉ nói thức dựa nơi ý dồi dào vô gián. Song nói năm thể của sắc tịnh nên đồng. Do vậy nói sắc tịnh là để phân biệt về ý vô gián. Cùng với thức như nhãn v.v... là nói về đối tượng nương dựa. Hiển bày về căn như nhãn v.v... có sai biệt có năm. Do đấy, nên nói đối tượng nương dựa của năm thức cùng với đấng vô gián duyên khác nhau đều có bốn trường hợp: Các căn như nhãn v.v... cùng sinh là trường hợp thứ nhất. Tâm sở vô gián diệt là trường hợp thứ hai. Tâm vô gián diệt là trường hợp thứ ba. Trừ các thứ đã nêu trước, pháp còn lại là trường hợp thứ tư.

Hỏi: Cái gì có thể trông thấy sắc? Là nhãn căn trông thấy hay là nhãn thức trông thấy? Là tuệ cùng với nhãn thức tương ưng trông thấy sắc hay là tâm tâm sở hòa hợp nên trông thấy?

Đáp: Về chỗ nghi của ông, tất cả đều có lỗi. Nếu nhãn căn trông thấy, thì lúc thức khác hoạt động tức nên không thấy sắc, sao không cùng nhận lấy tất cả cảnh?

Nếu nhãn thức trông thấy, các thức chỉ lấy sự phân biệt nhận biết làm tướng, không phải thấy làm tướng, há có thể trông thấy sắc? Nếu tuệ cùng với nhãn thức tương ưng mà thấy, tức nên thừa nhận tuệ tương ưng với nhĩ thức mà nghe. Tuệ kia đã không phải nghe thì tuệ đây làm sao trông thấy? Nếu tâm, tâm sở hòa hợp nên có thể trông thấy, thì các tâm, tâm sở hòa hợp không nhất định. Nghĩa là nhãn thức thiện cùng với hai mươi hai tâm sở tương ưng. Nhãn thức bất thiện cùng với hai mươi một tâm sở tương ưng. Nhãn thức hữu

phú vô ký cùng với mười tám tâm sở tương ưng. Nhãn thức vô phú vô ký cùng với mười hai tâm sở tương ưng.

Đã không quyết định thì làm sao hòa hợp được? *Đáp*: Nhãn căn có thể trông thấy, nhưng phải hợp với phần vị của nhãn thức, không phải thức khác. Ví như nhãn thức có tác dụng phân biệt nhận biết sắc là do dựa nơi mắt mới có. Lại, như thọ v.v... có tác dụng lãnh nạp v.v... tất dựa nơi tâm. Ở đây cũng nên như vậy. Do lý sâu xa này, nên lúc thức khác hoạt động, mắt đã nhận thức về khoảng không, không thể trông thấy sắc, cũng không cùng nhận lấy tất cả cảnh mắt mát, do trong một sự nối tiếp nhau không có hai tâm chuyên.

Hỏi: Vì sao có đủ sáu đối tượng nương dựa, đối tượng duyên, nhưng trong một sự nối tiếp lại không có sáu thức cùng chuyên?

Đáp: Vì đẳng vô gián duyên chỉ có một. Lại có nghĩa khác: Nếu nhãn thức trông thấy, thì cái gì lại có thể nhận thức (Thức)? Nếu tuệ trông thấy thì cái gì lại có thể nhận biết (Tri)? Nếu tâm, tâm sở hòa hợp có thể trông thấy thì mỗi mỗi nghiệp dụng của các pháp không đồng. Ở đây nhất định không có nghĩa hòa hợp mà thấy. Lại tức nên trong một thể có hai tác dụng, tức thừa nhận có tác dụng có thể trông thấy và lãnh nạp v.v...

Lại có nghĩa khác. Nếu thức trông thấy: Vì thức không có đối tức nên có thể trông thấy sẽ bị các sắc gây trở ngại. Tuệ và sự hòa hợp nên biết cũng như vậy. Thế nên nhãn căn được gọi riêng là thể thấy.

Hỏi: Đã nhận biết tác dụng của thấy chỉ thuộc về nhãn căn, vậy lúc mắt thấy sắc là hai hay là một?

Đáp: Sự việc này không quyết định. Nếu lúc mở hai mắt nhìn các sắc, thì hai mắt đều cùng thấy. Lúc một mắt mở, một mắt che lại, tức ở trước mặt trông thấy hai mặt trắng v.v... Nếu nhắm một mắt,

che một mắt, thì sự việc tức không. Thế nên lúc có cả hai mắt đều cùng trông thấy.

Lại nữa, Luận Phát Trí nói về nhân đều cùng trông thấy. Nghĩa là lúc mở hai mắt thì trông thấy phân minh v.v... Hai tai, hai mũi, nên biết cũng như thế.

Hỏi: Vì sao hai mắt, hai tai, hai mũi, tuy đều là hai nơi nhưng chỉ lập một căn?

Đáp: Hai vị trí như mắt v.v... nhưng về thể loại chỉ có một. Vì hai cảnh của đối tượng nhận lấy thuộc về một giới. Hai chủ thể nương dựa nơi thức chỉ thuộc về một thức. Lại, cả hai đều cùng thời là chủ thể nhận lấy cảnh, nên tuy có hai xứ nhưng chỉ lập một căn. Như nữ căn, nam căn, tức thuộc về thân căn, thế nên ở đây không lập riêng căn. Cực vi của nhãn căn hiện bày khắp trên trông mắt, đối nơi cảnh mà trụ như hoa Hương lãng. Cực vi của nhĩ căn ở bên trong lỗ tai xoay vòng mà đứng như cuộn vỏ cây hoa. Cực vi của tỷ căn ở trong sống mũi xoay trên, hướng dưới như hai móng tay. Cực vi của thiệt căn ở khắp trên lưỡi hình như bán nguyệt, nhưng ở trong lưỡi có lượng như lông, tóc, không có cực vi của thiệt căn. Cực vi của thân căn ở khắp nơi các phần thân.

HẾT - QUYỂN THƯỢNG

LUẬN NGŨ SỰ TỶ BÀ SA

QUYỂN HẠ

Phẩm thứ 1: PHÂN BIỆT SẮC, phần 2

Hỏi: Sắc được tạo thuộc về căn bên trong, tôi đã nhận biết rõ. Nay lại muốn nghe sắc không thuộc về căn. Xin nói đến tướng ấy?

Đáp: Đối tượng xúc của sắc, thanh, hương, vị là vô biểu. Ở đây sắc là hiển sắc đẹp v.v... Nếu sắc như xanh, vàng v.v... là không biến hoại thì gọi là hiển sắc đẹp. Nếu sắc này biến hoại thì gọi là hiển sắc xấu. Nếu bình đẳng thì gọi là trung gian của hai thứ kia, do hiển bày xứ sắc.

Hỏi: Xứ sắc có hai thứ: (1) Hiển. (2) Hình. Vậy sao trong đây chỉ biện về hiển sắc?

Đáp: Nay ở trong đây nên nói như thế này: Sắc có hai thứ: (1) Hiển. (2) Hình.

Hiển sắc: Nghĩa là màu xanh, vàng v.v... Hình sắc: Tức là dài, ngắn v.v... Nhưng không nói là có ý gì? Nghĩa là hiển sắc thì thô và dễ nhận biết.

Như vậy các sắc ở trong sáu thức là đối tượng nhận thức của hai thức. Nghĩa là nhãn thức và ý thức. Trước hết dùng nhãn thức chỉ phân biệt về tự tướng. Sau dùng ý thức để phân biệt cả tự tướng và cộng tướng. Nghĩa là các sắc kia lúc trụ trong hiện tại, nhãn thức

chỉ có thể phân biệt tự tướng của sắc ấy. Nhận thức không gián đoạn khởi ý thức phân biệt, lại phân biệt rõ về tự tướng hoặc cộng tướng của sắc trước. Nhưng chỗ khởi ý thức phân biệt này là dựa vào nhận thức trước, duyên nơi cảnh của sắc trước. Như vậy, lúc ý thức đang trong hiện tại thì đối tượng nương dựa và đối tượng duyên đều ở quá khứ.

Do năm cảnh này, lúc trụ trong hiện tại, ý thức không thể phân biệt về tự tướng của năm cảnh ấy. Thế nên cảnh của sắc là đối tượng nhận thức của hai thức. Nghĩa là lúc các nhận thức hiện ở trước chỉ phân biệt rõ về tự tướng ở hiện tại không phải cộng tướng. Nếu khi các ý thức hiện ở trước, thì phân biệt chung về tự tướng và cộng tướng của ba đời, do các cảnh giới của ý thức đều hiện bày cùng khắp, nên có phân biệt. Nhận thức không gián đoạn, không phải nhất định khởi ý thức, vì đối với sáu thức thân, chỉ chấp nhận tùy khởi một thức. Nếu nhận thức không gián đoạn nhất định khởi ý thức, thì khổ căn không nên là khổ đẳng vô gián. Vì khổ căn chỉ ở nơi năm thức thân.

Nếu như vậy thì trái với phần Uẩn căn đã nói. Như nói: Khổ căn cùng với khổ căn làm nhân đẳng vô gián tăng thượng (Ba duyên: Nhân duyên, đẳng vô gián duyên và tăng thượng duyên). Nhưng dựa vào nhận thức để phân biệt sắc rồi, dẫn khởi không gián đoạn ý thức phân biệt, nên nói như vậy: Nhận thức nhận biết trước, nhận thức thọ nhận rồi ý thức mới tùy theo đấy để nhận thức. Thanh có hai thức, cho đến nói rộng.

Có chấp thọ đại chủng: Nghĩa là các đại chủng trong sát-na hiện tại thuộc về số hữu tình.

Không chấp thọ đại chủng: Nghĩa là các đại chủng quá khứ, vị lai, thuộc số hữu tình và ba đời không phải thuộc số hữu tình.

Ở đây, có chấp thọ đại chủng đã sinh âm thanh, gọi là có chấp thọ đại chủng làm nhân. Có chấp thọ đại chủng cùng với âm thanh đã

sinh này là năm thứ nhân sinh trước v.v... Không chấp thọ đại chủng làm nhân phát sinh âm thanh cũng như thế.

Nếu từ miệng phát ra, tay cùng kết hợp sinh, gọi là âm thanh có chấp thọ đại chủng làm nhân. Nếu từ rừng, nước, gió v.v... phát sinh, gọi là âm thanh không có chấp thọ đại chủng làm nhân. Ngoài ra như trước đã giải thích.

Các hương hiện có, cho đến nói rộng. Những thứ vừa ý gọi là hương tốt, không vừa ý gọi là hương xấu. Thuận theo xứ xả thọ gọi là hương bình đẳng.

Đối tượng ngửi của mũi: Nghĩa là cảnh của tử căn. Ngoài ra như trước đã giải thích. Các vị hiện có cho đến nói rộng. Các thứ thích ý gọi là vị vừa ý. Không thích ý gọi là vị không vừa ý. Trái với hai thứ này gọi là vị thuận theo xứ xả.

Đối tượng nếm của lưỡi: Nghĩa là cảnh của thiệt căn. Ngoài ra như trước đã giải thích.

Hỏi: Nếu lúc nếm vị là khởi thiệt thức trước hay là khởi thân thức trước?

Đáp: Nếu các thứ vật nếm là chất lạnh, ẩm v.v... tăng thì khởi thân thức trước. Nếu các thứ vật nếm là chất mặn, chua v.v... tăng thì khởi thiệt thức trước. Nếu vị xúc bình đẳng thì cũng khởi thiệt thức trước, vì vị dục mạnh hơn.

Một phần xúc, cho đến nói rộng. Tánh trơn láng nghĩa là mềm mại. Tánh nhám rít là khô mạnh. Tánh nhẹ là không thể cân đo. Tánh nặng là có thể đo lường.

Lạnh nghĩa là có sự thôi thúc muốn khởi ấm áp. Đói là muốn ăn. Khát là muốn uống. Bảy thứ như vậy là thuộc về xúc xứ, do sắc được tạo làm tự tánh. Bốn đại chủng trước tuy thuộc về xúc xứ, nhưng không phải do sắc được tạo làm tự tánh. Thế nên xúc xứ có mùi một thứ, nay vì có bảy thứ được tạo nên gọi là một phần.

Đối tượng tiếp xúc của thân: Nghĩa là cảnh của thân căn. Ngoài ra như trước đã giải thích.

Hỏi: Đại chủng nào tăng nên có tánh trơn láng, cho đến đại chủng nào tăng nên có tánh khát?

Đáp: Có thuyết nói: Không có tăng thêm riêng, nhưng tánh của bốn đại chủng theo loại có sai biệt, tức có thể tạo nên tánh trơn láng, nói rộng cho đến có thể tạo nên tánh khát.

Lại có thuyết cho: Vì giới nước, lửa tăng thêm nên có thể tạo ra tánh trơn láng. Vì giới đất, gió tăng thêm nên có thể tạo ra tánh nhám rít. Vì giới lửa, gió tăng thêm nên có khả năng tạo ra tánh nhẹ. Vì giới đất, nước tăng thêm nên có thể tạo ra tánh nặng. Vì giới nước, gió tăng thêm nên có thể tạo ra tánh lạnh. Vì chỉ có giới gió tăng thêm nên có thể tạo ra tánh đối. Chỉ có giới lửa tăng thêm nên có thể tạo ra tánh khát.

Ở đây nói tăng thêm nghĩa là nghiệp dụng tăng thêm, không phải sự thể tăng thêm.

Như tâm, tâm sở, thể nào là vô biểu, cho đến nói rộng?

Sắc gắn với pháp xứ: Gắn với có sáu thứ: (1) Gắn với cõi. (2) Gắn với nẻo. (3) Gắn với Bồ-đặc-già-la. (4) Gắn với xứ. (5) Gắn với hữu lậu. (6) Gắn với tự thể.

Gắn với cõi: Như nơi phần Kiết uẩn nói: Các kiết gắn với cõi dục, kiết đó ở nơi cõi dục v.v...

Gắn với nẻo: Nghĩa là nếu thuộc về nẻo như vậy, gọi là gắn với nẻo.

Gắn với Bồ-đặc-già-la: Như Tỳ-nại-da nói: Có hai Bồ-đặc-già-la gắn với trong số Tăng, khiến Tăng chúng hòa hợp.

Gắn với xứ: Như trong đây nói: Thế nào là vô biểu sắc? Nghĩa là sắc gắn với pháp xứ.

Gắn với hữu lậu: Như Luận này nói: Thế nào là pháp gắn liền? Đó là pháp hữu lậu.

Gắn với tự thể: Như Đại Chúng Uẩn nói: Có chấp thọ là nghĩa gì? Đây là tăng ngữ đã làm sáng tỏ pháp gắn với tự thể.

Vô biểu sắc: Nghĩa là giới thiện, ác nối tiếp không dứt. Vô biểu sắc này nơi tất cả thời do một thức nhận biết, đó là ý thức, vì không có đối. Năm cảnh như sắc v.v... vào thời hiện tại là đối tượng nhận biết của năm thức. Ở trong ba đời, tức là đối tượng nhận biết của ý thức. Đây là vào thời nào ý thức cũng nhận biết. Năm căn như nhãn v.v... cũng là đối tượng nhận biết của ý thức trong tất cả thời.

Vô biểu sắc này gồm có hai thứ: Thiện, bất thiện, không có vô ký. Nghĩa là do sức mạnh nơi tâm có thể phát khởi vô biểu. Tâm vô ký yếu kém, không phát khởi vô biểu.

Các vô biểu thiện gồm có hai thứ: (1) Thuộc về luật nghi. (2) Không thuộc về luật nghi.

Vô biểu bất thiện cũng có hai thứ: (1) Thuộc về không luật nghi. (2) Không thuộc về không luật nghi.

Vô biểu thuộc về luật nghi lại có bốn thứ: a. Luật nghi biệt giải thoát. b. Luật nghi tĩnh lự. c. Luật nghi vô lậu. d. Luật nghi đoạn. Luật nghi biệt giải thoát: Là giới của bảy chúng. Luật nghi tĩnh lự: Là giới của cõi sắc. Luật nghi vô lậu: Là giới của hàng hữu học, vô học. Luật nghi đoạn: Là dựa vào một phần của hai luật nghi để kiến lập, là luật nghi tĩnh lự và luật nghi vô lậu. Là nhiệm của cõi dục, chín đạo vô gián tùy chuyển, gồm thân, gọi là luật nghi đoạn. Vì có thể đối trị hết thảy giới ác và có thể đối trị phiền não khởi giới ác, nên gọi là đoạn. Tám đạo vô gián trước tùy chuyển, gồm thân: Là chỉ có thể đối trị phiền não khởi giới ác. Đạo vô gián thứ chín tùy chuyển, gồm thân: Là có thể đối trị giới ác cùng có thể đối trị phiền não khởi giới ác.

Hỏi: Luật nghi biệt giải thoát do gì nên được, do gì nên xả?

Đáp: Do sự giáo hóa của người khác nên được. Do bốn duyên nên xả. Những gì là bốn? (1) Xả giới đã học. (2) Sinh hai hình. (3) Căn thiện bị đoạn. (4) Mất chúng đồng phạm.

Hỏi: Luật nghi tĩnh lự do gì nên được, do gì nên xả?

Đáp: Tâm thiện của cõi sắc nếu được liền được, nếu xả liền xả. Luật nghi này còn có hai thứ: (1) Do thoái chuyển. (2) Do cõi, địa có chuyển đổi.

Hỏi: Luật nghi vô lậu do gì nên được, do gì nên xả?

Đáp: Cùng với đạo đều cùng được, không xả hoàn toàn. Nếu tùy từng phần xả thì do ba duyên: (1) Do thoái chuyển. (2) Do được quả. (3) Do chuyển căn.

Hỏi: Luật nghi đoạn do gì nên được, do gì nên xả?

Đáp: Nếu thuộc về luật nghi tĩnh lự, tức là nói như luật nghi tĩnh lự. Nếu thuộc về luật nghi vô lậu, thì nói như luật nghi vô lậu.

Vô biểu thiện thuộc về luật nghi: Nếu tâm sở tịnh mạnh, phát sinh biểu thiện, tức được vô biểu này. Nếu tâm sở tịnh yếu kém, phát khởi biểu thiện, thì không được vô biểu này.

Xả vô biểu này do ba thứ duyên: (1) Ý lạc dứt. (2) Xả gia hạnh. (3) Lỗi của uy lực bị hạn chế.

Vô biểu bất thiện thuộc về không luật nghi: Nghĩa là các thứ bất luật nghi như đồ tể dê v.v... Bất luật nghi này do hai duyên nên tạo ra: (1) Do tạo nghiệp. (2) Do thọ nhận sự việc.

Bất luật nghi này do bốn duyên xả: (1) Do thọ giới biệt giải thoát. (2) Do được luật nghi tĩnh lự. (3) Do sinh hai hình. (4) Do mất chúng đồng phạm.

Nhưng tất cả sắc, lược có bốn thứ: (1) Dị thực. (2) Nuôi lớn. (3) Đẳng lưu. (4) Sát-na.

Trong đây nhãn xứ chỉ có hai thứ: (1) Dị thực. (2) Nuôi lớn. Không có đẳng lưu riêng, vì là hai thứ trước, không có riêng tánh đẳng lưu. Xứ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân nên biết cũng như vậy.

Sắc xứ chỉ có ba thứ: Dị thực, nuôi lớn và đẳng lưu. Xứ của hương, vị, xúc nên biết cũng như thế.

Thanh xứ chỉ có hai thứ: Tức nơi ba thứ trước, trừ dị thực. Sắc gắn với pháp xứ chỉ có hai thứ. Tâm vô lậu đầu tiên cùng có là thuộc về sát-na. Những thứ khác là thuộc về đẳng lưu.

**

Phẩm thứ 2: PHÂN BIỆT TÂM

Hỏi: Đã nhận biết sự lừa dối mê hoặc của sắc tướng, người ngu không thể nắm bắt, tiếp xúc, cũng như đồng bọt nước. Vậy muốn được nghe tâm pháp, tướng của chúng thì thế nào?

Đáp: Tâm, ý, thức, không nên chỉ nói là tâm, là những gì đã hỏi.

Hỏi: Tâm, ý, thức, ba thứ ấy có gì khác nhau?

Đáp: Ba thứ này không có sai biệt. Như việc của thế gian: Một nói là nhiều, nhiều nói là một. Một nói là nhiều, như nói: Sĩ phu là người, là nho đồng v.v... Nhiều nói là một, như nói: Con chim, hạt đậu v.v... tức đồng tên lại sinh. Nên biết trong đây cùng dựa vào một sự việc để nói. Tâm, ý, thức cũng lại như vậy.

Có thuyết cho: Cũng có khác nhau. Quá khứ gọi là ý. Vị lai gọi là tâm. Hiện tại gọi là thức.

Lại nữa, theo cõi thì thiết lập tâm. Theo xứ thì thiết lập ý. Theo uẩn thì thiết lập thức.

Lại nữa, dựa vào hành nghiệp xa gọi là tâm. Dựa vào hành nghiệp trước gọi là ý. Dựa vào nghiệp nối tiếp sinh gọi là thức.

Lại nữa, do nghĩa gom hợp lại gọi là tâm. Do nghĩa dựa vào nẻo, cõi gọi là ý. Do nghĩa phân biệt nhận biết gọi là thức.

Sự việc này lại là thế nào? Nghĩa là sáu thức thân.

Hỏi: Vì sao chỉ có sáu thức, không phải giảm, không phải tăng?

Đáp: Vì chỗ nương dựa (đối tượng nương dựa) nhau v.v... Nghĩa là chỗ nương dựa của thức chỉ có sáu thứ. Nếu giảm thức còn năm thì có một chỗ nương dựa không có thức. Nếu tăng thức đến bảy là có một thức không có chỗ nương dựa v.v... Sáu đối tượng duyên nên biết cũng như vậy. Nhưng nói thức khác, là chỉ căn cứ vào chỗ nương dựa của thức là thân. Nghĩa là một thức có nhiều, không phải một nhãn thức gọi là nhãn thức thân, cần có nhiều nhãn thức gọi là nhãn thức thân. Như không phải một con voi có thể gọi là thân voi, cần phải có nhiều voi mới gọi là thân voi. Thức này cũng như vậy.

Thế nào là nhãn thức? Nghĩa là nương dựa vào nhãn căn: Là làm sáng tỏ chỗ nương dựa của nhãn thức. Điều phân biệt nhận biết sắc: Là làm sáng tỏ đối tượng duyên của nhãn thức.

Lại nữa, nghĩa là nương dựa nơi nhãn căn: Là nói nhân của nhãn thức. Sắc: Là nói duyên của nhãn thức. Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Nhân nơi mắt duyên sắc, nên nhãn thức được sinh.

Hỏi: Nhân cùng với nhãn thức làm những nhân nào?

Đáp: Đây là nhân nương dựa. Ví như đại chúng cùng với sắc được tạo là nghĩa của nhân nương dựa.

Điều phân biệt nhận biết: Nghĩa là nói tướng của nhãn thức, vì thức lấy sự phân biệt nhận biết làm tướng của mình. Ý trong đây nói, dựa vào mắt, duyên nơi sắc, có tướng phân biệt nhận biết gọi là nhãn

thức. Nói rộng cho đến dựa vào ý, duyên nơi pháp, có tướng phân biệt nhận biết gọi là ý thức.

Hỏi: Vì sao không chỉ nói là Dựa vào nhãn căn v.v... hoặc không chỉ nói Điều phân biệt nhận biết sắc v.v..?

Đáp: Nếu nói theo một nghĩa thì không thành. Nghĩa là nếu chỉ nói Dựa vào nhãn căn v.v... thì các pháp như thọ tương ứng với nhãn thức kia cũng dựa vào nhãn căn v.v..., tức nên gọi là thức như nhãn v.v... Nếu lại chỉ nói Điều phân biệt nhận biết sắc v.v... thì đã có ý thức cũng phân biệt nhận biết sắc v.v..., tức ý thức cũng nên gọi là thức như nhãn v.v... Tuy nhiên, ở đây nói Dựa vào nhãn căn v.v... là nhằm ngăn chặn ý thức có thể phân biệt nhận biết sắc v.v... Lại nói Điều có thể phân biệt nhận biết sắc v.v... là để ngăn chặn thọ v.v... tương ứng với thức như nhãn v.v...

Hỏi: Nhãn, sắc nêu rõ tác ý làm duyên sinh nhãn thức. Vì sao chỉ nói nhãn thức, không phải là thức khác?

Đáp: Vì nhãn căn là vượt hơn, như sách Vũ nhiễm (?), do mắt là không chung. Như mầm giống nào đó, là chỗ nương dựa của mắt. Như tiếng trống v.v... do mắt rất gần gũi, như nói giác chi.

Nhãn, nhĩ, thân thức đều có bốn thứ: Thiện, bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký. Bất thiện là chỉ có nơi cõi dục. Hữu phú vô ký là chỉ ở nơi cõi Phạm thế. Thiện, vô phú vô ký thì chung cho cõi Phạm thế, cõi dục, không phải ở địa trên, vì có tầm tứ.

Hai thức tử, thiết đều có ba thứ, trừ hữu phú vô ký, chỉ ở nơi cõi dục, vì duyên nơi đoạn thực. Ý thức có bốn thứ, chung cả ba cõi, không hệ thuộc.

Hỏi: Nếu từ tinh lự thứ nhất trở lên, các địa không có ba thức thân, thì sinh lên cõi đó làm sao có được thấy, nghe và xúc?

Đáp: Do sức tu nên ba thức nơi địa của tinh lự thứ nhất được hiện ở trước, khiến ba căn kia có được thấy, nghe, xúc.

Dựa vào nghĩa như vậy, nên có người hỏi: Từng có thân của địa khác, mắt của địa khác, sắc của địa khác và nhãn thức của địa khác sinh khởi chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là người sinh nơi địa của tỉnh lỵ thứ hai, dùng mắt của địa nơi tỉnh lỵ thứ tư để trông thấy sắc của địa nơi tỉnh lỵ thứ ba. Thân của địa nơi tỉnh lỵ thứ hai kia với mắt của địa nơi tỉnh lỵ thứ tư để trông thấy sắc của địa nơi tỉnh lỵ thứ ba. Nhãn thức của địa nơi tỉnh lỵ thứ nhất sinh khởi trong ấy.

Năm thức thân đều có hai thứ: (1) Dị thực. (2) Đẳng lưu.

Ý thức thân có ba thứ: (1) Dị thực. (2) Đẳng lưu. (3) Sát-na. Sát-na ở đây là ý thức tương ứng với khổ pháp trí nhãn.

Hỏi: Từng có một nhân nơi đạo hiện ở trước, trong khoảng một sát-na đã xả tâm. Hoặc có: Là tự tánh của nhân đồng loại không phải là có nhân đồng loại. Hoặc có: Là có nhân đồng loại không phải là tự tánh của nhân đồng loại. Hoặc có: Là tự tánh của nhân đồng loại cũng có nhân đồng loại. Hoặc có: Không phải là tự tánh của nhân đồng loại cũng không phải là có nhân đồng loại?

Đáp: Có. Là lúc đạo loại trí nhãn sinh. Nên tạo ra bốn trường hợp: (1) Là khổ pháp trí nhãn đã sinh tương ứng với tâm. (2) Là tâm tương ứng với kiến đạo ở vị lai. (3) Là trừ tâm tương ứng với khổ pháp trí nhãn đã sinh, các tâm tương ứng với kiến đạo đã sinh. (4) Là trừ các thứ đã nêu ở trước.

Hỏi: Từng có một nhân nơi đạo hiện ở trước, trong một khoảng sát-na đã xả tâm. Hoặc có: Là hữu lậu duyên nơi hữu lậu. Hoặc có: Là hữu lậu duyên nơi vô lậu. Hoặc có: Là vô lậu duyên nơi vô lậu. Hoặc có: Là vô lậu duyên nơi hữu lậu?

Đáp: Có. Là lúc đạo loại trí nhãn sinh. Nên tạo ra bốn trường hợp: (1) Là tâm tương ứng với tùy miên duyên nơi hữu lậu thuộc cõi sắc, vô sắc do kiến đạo đoạn trừ. (2) Là tâm tương ứng với tùy miên

duyên nơi vô lậu thuộc cõi sắc, vô sắc do kiến đạo đoạn trừ. (3) Là tâm tương ưng với diệt đạo nhân trí. (4) Là tâm tương ưng với khổ tập nhân trí.

Hỏi: Từng có vô sự phiền não, đạo đối trị hiện ở trước, trong một khoảng sát-na đã xả tâm. Hoặc có: Duyên nơi vô lậu không phải là duyên của duyên nơi vô lậu. Hoặc có: Duyên của duyên nơi vô lậu không phải là duyên nơi vô lậu. Hoặc có: Duyên nơi vô lậu cũng là duyên của duyên nơi vô lậu. Hoặc có: Không phải là duyên nơi vô lậu cũng không phải là duyên của duyên nơi vô lậu?

Đáp: Bốn trường hợp như vậy căn cứ theo nghĩa nên suy xét.

Hỏi: Từng có tâm đã diệt của tâm sát-na hiện ở trước. Hoặc có: Là định không phải là duyên của định. Hoặc có: Là duyên của định không phải là định. Hoặc có: Là định cũng là duyên của định. Hoặc có: Không phải là định cũng không phải là duyên của định.

Đáp: Bốn trường hợp như vậy căn cứ theo nghĩa nên suy xét.

Hỏi: Từng có tâm đã diệt của tâm sát-na hiện ở trước. Hoặc có: Đã sinh không phải là tâm đã sinh làm nhân. Hoặc có: Tâm đã sinh làm nhân không phải là đã sinh. Hoặc có: Đã sinh cũng là tâm đã sinh làm nhân. Hoặc có: Không phải là đã sinh cũng không phải là tâm đã sinh làm nhân.

Đáp: Bốn trường hợp như vậy căn cứ theo nghĩa nên suy xét.

*
**

Phẩm thứ 3: PHÂN BIỆT TÂM SỞ PHÁP

Hỏi: Đã nhận biết hành tướng lưu chuyển không phải là một chỗ nương dựa, một đối tượng duyên, cũng như sự huyễn hóa rất khó điều phục như voi, ngựa dữ, do có tâm sai biệt như tham v.v... Nay

lại muốn được nghe nói về tướng của tâm sở pháp. Thế nào là tâm sở pháp? Làm sao để nhận biết là riêng có?

Đáp: Các thọ v.v... hiện có gọi là tâm sở pháp. Vì kinh là lượng, nên nhận biết là riêng có Thể. Như Đức Thế Tôn nói: Do hai duyên là nhãn, sắc nên sinh ra nhãn thức. Vì ba sự hòa hợp nên xúc cùng với xúc đều cùng khởi, có thọ, tưởng, tư, cho đến nói rộng.

Trong Khế kinh Tát Tha Phiệt Đề nói: Lại có suy nghĩ: Các tâm sở pháp dựa vào tâm mà khởi, hệ thuộc nơi tâm. Lại nữa, Tôn giả Xá-lợi-tử hỏi Tôn giả Câu-chi-la: Vì sao tưởng, tư gọi là ý hành? Câu-chi-la thưa: Hai tâm sở pháp này đều dựa vào tâm khởi, hệ thuộc nơi tâm, cho đến nói rộng.

Do vô lượng Khế kinh như vậy v.v..., nên nhận biết tâm sở pháp nhất định là có riêng Thể.

Lại, nếu tâm sở pháp không có Thể riêng thì Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, căn thiện, thức trụ, các thứ thực, niệm trụ, các uẩn, sáu đại, giác chi, đạo chi, các kiết, pháp học, cùng chi hữu nơi Khế kinh đã nói nên giảm. Lại, không nên lập pháp địa đại v.v... Nhưng kinh đã nói pháp môn không giảm, pháp của địa đại v.v... thật sự có thể kiến lập, nên biết riêng có các tâm sở pháp.

Hỏi: Dựa vào đâu để nhận biết tâm sở tương ưng với tâm?

Đáp: Vì kinh là lượng (Thánh giáo lượng v.v...). Như Đức Thế Tôn nói: Kiến là tín căn, tương ưng với chứng trí. Nên biết tâm sở có nghĩa tương ưng.

Hỏi: Nói tương ưng là nghĩa gì?

Đáp: Các Đại Luận sư của A-tỳ-đạt-ma đều nói thế này: Nói tương ưng là nghĩa bình đẳng.

Hỏi: Có tâm lúc khởi vị thì tâm sở pháp nhiều. Có tâm lúc sinh thì tâm sở ít. Vì sao nói bình đẳng là nghĩa tương ưng?

Đáp: Vì dựa vào Thể bình đẳng nên nói như vậy. Nếu trong một tâm có hai thọ, một tướng thì đúng không phải bình đẳng là nghĩa tương ưng. Nhưng trong một tâm chỉ có một thọ, một tướng, tư v.v... cũng như vậy, nên nói bình đẳng là nghĩa tương ưng.

Lại nữa, cùng không trái nhau là nghĩa tương ưng. Cùng không ly tán là nghĩa tương ưng. Bình đẳng vận chuyển là nghĩa tương ưng. Như các bộ phận của xe, nên gọi là tương ưng.

Lại nữa, đồng một thời phần, đồng một chỗ dựa, đồng một hành tướng, đồng một đối tượng duyên, đồng một quả, đồng một đẳng lưu, đồng một dị thực, là nghĩa tương ưng.

Sự việc này lại là thế nào? Nghĩa là thọ, tướng, tư cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao trước nói thọ, không phải nói tướng trước v.v...?

Đáp: Vì hành tướng thô. Thọ tuy không trở ngại, không trụ ở nơi chôn nư hành tướng thô nên thiết lập như sắc. Vì vậy thế gian nói: Hôm nay tôi đau tay, đau chân, đau đầu, cho đến nói rộng. Tướng, tư, xúc v.v... không có việc như vậy.

Thế nào là thọ? Nghĩa là tánh lãnh nạp. Có dụng lãnh nạp, gọi là tánh lãnh nạp, tức là nghĩa nhận lãnh cảnh của đối tượng duyên.

Thọ này có ba thứ: Là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Nếu có thể nuôi lớn đại chủng của các căn theo tánh thọ nhận bình đẳng gọi là lạc thọ. Nếu có thể tổn giảm đại chủng của các căn theo tánh thọ nhận không bình đẳng gọi là khổ thọ. Cùng với cả hai đều trái nhau, theo tánh thọ nhận không phải bình đẳng, không phải không bình đẳng, gọi là bất khổ bất lạc thọ.

Lại nữa, nếu ở nơi thọ này, khiến hai duyên nơi tùy miên tham tùy tăng, nghĩa là đối tượng duyên hoặc là tương ưng, đó gọi là lạc thọ. Nếu ở nơi thọ này, khiến hai duyên nơi tùy miên sân tùy tăng, nghĩa là đối tượng duyên hoặc là tương ưng, đó gọi là khổ thọ. Nếu

ở nơi thọ này, khiến hai duyên nơi tùy miên si tùy tăng, nghĩa là đối tượng duyên hoặc là tương ưng, đó gọi là bất khổ bất lạc thọ. Tuy tùy miên si ở nơi hai duyên của tất cả thọ tùy tăng, nhưng si bất cộng tự dựa mà khởi, tự lực mà chuyển, nên phần nhiều cùng kết hợp với bất khổ bất lạc thọ. Vì các pháp còn lại là rõ, nên không nói đến.

Do vừa ý không vừa ý, thuận cảnh xả có sai biệt nên kiến lập ba tánh lãnh nạp như vậy. Thế nên chỉ nêu có ba thứ thọ nhưng thật sự thì tánh thọ có vô lượng thứ. Ngoài ra, là nhằm khiến nhận biết lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ là không thật.

Hỏi: Nhân định kia do duyên nào nói lạc thọ là không thật?

Đáp: Vì kinh là Thánh giáo lượng. Nghĩa là Khế kinh nói các thọ hiện có đều là khổ. Lại như Khế kinh nói: Ông nên dùng khổ để quán lạc thọ. Nếu tánh của lạc thọ là thật có, thì sao Đức Thế Tôn lại dạy đệ tử quán lạc là khổ?

Lại như Khế kinh nói: Ở nơi khổ cho là lạc, gọi là điên đảo. Nếu có lạc thọ tức nên không có ở nơi khổ cho là lạc, là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Lại như Khế kinh nói: Các thọ hữu lậu là thuộc về khổ đế.

Ở đây nói thuộc về: Là thuộc về tự tánh, không phải lạc thọ thật sự là tự tánh của khổ. Vì sao có thể nói là thuộc về khổ đế? Vì đã nói là thuộc về khổ đế nên lạc thọ là không thật.

Lại, vì tướng khác biệt. Nghĩa là tướng bức bách gọi là khổ. Không phải thật sự lạc thọ có tướng bức bách. Vậy sao có thể nói các thọ hữu lậu đều thuộc về khổ đế? Là do hiện quán. Nghĩa là quán tất cả hữu lậu đều là khổ, gọi là hiện quán. Nếu tánh của lạc thọ là thật có, thì việc quán lạc là khổ trở thành kiến điên đảo, nên không phải là hiện quán. Vì vậy nên biết nhất định không có lạc thọ thật sự. Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: Thật có lạc thọ vì lấy kinh để xác định.

Nghĩa là như Khế kinh nói: Đức Phật bảo Đại Danh: Nếu sắc hoàn toàn là khổ, không phải là vui, không phải là vui đã theo, thì hữu tình không nên tham đắm các sắc, cho đến nói rộng.

Lại như Khế kinh nói: Cùng lạc cùng hỷ đối với bốn Thánh đế, Ta nói là hiện quán.

Lại như Khế kinh nói: Có ba thứ thọ là lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Lại như Khế kinh nói: Các lạc thọ lúc sinh khởi, lúc lạc trụ, lạc do vô thường nên có lỗi lầm tai hại. Các khổ thọ lúc sinh khởi, lúc khổ trụ, khổ do vô thường nên có lỗi lầm tai hại.

Nếu tánh của lạc thọ không phải là thật có, tức nên không phải tạo ra một cách nói như khổ. Tức nên ở nơi lạc thọ tạo ra cách nói khác. Tức nên ở nơi khổ thọ tạo ra cách nói khác.

Lại, nếu tánh của lạc thọ không phải là thật có, tức nên không có khinh an, do không có nhân. Như Khế kinh nói: Do có hỷ nên thân tâm khinh an. Nếu không có khinh an, tức cũng nên không có lạc. Lần lượt cho đến tức nên không có Niết-bàn, không có nhân quả, vì không phải hữu.

Sư kia ở đây đã tạo ra ngôn thuyết theo nghĩa biện hộ: Như trong địa trên tuy không có hỷ nhưng không phải không có thân tâm khinh an, thế nên lời dẫn chứng không phải là quyết định.

Sự biện hộ kia là phi lý. Vì sao? Vì trong địa trên đều không có hỷ. Nên quán về nghĩa này. Như Kiên-đạt-phước do ba sự hòa hợp là thức ăn, danh sắc và thức. Như Khế kinh nói: Cha mẹ giao hợp có Kiên-đạt-phước đang hiện ở trước, nhưng lúc thấy hữu, không có cha mẹ giao hợp, thì Kiên-đạt-phước cũng hiện ở trước. Như thọ thấp sinh và hóa sinh, không phải thọ hai thứ thai sinh, noãn sinh, loài hữu tình lìa sự việc cha mẹ giao hợp vẫn có nghĩa vào thai.

Lại như Khế kinh nói: Ba sự hòa hợp là thọ mạng, hơi ấm và thức. Nhưng cõi vô sắc tuy không có hơi ấm nhưng có thọ mạng và thức, không phải là thân của cõi dục, cõi sắc, vì thọ mạng và thức đã là hơi ấm.

Lại như Khế kinh nói: Thân dựa vào thức ăn để trụ. Không phải hai cõi trên trụ do ba thứ ăn, cõi dục cũng như vậy. Không phải trong cõi dục trụ do bốn thứ ăn, cõi trên cũng như vậy.

Lại như Khế kinh nói: Danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc. Không phải cõi vô sắc tuy không có sắc nhưng danh cùng với thức lần lượt duyên nhau, khiến trong cõi dục, sắc cũng có nghĩa này. Ở đây cũng như vậy. Nếu có xứ hỷ, do có hỷ nên có được khinh an. Nếu xứ hỷ không có, khinh an cũng có, là do duyên khác. Tức không nên vấn nạn.

Thế nào là duyên khác? Nghĩa là trước tiên nơi cõi dục có hỷ thọ hơn hết dẫn đến khinh an của định vị chí khiến khởi. Hai tĩnh lự đầu có hỷ thọ hơn hết, dẫn đến khinh an trong địa trên, khiến khởi. Nếu khiến không có hỷ tức không có khinh an, do đây chứng biết nhất định là có lạc thọ.

Lại như quả thứ nhất, ở hai cõi trên, tuy không thể đạt được, nhưng nơi hai cõi kia có thể được quả A-la-hán, do sức trước dẫn dắt. Đây cũng tức như vậy, không nên nêu ra vấn nạn.

Lại như dùng cây gậy, trước là đánh vào bánh xe, sau lúc bỏ gậy, bánh xe kia vẫn còn quay. Ở đây cũng nên như vậy. Do sức của hỷ trước dẫn đến khinh an sau. Thế nên khinh an nhất định là do có hỷ. Hỷ tức là hỷ thọ thuộc về lạc thọ. Vì vậy nhất định nhận biết thật có lạc thọ.

Lại, do lạc thọ nên có hy vọng. Như Khế kinh nói: Nếu người có lạc thì đối với pháp có hy vọng. Lạc thọ nếu không, tức nên đối với pháp không có hy vọng. Vì thế nhận biết nhất định là thật có lạc thọ.

Lại, vì nghiệp đáng yêu thích tức nên không có quả. Nếu không có lạc thọ, thì các nghiệp đáng yêu thích tức nên trống không, không có quả. Vì các nghiệp đáng yêu thích nhất định do lạc thọ là quả của các nghiệp ấy. Cũng không nên nói các nghiệp đáng yêu thích đều lấy các vật dụng tạo an lạc làm quả dị thực, vì các vật dụng kia chỉ là quả tăng thượng. Nghĩa là các vật dụng tạo an lạc là quả tăng thượng, không phải là quả dị thực. Vì sao? Vì các vật dụng tạo an lạc hiện có đều có thể có cùng với người khác cùng thọ dụng. Vì sau khi mình qua đời, chúng không hoại mất. Nghĩa là các vật dụng tạo an lạc đều có thể cùng thọ dụng với hữu tình khác. Các quả dị thực thì nhất định không có nghĩa thọ dụng chung cùng với người khác, vì gắn liền với sự tương tục của chính mình, không cùng với người khác.

Lại nữa, các vật dụng tạo an lạc sau khi mình qua đời, như voi, ngựa v.v... cũng không hoại mất. Các quả dị thực đều cùng với thân mạng kết hợp. Thân mạng nếu đã không có, thì quả dị thực kia nhất định hoại mất. Cho nên nghiệp đáng yêu thích nếu không có thì lạc thọ tức nên trống không, không có quả. Lý ấy là quyết định.

Lại, vì gồm thâm lợi ích. Nếu không có lạc thọ, thì đại chúng của các căn tức nên không có gồm thâm lợi ích. Nếu cho việc gồm thâm lợi ích là do các hữu tình phân biệt cảnh giới, không phải do lạc thọ, thì lý ấy cũng không đúng. Nên biết gồm thâm lợi ích như do khổ thọ nên có tổn hại.

Lại, vì chánh gia hạnh tất có quả. Nếu không có lạc thọ, thì chánh gia hạnh tức nên trống không, không có quả. Người chánh gia hạnh tức nên lấy khổ thọ làm quả dị thực, vì không có lạc thọ. Như tà gia hạnh tất lấy khổ thọ làm quả dị thực, chánh gia hạnh nên dùng lạc thọ làm quả dị thực. Vì cùng trái nhau, như sáng với tối, bóng với ánh sáng v.v...

Lại, do lạc thọ khởi hành ác. Nếu không có lạc thọ, thì hành ác tức nên không có. Do các hữu tình tham đắm lạc thọ, nên khởi các

hành ác chiêu cảm quả khổ thọ. Hành ác nếu không có tức nên không có khổ thọ. Khổ thọ đã có thì hành ác không phải là không có. Đã có hành ác thì nhất định là có lạc thọ.

Lại, vì pháp thọ. Như Khế kinh nói: Có bốn pháp thọ: Hoặc có pháp thọ hiện vui, sau khổ. Hoặc có pháp thọ hiện khổ, sau vui. Hoặc có pháp thọ hiện vui, sau vui. Hoặc có pháp thọ hiện khổ, sau khổ. Nếu không có lạc thọ, thì pháp thọ tức nên là một, không nên có bốn. Do vô số các nhân duyên như thế, nên nhất định là có lạc thọ.

Hỏi: Nếu có lạc thọ thì lời Đức Thế Tôn đã nói trái với lạc thọ. Vậy kinh kia có lý sâu xa gì?

Đáp: Vì có lý sâu xa riêng. Lại, như kinh đầu nói: Các thọ hiện có đều là khổ. Nên biết là kinh kia đã dựa vào ba khổ để nói. Những gì là ba khổ? (1) Khổ khổ. (2) Hoại khổ. (3) Hành khổ. Nếu các khổ thọ thì do khổ khổ nên nói là khổ. Hoặc các lạc thọ thì do hoại khổ nên nói là khổ. Hoặc các bất khổ bất lạc thọ thì do hành khổ nên nói là khổ. Như Khế kinh nói: “Vì vô thường nên khổ”. Nên biết kinh kia có lý sâu xa này.

HẾT - QUYÊN HẠ

SỐ 1556/1
LUẬN TÁT BÀ ĐA TÔNG NGŨ SỰ

*Hán dịch: Sa môn Pháp Thành
(Đạo tràng chùa Tu Đa ở Cam Châu nước Đại Phiên).
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

Pháp có năm thứ: (1) Sắc pháp. (2) Tâm pháp. (3) Tâm sở hữu pháp. (4) Tâm bất tương ưng hành pháp. (5) Vô vi pháp.

Thế nào là Sắc pháp? Nghĩa là tất cả thứ sắc kia đều từ bốn đại chủng, tức do bốn đại tạo sinh ra các sắc.

Những gì là bốn đại? Đó là giới đất, giới nước, giới lửa, giới gió (Địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới).

Thế nào là sắc tạo? Nghĩa là các nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn. Các sắc, các thanh, các hương, các vị, một phần xúc cùng vô biểu sắc.

Thế nào là Tâm pháp? Nghĩa là tâm, ý, thức. Tâm pháp ấy lại là thế nào? Nghĩa là sáu thức thân: Nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức.

Thế nào là Tâm sở hữu pháp? Nghĩa là các pháp cùng với tâm tương ưng. Pháp kia lại là thế nào? Tức là thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý, dục, thắng giải, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, tầm, tứ, phóng dật, bất phóng dật, căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, các kiết, hệ phược, ản, rộng, các tùy phiền não, triền nhiễu an trụ, nhận biết (trí), kiến, hiện

quán hiện có. Lại có pháp khác cùng với tâm tương ưng. Những loại như vậy gọi là tâm sở hữu pháp.

Thế nào là Tâm bất tương ưng hành pháp? Nghĩa là có các pháp cùng với tâm không tương ưng. Pháp kia lại là thế nào? Đó là đắc, đẳng chí vô tướng, đẳng chí diệt tận, vô tướng sở hữu, mạng căn, chúng đồng phận, đắc xứ sở, đắc sự, đắc xứ, sinh, lão, trụ, vô thường tánh, danh thân, cú thân và văn thân. Lại có pháp khác cùng với tâm không tương ưng. Các loại như vậy gọi là tâm bất tương ưng hành pháp.

Thế nào là Vô vi pháp? Đó là ba thứ vô vi: Hư không, phi trách diệt và trách diệt. Đây gọi là vô vi pháp.

*

Thế nào là giới đất (Địa giới)? Là tánh cứng chắc. Thế nào là giới nước (Thủy giới)? Là tánh thấm nhuần. Thế nào là giới lửa (Hỏa giới)? Là tánh nóng, ấm. Thế nào là giới gió (Phong giới)? Là tánh nhẹ động.

Thế nào là nhãn căn? Nghĩa là nhãn thức dựa vào sắc thanh tịnh. Thế nào là nhĩ căn? Nghĩa là nhĩ thức dựa vào sắc thanh tịnh. Thế nào là tỷ căn? Nghĩa là tỷ thức dựa vào sắc thanh tịnh. Thế nào là thiệt căn? Nghĩa là thiệt thức dựa vào sắc thanh tịnh. Thế nào là thân căn? Nghĩa là thân thức dựa vào sắc thanh tịnh.

Thế nào là các sắc? Nghĩa là các sắc đẹp, sắc không đẹp, các sắc ở giữa hai sắc đó và hiển sắc v.v...

Một thức đầu tiên là nhãn thức nhận biết. Nhãn thức đã thọ nhận, ý thức có thể nhận biết. Thế nên các sắc do hai thức là nhãn thức, ý thức nhận biết rõ.

Thế nào là các thanh? Thanh có hai thứ: Chấp thọ nhân đại chủng sinh và không chấp thọ nhân đại chủng sinh.

Một thức đầu tiên là nhĩ thức nhận biết. Nhĩ thức đã thọ nhận, ý thức có thể nhận biết. Thế nên các thanh do hai thức là nhĩ thức, ý thức nhận biết rõ.

Thế nào là các hương? Đó là hương tốt, hương xấu, hương bình đẳng liêu (Hương trung bình).

Một thức đầu tiên là tỷ thức nhận biết. Tỷ thức đã thọ nhận, ý thức có thể nhận biết. Thế nên các hương do hai thức là tỷ thức, ý thức nhận biết rõ.

Thế nào là các vị? Đó là vị nếm vừa ý, không vừa ý và bình thường.

Một thức đầu tiên là thiệt thức nhận biết. Thiệt thức đã thọ nhận, ý thức có thể nhận biết. Thế nên các vị do hai thức là thiệt thức, ý thức nhận biết rõ.

Thế nào là một phần xúc? Là tánh tron, nhám, nhẹ, nặng, lạnh, đói, khát v.v...

Một thức đầu tiên là thân thức nhận biết. Thân thức đã thọ nhận, ý thức có thể nhận biết. Thế nên một phần xúc do hai thức là thân thức, ý thức nhận biết rõ.

Những gì gọi là các vô biểu sắc? Nghĩa là sắc thuộc về pháp xứ. Nơi tất cả thời chỉ một ý thức nhận biết rõ.

*

Thế nào là nhãn thức? Là dựa vào nhãn căn phân biệt nhận biết sắc.

Thế nào là nhĩ thức? Là dựa vào nhĩ căn phân biệt nhận biết thanh.

Thế nào là tỷ thức? Là dựa vào tỷ căn phân biệt nhận biết hương.

Thế nào là thiệt thức? Là dựa vào thiệt căn phân biệt nhận biết vị.

Thế nào là thân thức? Là dựa vào thân căn phân biệt nhận biết xúc.

Thế nào là ý thức? Là dựa vào ý căn phân biệt nhận biết pháp.

*

Thế nào là thọ? Là tánh lãnh nạp. Thọ này có ba thứ: Khổ, vui và không khổ không vui. Thế nào là tướng (Tuợng)? Là tánh nhận biết khắp. Tướng này có ba thứ: nhỏ, lớn và vô lượng. Thế nào là tư? Là tâm tạo hành, ý tạo nghiệp. Nghiệp này có ba thứ: Thiện, bất thiện và vô ký. Thế nào là xúc? Là ba sự hòa hợp. Xúc này gồm có ba thứ: Thọ lạc, thọ khổ, thọ bất khổ bất lạc.

Thế nào là tác ý? Là tâm sở chuyển biến. Tâm sở này có ba thứ: Học, vô học, phi học phi vô học. Thế nào là dục? Là tánh ưa thích tạo tác. Thế nào là thắng giải? Là tâm sở ưa vui, tánh ưa hành tác.

Thế nào là tín? Là tâm rất tịnh. Thế nào là tinh tấn? Là tâm vui mừng thích thú. Thế nào là niệm? Là tánh ghi nhớ rõ của tâm. Thế nào là định? Là tánh một cảnh của tâm. Thế nào là tuệ? Là quyết định lựa chọn pháp.

Thế nào là tâm? Tâm tra xét là tánh. Thế nào là tứ? Tâm vi tế là tánh.

Thế nào là phóng dật? Là không tu các pháp thiện. Thế nào là bất phóng dật? Là tu các pháp thiện.

Các căn thiện: Là ba căn thiện: Căn thiện không tham, căn thiện không sân, căn thiện không si.

Căn bất thiện: Là ba căn bất thiện: Căn bất thiện tham, căn bất thiện sân, căn bất thiện si.

Căn vô ký: Là bốn căn vô ký: Vô ký ái, vô ký kiến, vô ký mạn, vô ký vô minh. Thế nào là vô ký ái? Là năm thứ của cõi sắc, vô sắc đã tạo. Thế nào là vô ký kiến? Là thân kiến và biên kiến đã hành trong cõi dục. Năm kiến đã hành trong cõi sắc, vô sắc. Thế nào là vô ký mạn? Là năm thứ đã hành ở cõi sắc, vô sắc. Thế nào là vô ký vô

minh? Là thân kiến đã hành trong cõi dục và vô minh tương ưng với biên kiến, năm thứ đã hành trong cõi sắc, vô sắc.

Nói các kiết: Là chín thứ kiết: Kiết tham, kiết sân, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết thắng chấp, kiết nghi, kiết tật, kiết xan.

Thế nào là kiết tham? Là tham trong ba cõi.

Thế nào là kiết sân? Là dựa vào tánh giận dữ của các hữu tình làm tánh.

Thế nào là kiết mạn? Là bảy thứ mạn gọi là kiết mạn: Mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ty mạn, tà mạn.

Thế nào là mạn? Là đối với kẻ thua kém cho là hơn, ngang đồng cho là đồng. Dùng chấp ấy làm nhân, giữ tánh kiêu mạn, tâm tự đề cao, cố chấp. Đó gọi là mạn.

Thế nào là quá mạn? Là đối với người ngang bằng mình cho là mình hơn. Hoặc đối với người hơn cho là mình bằng. Đó gọi là quá mạn.

Thế nào là mạn quá mạn? Là đối với người hơn mình cho là mình hơn họ, lấy điều ấy làm nhân, giữ lấy tánh khinh mạn, tâm kiêu ngạo, cố chấp. Đó gọi là mạn quá mạn.

Thế nào là ngã mạn? Nghĩa là ở nơi năm thủ uẩn, tùy theo quán làm ngã, hoặc làm ngã sở, lấy điều ấy làm nhân, giữ lấy tánh khinh mạn, ý thị, tâm tự đề cao, cố chấp. Đó gọi là ngã mạn.

Thế nào là tăng thượng mạn? Chưa chứng được quả thù thắng trên hết nhưng cho là mình đã chứng được, hoặc chưa xúc chứng, cũng chưa hiện tiền, luôn lấy đó làm nhân, giữ lấy tánh khinh mạn, kiêu ngạo, tâm tự đề cao, cố chấp. Đó gọi là tăng thượng mạn.

Thế nào là ty mạn? Nghĩa là đối với hàng hơn hẳn mình nhiều phần chấp cho mình chỉ thua kém phần ít, lấy điều ấy làm nhân, giữ lấy tánh khinh mạn, tâm tự đề cao, kiêu ngạo, cố chấp. Đó gọi là ty mạn.

Thế nào là tà mạn? Nghĩa là mình không có đủ đức nhưng chấp cho mình có đủ đức, lấy đó làm nhân, giữ lấy tánh khinh mạn, tâm tự đề cao, cố chấp. Đó gọi là tà mạn.

Bảy thứ mạn trên đây gọi là kiết mạn.

Thế nào là kiết vô minh? Là không hiểu biết về ba cõi. Đó gọi là kiết vô minh.

Thế nào là kiết kiến? Là ba thứ kiết gọi là kiết kiến. Ba thứ đó là: (1) Thân kiến. (2) Biên chấp kiến. (3) Tà kiến.

Thế nào là thân kiến? Là ở nơi năm thủ uẩn, tùy theo quán cho là ngã, hoặc cho là ngã sở, lấy đó làm nhân, nhận vui theo tuệ quán và đối tượng nhận biết. Đó gọi là thân kiến.

Thế nào là biên chấp kiến? Là ở nơi năm thủ uẩn, tùy theo quán đoạn thường, lấy đó làm nhân, nhận vui theo tuệ quán và đối tượng nhận biết. Đó gọi là biên chấp kiến.

Thế nào là tà kiến? Là hủy báng nhân quả và các tác dụng hủy hoại hiện hữu, lấy đó làm nhân, nhận vui theo tuệ quán và đối tượng nhận biết. Đó gọi là tà kiến.

Ba thứ kiến này gọi là kiết kiến.

Thế nào là kiết thắng chấp? Là hai thứ thắng chấp, gọi là kiết thắng chấp. Đó là: (1) Kiến thắng chấp. (2) Giới cấm thắng chấp.

Thế nào là kiến thắng chấp? Là ở nơi năm thủ uẩn, tùy theo quán cho là cao, là hơn hết, lấy đó làm nhân, nhận vui theo tuệ quán và đối tượng nhận biết. Đó gọi là kiến thắng chấp.

Thế nào là giới cấm thắng chấp? Là dựa nơi năm thủ uẩn, tùy theo quán cho là tịnh, là giải thoát, là xuất ly, lấy đó làm nhân, nhận vui theo tuệ quán và đối tượng nhận biết. Đó gọi là giới cấm thắng chấp.

Hai thứ thắng thủ này gọi là kiết thắng chấp.

Thế nào là kiết nghi? Là đối với các đế khởi do dự làm tánh.

Thế nào là kiết tật? Là tâm tán loạn làm tánh.

Thế nào là kiết xan? Là tâm chấp trước làm tánh, thế nên nói là các kiết.

Nói trói buộc (Hệ phược): Đã nói về các kiết. Các kiết ấy cũng gọi là sự trói buộc (Phược). Nhưng sự trói buộc có ba thứ: (1) Tham trói buộc. (2) Sân trói buộc. (3) Si trói buộc.

Nói ẩn rộng: Là bảy thứ ẩn rộng: (1) Tham ẩn rộng. (2) Sân ẩn rộng. (3) Hữu dục ẩn rộng. (4) Mạn ẩn rộng. (5) Vô minh ẩn rộng. (6) Kiến ẩn rộng. (7) Nghi ẩn rộng.

Thế nào là tham ẩn rộng? Năm thứ ẩn rộng gọi là tham ẩn rộng. Năm thứ đó là: Tham dục hiện có thuộc cõi dục do kiến khổ đoạn trừ. Tham dục hiện có thuộc cõi dục do kiến tập, kiến diệt, kiến đạo, cùng do tu đạo đoạn trừ. Năm thứ ẩn rộng này gọi là tham ẩn rộng.

Thế nào là sân ẩn rộng? Năm thứ ẩn rộng gọi là sân ẩn rộng. Là sân hận hiện có thuộc cõi dục do kiến khổ đoạn trừ. Sân hận hiện có thuộc cõi dục do kiến tập, kiến diệt, kiến đạo cùng do tu đạo đoạn trừ. Năm thứ ẩn rộng này gọi là sân ẩn rộng.

Thế nào là hữu dục ẩn rộng? Mười thứ ẩn rộng này gọi là hữu dục ẩn rộng. Trong đó, năm thứ thuộc cõi sắc, năm thứ thuộc cõi vô sắc. Thế nào là hữu tham ẩn rộng? Thuộc cõi sắc có năm thứ. Nghĩa là hữu tham hiện có thuộc cõi sắc do kiến khổ đoạn trừ. Hữu tham hiện có thuộc cõi sắc do kiến tập, kiến diệt, kiến đạo cùng do tu đạo đoạn trừ. Như năm thứ thuộc cõi sắc, năm thứ thuộc cõi vô sắc cũng lại như vậy. Mười thứ ẩn rộng này gọi là hữu dục ẩn rộng.

Thế nào là mạn ẩn rộng? Mười lăm thứ ẩn rộng này gọi là mạn ẩn rộng. Trong đó, năm thứ thuộc cõi dục, năm thứ thuộc cõi sắc và năm thứ thuộc cõi vô sắc. Năm thứ mạn ẩn rộng thuộc cõi dục: Nghĩa

là các mạn hiện có thuộc cõi dục do kiến khổ đoạn trừ. Các mạn hiện có thuộc cõi dục do kiến tập, kiến diệt, kiến đạo cùng do tu đạo đoạn trừ. Như năm thứ thuộc cõi dục, năm thứ thuộc cõi sắc và năm thứ thuộc cõi vô sắc cũng lại như vậy. Mười lăm thứ ẩn rộng này gọi là mạn ẩn rộng.

Thế nào là vô minh ẩn rộng? Mười lăm thứ ẩn rộng này gọi là vô minh ẩn rộng. Trong đó, cõi dục có năm thứ, cõi sắc có năm thứ và cõi vô sắc có năm thứ. Năm thứ vô minh ẩn rộng thuộc cõi dục: Là các vô minh hiện có thuộc cõi dục do kiến khổ đoạn trừ. Các vô minh hiện có thuộc cõi dục do kiến tập, kiến diệt, kiến đạo cùng do tu đạo đoạn trừ. Như năm thứ thuộc cõi dục, năm thứ thuộc cõi sắc và năm thứ thuộc cõi vô sắc cũng lại như vậy. Mười lăm thứ ẩn rộng này gọi là vô minh ẩn rộng.

Thế nào là kiến ẩn rộng? Có ba mươi sáu thứ kiến ẩn rộng. Trong ấy: Mười hai thứ thuộc cõi dục, mười hai thứ thuộc cõi sắc và mười hai thứ thuộc cõi vô sắc.

Mười hai thứ kiến ẩn rộng thuộc cõi dục: Nghĩa là thân kiến, biên kiến thuộc cõi dục cùng những tà kiến, kiến thủ hiện có thuộc cõi dục do kiến khổ đoạn trừ. Và các tà kiến, kiến thủ hiện có thuộc cõi dục do kiến diệt đoạn trừ. Những tà kiến cùng kiến thủ, chấp cầm giới thủ thuộc cõi dục do kiến tập, kiến đạo đoạn trừ. Như mười hai thứ thuộc cõi dục, mười hai thứ thuộc cõi sắc và mười hai thứ thuộc cõi vô sắc cũng lại như vậy. Ba mươi sáu thứ ẩn rộng này gọi là kiến ẩn rộng.

Thế nào là nghi ẩn rộng? Nghi ẩn rộng có mười hai thứ. Trong đó, cõi dục có bốn thứ, cõi sắc có bốn thứ và cõi vô sắc có bốn thứ. Thế nào là bốn nghi ẩn rộng thuộc cõi dục? Là nghi thuộc cõi dục do kiến khổ đoạn trừ. Nghi thuộc cõi dục do kiến tập, kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ. Như thuộc cõi dục có bốn thứ, cõi sắc và cõi vô sắc

mỗi cõi đều có bốn thứ cũng lại như vậy. Mười hai thứ ẩn rộng này gọi là nghi ẩn rộng.

Nói các tùy phiền não: Là các thứ ẩn rộng hiện có, chúng tức gọi là các tùy phiền não. Có thứ là tùy phiền não không phải là ẩn rộng. Nghĩa là trừ ẩn rộng ấy, tâm còn lại đã sinh hành uẩn nhiễm ô.

Thế nào là vây buộc an trụ? Có tám thứ vây buộc an trụ: (1) Hôn trầm. (2) Thùy miên. (3) Trạo cử. (4) Ô tác. (5) Tật đố (Ganh ghét). (6) Xan lận (Keo kiệt). (7) Vô tầm (Không hỏi). (8) Vô quý (Không thẹn). Thế nên gọi là vây buộc an trụ.

Nói nhận biết: Là mười thứ trí: (1) Pháp trí. (2) Tùy loại trí. (3) Tha tâm trí. (4) Thế tục trí. (5) Khổ trí. (6) Tập trí. (7) Diệt trí. (8) Đạo trí. (9) Tận trí. (10) Vô sinh trí.

Thế nào là pháp trí? Là các trí vô lậu nhận biết các hành thuộc cõi dục. Các trí vô lậu nhận biết nhân của hành thuộc cõi dục. Các trí vô lậu nhận biết hành diệt thuộc cõi dục. Các trí vô lậu nhận biết hành đoạn do đạo thuộc cõi dục. Lại nữa, pháp trí là các trí vô lậu trong địa của pháp trí. Đó gọi là pháp trí.

Thế nào là tùy loại trí? Là các trí vô lậu nhận biết các hành thuộc cõi sắc, vô sắc. Các trí vô lậu nhận biết các hành hiện bày thuộc cõi sắc, vô sắc. Các trí vô lậu nhận biết hành diệt thuộc cõi sắc, vô sắc. Các trí vô lậu nhận biết hành đoạn do đạo thuộc cõi sắc, vô sắc. Lại nữa, tùy loại trí là các trí vô lậu trong địa của tùy loại trí. Đó gọi là tùy loại trí.

Thế nào là tha tâm trí? Là trí từ tu sinh, là quả của pháp đã tu tập. Dựa vào pháp đã tu đạt được trí không thoái chuyển. Do trí tuệ kia nên nhận biết rõ về tâm tâm pháp của người khác tương tự trong các hành thuộc cõi dục, cõi sắc, chứng được một phần pháp vô lậu hiện tiền. Những thứ ấy gọi là tha tâm trí.

Thế nào là thế tục trí? Là trí hữu lậu. Đó gọi là thế tục trí.

Thế nào là khổ trí? Là trí vô lậu do tác ý sinh, ở nơi năm thủ uẩn nhận biết rõ tánh vô thường, tánh khổ, tánh không, tánh vô ngã. Đó gọi là khổ trí.

Thế nào là tập trí? Là trí vô lậu do tác ý ở nơi nhân hữu lậu sinh khởi nhân tập sinh duyên. Đó gọi là tập trí.

Thế nào là diệt trí? Là trí vô lậu do tác ý ở trong diệt khởi diệt tĩnh diệu ly. Đó gọi là diệt trí.

Thế nào là đạo trí? Là trí vô lậu do tác ý ở trong đạo khởi đạo như hành xuất. Đó gọi là đạo trí.

Thế nào là tận trí? Nghĩa là tự nhận biết rõ về khổ. Tự nhận biết về đoạn tập. Tự nhận biết về chứng diệt. Tự nhận biết về tu đạo. Lấy đó làm nhân, nên giác tuệ tri kiến nhận biết phân minh, chứng đắc hiện tiền. Đó gọi là tận trí.

Thế nào là vô sinh trí? Nghĩa là tự nhận biết rõ khắp các khổ, lại trí không còn nhận biết nữa. Tự đoạn trừ tập, lại trí không còn đoạn trừ nữa. Tự chứng đắc diệt, lại trí không còn chứng đắc nữa. Tự tu đạo, lại trí không còn tu nữa. Lấy đó làm nhân, nên giác tuệ tri kiến nhận biết phân minh, chứng đắc hiện tiền. Đó gọi là vô sinh trí.

Nói kiến: Tuy tức là các trí kia, các trí ấy cũng là kiến. Nhưng cũng lại có kiến không phải là trí. Tức là tám thứ nhãn từ hiện quán biên sinh. Là tri khổ pháp nhãn, tri khổ tùy loại nhãn, tri tập pháp nhãn, tri tập tùy loại nhãn, tri diệt pháp nhãn, tri diệt tùy loại nhãn, tri đạo pháp nhãn, tri đạo tùy loại nhãn. Nên tám thứ nhãn này gọi là kiến.

Nói hiện quán hiện có: Tức những thấy biết kia cũng là hiện quán, thế nên gọi là hiện quán.

Thế nào là đắc? Là các pháp đã đạt được.

Thế nào là đẳng chí vô tướng? Là đã lia dục của cõi Biến tịnh, chưa lia dục của cõi trên, do tác ý của tướng xuất ly là trước hết, lấy tâm tâm pháp diệt làm tánh.

Thế nào là đẳng chí diệt tận? Là đã lia dục của vô sở hữu xứ, do ngừng dứt tác ý của tướng là trước hết, lấy tâm tâm pháp diệt làm tánh.

Thế nào là vô tướng sở hữu? Là hữu tình sinh nơi trời Vô tướng, lấy tâm tâm pháp diệt làm tánh.

Thế nào là mạng căn? Là thọ mạng của ba cõi.

Thế nào là chúng đồng phận? Là tự loại giống nhau của các hữu tình.

Thế nào là đắc xứ sở? Là đạt được các cảnh.

Thế nào đắc sự? Là đạt được các uẩn.

Thế nào là đắc xứ? Là đạt được các xứ trong, ngoài.

Thế nào là sinh? Là thành tựu uẩn.

Thế nào là lão? Là các uẩn chín muồi.

Thế nào là trụ? Là các hành không hoại.

Thế nào là tánh vô thường? Là các hành hư hoại.

Thế nào là danh thân? Là tăng ngữ kia.

Thế nào là cú thân? Là văn đầy đủ.

Thế nào là văn thân? Là chữ thân kia gọi là văn thân.

*

Thế nào là xứ không? Là nhân của đối tượng hành, tức là hư không, không có chướng ngại. Chủng loại của các sắc không thể che lấp được. Đó gọi là hư không.

Thế nào là phi trạch diệt? Là diệt không phải lìa.

Thế nào là trạch diệt? Là diệt cũng lìa.

*

Thế nên nói là pháp có năm thứ: (1) Sắc pháp. (2) Tâm pháp. (3) Tâm sở hữu pháp. (4) Tâm bất tương ưng hành pháp. (5) Vô vi pháp.

HẾT

SỐ 1557/1
KINH A TỶ ĐÀM NGŨ PHÁP HÀNH

Hán dịch: Đồi Hậu Hán, Tam Tạng An Thế Cao, người An Tức.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

Pháp khổ, trí có thể nhận biết là pháp khổ, trí khổ pháp. Pháp tập, trí có thể đoạn trừ là trí tập pháp. Pháp tận, trí có thể nhận biết chứng đắc là trí tận pháp. Pháp đạo, trí có thể nhận biết tu tập là trí đạo pháp.

Pháp khổ: Nghĩa là hình thể nơi muôn vật đều phải suy yếu, già cỗi, chết mất, đó là khổ. Người ngu si cho là có thể thường còn nên gìn giữ bảo vệ, đây là sự ham thích. Trí có thể nhận biết đây là khổ nên không còn hướng tới sinh tử. Đó là trí có thể nhận biết về pháp khổ.

Pháp tập: Nghĩa là tập do dục, tập do đắc, tập do dâm, tập do giận, tập do si, tập do tốt, tập do đẹp. Trí có thể nhận biết như vậy là tập. Từ tập được tận (Diệt) nên không tham dục. Đó là trí có thể nhận biết về pháp tập.

Pháp tận (Diệt): Nghĩa là người vật hội hợp đều phải tiêu tán, diệt tận, nên được cũng không mừng, mất cũng không lo. Đó là trí có thể nhận biết về pháp tận.

Pháp đạo: Nghĩa là hành đạo đạt đạo. Làm thiện được sinh lên cõi trời, tạo ác phải vào nẻo ác. Trí có thể nhận biết tu tập là biết bỏ ác theo thiện. Đó là trí có thể nhận biết về pháp đạo.

Người trí có thể hiểu rõ, nhận biết về gốc vốn không nhận biết đó là khổ. Khổ là một ý, nhận biết là khổ, đó là hai ý. Tập là một ý, nhận biết là tập, đó là hai ý. Tận là một ý, nhận biết là tận, đó là hai ý. Đạo là một ý, nhận biết là đạo, đó là hai ý. Tám ý này là ở bên ngoài.

Phi thường (vô thường), khổ, không, phi thân (vô ngã), gốc từ tập sinh, theo nhân duyên diệt, như ý chỉ cầu đạo xứ thọ nhận quán diệt.

Khổ, không, phi thân (vô ngã), do đâu được diệt? Tận (Diệt) từ khổ đến. Từ khổ được tận. Nhân nơi tận liền được không. Được không nên nhận biết thân là phi ngã (vô ngã). Bốn ý này là tùy theo khổ đế.

Những gì là khổ? Tất cả ở trong sinh tử đều là khổ. Hợp dục, cũng không hợp dục. Hợp dục: Nghĩa là các thứ mong muốn của con người đạt được. Cũng không hợp dục: Nghĩa là các thứ không mong muốn nơi tâm ý của con người. Tất cả đều là khổ. Tham từ tập xuất sinh, tùy theo phi thường, ý cầu diệt khổ từ tập được.

Những gì là pháp? Nghĩa là nhân duyên tạo ra những thứ ấy, đạt được những thứ ấy, đó là pháp. Nên nhận biết. Đã nhận biết thì trừ bỏ, ý nên đoạn trừ. Là theo khổ đế trong bốn đế.

Tập đế là chứng biết có đạo. Kiến khổ nhận biết từ tập khởi. Kiến tập nhận biết khổ, kiến tận đế (diệt đế) nhận biết là phi thường (Vô thường).

Những gì là ứng hợp? Nghĩa là vui nơi đạo, không quên đạo, thường cầu đạo, do đạo là ứng hợp.

Những gì là trí tuệ? Thường thừa hỏi đạo là trí tuệ. Đã hỏi xong tức có thể thọ nhận, có thể hành trì, đó là trí tuệ. Tập, tận diệt, đạo cũng như vậy.

Khổ là pháp của nghiệp tạo, là kiết của hành. Trí tuệ là ba mươi bảy phẩm kinh, ứng hợp là hành trì. Người hành trì đó là hành

đạo. Như vậy là hành tập. Như vậy là diệt. Như vậy là đạo. Đều là tăng thượng.

Thứ nhất là khổ. Những gì là khổ? Tất cả xấu ác, không vừa ý, là khổ. Đã nhận biết khổ, nên không tham dục liền hành đạo, không lìa đạo là ứng hợp để hành trì. Khổ sinh có gốc. Khổ là những gì? Gốc từ muôn vật. Muôn vật không có, cũng không diệt. Đã không sinh diệt thì con người cũng không lo. Đã không lo thì con người cũng không có khổ.

Thứ hai là tập. Những gì là tập? Ý tùy theo ái là tập. Đoạn trừ ái thì không có tập. Dùng những hành gì để đoạn trừ ái? Muôn vật đều từ nhân duyên sinh. Đoạn trừ nhân duyên thì không còn sinh nữa. Nên làm thế nào để đoạn trừ nhân duyên? Là giữ ý, niệm đạo. Đã giữ ý, niệm đạo, thì ý không được có hai niệm, nên ở nơi đạo. Đó là tập.

Thứ ba là tận (Diệt). Những gì là diệt? Pháp khổ là ở nơi muôn vật. Do hư hoại nên phải lo buồn. Đã lo buồn nên già. Đã già nên bị bệnh tật suy yếu rồi chết. Đó gọi là bên ngoài đều là pháp khổ. Vì sao các pháp bên ngoài đều là pháp khổ? Vì nghiệp tạo của mình chưa đoạn trừ. Vì sao nghiệp tạo của mình chưa đoạn trừ? Vì sinh tử chưa diệt. Vì sao sinh tử chưa diệt? Vì không phải là một ý (Nhất tâm). Vì sao không phải là một ý? Vì không gắn với thiền pháp. Vì sao không gắn với thiền pháp? Vì không thọ nhận thật hành như lời Phật dạy. Đó gọi là pháp bên ngoài diệt. Những gì là trong diệt? Là ý luôn được giữ gìn. Đã được giữ gìn rồi thì ý khác không thể sinh. Ý khác đã không thể sinh nên diệt trừ kiết. Kiết đã diệt trừ rồi thì nghiệp tạo hết. Nghiệp tạo đã hết thì không còn sinh tử. Đó gọi là pháp bên trong diệt.

Thứ tư là đạo. Những gì là đạo? Khổ có thể đoạn trừ do ý đạo, gọi là tám thứ. Những gì là tám thứ? An ban thủ ý (Quán số túc) như thế là tám hành ý. Không rơi vào sinh tử, chỉ có gắn liền với đạo. Đã

gắn liền với đạo nên đoạn được ba sự đứng đầu. Những gì là ba sự? Là khổ, tập, tận. Đã đoạn được khổ, tập, tận nên được định. Đã định thì nơi hướng đến liền được đạo. Thế nào là được đạo? Là khổ đã diệt không còn sinh. Đó là được đạo.

Có năm pháp hành. Những gì là năm? (1) Sắc (Sắc pháp). (2) Ý (Tâm pháp). (3) Sở niệm pháp (Tâm sở hữu pháp). (4) Biệt ly ý hành (Tâm bất tương ưng hành pháp). (5) Vô vi (Vô vi pháp).

Thế nào là Sắc? Tất cả sắc được tạo đều ở nơi bốn hành (bốn đại chủng), cũng từ bốn hành sinh ra. Bốn hành: Là địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, cũng từ nhân của bốn hành. Sắc được tạo là những gì? Là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn. Sắc, thanh, hương, vị, tế hoạt (xúc), cùng một xứ không đổi.

Thế nào là Ý (Tâm pháp)? Là ý, tâm, thức. Đó là những gì? Là sáu thức thân. Sáu thức thân là những gì? Là nhãn thức, nhĩ thức, thiệt thức, thân thức và tâm thức.

Thế nào là Sở niệm pháp (Tâm sở hữu pháp)? Là pháp sở niệm cùng sinh khởi với ý. Đó là những gì? Là thông (Thọ), tưởng, hành, dương (tư), niệm, dục, ý định, tuệ, tín, tấn, kế niệm, tham, không tham, thiện bản, bất thiện bản, bất phân biệt bản, tất cả kiết phược, tiện lao (phiền não). Từ đó khởi trí tuệ, kiến, chỗ cần yếu cũng hiện có. Các pháp như thế đều cùng có với ý. Đó gọi là ý sở niệm pháp.

Thế nào là Biệt ly ý hành (Tâm bất tương ưng hành pháp)? Là pháp đã biệt ly với ý không chung. Đó là những gì? Là đặc, không tư tưởng, chánh tâm, chánh bất tư, tưởng, niệm tưởng, hạ bối, khổ đặc, đặc xứ, đặc chủng, nhập sinh, lão tử, phi thường, danh tự, tuyệt cụ, như ứng. Cùng các pháp khác cũng phân biệt ý hành như thế. Đó gọi là biệt ly ý hành.

Thế nào là Vô vi? Là không diệt, chưa lia diệt, không cần thọ.

Địa chủng là tánh cứng chắc. Thủy chủng là tánh ẩm ướt. Hỏa chủng là tánh nóng ấm. Phong chủng là tánh khởi lên.

Nhãn căn là sắc căn làm chỗ nương dựa cho nhãn thức. Nhĩ căn là sắc căn làm chỗ nương dựa cho nhĩ thức. Tỷ căn là sắc căn làm chỗ nương dựa cho tỷ thức. Thiệt căn là sắc căn làm chỗ nương dựa cho thiệt thức. Thân căn là sắc căn làm chỗ nương dựa cho thân thức.

Thế nào là sắc? Là các sắc đọa nghiêm, sắc không đọa nghiêm và sắc trung gian, cùng các hiển sắc, hình sắc. Đầu tiên là một thức nhận biết sắc tức nhãn thức. Tiếp theo là tâm thức (ý thức). Như vậy sắc kia do hai thức nhận biết. Nhận biết như thế nào? Là cả hai thức nhãn thức và tâm thức cùng nhận biết.

Thế nào là thanh? Là các tiếng từ thọ hành xuất sinh. Cũng có tiếng không từ thọ hành xuất sinh. Tiếng từ thọ hành xuất sinh là gốc. Tiếng không từ thọ hành xuất sinh là thọ gốc. Một thức đầu tiên nhận biết là nhĩ thức. Tiếp theo là tâm thức nhận biết. Tức tiếng do hai thức cùng nhận biết

Thế nào là hương? Hoặc là hương của rễ, hương của thân cây, cành, hoa, quả, hạt, hương tốt, hương xấu. Đó gọi là hương. Một thức đầu tiên nhận biết là tỷ thức. Tỷ thức nhận biết rồi thì tâm thức liền nhận biết. Các hương như vậy là do tỷ thức và tâm thức cùng nhận biết.

Thế nào là vị? Là các vị chua, ngọt, mặn, lạt, đắng, cay, cũng là vị nhận biết do ăn uống. Một thức đầu tiên nhận biết là thiệt thức. Thiệt thức nhận biết rồi thì tâm thức liền nhận biết. Các vị như vậy là do thiệt thức và tâm thức cùng nhận biết.

Thế nào là tế hoạt (xúc)? Là các xúc hoặc trơn, hoặc thô, hoặc nhẹ, nặng, hoặc lạnh, nóng, hoặc đói, khát. Một thức đầu tiên nhận biết là thân thức. Thân thức nhận biết rồi thì tâm thức cùng nhận biết. Một phần của xúc này là do thân thức, tâm thức cùng nhận biết.

Thế nào là sắc? Nếu thức tưởng vướng mắc nơi sắc pháp thì như thế nào? Hoặc là thân thiện, thân bất thiện không nhận biết. Hoặc thường một thức nhận biết là tâm thức (ý thức).

*

Thế nào là nhãn thức? Là nhân nương dựa nơi nhãn căn để nhận biết các sắc.

Thế nào là nhĩ thức? Là nhân nương dựa nơi nhĩ căn để nhận biết các tiếng.

Thế nào là tỷ thức? Là nhân nương dựa nơi tỷ căn để nhận biết các hương.

Thế nào là thiệt thức? Là nhân nương dựa nơi thiệt căn để nhận biết các vị.

Thế nào là thân thức? Là nhân nương dựa nơi thân căn để nhận biết các xúc chạm.

Thế nào là tâm thức? Là nhân nương dựa nơi tâm căn (ý căn) để nhận biết các pháp.

*

Thế nào là thông (Thọ)? Là tánh nhận lãnh. Đây cũng là ba thứ, thiện, ác, không phân biệt phước họa.

Thế nào là tướng? Là tánh nhận biết khắp. Đây cũng chia làm ba hạng là ít, nhiều và vô lượng.

Thế nào là nguyện lạc? Là ba sự hòa hợp, cũng là ba hạng: Ưa thiện, ưa ác, cũng không thiện cũng không ác.

Thế nào là ý niệm? Đây cũng là ba hạng: Thiện, ác, không phân biệt thiện ác.

Thế nào là dục? Là các thứ dục.

Thế nào là tác ý? Là hợp ý.

Thế nào là ý? Là nhớ nghĩ.

Thế nào là tư duy? Là một ý (nhất tâm).

Thế nào là tuệ? Là quán xét pháp.

Thế nào là tín? Là vừa ý.

Thế nào là tinh tấn? Là quán niệm.

Thế nào là kế (Suy tính)? Là suy niệm, khiến mong cầu tăng thêm hy vọng, mong muốn. Đó gọi là kế.

Thế nào là phân biệt niệm? Là đối tượng quán, chủ thể quán, tùy thuận nhau không đoạn tuyệt. Đó gọi là niệm.

Thế nào là kế niệm? Ý khác lớn là suy tính (kế), ý nhỏ là niệm. Đó là kế, niệm có sai biệt.

Thế nào là tham? Là không tùy theo pháp thiện, không tín chí thành. Là không hành, không nên hành. Đó gọi là tham.

Thế nào là không tham? Là thuận theo pháp thiện, tín chí thành, là hành, nên hành. Đó gọi là không tham.

Thế nào là thiện bản? Có ba thiện bản: Thiện bản không tham, thiện bản không sân, thiện bản không si. Đây gọi là thiện bản.

Thế nào là bất thiện bản? Bất thiện bản có ba thứ: Tham là bất thiện bản, sân hận là bất thiện bản, ngu si là bất thiện bản. Đó gọi là bất thiện bản.

Thế nào là bất phân biệt bản? Có năm thứ không phân biệt: Ái không phân biệt, kiến không phân biệt, kiêu mạn không phân biệt, si không phân biệt, nghi không phân biệt. Đó gọi là bất phân biệt bản.

Thế nào là kiết? Có chín kiết: (1) Kiết trì niệm (kiết ái). (2) Kiết tăng (kiết sân). (3) Kiết kiêu mạn. (4) Kiết si (kiết vô minh). (5) Kiết

tà (kiết kiên). (6) Kiết thất nguyện (kiết thủ). (7) Kiết nghi. (8) Kiết tạt (kiết ganh ghét). (9) Kiết xan (kiết keo kiệt).

Thế nào là kiết trì niệm? Là tham ái trong ba cõi.

Thế nào là kiết tắng? Là ở nhân gian không thể dứt bỏ.

Thế nào là kiết kiêu mạn? Kiết kiêu mạn có bảy thứ: (1) Kiêu mạn. (2) Mạn. (3) Tự mạn. (4) Tự kế mạn. (5) Khi mạn. (6) Bất như mạn. (7) Tà mạn.

Thế nào là kiêu mạn? Là không bằng ta, cho ta là hơn. Nếu bằng ta, cho ta là bằng. Từ đó kiêu mạn, ý tự chấp khởi lên, ý thức hợp ý. Đó gọi là kiêu mạn.

Thế nào là mạn? Trong nhóm đồng cho ta là hơn. Trong nhóm hơn cho ta là bằng. Từ đó sinh kiêu mạn, cũng tự cho mình là hơn. Đó gọi là mạn.

Cũng nói là kiêu mạn mạn, vì là tất cả đã hợp hội. Đó gọi là tự mạn.

Thế nào là tự kế mạn? Là năm ấm nơi tự thân cho là ngã, tự chấp tự niệm. Từ đó tự khởi mạn mạn, tự biết ý sinh, ý khởi, hợp ý. Đó gọi là tự kế mạn.

Thế nào là khi mạn? Chưa được cho là được, chưa biết cho là biết, chưa diệt hết cho là đã diệt hết. Từ đó khởi kiêu mạn, ý tự chấp, ý quán khởi, hợp ý. Đó gọi là khi mạn.

Thế nào là bất như mạn? Là đối với hạng hơn hẳn mình nhiều phần chấp cho là mình chỉ thua kém phần ít. Từ đó khởi kiêu mạn, ý sinh tự chấp, tự thấy, ý khởi hợp ý. Đó gọi là bất như mạn.

Thế nào là tà mạn? Không phải là người Hiền tự chấp cho mình là người Hiền. Từ đó khởi kiêu mạn, tự sinh ý, tự nghĩ, tự chấp, ý khởi hợp với niệm. Đó gọi là tà mạn.

Bảy thứ mạn này gọi là kiết kiêu mạn.

Thế nào là kiết si? Là những ngu si hiện có trong ba cõi. Đó gọi là kiết si.

Thế nào là kiết tà? Kiết tà có ba thứ: (1) Thân tà (Thân kiến). (2) Biên tà (Biên kiến). (3) Tà tà (Tà kiến). Thế nào là thân tà? Là chấp cho thân này là ngã, là có. Đó gọi là thân tà. Thế nào là biên tà? Là chấp theo: (1) Đoạn diệt. (2) Thường còn. Đó gọi là biên tà. Thế nào là tà tà? Là gốc của tranh cãi, hủy hoại phước. Đó gọi là tà tà. Ba thứ ấy gọi là kiết tà (Kiết kiến).

Thế nào là kiết thất nguyện (Kiết thủ)? Mất gốc, không thọ nhận công, ân. Đó gọi là kiết thất nguyện. Hai thứ mất này gọi là kiết thất nguyện.

Thế nào là kiết trộm? Có hai thứ trộm gọi là kiết trộm: (1) Trộm thọ. (2) Trộm giới. Thế nào là trộm thọ? Là năm ẩm, suy niệm cho là tôn quý, không có gì vượt hơn. Từ đó ý dục sinh khởi, cho là có thể dùng. Đó gọi là trộm thọ. Thế nào là trộm giới? Là chấp giữ các thứ giới sai lạc cho đây là tịnh, là xuất ly, là giải thoát. Đó gọi là trộm giới. Hai thứ trộm này gọi là kiết trộm.

Thế nào là kiết nghi? Là nghi đối với bốn đế. Đó gọi là kiết nghi.

Thế nào là kiết tật? Ý rối loạn là tật. Đó gọi là kiết tật.

Thế nào là kiết xan? Là không thể chế ngự ý. Đó gọi là kiết xan.

Như thế là tất cả kiết.

Thế nào là phược? Bị trời buộc chặt là phược, nên nói là phược.

Thế nào là sử? Có bảy sử: (1) Sử dục. (2) Sử bất khả. (3) Sử dục thể gian. (4) Sử kiêu mạn. (5) Sử si. (6) Sử tà. (7) Sử nghi.

Thế nào là sử dục? Là có năm sử gọi là sử dục: Thuộc cõi dục do kiến khổ đoạn trừ. Thuộc cõi dục do kiến tập đoạn trừ. Thuộc cõi

dục do kiến tận đoạn trừ. Thuộc cõi dục do kiến đạo đoạn trừ. Thuộc cõi dục do tư duy đoạn trừ. Đó gọi là năm sự, được gọi là sự dục.

Thế nào là sự bất khả? Là có năm sự gọi là sự bất khả: Tức các sự bất khả do kiến khổ, kiến tập, kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ, và các sự bất khả do kiến tư duy (tu đạo) đoạn trừ. Đó gọi là năm sự, được gọi là sự bất khả.

Thế nào là sự dục thế gian? Là có mười sự gọi là sự dục thế gian. Dục thuộc cõi sắc do kiến khổ đoạn trừ. Dục thuộc cõi sắc do kiến tập đoạn trừ. Dục thuộc cõi sắc do kiến tận đoạn trừ. Dục thuộc cõi sắc do kiến đạo đoạn trừ. Dục thuộc cõi sắc do tư duy đoạn trừ. Cùng các dục thuộc vô hữu sắc do kiến khổ, kiến tập, kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ, và các thứ dục kia do tư duy đoạn trừ. Đó gọi là mười sự, gọi là sự dục thế gian.

Thế nào là sự kiêu mạn? Có mười lăm sự gọi là sự kiêu mạn: Là các kiêu mạn thuộc ba cõi: Cõi dục, cõi sắc, cõi vô hữu sắc (cõi vô sắc) do kiến khổ, kiến tập, kiến diệt, kiến đạo cùng tư duy (tu đạo) đoạn trừ. Mười lăm sự này gọi là sự kiêu mạn.

Thế nào là sự si? Có mười lăm sự gọi là sự si. Là si thuộc cõi dục do kiến khổ, kiến tập, kiến diệt, kiến đạo cùng tư duy đoạn trừ. Và si thuộc cõi sắc, cõi vô sắc do kiến khổ, kiến tập, kiến diệt, kiến đạo cùng tư duy đoạn trừ. Mười lăm sự này gọi là sự si.

Thế nào là sự tà? Có ba mươi sáu sự gọi là sự tà: Trong ấy gồm mười hai sự thuộc cõi dục, mười hai sự thuộc cõi sắc và mười hai sự thuộc cõi vô sắc. Đó gọi là ba mươi sáu sự tà (Sự kiến).

Mười hai sự tà thuộc cõi dục: Là các sự tà thuộc cõi dục do kiến khổ đoạn trừ có năm: Là thân tà (Thân kiến), biên tà (Biên kiến), tà tà (Tà kiến), trộm kiến (Kiến thủ) và trộm giới (Giới cầm thủ). Các sự tà thuộc cõi dục do kiến tập đoạn trừ có hai: Là tà tà và trộm kiến. Các sự tà thuộc cõi dục do kiến diệt đoạn trừ cũng có hai như kiến

tập. Các sử tà thuộc cõi dục do kiến đạo đoạn trừ có ba: Là tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ. Đó gọi là mười hai sử thuộc cõi dục.

Mười hai sử tà thuộc cõi sắc và mười hai sử tà thuộc cõi vô sắc: Cũng nói như ở cõi dục: Do kiến khổ đoạn trừ năm. Do kiến tập đoạn trừ hai. Do kiến diệt đoạn trừ hai. Do kiến đạo đoạn trừ ba.

Trên đây là ba mươi sáu sử, gọi là ba mươi sáu sử tà (Sử kiến).

Thế nào là sử nghi? Có mười hai sử gọi là sử nghi. Là nghi trong ba cõi: Cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc do kiến khổ, kiến tập, kiến diệt, kiến đạo đoạn trừ. Đó gọi là mười hai sử nghi.

Sử là trần hay là não? Có lúc có trần không có não: Là trừ trần, còn lại là những pháp loạn ý niệm. Đó là não không phải là trần.

Theo đây khởi có tám thứ: (1) Thùy. (2) Minh (Miên). (3) Lạc. (4) Nghi. (5) Ý. (6) Tứ thái. (7) Bất quý. (8) Bất tầm. Vì thế nói là tám thứ khởi.

Thế nào là hiệt (Trí)? Là có mười trí: (1) Pháp trí. (2) Tỷ trí. (3) Tri nhân tâm trí. (4) Xảo trí. (5) Khổ trí. (6) Tập trí. (7) Diệt trí. (8) Đạo trí. (9) Tận trí. (10) Vô vi trí (Vô sinh trí).

Thế nào là pháp trí? Là các trí vô lậu nhận biết về các hành, về nhân của các hành, các hành diệt, các hành đoạn do đạo thuộc cõi dục. Lại, pháp trí là các trí vô lậu trong địa của pháp trí. Đó gọi là pháp trí.

Thế nào là tỷ trí? Là các trí vô lậu nhận biết về các hành, về nhân của các hành, các hành diệt, các hành đoạn do đạo thuộc cõi sắc, vô sắc. Lại, tỷ trí là các trí vô lậu trong địa của tỷ trí. Đó gọi là tỷ trí.

Thế nào là tri nhân tâm trí? Là trí nhận biết rõ về tâm tâm sở pháp của người khác tương tự nơi các hành thuộc cõi dục, cõi sắc, chứng đắc một phần pháp vô lậu hiện tiền. Đó gọi là tri nhân tâm trí.

Thế nào là xảo trí? Là trí hiện hành nơi thế gian. Đó gọi là xảo trí.

Thế nào là khổ trí? Là trí vô lậu ở nơi năm thọ âm, nhận biết rõ tánh vô thường, khổ, không, phi thân (vô ngã). Đó gọi là khổ trí.

Thế nào là tập trí? Là trí vô lậu ở nơi nhân hữu lậu sinh khởi nhân tập sinh duyên. Đó gọi là tập trí.

Thế nào là diệt trí? Là trí vô lậu do tác ý ở trong diệt khởi diệt tĩnh diệu ly. Đó gọi là diệt trí.

Thế nào là đạo trí? Là trí vô lậu do tác ý ở trong đạo khởi đạo như hành xuất. Đó gọi là đạo trí.

Thế nào là tận trí? Là trí đã tự nhận biết khổ, đã trừ bỏ tập, đã chứng đắc diệt, đã tu hành đạo. Từ trí này ý thấy biết được ứng hợp. Đó gọi là tận trí.

Thế nào là vô vi trí? Là trí tự nhận biết khổ đã hết không còn nhận biết nữa. Tập đã đoạn trừ xong không còn đoạn nữa. Diệt đã chứng đắc không còn chứng nữa. Đạo đã tu tập không còn tu nữa. Từ trí này, những sự thấy biết luôn phân minh, chứng đắc hiện tiền. Đó gọi là vô vi trí.

Mười trí trên gọi là trí.

Thế nào là kiến hiện có? Các trí hiện có là kiến, nhưng có khi kiến không phải là trí. Tức là tám nhãn từ hiện quán biên sinh. Là khổ pháp trí nhãn, khổ thí trí nhãn. Tập pháp trí nhãn, tập thí trí nhãn. Tận pháp trí nhãn, tận thí trí nhãn. Đạo pháp trí nhãn, đạo thí trí nhãn. Nên nói là kiến.

*

Thế nào là đức (Đắc)? Đạt được pháp là đắc.

Thế nào là không có tư tưởng, tư duy (Đẳng chí vô tưởng)? Là đã lia dục của cõi Biến tịnh (Nhất thiết tịnh), chưa lia dục của cõi trên, do tác ý của tưởng xuất ly nên trước hết lấy tâm tâm pháp diệt làm tánh. Đó gọi là không có tư tưởng tư duy.

Thế nào là diệt tư duy (Định diệt tận)? Là đã lia dục của vô sở hữu xứ, do ngừng dứt tác ý của tưởng là trước hết, lấy tâm tâm pháp diệt làm tánh. Đó gọi là diệt tư duy.

Thế nào là không tư tưởng (Vô tưởng sở hữu)? Là các chúng sinh sinh nơi trời Vô tưởng, lấy tâm tâm pháp diệt làm tánh. Đó gọi là không tư tưởng.

Thế nào là niệm căn (mạng căn)? Là thọ mạng trong ba cõi.

Thế nào là hội (Chúng đồng phần)? Là con người đồng cư ngụ.

Thế nào là đấc xứ? Là đồng quận, huyện (Được các cảnh).

Thế nào là đấc chủng? Là được năm ấm.

Thế nào là đấc nhập? Là được các nhập trong ngoài.

Thế nào là sinh? Là ấm thành tựu.

Thế nào là lão? Là ấm chín muối.

Thế nào là chỉ hành (Trụ)? Là các hành hiện có, không hoại.

Thế nào là vô thường? Là đã sinh lại mất.

Thế nào là danh tự? Là nhận biết, phân biệt.

Thế nào là tuyệt? Là câu chữ đã đầy đủ.

Thế nào là chánh dụng? Là các chữ hợp lại.

Thế nào là không? Là hư không, không có gì, không có chương ngại, không có sắc.

Thế nào là tận còn chưa lia? Là đã hết, không còn nữa, không còn hệ thuộc.

Thế nào là tận? Là vô vi vượt qua thế gian.

Đó gọi là năm pháp.

HẾT

MỤC LỤC

SỐ 1549/10: LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP.....	5
Quyển 9.....	5
Phẩm Thứ 11: Kiền Độ Kiến	5
Phẩm Thứ 12: Kiền Độ Căn.....	17
Phẩm Thứ 13: Kiền Độ Nhất Thiết Hữu.....	26
Phẩm Thứ 14: Kiền Độ Kệ, Phần 1	36
Quyển 10.....	48
Phẩm Thứ 14: Kiền Độ Kệ, Phần 2	48
Phẩm Kệ, Phần Đầu.....	64
Phẩm Kệ, Phần Hai.....	80
SỐ 1550/4: LUẬN A TỶ ĐÀM TÂM	94
Quyển 1.....	94
Phẩm Thứ 1: Giới.....	94
Phẩm Thứ 2: Hành.....	102
Phẩm Thứ 3: Nghiệp.....	112
Quyển 2.....	129
Phẩm Thứ 4: Sử	129
Phẩm Thứ 5: Hiền Thánh.....	143
Quyển 3.....	156
Phẩm Thứ 6: Trí.....	156
Phẩm Thứ 7: Định.....	169
Quyển 4.....	186
Phẩm Thứ 8: Khế Kinh.....	186
Phẩm Thứ 9: Tập.....	208
Phẩm Thứ 10: Luận.....	221
SỐ 1551/6: LUẬN KINH A TỶ ĐÀM TÂM	224
Quyển 1.....	224
Phẩm Thứ 1: Giới.....	224
Phẩm Thứ 2: Hành.....	239
Quyển 2.....	254
Phẩm Thứ 3: Nghiệp.....	254
Phẩm Thứ 4: Sử, Phần 1	275
Quyển 3.....	286

Phẩm Thứ 4: Sử, Phần 2	286
Phẩm Thứ 5: Hiền Thánh	299
Quyển 4	318
Phẩm Thứ 6: Trí	318
Phẩm Thứ 7: Định, Phần 1	336
Quyển 5	347
Phẩm Thứ 7: Định, Phần 2	347
Phẩm Thứ 8: Tu Đa La, Phần 1	356
Quyển 6	377
Phẩm Thứ 8: Tu Đa La, Phần 2	377
Phẩm Thứ 9: Tạp	386
Phẩm Thứ 10: Vấn Luận	403
SỐ 1552/11: LUẬN TẠP A TỶ ĐÀM TÂM	407
Quyển 1	407
Phẩm Mớ Đầu	407
Phẩm Thứ 1: Giới	411
Quyển 2	463
Phẩm Thứ 2: Hành	463
Quyển 3	500
Phẩm Thứ 3: Nghiệp	500
Quyển 4	561
Phẩm Thứ 4: Sử	561
Quyển 5	603
Phẩm Thứ 5: Hiền Thánh	603
Quyển 6	645
Phẩm Thứ 6: Trí	645
Quyển 7	681
Phẩm Thứ 7: Định	681
Quyển 8	721
Phẩm Thứ 8: Tu Đa La	721
Quyển 9	779
Phẩm Thứ 9: Tạp	779
Quyển 10	821
Phẩm Thứ 10: Trạch, Phần 1	821
Quyển 11	866
Phẩm Thứ 10: Trạch, Phần 2	866
Phẩm Thứ 11: Luận	888
SỐ 1553/2: LUẬN A TỶ ĐÀM CAM LỘ VỊ	898
Quyển Thượng	898
Phẩm Thứ 1: Bồ Thí, Trì Giới	898
Phẩm Thứ 2: Giới Đạo	902

Phẩm Thứ 3: Trụ Thực Sinh.....	906
Phẩm Thứ 4: Nghiệp.....	907
Phẩm Thứ 5: Âm Tri Nhập.....	913
Phẩm Thứ 6: Hành.....	919
Phẩm Thứ 7: Chung Loại Nhân Duyên.....	924
Phẩm Thứ 8: Căn Tịnh.....	928
Phẩm Thứ 9: Kiết Sử, Thiền Trí.....	930
Phẩm Thứ 10: Ba Mươi Bảy Người Vô Lậu.....	934
Quyển Hạ.....	940
Phẩm Thứ 11: Trí.....	940
Phẩm Thứ 12: Thiền Định.....	944
Phẩm Thứ 13: Tập Định.....	948
Phẩm Thứ 14: Ba Mươi Bảy Phẩm.....	955
Phẩm Thứ 15: Bốn Đế.....	959
Phẩm Thứ 16: Tập.....	964
SỐ 1554/2: LUẬN NHẬP A TỶ ĐẠT MA.....	972
Quyển Thượng.....	972
Quyển Hạ.....	992
SỐ 1555/2: LUẬN NGŨ SỰ TỶ BÀ SA.....	1011
Quyển Thượng.....	1011
Phẩm Thứ 1: Phân Biệt Sắc, Phần 1.....	1011
Quyển Hạ.....	1026
Phẩm Thứ 1: Phân Biệt Sắc, Phần 2.....	1026
Phẩm Thứ 2: Phân Biệt Tâm.....	1032
Phẩm Thứ 3: Phân Biệt Tâm Sở Pháp.....	1036
SỐ 1556/1: LUẬN TÁT BÀ ĐA TÔNG NGŨ SỰ.....	1044
SỐ 1557/1: KINH A TỶ ĐÀM NGŨ PHÁP HÀNH.....	1056

